

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG TẬP 30/2

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 30/2

No. 1575-1579

SỐ 1575/1
LUẬN LỤC THẬP TỤNG NHƯ LÝ

*Tác giả: Bồ tát Long Thọ.
Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

*Quy mạng ba đời Chủ Tịch Mặc
Tuyên thuyết duyên sinh lời chánh pháp
Nếu hiểu các pháp là duyên sinh
Pháp hành đã tạo là như thế.
Là hai biên có – không
Người trí không chỗ dựa
Sâu xa không chốn duyên
Nghĩa duyên sinh thành lập.
Nếu cho pháp vô tánh
Tức sinh các lỗi lầm
Người trí nên như lý
Quán xét pháp hữu tánh.
Nếu hữu tánh thật đạt
Như kẻ ngu phân biệt
Vô tánh tức không nhân
Nghĩa giải thoát sao lập?
Không thể nói có tánh
Không thể nói không tánh*

Biết rõ tánh – không tánh
 Đại trí như lý nói.
 Niết-bàn và sinh tử
 Chớ quán tánh riêng khác
 Chẳng Niết-bàn, sinh tử
 Hai tánh có sai biệt.
 Sinh tử và Niết-bàn
 Hai cùng không thật có
 Nếu biết rõ sinh tử
 Đây tức là Niết-bàn.
 Phá tánh có sinh kia
 Phân biệt diệt cũng thế
 Sự được tạo như huyễn
 Diệt hiện tiền không thật.
 Nếu diệt có chón hoại
 Biết kia là hữu vi
 Pháp hiện còn không đạt
 Pháp hoại làm sao biết?
 Các uẩn kia không diệt
 Nhiễm hết tức Niết-bàn
 Nếu biết rõ tánh diệt
 Tức đạt được giải thoát.
 Nếu pháp sinh pháp diệt
 Cả hai không thủ đắc
 Dùng chánh trí quán xét
 Từ vô minh duyên sinh.
 Nếu thấy pháp tịch tĩnh
 Các tạo tác cũng vậy
 Biết pháp này tối thắng
 Đạt trí pháp vô biên.

Thấy được tánh duyên sinh
Nghĩa này tất phải thấy
Trong ấy tánh vi diệu
Không duyên sinh phân biệt.
Phật Chánh giác đã nói
Có nói tất có nhân
Nếu dứt nguồn phiền não
Tướng phá tướng luân hồi.
Các pháp quyết định hành
Thấy có tạo có giữ
Vì sao đời trước sau
Từ duyên mà an lập?
Vì sao trước đã sinh
Kia, sau lại chuyển khác
Nên biên vực trước sau
N như đời huyễn đã thấy.
Vì sao huyễn được sinh
Vì sao có chấp trước
Kẻ si ở trong huyễn
Câu huyễn cho là thật.
Đời trước chẳng đời sau
Chấp kiến nên không bỏ
Trí quán tánh không tánh
N như ảnh tượng huyễn ảo.
Nếu cho sinh chẳng diệt
Là phân biệt hữu vi
Nên vòng duyên sinh kia
Tùy chuyển không chỗ hiện.
Nếu đã sinh chưa sinh
Tự tánh ấy không sinh

*Nếu tự tánh không sinh
Gọi sinh thế nào được?
Nhân lặng tức pháp tận
Tận này không thủ đắc
Nếu tự tánh không tận
Tên tận làm sao lập?
Không chút pháp nào sinh
Không chút pháp nào diệt
Hai nẻo sinh diệt kia
Theo sự theo nghĩa hiện.
Biết sinh tức biết diệt
Biết diệt, biết vô thường
Tánh vô thường nếu biết
Gốc pháp không thủ đắc.
Các pháp từ duyên sinh
Tuy sinh tức là diệt
Như người đến bờ kia
Liên thấy việc biến lớn.
Nếu tự tâm không rõ
Phàm phu chấp tánh ngã
Tánh không, tánh điên đảo
Tức sinh các lỗi lầm.
Các pháp là vô thường
Khổ, không và vô ngã
Trong ấy là thấy pháp
Trí quán tánh, không tánh.
Không trụ, không chỗ duyên
Không căn cũng không lập
Từ chúng vô minh sinh
Là phần trước, giữa, sau.*

Thành si ám đại ác
Như cây chuối không thật
Như thành Càn-thát-bà
Đều huyễn đời đã thấy.
Cõi này Phạm vương đầu
Phật chánh thuyết như thật
Sau các Thánh không vọng
Nói cũng không sai biệt.
Thế gian si tạo ám
Ái nói tiếp lưu chuyển
Người trí biết các ái
Nên bình đẳng khéo nói.
Trước nêu các pháp có
Nơi có cầu tánh thật
Sau cầu tánh cũng không
Tức là, tánh không chấp.
Nếu không biết nghĩa là
Theo nghe liền có chấp
Nên nghiệp phước đã tạo
Kẻ phạm ngu tự phá.
Như trước nói bình đẳng
Các nghiệp kia chân thật
Tự tánh nếu hiểu rõ
Đây nói tức không sinh.
Tôi đã nói như thế
Đều dựa ngôn giáo Phật
Như chỗ được tuyên dương
Tức pháp uẩn xứ giới.
Đại chúng cùng với thức
Chỗ nêu đều bình đẳng

Lúc trí kia hiện chứng
 Không vọng không phân biệt.
 Một này nếu như thật
 Phật nói là Niết-bàn
 Tôi thẳng ấy không vọng
 Không trí tức phân biệt.
 Nếu tâm có tán loạn
 Cùng các ma tạo tác
 Nếu như thật lìa lỗi
 Đây tức không có sinh.
 Như thế vô minh duyên
 Phật vì thế gian nói
 Nếu đời không phân biệt
 Đây vì sao không sinh?
 Nếu vô minh được diệt
 Diệt rồi tức chẳng sinh
 Tên sinh diệt trái nhau
 Không trí khởi phân biệt.
 Có nhân tức có sinh
 Không duyên tức không trụ
 Lìa duyên nếu tánh có
 Có này cũng đâu được?
 Nếu tánh có đáng giữ
 Tức nói có sinh trụ
 Trong đây nghi lại nhiều
 Cho có pháp nên trụ.
 Nếu Bồ-đề được chứng
 Tức xừ xừ thường nêu
 Hoặc tánh trụ giữ được
 Đây nói lại có sinh.

Hoặc cho pháp thật có
Không trí nói như vậy
Nếu cho pháp có xứ
Giữ cũng không thể được.
Pháp không sinh không ngã
Trí ngộ nhập tánh thật
Các tướng thường, vô thường
Đều do tâm khởi hiện.
Nếu thành lập nhiều tánh
Tức thành thật tánh dục
Kia vì sao chẳng đây
Thường hay sinh làm lỗi.
Nếu thành lập một tánh
Đối dục như trăng, nước
Chẳng thật chẳng không thật
Đều do tâm khởi hiện.
Pháp tham sân rất nặng
Do đó sinh kiến chấp
Nên tranh luận an lập
Lìa tánh mà chấp thật.
Nhân khởi các kiến kia
Kiến nên sinh phiền não
Nếu biết đúng điều ấy
Phiền não kiến cùng dứt.
Nên biết pháp vô thường
Từ duyên sinh nên hiện
Duyên sinh cũng không sinh
Đây, thật ngữ tối thượng.
Chúng sinh trí tà vọng
Không thật tưởng cho thật

Tranh luận nơi kẻ khác
Tự hành chuyển điên đảo.
Tự phân không thể lập
Tha phân làm sao có
Phản tự tha đều không
Trí hiểu không tranh luận.
Có chút pháp đáng nương
Phiền não như rắn độc
Nếu không tịch không động
Tâm tức không chỗ dựa.
Phiền não như rắn độc
Sinh lỗi làm rất nặng
Phiền não độc che ngăn
Làm sao thấy các tâm?
Như ngu thấy ảnh tượng
Liên vọng sinh tưởng thật
Thế gian buộc cũng vậy
Tuệ bị lưới si vây.
Tánh dụ như ảnh tượng
Chẳng cảnh giới mắt trí
Đại trí vốn không sinh
Tưởng cảnh giới vi tế.
Chấp sắc gọi phàm phu
Lìa tham là Tiểu Thánh
Biết rõ tự tánh sắc
Đó là trí tối thượng.
Nếu chấp các pháp thiện
Như lìa tham, điên đảo
Cùng thấy người huyễn rồi
Lìa chỗ tạo cầu thể.

Biết nghĩa này là sai
Không quán tánh, vô tánh
Phiền não không thủ đắc
Tánh sáng phá trí tà.
Trí lìa nhiễm, thanh tịnh
Cũng không dựa vào tịnh
Có dựa tức có nhiễm
Tịnh kia lại sinh lỗi.
Pháp phiền não cực ác
Nếu thấy lìa tự tánh
Tức tâm không loạn động
Vượt qua biển sinh tử.
Pháp thiện cam lồ này
Từ đại bi sinh khởi
Theo lời Như Lai nói
Không phân hạn, phân biệt.
Như vậy trong ấy khó nêu bày
Tùy người trí thấy tức thành tựu
Người trí theo môn Quán tùy thuận
Như thế đều từ đại bi chuyển.
Tánh chân thật trong tất cả pháp
Người trí theo đây quán như lý
Chỗ hướng do vậy tin được sinh
Cứu chúng sinh kia là các khổ.
Nghĩa này sâu xa lại rộng lớn
Tôi vì lợi ích nên tán dương
Như lời Đại Trí nay đã nêu
Si ám tự tha đều phá trừ.
Phá hết phiền não si ám rồi
Chỗ tạo như như lìa ma chướng

*Do đây hay mở cửa nẻo thiện
Các sự giải thoát không hề mất.
Người giữ giới tịnh được sinh thiên
Đây tức câu quyết định chân thật
Nếu người phá giới trụ tâm chánh
Tuy hoại giới nhưng không hoại kiến.
Chúng tử sinh trưởng không vô nghĩa
Thấy nghĩa lợi nên hành trì rộng
Không lấy đại bi làm nhân chánh
Người trí đâu thể sinh pháp dục.*

HẾT

SỐ 1576/1
LUẬN ĐẠI THỪA NHỊ THẬP TỤNG

Tác giả: Bồ tát Long Thọ.

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

*Quy mạng tánh không thể nghĩ bàn
Chư Phật, trí chân thật không chấp
Các pháp phi ngôn, phi vô ngôn
Phật từ bi nên khéo diễn nói.
Đệ nhất nghĩa không sinh
Tùy chuyển mà không tánh
Phật, chúng sinh một tướng
Bình đẳng như hư không.
Bờ đây, kia không sinh
Tự tánh duyên nơi sinh
Các hành kia đều không
Trí hành Nhất thiết trí.
Tánh chân như không nhiễm
Tịch tĩnh không hai loại
Tự tánh, tánh các pháp
Như hình ảnh không khác.
Phàm phu tâm phân biệt
Ngã không thật, chấp ngã*

Nên khởi các phiền não
 Cùng những khổ lạc xả.
 Thế gian già bệnh chết
 Là khổ chẳng đáng yêu
 Theo các nghiệp rơi đọa
 Đây thật không có vui.
 Nẻo trời vui thắng diệu
 Địa ngục khổ dữ lớn
 Cảnh giới đều không thật
 Sáu nẻo thường luân chuyển.
 Chúng sinh vọng phân biệt
 Lửa phiền não đốt cháy
 Đọa các nẻo địa ngục v.v...
 Như lửa dữ đốt rừng.
 Chúng sinh vốn như huyễn
 Lại chấp cảnh giới huyễn
 Lấy huyễn tạo nên đạo
 Không biết từ duyên sinh.
 Như họa sự thế gian
 Họa thành tướng Dạ-xoa
 Tự họa, mình tự sợ
 Đây gọi kẻ không trí.
 Chúng sinh tự khởi nhiễm
 Tạo nhân luân hồi kia
 Tạo rồi sợ đọa lạc
 Không trí, không giải thoát.
 Chúng sinh tâm hư vọng
 Khởi nghi hoặc cấu nhiễm
 Không tánh chấp có tánh
 Thọ khổ trong cực khổ.
 Phật thấy không người cứu

Nên khởi ý xót thương
Tức phát tâm Bồ-đề
Rộng tu hạnh giác ngộ.
Đạt quả trí vô thượng
Liên quán xét thế gian
Bị phân biệt trói buộc
Nên tạo mọi lợi ích.
Từ sinh và đã sinh
Đều nêu nghĩa chân chánh
Sau quán thế gian không
Lìa phần đầu, giữa, cuối.
Quán sinh tử Niết-bàn
Cả hai đều vô ngã
Không nhiễm, cũng không hoại
Vốn thanh tịnh, thường tịch.
Các cảnh giới trong mộng
Tĩnh rồi đều thấy không
Người trí tĩnh giác si
Cũng không thấy sinh tử.
Kẻ ngu bị che lấp
Roi rớt biến sinh tử
Không sinh cho có sinh
Khởi phân biệt thế gian.
Nếu phân biệt có sinh
Chúng sinh không như lý
Ở trong pháp sinh tử
Khởi tướng ngã thường lạc.
Tất cả đây do tâm
An lập tướng huyễn hóa
Tạo nghiệp thiện, bất thiện
Cảm sinh thiện bất thiện.

*Nơi tâm chuyển nếu diệt
Tức diệt tất cả pháp
Là các pháp vô ngã
Các pháp đều thanh tịnh.
Phật nêu giảng rộng pháp thế gian
Nên biết tức là duyên vô minh
Nếu thường không khởi tâm phân biệt
Tất cả chúng sinh chón nào sinh?
Ở trong pháp tánh các pháp kia
Thật cầu chút pháp không thể được
Nhu đời, huyễn sự tạo sự huyễn
Người trí cần phải biết như vậy.
Trong biển lớn sinh tử luân hồi
Nước phiền não tràn ngập chúng sinh
Nếu không nhờ Đại thừa vận chuyển
Rốt ráo làm sao đến bờ giác.*

HẾT

SỐ 1577/2
LUẬN ĐẠI TRƯỢNG PHU

Tác giả: Bồ tát Đề Bà La.

Hán dịch: Đồi Bắc Lương, Sa môn Đạo Thái.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN THƯỢNG
Phần thứ 1: THÍ THẮNG

*Kính lễ Đấng Chánh Giác
Thế Tôn Đại từ bi
Nhân đây khởi chánh pháp
Chân tế trong ba cõi.
Chúng Trung Tôn đệ nhất
Tặng công đức vô lượng
Xưa hành hạnh Bồ-tát
Con sẽ nói phần ít.
Nay con thương chúng sinh
Mở bày môn thí diệu
Tất cả các Hiền sĩ
Nên hoan hỷ lắng nghe.
Lúc Bồ-tát hành thí
Đại địa đều chấn động
Biển lớn trào các báu*

Mây tuệ mưa hoa diêu.
Không tâm còn như vậy
Huống chi loài tình thức
Bồ-tát thí rộng lớn
Như cảnh giới hư không.
Giả sử Tiên năm thông
Đầy khắp mười phương cõi
Lắng nghe hãy còn khó
Huống lại phân biệt nói.
Không có địa phương sở
Mà không do cầu thí
Nước sạch ngấm vào đất
Không xứ nào không khắp.
Không có một vật gì
Bồ-tát chưa từng thí
Không có một chúng sinh
Chưa từng nhận người thí.
Luận nói về đại địa
Tất cả nên lễ ông
Vì sao lễ đại địa
Xứ Bồ-tát hành thí.
Bồ-tát một ngày thí
Vô số các tạp vật
Phật-bích-chi trăm kiếp
Không thể biết biên vực.
Sở dĩ không thể biết
Đại bi là thể thí
Hay thành quả chủng trí
Nhân thí là rất lớn.
Đây là người trí nói
Thí nên đến bờ kia

Nếu khi đến bờ kia
Các độ thấy đầy đủ.
Nghĩa Ba-la-mật ấy
Gọi là thanh hòa tập
Ví như xứ nhiều người
Gọi đó là đại chúng.
Chủng tử của Bồ-đề
Hay thành quả đại trí
Tất cả các việc đủ
Thấy đều do thí thành.
Bố thí sinh nẻo trời
Bào thai của xuất thế
Thí vô tướng là diệu
Bình đẳng là tối thắng.
Thân và vật đều thí
Không hề có hối tiếc
Tất cả xứ đều thí
Không một nơi nào không.
Tất cả thời đều thí
Không lúc nào không thí
Ở trong bốn thí này
Tâm trí luôn bất động.
Người hành thí như vậy
Gọi thí chẳng nghĩ bàn
Nếu thí một chúng sinh
Tất cả đều được vui.
Nếu thí không như vậy
Đó gọi là khi dối
Tuy gọi thí một người
Mà là thí hết thấy.
Sở dĩ gọi hết thấy

Vì tâm đại bi phủ
 Đại bi sở dĩ khắp
 Vì cầu quả chủng trí.
 Cúng dường Phật, La-hán
 Ruộng phước tốt thế gian
 Không thương thí bình đẳng
 Đây là thí tối thắng.
 Thí vô lượng của báu
 Không bằng tạm dùng dít
 Tâm bi thí một người
 Công đức như đại địa.
 Vì mình thí tất cả
 Phước báo như hạt cải
 Cứu người khỏi ách nạn
 Hơn hẳn mọi thí khác.
 Các sao tuy có sáng
 Không bằng một vàng trắng
 Tâm chúng sinh cứu trợ
 Bồ thí luôn vì mình.
 Bỏ-tát tâm bi thí
 Như tro trừ cầu uế
 Từ bi thí cứu giúp
 Khắp vì mọi chúng sinh.
 Từ bi thí như vậy
 Công đức không cùng tận
 Thí vi diệu như thế
 Các chúng sinh an vui.
 Đốc cầu trí tuệ Phật
 Tâm không hề chán đủ
 Tâm bi thí như thế
 Thường diệt chướng vô minh.

Mở dân dốt người ngu
 Khiến đờc mắt trí tuệ
 Hay diệt các kiết sử
 Trừ bỏ già bệnh chết
 Thí cùng tâm bi hợp
 Cam lồ của chúng sinh.

*

**

Phẩm thứ 2: THÍ THẮNG VỊ

Đại bi phát khởi thí
 Ý nguyện thành Bồ-đề
 Người thấy biết như thế
 Thành tựu tất cả thí.
 Thí tất cả như thế
 Trọn thành trí nhất vị
 Tâm đại bi là thể
 Thường khởi vô số thí.
 Vô số cứu chúng sinh
 Đến được nơi xứ trí
 Hay diệt các kiết ái
 Cùng cầu uế vô minh.
 Khiến tất cả chúng sinh
 Thấy đều được an lạc
 Tâm bi thí như thế
 Ai không sinh yêu thích.
 Tâm đại bi đã khởi
 Công đức nơi thí lợi
 Không thể sinh yêu thích
 Là bỏ nơi cứu giúp.
 Người này vì ái buộc

Thật khó đạt Bồ-đề
 Người muốn cầu quả Phật
 Vui thích thí cam lồ.
 Người trí vui tuệ thí
 Vui pháp vị Bồ-đề
 Thấy rõ lỗi ba cõi
 Niết-bàn pháp vị vui.
 Muốn nhanh chóng xa lìa
 Trong một niệm không trụ
 Lại thấy vui thích thí
 Túc hơn hẳn Niết-bàn.
 Vui thích thí tự tại
 Tâm liền quên Bồ-đề
 Tâm đã quên Bồ-đề
 Túc Bồ-đề khó đạt.
 Tự quán tâm vui thí
 Vì thương xót chúng sinh
 Không hiểu vị lạc thí
 Thí có ba vị lạc.

Một là vị bố thí cầu phước báo. Hai là vị bố thí cầu giải thoát.
 Ba là vị bố thí cầu tâm đại bi. Ba loại vị này gọi là vị bố thí làm tăng
 trưởng an lạc.

*
**

Phẩm thứ 3: THỂ THÍ CHỦ

Người thọ nhận được vô lượng châu báu nên tâm vô cùng hoan
 hỷ. Người ban thí, lúc thực hiện một phần bố thí nhỏ, tâm cũng hết
 sức hoan hỷ, hơn hẳn người thọ nhận gấp trăm ngàn vạn lần. Nếu có
 thể hành thí như vậy, đó là hành bậc nhất.

*Người cứu giúp thành tựu
 Uống cam lồ đại bi
 Bồ-tát hành hạnh này
 Trừ hẳn xan, bệnh, già.*

Tâm bi của Bồ-tát lấy bố thí làm thể. Chúng sinh ở thế gian lấy kiết sử làm thể, chỉ thuần lấy các khổ cho là một vị. Để đạt được an vui nên tâm bi hành bố thí. Mặt trời lấy chiếu sáng làm dụng. Mặt trăng lấy trong mát làm tánh. Bồ-tát lấy tâm bi làm thể, trí tuệ và của cải đem bố thí để khiến cho tất cả được an vui. Như từ Ca-la-la (Thời kỳ thai kết sau bảy ngày) cho đến lúc già là mười thời kỳ sai biệt, tuy đến khi già nhưng không bỏ tướng trẻ thơ. Bồ-tát đem hết tâm bố thí cứu giúp chúng sinh cũng không lìa bỏ phàm phu. Lìa cõi dục cho đến xứ phi tướng, không lìa tướng của phàm phu. Bồ-tát không xả bỏ tâm bố thí cứu giúp chúng sinh cũng lại như vậy. Muốn trừ cơn khát bố thí nên uống nước đại bố thí, cơn khát bố thí tạm ngưng, nhưng các thứ khát khác không dứt, vì yêu thích bố thí. Tất cả chúng sinh dựa nơi ăn uống mà sống, đại bi cũng như thế, dựa nơi bố thí mà tồn tại. Pháp thân của Bồ-tát không nương vào ăn uống để được tồn tại. Đại bi là thức ăn để giữ gìn thân của Bồ-tát. Tâm bi như lửa mong muốn bố thí giống như đói, bố thí như thức ăn. Bồ-tát vui thích ban cho không hề có chán đủ. Tâm bi như biển cả, bố thí như đá ốc tiêu (Núi đá hút nước nơi đáy biển lớn), tâm cứu giúp là nước, như đá ốc tiêu nuốt hết dòng nước. Mong muốn hướng đến Bồ-đề lấy chúng sinh làm bạn, tâm bi làm thể, bố thí không hề chán đủ như biển, gồm thấu mọi dòng nước không bao giờ dừng dứt.

*Tất cả chúng sinh đến
 Đều mong cầu vật khác
 Bồ-tát luôn ban cho
 Tâm không có mỗi mệt.*

*Các chúng sinh khổ não
Thấy đều được diệt trừ
Giả như chưa dứt trừ
Tâm không hề chán đủ.*

Phẩm thứ 4: THÍ CHỦ, NGƯỜI XIN TẶNG TRƯỞNG

Người có đại bi tức có thể ở nơi sinh tử bố thí tất cả để diệt trừ khổ của chúng sinh. Nếu đạt được như vậy là khéo an trụ trong sinh tử.

*Phước đức trượng phu thiện
Tâm bi tay tuệ thí
Vượt bùn lầy bần cùng
Cứu người không tự thoát.*

Tâm bi làm thể nên có khả năng hành đại thí diệt trừ khổ của chúng sinh. Như vào lúc nóng nực, mây mưa vần vũ nổi lên, mây đại bi phát khởi tuôn xuống cơn mưa lớn bố thí, phá bỏ sự bần cùng, như hủy hoại núi đá, cứu giúp kẻ bần cùng, nên bố thí không hề có giới hạn, khiến người nghèo khổ kia vĩnh viễn lìa đói khổ. Dùng mưa đại bố thí rưới khắp, tạo lợi ích cho tất cả, chúng sinh bần cùng hoàn toàn không còn ở nơi đau khổ. Bồ-tát vì cứu giúp chúng sinh nên lúc tu hạnh thí, ma cùng đám quyến thuộc đều sinh tâm đố kỵ buồn lo khổ não. Lúc Bồ-tát tu tập hành tài thí pháp thí vô lượng, thì các thứ tham lam keo kiệt ganh ghét thấy đều hoảng sợ, gào la, hết thấy các thứ ấy đều lo lắng, kinh hãi.

*Tâm từ thân đoan nghiêm
Tâm bi là ngàn mắt
Thí là chày kim cương
Bồ-tát như Đế thích.*

Thấy đều trừ diệt hết
 A-tu-la bản cùng
 Tâm Bi Bồ-tát: Cung
 Đủ loại thí làm tên.
 Phá giặc oán nghèo khổ
 Vĩnh viễn không chốn trụ
 Tâm bi gốc kiên cố
 Ái ngữ dùng làm thân.
 Nhân nhục làm cảnh, nhánh
 Bồ thí dùng làm quả
 Người cầu là chim, nai
 Người xin như gió lớn.
 Thối rụng quả bồ thí
 Kẻ nghèo được đầy đủ
 Bồ-tát hiện nơi đêm
 Tâm từ như trăng tròn.
 Tịnh thí làm ánh sáng
 Người cầu như sen trắng
 Nhờ ánh sáng tịnh thí
 Khiến đều được nở rộ.

Người xin đã được đầy đủ nên vui vẻ sung sướng, chuyển sang hành thí cũng như Bồ-tát. Thí cho người cầu xin kia lần lượt cùng nghe cũng như Bồ-tát. Bồ-tát bồ thí tất cả đều nghe biết, những người bản cùng đều đến quy phục, như cây to lớn giữa đồng rộng người đi đường gặp lúc nóng bức đều tụ đến nghỉ ngơi. Mến mộ, yêu thích danh hiệu thù thắng của Bồ-tát nên đạt được nơi chốn tốt đẹp. Vì sao? Vì có thể khiến cho người cầu xin tìm đến, làm cho mình đạt được phước bồ thí, vì phước bồ thí nên gọi là đạt được nơi chốn tốt đẹp, tất cả chúng sinh đều quy tụ. Bậc Đại sĩ như thế thấy nên kính lễ. Tâm Bồ-tát hoan hỷ tức biết thân nhẹ nhàng, vì tướng này nên

biết tất có người đến cầu xin. Nếu có người đến thưa với Bồ-tát: Có người cầu xin tới, Bồ-tát hoan hỷ tức lấy của cải ban thường cho sứ giả, Bồ-tát liền lấy vật khác bố thí người xin. Thấy người cầu xin đến thì hoan hỷ ái kính. Người cầu xin nói xin các thứ vật dụng, lúc nói lời này trong tâm Bồ-tát hiện rõ sự thương xót. Nếu có người cầu xin không biết thể tánh của Bồ-tát là vui thích bố thí, Bồ-tát cầm tay hoan hỷ chuyện trò, cũng như bạn thân. Tâm ý người kia không nhận biết, khiến sinh khởi tướng nhận biết. Người cầu xin kia có được của cải, vật dụng nên rất vui vẻ, người bên cạnh nhìn thấy cũng lại vui vẻ. Nguyên cho mình và người cứu giúp này trường tồn nơi thế gian. Đây chính là cứu giúp chân thật cho người cầu xin. Lúc Bồ-tát thấy người cầu xin thì thân tâm hoan hỷ, khuôn mặt tựa trăng tròn, khiến tâm người cầu xin kia cũng vui sướng như được cam lồ rưới nơi tâm. Bồ-tát vui vẻ hòa nhã, đem tâm từ bi nhìn người trước mắt như uống vị cam lồ. Ví như có người khó nhọc lắm mới làm ra được các vật dụng mang đến chợ bán, nếu bán được nhanh chóng thì tâm rất vui mừng. Lúc Bồ-tát được bố thí vật dụng cho người cầu xin, tâm vô cùng hoan hỷ vượt hơn điều ấy. Như người rất giàu có, của cải châu báu nhiều vô kể, ngàn con đầy đủ tùy ý ban cho, lòng càng thương yêu vui sướng, không bằng tâm vui vẻ tột cùng khi ban cho của Bồ-tát đối với người cầu xin. Bồ-tát khi thấy người cầu xin, tâm vô cùng hoan hỷ, hơn hẳn người giàu có kia thấy những người thân của họ. Hoặc thấy người trước được nhiều của cải châu báu, tùy tâm mặc ý tự chuộng giữ, Bồ-tát thấy vậy càng sinh tâm hoan hỷ. Nếu lúc nhìn thấy người cầu xin cất lời, tâm khao khát bố thí của Bồ-tát càng sâu nặng, tai nghe lời nói của người cầu xin như uống vị cam lồ. Hoặc nghe lời nói của người cầu xin, tâm sinh ái kính, thì không gì có thể hủy hoại được. Hoặc nghe đầy đủ thì trừ diệt tâm tham ái. Bồ-tát đối với người cầu xin thường sinh ý niệm yêu thương. Hoặc nghe đầy đủ âm thanh thì tâm ý tràn đầy vị yêu thương kia. Bồ-tát quán xét phước điền thọ thí trước, nếu như có người cùng với mình bằng, nhân đó

thấy chúng sinh yêu thích tức cùng với mình bằng. Vì sao? Vì tâm yêu thích kia không được đầy đủ thì tâm thí của mình không chán lia. Tâm của các chúng sinh kia là yêu thích đại thí chủ.

Bồ-tát thấy nhiều người cầu xin cũng sinh tâm ái kính sâu xa. Người cầu xin ấy thường cầu nơi người bố thí, muốn cầu người bố thí luôn ban cho những gì người cầu xin mong có. Bồ-tát thường cùng với người cầu xin ở thế gian, đều đến nơi người bố thí để cầu xin. Bồ-tát chính vì người cầu xin mà bố thí. Người cầu xin nghe người bố thí không còn của cải châu báu thì sinh khổ não vô cùng. Lúc người cầu xin không được, tâm Bồ-tát sinh ưu não vượt quá người kia trăm ngàn vạn lần. Đối với người cầu xin, Bồ-tát suy nghĩ: “Đức Phật dạy cầu không được thì khổ, thật đúng như vậy”. Bồ-tát đối với người cầu xin sinh khởi ý tưởng khó gặp. Vì sao? Vì nếu không có người cầu xin thì bố thí Ba-la-mật không đầy đủ, quả vị Bồ-đề Vô thượng tức không thể đạt được, thế nên đối với người cầu xin sinh bi não lớn. Nếu có người cầu xin thì đạo quả Bồ-đề Vô thượng mới có thể đạt được không khó. Bồ-tát nghe người cầu xin nói: “Xin ban cho tôi” thì tâm sinh hoan hỷ, người này tức ban cho mình nhân của quả vị Bồ-đề Vô thượng. Chúng sinh ngu tối ở thế gian nếu nghe cầu xin của cải vật dụng thì sinh khinh mạn, không hề ái kính. Bồ-tát nghĩ, sở dĩ gọi là người cầu xin, vì chúng sinh phần lớn là ngu tối, do tâm keo kiệt nên tạo ra tên gọi xấu ác. Những người như vậy đâu có thể gọi là người bố thí. Tuy có của cải nhưng lại không có tâm bố thí. Tuy có tâm bố thí của cải nhưng lại không có người thọ nhận. Nếu đầy đủ ba việc ấy thì người này là đại phước đức. Như có người nghèo khổ gặp được kho báu lớn, cũng sinh tâm sợ hãi. Hoặc do vua quan, trộm cướp. Hoặc lửa nước ập đến bất ngờ cuốn trôi, thiêu rụi. Gặp người bạn thân nói: “Tôi nay vì ông tạo các phương cách khiến không mất mát, nên lập tức vui mừng vô cùng”. Bồ-tát gặp được người cầu xin dùng làm bạn tốt, tâm vô cùng hoan hỷ cũng lại như vậy. Tâm bi của Bồ-tát bao trùm tất cả mọi nơi chốn, đối với người cầu xin kia sinh lòng thương

xót đặc biệt. Tâm bi của Bồ-tát thấy người cầu xin luôn vui vẻ hòa nhã, khiến người cầu xin kia khởi tưởng tất sẽ đạt được. Lúc người cầu xin nhìn thấy nét mặt vui vẻ hòa nhã của Bồ-tát, liền khởi tưởng nhất định đạt được. Bồ-tát khi nhìn thấy người cầu xin, nói: “Ông nay muốn những gì, tùy ý mà lấy”. Rồi nói lời an ủi: “Hãy đến đây Hiền giả! Chớ nên sinh sợ hãi, ta sẽ làm nơi nương dựa cho ông!”. An ủi người cầu xin với vô số lời như thế, thường dùng ái ngữ khiến cho tâm người cầu xin cảm thấy mát mẻ. Bao nhiêu của cải châu báu tùy ý ban cho. Những người cầu xin luôn đầy lửa tham, Bồ-tát thường dùng sữa bố thí để diệt trừ lửa tham cầu. Nếu người có thể bố thí những loại như vậy, gọi là người sống, nếu không thể hành trì như thế gọi là người chết. Người thọ nhận bố thí được của cải vật dụng nhiều, những người khác thấy vậy đều hoan hỷ khen ngợi. Bấy giờ, Bồ-tát đối với quả Bồ-đề chắc chắn có thể đạt được. Tâm bi tịnh tức bố thí thanh tịnh, nếu không có tâm bi thì bố thí không thể thanh tịnh. Bồ-tát suy nghĩ như vậy: “Người khéo điều phục thuận theo ý, là cung kính tâm bi thù thắng nên có thể khiến cho bố thí được thanh tịnh”. Bồ-tát thấy người bần cùng thì tâm bi hiện bày vô cùng sâu nặng, chúng sinh nghèo khổ cùng cực được Bồ-tát bố thí khiến trở thành giàu có, ví như có người được ngọc báu Như ý, mong muốn gì đều đạt được. Những người bần cùng được gặp Bồ-tát thì tất cả sự nghèo khổ thảy đều trừ diệt. Bồ-tát trước hành tài thí, tiếp theo là xả bỏ người thân của mình, sau đó xả bỏ tay chân, tiếp tục là xả bỏ thân mạng, như thế dần dần theo thứ lớp hành xả thí. Bồ-tát hướng về người cầu xin ban cho những của cải, bảo cho người cầu xin biết mình sẽ ban cho những gì thân thiết của mình. Hoặc người cầu xin tự đến trước mặt Bồ-tát cầu xin ban cho tay chân. Hoặc cất tiếng cầu xin nên xả bỏ thân mạng. Hoặc người không đến nhưng Bồ-tát tự hướng tới để bố thí. Có người tới cầu xin hãy còn xả bỏ thân mạng, huống gì là của cải mà không ban cho. Bồ-tát thành tựu tâm bi giống như tự thể của chính mình chưa từng lìa bỏ. Thấy người đến cầu xin, đối với tự thân đã sinh khởi

tưởng là của người khác. Trong thân Bồ-tát sinh ra sự buồn bực khổ sở. Vì sao ngu si là đối với thân ta sinh khởi tưởng nơi người khác? Nên nói với người cầu xin: “Tất cả của cải trước đó đều ban cho ông, đều là của ông, nay ông chỉ việc lấy, vì sao nói là xin?”. Những người cầu xin nói: “Thấy cho vào lúc nào?”. Bồ-tát trả lời: “Trước đây ta ở trước Đức Tôn quý trong ba cõi phát thệ nguyện rộng lớn. Lúc này ban cho ông, nay ông vì sao còn phải cầu xin nơi ta?”. Bồ-tát phát tâm nguyện cho tất cả chúng sinh đối với của cải vật dụng của mình sinh khởi tưởng là chính của họ có. Như sông Tân-đầu, chim chóc muông thú hướng đến nơi đó tùy ý uống nước, không có gì ngăn trở giữ gìn. Ban cho hay không ban cho, trước kia đã liả bỏ tất cả, nên không nói là ban cho, lại cũng không sinh tâm hoan hỷ. Vì sao? Vì trước kia đã ban cho tất cả, đã xả bỏ tất cả, khiến các chúng sinh đều được an vui. Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh chỉ là người đi sứ, tất cả chúng sinh đều là thí chủ. Lúc tâm của những người bàn cùng đầy đủ, bấy giờ bố thí Ba-la-mật của Bồ-tát đều được đầy đủ. Lúc bố thí Ba-la-mật đầy đủ thì biết công đức đầy đủ.

Khi người tham lam bòn sẻn thấy người cầu xin thì quay mặt đi. Lúc người tu tập công đức thấy người cầu xin thì hoan hỷ chiêm ngưỡng, thân cận, người cầu xin liền đạt được. Bồ-tát khi bố thí thấy người thọ nhận bố thí lần lượt bố thí lẫn nhau càng sinh hoan hỷ. Tất cả chúng sinh cùng vui vẻ ca ngợi, Bồ-tát nghe sự tán thán đó thì tâm vui sướng, hơn hẳn niềm vui được giải thoát. Lúc tâm bi của Bồ-tát hành bố thí, thấy tất cả chúng sinh được nhiều của cải vật báu tràn đầy vui sướng, những chúng sinh đều được vui sướng rồi, lại phát nguyện: “Con sẽ mãi ở nơi sinh tử tu tập các công đức, không cầu mong giải thoát”. Bồ-tát thấy chúng sinh có thể ở lâu dài nơi sinh tử, tâm vô cùng hoan hỷ, mình nay đạt được quả báo hiện tại, giả như không đạt được Bồ-đề cũng đã là đầy đủ.

Phẩm thứ 5: GIẢI THOÁT THÙ THẮNG

Bồ-tát suy nghĩ: Người luôn luôn thích sự giải thoát thù thắng đi đến giác ngộ cho mình, người kia đến không vì của cải châu báu, nhưng vì muốn thành tựu đại sự của mình nên đến. Bồ-tát hoặc làm vua cõi người, người tu tập các công đức tới thừa với nhà vua: Có người cầu xin đến. Nhà vua lại nghĩ: Nói người cầu xin này, chính là sự giải thoát thù thắng đến, ta nay đạt được điều đó. Nhà vua lại nghĩ: Ta nay không tham đắm vương vị, vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, không nên an nhàn ngồi ở ngôi vua, phải nên tu tập đầy đủ quả bố thí, sứ giả kia chính là người giác ngộ cho ta. Đã là người cầu xin thì dung mạo rất khó coi, tâm ý hay hổ thẹn, lời nói sắc mặt biến đổi khác lạ. Bồ-tát tức biết ý nghĩ đó nên an ủi: Nếu cần gì cứ tùy ý cầu xin! Người cầu xin đã được của cải vật dụng nên tâm vui mừng vô cùng. Người bố thí, người thọ nhận, cả hai cùng vui vẻ, giống như niềm vui của Niết-bàn an lạc.

Sinh tử nơi ba cõi luôn thiêu đốt tạo khổ lớn, Bồ-tát ở đây xem như là Niết-bàn an lạc. Vì sao? Vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh, Bồ-tát suy nghĩ: Thương xót chúng sinh, chính là sự giải thoát của mình, đem ân đức bố thí to lớn cứu tế chúng sinh, chúng sinh được vui sướng tức là mình được giải thoát. Tuy tiếp tục bố thí rộng lớn nhưng không có tâm bi thì không gọi là bố thí. Nếu đem tâm bi bố thí rộng lớn tức là giải thoát. Bồ-tát lại nghĩ: Ngày xưa mình ở trước Đức Tôn quý nơi ba cõi nghe pháp giải thoát cực lạc, nay mình đã chứng được. Vì sao? Vì hợp ý bố thí tức là giải thoát. Nếu giải thoát an lạc của A-la-hán tương tự với sự an lạc của bố thí từ tâm bi phát khởi thì mình sẽ ái mộ, nếu không tương tự thì mình không thể ái mộ, chỉ ái mộ sự an lạc của bố thí để được giải thoát. Tâm bi phát khởi bố thí đạt được an lạc không gì có thể sánh. Niềm vui giải thoát của sự bố thí không có tâm bi trăm ngàn vạn phần không thể làm thí dụ

được, so với sự an lạc đạt được do tâm bi bố thí, nếu có thể dùng dụ để thí dụ, thì thật là vô cùng to lớn, nên không thể thí dụ.

✱✱

Phẩm thứ 6: THÍ CHỦ TẶNG TRƯỞNG

Tâm bi phát khởi bố thí có thể ban cho chúng sinh an lạc lớn. Như vậy người bố thí ban cho chúng sinh sự an lạc ấy là thù thắng, hơn sự giải thoát, nên gọi là tối thắng. Người bố thí trở thành niềm an lạc cho người khác. Vì người tu tập tâm bi đối với tất cả chúng sinh, tâm đạt được bình đẳng, người như vậy gọi là Đàn-việt. Người không thể bố thí như thế gọi là người cầu xin. Nếu lúc hành thí, khiến cho người nghe thương cảm xót xa, đó gọi là thiện thí, nếu không như vậy thì không gọi là thiện thí thủ. Nếu hành thí có thể khiến cho con cháu người thọ nhận tùy ý thọ dụng, vui vẻ ngợi ca, gọi là người bố thí dững mãi. Nếu cầu xin mới bố thí không gọi là thí chủ, tự hướng đến bố thí mới gọi là thí chủ. Nếu xả bỏ tất cả của cải vật dụng nhưng tâm còn luyến tiếc mà bố thí không gọi là thí chủ. Người có tâm bi tuy không cho vật dụng, cũng gọi là đại thí chủ. Những người đến cầu xin mong muốn, đều khiến theo ý xứng hợp với hy vọng ban đầu của họ, gọi là thiện thí chủ. Không thể xứng hợp với hy vọng ban đầu của họ, cho dù rất giàu có vẫn gọi là bần cùng. Người giàu có tuy cấp cho nhưng không có tâm thương xót, gọi là ban cho, không gọi là thí chủ. Tâm thương xót bố thí mới gọi là thí chủ. Nếu không tạo sự ăn uống không có quả báo, bố thí tuy là ban cho nhưng không gọi là bố thí. Bố thí không có tâm bi tuy là ban cho nhưng không gọi là bố thí. Người có tâm bi tuy lại không bố thí nhưng vẫn gọi là bố thí. Nếu người vì cầu phước báo mà bố thí được gọi là người bố thí, thì người buôn bán cũng có thể gọi là bố thí. Nếu bố thí cầu phước báo thì quả báo hãy còn vô lượng, hưởng chỉ là có tâm bi, bố thí

không cầu báo thì phước báo sao có thể nêu tính được. Nếu bố thí cầu phước báo thì chỉ có thể tự mình vui sướng, không thể cứu giúp nhiều người vì chỉ có riêng mình khó nhọc. Người đem tâm bi bố thí có thể tạo sự cứu giúp, về sau đạt được quả lại có thể tạo lợi ích to lớn. Người bần cùng không giống như người có của cải. Người có của cải không giống như người có thể ăn uống. Người có thể ăn uống không giống như người có thể bố thí. Người đem tâm bi bố thí là người tốt nhất đối với tất cả chúng sinh. Người giàu có nên bố thí. Người bố thí nên có tâm bi. Người giàu có thường bố thí thì sự giàu có được bền vững. Người bố thí thường có tâm bi thì bố thí được chắc chắn. Người tu hạnh thí được giàu có. Người tu hạnh định được giải thoát. Người tu tập tâm bi đạt được Bồ-đề Vô thượng thù thắng nhất trong các quả.

**

Phẩm thứ 7: CUNG KÍNH NGƯỜI CẦU XIN

Bồ-tát suy nghĩ: Nhân nơi người cầu xin kia nên đạt được Bồ-đề. Ta nên đem quả vị Bồ-đề này hương về ban cho tất cả chúng sinh, vì để báo ân. Nay ta nhờ bố thí cho chúng sinh nên đạt được niềm an lạc không gì sánh kịp. Nhân nơi niềm an lạc này nên thành tựu được Bồ-đề. Như vậy, quả vị Bồ-đề ta sẽ ban cho người cầu xin. Ta nay nhân nơi bố thí cho người cầu xin nên đạt được sự an vui hơn hẳn niềm an lạc của giải thoát. Sự an lạc nhân nơi bố thí thành tựu hãy còn như thế, huống chi là Bồ-đề Vô thượng, ta nên xả bỏ để bố thí cho những người cầu xin. Như vậy, ân đó rất sâu nặng, không thể nào báo đền được đối với người cầu xin. Như thế, người cầu xin chính là nhân tố có thể đem lại cho ta sự an lạc lớn. Nếu dùng của cải châu báu để báo ân thì không đủ, nên đem quả Bồ-đề Vô thượng đã đạt được để ban cho họ. Nhờ vào phước của ta, nguyện cho người cầu

xin vào đời vị lai cũng như ta hiện nay thành đại thí chủ. Tâm Bồ-tát tự suy nghĩ: Nhân nơi người cầu xin nên được niềm diệu lạc của bố thí, khiến cho người cầu xin đạt được Bồ-đề Vô thượng, là pháp thí nơi đàn-việt. Những người cầu xin thấy Bồ-tát bố thí rộng lớn, bèn hỏi Bồ-tát: Vì cầu những gì mà hành bố thí rộng lớn? Bồ-tát trả lời cho tất cả: Ta nay không cầu quả báo nơi nẻo trời người hay Niết-bàn của hàng Thanh văn mà nguyện đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng để cứu độ tất cả chúng sinh. Những người tham lam keo kiệt lại suy nghĩ, hỏi: Bồ-tát làm thế nào có thể hành bố thí rộng lớn, tâm không hề chán mệt? Bồ-tát trả lời: Thầy ta là bậc tôn quý nhất trong ba cõi luôn thương xót nghĩ đến tất cả chúng sinh. Ta nay không lấy gì để báo đền ân đức của Thầy, cho nên hành thí không hề chán mệt. Tất cả sự an lạc không gì hơn được niềm an vui của giải thoát. Ta yêu thương chúng sinh hơn yêu thích giải thoát. Ta vì yêu thương nghĩ đến chúng sinh, muốn khiến họ được giải thoát, nên tu tập các hạnh bố thí. Nếu sinh tử không là khổ cùng cực, thì ta bố thí suốt đời, không mong cầu Bồ-đề. Do sinh tử khổ nên ta bố thí để cầu đạt Bồ-đề. Dứt trừ sinh tử khổ đau kia thì ai là người thực hành? Phiền não do những nghiệp đã tạo tác, nên khiến tất cả chúng sinh lấy tâm bi làm thể để luôn vui thích bố thí.

**

Phẩm thứ 8: THÍ CHO KẺ BỎN SẼN

Người không nghĩ đến ân đức là không có tâm bi. Nếu không có tâm bi thì không thể hành bố thí. Nếu người không bố thí thì không thể cứu độ sinh tử của chúng sinh. Người không có tâm bi lại không hề có thân hữu. Người có tâm bi mới luôn có thân hữu. Kẻ chấp ngã là lấy ái làm thể. Người cứu tế lấy bi làm thể. Tâm có nặng về ái không có người nhận biết. Người nặng về tâm bi cũng

không thể nhận biết. Nếu không hành thí thì tâm bị bị che lấp, như đem khắc vào đá mới biết rõ thật giả. Nếu gặp người bị khổ ách có thể hành đại thí tức biết là có tâm bi. Người tâm bôn sên nhiều, giả như người thân của họ đến cầu xin, tức trở thành oán ghét. Người tâm bi nhiều, giả như gặp oan gia cũng xem như là thân hữu. Người tâm keo kiệt nhiều, tuy bố thí bùn đất nhưng xem nặng như vàng ngọc. Người tâm bi nhiều, tuy bố thí vàng ngọc nhưng xem nhẹ tựa cỏ cây. Người tâm keo kiệt nhiều, khi mất mát của cải châu báu thì vô cùng sầu não. Người tâm bi nhiều, tuy có của cải châu báu nhưng khi không có nơi bố thí thì tâm u hoài buồn khổ, còn hơn kẻ kia. Người xả bỏ của cải vật dụng gồm có hai loại: Một là lúc mạng chung thì xả bỏ. Hai là lúc bố thí thì xả bỏ. Người xả bỏ lúc mạng chung, tất cả đều xả bỏ, không may mắn nào còn lại đến đời sau. Người xả bỏ lúc bố thí, thì bố thí một ít của cải vật dụng, đạt được quả báo lớn. Đâu có người biết, gặp phải tai họa này mà không hành thí? Nếu lúc hành thí, khiến cho người thọ nhận vui mừng, thì tự mình cũng vui thích. Nếu người không thể sinh niềm vui thích sâu xa, tức là tự mình khinh đối. Nếu có người cầu xin mong được của cải vật dụng, vì cầu mong có, nên khi ban cho chút ít của cải, tâm họ liền vui vẻ. Lại có người bố thí tự mình hướng đến kẻ cầu xin để ban cho, không hề mong quả báo khi hành thí rộng lớn, tài sản vật dụng còn lại chút ít, nhưng tâm an vui không thể thí dụ được. Nếu có thức ăn ngon, nhưng không bố thí, chỉ để ăn thì không thể lấy làm ngon được. Giả như tạo thức ăn dở nhưng hành thí, sau đó mới ăn, tâm ý vui thích nên lấy làm rất ngon. Nếu hành thí xong, thức ăn còn lại, tự mình thọ dụng, bậc trượng phu thiện sinh tâm hoan hỷ, như đạt được Niết-bàn, người không có tâm tín thì sao tin nổi lời này? Giả như người có thức ăn ngon, thấy người đói khát đang ở trước mặt, không thể ban cho họ, người này thức ăn hãy còn không thể thí cho, huống gì là sự giải thoát thù thắng lại có thể ban cho người khác? Giả sử khiến có được nhiều của cải, có người đến cầu xin, hãy còn

không có tâm thí, huống gì là chỉ có chút ít tài sản vật dụng. Không thấy người này ở trong sinh tử có một chút nơi chốn an lạc, huống gì là có thể trụ ở Niết-bàn. Như người ở bên bờ sông lớn nhưng không thể lấy chút ít nước ban cho kẻ khác. Trong vô lượng khổ não của sinh tử, ông chớ nên trụ ở đây, chỉ có thể mau chóng đi vào Niết-bàn. Như có dòng nước lớn muốn bố thí nước cho người không lấy gì làm khó. Như có tâm bi muốn giữ lấy Niết-bàn cũng không gọi là khó. Phân đất nơi thế gian dễ có được hơn nước, người tham lam keo kiệt nghe xin phân đất cũng còn ôm lòng tiếc huống chi là của cải vật dụng.

**

Phẩm thứ 9: TÀI VẬT THÍ

Như có hai người, một rất giàu có, một thật nghèo khổ. Có người cầu xin đến, hai người như vậy đều mang tâm khổ não. Người có của cải thì lo sợ sự cầu xin. Người không có tài sản thì nghĩ mình phải làm sao có được chút ít của cải để ban cho. Như thế, sự sầu khổ của hai người tuy giống nhau, nhưng quả báo đều khác. Người suy nghĩ xót thương sâu não, sinh trong hàng trời người, thọ nhận vô lượng an lạc. Người tham lam keo kiệt sinh trong nẻo ngạ quỷ, nhận chịu vô số khổ não. Nếu Bồ-tát có tâm thương xót, ở trước chúng sinh liền cho là đầy đủ, huống gì là chỉ ban cho chút ít tài sản. Như người giàu có gồm đủ mọi thứ của cải châu báu, tùy ý sử dụng, tâm sinh vui sướng. Tâm bi của Bồ-tát nghĩ đến bố thí luôn xót thương sâu não, vượt quá người này trăm ngàn vạn lần. Người có tâm bi nhưng không có tài sản, lúc gặp người cầu xin trong tâm không nở nói không thương xót, rơi lệ. Người thấy sự khổ não không thể rơi nước mắt, sao có thể gọi là người tu hạnh bi? Người chiến thắng, giả như nghe người khác khổ đau hãy còn không thể chịu đựng nổi, huống hồ mắt nhìn

thấy người khác khổ não lại không cứu giúp? Không thể có điều ấy. Người có tâm bi thấy chúng sinh bần cùng khổ sở, nhưng không có tài sản vật dụng để có thể chu cấp, tâm xót thương than thở không thể nào thí dụ. Người cứu giúp chúng sinh, thấy chúng sinh nhận chịu khổ đau, thương xót khóc than, vì khóc than nên biết tâm của người đó mềm dịu, thể thanh tịnh của Bồ-tát thấy đều hiển hiện. Vì sao? Vì biết sự hiển hiện đó, rơi nước mắt khi nhìn thấy nỗi khổ của chúng sinh, do vậy nên biết được thể thanh tịnh mềm dịu của Bồ-tát. Tâm bi của Bồ-tát giống như tuyết tụ, tuyết tụ gặp mặt trời đều tan ra. Tâm bi của Bồ-tát có ba lúc: Một là thấy người tu tập công đức, vì ái kính nên vì thế mà rơi lệ. Hai là thấy chúng sinh khổ não, không có công đức, vì thương xót nên rơi lệ. Ba là lúc tu tập đại thí, vui buồn phần khích lại cũng rơi lệ. Nghĩa là nước mắt của Bồ-tát tuôn rơi từ xưa đến nay nhiều hơn nước nơi bốn biển lớn. Chúng sinh ở thế gian xa lìa quyến thuộc buồn đau than khóc lệ rơi không sánh bằng nước mắt buồn thương của Bồ-tát khi nhìn thấy chúng sinh nghèo khổ khổ sở nhưng mình không có của cải để bố thí. Bồ-tát nhập thiền định cứu chúng sinh, tâm hết sức an lạc tương ứng với kho báu vô tận tự nhiên hiển xuất, tất cả người cầu xin tự nhiên tìm đến. Bậc trượng phu thiện có thể đem tài sản vật dụng bố thí rộng lớn cho người cầu xin. Người cầu xin có được tài sản rồi cũng hành thí rộng rãi. Bồ-tát có thể đem của cải vật dụng bố thí cho chúng sinh, khiến tất cả được đầy đủ sung túc, do tâm bi bình đẳng nên chỉ nghe âm thanh của người cầu xin cũng đã xót xa rơi nước mắt. Người cầu xin nhìn thấy Bồ-tát rơi nước mắt, tuy không nói ban cho, nhưng biết là chắc chắn có được. Bồ-tát không thấy người cầu xin đến, sinh tâm buồn khổ vô cùng, lúc người cầu xin có được của cải, sinh tâm vui mừng nên buồn khổ được trừ diệt. Lúc Bồ-tát nghe người cầu xin thưa nói, thương xót rơi lệ, không thể tự ngăn. Người cầu xin thưa nói xong, bấy giờ tâm Bồ-tát mới nén lại. Bồ-tát tu hành các hạnh bố thí đầy đủ cho chúng sinh rồi, liền đi vào rừng núi tu hành thiền định. Làm thế nào để diệt trừ

các thứ họa khổ nơi ba độc của chúng sinh? Tài vật của Bồ-tát nhiều vô cùng nhưng không có người cầu xin để bố thí, ta nay làm sao giữ lấy chúng được. Phải nên xả bỏ để xuất gia.

**

Phẩm thứ 10: XẢ NHẤT THIẾT

Bồ-tát có rất nhiều tài sản nhưng không có người cầu xin, gọi họ không đến, Bồ-tát suy nghĩ: Phải nên đoạn trừ các kiết sử. Do không có người đến cầu xin tâm bi của Bồ-tát càng bị ràng buộc do các khổ đau của tất cả chúng sinh, nên phát nguyện cứu độ hết thảy. Những gì chúng sinh tìm cầu, Bồ-tát đều xả bỏ, không vật gì là không ban cho. Nhằm cầu trí Phật tối thượng để cứu độ tất cả chúng sinh, tôn trọng người có tâm bi thù thắng, muốn hành trì cứu giúp thì vật gì không xả bỏ. Người có tâm bi, vì người khác nên Niết-bàn hãy còn xả, huống chi là xả thân. Xả bỏ thân mạng, tài sản có những khó gì? Người xả bỏ tài sản không bằng xả bỏ thân mạng. Người xả bỏ thân mạng không bằng xả bỏ Niết-bàn. Niết-bàn hãy còn xả bỏ thì có gì là không xả bỏ? Tâm bi thấu triệt tận xương tủy, tức đạt được bi tự tại. Người thực hiện cứu độ là Bồ-tát thì hành thí rộng lớn hoàn toàn không có gì khó khăn. Là người thân thiết nhất của tất cả chúng sinh, làm nhân hướng đến nơi an lạc cho mọi người. Bi là xả bỏ tất cả, lìa mọi sự chán mệt, đích thực cứu giúp mọi chúng sinh, oán thân bình đẳng. Thân mạng hãy còn ban cho thì có vật gì là không xả bỏ được. Tất cả chúng sinh luôn coi trọng đến của cải lợi lộc, nhưng yêu quý thân mạng hơn tài sản. Hết thảy chúng sinh xả bỏ tài sản thì dễ, xả bỏ thân mạng là khó. Bồ-tát xả bỏ tất cả của cải vật dụng, có được hoan hỷ không bằng sự hoan hỷ thù thắng đạt được khi xả bỏ thân mạng. Bao nhiêu ý vị của bố thí thảy đều biết rõ, vì bố thí là thức ăn, nhờ đó nên được tồn tại. Người ban cho người khác niềm vui,

muốn biết ý vị của sự bố thí thân mạng, nên bố thí thân mạng, gặp người khác cầu xin tay chân, thân thể, trong tâm hoan hỷ hơn hẳn sự hoan hỷ xả bỏ tài sản. Như người vui thích bố thí, đạt được niềm vui hoan hỷ, không bằng sự hoan hỷ thù thắng của Bồ-tát đạt được khi xả bỏ thân mạng. Con người nơi châu Diêm-phù-đề là người cầu xin tài sản vật dụng, vì phước đức vô ngã nên được người cầu xin thân mạng tới. Người xả bỏ tài sản thì tài sản do người khác hoặc không hợp ý. Người xả bỏ thân mạng thì chính mình được tự tại, tùy ý ban cho không vì người khác. Thân này là vật không vững bền, không có định, mau chóng suy yếu. Người luôn ái niệm có thể mau chóng giữ lấy. Những người ăn thịt nói với Bồ-tát: Nay ông đem máu thịt nóng thí cho tôi, tôi nên lấy gì để báo ân? Bồ-tát trả lời: Nếu muốn báo ân thì lại nói với người khác: Người có tâm bi có thể bố thí máu thịt thân, nên đến đó nhận lấy. Nếu có thể như thế thì chính là báo ân. Nói với người cầu xin: Nay ông vì tôi giữ lấy thân không bền chắc, khiến tôi đạt được thân bền chắc, ân của ông thật sâu nặng, lấy gì báo đáp được. Quả xả thân trong đời vị lai, tức dùng thí cho ông. Tôi vì cứu giúp tất cả chúng sinh, nên xả bỏ thân mạng. Người xả bỏ thân mạng đạt được pháp thân. Người đạt được pháp thân thì đạt được Nhất thiết chủng trí, khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt được quả ấy. Người xả bỏ thân mạng này đạt được pháp thân, pháp thân ấy luôn ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh. Có thể suy nghĩ như vậy, vì sao không sinh vui mừng, mau chóng xả bỏ thân mạng này? Lúc Bồ-tát xả bỏ thân mạng, tư duy như vậy: Ta vì chúng sinh làm người thân hữu. Ta do vượt qua sinh tử, cần phải cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi sinh tử. Thế nên nay ta xả bỏ thân mạng.

Bồ-tát tư duy như vậy: Ta xả bỏ thân mạng này, công đức không thuộc về mình, cũng chẳng phải cho nhiều chúng sinh, mà còn vì nuôi dưỡng công đức pháp thân cho mình. Nếu lúc tâm quyết định như vậy, thì ý tưởng xả bỏ thân mạng không có gì khó. Sở dĩ Bồ-tát xả bỏ thân mạng không khó, vì sẽ thành tựu pháp thân, cho nên hoan

hỷ. Người tham ái sâu nặng, phần lớn khi đạt được tài sản thì vui mừng vô cùng, không sánh bằng sự hoan hỷ xả bỏ thân mạng của Bồ-tát, hơn người trước trăm ngàn vạn lần. Bồ-tát dùng trí tuệ, tâm bi làm thể, vì chúng sinh nên cầu đạt pháp thân. Bồ-tát xả bỏ thân mạng thì vui mừng, vượt xa người thế gian, đạt được mọi diệu lạc tự tại của bậc Chuyên luân Thánh vương. Như chủng tộc Sát-đế-lợi, nếu phá tan trận địa của quân địch, có thể xả bỏ thân mạng, được sinh lên cõi trời, lúc xả thân mạng thì vui mừng vô cùng. Bồ-tát dùng trí tuệ tâm bi xả bỏ thân mạng thì sự hoan hỷ vô cùng thù thắng, càng vượt hơn đối với những người Sát-đế-lợi kia. Chúng sinh phàm ngu vì tài lợi nên xả bỏ thân mạng ở nơi trận địa của quân địch, muốn thành tựu giải thoát, nên có kẻ lao vào đá, nhảy vào lửa, bỏ mạng vô số, huống chi là Bồ-tát dùng trí tuệ, tâm bi, vì tất cả chúng sinh, lại không xả bỏ thân mạng? Chúng sinh ngu si dùng tâm ái chấp làm quốc độ nên xả bỏ thân mạng. Bồ-tát dùng trí tuệ tâm bi, vì muôn vật nên xả bỏ thân mạng, đâu đủ để gọi là khó. Lúc Bồ-tát phát thệ nguyện, tất cả đều xả bỏ, tuy có nói lời ấy, nhưng tất cả chúng sinh thật sự chưa được lợi ích, nên Bồ-tát tu hạnh bố thí. Lúc ấy, tất cả chúng sinh đạt được lợi ích thọ dụng, nên Bồ-tát xả bỏ thân mạng không đủ cho là khó. Biết rõ thân là vô thường, khổ, không, bất tịnh, vì chúng sinh nhưng không lìa bỏ đấy tức là khó. Bồ-tát tâm bi vì chúng sinh nên xả bỏ thân mạng không đủ là khó, vui thích xả bỏ, không có chán đủ, đấy mới là khó. Giả sử khiến một phàm phu làm xoay chuyển đại địa, lực không thể làm được nên sinh buồn khổ vô cùng. Lúc Bồ-tát thấy chúng sinh đau khổ nhưng chưa được độ thoát, tâm ý xót thương sâu não lại vượt quá hơn thế. Vì tâm bi, Bồ-tát quán thân nhẹ như cỏ, đất, nên vì chúng sinh xả bỏ thân mạng đâu đủ là khó. Như người vì bản thân mình nên trong một niệm thọ giới không sát hại, người này mạng chung tất sinh lên cõi trời. Bồ-tát vì chúng sinh nên xả bỏ thân mạng, tất cả công đức hiện có trong nẻo sinh tử, không có nơi chốn để dung nạp, chỉ đến Bồ-đề mới có thể thu nhận. Nếu lúc Bồ-tát

nghe có người đến cầu xin thân mạng, tức thời sinh khởi niệm: Đã từ lâu ta phát tâm xả bỏ thân mạng này không còn tự giữ lấy. Vậy theo ta cầu xin tất cho ta còn có tâm tham tiếc nên thử tha đấy.

**

Phẩm thứ 11: XẢ ÁM THỌ ÁM

A-la-hán xả bỏ thân cuối cùng đạt được Niết-bàn an lạc, không sánh bằng sự an lạc lúc Bồ-tát vì chúng sinh xả bỏ thân mạng. A-la-hán đạt được giải thoát, không bằng sự an lạc lúc Bồ-tát vì chúng sinh nên thọ thân. Bồ-tát sinh khởi niệm: Ta do không thử chứng Niết-bàn, là vì chúng sinh nên thọ thân này, là sự vi diệu tột cùng. Bồ-tát lại nghĩ: Ta xả bỏ thân mạng dùng để bố thí, lại tiếp tục thọ thân, không vào giải thoát, thật là tối thắng. Ta vui thích khi nghe công đức cứu độ chúng sinh của Như Lai, nên ta dốc đạt được pháp vị của tâm bi cứu giúp chúng sinh, không thử chứng Niết-bàn, việc này thật là đáng yêu thích. Lúc Bồ-tát vì chúng sinh xả bỏ thân mạng để bố thí, tuy không chứng Niết-bàn, nhưng hơn hẳn người đạt được Niết-bàn, vì người kia không có được pháp vị vì chúng sinh xả bỏ thân mạng. Bồ-tát thọ thân ám này là chấp nhận đi vào nẻo sinh tử đau khổ, cũng như những sự vui thích lúc xả bỏ thân mạng cho chúng sinh, không có gì sai khác. Phàm phu thế gian vì sự trói buộc bức bách của bản cùng, bệnh khổ, không thể xả bỏ thân mạng để xa lìa vui thú dục lạc. Chúng sinh chán ghét, lo lắng thân ám không ai có thể cứu giúp, nên mong muốn mau chóng vào Niết-bàn. Bồ-tát tư duy: Niết-bàn thật an lạc, thân ám sinh tử là cùng cực khổ đau. Ta nên thay thế cho tất cả chúng sinh nhận chịu sự khổ đau của thân ám này, khiến họ được giải thoát. Thân A-la-hán tận, thân Phật cũng tận. Thân tận tuy đồng, nhưng không thể cứu độ, vì thân Phật diệt độ là thiện.

**

Phẩm thứ 12: XẢ THÂN MẠNG

Bồ-tát vì cầu đạt Nhất thiết chủng trí, nên khởi tâm đại bi, vì tất cả chúng sinh, xả bỏ thân xả mạng, đạt được quả báo chẳng không. Nếu tất cả sự xả thân không đạt được quả báo gọi là không xả thân. Bồ-tát xả thân vì muốn khiến cho những chúng sinh đang tham đắm của cải sinh tâm hồ thẹn. Bồ-tát vì chúng sinh nên xả bỏ thân mạng, dễ hơn người tham tiếc xả bỏ một nắm cơm. Bồ-tát xả bỏ thân mạng vì nhằm khiến cho những kẻ tham lam keo kiệt sinh tâm xấu hổ. Bồ-tát sở dĩ bố thí thân mạng là để hộ trì mạng sống của người khác. Vì sao? Vì mạng của người khác tức là mạng của mình. Bồ-tát tuy xả bỏ thân mạng nhưng không cứu giúp được người khác, đây là xả vì quán xét lỗi lầm của thân ám. Bồ-tát vì tạo lợi ích cho chúng sinh nên lại tiếp tục thọ thân. Nếu chẳng phải đại bi, sao người có trí lại vui thích thân ám? Nếu không có đại bi, thì ý vị của sự bố thí ấy không thể khiến vui thích nơi sinh tử. Bồ-tát luôn vui thích hành thí, đại bi tự tại, tùy ý thọ thân sinh tử như an vui nơi Niết-bàn.

**

Phẩm thứ 13: HIỆN BI

Tâm bi vô cùng rộng lớn của Bồ-tát luôn hiện hữu trong thân nhưng không có người nhận biết. Lúc Bồ-tát xả bỏ thân mạng thì tất cả hàng trời người vì thế được biết. Tâm bi của Bồ-tát sâu rộng tột cùng, khắp tất cả chúng sinh không có người nhận thấy, nhờ vào tài thí, pháp thí, vô úy thí mới thấy đều thấy biết. Thân của tất cả chúng sinh không loại nào là không bệnh, nhưng không có người nhận biết rõ. Do ba điều nên biết là có bệnh. Những gì là ba? Đó là ăn uống, y phục, thuốc thang. Tâm bi của Bồ-tát do ba sự nên được hiển bày. Những gì là ba? Tức là tài thí, pháp thí, vô úy thí. Bồ-tát ban cho

tất cả chúng sinh mọi niềm an vui, vì diệt trừ khổ đau cho hết thảy chúng sinh nên xả thân cứu giúp. Bồ-tát không cầu quả báo nên xem nhẹ thân như cỏ rơm. Đại bi của Bồ-tát thực hiện vô số phương tiện, giống như sữa kết tụ. Lấy máu bồ thí cho người dễ hơn người thế gian dùng nước để bồ thí. Như Bồ-tát xưa kia lấy máu nơi năm chỗ để bồ thí cho các quý Dạ-xoa, tự phần khích hoan hỷ không gì có thể thí dụ, vì nhằm cứu độ tất cả các chúng sinh. Có người khác hỏi Bồ-tát: Đại bi ấy có ý vị gì để có thể khiến xả bỏ máu huyết dễ dàng hơn xả bỏ nước lã? Tâm đại bi Bồ-tát trả lời: Vì không cầu quả báo, nhưng là để khiến cho người khác được an vui, nên xả bỏ thân mạng. Vì sao? Vì niềm an lạc vô tướng là điều đầu tiên để đi vào niềm an lạc của tâm bi. Có người thấy đại bi của Bồ-tát nghi ngờ về điều ấy là Thê của bi, tức dùng đại thí nên biết là Thê của bi. Người thế gian sinh nghi, cho bi đi vào trong thân Bồ-tát, nên Bồ-tát hướng vào tâm bi. Bồ-tát xả thân, tất cả chúng sinh không thể cùng chung. Chỉ có bậc đại bi là có thể, lúc đạt được Nhất thiết chủng trí thì tất cả chúng sinh đều không thể sánh cùng. Có tâm đại bi đem lại lợi ích cho chúng sinh thì mọi mong muốn đều đạt được. Không có khó khăn ấy, thì những đạt được quyết định là không. Tâm đại bi nhằm đem lại lợi ích cho chúng sinh nên thường ở nơi tâm, thì Bồ-đề Vô thượng như ở trong tay không khác. Được trụ nơi nhẫn không sinh, nên có thể hiển hiện Đà-la-ni, an trụ nơi mười địa, nên biết tự tại như Phật.

**

Phẩm thứ 14: PHÁP THÍ

Người bồ thí của cải, trong nẻo người có trăm ngàn vạn, quả báo của bồ thí của cải là có thể đạt được pháp thí. Chỉ có bậc đại bi mới có thể đạt được quả báo của bồ thí của cải và pháp thí, thân đời sau đạt được vô lượng an lạc. Bi là pháp thí hiện chứng Niết-bàn.

Vui thích bố thí, đầy đủ vị cam lồ hoan hỷ, đồng nhất vị tâm bi của Bồ-tát. Vì nhân duyên này nên không một sát-na muốn hướng về giải thoát. Các loại pháp thí hoàn tất, thỉnh cầu những người nghe pháp: Lúc tôi đạt được quả pháp thí, tất thọ nhận lời tôi thỉnh cầu. Lúc Bồ-tát bố thí gọi là dục thí, không phải là căn bản thí. Khi thành Phật bố thí, gọi là pháp thí căn bản.

*Trí Phật ở hư không
Đại bi là mây dày
Pháp thí như mưa ngọt
Tràn đầy ao ẩm giới.
Bốn nhiếp làm phương tiện
Nhân giải thoát an lạc
Tu tập tám chánh đạo
Đạt được quả Niết-bàn.*

Tài thí trừ khổ nơi thân chúng sinh. Pháp thí diệt khổ nơi tâm chúng sinh. Trải qua vô lượng kiếp tài thí để đạt được quả của pháp thí, nên pháp thí có thể ban cho chúng sinh vô úy thí. Người trí rất chán lia sinh tử, nên cầu đạt Niết-bàn. Người thương xót cứu giúp chúng sinh cầu mong nơi pháp thí. Bồ-tát thọ dụng tiền tài vì tu thí, lúc tu hạnh thí là đạt được pháp thí, thấy rõ chúng sinh có hai loại là tham ái, ngu si. Người nhiều tham ái thì thí của cải châu báu. Người nhiều ngu si thì ban cho giáo pháp. Người thí tài sản là tạo cho tiền tài thành vô tận. Người hành thí pháp khiến đạt được trí vô tận. Người hành thí tài sản đạt được an lạc nơi thân. Người hành thí pháp đạt được an lạc nơi tâm. Tùy theo chúng sinh được giáo hóa, tâm ý mong muốn đạt được nghĩa lý phù hợp, đầy đủ, không có ý chán mệt, nên người thí đạt được công đức lớn, đạt được pháp thí hoan hỷ, tăng thêm sự đoan nghiêm như vàng trắng tròn mùa thu, thường khiến tâm mắt của chúng sinh không lia. Người bố thí tài sản được chúng sinh yêu quý. Người bố thí chánh pháp thường được thể gian

cung kính tôn trọng. Người bồ thí tài sản được người ngu yêu mến. Người bồ thí chánh pháp được người trí quý kính. Bồ thí tài sản phá trừ sự nghèo cùng về của cải. Bồ thí chánh pháp phá bỏ sự bần cùng về công đức. Hai loại bồ thí như thế mọi người đều kính trọng. Người bồ thí tài sản có thể ban cho an lạc nơi hiện tại. Người bồ thí chánh pháp có thể ban cho an lạc nơi cõi trời, nơi cảnh giới Niết-bàn. Người vui thích, yêu quý tâm bi có thể yêu mến tất cả chúng sinh. Yêu mến tất cả chúng sinh tức là yêu thương chính bản thân mình. Bạc A-la-hán xả bỏ chúng sinh nhập Niết-bàn, nên không được người trí yêu quý. Vậy đối với chúng sinh đau khổ thì ai nên yêu mến vui thích? Thường hành thí xa lìa mười điều ác, cung kính đối với cha mẹ, nếu người luôn như thế tức là báo ân Phật. Nếu người muốn nối tiếp Phật chủng, nên dùng tâm bi làm đầu để tạo lợi ích cho người khác, luôn có thể nhớ nghĩ nên thành tựu sự nghiệp hóa độ chúng sinh.

HẾT - QUYỂN THƯỢNG

LUẬN ĐẠI TRƯỞNG PHU

QUYÊN HẠ

Phẩm thứ 15: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Người hành thí đã đủ, làm người thân đối với tất cả chúng sinh, chưa từng có một niệm không tương ưng với tâm bi. Tâm bi của Bồ-tát trùm khắp, duyên với tất cả, không đâu là không duyên. Do tâm bi trùm khắp, nên sau khi thành Phật, đạt được Nhất thiết chủng trí không có chướng ngại. Vì tâm bi nên xả bỏ sự giải thoát của hàng Thanh văn phát tâm Bồ-đề. Tâm của một niệm đầu tiên này chỉ có Phật mới biết được dung lượng biên vực ấy, hướng chỉ là diệu lạc giải thoát của hành Bồ-đề. Phát tâm Bồ-đề, tuy mới là một niệm ban đầu, nhưng cũng như mặt đất là vàng, mặt đất là cát đá, không cùng nêu dụ với nhau. Lúc mới phát tâm, vì có thể làm thanh tịnh các kiết sử, khiến tất cả công đức đều quy tụ. Bồ-đề là quả của phát tâm, vì tất cả chúng sinh nên cầu an lạc. Bồ-tát phát tâm Bồ-đề xong, nếu có người chưa phát nguyện hỏi: Thế nào là giải thoát? Bồ-tát nên tư duy: Vì nhân duyên gì mà hỏi? Do người phát tâm như từ trong giải thoát đến, nên hỏi: Thế nào là tướng giải thoát? Hay vì nhằm đạt đến giải thoát nên biết là đến từ giải thoát chẳng? Người đã phát nguyện trả lời: Lúc phát tâm Bồ-đề, hoan hỷ an vui cũng như giải thoát, nên có thể nhận biết. Người muốn cúng dường hết thầy chư Phật cần phải phát tâm Bồ-đề. Người muốn báo đền ân Phật cần phải phát tâm Bồ-đề kiên cố. Ngoài phát tâm Bồ-

đề ra, lại không có pháp nào có thể đến được Bồ-đề. Nếu không có tâm Bồ-đề thì không đạt được quả Phật. Nếu không đạt được quả Phật thì không thể cứu độ chúng sinh. Muốn ban cho tất cả chúng sinh vô lượng sự an lạc lớn cần phải phát tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì tâm Bồ-đề là nhân tạo nên an lạc cho hết thảy chúng sinh. Tất cả các sắc không lìa bốn đại, tất cả sự an lạc không rời tâm Bồ-đề. Lại thay! Vì sao không sợ hãi đối với khổ của sinh tử mà lại e ngại nơi tâm Bồ-đề vô úy? Nếu người muốn các khổ của tất cả chúng sinh dừng dứt, không gì hơn là phát tâm Bồ-đề. Người phát tâm Bồ-đề là nhân của sự dừng dứt đầu tiên. Sự dừng dứt đầu tiên sẽ đạt được sự dừng dứt vô thượng. Đạt được lợi ích về tài sản vật báu không bằng đạt được lợi ích về công đức. Đạt được lợi ích về công đức không bằng đạt được lợi ích về trí tuệ. Đạt được lợi ích về trí tuệ không bằng đạt được lợi ích của tâm Bồ-đề. Nếu người phóng dật, bỏ quên không nhớ đến tâm-Bồ-đề, thì như loài cầm thú không khác. Ông nay vì sao không phát tâm bi? Nên biết tâm bi ấy chính là đại Bồ-đề, vì muốn hướng đến trí Phật cần phải phát tâm Bồ-đề. Do kiết sử làm chướng ngại nên không thể phát tâm giải thoát. Do nghiệp báo làm chướng ngại nên không thể phát tâm Bồ-đề. Thế nào là nẻo tà? Thế nào là nẻo chánh? Vì có ái dẫn dắt, lấy bốn không làm giải thoát, gọi là nẻo tà. Phát tâm Bồ-đề, tu tập tám chánh đạo, gọi là nẻo chánh. Để được quả báo giàu có thì tu tập hành thí. Để được quả báo an lạc thì tu tập hành tâm bi. Vì nhằm cứu độ tạo an lạc cho chúng sinh nên phải phát tâm Bồ-đề kiên cố. Người không tu tập phước đức có ba điều khó đạt được: Một là không được thân cận nơi các thiện hữu. Hai là chán lìa sự phát tâm Bồ-đề. Ba là không thể kính quý trí tuệ Phật. Người chưa phát tâm Bồ-đề phải nên phát tâm. Nếu người phát tâm Bồ-đề, tức đạt được Nhất thiết chủng trí.

Phẩm thứ 16: CÔNG ĐỨC THÙ THẮNG

Có những người dùng tài sản vật dụng bố thí nơi một phước điền, tâm không đồng nên quả báo đạt được có nhiều loại. Có người đạt được an lạc trong ba cõi. Có người đạt được an lạc tịch diệt. Có người đạt được an lạc lợi tha. Tư duy và tâm nguyện khác hẳn nên quả báo đạt được không đồng. Người dùng tâm ái tạo phước khi thọ nhận quả báo thì ngu si tối tăm. Người dùng tâm bi tu phước khi thọ nhận quả báo thì được trí tuệ. Người không làm tổn hại tâm Bồ-đề, vì đem lại lợi ích cho chúng sinh nên tạo phước, tức biết phước này là thù thắng nhất trong mọi phước, những phước tu còn lại là phước tương tự không phải là phước bậc nhất. Vì tu trí tuệ một pháp vị, nên biết phước này này là bậc nhất, vì đem lại lợi ích cho thế gian nên chủng tử của Tam bảo không đoạn dứt, là biết nghiệp biết quả biết quy y Phật từ bi. Như chấp ngã khi hành phước, giống như người làm điều ác, thật đáng hổ thẹn. Bậc trọng phu thiện thấy hàng trời, người nơi thế gian không ai cứu độ, nên trọn không vì thân mình mà tu phước. Khổ não trong sinh tử hãy còn không thể nghe, hướng chi là mắt thấy. Chúng sinh thọ thân thật đáng chán lìa. Tại sao tu phước tạo nghiệp chỉ vì ngã? Người có tâm bi không hành như thế. Trong một sát-na không xa lìa tâm bi, luôn vì chúng sinh làm bạn thân, nên không hành tạo phước vì ngã. Người thương thức ý vị của công đức, tu phước được tự tại, được người khác báo ân với pháp vị thù thắng. Trong mộng hãy còn không tu phước cho bản thân mình, hướng chi là lúc tỉnh. Dùng trí nên có thể thấy được lỗi lầm nên trọn không tạo phước để cầu hữu. Tâm bi là hoàn toàn không vì giải thoát nên tu phước. Người trí nên xả bỏ nghiệp cầu hữu (thọ thân), người bi nên xả bỏ nghiệp giải thoát. Vì sao? Vì người bi tạo lợi ích cho mọi người, cần có trí tuệ không gì hơn để tạo tác bình đẳng. Nhân nơi phước là một, nhưng quả nơi phước không gì sánh bằng. Từ mười lực đạt được trí, vì chính mình

được an lạc mà xả bỏ an lạc lợi tha, gọi là người bội ân, chỉ có Phật mới có thể nhận biết. Từ Phật được nhận biết, nên tất cả chúng sinh là bạn tu phước của mình. Giả như đạt được quả mà chỉ một mình thọ dụng đó gọi là người bội ân. Đạt được an lạc là vô cùng khó khăn, há đạt được rồi chỉ một mình thọ dụng? Như vậy, bậc trượng phu đó vì xả bỏ tất cả, giả như đạt được an lạc của ngàn Niết-bàn nhưng không tạo lợi ích cho nhiều người, thì không bằng cứu giúp một chúng sinh khổ. Vì sự lợi tha này hơn hẳn việc đạt được an lạc của ngàn Niết-bàn. An lạc của giải thoát hãy còn không nên thọ nhận một mình. Vì sao? Vì thấy chúng sinh nơi thế gian không có lối về, không ai cứu độ. Thế nên an lạc của giải thoát hãy còn không thọ nhận một mình, hưởng chi là Bồ-đề Vô thượng.

**

Phẩm thứ 17: GIẢI THOÁT THÙ THẮNG

Lại có những cảnh giới của tam muội định tuệ, chúng sinh thấy đều làm Phật. Do có tam muội này nên không muốn giữ lấy giải thoát. Hạnh đầu đà trừ bỏ tất cả lỗi làm xấu ác, đạt tịch diệt, làm thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý. Người cứu tế chân thật vì chúng sinh khổ nên không thủ chứng giải thoát.

*Định tuệ bi tự tại
Thấy các khổ thế gian
Người chân thật cứu đời
Trọn không vượt qua bờ.*

Như sóng biển suốt mùa không vượt qua giới hạn, người tu hành bi, trăm kiếp khổ hạnh, nếu có thể cứu độ một người cũng trọn không gắng sức ra khỏi sinh tử, có thể được giải thoát, nhưng vì chúng sinh nên ở lại nơi sinh tử. Đối với ba loại thí trong tất cả mọi lúc, thường như lễ hội. Người không chỉ vui với niềm an vui của

mình mà còn tạo an lạc cho người khác, ngày đêm ở trong sinh tử nhưng là không ở, mà được hoan hỷ an lạc như ở Niết-bàn. Bồ-tát thường vì chúng sinh tạo nghiệp lợi ích, thấu hiểu được pháp vị hoan hỷ an lạc. Bồ-tát ngay cả trong mộng, luôn được hoan hỷ an lạc hơn hẳn giải thoát. Bồ-tát được pháp vị tạo an lạc cho người. Hết thấy chúng sinh không đạt được ý vị chứng đắc giải thoát. Người trí nếu được giải thoát nhận biết ý vị hoan hỷ an lạc của sự lợi tha, tất sẽ trở lại tạo lợi ích cho chúng sinh. Người sợ hãi sinh tử vì lợi ích cho chính mình, mong cầu giải thoát cho là an lạc vô cùng, không bằng Bồ-tát lúc thọ nhận thân năm ấm hoan hỷ vui thích, vì sẽ tạo lợi ích cho mọi người. Nếu chỉ tự một mình nhận chịu khổ não bức bách mới có thể đi vào Niết-bàn. Nhưng là tất cả chúng sinh đang nhận chịu khổ bức, vì sao xả bỏ họ để nhập Niết-bàn? Người chỉ thấy tự bản thân mình bị khổ bức nên nhập Niết-bàn. Người có tâm bi thấy tất cả chúng sinh khổ đều trụ nơi tâm mình, thì đâu có thể xả bỏ họ để vào Niết-bàn? Nếu có thể đem lại hoan hỷ, tạo an lạc cho người khác, đó tức là Niết-bàn. Nếu không như thế tức là sinh tử. Người có tâm bi bình đẳng đối với chúng sinh, hoan hỷ tạo an lạc cho họ tức là tạo lập Niết-bàn. Chư Phật đã khen ngợi nói: Nếu người giải thoát hoan hỷ, an lạc như tạo lợi ích cho một người, thì được người trí yêu mến. Nếu người ban cho người khác sự an lạc sâu xa không suy tánh công sức đó tức là giải thoát. Người có tâm bi tức vì người khác tạo an lạc, không mong cầu quả báo, nếu có thể hành tác như thế tức là giải thoát. Nếu không được như thế tức là sinh tử. Nếu người vì bản thân mình cầu đạt an lạc, đó tức là khổ. Xả bỏ sự an lạc của mình, vì người khác cầu an lạc tức là Niết-bàn. Chúng sinh ở thế gian vì nhằm phá trừ khổ nên gọi là giải thoát. Người tu bi có thể phá trừ khổ của kẻ khác tức là giải thoát thù thắng. Người phá trừ khổ cho người khác thì cả hai đều được an lạc. Có người trí nào xả bỏ hai giải thoát để giữ lấy một giải thoát? Người thế gian nói: Người có trí đạt được giải thoát. Bồ-tát khởi tư duy như vậy: Ta không tin lời nói ấy. Có

người trí nào xả bỏ việc cứu giúp người khác đạt an lạc để chỉ giữ lấy giải thoát? Tự bản thân mình được an lạc, lại có thể tạo sự an lạc cho người khác, thì sự an lạc trong ba cõi hơn hẳn an lạc của giải thoát. Bồ-tát vì các chúng sinh thọ nhận khổ là hơn hẳn người khác vì bản thân mình đạt được giải thoát an lạc.

*
**

Phẩm thứ 18: TẠO LỢI ÍCH CHO NGƯỜI KHÁC

Chúng sinh nơi thế gian, vì sự an lạc của chính mình, nên ở trong sinh tử thân tâm luôn mỗi mảy. Tâm Bồ-tát được nghỉ ngơi nên tâm bi luôn tạo nhiều lợi ích. Người khác ở trong sinh tử, ngoại trừ pháp đối trị, hầu như không có gì an lạc. Bồ-tát, ngoài việc đem lại lợi ích cho người khác, lại càng không có gì an lạc hơn. Bồ-tát được hoan hỷ an lạc khi thực hành lợi tha. Người nhận biết lợi tha tức là tự lợi, nên xả bỏ lợi ích của chính mình, quý trọng lợi ích an lạc của người khác, nhận biết lợi ích an lạc của người khác tức là lợi ích an lạc của mình. Lúc nhận biết lợi ích an lạc của người khác tức là vì sự an lạc của chính bản thân mình. Người có thượng, trung, hạ. Kẻ ngu thấy người khác có được an lạc thì sinh tâm khổ não. Hạng người trung bình, khi mình khổ thì nhận biết được khổ của người khác. Hạng người trên hết lúc thấy người khác an lạc thì tâm sinh hoan hỷ, thấy người khác khổ thì như bản thân mình bị khổ. Trong bốn nhiếp pháp, Bồ-tát cùng người khác hành đồng lợi. Thế nào là đồng lợi? Nghĩa là người khác khổ tức là mình khổ, người khác an lạc tức mình an lạc. Đó gọi là đồng lợi. Tâm bi bình đẳng không có ý tưởng về cái khác. Bồ-tát và chúng sinh đồng khổ, đồng lạc. Tự bản thân mình, Bồ-tát đặc biệt sinh tâm khổ não. Vì sao? Vì không thể cứu độ trừ khổ cho chúng sinh. Không quán quá khứ, không xét vị lai, tùy ý của chúng sinh, thực hiện pháp đối trị diệt khổ, tự ý của

Bồ-tát cũng như ý của người khác. Chúng sinh ở thế gian ban lợi lạc cho người khác còn trông mong đền đáp, Bồ-tát ban lợi lạc cho người khác không cầu được báo đáp. Bồ-tát tuy tâm bi luôn bình đẳng yêu thương tất cả chúng sinh, nhưng đối với các chúng sinh trong chỗ bị oán ghét lại ban cho sự lợi lạc gấp bội. Lúc ở bên cạnh các chúng sinh bị oán ghét ban cho sự lợi lạc, tâm Bồ-tát vô cùng hoan hỷ, như lúc xả bỏ thân mạng có được sự hoan hỷ, gọi là bình đẳng, nếu không như thế gọi là không bình đẳng. Ở trong sự oán ghét ban cho lợi lạc gấp bội, gọi là hành trì xứng hợp với tâm bi. Bồ-tát đối với mọi chúng sinh cùng sinh tâm bi, nhưng đối với chúng sinh hành ác sinh tâm thương xót gấp bội. Ví như trưởng giả giàu lớn chỉ có một người con, nên tâm thương nhớ con tận cùng trong xương tủy. Bồ-tát thương nhớ tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Như có người con xấu ác không muốn cha mình có được sự nghiệp hơn mình, đó gọi là bội ơn. Tất cả chúng sinh bị oán ghét, đối với Bồ-tát đồng một vị xấu ác. Bồ-tát đối với các chúng sinh ấy luôn đồng một vị tâm bi. Chúng sinh ở thế gian được báo ân thì sinh tâm vui mừng. Nếu Bồ-tát ban cho những người bị oán ghét sự lợi lạc, trong tâm sinh khởi hoan hỷ bội phần, vượt quá các chúng sinh kia. Chúng sinh ở thế gian nếu lúc mạ lỵ người khác nhưng họ không báo thù thì vui mừng vô cùng. Lúc Bồ-tát bị người khác nhục mạ thì tâm vô cùng hoan hỷ. Người có tâm ái ở trong ba cõi thấy đều hiện bày khắp. Tâm bi của Bồ-tát cũng hiện hữu khắp trong ba cõi. Bồ-tát thương xót chúng sinh trong địa ngục không như xót thương chúng sinh ngu si tham đắm nơi ba cõi. Chúng sinh ưa thích nơi dục lạc của chính mình, bị sự trói buộc của vô lượng khổ, Bồ-tát vì an lạc lợi tha nên bị vô lượng khổ ràng buộc. Tất cả chúng sinh đều đồng một sự, đều muốn lìa khổ đạt được an vui. Ban cho người khác lợi lạc là pháp hữu vi thù thắng. Tạo lợi lạc hướng về bản thân cũng là nhân của bi và hỷ. Tạo lợi lạc hướng về người khác là hiện bày chỗ sinh khởi bi, hỷ. Tự làm cho bản thân lợi lạc nên sinh khởi tâm bi. Thấy

đạt được lợi lạc đó nên hoan hỷ. Bốn tâm vô lượng là duyên muốn tu tập của nội tâm. Bốn nhiếp pháp là tạo lợi lạc cho chúng sinh, gọi là tối thắng. Người tu bốn tâm vô lượng luôn kết hợp với pháp thế gian và pháp xuất thế gian, vì pháp thế gian, pháp xuất thế gian và bốn tâm vô lượng chính là đồng một cảnh giới. Vì sao? Vì đồng một việc tạo lợi ích cho chúng sinh, đạt được đồng một quả Bồ-đề Vô thượng. Người có tâm bi luôn có thể lợi tha, người trí luôn có thể xả bỏ, không sinh tâm cho là ít có, không sinh tâm cao thấp.

**

Phẩm thứ 19: THÍ THÙ THẮNG ĐỐI VỚI KHỔ CỦA KẺ KHÁC

Bồ-tát khi thấy người khác khổ chính là Bồ-tát vô cùng khổ. Lúc thấy người khác an lạc chính là an lạc lớn của Bồ-tát. Thế nên Bồ-tát luôn tạo lợi ích cho người khác. Chúng sinh phàm ngu lúc thấy người khác khổ thì tự bản thân lấy làm vui thích, thấy người khác khổ không cho là khổ. Bậc hiền nhân tự lấy khổ của mình làm an lạc, đem an lạc cho người khác, không do sự khổ của chính mình. Chúng sinh phàm ngu vì chút ít an lạc của mình mà gây tạo khổ lớn cho người khác. Bậc hiền nhân vì ban cho người khác chút an lạc mà tự mình nhận chịu nhiều khổ. Người hành ác khi tu tập chút nhân an lạc, đạt được an lạc lớn, tuy sinh tâm vui mừng, không sánh bằng Bồ-tát đem chút an lạc tạo lợi ích cho người khác, tâm vô cùng hoan hỷ hơn người kia gấp bội. Bồ-tát thấy người khác nhận chịu khổ thì đem thân mình chịu thay, thân tuy thọ khổ nhưng không lấy làm khổ, trong tâm vui vẻ, sinh hoan hỷ tột bậc. Tâm bi của Bồ-tát được an lạc tự tại, không bị sầu não bức bách do các khổ trong ba cõi. Bồ-tát luôn uống cam lồ đại bi nên không bị các khổ làm khổ, không bị các khổ làm khổ nên có thể nhận chịu khổ của người khác. Chúng

sinh phạm ngu lúc thấy người khác khổ, trong tâm sinh vui thích, lúc thấy người khác an vui, trong tâm sinh khổ sở. Bồ-tát lúc thấy người khác khổ thì mình khổ, lúc thấy người khác an vui thì mình an lạc. Người không có tâm bi lúc thấy người khác khổ giống như mặt trăng thật lạnh lẽo. Người có tâm bi lúc thấy người khác nhận chịu khổ, giống như mặt trời sáng rực nơi mùa hạ. Không hỏi ngu trí, khi thấy người khác khổ, đều sinh tâm chán lìa sinh nhân ưu não. Người có tâm bi luôn sinh thương xót sâu xa, tâm liền quyết định tất cả chúng sinh khổ chính là mình khổ. Bồ-tát khởi suy nghĩ: Nếu không thể phát khởi đại tinh tấn, thì do đâu có thể phá trừ khổ lớn này? Bồ-tát và tất cả chúng sinh luôn đồng lợi, khổ vui đều đồng, nên phải siêng năng chịu khó để có thể thành tựu Bồ-đề. Bồ-tát suy nghĩ: Ta đạt được Bồ-đề rồi nên đem ban cho tất cả chúng sinh, trở lại trong chốn sinh tử, từ lúc mới phát tâm cho đến đạt được Bồ-đề, lại xả bỏ để ban cho chúng sinh, không hề thủ đắc. Bồ-tát vì lợi tha, nên hành trì bốn nhiếp pháp trọn không chán mệt, cũng như đại địa luôn giữ gìn hết thảy các vật không hề chán mệt. Người vì bản thân mình, tự thọ nhận an vui hãy còn sinh chán mệt. Bồ-tát vì người khác tạo an lạc, không hề sinh tâm chán mệt. Bồ-tát vì luôn tạo an lạc cho người, nên thấy khổ nơi A-tỳ cũng như Niết-bàn an lạc, tức đối với các khổ biên khác đâu có gì khiến chán mệt. Nếu vì tất cả chúng sinh thọ nhận sự an lạc, thì tự mình cũng có thể nhận lấy vô lượng khổ nơi địa ngục, nên thường hành tinh tấn dững mãnh, ban cho người khác an lạc, không hề sinh tâm chán mệt. Do nhân duyên gì, vì người khác tạo an lạc không hề sinh chán mệt? Vì Bồ-tát quán xét tất cả chúng sinh đều không thấy có tướng về kẻ khác, tất cả đều như chính bản thân mình. Chúng sinh vì bị kiết sử trói buộc, ở tất cả xứ đều muốn làm hại người khác. Người được tâm bi giữ gìn, đối với tất cả các khổ, không khổ nào là không muốn nhận chịu. Bồ-tát vì người khác nhận chịu sự bức bách của khổ, giống như người khổ vui thích sự an lạc giải thoát. Bồ-tát vui mừng khi thay thế người

khác nhận chịu các sự khổ bức chính là hiện tâm đại bi thanh tịnh. Trí tuệ quán xét người khác nhận chịu khổ tức tâm bi an trụ trong đó. Nơi tâm bi an trụ thì khổ đau không thể trụ, tuy tâm bi ấy lại bị khổ của tất cả chúng sinh ràng buộc. Như vậy, đem lại lợi lạc cho người khác, tâm sinh hoan hỷ hơn hẳn an lạc của giải thoát. Bồ-tát thấy người khác nhận chịu khổ cũng như chính bản thân mình thọ khổ. Bản thân mình được an lạc thì luôn muốn ban cho người khác, tự nhận biết hơn hẳn nơi Niết-bàn. Người có tâm bi thường muốn tự mình thọ nhận khổ để ban cho người khác an lạc. Bi cùng với khổ không thể trong một sát-na cùng trụ. Người làm điều ác thấy người khác khổ thì muốn tránh xa, thấy người khác được an lạc thì tâm không vui mừng. Bồ-tát thấy người khác khổ thì không muốn xa lìa. Người không ái nhiễm thì không trao tất cả nghiệp khổ. Vì sao? Vì trừ diệt khổ cho người khác nên sinh tâm đại hoan hỷ. Bồ-tát ban cho người khác an lạc lớn không hẳn phải hoan hỷ, nhưng thấy người khác ban cho người kia chút an lạc thì tâm vô cùng hoan hỷ. Vì sao? Vì thể tánh là như vậy. Bồ-tát thấy người khác an lạc thì bản thân mình cũng an lạc. Bồ-tát thấy người kia ban cho người khác chút ít an lạc, thì sao lại không sinh tâm hoan hỷ?

**

Phẩm thứ 20: ÁI BI

Nếu người không nhận biết thân tâm thường bị khổ não vây buộc, thì không thể biết được khổ nơi tâm người khác. Người không có tâm bi thì không việc ác nào là không làm. Nếu thấy người khác suy vi họa hoạn mà tâm không dịu dàng an ủi, người này gọi là kẻ hành ác tội bậc. Nếu người có ân nặng thì lúc nào cũng luôn nghĩ đến. Người sắp mạng chung tuy có thuốc hay cũng cho là cực khổ, vì đã hành các nghiệp xấu ác. Kẻ không phước đức, tuy

gặp được cam lồ từ bi cũng khởi tướng cay đắng. Nếu người giàu lớn có nhiều của cải châu báu, chỉ riêng mình thọ dụng không ban cho người khác, nên luôn bị người khác chê trách, tuy có trí tuệ đa văn, nếu không có tâm bi, cũng bị người khác chê trách. Nếu thấy chúng sinh khổ não, nhưng tâm bi khó có được, thì chẳng phải là pháp khí gồm thân, giống như đồ vật bể không thể dùng để chứa nước. Người có tâm bi thấy chúng sinh khổ, tuy không thể cứu giúp, nhưng không thể không than thở: Khổ thay chúng sinh! Thấy chúng sinh bị tham dục, sân giận, ngu si làm tổn hại, những thứ khổ về sinh già bệnh chết luôn là sự bức bách của các khổ, thì than: Lạ thay! Chúng sinh rơi vào khổ lớn này! Chúng sinh nơi thế gian thân khổ, tâm khổ thường bị sự hủy hoại của nghiệp kiết. Hỡi ôi! Lạ thay! Mọi chúng sinh ở thế gian bị khổ não bức bách, có Bồ-tát nào lại không sinh tâm thương xót? Thân trụ nơi dòng chảy xiết, chìm trong biển khổ lớn của sinh tử vô cùng thật đáng sợ hãi! Chúng sinh luôn bị khổ khổ tạo khổ, hành khổ tạo khổ, hoại khổ tạo khổ. Nếu thấy một khổ là đủ để sinh nhân bi, huống gì là thấy đủ cả ba khổ. Chúng sinh ngu si thường bị trăm ngàn các thứ khổ làm cho khổ. Nếu thấy một khổ nên khởi tâm bi, huống chi là trăm ngàn các thứ khổ. Nên nhận biết rõ, đối với các khổ của thế gian, trong mỗi mỗi khổ, người chưa sinh tâm bi cần phải khởi tâm bi, đã sinh tâm bi rồi cần làm cho tăng trưởng, huống gì lại là vô lượng khổ. Nếu nghe nơi thế gian có vô số các thứ khổ, đá hãy còn mềm, huống chi là người có tâm lại không sinh thương xót? Nếu nghe âm thanh thương đau của thế gian rộ lên, cây khô cũng phải sinh thương xót, huống chi là người có tâm lại không sinh tâm bi? Khổ của thế gian cùng một vị, người có tâm hòa dịu dễ sinh khởi tâm bi. Người có tâm bi thì quả Bồ-đề tức ở trong tay.

Phẩm thứ 21: HÀNG TRỪNG PHU GIÁC NGỘ

*Tâm bi rất phong phú
 Lợi tha đã sinh vui
 Người tâm bi nghèo cùng
 Không thể cầu vui này.
 Ngu buộc, ái tự tại
 Tâm bi tức rời xa
 Tâm bi đã bỏ đi
 Các khổ cùng đến tự.*

Ái tự tại là ở trong sinh tử muốn phân chia khổ cho người khác để cùng xoay dòng sinh tử.

Tâm bi là đối với chúng sinh nơi thế gian phân chia mọi an lạc tịch diệt để cùng nhau rời bỏ. Người có tâm ái vui thích ở nơi ba cõi. Người biết lỗi lầm của ái thì vui thích Niết-bàn. Người tạo lợi ích cho người khác thì vui thích tâm bi. Người có ái tự tại thường vui thích thế gian, nên thọ thân là sự vui thích của chính họ. Người tâm bi tự tại cũng luôn vui thích thọ thân, vì tạo an lạc cho người khác. Người ái tự tại thường vui thích theo dục lạc của bản thân để tự trói buộc. Người có tâm bi luôn vì mong muốn ban vui cho người khác nên tự ràng buộc lấy mình. Người ái tự tại luôn vì an vui của bản thân nên không có chán mệt. Người có tâm bi vì ban an vui cho người khác nên không hề chán mệt. Người ngu ái ít, không yêu thích an vui của mình, cũng không yêu thích an vui của người khác. Bồ-tát cũng yêu thích an lạc của chính mình. Chúng sinh ngu si thường chỉ vì mình, hoàn toàn không vì người khác.

*

**

Phẩm thứ 22: ĐẠI TRƯỢNG PHU

Tâm bi của Bồ-tát chỉ có một việc khiến cho bức bách, đó là việc người khác luôn bị khổ não bức bách, ngoài ra không có việc gì khác. Đó gọi là thành tựu nhóm bi. Rồi bỏ Niết-bàn như từ bỏ khổ, thọ nhận thân năm ấm như giữ lấy giải thoát, ban lợi lạc cho thế gian gọi đây là bi. Biết công đức của Niết-bàn, lỗi lầm tai họa nơi sinh tử nhưng không xả bỏ pháp hữu vi. Tất cả như thế đều là công đức của đại bi. Tất cả xứ xa dục, lấy Niết-bàn làm thể, nhưng không thủ chứng Niết-bàn, gọi là người dừng mãi. Vì nhân duyên đại bi nên có thể vào nơi sinh tử, xoay vòng tới lui. Quán xét các cõi đều là diệt, biết rõ chúng sinh đau khổ nên cứu giúp, nên vì họ làm nơi nương dựa. Tâm giữ lấy đại bi, chán ghét thân mình, cầu thân mười lực, ở nơi đại bi đạt được công đức của xứ phi xứ. Như Chuyển luân Thánh vương tuy có ngàn người con, nhưng yêu quý người đầy đủ tướng tốt. Đức Phật cũng như vậy, đối với tất cả chúng sinh chỉ yêu thương người có tâm bi. Chỉ có thể tạo phước nhưng không trí, không bi, gọi là trượng phu. Có phước có trí, gọi là trượng phu thiện. Nếu tu phước, tu trí, tu bi, gọi là Đại trượng phu. Người cần phải có tâm bi. Người có tâm bi thích ứng cùng với mọi thứ ngôn thuyết. Người kính lễ bi là tạo đầy đủ tất cả công đức.

*
**

Phẩm thứ 23: NÓI VỀ BI

Các hàng trời, người, A-tu-la v.v... trong thế gian, thọ thân có vô số thứ khổ. Chỉ có Bồ-tát thấu suốt tận cùng tâm bi, biết rõ tất cả pháp thiện đều lấy bi làm đầu. Người trí nên biết, giống như tất cả các chữ, Tất đàm làm đầu, hết thấy pháp thiện đều đi vào trong bi. Tựa như một nhà, các sắc đều hội nhập. Nếu thấy hư không thanh

tịnh tức thấy đại bi thanh tịnh. Thấy hư không vô biên thì đại bi cũng vô biên. Đức Phật dạy: Nếu muốn hiện tiền thấy Ta, tức nên cung kính đại bi. Nếu muốn thấy Ta, cần phải quán xét ba cõi thấy đều thọ khổ. Khổ vô biên nên đại bi cũng vô biên. Khổ trụ nên đại bi cũng trụ. Đại bi đang an trụ tại xứ nào? Ở trong vô số khổ tụ của sinh lão bệnh tử nơi tất cả chúng sinh cùng các quyền thuộc mà an trụ. Có tâm đại bi nên có thể nhận biết rõ khổ của người khác. Đó gọi là cùng Phật an trụ. Có tất cả công đức của ba loại thí nuôi dưỡng thân cũng như sữa mẹ, đó gọi là đại bi.

*

**

Phẩm thứ 24: THÍ BI TỊNH

Giống như núi Tuyết sản sinh tất cả loại thuốc, núi Tuyết đại bi sinh ra ba loại thí, tất cả công đức, ngoại trừ bi ra lại không có pháp nào có thể tạo an vui cho thế gian. Thí làm thể của bi có thể vì thế gian tạo ra vô số an lạc. Quả báo vô thượng được thành tựu nhờ vào ba loại thí. Bi là nhân của ba loại thí. Tổ mẫu của chúng sinh có thể sinh ra Như Lai. Tất cả chúng sinh đều quy y nơi bậc tối thắng vô thượng, có ai là không cung kính. Có thể sinh ra ba loại thí, đó gọi là đại bi. Công đức đại bi của Bồ-tát là vô cùng nhiều, an trụ trong tâm. Chỉ có một việc không hề xa lìa, không có nhiễm chấp, đó là việc thường tạo lợi ích cho mọi người, không hề chán mệt. Cho nên mọi an vui thế gian, xuất thế gian và an lạc lợi tha đều sinh ra từ tâm bi. Vì thế tôi nay cung kính đối với bi. Đại bi là luôn tạo lợi ích cho thế gian, nên tôi cũng cung kính nơi vô số công đức. Thật như đã nói, có hai loại công đức tối thắng, đó là có thể tạo lợi ích cho người khác và tự làm thanh tịnh tâm bi. Bi luôn làm thanh tịnh bố thí, vì thế tôi nay ái kính bố thí. Thì luôn trang nghiêm nơi bi, tôi cũng ái kính bi, cùng những người có chung tâm ý bi. Lại cũng ái kính bi, vì có thể làm

thanh tịnh thể của tâm. Thí có thể làm thanh tịnh nghiệp đạo, có thể làm thanh tịnh thể của tâm, có thể làm thanh tịnh đạo nghiệp, tức có thể làm thanh tịnh đạo Niết-bàn, có thể làm thanh tịnh đạo Bồ-đề Vô thượng. Bi luôn làm thanh tịnh xả. Không có bi là cầu nhiễm nơi xả. Thí có thể làm thanh tịnh bi. Bi có thể làm thanh tịnh thí. Đó gọi là sự đoan nghiêm của thế gian. Bi có thể sinh khởi tin kính. Cũng như đại địa ĐƯỢC các hoa trang nghiêm. Đại bi cũng lại như thế. Chúng sinh ở thế gian bị mặt trời phiền não thiêu đốt, bức bách. Người đạt được tâm bi đều sinh ra mát mẻ an vui, cũng như vào mùa hạ nóng bức có được làn gió mát lạnh thì mọi sự nóng bức đều dừng dứt.

**

Phẩm thứ 25: ÁI BI THĂNG

Thí duyên thủ, thủ duyên ái, có ái thì có thủ, không có ái thì không có thủ. Có bi tất có xả, không có bi cũng không có xả. Vì ái nên thủ thêm lớn, vì xả nên bi tăng trưởng. Do thọ nhận ân ái nên sinh ái. Oán ghét lỗi lầm tai họa ấy nên tăng trưởng tâm bi. Ái tăng trưởng làm cho bản thân mình vui tức tổn hại đến người khác. Bi tăng trưởng có thể ban cho người khác an vui còn bản thân mình thì khổ. Ái tăng trưởng khiến tổn hại đến người khác, điều ấy chẳng phải là ít có. Người có tâm bi, xả bỏ thân mạng của mình để ban an vui cho người khác, đó là điều hy hữu. Người tham ái gọi là hạng người ngu tối, thấp kém, thường ở nơi bần cùng thọ nhận các khổ não. Người có công đức của bi thường ở nơi giàu sang. Người tham ái không thể đoan dứt, có lúc dừng bước đạt được trí tuệ thì có thể đoan dứt sự dừng bước kia. Người được tâm bi không có dừng bước, vì luôn bố thí cho mọi người. Người có tâm ái có thể chiêu tập tất cả các khổ, thành khối khổ lớn. Người có tâm bi có thể sinh ra tất cả công đức. Nếu bi không xả bỏ nghiệp bất tịnh thì tôi không mong muốn. Nếu như bi không thể

cứu giúp thì tôi cũng không mong muốn. Nếu bi không vui thích cầu quả Bồ-đề thì cũng chẳng phải là điều tôi mong muốn. Người có tâm ái có thể sinh ra tất cả khổ. Người có tâm bi có thể sinh ra tất cả an lạc. Từ nơi bi phát khởi nghiệp thân khẩu, gọi là nghiệp thù thắng. Người có tâm bi luôn có thể vì tất cả chúng sinh tạo an lạc vô tận.

*

**

Phẩm thứ 26: TRÍ BI GIẢI THOÁT

Hai việc trí, bi, việc nào là hơn? Người trí chỉ có thể tự mình quy y. Người bi có thể khiến cho người khác quy y đạo vô thượng. Có bi không trí, chẳng phải là sự yêu mến của người trí. Có trí không bi cũng không phải là điều yêu thích của người trí. Có thể gây chướng ngại nơi đạo vô thượng, nếu trí không tương ưng với bi, cũng có thể gây chướng ngại cho trí nơi đạo vô thượng. Bồ-tát do vì có trí, nên một niệm không vui thích nơi sinh tử. Do vì có bi nên không ham muốn giải thoát. Vị giải thoát như cam lồ, người bi cho là không vị. Như thức ăn ngon không có muối, cho là không vị. Giải thoát tuy ngọt, nếu không có tâm bi thì Bồ-tát cho là không vị. Nếu đại bi cùng hợp với giải thoát, biệt giải thoát, đều nên kính lễ, do đại bi là mẹ của chư Phật. Giải thoát gọi là vĩnh viễn diệt trừ trọn vẹn tất cả sự việc. Tâm bi như câu chú thiện, có thể chú nguyện cho người chết sống lại. Nếu thọ thân sinh tử nối tiếp không dứt, đó là lỗi về thường. Nếu giữ lấy giải thoát, đó là lỗi về đoạn. Lìa bỏ cả hai biên nên gọi là Phật cứu độ tất cả chúng sinh. Nếu không có Phật thì không có giải thoát. Nếu không có tâm bi thì cũng không chứng đắc Phật. Bi có thể phát sinh giải thoát, do sự việc ấy nên Bồ-tát giữ lấy bi. Thể của bi là một nhưng có thể thực hiện hai việc: Một là có thể cứu độ chúng sinh. Hai là có thể phát sinh chủng trí của Phật.

*

**

Phẩm thứ 27: PHÁT NGUYỆN

Bồ-tát tư duy: Tất cả chúng sinh cùng có vô lượng thứ khổ, ta nên phát khởi tâm bi, thành tựu Nhất thiết chủng trí, diệt trừ vô số thứ khổ cùng có của tất cả chúng sinh. Bồ-tát thấy rõ hết thấy các loài mãi chìm đắm trong biển khổ sinh tử vô lượng vô biên, nên có được tâm bi bình đẳng. Người ngu si bị trói buộc không biết vui thích giải thoát nên sinh tâm buông bỏ. Chính từ khối khổ lớn của thế gian đã sinh ra tâm bi thù thắng của ta.

Bồ-tát lại suy nghĩ: Ta có tâm bi quán xét các chúng sinh khổ chưa đạt được đạo quả Bồ-đề, ta làm sao để khiến họ đạt được đạo giải thoát?

Bồ-tát tư duy: Phước của ta thật ít ỏi so với tất cả thế gian, nên nay ta không thể cứu giúp chúng sinh.

Bồ-tát tư duy: Ta nên làm người bạn thân lớn đối với chúng sinh trong ba cõi. Nhưng chúng sinh luôn luôn bị thân khổ tâm khổ bức bách. Vậy ta nay chỉ nên gọi là người sống không gây tạo ác?

Bồ-tát tư duy: Thân ta sống không thể phá trừ khổ của thế gian, không thể đem lại lợi ích cho chúng sinh, thì ta thọ dụng thân này làm gì?

Bồ-tát tư duy: Ta là bạn thân của tất cả chúng sinh, ta nên nuôi dưỡng dẫn dắt, nhất là đối với hàng oán đối nên hành tạo lợi ích lớn cho họ.

Bồ-tát tư duy: Tất cả chúng sinh có thể vì ta tạo nghiệp đúng đắn, nghiệp thiện, không khiến cho một chúng sinh nào tác ý không đúng đắn.

Bồ-tát tư duy: Gọi là lợi tha, là cầu tướng của người khác, đều không thể đạt được hoàn toàn như bản thân mình. Vì sao? Vì người khác tức là lợi mình.

Bồ-tát tư duy: Nếu có nơi chốn có thể nguyện cầu, ta nguyện khiến cho mọi thứ khổ nơi thân tâm của tất cả chúng sinh, trong một lúc cùng tụ tập đến nơi thân ta, ta luôn vì họ thọ nhận, khiến họ được an vui không còn bị khổ nữa.

Bồ-tát tư duy: Ta ở trong đạo Bồ-đề, an trụ nơi tất cả các khổ hiện có, đều có thể nhẫn chịu. Vì sao? Vì chúng sinh luôn chìm đắm trong biển khổ sinh tử, nhưng ta không thể độ thoát.

Bồ-tát tư duy: Tuy có kiết sử nặng nề khiến đạo quả Bồ-đề khó đạt được, như vậy chỉ có hai hạnh bi, trí làm bạn với tâm trọn không hề chán mệt.

Bồ-tát tư duy: Bạc Thiện Thệ đã hành đạo, ta nay nên thuận theo đó mà đi, ở nơi thế gian đem tâm bi ban phát cho chúng sinh, nên suy nghĩ ta như các chúng sinh kia không khác.

Bồ-tát tư duy: Ta nay vì thế gian làm chỗ nương dựa, cứu giúp, phải nên phát thệ nguyện rộng lớn: Nguyện tu trí tuệ đại trang nghiêm, là bạn thiện, mầm trí tuệ của Phật sắp phát sinh nơi ta.

Bồ-tát tư duy: Ta muốn diệt trừ khổ của các chúng sinh, khiến hết thảy đều được an vui, muốn làm tất cả các công việc, nên luôn đem tâm bi chỉ dạy dẫn dắt.

Bồ-tát tư duy: Khổ nơi sinh tử chỉ nghe hãy còn chán ngán. Người có tâm bi có thể nhẫn chịu được mọi khổ của thế gian, vì tâm bi luôn hướng về nẻo không còn sinh tử.

Bồ-tát tư duy: Khổ nơi sinh tử thật đáng chán ghét nên muốn đi vào Niết-bàn, nhưng lời đại bi nói: Chúng sinh khổ não chưa được hóa độ, vì sao từ bỏ mà đi?

Bồ-tát tư duy: Hữu vi gồm đủ mọi thứ khổ, Niết-bàn là sự an lạc xuất thế gian. Nay ta biết rõ sinh tử là hữu vi khổ não, Niết-bàn là vô vi an lạc. Nhưng tâm bi luôn vui thích với ba loại thí.

Bồ-tát tư duy: Ta rất sợ các cõi sinh tử, vì tâm bi cứu độ chúng sinh nên vui thích ở nơi các cõi. Tâm bi nói với Bồ-tát: Tôi khiến ông ở mãi nơi sinh tử không rời xa ông. Vì sao? Vì để báo ân.

Bồ-tát tư duy: An lạc của giải thoát, vì hóa độ chúng sinh nên hãy còn không muốn thọ dụng. Tâm bi ngăn ta khiến không được thọ dụng, huống chi là thứ an vui không bền chắc nơi sinh tử.

Bồ-tát tư duy: Bậc nhất trong tất cả các thứ an lạc được Đức Phật giảng nói là Niết-bàn. Niết-bàn này tuy an lạc nhưng trí ta không muốn đi đến. Sở dĩ trí không muốn đi đến là vì có bi hòa hợp.

Bồ-tát tư duy: Ta nay cung kính hướng đến Niết-bàn. Vì sao? Vì trong Niết-bàn không còn sinh lão bệnh tử. Niết-bàn tuy an lạc, nhưng tâm bi luôn dẫn dắt, vì chúng sinh không thể đi đến. Tâm bi là mẹ của chư Phật, vì thế không thể xả bỏ tâm bi để hướng tới Niết-bàn. Nếu Niết-bàn ở ngay đây ta hãy còn không chứng, huống chi là xa bỏ chúng sinh để hướng về Niết-bàn.

Bồ-tát tư duy: Ta muốn hướng đến Niết-bàn, bi là mẹ của chư Phật luôn gần gũi với ta ban cho dòng sữa. Làm thế nào rời bỏ tâm bi để đi đến Bồ-đề Vô thượng? Giả như không đem lại lợi lạc cho chúng sinh thì ta cũng không mong cầu, huống lại là Niết-bàn.

Bồ-tát tư duy: Không nên hướng đến Niết-bàn mà xả bỏ chúng sinh không nơi chốn nương dựa. Vì tâm bi nên khiến ta không thủ chứng Niết-bàn. Niết-bàn là tận cùng nơi biên vực sinh. Nếu không sinh làm sao có thể cứu vớt chúng sinh?

Bồ-tát tư duy: Người thọ sinh có hai thứ an vui: Một là an vui do cứu giúp chúng sinh. Hai là an vui được giải thoát. Ta làm sao xả bỏ hai thứ an vui để giữ lấy một loại an vui?

Bồ-tát tư duy: Tất cả phàm phu đều cùng có tánh Nhất thiết chủng trí, nên đối với Nhất thiết chủng trí phàm phu dễ đạt được. Thế nên ta yêu mến phàm phu không yêu thích giải thoát.

Bồ-tát tư duy: Tùy theo nơi chốn có chúng sinh khổ, tâm bi được sinh, tâm bi được tăng trưởng, thế nên ta vui thích ở trong chốn ấy. Bồ-tát nói với tâm bi: Ông khiến cho ta được thanh tịnh tăng trưởng, khiến cho tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh, đều được tăng trưởng. Bồ-tát nói với tâm bi: Chúng sinh ở nơi khổ luôn bị trăm ngàn các khổ bức bách. Hôm nay ông nên khiến cho chúng sinh tất đạt được an lạc, nên cùng với ta hoàn thành sự việc này. Bồ-tát nói với tâm bi: Chúng sinh bị tham ái trói buộc, bị sự già chết thâm tóm, ta thấy chúng sinh ở thế gian không nơi quay về, không chốn nương cậy, vì cứu độ chúng sinh nên nhận chịu vô số thứ khổ.

Bồ-tát tư duy: Ta yêu kính bậc đại trượng phu. Thấy có chúng sinh rơi vào nẻo khổ liền xả bỏ mọi an lạc của Niết-bàn, vì nhằm đem lại an vui cho chúng sinh nên tự mình cố gắng thực hành việc này.

Bồ-tát tư duy: Dóc cứu độ chúng sinh đạt được pháp Nhẫn vô sinh, trí quyết định nên được thọ ký. Người được thọ ký, ta nay nên cung kính cúng dường.

Bồ-tát tư duy: Đức Phật chứng đạt mắt thanh tịnh thấy biết khắp, khiến con hiện tiền chấp tay thỉnh cầu Đức Phật, nguyện xin thọ ký cho con!

**

Phẩm thứ 28: CÙNG ĐỒNG PHÁT NGUYỆN

Hiện tại đối trước mười phương chư Phật, vì sự nghiệp cứu độ chúng sinh, con nay xin phát nguyện Bồ-đề: Tất cả việc làm của chúng sinh con đều có thể cố gắng hành trì. Chư Phật đại bi đều khen ngợi chúng con: Lành thay! Con hiện có, hoặc trí hoặc phước, xin hộ trì con đối với tất cả những chúng sinh không nơi chốn quy kính nương dựa đều khiến họ được giải thoát. Xin Đức Thế Tôn khiến cho con luôn không ưa thích tâm của hàng tiểu trí. Đức Thế Tôn khiến

cho con đạt đầy đủ mười lực như Thế Tôn. Nếu lửa dữ kiết sử thiêu đốt tâm của chúng sinh, xin khiến con dùng nước pháp dập tắt ngay lửa dữ ấy, phá trừ ma oán, đạt được trí tuệ của bậc Hiền Thánh, được chuyển pháp luân, dẹp tan phiền não cho tất cả muôn loài. Tùy thuận nơi có hết thảy chúng sinh, con đều cùng một lúc vì họ chuyển pháp luân, tất cả phước đã tạo đều dùng làm việc này. Nhờ phước đức ấy khiến con đạt được pháp thân tối thắng, cũng như hư không hiện bày khắp mọi chốn, đạt được hai loại thân để giáo hóa thế gian. Con nhờ phước này để hòa hợp với chư Phật, khiến cho các chúng sinh không người cứu giúp đều được giải thoát. Vô số các thứ phiền não có tướng sai khác, có thể làm nhân của khổ, do phước hiện có của con, dùng diệu lực của trí tuệ diệt trừ mọi khổ nạn cho chúng sinh. Xin khiến con đem phước này tạo nên ý vị an lạc cho tất cả muôn loài khắp cảnh giới hư không. Xin khiến cho con luôn được viên mãn sở nguyện, đối với đám giặc cướp ám cái (Những thứ ngăn che trí tuệ) thường cướp đoạt công đức của thế gian đều phải khiếp sợ. Xin khiến cho con nhờ vào phước ấy để cứu độ, thâm giữ tất cả chúng sinh. Tùy theo thế gian an trụ bao nhiêu thời gian thì pháp thiện của con cũng an trụ từng ấy. Nhờ vào pháp thiện của con nên tất cả thế gian và xuất thế gian thảy đều xa lìa khổ đạt được an lạc, thường trong một lúc hòa hợp với tất cả chúng sinh.

Bồ-tát tư duy: Từ nay trở đi, con thường thuận theo lời thỉnh cầu của người xin, thọ nhận sự sai khiến, chỉ dạy. Từ nay trở đi, con thường đối với thân mình phát sinh tin hiểu sâu xa, không sinh ý tưởng khác, bao nhiêu mong muốn theo đó ban cho khiến được đầy đủ.

Bồ-tát tư duy: Xin khiến cho con từ nay cho đến lúc đạt đạo quả Bồ-đề không có một lúc nào thân không gặp Phật.

Bồ-tát tư duy: Xin khiến cho con từ nay đối với nẻo sinh tử dài xa, giả như lúc con không gặp Phật, không có một sát-na nào lìa bỏ tâm bi.

Bồ-tát tư duy: Xin khiến cho con mau chóng đạt đến đạo quả Phật đà, thấy rõ những khổ não cùng cực chúng sinh đang nhận chịu đã từng bức não thân con, con đều thay họ để thọ nhận. Xin khiến cho thân con đạt được tâm bi gắn bó tận cùng. Xin khiến cho thân con đạt được thân thọ nhận trí Phật giải thoát.

Bồ-tát tư duy: Xin khiến cho tâm bi của con cũng như hư không, tất cả núi sông, cây cỏ, chim chóc, thú vật, đều nương vào hư không an trụ. Tất cả chúng sinh nơi hết thảy mọi thời gian đều đi vào tâm bi của con, căn thiện của con nương vào tất cả chúng sinh nên được an lập. Dùng những phước thiện của con trở lại ban cho hết thảy chúng sinh, đạt được quả giải thoát. Tất cả đường sá, cầu cống, ghe thuyền, phương sở, đều là của chúng sinh cùng có. Xin khiến cho tất cả các phước thiện của con cũng là của tất cả chúng sinh cùng có.

Bồ-tát tư duy: Đất nước gió lửa nơi tất cả chúng sinh cùng có, khiến cho các phước thiện đã được tu tập của con cũng là của tất cả chúng sinh cùng có. Căn thiện con đạt được là nhân nơi tất cả chúng sinh, xin hồi hướng ban cho tất cả chúng sinh đạt được trí vô ngại.

Bồ-tát tư duy: Các phước thiện con đã tạo, xin khiến cho tất cả chúng sinh được xa lìa cảnh giới của ma, hội nhập cảnh giới của chư Phật. Xin khiến cho con đạt được trí tuệ hiện tiền luôn gồm đủ mười Ba-la-mật như trí Phật, khiến cho tất cả chúng sinh luôn được an lạc ổn định, đạt tâm bất động, hết thảy khổ não hiện có của tất cả chúng sinh đều khiến cứu giúp lẫn nhau. Bồ-tát nói với phước đức: Tất cả chúng sinh bị vô minh che lấp, không biết mình khổ, người khác khổ, ông nên mở bày chỉ dẫn. Lúc Bồ-tát hành bố thí tịnh thủy, luôn khiến cho tất cả chúng sinh trừ hết mọi kiết sử khát ái, đạt được tâm bi nơi đạo vô thượng. Khi con ban cho nước, nguyện cho tất cả chúng sinh tránh khỏi nẻo tham ái vây buộc, luôn luôn được tự tại, được dồi dào pháp tài, khiến phước thiện của con như sông biển. Hoa tâm từ không cầu nhiễm, trì giới làm nền, đáy, bố thí giống như dòng nước chảy

xiết, trừ hết khổ não khát ái của chúng sinh, xin khiến cho tâm bi của con luôn như sông lớn.

Bồ-tát tư duy: Tâm bi của con như biển rộng, giới tịnh như hải triều, nhẫn nhục như sóng dậy, trí tuệ như biển động, tâm từ như nước cùng một vị. Tất cả những người con đã bố thí xin khiến cho chúng sinh thành tựu tâm từ như biển, khiến cho phước bố thí được vị cam lồ của tâm bi, trừ hết sinh già bệnh chết của chúng sinh.

**

Phẩm thứ 29: PHÁT NGUYỆN THÙ THẮNG

Nếu lúc con ở nơi tất cả chúng sinh, phát khởi tâm bi ban cho lợi lạc, nguyện khiến cho đại bi thêm kiên cố, dùng tâm bi diệt trừ khổ của chúng sinh, đều khiến họ cùng đến vậy quanh nơi con. Nay con đem phước của vô úy thí này, khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt được đại bi. Nay con với những công đức nhẫn nhục hiện có, ở đời vị lai khi kiếp nạn đao binh dậy khởi, xin đem tâm bi của con diệt trừ tâm sân hận của tất cả chúng sinh. Do công đức bố thí thức ăn, khi kiếp nạn đói khát xảy ra, xin khiến cho tất cả chúng sinh được ăn uống đầy đủ. Nhờ công đức bố thí nước uống cho chúng sinh, xin khiến cho tâm bi thành tựu an trụ trong tâm của tất cả chúng sinh. Do công đức bố thí y phục cho chúng sinh, xin khiến mọi chúng sinh có được tâm hổ thẹn. Nhờ công đức của nhân duyên bố thí đèn sáng cho Phật, khiến cho con ở đời vị lai đạt được mặt trời của Phật trừ diệt tất cả tối tăm. Nhờ công đức bố thí mắt, xin khiến cho con ở đời vị lai, mong cho tất cả chúng sinh mau chóng đạt được mắt Phật. Nhờ công đức của con từng xả bỏ đầu óc tay chân v.v..., xin khiến cho tất cả chúng sinh đều hướng về tâm Bồ-đề. Do công đức nơi nhân duyên bố thí thuốc thang của con, xin khiến cho tất cả chúng sinh trừ hết mọi thứ khổ của sinh già bệnh chết. Nhờ nhân duyên của công đức

con chỉ dạy người khác cung cấp các vật dụng cần thiết cho chúng sinh, xin khiến cho tất cả chúng sinh thành tựu được đạo Bồ-đề vô lậu vô thượng. Do công đức của nhân duyên con dùng cờ phướn, hương hoa, lọng báu cúng dường nơi tháp Phật, xin khiến cho hết thảy chúng sinh đạt được phước đức cao xa thù thắng. Nhờ công đức của nhân duyên con dùng cờ vải cúng dường Xá-lợi Phật, xin khiến cho tất cả chúng sinh diệt trừ tối tăm, có được ánh sáng. Do nhân duyên con cúng dường âm thanh của linh chuông, xin khiến cho tất cả có được âm thanh của Phạm thiên. Nhờ công đức của nhân duyên cúng dường hương hoa, anh lạc, xin khiến cho tất cả chúng sinh trừ bỏ các thứ kiết sử cấu nhiễm và mọi phiền não xú uế. Nhờ công đức của nhân duyên cúng dường Tam bảo, xin khiến cho tất cả chúng sinh thường xuyên được gặp Tam bảo, không hề thiếu sót. Nhờ công đức của nhân duyên con ở trong những đoạn đường hiểm nạn, vì các thương nhân trừ hết nỗi sợ hãi, xin khiến cho hết thảy chúng sinh ra khỏi sự sợ hãi sinh tử. Nhờ nhân duyên là công đức do con cứu chúng sinh thoát nạn nơi biển cả, xin khiến cho tất cả chúng sinh vượt qua biển cả sinh tử. Nhờ nhân duyên là công đức của căn thiện thanh tịnh nơi con hiện có, xin khiến cho tất cả chúng sinh trừ bỏ bốn loại ma, thành tựu chánh giác, con sẽ đạt được tam Bồ-đề.

Con ở nơi chúng sinh tuy nói lời như vậy, là vì muốn an ủi họ. Nay xin nói lời như vậy: Nhờ công đức này xin khiến cho tất cả chúng sinh đạt được Bồ-đề Vô thượng. Bồ-đề của tất cả chúng sinh tức là Bồ-đề của con. Tất cả chúng sinh bị ngu si che lấp đều khiến đạt được Bồ-đề Vô thượng. Nhờ công đức của nhân duyên này xin khiến cho tất cả chúng sinh thành tựu đạo quả Phật đà trước và con thành tựu quả vị Phật sau cùng. Nhờ công đức của nhân duyên con luôn qua lại trong cõi sinh tử, xin khiến cho hết thảy chúng sinh đều được thành Phật. Nhờ công đức của nhân duyên con phát khởi tâm thiện, xin khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt được trí Phật. Nếu có

người nào thấy nghe, thọ trì, đọc tụng, đều là nhân của việc hành trì đạt đến Bồ-đề Vô thượng. Con mong muốn làm viên mãn tất cả ý nguyện của chúng sinh. Vì nguyện con chưa viên mãn, nếu con thấy chúng sinh khổ, nghe tiếng than khóc của họ, nhờ công đức này xin khiến cho tất cả chúng sinh đều được thành Phật, mọi người đều hoan hỷ khi nhìn ngắm. Giả như con tu các hạnh thiện không thể khiến cho tất cả chúng sinh làm Phật, con hãy còn không vui lắng nghe, hưởng chi là lại thực hành.

Bồ-tát nói với công đức: Ông nếu không thể ủng hộ chúng sinh, làm nơi nương dựa cho họ, tôi cũng không muốn nơi ông có được quả báo. Vì sao? Vì chúng sinh tu phước, không tự vì thân mình. Nếu chúng sinh không còn, thì tâm thiện của tôi như hư không, ở trong ba thời ban phát an lạc cho chúng sinh. Bồ thí do tâm Bồ-đề, được bậc trượng phu thù thắng xót thương phát nguyện. Đây gọi là nói về tâm bi. Cũng gọi là năm loại thuyết giảng. Cũng gọi là cứu độ chúng sinh. Gọi chung là Đại trượng phu hành hiền. Kệ có năm trăm. Sách cổ có tám trăm. *Đại Bồ-tát Đề Bà La* là vị A-xà-lê nơi *Độc Tử Bộ*, sinh tại phương Nam, đã làm xong *Luận này*.

HẾT - QUYỂN HẠ

SỐ 1578/2
LUẬN ĐẠI THỪA CHUỖNG TRÂN

Tác giả: Bồ tát Thanh Biện.

Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN THƯỢNG

Thanh Biện tôi, vì nhằm tạo lợi ích khắp tất cả hữu tình nên chính thức phát đại nguyện Bồ-đề Vô thượng, cùng quán xét thế gian: Thường bị những thứ tâm tứ bất chánh như gió dữ nhiều loạn tâm tương tục, bị lưới tà kiến vây bủa, bị lòng sinh tử trôi buộc, bị tên độc của vô lượng sâu khổ bắn trúng. Vì nẻo hành của các cõi đều xa lìa minh tuệ, nên tôi nương dừng ở chốn như hư không thanh tịnh, dứt trừ mọi hý luận, được an lạc tịch tĩnh, bi nguyện luôn gắn liền nơi lý của Thắng nghĩa đế, không nỡ thấy mọi khổ não tích tập, vì muốn giải thoát các thứ phiền não đã buộc chặt nơi mình và người một cách liên tục, nên trụ nơi không thoái chuyển, du hóa bằng bánh xe kim cương kiên cố, ý lạc tăng thượng, thế nguyện vô biên, không thấy cô đơn trong biển lớn tử sinh, nơi nhận chịu tai họa của vô lượng các khổ, phát khởi tinh tấn bất hoại dụ như kim cương. Vì khai giác sự quán sát chân chánh như vậy, chính yếu là chứng đắc trí không phân biệt xuất thế mới có thể phân biệt đúng về chỗ trước kia chưa biết rõ. Tự căn, thắng giải, cảnh giới hành của tất cả hữu tình đều sai biệt và có thể phá tan chỗ dấy khởi của lưới phiền não, gốc rễ tất cả các khổ

có tập không tập nơi mình và người luôn nối tiếp, có thể vì người khác phát khởi thế nguyện chân chánh, kiên cố thọ trì giới hạnh Đại sĩ. Nhưng muốn chứng đắc trí không phân biệt xuất thế, cần phải tích tập quán tưởng không của tất cả các pháp để không còn điên đảo, có thể phá trừ tất cả mắt mù tà kiến, được thuốc quý An-thiện-na. Tích tập hành quán không, không còn điên đảo, được thuốc quý An-thiện-na như vậy, cần phải an trụ mới có thể loại bỏ tất cả đối tượng duyên theo tự tánh nơi văn tuệ. Do đây, hoặc nương vào văn nghĩa rộng lớn của cửa chánh quyết trạch, đã hội nhập pháp tánh, lại siêng tu gia hạnh thắng tấn, ở đó văn nghĩa rộng lớn được quyết trạch sẽ hiện tiền. Do quá khó nhọc nên tâm sinh biếng nhác, hoặc tuy chưa thể hội nhập pháp tánh nhưng là hàng lợi căn vì nhằm khiến cho họ dễ chứng chân không, mau chóng hội nhập pháp tánh, nên lược bày *Luận Chương Trần* này.

*Chân tánh hữu vi không
Vi duyên sinh như huyễn
Vô vi không thật có
Không khởi như không hoa.*

Đối với tự, tha tông có sự xét lường đều sai biệt. Tuy có rất nhiều biến kế sở chấp, nhưng cảnh của đối tượng nhận biết tóm lược có hai loại: Một là hữu vi. Hai là vô vi. Vì các phàm phu không nhận biết rõ đúng về lý của Thắng nghĩa đế là hữu vi, vô vi, tánh không điên đảo nên vọng chấp tự tánh của các pháp có sai biệt, làm tăng thêm vòm lưới tà kiến. Như ở đời có một họa sư vô trí vẽ hình quỷ Dạ-xoa rất đáng sợ, hoặc vẽ hình người nữ, mắt nhìn ý loạn cho là thật có. Vì chấp là thật có nên tự khởi sợ hãi, hoặc sinh tham nhiễm. Đối với cảnh giới ấy có rất nhiều sự suy lường, tăng trưởng vòm lưới các kiến giải phân biệt. Nếu nhận biết rõ đúng đắn về lý của Thắng nghĩa đế là hữu vi, vô vi có tánh không điên đảo, lúc ấy như có một họa sư trí tuệ ở đời, không chấp vào các hình ảnh kia có tự tánh chân

thật. Chẳng phải như trước đã nói, cảnh giới hữu vi, vô vi có sai biệt, vì lưới tà kiến tự buộc lấy mình như tơ quấn quanh chỗ tầm. Vì cảnh giới ấy không thật có nên tuệ không phân biệt hướng nhập hành thành tự. Vì để hiển bày về nghĩa ấy nên trước biện luận về hữu vi. Vì các thể gian phần nhiều đối với cảnh giới ấy thường khởi nhiều phân biệt nên nói lời này. Chân tánh hữu vi là không, vì duyên sinh nên như huyễn. Ở đây, thể gian đồng cho là có, nghĩa là tự mình cũng cho thể tục là có, nên hiện lượng thể tục sinh khởi nhân duyên cũng cho là có. Mắt v.v... thuộc thể tục để hữu vi, kẻ chặn bò v.v... đều cùng nhận biết rõ. Vì pháp hữu vi như mắt v.v... là thật có, nên chớ làm trái với quan niệm của tự tông như vậy. Vì hiện lượng cùng nhận biết rõ nên lấy chân tánh để phân biệt lập tông. Vì tự thể của chân nghĩa nên nói là chân tánh, tức Thắng nghĩa đế. Vì Thắng nghĩa đế lập hữu vi không, chẳng phải theo thể tục do các duyên hợp thành. Do có sự tạo tác nên gọi là hữu vi, tức mười hai xứ, chỉ trừ pháp xứ, một phần hư không, trạch diệt phi trạch diệt và tánh chân như. Trong đây lại trừ chỗ thừa nhận hư vọng hiển hiện của tha tông. Hữu vi như huyễn v.v..., nếu lập hữu vi là không, lập xong trở thành lỗi. Nếu biến kế sở chấp về cái khác là hữu vi thì theo Thắng nghĩa đế tự tánh là thật có, nay lập là không. Lại như nhãn xứ có một chủng tử hữu vi thì theo Thắng nghĩa đế biện biệt về thể của nó là không. Không và vô tánh, cửa hư vọng hiển hiện có sai biệt, đó gọi là lập tông. Chỗ khởi các duyên nam, nữ, dê, nai, các sự huyễn v.v... tự tánh kỳ thật không hiển hiện chỉ tự như có. Pháp của đối tượng lập và chủ thể lập đều là thông hợp với có, vì đồng pháp dụ nên nói là như huyễn. Tùy theo chỗ thích ứng nên giả nói pháp của chủ thể lập, đối tượng lập là đồng. Vì giả nói đồng nên tất cả không thể đồng với pháp dụ ở trên đều khó khiến cho có. Như nói khuôn mặt người nữ đoan trang như mặt trăng, không thể khiến cho tất cả pháp mặt trăng đều có trên khuôn mặt, tùy theo pháp kết tụng để nói về đồng dụ này. Như thế thứ lớp do nửa tụng ấy là lược nêu về bản xứ nên không có lỗi. Pháp

có được lập đều từ duyên sinh, vì lập nhân này nên nói là duyên sinh. Các duyên như nhân duyên v.v... cùng chỗ sinh nên nói là duyên sinh. Tức là nghĩa duyên nơi chốn khởi duyên được hiện bày. Vì nhằm ngăn chặn phẩm khác lập pháp dụ khác. Phẩm khác không có nên nghĩa ngăn chặn đã thành, cho nên không nói về thời gian giải thích, biện minh. Giả nói phẩm khác để kiến lập tỷ lượng cũng không có lỗi. Vì sao trong đó kiến lập tỷ lượng? Nghĩa là theo chân tánh thì tánh của nhân xứ là không, vì do các duyên sinh. Các duyên sinh là đều theo chân tánh, tự tánh của chúng là không. Như người chăn bò, người nữ v.v... vẫn có chỗ cùng biết rõ. Như chú thuật có oai thần, thuốc men có sức mạnh tăng thêm cho các vật như cây cỏ, đất đá kia. Các duyên đã hiện bày các tướng như nam nữ, voi ngựa, cung điện, vườn rừng, nước lửa, vô số sự huyền diệu gặt kẻ ngu. Nếu tự tánh kia ít có thật, nên chẳng phải là điên đảo.

Nên Đức Thế Tôn nói: Tất cả pháp tánh chẳng phải là chỗ thấy của mắt. Các pháp duyên sinh đều không tự tánh. Những người có trí nếu biết duyên sinh tức biết pháp tánh. Nếu biết pháp tánh tức biết không tánh. Nếu biết không tánh tức là người trí kiến. Lại nói như vậy: Các duyên sinh đều là không sinh, do vậy nên tự tánh đều không sinh. Nếu nói duyên sinh tức là nói không tánh. Người nhận biết không tánh tức là không phóng dật. Ở đây, tất cả Luận giả *Bát không* đều nêu vấn nạn: Nếu lập tất cả hữu vi đều không, liền cho là vô sắc v.v... như duyên nơi sừng thỏ. Trí hiện lượng sinh, lý không thành tựu, giống như duyên các hiện lượng như sắc v.v... hiểu rõ cũng tức nên không sinh. Nhưng sự thật có ấy đều có nội chứng riêng, cho nên tông của ông chống trái với pháp tánh, liền có lỗi làm là trái bỏ hiện lượng cùng có lỗi làm là trái hại sự nhận biết chung, bác bỏ, cho không có tất cả, kẻ chăn bò cùng đồng với chỗ nhận biết rõ về thể như mắt v.v... Các vị có trí, nay phải trừ bỏ bè nhóm cố chấp độc hại, ở trong trụ xứ ấy trí tuệ nên cùng nghĩ bàn. Chỗ lập tông của tôi là sẽ trái hại chỗ sinh hiện lượng trong sự tương tục của

tự tông, là sẽ trái hại chỗ sinh hiện lượng trong sự tương tục của tha tông. Nếu nói chỗ sinh hiện lượng trái hại trong sự tương tục của tự tông, các hiện lượng nhận biết theo Thắng nghĩa đế thì tự tánh đều không, vì do các duyên sinh. Như trong giấc mộng các hiện lượng nhận biết chẳng phải là thật hiện lượng. Thế nên tông của tôi lại không trái hại với chỗ sinh hiện lượng trong sự tương tục của tự tông. Nếu nói trái hại với chỗ sinh hiện lượng trong sự tương tục của tha tông, thì kẻ không mắt tịnh đã hiển bày rất nhiều việc kia, tức chỗ thấy của người mắt mờ là không thật. Tướng búi tóc là mặt trắng ấy là hiện sự hư vọng, trái hại với hiện lượng ứng hợp lý chánh đạo. Vì vậy tông của tôi cũng không trái hại với chỗ sinh hiện lượng trong sự tương tục của tha tông. Nếu tổng tướng nêu chỗ sinh hiện lượng của tất cả thế tục như kẻ ngu, thì nay đây vì không ngăn chặn chỗ có của thế tục nên không dung nạp sự trái hại. Nói có trái hại là cùng nhận biết lỗi lầm, điều đó cũng không đúng. Nếu nói trái hại tự luận cùng nhận biết thì không hợp lý, vì tự luận cho là như vậy. Nêu bày chỗ trái với tự luận là trái với tự tông, chẳng phải là lỗi lầm của trái hại cùng nhận biết. Nếu nói trái hại với tha luận cùng nhận biết cũng không hợp lý. Tất cả việc hưng tạo luận đều nhằm phá bỏ sự cùng nhận biết cái khác. Nếu nói trái hại với chỗ cùng nhận biết rõ như kẻ chẵn bò v.v... cũng không hợp lý. Đệ tử của chư Phật lập tất cả hành đều là sát-na diệt, các pháp vô ngã cũng không hữu tính. Các người Thắng luận nói: Thật khác với sắc v.v... Hữu khác với thật v.v... Các người Số luận nói: Nhận biết thể tánh chẳng phải là tư duy đã diệt, chưa sinh đều là thật có. Đạo lý hiện có của tự tông đã hiển bày rộng các loại như vậy đều nên gọi là cùng nhận biết trái hại, nhưng không nên thừa nhận. Do ở trong đó quán sát các pháp theo Thắng nghĩa đế, chẳng liên quan đến chỗ cùng nhận biết của kẻ chẵn bò. Lại trong sự lập tông, vì dùng Thắng nghĩa đế phân biệt chỗ lập nên nhất định không dung nạp. Như nói sự trái hại, do đây cũng không trái với lỗi của tự tông.

Thuyết Hữu Dư lại nói: Luận giả tánh không theo Thắng nghĩa để để nói các xứ như nhãn v.v... là không, tức có pháp hữu nên không thành lỗi của tông. Cũng có chỗ dựa nên không thành lỗi của nhân. Điều này không hợp lý. Chỗ cùng nhận biết rõ của kẻ chặn bò v.v... thành tựu cực điểm hợp làm tông như nhãn v.v..., tức nói pháp kia dùng làm nhân. Điều này giống như pháp hữu nên không thành lỗi của tông, cũng giống như chỗ dựa nên không thành lỗi của nhân.

Có các Luận giả chánh lý bất thiện nêu lời vấn nạn này: Nếu theo chân tánh thì mắt v.v... đều không, vì do các duyên sinh. Như mắt v.v... đã không thì làm sao duyên sinh? Nếu duyên sinh thì vì sao Thể là không? Tông, Nhân như vậy lại trái nhau, liền trở thành lỗi lầm trái với tông. Đây hoặc là giả nêu lên lỗi lầm của sự việc lập tông, tạo phương tiện để hiển bày nhân không đồng pháp dụ. Hoặc không thành lỗi. Như nói âm thanh là thường, vì tất cả vô thường, phương tiện này hiển bày chẳng phải là tất cả. Nhân có nhưng không sáng rõ thì không thành lỗi, vì âm thanh ở trong tất cả nên cũng không đồng dụ. Như vì sao là thường nhưng chẳng phải là tất cả? Điều này không hợp lý, vì duyên sinh. Nhân và dụ như huyền vì đều cùng nhận biết nên nhân, dụ đều thành. Vì thế vấn nạn của ông trọn không thể khiến cho trí giả vừa ý.

Luận giả Hữu tánh lại nói: Ông nên tin nhận nhãn căn là có tánh, có chỗ tạo tác. Các người không tánh cho là không có chỗ tạo tác, như con của thạch nữ. Nói mắt (nhãn căn) có chỗ tạo tác, nghĩa là sinh nhãn thức. Như đã nói về nhân vì có thể dụng nên mắt nhất định có tánh. Ở đây, nếu theo thuyết kia tức chẳng phải do học mà thành. Tự tánh nơi đối tượng nhận biết của tuệ như kẻ chặn bò v.v... là dựa vào thể tục mà nói, thành lập pháp hữu vi như mắt v.v... là có tánh, mới lập đã thành. Nếu theo thắng nghĩa thì không đồng pháp dụ. Chỉ có nghĩa được yêu thích trong việc ngăn phẩm khác thành lập không hợp đạo lý. Như Luận giả cho âm thanh là thường trụ, tức nói

âm thanh là thường vì tánh được lãnh hội. Bình v.v... là vô thường, chẳng phải là tánh được lãnh hội. Âm thanh đã là đối tượng của sự nghe, thế nên tánh thường. Lại dựa vào thế gian cùng nhận biết về đồng dụ, vì có chỗ tạo tác nên thành nhân tương vi. Chủ thể lập như mắt v.v... đều thuộc về ngôn thuyết của thế tục, vì có tự tánh.

Chỗ khác lại nêu vấn nạn: Hữu vi là không, nghĩa là hoặc nhân hoặc dụ đều thuộc trong đó, do cùng chủng loại nên thiếu về lỗi của tỷ lượng. Nay trong tụng này nêu chung về lượng quả, trong khi quan sát và lúc lập lượng. Mắt v.v... mỗi một biệt lập làm tông nên không có lỗi này. Lập chung tất cả hữu vi làm tông nên cũng không có lỗi ấy, do duyên sinh nên nhân nơi hai tông đều thừa nhận chẳng phải là không thành. Nếu nói mắt là không, vì tánh của nó là không. Nhân của chỗ nêu này có thể có lỗi ấy, cũng chẳng phải vì không có các dụ như huyễn v.v... Nếu trong dụ lập chỗ thuyết giảng về huyễn v.v... dùng làm tông thì liền có lập trùng, nên đã thành lỗi.

Có một số trí giả nêu vấn nạn: Nếu lập tất cả pháp hữu vi là tánh không, thì nhân nơi hữu vi nên tánh của chúng cũng không, tức là cho nhân này có nên không thành lỗi. Sự giống nhau ấy chẳng thành, chẳng phải là chân thật chẳng thành. Như đệ tử của Phật lập tất cả hành đều không có ngã, do có nhân. Có vấn nạn thuộc các hành của nhân ấy, cũng do vô ngã nên có lỗi không thành. Lại, người của Số luận lập các việc hiển bày, dùng sự khổ, lạc, si làm tự tánh của chúng, vì cùng với tư duy phân biệt. Có vấn nạn thuộc các sự hiển bày của nhân này cũng dùng lạc v.v... làm tánh nên có lỗi không thành. Lại, người Thắng luận lập âm thanh là vô thường, vì tánh đã tạo tác. Có vấn nạn về chỗ dùng âm thanh làm thể của nhân này, vì cũng vô thường nên có lỗi không thành. Các loại Luận giả đối địch như vậy, tuy hết sức siêng gắng tìm lập lỗi của Luận giả, như lý của chỗ đã nêu rất ráo không thể phá hoại luận khác. Nếu có lý này, thì chỗ nào, người nào có thể kiến lập tỷ lượng, hủy hoại đạo lý đã nêu về chỗ ưa thích của tôi?

Lại có người nêu vấn nạn: Do duyên sinh nên nhân rốt cuộc không thể lập. Chỗ lập nghĩa thích ứng là do tánh không, như chỗ phát âm thanh, con của Thạch nữ này. Nhân này đối với tự có lỗi không thành. Nếu nói chỗ thừa nhận theo tha tông làm nhân cũng không hợp lý. Do theo tha tông nói về tánh không nên nghĩa ấy chưa rõ. Nếu nghĩa chẳng phải có là nghĩa của nhân thì nhân này không thành phi chẳng phải có. Nếu là hư vọng hiển hiện nghĩa có, là nghĩa của nhân thì âm thanh, con của Thạch nữ rốt ráo là không, tức dụ này là pháp không thể lập. Lại, do âm thanh biến hóa, có lỗi bất định, có thể thành tự vô lượng hữu tình, vì việc lợi lạc. Lại, chẳng phải một mình tha tông là nhân đã chấp nhận, vì chủ thể lập và đối tượng lập không thành một. Cũng như chỗ nhân không thành của tha tông, vì chỗ tổn hại trái nhau với tỷ lượng, có lỗi lầm thái quá luôn theo đuổi như lập tuệ v.v... chẳng phải tâm tương ưng do thuộc hành uẩn. Như lập danh thân v.v... hư không v.v... đều chẳng phải là thường, là chỗ nương dựa của đức, cũng như địa v.v... lập ngã, chẳng phải là tư duy, chẳng phải sự việc hiển bày, giống như tối thắng. Những loại làm hoại tất cả tông như vậy, do lỗi lầm luôn theo đuổi nên nhất định là phải tin hai tông cùng thừa nhận, lấy phương, danh làm nhân. Do đạo lý này, như lỗi đã nêu, không dung nạp thủ đắc về có.

Luận giả Hữu dư chánh lý bất thiện vì làm rõ lỗi của tông nên lại nói: Nếu tự tánh là không thì đối tượng lập và chủ thể lập đều không thành tự. Như chỗ phát âm thanh, con của Thạch nữ thuộc về chủ thể lập, vì ở trong hữu vi nên đồng với chỗ đã lập kia. Tánh ấy cũng không, do đều không nên đối tượng lập, chủ thể lập đều không thành tự. Thuyết kia cho thể của pháp đã loại trừ đối tượng lập, chủ thể lập, tức là loại trừ tự tướng của pháp có, để làm rõ lỗi của việc lập tông. Thuyết kia nhân nơi tự tha cùng không thành, vì không quyết định, vì dụ có lỗi. Như tiếp theo trước đã nói cũng không hợp lý. Tuy thiết lập mỗi khác thì cũng không thể che khuất lỗi lầm của tự tông. Thuyết Hữu dư lại bày ra phương tiện khác biệt để che lấp lỗi của

tự tông nên nói như vậy: Chỗ nêu về chân tánh hữu vi là không, thì sự lập tông ngôn này, về nghĩa chưa rõ. Nếu theo chân tánh thì tất cả hữu vi đều không có thật, là lập nghĩa của tông. Chỗ này đã nói, vì cũng thuộc trong pháp hữu vi nên đồng với các hữu vi là cũng nên không thật. Nếu lời đã nói chẳng phải không thật, thì hữu vi cũng đều chẳng phải không thật. Vì ngôn thuyết này phá nghĩa đã lập của mình, nên gọi là lỗi lầm trái với tự ngôn lập tông. Như lập tất cả ngôn thuyết đều là vọng, nếu căn cứ theo chân tánh thì tất cả hữu vi đều là không thật có, là lập nghĩa của tông, tức hủy báng tất cả đều không thật có. Chỗ lập như vậy liền rơi vào tà kiến. Trong đó như nói: Ngã nhất định nương nơi ngã, ai nói cái khác là nương nhau, người trí khéo điều phục ngã, nên được an vui nơi cõi trời. Nếu theo thế tục nói tâm là ngã thì theo thắng nghĩa để lập là phi ngã, không trái với tự ngôn cho lỗi của sự lập tông này cũng như vậy. Đây là căn cứ theo tánh thế tục nói có mắt v.v... thì theo thắng nghĩa để đều lập mắt ấy là không, nên không có lỗi.

Lại như có thuyết nói: Tất cả pháp sinh đều quy về tử. Lời của Đức Thế Tôn nêu giảng nhất định không hư vọng. Tự thân đã sinh thì cũng phải quy về tử, chúng không hề rời nhau. Chỗ lập tông kia tuy có thể chứng, nhưng tự nó cũng quy về tử. Là chỗ thừa nhận nên không trái với tự ngôn. Lỗi của lập tông ở đây cũng như vậy. Nói căn cứ theo chân tánh hữu vi đều là không, vì các duyên sinh nên chỗ lập tông ngôn cũng phải là tánh không, vì không lìa nhau. Chỗ lập tông ngôn này tuy có thể chứng đắc tánh không của ngôn thuyết chính mình, là chỗ thừa nhận nên không tự phá lỗi của nghĩa đã lập. Như Phạm chí nói: Thế Tôn! Tất cả tôi đều không nhẫn. Phật nói: Phạm chí nhẫn việc này chẳng? Ở đây Phạm chí cố nhẫn việc này nhưng nói: Tất cả tôi đều không nhẫn. Lời nói kia trái với việc đã thừa nhận của mình, nên có thể có sự trái hại. Vì lỗi do lời nói của chính mình, nên chẳng phải tất cả xứ đều có lỗi này. Ở chỗ khác, Đức Thế Tôn nói: Tất cả hành đều không có ngã. Lại, ở chỗ khác nói: Các hành vô

thường, pháp có sinh diệt. Nếu không vậy, thì đã nói các hành vô ngã, vô thường, Phật cũng nên có lỗi như chỗ đã nói, nhưng không có lỗi kia. Như tánh của ngã là tánh thường là ngăn che các hành, sự lập tông ngôn này cũng thừa nhận đồng với không có ngã thường kia. Ở đây, cũng như vậy tức nói hữu vi là không. Chỗ lập tông ngôn cũng chấp nhận tánh không, tức là thuận theo nghĩa thành tựu sự thừa nhận của chính mình. Cho nên ông nói: Lời này là phá nghĩa đã lập của chính mình nên nhân này không thành.

Lại như Số luận lập các sự hiển bày như an lạc v.v... làm tánh, tuy có vấn nạn về sự hiển bày. Nếu dùng an lạc v.v... làm tánh thì chỗ lập tông ngôn cũng nên dùng an lạc kia làm tánh. Chỗ lập tông ngôn, nếu chẳng phải là sự hiển bày của tánh kia, thì cũng tức nên chẳng phải là tánh kia làm tánh, nhưng chỗ lập tông không có lỗi như vậy. Như lập hữu vi, vô thường, vô ngã, cũng không phải như chỗ đã nêu về lỗi của tông. Điều này cũng không có lỗi đã nêu như vậy, vì chỗ thừa nhận của ý. Lại như Luận giả kia không biện hộ giúp chỗ lập mà trở lại nêu vấn nạn. Nếu căn cứ theo chân tánh thì hữu vi không thật, thì lời đã nói về hữu vi không thật cũng nên là không thật. Vấn nạn này không thể tránh khỏi lỗi của tự tông. Nếu vọng thuyết về tha tông tức cũng đồng có lỗi kia. Như giấc ngu si ở đời đã bị trừ bỏ, nhưng không thể tự xóa bỏ mà còn lập đạo lý vu khống lời người khác. Ông cũng là giấc này, vì chẳng phải quán xét kỹ, chỗ phát xuất ngôn từ lại là chỗ nói của người kia. Nếu theo chân tánh thì tất cả hữu vi đều là vô sở hữu, là lập nghĩa của tông, tức là hủy báng tất cả đều vô sở hữu, chỗ lập như vậy là rơi vào tà kiến. Ở đây nghĩa của tông như trước đã nói rộng, nghĩa là không, vô tánh, môn hư vọng hiển hiện có sai biệt, chẳng phải tất cả chủng loại đều đều hủy báng là không, vì vậy ông không nên nêu vấn nạn như thế.

Lại nữa, có Sư khác như Hoài Thông, Duệ Mạn nêu vấn nạn như vậy: Nếu các hữu vi theo thắng nghĩa đế, giống như huyễn là không, không có tự tánh, tức là phi hữu, vì chấp phi hữu, nên liền

là vô kiến. Do muốn che giấu vấn nạn về lỗi của tự tông kia, nên giả bày hủy báng nói: Thà cùng có lỗi chớ nên theo Luận giả không. Do lượng đã lập thành tựu, nên hủy báng thẳng nghĩa để là lỗi lầm lớn. Ở đây nói chẳng phải có, là nghĩa giả thuyên (Giải thích theo lối phủ định). Ông chấp vào lời biểu thị làm rõ này là thù thắng, tôi nói nên ngăn dừng lời ấy là thù thắng. Đây nói chẳng phải có chỉ là ngăn dừng tánh có, công năng ấy hết, không có uy lực, lại càng nói rõ lý lẽ về nghĩa khác. Như thế gian nói: Chẳng phải là nói lựa trắng, chẳng thể tức là chấp. Lời này nói rõ về sự tối tăm cùng với người có thể thuyết tạo lỗi lập tông. Chẳng phải là nói về lựa trắng, chỉ có ngăn chặn lựa trắng, công năng hết lại không còn sức mạnh khác để giải thích khẳng định về lựa đen, lựa đỏ, lựa vàng. Nay ở trong Luận này căn cứ theo thẳng nghĩa để, đối với cảnh của hữu vi đã tránh được biên thường kiến, lại ngăn chặn tánh có. Như thế là ở nơi khác đã tránh được biên đoạn kiến ngăn chặn tánh không. Hai thứ tránh khỏi hai biên cùng ngăn chặn tánh có không. Vì để tránh khỏi lỗi lầm của vọng chấp khác, cho đến chôn hành của tất cả tâm thấy đều ngăn dừng, chôn hành nếu diệt tâm cũng chính thức diệt theo. Lại, ở chỗ khác nói với Tôn giả A-nan-đà: Nếu chấp nơi tánh có tức rơi vào biên thường kiến. Nếu chấp nơi tánh không tức rơi vào biên đoạn kiến. Nơi chỗ khác lại nói với Tôn giả Ca-diếp-ba như vậy: Có là một biên, không là biên thứ hai. Do những A-cấp-ma (Giáo pháp) như vậy và vì phải nêu bày các đạo lý, nên chỗ lập tông của tôi không xúc, như phân không thấy lỗi lầm.

Có người không nữ thấy đạo lý của tự tông có lỗi lầm do vấn nạn được tập hợp nên lại nói như vậy: Luận giả tánh không tuy thường vui cầu tuệ không phân biệt, nhưng luôn phân biệt tánh không tất cả hữu vi vô vi, tức là thành lập biên kế sở chấp, phân biệt hư vọng, mất đi sự an vui của mình nơi tông. Như thế cũng là ngăn chặn nên không có lỗi này. Có kẻ khác lại nói: Đã nêu về nhân

không, hoặc theo thể tục, hoặc theo thắng nghĩa, tức nghĩa nhân đối với mình, đối với người khác đều không thành. Hai tông cùng thừa nhận, không làm rõ về sai biệt. Pháp môn tông tướng làm sáng tỏ về chánh lý, thừa nhận là nhân. Chỗ lập của ông là khó, tựa như lỗi không thành, chẳng phải là thật không thành. Như người Thắng luận lập âm thanh là vô thường, vì tánh có tạo tác. Luận giả về âm thanh thường, nói về lỗi của thuyết kia: Nghĩa của nhân phân biệt là do yết hầu v.v... tạo ra, hoặc do nương dựa v.v... tạo ra. Nghĩa của nhân phân biệt như vậy là không thành. Như người Số luận lập năm căn của hữu tình như chủ thể nghe v.v... chẳng phải là sắc được tạo, vì là tánh của căn. Cũng như ý căn, năm căn như mắt v.v... Luận giả tạo sắc nói về lỗi kia: Vì tánh của căn nên làm nhân, nếu tánh do đại tạo, hoặc tánh như vui v.v... đối với mình với người, nghĩa của nhân phân biệt như vậy là không thành. Hai loại thuyết kia, tựa như lỗi không thành, chẳng phải là thật không thành, nên không hợp lý, điều này cũng như vậy.

Lại, có Sư khác do tham, mạn thông sáng nên ái chấp tự tông làm loạn mắt tuệ, không thể quán sát, khéo nói về sự thô uế của tự luận quý giá được mắt có sai khác, vọng hiển bày nói về lỗi của chỗ lập thí dụ. Chú thuật, thuốc men có sức mạnh gia bị cho các vật như hoa quả, đất đá v.v... khiến vô số các loại sắc như voi, ngựa, thỏ v.v... cùng hiển hiện. Tông của tôi không thừa nhận điều ấy, vì tự tánh của chúng là không, đồng dụ liền thiếu nên chỗ lập là không. Nếu nói các tướng như voi, ngựa v.v... là như huyễn, không có tánh thật khác của voi, ngựa v.v... nên nói là không, thì mắt v.v... cũng như vậy, không có tánh khác, nên lập làm không là liền có lỗi của tông. Do lập đã thành nên vấn nạn kia không đúng. Chú thuật, thuốc men có sức mạnh gia bị các vật như hoa quả, đất đá v.v... các duyên đã sinh ra các tướng như voi, ngựa v.v... thì tánh của voi, ngựa v.v... là không, vì nói là dụ nên nghĩa đã lập được thành. Nếu ông lại cho:

Việc tạo tác ra voi, ngựa v.v... là huyền thuật, tuy tánh của voi, ngựa v.v... không có thật khác, nhưng không thể nói vì kia là tánh không nên đây cũng là tánh không. Há chẳng phải như tướng trạng kia hiển hiện, tức có tự tánh của các vật như vậy hay sao? Như chỗ nêu của ông về các vật như hoa quả v.v... nếu như vậy tức nên tạo ra các sự việc huyền thuật như voi, ngựa v.v... thật có tánh của voi, ngựa v.v... như vậy, nhưng thật sự là không có. Nên biết tự tánh của tất cả các sự việc của huyền thuật tạo tác như voi, ngựa v.v... đều là không, thế nên thật có, như chỗ nói về dụ, nghĩa đã lập thành, cũng không thành lập. Lỗi lầm đã thành là căn cứ theo tự tánh không để thành lập hữu vi không như mắt v.v...

Lại có các vị Tuệ không khác nữa hiển bày riêng biệt về lỗi của dụ. Tuy các người huyền chẳng phải là người thật nên nói là không, nhưng các người huyền kia tự tánh chẳng không, vì có hư vọng hiện ra thể tướng của người. Do đạo lý này, nên như câu nghĩa đã lập ở trước là không thành, vì dụ không thành. Nay nên cất vấn người kia: Hư vọng hiện thể tướng của người huyền này là từ duyên sinh chăng? Người kia đáp: Điều này là từ duyên sinh. Nếu như vậy thì vì sao lại gọi là hư vọng? Do như chỗ hiển hiện chẳng có như vậy. Há chẳng phải như mắt v.v... cũng từ duyên sinh? Như chỗ hiển hiện không có như vậy, là đồng dụ thành, nên nghĩa của tánh không thành. Ông nên tin nhận. Người kia nói không nên tin nhận, vì các người huyền chẳng phải như người thật. Có thể quán sát kỹ để chờ đợi người thật kia, vì hư vọng này nên gọi là không. Chẳng phải các ông lập lia chỗ nêu ở trước về hữu vi như mắt v.v... là riêng có mắt v.v... Có thể quán sát kỹ chờ đợi điều kia lại nói về điều này. Tánh không như mắt v.v... có thể khiến tin nhận. Tuy không xa lia chỗ đã nói về mắt v.v... riêng có mắt v.v... ấy, nhưng có duyên sinh của tánh không như thế, nên hai pháp đối tượng lập và chủ thể lập thành tự. Nhưng do dụ này là đủ để có thể chứng thành về nghĩa đã dụ. Ông nay nên phân biệt riêng về pháp dụ, liền thành loại lỗi phân biệt tương tự.

Luận giả hiển dịch, cho tuệ của mình là nhẹ, kém. Như người Thắng luận nói âm thanh vô thường, vì tánh có tạo tác, ví như bình chậu v.v... Không nên nêu vấn nạn: Chỗ tạo thành của bình v.v... như đất sét, khuôn bánh xe quay có thể nung đốt, có thể thấy, nên dùng cây gậy đập phá, có thể là vô thường. Âm thanh đã không như vậy, nên chẳng phải là vô thường. Ở đây cũng phân biệt pháp dụ riêng, nên cũng thành loại lỗi phân biệt tương tự nên phải tin nhận. Tánh như mắt v.v... là không, vì tánh không nên không lia nhân duyên sinh. Lại như cùng hiện tức có. Tự tánh như trước đã phá trừ, nên điều này cũng phải như vậy. Nên các ông nói: Không thể xóa bỏ vấn nạn về lỗi của tự tông.

Có Sư của Số luận nêu vấn nạn như vậy: Tôi lập các tụ chuyển biến như đại v.v..., là chỗ hiển bày tánh duyên sinh nên là nhân có lỗi chẳng thành. Tất cả đều có, vì tất cả là thể, vì các căn hiện bày khắp tất cả xứ, nên trong người huyễn kia cũng có Thể ấy. Lập tánh không này không đồng pháp dụ. Ở đây lại nương vào sắc để nhận biết quán sát. Nghĩa là nhận biết các sắc chẳng phải là chỗ hiển bày duyên, vì tùy theo duyên riêng kia nên có chuyển biến khác. Như tùy theo đất, khuôn bánh xe quay, gậy, nên thợ gốm có các duyên sai biệt như tâm vui muốn v.v... mà có bình chậu v.v... hoặc lớn, hoặc nhỏ. Như vậy, mắt v.v... do các duyên sai biệt về sắc nhận biết, là tùy theo nhiều thứ loại chuyển biến dị biệt. Tùy theo mắt sáng, tối, nên nhận biết nhanh, chậm. Tùy theo cảnh giới của sắc như xanh, vàng v.v... có sai biệt, nên nhận biết chỉ giống như xanh, vàng v.v... hiển hiện có khác. Thế gian hiện thấy là vật được hiển bày, không tùy theo duyên sai khác kia để chuyển biến. Cũng như ngọc Minh đăng được châu v.v..., ban ngày cùng hiển bày ra nhiều vật như hoàn, xuyên v.v... Sắc nhận biết không như vậy. Như quán xét sắc, nhận biết về mắt v.v... cũng vậy. Nghĩa này thành sự thật nên thế gian cùng biết rõ. Thế nên nhân đã nêu không có lỗi chẳng thành. Lại như ông đã nói thì tất cả đều có tất cả thể là căn cứ vào sự hiển bày hay là căn cứ vào dụng ẩn giấu?

Nếu căn cứ vào sự hiển bày cho tất cả có tất cả thể, là như ở nơi chỗ bình có sự hiển bày là bình, ở nơi chỗ chậu cũng phải có khắp, vì sự hiển bày của bình này có thể hiển bày khắp. Như vậy một bình tức nên hiện bày đầy khắp vô lượng trăm ngàn du-thiện-na xứ. Ở nơi chỗ của bình v.v... cũng nên có đủ. Sự hiển bày của chậu chẳng phải là sự hiển bày của bình, vì bị che khuất, nên sự hiển bày của chậu cũng bị che khuất, vì hình lượng lớn. Do hình lượng lớn nên là chuyển biến lớn đối với hình lượng ẩn khuất. Do đó sự hiển bày của bình, sự hiển bày của chậu cùng ẩn khuất, nên tất cả xứ, thời không thể thủ đắc. Cho nên tông của ông căn cứ vào sự hiển bày ấy, chấp tất cả đều có tất cả thể là không hợp đạo lý. Nếu căn cứ vào dụng ẩn giấu chấp tất cả có tất cả thể, thì chỗ chấp như vậy cần phải quán sát rộng mới có thể nhận biết đúng là thật chẳng phải thật. Sợ văn nêu quá nhiều nên không quán sát rộng. Tông của ông cũng cho người huyễn hiển bày về xứ, người thật hiển bày về không. Chỗ lập dụ của tôi không có lỗi chẳng thành, cho nên nghĩa của tánh không đã lập được thành tựu. Sư Số luận của ông ném gởi vào phi xứ, cũng chẳng phải các căn hiện khắp tất cả xứ, vì có tạo nhân. Như căn nương vào xứ, như vậy có thể vì sinh nhân vui, khổ, si, giác nên bình đẳng, nhiều loại nhân chứng cũng nên nói rộng. Do phá các căn hiện bày khắp tất cả xứ nên trong người huyễn không có thể của các căn, chẳng phải chỗ lập là không. Vì không đồng pháp dụ, thế nên ông thành phân biệt hư vọng, bị mê muội của sự quái dị nên chấp như vậy.

Luận sư Tương ưng có nói như vậy: Ông căn cứ theo chân tánh lập hữu vi là không, vì là duyên sinh. Nếu nói về nghĩa này, tức các pháp hữu vi từ các duyên sinh, chẳng phải là tự nhiên có. theo sinh là vô tánh nên lập hữu vi kia là không. Tức là nghĩa của Sư Tương ưng nêu thành phù hợp chánh lý. Lại nói như vậy: Do nương vào kia nên không, kia thật là không. Do nương vào đây nên không, đây thật là có. Tánh không như thế là chỗ nêu bày như thật của bậc Thiên Nhân Sư. Ý của giáo pháp này nói: Biến kế sở chấp dựa trên y tha khởi, tự

tánh vốn không, chẳng phải là tánh kia. Do chẳng phải như chủ thể giảng giải có tánh của đối tượng giảng giải. Cũng chẳng phải như đối tượng giảng giải có tánh của chủ thể giảng giải. Tự tánh của y tha khởi có trên tự tánh của biến kế sở chấp vốn không. Do kia nên không, tức là sự vọng chấp, vì tự tánh kia là không. Nương vào đây nên không, tức là sự duyên sinh, vì tự tánh này là có. Điều này nếu không tức là đoạn diệt. Ở trên sự việc nào để nói cái gì là không? Sự duyên sinh này tức nêu bày gọi là tánh của y tha khởi. Nương vào đây nên có được tự tánh sai biệt của sắc, thọ, tưởng giả lập tánh chuyển. Điều này nếu không thì pháp giả cũng không, liền thành kiến chấp không. Không nên cùng nói, không nên cùng trụ, tự bị đọa vào nẻo ác, cũng khiến cho kẻ khác bị đọa vào đó. Như thế thành lập biến kế sở chấp tự tánh là không và y tha khởi tự tánh là có, nên khế hợp với chánh lý. Nếu nói nghĩa này, thì tánh y tha khởi cũng vô sở hữu nên lập là không, ông liền bị đọa lạc nơi hàm sâu lỗi lầm, như trên đã nêu. Cũng lại tạo thành lỗi lầm phi báng Thánh giáo của Đức Thế Tôn. Trong đó, hãy còn cùng phát khởi hướng đến thừa khác và các ngoại đạo, vui cầu thiện thuyết, xa lìa người keo kiệt ganh ghét, hung khởi rộng sự tranh luận, huống gì cùng các Sư hướng tới một thừa. Đến lúc luận, ít cùng quyết trạch sự việc này, rộng như nhập cam lộ chân rồi sẽ gồm đủ phân biệt, nên không biện giải nữa, e vẫn dẫn rộng không khiến vui thích. Nói pháp hữu vi từ các duyên sinh chẳng phải tự nhiên có. Căn cứ theo sinh là vô tánh nên nói tánh kia là không. Điều này có nghĩa gì? Nếu nói như nghĩa này thì hữu vi như mắt v.v... dựa trên y tha khởi, không từ nhân sinh, thường không hoại diệt, vì tự tánh của mắt v.v... rất ráo là không, nên nói là không, tức lập đã thành, đồng loại tông với Số luận, Thắng luận v.v... vì đều cùng thừa nhận. Nhưng nói mắt v.v... chẳng phải là chỗ tạo tác không, vì tự tánh không nên nói là không sinh, vì không tánh nên là không. Không nên nêu bày cho theo sinh vô tánh nên nói tánh kia là không. Nếu lúc pháp kia khởi thì theo thắng nghĩa để có tự tánh sinh,

vì sao nói sinh là không tự tánh? Nếu thật không sinh thì thể này là không, không nên nói có thật tánh duy thức. Nếu như vậy thì có lỗi là trái với tự tông. Nếu tánh của y tha khởi tự nhiên sinh, vì không không có nên nói là không, tức là trở lại có lỗi lập đã thành. Đã thừa nhận y tha là do các duyên mà sinh, vì thật chẳng không nên không gọi là không. Tôi thì không như vậy, vì sao nêu thành nghĩa của Su tương ung.

Lại, như chỗ đã nói, do các duyên kia nên là không, các duyên kia thật sự là không. Nương vào đấy nên không, thì đấy là thật có. Nếu nhờ sức của nhân duyên đã sinh ra mắt v.v... thì tất cả thế gian cùng cho là thật có. Đối tượng hành theo giác tuệ ở thế tục của các kẻ ngu này tự như có tự tánh hiển hiện, dùng giác tuệ của thẳng nghĩa để tìm cầu, cũng như người huyễn đều không thật tánh. Thế nên nói do tự tánh kia nên nói là không, thì tự tánh kia thật là không. Nhằm ngăn chặn rơi vào lỗi biên thường như để dứt bỏ lỗi rơi vào biên thường nên nói tánh kia là không. Cũng vì muốn dứt bỏ lỗi rơi vào biên đoạn kiến nên nói tánh này là có. Nghĩa là sức của nhân duyên đã sinh ra mắt v.v... là thuộc thế tục đế, tự tánh là có, không đồng với hoa đóm là vật hoàn toàn không có. Song, căn cứ theo chân tánh lập chúng là không, cho nên nói: Dựa vào đấy nên không, nhưng đấy thật là có. Tánh không như vậy là bậc Thiên nhân sư đã nêu bày như thật. Nếu theo nghĩa này nói tự tánh của y tha khởi là có, tức là thiện thuyết. Tự tánh như vậy, do tôi cũng thừa nhận, nên tùy thuận là thuộc về ngôn thuyết của thế gian. Nhờ hai tư lương là phước đức và trí tuệ, nên thế tục giả lập chỗ dựa là có, pháp giả cũng có. Nhưng lại nói: Ở đây nếu không, thì pháp giả cũng không, liền thành kiến chấp không, không nên cùng nói. Những lỗi như vậy đều không thành.

Lại, nếu kiến lập tánh của y tha khởi theo thế tục nên có, tức lập đã thành. Nếu lập tánh ấy theo thẳng nghĩa đế là có là không đồng pháp dụ. Như đã ngăn chặn loại bỏ chấp tánh có cố định, nên cũng

ngăn chặn loại trừ chấp tánh không là cố định. Vì thế không nên nói lời hủy báng về chỗ thuyết giảng tánh của y tha khởi tăng thêm hay tổn giảm. Nếu nói tông của tôi lập có thật tánh ly ngôn như huyền v.v..., vì đồng dụ không có nên chẳng phải là chủ thể lập. Vì đạo lý thật tánh ly ngôn không thành, nên không có lỗi. Nếu như thế thì chỗ chấp về thật tánh ly ngôn của ngoại đạo, trong chúng ta ai có thể ngăn phá? Họ cũng nói có thật tánh, vì chốn hành của chúng ta chẳng phải là tuệ, chẳng phải là ngôn thuyết. Nếu do sức của các duyên đã sinh ra tánh của tất cả y tha khởi, thì theo thẳng nghĩa đế là có tự tánh, thì kẻ huyền nên có tự tánh của người thật. Nếu có tha tánh cũng không hợp lý, vì nơi con bò không thể có tánh con lừa. Tánh tạo tác phi tạo tác, thật có thật không, có tánh không tánh cả hai đều thấu nhận. Như chỗ lập này không đồng pháp dụ, hoặc mới lập đã thành, vì cả hai lỗi đều nhiễm nên không hợp lý.

Lại, các pháp hữu vi từ duyên sinh, căn cứ theo thẳng nghĩa đế, nếu cho là có tánh thì chỗ tạo tác làm nhân, chúng tánh không ấy là trừ bỏ tánh có kia, nên chỗ lập tông có lỗi là trái với tỷ lượng. Các pháp từ duyên sinh đều cùng nhận biết rõ. Tánh có của thể tục nếu có chấp cố định thì thẳng nghĩa đế cần phải dùng lý này để ngăn phá tông kia.

Lại, tông kia không phải thuộc Luận này. Theo thẳng nghĩa đế phân biệt thành hai loại là không hợp lý.

Lại, như đã nêu, chẳng phải như chủ thể giảng giải có tánh của đối tượng được giảng giải, cũng chẳng phải như đối tượng được giảng giải có tánh của chủ thể giảng giải. Các Luận giả đối địch ở nơi sự vô ngại này, nên nói lời ngăn dứt, là mới lập đã thành lỗi.

Lại như chỗ nêu giảng, tự tánh của y tha khởi có trước, tự tánh của biến kế sở chấp vốn không, đây cũng là luận khác. Ở nơi vô ngại này nên nói lời ngăn dứt là lỗi lập đã thành. Nếu nói do chấp tự tánh

của biến kế sở chấp nơi chủ thể giảng giải, đối tượng được giảng giải có lực sinh các phiền não, nên cần phải ngăn dứt, điều này cũng không đúng. Các loài cầm thú v.v... không biết rõ về sự tương ưng của chủ thể giảng giải và đối tượng được giảng giải, cũng ở nơi cảnh giới chấp không như lý nên sinh phiền não. Có đủ các chủng loại nên có thể tạo ý lạc, cũng có nhiều loại Thánh ngôn vi diệu. Không giáo về tự tánh của biến kế sở chấp chỉ tạo lợi ích cho phần ít, không hiện bày khắp tất cả. Tôi không lập riêng về không. Nên dừng lại sự luận bàn về chuyện phụ đề có thể biện biệt về chánh luận. Như thế là như trước đã nói về đạo lý, tức đã thành lập đủ tự tánh của mắt là không.

Lại có Sư khác nêu vấn nạn như vậy: Điều này có thể ngăn phá về lời nói có tự tánh. Nếu là thật có mắt chỗ lập tông thì nhân thành bất định. Nếu chẳng phải thật có, tức là không tự tánh, không thành chủ thể phá, đây cũng không đúng. Như Đức Thế Tôn nói, Phạm chí nên biết. Tất cả chỗ đã nói về thật chẳng phải là thật. Tôi đều nói là chẳng phải thật, chẳng phải vọng. Do Thánh giáo này và các điều đã nói, sẽ nói về đạo lý, căn cứ theo thắng nghĩa để thì thật và chẳng thật đều không kiến lập, cho nên không có lỗi như chỗ đã nêu.

Lại như ý của ông đã nói về đạo lý, do đối tượng ngăn dứt không có nên chủ thể ngăn dứt cũng không, chẳng phải chủ thể ngăn dứt là không nên đối tượng ngăn dứt liền có. Chỉ do bản tánh của đối tượng ngăn dứt là không nên chủ thể ngăn dứt cũng không. Chủ thể ngăn dứt chỉ có thể biện giải rõ về đối tượng ngăn dứt là tự tánh vốn không. Chẳng phải là có thể phá hoại tự tánh của đối tượng ngăn dứt. Như nói: Bồ-tát không thể cho tất cả pháp là không không, nhưng bản tánh của tất cả pháp là tự không, cho đến nói rộng.

Lại như lúc chủ thể chiếu soi chiếu đối tượng được chiếu, không nên nói cho vì đối tượng được chiếu là các vật như bình, áo v.v... là không, nên chủ thể chiếu cũng không. Cũng không nên nói: Các vật của đối tượng được chiếu, tánh xưa không nay có.

Lại chỗ lập của tôi, là chủ thể ngăn dứt, đối tượng ngăn dứt, chủ thể lập, chủ thể phá, có điên đảo, không điên đảo đều là có của thể tục. Nếu ông ngăn phá đối tượng lập, chủ thể lập, tức là trái với tự tông. Ở đây nói chủ thể ngăn dứt tức nên chẳng phải là chủ thể lập, vì tánh không thật. Như chỗ phát ra âm thanh về con của Thạch nữ, ông đã cho là có, có thể lập tỷ lượng, tôi cũng nên như vậy, vì thể tục là có. Như trước đã nói, chỉ dùng sự tranh biện rộng khắp, vì có nhiều người chán ngại về văn nghĩa được bàn rộng rất khó thọ trì. Vì tỷ lượng không có các chương nạn như đã nêu ở trước như thế, nên đã lập tông. Nghĩa là căn cứ theo chân tánh thì đạo lý tánh không của nhãn xứ thành tựu.

Lại, chỗ lập về nhân duyên sinh, nên lược nêu danh tướng, là ngăn chặn chỗ nói về tự tánh như mắt v.v... Lại có nhân khác, nghĩa là có thể hủy hoại, nên theo duyên khác là có thể sinh khởi, nên có lúc có thể khởi trí chánh, tà. Do những nhân này, như chỗ ứng hợp tùy đối tượng được đối trị, nên đã ngăn chặn phá bỏ đúng. Lại có thuyết nói: Tánh của mắt là thật có, vì nhân quả của tướng kia đều hiện có, nên chẳng phải thật tánh không hiện có tướng v.v... hiện thấy tướng như mắt v.v... cùng hiện có. Cho nên mắt v.v... chẳng phải thật tánh là không. Ở đây, căn cứ theo thẳng nghĩa không đồng dụ nên tánh có không thành. Nếu theo thể tục cùng nhận biết thật tánh thì liền lập đã thành. Lại nương vào nhân đồng dụ nên thành trái nhau, vì đồng dụ chỉ có tánh thể tục. Như căn cứ theo chân tánh thì nhãn xứ là tánh không, thì nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ, sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp xứ, tánh không cũng như vậy. Hành giả tu quán, cũng nên ngộ nhập tánh không như thế. Lại ứng hợp với tông và biệt theo chân tánh kia thành lập uẩn, giới. Duyên khởi niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn lực, giác chi, Ba-la-mật-đa, các Tam-ma-địa, môn Đà-la-ni, các vô ngại giải, mười lực, vô úy, pháp bất cộng, trí Nhất thiết trí v.v... đều có tự tánh là không. Hành giả tu quán, cũng nên ngộ nhập tánh không như thế.

Lại, biến kế sở chấp và ngã chấp lớn của các ngoại đạo chỉ có lượng căn lớn, câu nghĩa hữu vi như thật đức nghiệp thấy đều thuộc trong mười hai xứ, là tướng kia. Hành giả tu quán cũng nên ngộ nhập về tánh không như thế. Tuy do sức suy tư, chọn lựa như vậy, nên ngộ nhập tánh không thiếu sức tu tập. Ví như cánh của các chim mới sinh chưa có tác dụng. Thế nên phải siêng năng tinh tấn hành tập sức tu tập. Như người mắt bị mờ, nhờ thuốc hay có thể diệt trừ sự mờ tối của mắt nên mắt được thanh tịnh. Ngoài các vật thô, lớn, cảnh giới của các vật rất nhỏ như ruồi muỗi v.v... cũng thấy rõ. Nhờ sức siêng năng tu tập như vậy, nên có thể trừ bỏ sự chấp giữ tướng hữu vi nơi tà trí nghi hoặc cấu uế. Tu hạnh chân quán, lúc mới hiện tiền, không do duyên khác để thọ nhận hỷ lạc vi diệu. Không giữ lấy tất cả tướng hữu vi. Không giữ lấy tất cả vật thí, người thí, người nhận. Do không chấp giữ tất cả người thí, người nhận và quả thí nên hai loại ba luân đều được thanh tịnh. Như vậy mới có thể chánh cần thân nhận vô lượng tư lương phước trí. Hai thứ gánh nặng trọn không tham cầu, quả hiện hay chẳng hiện cũng không hề vui thích. Việc hiện tại, quả vị lai của sự thân cận cúng dường, chỗ yêu thích có đức nơi vô số thiên thần cũng không vọng chấp. Đức là tác giả, ngã là tác giả. Tánh của trời Đại Tự Tại cực vi v.v... thường tu đại xả. Những sự việc như vậy, đều do chánh lý đã nói, sẽ nói, chứng đắc đối tượng được phá, chủ thể phá của tất cả hữu vi, vô vi, là pháp tánh không. Như Đức Thế Tôn nói: Bồ-tát không nên an trụ nơi các sự việc để hành bố thí. Đều là *vô sở trụ* để hành bố thí, cho đến nói rộng. Lại, như Đức Thế Tôn nói: Nếu các Bồ-tát chuyển theo tướng hữu tình thì không nên gọi là Bồ-tát chân thật. Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Không có một ít pháp gọi là có thể phát khởi hướng tới thừa Bồ-tát. Các Bồ-tát này hãy còn không mong cầu Bát Niết-bàn nên siêng tu phạm hạnh, hưởng gì lại vui thích sinh tử nơi ba cõi. Chánh tu như vậy là đã quán tánh không của tất cả pháp hữu vi. Lại nên chánh quán, hoặc tự tánh không tức

là không có sinh. Hoặc không có sinh tức là không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Đối với ba đời ấy không có chướng ngại. Chánh quán ba đời đều là tướng thanh tịnh, nương vào lý không điên đảo đã nêu ở trước. Ba luân thanh tịnh hướng đến Đại Bồ-đề. Như có người hỏi Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi: Vì sao Bồ-tát hướng đến Đại Bồ-đề? *Đáp*: Phạm chí! Nên như Bồ-đề. Lại hỏi: Vì sao gọi là Bồ-đề? *Đáp*: Phạm chí! Đây chẳng phải là quá khứ, cũng chẳng phải vị lai và hiện tại, vì thế Bồ-tát nên quán ba đời đều là tướng thanh tịnh, ba luân thanh tịnh hướng đến Đại Bồ-đề.

HẾT - QUYỂN THƯỢNG

LUẬN ĐẠI THỪA CHUỖNG TRẦN QUYÊN HẠ

Như vậy là đã nói về hành giả tu quán theo tông tướng ngộ nhập về tánh hữu vi không, nhưng chưa ngộ nhập về tánh vô vi không. Nếu không khai thị thì không do đâu để ngộ nhập. Nếu không ngộ nhập thì không có tuệ phân biệt. Nghĩa là hành hướng nhập trọn không thể thành tựu. Vì khai thị nên lại nói lời này: Vô vi không có thật, không khởi giống như hoa đốm giữa hư không. Trong đó, đã phân biệt về ngôn từ lập tông, tức chân tánh trên cần có ý phân biệt nhận xét, nên biết như trước. Căn cứ theo chân tánh nên lập vô vi là không, chẳng phải căn cứ theo thế tục, chẳng phải là hữu vi nên gọi là vô vi. Ngược đối với hữu vi là nghĩa vô vi, tức là hư không trạch diệt, phi trạch diệt và tánh chân như. Nghĩa là trừ một phần pháp xứ ở trước đã ngộ nhập sáng rõ, nên tánh không của hư không là để khai thị. Chỉ căn cứ theo không, không có vật chất ngại, thế gian cùng lập tên là hư không. Do đây là môn ngộ nhập tánh không của vô vi còn lại, tức là chỗ nhận biết về hư không của thế gian này. Theo chân tánh nên là không, không có thật. Đó gọi là lập tông. Tức chỗ lập này căn cứ theo chân tánh nên không thật có hư không. Do hai tông đều cho là không khởi. Hoặc giả lập là pháp không khởi, nên gọi là nhân. Vì hoa đốm giữa hư không là không thật, cũng không khởi nên lập là đồng dụ. Không nói phẩm Ngã dứt khác lập là không đồng pháp dụ. Nên biết như trước, vì sao ở đây kiến lập tỷ lượng? Nghĩa là căn cứ theo chân

tánh, hư không là không thật, do không khởi. Các thứ không khởi, kể ngu, người trí cùng nhận biết, tánh ấy không thật cũng như hoa đốm giữa hư không. Vì nhân đã lập này không khởi, nên chỉ lược nêu về danh tướng. Lại có nhân khác, chẳng phải là đối tượng tạo tác nên chẳng phải là chủ thể tạo tác, không hoại diệt. Các nhân như vậy có thể ngăn chặn chỗ thuyết giảng về tự tánh của vô vi, cho nên như chỗ ứng hợp đều được làm nhân. Như nói ông nên giữ tô lạc này trong tay, chớ cho chim chóc đến gần, khiến cho chỗ giữ gìn không bị hao tổn cấu nhiễm, cũng phải ngăn chặn các loại mèo, chuột.

Sư Tỳ-bà-sa đều nêu vấn nạn: Nếu chỗ lập tông về vô vi là không thật, là nghĩa không có, là đẳng chí không xứ, tức không có đối tượng duyên, thì vì sao có thể có? Nhưng không chướng ngại là tướng của hư không. Đây là hoặc theo phương tiện lập tỷ lượng để nói, đẳng chí không xứ thật có đối tượng duyên, hoặc cảnh thật có là đẳng chí. Hoặc cảnh nơi đối tượng duyên của đẳng chí này như đẳng chí khác, hoặc như duyên kia. Đẳng chí khác ấy và đối tượng duyên kia là hữu vi. Đã biện biệt về tánh không tức không đồng dụ. Đây là theo thẳng nghĩa để biện luận về tướng hư không. Nếu theo chỗ lập của thế tục thì hư không cũng chẳng phải là thật có, do không khởi, cũng như hoa đốm giữa hư không. Do tỷ lượng này nên chỗ kiến lập thật có kia không thành. Lại, tức do đây nên tôi đã nói về nhân. Ông nói vì cảnh nơi đối tượng duyên của đẳng chí nên nhân có quyết định lỗi lầm trái nhau. Vì vậy nghĩa đã lập trước của tôi thành tự, vì không chướng ngại.

Tự Bộ, Tha Bộ có người nói như vậy: Nếu căn cứ theo chân tánh, hư không là không thật, do không khởi, nên nghĩa của lời nói ấy là chuẩn. Khởi là đều thật. Nếu nói người khởi cũng không có thật, tức là nhân này không hiện bày khắp nhân đồng phẩm, tánh không thành. Đây là nghĩa chuẩn. Loại lỗi tương tự giống với lỗi không thành. Đây là lời thẩm định. Các người không khởi đều không có

thật. Không phải là lời thăm định tức các người không thật thấy đều không khởi. Tuy siêng năng dũng mãnh phát khởi không gián đoạn, nhưng không hiện bày khắp đồng phẩm cũng thừa nhận là nhân nên không có lỗi này.

Có vấn nạn nêu: Hư không có tánh, thế gian cùng nhận biết. Hoa cũng có tánh. Ôt-bát-la v.v... thế gian hiện thấy. Hoa đóm giữa hư không có hai loại, tuy không tương ưng, chẳng phải là không có tự tánh. Nên hoa đóm giữa hư không dụ cho chỗ đã lập không thành. Vấn nạn ấy không đúng. Hoa đóm này là dụ cho cách giải thích thứ sáu: Chuyển y sĩ huấn. Vì hoa của hư không nên gọi là không hoa. Đây đã là không phải có nên dụ cho không phải không.

Do đạo lý này nên Hành giả tu quán nên ngộ nhập đúng tánh không của hư không. Đối với ba loại vô vi như trạch diệt v.v... theo đạo lý tánh không cũng phải ngộ nhập.

Các Sư Tỳ-bà-sa không nỡ ngăn phá trạch diệt vô vi. Họ lại nêu vấn nạn: Đức Phật nói trạch diệt là để đối trị hữu vi nên gọi là xuất ly. Nếu hủy báng cho là không thì các ông liền có lỗi lầm là trái với tông. Lại, Đức Thế Tôn nói: Các thọ của hỷ, tham cùng hành tận diệt gọi là Niết-bàn tịch tĩnh vi diệu. Vì sao nói là không? Ở đây, Đức Thế Tôn muốn khiến các hữu tình được giáo hóa, ở nơi cảnh hữu vi siêng tu chán lìa, ở nơi cảnh vô vi tùy thuận an lạc. Căn cứ theo thế tục nói có trạch diệt xuất ly, Niết-bàn tịch tĩnh vi diệu. Như Đức Phật nói có hữu tình hóa sinh, nên nói có Niết-bàn vô vi cũng như vậy. Vì cho điều này là có nên không có lỗi trái với tông. Song căn cứ theo chân tánh ngăn phá trạch diệt. Nên Đức Thế Tôn nói: Các hữu tình tìm cầu Niết-bàn có tánh, Ta nói là người si mê đệ tử của ngoại đạo, cho đến nói rộng. Lại nói: Như Lai không thấy có sinh tử và Niết-bàn. Nói Niết-bàn là Như Lai giả lập, trong ấy đều không có tự tánh của Niết-bàn, cho đến nói rộng. Cũng không có lỗi lầm phi báng Thánh đế. Do căn cứ theo thế tục nói có ái khổ rốt ráo không sinh, nên xuất ly

đạt Niết-bàn tịch tĩnh vi diệu không điên đảo. Chẳng phải theo thẳng nghĩa nói có ái khổ rất ráo không sinh, nên bản tánh tịch diệt gọi là diệt đế. Do Thánh giáo này và lý đã được thuyết giảng căn cứ theo chân tánh nên nói không có trạch diệt, không có lỗi này.

Có Luận giả Chánh lý bất thiện khác nói như vậy: Chỗ lập tông ngôn về vô vi là không thật. Vô vi đã không, thì chỗ lập không thành. Chỗ dựa không thành, vì hoa đốm nơi hư không là không, nên pháp có không thành, tức nhân dụ lập tông đều có lỗi lầm. Vấn nạn này không đúng. Sức của tướng được nêu bày ở nơi chỉ không có nhưng có vật chất ngại lập làm hư không. Do tuệ phân biệt lựa chọn, ở nơi chỉ không có phiền não sinh khởi lập làm trạch diệt. Do thiếu các duyên, ở nơi chỉ không có các pháp sinh khởi lập làm phi trạch diệt. Ở nơi chỉ không có tất cả chỗ chấp lập làm chân như. Sức của tướng được nêu bày cho là có giả lập về hư không v.v... nên không làm rõ sai biệt. Do sức cùng thừa nhận nên lập chung là pháp có. Sai biệt được ngăn chặn loại trừ chẳng phải là chỗ cùng nhận biết, lập làm pháp tông. Không khởi kia v.v... cùng với chỗ nhận biết rõ lập làm pháp nhân, thế nên không có lỗi nhân lập tông.

Đã nói về không hoa, tuy là sự không có, là pháp có của pháp không khởi v.v... có tánh vô tánh, do đó lập nghĩa của chủ thể thành, đối tượng thành, nên pháp không có, không thành lỗi.

Sư Tỳ-bà-sa lại nói: Điều này cũng không đúng. Trạch diệt là thật có, vì là đối tượng duyên của đạo, vì trái với phiền não, chẳng phải là pháp không thật có thể có sự việc này. Lời này chỉ có ngăn chặn Phạm Di, như ngăn chặn tánh thật có của hư không. Trước đã phá đầy đủ, không nên chấp nữa.

Các Sư thuộc Kinh Bộ đều nói: Lập hư không v.v... đều chẳng phải thật có. Tỷ lượng như vậy là lập rồi liền thành lỗi. Nếu theo nghĩa này để nói thì sắc có ngăn ngại cùng vô tánh làm thể, chẳng

phải lập rồi biện luận cho tánh kia là không, nên chỗ lập tông ngôn là vô vi không thật. Lời này chính là để loại trừ chấp trước về tánh thật có, cũng lại dựa vào đây để loại bỏ chấp trước về tánh thật không.

Sư Đồng Diệp Bộ lại nói: Các sắc trong khe hở gọi là hư không. Vì tông của tôi lập chúng là hữu vi. Ông đã loại bỏ vô vi, lập rồi thành lỗi, vì tự tánh của hữu vi như trước đã loại trừ nên cũng không đúng. Sư Tỳ-bà-sa và Độc Tử Bộ chỗ chấp phần nhiều là đồng, nên phá bỏ như tông kia.

Các Sư Luận Tương ưng lại nói: Ở trên thắng nghĩa lại không có thắng nghĩa. Chân như tức là thắng nghĩa của các pháp, nên căn cứ theo thắng nghĩa để nói chân như là không. Lời này xứng hợp với lý. Nhưng nói chân như chẳng phải là thật có, điều này không xứng lý. Vì sao trí không phân biệt xuất thế cùng với thế trí hậu đắc thanh tịnh này duyên nơi cảnh vô vi là ứng hợp chánh lý? Thật không hợp lý. Như nói thế trí duyên nơi cảnh vô vi là không hợp chánh lý. Trí này như vậy duyên nơi cảnh hữu vi cũng không hợp lý. Chẳng phải chấp chân như thật có là ứng hợp lý. Tánh thật có này vì khó thành lập, nên trí duyên nơi chân như, chẳng phải là trí không phân biệt xuất thế đích thật. Vì có đối tượng duyên và vì cùng với hữu vi nên như thế trí duyên này. Cho nên kinh nói: *Này Mạn-thù-thất-lợi! Tuệ nhãn làm sao thấy?* *Đáp:* Tuệ nhãn đều không có đối tượng thấy. Lại nói: Vì sao gọi là thắng nghĩa đế? *Đáp:* Ở trong đó trí hãy còn không hành hướng chi là các danh tự. Lại nói: Phạm chí! Bồ-đề của Như Lai không phải có thể hiện quán. Khế kinh lại nói: *Này Mạn-thù-thất-lợi! Thế nào là kiến đế?* *Đáp:* Trong đó không có một pháp nào có thể thấy để nhớ giữ. Các Khế kinh này, không thừa nhận trí không phân biệt ấy là có thể hiện quán và duyên nơi chân như. Lại, chân như kia chẳng phải là chân thắng nghĩa, vì là đối tượng duyên, cũng như sắc v.v... Lại, ông đã nói ở trên thắng nghĩa lại không có thắng nghĩa. Những lời như vậy, nếu cho ở trên ấy là không, không có pháp ấy nên gọi là

không, thì trên các thứ vải lụa lại không có vải lụa, những người chần dề cũng cùng nhận biết rõ. Những người kia cũng nên gọi là người thấy chân lý. Lại vì để đối trị các ác kiến, nên nói về không như vậy. Ở trên thắng nghĩa lại có thắng nghĩa, vì loại ác kiến này chưa từng có, tức không nên ngăn chặn người kia thuyết về không như vậy. Lại, chân như kia tánh chẳng phải là thật có, trái với thuyết như trước đã nói, vì lý của tỷ lượng. Như nói Như Lai không thấy sinh tử cùng cho là Niết-bàn, đã nhận biết rõ đúng chẳng phải có chỗ khởi phiền não điên đảo, vì bản tánh rốt ráo là tự tánh không sinh. Bản tánh rốt ráo đã nhận biết đúng như vậy, chẳng phải là nhận biết đúng, chẳng phải là không nhận biết đúng. Do Thánh giáo này nên biết chân như chính là sự diệt trừ vĩnh viễn tất cả phân biệt, chẳng phải là tánh thật có, chẳng phải là lìa không phải có. Thật tánh nơi chân như, chuyển y là tướng, thành tự pháp thân. Do đặc quán không là đạo đối trị chân thật. Tất cả chủng tử của biên kế sở chấp phân biệt các thứ phân biệt là chỗ dựa trong thức dị thực vĩnh viễn đoạn trừ không còn sót. Do nhân duyên không nên rốt ráo không sinh. Bản tánh không sinh, bản tánh thường trụ, đó gọi là Pháp thân chuyển y của Như Lai. Như Khế kinh nói: “Này Mạn-thù-thất-lợi! Nói Như Lai tức là gốc rốt ráo không sinh, pháp thường không sinh đó gọi là Như Lai, cho đến nói rộng”. Nếu nói chân như tuy lìa ngôn thuyết, nhưng là thật có, tức là ngã của ngoại đạo với danh tướng sai biệt, nói là chân như. Như chân như kia, tuy là thật có, nhưng theo thắng nghĩa thì những phân biệt về có không phải có là không thành. Ngã cũng như vậy, ngoại đạo kia cũng chấp ngã. Tuy là thật có, hiện bày khắp, thường trụ nhưng tác giả, thọ giả đều lìa phân biệt. Do chẳng phải là xứ hành của ngôn ngữ, vì không duyên với giác tuệ phân biệt nên gọi là lìa phân biệt. Trong giáo kia nói: Ngôn thuyết không hành, tâm ý không chứng, nên gọi là ngã. Tướng của ngã đã như vậy nhưng lại nói: Trí duyên chân như có thể được giải thoát, chẳng phải là duyên nơi trí của ngã. Điều này có khác biệt gì? Điều là vô ngôn thuyết, vì có thật tánh, nên

chỉ chấp nơi bè nhóm. Nói lời như vậy: Vì ngã không thể tin nhận như thế nên giống ngã, chân như là thật có chẳng phải có. nên dừng lại sự tranh luận rộng, vì có các hữu tình chán sợ đối với văn nghĩa quảng diễn khó thọ trì. Đã hội nhập chân cam lộ là phân biệt đầy đủ. Lại có người thuộc thừa yếu kém, thừa đồng loại nói như vậy: Mười hai xứ gồm thân hữu vi, vô vi nhất định là có tự tánh. Do có mười sáu hành Thánh như khổ v.v..., quán bốn Thánh đế, nên siêng năng tinh tấn tu tập hai đạo là kiến đạo, tu đạo, nên có thể diệt trừ tất cả lửa dữ phiền não thuộc ba cõi do kiến đạo tu đạo đoạn, cùng khiến các khổ nơi ba cõi chấm dứt. Nếu không mở bày chỉ rõ tánh không của các pháp, thì ai có thể xả bỏ lỗi lầm như vậy. Ai lại có thể tu các công đức như thế? Ba cõi tuy có tự lương nhưng căn tánh thẳng giải có sai biệt, nên hiện quán Thánh đạo cần phải không sai biệt. Tất cả như vậy tôi đều tin nhận, vì nhằm đoạn trừ phiền não chướng. Nương vào lý của thế tục nên đạo kia có sai biệt. Nếu lìa sự chứng nhập tánh vô ngã của pháp thì không thể đoạn dứt vĩnh viễn sở tri chướng. Đại sư nên thành phần ít giải thoát vì không nêu, cho giải thoát không sai biệt với giải thoát chẳng? Thật có thuyết này, vì đều đồng với giải thoát phiền não chướng. Lại nói như vậy: Chẳng phải là tất cả chúng loại. Ví như lỗ chân lông cùng với hư không rộng lớn, tánh tuy đồng nhưng chẳng phải là không có sai biệt. Nếu không như vậy thì không thể phát khởi tác dụng của quả thù thắng là thần thông như ý đã chứng đắc nên chẳng phải là cứu cánh chân thật. Nên dừng lại sự bàn luận phụ để biện biệt về chánh luận.

Hành giả tu quán như đã ngộ nhập nơi chỗ suy lường về không như hư không v.v... của tự tông, cũng sẽ ngộ nhập nơi chỗ suy xét về các câu nghĩa không như tự tánh, sĩ phu, cực vi, tự tại, thời, phương, thọ mạng.

Trong đó, Luận giả Tự tánh, Sĩ phu nói lời vấn nạn như vậy: Tông của tôi cho tất cả ba cõi đều chuyển biến như hoa đóm nơi hư

không, chẳng phải là không có hoa đốm nơi hư không. Do các tông kia là có đồng dụ không thành, trái với chỗ lập. Nay nên cất vấn: Ông nói tất cả ba cõi đều chuyển biến tợ như hoa đốm nơi hư không. Ba cõi như vậy là không hoa hay chẳng phải là không hoa? Nếu nói ba cõi đều là không hoa, thì trái hại với tự tông và sự nhận biết chung nên không hợp đạo lý. Nếu nói ba cõi chẳng phải là không hoa, thì đó là không có đồng dụ thành tự, làm mất bản tông của ông. Nếu nói không hoa không mất, thì chỗ nêu về vô thanh nơi ba cõi là có tánh lại nên quán xét kỹ. Ông cho là tôi nói về *không hoa* là không đồng pháp dụ hay nói về *không hoa* là đồng pháp dụ? Nếu ông cho tôi nói về *không hoa* là không đồng pháp dụ, là sự xét kỹ sai, xấu, vì tôi nói *không hoa* là đồng pháp dụ. Nếu nói *không hoa* là đồng pháp dụ, tức chẳng phải là ba cõi. Không nên nói: Vì ba cõi là có, nên pháp dụ kia cũng là có. Lời này làm rõ tuệ của chính ông là nhẹ, kém. Lại, sự giải thích bằng phủ định nói: Ngăn chặn, dứt bỏ là hơn hết. Ngăn chặn nơi đối tượng được ngăn chặn rồi, công năng liền hết, không thể lại nêu sự sai biệt của đối tượng được ngăn chặn. Những ngôn từ vấn nạn như vậy đã giải thích đầy đủ ở trước, nên chẳng phải là chỗ tin nhận theo tâm của bậc trí.

Các Sư Số Luận lại nói như vậy: Ngã tuy không thể hiện bày sự thân gần, thành lập sĩ phu tối thắng, nhưng căn cứ theo phương tiện thành lập các tự biến dị cùng nhận biết, thì thể kia là thật có, đó là các sự hiển bày, tánh có làm nhân, có chủng loại. Tất cả các chủng loại có đều thấy, tánh có làm nhân, như mảnh gỗ đàn v.v... Sự hiển bày vì đã có chủng loại này nên tánh có làm nhân. Sự hiển bày như vậy có chủ thể thọ dụng và đối tượng thọ dụng. Hết thấy các đối tượng thọ dụng đều thấy có chủ thể thọ dụng, như sự thọ dụng thức ăn uống của Bà-la-môn. Vì sự hiển bày đã là đối tượng thọ dụng nên có chủ thể thọ nhận. Tỷ lượng như nói ở trước liền là chỗ trái hại của lượng đối địch. Ở đây là căn cứ theo thể tục, nếu dùng tổng tướng lập các

sự hiển bày, tánh có làm nhân, không biện luận sai khác, tức lập đã thành. Nếu lập sự hiển bày như vui v.v... làm nhân, tức không đồng dụ, nhân cũng không thành. Chủng loại như an lạc v.v... chẳng phải là cùng thừa nhận. Nếu dùng tỷ lượng thành lập nhân nơi ngôn từ thì bốn uẩn đều là tánh si của vui, khổ. Tánh uẩn này như thọ uẩn, ở đây đã nói si chẳng phải thọ uẩn gồm thân nên đồng dụ không thành. Lại, sĩ phu của ông có nhiều thể tướng hiển bày khắp, có nghĩa tích tụ, tức là nghĩa của uẩn. Do sĩ phu này nên nhân thành bất định. Lại, an vui v.v... của ông đều khác biệt, không thể mỗi mỗi lập tông, là tánh của uẩn nên nghĩa nhân không thành. Nếu căn cứ theo thắng nghĩa, có thật mảnh gỗ đàn, tánh có làm nhân, vì chẳng phải cùng thừa nhận nên đồng dụ không thành. Lại, căn cứ theo thế tục, nếu dùng tổng tướng lập các sự hiển bày, có chủ thể thọ nhận, nên không biện luận về sự sai biệt, liền lập đã thành, thế gian cùng nhận biết, vì người thọ nhận là có. Nếu lập sự hiển bày là có thật, người thọ nhận thường trụ hiện bày khắp, tư duy là tự tánh, đồng dụ không thành. Thể tướng như vậy, các Bà-la-môn chẳng phải là cùng chấp nhận. Nếu căn cứ theo thắng nghĩa thì đồng dụ không thành, người thọ dụng ăn uống đều thật có tánh. Vì chẳng phải là cùng chấp nhận, nên tỷ lượng như trước nói không có lượng đối địch có thể làm trái hại.

Các Sư Thắng luận nói như vậy: Các hơi thở ra vào, nhắm mắt, mở mắt đều khiến cho ý hành động. Tướng như căn biến chuyển nhất định có tướng đối tượng là tướng chủ thể như thấy khói v.v... Đây là căn cứ theo thế tục, nếu dùng tổng tướng lập các tướng kia thì nhất định có tướng đối tượng, nên không luận về sai biệt, liền lập đã thành, vì thế tục cùng nhận biết về ngã, chẳng phải là không. Nếu lập tướng kia thì có tướng đối tượng ngã thường trụ hiện bày khắp. Chỗ dựa như an lạc v.v... tức không đồng dụ, vì trái với chỗ lập. Nếu theo thắng nghĩa cũng có dụ như vậy là lỗi không thành. Thời, phương, không v.v... do đạo lý này cũng nên ngăn, phá.

Các Sư Thắng luận lại nêu vấn nạn như vậy: Cự vi cùng với ý ngã lập vô vi, thành lập nhân không vì không khởi là nhân tự chẳng thành. Nếu cho hai việc ấy là thuộc hữu vi, thì thành lập nhân duyên sinh của không tức nhân khác chẳng thành, nên thành một phần ít ngộ nhập tánh không. Nếu ý cự vi theo thể tục cũng cho là vô vi, thì có thể có vấn nạn này. Nhưng ý đã lập lại chẳng phải là nhân sinh của trí vô vi, cũng như sắc v.v... Vì câu nghĩa có tánh đồng dị như vậy, là nhân của niệm trụ, nên những nhân khác này, như sẽ phải nói. Lại, các cự vi cũng chẳng phải là vô vi, vì có thể thành nhân, giống như sợi tơ v.v... Ngoài ra, có các nhân hợp, ly, đồng, dị v.v... như vậy tùy theo chỗ thích ứng nên nói. Hoặc có hai cự vi đã thành vật thô, chẳng phải là thường làm nhân, là chỗ thành cũng như bình v.v... Như thế, ngoài ra đều là chỗ tạo tác nên có thể hoại diệt, là nhân có, các nhân này, tùy chỗ thích ứng nên nói. Do đạo lý này, nên chỗ vọng chấp cái khác, ý cùng cự vi đều là tự tánh không, cho nên không có lỗi như đã nêu.

Như trên đã nói dùng vô số đạo lý để ngăn phá câu nghĩa Số luận, Thắng luận. Chỗ chấp nơi câu nghĩa của các luận như không áo, bình v.v... cũng tùy theo chỗ thích ứng nên lập làm không.

Như thế là đã trừ bỏ lỗi của các vấn nạn rồi, Hành giả tu quán, nhờ sức của chánh tỷ lượng, ngộ nhập chỗ nắm giữ tánh không của vô vi nơi hai tông tự, tha. Tuy trí do văn tạo thành theo sức mạnh của thứ bậc đã nhập tánh không, nhưng nếu thiếu sức tu thù thắng thì chưa có thể vĩnh viễn đoạn trừ chướng ngại cần đoạn. Nên lại tinh cần hành tập sức tu hơn hết. Nếu ở trong đây tùy có một loại là tướng vô vi, hữu gián vô gián, thì khi lại hiện hành tức nên như lý quán tánh không kia. Trừ bỏ tướng ấy, khiến không hiển hiện để ngộ nhập các pháp, là lia tự tánh. Tánh ấy vốn không, vì tánh không nên tướng không thành thật, tức là vô tướng. Do vô tướng nên không có đối tượng nguyện cầu, tức là vô nguyện. Do lia mọi cấu uế của tướng nên

thành xa lia. Lại, tánh lia nên duyên nơi phiền não kia rất ráo không sinh tức thành tịch tĩnh. Vì tự tánh không khởi nên thành không sinh. Do không sinh nên tức không có vô thường, cũng không có khổ, cũng không vô ngã. Lại, vì không sinh nên tức không có tướng. Do vô tướng nên có thể hành một tướng là vô tướng, quán tất cả pháp ngộ nhập không hai. Do hành tướng này nên siêng năng hành tập thắng tu. Nhờ tăng trưởng sức thắng tu như vậy, nên trừ bỏ tướng thô khiến không hiển hiện. Do đây nên khiến cho hành tướng là không chỗ hành. Nghĩa là nắm giữ hành tướng hữu vi, vô vi. Như người bị hoa mắt, do mắt nhắm, nếu bệnh của mắt được trị thì mắt trở lại thanh tịnh. Do không thấy các tướng được nắm giữ trước nay, tuy ở trong đó đã được vô trụ. Nhưng do phân biệt như không hiện hành, nên tâm có công dụng cũng nối tiếp trụ. Vì chưa đạt được chỗ phân biệt như nhận biết rõ về không vô động hiện hành, nên tuệ không phân biệt xuất thế bị chướng ngại. Vì nhằm trừ bỏ chướng ngại kia, nên chánh cần dừng mãnh quan sát như thế. Theo thắng nghĩa nên cảnh của tánh không trên không v.v..., phân biệt cũng chẳng phải là thật có, vì từ duyên sinh, cũng như huyễn v.v... Siêng tu như vậy lại có thể trừ bỏ sự phân biệt như không có. Nhờ trừ bỏ điều ấy nên xa lia hai biên là không và bất không, chẳng còn dùng hành tướng như không, chẳng không để quán xét các pháp. Như nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa, lúc đang hiện hành, đối trên sắc ấy không quán là thường, cũng không phải là vô thường. Không quán là vui cũng không phải là khổ. Không quán là ngã cũng không phải là vô ngã. Không quán là tịch tĩnh cũng chẳng phải là không tịch tĩnh. Không quán là không cũng không phải là bất không. Không quán là tướng cũng chẳng phải là vô tướng. Không quán là nguyện cũng chẳng phải là vô nguyện. Không quán là xa lia cũng chẳng phải là không xa lia. Như vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức ấy, tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp hiện có, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tĩnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, niệm trụ, chánh đoạn, thần túc,

căn lực, giác chi, đạo chi, tĩnh lực vô sắc, đẳng chí, thần thông, mười lực, vô úy, các vô ngại giải, pháp bất cộng của Phật, các Tam-ma-địa, môn Đà-la-ni, Nhất thiết trí nêu trên đều không quán là thường cũng chẳng phải là vô thường, cho đến nói rộng.

Đã có thể xa lìa hai biên như vậy, tức hành diệu có thể sinh trưởng trung xứ. Đây là đạo lý trong xứ lìa hai biên, do như trên nói về hai thứ tỷ lượng hữu vi, vô vi, vì sắc loại là không nên nói là vô sắc. Do vô sắc nên cũng không có các thứ cùng phân biệt, nên không có một ít pháp có thể cùng biểu thị. Nói điều kia đã như thế thì điều này cũng như vậy nên gọi là không biểu thị. Do vô tánh nên đối tượng dựa và chủ thể dựa đều không thành tựu. Vì không có trụ giữ nên gọi là vô trụ. Hoặc tướng hữu vi, hoặc tướng vô vi, hoặc đối tượng phân biệt chẳng phải là đối tượng phân biệt, hoặc chủ thể phân biệt chẳng phải là chủ thể phân biệt, các tướng như thế, vì giác tuệ không hành nên gọi là không hiện. Xa lìa tất cả tướng có, tướng không, do cảnh giới này thức đều không sinh nên gọi là không liễu biệt. Vì vô sắc nên không có hình chất, tức mọi biểu thức của phương hướng đều không có, nên gọi là không biểu thức. Như Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Ca-diếp-ba: Thường là một biên, vô thường là biên thứ hai. Trung gian của hai biên này là không sắc, không biểu thị, không trụ, không hiện, không có đối tượng liễu biệt, không có biểu thức, đó gọi là hành diệu của trung xứ (trung đạo). Quán sát như thật về tất cả pháp tánh, nói rộng cho đến hữu vi là một biên, vô vi là biên thứ hai.

Lại như Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba: Minh và vô minh đều không có hai, không có hai sai biệt. Trong đó chánh trí gọi là hành diệu của trung xứ. Đã có thể xa lìa hai biên như vậy, nên có thể an trụ trên tướng không hai, là chỗ khởi phân biệt của tướng không hai. Cũng có thể nhận biết rõ về chướng ngại nơi tuệ xuất thế không phân biệt đã vắng lặng, an trụ. Như nhân đã nêu, có thể mau chóng đoạn trừ vĩnh viễn, vì đoạn trừ vĩnh viễn chướng ngại kia, tức không

còn phân biệt như thế như thế. Hai nẻo ngữ, ý đều cùng ngưng dứt, chúng đặc vô động, vô hiện, vô tướng, lia các hý luận, chúng nhập thật tánh của các pháp nơi đối tượng duyên vô động, tự tướng nơi diệu trí tương tục an trụ. Tuy siêng năng tu tập quán không thuận hợp nhưng đối với tánh không trọn không tác chúng. Như vậy gọi là tĩnh lự của thắng nghĩa. Như Đức Thế Tôn nói: Tuy tu tĩnh lự nhưng không dựa nơi sắc để tu tĩnh lự. Như thế cũng không dựa nơi thọ, tưởng, hành, thức để tu tĩnh lự. Không dựa nơi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý để tu tĩnh lự. Không dựa nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để tu tĩnh lự. Không dựa nơi thân phân biệt an trụ để tu tĩnh lự. Không dựa nơi tâm phân biệt an trụ để tu tĩnh lự. Không dựa nơi đất, nước, lửa, gió để tu tĩnh lự. Không dựa nơi hư không, mặt trăng, mặt trời, tinh tú để tu tĩnh lự. Không dựa nơi Đế thích, Phạm vương thế chủ để tu tĩnh lự. Không dựa nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới để tu tĩnh lự. Không dựa nơi đời này và đời khác để tu tĩnh lự. Không cao không thấp, chúng trụ vô động để tu tĩnh lự. Không dựa vào ngã kiến để tu tĩnh lự. Như vậy là không dựa nơi các kiến của hữu tình, mạng giả, dưỡng dục, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, ý sinh, Ma-nạp-bà để tu tĩnh lự. Không dựa nơi các kiến chấp đoạn, thường, có, không có để tu tĩnh lự. Không vì lậu dứt hết để tu tĩnh lự. Không vì nhập chánh tánh ly sinh để tu tĩnh lự. Không vì chúng đặc quả để tu tĩnh lự. Không vì rốt ráo không có chỗ tạo tác để tu tĩnh lự. Tuy vì tu tập quán không không điên đảo để tu tĩnh lự, nhưng đối với tánh không, không vì tác chúng để tu tĩnh lự.

Luận giả Tương ưng nói có định chấp: Tất cả đối tượng được chấp giữ và chủ thể chấp giữ đều xa lia, là trí xuất thế gian không phân biệt. Tức ở trong đó khởi tướng chắc thật, siêng năng tu tập. Đối với sự xét kỹ đúng đắn ấy, có kẻ khác nói trí sinh như vậy, tuy không phân biệt như trên đã nói, nhưng vì tùy theo cảnh vô tướng cùng khởi nên phân biệt về tự tánh luôn theo đuổi vì hữu vi. Như

hiện lượng khác có nhận biết phân biệt, nên không thành trí xuất thế không phân biệt. Lại, như chỗ suy tính kia là lia tướng lia ngôn từ nơi thắng nghĩa của chân như, là đối tượng duyên nên như đối tượng duyên khác không thành thắng nghĩa, tức do nhân này nên đều chẳng phải là tối thắng. Như Khế kinh nói: Vì sao ở đây gọi là thắng nghĩa đế? Nghĩa là ở trong đó trí cũng không hành. Lại như hỏi Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi: Nói tuệ nhãn là nên quán như thế nào? *Đáp*: Nếu có một ít đối tượng quán tức chẳng phải là tuệ nhãn. Do tuệ nhãn này không phân biệt nên không quán hữu vi, cũng lại không thể quán nơi vô vi, vì các vô vi không phải là chỗ nên hành của tuệ nhãn ấy. Do lý giáo này tức Luận giả kia cũng nên đoạn dứt định chấp về pháp này. Lại nên xét kỹ nói: Căn cứ theo thắng nghĩa đế thì trí xuất thế không phân biệt như vậy cũng chẳng phải là thật có, vì từ duyên sinh, cũng như người huyễn. Đối với những trở ngại, vấn nạn tạo lỗi lầm hiện có, phải như lý quán thấy để trừ bỏ đúng đắn. Nếu trí có thể dứt trừ định chấp như thế thì ở đây cũng như kia đều có lỗi lầm, nếu không còn siêng năng tinh tấn xét kỹ để khai thị. Những chấp trước như thế đã diệt rồi, đối với tánh nơi cảnh vô tướng của đối tượng nên nhận biết cũng không hành giải, vì thiếu nhân duyên. Trí khác không sinh, do không hành giải, cho nên gọi là hành giải chân thật. Như Đức Thế Tôn nói: Thế nào gọi là hành giải chân thật? Nghĩa là đối với các pháp đều không hành giải, đó gọi là hành giải chân thật. Lại như kinh nói: Bồ-đề của Như Lai đều không hiện quán. Lại như hỏi Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi: Các người kiến đế là nên thấy về những gì? *Đáp*: Không có một chút pháp có thể thấy. Vì sao? Vì phạm có đối tượng thấy biết đều là hư vọng. Nếu không có đối tượng thấy biết mới gọi là kiến đế.

Lại hỏi: Thế nào là siêng năng tinh tấn nên tu hiện quán? *Đáp*: Nếu nhận biết không có một chút pháp nào để tư duy phân biệt như thế là siêng năng tinh tấn nên tu hiện quán.

Lại hỏi: Thế nào là đã chứng hiện quán? *Đáp*: Nếu có thể quán tánh của tất cả pháp đều bình đẳng. Lại hỏi: Có thể thấy tánh bình đẳng của tất cả pháp chăng? *Đáp*: Không thể thấy tánh bình đẳng. Nếu có đối tượng thấy biết tức nên thành thấy biết không bình đẳng. Hiện quán, kiến đế, hành giải chân thật đều đồng một nghĩa. Hành giả tu quán bấy giờ trí của tâm, ý, thức không hành, đó gọi là tuệ chánh hành không phân biệt. Nếu có thể hành không chón hành như thế thì được Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký chân thật. Như Khế kinh nói: Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào tu hành nơi đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng để được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký chân thật? Này Phạm chí! Bồ-tát nếu bào lúc này không hành nơi sinh, không hành nơi diệt, không hành nơi thiện, không hành nơi bất thiện, không hành thế gian, không hành xuất thế gian, không hành hữu lậu, không hành vô lậu, không hành có tội, không hành vô tội, không hành hữu vi, không hành vô vi, không hành tương ưng, cùng bất tương ưng, không hành nơi đoạn, không hành nơi bất đoạn, không hành nơi sinh tử cùng Niết-bàn, không hành nơi kiến, văn, giác, tri, không hành nơi thí và xả bỏ, không hành nơi giới và luật nghi, không hành nơi nhẫn, không hành nơi tinh tấn, không hành nơi tĩnh lự, không hành nơi đẳng trì, không hành nơi tuệ, không hành nơi giải, không hành nơi trí, không hành nơi chứng. Bồ-tát hành không chón hành như vậy, đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng tức được chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký chân thật.

Tuệ hành như thế gọi là Thánh im lặng. Như Khế kinh nói: Đối với ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, như Đức Phật đã thuyết giảng, khai thị như thật, đó gọi là thuyết pháp. Lại, đối với pháp này, tuy dùng thân chứng nhưng không quán xét lia thân có pháp. Cũng không quán xét lia pháp có thân. Quán xét như vậy, nghĩa là quán không hai, cũng không không hai. Lúc quán như thế không tùy theo trí kiến

quán xét hiện lượng, vì không quán xét nên gọi là Thánh im lặng. Do lý giáo này, nên lúc quán xét kỹ tự tánh của tất cả pháp hữu vi, vô vi, không có chủ thể hành tác hoặc tâm, hoặc tuệ, hoặc có phân biệt, hoặc không phân biệt về tự tánh của cảnh giới. Nhận biết như vậy rồi thì ánh sáng của mặt trời minh tuệ có thể soi chiếu trừ diệt tất cả ngu si tối tăm.

*Cảnh các tâm, tuệ hiện
 Người trí do không chấp
 Tuệ hành không phân biệt
 Hành nơi không chỗ hành.*

Ở đây có thể tập hợp chủng tử của các hành, hoặc vì chủng tử của các hành đã tập hợp nên gọi là tâm. Có thể nắm giữ thẳng đứ, hoặc nhờ sự nắm giữ ấy khiến không tán mất, nên gọi là tuệ. Đối tượng hành của tâm tuệ gọi là cảnh của tâm tuệ. Đối tượng hành nơi cảnh địa gọi là sai biệt. Cảnh của tâm tức là các tướng hữu vi, vô vi hiện có. Cảnh của tuệ tức là tánh không của hữu vi, vô vi hiện có. Như Khế kinh nói: Tuệ vô tướng phân biệt trọn không chuyển. Hiện là hiển hiện, tức giống như tuệ của tâm. Là nghĩa tánh tướng hiện bày nơi cảnh giới của đối tượng hành. *Chư* nghĩa là các địa. Tùy theo một loại của chúng hoặc chung, hoặc riêng. Như thế, mắt và sắc tùy theo một loại của chúng hoặc chung, hoặc riêng. Cũng vậy sắc, thọ, tưởng, hành, thức tùy theo một loại của chúng hoặc chung, hoặc riêng. Cũng thế, niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn lực, giác chi, đạo chi, Ba-la-mật-đa, tất cả thần thông, mười lực, vô úy, pháp Phật bất cộng, các Tam-ma-địa, môn Đà-la-ni, Dự lưu, Nhất lai và Bất hoàn, hoặc đạo quả A-la-hán hiện có, tùy theo một loại của chúng hoặc chung, hoặc riêng, nói rộng cho đến trí nhất thiết trí. Đối với tất cả pháp có thể nhận biết rõ đúng về tánh không điên đảo, nên gọi là người trí. *Do* nghĩa là nói về nhân duyên xả bỏ tướng. Nói không giữ lấy nghĩa là không chấp, không thấy, tức là nghĩa giác tuệ không lường xét. Do nhân không

giữ lấy là đối tượng chứng đắc gì? Là tuệ hành không phân biệt, tuệ hành nơi không chốn hành tức là trí không phân biệt. Tuy lại vĩnh viễn lia tất cả phân biệt, nhưng giác tuệ tăng ích, giả gọi là trí. Giống như cảnh giới không ảnh tượng, vô tướng, vô ngôn, khởi tự tánh của tướng phân biệt, cũng không có nên gọi là không phân biệt. Tuy vô trụ, nhưng căn cứ theo phần vị khác giả gọi là kiến lập. Như nói đèn tắt, A-la-hán diệt, giác tuệ tăng trưởng là dựa vào thế tục để nói, nói nơi sự nối tiếp này gọi là không phân biệt, như trí phân biệt gọi là có phân biệt. Ở đây ý giữ lấy trí không sinh hành được gọi là hành. Do trí này hành tánh của pháp tự tha nơi tất cả chủng tướng, chẳng phải là đối tượng nhận thức nên không gọi là chủ thể nhận thức. Tức chẳng phải là chủ thể nhận thức nên gọi là chân kiến, như chỗ chứng đắc. Phi phi đối tượng nhận thức tạo tướng của đối tượng nhận thức, hoặc có phân biệt, hoặc không phân biệt, chân kiến được thành. Chân như nếu là tánh của đối tượng nhận thức, thì không nên nói là chẳng phải tánh có thể thấy biết. Tuy dựa nơi thế tục có nhận thức bình đẳng gọi là chân kiến, nhưng không nên chấp vào nhận thức không bình đẳng này gọi là chân kiến. Các thứ có thể nhận thức đều không chân thật, vì khởi hiểu biết về nhân. Như nước của dạn nắng (dương diệm), tất cả có thể thấy nhưng đều chẳng phải chân thật. Chân như nếu là tánh có thể thấy biết, thì tướng có thể thấy biết đã chấp giữ nên không thành chân kiến. Nếu chẳng phải là có thể thấy biết thì không nên nói là chứng đắc thấy chân như. Thấy biết không có thể thấy biết há gọi là bình đẳng. Lại, trí hữu vi, chân như vô vi là tánh không bình đẳng. Nếu thấy biết tức nên thành thấy biết không bình đẳng. Lại, tánh của các pháp đều chẳng phải là chủ thể nhận thức, thấy biết cũng phải vậy, vì cùng lấy không sinh làm tự tánh. Như vậy chẳng phải thấy biết giả gọi là thấy biết chẳng phải là không bình đẳng.

Lại, một sát-na chứng tất cả pháp, đều không hiện quán gọi là hiện quán đích thực. Không nên nêu vấn nạn: Vì tự thể phản chiếu

khó thành lập, tức trí không cần chứng đắc thật tánh của trí. Cả hai loại đều chẳng phải có thể nhận thấy tánh của cảnh. Do không sai biệt nên đồng thời cùng chứng. Nếu căn cứ theo thắng nghĩa thì giống như trí nơi cảnh tượng, vì bản tánh không sinh nên không hiện quán, cũng không chứng đắc. Như Khế kinh nói: Ông không nên dùng hiện quán để chứng đắc, quán nơi thể của Như Lai là vô vi, vì vượt quá tất cả đối tượng hành của mắt. Phạm chí như vậy, lúc Đức Như Lai an tọa nơi tòa Bồ-đề chứng tất cả pháp đều không vô sở đắc, vĩnh viễn dứt trừ tất cả phiền não phát khởi điên đảo hư vọng. Những kinh như vậy thảy đều tùy thuận.

Nên dừng sự bàn luận các việc phụ để biện giải về chánh luận. Du hóa gọi là hành, không du hóa gọi là không chôn hành, là nghĩa không hành giải không sinh khởi nơi tuệ không phân biệt. Dùng tướng không hành để hành, tức không chôn hành gọi là hành. Đây tức là lược nêu, như quả của chánh cần được thành lập ở trước.

Hành giả tu quán, nhờ tuệ hành không phân biệt như thế, không hành mà hành, hành tức là không hành, xa lìa tất cả tác ý của đối tượng duyên. Đối với tất cả pháp đều không chỗ trụ, cũng như hư không. Trừ bỏ tất cả phân biệt của biến kế. An nhiên tịch tĩnh như nhập diệt định quán tánh của các pháp. Pháp thân của chư Phật là không thể nghĩ bàn, không thể phân biệt, không hai, không cất chứa, không tướng không thấy biết, không thể biểu thị, không sinh, không diệt, không có khởi tận, hoàn toàn vắng lặng không có sai biệt, không tướng không ảnh, lìa các cấu uế, vượt quá tất cả cảnh giới, đạo lộ của ngữ ngôn giác tuệ. Tuy quán như vậy nhưng không có đối tượng thấy biết, không thấy mà thấy, thấy tức không thấy. Là chỗ thâm nhận của diệu kiến như vậy, nên có thể tăng trưởng vô lượng phước tụ chân chánh, có thể chiêu cảm vô biên quả an lạc vi diệu, một vị thanh tịnh có thể diệt trừ khổ cho kẻ khác. Như cây thuốc chúa tạo lợi ích cho tất cả sự cầu nguyện chính đáng.

Chánh quán Pháp thân của Như Lai như vậy, vì không thấy tướng có không của các pháp nên gọi là chánh kiến. Vì dứt bật tất cả biên kế phân biệt nên gọi là chánh tư duy. Do chứng các pháp, lìa các hý luận, tất cả ngôn ngữ thảy đều lặng dừng nên gọi là chánh ngữ. Do tất cả pháp chẳng phải là tánh tạo tác, không tạo nhân nơi nghiệp thân, ngữ ý kia nên gọi là chánh nghiệp. Vì hết thảy các pháp đều là pháp tánh không tăng không giảm, mọi sự tăng giảm hiện có đều vĩnh viễn không sinh nên gọi là chánh mạng. Do tất cả pháp đều là phương tiện dừng mãi không phát khởi, không tạo tác nên gọi là chánh tinh tấn. Vì đối với các pháp rốt ráo không chứng đắc tánh nơi cảnh có không, không nhớ nghĩ, không có đối tượng tư duy nên gọi là chánh niệm. Do tất cả chúng tử không giữ lấy các pháp, không chỗ nương trụ nên gọi là chánh định. Chánh quán như vậy tức có thể tu tám Thánh đạo này. Nghĩa ấy rộng như xú xú tuyên thuyết trong tạng Bồ-tát.

Chánh quán như thế chẳng phải chỉ có thể tu tám chi Thánh đạo mà cũng có thể lược nêu trọn đủ sáu loại Ba-la-mật-đa. Tuy không gia hạnh, nhưng có sự việc này. Nghĩa ấy là thế nào? Nghĩa là có thể dứt bỏ tất cả thứ tướng cùng có thể trừ diệt hết thảy phiền não, đó gọi là Thí Ba-la-mật-đa. Có thể ngừng dứt tất cả tác ý của đối tượng duyên, tu vô sở đắc, đó gọi là Giới Ba-la-mật-đa. Đối với các đối tượng duyên đều có thể không nhận thọ, đó gọi là Nhẫn Ba-la-mật-đa. Không lấy không bỏ, lìa tất cả hành, đó gọi là Tinh tấn Ba-la-mật-đa. Hết thảy tác ý đều không hiện hành, đều không chỗ trụ, đó gọi là Tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Nơi tất cả pháp, không khởi hý luận, xa lìa hai tướng, đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nghĩa này xú xú tuyên thuyết rộng như nơi Kinh Phạm Vấn. Sự an trụ vi diệu có vô lượng môn như thế, trong vô lượng kinh, Đức Thế Tôn đã nói rộng, có nghĩa lợi lớn tạo nhiều lợi ích. Các bậc trí giả nên nhận biết như thật, lìa các phóng dật, nên siêng năng tu học.

Ghi chú: Luận này rất khó đọc, rất khó lãnh hội (trừ đoạn cuối). Chúng tôi đã Việt dịch hàng mấy ngàn trang Hán tạng của Pháp sư Huyền Tráng (Các Luận thuộc Bộ A Tỳ Đàm nơi các Tập 26, 27, 29 và Luận Du Già Sư Địa nơi Tập 30 này) nhưng chưa hề gặp một kiểu Hán dịch như nơi Luận này. Rất nhiều câu, quá nhiều đoạn – nếu không nói là phần lớn của Luận – văn nghĩa hoặc không rõ, hoặc tối nghĩa, hoặc vô nghĩa. Người dịch chỉ biết dựa vào nghĩa của chữ của câu để dịch, thêm một vài liên tự, giới tự để tạo sự nối kết, như thể có sự thuận hợp, chứ thật ra không hiểu Luận muốn nói gì! Đại Từ Điển Phật Quang (Trang 4957A) ghi nhận: “Luận Đại Thừa Chương Trần... nội dung có liên quan với luận thuật của nghĩa không, dùng luận pháp của nhân minh, luận phá các kiến chấp sai lầm của ngoại đạo, Tiểu thừa, Đại thừa hữu tông, nhằm chứng đắc thật nghĩa của Đại thừa không tông. Ra sức đề xướng việc xa lìa các phân biệt về có không nơi không trí, hoàn thành tám chánh đạo, sáu Ba-la-mật v.v...”. Đại thể là như thế. Ý hướng là như thế. Nhưng sự diễn đạt, biện giải, lý giải phải nói là hoàn toàn bất thành. Điều mà Đại Từ Điển Phật Quang gọi là “Hoàn thành tám chánh đạo, sáu Ba-la-mật” thật ra chỉ được nêu dẫn ở đoạn cuối. Cũng trong đoạn cuối ấy, Luận đã khẳng định các tính chất siêu việt nơi Pháp thân của Như Lai, nhưng trong toàn Luận đâu có chỗ nào bàn đến Pháp thân của Như Lai, hoặc nói đến sáu Ba-la-mật, tám chánh đạo??? Thịnh thoảng Luận có nêu dẫn kinh, hoặc ngắn hoặc khá dài. Những đoạn kinh ấy, tuy thuyết giảng về các vấn đề cao siêu vi tế, nhưng văn nghĩa đều rõ, đều có thể lãnh hội, khác xa với lối diễn đạt lòng vòng, tối nghĩa vô nghĩa của Luận! (Tất nhiên cũng có một vài chỗ văn nghĩa tương đối rõ, người đọc có thể lãnh hội được). Đây chắc chắn không phải là lỗi của người Hán dịch, mà là của tác giả. Tác giả đã hoàn toàn bất thành trong việc dùng ngôn từ để diễn giảng, biện giải, lý giải về

mảng giáo pháp có thể gọi là vi tế, phức tạp. (Điều này cũng có thể thấy phần nào nơi N^o **1566/15** cùng tác giả, qua bản Hán dịch của Đại sư Ba La Phả Mật Đa La, chúng tôi cũng đã cố hết sức để Việt dịch!). Vậy các độc giả cần có những hiểu biết bước đầu như thế trước khi đọc Luận này. Nếu có người nghi ngờ về khả năng Việt dịch của chúng tôi thì xin tìm đọc bản Hán dịch. (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N^o 1578/2 trang 268A-278B) (ND).

HẾT - QUYỀN HẠ

SỐ 1579/100
LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

Tác giả: Bồ tát Di Lặc giảng thuật, Bồ tát Vô Trước ghi.

Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

PHẦN BẢN ĐỊA
QUYỂN 1

Thế nào là **Địa của Sư Du Già**? Đó là **mười bảy Địa**. Những gì là **mười bảy**? Kệ viết:

*Năm thức tương ưng, ý
 Có tâm, tứ... thành ba
 Tam-ma-địa, câu phi
 Địa có tâm, không tâm.
 Văn, tư, tu đã lập
 Như thế đủ ba thừa
 Hữu y và vô y
 Gọi là mười bảy Địa.*

Tức:

1. Địa năm thức thân tương ưng.
2. Địa ý.
3. Địa có tâm có tứ.

4. Địa không tâm chỉ có tứ.
5. Địa không tâm không tứ.
6. Địa Tam-ma-hý-đa.
7. Địa phi Tam-ma-hý-đa.
8. Địa có tâm.
9. Địa không tâm.
10. Địa do văn tạo thành.
11. Địa do tư tạo thành.
12. Địa do tu tạo thành.
13. Địa Thanh văn.
14. Địa Độc giác.
15. Địa Bồ-tát.
16. Địa hữu dư y.
17. Địa vô dư y.

Như vậy là lược nói về *mười bảy Địa*, gọi là *Địa của Sư Du Già*.

*
**

Địa thứ 1: ĐỊA NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ƯNG

Thế nào là *Địa Năm thức thân tương ưng*? Nghĩa là *tự tánh, đối tượng nương dựa, đối tượng duyên hợp, trợ bạn và tạo nghiệp* của năm thức thân. Như thế gọi chung là Địa Năm thức thân tương ưng.

Những gì gọi là *Năm thức thân*? Đó là *nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức*.

1. Nhãn thức:

a. *Thế nào là tự tánh của nhãn thức*? Nghĩa là nương nơi mắt để phân biệt, nhận biết về sắc.

b. Đối tượng nương dựa (chỗ dựa) của nhãn thức gồm: (1) Chỗ dựa của câu hữu (thuộc nhãn thức) là mắt. (2) Chỗ dựa của đẳng vô gián (thuộc nhãn thức) là ý. (3) Chỗ dựa của chủng tử (thuộc nhãn thức) là thức A-lại-da, là chỗ thâm tóm các thứ dị thực, là chỗ dựa để nhận giữ tất cả chủng tử ấy.

Như thế là đã lược nói về hai thứ đối tượng nương dựa: tức sắc và phi sắc. Mắt là sắc, các thứ còn lại là phi sắc.

Mắt là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ dựa của nhãn thức, không thấy, có đối. *Ý* là thức quá khứ không gián đoạn của nhãn thức. *Thức* của tất cả chủng tử là thức dị thực của tất cả chủng tử do sự ưa thích, tham chấp về hý luận từ vô thí đến nay huân tập làm nhân sinh ra.

c. Đối tượng duyên hợp (chỗ duyên) của nhãn thức: Nghĩa là sắc, có thấy, có đối. Đây lại có nhiều loại, lược nêu có ba: Là hiển sắc, hình sắc và biểu sắc.

Hiển sắc là các sắc xanh vàng đỏ trắng, bóng sáng, sáng tối, mây khói, bụi, sương mù và một phần hiển sắc của Không. *Hình sắc* là các hình sắc dài, ngắn, vuông, tròn, thô, tế, thẳng, không thẳng, cao, thấp. *Biểu sắc* là các tướng lầy, bở, co, duỗi, đi đứng ngồi nằm. Như thế là các sắc.

Lại, *hiển sắc* nghĩa là nếu sắc hiển bày, là đối tượng hành của nhãn thức. *Hình sắc* nghĩa là nếu sắc tích tập, tạo tướng phân biệt về dài, ngắn v.v... *Biểu sắc* tức các sắc tích tập ấy sinh diệt nối tiếp, do nhân đổi khác, nơi xứ sinh trước không sinh trở lại mà chuyển sang xứ khác, hoặc không gián đoạn, hoặc có gián đoạn, hoặc gần, hoặc xa, sinh sai biệt, hoặc tức ở nơi xứ này đổi khác mà sinh, đó gọi là biểu sắc.

Lại, *hiển sắc* nghĩa là sự sai biệt của ánh sáng, sự sáng v.v... *Hình sắc* là sự tích tập có sai biệt của dài, ngắn v.v... *Biểu sắc* là sự nương dựa, chuyển động có sai biệt của nghiệp dụng.

Tất cả hiển sắc, hình sắc, biểu sắc như thế là đối tượng hành của mắt, là cảnh giới của mắt; là đối tượng hành của nhãn thức, là cảnh giới của nhãn thức, là đối tượng duyên của nhãn thức; là đối tượng hành của ý thức, là cảnh giới của ý thức, là đối tượng duyên của ý thức, với những tên gọi sai biệt.

Lại nữa, sắc ấy còn có ba thứ: Nghĩa là hoặc hiển sắc đẹp, hoặc hiển sắc xấu, hoặc hiển sắc cùng, khác, giống như sắc hiện rõ.

d. Trợ bạn của nhãn thức: Nghĩa là các pháp sở hữu của tâm (tâm sở) câu hữu (đồng thời tồn tại không lìa nhau) tương ưng với nhãn thức. Đó là tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư, và những tâm sở câu hữu tương ưng với nhãn thức khác.

Lại, các pháp này đồng một đối tượng duyên, nhưng không cùng một hành tướng, chúng “câu hữu” tương ưng với nhãn thức, mỗi mỗi chuyên biến.

Lại nữa, hết thấy các pháp ấy, mỗi mỗi thứ đều từ chủng tử của mình sinh khởi.

đ. Tạo nghiệp của nhãn thức: Nên biết có 6 thứ:

- (1) Chỉ phân biệt, nhận biết về đối tượng duyên của tự cảnh.
- (2) Chỉ phân biệt, nhận biết về tự tướng.
- (3) Chỉ phân biệt, nhận biết về hiện tại.
- (4) Chỉ phân biệt, nhận biết trong một sát-na.
- (5) Chuyên biến theo ý thức, theo thiện, nhiễm, theo phát nghiệp.
- (6) Có thể chấp giữ quả yêu thích, không yêu thích.

2. Nhĩ thức:

a. Thế nào là tự tánh của nhĩ thức? Nghĩa là nương nơi tai để phân biệt, nhận biết về âm thanh.

b. Đối tượng nương dựa của nhĩ thức gồm: (1) Chỗ dựa của câu hữu thuộc nhĩ thức là tai. (2) Chỗ dựa của đẳng vô gián thuộc nhĩ

thức là ý. (3) Chỗ dựa của chủng tử thuộc nhĩ thức là tất cả chủng tử nơi thức A-lại-da.

Tại là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ dựa của nhĩ thức, không thấy, có đối. Ý và chủng tử như trước đã phân biệt.

c. Đối tượng duyên hợp của nhĩ thức: Nghĩa là âm thanh, không thấy, có đối. Đây lại có nhiều loại: như tiếng loa ốc, tiếng trống lớn, nhỏ, tiếng ca múa, tiếng các âm nhạc, tiếng hát xướng, tiếng nô đùa, tiếng kêu la, tiếng nam, tiếng nữ, tiếng gió thổi nơi rừng, tiếng rõ ràng, tiếng không rõ ràng, tiếng có nghĩa, tiếng không nghĩa, tiếng thấp, tiếng cao, tiếng vừa, tiếng sông suối reo, tiếng tranh chấp ồn ào, tiếng thọ trì diễn nói, tiếng luận bàn, quyết định lựa chọn.

Các loại tiếng như thế có rất nhiều, ở đây lược phân làm ba: (1) Tiếng do nhận giữ bốn đại chủng. (2) Tiếng do không nhận giữ bốn đại chủng. (3) Tiếng do nhận giữ và không nhận giữ bốn đại chủng. Loại thứ nhất chỉ là âm thanh duyên bên trong. Loại thứ hai chỉ là âm thanh duyên bên ngoài. Loại thứ ba là âm thanh duyên cả trong ngoài. Đây lại có ba thứ: Là âm thanh hợp ý, âm thanh không vừa ý, âm thanh hợp ý – không hợp ý.

Lại nữa, âm thanh là tên gọi sai biệt của những ngôn ngữ được biểu hiện rõ như: tiếng hát, nói, lời nói, gầm rống, là đối tượng hành của tai, là cảnh giới của tai; là đối tượng hành của nhĩ thức, là cảnh giới của nhĩ thức, là đối tượng duyên của nhĩ thức; là đối tượng hành của ý thức, là cảnh giới của ý thức, là đối tượng duyên của ý thức.

d. Trợ bạn của nhĩ thức: Giống như nhãn thức, nên biết.

đ. Tạo nghiệp của nhĩ thức: Giống như nhãn thức, nên biết.

3. Tỷ thức:

a. Thế nào là tự tánh của tỷ thức? Nghĩa là nương nơi mũi để phân biệt, nhận biết về hương.

b. Đối tượng nương dựa của tỷ thức gồm: (1) Chỗ dựa của câu hữu thuộc tỷ thức là mũi. (2) Chỗ dựa của đẳng vô gián thuộc tỷ thức là ý. (3) Chỗ dựa của chủng tử thuộc tỷ thức là hết thấy chủng tử nơi thức A-lại-da.

Mũi là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ dựa của tỷ thức, không thấy, có đối. Ý và chủng tử như trước đã phân biệt.

c. Đối tượng duyên hợp của tỷ thức: Nghĩa là hương, không thấy, có đối. Đây lại có nhiều thứ: hương thơm, hương hôi, hương không thơm không hôi. Hương do mũi ngửi biết, như hương của rễ, thân, hoa, lá, quả, hạt. Có rất nhiều loại hương như thế.

Lại, hương là đối tượng ngửi thấy của mũi, đối tượng giữ lấy của mũi, đối tượng ngửi biết của mũi, với những tên gọi sai biệt như vậy, là đối tượng hành của mũi, cảnh giới của mũi; là đối tượng hành của tỷ thức, cảnh giới của tỷ thức, đối tượng duyên của tỷ thức; là đối tượng hành của ý thức, cảnh giới của ý thức, đối tượng duyên của ý thức.

d. Trợ bạn của tỷ thức: Giống như trước, nên biết.

đ. Tạo nghiệp của tỷ thức: Giống như trước, nên biết.

4. Thiệt thức:

a. Thế nào là tự tánh của thiệt thức? Nghĩa là nương nơi lưỡi để phân biệt, nhận biết về vị.

b. Đối tượng nương dựa của thiệt thức gồm: (1) Chỗ dựa của câu hữu thuộc thiệt thức là lưỡi. (2) Chỗ dựa của đẳng vô gián thuộc thiệt thức là ý. (3) Chỗ dựa của chủng tử thuộc thiệt thức là tất cả chủng tử nơi thức A-lại-da.

Lưỡi là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ dựa của thiệt thức, không thấy, có đối. Ý và chủng tử như trước đã phân biệt.

c. Đối tượng duyên hợp của thiết thức: Nghĩa là vị, không thấy, có đối. Đây lại có nhiều thứ: đắng, chua, cay, ngọt, mặn, lạt, vừa ý, không vừa ý, hoặc vừa ý – không vừa ý.

Lại, vị là những thứ nên nếm, nuốt, ăn, uống, liếm, mút, thọ dụng, với các tên gọi sai biệt như thế, là đối tượng hành của lưỡi, cảnh giới của lưỡi; là đối tượng hành của thiết thức, cảnh giới của thiết thức, đối tượng duyên của thiết thức; là đối tượng hành của ý thức, cảnh giới của ý thức, đối tượng duyên của ý thức.

d. Trợ bạn của thiết thức: Giống như trước, nên biết.

đ. Tạo nghiệp của thiết thức: Giống như trước, nên biết.

5. Thân thức:

a. Thế nào là tự tánh của thân thức? Nghĩa là nương nơi thân để phân biệt, nhận biết về xúc.

b. Đối tượng nương dựa của thân thức gồm: (1) Chỗ dựa của câu hữu thuộc thân thức là thân. (2) Chỗ dựa của đẳng vô gián thuộc thân thức là ý. (3) Chỗ dựa của chủng tử thuộc thân thức là tất cả chủng tử nơi thức A-lại-da.

Thân là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ dựa của thân thức, không thấy, có đối. Ý và chủng tử như trước đã phân biệt.

c. Đối tượng duyên của thân thức: Nghĩa là xúc, không thấy, có đối. Đây lại có nhiều loại: đất nước lửa gió, tánh nhẹ, nặng, trơn, nhám, lạnh, đói, khát, no, sức lực, yếu ớt, hoãn, gấp, bệnh, già, chết, ngứa ngáy, sàu muộn, dán chặt, mệt mỏi, dứt bỏ, mềm mại, khiếp nhược, mạnh mẽ. Có rất nhiều loại xúc như thế. Ở đây còn có ba thứ: xúc vừa ý, xúc không vừa ý và xúc bao gồm vừa ý – không vừa ý.

Lại, xúc là chỗ xoa sờ, xúc chạm, hoặc cứng, hoặc mềm, hoặc động, hoặc ẩm, với những tên gọi sai biệt như thế, là đối tượng hành

của thân, cảnh giới của thân; là đối tượng hành của thân thức, cảnh giới của thân thức, đối tượng duyên của thân thức; là đối tượng hành của ý thức, cảnh giới của ý thức, đối tượng duyên của ý thức.

d. Trợ bạn của thân thức: Giống như trước, nên biết.

đ. Tạo nghiệp của thân thức: Giống như trước, nên biết.

Lại nữa, tuy mắt không hư, sắc hiện ở trước, chủ thể sinh tác ý, nếu chẳng khởi đúng lúc thì đối tượng sinh là nhãn thức tất không thể sinh. Chính là mắt không hư, sắc hiện ở trước, chủ thể sinh tác ý, lại hiện khởi đúng lúc thì đối tượng sinh là nhãn thức mới phát sinh được. Như nhãn thức sinh, cho đến thân thức nên biết cũng như thế.

Lại nữa, do nhãn thức sinh, nên theo thứ lớp có được ba tâm: tâm suất nhĩ, tâm tìm cầu và tâm quyết định. Loại đầu là nhãn thức. Loại hai ở nơi ý thức. Sau là tâm quyết định mới có nhiễm tịnh. Tâm sau ấy mới có đẳng lưu nơi nhãn thức thiện, bất thiện chuyển biến, nhưng tâm ấy không do sức tự phân biệt, cho đến ý đó không hướng tới cảnh khác. Trải qua thời gian như vậy, hai thức nhãn, ý, hoặc thiện hoặc nhiễm nối tiếp nhau chuyển biến. Như nhãn thức sinh, cho đến thân thức nên biết cũng như thế.

Lại nữa, nên quán về đối tượng nương dựa của năm thức như phương tiện chuyên chở đưa người tới chốn khác. Đối tượng duyên của năm thức như các sự việc được thực hiện. Trợ bạn như bạn đồng hành. Tạo nghiệp như năng lực của mình.

Lại có sai biệt, nên quán đối tượng nương dựa của năm thức như nhà của người ở. Đối tượng duyên như chỗ thọ dụng. Trợ bạn như những người giúp việc. Tạo nghiệp như tác dụng.

Như vậy là đã nói về Địa Năm thức thân tương ưng.

Địa thứ 2: ĐỊA Ý, phần 1 (Phần Bản Địa)

Thế nào là Địa ý? Đây cũng nên biết là có năm tướng: *Tự tánh, đối tượng nương dựa, đối tượng duyên, trợ bạn và tạo nghiệp.*

a. *Thế nào là tự tánh của ý?* Đó là tâm, ý, thức.

Tâm: Nghĩa là tính chất tạo nên chỗ tùy thuận, nương dựa của tất cả chủng tử, là thức A-lại-da, nơi chôn sâu tóm các dị thực, Thế có khả năng nhận giữ, Tánh làm chỗ nương cậy, nhờ dựa.

Ý: Nghĩa là ý của hành thường hằng cùng ý vô gián diệt của sáu thức thân.

Thức: Nghĩa là sự phân biệt, nhận biết về cảnh giới của đối tượng duyên hiện tiền.

b. *Đối tượng nương dựa (chỗ dựa) của ý gồm:* (1) Chỗ dựa của đẳng vô gián thuộc ý là ý. (2) Chỗ dựa của chủng tử thuộc ý, là như trước nói, tất cả chủng tử nơi thức A-lại-da.

c. *Đối tượng duyên của ý:* Nghĩa là tất cả pháp như chỗ tương ưng với ý hoặc không cùng với đối tượng duyên, tức ba uẩn là thọ, tưởng, hành, vô vi, sắc không thấy, không đối, sáu xứ nội và hết thảy chủng tử.

d. *Trợ bạn của ý:* Nghĩa là tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư, dục, thắng giải, niệm, định (Tam-ma-địa), tuệ, tín, tầm (hổ), quý (thẹn), không tham, không sân, không si, tinh tấn, khinh an, không phóng dật, xả, bất hại. Và tham, giận, vô minh, mạn, kiến, nghi, phần, hận, phú (che giấu), nã, tật (ganh ghét), xan (bỏ sên), cuống (dối trá), siểm (dua nịnh), kiêu, hại, không hổ, không thẹn, hôn trầm, trạo cử, không tin, biếng nhác, phóng dật, dục tà, thắng giải tà, quên niệm, tán loạn, không chánh tri, hối, thù miên, tầm, tứ. Các thứ tâm sở như vậy đều câu hữu (đồng thời cùng có tồn tại) tương ưng với ý, gọi là trợ bạn

của ý. Chúng đồng một đối tượng duyên, nhưng không cùng một hành tướng, một lúc cùng có, theo mỗi mỗi thứ mà chuyển biến, đều từ chủng tử của mình sinh ra. Lại cùng tương ưng, có hành tướng, có đối tượng duyên, có đối tượng nương dựa.

đ. Tạo nghiệp của ý: Nghĩa là có khả năng phân biệt nhận biết về cảnh giới của mình nơi đối tượng duyên. Đó gọi là tạo nghiệp đầu tiên của ý. Lại có thể phân biệt, nhận biết về tự tướng, cộng tướng. Có thể phân biệt, nhận biết về ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, phân biệt, nhận biết trong sát-na. Hoặc phân biệt, nhận biết tương tục, tạo chuyển, tùy chuyển, phát sinh nghiệp của tất cả pháp tịnh, bất tịnh. Lại có thể giữ lấy quả yêu thích không yêu thích, có thể dẫn khởi các thức thân khác. Lại có thể làm nhân phát khởi thức thân đẳng lưu.

Lại nữa, các ý thức so với những thức thân khác, có những tác nghiệp hơn hẳn. Đó là *phân biệt về đối tượng duyên, suy xét kỹ về đối tượng duyên*. Hoặc *say*, hoặc *cuồng*, hoặc *mộng*, hoặc *thức*, hoặc *sâu*, hoặc *tinh*. Hoặc có thể *phát khởi thân nghiệp*, hoặc có thể *phát khởi ngữ nghiệp*. Hoặc có thể *lìa dục*, hoặc *lìa dục bị thoái chuyển*. Hoặc *đoạn dứt căn thiện*, hoặc *nối tiếp căn thiện*. Hoặc *chết*, hoặc *sống*.

* *Thế nào là phân biệt về đối tượng duyên?* Do 7 thứ phân biệt, đó là:

- (1) Phân biệt có tướng.
- (2) Phân biệt vô tướng.
- (3) Phân biệt tự nhiên.
- (4) Phân biệt tìm cầu.
- (5) Phân biệt quán xét.
- (6) Phân biệt nhiễm ô.
- (7) Phân biệt không nhiễm ô.

Phân biệt có tướng: Tức các căn đã thành tựu, với nghĩa được thọ nhận từ trước, theo danh ngôn thiện là chỗ khởi phân biệt.

Phân biệt vô tướng: Nghĩa là tùy chỗ dẫn khởi ở trước, cùng danh ngôn bất thiện như hài nhi v.v... là chỗ có phân biệt.

Phân biệt tự nhiên: Nghĩa là ở nơi cảnh giới hiện tiền, tùy theo uy lực của cảnh, tự nhiên chuyển biến, là chỗ có phân biệt.

Phân biệt tìm cầu: Nghĩa là đối nơi các pháp, quan sát tìm cầu, là chỗ khởi phân biệt.

Phân biệt quán xét: Tức đối với cảnh đã tìm cầu, quan sát, cần xem xét kỹ để an lập, là chỗ khởi phân biệt.

Phân biệt nhiễm ô: Nghĩa là đối với ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, tâm luôn có sự luyến tiếc cùng hành, có sự chấp giữ cùng hành, có sự mong thích cùng hành, là chỗ có phân biệt. Như phân biệt về dục, như phân biệt về giận, như phân biệt về hại, hoặc cùng với một phiền não, tùy phiền não tương ưng, là chỗ khởi phân biệt.

Phân biệt không nhiễm ô: Tức hoặc thiện hoặc vô ký, tạo phân biệt về nẻo xuất ly, phân biệt không giận dữ, phân biệt không hại, hoặc cùng với một pháp thiện như tín v.v... tương ưng. Hoặc nơi đường oai nghi, xứ công xảo và các thứ biến hóa, là chỗ có phân biệt.

Các loại phân biệt như vậy gọi là phân biệt về đối tượng duyên.

* *Thế nào là suy xét kỹ về đối tượng duyên?* Đó là:

(1) Chỗ nêu dẫn như lý.

(2) Chỗ nêu dẫn không như lý.

(3) Chỗ nêu dẫn chẳng phải như lý, chẳng phải không như lý.

Chỗ nêu dẫn như lý: Nghĩa là không làm tăng thêm những pháp không chân thật có, như bốn điên đảo: vô thường cho là thường, khổ cho là vui, bất tịnh cho là tịnh, vô ngã cho là ngã. Cũng không làm tổn giảm những pháp có chân thật, như các thứ tà kiến: tức như các hành tà kiến không bổ thí v.v... Hoặc trí pháp tục, hiểu biết rõ như

thật về các sự việc của đối tượng nhận thức. Hoặc trí xuất thế gian thanh tịnh khéo thông tỏ như thật về các pháp của đối tượng nhận thức. Như vậy gọi là chỗ nêu dẫn như lý.

Chỗ nêu dẫn không như lý: Ngược lại với chỗ nêu dẫn như lý. (coi lại)

Chỗ nêu dẫn chẳng phải như lý, chẳng phải không như lý: Là nơi nương tuệ vô ký quán xét kỹ về các pháp.

Như thế gọi là suy xét kỹ về đối tượng duyên.

* *Thế nào là say?* Nghĩa là do dựa vào thể chất yếu kém. Hoặc do không quen uống, hoặc do uống quá nhiều, hoặc uống không biết hạn lượng, nên dẫn đến say loạn.

* *Thế nào là cuồng?* Tức là do nghiệp trước dẫn dắt, hoặc là do các cảnh giới thác loạn, hoặc do kinh sợ đến mất trí, hoặc do bị đánh đập vào chỗ hiểm (tử huyết), hoặc do yêu quỷ bám dựa, nên sinh điên cuồng.

* *Thế nào là mộng?* Nghĩa là do thể chất yếu đuối, hoặc do lỗi lầm khiến mỗi mệt, hoặc do ăn uống các thứ khó tiêu, hoặc do ở chỗ mờ ám cùng tác ý tư duy, hoặc do mọi sự nghiệp bị dứt bỏ, hoặc do thói quen ngủ nghỉ, hoặc do sự dẫn khởi của người khác, như do quạt mát, hoặc do minh chú, hoặc do nơi thuốc uống, hoặc do uy thần, nên sinh ra mộng寐.

* *Thế nào là thức?* Tức như việc ngủ nghỉ không thắng nổi sự mỗi mệt. Vì có việc cần làm nên ngủ nghỉ đúng giờ giấc, hoặc do chỗ dẫn dắt của kẻ khác khiến từ mộng thức dậy.

* *Thế nào là sầu muộn?* Nghĩa là hoặc do gió nóng loạn động, hoặc do bị đánh đập, hoặc do bị bệnh tiêu chảy, như quá mức chuyển thành kiết lỵ cùng xuất huyết, hoặc do làm việc quá cực nhọc, dẫn tới sầu muộn.

* *Thế nào là tươi tỉnh?* Tức là ra khỏi trạng thái sâu muộn.

* *Thế nào là phát khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp?* Nghĩa là do trí hành động trước, làm phát khởi nghiệp nơi thân, ngữ, tiếp theo là sinh ham muốn, kế đến là khởi công dụng, rồi thuận theo công dụng để làm trước, khiến gió của thân nghiệp, ngữ nghiệp chuyển động, từ đấy phát khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp.

* *Thế nào là lia dục?* Tức là do tùy thuận nơi sự thành tựu của căn lia dục. Do thuận theo người khác, đạt được sự chỉ dạy của họ. Do xa lia các chướng ngại của dục, theo phương tiện tu tập đúng đắn, tư duy không điên đảo, mới có thể lia dục.

* *Thế nào là thoái chuyển việc lia dục?* Nghĩa là do căn tánh nhu nhược, người mới tu tập phẩm thiện luôn luôn tư duy theo hình tướng yếu kém kia, nhận, hành thuận nơi pháp thoái chuyển, bị phiền não ngăn che, bị bạn xấu ác lời cuốn, nên thoái chuyển việc lia dục.

* *Thế nào là đoạn dứt căn thiện?* Nghĩa là người căn tánh lạnh lợi, nhưng lại gây tạo các việc ác hết mực, ý vui thích với các pháp ác hiện hành, luôn chạy theo bạn ác, bị các thứ tà biến vây buộc vô cùng kín, chặt. Người ấy ở trong tất cả các ác hiện hành, không hề biết sợ hãi, không biết thương xót, nên có thể đoạn dứt căn thiện. Ở đây, chúng tử cũng gọi là căn thiện. Không tham, sân cũng gọi là căn thiện. Song do an lập các căn thiện hiện hành, làm trái ngược với sự tương tục ấy, nên gọi là đoạn dứt căn thiện, không phải là do nhỏ dứt hết các chủng tử kia.

* *Thế nào là nối tiếp căn thiện?* Tức là do căn tánh lạnh lợi, thấy các thân thuộc, bạn bè tu tập nghiệp phước, nên tìm đến bậc trọng phu thiện, lãnh hội Chánh pháp, nhân duyên sinh do dự, nhưng rồi sáng suốt quyết định, nên căn thiện được nối tiếp trở lại.

* *Thế nào là chết?* Nghĩa là thọ mạng hết nên dẫn đến chết. Ở đây lại có ba loại:

(1) Thọ lượng hết.

(2) Phước báo hết.

(3) Không tránh khỏi các trường hợp không bình đẳng. Nên biết, đầy cũng là chết hợp thời, không hợp thời. Hoặc do tâm thiện, hoặc do tâm bất thiện, vô ký.

Thế nào là thọ lượng hết, nên chết? Tức như có trường hợp cảm nhận thuận hợp là thọ lượng đã đủ, hết, nên chết. Đây gọi là chết hợp thời.

Thế nào là phước báo hết, nên chết? Tức như có trường hợp của cải, vật dụng bị thiếu, nên chết.

Thế nào là không tránh khỏi các trường hợp không bình đẳng, nên chết? Như Đức Thế Tôn đã nói có chín nhân chín duyên, khiến chưa hết thọ lượng mà chết. Những gì là chín? Đó là: (1) Ăn uống không hạn lượng. (2) Ăn uống những thứ không thích hợp. (3) Ăn uống không tiêu lại ăn nữa. (4) Ăn vật sống không nôn ra. (5) Ăn vật chín thì giữ chặt. (6) Không gần gũi thầy thuốc. (7) Không biết đối với bản thân nên tăng hay giảm. (8) Hành phi phạm hạnh không đúng thời. (9) Hành phi phạm hạnh không hạn lượng. Đây gọi là chết không phải thời.

Thế nào là chết với tâm thiện? Tức như có người, lúc sắp mạng chung, tự nhớ lại những pháp thiện từng làm lúc trước. Hoặc là do người khác khiến kẻ ấy nhớ nghĩ. Vì nhân duyên ấy nên bấy giờ, các pháp thiện như tín v.v... hiện hành nơi tâm, cho đến khi tưởng thô hiện hành, hoặc tưởng vi tế hiện hành, tâm thiện liền xả, chỉ trụ nơi tâm vô ký. Vì sao? Vì vào lúc này, đối với các pháp thiện đã từng hành xử cũng không thể nhớ lại, người khác cũng không thể khiến cho nhớ lại.

Thế nào là chết với tâm bất thiện? Cũng như có người khi sắp mạng chung, tự nhớ nghĩ về các pháp ác quen làm lúc trước. Hoặc

lại do kẻ khác khiến mình nhớ nghĩ. Người ấy, bây giờ, các pháp bất thiện như tham, sân v.v... cùng kết hợp, hiện hành nơi tâm, cho đến khi các tướng thô, tế hiện hành, như trước đã nói ở phần tâm thiện.

Lại, tâm thiện lúc chết thì an vui mà chết. Khi mạng sắp hết, không có những khổ thọ cùng cực bức bách nơi thân. Còn tâm ác lúc chết thì khổ não mà chết. Lúc sắp mạng chung, các thứ khổ thọ cực nặng bức bách nơi thân.

Lại nữa, người chết với tâm thiện, thấy sắc tướng không loạn. Còn người chết với tâm bất thiện thì thấy sắc tướng loạn động.

Thế nào là chết với tâm vô ký? Nghĩa là người hành thiện, hành bất thiện, hoặc người không hành thiện cũng không hành ác, khi sắp qua đời, tự mình không thể nhớ nghĩ, cũng không do người khác khiến nhớ lại. Bây giờ, người ấy chết với tâm chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện, đã không an vui mà chết, cũng không khổ não mà chết. Lại, Bồ-đặc-già-la (Chúng sinh) hành thiện, bất thiện, lúc sắp mạng chung, hoặc tự nhiên nhớ lại các việc thiện, bất thiện đã làm từ trước, hoặc do người khác khiến nhớ lại. Bây giờ, người ấy đối với nhiều việc đã từng hành xử, việc nào có sức mạnh nhất thì tâm riêng ghi nhớ, ngoài ra thấy đều quên. Nếu nơi các việc từng quen làm về thiện, bất thiện ngang nhau, người đó, vào lúc ấy sẽ theo tâm niệm đầu tiên tự nhớ nghĩ, hoặc do người khác khiến nhớ nghĩ, chỉ giữ mỗi tâm niệm này, không bỏ, cũng không khởi tâm niệm khác. Người đó, vào lúc ấy, do hai thứ nhân làm lực tăng thượng mà liền qua đời. Nghĩa là nhân làm lực tăng thượng ưa chấp nơi hý luận và nhân làm lực tăng thượng của nghiệp tịnh, bất tịnh.

Khi thọ nhận kết quả do nghiệp trước dẫn dắt rồi, nếu lại tạo nghiệp bất thiện, thì ngay lúc đó sẽ thọ nhận các nghiệp bất thiện đã tạo trước, cũng là chỗ hiện bày tướng trước của quả không yêu thích, giống như trong mộng thấy vô số thứ sắc tướng quái dị biến hiện.

Dựa nơi tướng ấy, Đức Bạc-già-phạm (Thế Tôn) dạy: Nếu có người trước tạo nghiệp ác bất thiện và làm cho tăng trưởng, người đó, nơi bấy giờ như mặt trời về cuối ngày, hoặc như bóng của những đỉnh núi cao lớp lớp cùng treo che, che khắp, che hoàn toàn. Nên biết, chúng sinh như thế là từ sáng đi vào tối.

Nếu người trước họ kết quả của nghiệp bất thiện, mà tu tập pháp thiện, cùng với trường hợp trên trái nhau, nên biết chúng sinh như vậy là từ tối đi vào sáng. Sự khác biệt ở đây, là người tạo nghiệp thiện, khi sắp mạng chung, cũng như trong mộng thấy vô số thứ hình sắc không quái dị biến hiện, vừa ý cùng sinh.

Nếu kẻ tạo nghiệp bất thiện tốt cùng, do thấy các tướng quái dị biến hiện như thế, nên vã mồ hôi, lông tóc dựng ngược, tay chân bấn loạn, quờ quạng lung tung, mắt hấn nẻo bài tiết, tròng mắt trợn trừng, miệng thều thào. Người đó, lúc này có những tướng quái dị như thế biến hiện, sinh khởi.

Nếu là kẻ tạo nghiệp bất thiện trung bình, thì trong hoàn cảnh ấy, những tướng quái dị biến hiện kia hoặc có hoặc không, dù có thì cũng không đủ.

Lại nữa, các chúng sinh khi sắp mạng chung, nhưng tâm tưởng chưa hoàn toàn mê muội, ngã ái được hành xử lúc sinh thời liền hiện hành, do sức mạnh này, nên cho ngã hiện có là không, bèn tham ái tự thân, vì thế đã kiến lập nên sinh báo của trung hữu.

Nếu người đạt quả Dự lưu và quả Nhất lai, thì vào lúc ấy, ngã ái cũng lại hiện hành, song ở hai quả này, đối với ngã ái, luôn luôn bị sức mạnh của trí tuệ suy tìm, chế ngự nên không thể bám víu. Cũng như hai kẻ mạnh, yếu đánh nhau, tất người mạnh sẽ thắng kẻ yếu. Nên biết ở đây, giữa sức mạnh của trí tuệ và ngã ái cũng vậy.

Nếu là người đạt quả Bất hoàn, thì trong trường hợp này, ngã ái không còn hiện hành.

Lại, nếu giải thích đầy đủ, thì trừ cõi trời và nẻo địa ngục, tất cả xứ sinh khác đều có ngã ái hiện hành. Ở đây lại có hai thứ: nặng và nhẹ. Nặng tức là kẻ tạo nghiệp ác. Nhẹ nghĩa là người nghiệp thiện. Nơi châu Bắc Câu-lô thì tất cả chúng sinh đều thuộc loại nhẹ. Ở Sắc giới, lúc chết đều đủ các căn. Nơi cõi dục khi chết tùy theo căn hiện có, hoặc đủ hoặc không đủ.

Lại nữa, bậc giải thoát thanh tịnh qua đời, gọi là “điều phục nẻo thiện, chết”. Kẻ không thanh tịnh không giải thoát chết, gọi là “không điều phục nẻo thiện, chết”.

Lại nữa, kẻ tạo nghiệp ác, lúc sắp mạng chung, thì thức ở nơi chỗ dựa, từ phần trên xả bỏ, tức từ phần trên có cảm giác lạnh lẽo theo thức đẩy khởi. Như thế dần dần xả bỏ cho tới quả tim.

Người tạo nghiệp thiện, thì thức ở nơi chỗ dựa, từ phần dưới xả bỏ, tức từ phần dưới có cảm giác lạnh lẽo, theo thức đẩy khởi. Như vậy, dần dần xả bỏ cho tới chỗ quả tim. Nên biết, sau thức chỉ còn chỗ quả tim là xả bỏ sau cùng. Từ đó, cảm giác lạnh lẽo lan khắp toàn thân.

* *Thế nào là sinh?* Do ngã ái không gián đoạn đã sinh, phần nhân ưa chấp bám nơi hý luận từ vô thi đã huân tập, phần nhân của nghiệp tịnh, bất tịnh đã huân tập, thể được nương dựa của kẻ kia, do hai thứ nhân làm lực tăng thượng từ nơi chủng tử của mình, tức ở trong xứ ấy, dị thực không gián đoạn của trung hữu được sinh. Chết và sinh đồng thời, như hai đầu của cái cân lúc lên cao xuống thấp bằng nhau, và thân trung hữu ấy tất gồm đủ các căn.

Kẻ tạo nghiệp ác thì thân trung hữu có được như bóng sáng của loài dê đen xứ Hồ, hoặc như đêm tối âm u.

Người tạo nghiệp thiện, thân trung hữu đạt được như ánh sáng của chiếc áo trắng, hoặc như đêm Trời quang tạnh.

Lại, thân trung hữu này là đối tượng hành của thiên nhân thanh tịnh tốt bậc. Lúc thân trung hữu được sinh, thì loại ngã ái có trước không còn hiện hành nữa, do thức đã trụ, nhưng đối với cảnh giới lại dấy khởi tham ái về hý luận, theo chôn sẽ sinh, thân trung hữu sẽ giống với hình tướng của chôn kia mà sinh.

Lại, mắt của thân trung hữu cũng như thiên nhân không có chướng ngại, chỉ mỗi việc hướng tới nơi sinh, không bị ngăn ngại như được thần thông, cũng chỉ một mạch đi đến chôn sinh. Lại do mắt ấy nên trung hữu thấy được các chúng sinh trung hữu đồng loại với mình, cùng thấy được nơi chôn sẽ sinh của tự thân.

Lại nữa, kẻ tạo nghiệp ác, mắt nhìn việc tịnh kém, cúi mặt mà đi. Người sinh đến cõi trời thì đi lên. Kẻ sinh vào cõi người thì đi ngang.

Lại nữa, thân trung hữu này, nếu chưa có được nhân duyên sinh thì được trụ tối đa là bảy ngày. Nếu có được nhân duyên sinh thì thời gian trụ không nhất định. Quá bảy ngày, nếu vẫn chưa có được nhân duyên sinh thì chết đi rồi sinh lại, được trụ tối đa là bảy ngày. Như thế, lần lượt, nếu chưa có được nhân duyên sinh, thì được trụ nơi bảy lần bảy ngày, từ đấy về sau quyết định có được nhân duyên sinh.

Lại nữa, thân trung hữu này quá bảy ngày chết rồi, hoặc tức ở nơi loài ấy sinh, hoặc do nghiệp khác có thể chuyển đổi, nên chủng tử của trung hữu chuyển đổi, bèn sinh vào loài khác.

Lại nữa, thân trung hữu này có đủ thứ loại tên gọi. Hoặc gọi là trung hữu, do ở giữa hai hữu chết sống sinh ra. Hoặc gọi là “Kiện-đạt-phước”, tức do tìm mùi hương mà đi, vì hương là chỗ nhờ dựa để tồn tại. Hoặc gọi là “ý hành”, do ý làm chỗ nương để đi tới chôn sinh. Đây là nói thân đi đến, chẳng phải duyên nơi tâm để đi đến. Hoặc gọi là “thú sinh”, do đối nơi sinh hữu dấy khởi. Nên biết, chỉ trừ cõi vô sắc, tất cả xứ sinh khác đều có thân trung hữu.

Lại nữa, người tạo nghiệp ác, như giết mổ các loài dê, gà, heo v.v... tùy theo từng loại, do trụ nơi chúng đồng phận là “bất luật nghi” (giới ác) nên tạo cảm ứng với nghiệp ác, bất thiện của địa ngục và làm cho tăng trưởng. Kẻ ấy, bấy giờ, cũng như ở trong mộng, từ nơi nghiệp ác bất thiện kia, có được chôn sinh, trở lại thấy các loại chúng sinh như thế cùng các sự việc giết mổ dê, gà v.v... do chỗ hành xử trước đây, nên vui thích, vội vàng đi tới đó, liền bị cảnh sắc của chôn sinh ngăn cản, trung hữu bèn diệt, sinh hữu nổi tiếp đẩy khởi. Lúc trung hữu sắp mất, cũng như tử hữu ở trước, thấy các sắc tướng rối loạn. Như vậy, cho đến sự lý sinh diệt, nên biết cũng như trước đã nêu.

Lại nữa, trung hữu kia lúc sinh chỉ là hóa sinh, sáu xứ đầy đủ, do đẩy khởi tâm này mà vội vàng đi tới chôn sinh: “Ta cùng với các chúng sinh kia vui chơi, thọ lạc, thực hành các ngành nghề!”. Trung hữu ấy, bấy giờ do điên đảo, nghĩa là tạo ra các loại sự việc, cùng có cảm nhận về nóng lạnh. Nếu lia bỏ vọng kiến thì với hình tướng như vậy, hãy còn không dẫn đến ham muốn, hướng hồ là vội đi tới chôn đó. Nhưng không đi tới chôn ấy thì lại không thể sinh. Nếu ở chôn địa ngục như thế thì ở các chôn sinh khác tương tự với địa ngục, hoặc sinh vào cõi quỷ như loài quỷ bấu cô, nên biết cũng vậy.

Lại nữa, nơi các loài quỷ khác, loài bàng sinh (súc sinh) loài người, cùng trong chúng đồng phận với chư thiên thuộc cõi dục, cõi sắc, lúc sắp thọ sinh, đối với chôn sinh sắp tới, thấy các chúng sinh đồng loại với mình thật hợp ý, do đẩy đẩy khởi niệm ham muốn, thích thú liền đi đến chôn sinh và bị vướng buộc ở đấy. Sự lý chết rồi sinh, nên biết như đã nói ở trước.

Lại nữa, do ba xứ (yếu tố) hiện tiền nên được vào thai mẹ: (1) Người mẹ tâm ý vui thích, thuận hợp, lại đúng thời. (2) Cha mẹ hòa hợp, cùng khởi niệm ái nhiễm. (3) Kiệt đạt phược (trung hữu) hiện tiền đúng lúc.

Lại không có ba thứ chướng ngại:

(1) Trở ngại do đường sinh sản.

(2) Trở ngại do chủng tử.

(3) Trở ngại do túc nghiệp.

Thế nào là trở ngại do đường sinh sản? Nghĩa là hoặc nơi sinh bị gió, nóng dữ bức bách. Hoặc trong sản môn có những dị tật, hoặc luôn bị ứ trệ v.v...

Thế nào là trở ngại do chủng tử? Nghĩa là hoặc cha xuất chất bất tịnh, mẹ không xuất. Hoặc ngược lại, hoặc cả hai đều không xuất. Hoặc tinh của cha bị hư, hoặc tinh của mẹ, hoặc cả hai đều bị hư.

Thế nào là trở ngại do túc nghiệp? Tức là hoặc cha hoặc mẹ không khởi, không làm tăng trưởng hành nghiệp tạo nên con cái, hoặc cả hai đều không. Hoặc chúng sinh ấy không đầy khởi, không làm tăng trưởng hành nghiệp tạo nên cha mẹ. Hoặc cha mẹ của chúng sinh ấy đã đầy khởi, làm tăng trưởng hành nghiệp tạo nên con cái khác. Hoặc chúng sinh ấy đã đầy khởi, làm tăng trưởng hành nghiệp tạo nên cha mẹ khác. Hoặc ý muốn về hành nghiệp tạo nên một tộc họ danh giá. Hoặc ý muốn về hành nghiệp tạo nên một tộc họ không danh giá. Các trường hợp như vậy gọi là những trở ngại do túc nghiệp.

Nếu không có ba thứ trở ngại như vậy, với ba yếu tố kể trên hiện tiền thì được nhập vào thai mẹ. Chúng sinh kia ở cõi trung hữu hiện có tự thấy cùng với các hữu tình đồng loại vui thích, thuận hợp, đối với nơi chốn sinh đầy khởi niệm mong cầu dẫn tới ham muốn. Bây giờ, thấy cha mẹ cùng hành hạnh tà, tinh huyết xuất ra, bèn khởi tưởng điên đảo: Tức không cho là cha mẹ đang cùng hành hạnh tà mà nghĩ ngược lại, thấy chính mình tự hành, sau đầy lại khởi niệm tham ái. Nếu hiện muốn làm thân nữ, liền đối với người cha đầy ý tham muốn kết hợp. Nếu hiện muốn làm thân nam, tức đối với người mẹ

dấy ý tham muốn kết hợp. Như thế, dẫn tới tình trạng bức bách. Nếu là nữ, tức đối với người mẹ muốn tránh xa. Nếu là nam thì đối với người cha, tâm trạng cũng lại như vậy. Sinh khởi ý muốn ấy rồi, hoặc chỉ thấy người nam, hoặc chỉ thấy người nữ, cứ thế, dần dần tiếp cận nơi chốn kia. Cứ thế, dần dà không còn thấy phần thân khác của cha mẹ, chỉ thấy mỗi căn môn của nam, nữ, và ngay ở nơi ấy liền bị kết buộc. Nên biết sự lý của tử, sinh là như vậy.

Nếu là kẻ phước kém, sẽ sinh vào nhà hạ tiện. Chúng sinh ấy vào lúc chết (tử) và lúc nhập thai (sinh) liền bị nghe vô số các thứ âm thanh hỗn loạn và tự vọng thấy đi vào chốn rừng rậm đầy những tre, lau gai gộc.

Nếu là người phước nhiều, tức sẽ sinh vào gia đình tôn quý. Chúng sinh ấy vào lúc chết và lúc nhập thai, liền tự được nghe những âm thanh êm dịu, vắng lặng, hợp ý, cũng tự vọng thấy những tướng vờ ý hiện bày, như đi lên cung điện v.v... Bấy giờ, sự tham ái của cha mẹ cùng đạt đến cực điểm, là sự quyết định sau rốt, mỗi người đều xuất ra một giọt tinh huyết đậm đà, hòa hợp và trụ nơi thai mẹ, kết làm một đoạn, giống như sữa nóng lúc đông đặc. Chính ở nơi ấy, tính chất dị thực của tất cả chủng tử đã được thâm tóm, nhận giữ nơi đối tượng được nhờ dựa là thức A-lại-da, hòa hợp và nương gá vào.

Thế nào là hòa hợp, nương gá? Đó là chỗ tinh huyết đậm đặc được xuất ra kết hợp thành một đoạn, cùng với trung hữu khi khởi duyên điên đảo đều diệt. Đồng thời cùng diệt, tức do sức từ công năng của tất cả chủng tử nơi thức, nên có căn vi tế khác cùng với đại chủng hòa hợp sinh khởi. Lại có căn khác cùng phân chia chỗ tinh huyết hòa hợp, nương nhau sinh. Lúc này gọi là thức đã trụ, đã “kết sinh tương tục”, tức ở đây gọi là Vị Yết-la-lam. Trong Yết-la-lam ấy có đại chủng của các căn, chỉ cùng với thân căn và đại chủng nơi chỗ dựa của căn đồng thời sinh do sức mạnh của thân căn này cùng sinh với đại chủng của các căn, nên các căn như mắt v.v... thứ lớp được

sinh. Lại, cũng do sức mạnh của thân căn ấy cùng sinh với đại chủng thuộc nơi chôn nương dựa của căn, nên chôn nương dựa của các căn lần lượt được sinh ra. Do các căn này và nơi chôn nương dựa được sinh khởi đầy đủ, nên gọi là được thành tựu chỗ nương dựa một cách viên mãn. Lại, sắc của Yết-la-lam này, cùng với tâm, tâm sở, đồng chung an nguy nên gọi là nương gá. Do sức mạnh từ sự nương gá của tâm, tâm sở, nên sắc không bị hủy hoại. Do sắc tăng, giảm nên tâm, tâm sở kia cũng tăng giảm, vì vậy gọi là chúng cùng đồng an nguy.

Lại nữa, chôn nương gá đầu tiên của thức thuộc Yết-la-lam được gọi là nhục tâm (quả tim). Như vậy, thức ở chôn đó nương gá trước tiên, nên đó cũng là nơi xả bỏ sau cùng.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 2

Địa thứ 2: ĐỊA Ý, phần 2 (Phần Bản Địa)

Lại nữa, tất cả chủng tử ấy nơi thức, nếu là “pháp Bát Niết-bàn”, thì tất cả chủng tử thấy đều đầy đủ, nếu là “pháp chẳng Bát Niết-bàn” thì thiếu ba thứ chủng tử Bồ-đề. Theo trong tự thể của nơi chôn sinh, chủng tử của thể khác thấy đều gắn kết. Do đó, trong tự thể của cõi dục cũng có tất cả chủng tử của cõi sắc, cõi vô sắc. Như vậy, trong tự thể của cõi sắc cũng có hết thấy chủng tử của cõi dục, cõi vô sắc. Nơi tự thể của cõi vô sắc cũng có tất cả chủng tử của cõi dục, cõi sắc.

Lại, thời gian Yết-la-lam dần dần tăng trưởng, gọi là cùng với sắc tăng trưởng như nhau, cả hai đều dần dần rộng lớn, tăng trưởng như thế cho đến khi có được sự nương dựa viên mãn. Nên biết, trong giai đoạn này, do địa giới nên việc tạo sắc của sự nương dựa dần dần thêm rộng. Do thủy giới thâm tóm, gìn giữ nên không bị tan hoại. Nhờ hỏa giới nên Yết-la-lam thành thực, cứng chắc. Do không bị thấm ướt, do phong giới nên các chi phần được phân biệt, mỗi thứ đều an định nơi vị trí của mình.

Lại, tất cả chủng tử nơi thức, đối với tự thể sinh tuy có nhân của nghiệp tịnh, bất tịnh, nhưng chỉ ưa thích tham vương nơi hý luận là nhân hơn hết, và nơi quả về tộc họ, sức khỏe, sắc đẹp, thọ mạng, của cải v.v... thì nghiệp tịnh, bất tịnh là nhân tối thắng.

Lại, hàng phàm phu đối với tự thể nêu trên thì chấp về ngã, ngã sở cùng đầy khởi ngã mạn. Còn hết thấy bậc Thánh thì quán xét chỉ là khổ.

Lại, trong thời gian ở nơi thai, có sự thọ nhận của tự tánh là không khổ không vui, dựa nơi thức thêm lớn. Chỉ có sự thọ nhận của tánh ấy là thuộc về dị thực, còn mọi sự thọ nhận khác hoặc do dị thực sinh ra, hoặc duyên nơi cảnh giới mà sinh.

Lại, về khổ thọ lạc thọ, hoặc có lúc theo duyên hiện khởi, hoặc có khi không khởi.

Lại, thể của chủng tử, từ vô thủy đến nay luôn nối tiếp không dứt. Tánh tuy có từ vô thủy, nhưng do chỗ sai biệt của nghiệp tịnh, bất tịnh huân tập phát khởi, luôn luôn mong nhận lấy quả dị thực, nên nói chủng tử là mới. Nếu quả đã sinh thì gọi chủng tử này là đã nhận quả. Do đạo lý này mà sự sinh tử lưu chuyển tương tục không dứt, cho đến khi chưa đạt Bát Niết-bàn.

Lại, các chủng tử chưa cho quả, hoặc thuận sinh thọ (đời sau thọ), hoặc thuận hậu thọ (qua hai đời sau thọ). Dù trải qua trăm ngàn kiếp, tất cả tự thể đều từ nơi chủng tử của mình thọ sinh trọn đủ, tuy do quả khác sinh, nhưng chính yếu vẫn do chủng tử của tự thể. Nếu đến khi thọ mạng tận cùng, bấy giờ những chủng tử này được gọi là đã thọ quả. Ngoài ra, các chủng tử của tự thể chưa cho quả nên không được gọi là đã thọ nhận quả.

Lại, các chủng tử ở trong thân này tức nên thọ nhận dị thực, duyên không đúng thì không thọ, thuận thì thuộc về thọ bất định, song chủng tử ấy cũng chỉ trụ nơi vị này. Do đó, trong mỗi mỗi tự thể đều có chủng tử của tất cả tự thể. Nếu nơi một xứ có dục nhiễm, tức nói hết thấy xứ có dục nhiễm. Hoặc nơi một xứ được lia dục, tức nói hết thấy xứ được lia dục.

Lại, nơi các chủng tử hiện có trong tự thể, nếu thuộc về phần phiền não, thì gọi là thô trọng, cũng gọi là tùy miên. Nếu thuộc về

phần dị thực và phần vô ký khác thì chỉ gọi là thô trọng, không gọi là tùy miên. Nếu các chủng tử thuộc về nhóm pháp thiện như tín v.v... thì không gọi là thô trọng, cũng không phải là tùy miên. Vì sao? Vì do lúc những pháp ấy sinh, tự thể của chỗ nương dựa chỉ có khả năng gắng nhận chẳng phải là không thể gắng nhận. Vì thế hết thấy tự thể của chỗ nương dựa, là chỗ thô trọng tùy thuận, là chỗ thô trọng sinh khởi, là tự tánh của thô trọng, nên chư Phật Như Lai đã xác lập là khổ. Đó là do hành khổ.

Lại, các chủng tử còn có nhiều thứ tên gọi sai biệt: gọi là Giới, hoặc gọi là Chủng tánh, là Tự tánh, là Nhân, là Tát-ca-da (Hữu thân), là Hý luận, là A-lại-da, là Thủ, là Khổ, là Nơi chốn nương dựa của thân kiến, là Nơi chốn dựa nương của ngã mạn. Nên biết có những loại tên gọi sai biệt như thế.

Lại, khi Bát Niết-bàn đã được “chuyển y”, các bậc tịnh hạnh chuyển bỏ chỗ dựa của chủng tử nơi tất cả pháp nhiễm ô. Đối với chủng tử của tất cả pháp thiện, vô ký, khi chuyển khiến duyên thiếu, chỉ chuyển được nội duyên tự tại.

Lại, ở trong thai trải qua hai trăm sáu mươi sáu ngày, thì tất cả chi phần của thai tạng ấy thấy đều đầy đủ. Từ đấy trở về sau, lại trải qua bốn ngày nữa mới được sinh ra, như Đức Bạc-già-phạm, nơi kinh Nhập Thai đã thuyết giảng rộng.

Ở đây, nếu nói thật đầy đủ, thì hoặc trải qua chín tháng hay hơn nữa. Nếu chỉ trải qua tám tháng thì gọi là vừa đủ, không gọi là thật đầy đủ. Còn nếu trải qua bảy tháng, sáu tháng thì không thể gọi là đầy đủ, hoặc lại còn thiếu, giảm.

Lại, trong sáu xứ vị (thời kỳ) của thai tạng này, do người mẹ ăn uống, nên sinh ra vị thô nhuận thấm để được nuôi lớn. Trong thời kỳ vị tế của Yết-la-lam, nên biết là do vị nhuận thấm vị tế kia nuôi lớn.

Lại nữa, thai tạng này có tám thời kỳ khác nhau. Đó là: (1) Thời kỳ Yết-la-lam. (2) Thời kỳ Át-bộ-đàm. (3) Thời kỳ Bế-thi. (4) Thời kỳ Kiện-nam. (5) Thời kỳ Bát-la-xa-khur. (6) Thời kỳ mọc tóc, lông, móng. (7) Thời kỳ có đủ các căn. (8) Thời kỳ đạt đủ hình tướng.

Nếu đã kết đọng bên ngoài, bên trong còn lỏng, gọi là Yết-la-lam. Nếu bên trong, bên ngoài sệt lại như lạc (cao sữa) chưa đến thời kỳ thành thịt, gọi là Át-bộ-đàm. Nếu đã thành thịt nhưng còn rất mềm, gọi là Bế-thi. Nếu đã dày, cứng, có thể chịu được sự sờ chạm chút ít, gọi là Kiện-nam. Tức nơi “cục thịt” này thêm lớn, tướng của các chi phần hiện bày, gọi là Bát-la-xa-khur. Từ đây về sau, tóc, lông, móng mọc ra và dây cũng là tên gọi của thời kỳ này. Tiếp theo, các căn như mắt v.v... sinh ra, gọi là Thời kỳ có đủ các căn. Sau cùng, nơi chôn nương dựa của các căn hiện ra rõ ràng, đầy đủ, gọi là Thời kỳ đạt đủ hình tướng.

Lại, ở trong thai tạng, hoặc do nghiệp lực từ đời trước, hoặc do sức mạnh của những thứ không quân bình, người mẹ không biết kiêng cử, gió tùy thuận sinh khởi, khiến thai tạng này, hoặc là tóc, hoặc là sắc, hoặc là da, cùng các chi phần khác bị biến dạng khi sinh ra.

Tóc bị biến dạng khi sinh ra: Là do chỗ tạo tác của đời trước nên chiêu cảm lấy nghiệp ác, bất thiện ấy. Cũng do người mẹ có thói quen ăn uống quá nhiều vị mặn như muối v.v... khiến cho thai tạng lông tóc thừa thớt.

Sắc bị biến dạng khi sinh ra: Tức do nhân của nghiệp từ đời trước như đã nói. Cũng do duyên hiện tại là người mẹ quen gần chỗ nóng bức khiến cho thai tạng có sắc đen điu khi sinh ra. Hoặc do người mẹ quen ở gần chỗ quá lạnh, khiến thai tạng có sắc trắng bạch khi sinh ra. Lại do người mẹ ăn nhiều thức ăn có tánh chất nóng khiến cho thai tạng lúc sinh ra có sắc đỏ sẫm.

Da bị biến dạng khi sinh ra: Tức do nhân của túc nghiệp, như trước đã nêu. Cũng do duyên hiện tại là người mẹ quá ham thích âm dục, khiến cho thai tạng da dễ xấu xí do gẻ lở, lác, hủi lúc sinh ra.

Các chi phần bị biến dạng khi sinh ra: Nghĩa là do nhân của nghiệp từ đời trước như đã nói. Cũng do nơi duyên hiện tại là người mẹ thường hay chạy nhảy, cùng không biết tránh các sự việc không quân bình, khiến cho chi phần của các căn nơi thai tạng khi sinh ra bị những khuyết tật.

Lại, thai tạng ấy nếu là nữ sẽ ở bên hông trái của người mẹ, lưng dựa vào xương sống, mặt hướng ra phía bụng. Nếu thai tạng là nam thì ở bên hông phải của người mẹ, lưng dựa vào bụng, mặt hướng vào xương sống.

Lại, thai tạng ấy, lúc đủ ngày đủ tháng, người mẹ không còn kham giữ được nữa, lúc này, gió bên trong liền nổi dậy, tạo nên nhiều đau đớn. Lại, do nghiệp báo của thai tạng ấy phát khởi, làm cho gió của sinh phần dấy lên, khiến đầu của thai nhi hướng xuống, chân quay lên, bọc thai vây buộc chung quanh hướng ra sản môn. Đúng lúc thoát ra, bọc thai liền bị xé rách, phân thành hai nách. Khi ra khỏi sản môn, mới thực gọi là thời kỳ sinh. Sau khi sinh, xúc giác của sinh phần lần lượt xúc chạm, đó là nhãn xúc cho đến ý xúc. Tiếp theo, tùy chỗ sinh ra, nêu bày các sự việc, tức là theo học về ngôn ngữ chữ nghĩa, các việc thế gian, rồi lại vướng mắc vào đường gia thất, vì để làm lớn mạnh giống nòi, vì các căn đã thành thực. Kế đến là gây dựng sự nghiệp ở đời với các thứ ngành nghề thích hợp, tạo nên cảnh giới thọ dụng, như sắc v.v... đáng yêu thích hay không đáng yêu thích. Thọ nhận khổ vui ấy, là do nhân của nghiệp từ đời trước, hoặc do duyên hiện tại. Theo chỗ dẫn dắt của duyên, hoặc đi đến năm nẻo, hoặc hướng tới Niết-bàn.

Lại, các hữu tình (chúng sinh), tuy ở trong loài hữu tình như vậy, khi tự thể sinh, thì chủng loại hữu tình kia, đối với hữu tình này,

tạo ra bốn thứ duyên: (1) Duyên của chủng tử dẫn dắt. (2) Duyên do ăn uống nuôi dưỡng. (3) Duyên theo đuổi, giữ gìn. (4) Duyên theo học tạo tác nghiệp thân, ngữ.

Thứ nhất: Tức là duyên của tinh cha huyết mẹ dẫn dắt.

Thứ hai: Tự thể của hữu tình kia đã sinh rồi, tức biết chỗ ham muốn của mình, nên tìm cầu việc ăn uống dùng để nuôi lớn.

Thứ ba: Là luôn theo đuổi, chuyên tâm giữ gìn, không khiến dấy tạo các hạnh phi thời, những hành không đúng cách.

Thứ tư: Là khiến học tập các việc ở thế gian như ngôn ngữ v.v... do vì để làm lớn mạnh chủng loại, do vì các căn đã thành tựu.

Ở đây, đối với các phần còn lại, cũng diễn biến theo thứ lớp như thế.

Lại, các loài hữu tình, từ vô thủy đến nay, thọ nhận khổ, vui, chưa từng đạt được pháp ra khỏi nẻo khổ vui ấy, kể cả chư Phật chưa chứng đắc Bồ-đề. Nếu từ nơi người khác nghe được âm thanh, bên trong chánh tư duy, do như vậy mới có thể dứt hết các lậu. Nghĩa của những câu như thế này thật là khó tỏ ngộ, đó là: “Ngã không có, hoặc từng phần, hoặc do cái gì, hoặc do sự việc. Ngã cũng hoàn toàn là không, hoặc từng phần, hoặc do cái gì, hoặc do sự việc”.

Như vậy là đã lược nói về sự tử, sinh của phần bên trong.

Thế nào là phần bên ngoài hoặc hoại hoặc thành? Tức là do chỗ tạo tác của các hữu tình chiêu cảm nơi nghiệp thành, hoại. Nếu có sự chiêu cảm nơi nghiệp hoại diệt hiện tiền, bấy giờ liền có duyên hoại diệt bên ngoài dấy khởi, do đấy, phần bên ngoài của các hữu tình kia thấy đều tan hoại, chẳng phải như phần bên trong, do thọ mạng hết. Vì sao? Vì do hết thấy phần sắc thô hiện có, từ bốn đại tạo thành, của phần bên ngoài, luôn trụ trong sự nối tiếp, không phải như phần bên trong.

Lại, chiêu cảm nơi nghiệp hình thành khí thể gian. Nghiệp này quyết định có thể dẫn đến thời gian trụ của kiếp không tăng không giảm. Nếu là hữu tình thì thời gian trụ ấy không quyết định. Vì sao? Do các hữu tình đó tạo tác vô số các loại nghiệp, nên thời gian ấy hoặc hơn một kiếp, hoặc giảm thiểu, cho đến chỉ còn một tuổi.

Lại, kiếp hoại của hữu tình kia do ba thứ tai họa:

Một là tai họa của lửa, có thể hủy hoại thể gian, từ địa ngục Vô gián cho tới cõi trời Phạm thế.

Hai là tai họa của nước, có thể hủy hoại hết thủy, cho đến cõi trời thuộc tinh lự thứ hai.

Ba là tai họa của gió, có thể hủy hoại tất cả, cho tới cõi trời thuộc tinh lự thứ ba. Cõi trời thuộc tinh lự thứ tư, không tai họa nào có thể hủy hoại, do thân cùng cung điện của chư thiên nơi cõi trời này cùng sinh cùng diệt, lại không thể hủy hoại pháp nhân duyên.

Lại có đảnh của ba tai họa: Đó là các cõi trời thuộc tinh lự thứ hai, thứ ba và thứ tư.

Lại, thể gian này có hai mươi trung kiếp hoại, hai mươi trung kiếp hoại rồi không, hai mươi trung kiếp thành, hai mươi trung kiếp thành rồi trụ. Như thế có tám mươi trung kiếp giả lập làm một đại kiếp.

Lại, chư thiên cõi trời Phạm Thế thọ mạng một kiếp. Kiếp hoại sau cùng ấy cũng là kiếp thành đầu tiên. Nên biết đơn vị kiếp ấy được thành lập có khác nhau. Như nơi cõi trời Phạm chúng, hai mươi trung kiếp hợp làm một kiếp, tức dựa vào kiếp này để nói về tuổi thọ. Ở cõi trời Phạm Tiên Ích, bốn mươi trung kiếp hợp làm một kiếp, cũng căn cứ vào kiếp này để nói về tuổi thọ. Như nơi cõi trời Đại Phạm, sáu mươi trung kiếp hợp làm một kiếp, tức dựa vào kiếp ấy để nói về thọ mạng.

Thế nào là tai họa của lửa có thể hủy hoại thế gian? Đây là có thời kỳ, hữu tình ở thế gian thọ mạng là vô hạn, từ đó giảm dần cho đến còn tám vạn tuổi. Các hữu tình lại thọ, hành các pháp bất thiện, nên tuổi thọ chuyển giảm cho đến chỉ còn mười tuổi. Rồi các chúng hữu tình lại đạt được tâm chán lìa, thọ nhận, thực hành pháp thiện, do nhân duyên ấy nên thọ mạng tăng dần đến tám vạn tuổi. Như thế, thọ mạng cứ một lượt giảm một lượt tăng hợp thành một trung kiếp. Trong trung kiếp này lại có ba thứ tai họa nhỏ xuất hiện là đói khát, bệnh tật và binh đao. Tai họa về đói khát xảy ra vào thời kỳ thọ mạng của con người chỉ còn ba mươi tuổi. Bây giờ, các thức ăn uống tinh túy bỏ dư thừa, không thể có được, chỉ nấu nướng các thứ xương hư nát rồi cùng tụ hội ăn uống. Nếu gặp được một hạt thóc, hạt lúa v.v... thì quý trọng như được châu báu, liền đem cất giấu trong rương, trong hộp, giữ gìn cẩn thận. Các chúng hữu tình thời đó phần nhiều không còn khí lực, nếu bị ngã xuống đất thì không thể đứng dậy nổi. Do đói khát, thiếu thốn nên các loài hữu tình bỏ mạng gần hết. Tai họa đói khát này kéo dài bảy năm bảy tháng bảy ngày bảy đêm mới qua khỏi. Các loài hữu tình còn sống sót lại cùng tụ tập, khởi tâm lìa chán bậc hạ, do nhân duyên này nên tuổi thọ không giảm nữa, tai họa về đói khát liền dứt.

Lại, vào thời kỳ thọ mạng của con người còn hai mươi tuổi, tâm niệm chán ghét tai họa dấy khởi từ xa xưa, nay bèn buông bỏ. Khi ấy tai họa về tật bệnh, ôn dịch lan tràn, nối nhau phát khởi, các hữu tình nào mắc phải những bệnh tật đó phần nhiều đều chết. Tai họa về bệnh tật như thế kéo dài trong bảy tháng bảy ngày bảy đêm mới qua khỏi. Các hữu tình còn sống sót lại cùng tụ tập, dấy khởi tâm chán lìa bậc trung. Do nhân duyên này nên thọ mạng của hữu tình không giảm nữa, tai họa về bệnh tật cũng chấm dứt.

Lại, khi thọ mạng của con người chỉ còn mười tuổi, tâm niệm chán ghét tai họa đã khởi từ xa xưa, nay lại từ bỏ. Bây giờ, các hữu tình lần lượt gặp nhau, đều khởi tâm giết hại mãnh liệt. Do nhân

duyên ấy, nên tùy theo những vật cầm nắm nơi tay có được như cây cỏ hoặc ngói đá, đều trở thành đao kiếm sắc bén để chém giết tàn hại lẫn nhau, khiến bỏ mạng gần hết. Tai họa về binh đao như vậy kéo dài suốt trong bảy ngày mới qua khỏi. Lúc này, các hữu tình lại có ba thứ suy tổn cùng cực, là suy tổn về thọ mạng, suy tổn về chỗ nương dựa và suy tổn về của cải.

Suy tổn về thọ mạng: Đó là tuổi thọ giảm đến mức thấp nhất: chỉ còn mười tuổi.

Suy tổn về chỗ nương dựa: Tức về thân tướng, to lớn hết mực cũng chỉ như đầu phảy hoặc bằng nắm tay.

Suy tổn về của cải: Là bảy giờ, các hữu tình chỉ dùng hạt bông cỏ trong lúa làm thức ăn bậc nhất, y phục bện bằng tóc là tốt đẹp nhất, vật dụng trang sức thì sắt là quý giá nhất. Năm thứ vị thượng hạng thấy đều biến mất, đây là tô, mật, dầu, muối và đường mía. Khi đó, các hữu tình lần lượt tập hợp, đây khởi tâm niệm chán lìa bậc thượng, nên tuổi thọ không giảm xuống nữa. Lại có khả năng trừ bỏ các pháp ác bất thiện làm tổn giảm thọ mạng, đồng thời nhận, hành các pháp thiện làm tăng trưởng thọ mạng. Do nhân duyên này nên tuổi thọ, hình sắc, sức khỏe, giàu vui tự tại, đều dần dần tăng trưởng, cho đến thời kỳ thọ mạng của hữu tình đạt tới tám vạn tuổi. Như vậy, hai mươi lượt giảm, hai mươi lượt tăng, hợp làm bốn mươi lượt tăng giảm, liền ra khỏi kiếp trụ. Nơi lượt tăng sau cùng xong, bảy giờ hữu tình ở nẻo địa ngục chỉ có chết đi mà không có sinh ra, như thế dần dần cho đến chết hết. Nên biết đây gọi là thế gian của địa ngục bị hủy hoại. Như nẻo địa ngục, các nẻo bàng sinh, ngạ quỷ cũng đều bị hủy hoại. Khi ấy, trong nẻo người, thuận theo một hữu tình, tự nhiên đúng như pháp, đạt được bậc tinh lự thứ hai. Những hữu tình còn lại, lần lượt theo đây tu học, cũng đạt được như thế. Hết thấy hữu tình ở đây sau khi chết đều được sinh lên cõi trời Cực Tịnh Quang, theo chúng đồng phận. Nên biết, thời kỳ này gọi là thế gian của con người bị hủy hoại. Như nẻo người đã

vậy thì nơi cõi trời cũng thế. Vào thời gian ấy, năm nẻo là nơi chốn cư trú của thế gian, không có một hữu tình nào được sinh ra, của cải, vật dụng vốn có cũng không thể có được. Chẳng những thế, cả đến mưa gió cũng dứt bật. Do không mưa, nên các thứ cây cối, cỏ thuốc hiện có nơi mặt đất thảy đều khô héo. Lại do ảnh hưởng của việc không mưa nên sức nóng của mặt trời tăng cao. Lại vì các hữu tình có thể chiêu cảm nên lực tăng thượng của nghiệp kiếp hoại, cùng nương nơi sự kiện của sáu thứ thiêu đốt, tức lại có sáu mặt trời thứ lớp xuất hiện. Các mặt trời này, so với mặt trời vốn có xưa nay, sức nóng của chúng gấp đến bốn lần. Và khi có bảy mặt trời cùng mọc thì nhiệt độ cũng tăng gấp bảy lần. Thế nào gọi là sự việc của sáu thứ bị thiêu đốt? Tức:

(1) Các thứ hầm hố, nương rãnh lớn nhỏ bị khô cạn do mặt trời thứ hai.

(2) Các dòng sông lớn nhỏ đều bị khô cạn do mặt trời thứ ba.

(3) Ao lớn Vô nhiệt bị khô cạn do mặt trời thứ tư.

(4) Biển lớn bị mặt trời thứ năm và một phần của mặt trời thứ sáu làm cho khô cạn.

(5) và (6): Núi Tô-mê-lô và các vật thể cứng chắc của đại địa, do một phần của mặt trời thứ sáu cùng mặt trời thứ bảy thiêu đốt. Ngọn lửa lớn này được gió thổi mạnh, lần lượt cháy dữ dội, thiêu rụi tới cõi trời Phạm Thế.

Lại, các sự việc như thế có thể tóm lược làm ba thứ biến cố:

(1) Biến cố do nước gây ra: Tức các thứ cây cối cỏ thuốc v.v... do không có nước nên bị khô héo trước nhất.

(2) Biến cố về nước: Tức do bảy mặt trời thiêu đốt, khiến năm thứ nước đều bị khô cạn.

(3) Biến cố về các vật thể cứng chắc luôn trụ vững: Tức do sức nóng của các mặt trời nên hai thứ kia bị thiêu rụi.

Như vậy là thế giới hoàn toàn bị thiêu đốt sạch, thậm chí cả tro than và những hình ảnh còn sót lại cũng không thể tìm thấy, như trong kinh đã giảng nói rộng. Từ đây trở đi gọi là khí thể gian đã bị hủy hoại. Đầy đủ hai mươi trung kiếp thì kiếp hoại chấm dứt, tiếp theo là hai mươi trung kiếp thuộc kiếp trụ.

Thế nào là tai họa về nước? Nghĩa là trải qua bảy lượt tai họa về lửa xong, thì ở nơi cõi trời thuộc tinh lự thứ hai có thủy giới cùng sinh khởi, hủy hoại cả khí thể gian, như nước làm tiêu tan muối. Thủy giới ấy cùng với khí thể gian đồng thời bị hủy diệt, sau đấy lại có hai mươi trung kiếp là kiếp trụ.

Thế nào là tai họa về gió? Tức là qua khỏi bảy lượt tai họa về nước, lại có tiếp bảy đợt tai họa về lửa. Rồi ngay sau đó, nơi cõi trời thuộc tinh lự thứ ba có phong giới cùng sinh khởi, hủy hoại khí thể gian, như gió thổi làm khô kiệt hết thảy các vật, lại cũng có thể làm tiêu tan tất cả. Phong giới này cùng với khí thể gian đồng thời bị hủy diệt. Vì sao? Vì hiện thấy có trường hợp do phong giới phát khởi mà xương cốt thảy đều tiêu tan hết. Tiếp sau kiếp hoại ấy, lại có hai mươi trung kiếp là kiếp trụ.

Như vậy là đã lược nói về thế gian bị hủy hoại.

Thế nào là thế gian thành? Nghĩa là qua khỏi hai mươi trung kiếp như vậy rồi, do lực tăng thượng nơi nghiệp của tất cả hữu tình, nên thế gian lại được tạo thành. Bây giờ, trước tiên, ở trong hư không, khí thể gian của cõi trời thuộc tinh lự thứ ba được hình thành. Như cõi trời thuộc tinh lự thứ ba, các cõi trời thuộc tinh lự thứ hai, tinh lự thứ nhất cũng lại như vậy. Lúc này, nơi đánh của tai họa thứ ba, có các hữu tình, do thọ mạng hết, do nghiệp hết, phước báo hết, nên qua đời ở đấy, rồi sinh vào cõi trời thuộc tinh lự thứ ba. Hết thảy xứ còn lại lần lượt cũng vậy. Lại từ đánh của tai họa thứ hai, sau khi chết, sinh vào cõi trời thuộc tinh lự thứ hai, tất cả xứ còn lại, nên biết cũng như thế. Lại từ đánh của tai họa thứ nhất, có một hữu tình, do thọ

mạng, nghiệp v.v... hết, nên từ đây chết rồi, sinh vào cõi trời thuộc tinh lự thứ nhất, trong thế giới Phạm Thiên là vị Đại Phạm đầu tiên. Do chỉ có một mình nên tâm trạng của vị này là buồn, nhớ, bèn có mong cầu: Làm sao khiến các hữu tình khác cũng sinh đến cõi này. Vào lúc phát khởi tâm niệm như vậy, có các hữu tình khác, do thọ mạng v.v... hết, nên từ cõi trời thuộc tinh lự thứ hai sau khi qua đời, sinh trong chúng đồng phận nơi cõi trời thuộc tinh lự thứ nhất. Như vậy là nơi ba cõi trời thuộc tinh lự dưới, khí thể gian và hữu tình thể gian đã được hình thành. Bấy giờ, trong hư không, cung điện của bốn cõi trời thuộc Dục giới dần dần được tạo thành. Nên biết các cung điện nơi hư không ấy đều như hóa hiện.

Lại, các hữu tình nơi chúng đồng phận của cõi trời Cực Tịnh Quang, sau khi qua đời, đều được sinh vào các cung điện ấy, phần còn lại như trước đã nói. Từ đó về sau, có đại phong luân, dung lượng bằng tam thiên đại thiên thế giới, từ nơi phần đáy hiện ra làm chỗ nương giữ cho thế giới đó, vì nhằm an lập cho các loài hữu tình không có cung điện. Đại phong luân này có hai thứ tướng: mặt giữa phân bố đều khắp, mặt bên thì phân bố nghiêng, do đáy giữ được nước khiến không bị rơi rớt. Tiếp đến, do lực tăng thượng nơi nghiệp của các hữu tình kia, nên trong hư không, mây chứa vàng nổi lên, từ đáy tuôn mưa, rót đầy trên phong luân. Sau đó, lại có gió nổi lên tạt mạnh vào nước khiến được chắc chắn. Đây tức gọi là địa luân tánh vàng, trên có thể chịu được nước do mưa gội xuống, dưới làm nơi chôn cho gió dữ ulla vào.

Cũng do lực tăng thượng nơi nghiệp của các hữu tình, nên phần đất đã được hình thành rồi, trong hư không lại đẩy lên mây chứa cõi, theo đây trút xuống vô số các trận mưa, nước mưa này được tích tụ trên địa luân tánh vàng, lại có gió nổi lên thổi mạnh, khuấy nước khiến được bền chắc. Tức do năng lực của gió ấy dẫn dắt, nên có các vật thể, tánh chất tinh diệu hơn hết, thanh tịnh bậc nhất tạo thành núi Tô-mê-lô. Núi này hình thành xong, do bốn báu làm thể, là vàng, bạc, pha lê, lưu ly. Nếu các vật thể tánh thuộc bậc trung thì tạo thành

bảy núi vàng: núi Trì Song, núi Tỳ-na-tra-ca, núi Mã Nhĩ, núi Thiện Kiến, núi Khiết-đạt-lạc-ca, núi Trì Trục và núi Ni-dân-đạt-la. Những núi như thế, đỉnh cao bày rõ, đều do hình dạng nên có tên gọi khác nhau, theo thứ lớp vây quanh núi Tô-mê-lô. Núi Tô-mê-lô cao tám vạn do-tuần, chiều rộng cũng như vậy, và phần chìm sâu dưới nước cũng bằng chiều cao của phần nhô lên trên. Núi Trì Song về kích thước bằng nửa núi Tô-mê-lô. Từ đây, theo thứ lớp, sáu núi vàng còn lại, về kích thước cứ giảm dần, núi sau bằng nửa núi trước.

Nếu các vật thể, tánh chất thuộc bậc thấp, thì tạo thành bốn châu lớn, tám châu vừa cùng núi Luân Vi, tất cả ở bên ngoài bảy núi vàng và bao quanh núi Tô-mê-lô. Núi Luân Vi chạy vòng quanh bốn chân lớn, kích thước bằng nửa núi Ni-dân-đạt-la.

Lại tạo thành cung điện của loài Phi thiên (A-tu-la). Cung điện này nằm ở phần thấp của núi Tô-mê-lô, nương nơi nước mà trụ.

Lại hình thành núi Đại Tuyết và ao Vô Nhiệt, ao ấy bao quanh thành núi.

Tiếp đến là tạo thành nơi chốn của tám địa ngục lớn ở vào vị trí thấp nhất trong các đại địa ngục, cùng các địa ngục độc nhất, địa ngục lạnh, địa ngục cận biên. Lại thành lập nơi chốn một phần của nẻo bàng sinh và ngạ quỷ.

Bốn châu lớn là châu Nam Thiệm-bộ, châu Đông Tỳ-đề-ha, châu Tây Cù-đà-ni, châu Bắc Câu-lô.

Châu Nam Thiệm-bộ hình dáng giống như thùng xe. Châu Đông Tỳ-đề-ha có hình bán nguyệt. Châu Tây Cù-đà-ni hình dáng tròn đầy. Còn châu Bắc Câu-lô thì hình dáng vuông vức.

Châu Thiệm-bộ rộng sáu ngàn năm trăm do-tuần. Châu Tỳ-đề-ha rộng bảy ngàn do-tuần. Châu Cù-đà-ni rộng bảy ngàn năm trăm do-tuần. Châu Câu-lô rộng tám ngàn do-tuần.

Lại, ở khoảng giữa của bảy núi vàng có biển nước gồm đủ tám chi đực, gọi là Nội hải. Lại tạo thành các cung Rồng. Có tám Rồng lớn, đều đã trải qua kiếp trụ, là: Long vương Trì Địa, Long vương Hoan Hỷ Cận Hỷ, Long vương Mã Loa, Long vương Mục Chi Lâm Đà, Long vương Ý Mãnh, Long vương Trì Quốc, Long vương Đại Hắc, Long vương Ê La Diệp. Những Long vương này, do uy lực của Đế Thích nên luôn cùng với hàng Phi thiên đánh nhau. Các chúng Rồng của tám Long vương kia có bốn loại: sinh từ trứng, sinh từ thai, sinh từ nơi ẩm thấp, sinh từ biến hóa. Trong loài chim Diệu sí (chim Kim sí) cũng có bốn loại sinh như thế.

Lại có biển nước khác ở bên ngoài Nội hải, nên gọi là Ngoại hải. Lại, dựa nơi chân núi Tô-mê-lô có bốn tầng cấp. Tầng cấp thứ nhất, từ một bên núi Tô-mê-lô đi ra, dài một vạn sáu ngàn do-tuần. Từ đây, theo thứ lớp, ba tầng cấp còn lại, chiều dài cứ giảm dần, tầng cấp sau bằng nửa tầng cấp trước. Nơi tầng cấp thứ nhất có thần Kiên Thủ ở. Thần Huyết Thủ trụ nơi tầng cấp thứ hai. Thần Thường Túy ở tại tầng cấp thứ ba. Thần Trì Man trụ nơi tầng cấp thứ tư. Trên bốn góc nơi đánh núi Tô-mê-lô có bốn ngọn núi lớn, đều cao năm trăm do-tuần, có các Dược-xoa là Kim Cang Thủ an trụ trong ấy.

Lại, nơi bốn mặt của núi Trì Song có bốn vương đô, theo thứ lớp Đông, Nam, Tây, Bắc, là trụ xứ của bốn đại Thiên vương: Trì Quốc, Tăng Trưởng, Xú Mục và Đa Văn. Các núi vàng còn lại là thôn ấp, bộ lạc của bốn Thiên vương.

Lại, gần núi Tuyết có một dãy núi vàng lớn tên là Phi Thiên Hiệp, cao rộng năm mươi do-tuần, Long vương Thiện Trụ thường trấn giữ ở đây, lúc Thiên Đế Thích du hành tới đây. Bên trong dãy núi có cây tên là Thiện trụ, cây Đa la mọc từng hàng với bảy lớp bao quanh. Lại có ao lớn tên Mạn-đà-cát-ni, có năm trăm ao nhỏ dùng làm quyến thuộc. Long vương Thiện Trụ cùng với năm trăm voi cái trước sau vây quanh đi đến vui chơi nơi ao ấy, biến hiện tùy theo ý

muốn, hoặc lặn xuống ao hái gốc sen dùng làm thức ăn. Ở bên ao này có ao lớn Vô Nhiệt, kích thước sâu rộng mỗi bề là năm mươi do-tuần, đáy ao rải đầy cát vàng nhỏ mịn, nước đủ tám chi đức tràn đầy bên trong ao, hình sắc tươi đẹp, đoan nghiêm, người trông thấy đều sinh vui. Từ ao này là nơi xuất phát của bốn dòng sông lớn: sông Căng Già, sông Tín Độ, sông Tư Đa và sông Phược Sô.

Lại nữa, tại khoảng giữa nơi đỉnh núi Tô-mê-lô, tạo lập thiên cung của Đế Thích, cao rộng mười ngàn do-tuần, phần đất còn lại là thôn ấp, làng xóm của chư thiên thuộc cõi trời ấy. Bốn mặt của núi đó, đối diện với bốn châu lớn, đều do bốn báu tạo thành. Tức là mặt đối nơi châu Thiệm-bộ làm bằng lưu ly. Mặt đối nơi châu Tỳ-đề-ha làm bằng bạch ngân. Mặt đối nơi châu Cù-đà-ni làm bằng hoàng kim. Mặt đối nơi châu Câu-lô làm bằng pha lê.

Lại, men theo khu vực ngoài biên của châu Thiệm Bộ có đường đi của Chuyển Luân Vương, do vàng ròng tạo thành. Như cõi trời Tứ Đại Vương, hữu tình nơi cõi ấy, phần chân từ đầu gối trở xuống đứng chìm trong đại hải. Nếu Chuyển Luân Vương xuất hiện ở đời, nước biển sẽ rút xuống bằng phần chiều cao từ đầu gối trở xuống của các hữu tình kia.

Lại, phía Nam ao Vô Nhiệt có một cây to lớn tên là Thiệm Bộ, do đó châu này được gọi là châu Thiệm Bộ. Phía Bắc của ao có khu rừng rậm rạp gồm những đại thọ tên Thiết-lạp-mạt-lê, các đàn chim Diệu sí sinh từ bốn loài (noãn, thai v.v...) thường tụ tập, ngụ lại trong ấy.

Lại, bốn châu lớn này, mỗi châu có hai châu vừa dùng làm quyền thuộc. Ngoài ra còn có một châu là trụ xứ của loài La-sát.

Như vậy là khí thể gian đã được hình thành, có các hữu tình từ nơi chúng đồng phận của cõi trời Cực Tịnh Quang, sau khi qua đời, sinh về đây. Phần còn lại, như trước đã nói.

Đây đều là do các hữu tình chiêu cảm lấy nghiệp của kiếp đầu tiên. Nghiệp này là vi diệu tối thắng bậc nhất, thuộc về cõi dục. Chỉ ở thời điểm ấy, nghiệp này mới chiêu cảm quả, còn ở các thời gian khác thì không. Bây giờ, hữu tình gọi là người của kiếp đầu tiên, có hình sắc, đều tùy theo ý muốn sinh ra. Hết thấy các sự việc như thế, trong kinh đã nêu giảng rộng. Những hữu tình này, lúc ấy chưa có nhà cửa cùng các làng xóm. Mọi thứ đất đai, bề mặt đều bằng phẳng. Từ đây trở về sau, do sức mạnh từ phước nghiệp của các hữu tình, nên có vị của đất sinh ra. Như thế, lần lượt có “bánh đất”, chồi non, lúa nếp không gieo trồng tự nhiên xuất hiện, không lép, không trấu. Thứ đến có các loại lúa nếp có lép, có trấu. Sau đó, nơi nơi chồn chồn, những đám lúa, nếp sinh ra, lúc này, các hữu tình mới thực hiện việc thâu giữ, thọ dụng. Do duyên thọ dụng các mùi vị cần cho đời sống, những hữu tình này sắc xấu phát sinh, ánh sáng liền mất. Những hữu tình ăn nhiều, sắc xấu càng tăng, thân thể nặng nề. Họ khinh chê lẫn nhau nên pháp ác hiện hành. Vì nhân duyên đó, nên các mùi vị hiện có dần dần biến mất nơi đất, như trong kinh đã giảng diễn. Lại, cũng do duyên này, các loài hữu tình cùng đưa mắt nhìn nhau bèn khởi tâm ái nhiễm. Kế đến, do có thể chiêu cảm nghiệp nam nữ, nên một phần hữu tình sinh khởi nam căn, một phần hữu tình sinh khởi nữ căn, lần lượt xâm phạm lẫn nhau, khởi các hạnh tà, bị những người khác chê trách, mới tạo ra nhà cửa để tự ẩn giấu, che giấu. Lại do nhân thâu giữ, thọ dụng lúa nếp, nên đối với đất đai lại khởi ý tưởng tư hữu, từ đó dẫn tới tình trạng chiếm đoạt, tranh chấp, không cùng giữ pháp. Vì vậy người chủ việc phân xử được lập ra, vị vua đầu tiên tên là Đại Đẳng Ý. Như thế là có các chúng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thú-đà-la xuất hiện ở thế gian. Những nhân duyên kế tiếp như trong kinh đã giảng nói rộng.

Lại, do ánh sáng nương dựa của các hữu tình kia đã mất, nên thế gian có bóng tối lớn sinh ra. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú lần lượt xuất hiện. Mặt trời có kích thước năm mươi một do-tuần, nên biết là mặt

trăng nhỏ thua một. Mặt trời tức do Hỏa phủ chi tạo thành. Mặt trăng thì do Thủy phủ chi tạo nên. Hai vầng sáng này, mặt trăng chuyển động nhanh hơn và không nhất định. Còn mặt trời thì thường ở nơi hai châu cùng lúc chiếu sáng và ở nơi hai châu cùng lúc phủ tối. Nghĩa là ở một châu, mặt trời vào giữa trưa. Ở một châu, mặt trời mới mọc. Ở một châu, mặt trời vào nửa đêm. Ở một châu, mặt trời vừa lặn.

Mặt trời, mặt trăng và các tinh tú hiện có ấy, chuyển động nơi khoảng giữa núi Tô-mê-lô, tức ở độ cao bằng núi Trì Song. Lại, khi mặt trời chuyển động có gần có xa. Nếu xa núi Tô-mê-lô thì lập làm phần hàn (lạnh). Nếu gần núi Tô-mê-lô thì lập làm phần nhiệt (nóng). Tức do điều này nên mặt trời lặn có sớm có muộn. Còn mặt trăng, nếu phần trên hơi nghiêng một ít thì chỉ thấy một nửa, vì các phần khác che phần ở gần, khiến không thể thấy được. Nó cứ nghiêng dần và cứ như thế từ từ hiện ra tròn đầy. Nếu ở nơi “phần đen”, mặt trăng thấp dần, và cứ như vậy, khuyết giảm dần. Do trong đại hải có các loài cá, ba ba lớn hiện ra bóng in nơi mặt trăng, nên trong mặt trăng có tướng đen hiện rõ. Nơi các tinh tú, thì ngôi sao có kích thước lớn nhất là mười tám câu-lô-xá, trung bình là mười câu-lô-xá, nhỏ nhất là bốn câu-lô-xá.

Lại nữa, nơi thế gian khi đã phát sinh bốn chủng tộc thì cũng dấy khởi hiện tượng thuận theo yêu thích, không yêu thích, thọ nghiệp nơi năm nẻo. Từ đây về sau, tùy theo một hữu tình, do chiêu cảm nghiệp tạp nhiễm tăng thượng, nên sinh trong nẻo địa ngục làm Tĩnh Tức vương, từ đó liên tục có quân binh nơi địa ngục xuất hiện, cũng như hóa sinh cùng vô số dụng cụ gây đau khổ như đồng, sắt v.v... Lửa nơi địa ngục bốc cháy, sau đây tùy theo nghiệp, các hữu tình thọ sinh ở đây hoặc thọ sinh nơi cõi khác.

Như thế, một trăm câu-chi bốn châu lớn, một trăm câu-chi núi Tô-mê-lô, một trăm câu-chi sáu cõi trời thuộc Dục giới, một trăm câu-chi cõi Phạm Thế, tất cả là Tam thiên đại thiên thế giới cùng thành cùng hoại. Tức thế giới ấy có ba loại:

(1) Tiểu thiên thế giới: Nghĩa là một ngàn mặt trời, mặt trăng cho đến cõi Phạm thế, gồm chung lại làm một tiểu thiên thế giới.

(2) Trung thiên thế giới: Tức là một ngàn tiểu thiên thế giới.

(3) Đại thiên thế giới: Tức là một ngàn trung thiên thế giới.

Hợp toàn bộ ở đây, gọi là Tam thiên đại thiên thế giới.

Như vậy, bốn phương, trên dưới có vô biên vô tận Tam thiên thế giới bị hủy hoại đúng thời, được hình thành đúng lúc. Cũng như trời mưa, nước mưa tuôn xuống như trục xe quay liên tục không ngừng. Nước ấy nối tiếp trút xuống, rơi chảy khắp nơi chốn. Thế giới cũng như vậy, phân bố khắp các phương hướng, không biên vực, thành hoại đúng lúc. Tức Tam thiên đại thiên thế giới này, gọi là một cõi Phật, Đức Như Lai ở trong ấy hiện thành Chánh giác, nơi vô biên thế giới hành hóa Phật sự.

Như thế là đã an lập việc hình thành thế giới xong. Ở đây, năm nẻo có thể đạt được là: Địa ngục. Bàn sinh. Nga quý. Loài người. Trời.

Và bốn loài sinh có thể có được là: Noãn sinh. Thai sinh. Thấp sinh. Hóa sinh.

Lại có sáu thứ nương, giữ. Lại có mười thứ thời phần: Thời. Năm. Tháng. Nửa tháng. Ngày. Đêm. Sát-na. Đát-sát-na. Lạp-phược. Mục-hô-thích-đa.

Lại có bảy sự thâm nhận. Lại có mười thứ của cải nơi thân. Lại có mười thứ thọ dục, như nơi kinh Trung A Cấp Ma (Trung A Hàm) đã nói.

Lại có tám việc luôn tùy hành. Lại có tám pháp thế gian là: Được, không được, khen, chê, tán thán, chế giễu, khổ, vui.

Lại có ba phẩm: oán, thân, bình thường. Lại có ba thứ việc thế tục. Lại có ba thứ ngôn ngữ.

Lại có hai mươi hai thứ phát khởi tức giận. Lại có sáu mươi hai thứ loài hữu tình.

Lại có tám vị. Lại có bốn loại vào thai. Lại có bốn thứ oai nghi. Lại có sáu cách sinh sống.

Lại có sáu thứ giữ gìn. Lại có bảy thứ khổ. Lại có bảy thứ mạn.

Lại có bảy thứ kiêu. Lại có bốn thứ ngôn thuyết. Lại có nhiều thứ câu ngôn thuyết.

Thế nào là nẻo địa ngục? Đó là các Uẩn địa ngục thuộc về các quả, cùng sự thọ nhận nghiệp thuận theo địa ngục.

Như nẻo địa ngục, các nẻo *Bàng sinh*, *Nga quý*, *Người*, *Trời* cũng như vậy. Theo hình thức ứng hợp sau cùng, nên biết.

Thế nào là sinh từ trứng (Noãn sinh)? Tức là các hữu tình phá vỡ vỏ trứng mà sinh ra, như các loài ngỗng, chim nhạn, chim sẻ, chim anh vũ, chim xá lợi.

Thế nào là sinh từ thai (Thai sinh)? Đó là các loài hữu tình từ trong thai được bao bọc, phá vỡ bọc thai sinh ra, như các loài voi, ngựa, bò, lừa v.v...

Thế nào là sinh từ sự ẩm ướt (Thấp sinh)? Đó là các loài hữu tình nhân theo một thứ hơi ẩm ướt mà sinh ra, như các loài trùng, mọt, con ngài v.v...

Thế nào là sinh từ sự biến hóa (Hóa sinh)? Đó là các loài hữu tình do sức tăng thượng của nghiệp, đầy đủ sáu xứ sinh ra, hoặc lại chẳng đủ, như chư thiên. Địa ngục là hoàn toàn hóa sinh. Người, quý, bàng sinh chỉ hóa sinh một phần.

Thế nào là sáu thứ nương giữ? Đó là:

(1) Nương giữ do tạo lập: Nghĩa là tầng Phong luân ở dưới đáy, cùng với Thủy luân, Địa luân, khiến cho các hữu tình không bị rơi rớt xuống, nên sinh khởi. Đó gọi là nương giữ.

(2) Nương giữ do che phủ: Tức là nhà cửa v.v... giúp cho sự chia lìa, trôi giạt, thất thoát của các hữu tình được giảm bớt, nên sinh khởi. Đó gọi là nương giữ. Về nhà cửa lược nêu có ba loại: hoặc do xây cất, hoặc không do xây cất, hoặc cung điện được hóa hiện.

(3) Nương giữ do được mùa: Tức là làm thức ăn cho các hữu tình, nên sinh khởi. Đó gọi là nương giữ.

(4) Nương giữ do an ổn: Tức khiến cho các hữu tình lìa bỏ mọi sự nguy hại của đao gậy, nên dấy khởi. Đó gọi là nương giữ.

(5) Nương giữ do mặt trời mặt trăng: Là giúp cho các hữu tình thấy được các vật nên sinh khởi. Đó gọi là nương giữ.

(6) Nương giữ do ăn: Tức là bốn thứ ăn: Đoạn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Những thứ ăn này giúp cho các hữu tình giữ lấy thân mạng, nên sinh khởi. Đó gọi là nương giữ.

Thế nào là bảy loại việc thân nhận? Đó là: (1) Việc của cha mẹ mình. (2) Việc của vợ con. (3) Việc của những kẻ ăn người ở. (4) Việc của bạn bè, đồng liêu, anh em, bà con. (5) Việc của ruộng đất, nhà cửa, dinh thự. (6) Việc của phước nghiệp, và phương tiện tạo nghiệp. (7) Việc của kho lẫm cất chứa.

Thế nào là mười thứ của cải nơi thân? Đó là: (1) Ăn. (2) Uống. (3) Xe cộ. (4) Y phục. (5) Vật dùng trang sức. (6) Ca múa, âm nhạc. (7) Nước hoa, son phấn. (8) Các thứ thường dùng. (9) Chiếu sáng. (10) Thọ hành của nam nữ.

Thế nào là tám việc luôn tùy hành? Đó là các việc của thế gian luôn luôn làm theo: (1) Việc che giấu. (2) Việc dùng ngọc quý trang sức nơi thân. (3) Việc uy nghi dễ làm lẫn. (4) Việc ăn uống. (5) Việc ngủ nghỉ. (6) Việc giao tiếp, hội họp. (7) Việc thuộc về sự cần cù. (8) Việc thuộc về nói năng.

Thế nào là ba loại việc thế gian? Đó là: (1) Việc nói năng, bàn luận, chúc mừng, an ủi. (2) Việc cưới gả, tiếp đón, tiệc tùng. (3) Trong lúc khởi tạo các sự việc đều có toan tính, giúp đỡ.

Thế nào là ba thứ ngôn ngữ? Tức: (1) Ngôn ngữ đúng pháp. (2) Ngôn ngữ không đúng pháp. (3) Những thứ ngôn ngữ khác.

Ngôn ngữ đúng pháp: Là giảng nói về pháp chán, bỏ, xa lìa các thứ trói buộc, ngăn che, hướng tới sự an lạc đáng yêu thích. Nói rộng như nơi kinh.

Ngôn ngữ không đúng pháp: Là tâm cầu nhiễm, nói bàn về chuyện ăn uống v.v...

Các ngôn ngữ khác: Là tâm vô ký dấy khởi việc nói năng, bàn luận.

Thế nào là 22 thứ khiến phát sinh giận dữ? Đó là: (1) Đong non. (2) Cân thiếu. (3) Thu chứa giả dối. (4) Phương tiện hành động tà vạy. (5) Chống cự. (6) Khinh chê. (7) Phản bội. (8) Tranh tụng. (9) Mạ ly. (10) Phẫn nộ. (11) Quả trách. (12) Bức hiếp. (13) Đánh đập. (14) Giết hại. (15) Ràng buộc. (16) Ngăn cấm. (17) Cắt đứt. (18) Xua đuổi. (19) Dưa nịnh. (20) Lừa gạt. (21) Ém tài. (22) Nói dối.

Thế nào là 62 loài hữu tình? Đó là: (1) Địa ngục. (2) Bàn sinh. (3) Quỷ. (4) Chư thiên. (5) Người. (6) Sát-đế-lợi. (7) Bà-la-môn. (8) Phê-xá. (9) Thú-đà-la. (10) Nữ.

(11) Nam. (12) Phi nam phi nữ. (13) Hèn kém. (14) Trung bình. (15) Tài giỏi. (16) Tại gia. (17) Xuất gia. (18) Khổ hạnh. (19) Không khổ hạnh. (20) Luật nghi.

(21) Không luật nghi. (22) Phi luật nghi, phi không luật nghi. (23) Lìa dục. (24) Chưa lìa dục. (25) Định tụ tánh tà. (26) Định tụ tánh chánh. (27) Định tụ bất định. (28) Bí-sô. (29) Bí-sô-ni. (30) Chánh học.

(31) Cẩn sách nam. (32) Cẩn sách nữ. (33) Cận sự nam. (34) Cận sự nữ. (35) Người quen đoạn trừ. (36) Người quen đọc tụng. (37) Người bỏ thí thanh tịnh. (38) Người lớn tuổi. (39) Hạng trung niên. (40) Thiếu niên.

(41) Bạc thầy mẫu mực đạo hạnh (A-xà-lê). (42) Thân giáo sư (Hòa thượng). (43) Đệ tử ở chung và đệ tử ở gần. (44) Khách khứa. (45) Người lo việc chúng Tăng. (46) Kẻ tham lợi dưỡng, cung kính. (47) Người chán, bỏ. (48) Bạc học rộng. (49) Người phước trí lớn. (50) Bạc pháp tùy pháp hành.

(51) Người thọ trì kinh. (52) Người giữ luật. (53) Người trì luận. (54) Hàng phạm phu. (55) Bạc kiến đế. (56) Bạc hữu học. (57) Bạc vô học. (58) Thanh văn. (59) Độc giác. (60) Bồ-tát. (61) Như Lai. (62) Chuyển Luân Vương.

Chuyển Luân Vương này lại có bốn loại: Hoặc làm vua một châu. Hoặc làm vua hai, ba, bốn châu. Vị làm vua một châu có bánh xe sắt ứng hiện. Vị làm vua hai châu có bánh xe đồng ứng hiện. Vị làm vua ba châu có bánh xe bạc ứng hiện. Vị làm vua bốn châu có bánh xe vàng ứng hiện.

Thế nào là tám vị (thời kỳ)? Đó là: (1) Thời kỳ ở trong thai. (2) Thời kỳ xuất sinh. (3) Thời kỳ trẻ thơ. (4) Thời kỳ đồng tử. (5) Thời kỳ thiếu niên. (6) Thời kỳ trung niên. (7) Thời kỳ già cả. (8) Thời kỳ quá già (70 - 90 tuổi...).

Thời kỳ ở trong thai: Là giai đoạn Yết-la-lam.

Thời kỳ xuất sinh: Là giai đoạn từ sau khi sinh ra cho đến già nua.

Thời kỳ trẻ thơ: Là giai đoạn sinh ra cho đến chưa thể đi chơi vui đùa.

Thời kỳ đồng tử: Là giai đoạn có thể thực hiện các việc vừa nêu.

Thời kỳ thiếu niên: Là giai đoạn có thể thọ dụng những vui thú nơi thế gian, cho tới 30 tuổi.

Thời kỳ trung niên: Là giai đoạn từ 30 đến 50 tuổi.

Thời kỳ già cả: Là giai đoạn từ 50 đến 70 tuổi.

Thời kỳ quá già yếu: Là từ 70 tuổi trở lên.

Thế nào là bốn loại vào thai? Đó là: (1) Hiểu biết đúng đắn khi vào thai. Không hiểu biết đúng đắn khi trụ và xuất thai. (2) Hiểu biết đúng đắn khi nhập và trụ thai. Không hiểu biết đúng đắn khi xuất thai. (3) Cả ba giai đoạn nhập, trụ, xuất đều hiểu biết đúng đắn. (4) Cả ba giai đoạn đều không hiểu biết đúng đắn.

Loại thứ nhất là Chuyển Luân Vương. Loại thứ hai là hàng Độc giác. Loại thứ ba là hàng Bồ-tát. Loại thứ tư là các loài hữu tình khác.

Thế nào là sáu loại sinh sống? Đó là: (1) Làm nông. (2) Buôn bán. (3) Chăn nuôi bò. (4) Phụng sự vua. (5) Học tập về sách vở, toán số, in ấn. (6) Học tập các ngành nghề khác.

Thế nào là sáu thứ giữ gìn? Tức: (1) Quân đánh bằng voi. (2) Quân đánh bằng ngựa. (3) Quân đánh bằng xe. (4) Quân đánh bộ. (5) Sức mạnh của cửa cái. (6) Sức mạnh của bè bạn.

Thế nào là bảy thứ khổ? Đó là: (1) Sinh khổ. (2) Già khổ. (3) Bệnh khổ. (4) Chết khổ. (5) Khổ do oán ghét gặp gỡ. (6) Khổ do yêu thương ly biệt. (7) Khổ do cầu không đạt được.

Thế nào là bảy thứ mạn? Tức: (1) Mạn. (2) Quá mạn. (3) Mạn quá mạn. (4) Ngã mạn. (5) Tăng thượng mạn. (6) Ty mạn. (7) Tà mạn.

Thế nào là bảy thứ kiêu? Đó là: (1) Kiêu căng vì không bệnh. (2) Kiêu căng vì tuổi trẻ. (3) Kiêu căng vì sống lâu. (4) Kiêu căng vì tộc họ. (5) Kiêu căng vì sắc đẹp, sức mạnh. (6) Kiêu căng vì giàu sang. (7) Kiêu căng vì học rộng.

Thế nào là bốn thứ nói năng? Đó là: Nói năng dựa theo chỗ thấy, nghe, hiểu, biết hiện có.

Nói năng dựa theo những điều thấy: Nghĩa là dựa vào mắt nên hiện thấy những cảnh vật bên ngoài. Do nhân duyên ấy, nên vì người khác giảng nói.

Nói năng dựa theo những điều nghe: Tức là được nghe từ nơi người khác. Do nhân duyên ấy, nên vì những người khác giảng nói.

Nói năng dựa theo những điều đã hiểu: Nghĩa là không thấy, không nghe, chỉ tự suy nghĩ, quan sát theo khả năng. Do nhân duyên ấy, nên vì những người khác giảng nói.

Nói năng dựa theo những điều đã biết: Tức là riêng biệt từng thứ nơi bên trong: Những điều thọ nhận, những điều chứng biết, những điều đã tiếp xúc, những điều đã có được. Do nhân duyên ấy, vì những người khác nên giảng rõ.

Thế nào là câu có nhiều cách nói năng? Tức ở đây cũng gọi là câu giải thích lời văn, cũng gọi là câu hý luận, cũng gọi là câu thâm tóm nghĩa. Những loại như thế có nhiều sai biệt.

Lại, các tự mẫu có thể thâm tóm các nghĩa, nên biết cũng gọi là câu có nhiều cách nói năng, như những câu: Địa, căn, cảnh, pháp, Bỏ-đặc-già-la, tự tánh sai biệt, tác dụng, tự tha, có, không, hỏi, đáp, lấy, cho, tánh chánh, tánh tà.

Lại có những câu: nghe, ché, công đức, lỗi lầm, được, chẳng được, chê khen, khổ vui, xung tán, trách cứ, chắc chắn, vi diệu, trí, thoái chuyển, chìm đắm, lượng xét, trợ bạn, thị hiện, giáo hóa, dẫn dắt, khen ngợi, khuyên gắng, vui mừng, an ủi.

Lại, có bảy câu ngôn luận. Đây tức là bảy biến cách của một từ: Bỏ-lô-sa. Bỏ-lô-sam. Bỏ-lô-tê-noa. Bỏ-lô-sa-da. Bỏ-lô-sa-đa. Bỏ-lô-sát-sa. Bỏ-lô-sát.

Lại có các câu: nêu bày, chỉ dạy, nêu tướng, vắng dứt, biểu thị, thấu tỏ, phép tắc, an lập, tích tập, quyết định, phối kết, kinh hãi, đầu, giữa, sau.

Lại có các câu: tộc họ, lập tông, ngôn thuyết, hoàn thành, thọ dụng, tìm cầu, giữ gìn, xấu hổ, thương xót, gắng chịu, lo sợ, lựa chọn.

Lại có các câu: cha mẹ, vợ con, hết thầy của cải được thâm tóm, nên phải nói rộng, sinh, già v.v... cho đến chỗ mong cầu chẳng được, sâu than, thiếu niên, không bệnh, sống lâu, ái hợp, oán lia, chỗ ham muốn, tùy ứng hợp hoặc không thuận ứng hợp, qua lại, quay nhìn, hoặc co duỗi, đi đứng ngồi nằm, đánh thức, tỏ ngộ, nói năng, im lặng, thức dậy, nghỉ ngơi.

Lại có các câu: uống ăn, nhắm, nếm, quen làm, không quen làm, phóng dật, không phóng dật, rộng hẹp, tăng giảm, tâm tứ, phiền não, tùy phiền não, hý luận – lia hý luận, sức yếu, chủ thể thành tựu, đối tượng được thành tựu, lưu chuyển, định dị, tương ứng, thể tức, thứ lớp, thời, phương, số, hòa hợp – không hòa hợp, tương tự chẳng tương tự.

Lại có các câu: lẫn lộn, cùng có, hiện thấy không hiện thấy, ẩn giấu, hiển bày.

Lại có các câu: chủ thể tạo tác, đối tượng được tạo tác, pháp luật, thể sự, tài sản, chân – vọng, lợi ích – chẳng lợi ích, cốt tủy, nghi ngờ, lo lắng, kinh quái.

Lại có các câu: khiếm nhược, không sợ, rõ ràng – không rõ ràng, sát hại, trói buộc, ngăn cấm, cắt đứt, xua đuổi.

Lại có các câu: nhục mạ, tức giận, đánh đập, bức hiếp, chê trách, thiêu đốt, nấu nướng, hàng phục, đục loạn, Thánh giáo, theo đuổi, so sánh.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 3

Địa thứ 2: ĐỊA Ý, phần 3 (Phần Bản Địa)

Lại nữa, như trước đã nói về năm sự, từ tự tánh cho đến tạo nghiệp, đều do ba xứ thâm tóm. Đó là do sắc tụ, tâm, tâm sở phẩm và vô vi. Ngoài ra, phần còn lại là pháp giả hữu. Nay, trước hết sẽ nói về các pháp thuộc sắc tụ.

Hỏi: Tất cả pháp sinh đều từ chủng tử của tự thể dấy khởi, vì sao nói các đại chủng có thể sinh các sắc được tạo? Vì sao sắc được tạo lại dựa vào đại chủng? Đại chủng là chỗ kiến lập, là chốn nhận giữ, là nơi nuôi lớn?

Đáp: Do tất cả đại chủng trong ngoài và chủng tử của sắc được tạo thấy đều nương dựa vào tâm bên trong tương tục, cho đến chủng tử của các đại chủng chưa sinh tới nay, thì chủng tử của sắc được tạo hoàn toàn không thể sinh sắc được tạo. Chính là do đại chủng kia sinh thì sắc được tạo mới từ nơi chủng tử của tự thể sinh khởi. Do đó, nói đại chủng có thể sinh sắc được tạo là do đại chủng sinh làm nhân dẫn dắt trước. Theo đạo lý ấy nên nói các đại chủng là nhân sinh ra sắc được tạo.

Vì sao sắc được tạo lại nương nơi đại chủng? Là do sắc được tạo sinh rồi thì không lìa xứ của đại chủng mà chuyển.

Vì sao đại chủng là chỗ kiến lập? Là do đại chủng khi tăng giảm thì sắc được tạo cùng có sự an nguy.

Vì sao đại chủng là chỗ nhận giữ? Là do tùy theo lượng của đại chủng mà sắc được tạo không bị hủy hoại.

Vì sao đại chủng là chỗ nuôi lớn? Vì do nhân nơi ăn uống, ngủ nghỉ, tu tập phạm hạnh, tam muội v.v... đều dựa nơi đại chủng, khiến sắc được tạo lại càng thêm lớn rộng, nên nói đại chủng làm nhân nuôi lớn sắc được tạo. Như vậy, nên biết các đại chủng đối với sắc được tạo có năm thứ tác dụng.

Lại nữa, ở trong sắc tụ từng không có cực vi sinh. Nếu lúc từ chủng tử của tự thể sinh thì chỉ là tụ tập sinh, hoặc nhỏ hoặc vừa hoặc lớn.

Lại, chẳng phải cực vi tích tập tạo thành sắc tụ. Chỉ do trí tuệ giác ngộ phân tích các sắc đến biên vực tận cùng của dung lượng, rồi phân biệt giả lập, gọi là cực vi.

Lại, sắc tụ cũng có phương, phần, cực vi cũng có phương hướng, phần vị. Nhưng sắc tụ có phần vị chẳng phải là cực vi. Vì sao? Vì do cực vi tức là phần vị. Đây là chỗ hiện có của sắc tụ, không phải là cực vi, nên đâu lại có cực vi khác? Do đấy, cực vi không có phần vị.

Lại, không cùng lia có hai thứ:

Một là: Không cùng lia do đồng xứ. Nghĩa là cực vi của đại chủng cùng với sắc, hương, vị, xúc v.v..., ở nơi xứ không căn thì có sự lia căn. Ở nơi xứ có căn thì có trường hợp có căn. Đó gọi là không cùng lia do đồng xứ.

Hai là: Không cùng lia do cùng đan xen. Nghĩa là cực vi của đại chủng này cùng với sắc xứ của chủ thể tạo, đối tượng được tạo nơi tích tập khác luôn kết hợp. Đó gọi là không cùng lia do cùng đan xen.

Lại, sắc tụ hiện bày khắp ấy, nên biết như vô số các vật, dùng đá nghiền nát vụn, lấy nước trộn lẫn, cùng không lia nhau. Chẳng phải như hạt mè kết hợp nơi đồng hạt đậu, thóc, cỏ lúa.

Lại, hết thấy sắc được tạo đều nương nơi xứ của đại chủng, không vượt quá hạn lượng nơi xứ của đại chủng, kể cả nơi chốn của đại chủng dựa vào. Các sắc được tạo trở lại tức dựa vào đấy. Do nhân duyên này nên nói sắc được tạo nương nơi đại chủng. Tức do ý nghĩa ấy nên nói các đại chủng gọi là đại chủng. Vì tánh của đại chủng ấy là lớn, nên làm hạt giống sinh khởi.

Lại nữa, ở trong các sắc tụ, lược nêu có mười bốn chủng loại. Đó là đất, nước, lửa, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, và năm căn như nhãn v.v... Chỉ trừ sắc là đối tượng hành của ý, tất cả hữu sắc của sắc tụ thuộc về các căn, đều có hết thấy sự giới như đã nói. Như tụ của hữu sắc thuộc về các căn, tụ của hữu sắc là chỗ dựa của các căn, thuộc về đại chủng cũng lại như vậy. Chỗ sắc tụ còn lại, trừ các căn hữu sắc, chỉ còn có giới.

Lại, căn cứ nơi chỗ cùng thâm tóm, có mười bốn sự. Tức do cùng thâm tóm, nêu bày về sự vật cực vi. Nếu căn cứ nơi giới để thâm tóm, thì tùy theo tụ này có bao nhiêu giới, tức nơi tụ ấy cũng có bấy nhiêu sự được thâm tóm.

Nếu căn cứ nơi chỗ không cùng lia để thâm tóm, thì các tụ hiện có hoặc trong hoặc ngoài, tùy trong tụ ấy, cho đến có bao nhiêu pháp tướng có thể đạt được, tức nói tụ ấy cũng có bấy nhiêu sự được thâm tóm, nên biết. Vì sao? Vì hoặc có trường hợp trong tụ chỉ có một đại chủng có thể đạt được, như trong nhóm các thứ đá mặt ni, chân châu, lưu ly, kha bối, bích ngọc, san hô v.v... Hoặc trong nhóm các thứ ao, hồ, ngòi, rãnh, sông, suối. Hoặc nơi nhóm các thứ lửa, ngọn lửa, đèn, đuốc v.v... Hoặc trong nhóm Phong luân bốn phương, gió có bụi không bụi v.v...

Hoặc có trường hợp trong tụ có hai đại chủng có thể đạt được, như trong nhóm các loại tuyết, ẩm ướt, cây cối, lá, hoa, quả v.v... Hoặc trong nhóm mặt ni nung nóng v.v...

Hoặc có trường hợp trong tụ có ba đại chủng có thể đạt được, như trong các loại cây phát nhiệt, hoặc trong sự dao động. Hoặc có trường hợp trong tụ có bốn đại chủng có thể đạt được, nghĩa là ở nơi sắc tụ bên trong, như Đức Bạc-già-phạm đã nêu giảng, ở mỗi phần riêng biệt trong thân như tóc, lông v.v... cho đến phân đơ là địa giới bên trong, hoặc các thứ tiểu tiện v.v... là thủy giới bên trong. Hoặc thân nhiệt là hỏa giới bên trong. Hoặc gió chuyển động lên trên, là phong giới bên trong. Như vậy, nếu nơi trụ này, các tướng kia có thể đạt được, thì gọi tướng ấy là có. Nếu không thể đạt được thì gọi tướng ấy là không.

Lại nữa, thanh ở trong tất cả sắc tụ, có giới nên nói là có, tướng tức bất định, do phương tiện của hiện tại sinh.

Gió có hai loại: Là luôn tương tục và chẳng luôn tương tục.

Luôn tương tục: Nghĩa là nơi các thứ tụ kia, có gió luôn xoay chuyển.

Chẳng luôn tương tục: Tức gió lốc và gió chuyển động nơi hư không.

Lại, sắc tối, sắc sáng, gọi là không giới và lỗ trống.

Lại, các sắc tối luôn nối tiếp: Là khoảng giữa của thể giới. Không luôn nối tiếp: Là ở nơi xứ khác thêm vào.

Sắc sáng luôn nối tiếp: Nghĩa là ở nơi ánh sáng tự nhiên trong bầu Trời. Không luôn nối tiếp: Là ở nơi xứ khác.

Lại, sắc sáng tối là nơi tụ của hiển sắc tăng, nên biết.

Lại, do nương dựa vào công năng nơi chủng tử của sắc tụ, nên nếu lúc gặp duyên tương trợ, hoặc tụ nhỏ không gián đoạn, tụ lớn sinh, hoặc tụ lớn không gián đoạn, tụ nhỏ sinh. Do nhân duyên ấy

nên chỗ nêu bày các tụ có tăng có giảm. Như nơi kinh nói: Hoặc bền chắc, bền chắc thâm tóm. Hoặc gần gũi thâm tóm, chẳng phải gần gũi thâm tóm, nhận giữ, cho đến nói rộng.

Thế nào là bền chắc? Đó là đất.

Thế nào là bền chắc thâm tóm? Tức là chủng tử của đất.

Lại, bền chắc: Tức là địa giới. Bền chắc thâm tóm: Nghĩa là tóc, lông v... hoặc hòn đất v.v...

Gần gũi thâm tóm là sao? Nghĩa là có nhận giữ.

Thế nào là nhận giữ? Tức là những thứ thuộc về bên trong.

Thế nào là chẳng phải gần gũi thâm tóm? Nghĩa là không có nhận giữ.

Không có nhận giữ là sao? Tức là những thứ thuộc về bên ngoài.

Lại, chủng tử được giữ lấy của tâm, tâm sở, gọi là gần gũi thâm tóm, gọi là nhận giữ. Trái với nghĩa này, gọi là chẳng phải gần gũi thâm tóm, gọi là chẳng phải nhận giữ.

Lại, theo đuổi nơi tự thân, nên gọi là gần gũi thâm tóm, nhận giữ, như trước đã nói.

Như vậy, các giới như nước, đúng như lý, nên biết.

Lại, ở trong tất cả sắc tụ, hết thảy mọi thời, đều có đủ tất cả giới của đại chúng. Như thế gian hiện thấy các vật như cỏ khô v.v... dùi mãi tức lửa sinh, hoặc dùng đá đập vào nhau, cũng vậy. Lại, đồng, sắt, vàng, bạc v... khi bị lửa cao độ nung đốt, tức tan chảy thành nước, hoặc từ ngọc báu Nguyệt ái nước liền tươm ra.

Lại, người đạt được thần thông, do diệu lực thắng giải của tâm, có thể biến đại địa v.v... thành vàng, bạc v.v...

Lại, sắc tụ có ba thứ lưu chuyển: (1) Nuôi lớn. (2) Đăng lưu. (3) Dị thực sinh.

Nuôi lớn có hai thứ: (a) Nuôi lớn hiện bày khắp xứ. (b) Nuôi lớn khiến tướng thêm đầy đủ.

Đẳng lưu có bốn thứ: (a) Đẳng lưu của nuôi lớn. (b) Đẳng lưu của dị thực. (c) Đẳng lưu của biến dị. (d) Đẳng lưu của tự tánh.

Dị thực sinh có hai loại: (a) Thể của dị thực sinh ra gọi là dị thực sinh. (b) Từ dị thực sinh ra gọi là dị thực sinh.

Lại, các sắc tụ lược nói, dựa nơi sáu xứ chuyển: (1) Xứ kiến lập. (2) Xứ che giữ. (3) Xứ sinh hoạt. (4) Xứ là chỗ dựa của căn. (5) Xứ của căn. (6) Xứ là chốn hành của Tam-ma-địa.

Lại nữa, ở trong phân tâm, tâm sở, có tâm và năm mươi ba tâm sở có thể đạt được. Đó là tác ý v.v... cho đến sau cùng là tâm, tứ, như trước đã nêu.

Hỏi: Các tâm sở như vậy, có bao nhiêu dựa nơi tất cả xứ tâm sinh, tất cả địa, tất cả thời, tất cả?

Đáp: Có năm. Nghĩa là tác ý v.v... sau cùng là tứ.

Có bao nhiêu dựa nơi tất cả xứ tâm sinh, tất cả địa, không phải tất cả thời, không phải tất cả? Cũng có năm. Tức là dục v.v..., sau cùng là tuệ.

Có bao nhiêu chỉ dựa nơi thiện, chẳng phải tất cả xứ tâm sinh, nhưng là tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả? Do là tín v.v... cho đến sau cùng là bất hại.

Có bao nhiêu chỉ dựa nơi nhiễm ô, chẳng phải tất cả xứ tâm sinh, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả? Đó là tham v.v... cho đến bất chánh tri là sau cùng.

Có bao nhiêu dựa nơi tất cả xứ tâm sinh, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả? Đó là ố tác v.v.. cho đến tứ là sau cùng.

Lại nữa, căn chẳng hoại, cảnh giới hiện tiền, tác ý của chủ thể sinh chính thức dậy khởi, bấy giờ từ đây thức mới được sinh.

Thế nào là căn chẳng hoại? Nghĩa là có hai thứ nhân: Một là không hoại diệt. Hai là không yếu kém.

Thế nào là cảnh giới hiện tiền? Nghĩa là hoặc do nơi chốn được nương dựa, hoặc do tự tánh, hoặc do phương hướng, hoặc do thời điểm, hoặc do rõ ràng không rõ ràng, hoặc do toàn phần cùng một phần, nên bốn thứ chướng ngại không ngăn che, cũng không ở quá xa.

Bốn thứ chướng ngại là: (1) Chướng ngại che chắn. (2) Chướng ngại ần mắt. (3) Chướng ngại đoạt mắt ánh sáng. (4) Chướng ngại do huyền hoặc.

Quá xa có hai thứ: (1) Nơi chốn quá xa (quá xa do nơi chốn). (2) Tôn giảm quá xa (quá xa do tôn giảm).

Thế nào là tác ý của chủ thể sinh chính thức dậy khởi? Do bốn nhân: (1) Do sức của dục. (2) Do sức của niệm. (3) Do sức của cảnh giới. (4) Do sức của nhiều lần tập quen.

Thế nào là do sức của dục? Nghĩa là nếu ở nơi xứ ấy, tâm có tham ái chấp trước thì tâm ở ngay đây có các tác ý sinh khởi.

Thế nào là do sức của niệm? Nghĩa là nếu ở nơi cảnh giới ấy đã khéo giữ lấy hình tướng, đã đầy tướng hết mực, thì tâm liền ngay đây sinh khởi các tác ý.

Thế nào là do sức của cảnh giới? Nghĩa là nếu ở cảnh giới kia hoặc hết sức rộng lớn hoặc rất hợp ý chính thức hiện tiền, tâm tức ở nơi ấy sinh khởi các tác ý.

Thế nào là do sức của nhiều lần tập quen? Tức là, nếu ở nơi cảnh giới kia đã quá quen thuộc, đã quá am hiểu, tâm tức ở đây liền sinh khởi các tác ý.

Nếu khác với điều này, nên ở nơi một cảnh của đối tượng duyên chỉ có một tác ý sinh khởi trong tất cả thời điểm.

Lại, chẳng phải năm thức thân có hai sát-na theo nhau cùng sinh. Cũng chẳng phải lần lượt không gián đoạn hỗ tương mà sinh.

Lại, một sát-na nơi năm thức thân sinh rồi, từ đấy, không gián đoạn, tất ý thức sinh. Từ đấy, không gián đoạn, hoặc lúc tán loạn thì hoặc nhĩ thức sinh, hoặc một thức nào đấy trong năm thức thân sinh. Nếu không tán loạn thì nhất định tâm quyết định thứ hai trong ý thức sinh. Do hai ý thức tìm cầu và quyết định ấy nên có sự phân biệt về cảnh giới.

Lại, do hai thứ nhân hoặc nhiễm ô, hoặc pháp thiện sinh, nên gọi là phân biệt.

Lại, do chỗ dẫn dắt trước tiên, nên chỗ hiện có trong ý thức do hai thứ nhân.

Tại năm thức, chỉ do chỗ dẫn dắt trước. Vì sao? Vì do sức của ý thức nhiễm ô và thiện dẫn dắt, nên từ đấy không gián đoạn, ở trong các thức như nhãn thức v.v... pháp nhiễm ô và thiện sinh, không do phân biệt, vì năm thức kia không phân biệt. Do đạo lý này nên nói các thức như nhãn thức v.v... thuận theo ý thức chuyển. Như nơi kinh nói đầy khởi một tâm hoặc nhiều tâm.

Làm thế nào để an lập một tâm này? Nghĩa là theo ngôn ngữ của thế tục nói một sát-na của tâm chẳng phải là sát-na sinh khởi.

Thế nào là theo ngôn ngữ của thế tục nói một sát-na của tâm? Nghĩa là một xứ là nơi nương dựa, đối với sự việc của một cảnh giới, có bao nhiêu thứ phân biệt nhận biết sinh khởi, toàn bộ từng ấy thời gian, gọi là 1 sát-na của tâm.

Lại, cho nối tiếp tương tự cũng gọi là một, vì cùng với niệm thứ hai là hết sức giống nhau.

Lại, ý thức tự nhiên duyên theo tán loạn, lúc không tập quen nơi cảnh, không sinh các thứ như dục v.v..., bấy giờ ý thức gọi là “Tâm suất nhĩ đạo” (tức Tâm suất nhĩ: tâm tự nhiên xuất hiện tức thời...). Nếu chỉ duyên nơi cảnh quá khứ, do năm thức không gián đoạn, nên ý thức được sinh, hoặc tìm cầu, hoặc quyết định. Chỉ nên nói duyên nơi cảnh hiện tại, nếu tâm ấy duyên nơi cảnh kia sinh.

Lại, thức là chủ thể phân biệt, nhận biết về tổng tướng của sự vật. Tức cảnh tướng ấy là đối tượng được phân biệt, nhận biết hay chưa phân biệt, nhận biết.

Chủ thể phân biệt nhận biết: Đó gọi là tác ý. Tức tướng hợp ý không hợp ý, hoặc cả hai (hợp ý và không hợp ý) ấy là do xúc phân biệt nhận biết. Tức tướng thân nhận, tổn hại, hoặc cả hai ấy là do thọ phân biệt, nhận biết. Tức tướng nhân của ngôn ngữ thuyết giảng ấy là do tướng phân biệt nhận biết.

Tức tướng là nhân của hành chánh, tà, hoặc cả hai ấy, là do tư phân biệt, nhận biết. Do đó, nói tác ý kia cho đến sau cùng là tư, gọi là pháp sở hữu của tâm (tâm sở), hiện bày chấp tất cả xứ, tất cả địa, tất cả thời, tất cả đời.

Tác ý là thế nào? Nghĩa là tâm xoay chuyển trở lại.

Xúc là thế nào? Đó là ba thứ hòa hợp (căn, cảnh, thức).

Thọ là thế nào? Nghĩa là nhận lãnh, thân nạp.

Tướng là sao? Tức hiểu rõ về hình tượng.

Tư là thế nào? Tức là tâm tạo tác.

Dục là thế nào? Nghĩa là đối với sự vật đáng vui thích, theo đấy mà làm, tánh muốn có được chỗ tạo tác.

Thắng giải là sao? Nghĩa là đối với sự việc đã được quyết định, theo đấy mà hành trì, tánh tức có thể tùy thuận.

Niệm là thế nào? Nghĩa là nơi sự việc đã tập quen, theo đấy mà làm, tánh ghi nhớ rõ ràng.

Thế nào là Tam-ma-địa (Định)? Tức đối với sự vật được quan sát, theo đấy mà hành xử, tánh suy xét kỹ về một cảnh là chỗ dựa của tâm.

Thế nào là tuệ? Nghĩa là ở nơi sự vật đã được quan sát, theo đấy mà hành trì, tánh lựa chọn các pháp, hoặc do chỗ nêu dẫn đúng như lý, không đúng như lý, hoặc do chỗ nêu dẫn chẳng phải như lý, chẳng phải chẳng như lý.

Lại, tác ý tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp dẫn dắt tâm.

Xúc tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm chỗ dựa cho thọ, tưởng, tư.

Thọ tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm chỗ dựa cho ái sinh khởi.

Tưởng tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp ở nơi đối tượng duyên khiến tâm phát khởi vô số ngôn thuyết.

Tư tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm phát khởi tầm, tứ về thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Dục tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm phát sinh siêng năng.

Thắng giải tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp ở nơi đối tượng duyên nhận giữ các thứ công đức, lỗi lầm.

Niệm tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp nhớ nghĩ về các điều đã tư duy, hành xử, nói năng từ lâu xa.

Tam-ma-địa tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm chỗ dựa cho trí.

Tuệ tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp ở nơi đối tượng hành của hý luận nhiệm ô, thanh tịnh tùy thuận suy tìm.

Thế nào là kiến lập ba đời? Nghĩa là các chủng tử không lìa pháp, nên kiến lập đúng như pháp. Lại do cho quả hay chưa cho quả.

Như pháp của quả, nếu tướng đã diệt là quá khứ. Tướng có nhân chưa sinh là vị lai. Tướng đã sinh chưa diệt là hiện tại.

Thế nào là kiến lập sinh, lão, trụ, vô thường? Nghĩa là kiến lập nơi tất cả chủng tử nối tiếp cùng hành trong thức tương tục của tất cả xứ, do có sức của duyên, nên pháp trước chưa nối tiếp sinh, nay sinh đầu tiên, đó gọi là tướng hữu vi của sinh. Tức tánh ấy đổi khác, gọi là tướng hữu vi của lão. Đây lại có hai thứ: Một là: Tánh biến khác của tánh khác. Hai là: Tánh biến khác của tánh biến. Do có sự sinh giống nhau nên lập tánh biến khác của tánh khác. Do có sự sinh không giống nhau nên lập tánh biến khác của tánh biến. Tức lúc đã sinh chỉ là chuyển theo sát-na sinh, nên gọi là tướng hữu vi của trụ. Sau sát-na sinh, sát-na không dừng nên gọi là tướng hữu vi của vô thường.

Như vậy tức căn cứ nơi phần vị sai biệt của các pháp để kiến lập bốn tướng.

Lại có bốn duyên. Đó là: (1) Duyên Nhân. (2) Duyên Đẳng vô gián. (3) Duyên Sở duyên. (4) Duyên Tăng thượng.

Duyên nhân: Tức là chủng tử.

Duyên Đẳng vô gián: Nghĩa là nếu thức này không gián đoạn thì các thức nhất định sinh, nên thức này là duyên Đẳng vô gián (duyên cùng không gián đoạn) cho thức kia.

Duyên Sở duyên: Tức là cảnh giới nơi đối tượng duyên (sở duyên) của các tâm, tâm sở.

Duyên Tăng thượng: Nghĩa là trừ chủng tử, còn lại là chỗ nương dựa. Như mắt và pháp trợ bạn đối chiếu với nhãn thức. Các thức còn lại cũng vậy.

Lại, tánh thiện, bất thiện, có thể giữ lấy quả yêu thích không yêu thích, các loại như vậy gọi là Duyên tăng thượng.

Lại, do chủng tử nên kiến lập Duyên nhân. Do tự tánh nên lập Duyên đẳng vô gián. Do cảnh của đối tượng duyên nên lập Duyên sở duyên. Do đối tượng nương dựa cùng trợ bạn, nên lập Duyên tăng thượng. Như nơi kinh nói: “Các nhân các duyên có thể sinh khởi thức”. Đây tức là nói về bốn duyên này. Trong ấy, một thứ cũng là nhân cũng là duyên. Các thứ còn lại chỉ là duyên.

Lại, như nơi kinh nói: “Thiện, bất thiện, vô ký”, vậy chúng khác nhau như thế nào?

Nghĩa là các pháp thiện: Hoặc lập một thứ, do nghĩa không tội.

Hoặc lập hai thứ: Là thiện sinh đắc và thiện phương tiện.

Hoặc lập ba thứ: Là thiện tự tánh, thiện tương ưng, và thiện đẳng khởi.

Hoặc lập bốn thứ: Là thiện thuộc phần phước, thiện thuận phần giải thoát, thiện thuận phần quyết đoán – lựa chọn và thiện vô lậu.

Hoặc lập năm thứ: Là thiện tánh thí, thiện tánh giới, thiện tánh tu, thiện của quả ái, thiện của quả ly hệ.

Hoặc lập sáu thứ: Tức là thiện nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức và trạch diệt.

Hoặc lập bảy thứ: Tức: (1) Thiện thuộc về bốn niệm trụ (Niệm xứ). (2) Thiện thuộc về bốn chánh cần. (3) Thiện thuộc về bốn thần túc. (4) Thiện thuộc về năm căn. (5) Thiện thuộc về năm lực. (6) Thiện thuộc về bảy giác chi. (7) Thiện thuộc về tám chi đạo.

Hoặc lập làm tám thứ: (1) Thiện thuộc về các hành nghiệp đứng dậy, đón tiếp, chấp tay, hỏi han, lễ kính. (2) Thiện thuộc về các việc tán thán kẻ khác giảng nói khéo léo, khen ngợi về Đức Phật. (3) Thiện thuộc về việc chăm sóc giúp đỡ người bệnh. (4) Thiện thuộc về việc kính thờ bậc sư trưởng. (5) Thiện thuộc về hành tùy hỷ. (6) Thiện

thuộc về hành khuyển thỉnh. (7) Thiện thuộc về pháp hồi hướng. (8) Thiện thuộc về hành tu bốn vô lượng.

Hoặc lập làm chín thứ: Đó là: Thiện thuộc về các đạo phương tiện: vô gián, giải thoát, thắng tán, và thiện thuộc về đạo thế gian, xuất thế gian với ba bậc thượng, trung, hạ.

Hoặc lập làm mười thứ. Đó là: (1) Thiện có nương dựa. (2) Thiện không nương dựa. (3) Thiện do nghe (văn) sinh khởi. (4) Thiện do tư sinh khởi. (5) Thiện thuộc về luật nghi. (6) Thiện thuộc về phi luật nghi, phi chẳng luật nghi. (7) Thiện thuộc về quyền thuộc căn bản. (8) Thiện thuộc về thừa Thanh văn. (9) Thiện thuộc về thừa Độc giác. (10) Thiện thuộc về Đại thừa.

Lại lập làm mười thứ: Thiện thuộc về cõi dục (một). Thiện thuộc về bốn bậc tĩnh lự (bốn). Thiện thuộc về bốn định Vô sắc (bốn). Thiện thuộc về Vô lậu (một).

Lại có mười thứ: Tức thiện nơi mười nghiệp đạo.

Lại có mười thứ: Tức chánh kiến vô học cho đến chánh giải thoát chánh trí.

Lại có mười thứ: Là thiện do có thể chiêu cảm nơi tám phước sinh, thiện của bậc Chuyên Luân Vương và thiện hướng tới bất động.

Các loại thiện sai biệt như thế, lược nói có hai thứ nghĩa: Là nghĩa nhận lấy quả yêu thích và nghĩa khéo biết rõ sự việc cùng quả kia.

Pháp bất thiện: Là pháp trái với pháp thiện và có thể làm chướng ngại, do hay nhận lấy quả không yêu thích cùng không hiểu biết đúng về sự việc.

Pháp vô ký lược nêu có bốn thứ: Đó là dị thực sinh, một phần đường oai nghi, xứ công xảo và biến hóa. Nếu các xứ công xảo chỉ là vui chơi, không vì đời sống, không phải là tưởng học nghề, chẳng

phải là chọn lựa, thì nghiệp của xứ công xảo ấy là nhiễm ô, ngoài ra là vô ký. Như xứ công xảo, đường oai nghi cũng vậy. Biến hóa có hai loại: Nghĩa là thiện và vô ký.

Lại nữa, mắt có một thứ: Tức có thể thấy sắc.

Hoặc lập hai loại: Là mắt nuôi lớn và mắt dị thực sinh.

Hoặc lập ba loại: Tức mắt thịt, mắt trời và mắt tuệ (nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn).

Hoặc lập làm bốn loại: Là mắt có nháy, mắt không nháy, mắt luôn nối tiếp, mắt không luôn nối tiếp. Mắt luôn nối tiếp: Là mắt ở cõi sắc.

Hoặc lập làm năm loại: Nghĩa là mắt thuộc về năm nẻo (thú).

Hoặc lập làm sáu loại. Đó là: Mắt tự tương tục. Mắt do kẻ khác làm cho tương tục. Mắt đoạn nghiêm. Mắt xấu xí. Mắt có cấu uế. Mắt không cấu uế.

Hoặc lập làm bảy thứ. Tức: Mắt có thức. Mắt không có thức. Mắt khỏe. Mắt kém. Mắt là chỗ dựa để nhận biết về thiện. Mắt là chỗ dựa để nhận biết về bất thiện. Mắt là chỗ dựa để nhận biết về vô ký.

Hoặc lập làm tám thứ. Gồm: Mắt làm nơi chốn nương dựa. Mắt biến hóa. Mắt do dị thực của nghiệp thiện sinh. Mắt do dị thực của nghiệp bất thiện sinh. Mắt do thức ăn nuôi lớn. Mắt do ngủ nghỉ nuôi lớn. Mắt do phạm hạnh nuôi lớn. Mắt do định nuôi lớn.

Hoặc lập làm chín thứ. Gồm: Mắt đã đạt được. Mắt chưa đạt được. Mắt từng đạt được. Mắt chưa từng đạt được. Mắt đạt được rồi mất. Mắt nên đoạn trừ. Mắt không nên đoạn trừ. Mắt đã đoạn trừ. Mắt chẳng phải đã đoạn trừ.

Hoặc lập làm mười loại: Không có.

Hoặc lập làm mười một loại. Tức: Mắt quá khứ. Mắt hiện tại. Mắt vị lai. Mắt bên trong. Mắt bên ngoài. Mắt thô. Mắt vi tế. Mắt thấp kém. Mắt tinh diệu. Mắt xa. Mắt gần.

Như mắt, tai v.v... cũng vậy. Sự sai biệt ở đây là: Loại lập làm ba, bốn có khác:

Ba loại tai là: (1) Tai do thịt bao quanh. (2) Tai Trời (Thiên nhĩ). (3) Tai xét kỹ.

Bốn loại tai là: (1) Tai luôn tương tục. (2) Tai không luôn tương tục. (3) Tai nghe giọng cao. (4) Tai không nghe giọng cao.

Ba loại mũi, lưỡi là: (1) Mũi, lưỡi sáng sạch. (2) Mũi, lưỡi không sáng sạch. (3) Mũi, lưỡi bị hao tổn.

Bốn loại mũi, lưỡi là: (1) Mũi, lưỡi luôn tương tục. (2) Mũi, lưỡi không luôn tương tục. (3) Mũi, lưỡi có thức. (4) Mũi, lưỡi không có thức.

Ba loại thân là: (1) Thân của nơi chốn cấu uế. (2) Thân của nơi chốn không cấu uế. (3) Thân là chỗ theo đuổi của các căn hiện bày khắp tất cả.

Bốn loại thân là: (1) Thân luôn tương tục. (2) Thân không luôn tương tục. (3) Thân có ánh sáng tự nhiên. (4) Thân không có ánh sáng tự nhiên.

Hoặc lập làm một thứ ý: Là do nghĩa của pháp thức.

Hoặc lập làm hai thứ. Tức: Ý được nêu bày. Ý không được nêu bày.

Loại đầu là ý phân biệt, nhận biết về danh, ngôn. Loại sau là ý của trẻ thơ.

Lại, loại đầu là ý của thế gian. Loại sau là ý của xuất thế gian.

Hoặc lập làm ba thứ: Tức là tâm, ý, thức.

Hoặc lập làm bốn thứ. Tức gồm: Ý thiện. Ý bất thiện. Ý hữu phú vô ký. Ý vô phú vô ký.

Hoặc lập làm năm thứ. Tức là năm vị sai biệt: Vị nhân. Vị quả. Vị vui. Vị khổ. Vị không vui không khổ.

Hoặc lập làm sáu thứ: Tức là sáu thức thân.

Hoặc lập làm bảy thứ: Nghĩa là dựa nơi bảy thức trụ.

Hoặc lập làm tám thứ: Gồm: Tương ưng với xúc tăng ngữ. Tương ưng với xúc có đối. Nương nơi ham thích. Nương nơi xuất ly. Vị (mùi vị) có ái. Vị không ái. Thế gian. Xuất thế gian.

Hoặc lập làm chín thứ: Nghĩa là dựa nơi chín trụ xứ của hữu tình.

Hoặc lập làm mười thứ: Không có.

Hoặc lập làm mười một thứ: Như phần trước đã nói.

Hoặc lập làm mười hai thứ: Tức mười hai tâm. Gồm: Tâm thiện, tâm bất thiện của cõi dục (hai). Tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký (hai). Cõi sắc có ba tâm (trừ tâm bất thiện). Cõi vô sắc cũng vậy (ba). Tâm xuất thế gian có hai loại: Là hữu học và vô học.

Hoặc lập một thứ sắc: Tức là đối tượng hành của mắt.

Hoặc lập làm hai thứ: Là sắc trong và sắc ngoài.

Hoặc lập làm ba thứ: Là hiển sắc, hình sắc và biểu sắc.

Hoặc lập làm bốn thứ. Tức: Sắc có dựa nơi ánh sáng. Sắc không dựa nơi ánh sáng. Sắc của ánh sáng chân chánh và sắc của ánh sáng không chân chánh. Sắc chứa nhóm trụ.

Hoặc lập làm năm thứ: Nghĩa là do năm nẻo sai biệt.

Hoặc lập làm sáu thứ. Gồm: Sắc thuộc về kiên lập. Sắc thuộc về che giấu. Sắc thuộc về cảnh giới. Sắc thuộc số lượng của hữu tình. Sắc chẳng phải thuộc số lượng của hữu tình. Sắc có thấy có đối.

Hoặc lập làm bảy thứ: Tức là do bảy thứ thân nhận sai khác.

Hoặc lập làm tám thứ: Là dựa nơi tám thứ tạp thuyết của thế gian: Sắc tạp của phần đất. Sắc tạp của núi. Sắc tạp của vườn rừng, ao hồ. Sắc tạp của cung điện, nhà cửa. Sắc tạp của xứ nghiệp. Sắc tạp của tranh vẽ đẹp. Sắc tạp của nghề rèn đúc. Sắc tạp của các vật dụng.

Hoặc lập làm chín thứ: Nghĩa là hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai, hoặc thô, hoặc tế, hoặc xấu kém, hoặc tinh diệu, hoặc xa, hoặc gần.

Hoặc lập làm mười thứ: Là mười thứ của cải.

Hoặc lập một thứ âm thanh: Tức là đối tượng hành của tai.

Hoặc lập làm hai thứ: Là âm thanh biết rõ nghĩa, âm thanh không biết rõ nghĩa.

Hoặc lập làm ba thứ: Âm thanh do thọ nhận đại chủng. Âm thanh do không thọ nhận đại chủng. Âm thanh do thọ và không thọ đại chủng.

Hoặc lập làm bốn thứ: Tức thiện, bất thiện, hữu phú vô ký và vô phú vô ký.

Hoặc lập làm năm thứ: Nghĩa là do sự sai biệt của năm nẻo.

Hoặc lập làm sáu thứ: Gồm: Âm thanh thọ trì đọc tụng. Âm thanh thỉnh vấn. Âm thanh thuyết pháp. Âm thanh luận bàn, quyết định, lựa chọn. Âm thanh lần lượt nên dạy, hoặc xâm nhập, hoặc ra khỏi. Âm thanh ồn ào, huyên náo.

Hoặc lập làm bảy thứ: Tức là âm thanh nam, nữ, thấp, vừa, cao, âm thanh của chim thú v.v..., âm thanh của gió thổi rừng cây.

Hoặc lập làm tám thứ: Tức âm thanh của bốn loại Thánh ngôn, âm thanh của bốn loại không phải Thánh ngôn.

Bốn loại không phải là Thánh ngôn: (1) Không thấy nói thấy, thấy nói không thấy. (2) Không nghe nói nghe, nghe nói không nghe. (3) Không hiểu nói hiểu, hiểu nói không hiểu. (4) Không biết nói biết, biết nói không biết.

Bốn loại là Thánh ngôn: (1) Thấy nói thấy, không thấy nói không thấy. (2) Nghe nói nghe, không nghe nói không nghe. (3) Hiểu nói hiểu, không hiểu nói không hiểu. (4) Biết nói biết, không biết nói không biết.

Lại có tám thứ: Đó là bốn nghiệp đạo ngữ thiện. Bốn nghiệp đạo ngữ bất thiện.

Hoặc lập làm chín thứ: Nghĩa là quá khứ, hiện tại, vị lai, cho đến hoặc gần, hoặc xa.

Hoặc lập làm mười thứ: Tức âm thanh thuộc về năm thứ nhạc: Âm thanh múa cùng hành. Âm thanh ca cùng hành. Âm thanh đàn địch cùng hành. Âm thanh nữ cùng hành. Âm thanh nam cùng hành. Âm thanh loa ốc cùng hành. Âm thanh của trống như *yêu* v.v... cùng hành. Âm thanh của trống như *ương* v.v... cùng hành. Âm thanh của trống như *đô đằm* v.v... cùng hành. Âm thanh của hô lớn, hát.

Hoặc lập một thứ hương: Tức là đối tượng hành của mũi.

Hoặc lập hai thứ: Tức trong và ngoài.

Hoặc lập ba thứ: Tức vừa ý, không vừa ý và hương ở giữa.

Hoặc lập làm bốn thứ: Là hương của bốn đại: hương trầm, hương tốt đồ lễ ca, hương long não, hương xạ.

Hoặc lập làm năm thứ: Tức hương của rễ, thân, lá, hoa, quả.

Hoặc lập làm sáu thứ: Hương của thức ăn. Hương của thức uống. Hương của y phục. Hương của các vật dụng trang sức. Hương của xe cộ. Hương của cung điện, nhà cửa.

Hoặc lập làm bảy thứ: Hương của vỏ. Hương của lá. Hương Tổ-kháp-mê-la. Hương chiêm-đàn. Hương cay. Hương xoa. Hương bột.

Hoặc lập làm tám thứ: Hương đồng thời cùng sinh. Hương không đồng thời cùng sinh. Hương luôn tương tục. Hương không luôn tương tục. Hương xen tạp. Hương thuần nhất. Hương nồng nàn. Hương không nồng nàn.

Hoặc lập làm chín thứ: Tức là quá khứ, hiện tại, vị lai v.v... như trước đã nêu.

Hoặc lập làm mười thứ: Tức hương nữ, hương nam, hương ngón tay, hương hai ngón tay, hương nước miếng khạc nhổ, hương nước mũi, hương mỡ tủy mỡ máu, hương thịt, hương hỗn tạp, hương bùn đọng.

Hoặc lập một thứ vị: Tức là đối tượng hành của lưỡi.

Hoặc lập làm hai thứ: Nghĩa là trong, ngoài.

Hoặc lập làm ba thứ: Tức hợp ý v.v... như trước đã nói.

Hoặc lập làm bốn thứ: Vị của đại mạch. Vị của lúa nếp. Vị của tiểu mạch. Vị của các loại lúa thóc dẻ khác.

Hoặc lập làm năm thứ: Vị của rượu uống. Vị không phải của rượu uống. Vị của rau cỏ. Vị trái cây. Vị của thức ăn.

Hoặc lập làm sáu thứ: Tức là ngọt, đắng v.v...

Hoặc lập làm bảy thứ: Là vị tô, vị dầu, vị mật, vị đường mía, vị sữa đông, vị muối, vị thịt.

Hoặc lập làm tám thứ: Như đã nói về hương.

Hoặc lập làm chín thứ: Cũng như đã nói về hương.

Hoặc lập làm mười thứ: Tức là: Vị có thể nhai nuốt. Vị có thể ăn. Vị có thể nếm. Vị có thể uống. Vị có thể mút. Vị có thể phơi khô. Vị sung túc. Vị ngon hơn. Vị rửa sạch. Vị thường tập quen. Năm thứ sau là vị của các loại thuốc.

Hoặc lập một thứ xúc: Tức là đối tượng hành của thân.

Hoặc lập hai thứ: Như nói về hương.

Hoặc lập ba thứ: Nghĩa là hợp ý v.v...

Hoặc lập bốn thứ: Tức: Xúc do sờ chạm. Xúc do cầm nắm. Xúc do đánh đập. Xúc do mài nghiền.

Hoặc lập năm thứ: Tức do sự sai biệt của năm nẻo.

Lại có năm thứ: Nghĩa là các xúc do muỗi, bọ gậy, rệp, rắn, bò cạp tạo ra.

Hoặc lập làm sáu thứ: Tức xúc khổ, xúc vui, xúc chẳng khổ chẳng vui, xúc đồng thời cùng sinh xúc thuộc về đối tượng trị, xúc thuộc về chủ thể trị.

Hoặc lập làm bảy thứ: Xúc cứng chắc. Xúc ẩm ướt. Xúc ấm áp. Xúc động đậy. Xúc nhảy té. Xúc xoa, ấn mạnh. Xúc thân đối khác. Là xúc ẩm ướt, trơn tru.

Hoặc lập làm tám thứ: Xúc do tay chạm. Xúc do hòn đất chạm. Xúc do gậy chạm. Xúc do đao chạm. Xúc do khí lạnh chạm. Xúc do hơi ấm chạm. Xúc do đói chạm. Xúc do khát chạm.

Hoặc lập làm chín thứ: Như đã nói về hương.

Hoặc lập làm mười thứ: Gồm: Xúc do thức ăn. Xúc do thức uống. Xúc do cỡi xe. Xúc do y phục. Xúc do các vật dụng trang sức. Xúc do các vật dụng ngồi, nằm, gối dựa (hai). Xúc nam. Xúc nữ. Xúc do hai sự tương thọ dụng kia.

Lược nói về pháp giới: Hoặc giả hoặc thật, có 87 pháp. Gồm:

Pháp sở hữu của tâm (tâm sở) có 53. Khởi đầu từ tác ý cho đến tâm, tứ là sau cùng.

Sắc thuộc về pháp xứ có 2 thứ: Một là sắc thuộc về luật nghi không luật nghi. Hai là sắc là đối tượng hành của Tam-ma-địa.

Hành bất tương ưng có 24 thứ: Đắc, định vô tướng, định diệt tận, dị thực vô tướng, mạng căn, chúng đồng phạm, tánh dị sinh, sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, lưu chuyển, định dị, tương ưng, thể tốc, thứ lớp, thời, phương, số, hòa hợp, không hòa hợp.

Vô vi có 8 thứ: Hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, pháp thiện, bất thiện, vô ký, chân như, tướng bất động thọ diệt.

Vô vi như vậy nói rộng có tám, nói lược có sáu. Hoặc sáu, hoặc tám đều như nhau.

Lại nữa, pháp giới hoặc lập một thứ: Tức là đối tượng hành của ý.

Hoặc lập làm hai thứ: Là pháp thuộc về giả và pháp không thuộc về giả.

Hoặc lập làm ba thứ: Là có sắc, không sắc và hữu vi – vô vi.

Hoặc lập làm bốn thứ: Pháp có sắc thuộc về giả. Pháp không sắc thuộc về tâm hiện có. Pháp không sắc không tương ưng, thuộc về giả. Pháp không sắc, vô vi thuộc về giả chẳng phải giả.

Hoặc lập làm năm thứ: Gồm: Pháp hiện có của tâm, sắc. Pháp của tâm bất tương ưng hành. Pháp thiện, vô ký, vô vi (ba).

Hoặc lập làm sáu thứ: Là thọ, tướng, hành tương ưng, hành không tương ưng, sắc, vô vi.

Hoặc lập làm bảy thứ: Là thọ, tướng, tư, nhiễm ô, không nhiễm ô, sắc, vô vi.

Hoặc lập làm tám thứ: Tức thiện, bất thiện, vô ký, thọ, tướng, hành, sắc, vô vi.

Hoặc lập làm chín thứ: Là do sự sai biệt của quá khứ, vị lai v.v...

Hoặc lập làm mười thứ: Tức là do mười thứ nghĩa: Nghĩa theo đũa sinh. Nghĩa lãnh nhận đối tượng duyên. Nghĩa giữ lấy tướng của đối tượng duyên. Nghĩa ở nơi đối tượng duyên tạo tác. Nghĩa phần vị sai biệt của các pháp kia. Nghĩa không chướng ngại. Nghĩa luôn lia trói buộc. Nghĩa thường không lia trói buộc. Nghĩa thường không điên đảo. Nghĩa lia mọi ràng buộc của khổ vui. Nghĩa không thọ nhận lia trói buộc và thọ nhận lia trói buộc.

Như vậy, pháp thuộc về sáu xứ, hoặc trong hoặc ngoài, phân biệt về chỗ sai khác có 660 pháp.

Lại nữa, thường quán các sắc, quán rồi lại xả, nên gọi là mắt. Luôn luôn gắn với âm thanh cho đến khi có thể nghe, nên gọi là tai. Thường do điều ấy để có thể ngửi các hương, nên gọi là mũi. Có thể trừ bỏ đói khát, luôn phát ra nói năng, bàn luận, kêu gọi, biểu dương, nên gọi là lưỡi. Chỗ tùy thuận của các căn, tích tụ, hiện bày khắp nên gọi là thân. Kẻ ngu nơi đêm dài sinh tử lo trang sức chứa giữ, cho là mình có, chấp làm ngã sở, ngã và ngã sở.

Lại, các thế gian dựa vào đầy đủ giả lập vô số tên gọi, ý tưởng. Đó là hữu tình, con người, thọ mạng, sự sinh, ý sinh, thiếu niên v.v... nên gọi là ý. Luôn có thể hiện rõ nơi các phương sở của mình, chất lượng có thể tăng trưởng, nên gọi là sắc. Thường nêu bày, từ tạ, theo chỗ tăng thêm mà luận bàn khác nhau, nên gọi là âm thanh. Lia chất, ẩn hình, luôn theo gió di chuyển, nên gọi là hương. Có thể dùng lưỡi nếm, thường gây nên bệnh tật, nên gọi là vị. Luôn có thể làm chỗ chứng nhập của thân, nên gọi là xúc. Có khả năng nhận giữ khắp, chỉ là tánh của cảnh nơi ý, nên gọi là pháp. Các loại pháp sai biệt như thế, nên biết. Ở đây trở lại nói kệ:

*Tự tánh, đối tượng nương
 Chỗ duyên, trợ bạn, nghiệp
 Do năm thứ môn ấy
 Các tâm chuyển sai biệt.*

Nơi phần này làm rõ do năm pháp, nên sáu thức thân chuyển biến sai biệt. Đó là tự tánh, đối tượng nương dựa, đối tượng duyên, trợ bạn và tạo nghiệp.

Lại nữa, nên biết về uẩn khéo thâm giữ, giới khéo thâm giữ, xứ khéo thâm giữ, duyên khởi khéo thâm tóm, xứ – phi xứ khéo thâm tóm, căn khéo thâm giữ.

Lại nữa, nên biết, ngôn ngữ của chư Phật thuộc về chín sự. Đó là: (1) Sự việc của hữu tình. (2) Sự việc thọ dụng. (3) Sự việc sinh khởi. (4) Sự việc an trụ. (5) Sự việc nhiễm tịnh. (6) Sự việc sai biệt. (7) Sự việc người nêu giảng. (8) Sự việc được nêu giảng. (9) Sự việc của chúng hội.

Sự việc của hữu tình: Nghĩa là năm thủ uẩn.

Sự việc thọ dụng: Tức là mười xứ.

Sự việc sinh khởi: Là mười hai phần duyên khởi và duyên sinh.

Sự việc an trụ: Tức là bốn thứ ăn.

Sự việc nhiễm tịnh: Là bốn Thánh đế.

Sự việc sai biệt: Là vô lượng giới.

Sự việc người nêu giảng: Là Đức Phật và các vị đệ tử.

Sự việc được nêu giảng: Là các pháp Bồ-đề phần như bốn niệm trụ v.v...

Sự việc của chúng hội: Đó là tám chúng: (a) Chúng Sát-đế-lợi. (b) Chúng Bà-la-môn. (c) Chúng Trưởng giả. (d) Chúng Sa-môn. (đ)

Chúng bốn Đại Thiên vương. (e) Chúng Trời Ba mươi ba. (f) Chúng Trời Dạ-ma. (g) Chúng Phạm thiên.

Lại, kệ nói:

*Phẩm Sắc tụ tương ưng
Tướng thế gian cùng duyên
Môn sai biệt như thiện...
Sự thiện xảo sau cùng.*

Như vậy là đã nói về Địa Ý.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 4

Địa thứ 3, 4, 5: ĐỊA CÓ TÂM CÓ TỬ, phần 1 (Phần Bản Địa)

Thế nào là Địa có tâm có tử? Thế nào là Địa không tâm chỉ có tử? Thế nào là Địa không tâm không tử? Kệ tổng quát nói:

***Giới, tướng, như lý, không như lý
Tạp nhiễm cùng khởi là sau rốt.***

Ba Địa như thế, lược dùng 5 môn để nêu bày, kiến lập.

- I. Nêu bày kiến lập về Giới.
- II. Nêu bày kiến lập về Tướng.
- III. Nêu bày kiến lập về Tác ý như lý.
- IV. Nêu bày kiến lập về Tác ý không như lý.
- V. Nêu bày kiến lập về Tạp nhiễm cùng khởi.

I. Thế nào là nêu bày kiến lập về Giới?

Kệ nêu riêng viết:

*Số, xứ, lượng, thọ, thọ dụng, sinh
Tự thể, nhân, duyên, quả phân biệt.*

Nên biết kiến lập về Giới do 8 thứ tướng:

1. Kiến lập về số.

2. Kiến lập về xứ sở.
3. Kiến lập về lượng của hữu tình.
4. Kiến lập về thọ mạng của hữu tình.
5. Kiến lập về thọ dụng của hữu tình.
6. Kiến lập về sinh.
7. Kiến lập về tự thể.
8. Kiến lập về nhân, duyên, quả.

1. Thế nào là kiến lập về số? Lược có ba giới: Tức là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Ba thứ như thế gọi là “Đọa nhiếp giới” (Giới rơi vào sự thâm tóm, hệ thuộc).

“Chẳng phải đọa nhiếp giới”: Là phương tiện và thân diệt, không hý luận, giới vô lậu.

Ở đây, Dục giới và tĩnh lự thứ nhất của Sắc giới, trừ tĩnh lự trung gian, hoặc định hoặc sinh, gọi là Địa có tâm có tứ.

Tức tĩnh lự trung gian, hoặc định hoặc sinh, gọi là Địa không tâm chỉ có tứ.

Theo một hữu tình, do tu tập địa này, nên được làm Đại Phạm, từ tĩnh lự thứ hai nơi hữu Sắc giới và Vô sắc giới còn lại, gọi chung là Địa không tâm không tứ.

Trong ấy, do lẽ lia dục của tâm, tứ, nên gọi là Địa không tâm không tứ. Không phải là do không hiện hành. Vì sao? Vì người chưa lia dục của cõi dục, do tác ý dẫn dục sai biệt, nên qua một thời gian, cũng có ý không tâm không tứ hiện hành. Người đã lia dục của tâm, tứ, cũng có tâm tứ hiện hành, như ra khỏi định và sinh về cõi kia. Nếu tĩnh lự thứ nhất của giới vô lậu thuộc về định hữu vi, cũng gọi là Địa có tâm có tứ. Dựa nơi pháp của xứ tâm, tứ, duyên nơi chân như làm cảnh, nhập vào định này, nên không do phân biệt về tâm tứ hiện hành hay không hiện hành. Phần còn lại như trước đã nói.

2. Thế nào là kiến lập về xứ sở: Tức ở trong Dục giới có **36** xứ: Nghĩa là **8** địa ngục lớn:

- (1) Đẳng Hoạt.
- (2) Hắc Thằng.
- (3) Chúng Hợp.
- (4) Hào Khiếu.
- (5) Đại Hào Khiếu.
- (6) Thiêu Nhiệt.
- (7) Cực Thiêu Nhiệt.
- (8) Vô Gián.

Nơi chốn của các địa ngục lớn này rộng mười ngàn do-tuần. Bên ngoài lại có **8** địa ngục Hàn (lạnh) là:

- (1) Địa ngục Pháo (Phồng da sung tấy).
- (2) Địa ngục Pháo Liệt (Phồng da sung tấy vỡ ra).
- (3) Địa ngục Hát Triết Hồ.
- (4) Địa ngục Hác Hác Phàm.
- (5) Địa ngục Hổ Hổ Phàm.
- (6) Địa ngục Sen xanh.
- (7) Địa ngục Sen hồng.
- (8) Địa ngục Sen hồng lớn.

Từ đây đi xuống ba vạn hai ngàn do-tuần, đến địa ngục Đẳng Hoạt. Ở đây, lại cách bốn ngàn do-tuần, có các địa ngục khác. Như nơi chốn của địa ngục lớn Đẳng Hoạt, địa ngục Hàn thứ nhất cũng vậy. Từ đó lại cách hai ngàn do-tuần, có các địa ngục khác nên biết.

Lại có xứ sở của Nga quý. Lại có xứ sở của hàng Phi thiên. Bàng sinh thì cùng với hàng Người, Trời đồng xứ, nên không kiến lập riêng.

Lại có **4** châu lớn, như trước đã nêu. Lại có **8** châu vừa.

Lại, chư thiên thuộc Dục giới có **6** xứ:

- (1) Trời Tứ Đại vương chúng.
- (2) Trời Ba mươi ba.
- (3) Trời Thời phần.
- (4) Trời Tri túc.
- (5) Trời Lạc Hóa.
- (6) Trời Tha Hóa Tự Tại.

Lại có Thiên cung Ma La, tức thuộc về cõi trời Tha Hóa Tự Tại, song cảnh giới cao hơn.

Lại có địa ngục độc nhất, là địa ngục giáp ranh, tức ở giữa địa ngục lớn và địa ngục Hàn. Do vì giáp ranh với hai địa ngục ấy nên không lập xứ sở riêng.

Lại, ở trong nẻo người cũng có một phần nơi địa ngục độc nhất có thể đạt được, như Tôn giả Thủ Duyên Đâu Tử đã nêu giảng: “Ta thấy các hữu tình bị thiêu đốt, bị thiêu đốt dữ dội, thiêu đốt dữ dội hiện bày khắp, gom lại thành một khối lửa thiêu đốt”.

36 xứ như vậy, gọi chung là Dục giới.

Lại nữa, Sắc giới có **18** xứ. Đó là:

- (1) Trời Phạm Chúng.
- (2) Trời Phạm Tiền Ích.
- (3) Trời Đại Phạm.

Ba cõi trời này do huân tu ba phẩm hạ trung thượng nơi tinh lự thứ nhất.

- (4) Trời Thiểu Quang.
- (5) Trời Vô Lượng Quang.
- (6) Trời Cực Tịnh Quang.

Ba cõi này do huân tu ba phẩm hạ trung thượng nơi tinh lục thứ hai.

(7) Trời Thiểu Tịnh.

(8) Trời Vô Lượng Tịnh.

(9) Trời Biến Tịnh.

Ba cõi này do huân tu ba phẩm hạ trung thượng nơi tinh lục thứ ba.

(10) Trời Vô Vân.

(11) Trời Phước Sinh.

(12) Trời Quảng Quả.

Ba cõi này do huân tu ba phẩm hạ trung thượng nơi tinh lục thứ tư.

Trời Vô Tướng: Tức thuộc về cõi trời Quảng Quả, không có xứ sở riêng.

Lại có năm cõi tịnh cung, nơi các bậc Thánh dừng trụ, không cùng chung. Đó là trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện và trời Sắc Cứu Cánh. Năm cõi này do đối với chín phẩm hạ trung thượng nơi tinh lục thứ tư đã hợp tu phẩm thượng tốt bậc, hơn hết.

Lại có trụ xứ Đại Tự Tại, vượt quá các cõi tịnh cung, có các Bồ-tát mười Địa, do dốc tâm huân tu Địa thứ mười nên được sinh vào cõi ấy.

Lại nữa, Vô sắc giới có 4 trụ xứ, đều không có nơi chốn.

3. Kiến lập về lượng của hữu tình: Gồm:

Thân lượng của người thuộc châu Nam Thiện-bộ không nhất định: Hoặc có lúc cao lớn, hoặc có khi thấp nhỏ. Nhưng tùy theo chiều dài khuỷu tay của chính họ thì thân lượng cao khoảng ba khuỷu tay rưỡi.

Thân lượng của người thuộc châu Đông Tỳ-đề-ha thì nhất định, cũng tùy theo chiều dài khuỷu tay của chính họ thì cao ba khuỷu tay rưỡi, nhưng thân họ cao lớn.

Như châu Đông Tỳ-đề-ha, thân lượng của người nơi hai châu Tây Cù-đa-ni và Bắc Câu-lô cũng vậy, lần lượt lại cao lớn hơn.

Thân lượng của chư thiên nơi cõi trời Tứ Đại vương chúng bằng một phần tư câu-lô-xá.

Thân lượng của chư thiên nơi cõi trời Ba mươi ba lại tăng thêm một chân (chiều dài từ gối trở xuống). Thân lượng của Thiên chủ Đê Thích là nửa câu-lô-xá.

Thân lượng của chư thiên nơi cõi trời Thời phần cũng bằng nửa câu-lô-xá.

Từ đây trở lên, thân lượng của chư thiên nơi hết thảy các cõi trời thuộc Dục giới nên biết dần dần đều tăng một chân.

Thân lượng của chư thiên nơi cõi trời Phạm Chúng bằng nửa do-tuần.

Thân lượng của chư thiên nơi cõi trời Phạm Thiên Ích là một do-tuần.

Thân lượng của chư thiên nơi cõi trời Đại Phạm là một do-tuần rưỡi.

Thân lượng của chư thiên nơi cõi trời Thiểu Quang là hai do-tuần.

Từ đây trở lên, thân lượng của chư thiên nơi các cõi trời còn lại đều tăng dần gấp bội, trừ cõi trời Vô Vân, nên biết cõi ấy, thân lượng giảm ba do-tuần.

Lại, thân lượng của hữu tình nơi các đại địa ngục không nhất định. Nếu tạo tác và làm tăng trưởng nghiệp bất thiện, ác cực trọng

thì hữu tình ấy sẽ chiêu cảm lấy thân lượng to lớn, ngoài ra thì không như thế.

Như nơi đại địa ngục, thân lượng của các hữu tình nơi địa ngục lạnh, địa ngục độc nhất, địa ngục giáp ranh, nẻo bàng sinh, nẻo ngã quỷ cũng vậy.

Thân lượng của các Phi thiên, lớn nhỏ như cõi trời Ba mươi ba.

Nên biết nơi Vô sắc giới, do không có sắc nên không có thân lượng.

4. Kiến lập về thọ mạng của hữu tình: Gồm: Thọ mạng của người nơi châu Nam Thiệm-bộ không nhất định. Họ dùng ba mươi ngày đêm làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Hoặc ở vào một thời kỳ thọ mạng là vô lượng năm. Hoặc ở vào một thời kỳ thọ mạng là tám vạn năm. Hoặc ở vào một thời kỳ thọ mạng giảm dần cho đến chỉ còn mười tuổi.

Thọ mạng của người nơi châu Đông Tỳ-đề-ha là nhất định, tức 250 năm.

Thọ mạng của người nơi châu Tây Cù-đà-ni nhất định là 500 năm. Nơi châu Bắc Câu-lô nhất định là 1000 năm.

Lại, 50 năm của nhân gian là một ngày một đêm nơi cõi trời Tứ Đại vương chúng. Ở cõi này, dùng ba mươi ngày đêm như thế làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Chư thiên nơi cõi đó thọ mạng là 500 năm.

100 năm nơi nhân gian là một ngày một đêm nơi cõi trời Ba mươi ba. Dùng một ngày một đêm để tính tháng, năm, như trước đã nói. Chư thiên ở cõi ấy thọ mạng 1000 năm. Như vậy, các cõi trời còn lại, cho đến trời Tha Hóa Tự Tại, về ngày đêm và thọ mạng đều tăng gấp đôi so với cõi trước.

Lại, thọ mạng đầy đủ của chư thiên nơi cõi trời Tứ Đại vương chúng, là một ngày một đêm nơi nẻo đại địa ngục Đẳng Hoạt. Tức

dùng ba mươi ngày đêm như vậy làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, hữu tình nơi nẻo đại địa ngục đó sống tới năm trăm năm.

Lấy thọ lượng của chư thiên nơi cõi trời Tứ Đại vương chúng làm thành thọ lượng của hữu tình nơi đại địa ngục Đẳng Hoạt. Cũng vậy, lấy thọ lượng của chư thiên nơi cõi trời Ba mươi ba làm thành thọ lượng của hữu tình nơi đại địa ngục Hắc Thăng. Dùng thọ lượng của chư thiên nơi cõi Trời phần làm thành thọ lượng của hữu tình nơi đại địa ngục Chúng Hợp. Lấy thọ lượng của chư thiên nơi cõi trời Tri túc làm thành thọ lượng của hữu tình nơi đại địa ngục Hào Khiếu... Cho đến dùng thọ lượng của chư thiên nơi cõi trời Tha Hóa Tự Tại làm thành thọ lượng của hữu tình nơi đại địa ngục Thiêu Nhiệt, nên biết cũng vậy.

Thọ mạng của hữu tình nơi đại địa ngục Cực Thiêu Nhiệt là nửa trung kiếp.

Thọ mạng của hữu tình nơi đại địa ngục Vô Gián là một trung kiếp.

Thọ lượng của hàng Phi thiên như nơi cõi trời Ba mươi ba.

Thọ lượng của nẻo Bàn sinh, Nga quỷ không nhất định.

Lại, địa ngục lạnh, đối với đại địa ngục, theo thứ lớp so với nhau về thọ lượng thì gần bằng một nửa.

Lại, địa ngục giáp ranh, địa ngục độc nhất, các hữu tình thọ sinh ở đây, thọ lượng không nhất định.

Thọ lượng của chư thiên nơi cõi trời Phạm Chúng là một kiếp hai mươi trung kiếp. Thọ lượng của chư thiên nơi cõi trời Phạm Tiên Ích là một kiếp bốn mươi trung kiếp. Cõi trời Đại Phạm thọ lượng là một kiếp sáu mươi trung kiếp. Nơi cõi trời Thiểu Quang thọ lượng là hai kiếp tám mươi trung kiếp.

Từ đây trở lên, thọ lượng của chư thiên nơi các cõi trời thuộc Sắc giới còn lại, đối chiếu với nhau, mỗi cõi tăng dần gấp bội, chỉ trừ cõi trời Vô Vân, nên biết cõi trời này thọ lượng giảm ba kiếp.

Thọ lượng nơi cõi không vô biên xứ là hai vạn kiếp. Thọ lượng nơi cõi thức vô biên xứ là bốn vạn kiếp. Thọ lượng nơi cõi vô sở hữu xứ là sáu vạn kiếp. Thọ lượng nơi cõi phi tướng phi phi tướng xứ là tám vạn kiếp.

Trừ châu Bắc Câu-lô, hết thầy xứ còn lại đều có trường hợp chết yếu giữa chừng.

Lại, nẻo Người, Quý, Bàng sinh đều có thân xác bỏ lại sau khi chết. Chư thiên và hữu tình nơi nẻo địa ngục, khi chết cùng với thức đều mất, không có thân xác bỏ lại.

5. Kiến lập về thọ dụng của hữu tình: Lược nêu có ba thứ: Thọ dụng về khổ vui, thọ dụng về ăn uống và thọ dụng về dâm dục.

a. Thọ dụng về khổ vui: Nghĩa là các hữu tình nơi nẻo Địa ngục phải nhận chịu nhiều khổ não cùng cực do bị trừng phạt. Hữu tình nơi nẻo Bàng sinh phải nhận chịu nhiều khổ não do ăn nuốt lẫn nhau. Hữu tình nơi nẻo Ngạ quỷ phải nhận chịu nhiều nỗi thống khổ do đói khát cùng cực. Hữu tình nơi nẻo Người phần nhiều thọ nhận vô số những khổ sở do thiếu thốn, do tìm cầu. Hữu tình nơi nẻo Trời phần nhiều thọ nhận các khổ do suy não, thoái đọa sau khi thọ mạng diệt.

Lại, ở trong đại địa ngục Đẳng Hoạt, các hữu tình phải chịu nhiều khổ não cùng cực do bị trừng phạt như thế. Tức là các hữu tình ấy, do cùng sinh ra từ sự tăng thượng của nghiệp được tích tụ, nên có vô số những vật dụng tạo khổ lần lượt sinh ra, lại cùng tàn hại lẫn nhau, tuyệt vọng ngã lặn ra đất. Trong hư không liền có âm thanh lớn phát ra, bảo: “Các hữu tình này có thể trở lại “Đẳng Hoạt”. Có thể trở lại “Đẳng Hoạt”. Thế là các hữu tình đó đột nhiên đều lại đứng dậy, trở lại dùng các vật dụng tạo khổ như trước đã nói, cùng nhau tàn hại lẫn nữa. Do nhân duyên ấy nên suốt trong thời gian dài luôn nhận lấy vô số thống khổ, cho đến khi nếu quả báo của tất cả nghiệp

ác bất thiện đã gây tạo từ đời trước chưa hết thì chưa ra khỏi, nên đại địa ngục này được gọi là Đẳng Hoạt.

Lại, ở trong đại địa ngục Hắc Thăng, các hữu tình phải nhận chịu nhiều thống khổ cùng cực do bị trừng phạt như vậy. Tức là, các hữu tình đều bị giam nhốt ở đây, ngục tốt dùng sợi dây đen khâu kết lại, hoặc làm bốn mối, hoặc làm tám mối, hoặc làm thành vô số mối chằng chịt như nét vẽ nơi bức tranh. Những tội nhân này, sau khi bị khâu kết lại rồi, tùy theo vị trí của mình, hoặc bị đào bới, hoặc bị đâm chém, đục khoét v.v... Do vô số nhân duyên như thế, nên phải nhận chịu khổ não lâu dài, cho đến khi nếu quả báo của hết thấy nghiệp ác bất thiện đã gây tạo từ đời trước chưa kết thúc, thì chưa thể ra khỏi, nên đại địa ngục này mang tên là Hắc Thăng (Dây đen).

Lại, nơi đại địa ngục Chúng Hợp, các hữu tình phải nhận chịu những khổ não cực nặng do bị trừng phạt như thế. Nghĩa là các tội nhân này hoặc có lúc lần lượt tụ tập hòa hợp, bấy giờ liền có các ngục tốt cai quản họ lập tức xua đuổi, bức bách khiến các hữu tình ấy chạy ừa vào trong núi lớn hai đầu dê bằng sắt. Khi họ đã vào hết rồi thì hai đầu núi bèn ép chặt lại. Bị ép như vậy nên máu nơi cơ thể của các tội nhân chảy vọt ra. Như núi hai đầu dê bằng sắt, các núi hai đầu dê cái sắt, hai đầu ngựa sắt, hai đầu voi sắt, hai đầu sư tử sắt, hai đầu cọp sắt cũng hoạt động như vậy. Lại khiến tội nhân hòa hợp như trước, rồi lừa họ vào nơi máng sắt lớn, tức thì ép lại như ép mía, máu thịt lại tuôn ra. Các hữu tình đó lại được hòa hợp, liền có ngọn núi sắt lớn từ trên không rơi xuống, làm cho những hữu tình té ngã lăn nơi mặt đất sắt, rồi thì bị chặt, bị đâm, bị giã, bị xé v.v..., máu thịt lại vọt ra. Do nhân duyên ấy nên thọ nhận thống khổ lâu dài, cho đến khi nếu quả báo của nghiệp ác bất thiện đã gây tạo từ đời trước chưa kết thúc, thì chưa ra khỏi, do đó đại địa ngục này có tên là Chúng Hợp.

Lại, ở trong đại địa ngục Hào Khiếu, các hữu tình phải thọ các thứ khổ não cực nặng do bị trừng phạt như vậy. Tức là những tội

nhân ở đây tìm kiếm nhà cửa, liền đi vào ngôi nhà sắt lớn. Vào xong tức thì lửa bốc cháy, nên thấy đều bị thiêu đốt, thiêu đốt dữ dội, thiêu đốt dữ dội không sót một nơi nào. Quá thống khổ khiến các tội nhân kêu gào, âm thanh vang động. Do nhân duyên này nên bị khổ bức lâu dài, cho đến khi nếu quả báo của tất cả các nghiệp ác bất thiện đã gây tạo từ đời trước chưa chấm dứt, thì vẫn còn thọ khổ. Do đó, đại địa ngục này được gọi là Hào Khiếu (Kêu gào).

Lại ở trong đại địa ngục Đại Hào Khiếu, những khổ não các tội nhân phải nhận chịu so với đại địa ngục trước có khác. Tức nhà cửa ở đây giống như bào thai, nên mang tên là Đại Hào Khiếu.

Lại, nơi đại địa ngục Thiêu Nhiệt, các hữu tình bị trừng phạt phải nhận chịu bao thống khổ cùng cực. Nghĩa là đám ngục tốt cai quản tội nhân đem họ đặt trên tấm vỉ sắt được nung nóng, rộng lớn vô lượng do-tuần, và các tội nhân lập tức bị thiêu đốt cực độ, bị hành hạ, bức bách đủ kiểu. Lại như nướng cá dùng cây chĩa sắt to xiên từ dưới lên, xuyên qua đỉnh đầu, rồi lật qua lật lại để nướng, khiến các tội nhân nơi các căn, các lỗ chân lông, kể cả trong miệng thấy đều bốc lửa. Lại đặt các tội nhân nằm trên mặt đất sắt cũng được nung nóng cực độ, hoặc lật ngửa, hoặc úp sấp, đám ngục tốt lại dùng chày sắt lớn nung đỏ, hoặc đánh, hoặc giã, các tội nhân chỉ còn một nắm thịt. Do nhân duyên này nên phải thọ khổ bức lâu dài, cho đến khi, nếu quả báo của các nghiệp ác bất thiện đã tạo ra từ đời trước chưa kết thúc, thì vẫn chưa thoát khỏi, do đó đại địa ngục này mang tên là Thiêu Nhiệt.

Lại, ở trong đại địa ngục Cực Thiêu Nhiệt, mọi thứ khổ não buộc tội nhân phải nhận chịu so với đại địa ngục trước có khác. Đó là đám ngục tốt dùng chĩa ba bằng sắt cực nóng, xiên các tội nhân từ dưới lên, suốt qua hai bắp tay và đỉnh đầu, khiến mọi chi phần nơi thân đều phát ra lửa dữ. Các tội nhân còn bị hành hạ, chịu nhiều khổ bức khác nữa: dùng lá đồng lá sắt nung đỏ quấn bọc khắp thân, bị

lộn ngược bỏ vào vạc sắt lớn đầy nước tro sôi sục... Do nhân duyên này khiến phải nhận chịu thống khổ lâu dài, cho tới khi nếu quả báo của hết thấy nghiệp ác bất thiện đã gây tạo từ đời trước chưa hết thì vẫn còn chịu khổ, nên đại địa ngục này mang tên là Cực Thiêu Nhiệt.

Lại, ở trong đại địa ngục Vô Gian, các hữu tình ở đây phải nhận chịu bao thống khổ tội độ do bị trừng phạt như vậy. Tức là, từ nơi phương Đông bày ra khoảng đất dài rộng nhiều trăm do-tuần, mặt đất là sắt được nung nóng cực độ, nung nóng cực độ hiện khắp, trên ấy có ngọn lửa dữ vọt lên cháy hừng hực, vọt tới đâm vào người các tội nhân, xuyên qua da thịt, phá vỡ xương gân, hủy hoại nội tạng, khiến tội nhân bị đốt cháy như cây đuốc mỡ. Cứ thế, hể thân động lại biến thành lửa dữ. Như từ phương Đông, các phương Nam, Tây, Bắc cũng lại như vậy. Do duyên có ấy, nên các hữu tình ở đây cùng với lửa dữ đã hòa lẫn làm một, chỉ thấy khối lửa từ bốn phương ào tới. Ngọn lửa hòa lẫn không có chút khoảng trống, những thống khổ phải nhận chịu cũng không có chút gián đoạn. Chỉ nghe những âm thanh kêu gào vì bị khổ bức nên biết là có chúng sinh. Đám ngục tốt lại dùng các giỏ sắt đầy ấp than sắt cháy hừng, nóng cực độ, rải rưới lên người các tội nhân. Lại đặt họ trên mặt đất sắt nóng chảy, rồi bắt họ leo lên núi sắt lớn đỏ nung đỏ, lên rồi lại xuống, xuống xong lại lên. Lại dùng vô số hình phạt khác để trừng trị... Do vậy, cứ mãi phải nhận chịu muôn ngàn thứ khổ bức lâu dài, cho đến khi nếu quả báo của tất cả nghiệp ác bất thiện đã gây tạo từ đời trước chưa hết thì chưa thể ra khỏi chốn đó, nên đại địa ngục này gọi là Vô Gian. Do phần nhiều là gây tạo tác nghiệp vô gián nên bị đọa vào chỗ này. Ở đây chỉ lược nêu một số “khổ cụ” thô, hiện rõ, chẳng phải trong đại địa ngục ấy chỉ có thế, vì còn có vô số những “khổ cụ” khác không thể biết hết được.

Lại, ở trong các địa ngục Cận biên, các loài hữu tình phải nhận chịu những thứ khổ não do bị trừng phạt như thế. Nghĩa là hết thấy các địa ngục lớn này đều có tường sắt vây quanh bốn cửa của bốn bờ

thành nơi bốn hướng. Các tội nhân từ nơi bốn cửa của bốn hướng đi ra, tức bên ngoài mỗi mỗi cửa có bốn khu vườn dẫn ra, đều là những khu vườn đầy tro lửa nóng ngập tới đầu gối. Những tội nhân đi ra để tìm kiếm chỗ trú thân, tới đây, vừa đặt chân vào vườn tức thì da thịt máu huyết thảy đều cháy tan, khi giờ chân lên liền trở lại như cũ. Kế tiếp khu vườn tro lửa nóng không gián đoạn này là các khu vườn cây chết, bùn phân. Đám tội nhân vẫn đi tìm chốn trú thân, dần dần đến đây, liền bị rơi vào trong bùn dơ, đầu chân đều chìm lún cả. Trong đầu bùn phân này lại có nhiều giòi trùng tên “Nương củ trá”, có thể xuyên qua da, thịt, cắn đứt gân, phá vỡ xương, hút lấy tủy. Tiếp theo khu vực ấy thì có đoạn đường đao kiếm bén nhọn, ngựa mũi nhọn lên làm thành lối đi. Những hữu tình kia vẫn đi tìm chỗ trú, lần bước tới đây, vừa đặt chân vào, tức thì da thịt gân máu thảy đều nát nhừ, nhưng khi giờ chân lên thì trở lại như cũ. Kế đây là rừng lá bén nhọn, đám tội nhân vẫn như trước, dần tới dưới bóng cây của khu rừng, vừa ngồi xuống, thì gió nhẹ nổi lên, các chiếc lá nhọn bén rơi xuống tới tấp, chặt chém hết thảy mọi chi phần nơi thân hình tội nhân khiến văng vãi, tung tóe khắp mặt đất, lại có chó Hắc ly chộp lấy, cắn rút xương sống mà ăn.

Từ khu rừng lá bén nhọn không gián đoạn này đi tới, có rừng Thiết-lạp-mạt-lê bằng sắt. Đám tội nhân vẫn trên đường tìm kiếm nơi ẩn trú nên đến đây, leo lên cây, tức thì mọi đầu lá sắc nhọn đều chúc xuống. Khi đám tội nhân vừa tuột xuống thì mọi đầu lá sắc nhọn kia lại quay lên. Do vậy, mọi chi phần nơi thân họ đều bị đâm thủng. Lại có loài quạ lớn mỏ bằng sắt, bay đậu nơi đầu hoặc trên bả vai, mổ lấy tròng mắt mà ăn. Tiếp theo rừng cây Thiết-lạp-mạt-lê bằng sắt không gián đoạn ấy là con sông rộng lớn, nước sông toàn là nước tro nóng sôi sùng sục, đầy tràn. Các hữu tình tội nhân vẫn như trước, đi tới đây liền rơi xuống sông tro này. Giống như lấy đậu bỏ vào chảo lớn rồi đốt lửa thật nhiều để nấu, đám tội nhân theo hơi nước mà ngụp lặn,

trời sụt giập vòng thì trở lại như cũ. Hai bên bờ sông, có các ngục tốt tay cầm gậy, dây, và lấy lưới rộng giăng dọc theo bờ, ngăn chặn đám tội nhân khiến họ không thể thoát lên. Hoặc dùng dây tơ trói chặt, hoặc dùng lưới vớt lên, đem bỏ nơi mặt đất rộng lớn bằng sắt nóng rực, lật ngửa các tội nhân kia, bảo: Bây giờ các ngươi cần những gì?

Chúng tôi hiện giờ không còn biết gì cả, nhưng bị vô số nỗi khổ do đói bức bách.

Tức thì đám ngục tốt liền dùng kim sắt kẹp miệng các tội nhân cho há ra, rồi lấy những viên sắt được nung đỏ tống vào miệng họ...

Nếu các tội nhân đáp: Chúng tôi hiện chỉ bị khổ do khát bức bách!

Thế là ngục tốt bèn lấy nước đồng sôi rót vào miệng họ.

Do nhân duyên ấy nên tội nhân ở đây phải nhận chịu bao thứ khổ bức lâu dài, cho đến hết thấy nghiệp ác bất thiện đã gây tạo từ đời trước, có thể chiêu cảm quả báo nơi địa ngục chưa hết, thì họ vẫn còn chịu khổ. Ở đây, hoặc đoạn đường gồm đao kiếm bén nhọn, hoặc rừng lá nhọn, sắc, hoặc rừng cây Thiết-lạp-mạt-lê bằng sắt được gom lại làm một, nên nói có bốn khu vườn.

Lại, các hữu tình bị đọa vào các địa ngục Lạnh phải nhận chịu vô số khổ cùng cực về lạnh lẽo như thế. Nghĩa là nơi địa ngục “Phồng da sưng tấy”, các hữu tình bị đọa vào đây, luôn tiếp xúc với vùng đất rộng lớn và hết sức lạnh lẽo vây bọc, tác động, khiến mọi chi phần nơi thân đều co rút lại như bị phỏng da, nên địa ngục này mang tên như vậy.

Địa ngục “Phồng da sưng tấy bị vỡ ra” so với địa ngục trước có sai khác. Tức ở đây, giống như vết phỏng sưng tấy bị vỡ lở, máu mủ túa ra, vết thương co rúm lại, nên địa ngục này có tên gọi như thế.

Lại, ba địa ngục Hát Triết Hồ, Hác Hác Phàm và Hồ Hồ Phàm, do âm thanh kêu gào về khổ của các tội nhân ở ba nơi ấy sai khác nên nhân đấy mà đặt tên.

Trong “Địa ngục Sen xanh”, các tội nhân do luôn bị tiếp xúc với vùng đất rất rộng lớn và hết sức lạnh lẽo, nên mọi chi phần nơi thân họ đều bầm xanh, da dễ bị nứt ra, bị xé ra, hoặc làm năm mảnh, hoặc làm sáu mảnh, do đó địa ngục này có tên gọi như thế.

“Địa ngục Sen hồng” so với địa ngục trước có khác. Đó là trải qua giai đoạn xanh rồi thì da biến thành màu đỏ hồng, da bị xé, bị nứt ra hoặc làm mười mảnh, hoặc làm nhiều mảnh, nên địa ngục ấy mang tên là Sen hồng.

“Địa ngục Sen hồng lớn” so với địa ngục Sen hồng có sai khác. Đó là toàn bộ phần thân của các tội nhân đỏ hồng lên rất đậm, da dễ bị xé rách ra hàng trăm mảnh hoặc hơn nữa, do vậy nên địa ngục này mang tên như thế.

Lại, các hữu tình bị đọa vào địa ngục Độc nhất, mỗi mỗi đều do chỗ chiêu cảm từ tự nghiệp của tự thân, nên phải nhận chịu vô số khổ bức cùng cực, như trong kinh Cát Tường, Văn Thái Lục Đậu Tử đã giảng nói rộng, nên địa ngục này có tên là Độc nhất.

Lại nữa, nếu nơi nẻo Bàn sinh, các loài hữu tình cùng tàn hại lẫn nhau, như loài yếu bị loài mạnh giết hại. Do nhân duyên ấy nên phải nhận chịu vô số thống khổ. Vì không được tự tại, luôn bị xua đuổi, chịu nhiều sự đánh đập, làm vật cung cấp thức ăn cho hàng trời, người, do đấy nên đã chịu đủ mọi thứ khổ não cùng cực.

Lại, nơi nẻo Ngạ quỷ lược nêu có ba loại:

- (1) Do bên ngoài gây trở ngại việc ăn uống.
- (2) Do bên trong gây trở ngại việc ăn uống.
- (3) Ăn uống không bị trở ngại.

Thế nào là loài Ngạ quỷ do bên ngoài gây trở ngại việc ăn uống? Đó là do hữu tình kia hành theo thói bỏn sẻn bậc thượng, nên bị đọa vào nẻo quỷ, luôn ứng hợp với sự đói khát, da thịt, gân mạch

thầy đều khô đét, giống như bị đốt thành than, đầu tóc rối bù, mặt mày đen đúa, môi miệng khô cháy, thường dùng lưỡi liếm khắp mặt, miệng, luôn sợ hãi về đói khát, rảo chạy khắp chốn, tìm tới nơi có ao, suối. Ở đây lại bị loài hữu tình khác, tay cầm đao gậy, dây trói, giăng hàng ngăn chặn khiến không thể đến được. Nếu có kẻ mạnh vượt chạy tới nơi thì thấy nước nơi ao, suối biến thành máu mù, tự mình không muốn uống. Những quỷ như vậy gọi là “do bên ngoài ngăn trở việc ăn uống”.

Thế nào là loài Nga quỷ do bên trong gây trở ngại việc ăn uống? Đó là các thứ quý, miệng hoặc nhỏ như cây kim, hoặc như bó đuốc, hoặc cổ bị bấu mà bụng lại quá lớn. Do đấy, giả như được ăn uống hay không bị các chương ngại khác, thì tự nhiên cũng không thể ăn uống được. Những loài quỷ như thế gọi là “do bên trong ngăn trở việc ăn uống”.

Thế nào là loài Nga quỷ ăn uống không bị trở ngại? Tức có loài nga quỷ tên Mãnh diễm man. Tùy theo chỗ được ăn uống đều bị thiêu đốt. Do nhân duyên này nên luôn bị đói khát là nỗi khổ bức lớn chưa từng tạm nghỉ.

Lại có loài nga quỷ tên là Thực phản uế. Hoặc có một số ăn phân uống nước tiểu. Hoặc có một số chỉ có thể ăn uống những thứ dơ nhớp hôi thối, hoặc sống hoặc chín, nhồm tởm cực độ, dù gặp thức ăn uống ngon thơm thì cũng không thể ăn được. Lại có một loại tự cắt thịt nơi thân mình mà ăn, nếu có được các thức ăn khác thì lại không thể ăn. Các loài Nga quỷ như thế gọi là “ăn uống không bị trở ngại”.

Lại, các loài hữu tình thọ sinh trong nẻo người phải chịu nhiều nỗi khổ vì thiếu thốn như thế. Đó là nỗi khổ vì thiếu thốn do đói khát cùng phát sinh. Hoặc nỗi khổ vì thiếu thốn do những điều ham muốn không đạt kết quả. Hoặc nỗi khổ vì thiếu thốn do ăn uống không đầy đủ. Hoặc nỗi khổ vì thiếu thốn do tìm cầu thân nhận bức bách. Hoặc

nổi khổ vì thiếu thôn do thời tiết thay đổi hoặc lạnh hoặc nóng. Hoặc nổi khổ vì thiếu thôn do không có nhà cửa để ngăn che mưa nắng. Hoặc nổi khổ vì thiếu thôn do thời vận đen đui khiến mọi sự nghiệp đều bị ngừng trệ hay đổ vỡ. Lại phải chịu các khổ do biến hoại tức già, bệnh, chết. Do trong địa ngục cho chết là vui, nên ở cõi ấy không lập chết làm khổ.

Lại, trong nẻo trời không có những nổi khổ về chi tiết, nhưng có nổi khổ bị thoái đọa khi chết. Như trong kinh nói: Có các Thiên tử khi sắp mạng chung, năm tướng hiện ra: Áo mặc thường không cấu bẩn, nay có cấu bẩn hiện ra. Hoa cài đầu xưa nay không héo, giờ thì héo úa. Mồ hôi nơi hai nách chảy ra. Thân thể lại hôi dơ. Thiên tử và chư thiên không thích ngồi chỗ cũ.

Lúc vị thiên tử ấy nằm nghỉ trong rừng thì thiên nữ vốn thuộc về mình trước nay, giờ thì vui chơi với thiên tử khác. Do đây, vị này càng thêm sầu khổ.

Lại còn chịu nổi khổ lo sợ bị lán hiếp, khinh khi. Vì sao? Vì khi có một vị Thiên tử mới sinh ra, với những phước báo, kể cả năm thứ dục, được thành tựu rộng lớn thì các vị Thiên tử cũ, phước kém khác trông thấy liền sinh lo sợ, do đó phải chịu nhiều sầu khổ.

Lại còn chịu những nổi khổ bị đâm chém, xua đuổi, tàn hại. Vì sao? Vì do chư thiên cùng với hàng Phi thiên (A tu la) đánh nhau, gây nên bao thứ tổn hại, mất mát, thù hận...

Lại, các hàng phi thiên, nên biết là thuộc về nẻo trời, nhưng do tâm ý có nhiều dối trá, huyễn hoặc, dua nịnh, không như chư thiên là pháp khí thanh tịnh. Do nhân duyên này, nên có khi trong kinh nói phi thiên thuộc về một nẻo khác, nhưng thực ra đây là thuộc loại chư thiên, do không thọ hành pháp của chư thiên, nên gọi là Phi thiên.

Lại có những vị thiên tử nhiều sức mạnh, một phen nổi giận, thì các thiên tử yếu kém liền bị xua đuổi ra khỏi cung điện của mình. Vì

thể chư thiên phải chịu ba thứ khổ: Khổ bị thoái đọa khi chết. Khổ bị lẩn hiếp, khinh miệt. Khổ bị đâm chém, tàn hại, xua đuổi.

Lại, hữu tình nơi Sắc giới, Vô sắc giới không có các nỗi khổ như vậy, vì hữu tình thuộc hai cõi đó không phải là vật thọ nhận khổ. Nhưng do cái khổ thô trọng, nên nói họ có khổ, là vì có phiền não, có chướng ngại, đối với việc sống chết không được tự tại.

Lại, trong cõi Vô lậu thì hết thảy mọi thứ khổ thô trọng đã hoàn toàn dứt trừ. Do vậy, chỉ cảnh giới ấy là an lạc thắng nghĩa nên biết, hết thảy các cảnh giới còn lại đều là khổ.

Lại, trong bốn thứ địa ngục, không có lạc thọ. Như nơi địa ngục, trong ba loại Ngạ quỷ cũng vậy. Trong các quỷ Đại lực, Bàn sinh, con người có cái vui có thể đạt được do của cải được sinh ra nơi cửa ngoài, nhưng bị các thứ khổ làm lẩn lộn.

Lại, trong nẻo người thì sự an vui của Chuyển Luân Vương là vi diệu tối thắng, do khi Chuyển Luân Vương kia xuất hiện ở đời tức có bảy báu thành tựu tự nhiên xuất hiện, nên nói vua Chuyển Luân gồm đủ bảy báu. Đó là: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu Mạt ni báu, nữ báu, quan coi kho tàng báu và quan chủ binh báu. Bảy giờ các báu như bánh xe báu v.v... cùng hiện, hình tướng như thế nào? Hiện tướng bảy báu, như trong kinh đã nói rộng. Như vị Luân Vương cai trị bốn châu, thì hết thảy các tiểu vương đều kính ngưỡng uy đức và quy thuận. Mỗi vị đều tự nói: Mọi thành ấp, làng xóm nơi tiểu quốc là sở hữu của đại vương. Cúi mong đại vương thi ân dạy bảo. Chúng tôi đều sẽ là hàng tôi tớ trung thành của đại vương!

Này chư vương! Các vị đều ở nơi cương vực của mình, đem đạo lý để giáo hóa, tưởng thưởng, nên dùng Chánh pháp, chớ theo phi pháp. Lại nữa, chư vị dù là quốc sự hay gia sự, chớ nên hành theo nẻo phi pháp, chớ hành theo nẻo không bình đẳng.

Nếu là bậc Luân Vương cai trị ba châu thì trước phải sai sứ triều kiến, sau đấy mới thuận theo sự giáo hóa.

Nếu là vị Luân Vương cai trị hai châu, thì trước hưng binh để hiện bày uy lực, sau mới tùy thuận sự giáo hóa.

Nếu là vị Luân Vương cai trị một châu, thì phải tự mình triều kiến, đoạt đao, múa kiếm, sau đấy mới quy thuận.

Lại nữa, chư thiên luôn nhận được mọi sự giàu vui rộng lớn của cõi trời, hình sắc đẹp đẽ, thù thắng, sự việc thường thích hợp, an trụ lâu dài nơi cung điện của mình. Thân tướng cả trong ngoài thấy đều thanh khiết, không có cấu uế.

Lại, bên trong thân người có nhiều thứ bất tịnh... còn chư thiên thì không.

Lại, chư thiên nơi các cõi trời kia có bốn thứ cung điện: Đó là các cung điện do vàng, bạc, pha lê, lưu ly tạo thành, có vô số dải tơ lụa đan xen tạo vẻ trang nghiêm, vô số đài, gác, vô số lầu đền, vô số tầng cấp, vô số cửa ngõ, vô số màn lưới giăng mắc, tất cả đều đáng yêu thích. Vô số báu Ma-ni dùng làm vật trang sức, vây quanh tỏa sáng cùng soi chiếu lẫn nhau.

Lại có cây thức ăn: Từ bên trong cây này hiện ra bốn vị thức ăn gọi là Tô-đà, gồm bốn màu xanh vàng đỏ trắng.

Lại có cây thức uống: Từ nơi cây đó tuôn ra thức uống ngon ngọt.

Lại có cây xe cộ: Từ nơi cây ấy tuôn ra đủ loại xe cộ đẹp đẽ như xe, xe lớn, xe kéo, xe chuyên chở v.v...

Lại có cây y phục: Tức từ nơi đây sinh ra vô số y phục khéo đẹp, mịn, mềm, màu sắc tươi sáng, khác lạ, xen lẫn với những tơ lụa nhiều màu.

Lại có cây cung cấp vật dụng trang sức: Từ cây này sinh ra vô số các vật dụng vi diệu dùng vào việc trang sức, như Ma-ni, các

vòng ngọc, vàng đeo tai, đeo tay, chân v.v... Những thứ vật dụng trang sức như thế đều dùng vô số ngọc báu Ma-ni để điễm xuyên, làm tăng vẻ đẹp.

Lại có cây hương xông, hoa cài tóc: Từ đây sinh ra đủ loại hương xoa, hương xông, vô số hoa cài tóc.

Lại có cây hội hợp lớn, vi diệu tối thắng, rễ cây ăn sâu năm do-tuần. Thân cây cao vút hàng trăm do-tuần. Cành nhánh và tàng cây che rợp đến tám mươi do-tuần, hoa nở rộ đan xen, hương thơm thuận theo gió lan tỏa hàng trăm do-tuần, nghịch gió thì xông tỏa khoảng năm mươi do-tuần. Dưới tàng cây này, chư thiên cõi trời Ba mươi ba, trong bốn tháng mùa mưa, dùng năm thứ dục thượng diệu của cõi trời để cùng nhau vui chơi.

Lại có cây âm nhạc, ca múa, hát cười: Từ cây này luôn sinh ra đủ loại nhạc khí, phát ra vô số lời ca, điệu hát, giọng cười...

Lại có cây của cải: Từ đó sinh ra vô số thứ của cải, như các thức ăn uống, vật dụng để nằm, ngồi v.v...

Lại, chư thiên kia khi muốn thọ dụng, thì tùy theo ý muốn, tùy theo nghiệp lực ứng hợp nên các thứ cần dùng liền hiện bày nơi tay.

Lại, các hàng phi thiên, nên biết, cũng tùy chỗ ứng hợp mà được thọ dụng vô số cung điện giàu vui.

Lại, nơi châu Bắc Câu-lô có cây hiện tướng như vậy, gọi là Như ý. Dân chúng ở châu ấy, về chỗ mong muốn có của cải, vật dụng đều lấy từ cây này, khỏi phải suy nghĩ, chỉ theo nhu cầu liền tự nhiên hiện ra nơi tay. Lại có lúa nếp, không gieo trồng mà có thu gặt, nên không thuộc riêng về người nào. Lại, hữu tình nơi châu Bắc Câu-lô hoàn toàn không có sự liên hệ để quyết định thắng tấn.

Lại, vua trời Đế Thích có điện Phổ Thắng, là cung điện thù thắng trong các cung điện. Ở đây, có trăm lầu đèn, mỗi mỗi lầu, đèn

có trăm đài, gác, mỗi mỗi đài, gác có bảy phòng nhà, mỗi mỗi phòng nhà có bảy thiên nữ, mỗi mỗi thiên nữ có bảy thị nữ.

Lại, đất đai hiện có của chư thiên nơi cõi trời ấy đều bằng phẳng như bàn tay, không hề có cao thấp, khi tiếp xúc thì sinh an lạc. Lúc đặt chân xuống thì lún sâu tới đầu gối. Lúc đưa chân lên thì đất theo chân trở lại như cũ. Nơi tất cả thời, tự nhiên có hoa Mạn-đà-la hiện bày khắp trên mặt đất, thỉnh thoảng có gió nhẹ thổi xua hoa héo đi và mang đến những hoa mới.

Lại, nơi thiên cung của chư thiên, bốn mặt đều có ngà tư rộng lớn, cảnh quan tươi đẹp, ngăn nắp, hợp mỹ quan, đều sạch sẽ, đoan nghiêm, thông thoáng. Lại, ở bốn mặt có bốn cửa lớn, quy mô, hoành tráng, sắc tướng kỳ diệu, nhìn xem không chán, thật là kỳ tuyệt. Có nhiều vị Dược-xoa là loài khác, thân sắc đặc biệt, làm nhiệm vụ canh giữ. Lại, nơi bốn mặt có bốn khu vườn hoa: Một tên là Hội Xa. Hai tên là Thô Sáp. Ba tên là Hòa Táp. Bốn tên là Hỷ Lâm. Bên ngoài bốn khu vườn có bốn vùng đất thù thắng, cảnh quan đẹp đẽ toàn diện, không gì có thể sánh.

Góc Đông Bắc của thiên cung có nơi chốn hội họp của chư thiên, gọi là Thiện pháp, chư thiên vào đấy để tư duy, lường xét, quán sát về diệu nghĩa. Gần bên khu vườn này có tảng đá Như ý, màu đá trắng ngà, thể chất khác lạ, hình tướng tuyệt đẹp. Lại, thân của chư thiên tự nhiên tỏa sáng. Nếu bóng tối xuất hiện thì biết ngày đã hết và đêm vừa đến, đối với việc vui chơi theo năm thứ dục thượng diệu của cõi trời, chư thiên cảm thấy lười biếng, thích ngủ nghỉ, những loài chim khác cũng thôi không hót nữa, do các tướng như vậy mà nhận biết về ngày đêm. Lại, năm thứ dục bậc nhất của chư thiên ở đây là rất đáng yêu thích, chỉ làm phát sinh sự vui vẻ, nên các thiên chúng luôn buông thả trong đó để thọ hưởng. Thường được nghe đủ các loại tiếng chiêng, trống, tiếng ca múa, âm nhạc, tiếng nói cười, đùa giỡn, bàn luận. Thường được thấy vô số hình vừa ý. Thường được

ngửi đủ loại hương thơm vi diệu. Luôn được nếm vô số các vị ngon ngọt. Luôn được tiếp xúc với vô số xúc cảm say đắm của các thể nữ cõi trời, nên luôn bị những thú vui ấy dẫn dắt tâm ý, chiếm hầu hết thời gian.

Lại, chư thiên đó thọ dụng nhiều thứ dục lạc vi diệu như vậy, nhưng thường không bị bệnh tật, cũng không có già suy, không có cái khổ “cùng sinh” do thiếu thốn về ăn uống v.v... gây ra. Không như trong nẻo người có các khổ vì thiếu thốn nhiều thứ, như đã nói ở trước.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 5

Địa thứ 3, 4, 5: ĐỊA CÓ TÂM CÓ TỬ, phần 2 (Phần Bản Địa)

Lại nữa, trong Sắc giới, chư thiên thọ sinh nơi địa tĩnh lự thứ nhất, tức nhận lấy “Hỷ lạc ly sinh” của địa ấy. Chư thiên thuộc địa tĩnh lự thứ hai thì nhận lấy “Hỷ lạc định sinh”. Chư thiên nơi địa tĩnh lự thứ ba tất nhận lấy “Diệu lạc lia hỷ”. Còn chư thiên nơi địa tĩnh lự thứ tư thì nhận lấy sự an lạc thanh tịnh tịch tĩnh vô động do xả niệm. Chư thiên trong Vô sắc giới tức nhận lấy sự an lạc của giải thoát vắng lặng tột cùng.

Lại nữa, nên biết, do sáu thứ thù thắng, nên có khổ lạc thù thắng. Sáu thứ thù thắng là: (1) Thù thắng về hình lượng. (2) Thù thắng về nhu hòa. (3) Thù thắng về duyên. (4) Thù thắng về thời. (5) Thù thắng về tâm. (6) Thù thắng về chỗ dựa.

Vì sao? Vì thân lượng như như dần thêm rộng lớn, như vậy như vậy, khổ chuyển biến thù thắng. Vì chỗ dựa như như dần thêm nhu hòa, như vậy như vậy nên khổ chuyển biến thù thắng. Vì duyên của khổ như như dần càng thêm mãnh liệt với nhiều sai biệt, như vậy như vậy nên khổ chuyển biến thù thắng. Vì thời phần như như dần xa vô gián, như vậy như vậy nên khổ chuyển biến thù thắng. Vì lực không chọn lựa của nội tâm như như dần dần thêm rộng, như vậy như vậy nên khổ chuyển biến thù thắng. Vì “vật chứa khổ” của chỗ dựa như

như dân tăng, như vậy như vậy nên khổ chuyên biến thù thắng. Như khổ thù thắng, nghĩa của lạc thù thắng cũng vậy, nên biết, tùy theo chỗ ứng hợp mà nói rộng.

Lại, lạc có hai thứ: (1) Lạc không phải do Thánh tài sinh ra. (2) Lạc do Thánh tài sinh ra.

Lạc không phải do Thánh tài sinh ra: Tức do bốn thứ tư cụ (của cải, vật dụng) làm duyên sinh ra: (a) Tư cụ thích duyệt. (b) Tư cụ tư trưởng. (c) Tư cụ thanh tịnh. (d) Tư cụ trụ trì.

Tư cụ thích duyệt: Tức là xe cộ, y phục, các vật dụng trang sức, ca nhạc múa hát, hương xoa thân, hoa cài tóc, đủ loại châu báu thượng diệu, ánh sáng chói lọi, kẻ hầu nam, nữ, vô số kho tàng.

Tư cụ tư trưởng: Nghĩa là các sự việc không tâm, tứ như luân thạch đánh đập, đập đập, xoa ấn v.v...

Tư cụ thanh tịnh: Tức những vật như cỏ kiết tường, quả Tần loa, vỏ ốc v.v...

Tư cụ trụ trì: Là những thức ăn, uống.

Lạc do Thánh tài sinh ra: Tức do bảy Thánh tài làm duyên sinh ra. Những gì là bảy Thánh tài? Đó là: (a) Tín. (b) Giới. (c) Hồ. (d) Thẹn. (đ) Văn (nghe, hiểu). (e) Xả. (f) Tuệ.

Lại nữa, do 15 thứ tướng, nên lạc được sinh từ chẳng phải Thánh tài và Thánh tài có khác nhau. Những gì là mười lăm tướng? Tức:

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra có thể đẩy khởi hành ác.

Lạc do Thánh tài sinh ra có thể đẩy khởi hành diệu.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra tương ưng với hỷ lạc có tội.

Lạc do Thánh tài sinh ra tương ưng với hỷ lạc vô tội.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra thì nhỏ, kém, không hiện hữu khắp chỗ dựa.

Lạc do Thánh tài sinh ra thì rộng lớn, hiện bày đầy khắp chỗ dựa.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra không hiện hữu trong mọi lúc, do dựa vào duyên bên ngoài.

Lạc do Thánh tài sinh ra hiện hữu trong tất cả thời điểm, do dựa nơi duyên bên trong.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra không phải hiện hữu nơi tất cả địa, vì chỉ có nơi Dục giới.

Lạc do Thánh tài sinh ra thì có mặt nơi tất cả địa, chung cả ba cõi, có hệ thuộc, không hệ thuộc.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra không thể dẫn phát Thánh tài và phi Thánh tài ở đời sau.

Lạc do Thánh tài sinh ra thì có thể dẫn phát Thánh tài, phi Thánh tài nơi đời sau.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra, nếu lúc thọ dụng thì có cùng tận, có giới hạn.

Lạc do Thánh tài sinh ra, nếu khi thọ dụng thì càng thêm dồi dào, tăng trưởng rộng lớn.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra có thể bị kẻ khác cướp đoạt: hoặc nạn vua quan, giặc oán, nước, lửa v.v...

Lạc do Thánh tài sinh ra thì không gì có thể xâm đoạt.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra thì không thể từ nơi đời hiện tại giữ vững, dẫn tới đời sau.

Lạc do Thánh tài sinh ra tức có thể từ nơi đời hiện tại giữ vững, dẫn đến đời sau.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra, lúc thọ dụng không thể sung túc.

Lạc do Thánh tài sinh ra, khi thọ dụng thì sung mãn trọn vẹn.

Lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra, có sợ hãi, có oán đối, có tai họa, có phiền não thiêu đốt, không thể đoạn trừ khổ lớn của đời sau. Có sợ hãi: Tức sợ hãi về nơi chốn nương dựa của khổ não đời vị lai. Có oán đối: Tức các nơi chốn, chỗ dựa cho việc tranh chấp, kiện tụng. Có tai họa: Tức là chỗ dựa của già, bệnh, chết. Có phiền não thiêu đốt: Tức do tánh của lạc ấy là không chân thật, như các thứ bệnh tật, là chỗ dựa của điên đảo, hư vọng, cũng là chỗ dựa của vô số sâu khổ, nhiệt não bức bách.

Không thể đoạn trừ khổ lớn nơi đời sau: Tức là chỗ dựa của các phiền não căn bản như tham, sân v.v... thuận theo hai thứ lậu hoặc.

Lạc do Thánh tài sinh ra, nên biết là ngược lại với các tính chất kể trên của lạc do chẳng phải Thánh tài sinh ra.

Lại, có dục bên ngoài: Là thọ dụng dục trần. Thánh tuệ mạng: Là thọ dụng Chánh pháp. Do năm thứ tướng nên có sai biệt. Vì nhân duyên này, nên gọi là Thánh tuệ mạng vì dùng tuệ mạng thanh tịnh vô thượng để tự sinh sống. Những gì là năm tướng? Tức:

(1) Thọ dụng Chánh pháp không cầu nhiễm.

(2) Thọ dụng Chánh pháp hết mực trọn vẹn.

(3) Thọ dụng Chánh pháp hoàn toàn an định.

(4) Thọ dụng Chánh pháp không cùng chung với các tuệ mạng khác.

(5) Thọ dụng Chánh pháp có an lạc chân thật, nên hàng phục các thứ ma oán.

Ở đây, các thứ thọ dụng là dục lạc hiện có. Là thuận theo chỗ vui, tức nơi chốn theo đuổi của tham ái. Là thuận theo xứ buồn, tức chỗ theo đuổi của sân hận. Là thuận theo chốn xả, tức chỗ theo đuổi của

xả không lựa chọn. Việc thọ dụng Chánh pháp của Thánh tuệ mạng thì không như vậy.

Lại, các thứ hữu dục: Là thọ dụng dục trần, từ chỗ không thể nhận biết về “Bản tế” đến nay. Do vô thường nên xả bỏ dục trần này thì nhận lấy dục trần khác, hoặc có lúc đều không nhận được gì. Thọ dụng Chánh pháp của Thánh tuệ mạng thì không như thế.

Lại, việc thọ dục, thì khi thọ dụng dục, tức có lúc khởi ý vui thích, có lúc khởi ý buồn giận. Lại, đối với sự việc ấy, hoặc khi thì sinh hoan hỷ, hoặc khi thì sinh ưu sầu. Thọ dụng Chánh pháp của Thánh tuệ mạng thì không như vậy.

Lại, các thứ lìa dục ngoài tuệ mạng, đối với vô số “Kiến thú” tự phân biệt về xứ thắng giải tà vậy được đầy khởi, thì tâm ấy mãnh liệt, với đủ thứ loại chấp trước, luôn là chỗ theo đuổi của dục nhiễm, tuy đã lìa dục, nhưng lại thoái chuyển để đầy sinh. Thọ dụng Chánh pháp của Thánh tuệ mạng thì không như thế.

Lại, người thọ dục cùng những người đã lìa dục thế gian, với các dục lạc hiện có và dục lạc đã lìa, thấy đều không chân thật, đều là chôn theo đuổi của ma oán, như huyễn, như tiếng vang, như bóng, như dợn nắng, như sự việc thấy trong mộng, giống như huyễn tạo ra các vật dụng trang sức.

Lại, kẻ ngu tham đắm dục lạc, những kẻ thọ dục và những người đã lìa dục thế gian, phạm chỗ thọ dụng giống như điên cuồng, như kẻ suy loạn. Do chưa chế ngự được quân ma mà có thọ dụng, vì thế các lạc kia là không chân thật, cũng không thể ngăn chặn được việc ma hiện có. Thọ dụng Chánh pháp của Thánh tuệ mạng thì không như vậy.

Lại nữa, hữu tình trong ba cõi, với “thân của chỗ dựa”, nên quán xét như thế nào? Nghĩa là nó giống như ung nhọt nóng độc, là chỗ tùy thuộc của thô, trọng. Tức nơi thân này khi lạc thọ sinh, nên

quán ra sao? Nghĩa là xem nó như ung nhọt nóng độc tạm gặp được tiếp xúc lạnh. Tức nơi thân này lúc khổ thọ sinh, nên quán xét như thế nào? Nghĩa là xem nó như ung nhọt nóng độc đang bị tro nóng xát vào. Tức ở nơi thân ấy, lúc chẳng khổ chẳng lạc thọ sinh, nên quán xét ra sao? Nghĩa là xem nó như ung nhọt nóng độc lia mọi tiếp xúc lạnh nóng, trụ nơi chỗ nóng độc của tự tánh. Đức Bạc-già-phạm nói: “Nên biết, lạc thọ là hoại khổ nên khổ. Khổ thọ là khổ khổ nên khổ. Bất khổ bất lạc thọ là hành khổ nên khổ”. Lại nói: “Có hỷ của vị hữu ái. Có hỷ của vị lìa ái. Có hỷ của vị lìa ái thù thắng”. Các loại như vậy trong kinh đã nói rộng. Nên biết là rơi vào hai cõi.

Lại, Đức Bạc-già-phạm đã kiến lập lạc của tướng thọ diệt là bậc nhất trong các lạc. Đây là dựa vào trụ lạc, chẳng phải cho là thọ lạc. Lại nói có ba thứ lạc: là lạc do lìa tham lìa sân lìa si. Ba thứ lạc này chỉ trong cảnh giới vô lậu mới có thể đạt được. Vì thế lạc ấy gọi là lạc thường, thuộc về cảnh giới Vô lậu.

b. Lại nữa, thọ dụng về ăn uống: Nghĩa là thọ mạng của các hữu tình đã sinh sẽ sinh trong ba cõi nhờ đầy mà được an trụ. Ở đây nên biết, ba thứ thực là xúc, ý tư và thức đã khiến cho thọ mạng của hết thảy hữu tình nơi ba cõi được an trụ. Còn một loại đoạn thực thì chỉ khiến cho thọ mạng của hữu tình nơi cõi dục được an trụ.

Lại, hữu tình thọ sinh nơi nẻo Địa ngục, có đoạn thực vi tế. Nghĩa là trong phủ tạng của họ có gió lay động nhẹ. Do nhân duyên này nên chúng sinh ở cõi ấy được sống lâu.

Nơi nẻo Ngạ quỷ, Bàn sinh, Người, có đoạn thực thô, tức phân thành từng phần từng đoạn để ăn.

Lại, có cách thực vi tế. Nghĩa là hữu tình trụ nơi vị Yết-la-lam và chư thiên nơi cõi dục, do họ khi ăn xong, các phần đoạn thực hiện có đi vào khắp tất cả các chi tiết của phần thân, dần dần tiêu hóa, không có bài tiết.

c. Lại nữa, thọ dụng về dâm dục: Các hữu tình hiện có trong Địa ngục đều không có việc hành dâm. Vì sao? Vì các hữu tình ấy trong suốt mọi thời gian không gián đoạn phải luôn nhận chịu vô số sự khổ não dữ dội tội bậc. Do nhân duyên ấy, nên các hữu tình đó, hoặc nam đối với nữ, hoặc nữ đối với nam, đều không dấy khởi sự ham muốn về “khác giới tính”, huống hồ là việc hai bên lần lượt giao hợp.

Trong nẻo Nga quý, Bàng sinh, Người, do thân nương dựa hiện có, khổ vui xen lẫn, nên có dâm dục. Nam nữ hai bên lần lượt giao hợp, chất bất tịnh lưu xuất.

Chư thiên nơi cõi dục, tuy hành dâm dục nhưng không có chất bất tịnh lưu xuất, chỉ ở căn môn có hơi gió thoát ra, phiền não liền dứt. Chúng thiên nơi cõi trời Tứ Đại vương, khi hai bên giao hợp thì mọi bức xúc mới dứt. Chư thiên nơi cõi trời Ba mươi ba cũng giống như vậy. Chư thiên nơi cõi trời Thời Phần, hai bên chỉ ôm nhau, bức xúc liền diệt. Nơi cõi trời Lạc Hóa, hai bên cùng nhìn nhau cười thì bức xúc liền hết. Ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại, hai bên mắt cùng quay nhìn thì bức xúc liền dứt.

Lại, người nơi ba châu thâm nhận thê thiếp, bày biện việc cưới gả. Người nơi châu Bắc Câu-lô, do không có ngã sở nên không có sự thâm nhận, tất cả hữu tình nơi châu ấy đều không thâm nhận thê thiếp, cũng không có việc cưới gả, như người ở ba châu kia. Loài quý Đại lực và chư thiên nơi Dục giới cũng vậy, chỉ trừ hai cõi trời Lạc Hóa và Tha Hóa Tự Tại.

Lại, hết thảy Thiên chúng thuộc Dục giới đều không có thọ sinh từ thai. Chúng thiên nơi cõi trời Tứ Đại vương thì ở nơi vai của cha mẹ, hoặc ở trong lòng, như đứa bé năm tuổi thoát nhiên hóa ra. Ở cõi trời Ba mươi ba thì như đứa bé sáu tuổi. Nơi cõi trời Thời Phần thì như đứa bé bảy tuổi. Cõi trời Tri Túc thì như đứa bé tám tuổi. Cõi

trời Lạc Hóa thì như đứa bé chín tuổi. Cõi trời Tha Hóa Tự Tại thì như đứa bé mười tuổi.

6. Lại nữa, kiến lập về sinh (đời sống): Nghĩa là có ba thứ dục sinh: Hoặc có chúng sinh hiện trụ nơi dục trần. Do hiện trụ nơi dục trần ấy nên giàu sang tự tại. Tức tất cả loài người và chư thiên nơi cõi trời Tứ Đại vương, đến cõi trời Tri túc. Đây gọi là dục sinh thứ nhất.

Hoặc có chúng sinh biến hóa ra dục trần. Do dục trần được biến hóa ấy nên giàu sang tự tại. Tức chư thiên nơi cõi trời Lạc Hóa. Do họ vì tự mình nên hóa ra dục trần, chẳng phải vì người khác. Chỉ tự biến hóa các thứ dục trần, nên phú quý tự tại. Đây gọi là dục sinh thứ hai.

Hoặc có chúng sinh do người khác hóa hiện dục trần. Do chỗ hóa hiện các dục trần của người khác ấy nên họ được giàu sang tự tại, tức là chư thiên nơi cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Do chư thiên của cõi trời đó, vì nhân duyên của chính mình cũng có thể biến hóa, vì nhân duyên của người khác, cũng có thể biến hóa. Nên đối với việc tự biến hóa không cho là kỳ lạ, dùng dục trần do kẻ khác biến hóa, nhân đấy được phú quý tự tại, vì thế cõi ấy được gọi là Trời Tha Hóa Tự Tại. Chẳng phải chư thiên nơi cõi trời này chỉ thọ dụng dục trần do “tha hóa”, mà cũng có thọ dụng dục trần do tự mình biến hóa. Đó gọi là dục sinh thứ ba.

Lại có ba thứ lạc sinh: Hoặc có chúng sinh dùng hỷ lạc ly sinh để “tươi tắm” làm sạch thân mình. Tức chư thiên nơi địa tĩnh lự thứ nhất. Đó gọi là lạc sinh thứ nhất.

Hoặc có chúng sinh dùng hỷ lạc do định sinh để “tươi tắm” làm sạch trong sạch thân mình. Tức là chư thiên nơi địa tĩnh lự thứ hai. Đây gọi là lạc sinh thứ hai.

Hoặc có chúng sinh dùng lạc do lìa hỷ để “tươi tắm” làm sạch mát thân mình. Tức chư thiên nơi địa tĩnh lự thứ ba. Đây gọi là lạc sinh thứ ba.

Hỏi: Do đâu mà kiến lập ba thứ dục sinh và ba thứ lạc sinh?

Đáp: Do ba thứ cầu đạt: Một là cầu dục. Hai là cầu hữu. Ba là cầu phạm hạnh.

Nghĩa là như các Sa-môn hoặc Bà-la-môn rơi vào cầu dục, thì tất cả đều là ba thứ dục sinh, lại không tăng hơn. Nếu các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn rơi vào cầu hữu thì phần nhiều là cầu lạc, do tham lạc, nên tất cả đều là ba thứ lạc sinh. Do các thế gian là xứ sinh tịch tĩnh không khổ không lạc, số người phát khởi sự tìm cầu hết sức ít ỏi, nên từ đây trở lên không lập làm sinh (đời sống, sinh hoạt). Nếu các Sa-môn hoặc Bà-la-môn thực hiện cầu phạm hạnh, thì hết thấy đều cầu nơi cõi vô lậu. Hoặc có một loại rơi vào chỗ cầu phạm hạnh tà vậy, là cầu cảnh giới bất động nơi xứ không vô biên, xứ thức vô biên, xứ vô sở hữu, xứ phi tướng phi phi tướng, khởi phân biệt sai lạc cho là giải thoát. Nên biết đây là cầu phạm hạnh hữu thượng. Cầu phạm hạnh vô thượng là cầu cảnh giới vô lậu.

7. Lại nữa, kiến lập về tự thể: Nghĩa là về các chúng sinh hiện có trong ba cõi, thì có bốn thứ đạt được tự thể sai biệt.

Hoặc có trường hợp đạt được tự thể, do tự mình hại, không do kẻ khác hại. Nghĩa là có cõi trời thuộc Dục giới tên là Du Hý Vong Niệm. Thiên chúng ở cõi ấy có lúc tham đắm nơi vô số thứ hý lạc, nổi tiếp trụ lâu ở đấy. Do trụ lâu nên quên mất sự nhớ nghĩ. Vì mất niệm nên từ cõi ấy chết mất. Hoặc lại có cõi trời tên là Ý Phần. Chư thiên nơi cõi đó có khi lần lượt đảo mắt nhìn nhau. Do cùng nhìn nên ý giận dữ càng tăng. Ý giận dữ tăng, nên từ cõi đó chết mất.

Hoặc có chúng sinh đạt được tự thể do kẻ khác hại, chẳng phải do tự mình hại. Tức là chúng sinh ở nơi các phần vị Yết-la-lam, Át-bộ-đàm, Bê-thi, Kiện-nam, cùng chúng sinh hiện có trong thai mẹ.

Hoặc có loại đạt được tự thể, cũng do tự mình hại, cũng do kẻ khác hại. Tức các chúng sinh kia ở nơi vị đã sinh, các căn đầy đủ, thành tựu.

Hoặc có loại đạt được tự thể, cũng không phải tự mình hại, cũng không phải do kẻ khác hại. Nghĩa là các loại như chư thiên nơi cõi sắc, vô sắc, tất cả nẻo địa ngục, nẻo quỷ tương tự địa ngục, sứ giả của Như Lai trụ nơi thân sau cùng, hành định từ, định diệt hoặc định vô tránh, hoặc ở “trung hữu”.

8. Lại nữa, thế nào là kiến lập nhân, duyên, quả? Tức lược nêu có bốn thứ:

- (1) Do tướng.
- (2) Do chốn nương dựa.
- (3) Do sự sai biệt.
- (4) Do kiến lập.

Về tướng của nhân v.v...: Nghĩa là nếu do cái này làm trước, thì cái này được kiến lập. Cái này hòa hợp nên pháp kia sinh. Hoặc đạt được, hoặc thành tựu, hoặc đầy đủ, hoặc tác dụng. Đây được gọi là nhân.

Hỏi: Lấy cái gì làm trước? Cái gì để kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp nào được sinh?

Đáp: Chủng tử của tự thể làm trước. Trừ chỗ dựa của chủng tử, phần còn lại, hoặc có sắc hoặc không sắc, chỗ dựa và nghiệp được kiến lập. Trợ bạn và đối tượng duyên là hòa hợp. Theo chỗ ứng hợp, các pháp hoặc hệ thuộc ba cõi dục, sắc, vô sắc cùng không hệ thuộc được sinh.

Hỏi: Lấy cái gì làm trước? Cái gì được kiến lập? Cái gì hòa hợp? Nên đạt được pháp gì?

Đáp: Chủng tánh của Thanh văn, Độc giác, Như Lai là làm trước. Lực của nội phần được kiến lập. Lực của ngoại phần là hòa hợp. Pháp đạt được là thoát khỏi sự trói buộc của phiền não, chứng đắc Niết-bàn.

Lực của nội phần: Tức là tác ý như lý, ít dục, biết đủ, các pháp thiện bên trong, cùng đạt được thân người, sinh nơi xứ Thánh, các căn đầy đủ, sự nghiệp không bị trở ngại, ở nơi chốn thiện, sinh tin tưởng thanh tịnh sâu xa. Các pháp như vậy gọi là lực của nội phần.

Lực của ngoại phần: Nghĩa là chư Phật xuất hiện nơi thế gian, nêu giảng pháp diệu, giáo pháp luôn tồn tại, người trụ nơi Chánh pháp, tùy thuận theo đây mà chuyển. Người gồm đủ Bi, Tín được xem là hàng thí chủ. Các pháp như thế gọi là lực của ngoại phần.

Hỏi: Lấy cái gì làm trước? Cái gì là kiến lập? Cái gì hòa hợp nên pháp gì thành tựu?

Đáp: Thắng giải của đối tượng nhận thức được yêu thích là làm trước. Tông, nhân, dụ là kiến lập. Các luận thiện dịch (khéo biện biệt, phản bác) không mâu thuẫn làm hòa hợp. Nghĩa được xác lập là thành tựu.

Hỏi: Lấy cái gì làm trước? Cái gì là kiến lập? Cái gì là hòa hợp? Pháp nào được đầy đủ?

Đáp: Trí công xảo làm trước. Theo chỗ siêng năng chịu khó của trí ấy làm kiến lập. Các vật dụng nơi nghề nghiệp công xảo làm hòa hợp. Xứ nghiệp công xảo được đầy đủ.

Lại, ái là làm trước. Chúng sinh ăn uống, an trụ, theo chỗ nương dựa làm kiến lập bốn loại ăn làm hòa hợp, nên chúng sinh thọ sinh được an trụ đầy đủ, sung mãn.

Hỏi: Do cái gì làm trước? Cái gì là kiến lập? Cái gì là hòa hợp, nên pháp gì làm tác dụng?

Đáp: Chủng tử của tự thể làm trước. Tức sự sinh ấy làm kiến lập. Duyên của sự sinh ấy là hòa hợp. Các pháp của tự nghiệp là tác dụng có thể nhận biết.

Những gì gọi là tác dụng của tự nghiệp? Nghĩa là như mắt thì lấy sự thấy làm nghiệp. Như vậy nên biết các căn còn lại mỗi căn đều có tác dụng của tự nghiệp.

Lại, đất có thể giữ gìn. Nước có thể làm cho vật thối rữa. Lửa có thể thiêu đốt, gió có thể làm cho khô ráo. Các loại như thế nên biết là sự sai biệt bên ngoài của tự nghiệp.

Về chỗ dựa của nhân v.v...: Tức gồm mười lăm loại: (1) Lời nói. (2) Lãn nhận. (3) Tập khí. (4) Chúng tử được nhuần thấm. (5) Diệt vô gián. (6) Cảnh giới. (7) Căn. (8) Tác dụng. (9) Sĩ dụng (tác dụng của con người). (10) Thấy chân thật. (11) Tùy thuận. (12) Công năng sai biệt. (13) Hòa hợp. (14) Chướng ngại. (15) Không chướng ngại.

Về sự sai biệt của nhân v.v...: Nghĩa là mười nhân, bốn duyên, năm quả.

Những gì là mười nhân? Đó là: (1) Nhân tùy thuyết. (2) Nhân quán đãi. (3) Nhân khiên dẫn. (4) Nhân sinh khởi. (5) Nhân nhiếp thọ. (6) Nhân dẫn phát. (7) Nhân định dị. (8) Nhân đồng sự. (9) Nhân tương vi. (10) Nhân bất tương vi.

Bốn duyên: (1) Duyên nhân. (2) Duyên đẳng vô gián. (3) Duyên sở duyên. (4) Duyên tăng thượng.

Năm quả: (1) Quả dị thực. (2) Quả đẳng lưu. (3) Quả ly hệ. (4) Quả sĩ dụng. (5) Quả tăng thượng.

Về chỗ kiến lập của nhân v.v...: Nghĩa là nương nơi chỗ dựa của nhân ngôn ngữ để thiết lập Nhân tùy thuyết. Vì sao? Vì do nơi pháp thuộc về ba cõi dục, sắc, vô sắc và pháp không hệ thuộc ba cõi để thiết lập, gọi là trước nên tưởng chuyển. Tưởng là trước nên theo ngôn ngữ chuyển. Do ngôn ngữ nên tùy theo chỗ thấy nghe hiểu biết, dấy khởi các thứ ngôn thuyết. Do đấy, dựa nơi lời nói, dựa vào nơi chốn để thiết lập Nhân tùy thuyết.

Nương nơi chỗ dựa của nhân lãnh nhận để thiết lập Nhân quán đãi. Vì sao? Vì do các hữu tình. Các hữu tình dục cầu lạc hệ thuộc cõi dục, kia quán xét đây đối đãi, đối với các vật dụng của dục, hoặc là cầu được, hoặc là tích tập, hoặc là thọ dụng. Các hữu tình dục cầu lạc hệ thuộc nơi cõi sắc, vô sắc, kia quán xét đây đối đãi, đối với các duyên ấy, hoặc là cầu được, hoặc là thọ dụng. Các hữu tình dục cầu lạc không hệ thuộc ba cõi, kia quán xét đây đối đãi, đối với các duyên ấy, hoặc là cầu được, hoặc là thọ dụng. Các hữu tình không dục khổ, kia quán xét đây đối đãi, đối với các sinh duyên ấy, đối với các đoạn duyên ấy, hoặc là xa lìa, hoặc là cầu được, hoặc là thọ dụng. Do đấy, nương nơi chỗ dựa của lãnh nhận để thiết lập Nhân quán đãi.

Nương nơi chỗ dựa của nhân tập khí để thiết lập Nhân khiên dẫn. Vì sao? Vì nghiệp tịnh, bất tịnh huân tập các hành trong ba cõi. Ở trong cõi yêu thích không yêu thích dẫn dắt đến tự thể yêu thích không yêu thích. Lại, tức do lực tăng thượng này nên vật bên ngoài có thanh, suy. Vì thế nương nơi chỗ dựa của tập khí thuộc nghiệp tịnh, bất tịnh của các hành, để thiết lập Nhân khiên dẫn.

Nương vào chỗ dựa của nhân chủng tử được nhuần thấm để thiết lập Nhân sinh khởi. Vì sao? Vì do pháp hệ thuộc nơi ba cõi đều từ chủng tử của tự thể sinh. Ái là chủ thể làm nhuần thấm. Chủng tử là đối tượng được làm nhuần thấm. Do các chủng tử của đối tượng được nhuần thấm này, nên chỗ dẫn dắt trước đều có tự thể riêng sẽ được sinh khởi. Như kinh nói: Nghiệp là nhân cảm sinh. Ái là nhân sinh khởi. Vì thế nương nơi chỗ dựa của chủng tử được nhuần thấm để thiết lập Nhân sinh khởi.

Nương vào chỗ dựa của nhân diệt vô gián, cùng nương nơi chỗ dựa của nhân thấy chân thật, sử dụng, tác dụng, căn, cảnh giới để thiết lập Nhân nhiếp thọ. Vì sao? Vì do các pháp hệ thuộc cõi dục đã được diệt vô gián thân nhận, cảnh giới thân nhận, căn thân nhận, tác dụng thân nhận, sử dụng thân nhận, nên các hành chuyển biến. Như

các pháp hệ thuộc cõi dục, các pháp hệ thuộc hai cõi sắc, vô sắc cũng vậy. Hoặc do thấy chân thật thâm nhận, nên pháp không hệ thuộc nơi ba cõi còn lại chuyển biến. Vì vậy, nương nơi chỗ dựa của sự thấy chân thật về sĩ dụng, tác dụng, căn, cảnh giới của diệt vô gián, để thiết lập Nhân nhiếp thọ.

Nương vào chỗ dựa của nhân tùy thuận, để thiết lập Nhân dẫn phát. Vì sao? Do pháp thiện thuộc cõi dục, có thể dẫn sinh các pháp thiện thù thắng thuộc cõi dục. Pháp thiện thuộc cõi dục như vậy, có thể dẫn sinh pháp thiện thuộc cõi sắc, vô sắc và pháp thiện không hệ thuộc ba cõi, do tùy thuận nơi các cõi kia. Như pháp thiện thuộc cõi dục, pháp thiện thuộc cõi sắc, có thể dẫn sinh các pháp thiện thù thắng thuộc cõi sắc, cùng pháp thiện thuộc cõi vô sắc và pháp thiện không hệ thuộc cõi sắc. Như pháp thiện thuộc cõi sắc, pháp thiện thuộc cõi vô sắc có thể dẫn sinh các pháp thiện thù thắng thuộc cõi vô sắc cùng pháp thiện không hệ thuộc cõi này. Như pháp thiện thuộc cõi vô sắc, pháp thiện không hệ thuộc ba cõi có thể dẫn sinh các pháp thiện thù thắng không hệ thuộc ba cõi, và có thể dẫn phát sự tác chứng vô vi.

Lại, pháp bất thiện có thể dẫn sinh các pháp bất thiện nổi bật. Như dục tham có thể dẫn sinh sân, si, mạn, kiến, nghi, các hành ác nơi thân, ngữ, ý. Cũng như dục tham, sân si mạn kiến nghi, nên biết, theo chỗ thích ứng đều kết hợp đầy đủ.

Như vậy, pháp vô ký có thể dẫn sinh pháp thiện, bất thiện, vô ký, như chủng tử thiện bất thiện vô ký nơi thức A-lại-da.

Lại, pháp vô ký có thể dẫn sinh pháp vô ký nổi bật. Như đoạn thực có thể dẫn hữu tình thọ sinh, khiến trụ khiến an, uy lực tăng trưởng, do tùy thuận nơi cảnh giới kia. Vì thế nương nơi chỗ dựa tùy thuận để thiết lập Nhân dẫn phát.

Nương vào chỗ dựa của nhân công năng sai biệt để thiết lập Nhân định dị. Vì sao? Do tự tánh của các pháp thuộc cõi dục, công

năng có sai biệt, nên có thể sinh ra vô số công năng của tự tánh. Như pháp thuộc cõi dục, pháp thuộc hai cõi sắc, vô sắc và pháp không thuộc về ba cõi cũng vậy. Như thế, nương vào chỗ dựa của công năng sai biệt để thiết lập Nhân định dị.

Nương vào chỗ dựa của nhân hòa hợp để thiết lập Nhân đồng sự. Vì sao? Vì chính là do đạt được sự hòa hợp tự sinh, nên pháp thuộc cõi dục sinh. Như pháp thuộc cõi dục, pháp thuộc hai cõi sắc, vô sắc và pháp không hệ thuộc ba cõi, cũng vậy. Như sinh hòa hợp, thì các thứ đạt được, thành tựu, đầy đủ, tác dụng cũng vậy. Vì thế nương nơi chỗ dựa của hòa hợp để thiết lập Nhân đồng sự.

Nương vào chỗ dựa của nhân chướng ngại để thiết lập Nhân tương vi. Vì sao? Vì do pháp thuộc cõi dục sắp được sinh. Nếu có chướng ngại hiện tiền thì không thể sinh. Như pháp thuộc cõi dục, pháp thuộc hai cõi sắc, vô sắc cùng pháp không hệ thuộc ba cõi cũng vậy. Như về sinh, các thứ đạt được, thành tựu, đầy đủ, tác dụng cũng thế. Do đây, nương vào chỗ dựa của chướng ngại để thiết lập Nhân tương vi.

Nương vào chỗ dựa của nhân không chướng ngại để thiết lập Nhân bất tương vi. Vì sao? Vì do pháp thuộc cõi dục sắp được sinh, nếu không có chướng ngại hiện tiền, bấy giờ liền sinh. Như pháp thuộc cõi dục, pháp thuộc hai cõi sắc, vô sắc và pháp không hệ thuộc ba cõi cũng thế. Như về sinh, các thứ đạt được, thành tựu, đầy đủ, tác dụng cũng vậy. Cho nên nương vào chỗ dựa không chướng ngại để thiết lập Nhân bất tương vi.

Lại nữa, nương vào chỗ dựa của duyên chủng tử để thiết lập Duyên nhân. Nương vào chỗ dựa của duyên diệt vô gián để thiết lập Duyên đẳng vô gián. Nương vào chỗ dựa của duyên cảnh giới để thiết lập Duyên sở duyên. Nương vào chỗ dựa của duyên còn lại để thiết lập Duyên tăng thượng.

Lại nữa, nương vào chỗ dựa của nhân duyên tùy thuận tập khí để thiết lập Quả dị thực và Quả đẳng lưu. Nương vào chỗ dựa của nhân duyên thấy chân thật, để thiết lập Quả ly hệ. Nương vào chỗ dựa của nhân duyên sử dụng, để thiết lập Quả sử dụng. Nương vào chỗ dựa của nhân duyên còn lại, để thiết lập Quả tăng thượng.

Lại nữa, nghĩa thuận hợp tăng ích là nghĩa của nhân. Nghĩa kiến lập là nghĩa của duyên. Nghĩa thành tựu đầy đủ là nghĩa của quả.

Lại, kiến lập nhân có năm thứ tướng: (1) Nhân năng sinh. (2) Nhân phương tiện. (3) Nhân câu hữu. (4) Nhân vô gián diệt. (5) Nhân cứu viễn diệt.

Nhân năng sinh: Nghĩa là nhân sinh khởi.

Nhân phương tiện: Là nhân còn lại.

Nhân câu hữu: Là một phần của nhân nhiếp thọ. Như mắt đối với nhãn thức, tai v.v... đối với các thức còn lại cũng vậy.

Nhân vô gián diệt: Tức là nhân sinh khởi.

Nhân cứu viễn diệt: Là nhân khiên dẫn.

Lại, kiến lập nhân có năm thứ tướng: (1) Nhân khả ái. (2) Nhân chẳng khả ái. (3) Nhân tăng trưởng. (4) Nhân lưu chuyển. (5) Nhân hoàn diệt.

Lại, kiến lập nhân có bảy thứ tướng: Nghĩa là pháp vô thường là nhân. Không có pháp thường có thể làm nhân của pháp. Tức, hoặc là nhân sinh. Hoặc là nhân đắc. Hoặc là nhân thành lập. Hoặc là nhân thành tựu đầy đủ. Hoặc là nhân tác dụng.

Lại, tuy pháp vô thường là nhân của pháp vô thường, nhưng cùng với tha tánh làm nhân, cũng cùng với tự tánh sau làm nhân, chẳng phải tức sát-na ấy.

Lại, tuy cùng với tha tánh làm nhân, và cùng với tự tánh sau làm nhân, nhưng đã sinh, chưa diệt mới có thể làm nhân, chẳng phải là chưa sinh, đã diệt.

Lại, tuy đã sinh, chưa diệt, có thể làm nhân, nhưng đạt được duyên khác mới làm nhân được, chẳng phải là không đạt được.

Lại, tuy đạt được duyên khác, nhưng trở thành biến dị mới có thể làm nhân, không phải là chưa trở thành biến dị.

Lại, tuy trở thành biến dị, tất cùng với công năng tương ưng mới có thể làm nhân, chẳng phải là mất công năng.

Lại, tuy cùng với công năng tương ưng, nhưng phải là tương xứng, tùy thuận mới có thể làm nhân, chẳng phải là không tương xứng tương thuận.

Do bảy thứ tướng như vậy, nên biết, tùy chỗ ứng hợp mà kiến lập các nhân.

II. Thế nào là nêu bày kiến lập về tướng? Kệ nói:

*Thể, sở duyên, hành tướng
Đẳng khởi cùng sai biệt
Quyết trạch và lưu chuyển
Lược biện tướng, nên biết.*

Nên biết tướng này lược nêu có 7 thứ:

1. Thể tánh.
2. Đối tượng duyên (Sở duyên).
3. Hành tướng.
4. Đẳng khởi.
5. Sai biệt.
6. Quyết trạch.
7. Lưu chuyển.

Ở đây:

1. Thể tánh của tâm tứ: Nghĩa là không suy lường sâu về đối tượng duyên, thì tư là thể tánh. Nếu suy lường sâu về đối tượng duyên, nên biết tuệ là thể tánh.

2. Đối tượng duyên của tâm tứ: Tứ dựa nơi nghĩa của danh thân, cú thân, văn thân làm đối tượng duyên.

3. Hành tướng của tâm tứ: Nghĩa là tức ở nơi đối tượng duyên ấy có hành tướng tìm cầu, là tầm. Tức đối với đối tượng duyên ấy, có hành tướng quán xét là tứ.

4. Đẳng khởi của tâm tứ: Tức là phát khởi ngôn ngữ.

5. Sai biệt của tâm tứ: Có bảy thứ sai biệt. Nghĩa là có tướng không tướng, cho đến không nhiễm ô, như trước đã nêu.

6. Quyết trạch của tâm tứ: Hoặc tầm tứ tức là phân biệt chăng? Hoặc phân biệt tức là tầm tứ chăng? Nghĩa là các tầm tứ tất là phân biệt. Hoặc có phân biệt chẳng phải là tầm tứ: Tức đối chiếu với trí xuất thế. Hết thấy tâm, tâm sở còn lại trong ba cõi đều là phân biệt mà không phải là tầm tứ.

7. Lưu chuyển của tâm tứ: Nếu là tầm tứ của địa ngục, thì hành những gì? Tiếp xúc với gì? Dẫn phát gì? Tương ưng với gì? Cần tìm cái gì? Nghiệp chuyển ra sao? Như nơi nẻo Địa ngục, các nẻo Bàn sinh, Ngạ quỷ, Người, chư thiên thuộc Dục giới, địa tỉnh lự thứ nhất, với tầm tứ hiện có, cũng được xét đến theo các điểm vừa nêu nơi nẻo địa ngục.

Tầm tứ của nẻo Địa ngục: Hành chi là lo lắng. Tiếp xúc chẳng phải là cảnh yêu thích. Dẫn phát nơi khổ. Tương ưng với ưu sầu. Thường cầu thoát khổ. Nghiệp chuyển làm rối loạn tâm.

Như tầm tứ của Địa ngục toàn bộ là thọ khổ, tầm tứ của Ngạ quỷ cũng vậy.

Tâm tứ hiện có của Bàn sinh, nẻo Người, Ngạ quỷ Đại lực, phần nhiều là hành lo lắng, phần ít là hành vui vẻ. Phần nhiều tiếp xúc cảnh không yêu thích, phần ít tiếp xúc cảnh đáng yêu thích. Phần nhiều dẫn sinh khổ, phần ít dẫn sinh lạc. Phần nhiều tương ưng với sầu lo, phần ít tương ưng với hỷ. Phần nhiều cầu thoát khổ, phần ít cầu gặp vui. Nghiệp chuyển làm rối loạn tâm.

Chư thiên thuộc Dục giới, với tâm tứ hiện có, phần nhiều hành vui vẻ, phần ít hành lo lắng. Phần nhiều tiếp xúc cảnh đáng yêu thích, phần ít tiếp xúc với cảnh không yêu thích. Phần nhiều dẫn sinh lạc, phần ít dẫn sinh khổ. Phần nhiều tương ưng với hỷ, phần ít tương ưng với ưu sầu. Phần nhiều cầu gặp vui, phần ít cầu thoát khổ. Nghiệp chuyển làm rối loạn tâm.

Tâm tứ hiện có của chư thiên địa tĩnh lự thứ nhất: Hành toàn là vui vẻ. Tiếp xúc bên trong hoàn toàn là cảnh giới đáng yêu thích. Dẫn sinh, tương ưng, toàn bộ là lạc, hỷ. Chỉ cầu không lìa lạc. Nghiệp chuyển không làm rối loạn tâm.

III. Thế nào là nêu bày kiến lập về tác ý như lý? Kệ viết:

*Y xít cùng với sự
Cầu, thọ dụng, chánh hành
Hai tư lương Bồ-đề
Phương tiện đến bờ kia.*

Nên biết kiến lập lược nêu có 8 tướng: Nghĩa là do:

1. *Chỗ dựa (y xít).*
2. *Sự việc.*
3. *Cầu.*
4. *Thọ dụng.*
5. *Chánh hành.*
6. *Phương tiện – tư lương (hành trang) của Thừa Thanh văn.*

7. *Phương tiện – tư lương của Thừa Độc giác.*

8. *Phương tiện Ba-la-mật-đa dẫn phát.*

Ở đây:

1. *Chỗ dựa của tâm tứ tác ý như lý tương ưng:* Có sáu thứ chỗ dựa: (1) Thời quyết định. (2) Thời dừng dứt. (3) Thời tạo nghiệp. (4) Thời thể gian lia dục. (5) Thời xuất thể gian lia dục. (6) Thời tạo lợi ích cho chúng sinh.

2. *Sự việc của tâm tứ tác ý như lý tương ưng:* Tức có tám sự việc: (1) Sự việc do tác dụng của phước do Thí tạo thành. (2) Sự việc do tác dụng của phước do Giới tạo thành. (3) Sự việc do tác dụng của phước do Tu tạo thành. (4) Sự việc do Văn tạo thành. (5) Sự việc do Tư tạo thành. (6) Sự việc do Tu tạo thành. (7) Sự việc do Lựa chọn tạo thành. (8) Sự việc do Tạo lợi ích cho hữu tình tạo thành.

3. *Câu của tâm tứ tác ý như lý tương ưng:* Nghĩa là như có một hữu tình không dùng phi pháp, cùng không hung hiểm tìm cầu của cải, vật dụng.

4. *Thọ dụng của tâm tứ tác ý như lý tương ưng:* Tức như người kia tìm cầu của cải rồi, không nhiễm, không trụ, không đắm, không buộc, không bực, không chấp, cũng không bo bo giữ chặt, thấy sâu chỗ lỗi lầm, biết rõ về nẻo xuất ly, mà thọ dụng của cải ấy.

5. *Chánh hành của tâm tứ tác ý như lý tương ưng:* Như có một hữu tình biết rõ về cha mẹ, các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, gia trưởng v.v... nên cung kính cúng dường, tạo lợi ích, phụng sự, nơi chỗ tạo tội của đời này đời sau, thấy biết nên vô cùng sợ hãi, do đó hành thí, làm phước, thọ trì trai giới.

6. *Phương tiện – tư lương của thừa Thanh văn:* Sẽ nói rộng trong phần bàn về Địa Thanh văn.

7. Phương tiện – tư lương của thừa Độc giác: Sẽ nói rộng trong Địa Độc giác.

8. Phương tiện Ba-la-mật-đa dẫn phát: Sẽ nói rộng trong phần bàn về Địa Bò-tát.

Lại nữa, *thí chủ có bốn thứ tướng:* (1) Có dục lạc. (2) Không riêng về bè nhóm. (3) Trừ bỏ thiếu thốn. (4) Có đủ chánh trí.

Người đầy đủ giới cũng có bốn tướng: (1) Có dục lạc. (2) Tạo thành cầu đường. (3) Không hiện hành. (4) Gồm đủ chánh trí.

Tu tập thành tựu cũng có bốn tướng: (1) Dục giải thanh tịnh. (2) Thâu dẫn thanh tịnh. (3) Định thắng giải thanh tịnh. (4) Trí thanh tịnh.

Lại, người thọ nhận bố thí có sáu loại: (1) Do cầu học nên thọ thí. (2) Do mạng sống nên thọ thí. (3) Do nghèo thiếu nên thọ thí. (4) Do từ bỏ nên thọ thí. (5) Do kìm chế sự chơi bời nên thọ thí. (6) Do tham đắm nên thọ thí.

Lại có tám thứ tổn não: (1) Tổn não do đói. (2) Tổn não do khát. (3) Tổn não do ăn thức ăn thô. (4) Tổn não do mệt mỏi. (5) Tổn não do lạnh. (6) Tổn não do nóng. (7) Tổn não do không có ngăn che. (8) Tổn não do có ngăn che.

Lại có sáu thứ tổn não: (1) Câu sinh. (2) Chỗ mong muốn bị thiếu. (3) Bị bức bách. (4) Thời tiết thay đổi. (5) Bị thất thoát. (6) Sự nghiệp bị đình trệ, bỏ dở.

Lại có sáu thứ tạo lợi ích: (1) Tạo lợi ích do hành trì. (2) Tạo lợi ích do dũng mãnh, không tổn hại. (3) Tạo lợi ích do che chở, cứu giúp. (4) Tạo lợi ích do hương xoa. (5) Tạo lợi ích do y phục. (6) Tạo lợi ích do cùng trụ.

Lại có bốn thứ chẳng phải là tướng của bậc thiện hữu: (1) Không bỏ tâm oán. (2) Dẫn phát điều không yêu thích. (3) Ngăn chặn chỗ yêu thích. (4) Dẫn khởi chỗ không thích hợp.

Trái với bốn tướng trên, nên biết tức là *bốn tướng của bậc thiện hữu*.

Lại có ba thứ thâm dẫn: (1) Thâm dẫn vật dụng nuôi sống. (2) Thâm dẫn có hỷ lạc. (3) Thâm dẫn lia hỷ lạc.

Lại có bốn thứ phụng sự tùy chuyển: (1) Phụng sự tùy chuyển những người không quen biết. (2) Phụng sự tùy chuyển những người thân quen. (3) Phụng sự tùy chuyển những vị được tôn trọng. (4) Phụng sự tùy chuyển các bậc gồm đủ phước tuệ.

Do bốn thứ phụng sự tùy chuyển này, nên biết, đã nương dựa vào bốn xứ để đạt được năm quả. *Những gì là bốn xứ?* Đó là: (1) Xứ không thâm nhận. (2) Xứ không xâm nã. (3) Xứ nên cúng dường. (4) Xứ đồng phạm tùy chuyển.

Dựa nơi bốn xứ này nên có thể chiêu cảm năm quả: (1) Chiêu cảm sự giàu có lớn. (2) Danh tiếng vang khắp. (3) Lia các phiền não. (4) Chúng đắc Niết-bàn. (5) Sinh vào nẻo thiện.

Lại, bậc thông tuệ có ba thứ tướng thông tuệ: (1) Đối với việc thiện thọ nhận hành trì. (2) Đối với việc thiện luôn quyết định. (3) Đối với việc thiện luôn kiên cố.

Lại có ba tướng: (1) Giới tăng thượng thọ học. (2) Tâm tăng thượng thọ học. (3) Tuệ tăng thượng thọ học.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 6

Địa thứ 3, 4, 5: ĐỊA CÓ TÂM CÓ TỬ, phần 3 (Phần Bản Địa)

IV. Lại nữa, thế nào là nêu bày kiến lập về tác ý không như lý? Kệ viết:

*Cho trong nhân có quả
 Hiện bày có khứ lai
 Ngã, thường, tạo nhân trước
 Tự tại, các pháp hại
 Biên, vô biên kiêu loạn
 Chấp không nhân, đoạn không
 Tịnh tối thắng, cát tường
 Do mười sáu dị luận.*

Do 16 thứ dị luận sai biệt đã làm rõ tác ý không như lý, nên biết. Những gì là mười sáu thứ?

1. Luận thuyết cho trong nhân có quả.
2. Luận thuyết từ duyên hiển bày.
3. Luận thuyết cho khứ, lai là thật có.
4. Luận thuyết chấp ngã.
5. Luận thuyết chấp thường.
6. Luận thuyết cho tạo nhân từ trước.

7. Luận thuyết cho Tự Tại v.v... là người tạo lập.
8. Luận thuyết cho hại là Chánh pháp.
9. Luận thuyết cho hữu biên vô biên.
10. Luận thuyết cho bất tử kiểu loạn.
11. Luận thuyết kiến chấp không nhân.
12. Luận thuyết kiến chấp đoạn.
13. Luận thuyết kiến chấp không.
14. Luận thuyết vọng chấp tối thắng.
15. Luận thuyết vọng chấp thanh tịnh.
16. Luận thuyết vọng chấp về an lành.

Ở đây:

1. Luận thuyết cho trong nhân có quả: Nghĩa là như có một chúng sinh, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, khởi kiến giải như vậy, lập luận như vậy: Cho trong mọi thời mọi lúc, ở trong các nhân đều có đủ tánh quả. Tức hai chúng ngoại đạo tạo kiến chấp như thế.

Hỏi: Do nhân duyên gì, các ngoại đạo ấy khởi kiến chấp như thế, lập luận như thế, hiển bày trong nhân có đủ tánh quả?

Đáp: Do Giáo và Lý.

Về Giáo: Tức tiên sư của các ngoại đạo đã tạo nên tạng giáo, theo chỗ nghe biết được trao truyền tới ngày nay, nêu rõ trong nhân trước hết có tánh quả.

Về Lý: Tức như Sa-môn hoặc Bà-la-môn kia, vì tánh tìm xét, vì tánh quan sát, nên trụ nơi Địa tầm tứ, trụ nơi Địa tự biện, trụ nơi Địa dị sinh, trụ nơi Địa hành theo tư duy quan sát. Người ấy suy nghĩ: Nếu từ nơi tánh kia thì tánh này được sinh, tất cả thế gian cùng biết cùng lập, tánh kia là nhân đây, chẳng phải cái nào khác.

Lại, cầu tìm quả, chỉ giữ lấy nhân này, chẳng phải cái khác.

Lại, tức ở nơi nhân ấy gia công tạo lập những sự việc được mong cầu, chẳng phải cái gì khác.

Lại, nếu quả kia tức từ nhân kia sinh, không từ cái khác sinh, vì thế quả kia đã có trong nhân. Nếu không như thế thì nên lập: Tất cả là tất cả nhân, vì cầu một quả nên giữ lấy tất cả. Nên ở nơi tất cả gia công tạo lập, do đấy từ tất cả, tất cả quả sinh. Như thế, do thiết lập nên cầu giữ lấy, vì chỗ làm quyết định, vì sự sinh, kẻ kia thấy trong nhân thường có tánh quả.

Nay xin hỏi: Điều ông mong muốn là gì? Thế nào là tướng của nhân? Cái gì là tướng của quả? Hai tướng nhân quả là khác hay chẳng khác? Nếu không tướng khác tức không có hai thứ nhân quả quyết định. Hai thứ nhân quả không sai biệt, nên cho trong nhân có quả là không hợp lý. Nếu có tướng khác thì ý ông thế nào? Tánh quả trong nhân là tướng chưa sinh hay là tướng đã sinh? Nếu là tướng chưa sinh thì ở trong nhân quả cũng chưa sinh mà nói là có tức không hợp lý. Nếu là tướng đã sinh, tức thể của quả đã sinh, lại nói từ nhân sinh là không hợp lý. Do đấy, trong nhân chẳng phải là trước có quả, nhưng chủ yếu là có nhân đợi duyên thì quả mới sinh.

Lại, pháp có tướng, ở trong pháp có tướng, do năm thứ tướng mới có thể biết rõ: (1) Ở nơi xứ sở có thể nhận biết được. Như nước trong vò, lu. (2) Ở chỗ dựa có thể nhận biết được. Như nhãn thức trong mắt. (3) Tức do tự tướng có thể nhận biết được. Như nhân nơi tự thể, không do so sánh. (4) Tức do nơi chỗ tự tạo nghiệp có thể nhận biết được. (5) Do nhân đối khác, nên quả thành đối khác. Hoặc do duyên đối khác, nên quả thành đối khác. Vì thế thuyết kia nói nơi mọi thời, mọi lúc, trong nhân có quả là không hợp lý. Do nhân duyên này, nên luận thuyết kia nêu lập không phải là như lý. Như vậy, tướng khác, chẳng phải tướng khác, tướng chưa sinh, tướng đã sinh, là không hợp đạo lý.

2. Luận thuyết từ duyên hiển bày: Nghĩa là như có một người, hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, khởi kiến giải như thế, lập luận như thế: Tánh của tất cả các pháp vốn là có, từ các duyên hiển bày, không từ duyên sinh. Đây tức là luận thuyết cho trong nhân có quả cùng luận thuyết về tướng của âm thanh, đã chấp như vậy.

Hỏi: Do nhân duyên nào, luận thuyết cho trong nhân có quả, thấy trong các nhân, trước hết có tánh quả, từ duyên hiển bày?

Đáp: Do nơi Giáo và Lý.

Về Giáo: Như trước đã nêu.

Về Lý: Nghĩa là như có một người, vì tánh tìm xét, vì tánh quan sát, nói rộng như trước. Kẻ ấy suy xét như vậy: “Quả trước là có, lại từ nhân sinh”, là không hợp lý. Tuy nhiên, chẳng phải là không dụng công để thành quả. Người kia lại do duyên gì mà tạo công dụng, đâu phải chỉ là hiển bày về quả? Người ấy nói như vậy là vọng phân biệt để lập luận hiển bày.

Xin hỏi: Điều ông nhằm đạt đến là gì? Là không có chướng duyên mà có chướng ngại, hay là có chướng duyên mà có chướng ngại? Nếu không chướng duyên thì không có duyên chướng ngại, mà nói có chướng ngại, là không hợp lý. Nếu có chướng duyên, thì thuộc về nhân của quả, vì sao không ngăn ngại? Do đồng là có, nên không đúng lý. Ví như bóng tối che nước trong bình thì cũng có thể che bình. Nên nếu nói chướng ngại duyên cũng chướng ngại nhân, thì lẽ ra cũng phải hiển bày nhân, vì cả hai đều bị chướng ngại. Nhưng nói chỉ hiển bày trong nhân trước có tánh quả, không hiển bày nhân, là không hợp đạo lý.

Lại xin hỏi: Là tánh có là chướng duyên, hay tánh quả là chướng duyên?

Nếu tánh có là chướng duyên: Tức tánh có thường không hiển bày. Điều này không hợp lý. Nhân cũng là có, sao không bị chướng ngại?

Nếu nói tánh quả là chướng duyên: Vậy thì một pháp cũng là nhân cũng là quả. Như mầm là quả của hạt giống, là nhân của cây cỏ. Đây tức một pháp, cũng hiển bày, cũng không hiển bày, điều này là không hợp lý.

Lại, nay xin hỏi ông, tùy ý ông trả lời: Pháp gốc so với phần hiển bày, là khác hay chẳng khác?

Nếu chẳng khác: thì pháp nên luôn hiển bày. Hiển bày rồi lại hiển bày nữa. Điều này không hợp lý.

Nếu nói là khác: thì sự hiển bày kia là không nhân hay là có nhân? Nếu nói không nhân: thì không nhân mà hiển bày, là không hợp đạo lý. Nếu cho là có nhân: thì tánh quả có thể hiển bày, chẳng phải là tánh nhân. Do không hiển bày nhân, lại có thể hiển bày quả, là không đúng với đạo lý. Như vậy, không chướng duyên, có chướng duyên, tướng có, tướng quả, hiển bày chẳng khác, hiển bày có khác, đều không hợp đạo lý. Do vậy, ông nói: Nếu pháp tánh là không tức không có tướng. Nếu pháp tánh có tức có tướng. Tánh nếu là không, thì không thể hiển bày. Tánh nếu là có mới có thể hiển bày: Tức không đúng với đạo lý. Tôi nay sẽ nói. Tuy lại là có nhưng không thể giữ lấy tướng. Nghĩa là hoặc có mà ở xa, nên tuy có mà không thể nắm giữ. Lại do bốn thứ chướng ngại, nhân nơi chướng nên không thể nắm giữ. Lại do quá nhỏ nên không thể nắm giữ. Hoặc do tâm bị tán loạn nên không thể nắm giữ. Hoặc do căn bị tổn hoại nên không thể nắm giữ. Hoặc do điều ấy chưa được tương ưng với trí nên không thể nắm giữ. Như luận thuyết “Nhân quả hiển bày” không hợp với đạo lý, nên biết luận thuyết về tướng của âm thanh cũng không đúng lý. Chỗ khác biệt ở đây là luận sư của ngoại thanh khởi kiến giải như thế, lập luận như thế: Cho tướng của âm thanh là thường trụ, không sinh không diệt, nhưng do phát ra mới được hiển bày. Vì thế luận thuyết này cũng như luận thuyết “Nhân quả hiển bày” chẳng phải là đúng lý.

3. Luận thuyết cho khứ, lai là thật có: Nghĩa là như có một người, hoặc Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc ở nơi pháp này, do không chánh tư duy, nên khởi kiến giải như thế, lập luận như vậy: Có quá khứ, có vị lai, tướng ấy thành tựu cũng như hiện tại thật có, chẳng phải giả.

Hỏi: Do nhân duyên gì, người ấy khởi kiến giải như thế, lập luận như thế?

Đáp: Do Giáo và Lý.

Về Giáo: Như trước đã nêu. Lại, người ở nơi pháp này, đối với kinh của Phật, không phân biệt đúng như lý. Tức như kinh nói: “Hết thủy có, tức mười hai xứ. Thật tướng của mười hai xứ ấy là có”. Lại, Đức Bạc-già-phạm nói: “Có nghiệp quá khứ”. Lại nói: “Có sắc quá khứ, có sắc vị lai, nói rộng cho đến thức cũng như vậy”.

Về Lý: Tức như có một người, vì tánh tìm xét, vì tánh quan sát, nói rộng như trước. Người ấy tư duy: Nếu tự tướng của pháp an trụ thì pháp ấy chân thật là có. Ở đây, nếu vị lai là không thì bây giờ lẽ ra chưa thọ nhận tướng. Ở đây, nếu quá khứ là không thì bây giờ lẽ ra phải mất tự tướng. Nếu như vậy thì tự tướng của các pháp lẽ ra không thành tựu. Do vậy cũng không chân thật, tức là không đúng lý. Vì suy nghĩ như vậy, nên khởi kiến giải như thế, lập luận như thế: Tánh tướng của quá khứ vị lai là thật có.

Nay xin hỏi: Điều ông muốn làm rõ là gì? Hai tướng quá khứ vị lai, so với tướng hiện tại, là một hay là khác? Nếu nói tướng là một: Tức lập tướng ba đời, không hợp lý. Nếu nói tướng là khác thì tánh tướng thật có, là không hợp lý.

Lại, ông nên nói theo ý muốn của mình, rơi vào pháp ba đời, là tướng thường hay là tướng vô thường. Nếu là tướng thường thì rơi vào ba đời, không đúng lý. Nếu là tướng vô thường, thì ở trong ba đời luôn là thật có, điều này cũng không đúng với đạo lý.

Lại, nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp. Vì cho pháp vị lai dẫn đến đời hiện tại chẳng? Hay là kẻ kia chết rồi, ở nơi đây sinh? Hay tức trụ nơi vị lai làm duyên sinh hiện tại chẳng? Là xưa không nghiệp, nay có nghiệp chẳng? Là tướng xưa không viên mãn, tướng nay viên mãn chẳng? Hay xưa tướng khác nay tướng khác chẳng? Là ở nơi vị lai có phần hiện tại chẳng?

Nếu cho tức pháp vị lai dẫn đến hiện tại: thì ở đây hẳn có phương hướng nơi chốn, lại cùng với hiện tại lẽ ra không sai biệt, lại phải nên là thường, là không đúng với đạo lý. Nếu nói vị lai chết rồi, hiện tại sinh, tức là vị lai không sinh ở đây, pháp của đời hiện tại xưa không nay sinh. Lại, vị lai chưa sinh mà nói chết mất là không đúng lý.

Nếu nói pháp trụ nơi vị lai, do pháp ấy làm duyên sinh hiện tại: thì pháp kia lẽ ra là thường. Lại, lẽ ra xưa không nay sinh, tức chẳng phải là pháp vị lai sinh, cũng không hợp với đạo lý. Nếu xưa không nghiệp dụng, nay có nghiệp dụng thì đó là xưa không nay có, nên có lỗi lầm như trước đã nêu, cũng là không đúng với đạo lý.

Lại, chỗ mong muốn của ông là gì? Nghiệp dụng này, so với pháp gốc kia là tướng có khác hay tướng không khác. Nếu là tướng có khác thì tướng của nghiệp dụng này nơi vị lai là không, không hợp đạo lý. Nếu là tướng không khác thì vốn không có nghiệp dụng, nay có nghiệp dụng, là không hợp đạo lý. Như không nghiệp dụng đã mắc phải lỗi lầm như thế, thì tướng viên mãn, tướng khác, tướng phần của vị lai nên biết cũng vậy. Sự sai biệt ở đây, đó là lại có lỗi lầm của tự tánh lẫn lộn nên không hợp đạo lý.

Vị lai hướng về hiện tại, như vậy, hiện tại đi tới quá khứ, ở chỗ ứng hợp của nó cũng mắc phải lỗi lầm, nên biết. Nghĩa là tức như chỗ chấp các nhân duyên ở trước và chỗ nêu giảng không hợp đạo lý. Như thế, thì tự tướng, cộng tướng, đi đến, qua đời, vì duyên sinh, vì nghiệp, vì tướng viên mãn, tướng khác, vị lai có phần. Luận thuyết nói thể của quá khứ vị lai thật có là không hợp đạo lý. Nên bày như

vậy, lại có vấn nạn: Nếu quá khứ, vị lai là không, vì sao duyên nơi không mà có nhận biết chuyển khởi? Nếu nói duyên nơi không mà có nhận biết chuyển khởi: thì tại sao không mắc lỗi lầm là trái với giáo pháp. Như nói tất cả có ấy là mười hai xứ, tôi nay hỏi ông, tùy ý ông trả lời: Thế gian nhận lấy cái biết về không, là đây khởi hay là không đây khởi? Nếu là không đây khởi thì chủ thể nhận lấy là vô ngã, những sự hiểu biết về sừng thỏ, cô gái đá v.v... đều phải là không, điều này không đúng lý. Lại như Đức Bạc-già-phạm nói: “Những vị Thanh văn không đua nịnh của Ta, như lời Ta đã giảng nói, nơi lúc chính thức tu hành, nếu có biết là có, nếu không biết là không”. Như vậy, nếu cho không đây khởi là không đúng lý. Nếu cho là có đây khởi, thì ý ông thế nào, ở đây nhận lấy cái biết về không là tạo có hành hay tạo không hành? Nếu là tạo có hành, thì nhận lấy cái biết về không, mà tạo có hành là không hợp đạo lý. Còn nếu tạo không hành thì ý ông thế nào? Cái biết của không hành này là duyên nơi sự có mà chuyển hay là duyên nơi sự không mà chuyển? Nếu duyên nơi sự có mà chuyển thì cái hiểu biết của không hành duyên nơi sự không mà chuyển, tức không duyên không hiểu biết là không hợp đạo lý.

Lại, tuy nói về tất cả có là mười hai xứ, nhưng ở nơi pháp có, mật ý là nói có tướng có. Ở nơi pháp không, mật ý là nói có tướng không. Vì sao? Vì nếu là pháp có tướng thì có thể giữ lấy tướng có. Nếu là pháp không tướng thì có thể giữ lấy tướng không. Do đó, cả hai đều gọi là pháp, đều gọi là có. Nếu khác với điều ấy thì những người tu hành chỉ nhận biết nơi có, chẳng nhận biết nơi không, nên chẳng phải là quán xét không gián đoạn về pháp của đối tượng được nhận thức, là không hợp với đạo lý.

Lại, tuy nói có nghiệp quá khứ, do vì nghiệp này, nên các hữu tình thọ nhận những thọ có tổn hại không tổn hại. Ở đây cũng dựa nơi tập khí kia, mật ý giả nói là có. Nghĩa là ở trong các hành, từng có nghiệp tịnh, bất tịnh, hoặc sinh hoặc diệt. Do nhân duyên này nên

hành kia đối khác, hơn hẳn, nối tiếp mà chuyển, đó gọi là tập khí. Do sự nối tiếp ấy đã thâm tóm tập khí, nên có quả yêu thích, không yêu thích sinh khởi, vì thế nơi tôi thì không lỗi, còn nơi ông thì không đúng đạo lý.

Lại nữa, tuy nói có sắc quá khứ, có sắc vị lai, có sắc hiện tại, như thế cho đến thức cũng vậy. Ở đây, cũng nương nơi ba thứ hành theo mật ý mà nêu bày, là tướng nhân, tướng riêng và tướng quả. Nương nơi tướng nhân ấy, mật ý nói có vị lai. Nương nơi tướng riêng ấy, mật ý nói có hiện tại. Dựa vào tướng quả ấy, mật ý nói có quá khứ. Vì thế không lỗi lầm.

Lại, không nên nói quá khứ vị lai là tướng thật có. Vì sao? Vì nên biết vị lai có 12 thứ tướng: (1) Tướng do nhân hiển bày. (2) Tướng của thể chưa sinh. (3) Tướng đợi các duyên. (4) Tướng của chủng loại đã sinh. (5) Tướng của pháp có thể sinh. (6) Tướng của pháp không thể sinh. (7) Tướng tạp nhiễm chưa sinh. (8) Tướng thanh tịnh chưa sinh. (9) Tướng nên mong cầu. (10) Tướng không nên mong cầu. (11) Tướng nên quan sát. (12) Tướng không nên quan sát.

Nên biết hiện tại cũng có 12 thứ tướng: (1) Tướng do quả hiển bày. (2) Tướng của thể đã sinh. (3) Tướng của các duyên hội hợp. (4) Tướng của chủng loại đã sinh. (5) Tướng của một sát-na. (6) Tướng của pháp không sinh trở lại. (7) Tướng tạp nhiễm hiện có. (8) Tướng thanh tịnh hiện có. (9) Tướng vui thích hợp ý. (10) Tướng vui thích không hợp ý. (11) Tướng nên quan sát. (12) Tướng không nên quan sát.

Nên biết quá khứ cũng có 12 thứ tướng: (1) Tướng của nhân đã qua. (2) Tướng của duyên đã qua. (3) Tướng của quả đã qua. (4) Tướng của thể đã hoại. (5) Tướng của chủng loại đã diệt. (6) Tướng của pháp không sinh trở lại. (7) Tướng của tạp nhiễm an nghỉ. (8)

Tướng của thanh tịnh an nghỉ. (9) Tướng của nơi chốn nên luyện tiếc. (10) Tướng của nơi chốn không nên luyện tiếc. (11) Tướng nên quan sát. (12) Tướng không nên quan sát.

4. Luận thuyết chấp ngã: Nghĩa là như có một chúng sinh, hoặc Sa-môn hoặc Bà-la-môn, khởi kiến giải như thế, lập luận như thế: Có ngã, hữu tình, thọ mạng, sự sinh, có sự nuôi dưỡng, số thủ thú (chúng sinh luân hồi nơi các nẻo) các Đế như vậy là thường trụ thật. Đây là các thứ ngoại đạo đã tạo nên kiến chấp như vậy.

Hỏi: Do đâu các ngoại đạo kia đã khởi kiến giải như vậy, đã lập luận thuyết như vậy?

Đáp: Do Giáo và Lý.

Về Giáo: Như trước đã nêu.

Về Lý: Tức như có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, vì tánh tìm cầu, suy xét, vì tánh quan sát, nói rộng như trước. Do hai thứ nhân: (1) Trước không suy xét, nhận biết, đột nhiên đạt được sự nhận biết có hữu tình. (2) Trước đã suy xét, đạt được sự nhận biết có tạo tác. Người ấy suy nghĩ: Nếu không có ngã, thì khi thấy năm sự không nên dấy khởi năm nhận biết có ngã: (1) Thấy hình sắc rồi, chỉ nên khởi sự nhận biết nơi hình sắc, không nên khởi sự nhận biết nơi hữu tình. (2) Thấy hành thuận khổ vui rồi, chỉ nên dấy khởi sự nhận biết nơi cảm thọ, không nên dấy khởi sự nhận biết về hữu tình hơn kém. (3) Khi thấy đã lập danh rồi, danh tương ưng với hành thì chỉ nên dấy khởi sự nhận biết nơi tướng, không nên dấy khởi sự nhận biết về hữu tình của Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thú-đà-la, Phật thọ ký, bạn đức v.v... (4) Đã thấy tạo hành tương ưng với tịnh, bất tịnh rồi, chỉ nên dấy khởi sự nhận biết nơi hành, không nên dấy khởi sự nhận biết về hữu tình có kẻ trí, kẻ ngu. (5) Đã thấy thức tùy nơi cảnh giới mà sinh khởi rồi, chỉ nên dấy khởi sự nhận biết nơi tâm, không nên dấy khởi sự nhận biết về hữu tình nơi ngã có thể nhận thức v.v... do

trước không suy xét, nhận biết như vậy nên đối với năm sự, chỉ đây khởi sự nhận biết về năm thứ hữu tình, chẳng phải là sự nhận biết về các hành. Vì thế trước không suy xét, hiểu biết, thấy rồi thì đột nhiên đây khởi sự nhận biết có hữu tình. Do vậy, nên quyết định nhận biết là có ngã thật.

Lại, kẻ kia suy nghĩ như vậy: Nếu không có ngã, thì không nên ở trong các hành, trước đây khởi suy xét nhận biết đạt được có đối tượng tạo tác: Nghĩa là ta do mắt nên sẽ thấy các sắc, đang thấy các sắc, đã thấy các sắc. Hoặc lại khởi tâm: Ta sẽ không thấy các dụng như thế, đều do ta nhận biết về hành làm sự dẫn dắt trước tiên. Như đối với mắt nhận thấy như vậy, thì đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, nên biết cũng như vậy.

Lại, nơi nghiệp thiện tạo tác, nghiệp thiện ngừng nghỉ, nghiệp bất thiện tạo tác, nghiệp bất thiện ngừng nghỉ, các sự việc như vậy đều do suy xét, nhận biết khởi trước mới có được tác dụng. Nên không thể đạt được các dụng như thế nếu chỉ ở nơi các hành, là không hợp đạo lý. Do suy xét như vậy nên nói là có ngã.

Tôi nay hỏi ông, tùy ý ông trả lời: Là ngay nơi chỗ thấy sự việc đây khởi sự nhận biết về hữu tình, hay là khác nơi chỗ thấy sự việc, đây khởi sự nhận biết về hữu tình? Nếu ở ngay nơi chỗ thấy sự việc, đây khởi sự nhận biết về hữu tình, thì ông không nên nói ở ngay nơi sắc v... cho là có hữu tình, cho là có ngã, vì đó là nhận biết điên đảo. Nếu khác nơi chỗ thấy sự việc, đây khởi sự nhận biết về hữu tình, là ngã có hình lượng thì không hợp đạo lý. Hoặc có hơn kém, hoặc là Sát-đế-lợi v.v..., hoặc ngu hoặc trí, hoặc có thể giữ lấy cảnh giới của sắc kia v.v... đều không hợp đạo lý.

Lại, ý ông muốn điều gì? Là chỉ do tự thể của pháp này, đây khởi sự nhận biết ấy chẳng? Hay là cũng do thể khác, đây khởi sự nhận biết ấy? Nếu chỉ do tự thể của pháp này, đây khởi sự nhận biết

ấy, tức ở nơi đối tượng nhận thức, dấy khởi sự nhận biết về ngã kia, thì không nên nói “gọi là sự nhận biết điên đảo”. Nếu cũng do thể khác, dấy khởi sự nhận biết này, tức tất cả cảnh giới, mỗi mỗi đều là nhân của sự nhận biết hết thảy cảnh giới, là không đúng lý.

Lại nữa, ý ông muốn gì? Ở nơi số vô tình, nhận biết về hữu tình, ở nơi số hữu tình, nhận biết về vô tình. Ở nơi số hữu tình khác nhận biết về hữu tình khác, là dấy khởi hay là không dấy khởi. Nếu dấy khởi, thì tức vô tình nên là hữu tình, hữu tình nên là vô tình, hữu tình khác nên là hữu tình khác. Điều này không hợp lý. Nếu không dấy khởi, tức không phát khởi hiện lượng, là không hợp đạo lý.

Lại, ông muốn điều gì? Sự nhận biết về hữu tình ấy là dùng nghĩa hiện lượng hay là dùng nghĩa tỷ lượng. Nếu dùng nghĩa hiện lượng thì chỉ các uẩn như sắc v.v... là nghĩa hiện lượng. Ngã chẳng phải là nghĩa hiện lượng nên không hợp lý. Nếu dùng theo nghĩa tỷ lượng thì như kẻ ngu, trẻ con, chưa có thể suy xét, lường tính, không thể đột nhiên dấy khởi sự nhận biết về ngã.

Lại, tôi nay hỏi ông, tùy ý ông trả lời. Như chỗ tạo tác của thế gian là dùng nhận biết làm nhân hay là dùng ngã làm nhân? Nếu dùng nhận biết làm nhân thì nắm giữ chỗ tạo tác của ngã là không hợp đạo lý. Nếu dùng ngã làm nhân thì điều chính yếu trước là suy xét, hiểu biết, sau mới có được chỗ tạo tác, điều này cũng không hợp đạo lý.

Lại, ý ông nhằm vào điều gì? Nhân của sự tạo tác là thường hay vô thường? Nếu là vô thường, thì nhân của chỗ tạo tác ấy, thể là biến dị, chấp ngã có tạo tác là không hợp đạo lý. Nếu là thường tức không biến dị. Có tạo tác mà không biến dị là không hợp với đạo lý.

Lại nữa, ý ông muốn gì? Là có ngã của động tác, nên có thể có chỗ tạo tác, hay là không có ngã của động tác, nên có chỗ tạo tác? Nếu có Ngã của động tác, nên có thể có chỗ tạo tác, thì tức là thường tạo tác, không nên tạo tác trở lại. Nếu không có ngã của động tác, nên

có chỗ tạo tác, thì tánh không động tác mà có chỗ tạo tác là không hợp với đạo lý.

Lại nữa, ý ông nhằm vào cái gì? Là do có nhân nên ngã có chỗ tạo tác, hay là không có nhân? Nếu có nhân thì ngã này nên do nhân khác thúc đẩy mới có chỗ tạo tác, là không đúng với đạo lý. Nếu là không nhân, thì nên nơi tất cả thời làm tất cả sự việc, cũng không hợp với đạo lý.

Lại, ý ông thế nào? Ngã này là dựa nơi chính mình nên có thể có chỗ tạo tác, hay là dựa vào kẻ khác nên có thể có chỗ tạo tác? Nếu dựa vào chính mình thì ngã này tự tạo ra các sự việc tạp nhiễm nơi già bệnh chết, khổ não v.v... là không hợp đạo lý.

Lại nữa, tôi nay hỏi ông, tùy ý ông đáp. Là ở ngay nơi Uẩn nêu bày về có ngã, hay là ở trong các Uẩn, hay là ở nơi xứ khác ngoài Uẩn, không thuộc nơi Uẩn chẳng? Nếu ở ngay nơi Uẩn nêu bày về ngã: thì ngã cùng với Uẩn không có sai biệt, mà chấp có ngã để thường trụ đích thật là không hợp đạo lý. Còn nếu ở trong các Uẩn thì ngã này là thường hay là vô thường? Nếu là thường thì ngã thường trụ là chỗ tăng, tổn của các khổ vui là không hợp đạo lý. Hoặc không tăng, tổn mà khởi pháp phi pháp, cũng không hợp đạo lý. Nếu không sinh khởi pháp và phi pháp thì lẽ ra các Uẩn thân rất ráo không khởi, hơn nữa không cần do công dụng, ngã cũng thường giải thoát. Nếu là vô thường, thì lìa thể của Uẩn, bên ngoài có sinh có diệt, pháp tương tục lưu chuyển không thể thủ đắc, cũng không đúng lý. Lại, ở nơi sự hoại diệt này, sau các xứ khác, không tạo tác mà đạt được, là có lỗi lầm lớn, nên không đúng lý. Nếu ở xứ khác ngoài Uẩn, thì ngã do ông chấp nên là vô vi, là không hợp đạo lý. Nếu không thuộc về Uẩn thì ngã nơi mọi thời phải là không nhiễm ô. Lại ngã và thân không nên liên hệ nhau, điều ấy không hợp lý. Lại nữa, ý ông nhằm vào điều gì? Ngã được chấp đó là tướng của người thấy hay là lìa tướng của người thấy? Nếu tức tướng của người thấy thì tức ở nơi thấy giả lập

tướng của người thấy, hay là lia nơi thấy lập riêng tướng của người thấy? Nếu tức ở nơi thấy giả lập tướng của người thấy, thì lẽ ra xét thấy v.v... là người thấy v.v... mà ông lập ngã là người thấy v.v... là không hợp đạo lý, là do người thấy cùng với tướng được thấy không sai biệt. Nếu lia nơi chỗ thấy, lập riêng tướng của người thấy, thì các pháp được thấy kia là nghiệp dụng được thành tựu của ngã, hay là vật dụng được nắm giữ của ngã? Nếu là nghiệp dụng được thành tựu của ngã, thì hoặc giống như chủng tử, nên là vô thường, là không hợp đạo lý. Hoặc nói giống như thợ làm đồ gốm, giả lập nên người đàn ông, thì ngã ấy nên là vô thường, nên là giả lập, mà ông cho là thường, là thật, là không hợp đạo lý. Nếu nói như gồm đủ thần thông, giả lập nên người đàn ông, thì ngã ấy cũng phải là vô thường, giả lập, đối với các chỗ tạo tác tùy ý tự tại. Đây cũng như trước, là không hợp đạo lý. Còn nếu nói như đất, thì phải là vô thường. Lại, chỗ chấp ngã không như địa đại, hiển bày sự tạo nghiệp nên không hợp lý. Vì sao? Vì chỗ tạo nghiệp dụng của địa đại nơi thế gian hiện bày rõ có thể nhận biết được, đó là duy trì muôn vật khiến chúng không bị rơi xuống. Còn ngã thì không có nghiệp dụng ấy, hiển bày là có thể nhận biết được. Hoặc như hư không, nên chẳng phải là thật có, chỉ ở nơi không hình sắc giả lập là không, nên không hợp đạo lý. Hư không tuy là giả có, nhưng có nghiệp dụng phân minh có thể đạt được, chẳng phải như chỗ chấp ngã, không đúng lý. Nghiệp dụng do hư không tạo ra nơi thế gian, có thể đạt được sự phân biệt rõ ràng: Đó là hư không nên dấy khởi được các nghiệp đi, lại, co duỗi. Vì thế nói thấy v.v... là nghiệp dụng được thành tựu của ngã, là không hợp đạo lý. Nếu là vật dụng được nắm giữ của ngã, thì hoặc nói như cái liềm, như lia ngoài liềm, vật khác cũng có tác dụng có thể cắt đứt. Như thế, lia ngoài sự thấy, ở trên các vật khác, vì không thể đạt được nghiệp dụng như thấy v.v..., nên không hợp đạo lý. Nếu nói như lửa thì chỗ chấp nơi ngã là không hợp đạo lý. Vì sao? Vì như lửa ở thế gian, lia khả năng thiêu đốt, thì cũng có thể thiêu đốt nơi chính mình. Nếu nói lia tướng

của người thấy, riêng có ngã thì chỗ chấp ngã cùng trái với tất cả suy lường, là không hợp đạo lý.

Lại, tôi nay hỏi ông, tùy ý ông trả lời. Ngã do ông chấp ấy là cùng với nhiễm tịnh tương ưng mà có nhiễm tịnh, hay là không cùng với nhiễm tịnh tương ưng mà có nhiễm tịnh? Nếu cùng với nhiễm tịnh tương ưng mà có nhiễm tịnh, thì ở trong các hành có tật bệnh, tai họa và cũng có sự dừng dứt, thuận hợp có thể đạt được. Tức các hành ấy tuy không có ngã mà nói có tương ưng với nhiễm tịnh. Như đối với vật bên ngoài, thân bên trong cũng vậy, tuy không có ngã, mà nghĩa nhiễm tịnh thành tựu, nên ngã ông chấp là không hợp đạo lý. Nếu không cùng với nhiễm tịnh tương ưng mà có nhiễm tịnh, thì lia tướng nhiễm tịnh, ngã có nhiễm tịnh, là không hợp đạo lý.

Lại, tôi nay hỏi ông, tùy ý ông trả lời. Ngã do ông chấp là cùng với tướng lưu chuyển tương ưng mà có lưu chuyển, hay là không cùng với tướng lưu chuyển tương ưng mà có lưu chuyển và dừng dứt? Nếu cùng với tướng lưu chuyển tương ưng mà có lưu chuyển và dừng dứt, thì ở trong các hành có năm thứ tướng lưu chuyển có thể đạt được: (1) Có nhân. (2) Có thể sinh. (3) Có thể diệt. (4) Lần lượt nối tiếp sinh khởi. (5) Có biến chuyển đổi khác. Như trong các hành, tướng lưu chuyển ấy có thể đạt được, thì trong tác dụng lưu chuyển của các thứ như thân, mầm, sông, đèn, xe cộ v.v... tuy không có ngã, nhưng ngay nơi các hành ấy đều có được lưu chuyển và dừng dứt, đâu cần phải chấp ngã. Còn nếu không cùng với tướng lưu chuyển tương ưng mà có lưu chuyển và dừng dứt thì ngã được chấp đó không có tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển, dừng dứt, là không hợp đạo lý.

Lại, tôi nay hỏi ông, tùy ý ông trả lời. Ngã do ông chấp, là những thọ nhận hoặc khổ hoặc vui do cảnh giới sinh ra, cùng do tư nghiệp, và do chỗ biến đổi của các phiền não, tùy phiền não, mà nói là người thọ nhận, người tạo tác và người giải thoát, hay là không

do những thứ kia biến đổi, mà nói là người thọ nhận v.v...? Nếu do những thứ kia biến đổi, thì ngay nơi các hành là người thọ nhận, người tạo tác và người giải thoát, đâu cần phải chấp ngã. Giả như là ngã, thì ngã phải là vô thường, là không hợp với đạo lý. Nếu không do những thứ kia biến đổi, thì ngã không biến đổi, mà là kẻ thọ nhận, kẻ tạo tác và kẻ giải thoát, là điều không hợp đạo lý.

Lại, ông nay nên nói chỗ mong muốn của mình, là chỉ ở nơi ngã nói là người tạo tác, hay là cũng ở nơi pháp khác nói là người tạo tác? Nếu chỉ ở nơi ngã thì thế gian không nên nói lửa là vật thiêu đốt, ánh sáng là vật soi chiếu. Nếu cũng ở nơi pháp khác, tức nơi các căn như thấy v.v... nói là người tạo tác, khỏi phải phân biệt về ngã, là không hợp đạo lý.

Lại, ông nên nói ý muốn của mình, là chỉ ở nơi ngã kiến lập về ngã, hay là cũng ở nơi pháp khác kiến lập về ngã? Nếu chỉ ở nơi ngã, thì thế gian không nên nói ở nơi ngã ấy giả nêu là thân sĩ phu, gọi là bạn đức, được Phật thọ ký v.v... Nếu cũng ở nơi pháp khác, thì chỉ ở nơi các hành giả nói gọi là ngã, đâu cần phải chấp là có ngã riêng? Vì sao? Vì người thế gian chỉ ở nơi giả thiết về thân sĩ phu dấy khởi tưởng về hữu tình, lập tên hữu tình và nói về tự, tha có sai biệt.

Lại, ý ông thế nào? Kiến chấp về ngã, là thiện hay là bất thiện? Nếu là thiện thì vì sao kẻ ngu si cùng cực dấy khởi sâu ngã kiến, không do phương tiện đột nhiên mà dấy khởi, có thể khiến các chúng sinh sợ hãi giải thoát, lại có thể làm tăng trưởng các lỗi lầm xấu ác, là không hợp đạo lý. Nếu là bất thiện thì không nên nói là chánh và không điên đảo. Nếu là tà, điên đảo thì thể của ngã được chấp ấy là thật có, tức không hợp đạo lý.

Lại, ý ông muốn gì? Kiến giải về vô ngã là thiện hay là bất thiện? Nếu nói là thiện, tức ở trên ngã thường trụ ấy thật có ngã, thấy không có ngã, nhưng là tánh thiện chẳng phải là chấp điên đảo, là không hợp đạo lý. Nếu nói là bất thiện, nhưng là chỗ nêu giảng của

bạch Nhất thiết trí, là chỗ sinh khởi của phương tiện siêng năng tinh tấn, khiến các chúng sinh không sợ giải thoát, có thể mau chứng đắc quả bạch tịnh, các thứ lỗi lầm xấu ác được đối trị đúng như thật, là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông thế nào? Là tức nơi tánh của ngã tự chấp có ngã hay là do ngã kiến? Nếu tức nơi tánh của ngã tự chấp có ngã, thì lẽ ra tất cả thời là không có nhận biết về vô ngã. Nếu do ngã kiến, thì tuy ngã là không thật, nhưng do sức của ngã kiến nên ở trong các hành vọng cho là có ngã. Vì thế ông chấp nhất định thật có ngã là không hợp đạo lý.

Như vậy, đầu tiên là do không nhận biết mà dấy khởi sự nhận biết kia. Do suy nghĩ, nhận biết, làm trước, thấy có chỗ tạo tác, nên ở trong các Uẩn đã giả nêu đặt. Do nơi tướng ấy nên an lập là có, kiến lập tạp nhiễm và thanh tịnh, kiến lập lưu chuyển và dừng dứt, giả lập người thọ nhận, người tạo tác, người giải thoát, nên đặt là có người tạo tác, nêu bày về ngôn thuyết, nêu bày về kiến giải, chấp là có ngã thật, đều là không hợp lý.

Lại, tôi nay sẽ nói về tướng ngã của đệ nhất nghĩa. Gọi là ngã, tức chỉ ở nơi các pháp giả lập là có, chẳng phải là thật có ngã. Nhưng ngã giả ấy, không thể nói là cùng với các pháp kia, tánh là khác hay chẳng khác. Chớ cho thể của ngã ấy là thật có, hoặc các pháp kia tức là tướng của tánh ngã. Lại, ngã giả này là tướng vô thường, là tướng không hằng hữu, là tướng không giữ yên, là tướng biến hoại, là tướng của pháp sinh khởi, là tướng già bệnh chết, chỉ là tướng của các pháp, chỉ là tướng khổ não. Đức Bạc-già-phạm nói: “Bí-sô nên biết! Ở trong các pháp giả lập có ngã. Ngã này là vô thường, là không hằng hữu, không thể giữ yên, là pháp biến hoại”. Nói rộng như thế. Do bốn nhân nên ở trong các hành giả thiết là có ngã: (1) Vì khiến cho ngôn thuyết của thế gian được dễ dàng. (2) Vì nhằm tùy thuận các thế gian. (3) Vì nhằm đoạn trừ những sự sợ hãi cho là chắc chắn không có ngã. (4) Vì nhằm nêu rõ về công đức của mình và người đã thành tựu cùng

những lỗi lầm đã mắc phải, khiến phát khởi tâm quyết định tin hiểu. Do đó, luận thuyết chấp có ngã là không đúng lý.

5. Luận thuyết chấp thường: Nghĩa là như có một vị, hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, khởi kiến giải như thế, lập luận thuyết như thế: Ngã và thế gian đều là thường trụ thật sự, không phải là sự tạo tác, hoặc là đối tượng được tạo tác, không phải là sự hóa hiện, hoặc là đối tượng được hóa hiện, không thể tồn tại, tích tập mà trụ, như y sư ca (ngoại đạo Số luận). Nghĩa là chấp về đời trước, nói tất cả là thường, nói một phần là thường, cùng chấp về đời sau, nói có tướng, nói không tướng, nói phi tướng phi phi tướng. Lại có chỗ cho các cực vi là thường trụ, tạo ra những chấp như vậy.

Hỏi: Do đâu, các ngoại đạo kia dấy khởi kiến chấp như vậy, lập luận thuyết như vậy: Ngã và thế gian là thường trụ?

Đáp: Nhân duyên của kiến chấp ấy như nơi kinh đã nói rộng, tùy chỗ ứng hợp đều nên nhận biết. Ở đây, chấp về đời trước, tức là hoặc dựa nơi tĩnh lự hạ trung thượng dấy khởi tùy niệm trụ của quá khứ, duyên khởi bất thiện, nên đối với các hành quá khứ chỉ mỗi nhớ nghĩ, không nhận biết đúng như thật, chấp đời quá khứ dùng làm đời trước, phát khởi thường kiến. Hoặc dựa nơi thiên nhãn chấp đời hiện tại dùng làm đời trước, ở nơi các hành với từng sát-na sinh diệt lưu chuyển không nhận biết đúng như thật. Lại thấy các thức lưu chuyển nối tiếp từ thế gian này đến thế gian kia không đoạn tuyệt, nên phát khởi thường kiến. Hoặc thấy Phạm vương theo ý thành lập. Hoặc thấy bốn đại chủng biến đổi. Hoặc thấy các thức biến đổi. Chấp về đời sau, tức nơi tướng cùng thọ, tuy thấy sai biệt, nhưng không thấy chỗ sai biệt của tự tướng, do đó phát khởi thường kiến, cho ngã và thế gian thấy đều thường trụ.

Lại chấp cực vi là thường trụ: Do dựa vào tĩnh lự của thế gian dấy khởi kiến chấp như vậy. Do không nhận biết đúng như thật về duyên khởi, mà chấp có là trước là có quả tập khởi, ly tán là trước, là

có quả hoại diệt. Vì nhân duyên ấy, nên các pháp ấy cho từ tánh của các vi tế, quả của các vật thô sinh, dần dần phân tích vật thô cho đến vi tế thì trụ, do vậy, vật thô là vô thường, cực vi là thường. Ở đây, luận thuyết chấp đời trước đời sau là thường trụ, là thuộc về tướng sai biệt của luận chấp ngã. Luận chấp ngã đã bị phá, nên biết, luận thuyết thuộc tướng sai biệt của ngã cũng đã phá bỏ xong.

Lại, tôi nay hỏi ông, tùy ý ông trả lời: Niệm trụ của quá khứ là giữ lấy các Uẩn hay là giữ lấy ngã? Nếu giữ lấy các Uẩn cho ngã và thế gian là thường, là không hợp đạo lý. Nếu giữ lấy ngã, thì nhớ nghĩ về quá khứ, các loại hữu tình với tên gọi v.v... như vậy, ngã từng ở nơi kia với tên gọi như vậy, tộc họ như vậy, cho đến nói rộng, là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông thế nào? Lúc duyên nơi cảnh sắc hiện tiền hòa hợp, nhãn thức sinh khởi, ở nơi cảnh sắc không hiện tiền, không hòa hợp, chỗ các thức còn lại là diệt hay là chuyên? Nếu nói là diệt, thì thức hoại diệt mà cho là thường, là không hợp đạo lý. Nếu nói là chuyên, thì chỉ do một cảnh giới, dựa nơi tất cả thời, hết thấy thức phát khởi, là không hợp đạo lý.

Lại, chỗ ông nhằm đến là gì? Chỗ chấp về ngã, do tướng và thọ tạo ra, là có biến đổi hay là không có biến đổi? Nếu nói là có biến đổi, thì chấp thế gian và ngã thường trụ là không hợp với đạo lý. Nếu nói là không biến đổi, thì có tướng về một rồi, lại có tướng về vô số, lại có tướng nhỏ cùng tướng vô lượng, là không hợp đạo lý. Lại thuần có vui rồi, lại thuần có khổ. Lại có khổ có vui, có không khổ không vui, là không hợp đạo lý.

Lại, nếu chấp mạng tức là thân, thì kẻ kia chấp ngã là sắc. Nếu cho mạng khác với thân, thì kẻ kia cho ngã chẳng phải là sắc. Nếu chấp ngã cùng hiện bày khắp, không hai, không thiếu, thì kẻ kia chấp ngã cũng là sắc, cũng chẳng phải là sắc. Nếu vì đối trị chấp này, tức ở trong nghĩa ấy, do câu khác văn khác mà khởi chấp, thì kẻ kia chấp ngã chẳng phải là sắc chẳng phải là phi sắc.

Lại, nếu thấy ít sắc, ít phi sắc, thì kẻ kia chấp về hữu biên. Nếu thấy sắc phi sắc kia là vô lượng, thì kẻ kia chấp về hữu biên vô biên. Nếu lại thấy khắp, nhưng phần sắc ít, phần phi sắc là vô lượng, hoặc phần sắc là vô lượng, phần phi sắc ít, thì kẻ kia chấp cũng là hữu biên, cũng là vô biên. Nếu là đối trị chấp ấy, thì chỉ do văn dị biệt, không do nghĩa dị biệt, mà đây khởi chấp, thì kẻ kia chấp phi hữu biên phi vô biên, hoặc chấp ngã của giải thoát là xa lìa hai thứ.

Lại, luận thuyết chấp cực vi là thường trụ, tôi nay hỏi ông, tùy ý ông trả lời. Ông vì quan sát mà cho cực vi là thường, hay là không quan sát mà cho cực vi là thường? Nếu không quan sát, là lia tuệ nơi quan sát mà nhất định cho là thường, là không hợp đạo lý. Nếu nói đã quan sát thì trái với các suy lường nên không hợp đạo lý.

Lại, chỗ ông nhằm đến là gì? Các vi trần, tánh của chúng là tế, nên cho chúng là thường, hay là do so với vật của quả thô, về tướng khác biệt nên cho chúng là thường, hay là do so với vật của quả thô, về tướng khác biệt nên cho chúng là thường? Nếu do là tế, thì ly tán, tổn giảm, trở nên yếu kém, mà nói là thường, là không hợp đạo lý. Nếu nói do tướng dị biệt, thế thì cực vi do vượt quá tướng của địa, thủy, hỏa, phong, không đồng tướng chủng loại, mà nói có thể sinh ra quả của chủng loại kia, là không hợp đạo lý. Lại, cực vi kia là không có tướng khác có thể đạt được, nên không đúng lý.

Lại, chỗ ông muốn là gì? Các vật thô được đây khởi từ các cực vi là tướng không khác hay là tướng khác? Nếu nói là tướng không khác, do cùng với nhân kia không sai biệt, nên cùng là thường tức là phải không có nhân quả quyết định, là không hợp đạo lý. Nếu là tướng khác, thì ý ông thế nào? Là từ các cực vi ly tán nên vật thô được sinh, hay là tự sự tụ tập? Nếu nói từ sự ly tán thì lẽ ra nơi tất cả thời, tất cả quả đều sinh, tức là không có nhân quả quyết định, nên không hợp đạo lý. Nếu từ sự tụ tập, thì ý ông nghĩ sao? Lúc vật của quả thô kia từ cực vi sinh, là không vượt quá lượng của hình chất hay là vượt

quá lượng của hình chất ấy? Nếu nói không vượt quá lượng của hình chất kia, thì từ hình chất phân vật, sinh ra hình chất có phân vật, là không hợp đạo lý. Nếu nói là vượt quá, thì thể của các cực vi không có phần vi tế, nên không thể phân tích, các vật thô được sinh cũng nên là thường, tức cũng không đúng lý. Nếu lại nói có các cực vi xưa không nay khởi, thì đó là chấp cực vi là thường, là không hợp đạo lý.

Lại, chỗ nhắm tới của ông là gì? Các cực vi kia khởi tạo vật thô, là như chủng tử, hay là như thợ làm đồ gốm? Nếu nói như chủng tử v.v... thì phải như chủng tử, thể là vô thường. Nếu nói như thợ làm đồ gốm, thì các cực vi kia phải có suy lường như thợ đồ gốm, là không hợp đạo lý. Nếu không như chủng tử cùng thợ đồ gốm, thì đó là đồng dụ mà không thể đạt được, cũng là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông nghĩ sao? Các vật bên ngoài đây khởi là do hữu tình hay là không như thế? Nếu nói do hữu tình, thì các vật thô bên ngoài kia do hữu tình sinh, còn vật vi tế, về chỗ dựa, không do hữu tình, là không hợp đạo lý. Ai lại ở nơi vật kia tạo ra công năng? Nếu nói không do hữu tình, tức là không dụng mà vật bên ngoài sinh, cũng không hợp đạo lý. Như vậy, tùy niệm, các Uẩn nơi hữu tình, do một cảnh giới, tất cả thức lưu chuyển không đoạn tuyệt. Do tướng và thọ biến đổi, không biến đổi, nên luận thuyết cho đời trước và đời sau là thường trụ, là không hợp đạo lý. Lại do quan sát, không quán át, do cộng tướng, do tự tướng, do đây khởi tạo tác, do chỗ dụng căn bản, nên luận thuyết cho cực vi là thường, là không hợp đạo lý. Vì thế luận thuyết chấp thường là nêu bày không đúng như lý. Tôi nay sẽ nói về tướng thường trụ. Nếu ở nơi tất cả thời, không có tướng đổi khác. Nếu ở nơi tất cả chủng loại, không có tướng đổi khác. Hoặc tự nhiên không có tướng đổi khác. Hoặc do kẻ khác không có tướng đổi khác. Lại là tướng vô sinh, nên biết là tướng thường trụ.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 7

Địa thứ 3, 4, 5: ĐỊA CÓ TÂM CÓ TỨ, phần 4 (Phần Bản Địa)

6. Luận thuyết cho tạo nhân từ trước: Cũng như có một vị, hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, dấy khởi kiến giải như vậy, lập luận thuyết như vậy, như nơi kinh đã nói rộng. Phạm chỗ thọ nhận của Bồ-đặc-già-la, sĩ phu hiện có nơi các thế gian, tức là chỗ thọ khổ hiện tại, đều do sự tạo tác từ trước làm nhân. Nghĩa là do việc ác từ trước làm nhân. Là do siêng năng tinh tấn loại bỏ nghiệp cũ. Tức là do hiện pháp tự hành khổ hạnh cùng cực nơi nghiệp mới của hiện tại. Do không tạo nhân tổn hại, nghĩa là các nghiệp bất thiện. Như thế, ở nơi phần sau không trở lại hữu lậu, nghĩa là hoàn toàn là tánh thiện, nên nói phần sau là vô lậu, do vô lậu nên nghiệp dứt, nghĩa là các nghiệp ác. Do nghiệp hết nên khổ hết, nghĩa là khổ nào do chỗ tạo nhân từ trước, cùng chỗ chiêu cảm của phương tiện nơi hiện pháp. Do khổ hết, nên chứng được biên vực tận cùng của khổ, tức là chứng được đời sống khác nối tiếp hết khổ. Ngoại đạo vô hệ đã tạo ra lối chấp như thế.

Hỏi: Do nhân duyên gì, các ngoại đạo ấy dấy khởi kiến chấp như vậy, lập luận thuyết như vậy?

Đáp: Do Giáo và Lý.

Về Giáo: Như trước đã nói.

Về Lý: Cũng như có một chúng sinh, vì tánh tìm cầu suy xét, vì tánh quan sát, nói rộng như trước. Do thấy tác dụng của sĩ phu nơi hiện pháp là không quyết định. Vì sao? Là vì kẻ kia thấy ở thế gian, người tuy có đủ phương tiện chân chánh, nhưng lại chiêu cảm nơi khổ, người tuy hành đủ phương tiện tà vạy mà lại đạt được an vui. Kẻ ấy suy xét như vậy: “Nếu do tác dụng của sĩ phu trong hiện pháp làm nhân cho quả kia thì quả đó phải là điên đảo”. Nhưng vì chỗ thấy ấy lại là không điên đảo, nên đã cho kết quả kia là do sự tạo tác của quá khứ làm nhân. Do từ lý ấy, nên kẻ kia đã đẩy khởi kiến chấp như vậy, đã lập luận thuyết như vậy.

Nay xin hỏi ông, ý ông thế nào? Quả khổ được chiêu cảm từ phương tiện của hiện pháp, là dùng sự tạo tác của quá khứ làm nhân, hay là dùng phương tiện của hiện pháp làm nhân? Nếu dùng sự tạo tác của quá khứ làm nhân, thì chỗ nêu bày của ông trước đây: “Do siêng năng tinh tấn, loại bỏ nghiệp cũ, nên nghiệp mới của hiện tại không tạo tác nhân tổn hại, do đó kẻ kia về sau không trở lại hữu lậu” cho đến nói rộng, là không hợp đạo lý. Nếu dùng phương tiện của hiện pháp làm nhân thì luận thuyết của ông nêu ra trước đây: “Phàm những thọ nhận của các sĩ phu, Bồ-đặc-già-la hiện có nơi các thế gian, đều do sự tạo tác của quá khứ làm nhân” là không hợp đạo lý. Như thế, cái khổ do phương tiện của hiện pháp, vì sự tạo tác từ quá khứ làm nhân, vì tác dụng của sĩ phu nơi hiện pháp làm nhân, đều không hợp đạo lý, do đó, luận thuyết này nêu bày không đúng như lý. Tôi nay sẽ nói về tướng nhân như thật. Hoặc có các khổ chỉ do sự tạo tác từ quá khứ làm nhân, cũng như có lực tăng thượng của một tự nghiệp, nên sinh vào các nẻo ác, hay nơi nhà bần cùng. Hoặc lại có khổ do nhân xen tạp sinh ra. Nghĩa là như có một kẻ do thờ vua bất chánh nên không đạt được quả an vui, trái lại đã dẫn đến quả khổ. Như việc phụng sự nơi vua, cũng vậy, do các nghiệp về nói năng, buôn bán, do nghiệp làm nông, do nghiệp trộm cướp hoặc đối với các hữu tình khác, gây tạo việc tổn hại. Nếu là người có phước thì đạt

được giàu, vui. Nếu là người vô phước thì tuy đã cố sức dụng công nhưng quả có được không toại ý. Hoặc lại có pháp chỉ thuần do nhân là công dụng hiện tại mà đạt được. Như các việc mới làm dẫn đến những nghiệp khác. Hoặc lắng nghe Chánh pháp, ở nơi pháp quan sát, nhận biết. Hoặc lại phát khởi đường nghiệp uy nghi. Hoặc lại tu học các nghiệp xứ công xảo. Các loại như vậy, chỉ nhân nơi công dụng của sĩ phu hiện tại.

7. Luận thuyết cho Đấng Tự Tại là người tạo lập: Do như có một vị, hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Phạm mọi sự thọ nhận của các sĩ phu, Bồ-đặc-già-la hiện có nơi các thế gian, hoặc do nhân là sự biến hóa của Đấng Tự Tại, hoặc do nhân là sự biến hóa của các bậc Trượng phu khác.

Những sự việc như thế là luận thuyết nói về nhân không bình đẳng của Đấng Tự Tại, đã chấp như vậy.

Hỏi: Do nhân duyên gì, phái ấy đã dấy khởi kiến chấp như vậy, đã tạo lập luận thuyết như vậy?

Đáp: Do nơi Giáo và Lý.

Về Giáo: Như trước đã nói.

Về Lý: Cũng như có một chúng sinh, vì tìm cầu suy xét, vì tánh quan sát, nói rộng như trước. Kẻ ấy do hiện thấy trong nẻo nhân quả nơi các hữu tình ở thế gian không theo ý muốn của mình để chuyển biến, sinh khởi, nên đã tạo ra kiến chấp ấy. Vì sao? Vì do hiện thấy hữu tình ở thế gian, lúc hành tạo nhân muốn tu nghiệp tịnh, không thỏa được tâm mong muốn, trái lại thêm làm ác. Đến lúc thọ nhận quả, nguyện sinh vào nẻo thiện, ở trong thế giới an vui, cũng không được toại nguyện, bị đọa vào nẻo ác, ý mong thọ vui, không đạt được điều mong muốn, trở lại thọ các khổ. Do thấy như vậy, nên kẻ kia suy nghĩ: Mọi vật ở thế gian tất phải có riêng một đấng tạo tác, sinh

thành, biến hóa, là cha của các vật. Đó là Trời Tự Tại hoặc là những vị khác. Nay tôi sẽ nêu câu hỏi, ý ông thế nào? Tụng nói:

*Công năng không Thể tánh
Thâu, chẳng thâu trái nhau
Hữu dụng và vô dụng
Làm nhân thành lỗi lầm.*

Công năng biến hóa của trời Tự Tại: Là dùng phương tiện tạo tác làm nhân hay là không nhân? Nếu dùng phương tiện tạo tác làm nhân, tức chỉ mỗi công năng này dùng phương tiện tạo tác làm nhân, chẳng phải nơi thế gian khác, là không hợp đạo lý. Nếu là không nhân, thì chỉ mỗi công năng này không nhân mà có, chẳng phải là vật ở thế gian, cũng không hợp đạo lý.

Lại, ý ông nhằm đến điều gì? Đấng Đại Tự Tại này là thuộc về thế gian hay là không thuộc về? Nếu nói là thuộc về thì Đấng Đại Tự Tại này tức đồng với pháp thế gian, mà lại có thể sinh khởi khắp thế gian, là không hợp đạo lý. Còn nếu nói không thuộc về thế gian tức là giải thoát, mà nói có thể sinh ra thế gian, là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông muốn điều gì? Là hữu dụng nên biến hóa sinh ra thế gian, hay là vô dụng? Nếu là hữu dụng tức ở nơi chỗ dụng kia không có tự tại, mà cho là đối với thế gian có tự tại, là không hợp đạo lý. Nếu là vô dụng, tức không có chỗ cần dùng mà sinh ra thế gian, là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông nhằm vào điều gì? Chỗ xuất sinh này, chỉ mỗi Đấng Đại Tự Tại làm nhân, hay là cũng dùng các thứ khác làm nhân? Nếu chỉ mỗi Đấng Đại Tự Tại làm nhân, tức là như lúc có Đấng Đại Tự Tại thì lúc ấy có sự sinh ra. Hoặc khi có sinh ra lúc ấy, tức có Đấng Đại Tự Tại. Mà nói sự xuất sinh lấy Đấng Đại Tự Tại làm nhân là không hợp đạo lý. Nếu cho là cũng dùng các thứ khác làm nhân, tức ở đây chỉ lấy sự vui – muốn làm nhân, hay là ngoài vui – muốn còn

dùng thứ khác làm nhân? Nếu chỉ lấy vui – muốn làm nhân, thì sự vui muốn này chỉ dùng Đấng Đại Tự Tại làm nhân, hay là cũng dùng thứ khác làm nhân? Nếu chỉ dùng Đấng Đại Tự Tại làm nhân, thì khi có Đấng Đại Tự Tại, lúc ấy tức có vui thích, ham muốn. Hoặc lúc có vui thích, ham muốn thì khi ấy tức có Đấng Đại Tự Tại. Như thế thì phải từ vô thì luôn có sự xuất sinh, điều ấy cũng không hợp đạo lý. Nếu cho cũng dùng thứ khác làm nhân thì nhân này không thể đạt được, nên không hợp đạo lý.

Lại, ở nơi sự ham muốn kia không có tự tại, mà nói đối với các vật ở thế gian đều có tự tại, là không hợp đạo lý.

Như vậy là do công năng, do thân tóm không thân tóm, do hữu dụng vô dụng, làm tánh của nhân, đều không hợp đạo lý. Vì thế luận thuyết ấy nêu bày không như lý.

8. Luận thuyết cho hại là Chánh pháp: Nghĩa là như có một vị, hoặc Sa-môn hoặc Bà-la-môn, dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Nếu ở trong sự cúng tế kia, trước tiên là chú thuật, kế đến là giết hại các sinh vật, hoặc là người chủ việc cúng tế, hoặc các sinh vật bị giết hại, hoặc những kẻ trợ giúp, hết thảy những người, vật ấy đều được sinh thiên.

Hỏi: Do nhân duyên ấy, các ngoại đạo kia dấy khởi kiến chấp như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy?

Đáp: Luận thuyết trái lý này là do đua nịnh, dối trá mà được sinh khởi, không do quan sát đạo lý để kiến lập. Vào thời ác trước, tranh chấp dấy khởi, các Bà-la-môn đã hành trái vượt với pháp Bà-la-môn kia, vì nhằm ăn thịt nên vọng khởi chấp trước ấy. Nay tôi xin nêu câu hỏi, ý ông thế nào? Phương chú thuật này là tự thể của pháp, hay là tự thể của phi pháp? Nếu là tự thể của pháp, thì lìa sự sát sinh kia thì không thể cảm nhận được quả hợp chỗ yêu thích của mình, mà lại có khả năng chuyển được chỗ phi pháp ấy để thành

Chánh pháp, là không hợp đạo lý. Nếu là tự thể của phi pháp, thì tự là pháp của quả không yêu thích, mà có khả năng chuyển bỏ pháp của quả không yêu thích khác, là không hợp đạo lý. Đã ghi nhận như thế rồi, lại có lời biện hộ: Như những thứ độc ở thế gian không thể làm hại các thứ thuộc về chú thuật. Nên biết phương chú thuật này cũng lại như vậy. Nay tôi sẽ nêu câu hỏi, ý ông thế nào? Như phương chú thuật, có thể dứt trừ độc hại bên ngoài, cũng có thể dứt trừ độc hại bên trong là tham sân si chẳng? Hay là không thể? Nếu có thể dứt trừ, thì không nơi chốn nào, không vào lúc nào, không có một người nào, về tham sân si có thể đạt được sự dứt bỏ hoàn toàn, là không đúng lý. Nếu không thể dứt trừ, thì những điều ông nêu bày trước đây: “Như phương chú thuật có khả năng dứt trừ độc hại bên ngoài, cũng có thể dứt trừ nghiệp phi pháp” là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông nhằm vào điều gì? Phương chú thuật này là biến hành hay là không biến hành? Nếu là biến hành thì vật thân yêu của chính mình sao không dùng để cúng tế trước tiên, điều này không hợp đạo lý. Nếu là không biến hành, thì công năng của chú thuật này tất không quyết định, là không hợp đạo lý.

Lại, chỗ mong muốn của ông là gì? Công năng của chú thuật này là chỉ có thể chuyển nhân, hay cũng chuyển quả? Nếu chỉ có thể chuyển nhân, thì đối với quả là không thể, là không hợp đạo lý. Nếu cũng có thể chuyển quả, thì phải như sự chuyển biến, tức khiến cho các loài như dê trở thành sắc đẹp, đáng yêu thích. Nhưng ở đây, bỏ thân dê v.v... rồi mới giữ lấy thân trời, là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông thế nào? Người tạo chú thuật là có năng lực và tâm thương xót không? Nếu nói là có, thì lìa bỏ việc giết hại sinh vật kia là không thể giúp cho kẻ ấy được sinh lên cõi trời, là không hợp đạo lý. Còn nếu nói là không, thì chú thuật được tạo ra kia, có thể có chỗ buộc tội, là không hợp đạo lý.

Như thế là do nhân, do thí dụ, do không quyết định, do không thể chuyên đối với quả, do kẻ tạo ra chú thuật, đều không hợp đạo lý, vì vậy, luận thuyết này nêu bày không như lý. Tôi nay sẽ nói về tướng của phi pháp. Nếu nghiệp làm tổn hại kẻ khác, mà không đối trị được lỗi lầm của hiện tại thì đó gọi là phi pháp. Lại, nếu nghiệp, đối với các vị tu đạo cùng biết sẽ chiêu cảm lấy quả không yêu thích. Lại, nếu nghiệp mà bậc Nhất Thiết Trí quyết định gọi là bất thiện. Lại, nếu nghiệp tự mình không muốn. Lại, nếu nghiệp do tâm cầu nhiệm dấy khởi. Lại, nếu nghiệp phải đợi những chú thuật tà vạy mới có đủ hiệu nghiệm. Lại, nếu nghiệp tự tánh là vô ký. Những nghiệp như thế đều là phi pháp.

9. Luận thuyết cho hữu biên vô biên: Tức như có một vị, hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, nương theo các pháp tính lự của thế gian, đối với thế gian ấy trụ nơi tướng hữu biên, tướng vô biên, tướng về cả hai, tướng về không cả hai, nói rộng như nơi kinh. Do đấy, dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên, thế gian cũng là hữu biên, cũng là vô biên, thế gian không phải là hữu biên, không phải là vô biên. Nên biết là trong ấy đã nói về nhân duyên cùng chủ thể chấp trước. Ở đây, nếu lúc dựa vào việc đoạn dứt biên vực tận cùng, cầu biên vực của thế gian, nếu nhớ nghĩ về kiếp hoại, thì đối với thế gian dấy khởi tướng hữu biên. Nếu nhớ nghĩ về kiếp thành, thì đối với thế gian dấy khởi tướng vô biên. Hoặc khi dựa vào phương vực rộng khắp tìm cầu biên vực của thế gian, nếu xuống thấp vượt quá cõi Vô gián thì không đạt được. Bên trên vượt quá cõi tinh lự thứ tư, cũng không đạt được. Ở một bên, với tất cả xứ cũng chẳng đạt được biên vực. Bây giờ, tức đối với cõi trên dưới dấy khởi tướng hữu biên. Đối với nơi chón một bên, dấy khởi tướng vô biên.

Hoặc vì để đối trị kiến chấp ấy, chỉ dựa nơi văn dị biệt, nghĩa không sai khác, tức đối với thế gian dấy khởi tướng chẳng phải là hữu biên, chẳng phải là vô biên. Nay nên hỏi về sự việc ấy, ý ông

nhằm vào điều gì? Từ kiếp hoại trước đến nay là lại có thể gian sinh khởi, hay là không sinh khởi? Nếu cho là có, thì thế gian là hữu biên, là không hợp đạo lý. Nếu nói là không thì không có thể gian dừng trụ để suy niệm về biên vực của thế gian, là không hợp đạo lý. Như thế, luận thuyết kia nêu bày về hữu biên, nêu bày về vô biên đều không hợp lý. Do đó thuyết của luận ấy là không như lý.

10. Luận thuyết cho bất tử kiêu loạn: Nghĩa là bốn thứ ngoại đạo là “Bất tử kiêu loạn” như kinh đã nói rộng, nên biết. Các ngoại đạo kia, hoặc có người đến, dựa vào sinh đạo tối thắng, hỏi về thiện, bất thiện. Dựa vào thắng đạo quyết định, hỏi về khổ tập diệt đạo, bèn tự xưng là “Bất tử loạn”. Tùy ở nơi chốn, dựa vào cõi trời Bất Tử Tịnh, không loạn. Nếu nêu vấn nạn, tức ở nơi chỗ hỏi kia, dùng lời nói “kiêu loạn”, hoặc mượn cơ sang nói chuyện khác, tìm cách tránh né câu hỏi, hoặc chỉ tùy theo ngôn từ của người hỏi để xoay chuyển.

Trong ấy, loại “Bất tử loạn” thứ nhất: Là hiểu biết nhưng chưa tỏ ngộ. Loại thứ hai: Đối với pháp được chứng đắc khởi tăng thượng mạn. Loại thứ ba: Hiểu biết, đã khai ngộ, nhưng chưa quyết định. Loại thứ tư: Là hạng ngu độn, yếu kém.

Lại nữa, loại thứ nhất lo sợ về vọng ngữ và sợ kẻ khác biết về chỗ vô trí của mình, nên câu trả lời không rõ ràng, nói mình không hiểu biết gì cả. Loại thứ hai, đối với chỗ chứng đắc của chính mình chưa dứt hết sợ hãi, tức sợ kẻ khác cất vấn, sợ hãi về vọng ngữ, sợ hãi về tà kiến, nên lời nói không phân minh, bảo: “Ta có chỗ chứng đắc”. Loại thứ ba, sợ hãi về tà kiến, sợ hãi về vọng ngữ, sợ kẻ khác nêu vấn nạn nên lời nói không rõ ràng, bảo: “Ta không thể quyết định”. Ba loại như vậy, mượn cơ nói sang chuyện khác, dùng lời nói “kiêu loạn”. Loại thứ tư chỉ sợ kẻ khác cất vấn, đối với sinh đạo tối thắng và thắng đạo quyết định đều không thấu đạt, đối với văn tự của thế gian cũng không khéo nhận biết, nên lời nói không phân biệt rõ, bảo: “Tôi vốn ngu độn, không hiểu biết gì cả!”. Loại này chỉ

hỏi ngược lại người nêu hỏi, tùy theo lời lẽ của người kia mà xoay chuyển, dùng cách nói lung lạc để dối gạt họ. Nhân duyên phát khởi bốn loại luận ấy, cùng các chúng ngoại đạo chấp trước, và việc phá trừ kiến chấp đó, đều như nơi kinh đã nói rõ. Do các ngoại đạo ấy có nhiều sợ hãi, dựa theo kiến chấp ấy mà trụ, nếu có người đến với chỗ vắn nạn thì dùng lời dua nịnh, quanh co, làm rối loạn để dối gạt họ, nên biết kiến chấp này thuộc về ác kiến. Vì thế luận thuyết đó nêu bày không như lý.

11. Luận thuyết kiến chấp không nhân: Đó là nương dựa nơi tính lự và nương dựa nơi sự tìm cầu suy xét, nên biết hai loại ấy như nơi kinh đã nói rộng.

Hỏi: Do nhân duyên gì, các ngoại đạo ấy nương dựa nơi sự tìm cầu, suy xét, dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Ngã và thế gian đều được sinh khởi do không nhân?

Đáp: Nói tóm lược: Do vì trước tiên thấy có sự không tương tục, các sự việc trong ngoài có vô lượng sai biệt, sinh khởi đủ thứ loại. Hoặc lại có khi thấy các nhân duyên là không, không có quả báo. Nghĩa là thấy thế gian không có nhân duyên. Hoặc có lúc bỗng nhiên gió lớn chợt nổi dậy, trong một thời gian khác thì dừng dứt, vắng lặng. Hoặc có khi bỗng dung sông cuộn dâng nước ngập tràn, trong một thời gian khác thì đột nhiên khô cạn. Hoặc lúc thì um tùm, cây trái phô bày vẻ tươi tốt, nơi thời gian khác thì bỗng nhiên tàn héo. Do những sự kiện như vậy nên dấy khởi kiến chấp không nhân, tạo lập luận thuyết không nhân. Nay nên hỏi về kiến chấp ấy: Niệm trụ về quá khứ của ông là niệm vô thể hay là niệm về tự ngã? Nếu niệm vô thể, thì pháp vô thể chưa từng tập quen, chưa từng biết qua mà có thể suy niệm theo, là không hợp đạo lý. Nếu niệm về tự ngã, cho ngã trước không, sau đột nhiên sinh là không hợp đạo lý.

Lại, chỗ mong muốn của ông là gì? Hết thấy sự vật trong ngoài của thế gian, vô số sinh khởi, hoặc đột nhiên sinh khởi, là không

nhân hay là có nhân? Nếu là không nhân, thì đủ thứ loại sinh khởi, đột nhiên mà khởi, rồi có lúc không sinh, là không hợp đạo lý. Như thế, niệm vô thể, niệm tự ngã, các vật trong ngoài không do nhân duyên, vô số dị biệt, do nhân duyên vô số dị biệt kia nên không hợp đạo lý. Vì thế luận thuyết ấy nêu bày không như lý.

12. Luận thuyết chấp đoạn: Nghĩa là như có một vị, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Cho đến ngã có thân sắc thô, do bốn đại tạo, nhận giữ chưa bị hoại. Bấy giờ có bệnh, có ung nhọt, có mũi tên, nếu sau khi ngã chết, là đoạn diệt hẳn không còn nữa, lúc ấy, ngã hoàn toàn đoạn diệt. Như vậy, chư thiên cõi dục, chư thiên cõi sắc, hoặc cõi vô sắc, thuộc về không vô biên xứ, cho đến thuộc về phi tướng phi phi tướng xứ, nói rộng như nơi kinh. Đó là bảy thứ luận thuyết chấp đoạn, đã tạo kiến chấp như vậy.

Hỏi: Do nhân duyên gì, các ngoại đạo ấy dấy khởi kiến chấp như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy?

Đáp: Do nơi Giáo và Lý.

Về Giáo: Như trước đã nêu.

Về Lý: Tức như có một chúng sinh, tánh tìm cầu, suy xét, cho đến nói rộng kẻ kia suy nghĩ như vậy: Nếu ngã sau khi chết lại còn có thân, nên không tạo nghiệp mà được quả dị thực. Nếu thể tánh của ngã, tất cả hoàn toàn không, do đó nên không thọ nhận nghiệp quả dị thực. Quán xét hai thứ ấy, về lý đều không thể được, do đó dấy khởi kiến chấp như thế, tạo lập luận thuyết như thế: Thân ngã sau khi chết rồi là hoại diệt hẳn, không còn gì. Cũng như ngói, đá, một khi đã vỡ thì không thể hợp trở lại. Thân ngã nên biết, cũng lại như vậy. Nay nên nêu hỏi về luận thuyết ấy. Ý ông nhằm vào điều gì? Là Uẩn đoạn diệt, hay là ngã đoạn diệt? Nếu nói là Uẩn đoạn diệt, thì thể của uẩn là vô thường, nhân quả lần lượt sinh khởi không dứt, mà nói đoạn

diệt là không hợp đạo lý. Nếu nói là ngã đoạn diệt, thì chỗ nêu bày của ông trước đây: “Thân sắc thô do bốn đại tạo ra... cho đến thuộc về phi tướng phi phi tướng xứ” là không hợp đạo lý. Như thế, hoặc Uẩn đoạn diệt, hoặc ngã đoạn diệt, đều không hợp đạo lý. Do đó, luận thuyết ấy nêu bày không như lý.

13. Luận thuyết kiến chấp không: Nghĩa là như có một vị, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Không có bố thí, không có yêu thương nuôi dưỡng, không có tế tự, nói rộng cho đến thế gian không có A-la-hán chân thật. Lại dấy khởi kiến giải như vậy, lập luận thuyết như vậy: Không có Thế tướng của tất cả các pháp.

Hỏi: Do nhân duyên gì, các ngoại đạo ấy dấy khởi kiến chấp như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy?

Đáp: Do Giáo và Lý. Về Giáo, như trước đã nêu. Về Lý: Đó là như có một chúng sinh, vì tánh tìm cầu, suy xét, cho đến nói rộng. Lại dựa nơi các tĩnh lự của thế gian, thấy thí chủ ở đời, trong một kiếp sống, thường hành bố thí, không có dừng nghỉ, từ cõi này mạng chung, sinh vào gia đình hạ tiện, bần cùng thiếu thốn. Kẻ kia suy nghĩ: Nhất định là không có bố thí, nuôi dưỡng thân yêu, tế tự. Lại thấy có người, nơi một kiếp sống, thường hành hạnh lành, hoặc hành hạnh ác. Người này sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo ác, sinh nơi các địa ngục, hoặc đi đến nẻo thiện, sinh nơi cõi trời, trong thế giới an lạc. Kẻ kia suy nghĩ: Nhất định không có hạnh thiện hạnh ác, cũng không có quả dị thực của hai nghiệp là hạnh thiện hạnh ác. Lại thấy có người thuộc dòng Sát-đế-lợi, sau khi mạng chung, sinh trong các chủng tánh Bà-la-môn, Phệ-xá, Thú-đà-la. Hoặc người thuộc dòng Bà-la-môn, sau khi mạng chung, sinh trong các chủng tánh Sát-đế-lợi, Phệ-xá, Thú-đà-la. Các người thuộc chủng tánh Phệ-xá, Thú-đà-la cũng lại như vậy. Kẻ kia suy nghĩ: Nhất định không có Sát-đế-lợi v.v... trong thế gian này, từ chủng tánh Sát-đế-lợi trong thế gian kia

đến. Cũng không có Sát-đế-lợi trong thế gian kia, từ chủng tánh Sát-đế-lợi v.v... nơi thế gian này đi.

Lại nữa, quán thấy các người lia dục sinh nơi cõi dưới. Lại thấy mẹ sau khi mạng chung, sinh làm con gái, con gái sau khi mạng chung trở lại sinh làm mẹ. Cha mạng chung sinh làm con, con mạng chung sinh trở lại làm cha. Kẻ kia thấy các sự việc như vậy, nên suy nghĩ: Thế gian nhất định là không có cha, không có mẹ. Hoặc lại thấy có người, thân hoại mạng chung, hoặc sinh nơi cõi Vô tướng, hoặc sinh nơi Vô sắc, hoặc nhập Niết-bàn. Tìm cầu xứ sinh của người ấy đều không thể thấy được. Kẻ kia suy nghĩ: Chắc chắn là không có chúng sinh hóa sinh, do xứ sở kia là không thể biết được. Hoặc đối với tự thân, dấy khởi A-la-hán tăng thượng mạn rồi, khi thọ mạng sắp dứt, bèn thấy tướng sinh. Kẻ kia suy niệm: Thế gian tất không có A-la-hán chân thật, nói rộng như thế.

Hỏi: Lại do nhân duyên gì, hoặc có kẻ dấy khởi kiến chấp như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Không có thể tướng nơi tất cả các pháp.

Đáp: Do ở trong kinh điển thâm diệu do Đức Như Lai giảng nói, có pháp thâm diệu tương tự, lia mọi ngôn thuyết, không thể nhận biết đúng như thật. Lại ở nơi an lập pháp tướng, không tư duy theo như chánh lý, nên dấy khởi kiến chấp về không. Kẻ ấy suy niệm: Quyết định không có Thể tướng của các pháp. Nay nên nêu hỏi về vấn đề ấy, ý ông mong muốn điều gì? Là có chỗ thọ nhận nghiệp lúc sống và nghiệp thọ nhận sau khi chết, hay là tất cả đều thọ nhận lúc còn sống? Nếu là cùng có, thì chỗ nêu bày của ông ở trước: “Không có bố thí, không có nuôi dưỡng thương yêu...” là không hợp đạo lý. Còn nếu nói không có nghiệp thọ nhận sau khi chết, thì các hữu tình tạo tác vô số hành nghiệp tịnh, bất tịnh, những kẻ ấy mạng chung rồi, đối với lúc còn sống đã thọ nhận liền hết quả dị thực của nghiệp tịnh, bất tịnh, là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông thế nào? Phàm từ nơi thai tạng và từ nơi chủng tử ấy sinh ra, ở đây, những người kia là cha mẹ hay chẳng phải là cha mẹ? Nếu cho là cha mẹ thì chỗ nêu bày của ông trước đây: “Không có cha, không có mẹ” là không hợp đạo lý. Nếu nói những người kia không phải là cha mẹ, thì từ thai tạng và chủng tử ấy sinh ra, mà nói không phải là cha mẹ, là không hợp đạo lý. Nếu lúc là cha mẹ thì lúc ấy chẳng phải là nam nữ. Nếu khi là nam nữ thì khi ấy chẳng phải là cha mẹ. Nói như thế thì không có lỗi bất định.

Lại, chỗ mong muốn của ông là gì? Là có chúng sinh thọ sinh nơi xứ kia, thiên nhãn không thấy được, hay là không có? Nếu cho là có thì lời ông nêu bày ở trước: “Không có chúng sinh hóa sinh” là không hợp đạo lý. Còn nếu nói là không, tức là bác bỏ những người lia tướng dục, lia sắc dục, lia dục của ba cõi, là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông nhằm vào điều gì? Là có tánh A-la-hán, đối với điều ấy dấy khởi tăng thượng mạn, hay là không có? Nếu nói là có thì điều ông đã nêu bày: “Thế gian nhất định không có A-la-hán chân thật” là không hợp đạo lý. Nếu cho là không, thì hoặc có kẻ phát khởi tư duy không chân chánh, điên đảo, tự cho mình là A-la-hán, thì dấy mới đúng là A-la-hán chân thật, cũng không hợp lý.

Lại, nên nêu câu hỏi về vấn đề ấy. Ý ông mong muốn gì? Pháp của tướng Viên thành thật, pháp của tướng Y tha khởi, pháp của tướng Biến kế sở chấp, là có hay là không? Nếu nói là có, thì điều ông đã nói: “Không có thể tướng của tất cả các pháp”, là không hợp đạo lý. Nếu cho là không, thì lẽ ra là không có điên đảo, cũng không có nhiễm tịnh, là không hợp đạo lý. Như thế, hoặc chỗ thọ nhận đời sống sau khi chết, vì chẳng phải là không quyết định, vì có nơi chốn sinh, có tăng thượng mạn, có ba thứ tướng, đều không hợp đạo lý. Vì vậy luận thuyết ấy nêu bày không như lý.

14. Luận thuyết vọng chấp tối thắng: Tức là như có một vị, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập

luận thuyết như vậy: Bà-la-môn là chủng loại tối thắng. Sát-đế-lợi v.v... là chủng loại thấp kém. Bà-la-môn là sắc loại trắng, sạch, các chủng loại khác là sắc loại đen, dơ. Chủng loại Bà-la-môn có thể đạt được thanh tịnh chẳng phải là các chủng loại khác. Những người thuộc chủng loại Bà-la-môn là con của Phạm vương, từ nơi miệng, nơi bụng của Phạm vương sinh ra, do Phạm vương biến hóa, nối dõi về Thể tánh của Phạm vương. Đó là kiến chấp do các Bà-la-môn tạo ra trong kiếp đầy tranh chấp.

Hỏi: Do nhân duyên gì, các Bà-la-môn dấy khởi kiến chấp như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy?

Đáp: Do Giáo và Lý.

Về Giáo: Như trước đã nói.

Về Lý: Tức như có một chúng sinh, vì tánh tìm tòi, suy xét, cho đến nói rộng. Do thấy những Bà-la-môn chân chánh ở thế gian, tánh gồm đủ giới pháp, có kẻ vì tham danh lợi và sự cung kính, nên tạo ra kiến chấp như thế. Nay nên hỏi về vấn đề ấy, ý ông thế nào? Vì chỉ là các chủng loại khác từ cha mẹ sinh ra, hay là chủng loại Bà-la-môn cũng vậy? Nếu chỉ là các chủng loại khác, thì hiện thấy ở thế gian các người Bà-la-môn đều từ mẹ sinh ra, nên như ông nói là chống lại sự việc hiện tại, là không hợp đạo lý. Nếu chủng loại Bà-la-môn cũng như thế, thì chỗ ông nêu bày ở trước: “Các Bà-la-môn chủng loại tối thắng, các hàng Sát-đế-lợi v.v... là chủng loại thấp kém” là không hợp đạo lý. Như từ nơi mẹ sinh ra, việc tạo tác nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, tạo hành ác, hành diệu nơi thân ngữ ý, ở trong hiện pháp thọ nhận quả yêu thích, không yêu thích, lại ở nơi đời sau sinh vào nẻo ác, hoặc sinh vào nẻo thiện. Nếu ba xứ hiện tiền là kia là đây, do kia do đây, nên nhập nơi thai mẹ, từ đó sinh ra. Hoặc nơi xứ công xảo của thế gian, hoặc nơi xứ tạo nghiệp thiện, bất thiện. Hoặc là vua hoặc là quan, hoặc khéo léo, nhanh nhẹn, hoặc tăng tiến đầy đủ, hoặc vì vua xem xét, ghi chép, giữ chức cấp thị, hoặc không xem xét, sao chép.

Hoặc là pháp lão bệnh tử, hoặc chẳng phải là pháp lão bệnh tử. Hoặc tu phạm trụ, đã sinh vào cõi Phạm Thế, hoặc lại không như vậy. Hoặc tu pháp Bồ-đề phần, hoặc chẳng tu tập. Hoặc tỏ ngộ về Bồ-đề Thanh văn, Bồ-đề Độc giác, Bồ-đề vô thượng, hoặc lại không như thế.

Lại, ý ông thế nào? Là từ chủng loại thù thắng sinh ra, nên ở đây gọi là thù thắng, hay là do nơi giới hạnh, kiến văn? Nếu do từ chủng loại thù thắng sinh ra, thì nơi luận thuyết của ông nêu bày, ở trong việc tế tự, nếu giới hạnh, kiến văn v.v... thù thắng, lấy đây mà lường xét, nếu như lời nói ấy thì lập luận ở đây không đúng lý. Nếu do nơi giới hạnh, kiến văn v.v... thì điều ông nói ở trước: “Các Bà-la-môn là chủng loại tối thắng...” là không hợp đạo lý. Như vậy, là về sinh ra, tạo nghiệp, thọ sinh, xứ nghiệp công xảo, tăng thượng, về chỗ xem xét sao chép, phạm trụ, tu giác phần, chứng Bồ-đề, Giới, Văn thù thắng, đều cho thấy không hợp đạo lý. Do vậy luận thuyết ấy nêu bày không như lý.

15. Luận thuyết vọng chấp thanh tịnh: Nghĩa là như có một vị, hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Nếu ngã giải thoát, tâm được tự tại, quán xét được tự tại. Nghĩa là đối với năm thứ dục vi diệu của chư thiên, thâm nhận chắc chắn, hoan hỷ thọ lạc tùy ý hưởng dụng. Đó gọi là đạt được Niết-bàn thanh tịnh bậc nhất của hiện pháp.

Lại có ngoại đạo, dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Nếu có kẻ lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, đối với tinh lự thứ nhất có được sự an trụ đầy đủ, cho đến đạt được an trụ đầy đủ nơi tinh lự thứ tư, thì cũng gọi là đạt được Niết-bàn thanh tịnh bậc nhất của hiện pháp.

Lại có ngoại đạo, dấy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Nếu có chúng sinh được tắm rửa thân thể nơi dòng sông Tôn-đà-lợi-ca thì các thứ ác hiện có thấy đều trừ diệt. Như đối với sông Tôn-đà-lợi-ca, nơi các dòng sông: Bà-hồ-đà, Già-da, Tát-phạt-

đề, Căng-già, nếu được tắm rửa thân thể, nên biết đều cũng như vậy, tức đạt được thanh tịnh bậc nhất.

Lại có ngoại đạo chấp giữ giới của chó, cho là thanh tịnh. Hoặc giữ giới của bò, hoặc giữ giới bôi dầu đen, hoặc giữ giới lộ bày hình tướng, hoặc giữ giới bôi tro, hoặc giữ giới tự hành khổ, hoặc giữ giới bôi phân dơ, cho những hành ấy là thanh tịnh. Đây là chỗ chấp của các ngoại đạo chủ trương Niết-bàn của hiện pháp và nhóm ngoại đạo cho nước v.v... là thanh tịnh.

Hỏi: Do nhân duyên gì, các ngoại đạo ấy dấy khởi kiến chấp như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy?

Đáp: Do Giáo và Lý.

Về Giáo: Như trước đã nói.

Về Lý: Tức như có một chúng sinh, vì tánh tìm tòi, suy xét, cho đến nói rộng. Kẻ ấy cho là đạt được tự tại tùy ý, dục tự tại, quán hành tự tại, gọi là thanh tịnh thù thắng, nhưng không nhận biết đúng như thật về tướng của tự tại tùy ý v.v...

Lại, như có kẻ kiến chấp, do tự hành khổ thân xác, tự đạt giải thoát xấu ác, hoặc tạo tội ác, do tội ác mà được giải thoát. Nay nên nêu hỏi về vấn đề ấy, ý ông mong muốn điều gì? Nếu có người đối với năm thứ dục diêu, hoan hỷ thọ hưởng, là lia dục tham hay là chưa lia? Nếu là đã lia, thì đối với năm dục thế gian vui vẻ thọ dụng, là không hợp đạo lý. Còn nếu chưa lia, mà cho là giải thoát thanh tịnh, là không hợp đạo lý.

Lại, chỗ mong muốn của ông là gì? Những người đạt được tĩnh lự thứ nhất, cho đến an trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ tư, kẻ ấy là đã lia hết thầy tham dục, hay là chưa lia? Nếu nói đã lia hết thầy: Tức chỉ an trụ đầy đủ cho đến tĩnh lự thứ tư, là không hợp đạo lý. Còn nếu nói chưa lia hết thầy dục, mà cho là giải thoát thanh tịnh rất ráo, là không hợp lý.

Lại, chỗ mong muốn của ông là gì? Là do thanh tịnh bên trong nên thanh tịnh rốt ráo, hay là do thanh tịnh bên ngoài, nên thanh tịnh rốt ráo? Nếu là do bên trong, thì cho ở nơi các dòng sông tắm gội thân thể mà đạt được thanh tịnh, là không hợp đạo lý. Nếu là do bên ngoài, thì bên trong có đủ mọi thứ cấu uế như tham, sân, si v.v... chỉ trừ bỏ cấu uế bên ngoài, bèn cho là thanh tịnh, là không hợp đạo lý.

Lại, chỗ mong muốn của ông là gì? Là nhận giữ vật thanh tịnh nên được thanh tịnh, hay là nhận giữ vật không thanh tịnh nên được thanh tịnh? Nếu do nhận giữ vật thanh tịnh nên được thanh tịnh, thì thế gian cùng thấy chó v.v... là bất tịnh, nhưng ông lại cho việc nhận giữ chó v.v... là đạt được thanh tịnh, là không hợp đạo lý. Còn nếu do nhận giữ vật bất tịnh, thì tự thể bất tịnh mà khiến cho người khác thanh tịnh, là không hợp đạo lý.

Lại, ý ông muốn gì? Những kẻ thọ nhận giới chó v.v... là thân v.v... hành hạnh tà, ác nên được thanh tịnh, hay là thân v.v... hành hạnh chánh, diệu nên được thanh tịnh? Nếu do hành hạnh tà ác, thì hành hạnh tà ác mà cho là thanh tịnh, là không hợp đạo lý. Còn nếu do hành hạnh diệu, thì thọ giữ giới chó v.v... tức là việc làm hoang đường, vô ích, mà cho là nhờ đấy có thể đạt được thanh tịnh, là không hợp đạo lý.

Như vậy, về lìa dục không lìa dục, về trong ngoài, thọ nhận vật tịnh bất tịnh, tà hạnh, chánh hạnh, đều cho thấy là không hợp đạo lý. Vì thế luận thuyết ấy nêu bày không như lý.

16. Luận thuyết vọng chấp về an lành: Nghĩa là như có một vị, hoặc Sa-môn hoặc Bà-la-môn, đầy khởi kiến giải như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: Như nơi thế gian, mặt trời mặt trăng xâm thực, tinh tú vận hành sai lệch, nên những sự việc mong cầu đều không thành tựu. Nếu các mặt trời, mặt trăng, tinh tú kia có sự thuận hợp thì mọi sự mong cầu đều được thành tựu. Vì ý nghĩa ấy, nên phải siêng năng, tinh tấn cúng dường mặt trời, mặt trăng, tinh tú như cúng đèn,

tụng chú, bày biện các thứ cỗ, quả Tần loa, Hương khư v.v... Đó là những kiến chấp của các ngoại đạo coi ngày tính giờ.

Hỏi: Do nhân duyên gì, các ngoại đạo ấy dấy khởi kiến chấp như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy?

Đáp: Do Giáo và Lý.

Về Giáo: Như trước đã nói.

Về Lý: Tức như có một chúng sinh, vì tánh tìm cầu, suy xét, cho đến nói rộng. Kẻ ấy do đạt được các pháp tinh lực thế gian, thế gian đều cho là A-la-hán. Nếu có kẻ mong cầu tự thân được giàu vui, chỗ cầu xin được toại nguyện, bèn tìm đến thưa hỏi. Nhưng người kia không nhận biết đúng như thật về nghiệp quả tương ưng nơi đạo lý duyên sinh, chỉ thấy lúc mặt trời, mặt trăng nơi thế gian có hiện tượng xâm thực, tinh tú vận hành, bấy giờ quả báo nơi nghiệp tịnh, bất tịnh của chúng sinh thành thực, người kia cho là do mặt trời, mặt trăng v.v... tạo nên. Lại vì những kẻ tin thích sự việc ấy, nên kiến lập, hiển bày luận thuyết. Nay sẽ nêu hỏi về vấn đề đó, ý ông thế nào? Các sự việc hưng suy nơi thế gian, là do mặt trời, mặt trăng xâm thực, tinh tú vận hành tạo ra, hay là do nghiệp tịnh, bất tịnh tạo ra? Nếu cho là do mặt trời v.v... tạo ra, thì hiện thấy nơi thế gian, thọ mạng của con người tùy theo nghiệp tạo phước, phi phước, chiêu cảm lấy các quả khổ vui, hưng suy, nên lập luận kia là không hợp đạo lý. Nếu cho là do nghiệp tịnh, bất tịnh tạo ra, thì chỗ chấp do mặt trời v.v... tạo ra là không hợp đạo lý. Như vậy, về mặt trời v.v... tạo ra, về nghiệp tịnh, bất tịnh tạo ra, đều cho thấy là không hợp đạo lý. Do đó luận thuyết ấy nêu bày là không như lý.

Như vậy, 16 thứ dị luận, do hai loại môn phát khởi quan sát, do đạo lý chân chánh thúc đẩy quan sát, nơi hết thấy loại đều không hợp lý.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 8

Địa thứ 3, 4, 5: ĐỊA CÓ TÂM CÓ TỨ, phần 5 (Phần Bản Địa)

V. Lại nữa, thế nào là nêu bày kiến lập về tạp nhiễm? Nghĩa là do ba thứ tạp nhiễm, nên biết. *Những gì là ba?*

1. *Tạp nhiễm của phiền não.*
2. *Tạp nhiễm của nghiệp.*
3. *Tạp nhiễm của sự sinh.*

1. **Thế nào là tạp nhiễm của phiền não?** Kệ viết:

*Tự tánh hoặc phân biệt
Nhân, vị cùng với môn
Thượng phẩm, thuộc điên đảo
Sai biệt, các lỗi họa.*

Nên biết, tạp nhiễm của phiền não được giải thích là *do tự tánh, do phân biệt, do nhân, do vị, do môn, do thượng phẩm, do điên đảo, do thâm tóm, do sai biệt, do lỗi – họa.*

a. *Tự tánh của phiền não:* Nghĩa là như lúc pháp sinh, về tướng tự nhiên phát khởi không tịch tĩnh, do sự dậy khởi ấy nên hành không tịch tĩnh nối tiếp chuyển biến. Đó gọi là lược nói về tự tánh của phiền não.

b. Phân biệt của phiền não: Hoặc lập một loại: Tức là do nghĩa tập nhiễm của phiền não. Hoặc phân làm hai loại: Nghĩa là phiền não do kiến đạo đoạn trừ và phiền não do tu đạo đoạn trừ.

Hoặc phân làm ba loại: Tức là phiền não thuộc cõi dục, thuộc cõi sắc và thuộc cõi vô sắc. Hoặc phân làm bốn loại: Là phiền não ký, vô ký thuộc cõi dục, phiền não vô ký thuộc cõi sắc, phiền não vô ký thuộc cõi vô sắc.

Hoặc phân làm năm loại: Là các phiền não do kiến khổ đoạn trừ, do kiến tập đoạn trừ, do kiến diệt đoạn trừ, do kiến đạo đoạn trừ, do tu đạo đoạn trừ.

Hoặc phân làm sáu loại: Là tham, sân, mạn, vô minh, kiến, nghi.

Hoặc phân làm bảy thứ: Tức là bảy loại tùy miên: Tùy miên dục tham. Tùy miên sân nhuế. Tùy miên hữu tham. Tùy miên mạn. Tùy miên vô minh. Tùy miên kiến. Tùy miên nghi.

Hoặc phân làm tám loại: Tức là tham, sân, mạn, vô minh, nghi, kiến và hai thứ thủ.

Hoặc phân làm chín loại: Nghĩa là chín kiết: Kiết ái. Kiết sân. Kiết mạn. Kiết vô minh. Kiết kiến. Kiết thủ. Kiết nghi. Kiết tật (ganh). Kiết xan (keo kiệt).

Hoặc phân làm mười thứ: Tát-ca-da-kiến (Thân kiến). Biên chấp kiến. Tà kiến. Kiến thủ. Giới cấm thủ. Tham. Sân. Mạn. Vô minh. Nghi.

Hoặc phân làm một trăm hai mươi tám thứ phiền não. Tức mười phiền não trên, do mê chấp về mười hai thứ để được kiến lập, nên biết.

Những gì gọi là mười hai thứ để? Đó là: Khổ đế, tập đế của cõi dục. Khổ đế, tập đế của cõi sắc. Khổ đế, tập đế của cõi vô sắc.

Quả Biến trí kia tăng thượng nơi cõi dục. Diệt đế, đạo đế do quả Biến trí ấy hiển bày. Quả Biến trí kia tăng thượng nơi cõi sắc. Diệt đế, đạo đế do quả Biến trí ấy hiển bày. Quả Biến trí kia tăng thượng nơi cõi vô sắc. Diệt đế, đạo đế do quả Biến trí ấy hiển bày. Trong đó:

Khổ đế, tập đế thuộc cõi dục và diệt đế, đạo đế tăng thượng nơi cõi dục có đủ mười phiền não mê chấp. Khổ đế, tập đế thuộc cõi sắc, và diệt đế, đạo đế tăng thượng nơi cõi ấy, có chín phiền não mê chấp (trừ sân). Như nơi cõi sắc, nơi cõi vô sắc cũng thế.

Trong sự tu tập, đối trị nơi cõi dục, có sáu phiền não mê chấp. Tức là trừ: tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi. Trong sự tu tập, đối trị nơi cõi sắc, có năm phiền não mê chấp. Tức là trừ: sân trong sáu thứ còn lại ở trên. Nơi cõi vô sắc cũng giống như cõi sắc.

Như nơi mê chấp, về chương ngại cũng vậy.

Tát-ca-da-kiến: Là do gần gũi với những hạng người bất thiện, nghe phi chánh pháp, nên tác ý không đúng như lý. Lại do tự nhiên mất chánh niệm, cùng tùy theo quán, chấp năm thứ thủ uẩn, thể là tuệ nhiệm ô hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt.

Biên chấp kiến: Là do gần gũi nơi kẻ bất thiện, nghe pháp không chân chánh, nên tác ý không đúng như lý, cùng do tự dụng mất chánh niệm nên chấp giữ năm thủ uẩn là tánh của ngã, rồi tùy theo quán chấp là đoạn, là thường, thể là tuệ nhiệm ô hoặc phân biệt hoặc không phân biệt.

Tà kiến: Là do thân cận với kẻ bất thiện, nghe pháp không chân chánh, nên tác ý không như lý, bài bác cả nhân quả, hoặc bài bác tác dụng, hủy hoại sự việc chân thật, chỉ dùng tuệ nhiệm ô phân biệt làm thể.

Kiến thủ: Là do thân cận hạng người bất thiện, nghe pháp không chân chánh, nên tác ý không như lý. Dùng Tát-ca-da-kiến, biên chấp

kiến, tà kiến và các pháp cùng có tương ưng với chỗ dựa, chỗ duyên, chỗ nhân, so sánh với kiến chấp khác, cùng theo nơi quán, chấp là tối thắng, vi diệu bậc nhất, chỉ dùng tuệ nhiệm ô phân biệt làm thể.

Giới cấm thủ: Là do gần gũi với kẻ bất thiện, nghe pháp không chân chánh, nên tác ý không như lý, tức ở nơi kiến giải đó mà hành trì, hoặc giới hoặc cấm, và với các pháp cùng có tương ưng với chỗ dựa, chỗ duyên, chỗ nhân, cùng theo nơi quán chấp là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly, chỉ dùng tuệ nhiệm ô phân biệt làm thể.

Tham: Là do gần gũi với kẻ bất thiện, nghe pháp bất chánh, nên tác ý không như lý, lại do tự nhiên mất chánh niệm, đối với cảnh giới trong ngoài đáng yêu thích, hoặc phân biệt hoặc không phân biệt, nhiễm đắm, chấp trước làm thể.

Sân: Là do thân cận với hạng người bất thiện, nghe pháp không chân chánh, nên tác ý không như lý, lại do tự nhiên mất chánh niệm, đối với cảnh giới trong ngoài không yêu thích, hoặc phân biệt hoặc không phân biệt, ghét giận làm thể.

Mạn: Tức do thân cận với hạng người bất thiện, nghe pháp không chân chánh, nên tác ý không như lý, lại do tự nhiên mất chánh niệm, đối với chỗ cao thấp hơn kém nơi trong ngoài, hoặc phân biệt hoặc không phân biệt, lấy cao ngạo làm thể.

Vô minh: Là do thân cận với kẻ bất thiện, nghe pháp không chân chánh, nên tác ý không như lý, lại do tự nhiên mất chánh niệm, nơi sự việc của đối tượng nhận thức, hoặc phân biệt hoặc không phân biệt, lấy vô tri nhiễm ô làm thể.

Nghi: Tức do thân cận với kẻ bất thiện, nghe pháp không chân chánh, nên tác ý không như lý, đối với sự việc của đối tượng nhận thức, chỉ dùng phân biệt theo chỗ hiểu biết khác làm thể.

c. Nhân của phiền não: Tức là sáu thứ nhân: (1) Do đối tượng nương dựa. (2) Do đối tượng duyên. (3) Do thân cận. (4) Do tà giáo.

(5) Do luôn tập quen. (6) Do tác ý. Do sáu nhân này nên dấy khởi các phiền não.

Đối tượng nương dựa: Là do tùy miên khởi các phiền não.

Đối tượng duyên: Là thuận theo cảnh giới của phiền não hiện tiền.

Thân cận: Là do theo học nơi kẻ bất thiện.

Tà giáo: Là do nghe pháp không chân chánh.

Luôn tập quen: Là do sức mạnh luôn tập quen đã gây tạo từ trước.

Tác ý: Là do phát khởi tác ý không như lý, nên các phiền não sinh.

d. Phần vị của phiền não: Lược có bảy thứ: (1) Phần vị tùy miên. (2) Phần vị triền (trói buộc). (3) Phần vị phân biệt dấy khởi. (4) Phần vị cấu sinh. (5) Phần vị nhuuyến (hạ). (6) Phần vị trung. (7) Phần vị thượng.

Do hai duyên, nên tùy miên của phiền não được gọi là tùy miên: (1) Do chúng tử luôn theo đuổi. (2) Do sự tăng thượng của phiền não.

đ. Môn của phiền não: Lược có hai môn, là chỗ nào hại của phiền não: môn triền và môn tùy miên.

Môn triền có năm thứ: (1) Do không an trụ nơi tịch tĩnh. (2) Do chướng ngại pháp thiện. (3) Do phát khởi hành ác của nẻo ác. (4) Do thâm nhận hiện pháp thấp kém. (5) Do có thể chiêu cảm các khổ như sinh v.v...

Thế nào là chỗ nào hại của môn tùy miên? Nghĩa là cùng với các triền làm chỗ dựa, lại có thể dẫn dắt làm phát sinh các khổ. Lại do bảy môn, nên tất cả phiền não có thể gây chướng ngại đối với kiến đạo và tu đạo, nên biết. Đó là: Do hiểu biết tà vạy. Do không hiểu biết. Do hiểu biết nơi không hiểu biết. Do mê chấp nơi hiểu biết sai lạc. Do nhân nơi chôn dựa của phiền não. Do phiền não sinh ra sợ hãi. Do hiện hành tự nhiên.

e. Thế nào là tướng thượng phẩm của phiền não? Tức là tướng mãnh liệt và tướng trầm trọng. Tướng này lược có sáu thứ: (1) Do xâm phạm. (2) Do sinh. (3) Do tương tục. (4) Do sự việc. (5) Do khởi nghiệp ác. (6) Do cứu cánh.

Do xâm phạm: Là do phiền não này trói buộc, hủy phạm tất cả học xứ hiện có.

Do sinh: Nghĩa là do phiền não ấy nên sinh trong nẻo ác, chỗ nơi Dục giới.

Do tương tục: Nghĩa là hành các căn như tham v.v... thành thực, từ thời thiếu niên, tráng niên không có pháp Niết-bàn.

Do sự việc: Nghĩa là duyên nơi ruộng tôn quý, hoặc duyên nơi ruộng công đức, hoặc duyên nơi ruộng của hành không ứng hợp mà đầy khởi.

Do khởi nghiệp ác: Tức do phiền não này trói buộc, do tâm vui thích tăng thượng nên khởi nghiệp thân, ngữ.

Do cứu cánh: Nghĩa là tự tánh ấy thuộc về thượng phẩm, là chỗ đoạn trừ của đạo đối trị đầu tiên nơi bậc thấp.

f. Diên đảo thâm tóm của phiền não: Nghĩa là bảy diên đảo: (1) Tướng diên đảo. (2) Kiến diên đảo. (3) Tâm diên đảo. (4) Diên đảo về thường đối với vô thường. (5) Diên đảo về vui đối với khổ. (6) Diên đảo về tịnh đối với bất tịnh. (7) Diên đảo về ngã đối với vô ngã.

Tướng diên đảo: Nghĩa là ở trong vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, khởi vọng tưởng thường, lạc, tịnh, ngã, phân biệt.

Kiến diên đảo: Là ở trong chỗ phân biệt vọng tưởng ấy, thừa nhận dục lạc để kiến lập mọi chấp trước.

Tâm diên đảo: Tức ở trong chỗ chấp trước ấy, có các phiền não như tham v.v... Nên biết phiền não lược có ba thứ: Hoặc có phiền

não là gốc rễ của điên đảo. Hoặc có phiền não là thể của điên đảo. Hoặc có phiền não là đẳng lưu của điên đảo.

Gốc rễ của điên đảo: Là vô minh.

Thể của điên đảo: Là Tát-ca-da-kiến, một phần của biên chấp kiến, kiến thủ, giới cầm thủ và tham.

Đẳng lưu của điên đảo: Là tà kiến và một phần của biên chấp kiến, sân, mạn và nghi.

Trong đó:

Tát-ca-da-kiến: Là điên đảo về ngã đối với vô ngã.

Một phần của biên chấp kiến: Là điên đảo về thường đối với vô thường.

Kiến thủ: Là điên đảo về tịnh đối với bất tịnh.

Giới cầm thủ: Là điên đảo về lạc đối với khổ.

Tham thì chung nơi hai thứ: Là điên đảo về tịnh đối với bất tịnh và điên đảo về lạc đối với khổ.

g. Sai biệt của phiền não: Nên biết là có nhiều thứ sai biệt. Đó là: Kiết. Phược (trói). Tùy miên. Tùy phiền não. Triền. Bộc lưu (dòng thác). Ách. Thủ. Hệ. Cái (ngăn che). Chu ngọt. Cấu. Thường hại. Mũi tên. Hiện có. Căn. Hành ác. Lậu. Quỹ (hết, thiếu). Thiêu đốt. Não. Tranh chấp. Lừa. Cháy bùng. Rừng rậm. Chương ngại. Nên biết, các loại như vậy là sự sai biệt của phiền não. Trong đó:

Có thể hòa hợp với khổ, nên gọi là kiết. Khiến đối với hành thiện không tùy theo chỗ mong muốn, nên gọi là phược. Là chỗ theo đuổi của tất cả chúng tử tăng thượng nơi thế gian, nên gọi là tùy miên.

Làm cho tâm điên đảo, cấu nhiễm, nên gọi là tùy phiền não. Luôn khởi hiện hành nên gọi là triền. Sâu, khó vượt qua, trôi chìm theo dòng chảy, nên gọi là bộc lưu.

Là phương tiện của hành tà, nên gọi là ách. Có thể chấp giữ tự thân khiến nối tiếp không dứt, nên gọi là thủ. Khó có thể giải thoát, nên gọi là hệ.

Che phủ nghĩa chân thật, nên gọi là cái. Hủy hoại ruộng gieo trồng pháp thiện, nên gọi là chu ngột. Tự tánh nhiễm ô nên gọi là cầu.

Luôn có thể làm hại, nên gọi là thường hại. Tướng không tĩnh lặng, xa lìa chỗ thuận hợp, nên gọi là mũi tên. Có thể thâm tóm sự việc làm chỗ dựa, nên gọi là hiện có.

Làm chỗ nương cho pháp bất thiện, nên gọi là căn. Là tự tánh của hành tà, nên gọi là hành ác. Làm loạn động, lưu chuyển nơi tâm, nên gọi là lậu.

Có thể khiến thọ dụng không biết chán đủ, nên gọi là thiếu. Có thể khiến cho chỗ ham muốn luôn thiếu thốn, nên gọi là thiêu đốt. Có thể dẫn dắt đến chỗ suy tổn, nên gọi là não.

Có thể làm nhân cho sự kiện tụng tranh chấp, nên gọi là hữu tránh (có tranh chấp). Thiêu đốt chỗ tích tập các củi căn thiện, nên gọi là lửa. Như bệnh đại nhiệt, nên gọi là cháy bùng.

Có vô số đại thọ của tự thân tụ tập nên gọi là rừng rậm. Có thể khiến cho chúng sinh ưa thích vương chấp nơi vô số dục trần thượng diệu, có thể gây chướng ngại cho việc chứng đắc pháp xuất thế, nên gọi là chướng ngại.

Các thứ sai biệt của phiền não như vậy, Đức Bạc-già-phạm tùy theo chỗ tăng mạnh, ở trong vô số môn phiền não, kiến lập sự sai biệt.

Kiết: Là chín kiết: Tức kiết ái v.v..., nói rộng như trước.

Phược: Là ba phược: Tức tham, sân, si.

Tùy miên: Là bảy thứ tùy miên, như tùy miên dục tham v.v..., nói rộng như trước.

Tùy phiến não: Là ba tùy phiến não, tức tham sân si.

Triền: Là tám triền: Vô tâm (không hồ), vô quý (không thẹn), hôn trầm, thù miên (ngủ nghi), trạo cử, ô tác (hối), tật đố (ganh ghét), xan lận (keo kiệt).

Bộc lưu: Là bốn bộc lưu: Dục, hữu, kiến, vô minh.

Ách: Cũng như bộc lưu.

Thủ: Là bốn thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ.

Hệ: Là bốn hệ: Hệ tham thân, hệ sân thân, hệ giới cấm thủ thân, hệ cho đây là thật chấp giữ thân.

Cái: Là năm cái: Tham dục, sân hận, hôn trầm – thù miên, trạo cử – ô tác (hối), nghi.

Chu ngọt: Là ba chu ngọt: Tham, sân, si.

Như chu ngọt, các thứ *cấu*, *thường hại*, *mũi tên*, *hiện có*, *hành ác* cũng vậy.

Căn: Là ba căn bất thiện: Tham, sân, si.

Lậu: Là ba lậu: Dục, hữu, vô minh.

Thiếu: Là ba thiếu: Tham, sân, si.

Như thiếu, các thứ *thieu đốt*, *não*, *hữu tránh*, *lửa*, *cháy bùng*, *rừng rậm* cũng như vậy.

Chướng ngại: Có năm thứ chướng ngại: Luyện tiếc nơi thân. Luyện tiếc nơi các dục. Thích cùng trụ xen tạp. Thiếu tùy thuận giáo pháp. Được thiện vi diệu liền sinh biết đủ.

h. Lỗi, họa của phiến não: Nên biết các phiến não có vô lượng lỗi lầm, tai họa. Nghĩa là lúc phiến não dấy khởi, trước tiên là não loạn nơi tâm. Tiếp theo là ở nơi đối tượng duyên phát khởi điên đảo, khiến các tùy miên đều được bền chắc, khiến cho hành đẳng lưu nổi

tiếp chuyên biến. Có thể dẫn đến việc tự hại, có thể dẫn tới việc hại kẻ khác, có thể dẫn đến việc cùng hại cả hai. Sinh tội nơi hiện pháp, sinh tội nơi hậu pháp, sinh tội nơi cả hai pháp. Khiến cho thân tâm sinh thọ nhận ưu khổ, có thể dẫn sinh vô số khổ lớn, có thể khiến cho việc xa lìa Niết-bàn an lạc cứ nối tiếp. Có thể khiến thoái mất các pháp thắng thiện. Có thể khiến cho tài sản hao tổn, mất mát. Có thể khiến cho việc đi vào đám đông không đạt được vô úy, vì sợ sệt không có uy lực. Có thể khiến cho tiếng tăm xấu ác truyền khắp mọi nơi chốn. Thường bị bậc Trí chê trách. Khiến vào lúc lâm chung sinh khởi ưu sầu, hối hận lớn. Khiến sau khi chết, bị đọa nơi các nẻo ác, sinh trong địa ngục. Khiến không chứng đạt nghĩa lợi tự thắng. Các lỗi lầm như thế là vô lượng vô biên.

2. Thế nào là tạp nhiễm của nghiệp? Kệ viết:

*Tự tánh hoặc phân biệt
 Nhân, vị cùng với môn
 Phẩm tăng thượng, điên đảo
 Sai biệt, các lỗi, họa.*

Nên biết, giải thích phần tạp nhiễm của nghiệp là *do tự tánh, do phân biệt, do nhân, do phân vị, do môn, do thượng phẩm, do điên đảo, do sai biệt, do lỗi – họa*.

a. Thế nào là tự tánh của nghiệp? Nghĩa là nếu khi pháp sinh, sự tạo tác cùng khởi, lại do nghiệp kia sinh, nên thân hành, ngữ hành, nơi sau khi hành, theo chỗ tạo tác mà chuyên biến. Đó gọi là tự tánh của nghiệp.

b. Thế nào là sự phân biệt của nghiệp? Nghĩa là do hai thứ tướng, nên biết:

(1) Do tướng của Bồ-đặc-già-la nên sai biệt.

(2) Do tướng của pháp nên sai biệt.

Ở đây lại có hai thứ, tức mười thứ nghiệp đạo thiện và bất thiện.
Đó là:

Sát sinh – Lìa sát sinh.

Không cho mà lấy – Lìa không cho mà lấy.

Dục tà hạnh – Lìa dục tà hạnh.

Nói dối – Lìa nói dối.

Nói lời ly gián – Lìa nói lời ly gián.

Nói lời thô ác – Lìa nói lời thô ác.

Nói lời thêu dệt – Lìa nói lời thêu dệt.

Tham dục – Lìa tham dục.

Sân giận – Lìa sân giận.

Tà kiến – Lìa tà kiến.

(1) *Kiến lập tướng Bồ-đặc-già-la sai biệt*: Nghĩa là như nơi kinh nói: “Những kẻ sát sinh”, cho đến nói rộng.

* *Những kẻ sát sinh*: Đây là câu nêu chung.

“*Bạo ác tột cùng*”: Nghĩa là tâm sát hại đang hiện tiền.

“*Máu nhuộm nơi tay*”: Đó là vì biến thành tướng sát hại thân mạng.

“*Nắm giữ việc sát hại cùng cực*”: Là đoạn dứt mạng sống của các chúng sinh khác. Cắt, xẻ các chi phần nơi thân. Vì để nuôi sống thân mạng.

“*Không có xấu hổ*”: Nghĩa là từ nơi tội của mình sinh khởi.

“*Không có thương xót*”: Tức là dẫn đến những điều không yêu thương.

Có ngoại đạo xuất gia tên là Vô Hệ nói lời như vậy: “Những chúng sinh hiện có trong khoảng 100 do-tuần, đối với đạo kia hoặc có luật nghi hoặc không luật nghi”. Để đối trị đạo ấy nên nói như thế: “Nơi chốn của tất cả hữu tình”. Tức nơi ngoại đạo kia lại nói: “Các vật bên ngoài như cây cối v.v... cũng có sinh mạng”. Vì đối trị quan niệm ấy nên nói: “Nơi chốn của chúng sinh chân thật”. Đây tức là hiển bày phước đức chân thật, xa lìa đối trị, cùng hiển bày phước đức không thật, xa lìa đối trị. Các câu được nêu bày như vậy là làm rõ việc sát hại gia hạnh, cho đến loài hết sức nhỏ bé như đàn kiến v.v...

“Nơi chốn của các chúng sinh”: Câu này hiển bày việc sát hại không lựa chọn.

“Đối với việc sát sinh hoặc chưa xa lìa”: Đây là làm rõ việc gặp duyên thuận hợp có thể xuất ly, tức cho đến chưa xa lìa, trở lại gọi là kẻ sát sinh.

Lại, các câu này tóm lược về nghĩa: Tức là nhằm hiển bày tướng mạo của sát sinh, tác dụng, nhân duyên cùng sự dụng sai biệt của sát sinh.

“Lại, tóm lược về nghĩa”: Tức là nhằm hiển bày về nẻo như thật của sát sinh, sự sai biệt của sát sinh, việc sát sinh của nơi chốn sát sinh, gọi là người sát sinh. Lại, những câu ấy là làm rõ về tướng của Bồ-đặc-già-la, là chủ thể sát sinh, không phải hiển bày tướng của pháp sát sinh.

** Lại nữa, không cho mà lấy*: Đây là câu nêu tổng quát.

“Đối với sở hữu của kẻ khác”: Nghĩa là những thứ như của cải, lúa gạo thuộc về kẻ khác.

“Hoặc tại xóm làng”: Tức là các sự vật kia, ở trong xóm làng, hoặc tích tập, hoặc di chuyển.

“*Hoặc ở nơi vắng lặng*”: Nghĩa là các sự vật kia, ở nơi vắng vẻ, yên tĩnh, hoặc sinh khởi, hoặc tập hợp, hoặc lại di chuyển.

“*Tức ở đây gọi là những vật dụng có thể trộm cắp*”: Nghĩa là các vật không cho, không vất, không bỏ.

“*Hoặc tự mình nhận giữ*”: Là giữ lấy làm vật mình có.

“*Không cho mà lấy*”: Nghĩa là kẻ kia, hoặc lúc các vật dụng cần cho đời sống thiếu thốn, nên giữ lấy làm của mình.

“*Không cho mà vui thích*”: Là vui vẻ thọ nhận việc làm trộm cắp.

“*Đối với chỗ không cho, không từ bỏ mà sinh tâm mong cầu*”: Đó là trộm cướp nơi kẻ khác, nhằm làm của mình. Hoặc chủ của vật kia, chẳng phải là trước đã cho, như việc trả nợ, đó gọi là không cho.

Hoặc là chủ của vật kia, đối với vật ấy giữ lấy, không bỏ, cho, đó gọi là *không xả bỏ*. Hoặc chủ của vật kia, đối với các chúng sinh, không thuận theo chỗ mong muốn thọ dụng của họ để bỏ, cho, đó gọi là *không từ bỏ*.

“*Tự mình làm để lấy*”: Là không cho mà lấy, cùng không cho mà vui thích.

“*Tham lam mà lấy*”: Nghĩa là nơi các vật không cho, không từ bỏ, mà mong cầu có được.

“*Không thanh tịnh mà lấy*”: Tức là nơi các vật tranh giành, bị kẻ khác hơn, vì không trong sạch như tuyết.

“*Bất tịnh mà lấy*”: Nghĩa là tuy hơn kẻ khác, nhưng bị lỗi lầm làm cho cầu uest.

“*Có tội mà lấy*”: Tức là có thể thân nhận quả không yêu thích của hiện pháp và hậu pháp.

“*Đối với việc không cho mà lấy, hoặc chưa xa lìa*”: Như đã nói về tướng sát sinh ở trước. Nên biết, các nghiệp đạo còn lại, cũng như vậy.

“Ở đây, tóm lược về nghĩa”: Tức do trộm cắp vật ấy, nên thành không cho mà lấy. Hoặc ở nơi xứ này, như chỗ sai biệt của nó, là nói về trộm cướp như thật. Do trộm cướp nên mắc phải tội lỗi ấy, đó gọi là nghĩa tổng quát. Lại, ở đây cũng hiển bày về tướng của kẻ không cho mà lấy, chẳng phải là tướng của pháp không cho mà lấy. Nên biết các nghiệp đạo khác cũng vậy.

* *Lại nữa, tà hạnh về dục*: Đây là câu nêu chung.

“*Đối với việc bảo hộ của các bậc cha mẹ*”: Cũng như cha mẹ đối với con gái chưa chồng của mình, vì sự việc xuất giá theo về với kẻ khác, nên phải siêng tăng việc giữ gìn. Luôn luôn xem xét, không để cùng với kẻ khác tạo chuyện xấu xa.

Nếu không còn cha mẹ: Tức lại có anh chị ruột lo công việc gìn giữ. Ở đây, nếu anh chị ruột không có, thì lại được những thân thích khác lo công việc bảo hộ. Hàng thân thích ấy nếu cũng không có, thì vì sợ tổn hại đến thanh danh của gia tộc, nên tự mình phải biết giữ gìn. Hoặc các cô, cậu của kẻ ấy, vì con cháu của mình, nên siêng gắng bảo hộ.

“*Có sự trị phạt*”: Tức là các quốc vương, hoặc những vị chấp pháp, theo pháp luật xử trị để giữ gìn.

“*Có chướng ngại*”: Đó là công việc bảo hộ của người giữ cửa.

Trong đây, hiển bày tóm lược về ba thứ bảo hộ đối với những cô gái chưa xuất giá: Một là việc bảo hộ của hàng quyền thuộc chí thân với mình. Hai là việc bảo hộ của vua quan, những bậc chấp pháp. Ba là việc bảo hộ của những người giữ cửa.

“*Thê thiếp của kẻ khác*”: Là những người đã xuất giá.

“*Thuộc về kẻ khác*”: Tức là các người nữ chưa xuất giá, được ba loại bảo hộ giữ gìn.

“*Hoặc do hung trá*”: Nghĩa là sau khi dối trá lừa gạt rồi, làm việc tà hạnh.

“*Hoặc do sức mạnh*”: Tức là đối trước cha mẹ của kẻ kia, ngang nhiên cưỡng bức.

“*Hoặc do ẩn núp*”: Là không đối mặt với kẻ kia.

“*Tướng chiếm đoạt, vui thích hành tà hạnh*”: Đó là hai bên cùng “giao hội”.

“*Tức nơi sự việc này, hành tà hạnh với tâm dục, trái đạo lý*”: Nghĩa là hành sự không phải đạo, không phải nơi chốn, không phải lúc, đối với thể thiết của mình mà gây tạo tội lỗi.

“*Ở đây, tóm lược về nghĩa*”: Là hiển bày tóm lược về chỗ hành của kẻ kia, hoặc hành xử sai khác, hoặc tà hạnh về dục, nên biết.

* *Lại nữa, những kẻ nói dối*: Đây là câu nêu chung.

“*Hoặc là vua*”: Tức là vương gia.

“*Hoặc sứ giả của vua*”: Tức là những vị nắm giữ pháp luật của nước.

“*Hoặc là riêng lẻ*”: Tức các hàng trưởng giả, cư sĩ.

“*Hoặc là số đông*”: Là nhiều người tụ tập.

“*Hoặc tập trung đông đảo*”: Tức là nơi chốn có dân chúng khắp bốn phương tụ tập.

“*Hoặc đã nhận biết*”: Là những lời nói theo ba chỗ đã trải qua ở trước.

“*Hoặc đã thấy*”: Là những lời nói theo chỗ đã trải qua, từng thấy.

“*Hoặc do nhân của chính mình*”: Nghĩa là hoặc nhân nơi sợ hãi, hoặc nhân nơi sự tham đắm mùi vị. Như do nhân của chính mình, nhân của kẻ khác cũng vậy.

“*Nhân nơi sợ hãi*”: Tức là do sợ hãi bị giết, bị trói cột, bị xử trị, bị bãi chức v.v...

“*Nhân nơi sự tham đắm mùi vị*”: Nghĩa là của cải, lúa gạo, châu báu v.v...

“*Biết mà nói dối*”: Là lời nói nhằm che giấu ý tưởng muốn thấy.

“*Trong đây tóm lược về nghĩa*”: Là nơi chốn nương dựa, là nói khác, là nhân duyên, là nói dối với ý tưởng hủy hoại, nên biết.

* *Lại nữa, kẻ nói lời ly gián*: Đây là câu nêu chung.

“*Hoặc là nhằm phá hoại*”: Là do ý ưa thích phá hoại.

“*Nghe đây nói rồi hướng về kia nói lại, nghe kia nói rồi hướng về đây nêu bày*”: Đó là theo chỗ nghe được, thuận trái đảo lộn, nói lời ly gián.

“*Phá hoại sự hòa hợp*”: Tức có thể sinh khởi vui mừng đối với sự việc biệt ly.

“*Theo chỗ ứng hợp làm cho chia lìa*”: Nghĩa là có thể làm cho trái nghịch, chống đối thì càng thêm vui thích.

“*Vui thích hủy hoại sự hòa hợp*”: Tức là ở trong sự biệt ly, đã sinh vui thích, tâm càng nhiễm ô.

“*Vui thích ghi nhận sự biệt ly*”: Nghĩa là tâm càng nhiễm ô, đối với cảnh trái nghịch, chống đối, đã sinh vui thích.

“*Nói lời có thể khiến ly gián*”: Tức là hoặc không nghe, hoặc theo phương tiện của kẻ khác.

“*Ở đây tóm lược về nghĩa*”: Là hiển bày tóm lược về ý vui thích ly gián, phương tiện ly gián chưa phá hoại, phương tiện ly gián đã phá hoại, ly gián với tâm cấu nhiễm và các phương tiện khác.

* *Lại nữa, kẻ nói lời thô ác*: Đây là câu nêu tổng quát. Ở đây, lời nói thuộc về giới, nên gọi là lời nói không nhiễu loạn. Câu văn hay, linh hoạt nên gọi là “vui tai”. Làm tăng thượng ý muốn hiểu biết về chỗ phát khởi, không phải là giả trá, chẳng phải là dua nịnh, nên

gọi là vừa lòng. Không tăng thêm, thời cơ thuận hợp, dẫn đến nghĩa lợi, nên gọi là đáng yêu thích. Hướng tới cảnh giới Niết-bàn, nên gọi là dẫn đầu. Câu văn đậm đà ý vị nên gọi là hay, đẹp tinh tế. Câu văn khéo giải thích nên gọi là phân minh. Hiện bày rõ nẻo hướng tới nên gọi là có thể dễ hiểu rõ. Do thấu nhận chánh pháp nên gọi là có thể hiện bày công sức. Vì lia chỗ phát khởi của tâm yêu thích hương vị, nên gọi là không có chỗ nương dựa. Không vượt quá mức độ nên gọi là không thể chán, nghịch. Nói tiếp chỗ rộng lớn nên gọi là vô biên vô tận.

Lại, từ lời nói không nhiều loạn, cho đến lời nói vô biên vô tận, nên biết là gồm thấu tóm lược làm ba thứ ngôn ngữ: Một là: Lời nói thuộc về luật nghi của giới. Là loại thứ nhất. Hai là: Lời nói thấy đều hoan hỷ. Là loại thứ hai. Ba là: Lời nói thuyết pháp. Là các loại còn lại. Tức nơi loại sau cùng này lại có ba thứ, nên biết: (1) Lời nói với chỗ hướng tới viên mãn. Là loại đầu. (2) Lời nói với văn từ viên mãn. Là hai thứ tiếp theo. (3) Lời nói với phương tiện viên mãn. Là các loại còn lại.

Lại, đối với đời vị lai có sự an vui đáng yêu thích, nên gọi là lời nói đáng yêu. Đối với đời quá khứ có sự an lạc đáng yêu thích, nên gọi là lời nói đáng yêu thích. Đối với sự việc của đời hiện tại cùng thọ nhận sự an vui đáng yêu thích, nên gọi là lời nói đáng hân hoan, hợp ý. Nên biết, lời nói thấy đều hoan hỷ gọi là lời nói được vô lượng chúng sinh yêu thích, vui vẻ, hân hoan, hợp ý. Lời nói thuyết pháp gọi là lời nói của Tam-ma-hý-đà. Lời nói thuộc về phần giới luật gọi là lời nói không hối v.v... lần lượt có thể dẫn đến Tam-ma-địa.

Ở đây, lời nói độc hiểm là lời nói hủy nhục kẻ khác, vì làm phát khởi sự độc hại của sân hận. Lời nói thô ác là lời nói làm não loạn kẻ khác, vì làm phát khởi cảm xúc đau khổ. Những lời nói thô ác còn lại, nên biết là chuyển ngược phẩm Bạch ở trước.

* *Lại nữa, những kẻ nói lời thêu dệt*: Đây là câu nêu chung. Vào lúc nêu tội không đúng, có năm loại nêu tội không đúng: Nói không đúng thời, nên gọi là *lời nói phi thời*. Nói không thật nên gọi là *lời nói không thật*. Nói dẫn đến chỗ vô nghĩa nên gọi là *lời nói vô nghĩa*. Nói quá thô ác nên gọi là *lời nói phi pháp*. Nói hiệp với sân hận nên gọi là *lời nói không yên tĩnh*.

Lại, lúc nói pháp tà vạy, vì suy xét không chân chánh mà nêu bày, nên gọi là *lời nói không suy lường*. Vì những người nghe hơn hẳn mà nêu bày, nên gọi là *lời nói không tịch tĩnh*. Vì nói không đúng lúc, nghĩa lý trước sau không thuận hợp, nên gọi là *lời nói tạp loạn*. Vì nhân nơi không đúng lý mà nêu bày nên gọi là *lời nói không có giáo hóa*. Nêu dẫn những điều không tương ưng làm thí dụ, so sánh, nên gọi là *lời nói không dẫn dụ*. Hiện bày sự ướm nhiệm nên gọi là *lời nói không có pháp*.

Lại, vào lúc ca ngâm vui đùa cùng lúc xem múa hát, chèo, tuồng v.v... có dẫn đến *lời nói vô nghĩa*.

Ở đây tóm lược về nghĩa: Tức hiện bày, như trước đã nêu, về lời nói thêu dệt nơi ba thời.

* *Lại nữa, những kẻ tham dục*: Đây là câu nói tổng quát.

Do tâm tham mãnh liệt: Nghĩa là đối với vật sở hữu của kẻ khác, do tâm tham tăng thượng, nên muốn lấy làm của mình, khởi quyết định giữ lấy.

Đối với của cải: Tức là các loại tài sản của thế gian.

Vật dụng: Nghĩa là các thứ vật dùng cho đời sống được thọ dụng. Hai thứ này gọi chung là vật.

Phàm các vật hiện có của kẻ kia quyết định sẽ thuộc về mình: Đây là hiện bày hành tướng của tham dục sinh khởi.

Trong ấy tóm lược về nghĩa: Tức nên biết là hiển bày về tự tánh của tham dục, đối tượng duyên của tham dục và hành tướng của tham dục.

** Lại nữa, kẻ có tâm sân hận:* Đây là câu nêu chung.

Phân biệt với ý ác: Nghĩa là ở chỗ của hữu tình khác, do sức tăng thượng của sân hận, muốn gây tổn hại, nên khởi quyết định giữ lấy ý tưởng ấy.

Sẽ giết: Tức là muốn làm tổn thương thân mạng kẻ kia.

Sẽ hại: Tức muốn làm não loạn thân mạng kẻ ấy.

Sẽ làm cho suy tổn: Tức muốn khiến cho tài sản của kẻ kia bị hao tổn.

Kẻ ấy sẽ tự nhận lấy vô số sầu não: Tức muốn khiến cho kẻ kia tự mất hết của cải, vật dụng.

Ở đây tóm lược về nghĩa: Là như trước, nên biết.

** Lại nữa, những kẻ tà kiến:* Đây là câu nêu tổng quát.

Dấy khởi kiến chấp như vậy: Đây là hiển bày về nghĩa nơi điều muốn, thích, dòn chứa trong tâm sẽ được nói ra.

Tạo lập luận thuyết như vậy: Đây là làm rõ nghĩa sẽ trao truyền cho kẻ khác những điều sắp nói.

Không có bố thí, không có yêu thương nuôi nấng, cùng không có cúng tế: Nghĩa là do ba thứ ý ưa thích, nên không có phát khởi bố thí: Ý thích về của cải, vật dụng. Ý thích thanh tịnh. Ý thích cúng tế chư thiên. Cúng dường lừa cho chư thiên gọi là tế tự.

Lại, hiển bày chỗ không phát khởi giới, tu pháp thiện được sinh nơi chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị. Cùng hiển bày chỗ không phát khởi bố thí, với pháp thiện được sinh nơi chủ thể đối trị, và đối

tượng được đối trị, nên nói lời như vậy: “Không có hành diệu, cũng không có hành ác”.

Lại, nhằm hiển bày chỗ không phát khởi ba thứ thiện ấy nơi quả đạt được của chủ thể đối trị và đối tượng được đối trị, nên nói lời như vậy: “Không có quả và dị thực của hai nghiệp hành diệu, hành ác”.

Lại, nhằm hiển bày việc không phát khởi duyên của chỗ dựa để lưu chuyển, nên nói: “Không có đời này, không có đời khác”.

Lại, nhằm hiển bày việc không phát khởi chỗ duyên dựa, cùng việc không phát khởi về duyên của chủng tử kia, nên nói: “Không có cha, không có mẹ”.

Lại, nhằm làm rõ việc không phát khởi các sĩ phu lưu chuyển, nên nói: “Không có hữu tình hóa sinh”.

Lại, nhằm làm rõ việc không phát khởi hành đối trị lưu chuyển, hoàn diệt, nên nói: “Thế gian không có A-la-hán chân thật”, cho đến nói rộng.

Do đã hướng tới chỗ đều khác biệt nơi phiền não đã tịch tĩnh, nên gọi là chánh chí. Đối với các hữu tình, xa lìa hạnh tà, hành hạnh không điên đảo, nên gọi là chánh hành. Lúc ở nơi nhân, gọi là thế gian này. Khi ở nơi quả, gọi là thế gian kia. Tự sức của sĩ phu tạo tác, gọi là tự nhiên.

Thông tuệ: Nghĩa là thức thứ sáu.

Đã chứng đắc: Tức là do kiến đạo.

Đầy đủ: Là do tu đạo.

Hiển bày: Là từ chỗ nhận biết của mình, vì người khác nêu giảng. “Nẻo sinh tử của Ta đã hết” v.v... nên biết, như ở nơi khác đã phân biệt.

Ở đây, tóm lược về nghĩa: Tức hiển bày chỗ hủy báng nhân, quả, bài bác về công dụng, hủy báng sự chân thật.

Công dụng: Là công dụng gieo trồng, công dụng nhận giữ, công dụng đến đi, công dụng của nghiệp chiêu cảm sinh.

Lại có tóm lược về nghĩa sai biệt: Tức hiển bày việc bài bác hoặc nhân hoặc quả, hoặc duyên lưu chuyển, hoặc sĩ phu lưu chuyển, cùng làm rõ việc bài bác hành đối trị, đạt hoàn diệt.

Lại, bài bác về lưu chuyển: Nên biết là hủy báng nhân, không hủy báng tự tướng.

Hủy báng về hoàn diệt: Nên biết là hủy báng về công đức tu tập, không hủy báng về Bồ-đặc-già-la.

* *Lại nữa, về phẩm Bạch:* Tất cả là chuyển ngược lại phần trước, nên biết, những sai biệt hiện có, tôi nay sẽ nêu rõ.

+ *Nghĩa là chuyển ngược lại trong phần tà hạnh của dục.*

Những bậc hành phạm hạnh: Đây là câu nêu chung. Nên biết ở đây do ba thứ thanh tịnh mà đạt được thanh tịnh: (1) Thanh tịnh của thời gian. (2) Thanh tịnh do tin nơi kẻ khác. (3) Thanh tịnh của chánh hạnh.

Vì hành trì cả đời, hành trì lâu xa: Đây là hiển bày về thanh tịnh của thời gian. Do gột rửa sạch chỗ tranh chấp nên gọi là thanh. Vì không trái vượt nên gọi là tịnh. Hai thứ này là hiển bày chung về thanh tịnh do tin nơi kẻ khác. Ở đây, hoặc có thanh mà không phải là tịnh, nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Thật sự hủy phạm, được hơn nơi tranh chấp. (2) Thật sự không hủy phạm, thua cuộc nơi tranh chấp. (3) Thật sự không hủy phạm, được hơn nơi tranh chấp. (4) Thật sự không hủy phạm, thua cuộc nơi tranh chấp.

Không để thân nhiễm ái tiếp xúc nơi đất quê mẹ, nên gọi là xa lìa tiếng xấu nơi đời sống. Không làm chuyện xấu xa, hai bên cùng

giao hội, nên gọi là xa lia dâm dục. Không dùng phương tiện xúc chạm bằng tay khác làm xuất thứ bất định nên gọi là ái không thô bỉ. Nguyên thọ trì phạm hạnh nên gọi là xa lia pháp thấp kém. Như thế gọi là đầy đủ thanh tịnh của chánh hạnh. Nên biết, tóm lược nghĩa tức ở trong phần này.

+ *Lại, chuyển ngược phần nói đối.*

Đáng tin cậy: Là có thể giao phó.

Đáng giao phó: Là có thể gởi gắm.

Nên có thể kiến lập: Nghĩa là ở trong các sự việc trái ngược, tranh chấp ấy, nên có thể kiến lập làm chứng có đúng đắn.

Không có hư dối: Là ở trong sự việc giao phó, gởi gắm, không hư dối, nên không lừa gạt.

Trong đây tóm lược về nghĩa: Tức hiển bày ba thứ thâm nhận: (1) Thâm nhận muốn hiểu biết. (2) Thâm nhận bảo lãnh. (3) Thâm nhận tác dụng.

(2) *Lại nữa, kiến lập về tướng của pháp sai biệt:* Đó là tức sát sinh, lia sát sinh v.v...

Thế nào là sát sinh? Nghĩa là đối với các chúng sinh khác, khởi tâm ô nhiễm, khởi ý muốn vui thích giết hại. Hoặc ở nơi các chúng sinh ấy khởi phương tiện giết hại và trong cứu cánh của sự sát hại đó là thuộc về thân nghiệp.

Thế nào là không cho mà lấy? Nghĩa là đối với các vật thuộc kẻ khác, khởi tâm nhiễm ô, khởi ý muốn vui thích trộm cắp. Hoặc đối với các chúng sinh đó khởi phương tiện trộm cắp, và trong cứu cánh của sự trộm cắp ấy là thân nghiệp hiện có.

Thế nào là tà hạnh về dục? Nghĩa là đối với các hành vi không ứng hợp, không phải đạo, không phải chốn, không phải lúc, khởi tâm

nhiễm ô, khởi ham muốn gần gũi, hoặc đối với các chúng sinh đó khởi phương tiện tà hạnh về dục, và thân nghiệp hiện có trong cứu cánh của tà hạnh về dục đó.

Thế nào là nói dối? Tức là đối với các hữu tình khác, khởi tâm nhiễm ô, khởi ý tưởng ham thích che giấu lời nói. Hoặc tức đối với các chúng sinh kia, khởi phương tiện tạo chứng cứ giả trá, và ngữ nghiệp hiện có trong cứu cánh của việc tạo chứng cứ giả trá đó.

Thế nào là nói lời ly gián? Nghĩa là đối với các hữu tình khác, khởi tâm nhiễm ô, khởi ý muốn vui thích phá hoại. Hoặc tức ở nơi các hữu tình đó, khởi phương tiện phá hoại, và trong cứu cánh của sự phá hoại đó, là ngữ nghiệp hiện có.

Thế nào là nói lời thô ác? Tức là đối với các hữu tình khác, khởi tâm nhiễm ô, khởi ý muốn vui thích nói lời thô, dữ. Hoặc tức ở nơi các hữu tình đó, khởi phương tiện nói lời thô ác, và ngữ nghiệp hiện có trong cứu cánh của lời nói thô dữ ấy.

Thế nào là nói lời thêu dệt? Nghĩa là khởi tâm nhiễm ô, khởi ý ham thích nói thêu dệt. Hoặc tức ở nơi các hữu tình kia khởi phương tiện nói lời không tương ưng và ở trong cứu cánh của lời nói không tương ưng đó, là thuộc về ngữ nghiệp.

Thế nào là tham dục? Nghĩa là đối với vật sở hữu của kẻ khác, khởi tâm nhiễm ô, khởi ý muốn vui thích lấy làm của mình. Hoặc tức ở nơi vật sở hữu của kẻ khác, khởi phương tiện quyết định lấy làm vật có của mình, và ý nghiệp hiện có trong cứu cánh kia.

Thế nào là sân hận? Nghĩa là đối với kẻ khác, khởi tâm nhiễm ô, khởi ý muốn vui thích não hại. Hoặc đối với kẻ khác, khởi phương tiện quyết định vui thích hãm hại, và ý nghiệp hiện hành trong cứu cánh của hành động ấy.

Thế nào là tà kiến? Tức là khởi tâm nhiễm ô, khởi ý vui thích phi báng, bài bác. Hoặc ở nơi các kiến giải, khởi phương tiện quyết định ưa thích phi báng, và ý nghiệp hiện hành trong cứu cánh ấy.

Thế nào là lia sát sinh? Nghĩa là đối với việc sát sinh, khởi tâm thắng thiện, khởi sự mong muốn hiểu biết về lỗi, họa. Hoặc đối với sự việc ấy khởi phương tiện dứt bỏ hẳn, và thân nghiệp hiện hành trong cứu cánh của sự dứt bỏ ấy.

Như lia sát sinh, *lia không cho mà lấy, cho đến lia tà kiến* nên biết cũng như vậy, chỗ sai khác trong ấy: Nghĩa là đối với việc không cho mà lấy, khởi mong muốn hiểu biết về lỗi, họa, khởi tâm thắng thiện. Hoặc ở nơi ấy khởi phương tiện dứt bỏ hẳn và ý nghiệp hiện hành trong cứu cánh của sự dứt bỏ đó.

Mười thứ như vậy, tóm lược làm ba, là thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, nên biết ba thứ này mở rộng thành mười loại.

c. Thế nào là nhân của nghiệp? Nên biết có mười hai thứ tướng: Tham. Sân. Si. Tự (mình). Tha (kẻ khác). Theo kẻ khác chuyển. Chỗ yêu thích hương vị. Sợ hãi. Làm tổn hại. Vui đùa. Tưởng về pháp. Tà kiến.

d. Thế nào là phần vị của nghiệp? Nên biết, lược nêu có năm thứ tướng: Vị thấp. Vị trung. Vị thượng. Vị sinh. Vị tập khí.

Do nghiệp bất thiện thấp, nên sinh trong loài Bàng sinh. Do nghiệp bất thiện trung bình, nên sinh trong loài Ngạ quỷ. Do nghiệp bất thiện nhiều (thượng) nên sinh vào nẻo Địa ngục. Do nghiệp thiện ít, nên sinh vào nẻo Người. Do nghiệp thiện vừa, nên sinh vào các cõi trời thuộc cõi dục. Do nghiệp thiện nhiều, nên sinh vào cõi sắc, vô sắc.

Những gì gọi là nghiệp bất thiện vị thấp? Đó là do tham sân si phẩm hạ làm nhân duyên.

Những gì gọi là nghiệp bất thiện vị trung? Đó là do tham sân si phẩm trung làm nhân duyên.

Những gì gọi là nghiệp bất thiện vị thượng? Đó là do tham sân si phẩm thượng làm nhân duyên.

Nếu là các nghiệp thiện, thì theo chỗ ứng hợp, nên biết là do không tham không sân không si làm nhân duyên.

Những gì là vị sinh nơi nghiệp? Đó là nghiệp đang hiện tiền, đã sinh, chưa diệt.

Những gì là vị tập khí nơi nghiệp? Đó là nghiệp đã sinh đã diệt, không hiện tiền.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 9

Địa thứ 3, 4, 5: ĐỊA CÓ TÂM CÓ TỨ, phần 6 (Phần Bản Địa)

đ. Lại nữa, thế nào là môn của nghiệp? Ở đây, tóm lược có hai thứ:

(1) Môn cho quả.

(2) Môn tôn ích.

* *Môn cho quả*: Có năm thứ:

(a) Cho quả dị thực.

(b) Cho quả đặng lưu.

(c) Cho quả tăng thượng.

(d) Cho quả hiện pháp.

(đ) Cho quả tăng thượng do kẻ khác.

Cho quả dị thực: Nghĩa là đối với việc sát sinh đã gần gũi thực hiện, thực hiện nhiều, nên thọ nhận quả dị thực ở trong nẻo địa ngục. Như đối với sát sinh, đối với các nghiệp đạo bất thiện khác, cũng vậy. Đó gọi là cho quả dị thực.

Cho quả đặng lưu: Nghĩa là như kẻ ra khỏi nẻo địa ngục, sinh lại nơi chốn này, trong chỗ đồng phạm của loài người, thọ mạng ngắn ngủi, của cải vật dụng thiếu thốn, thế thiếp không trình thuận, luôn

gặp sự chê bai, bạn thân lia bỏ, nghe tiếng trái ý, lời nói không chút uy lực, ba độc tham sân si tăng trưởng mãnh liệt. Đó gọi là cho quả đặng lưu.

Cho quả tăng thượng: Do gần gũi gây tạo, gây tạo nhiều các nghiệp bất thiện, với sức tăng thượng, nên chỗ chiêu cảm nơi phần bên ngoài, vẻ tươi sáng là hết sức ít ỏi. Quả nhận lấy là không đầy đủ, quả có nhiều hư hoại, quả có nhiều biến đổi, quả có nhiều rơi rụng, quả không tốt đẹp, quả không thường hằng, quả không sung túc, quả không tiện nghi, hoàn toàn không có quả thật. Nên biết nghiệp thiện là trái ngược với các điều ấy.

Cho quả hiện pháp: Có hai nhân duyên khiến nghiệp thiện, bất thiện cho quả hiện pháp: Thứ nhất: Do mong muốn hiểu biết. Thứ hai: Do sự việc.

Do mong muốn hiểu biết: Lại có tám thứ: Một là: Mong muốn hiểu biết có luyến tiếc. Hai là: Mong muốn hiểu biết không luyến tiếc. Ba là: Mong muốn hiểu biết gây tổn não. Bốn là: Mong muốn hiểu biết từ bi. Năm là: Mong muốn hiểu biết ghét hại. Sáu là: Mong muốn hiểu biết tin tịnh. Bảy là: Mong muốn hiểu biết quên ân. Tám là: Mong muốn hiểu biết biết ân.

Mong muốn hiểu biết có luyến tiếc, tạo nghiệp bất thiện, thọ nhận quả hiện pháp: Nghĩa là như có một hữu tình, do tâm mong muốn hiểu biết tăng thượng, luyến tiếc nơi thân mình, luyến tiếc nơi tài sản, luyến tiếc các hữu, tạo nghiệp bất thiện.

Mong muốn hiểu biết không luyến tiếc, tạo nghiệp thiện, thọ nhận quả hiện pháp: Tức như có một hữu tình, do mong muốn hiểu biết tăng thượng, không luyến tiếc nơi thân, không luyến tiếc về của cải, không luyến tiếc về các hữu, tạo tác nghiệp thiện.

Mong muốn hiểu biết gây tổn não, tạo nghiệp bất thiện, thọ nhận quả hiện pháp: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với Bồ-đặc-

già-la hữu tình khác, dùng sự mong muốn hiểu biết gây tổn não phẩm tăng thượng, tạo nghiệp bất thiện.

Mong muốn hiểu biết từ bi, tạo nghiệp thiện, thọ nhận quả hiện pháp: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với Bồ-đặc-già-la hữu tình khác, dùng sự mong muốn hiểu biết từ bi phẩm tăng thượng, tạo tác nghiệp thiện.

Mong muốn hiểu biết ghét hại, tạo nghiệp bất thiện, thọ nhận quả hiện pháp: Nghĩa là như có một hữu tình đối với Phật Pháp Tăng, cùng tùy theo một loại xứ tôn trọng, dùng sự mong muốn hiểu biết ghét hại phẩm tăng thượng, tạo nghiệp bất thiện.

Mong muốn hiểu biết tin tịnh, tạo nghiệp thiện, thọ nhận quả hiện pháp: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với Phật, Pháp, Tăng v.v... dùng sự mong muốn hiểu biết tin tịnh phẩm tăng thượng, tạo tác nghiệp thiện.

Mong muốn hiểu biết quên ân, tạo nghiệp bất thiện, thọ nhận quả hiện pháp: Tức là như có một hữu tình, đối với chỗ tạo tác của cha mẹ, cùng tùy theo một loại xứ tạo ân, dùng sự mong muốn hiểu biết bội ân phẩm tăng thượng, dùng sự mong muốn hiểu biết dối trá phẩm tăng thượng, dùng sự mong muốn hiểu biết bạo ác phẩm tăng thượng, tạo nghiệp bất thiện.

Mong muốn hiểu biết biết ân, tạo nghiệp thiện, thọ nhận quả hiện pháp: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với cha mẹ v.v..., dùng sự mong muốn hiểu biết biết ân phẩm tăng thượng, dùng sự mong muốn hiểu biết báo ân phẩm tăng thượng, tạo tác nghiệp thiện.

Do sự việc: Nếu là nghiệp bất thiện, đối với năm nghiệp vô gián và ở trong chỗ đồng phạm ấy, cũng có thọ nhận quả hiện pháp.

Năm nghiệp vô gián là: Một là: Hại mẹ. Hai là: Hại cha. Ba là: Hại A-la-hán. Bốn là: Phá Tăng. Năm là: Khởi tâm ác làm thân Đức Như Lai chảy máu.

Đồng phận với nghiệp vô gián: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với A-la-hán ni và mẹ, hành hạnh uế nhiễm, đánh đập Bồ-tát thân sau cùng. Hoặc ở nơi thiên miếu, ngã tư đường, thị tứ, bày ra việc giết hại dê bò, lưu hành không dứt. Hoặc đối với việc ký thác có được bạn thân rất tín nhiệm, là chỗ kỳ cựu, đồng tâm, lại dối gạt, gây tổn hại. Hoặc đối với kẻ khổ sở, nghèo cùng, thiếu thốn, không nơi chốn nương nhờ, vì họ làm chỗ quy y, giúp họ dứt bỏ mọi sợ hãi, về sau trở lại gia hại. Hoặc lại bức nã, hoặc cướp đoạt vật dụng nơi Tăng chúng, hoặc phá hại miếu linh. Các nghiệp như vậy gọi là đồng phận với nghiệp vô gián.

Nếu là các nghiệp thiện, do thờ phụng, kính trọng, thọ nhận quả hiện pháp: Nghĩa là như có một hữu tình, mẹ không có tín tâm chân chánh, vì người mẹ ấy mà khuyên nhủ, giáo hóa, dẫn dắt khiến an trụ trong sự tin tưởng đầy đủ. Như đối với những người không chánh tín, khiến trụ trong sự tin tưởng đầy đủ. Đối với các kẻ phạm giới, khiến trụ trong giới pháp đầy đủ. Đối với các kẻ bần sèn, khiến trụ trong hạnh xả đầy đủ. Các kẻ tuệ ác khiến trụ nơi trí tuệ đầy đủ, cũng vậy. Như đối với mẹ, đối với cha cũng thế. Hoặc đối với bậc khởi định từ, cúng dường phụng sự. Như đối với bậc khởi định từ, đối với bậc khởi định vô tránh, định diệt tận, quả Dự lưu, quả A-la-hán, việc cúng dường, phụng sự cũng vậy. Lại gần gũi nơi trụ xứ của Phật cúng dường, phụng sự. Như ở nơi trụ xứ của Phật cúng dường, phụng sự, đối với trụ xứ của Tăng chúng hữu học, vô học, việc cúng dường, phụng sự cũng vậy. Hoặc ở trong sự việc tôn kính, phụng sự ấy, làm trái với các điều trên, do nhân duyên tổn hại, nên khởi nghiệp bất thiện, thọ nhận quả hiện pháp.

Cho quả tăng thượng do kẻ khác: Nghĩa là cũng do nghiệp của việc thọ nhận quả hiện pháp. Cũng như nơi các địa phận trong nước là trụ xứ của Đức Như Lai, tất không có các loại bệnh tật, tai họa v.v... sinh khởi, là do thần lực của Phật, nên vô lượng chúng sinh

cũng không tật không bệnh, không có tai họa, được sống trong an lạc. Như Phật, Thế Tôn, Chuyển luân Thánh vương, Bồ-tát trụ nơi định từ, cũng vậy. Hoặc các Bồ-tát, do tâm đại bi, quan sát hết chúng sinh bị nghiệp lớn bần cùng khốn khổ bức bách, rồi bố thí các thức ăn uống, của cải, lúa gạo, kho tàng, đều khiến được đầy đủ. Do nhân duyên ấy, nên các chúng sinh kia được sống trong an lạc. Các loại như vậy, nên biết là nghiệp của việc thọ nhận quả hiện pháp do sức tăng thượng của kẻ khác sinh ra.

* *Môn tổn ích*: Nghĩa là ở nơi các hữu tình, dựa vào mười nghiệp đạo bất thiện, kiến lập tám môn tổn hại: (a) Tổn hại chúng sinh. (b) Tổn hại tài vật. (c) Tổn hại thể thiếp. (d) Tổn hại do chứng có hư giả. (đ) Tổn hại trợ bạn. (e) Tổn hại do nói rõ về lỗi lầm. (f) Tổn hại do dẫn khởi phóng dật. (g) Tổn hại do dẫn khởi sợ hãi.

Trái với phân trên, tức dựa vào mười nghiệp đạo thiện, kiến lập tám môn lợi ích, nên biết.

e. *Thế nào là phẩm tăng thượng của nghiệp?* Đó là nghiệp cực trọng, mãnh liệt. Nên biết nghiệp này do sáu thứ tướng:

- (1) Gia hạnh.
- (2) Tập quen.
- (3) Tự tánh.
- (4) Phụng sự.
- (5) Một loại được đối trị.
- (6) Tổn hại chỗ đối trị.

Do gia hạnh: Nghĩa là như có một hữu tình, do tham sân si trói buộc hết sức mãnh liệt, và do lực gia hạnh của không tham, không sân, không si cũng hết sức mãnh liệt, làm phát khởi các nghiệp.

Do tập quen: Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong đêm dài sinh tử, gần gũi tu tập, hành xử nhiều các nghiệp thiện, bất thiện.

Do tự tánh: Nghĩa là so với nghiệp nói lời thêu dệt, thì nghiệp nói lời thô ác là tội rất nặng. So với nghiệp nói lời thô ác, thì nghiệp nói lời ly gián là tội rất nặng. Đối với nghiệp nói lời ly gián thì nói dối là tội rất nặng. So với tà hạnh về dục thì không cho mà lấy là tội rất nặng. Đối với không cho mà lấy thì sát sinh là tội rất nặng. So với tham dục thì sân hận là tội rất nặng. Đối với sân hận thì tà kiến là tội rất nặng.

Lại, đối với tánh thí, thì tánh giới không tạo tội là hơn. Đối với tánh giới, thì tánh tu không tạo tội là hơn. Đối với tánh hiểu biết, thì tánh suy xét không tạo tội là hơn. Các việc như vậy gọi là do tự tánh.

Do phụng sự: Đó là như có một hữu tình, đối với Phật Pháp Tăng cùng tùy theo một loại tôn trọng, phụng sự, hoặc làm tổn hại, hoặc tạo lợi ích, gọi là nghiệp tôn trọng, phụng sự.

Do một loại được đối trị: Tức như có một hữu tình, hoàn toàn thọ hành các nghiệp bất thiện, cho đến hết đời, không một lúc nào thọ hành nghiệp thiện.

Do tổn hại chỗ đối trị: Nghĩa là như có một hữu tình, đoạn trừ chỗ đối trị các nghiệp bất thiện, khiến lìa bỏ mọi mong muốn thanh tịnh của các nghiệp thiện.

f. Thế nào là phần điên đảo của nghiệp? Ở đây có ba loại, nên biết:

- (1) Điên đảo do tác dụng.
- (2) Điên đảo do chấp giữ.
- (3) Điên đảo do vui thích.

Điên đảo do tác dụng: Tức như có một hữu tình, đối với chúng sinh khác, suy nghĩ muốn giết hại, lại giết làm kẻ khác. Nên biết ở đây tuy có sát sinh, không có tội sát sinh, nhưng có tội đồng phạm

của tương tự sát sinh, thuộc sinh khởi. Hoặc không giết làm các chúng sinh khác, nhưng đối với loài phi tình tăng thêm đao gậy, rồi bảo là ta sát sinh. Nên biết trong ấy không có sát sinh, không có tội sát sinh, nhưng có tội đồng phạm của tương tự sát sinh thuộc chúng loại sát sinh sinh khởi. Như nghiệp đao sát sinh, hết thấy các nghiệp đao như không cho mà lấy, theo chỗ ứng hợp, nên biết là có diên đảo do tác dụng.

Diên đảo do chấp giữ: Nghĩa là như có một hữu tình, dấy khởi kiến chấp như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy: “Không có bổ thí, không có yêu thương v.v...” cho đến nói rộng về mọi tà kiến. Kẻ ấy tạo chấp như thế, cho hoàn toàn không có người giết hại, kẻ bị giết hại, hoặc không cho mà lấy, cho đến nói lời thù dật. Cũng cho là không có bổ thí, thọ trai, tu phước, thọ học giới luật. Do nhân duyên này, nên cho là không tội không phước.

Lại, như có một hữu tình, dấy khởi kiến chấp, tạo lập luận thuyết như vậy: Như có chúng sinh ghét Phạm, ghét Thiên, ghét bỏ Bà-la-môn. Hoặc kẻ ấy ghét bỏ điều ác, chỉ nên giết hại. Do nhân duyên kẻ ấy giết hại, nên chỉ được phước, không tội. Lại, kẻ ấy đối với chỗ dấy khởi việc không cho mà lấy, cho đến nói lời thù dật, chỉ đạt được phước đức, không có phi phước.

Diên đảo do vui thích: Tức như có một hữu tình, lúc đang hành nghiệp đạo bất thiện, tạo việc đạo chơi, cho là hết sức vui thích.

g. Thế nào là chỗ sai biệt của nghiệp? Đó là: Có nghiệp tạo tác, có nghiệp không tạo tác. Có nghiệp tăng trưởng, có nghiệp không tăng trưởng. Có nghiệp cố suy xét, có nghiệp không cố suy xét. Như vậy, nghiệp dị thực định, nghiệp dị thực bất định. Nghiệp dị thực đã thành thực, nghiệp dị thực chưa thành thực. Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký. Nghiệp thuộc về luật nghi, nghiệp thuộc về không luật nghi, nghiệp thuộc về không phải luật nghi không phải

không luật nghi. Nghiệp tánh thí, nghiệp tánh giới, nghiệp tánh tu. Nghiệp phước, nghiệp không phải phước, nghiệp bất động. Nghiệp thuận lạc thọ, nghiệp thuận khổ thọ, nghiệp thuận không khổ không lạc thọ. Nghiệp thuận hiện pháp thọ, nghiệp thuận sinh thọ, nghiệp thuộc hậu thọ. Nghiệp quá khứ, nghiệp hiện tại, nghiệp vị lai. Nghiệp thuộc cõi dục, nghiệp thuộc cõi sắc, nghiệp thuộc cõi vô sắc. Nghiệp học, nghiệp vô học, nghiệp phi học phi vô học. Nghiệp do kiến đạo đoạn, nghiệp do tu đạo đoạn, nghiệp không đoạn. Nghiệp dị thực đen đen, nghiệp dị thực trắng trắng, nghiệp dị thực đen trắng đen trắng, nghiệp có thể đoạn trừ hết các thứ nghiệp không dị thực, không đen không trắng. Nghiệp cong vạy, nghiệp cầu ướ, nghiệp ô trước, nghiệp thanh tịnh, nghiệp tịch tĩnh.

Nghiệp tạo tác: Nghĩa là hoặc tư nghiệp, hoặc tư duy rồi dấy khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Nghiệp không tạo tác: Tức như bất tư nghiệp, hoặc không tư duy rồi, không dấy khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Nghiệp tăng trưởng: Nghĩa là trừ mười thứ nghiệp: (1) Nghiệp do nằm mộng tạo ra. (2) Nghiệp do không hiểu biết tạo ra. (3) Nghiệp do không cố suy xét tạo ra. (4) Nghiệp do không lợi, không cân nhắc tạo ra. (5) Nghiệp do cuồng loạn tạo ra. (6) Nghiệp do mất chánh niệm tạo ra. (7) Nghiệp do không ham thích tạo ra. (8) Nghiệp tự tánh là vô ký. (9) Nghiệp hối tiếc về chỗ tổn hại. (10) Nghiệp đối trị chỗ tổn hại. Trừ mười thứ nghiệp này, các nghiệp còn lại gọi là nghiệp tăng trưởng.

Nghiệp không tăng trưởng: Tức là mười thứ nghiệp đã nêu.

Nghiệp cố suy xét: Nghĩa là cố suy xét rồi, hoặc là nghiệp tạo tác, hoặc là nghiệp tăng trưởng.

Nghiệp không cố suy xét: Nghĩa là nghiệp do không cố suy xét tạo ra.

Nghiep thuận định thọ: Nghĩa là cố suy xét rồi, hoặc là nghiệp tạo tác, hoặc là nghiệp tăng trưởng.

Nghiep thuận bất định thọ: Tức là cố suy xét rồi, tạo tác nghiệp không tăng trưởng.

Nghiep dị thực đã thành thực: Nghĩa là nghiệp đã cho quả.

Nghiep dị thực chưa thành thực: Nghĩa là nghiệp chưa cho quả.

Nghiep thiện: Là nghiệp do không tham không sân không si làm nhân duyên.

Nghiep bất thiện: Là nghiệp do tham sân si làm nhân duyên.

Nghiep vô ký: Là nghiệp không phải do không tham không sân không si làm nhân duyên, cũng không phải do tham sân si làm nhân duyên.

Nghiep thuộc về luật nghi: Nghĩa là hoặc nghiệp thuộc về luật nghi biệt giải thoát, hoặc nghiệp thuộc về luật nghi quả đoạn của tĩnh lự, đẳg chí. Hoặc nghiệp thuộc về luật nghi vô lậu.

Nghiep thuộc về không luật nghi: Tức là mười hai thứ các nghiệp thuộc loại không luật nghi: (1) Giết dê. (2) Mua bán gà. (3) Mua bán heo. (4) Bắt chim. (5) Giăng lưới bắt thỏ. (6) Trộm cắp. (7) Dùng loài nghêu sò làm nem. (8) Giữ ngựa. (9) Gièm pha. (10) Xét xử án. (11) Trói cột voi. (12) Trù ếm rồng.

Nghiep thuộc về không phải luật nghi không phải không luật nghi: Nghĩa là trừ ba thứ nghiệp luật nghi và loại nghiệp không luật nghi, số còn lại là tất cả nghiệp thiện, bất thiện, vô ký.

Nghiep tánh thí: Nghĩa là hoặc nhân duyên, hoặc cùng khởi, hoặc chỗ dựa, hoặc tự tánh.

Hoặc nhân duyên: Tức là do không tham không sân không si làm nhân duyên. *Hoặc cùng khởi:* Tức là do không tham không sân

không si cùng hiện hành, có thể xả bỏ các vật để bố thí, có thể dấy khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp có suy xét.

Hoặc chỗ dựa: Tức là xem vật được bố thí và kẻ thọ nhận là chỗ dựa. *Hoặc tự tánh:* Nghĩa là thân nghiệp, ngữ nghiệp do suy xét dấy khởi, có thể xả bỏ vật để bố thí.

Như nghiệp tánh thí, *ngiệp tánh giới*, *ngiệp tánh tu*, tùy chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy.

Ở đây, *ngiệp tánh giới*, về nhân duyên, cùng khởi giống như trước. *Về tự tánh:* Tức là thân nghiệp, ngữ nghiệp v.v... thuộc về luật nghi. *Về chỗ dựa:* Tức là các vật của hữu tình, phi hữu tình.

Nhân duyên của tánh tu: Nghĩa là nhân duyên của Tam-ma-địa, tức không tham không sân không si.

Cùng khởi: Nghĩa là không tham không sân không si cùng hiện hành, dẫn khởi định, tư. *Tự tánh:* Là Tam-ma-địa.

Chỗ dựa: Tức là cảnh giới của hữu tình không khổ không vui trong mười phương. *Lại gồm đủ thí, giới, tu:* Là tướng mạo hiện có nên biết. Hết thầy như nơi chỗ khác đã nói rõ.

Ngiệp phước: Nghĩa là chiêu cảm dị thực của nẻo thiện, cùng thuận thọ nghiệp thiện của năm nẻo.

Ngiệp không phải phước: Tức là chiêu cảm dị thực của nẻo ác cùng thuận theo năm nẻo thọ nhận nghiệp bất thiện.

Ngiệp bất động: Là chiêu cảm dị thực của cõi sắc, vô sắc, cùng thuận theo cõi sắc, vô sắc thọ nhận nghiệp thiện.

Ngiệp thuận lạc thọ: Là nghiệp phước cùng thuận theo ba tính lự thọ nhận nghiệp bất động.

Ngiệp thuận khổ thọ: Là nghiệp phi phước.

Nghiệp thuận không khổ không lạc thọ: Là nghiệp dị thực của thức A-lại-da có thể chiêu cảm tất cả xứ, cùng nghiệp bất động của tinh lự thứ tư trở lên.

Nghiệp thuận hiện pháp thọ: Là nghiệp có thể chiêu cảm quả hiện pháp.

Nghiệp thuận sinh thọ: Là nghiệp có thể chiêu cảm sinh quả không gián đoạn.

Nghiệp thuận hậu thọ: Là nghiệp có thể chiêu cảm quả hậu sinh kia.

Nghiệp quá khứ: Là nghiệp trụ nơi vị tập khí, hoặc đã cho quả, hoặc chưa cho quả.

Nghiệp vị lai: Là nghiệp chưa sinh, chưa diệt.

Nghiệp hiện tại: Là nghiệp đã tạo, đã tư duy, chưa hoại diệt.

Nghiệp thuộc cõi dục: Là nghiệp có thể chiêu cảm dị thực của cõi dục, gắn liền Dục giới.

Nghiệp thuộc cõi sắc: Là nghiệp có thể chiêu cảm dị thực của cõi sắc, gắn liền Sắc giới.

Nghiệp thuộc cõi vô sắc: Là nghiệp có thể chiêu cảm dị thực của cõi vô sắc, gắn liền với Vô sắc giới.

Nghiệp học: Là nghiệp thiện hiện có trong sự tu học nối tiếp của hàng dị sinh hoặc chẳng phải dị sinh (phàm phu).

Nghiệp vô học: Là nghiệp thiện hiện có trong sự nối tiếp của bậc vô học.

Nghiệp phi học phi vô học: Là nghiệp thiện, bất thiện, vô ký hiện có trong sự nối tiếp còn lại (trừ hai thứ trước).

Nghiệp do kiến đạo đoạn trừ: Là nghiệp bất thiện v.v... thọ nhận nơi nẻo ác.

Nghiệp do tu đạo đoạn trừ: Là nghiệp thiện, bất thiện, vô ký thọ nhận nơi nẻo thiện.

Nghiệp không đoạn trừ: Là các nghiệp vô lậu của thế gian và xuất thế gian.

Nghiệp dị thực đen đen: Là nghiệp phi phước.

Nghiệp dị thực trắng trắng: Là nghiệp bất động.

Nghiệp dị thực đen trắng đen trắng: Là nghiệp phước, có nghiệp bất thiện là oán đối, do căn cứ vào lúc nghiệp phước hiện có nhưng chưa đoạn nghiệp phi phước, để kiến lập.

Nghiệp có thể đoạn trừ hết các thứ nghiệp không dị thực, chẳng phải đen chẳng phải trắng: Là các nghiệp vô lậu xuất thế gian. Đó là sự đối trị, đoạn trừ ba nghiệp.

Nghiệp cong vạy: Là nghiệp thiện, bất thiện của các ngoại đạo.

Nghiệp cấu uế: Tức nghiệp cong vạy, cũng gọi là nghiệp cấu uế.

Lại có nghiệp cấu uế: Là nghiệp thiện bất thiện hiện có của pháp dị sinh ấy, ở trong thánh giáo, khởi kiến chấp điên đảo, trụ nơi kiến thủ của mình, quyết định sai lạc, do dự về hiểu biết.

Nghiệp ô trược: Tức nghiệp cong vạy, nghiệp cấu uế, cũng gọi là nghiệp ô trược.

Lại có nghiệp ô trược: Là nghiệp thiện, bất thiện hiện có của pháp dị sinh, ở trong thánh giáo không quyết định, do dự về hiểu biết.

Lại có sai khác: Chỉ ở trong pháp của ngoại đạo mới có ba nghiệp này. Do nghĩa hành giải tà, nên gọi là cong vạy. Do nghiệp lấy điều ấy làm chỗ dựa, có thể gây chướng ngại cho việc phát khởi các

công đức, nên gọi là cầu uế. Do nghĩa có thể gây chướng ngại cho việc thông đạt chân như, nên gọi là ô trược.

Nghiệp thanh tịnh: Là nghiệp thiện hiện có của pháp dị sinh ấy, ở trong thánh giáo, quyết định đúng đắn, hiểu biết không do dự.

Nghiệp tịch tĩnh: Là nghiệp học, vô học hiện có của hết thầy bậc Thánh trụ nơi pháp ấy, không phải là dị sinh.

h. Thế nào là lỗi lầm, tai họa của nghiệp? Nên biết là lược nêu có bảy thứ lỗi, họa. Nghĩa là sát sinh: Sát sinh là nhân, có thể là tự hại, có thể là hại kẻ khác, có thể là hại cả hai, sinh tội nơi hiện pháp, sinh tội nơi hậu pháp, sinh tội cả nơi hiện pháp, hậu pháp, thân tâm thọ nhận sâu khổ sinh khởi.

Thế nào là có thể tự hại? Nghĩa là vì phát khởi phương tiện sát hại sinh mạng, do nhân duyên ấy, nên tự bị hại, hoặc bị trói cột, hoặc gặp phải sự mất mát, hoặc bị chê trách, nhưng kẻ ấy không thể gây tổn hại cho người khác.

Thế nào là có thể hại kẻ khác? Tức do chỗ khởi phương tiện ấy, có thể gây tổn hại kẻ khác. Vì nhân duyên ấy nên không tự bị hại cho đến chê trách.

Thế nào là có thể hại cả hai? Tức do chỗ đầy khởi phương tiện ấy, nên có thể gây tổn hại cho kẻ khác. Vì nhân duyên đó, nên lại bị kẻ khác hại, hoặc bị buộc trói, cho đến chê trách.

Thế nào là sinh tội nơi hiện pháp? Là như có thể gây tự hại.

Thế nào là sinh tội nơi hậu pháp? Là như có thể gây hại cho kẻ khác.

Thế nào là sinh tội cả nơi hiện pháp, hậu pháp? Tức là như có thể gây hại cho cả hai.

Thế nào là thân tâm thọ nhận sâu khổ sinh khởi? Là vì phát khởi phương tiện sát hại sinh mạng, nhưng không thể tạo thành sáu

thứ lỗi lầm. Lại không thể thực hiện xong việc sát hại theo ý muốn. Kẻ ấy, do chỗ mong muốn không hội đủ nhân duyên, nên thân tâm thọ nhận sâu khổ sinh khởi.

Lại có mười thứ lỗi, họa, dựa nơi sự phạm giới, như kinh đã nói rộng, nên biết.

Lại có bốn thứ nghiệp đạo bất thiện, cùng uống các thứ rượu, là nghiệp đạo bất thiện thứ năm. Dựa vào các vi phạm học xứ của hàng thiện nam, Đức Bạc-già-phạm đã giảng nói về nhiều thứ lỗi, họa, nên biết, nói rộng như nơi kinh Xiển Địa Ca.

3. Thế nào là tạp nhiễm của sự sinh? Nghĩa là do bốn thứ tướng, nên biết.

- a. Do sai biệt.
- b. Do khó nhọc.
- c. Do bất định.
- d. Do lưu chuyển.

a. Sai biệt của sự sinh: Nên biết lại có năm thứ:

- (1) Sai biệt về giới (cõi).
- (2) Sai biệt về thú (đường, nẻo).
- (3) Sai biệt về nơi chốn.
- (4) Sai biệt về thắng sinh.
- (5) Sai biệt về thế gian của tự thân.

Sai biệt về giới: Là sự sai biệt của sự sinh nơi ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Sai biệt về đường, nẻo: Là sự sai biệt của bốn loài sinh nơi năm nẻo.

Sai biệt về nơi chốn: Tức ở trong Dục giới có 36 xứ sinh sai biệt. Trong Sắc giới có 18 xứ sinh sai biệt. Nơi Vô sắc giới có bốn xứ sinh sai biệt. Như vậy tổng cộng có 58 xứ sinh.

Sai biệt về thắng sinh: Tức như loài người nơi cõi dục, có ba thắng sinh: Một là: Sự sinh của loại thắng sinh đen. Nghĩa là như có một hữu tình sinh nơi nhà Chiên-đồ-la hoặc nhà Bốc-yết-sa v.v... Hoặc sinh nơi các gia đình bần cùng, hạ tiện khác, của cải, việc ăn uống luôn thiếu thốn. Như vậy gọi là kẻ phước đức ít, mỏng trong loài người. Hai là: Sự sinh của loại thắng sinh trắng: Tức như có một hữu tình sinh nơi các gia đình đại phú quý thuộc dòng họ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả. Hoặc sinh nơi các gia đình sang giàu tăm tiếng khác, của cải, lúa gạo, kho tàng luôn đầy dẫy. Như thế gọi là kẻ phước đức thù thắng trong loài người. Ba là: Sự sinh của loại thắng sinh không đen không trắng: Tức như có một hữu tình sinh vào gia đình trong xứ sinh không thuộc hai loại trước.

Lại, chư thiên nơi cõi dục cũng có ba loại thắng sinh: Một là: Sự sinh của loại phi thiên. Hai là: Sự sinh của loại dựa nơi địa phần. Ba là: Sự sinh của loại dựa vào cung điện nơi hư không.

Lại, trong cõi sắc cũng có ba loại thắng sinh: Một là: Hàng dị sinh sinh nơi cõi trời Vô Tướng. Hai là: Sinh nơi cõi trời Hữu Tướng. Ba là: Sinh nơi cõi trời Tịnh Cư.

Lại, trong cõi vô sắc cũng có ba loại thắng sinh: Một là: Sinh nơi cõi trời Vô lượng tướng. Hai là: Sinh nơi cõi trời Vô sở hữu tướng. Ba là: Sinh nơi cõi trời Phi tướng phi phi tướng.

Sai biệt về thế gian của tự thân: Nghĩa là ở trong vô lượng thế giới nơi mười phương, có vô lượng hữu tình, với vô lượng sự sinh sai biệt, nên biết.

b. Khó nhọc của sự sinh: Như Đức Bạc-già-phạm đã nói: Các người đã dong ruồi lâu dài nơi sinh tử, máu nơi thân chảy ra nhiều hơn nước nơi bốn biển lớn. Vì sao? Vì các người nơi đêm dài sinh tử, hoặc sinh trong chúng đồng phận của voi, ngựa, lừa, lạc đà, bò, dê, gà, nai v.v... Các người ở nơi các loài ấy, nhiều lần bị chặt, xẻ các

chi phần nơi thân, khiến máu huyết tuôn ra là vô kể. Như trong chúng đồng phận của voi, ngựa v.v..., nơi loài người cũng vậy. Lại nữa, các người ở trong đêm dài sinh tử phải chịu mất mát vô lượng cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc. Lại cũng bị mất mát vô số của cải, châu báu, vật dụng cho đời sống, khiến nước mắt, nước mũi than khóc tuôn ra là vô kể, khác nào như phần máu đã nêu. Nên biết là lượng sữa mẹ đã uống cũng vậy. Các loại như thế về bao nỗi khó nhọc, khổ cực của sự sinh có vô lượng sai biệt.

c. Bất định của sự sinh: Như Đức Bạc-già-phạm nói: “Già sử đem hết thầy cô cây cối thân rễ cành lá hiện có nơi đại địa, cắt thành những tấm thẻ nhỏ, bằng bốn ngón tay để tính đếm về số lượng cha mẹ của các người trong đêm dài sinh tử đã lần lượt trải qua. Như vậy, các chúng sinh ấy từng là mẹ ta, ta cũng ở trong sinh tử từng là mẹ họ. Như thế, các chúng sinh ấy từng là cha ta, ta cũng ở trong nẻo sinh tử từng là cha họ. tính đếm như vậy, số lượng thẻ bằng bốn ngón tay ấy có thể mau chóng hết sạch, nhưng ta không thể nói hết biên vực về số lượng cha mẹ của các người nơi đêm dài sinh tử đã trải qua”. Đức Bạc-già-phạm lại nói: “Hữu tình các người, theo chỗ quan sát về chính mình, lần lượt xoay vần trong đêm dài sinh tử, đã tạo nên sự sâu khổ nặng nề bậc nhất, nay đã đạt đến rốt ráo... Ta xem các hữu tình ở thế gian, nơi dòng lưu chuyển trong đêm dài sinh tử, không dễ gì tránh khỏi, đối với các người, hoặc làm cha mẹ, anh em, chị em, hoặc làm bậc thầy Quý phạm, Thân giáo sư, hoặc những bậc tôn kính khác”. Lại như lời nói: “Hoặc như một Bồ-đặc-già-la, xương cốt nơi thân tướng thọ nhận trong một kiếp, già sử có người làm công việc nhặt nhạnh gom góp lại phần không bị hủy hoại, thì số lượng được tích tụ ấy cao hơn thành Vương-xá, rộng lớn như một dãy núi”.

d. Thế nào là lưu chuyển của sự sinh? Nghĩa là duyên khởi hiện có của tự thân. Nên biết đây tức nói về lưu chuyển.

Thế nào là duyên khởi? Kệ nêu:

*Thế, môn, nghĩa, sai biệt
 Thứ lớp lời khó giải
 Tánh duyên duyên phân biệt
 Sau thấu tóm các kinh.*

Thế nào là Thế của duyên khởi? Nếu lược nêu thì do ba thứ tướng kiến lập duyên khởi: Nghĩa là từ tiền tế (thời kỳ trước, đời trước), trung tế (thời kỳ giữa) sinh. Từ trung tế đến hậu tế (thời kỳ sau, đời sau) sinh. Trung tế sinh rồi, hoặc hướng tới nẻo lưu chuyển, hoặc hướng tới thanh tịnh rốt ráo.

Thế nào là từ tiền tế, trung tế sinh, trung tế sinh rồi lại hướng tới lưu chuyển? Nghĩa là như có một hữu tình, không rõ về tiền tế, thuộc về vô minh, vô minh làm duyên, ở nơi phước, phi phước cùng với nghiệp bất động nơi thân ngữ ý, hoặc tạo tác, hoặc làm tăng trưởng, do tùy theo nghiệp thức này, lưu chuyển cho đến mạng chung vẫn không dứt, có thể làm nhân cho thức tương tục của thân đời sau. Thức ấy, lúc sắp sinh quả, do sự tham ái về trong ngoài đang hiện tiền làm trợ bạn, nên từ tiền tế kia, đã bỏ mạng rồi, đối với đời hiện tại, tự thể được sinh, ở trong bụng mẹ, nhờ nơi thức làm duyên, thức của quả nối tiếp, trước sau thứ lớp mà sinh, cho đến có sự sai biệt nơi các vị như Yết-la-lam v.v... và chuyển. Nơi thai mẹ, thức của tương tục cùng với danh sắc kết hợp, cho tới già suy dần dần tăng thêm. Bấy giờ, danh sắc chiêu cảm sự sinh thọ nhận nghiệp cùng với quả dị thực.

Lại, thức dị thực này, tức nương nơi danh sắc mà chuyển. Do tất cả phải dựa gá nơi sáu chỗ dựa để chuyển, vì thế kinh nói là danh sắc duyên nơi thức. Dựa nơi căn cùng có, gọi là sắc. Dựa nơi căn cùng vô gián diệt, gọi là danh. Theo sự ứng hợp ấy làm chỗ dựa cho sáu thức. Do nương dựa vào danh sắc đó, các thức lưu chuyển, cho đến mạng chung.

Lại, năm sắc căn, hoặc là đại chủng là chỗ dựa của căn, hoặc là nơi chôn của căn. Hoặc đại chủng có thể sinh phần sắc kia, gọi là sắc,

phần còn lại gọi là danh. Do thức nhận giữ, các căn gắn liền với pháp tương tục mới có thể lưu chuyển, nên hai thứ nương dựa này, ở nơi thức nối tiếp không đoạn. Do đạo lý đó, nên đối với đời hiện tại, thức duyên nơi danh sắc, danh sắc duyên nơi thức, giống như “bó cỏ lau”, cho đến mạng chung, cùng dựa vào nhau mà chuyển. Như thế gọi là từ nơi tiền tế, các hành duyên khởi của trung tế sinh, trung tế sinh rồi lưu chuyển không dứt. Nên biết ở đây là dựa vào thai sinh để nói về thứ lớp của sự lưu chuyển. Nếu là noãn sinh, thấp sinh thì trừ việc ở trong thai mẹ, phần còn lại như đã nói ở trên. Nếu ở trong tụ của hữu tình có sắc, nghĩa là thọ hóa sinh nơi cõi dục, cõi sắc, các căn quyết định viên mãn mà sinh, so với trước có sai biệt. Nếu ở nơi cõi vô sắc, dùng danh làm chỗ dựa, và chủng tử của sắc làm chỗ dựa, thức mới được sinh khởi. Do thức được dựa nơi danh và chủng tử của sắc để chuyển, từ chủng tử này, sắc tuy đoạn dứt, nhưng sau lại được sinh, cùng với trước có sai khác.

Lại do nghiệp phước, sinh nơi nẻo người, trời thuộc Dục giới. Do nghiệp phi phước, nên sinh vào các nẻo ác. Do nghiệp bất động, nên sinh vào Sắc giới, Vô sắc giới.

Thế nào là chẳng sinh? Do chẳng sinh nên hướng tới thanh tịnh rốt ráo.

Thế nào là từ trung tế, các hành duyên khởi của hậu tế sinh? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la của trung tế đã sinh, thọ nhận hai thứ quả của nghiệp trước, tức là thọ nhận quả dị thực bên trong cùng thọ nhận quả tăng thượng do cảnh giới sinh. Bồ-đặc-già-la này hoặc nghe pháp không chân chánh, hoặc do tập quen ở trước, nên ở nơi hai quả có sự ngu tối. Do ngu tối nơi quả dị thực bên trong, nên đối với sinh khổ của thân đời sau không nhận biết đúng như thật. Do mê lầm nơi thân sau, nên sức vô minh của hậu tế tăng thượng, giống như trước, ở nơi các hành, hoặc tạo tác, hoặc làm tăng trưởng. Do nghiệp mới tạo tác ấy, nên nói thức này tên là Thức tùy nghiệp. Tức ở trong hiện pháp

nói vô minh làm duyên nên hành sinh. Hành làm duyên nên thức sinh. Thức ấy, ở trong hiện pháp gọi là Thức nhân, có thể thâm nhận thức của quả sinh sau.

Lại, tất cả thức cùng nương dựa chung, nên gọi là sáu thức thân.

Lại, tức thức này là chỗ theo đuổi của chủng tử nơi danh sắc thuộc đời sau. Chủng tử của danh sắc ấy là chỗ theo đuổi của chủng tử nơi sáu xứ thuộc đời sau. Chủng tử của sáu xứ này là chỗ theo đuổi của chủng tử nơi xúc thuộc đời sau. Chủng tử của xúc ấy là chỗ theo đuổi của chủng tử nơi thọ thuộc đời sau. Như thế gọi chung là nhân dẫn khởi đời sau ở trong trung tế. Nên biết do đây nên có thể dẫn khởi thức, cho đến thọ nhận thân trong một thời hạn. Do chỗ ngu tối của quả dị thực ở trước, dẫn đến đời sau rồi, lại do chỗ ngu tối của quả thọ nhận từ cảnh giới thứ hai sinh ra, khởi duyên nơi cảnh giới để thọ ái. Do ái này, nên hoặc phát khởi cầu dục, hoặc phát khởi cầu hữu, hoặc chấp nơi dục thủ, hoặc giữ lấy kiến thủ, giới thủ và ngã ngữ thủ. Do ái, thủ này hòa hợp, hỗ trợ làm nhuần thấm, khiến cho nhân dẫn khởi trước chuyển biến, gọi là hữu, tức là thuộc về nhân snah của đời sau. Từ đây, thân mạng vô gián đã xong rồi, tùy theo nhân dẫn khởi ở trước, nên thức v.v... được dẫn dắt, thọ là sau cùng. Các hành ấy sinh, hoặc dần dần, hoặc tức khắc. Như vậy, ở trong hiện pháp, thọ do vô minh xúc sinh ra làm duyên nên có ái. Ái làm duyên nên có thủ. Thủ làm duyên nên có hữu. Hữu làm duyên nên có sinh. Sinh làm duyên nên có lão bệnh tử với các khổ sai biệt. Hoặc ở nơi xứ sinh thứ lớp hiện tiền, hoặc lại là chủng tử theo đuổi. Nên biết, như vậy là ở trong trung tế, vô minh duyên hành v.v..., thọ duyên ái v.v... làm nhân duyên nên các hành của hậu tế sinh.

Lại có tư lương (hành trang) được tích tập từ trước, ở trong hiện pháp, từ nơi người khác, nghe âm thanh, cùng ở nơi các hành của hai quả, hoặc hành nhân của quả kia, hoặc hành diệt của quả kia, hoặc hành hướng tới diệt của quả ấy, tác ý như lý. Do tác ý như lý

này làm duyên, nên chánh kiến được sinh. Từ đây, thứ lớp đạt được trí kiến học, vô học thanh tịnh. Do trí kiến ấy, nên vô minh và ái vĩnh viễn được đoạn trừ không có sót. Do sự đoạn trừ này, nên đối với đối tượng duyên kia, chỗ nhận biết không đúng như thật về thọ do vô minh – xúc sinh ra, cũng lại được đoạn trừ hoàn toàn. Cũng do sự đoạn trừ ấy, nên vĩnh viễn là vô minh, ở trong hiện pháp, chứng đắc tuệ giải thoát. Hoặc đối với tham ái hiện có trong tâm tương ưng với thọ do vô minh – xúc sinh ra, tức nơi tâm ấy có thể lia mọi hệ thuộc, nên tham ái hoàn toàn bị diệt trừ. Ở trong hiện pháp, chứng đắc tâm giải thoát.

Nếu như vô minh kia không vĩnh viễn bị dứt bỏ, thì các hành hiện có dựa nơi thức cùng thọ là sau cùng, hậu tế phải sinh. Do vô minh diệt nên không còn khởi trở lại, đạt được pháp vô sinh. Vì thế nói là vô minh diệt nên hành diệt, thứ lớp cho đến xúc của dị thực sinh diệt nên thọ của dị thực sinh diệt. Ở trong hiện pháp, vô minh diệt nên vô minh – xúc diệt. Vô minh – xúc diệt nên thọ do vô minh – xúc sinh diệt. Thọ do vô minh – xúc sinh ra diệt, nên ái diệt. Ái diệt nên đạt được pháp vô sinh như trước. Do đây, nên nói các hành gây nhiễu loạn của thủ v.v... là phần sau cùng cũng hoàn toàn diệt trừ. Như thế, ở trong hiện pháp, các hành không chuyển. Do không chuyển, nên nơi hiện pháp, đối với cảnh giới Hữu dư y, chứng đắc Niết-bàn hiện pháp. Bây giờ, hành giả chỉ còn thức thanh tịnh duyên nơi danh sắc, danh sắc duyên nơi thức, cho đến thân hữu thức tồn tại, luôn thọ nhận thọ lia hệ thuộc, chẳng phải là thọ có hệ thuộc. Thân hữu thức này, cho đến thọ lượng do nghiệp trước dẫn khởi, luôn nối tiếp trụ. Nếu thọ mạng hết, liền bỏ thân do thức giữ gìn, mạng căn hiện có sau mạng căn này vĩnh viễn diệt không còn sót lại gì, nên không thành thực trở lại nữa.

Lại, thức này cùng với tất cả thọ tự nhiên diệt, nên nhân duyên còn lại, trước đã diệt, do đó không còn nối tiếp nữa, mà vĩnh viễn

dứt bật. Đó gọi là cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, là nơi chốn tịch tĩnh trọn vẹn. Cũng gọi là người hướng cầu Niết-bàn, ở chỗ Đức Thế Tôn, phạm hạnh đã lập, đạt Niết-bàn rốt ráo.

Như thế là đã nói, do ba thứ tướng nên kiến lập duyên khởi. Nghĩa là từ tiền tế, trung tế sinh. Từ trung tế, hậu tế sinh. Lại đối với trung tế, hoặc lưu chuyển, hoặc thanh tịnh. Đó gọi là thể tánh của duyên khởi.

Thế nào là môn của duyên khởi? Nghĩa là dựa nơi tám môn, nên duyên khởi lưu chuyển: (1) Môn nội thức sinh. (2) Môn gieo trồng bên ngoài thành thực. (3) Môn sinh tử nơi thế gian của hữu tình. (4) Môn khí thế gian thành hoại. (5) Môn nhận giữ việc ăn uống. (6) Môn uy lực tăng thượng của nghiệp do mình tạo, thọ dụng theo nghiệp đạt được quả yêu thích, không yêu thích. (7) Môn uy thế. (8) Môn thanh tịnh.

Thế nào là nghĩa của duyên khởi? Đó là nghĩa hữu tình chia lìa, là nghĩa của duyên khởi. Ở nơi hữu tình chia lìa lại có nghĩa vô thường, là nghĩa của duyên khởi. Ở nơi vô thường lại có nghĩa tạm trụ, là nghĩa của duyên khởi. Ở nơi tạm trụ, lại có nghĩa y tha, là nghĩa của duyên khởi. Ở nơi y tha, lại có nghĩa lìa tác dụng, là nghĩa của duyên khởi. Ở nơi lìa tác dụng, lại có nghĩa nhân quả nối tiếp không dứt, là nghĩa của duyên khởi. Ở nơi nhân quả nối tiếp không dứt, lại có nghĩa nhân quả tương trợ chuyển, là nghĩa của duyên khởi. Ở nơi nhân quả tương trợ chuyển, lại có nghĩa tự nghiệp tạo tác, là nghĩa của duyên khởi.

Hỏi: Vì nhằm hiển bày về nghĩa gì mà kiến lập duyên khởi?

Đáp: Vì nhằm hiển bày về nghĩa thanh tịnh, nhiệm ô thuộc về nhân duyên.

Thế nào là sai biệt của duyên khởi? Nghĩa là đối với tiền tế không nhận biết v.v... như nơi kinh đã nói rộng.

Thế nào là đối với tiền tế không nhận biết? Tức đối với các hành của quá khứ, dấy khởi phân biệt không như lý. Nghĩa là nêu: Ta nơi quá khứ là từng có chăng? Là từng không chăng? Từng có thể tánh gì? Từng thuộc chủng loại gì? Đó là những thứ không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với hậu tế không nhận biết? Tức đối với các hành của vị lai, dấy khởi phân biệt không như lý. Nghĩa là nêu: Ta ở nơi vị lai là sẽ có chăng? Là sẽ không chăng? Sẽ có thể tánh gì? Sẽ thuộc chủng loại gì? Đó là những thứ không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với tiền tế, hậu tế không nhận biết? Nghĩa là đối với bên trong, dấy khởi do dự không như lý. Như nói: Những gì là Ta? Ta là những gì? Nay, hữu tình này, từ chốn nào đến? Ở đây chết rồi sẽ sinh đến nơi nào? Đây là những điều không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với bên trong không nhận biết? Nghĩa là ở nơi các hành đều có sai biệt, dấy khởi tác ý không như lý. Tức cho đó là Ta. Đây là những điều không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với bên ngoài không nhận biết? Nghĩa là đối với các hành bên ngoài không phải là số lượng của hữu tình, dấy khởi tác ý không như lý. Như nói: Là ngã sở. Đây là những điều không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với trong ngoài không nhận biết? Nghĩa là ở nơi các hành tương tục khác, dấy khởi phân biệt không như lý. Như nói: “Oán thân đều hợp”. Đây là chỗ không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với nghiệp không nhận biết? Nghĩa là ở nơi các nghiệp, dấy khởi phân biệt không như lý, như cho là có người tạo ra. Đây là chỗ không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với dị thực không nhận biết? Nghĩa là ở nơi các hành thuộc về quả dị thực, dấy khởi phân biệt không như lý. Như nói có kẻ thọ nhận. Đây là chỗ không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với dị thực của nghiệp không nhận biết? Nghĩa là ở nơi nghiệp và quả, dấy khởi phân biệt không như lý. Đây là chỗ không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với Phật không nhận biết? Nghĩa là ở nơi Bồ-đề của Phật, hoặc không tư duy, hoặc tư duy sai lạc, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi ngờ, hoặc do hủy báng. Đây là chỗ không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với Pháp không nhận biết? Nghĩa là, ở nơi Chánh pháp, tánh khéo giảng nói, hoặc không tư duy, hoặc tư duy sai lạc, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi ngờ, hoặc do hủy báng. Đây là chỗ không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với Tăng không nhận biết? Nghĩa là ở nơi hành chân chánh của Tăng, hoặc không tư duy, hoặc tư duy sai lạc, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi ngờ, hoặc do hủy báng. Đây là những điều không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với khổ không nhận biết? Nghĩa là ở nơi khổ là tánh của khổ, hoặc không tư duy, hoặc tư duy sai lạc, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi ngờ, hoặc do hủy báng. Đây là những điều không nhận biết hiện có.

Thế nào là đối với nhân không nhận biết? Nghĩa là dấy khởi phân biệt không như lý, hoặc cho là không nhân, hoặc chấp về nhân do Tự Tại, thế, tánh, sĩ phu, trung gian v.v... không bình đẳng. Đây là những thứ không nhận biết hiện có.

Như đối với nhân không nhận biết, đối với các hành từ nhân sinh ra cũng vậy.

Lại, hành giả kia không tạo tội nên gọi là thiện, có tội nên gọi là bất thiện. Có lợi ích nên gọi là nên tu tập, không lợi ích nên gọi là không nên tu tập. Đen nên gọi là có tội, trắng nên gọi là không tội. Xen tạp nên gọi là hữu phân.

Đối với sáu xúc xú cần thông đạt đúng như thật, thế nào là không nhận biết? Đó là kẻ tăng thượng mạn, ở trong chỗ chứng đắc đã tư duy điên đảo. Đây là điều không nhận biết hiện có.

Như thế là đã lược nêu về mười chín thứ không nhận biết.

Lại có bảy thứ không nhận biết: (1) Ngu tối về đời. (2) Ngu tối về sự. (3) Ngu tối về di chuyển. (4) Ngu tối về chỗ tối thắng. (5) Ngu tối về nẻo chân thật. (6) Ngu tối về nhiễm tịnh. (7) Ngu tối của tăng thượng mạn.

Mười chín thứ không nhận biết nêu trước và bảy thứ này, cùng nhau tóm như thế nào? Nghĩa là:

Ba thứ không nhận biết đầu (trong 19 thứ) nhau tóm loại thứ nhất ở đây (bảy thứ). Ba thứ không nhận biết tiếp theo, nhau tóm loại thứ hai. Ba thứ không nhận biết tiếp, nhau tóm loại thứ ba. Ba thứ không nhận biết tiếp, nhau tóm loại thứ tư.

Bốn thứ không nhận biết tiếp, nhau tóm loại thứ năm. Hai thứ không nhận biết tiếp, nhau tóm loại thứ sáu. Một thứ không nhận biết sau cùng, nhau tóm loại thứ bảy.

Lại có năm thứ ngu tối: (1) Ngu tối về nghĩa. (2) Ngu tối về kiến giải. (3) Ngu tối của phóng dật. (4) Ngu tối về nghĩa chân thật. (5) Ngu tối của tăng thượng mạn.

Mười chín thứ ngu tối nêu trước và năm thứ này cùng nhau tóm như thế nào? Tức: Ngu tối về kiến giải nhau tóm sáu thứ trước (trong 19 thứ) và ngu tối không nhận biết đối với pháp từ nhân sinh ra. Ngu tối của phóng dật nhau tóm ngu tối đối với dị thực của nghiệp đều không nhận biết. Ngu tối về nghĩa chân thật nhau tóm các thứ không nhận biết đối với Phật v.v... cho đến đạo đế. Ngu tối của tăng thượng mạn nhau tóm loại không nhận biết sau cùng. Nên biết, ngu tối về nghĩa là nhau tóm chung hết thảy.

Lại nữa, không nhận biết, không nhận thấy, không có hiện quán, tối tăm, ngu si và vô minh ám. Sáu thứ sai biệt của vô minh như thế, thứ lớp thuận theo bảy thứ không nhận biết nêu trước, tức đối với hai thứ không nhận biết sau (trong bảy thứ) hợp chung làm một, đấy khởi loại sau cùng ở đây là vô minh ám.

Lại có sai biệt: Nghĩa là ba tuệ do văn, tư, tu tạo thành, có sai biệt về chỗ đối trị. Như thứ lớp của chúng, là nói về ba thứ trước (trong sáu thứ). Tức sự sai biệt của ba phẩm hạ trung thượng nơi chỗ đối trị ấy, là nói về ba thứ sau.

Như vậy, do chỗ đối trị sai biệt, tự tánh sai biệt, nên kiến lập sáu thứ sai biệt.

Thế nào là thân hành? Tức là thân nghiệp, hoặc nơi Dục giới, hoặc nơi Sắc giới. Ở cõi dưới gọi là phước, phi phước. Nơi cõi trên gọi là bất động.

Thế nào là ngữ hành? Tức là ngữ nghiệp. Phần còn lại như trước, nên biết.

Thế nào là ý hành? Nghĩa là ý nghiệp. Nếu tại Dục giới, gọi là phước, phi phước. Tại hai cõi trên, chỉ gọi là bất động.

Thế nào là nhãn thức? Là thức ở nơi vị lai nương dựa nơi nhãn căn, phân biệt nhận biết về cảnh sắc. Là thức của các hành nghiệp phước, phi phước, bất động hiện có, huân tập phát khởi các chủng tử và thức của quả do chủng tử ấy sinh.

Như nhãn thức, các thức còn lại cho đến ý thức, nên biết cũng vậy. Do chỗ dựa và cảnh giới, nên biết, sự đấy khởi phân biệt, nhận biết kia có sai biệt. Các thức này, nơi cõi dục thì có đủ sáu thứ, nơi cõi sắc chỉ có bốn, nơi cõi vô sắc chỉ có một.

Thế nào là thọ uẩn? Đó là tất cả chủng loại lãnh nạp.

Thế nào là tướng uẩn? Đó là hết thấy chủng loại nhận biết rõ về hình tượng.

Thế nào là hành uẩn? Nghĩa là hết thấy chủng loại nghiệp tác ý do tâm tạo nên.

Thế nào là thức uẩn? Nghĩa là hết thấy chủng loại phân biệt, nhận biết.

Các uẩn như vậy là đều chung nơi ba cõi.

Thế nào là bốn đại chủng? Tức là giới địa, thủy, hỏa, phong. Bốn đại chủng này đều chung nơi hai cõi.

Thế nào là sắc do bốn đại chủng tạo ra? Tức là mùi sắc xứ và sắc thuộc về pháp xứ.

Cõi dục có đủ mùi sắc xứ và sắc giả thuộc về pháp xứ. Cõi sắc có tám sắc xứ và sắc thuộc về pháp xứ, nhưng không phải là tất cả. Ở đây cũng có hai loại: chủng tử sắc được chủng tử của thức thân nhận và sắc của quả do chủng tử của thức kia sinh.

Thế nào là nhãn xứ? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho nhãn thức. Do đấy, nên đối với sắc, đã thấy, hiện thấy, sẽ thấy.

Như nhãn xứ, các xứ còn lại cho đến ý xứ, theo chỗ ứng hợp đều nên biết. Nơi tất cả xứ, nên nói về chỗ sai biệt của nghiệp dụng trong ba thời. Ở đây cũng có hai loại: Đó là chủng tử nơi sáu xứ được chủng tử của danh sắc thân nhận và quả nơi sáu xứ do chủng tử của sắc kia sinh. Năm thứ ở nơi cõi dục, sắc, loại thứ sáu chung cho ba cõi.

Thế nào là nhãn xúc? Nghĩa là do ba thứ hòa hợp sinh ra, có thể giữ lấy nghĩa tịnh diệu v.v... của cảnh giới. Như vậy, các xúc còn lại đều tùy theo cảnh riêng để nói về tướng, nên biết. Ở đây lại có hai thứ: Là chủng tử xúc được chủng tử của sáu xứ thân nhận và xúc của quả do chủng tử của sáu xứ kia sinh. Cõi dục gồm đủ sáu thứ, cõi sắc có bốn, cõi vô sắc chỉ có một.

Thế nào là lạc thọ (thọ nhận vui)? Đó là sự thọ nhận vui thích, do thuận theo cảnh giới của các căn được ưa thích tạo ra, thuộc về thọ.

Thế nào là khổ thọ? Là sự thọ nhận không vui thích do hai thứ căn cảnh thuận theo khổ làm duyên sinh ra, thuộc về thọ.

Thế nào là thọ nhận không khổ không vui? Đó là sự thọ nhận không phải vui thích cũng không phải chẳng vui thích, do hai thứ căn, cảnh thuận theo không khổ không vui tạo ra, thuộc về thọ.

Cõi dục có đủ ba thọ. Cõi sắc có hai. Từ tinh lự thứ tư trở lên, cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, chỉ có loại thọ thứ ba. Ở đây cũng có hai loại: Là chủng tử thọ được chủng tử của xúc thân nhận và thọ của quả do chủng tử của xúc sinh ra.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 10

Địa thứ 3, 4, 5: ĐỊA CÓ TÂM CÓ TỬ, phần 7 (Phần Bản Địa)

Thế nào là dục ái? Đó là hành mong cầu nhiễm ô của cõi dục do các hành nơi Dục giới làm duyên sinh ra, do đấy, nên có thể sinh khởi quả khổ nơi cõi dục.

Thế nào là sắc ái? Là các hành mong cầu nhiễm ô nơi cõi sắc, do các hành của cõi sắc làm duyên sinh ra, do đấy, có thể sinh quả khổ nơi cõi sắc.

Thế nào là vô sắc ái? Là các hành mong cầu nhiễm ô nơi cõi vô sắc, do các hành của cõi vô sắc làm duyên sinh ra, do đấy, có thể sinh quả khổ nơi cõi vô sắc.

Thế nào là dục thủ? Đó là dục tham hiện có đối với các dục.

Thế nào là kiến thủ? Là dục tham hiện có đối với các kiến còn lại, trừ Tát-ca-da-kiến (Thân kiến).

Thế nào là giới cấm thủ? Là dục tham hiện có đối với các giới cấm được dấy khởi do nguyện tà vạy.

Thế nào là ngã ngữ thủ? Là dục tham hiện có đối với Tát-ca-da-kiến.

Loại thủ thứ nhất chỉ có thể sinh quả khổ nơi cõi dục. Ba thứ thủ còn lại sinh chung quả khổ nơi ba cõi.

Thế nào là dục hữu? Là hữu gốc của cõi dục, gồm nghiệp hữu, tử hữu, trung hữu, sinh hữu và hữu của trời, người, ngạ quỷ, bàng sinh, địa ngục, gọi chung là dục hữu. Hữu này lại do các hành tạo tác từ trước, do phiền não thâm nhận, huân tập, phát khởi.

Thế nào là sắc hữu? Là các hữu còn lại, trừ hữu địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, người.

Thế nào là vô sắc hữu? Nghĩa là lại trừ trung hữu, số còn lại là vô sắc hữu.

Hỏi: Dựa vào ý nghĩa gì để kiến lập bảy hữu là hữu trời, người, ngạ quỷ, bàng sinh, địa ngục, nghiệp hữu, trung hữu?

Đáp: Dựa vào ba thứ đối tượng tạo tác: (1) Hữu có thể dẫn khởi: có một loại. (2) Hữu hướng tới hữu: có một loại. (3) Hữu của thọ dụng quả: có năm loại.

Thế nào là sinh? Đó là lúc mới thác sinh của hai loại thai sinh và noãn sinh.

Thế nào là đẵng sinh? Là lúc thân phần viên mãn nhưng chưa sinh ra.

Thế nào là hướng tới? Là từ nơi thai kia v.v... sinh ra.

Thế nào là dấy khởi? Tức sinh ra rồi tăng trưởng.

Thế nào là xuất hiện? Là thân phần sinh khởi tức thì của hai loài thấp sinh và hóa sinh.

Thế nào là có được uẩn? Đó là ở trong các vị sinh ấy, năm thủ uẩn chuyển khởi.

Thế nào là có được giới? Đó là tánh thuộc về nhân duyên của các uẩn kia.

Thế nào có được xứ? Đó là tánh thuộc về duyên khác của các uẩn kia.

Thế nào là các uẩn sinh khởi? Tức các uẩn kia được nuôi lớn do ngày ngày ăn uống.

Thế nào là mạng căn xuất hiện? Đó là do sức sống khác của các uẩn kia nếu được nối tiếp trụ. Tóm lược nghĩa của chi sinh này: Tức hoặc tự tánh của sinh, hoặc vị xứ của sinh, hoặc chỗ sinh, hoặc thuộc về nhân duyên, hoặc nhận giữ dẫn khởi, hoặc dựa giữ cùng sinh. Đó gọi là tóm lược về nghĩa.

Thế nào là suy? Là nương dựa nơi suy yếu, khiến hữu tình ấy chao đảo.

Thế nào là già? Là sắc, tóc suy kém, biến đổi.

Thế nào là thay, chuyên: Là da dẻ từ từ nhăn nheo.

Thế nào là thực (chín): Là nhiệt huyết suy giảm, không còn sức lực để thọ dụng các dục trần.

Thế nào là khí lực tổn hoại? Tức tánh nhiều bệnh tật không có sức mạnh để hành xử sự việc.

Thế nào là thân xen lẫn nốt đen? Là những vết nám đen xuất hiện làm tổn hại sắc mặt.

Thế nào là lưng còng, hơi thở gấp gáp? Đó là dáng dấp đi đứng từ thân hình hiển bày, do lưng còng nên khiến hơi thở càng nặng nhọc, đứt quãng...

Thế nào là thân hình sắp hư hoại? Đó là thọ mạng sắp hết, thân hình sắp hoại, đối với các công việc không còn khả năng hành xử.

Tóm lược nghĩa của chi lão này, đó là nương nơi sự biến hoại: Râu tóc biến hoại. Sự sung mãn vui thích biến hoại. Nhiệt huyết biến hoại. Không bệnh biến hoại. Sắc tướng biến hoại. Uy nghi biến hoại. Các căn không sắc biến hoại. Các căn có sắc biến hoại. Thời khắc đã qua, thọ mạng sắp hết. Nên biết những thứ ấy là tóm lược nghĩa của chi lão.

Thế nào là vô số các hữu tình kia? Đó là những hữu tình nơi địa ngục, nga quý v.v...

Thế nào là chủng loại? Đó là hết thảy loại hữu tình kia.

Thế nào là chung cuộc? Tức là các hữu tình, chi phần lìa rời mà chết.

Thế nào là tận? Là các hữu tình do các chi phần phân rã mà chết.

Thế nào là hoại? Là thức lìa khỏi thân.

Thế nào là một (chết)? Là các sắc căn diệt.

Thế nào là xả bỏ thọ mạng? Là khí lực sắp hết.

Thế nào là bỏ hơi ấm? Là lúc không còn cử động, từ bỏ các uẩn.

Thế nào là mạng căn tàn diệt? Tức là lúc chết.

Thế nào là chết? Là gặp phải tai họa, chết không đúng thời.

Thế nào là thời vận hết? Là lúc mới chết, chưa lâu. Lại, nghiệp của tử ma, cũng gọi là thời vận hết.

Tóm lược nghĩa của chi tử này, là hoặc chết, hoặc pháp của sự chết, hoặc chết sai biệt, hoặc phần vị sau khi chết. Đó gọi là tóm lược về nghĩa.

Như thế gọi là sai biệt của duyên khởi, nên biết.

Hỏi: Do nhân duyên gì, các hữu chi như vô minh v.v... được nêu bày theo thứ lớp như thế?

Đáp: Những kẻ ngu si, chủ yếu trước là ngu tối đối với sự việc, nên biết. Tiếp theo, tức ở nơi sự việc ấy phát khởi hành tà. Do hành tà nên khiến tâm điên đảo. Tâm điên đảo nên kết sinh nối tiếp. Sinh nối tiếp nên các căn đầy đủ. Căn đầy đủ nên có hai thứ thọ dụng cảnh. Thọ dụng cảnh, nên hoặc tham đắm, hoặc mong cầu, do mong cầu nên lúc mới tìm kiếm, phiền não thêm lớn. Phiền não thêm lớn nên

phát khởi nghiệp yêu thích không yêu thích đời sau. Do lực thêm lớn của nghiệp phát khởi nên ở trong năm nẻo sinh tử, sinh quả khổ, quả khổ sinh rồi, có khổ của già, chết. Nghĩa là nội thân biến đổi, dẫn đến khổ của già, chết. Cảnh giới biến dị, dẫn đến khổ về buồn, than, khổ của sầu não bức bách. Do đây, Đức Thế Tôn, theo thứ lớp như thế, giảng nói về mười hai chi.

Lại có thứ lớp sai biệt. Nghĩa là dựa nơi hai thứ duyên để kiến lập thứ lớp của duyên khởi: (1) Duyên của nội thân. (2) Duyên của cảnh giới thọ dụng.

Duyên của nội thân: Là thuộc về sáu chi trước. Duyên của cảnh giới thọ dụng: Là thuộc về sáu chi sau.

Trước, đối với nội thân, khởi ngu tối như ngã chấp v.v... Do đây, nên không biết rõ chỗ dẫn đến dị thực của quả khổ nơi các nghiệp, lại phát khởi các nghiệp. Đã phát khởi rồi, tức tùy theo nghiệp ấy khởi nhiều tâm, tứ, do nghiệp và thức là trợ bạn, nên có thể chiêu cảm ba thứ quả khổ của đương lai. Nghĩa là quả khổ thuộc về căn mới khởi, quả khổ thuộc về căn đã tròn đủ, và quả khổ thuộc về cảnh giới thọ dụng. Tức danh sắc là trước, xúc là sau cùng. Lại, ở trong hiện pháp, dựa nơi xúc làm duyên cho thọ, phát khởi ái. Do duyên của cảnh giới thọ dụng, nên khởi rộng việc tìm cầu. Hoặc do môn sự nghiệp, hoặc do môn lợi dưỡng, hoặc do môn giới cấm, hoặc do môn giải thoát, nên phát khởi cầu dục, cầu nội thân, cầu giải thoát sai lạc. Lúc cầu tìm như vậy, khiến cho quả sinh tử của năm nẻo do phiền não và nghiệp dấy khởi, dẫn dắt sinh ra. Đã được sinh rồi thì già, chết theo đuổi.

Lại có thứ lớp sai biệt. Tức do ba thứ tụ của hữu tình: (1) Ưa thích thanh tịnh xuất thế gian. (2) Ưa thích thanh tịnh thế gian. (3) Ưa thích tham vương nơi cảnh giới.

Do tụ thứ nhất, nên diệt trừ các duyên khởi, tăng trưởng phẩm bạch tịnh. Do tụ thứ hai của hữu tình, nên nhận biết không đúng như

thật về đạo lý của các đế. Hoặc trụ nơi chánh niệm, hoặc tạo nghiệp phước. Hoặc tu tập pháp hữu lậu dẫn khởi nghiệp bất động. Hoặc chẳng trụ nơi chánh niệm, bèn phát khởi nghiệp phi phước. Hoặc khởi tâm tương tục trụ, do hối tiếc việc đã qua dẫn dắt, hoặc hoan hỷ không hối tiếc việc đã qua dẫn dắt. Kẻ kia, lại cũng như trước, ở nơi xứ sinh thượng trung hạ, thứ lớp có thể chiêu cảm ba thứ quả khổ của đương lai: Tức danh sắc là trước, xúc là sau cùng. Do tụ thứ ba của hữu tình, dựa nơi thọ do cảnh hiện thọ dụng sinh, ở trong hiện pháp, cũng như trước, thứ lớp đầy khởi sáu chi sau, tức thọ là trước, lão tử là sau.

Hỏi: Do nhân duyên gì, khi nêu bày về các duyên khởi theo thứ lớp nghịch, lão tử là trước?

Đáp: Dựa nơi sự nêu rõ về đạo lý của Thánh đế. Do sinh và lão tử có thể hiển bày về Khổ đế, như Đức Thế Tôn nói: “Danh sắc mới được diệt là pháp đứng đầu”.

Hỏi: Do đâu không nói các vô minh diệt là pháp đứng đầu?

Đáp: Do dựa nơi sự giải quyết của tâm, nên nêu đặt như thế. Vì danh sắc là chủng tử khổ ở trong hiện pháp và quả khổ của đương lai, không sinh mà diệt, nên nói danh sắc là trước, thọ là sau cùng, đạt cứu cánh là diệt. Lại, ở trong hiện pháp, lúc nhận các thọ, ái và tùy miên được nhổ dứt vĩnh viễn không khởi, nên gọi là diệt. Do danh sắc diệt, vì danh sắc là trước, nên các chi còn lại cũng diệt. Các thứ như vậy là nêu bày rõ về thứ lớp của duyên khởi, nên biết.

Hỏi: Vì sao duyên khởi được nói là duyên khởi?

Đáp: Do phiền não trói buộc đi vào trong các nẻo luôn luôn sinh khởi, nên gọi là duyên khởi. Đây là dựa vào chữ để giải thích tên.

Lại nữa, do các duyên dựa nhờ, mau chóng tàn diệt, lại nối tiếp hòa hợp sinh khởi, nên gọi là duyên khởi. Đây là dựa theo nghĩa sát-na để giải thích.

Lại nữa, các duyên quá khứ nhưng không lìa bỏ, dựa nơi sự tương tục của chính mình mà được sinh khởi, nên gọi là duyên khởi. Như nói: Đây có nên kia có. Đây sinh nên kia sinh, chẳng phải cái gì khác. Dựa nơi nghĩa này để giải thích tên gọi, nên biết.

Lại nữa, luôn luôn tàn diệt, lại nối tiếp khởi, nên gọi là duyên khởi. Đây là dựa nơi nghĩa luôn hoại luôn diệt để giải thích.

Lại nữa, đối với đời quá khứ, biết rõ về tánh duyên rồi, cùng tương tục khởi, nên gọi là duyên khởi. Như Đức Thế Tôn nói: “Ta đã giác ngộ, chính là khởi sự giảng nói rõ”. Tức do tên gọi ấy lần lượt truyền, nêu, nên gọi là duyên khởi.

Hỏi: Vô minh đối với hành làm bao nhiêu thứ duyên?

Đáp: Đối với các hành có sắc làm duyên tăng thượng. Đối với hành vô sắc làm ba duyên là duyên đẳng vô gián, duyên sở duyên và duyên tăng thượng. Như thế, các chi khác làm duyên nhiều ít, nên biết là như ở đây. Nghĩa là chi có sắc đối với chi có sắc làm một duyên tăng thượng. Đối với chi vô sắc làm hai duyên là duyên sở duyên và duyên tăng thượng. Nếu chi vô sắc đối với chi hữu sắc chỉ làm một duyên. Đối với chi vô sắc làm ba duyên là duyên đẳng vô gián, duyên sở duyên và duyên tăng thượng.

Hỏi: Vì sao các chi cùng đối chiếu với nhau không có duyên nhân?

Đáp: Vì duyên nhân là duyên nơi chủng tử của tự thể hiển bày.

Hỏi: Nếu các chi cùng đối chiếu không có duyên nhân, thì vì sao nói là dựa nơi thể tánh của nhân quả để kiến lập duyên khởi?

Đáp: Dựa nơi nhân sinh khởi, nhân khiên dẫn, nhân dẫn phát thuộc về duyên tăng thượng, nên gọi là nhân.

Hỏi: Có bao nhiêu chi là thuộc về nhân dẫn phát?

Đáp: Là từ chi vô minh cho đến thọ.

Hỏi: Có bao nhiêu chi là thuộc về nhân sinh?

Đáp: Từ ái cho đến hữu.

Hỏi: Có bao nhiêu chi là thuộc về quả của hai nhân sinh, dẫn?

Đáp: Ở trong hiện pháp, hậu pháp, là thức v.v... cho đến thọ, là các chi thuộc về phần vị của sinh, lão tử.

Hỏi: Nếu nói vô minh, là do tác ý không như lý làm nhân, thì do duyên có gì, ở trong giáo pháp duyên khởi, không nói tác ý trước?

Đáp: Tác ý chỉ là nhân bất đoạn, chẳng phải là nhân tạp nhiễm. vì sao? Vì chẳng phải kẻ không ngu tối dấy khởi tác ý ấy, nên dựa nơi nhân tạp nhiễm để nói giáo pháp duyên khởi. Tự tánh của vô minh là nhiễm ô. Tự tánh của tác ý không như lý là không nhiễm ô, nên tác ý không thể làm nhiễm ô vô minh, nhưng do sức mạnh của vô minh làm cho nhiễm ô. Lại, nghiệp tạp nhiễm của sinh, do sức mạnh của phiền não huân tập phát khởi, nhân đầu của nghiệp là duyên khởi thứ nhất, do đó không nói tác ý không như lý.

Hỏi: Do đâu không nói tự thể làm duyên của tự thể?

Đáp: Do tự thể ấy nếu không có được duyên khác, nên ở nơi tạp nhiễm của tự thể không thể tăng trưởng, cũng không tồn giảm, vì thế không nói.

Hỏi: Vì nhân duyên gì hành phước hành bất động, do công sức của sự lựa chọn đúng đắn nên khởi, nhưng nói là dùng vô minh làm duyên?

Đáp: Do không hiểu rõ nhân khổ của thể tục làm duyên, nên khởi hành phi phước. Do không thấu tỏ về nhân khổ của thắng nghĩa làm duyên, nên sinh hành phước và hành bất động. Vì thế cũng nói hai hành ấy dùng vô minh làm duyên.

Hỏi: Như trong kinh nói, các nghiệp do tham sân si làm duyên. Vì sao ở đây chỉ nói si làm duyên?

Đáp: Ở đây là nói chung về duyên của nghiệp phước, phi phước và bất động. Duyên của tham sân si chỉ sinh nghiệp phi phước.

Hỏi: Thân nghiệp, ngữ nghiệp, do tư duy phát khởi, đó là hành cũng duyên hành. Vì sao chỉ nói vô minh duyên hành?

Đáp: Vì dựa vào nơi duyên phát khởi tất cả hành mà nói, cùng dựa nơi duyên của tư duy sinh thiện, nhiễm ô mà nói.

Hỏi: Thức cũng lấy danh sắc làm duyên. Sao ở đây chỉ nói hành làm duyên?

Đáp: Vì hành là duyên tạp nhiễm của thức, có thể dẫn khởi, có thể sinh quả của đời sau, chẳng phải như danh sắc chỉ làm duyên sinh khởi cho chỗ dựa, của đối tượng duyên.

Hỏi: Danh sắc cũng do đại chủng tạo ra và do xúc sinh. Vì sao chỉ nói thức làm duyên?

Đáp: Thức có thể làm nhân sinh mới của danh sắc. Danh sắc đã sinh rồi, hoặc lúc đang sinh, đại chủng và xúc chỉ có thể cùng với danh sắc làm nhân kiến lập.

Hỏi: Như trong kinh nói: Do sáu giới làm duyên nên được nhập thai mẹ. Vì sao ở đây chỉ nói thức giới?

Đáp: Nếu có thức giới thì quyết định ở trong thai mẹ, nên tinh huyết, đại chủng, bụng, huyết đều không thiếu. Lại thức giới là hơn. Lại nữa, dựa vào lúc tất cả sinh, tất cả hữu sinh mà nói.

Hỏi: Sáu xứ cũng dùng việc ăn uống làm duyên, vì sao ở đây chỉ nói danh sắc làm duyên?

Đáp: Ở đây nói danh sắc là nhân sinh của sáu xứ. Sáu xứ đã sinh rồi, cũng dùng ăn uống làm nhân nhận giữ.

Hỏi: Xúc do ba thứ hòa hợp làm duyên, vì sao ở đây chỉ nói sáu xứ làm duyên?

Đáp: Nếu có sáu xứ thì nhất định có hai thứ kia, không hề thiếu. Lại, sáu xứ thì hơn hẳn vì sáu xứ thâm tóm hai thứ kia.

Hỏi: Hoặc tự mình bị bức bách, hoặc bị kẻ khác bức bách, hoặc do thời gian biến đổi, hoặc do nghiệp trước dẫn dắt, đều có thể sinh thọ. Vì sao ở đây chỉ nêu rõ là xúc làm duyên cho thọ?

Đáp: Xúc là nhân gần của thọ, là do xúc dẫn dắt. Các duyên khác giúp thọ sinh cũng từ nơi xúc sinh, nên tất không lia xúc. Vì thế nói riêng xúc làm duyên cho thọ.

Hỏi: Trong kinh cũng nói vô minh làm duyên sinh ra ái, thuận theo cảnh giới của ái cũng được làm duyên, vì sao ở đây chỉ nói thọ làm duyên?

Đáp: Do sức mạnh của thọ, nên ở nơi cảnh tương tợ, hoặc cầu hòa hợp, hoặc cầu trái lia. Do sức thúc đẩy của ngu tối, nên chỉ đối với hết thấy tướng của các thọ dấy khởi nhận biết không đúng như thật, vì vậy không thể chế ngự được tâm mình.

Hỏi: Do chưa đoạn trừ tùy miên, các pháp thuận theo tùy miên, thủ đều được sinh. Vì sao ở đây chỉ nói ái làm duyên cho thủ?

Đáp: Do mong cầu sinh, nên vào lúc cầu tìm, có thể phát khởi tùy miên, cùng có thể dẫn dắt pháp thuận theo tùy miên.

Hỏi: Trước đã nói vô minh làm duyên phát khởi nghiệp hữu, vì sao nay nói thủ làm duyên hữu?

Đáp: Do sức mạnh của thủ, tức khiến nghiệp ấy, ở nơi các xứ sinh kia có thể dẫn khởi quả của thức, danh sắc v.v...

Hỏi: Sinh cũng do tinh huyết của cha mẹ v.v... làm duyên, vì sao ở đây chỉ nói hữu làm duyên cho sinh?

Đáp: Do có hữu nên nhất định có các duyên còn lại không thiếu. Lại do hữu là hơn hẳn, nên chỉ nói hữu làm duyên.

Hỏi: Cũng do hành xa, không tránh khỏi bất bình đẳng, bị kẻ khác bức bách, làm duyên, mới có lão tử, vì sao ở đây chỉ nói sinh làm duyên lão tử?

Đáp: Tuy do các duyên kia, nhưng do sinh là căn bản, nên giả như thiếu các duyên kia, chỉ mỗi sinh làm duyên, nhất định có lão tử.

Hỏi: Mười hai chi này, có bao nhiêu là phiền não đạo, bao nhiêu là nghiệp đạo, bao nhiêu là khổ đạo?

Đáp: Ba chi là phiền não đạo. Hai chi là nghiệp đạo. Bảy chi còn lại là khổ đạo.

Hỏi: Có bao nhiêu chi chỉ là nhân, bao nhiêu chi chỉ là quả, bao nhiêu chi chung cả nhân, quả?

Đáp: Một chi đầu chỉ là nhân. Một chi sau chỉ là quả. Các chi còn lại là chung cho nhân, quả. Lại, tức nơi câu hỏi này có cách giải đáp khác: Ba chi chỉ là nhân. Hai chi chỉ là quả. Các chi còn lại cũng là nhân, cũng là quả.

Hỏi: Bao nhiêu chi là tướng riêng biệt, bao nhiêu chi là tướng xen tạp?

Đáp: Ba chi là tướng riêng biệt. Hành v.v... là tướng xen tạp.

Hỏi: Vì sao hành, hữu là tướng xen tạp?

Đáp: Là do hai thứ nên nói như thế. Nghĩa là có thể dẫn khởi quả ái, phi ái, cùng có thể phát sinh sự sai biệt của nẻo.

Hỏi: Vì sao thức cùng với danh sắc, sáu xứ có một phần tướng xen tạp?

Đáp: Do ba thứ nên nói như thế: Nghĩa là do nương vào thời gian tạp nhiễm, dựa vào lúc nhuần thấm, và dựa vào thời gian chuyển biến.

Hỏi: Vì sao thức cho đến thọ và lão tử có tướng xen tạp?

Đáp: Do hai thứ nên nói như thế. Tức là do hiện bày riêng lẻ tướng khổ cùng hiện bày việc dẫn đến chỗ sai biệt của sinh. Lại nữa, ở trong duyên khởi, thế nào là nghĩa luôn đi qua? Đó là nghĩa sinh rồi không dừng trụ.

Thế nào là nghĩa hòa hợp? Đó là nghĩa các duyên tụ tập.

Thế nào là nghĩa đẩy khởi? Đó là nghĩa thâm dẫn, nối tiếp sinh khởi của các duyên hòa hợp.

Thế nào là duyên khởi? Thế nào là duyên sinh? Đó là tánh của pháp sinh khởi nơi các hành, gọi là duyên khởi. Chúng đã sinh rồi, gọi là duyên sinh.

Hỏi: Có bao nhiêu chi thuộc về Khổ đế và hiện pháp là khổ?

Đáp: Có hai chi, là sinh và lão tử.

Hỏi: Có bao nhiêu chi thuộc về Khổ đế và đương lai là khổ?

Đáp: Là tánh chung tử của thức cho đến thọ.

Hỏi: Có bao nhiêu chi thuộc về Tập đế?

Đáp: Hết thấy các chi còn lại.

Hỏi: Vô minh đối với hành là làm duyên câu hữu, làm duyên vô gián diệt hay làm duyên cứu viễn diệt?

Đáp: Nên biết là làm đủ ba duyên: Nghĩa là do không nhận biết, ở trong các pháp hành tùy thuận, làm duyên câu hữu (cùng hiện hữu) che ngăn, khiến các sự việc kia phát khởi các hành. Lại do không nhận biết về ác kiến, phóng dật cùng hiện hành, nên làm duyên vô gián diệt sinh khởi, phát sinh các hành. Lại do không nhận biết, nên làm duyên cứu viễn diệt dẫn phát, kiến lập sự sinh nối tiếp ở vị lai thuận theo duyên kia.

Hỏi: Vì sao nên biết các hành đối với thức làm ba thứ duyên?

Đáp: Do có thể huân tập, phát khởi chủng tử của thức, nên làm duyên câu hữu. Sau đấy, do sức mạnh của thức chuyển, nên làm duyên vô gián diệt sinh khởi. Do quả vị lai của thức được sinh nên làm duyên cứu viễn diệt dẫn phát.

Như hành đối với thức, thức đối chiếu với danh sắc, danh sắc đối với sáu xứ, sáu xứ đối với xúc, xúc đối với thọ, cũng vậy.

Hỏi: Nên biết thế nào là thọ đối với ái làm ba thứ duyên?

Đáp: Tức do ái dấy khởi ưa thích, chấp vương, nên làm duyên câu hữu. Từ chỗ không gián đoạn ấy, do sức mạnh của ái, khởi sự tìm cầu v.v... tạo tác dụng chuyển đổi, làm duyên vô gián diệt sinh khởi, kiến lập sự khó có thể giải thoát được nối tiếp ở vị lai, làm duyên cứu viễn diệt dẫn phát.

Hỏi: Thế nào là ái đối với thủ làm ba thứ duyên?

Đáp: Do dục tham cùng hiện hành, ở trong pháp thuận theo thủ, dục lạc được an lập, nên làm duyên câu hữu. Do sức mạnh của vô gián diệt chuyển khởi, nên làm duyên sinh khởi, kiến lập sự khó có thể giải thoát được nối tiếp ở vị lai, nên làm duyên cứu viễn diệt dẫn phát.

Hỏi: Thế nào là thủ đối với hữu làm ba thứ duyên?

Đáp: Do cùng với hữu kết hợp, khiến nghiệp có thể chiêu cảm quả của các nẻo, nên làm duyên câu hữu. Lại do sức mạnh của hữu, ở nơi xứ sinh ấy, có thể dẫn dắt thức v.v..., nên làm duyên vô gián diệt sinh khởi. Lại có thể dẫn phát công năng của nẻo kia, nên làm duyên cứu viễn diệt dẫn phát.

Hỏi: Thế nào là hữu đối với sinh làm ba thứ duyên?

Đáp: Do huân tập phát khởi chủng tử của sinh, nên làm duyên câu hữu. Do sức mạnh của sinh, tùy chuyển không gián đoạn, nên

làm duyên sinh khởi, tuy đã diệt từ lâu xa nhưng quả vẫn chuyển khởi, nên làm duyên dẫn phát.

Như hữu đối với sinh, nên biết sinh đối với lão tử làm duyên cũng thế.

Lại nữa, kiến lập chi hữu có hai thứ: Một là căn cứ theo phần hơn để kiến lập. Nghĩa là nghiệp thọ thuộc về thủ, như trước đã nói. Hai là theo toàn phần để kiến lập. Nghĩa là các chủng tử hiện có của nghiệp và thức cho đến thọ, thì thọ thuộc về thủ, để kiến lập làm hữu.

Hỏi: Những chi hữu này, chỉ có thứ lớp cùng với hành làm duyên, cho đến lão tử, hay lại có nghiệp dụng khác?

Đáp: Tức nghiệp dụng này cùng ở trong cảnh của đối tượng hành đều khác nhau, như chỗ ứng hợp của chúng, nên biết nghiệp dụng hiện có là nghiệp dụng thứ hai.

Hỏi: Vô minh chỉ cùng với hành làm duyên, hay là cũng cùng với các chi khác làm duyên?

Đáp: Vô minh cho đến cũng cùng với lão tử làm duyên.

Trước nói chỉ cùng với hành làm duyên, là chỉ nói về nghĩ duyên gần. Như vậy, các chi còn lại, nên biết là vô minh đều duyên hết.

Lại nữa, chi sau không phải là duyên của chi trước. Vì sao? Vì để đoạn dứt chi sau, nên phải dốc công sức đoạn trừ chi trước. Do chi trước đoạn, nên chi sau cũng đoạn theo. Chẳng phải vì để đoạn chi trước nên gắng công sức đoạn dứt chi sau. Vì thế nên biết chỉ chi này làm duyên chi kia.

Hỏi: Thế nào là nói: “Đây có nên kia có”?

Đáp: Do nghĩa duyên chưa đoạn, nên cái khác được sinh.

Hỏi: Thế nào là nói: “Đây sinh nên kia sinh”?

Đáp: Do nghĩa duyên vô thường nên cái khác được sinh.

Hỏi: Do đâu nói: “Có sinh nên có lão tử”? Chính là do duyên của sinh mà có lão tử. Như vậy cho đến vô minh đối với hành chẳng?

Đáp: Do nghĩa nơi đạo lý của ngôn giáo ấy hiển bày từ duyên của tác dụng không thật, nên cái khác được sinh.

Hỏi: Vì sao nói: “Có sinh nên có lão tử”? Chẳng phải lìa duyên của sinh mà có lão tử? Như vậy cho đến vô minh đối với hành?

Đáp: Do nghĩa nơi đạo lý của ngôn giáo ấy, hiển bày từ duyên của tự tương tục, tức từ nơi tự tương tục nên cái khác được sinh.

Hỏi: Nếu pháp vô minh làm duyên thì pháp ấy là hành chẳng? Như nếu là hành thì pháp ấy được vô minh làm duyên chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: (1) Hoặc có hành chẳng phải là vô minh làm duyên. Tức là các hành của thân ngữ ý vô lậu và vô phú vô ký. (2) Hoặc có vô minh làm duyên nhưng chẳng phải là hành. Nghĩa là các chi hữu còn lại, trừ các chi hữu thuộc về hành. (3) Hoặc có cũng vô minh làm duyên cũng là hành. Tức các hành phước, phi phước, bất động của thân ngữ ý. (4) Trừ các trường hợp trên.

Hỏi: Nếu hành làm duyên thì pháp ấy cũng là thức chẳng? Nếu là thức thì được hành làm duyên chẳng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Hoặc hành làm duyên nhưng không phải là thức. Tức là các chi hữu còn lại, trừ thức. (2) Hoặc là thức nhưng không phải hành làm duyên. Tức là thức vô lậu và thức vô phú vô ký, trừ sinh dị thực. (3) Hoặc cũng là thức cũng là hành làm duyên. Tức là thức của chủng tử đời sau và thức của quả. (4) Trừ các trường hợp trên.

Do đạo lý này, cho đến xúc duyên thọ, nên biết theo chỗ ứng hợp, đều có bốn trường hợp như vậy.

Hỏi: Nếu thọ làm duyên thì đều là ái chẳng? Nếu là ái thì đều do thọ làm duyên chẳng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Hoặc là có ái nhưng chẳng phải thọ làm duyên. Đó là mong cầu giải thoát thù thắng, cùng dựa nơi ái thiện để xả bỏ các ái khác. (2) Hoặc thọ làm duyên nhưng chẳng phải là ái. Tức pháp sinh của các chi hữu còn lại, trừ thọ làm duyên do vô minh – xúc sinh ra. (3) Hoặc có thọ làm duyên cũng là ái: Đó là thọ do vô minh – xúc sinh, làm duyên sinh ái nhiễm ô. (4) Trừ các trường hợp trên.

Hỏi: Nếu ái làm duyên thì đều là thủ chẳng? Nếu là thủ thì đều do ái làm duyên chẳng?

Đáp: Nên biết, ở đây là thuận với trường hợp sau. Nghĩa là thủ hiện có đều do ái làm duyên. Hoặc ái làm duyên mà chẳng phải là thủ. Nghĩa là các chi hữu còn lại, trừ thủ, cùng duyên nơi ái thiện, các pháp thiện như siêng năng, tinh tấn sinh.

Hỏi: Nếu thủ làm duyên thì đều là hữu chẳng? Nếu là hữu thì đều do thủ làm duyên chẳng?

Đáp: Cũng nên tạo chỗ thuận với trường hợp sau: Nghĩa là mọi hữu hiện có đều là thủ làm duyên. Hoặc thủ làm duyên nhưng không phải là hữu. Tức là các chi hữu còn lại, trừ hữu.

Hỏi: Nếu hữu làm duyên thì đều là sinh chẳng? Nếu là sinh thì đều do hữu làm duyên chẳng?

Đáp: Các sinh hiện có đều do hữu làm duyên. Hoặc hữu làm duyên nhưng không phải là sinh. Tức là trừ sinh, chi hữu còn lại sau cùng là lão tử.

Hỏi: Nếu sinh làm duyên thì đều là lão tử chẳng? Nếu là lão tử thì đều do sinh làm duyên chẳng?

Đáp: Lão tử hiện có đều do sinh làm duyên. Hoặc do sinh làm duyên, nhưng không phải là lão tử. Đó là bệnh tật, oán ghét mà gặp nhau, thân ái mà biệt ly, cầu không toại nguyện và vô số phiền não bức bách, làm đầy khởi bao sâu than ưu khổ.

Hỏi: Các chi hữu ấy, có bao nhiêu chi là chướng ngại hơn hết đối với chánh kiến thuộc tám chánh đạo?

Đáp: Vô minh cùng với ý hành do vô minh dấy khởi, hoặc một phần của hữu, là có thể tạo chướng ngại hơn hết đối với chánh kiến.

Như đối với chánh kiến, đối với chánh tư duy, chánh tinh tấn cũng vậy. Hoặc chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, thì do thân hành ngữ hành và một phần của hữu là chướng ngại hơn hết. Còn chánh niệm, chánh định thì do các chi hữu còn lại là chướng ngại hơn hết.

Hỏi: Các chi hữu này, có bao nhiêu chi chỉ là phẩm tạp nhiễm? Bao nhiêu chi là chung cho phẩm tạp nhiễm, thanh tịnh?

Đáp: Có bốn chi chỉ là phẩm tạp nhiễm. Các chi còn lại là chung cho phẩm tạp nhiễm, thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là chi sinh chung cho hai phẩm ấy?

Đáp: Nếu sinh vào nẻo ác cùng nơi chốn có nạn thì chỉ là phẩm tạp nhiễm. Nếu sinh nơi các xứ không nạn của nẻo người, trời, thì đây là chung cho hai phẩm nhiễm, tịnh.

Nên biết các chi còn lại, tùy chỗ ứng hợp, đều chung cho hai phẩm.

Hỏi: Những gì do vô minh không có nên hành không có. Những gì do vô minh diệt nên hành diệt?

Đáp: Có ba thứ vô minh: phát khởi, triền, tùy miên. Do vô minh này diệt nên vô minh kia diệt, do vô minh kia diệt nên hành cũng diệt theo.

Hỏi: Những gì là hành không có nên thức không có. Những gì là hành diệt nên thức diệt?

Đáp: Đó là các hành ở trong nẻo tương tục của chính mình, đã tạo tác, đã diệt và chưa khởi đối trị. Lại do ý hành có, nên khởi thân

hành ngữ hành. Do đây có nên kia có. Kia không nên thức duyên kia cũng không. Đây nếu diệt hoàn toàn, nên biết thức cũng diệt theo.

Hỏi: Những gì là thức không có nên danh sắc không có? Những gì là thức diệt nên danh sắc diệt?

Đáp: Thức của chủng tử không có nên thức của quả không có. Thức này cùng diệt nên danh sắc cùng diệt. Như đạo lý thức có đối với danh sắc, các chi còn lại cho đến thọ, tùy chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy.

Như đạo lý vô minh duyên hành, thì đạo lý ái duyên thủ, thủ duyên hữu, nên biết cũng như vậy.

Như đạo lý hành duyên thức, thì hữu duyên sinh, nên biết cũng thế. Như đạo lý thức duyên danh sắc, thì sinh duyên lão tử, nên biết cũng vậy.

Hỏi: Những gì là thọ không có nên ái không có? Những gì là thọ diệt nên ái diệt?

Đáp: Như đạo lý hành duyên thức, nên biết ở đây cũng vậy.

Hỏi: Như trước đã nói về tám môn duyên khởi. Vậy có bao nhiêu môn hiển bày mười hai chi duyên khởi? Có bao nhiêu môn không hiển bày?

Đáp: Có ba môn hiển bày: hai môn hiển bày một phần và một môn hiển bày toàn phần. Các môn còn lại thì không hiển bày.

Những gì là hai môn hiển bày một phần? Đó là môn nội thức sinh và môn tự nghiệp tạo tác.

Những gì là một môn hiển bày toàn phần? Đó là môn thể gian của hữu tình chuyển.

Hỏi: Nhận biết không đúng như thật về đạo lý duyên khởi, thì có bao nhiêu thứ lỗi lầm, tai họa?

Đáp: Có năm thứ: (1) Dấy khởi ngã kiến. (2) Có thể phát khởi kiến chấp về tiền tế câu hành (Đời trước cùng hiện hành). (3) Phát khởi kiến chấp về hậu tế câu hành (Đời sau cùng hiện hành). (4) Phát khởi kiến chấp về tiền tế, hậu tế câu hành. (5) Đối với các kiến ấy, có chấp mãnh liệt, có giữ lấy, có mong cầu, ở trong hiện pháp không có Bát Niết-bàn.

Hỏi: Nhận biết đúng như thật về đạo lý duyên khởi, thì đạt được bao nhiêu thứ lợi ích thù thắng?

Đáp: Chuyên ngược năm thứ lỗi lầm ở trước, nên biết lợi ích thù thắng cũng có năm thứ.

Lại nữa, mười hai chi duyên khởi này: Có bao nhiêu chi là thật có? Là chín chi. Có bao nhiêu chi là không thật có? Các chi còn lại. Có bao nhiêu chi một sự là tự tánh? Là năm chi.

Có bao nhiêu chi không phải một sự là tự tánh? Các chi còn lại. Có bao nhiêu chi là nhân của sở tri chương? Là một chi. Có bao nhiêu chi có thể sinh khổ? Là năm chi.

Có bao nhiêu chi là thai tạng của khổ? Là năm chi. Có bao nhiêu chi chỉ là khổ? Là hai chi. Có bao nhiêu chi gọi là phần nhân? Là sáu chi trước là vô minh cho đến xúc, và ba chi ái, thủ, hữu, gọi là phần nhân. Có bao nhiêu chi gọi là phần quả? Là hai chi sau.

Có bao nhiêu chi gọi là phần nhân quả xen lẫn? Là chi còn lại (thọ). Vì sao? Có hai thứ thọ, gọi là phần xen lẫn. Một là thọ của nhân do xúc làm duyên nơi hậu pháp. Hai là thọ của quả cùng với ái làm duyên nơi hiện pháp. Hai thứ xen lẫn này gọi là xúc duyên thọ.

Lại nữa, mười hai chi duyên khởi này: Có bao nhiêu chi có thể sinh ra quả của cảnh giới ái phi ái? Có bao nhiêu chi có thể sinh quả của tự thể? sáu chi trước có thể sinh ra quả trước (ái phi ái). ba chi sau có thể sinh ra quả sau. một chi cùng sinh ra hai thứ quả.

Lại nữa, mười hai chi duyên khởi này: Có bao nhiêu chi cùng hiện hành với lạc thọ? Là ba mươi chi còn lại, trừ hai chi. Có bao nhiêu chi cùng hiện hành với khổ thọ? Là khổ thọ và một chi trong chỗ được trừ ra.

Có bao nhiêu chi cùng hiện hành với thọ không khổ không lạc? Như đạo lý của lạc thọ. Có bao nhiêu chi không cùng với thọ cùng hiện hành? Là một chi trong chỗ được trừ.

Lại nữa, mười hai chi duyên khởi này: Có bao nhiêu chi thuộc về hoại khổ? Là chi cùng hiện hành với lạc thọ, cùng một phần của chi không cùng hiện hành với thọ.

Có bao nhiêu chi thuộc về khổ khổ? Là chi cùng hiện hành với khổ thọ, và một phần của chi không cùng hiện hành với thọ.

Có bao nhiêu chi thuộc về hành khổ? Đó là chi thuộc khổ khổ, hoại khổ hiện có, cũng là chi thuộc hành khổ. Hoặc có chi thuộc về hành khổ, nhưng không phải là chi thuộc hai khổ kia. Tức là chi cùng hiện hành với thọ không khổ không lạc, cùng một phần của chi không cùng hiện hành với thọ.

Hỏi: Ở trong tất cả xứ sinh cùng Tam-ma-bát-đề, đều có tất cả chi hiện hành, có thể được chăng?

Đáp: Không thể được. Nghĩa là nơi cõi trời Vô tướng, và Định diệt tận, trong Định vô tướng, chi hữu sắc thì có thể được, chẳng phải là chi vô sắc. Nếu sinh nơi Vô sắc giới thì chi vô sắc có thể được, không phải là chi hữu sắc.

Hỏi: Từng có dựa nơi chi nên có thể lia chi chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là dựa nơi chi của địa trên, lia chi của địa dưới. Đây chỉ là một phần, không phải là toàn phần, chỉ là tạm thời, không phải là cứu cánh.

Hỏi: Có bao nhiêu chi nhiệm ô? Không nhiệm ô?

Đáp: Có ba chi nhiệm ô. Các chi còn lại chung cho hai thứ. Nếu không nhiệm ô, thì thiện và vô phú vô ký riêng, nên phân làm hai thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu chi hệ thuộc Dục giới?

Đáp: Hết thầy chi, hòa hợp cùng khởi.

Hỏi: Có bao nhiêu chi hệ thuộc Sắc giới?

Đáp: Một phần của tất cả.

Hỏi: Vì sao có thể biết các hành kia có già?

Đáp: Các hành kia có tánh hư mục, tan hoại.

Như hệ thuộc Sắc giới, hệ thuộc Vô sắc giới nên biết cũng vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu chi là học?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có nhiều chi là vô học?

Đáp: Cũng không có.

Hỏi: Có bao nhiêu chi là phi học phi vô học?

Đáp: Tất cả các chi.

Hỏi: Chi hữu lậu thiện hiện có, vì sao chẳng phải là học?

Đáp: Vì rơi vào nẻo lưu chuyển. Nếu pháp hữu lậu thiện hiện có là bậc học thì phải trái ngược với nẻo lưu chuyển, cùng dùng mình làm duyên, nên không phải là chi.

Hỏi: Quả Dự lưu, nên nói có bao nhiêu chi đã đoạn?

Đáp: Đã đoạn một phần của tất cả, không toàn phần. Như quả Dự lưu, quả Nhất lai cũng vậy.

Hỏi: Quả Bất hoàn, nên nói có bao nhiêu chi đã đoạn?

Đáp: Nơi cõi dục, đã đoạn hết thủy. Nơi cõi sắc, vô sắc thì bất định.

Hỏi: Quả A-la-hán, nên nói có bao nhiêu chi đã đoạn?

Đáp: Nơi ba cõi, đều đoạn hết thủy các chi.

Lại nữa, nơi nhiều kinh kia, do bao nhiêu thứ đạo lý ngôn thuyết để nói về duyên khởi?

Tức lược nêu là do sáu thứ đạo lý ngôn thuyết: (1) Do nói thuận theo thứ lớp. (2) Do nói nghịch với thứ lớp. (3) Do nói một phần chi. (4) Do nói đủ phần chi. (5) Do nói về phẩm đen. (6) Do nói về phẩm trắng.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói, pháp duyên khởi là thâm diệu. Nghĩa thâm diệu ấy nên nhận biết như thế nào?

Đáp: Do mười thứ tướng nên nhận biết về nghĩa thâm diệu của duyên khởi. Đó là: Dựa nơi nghĩa vô thường. Dựa nơi nghĩa khổ. Dựa nơi nghĩa không. Dựa nơi nghĩa vô ngã. Dựa nơi thắng nghĩa đế.

Dựa nơi nghĩa vô thường: Nghĩa là từ chủng tử của mình sinh, cũng đợi duyên khác. Lại từ duyên khác sinh, cũng đợi chủng tử của mình. Lại từ chủng tử của mình, lại từ duyên khác sinh, nhưng chủng tử và duyên đối với sự sinh ấy, không tác, không dụng, cũng không vận chuyển. Lại, công năng nơi tánh của hai nhân ấy không phải là không thật có. Lại, các chi hữu, tuy từ vô thị đến nay, tướng của chúng thành tựu, nhưng trong từng sát-na, sát-na, luôn thay đổi cùng chuyển. Lại, chi duyên khởi, tuy trong từng sát-na chóng diệt, nhưng hiện bày giống như tướng vận động dừng trụ.

Dựa nơi nghĩa khổ: Nghĩa là chi duyên khởi là một vị tướng khổ, nhưng hiện bày giống như ba thứ tướng.

Dựa nơi nghĩa không: Nghĩa là chi duyên khởi tuy lìa hữu tình, kẻ tạo tác, kẻ thọ nhận, nhưng hiển hiện tợ như chẳng lìa.

Dựa nơi nghĩa vô ngã: Nghĩa là chi duyên khởi tuy không tự tại, thật sự không có tướng ngã, nhưng hiển hiện tự như có tướng ngã.

Dựa nơi thắng nghĩa đế: Tự tánh của các pháp tuy không thể nêu bày, nhưng nói tự tánh ấy vẫn có thể dùng ngôn thuyết để diễn đạt.

Hỏi: Nên dùng bao nhiêu trí để nhận biết về duyên khởi?

Đáp: Dùng hai trí. Đó là dùng trí pháp trụ cùng trí chân thật.

Thế nào là dùng trí pháp trụ? Nghĩa là như Đức Phật đã nêu đặt, mở bày, chỉ rõ: không điên đảo khi nhận biết.

Thế nào là dùng trí chân thật? Do là như bậc hữu học kiến tích quán xét về nghĩa thâm diệu.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: “Các duyên khởi này chẳng phải do Ta tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo nên. Vì sao? Vì nếu Phật ra đời hoặc không ra đời thì pháp tánh, pháp trụ, pháp giới vẫn an trụ”.

Thế nào là pháp tánh? Thế nào là pháp trụ? Thế nào là pháp giới? Là các duyên khởi, từ thời vô thủy đến nay, tánh của lý thành tựu, đó gọi là pháp tánh.

Như tánh thành tựu, do văn cú không điên đảo được an lập, đó gọi là pháp trụ. Do pháp trụ này dùng pháp tánh kia làm nhân, vì thế gọi pháp trụ đó là pháp giới.

Hỏi: Như kinh nói: “Sinh nếu là không, là không xứ, không phần vị. Sinh có thể là có, hoặc tất cả loại sinh chẳng phải là có”, thì sinh duyên lão tử lẽ ra không thể được. Vì sao ở đây nói tự tánh của sinh duyên nơi tự tánh?

Đáp: Là dựa vào quả của tự chủng tử sinh ra mà nói. Nghĩa là chi thức cho đến chi thọ, là chủng tử của sinh, nên theo nghĩa nói là sinh. Do vì đây có, về sau, tức chi của quả này gọi là hữu duyên sinh. Như vậy, các chi còn lại, như kinh đã nói, tùy chỗ ứng hợp đều nên nhận biết.

Hỏi: Đã nói tất cả chi là không trở lại cùng làm duyên, vì sao kiến lập danh sắc và thức cùng làm duyên?

Đáp: Vì thức, ở trong hiện pháp dùng danh sắc làm duyên, danh sắc lại ở trong hậu pháp dùng thức làm duyên. Vì sao? Vì ở trong thai mẹ, có thời gian nối tiếp, gọi là cùng làm duyên. Do thức làm duyên, ở trong thai mẹ, sắc của các tinh huyết, danh thuộc về thọ, hòa hợp cùng thành tánh Yết-la-lam. Tức danh sắc này làm duyên, lại khiến cho thức ấy ở đây được trụ.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát lúc quán phẩm Đen, chỉ đến chi thức thì ý chuyển trở lại, không tới các chi khác?

Đáp: Do hai chi này lại cùng làm duyên. Như thức duyên danh sắc thì danh sắc cũng duyên thức như vậy. Vì thế quán tâm đến thức thì chuyển trở lại. Ở trong chi khác, không có đạo lý chuyển trở lại như vậy. Nơi một xứ này hiển bày đạo lý lại cùng làm duyên, nên gọi là chuyển trở lại. Ở nơi phẩm Hoàn diệt, danh sắc không phải là nhân hoàn diệt của thức đời sau. Do nhân duyên ấy, nên vượt quá sự quan sát.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên nói chi duyên khởi không phải là tự tạo, không phải là tha tạo, không phải là cả hai cùng tạo, cũng không phải là không nhân sinh ra?

Đáp: Vì sự sinh không phải là có, duyên nơi không tác dụng, do duyên nơi sức mạnh sinh ra.

Hỏi: Ở trong duyên khởi, những gì là mầm khô? Cái gì giữ nuôi mầm khô? Những gì là cây khô?

Đáp: Vô minh, hành duyên thức dẫn dắt cho đến thọ là mầm khô. Thọ duyên ái dẫn khởi cho đến hữu là sự giữ nuôi mầm khô. Sinh và lão tử, nên biết là cây khô.

Hỏi: Có bao nhiêu chi duyên khởi nên biết như đốt nóng?

Đáp: Là chi thức cho đến chi thọ.

Hỏi: Có bao nhiêu chi như nhuần thấm?

Đáp: Là các chi vô minh, hành, ái, thủ, hữu.

Hỏi: Có bao nhiêu chi như ngọn lửa?

Đáp: Là hai chi sinh, lão tử.

Hỏi: Do nhân duyên gì, trong giáo pháp phẩm Đen của duyên khởi, gọi là tăng ích?

Đáp: Vì hết thảy chi hữu thuận là nhóm khổ lớn tạo nên quả về sau. Lại, các chi hữu, chi trước, chi trước làm duyên, chi sau, chi sau thuận theo.

Hỏi: Do nhân duyên gì, ở trong giáo pháp phẩm trắng gọi là tổn giảm?

Đáp: Do tất cả chi, chi trước chi trước vĩnh viễn được đoạn trừ, chi sau chi sau diệt theo. Lại là nhân tổn giảm của nhóm thuận khổ lớn.

Hỏi: Có bao nhiêu chi duyên khởi gọi là pháp của nhân hữu?

Đáp: Là bảy chi trước.

Hỏi: Có bao nhiêu chi duyên khởi gọi là khổ của nhân hữu?

Đáp: Là năm chi còn lại.

Hỏi: Có bao nhiêu chi diệt là sự hiển bày về lậu dứt hết?

Đáp: Có ba chi.

Hỏi: Có bao nhiêu chi diệt là chỗ hiển bày về duyên tận?

Đáp: Tức ba chi này, là duyên của các chi còn lại.

Hỏi: Có bao nhiêu chi diệt là chỗ hiển bày về thọ tận?

Đáp: Là một chi. Nghĩa là do phiền não đã được đoạn trừ, nên khi chỗ dựa diệt thì tất cả thọ ấy đều vĩnh viễn diệt dứt.

Hỏi: Do nhân duyên gì dựa vào duyên khởi để kiến lập 77 trí?

Đáp: Vì nhằm hiển bày trí tạp nhiễm của nhân hữu. Lại vì nhằm làm rõ trí tạp nhiễm do tự mình tạo ra nơi sự nối tiếp của chính mình. Lại cũng nhằm hiển bày về thời vô thi của các chi tiền tế. Lại nữa, là nhằm làm rõ nghĩa tạp nhiễm, hoàn diệt của các chi hậu tế dung nạp hữu. Lại cũng nhằm hiển bày nghĩa chỗ chi không thâm tóm các tuệ hữu lậu nhận biết khắp. Nên nơi mỗi mỗi chi đều tạo bảy trí, nên biết tổng cộng có 77 trí.

Hỏi: Do nhân duyên gì ở trong duyên khởi kiến lập 44 trí?

Đáp: Là nhằm hiển bày nơi mỗi mỗi chi, dựa vào đạo lý quan sát bốn Thánh đế, do đó tổng cộng có 44 trí.

Lại nữa, nếu sinh nơi cõi dục, dựa nơi thân cõi dục, dẫn phát hoặc mắt hoặc tai của địa trên. Do sự thấy nghe này mà có được các sắc, thanh của tự địa nơi địa dưới.

Lại dựa nơi thân này, dấy khởi ý của ba cõi và ý không hệ thuộc tạo mọi hiện tiền.

Nếu sinh nơi cõi sắc, vô sắc, thì trừ địa dưới của mình, tất cả đều hiện tiền, như tại cõi dục.

Lại nữa, ba thứ tạp nhiễm ấy, tức tạp nhiễm của phiền não, tạp nhiễm của nghiệp và tạp nhiễm của sinh, vì nhằm đoạn trừ, nên tu sáu thứ hiện quán. Đó là: (1) Hiện quán về tư. (2) Hiện quán về tín. (3) Hiện quán về giới. (4) Hiện quán về trí để hiện quán. (5) Hiện quán về biên trí để hiện quán. (6) Hiện quán về cứu cánh.

Như vậy là đã nói về ba Địa là Địa có tâm có tứ, Địa không tâm chỉ có tứ và Địa không tâm không tứ.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 11

Địa thứ 6: ĐỊA TAM MA HÝ ĐÀ, phần 1 (Phần Bản Địa)

Thế nào là Địa Tam-ma-hý-đa? Kệ nêu:

*Nêu chung và an lập
Tướng, tác ý sai biệt
Thâu tông yếu các kinh
Các nghĩa tạp sau cùng.*

Nếu lược nói về Địa Tam-ma-hý-đa, nên biết là do ***nêu chung, an lập, tác ý sai biệt, tướng sai biệt, lược thâu tóm tông yếu các kinh.***

* ***Thế nào là nêu chung?*** Nghĩa là trong Địa này tóm lược có bốn thứ: (1) Tĩnh lực. (2) Giải thoát. (3) Đẳng trì. (4) Đẳng chí.

Tĩnh lực: Tức là bốn tĩnh lực: Tĩnh lực có tầm có tứ lià sinh. Tĩnh lực không tầm không tứ từ định sinh. Tĩnh lực lià hỷ. Tĩnh lực thanh tịnh xả niệm.

Giải thoát: Nghĩa là tám giải thoát: Giải thoát có sắc quán các sắc. Giải thoát tướng bên trong không sắc, quán các sắc bên ngoài. Giải thoát thân tác chứng trụ đầy đủ giải thoát thanh tịnh. Giải thoát không vô biên xứ. Giải thoát thức vô biên xứ. Giải thoát vô sở hữu xứ. Giải thoát phi tướng phi phi tướng xứ. Giải thoát diệt thọ tướng, thân tác chứng trụ đầy đủ.

Đẳng trì: Tức là ba Tam-ma-địa: Không. Vô nguyện. Vô tướng.

Lại có ba thứ: Tức có tâm có tứ, không tâm chỉ có tứ, không tâm không tứ.

Lại có ba thứ: Là nhỏ, lớn, vô lượng.

Lại có hai thứ: Là tu một phần, tu đủ phần.

Lại có ba thứ: Là cùng hiện hành với hỷ, cùng hiện hành với lạc và cùng hiện hành với xả.

Lại có bốn thứ: Là bốn tu định.

Lại có năm thứ: Là năm Tam-ma-địa Thánh trí.

Lại có năm thứ: Là năm chi Tam-ma-địa bậc Thánh.

Lại có Tam-ma-địa có nhân có đủ chân chánh bậc Thánh.

Lại có Tam-ma-địa Kim cang dụ.

Lại có Tam-ma-địa hữu học, vô học, phi học phi vô học.

Đẳng chí: Tức là năm Tam-ma-bát-đề hiện thấy: Tam-ma-bát-đề tám giải thoát. Tam-ma-bát-đề mười biến xứ. Tam-ma-bát-đề bốn vô sắc. am-ma-bát-đề vô tướng. Tam-ma-bát-đề định diệt tận.

* *Thế nào là an lập?* Tức là chỉ những thứ ấy gọi là địa đẳng dẫn, không phải là tánh một cảnh của tâm nơi cõi dục. Do định này cùng không hối, hoan hỷ an lạc dẫn dắt, cõi dục thì không như thế, nhưng không phải trong cõi dục, đối với pháp hoàn toàn không có quán xét đúng đắn.

Lại nữa, trong tinh lự thứ nhất gọi là hỷ do lia sinh, vì chứng trụ nên ở đây đoạn trừ năm pháp. Đó là: Hỷ do dục dẫn dắt. Ưu do dục dẫn dắt. Hỷ do bất thiện dẫn dắt. Ưu do bất thiện dẫn dắt. Xả do bất thiện dẫn dắt.

Lại, đối với năm pháp tu tập viên mãn là Hoan, Hỷ, An, Lạc và Tam-ma-địa.

Hỷ do dục dẫn dắt: Nghĩa là đối với năm dục diệu, hoặc lúc mới đạt được, hoặc lúc chứng được, chánh thức thọ dụng, hoặc thấy hoặc nghe hoặc từng lãnh nhận. Do các duyên ấy, nên hoan hỷ nhớ nghĩ.

Ưu do dục dẫn dắt: Là đối với năm dục diệu, hoặc cầu không toại nguyện, hoặc đã thọ dụng nhưng lại không được nữa, hoặc được rồi bèn mất. Do các duyên ấy, nên sinh nhiều sầu não.

Hỷ do bất thiện dẫn dắt: Nghĩa là như có một hữu tình, cùng với hỷ lạc kết hợp, hành nghiệp sát sinh cho đến tà kiến.

Ưu do bất thiện dẫn dắt: Nghĩa là như có một hữu tình, cùng với ưu khổ kết hợp, hành nghiệp sát hại cho đến tà kiến.

Xả do bất thiện dẫn dắt: Nghĩa là có một hữu tình, hoặc là vua hay ngang bậc vua, hoặc các quan đứng đầu, hoặc bậc tôn quý hay ngang bậc tôn quý, tự mình không thích làm các nghiệp ác như sát sinh v.v..., nhưng đám thuộc hạ lúc tạo nghiệp ác, tuy không đành lòng nhưng không can ngăn, cũng không an trú trong Tỳ-nại-da. Do buông bỏ bèn tạo nghiệp ác. Kế ấy, đối với nghiệp này, hiện tiền hiểu biết rõ, không phải là không hiện tiền. Lại trụ nơi xả, tìm cầu xem xét, tạo phương tiện ác. Lại đối với các ác đấm cháp không đoạn, dẫn phát nơi xả. Lại, lúc ở nơi pháp bất thiện hiện tiền phát khởi thọ nhận giữa chừng không khổ không lạc.

Hoan: Là hạnh thanh tịnh từ xưa nay, quán xét về địa tư lương nơi hạnh tịnh được tu tập, trước tiên là không hối, ý an ổn, tâm vui thích, tánh hân hoan tốt bậc.

Hỷ: Là chính thức tu tập, phương tiện là trước tiên, tâm vui thích sâu xa, tánh hân hoan tốt bậc.

An: Là lìa thân thô trọng, tâm tánh điều hợp.

Lạc: Là do tâm điều hợp như vậy, nên được thân tâm an lạc không tổn hại, an lạc giải thoát. Do lìa tánh thô trọng của phẩm ấy, nên đối với các phiền não đạt được giải thoát.

Tam-ma-địa: Nghĩa là ở nơi đối tượng duyên, quán xét đúng đắn, đạt tánh tâm một cảnh. Đức Thế Tôn, ở trong phương tiện vô lậu, trước giảng nói về Tam-ma-địa, sau nói về giải thoát. Do Tam-ma-địa khéo thành tựu diệu lực viên mãn, nên đối với các phiền não tâm vĩnh viễn giải thoát. Ở trong phương tiện hữu lậu, trước nói giải thoát, sau nói Tam-ma-địa. Do chứng đắc quả của tác ý cứu cánh nơi phương tiện, phiền não đoạn trừ rồi mới đạt được Tam-ma-địa căn bản. Hoặc có khi đồng thời thuyết giảng Tam-ma-địa cùng với giải thoát. Nghĩa là tức đối với tác ý cứu cánh của phương tiện ấy cùng trong Tam-ma-địa của đạo vô gián, do Tam-ma-địa và sự giải thoát kia cùng lúc đạt được.

Lại nữa, ở trong chương ngại của các tĩnh lực, đẳng chí, lược có năm thứ ngăn che, lúc sắp chứng đắc các pháp ấy, có thể tạo chướng ngại. Những gì là năm? Đó là: (1) Ngăn che do tham dục. (2) Ngăn che do sân hận. (3) Ngăn che do hôn trầm, thù miên. (4) Ngăn che do trạo cử, ố tác. (5) Ngăn che do nghi.

Tham dục: Là đối với năm dục diệu, theo đuổi tướng tịnh, muốn thấy muốn nghe, cho đến muốn tiếp xúc, hoặc theo sự nhớ nghĩ, tìm xét, lưu luyến chỗ đã lãnh nhận trước.

Sân hận: Nghĩa là hoặc nhân nơi người đồng phạm hạnh nêu bày chỗ sai phạm của mình, hoặc nhân nhớ nghĩ về tướng giận dữ của sự việc không lợi ích nơi chỗ từng trải qua ngày trước, tâm sinh phần nộ. Hoặc đang muốn tạo việc không lợi ích, đối với tướng giận dữ đang được biểu hiện, phần nhiều theo sự tìm xét, tâm sinh phần nộ.

Hôn trầm: Nghĩa là hoặc do hủy hoại giới tịnh v.v...., tùy theo một hành thiện, không giữ gìn căn môn, ăn uống không biết lượng, không tinh tấn giảm bớt ngủ nghỉ, trụ trong bất chánh tri mà có tạo tác, đối với sự tu tập đoạn trừ phiền não không siêng năng gia hạnh tùy thuận, sinh khởi hết thấy phiền não, thân tâm tối tăm, mờ mịt, tánh không thể gắng nhận.

Thùy miên: Tức là tâm hết sức mê muội, yếu ớt, thuận theo việc sinh phiền não. Đoạn, hoại gia hạnh là tánh của hôn trầm. Tâm hết mực mê muội là tánh của thùy miên. Vì thế hai thứ này hợp lại gọi là một thứ ngăn che (cái).

Lại, tánh tối tăm, không thể gắng nhận, gọi là hôn trầm. Tánh tối tăm, tâm hết sức yếu ớt, gọi là thùy miên. Do hôn trầm ấy, lúc sinh các phiền não, tùy phiền não, không có duyên gần nào cả, như thùy miên, các phiền não và tùy phiền não khác, nên hoặc có thể sinh, nên hoặc không sinh. Nhưng nếu tối tăm sinh, thùy miên nhất định đều khởi.

Trạo cử: Nghĩa là do nơi tâm tư về thân thuộc, tâm tư về cõi nước, tâm tư về sự bất tử, hoặc theo sự nhớ nghĩ về các sự việc đã làm nơi các chốn từng trải qua trong quả khứ, như đùa giỡn, vui chơi, tâm sinh náo động, tánh bỗng bật, bồn chồn.

Ố tác: Là do nơi tâm tư về thân thuộc v.v... nên tâm sinh hối tiếc. Như cho là: Ta vì sao phải ly biệt thân thuộc? Do đâu không đến cõi nước như thế? Do đâu phải từ bỏ cõi nước như thế để đến nơi này, ăn các thức ăn như vậy, uống các thức uống như vậy? Chỉ có được y phục, ngọ cụ, thuốc men chữa bệnh, vật dụng nuôi thân như vậy? Ta vốn do đâu mà tuổi nhỏ xuất gia, sao không đợi đến lúc già yếu? Hoặc do nơi sự nhớ nghĩ các việc như vui đùa v.v... ở chỗ từng trải qua trước đây v.v..., nên sinh hối hận... Do vô số các nhân duyên như thế nên sinh tâm sầu, tiếc, ố tác. Vì trạo cử trước, cùng với ố tác này xứ sở giống nhau, nên hợp nói là một thứ ngăn che (cái).

Lại, đối với sự việc nên làm, không nên làm, theo chỗ ứng hợp, hoặc đã từng làm, hoặc chưa từng làm, tâm sinh hối tiếc: Vì sao ta trước đây, việc nên làm không làm, việc không nên làm lại làm? Trừ loại ố tác do hối tiếc việc trước sinh ra, sự trói buộc của ố tác này vẫn chưa có thể xả bỏ, sau đây lại sinh tâm sầu, luyện nối tiếp không gián đoạn, là ố tác hối tiếc. Đây lại là một thứ ố tác sai biệt. Thứ nữa, loại

ô tác không phải xử được sinh ở trước và ô tác sau, tuy cùng với trạo cử, về nơi chôn không đồng, nhưng cũng cùng náo động, hồi hải bồn chồn như trạo cử, nên ở đây cũng là tướng sầu, tiếc. Do đó, cùng với trạo cử hợp nói là một thứ ngăn che (cái).

Nghi: Nghĩa là đối với thầy, đối với pháp, đối việc học, việc dạy, và ở trong chỗ chứng đắc, sinh tâm nghi hoặc. Do tâm mang nghi hoặc như vậy, nên không thể hướng nhập vào phương tiện dừng mãnh nơi tịch tĩnh chánh đoạn. Lại, đối với quá khứ hiện tại vị lai và các đế như khổ v.v... sinh khởi nghi ngờ, tâm ôm giữ hai phần: mê mờ không hiểu rõ và do dự ngờ vực.

Hỏi: Sự ngăn che do tham dục dùng gì làm thức ăn?

Đáp: Có tướng tịnh diệu, và ở nơi tướng ấy, không chánh tư duy, lại được tạo tác nhiều, dùng đó làm thức ăn.

Tướng tịnh diệu: Là tướng của các dục thắng diệu bậc nhất. Nếu có thể đối với các dục ấy xa lìa tâm nhiễm, thì đối với các dục thấp kém khác cũng được lìa nhiễm. Như chế ngự được sức mạnh thì các sức yếu kém khác tự khuất phục. Đây lại là thể nào? Nghĩa là tướng tịnh khả ái thuộc tám xứ trên thân người nữ, do tám xứ này, người nữ ràng buộc người nam. Đó là ca, múa, cười, liếc mắt, dung mạo đẹp đẽ, dáng đi tới lui, tiếp xúc êm dịu, theo đúng lễ. Do nhân duyên này nên các tham dục vốn có, chưa sinh khiến sinh, sinh rồi thì khiến tăng trưởng, nên gọi là thức ăn.

Hỏi: Sự ngăn che do tham dục ấy dùng gì làm “chẳng phải thức ăn”?

Đáp: Có tướng bất tịnh và đối với tướng ấy tác ý đúng như lý, tu tập nhiều lượt, dùng đó làm “chẳng phải thức ăn”.

Việc này lại là thể nào? Đây là những tướng xanh bầm v.v... Nếu quán thân này có vô số thứ tạp uế bất tịnh hiện khắp, gọi là quán tướng bất tịnh của nội thân. Lại quán các tướng xanh bầm v.v... bên

ngoài với vô số bất tịnh, gọi là quán tướng bất tịnh của ngoại thân. Do quán hai tướng bất tịnh ấy nên các tham dục chưa sinh khiến chúng không sinh, đã sinh rồi thì có thể đoạn trừ, nên gọi “chẳng phải là thức ăn”.

Do đối với tướng ấy tác ý đúng như lý, nên ngăn chặn khiến tham dục không sinh. Vì tu tập nhiều lượt, nên phiền não đã sinh thì có thể đoạn trừ. Trong phẩm Hắc ở trước, do đối với tướng ấy tư duy không đúng nên tham dục chưa sinh khiến sinh, vì luôn gây tạo nên tham dục càng thêm tăng rộng.

Hỏi: Sự ngăn che do sân hận dùng gì làm thức ăn?

Đáp: Có tánh giận dữ, có tướng giận dữ, và đối với tướng ấy tư duy không đúng đắn, nhiều lượt gây tạo, dùng đó làm thức ăn. Dựa nơi vô số sự việc không lợi ích, tâm sinh não hại, gọi là tánh giận dữ. Sự việc không lợi ích, gọi là tướng giận dữ. Đối nơi chín sự như vậy đều gọi là thức ăn của ngăn che do sân hận.

Hỏi: Sự ngăn che do sân hận ấy dùng gì làm “chẳng phải thức ăn”?

Đáp: Có hiền thiện nhân từ, cùng đối với tướng ấy tác ý đúng như lý, tu tập nhiều lượt, dùng đấy làm “chẳng phải thức ăn”.

Lại, tướng của sự từ thiện ấy, là luôn nhằm đem lại an lạc cho kẻ khác, thuộc về tu lực. Vì tác ý thuộc về lực suy xét lựa chọn, nên điều phục chín thứ não hại, do đấy có thể đoạn trừ sự ngăn che do sân hận. Trong kinh chỉ nói đây là “chẳng phải thức ăn”.

Hỏi: Sự ngăn che do hôn trầm – thù miên dùng gì làm thức ăn?

Đáp: Các tướng đen tối, và đối với tướng ấy tư duy không đúng, tạo tác nhiều lần, dùng đó làm thức ăn.

Hỏi: Sự ngăn che ấy dùng gì làm “chẳng phải thức ăn”?

Đáp: Có tướng ánh sáng, và đối với tướng ấy tác ý đúng như lý, nhiều lượt tu tập, dùng đó làm “không phải thức ăn”.

Ánh sáng có ba thứ: (1) Ánh sáng đối trị tối tăm. (2) Ánh sáng của pháp. (3) Ánh sáng dựa nơi thân.

Ánh sáng đối trị tối tăm lại có ba thứ: Một là: Ở ban đêm, như trăng sao. Hai là: Tại ban ngày, như ánh sáng mặt trời. Ba là: Ở cả hai phần, như lửa, châu báu.

Ánh sáng của pháp: Như có một hữu tình, theo chỗ thọ nhận, tư duy, tiếp xúc, quan sát các pháp, hoặc lại tu tập, theo đây mà niệm Phật.

Ánh sáng dựa nơi thân: Nghĩa là các hữu tình tự nhiên có ánh sáng nơi thân.

Nên biết loại ánh sáng thứ nhất đối trị ba thứ tối tăm: (1) Tối tăm của ban đêm. (2) Tối tăm do mây phủ. (3) Tối tăm do ngăn che. Như hang động nhà ở.

Ánh sáng của pháp có thể đối trị ba thứ tối tăm: Do nhận biết không đúng như thật về các pháp, nên đối với quá khứ hiện tại vị lai, sinh nhiều nghi hoặc, đối với Phật pháp v.v... cũng lại như vậy. Ở đây vô minh và nghi cùng gọi là tối tăm. Lại quan sát chứng thực, có thể đối trị sự tối tăm của hôn trầm, thù miên, do có thể làm sáng tỏ tánh của các pháp.

Hỏi: Sự ngăn che do trạo cử, ô tác dùng gì làm thức ăn?

Đáp: Các tầm tư hiện có luôn nhớ nghĩ đối với thân thuộc v.v..., đối với các việc vui đùa v.v... của các chốn từng trải qua, và ở nơi tương ấy không chánh tư duy, luôn gây tạo nhiều, dùng đó làm thức ăn.

Tầm tư về thân thuộc: Là do nơi thân thuộc hoặc thịnh hoặc suy hoặc lìa hoặc hợp, phát khởi hành mừng, buồn, tâm sinh trừ liệu lo lắng.

Tầm về cõi nước: Tức do nơi cõi nước có tướng thịnh suy v.v... nói rộng như ở trước.

Tầm tư về sự bất tử: Là nhân nơi các sự việc tạo tác hoặc lợi tha nơi các hữu của tuổi trẻ và tuổi già yếu, phát khởi hành vui mừng, lo buồn, tâm sinh lo lắng, tính toán.

Hỏi: Sự ngăn che ấy dùng gì làm “chẳng phải thức ăn”?

Đáp: Có Xa-ma-tha (Chỉ) và đối với tướng ấy tác ý đúng như lý, tu tập nhiều lượt, dùng đây làm “chẳng phải thức ăn”.

Xa-ma-tha: Nghĩa là chín thứ trụ tâm và các pháp thuộc về phẩm Xa-ma-tha. Tức đối với các pháp nơi tự, tha, hoặc thanh hoặc suy, có thể do chán tâm sinh chán lia, kinh sợ về điều xấu ác hèn kém, an trụ nơi tịch tĩnh.

Hỏi: Sự ngăn che do nghi dùng gì làm thức ăn?

Đáp: Có tướng quá khứ hiện tại vị lai, cùng đối với tướng ấy không tư duy đúng đắn, gây tạo nhiễm, dùng đó làm thức ăn.

Nghĩa là nêu: Ta ở nơi quá khứ là có hay là không? Nói rộng như trước.

Tư duy không đúng đắn: Là tư duy chỗ thuộc về xứ không thể tư duy.

Xứ không thể tư duy: Tức tư duy về ngã, tư duy về hữu tình, tư duy về thế gian.

Nếu ở nơi tự xứ, dựa nơi thế gian sai biệt. Tư duy về tướng ngã, gọi là tư duy về ngã. Nếu ở nơi tha xứ, gọi là tư duy về hữu tình. Nếu đối với thế gian của hữu tình và xứ của khí thế gian, gọi là tư duy về thế gian. Đó là thế gian là thường, là vô thường, là cũng thường cũng vô thường, là chẳng phải thường chẳng phải vô thường v.v...

Hỏi: Sự ngăn che do nghi ấy dùng gì làm “chẳng phải thức ăn”?

Đáp: Có duyên nơi duyên khởi và đối với tướng ấy tác ý đúng như lý, tu tập thường xuyên, dùng đó làm “chẳng phải thức ăn”.

Do vì quán xét thấy rõ về nghi, chỉ có nơi pháp và chỉ là nhân của pháp, chỉ có nơi khổ và chỉ là nhân của khổ, tất cả tướng bất chánh hiện có làm duyên, vô minh đối với cảnh của ba đời, chưa sinh, thì chẳng sinh, đã sinh rồi thì có thể đoạn trừ. Nếu không đúng như lý mà tác ý gượng ép, hoặc đúng như lý mà không tác ý, thì gọi chung cả hai thứ ấy là tư duy không đúng đắn. Nếu ở trong sự đúng đắn, ứng hợp đạo lý, nên biết nơi ấy gọi là như lý. Đó là, ở trong tối tăm tạo tướng về ánh sáng. Do phương tiện ấy nên tác ý như lý, chẳng phải là không như lý. Đối với nơi chốn khác, cũng có tác ý như lý khác.

Lại nữa, nơi tĩnh lự thứ nhất gồm đủ năm chi: (1) Tâm. (2) Tứ. (3) Hỷ. (4) Lạc. (5) Tâm cảnh một tánh.

Tĩnh lự thứ hai có bốn chi: (1) Bên trong cùng tịnh. (2) Hỷ. (3) Lạc. (4) Tâm cảnh một tánh.

Tĩnh lự thứ ba có năm chi: (1) Xả. (2) Niệm. (3) Chánh tri. (4) Lạc. (5) Tâm cảnh một tánh.

Tĩnh lự thứ tư có bốn chi: (1) Xả thanh tịnh. (2) Niệm thanh tịnh. (3) Thọ không khổ không lạc. (4) Tâm cảnh một tánh.

Trong tĩnh lự thứ nhất: Tâm tứ là đối tượng duyên của thủ. Tam-ma-địa là chỗ dựa của tĩnh lự ấy, hỷ là cảnh giới của thọ, lạc là diệt trừ mọi thô trọng.

Nơi tĩnh lự thứ hai: Bên trong cùng tịnh là đối tượng duyên của thủ. Tam-ma-địa là chỗ dựa của tĩnh lự ấy, phần còn lại như đã nêu ở trước.

Nơi tĩnh lự thứ ba: Xả, niệm, chánh tri là đối tượng duyên của thủ. Tam-ma-địa là chỗ dựa của tĩnh lự ấy, phần còn lại như trước.

Trong tĩnh lự thứ tư: Xả tịnh, niệm tịnh là đối tượng duyên của thủ. Tam-ma-địa là chỗ dựa của tĩnh lự ấy, phần còn lại như trước.

Nơi các tĩnh lự, tuy có pháp khác, nhưng pháp ấy là hơn hẳn, nên đối với người tu định là ân trọng, do vậy lập riêng làm chi.

Hỏi: Do nhân duyên gì, ở trong tĩnh lự thứ nhất có tâm có tứ?

Đáp: Do tĩnh lự ấy có thể khiến lo chán về cõi dục muốn nhập vào tĩnh lự thứ nhất. Lên tĩnh lự thứ hai, mới có thể quán xét về lỗi của chúng. Vì thế gọi là tâm tứ vắng lặng. Như nơi tĩnh lự thứ hai đã thấy rõ lỗi lầm của tâm tứ, nên gọi là tâm tứ tịch tĩnh. Cũng vậy, nơi tĩnh lự thứ ba thấy rõ lỗi lầm của hỷ, nên gọi là hỷ tịch tĩnh. Tĩnh lự thứ tư thấy rõ lỗi lầm của lạc, nên gọi là lạc tịch tĩnh, là xả, niệm thanh tịnh. Sự sai biệt của các tĩnh lự nên biết là như thế.

Lại nữa, các tĩnh lự này về tên gọi có sai biệt. Hoặc gọi là tâm tăng thượng, tức do lực tăng thượng thanh tịnh của tâm suy xét đúng đắn. Hoặc gọi là lạc trụ, vì ở trong ấy thọ nhận lạc tốt bậc. Vì sao? Vì dựa vào các tĩnh lự, hành giả lãnh thọ các lạc của hỷ, của an, của xả, của thân tâm. Lại, người đạt được định, đối với các tĩnh lự thường thường xuất nhập, lãnh thọ an lạc trụ nơi hiện pháp. Do ở trong định ấy lãnh thọ lạc trụ nơi hiện pháp hiện tiền, nên từ định ấy khởi rồi, nói: “Ta đã thọ nhận lạc trụ như vậy”. Nơi định vô sắc thì không thọ nhận như thế, do đây không nói định ấy là lạc trụ. Nhưng hành giả đã ra khỏi định ấy rồi, nên chính thức nêu rõ. Vì sao? Vì như có vị Bí-sô, đến chỗ vị Bí-sô A luyện nhã (tu nơi vắng lặng) kia thưa hỏi, nếu không đáp thì sẽ sinh nghi vấn: Bí-sô A luyện nhã này, vì sao gọi là A luyện nhã? Nay tôi tìm đến thưa hỏi việc vị ấy đã vượt cõi sắc, đạt tới chỗ giải thoát tịch tĩnh của cõi vô sắc, lại không thể ghi nhớ gì cả! Do đó nên nói, nhập nơi định vô sắc kia không phải là lạc trụ.

Hoặc lại gọi tĩnh lự kia là Niết-bàn phần, cũng được gọi là Niết-bàn sai biệt. Do các phiền não được đoạn trừ một phần, không phải là quyết định, nên gọi tĩnh lự ấy là Niết-bàn phần, không phải là Niết-bàn cứu cánh, nên gọi là Niết-bàn sai biệt.

Lại nữa, bốn tĩnh lự này, cũng được gọi là “Ra khỏi các thọ”. Nghĩa là tĩnh lự thứ nhất ra khỏi ưu căn. Tĩnh lự thứ hai ra khỏi khổ căn. Tĩnh lự thứ ba xuất ly hỷ căn. Tĩnh lự thứ tư xuất ly lạc căn, ở trong vô tướng xuất ly xả căn. Như Đức Bạc-già-phạm, trong Kinh Vô Đao, nói: Này Bì-sô! Ưu căn đã sinh, phải nên nhận biết đúng như thật về sự sinh ấy, ở nơi phần vị nào? Tức đối với phần vị đó, biết phương tiện đoạn trừ. Nếu là ưu căn làm gián đoạn sự nối tiếp của tâm, bấy giờ nên nhận biết, lại nên kết hợp với nhân duyên ấy, và chỗ nêu bày hoặc tướng hoặc hành, đều nhận biết đúng như thật.

Thế nào là nhận biết về nhân? Là biết rõ về sự tương tục của chủng tử ấy.

Thế nào là nhận biết về duyên? Đó là biết rõ về trợ bạn, về chỗ dựa, về chỗ không tùy thuộc của chủng tử ấy.

Thế nào là nhận biết về chỗ nêu bày? Nghĩa là nhận biết ưu căn nhờ vào sự việc ấy mà sinh, tức là có thể phát khởi tướng của ưu căn cùng chủng tử vô tri.

Thế nào là nhận biết về tướng? Nghĩa là biết rõ đây là hành tướng lo buồn.

Thế nào là nhận biết về hành? Là nhận biết rõ đây là những thứ hành có thể phát khởi, tức tác ý không như lý tương ưng với tư. Nhận biết như thế rồi, ở trong nẻo xuất ly, hết sức ngăn giữ tâm. Thế nào là ngăn giữ? Nghĩa là đối với các hành nhiễm ô, phải chế ngự, thâm giữ tâm, ở nơi tu tư duy luôn an trụ, giữ vững. Lại ở trong ấy, diệt tận trọn vẹn, cho đến cứu cánh, nghĩa là diệt trừ tùy miên, diệt trừ các triền (trói buộc).

Tĩnh lự thế gian chỉ có thể xả bỏ dần phần thô trọng của phẩm ấy, không nhỏ bật được chủng tử. Nếu khác với tĩnh lự đó, tức chủng tử vĩnh viễn được nhỏ bật hết, về sau không còn sinh. Tĩnh lự vô lậu,

cả hai thứ (thô trọng và chùng tử) đều xả bỏ, như vậy ở chỗ khác, tùy theo sự ứng hợp, nên biết.

Hỏi: Do những tướng gì để nhận biết về ưu căn?

Đáp: Do hoặc tướng nhiễm ô, hoặc tướng thiện cùng hiện hành với dục xuất ly.

Khô căn: Hoặc do lực tăng thượng của tự thân, hoặc do lực tăng thượng của thân lao nhọc, hoặc do lực tăng thượng của lửa đốt, hoặc do lực tăng thượng của kẻ khác bức bách, các bậc lia dục hãy còn sinh khởi.

Hỷ căn: Nghĩa là trong tĩn lự thứ hai, tức lãnh vực của tĩn lự thứ hai thân tóm.

Lạc căn: Nghĩa là trong tĩn lự thứ ba, tức thuộc về cảnh giới của tĩn lự này.

Hỏi: Do đâu khô căn ở trong tĩn lự thứ nhất nói là chưa đoạn?

Đáp: Do phần thô trọng của phẩm ấy cũng chưa đoạn.

Hỏi: Vì sao sinh nơi tĩn lự thứ nhất, khô căn chưa đoạn mà không hiện hành?

Đáp: Do vì trợ bạn của khô căn cùng đối hợp, các khô được gồm thân vào ưu căn, tức ưu căn đã đoạn. Nếu tĩn lự thứ nhất đã đoạn khô căn, tức là hành giả nhập vào tĩn lự thứ nhất và giai đoạn thứ hai, an trụ nơi chỗ tạo tác của thọ, không có sai biệt. Do cả hai cùng có hỷ và lạc, mà trong kinh nói: Vì ra khỏi các thọ, nên tĩn lự có sai biệt. Lại, ở đây chính là không có tầm tứ tịch tĩn, vì phần thô trọng đã đoạn diệt, tức chỗ tạo tác dị biệt.

Như vậy là nơi các căn còn lại, phần thô trọng nơi phẩm kia đã dần dần được đoạn trừ, nên sự đoạn trừ của các tĩn lự trên có sai biệt.

Lại, vô tướng: Trong kinh nói là định của tâm vô tướng. Ở trong định ấy, xả căn vĩnh viễn được diệt trừ, chỉ do việc dứt bỏ tùy miên nên phần thô trọng của phẩm kia được đoạn trừ hoàn toàn, không phải là diệt các triền (trói buộc) hiện hành. Trụ nơi định vô tướng, tất có thọ, nên ở trong định này gồm có ba thọ: là hỷ, lạc và xả. Nhưng chẳng phải các thọ kia có thể có tùy miên, do phiền não đoạn, nên nói là được đoạn. Phần thô trọng của phẩm kia gọi là tùy miên.

Lại, xả căn này cho đến xứ nào? Nên biết khởi đầu từ tĩnh lự thứ tư, cho tới cõi Hữu đẳng.

Lại nữa, năm căn xuất ly, vô tướng là sau rốt, cùng với năm thứ cảnh giới thuận xuất ly kia, lần lượt cùng thâm tóm, ở đây, do dục, sân, hai xuất ly, tức nói cho đến lạc căn xuất ly. Do sắc xuất ly, nên nói xả căn của tĩnh lự thứ tư xuất ly. Do Tát ca da (thân) diệt, tức nói hết thầy xả căn của cõi vô sắc xuất ly.

Nói thuận xuất ly, có những nghĩa nào? Do vì trụ ở đây có thể xuất ly nên gọi là thuận xuất ly, không nói do đây xuất ly khỏi nơi kia, vì những bậc lìa dục, nên nói cảnh giới này.

Hỏi: Các thứ dục, sân, hại, nơi định đồng thời đoạn trừ, vì sao kiến lập phần xuất ly riêng?

Đáp: Các sự xuất ly ấy tuy lại đồng thời, nhưng căn cứ theo sự tu tập đối trị có sai biệt, nên nêu rõ có ba thứ xuất ly sai biệt.

Đối trị sai biệt: Nghĩa là bất tịnh, từ bi, như chỗ thứ lớp, hoặc có khi chỉ tu bất tịnh, xuất ly tất cả. Hoặc từ, hoặc bi, vì vậy nói riêng về ba thứ xuất ly. Trên đây chỉ có một loại đối trị, nên phần xuất ly sau không có sai biệt.

Thế nào là kiến giải sắc bén đều theo niệm dục? Đó là do tác ý quan sát, tác ý đối với sự việc thù thắng, tác ý đối với dụng công mãnh liệt.

Thế nào là ở trong các dục, tâm không hướng nhập? Nghĩa là ở nơi xứ ấy, không thấy các công năng hơn hẳn.

Thế nào là không đẹp đẽ? Đó là ở nơi xứ ấy không sinh vui thích.

Thế nào là không trụ? Tức là ở nơi xứ ấy không thích thọ dụng vì vui mừng.

Thế nào là không có thắng giải? Đó là ở nơi xứ ấy không thích chấp giữ tướng không đúng như lý.

Thế nào là khô héo? Nghĩa là tuy buông thả nhưng không thư thái.

Thế nào là tan hoại? Tức là giữ lấy cảnh, tìm cầu rồi lại từ bỏ.

Thế nào là không được thư thái? Nghĩa là nơi đối tượng duyên, tuy khiến trụ mạnh mẽ, nhưng không yêu thích.

Thế nào là cùng trụ nơi xả? Là hành theo phần vị bình đẳng. Ở trong phần vị bình đẳng, tâm kết hợp với quán.

Những gì là nhàm chán? Đó là đối với cảnh nhận thức sâu xa về các thứ lỗi, họa, dứt bỏ làm tánh. Đây lại có ba thứ: là vô thường, khổ và pháp biến hoại.

Những gì là ghét bỏ? Đó là do đối nơi cảnh, đầu tiên thấy rõ về chỗ lỗi, họa, dứt bỏ làm tánh.

Những gì là lia trái? Là do ở trong cảnh ấy, thấy rõ các lỗi lầm, tai họa, từ bỏ làm tánh.

Những gì là bỏ đi? Là do đối với cảnh ấy, sau khi thấy rõ các lỗi, họa, từ bỏ làm tánh. Cùng với các thứ ấy trái ngược, tức là ở nơi nẻo lia dục, tác ý hướng nhập. Nghĩa là ở nơi xứ ấy, thấy rõ công năng thù thắng.

Tốt đẹp: Tức là ở nơi xứ ấy, sinh khởi tin tưởng thanh tịnh, chứng nhận thuận hợp.

Trụ: Là ở nơi đối tượng duyên không lưu động, tán loạn.

Thăng giải: Do đối với xứ ấy không chuyển khởi nhiễm ô, đối với các phiền não được lìa mọi trói buộc. Vì ở trong hành từ bỏ như nhàm chán v.v... khi đang lưu chuyển tâm không bị ngăn ngại. Lại đối với xả, không còn dụng công.

Thế nào là tâm khéo đi tới? Đó là trụ nơi tác ý cứu cánh của phương tiện.

Thế nào là khéo tu tập? Nghĩa là khéo tu tập các tác ý khác. Nên biết đây là nói về phần vị đoạn trừ và phần vị của nẻo phương tiện đoạn trừ.

Giải: Là giải thoát khỏi các thứ trói buộc.

Thoát: Là giải thoát khỏi tướng của đối tượng duyên.

Lìa hệ thuộc: Là giải thoát khỏi tùy miên.

Từ duyên nơi các dục, sinh khởi các lậu: Là các phiền não còn lại ở trong cõi dục, trừ dục tham.

Hao, thiếu: Là nhân đầy sinh các hành ác sai biệt như cầm giữ binh khí, gây gộc. Ở đây, hoặc tạo tác hoặc tăng trưởng.

Sinh nơi các nẻo ác, bị thiêu đốt: Là do nơi nhân dục, ái, ăn uống ấy thiêu đốt thân tâm.

Não: Là do nhân ấy, hoặc sự vật biến hoại nên sinh sầu than, khổ não.

Ở nơi giải thoát ấy, vượt, lìa khỏi trói buộc: Nghĩa là như thứ lớp ở trước, giải thoát khỏi tùy miên nơi đối tượng duyên của các thứ trói buộc.

Thế nào là trọn không lãnh nhận duyên nơi các thọ kia? Đó là dựa vào cảnh giới của các dục theo niệm sắp đạt được, đang đạt được các thọ nhiễm ô không hiện hành trở lại, vì thân của chỗ dựa không

bị các hoặc làm nhiễm ô, mà an trụ như hoa sen hồng, nước không thể bám.

Lại có sáu thứ cảnh giới thuận xuất ly: Như nơi kinh đã nói rộng. Đó là: “Ta đã tu Từ, cho đến Ta đã lìa các ngã mạn. Nhưng Ta còn bị mũi tên độc nghi hoặc làm cho tâm sâu muộn, rối loạn”. Vì thế từ v.v... đối với sân, hại không phải là sự đối trị chính. Nên biết, vì xả bỏ các tà chấp như vậy, tức kiến lập cảnh giới ấy, trong đó, việc đối trị của lìa dục như sân v.v... có sai biệt. Do đây, kiến lập tướng của bốn loại đối trị trước. Quan sát đạo lý của Thánh trụ chứng đắc, nên kiến lập vô tướng. Quan sát đạo lý chánh của cứu cánh, nên kiến lập cảnh giới thứ sáu. Từ đối trị sân, nên hành không tổn hại chuyển khởi. Bi đối trị hại, vì dứt trừ khổ của kẻ khác nên hành vui thích thù thắng chuyển khởi. Hỷ đối trị không vui thích, ở nơi sự việc vui thích của kẻ khác, hành tùy hỷ chuyển khởi. Xả đối trị tham, giận, nên hành cùng xả chuyển khởi. Vô tướng đối trị hết thấy các tướng vì tướng trái ngược nhau. Nếu lìa ngã mạn, thì ở trong chỗ tự giải thoát hoặc chứng đắc nhất định không nghi hoặc, nên lìa ngã mạn là đối trị của ngã mạn. Các thứ xuất ly ấy, chắc chắn có thể xuất ly hết thấy mọi hành nghiệp bất thiện như sân hận v.v..., nên các lỗi lầm như giận dữ v.v... đều có thể hiện hành.

Lại, năm thứ cảnh giới thuận xuất ly trước, thì bốn thứ đầu thuộc về Thiên trụ. Một loại thứ năm thuộc về Thánh trụ. Nay ở đây, sáu thứ cảnh giới thuận xuất ly, bốn thứ trước là thuộc về Phạm trụ. Loại thứ năm, thứ sáu là thuộc về Thánh trụ.

Lại nữa, có thể vượt khỏi các lỗi lầm như giận dữ v.v..., nên gọi là xuất ly. Nơi lúc xuất ly, chính là có thể dựa cậy nên gọi là nương vào. Đức Thế Tôn nói về nương dựa, lược có bốn thứ: (1) Pháp là nương dựa, chẳng phải là người. (2) Nghĩa là nương dựa, chẳng phải là văn. (3) Kinh liễu nghĩa là nương dựa, chẳng phải là kinh không liễu nghĩa. (4) Trí là nương dựa, chẳng phải là thức.

Bốn thứ nương dựa này, nhân vào đâu để kiến lập? là nhân vào bốn thứ Bồ-đặc-già-la (chúng sinh) sai biệt để kiến lập. Tức là: Nhân nơi chỗ sai biệt của loại Bồ-đặc-già-la dua nịnh đối trá, nên kiếp lập loại nương dựa thứ nhất.

Nhân nơi sự sai biệt của loại Bồ-đặc-già-la thuận theo thế gian, nên kiến lập loại nương dựa thứ hai.

Nhân nơi sự sai biệt của loại Bồ-đặc-già-la trụ nơi kiến thủ của mình, nên kiếp lập loại nương dựa thứ ba.

Nhân nơi sự sai biệt của loại Bồ-đặc-già-la cho nghe là hơn hết, nên kiến lập loại nương dựa thứ tư.

Nhân vì hàng dua nịnh đối trá nên nói “Pháp là nương dựa, chẳng phải là người”. Đây chính là cùng với kẻ kia bàn luận, phân biệt, quyết định chọn lựa, mới chứng đắc chánh trí, chẳng phải chỉ đối với kẻ kia, hiện oai nghi. Tức ở trong ấy lại có sai biệt, nghĩa là Phật nêu giảng về Bồ-đặc-già-la cùng với các pháp, nên chỉ pháp là nương dựa, không phải là người.

Ngôn từ của thế tục không nên nắm giữ, tức pháp lại có hai loại là văn và nghĩa, chỉ nghĩa là nương dựa, chẳng phải là văn. Vì sao? Vì không nên chỉ mới nghe, cho là cứu cánh. Chính là phải ở nơi nghĩa tư duy, lường tính, quán xét kỹ. Kinh do Phật thuyết giảng, hoặc có loại liễu nghĩa, hoặc có loại không liễu nghĩa. Nên lúc quán xét nghĩa, kinh liễu nghĩa là nương dựa, không phải là kinh không liễu nghĩa. Đức Thế Tôn, hoặc có lúc giảng nói về cõi nương dựa, thức của phước, bất động, là đi tới nẻo thiện. Hoặc có lúc giảng nói về trí của bốn Thánh đế, là hướng đến Niết-bàn, nên đối với lúc tu pháp, tùy pháp hành, chỉ trí là nương dựa, chẳng phải là thức. Vì tóm lược về mất không mất của bốn thời kỳ nên kiến lập bốn thứ Bồ-đặc-già-la. Đó là: Thời đắc pháp. Thời trụ trì. Thời quan sát nghĩa. Thời tu pháp tùy pháp hành. Dựa nơi bốn thời, nên kiến lập bốn sự nương dựa.

Lại nữa, đã nói về an lập, nên biết ở trong các tỉnh lỵ ấy, hai thứ tác ý và đối tượng duyên đều có sai biệt.

*** Thế nào là tác ý sai biệt?** Đó là bảy thứ tác ý căn bản và bốn mươi tác ý khác.

Thế nào là bảy thứ tác ý căn bản? Tức là: (1) Tác ý liễu tướng. (2) Tác ý thắng giải. (3) Tác ý viễn ly. (4) Tác ý nhiếp lạc. (5) Tác ý quan sát. (6) Tác ý gia hạnh cứu cánh. (7) Tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh.

Thế nào là bốn mươi thứ tác ý khác? Đó là: (1) Tác ý duyên pháp. (2) Tác ý duyên nghĩa. (3) Tác ý duyên thân. (4) Tác ý duyên thọ. (5) Tác ý duyên tâm. (6) Tác ý duyên pháp. (7) Tác ý thắng giải. (8) Tác ý chân thật. (9) Tác ý hữu học. (10) Tác ý vô học.

(11) Tác ý phi học phi vô học. (12) Tác ý biến tri. (13) Tác ý chánh đoạn. (14) Tác ý đã đoạn. (15) Tác ý về đối tượng duyên có phân biệt ảnh tượng. (16) Tác ý về đối tượng duyên không phân biệt ảnh tượng. (17) Tác ý về biên vực nơi đối tượng duyên. (18) Về đối tượng duyên của việc làm đã hoàn thành. (19) Tác ý thắng giải xét chọn. (20) Tác ý tịch tĩnh.

(21) Tác ý tu một phần. (22) Tác ý tu đủ phần. (23) Tác ý vô gián. (24) Tác ý ân trọng. (25) Tác ý tùy thuận. (26) Tác ý đối trị. (27) Tác ý thuận thanh tịnh. (28) Tác ý thuận quan sát. (29) Tác ý gắng sức vận chuyển. (30) Tác ý vận chuyển hữu gián.

(31) Tác ý vận chuyển có công dụng. (32) Tác ý vận chuyển tự nhiên. (33) Tác ý xét chọn. (34) Tác ý nội nhiếp. (35) Tác ý tịnh chướng. (36) Tác ý nương dựa nơi đối tượng hành thành tựu, thanh tịnh. (37) Tác ý do kẻ khác kiến lập. (38) Tác ý thủ tăng thượng bên trong. (39) Tác ý quảng đại. (40) Tác ý biến hành.

Tác ý duyên pháp: Là tác ý tương ưng với tuệ do văn tạo thành.

Tác ý duyên nghĩa: Là tác ý tương ưng với tuệ do tư, tu tạo thành.

Tác ý duyên thân thọ tâm pháp: Là tác ý của người tu niệm trụ, tư duy đúng như lý về thân v.v...

Tác ý thắng giải: Là tác ý của người tu tĩnh lự, tùy chỗ mong muốn của mình, tạo sự tăng ích đối với các sự tướng.

Tác ý chân thật: Là tác ý của tư duy đúng như lý về tự tướng, cộng tướng và tướng chân như nơi các pháp.

Tác ý hữu học: Lược có hai thứ: Một là tự tánh. Hai là tại tự tánh tương tục. Nghĩa là tác ý của hữu học vô lậu. Tại tương tục: Là tác ý của hữu học về tất cả thiện.

Như tác ý hữu học, nên biết hai thứ *tác ý vô học* cũng vậy.

Tác ý phi học phi vô học: Là tác ý của tất cả thế gian.

Tác ý biến tri: Là do tác ý nên nhận biết khắp về đối tượng duyên, nhưng không đoạn trừ hoặc.

Tác ý chánh đoạn: Là do tác ý ấy nên cùng tạo tác hai sự việc nhận biết khắp và đoạn trừ hoặc.

Tác ý đã đoạn: Là tác ý hiện có sau khi đoạn trừ phiền não.

Tác ý có phân biệt hình tượng nơi đối tượng duyên: Là do tác ý ấy, người tu Tỳ-bát-xá-na (quán) duyên nơi cảnh, phân biệt về thể.

Tác ý không phân biệt hình tượng nơi đối tượng duyên: Là do tác ý, người tu Xa-ma-tha (Chí) duyên nơi cảnh, phân biệt về thể.

Tác ý về biên vực nơi đối tượng duyên: Là do tác ý ấy nên nhận biết rõ về biên vực nơi đối tượng duyên của thân thọ tâm pháp. Vượt quá giới hạn ấy thì không có thân thọ tâm pháp.

Tác ý về đối tượng duyên của sự việc đã thành tựu: Là tác ý: Ta tư duy như thế như thế. Nếu ta tư duy như vậy như vậy, sẽ có như

thể như thế, sẽ thành tựu như vậy như vậy, cùng duyên nơi đối tượng duyên thanh tịnh.

Tác ý xét chọn thắng giải: Là do tác ý ấy nên hoặc có sự xét chọn đầu tiên về các pháp, hoặc cho Xa-ma-tha là đứng đầu.

Tác ý tịch tĩnh: Là do tác ý ấy, nên hoặc có được nơi tâm an định đầu tiên, hoặc cho Tỳ-bát-xá-na là đứng đầu.

Tác ý tu một phần: Là do tác ý ấy, nên đối với các pháp chỉ, quán, tùy thuận tu tập một phần.

Tác ý tu tập đủ phần: Là do tác ý ấy, hai thứ chỉ quán cùng tu.

Tác ý vô gián: Là tác ý ở nơi tất cả thời, nối tiếp chuyển khởi không gián đoạn.

Tác ý ân trọng: Là tác ý của phương tiện gia hạnh không chậm chạp.

Ở đây, do tác ý xét chọn thắng giải, nên tu tập thanh tịnh về tri kiến. Do tác ý tịch tĩnh, nên khinh an sinh trưởng. Do tác ý tu tập một phần, đủ phần, nên đối với các thứ ngăn che, tâm được giải thoát. Do tác ý vô gián, ân trọng, nên tâm được giải thoát đối với các kiết. Lại, do tác ý vô gián, nên hoàn toàn không luống công khi xả bỏ thân mạng. Do tác ý ân trọng nên mau chóng đạt thông tuệ.

Tác ý tùy thuận: Là do tác ý ấy nên chán dứt đối tượng duyên, thuận đoạn trừ phiền não.

Tác ý đối trị: Là do tác ý ấy, nên lúc đang dứt bỏ các Hoặc giữ lấy việc đoạn trừ, khiến những phiền não nối tiếp xa lìa.

Tác ý thuận thanh tịnh: Là do tác ý ấy, nên tu sáu tùy niệm hoặc lại tư duy theo một sự vi diệu.

Tác ý thuận quan sát: Là do tác ý ấy, nên quán các phiền não đã đoạn, chưa đoạn. Hoặc lại quan sát về chỗ chứng đắc của mình và đạo lý của các pháp đã quán ở trước.

Tác ý gắng sức vận chuyển: Là tác ý hiện có lúc mới tu tập hành nghiệp, chưa được tác ý.

Tác ý vận chuyển hữu gián: Là tác ý hiện có của người tu gia hạnh đã được tác ý, đối với chỗ chậm chạp nêu trên.

Tác ý vận chuyển có công dụng: Là tác ý hiện có của người tu gia hạnh, đối với sự tinh tấn dũng mãnh ấy không có chậm chạp, trì trệ.

Tác ý vận chuyển tự nhiên: Là tác ý nơi bốn thời luôn quyết định: Một là: Thời được tác ý. Hai là: Thời đang nhập đã nhập định căn bản. Ba là: Thời tu hiện quán. Bốn là: Thời đang chứng đắc, đã chứng đắc A-la-hán.

Tác ý xét chọn: Là tác ý của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Tác ý nội nhiếp (thâu tóm bên trong): Là tác ý của phẩm Xa-ma-tha.

Tác ý tịnh chướng: Là do tác ý ấy, nên dứt bỏ các lậu, vĩnh viễn loại trừ mọi thứ thô trọng.

Tác ý nương dựa nơi đối tượng hành thành tựu thanh tịnh: Là do tác ý ấy, nên dựa vào việc li bỏ mọi thô trọng nơi thân, tuy hành trì tất cả cảnh giới của đối tượng duyên, nhưng các phiền não không còn hiện hành.

Tác ý do kẻ khác kiến lập: Là tác ý hiện có của các Thanh văn, chính là từ âm thanh của kẻ khác, mới có thể ở nơi nội tâm tác ý đúng như lý.

Tác ý thủ tạng thượng bên trong: Là tác ý hiện có của các Độc giác và các Bồ-tát, do không từ nơi thầy mà giác ngộ.

Tác ý rộng lớn: Là tác ý hiện có của các Bồ-tát, vì khéo nhận biết về mọi lỗi lầm của sinh tử, nên phát thệ nguyện rộng lớn, tạo phương tiện xuất ly, hướng tới Đại Bồ-đề.

Tác ý biến hành: Là tác ý tương ưng với trí của chư Phật Thế Tôn hiện thấy tất cả không chướng ngại. Hoặc là tác ý hiện có của các Bồ-tát, được phương tiện thiện xảo, hiện hữu khắp ba thừa cùng thông đạt năm xứ học thuật.

Trong đây, *tác ý liễu tướng:* Thâu tóm tác ý duyên pháp, duyên nghĩa. *Sáu thứ tác ý còn lại:* Chỉ thâu tóm tác ý duyên nghĩa.

Tác ý duyên nơi bốn thứ cảnh là thân thọ tâm pháp thì có mặt khắp nơi bảy tác ý căn bản. Tác ý liễu tướng, thắng giải, quả của gia hạnh cứu cánh thâu tóm chung các tác ý thắng giải, chân thật. Tác ý quan sát chỉ thâu tóm tác ý thắng giải. Ba tác ý căn bản còn lại, chỉ thâu tóm tác ý chân thật.

Đây là dựa theo môn trước. Nếu dựa theo môn khác, nên biết tùy theo chỗ ứng hợp, bảy thứ tác ý căn bản đều thâu tóm trong hai thứ: tác ý hữu học và tác ý phi học phi vô học, cũng thâu tóm tác ý vô học. Đó là tác ý liễu tướng của địa thanh tịnh và tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh. Tác ý liễu tướng, thắng giải, quan sát thâu tóm tác ý biến tri. Ba tác ý căn bản còn lại, thâu tóm tác ý chánh đoạn.

Tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh, thâu tóm tác ý đã đoạn.

Tác ý quan sát, chỉ thâu tóm tác ý có phân biệt ảnh tượng nơi đối tượng duyên. Sáu tác ý căn bản còn lại thâu tóm chung hai loại: Tác ý về biên cực nơi đối tượng duyên (loại tác ý này thâu tóm khắp hết thảy) và tác ý về đối tượng duyên của việc làm đã hoàn thành. (Loại tác ý này, nếu dựa theo môn đầu thì thâu tóm khắp hết thảy. Dựa theo môn thứ hai thì chỉ thuộc về tác ý nơi quả của gia hạnh cứu cánh).

Tác ý xét chọn thắng giải trước hết là không thuộc về một loại tác ý căn bản nào, nhưng nếu Xa-ma-tha (chỉ) được xem là đứng đầu thì thâu tóm khắp tất cả. Hoặc tác ý tịch tĩnh trước tiên, nếu Tỳ-bát-xá-na (quán) được xem là đứng đầu, thì nên biết cũng thế.

Sáu loại tác ý căn bản trước thâm tóm chúng hai tác ý tu một phần và tu đủ phần. Tác ý nơi quả của gia hạnh cứu cánh chỉ thâm tóm tác ý tu đủ phần. Tác ý vô gián, tác ý ân trọng thâm tóm khắp hết thảy. Tác ý tùy thuận thuộc về hai loại tác ý căn bản đầu (liễu tướng và thắng giải). Tác ý đối trị thuộc về hai tác ý căn bản là viễn ly và gia hạnh cứu cánh, cùng thuộc về một phần của tác ý nhiếp lạc. Tác ý thuận thanh tịnh chỉ thuộc về một phần của tác ý nhiếp lạc. Tác ý thuận quan sát, đã đoạn chưa đoạn chỉ thuộc về tác ý quan sát. Đây là căn cứ theo chỗ đối trị đoạn trừ để nói, nếu căn cứ theo chỗ khác thì tùy nơi chốn ứng hợp, nên biết.

Tác ý gắng sức vận chuyển đều không thuộc về loại tác ý căn bản nào. Tác ý vận chuyển hữu gián và tác ý vận chuyển có công dụng đều thuộc về tác ý nhiếp lạc. Tác ý vận chuyển tự nhiên thuộc về hai loại tác ý gia hạnh cứu cánh và quả của gia hạnh cứu cánh. Tác ý xét chọn thuộc về tác ý liễu tướng. Tác ý nội nhiếp thuộc về tác ý thắng giải. Tác ý tịnh chương thuộc về các tác ý viễn ly, nhiếp lạc, quan sát, gia hạnh cứu cánh.

Tác ý nương dựa nơi đối tượng hành thành tựu thanh tịnh, chỉ thuộc về tác ý nơi quả của gia hạnh cứu cánh.

Tác ý do kẻ khác kiến lập, tác ý thủ tăng thượng bên trong thuộc về tất cả bảy tác ý căn bản.

Tác ý rộng lớn đều không thuộc về tác ý căn bản nào. Tác ý biến hành đầu tiên (của Phật) là thuộc về tác ý nơi quả của gia hạnh cứu cánh. Lần thứ hai (của Bồ-tát) là thuộc về hết thảy bảy tác ý căn bản.

Lại, tác ý liễu tướng, nếu thâm tóm tác ý do người khác kiến lập thì nhất định dùng sự lắng nghe âm thanh kẻ khác cùng bên trong tác ý như lý làm duyên. Nếu thâm tóm tác ý thủ tăng thượng bên trong thì chỉ lấy phần tư lương trước làm duyên.

Số tác ý còn lại, trước trước, sau sau chuyển đổi làm duyên cho nhau.

*** *Lại nữa, thế nào là đối tượng duyên sai biệt?*** Đó là ***tướng sai biệt***. Những gì là tướng? Lược có bốn loại: (1) Tướng đối tượng duyên. (2) Tướng nhân duyên. (3) Tướng nên xa lìa. (4) Tướng nên tu tập.

Tướng đối tượng duyên: Là tướng của sự việc nơi đối tượng nhận thức phân biệt về thể.

Tướng nhân duyên: Là tư lương (hành trang) của định.

Tướng nên xa lìa: Lại có bốn thứ: Tướng hôn trầm. Tướng trạo cử. Tướng tán loạn. Tướng chấp trước.

Tướng nên tu tập: Nên biết là tướng đối trị bốn thứ trên.

Những gì là tướng hôn trầm? Là không giữ gìn căn môn, ăn uống không biết lượng, cả đêm không thường tỉnh ngộ siêng tu hành quán, trụ trong bất chánh tri, tánh là hành si, ham thích ngủ nghỉ, không có tuệ thiện xảo, ó tác cùng hiện hành. Nếu muốn chuyên tâm quán xét thì chưa từng tu tập Xa-ma-tha chân chính, đối với pháp Xa-ma-tha chưa được thuần thiện, nếu tư duy hoàn toàn về tướng Xa-ma-tha thì tâm tối tăm, ở nơi cảnh giới thù thắng không thích duyên hợp.

Những gì là tướng trạo cử? Đó là tướng như không giữ gìn căn môn v.v... như trước đã nói rộng. Tánh là hành tham, ưa thích không tịch tĩnh, tâm không chán lìa, không có tuệ thiện xảo, cùng hành với trạo cử thái quá. Nếu muốn v.v... như trước, thì không từng tu pháp thích hợp, đối với pháp thích hợp, chưa hoàn toàn dốc sức tu tập. Do nơi vô số pháp thuận với trạo cử luôn tìm cầu về thân thuộc, khiến tâm động loạn.

Những gì là tướng tán loạn? Đó là bốn tướng như không giữ gìn căn môn v.v... nên biết như trước. Tánh thuộc độn căn, nhiều

cầu tìm lắm việc, tạo tác nhiều thứ, tánh là hành tâm tư, không có tuệ thiện xảo, không tâm chán bỏ, không tu tập xa lìa, ở nơi cảnh giới thù thắng không thích duyên hợp gần gũi chốn ồn ào, phương tiện luôn thiếu, không xét kỹ để biết rõ tướng loạn động không loạn động.

Những gì là tướng chấp trước? Đó là bốn tướng như không giữ gìn căn môn, nên biết như trước đã nêu. Tánh là độn căn, tánh là hành ái, tánh nhiều phiền não, tư duy không như lý, không thấy các lỗi, họa. Lại, đối với phần tăng thượng, không có nhận thức xuất ly.

Đối trị các tướng nên xa lìa như thế, theo chỗ ứng hợp, nên biết tức là tướng nên tu tập.

Lại có 32 tướng. Đó là: (1) Tướng tự tâm. (2) Tướng bên ngoài. (3) Tướng chỗ dựa. (4) Tướng đối tượng hành. (5) Tướng tác ý. (6) Tướng tâm khởi. (7) Tướng an trụ. (8) Tướng tự tướng. (9) Tướng cộng tướng. (10) Tướng thô. (11) Tướng tịnh. (12) Tướng lãnh nạp. (13) Tướng phân biệt. (14) Tướng cùng hiện hành. (15) Tướng nhiệm ô. (16) Tướng không nhiệm ô. (17) Tướng phương tiện chân chánh. (18) Tướng phương tiện tà vạy. (19) Tướng ánh sáng. (20) Tướng quán sát. (21) Tướng định hiện thiện. (22) Tướng chỉ. (23) Tướng cử. (24) Tướng quán. (25) Tướng xả. (26) Tướng nhập định. (27) Tướng trụ định. (28) Tướng xuất định. (29) Tướng tăng. (30) Tướng giảm. (31) Tướng phương tiện. (32) Tướng dẫn phát.

Thế nào là tướng tự tâm? Đó là như có Bí-sô, trước bị phiền não làm tâm nhiệm ô, nên ở nơi tự tâm, hết sức khéo giữ lấy tướng, như vậy như vậy, tâm có nhiệm ô, hoặc không nhiệm ô. Do phương tiện này, nên tâm ở trong chỗ chìm đắm v.v... Do phương tiện ấy, nên tâm không ở trong chỗ chìm đắm v.v... Nói chìm đắm v.v...: Là bốn thứ tướng như hôn trầm v.v... cho đến khiến tâm có chương ngại vướng mắc. Hoặc lại ở chỗ chìm đắm tâm bị nhiệm ô.

Thế nào là tướng bên ngoài? Tức là ở nơi tâm bị nhiễm ô kia, biết rõ là tự tâm bị nhiễm ô rồi, bèn giữ lấy tướng bên ngoài, đó là tướng ánh sáng, hoặc tướng tịnh diệu, hoặc lại là tướng khác, vì muốn diệt trừ các phiền não, hoặc khiến các thứ hoặc kia không còn hiện hành.

Thế nào là tướng chỗ dựa? Đó là tướng phân biệt về thể, tức là năm uẩn thuộc về tất cả tự thân, cùng tướng chủng tử.

Thế nào là tướng đối tượng hành? Tức là tướng phân biệt về thể của đối tượng được tư duy về sắc cho đến pháp của các thể giới kia.

Thế nào là tướng tác ý? Là tướng có chủ thể sinh tác ý, nên ở nơi đối tượng sinh của các cảnh giới kia, thức sinh khởi, tác tư duy như vậy: Nay ta nơi tâm này, do tác ý, nên đối với cảnh giới đã chuyển khởi, không phải là không tác ý. Về chỗ tư duy ấy, gọi là tướng tác ý.

Thế nào là tướng tâm khởi? Tức như tướng vừa nói ở trước là một. Tướng thứ hai là tướng của tâm duyên nơi hành, duyên nơi danh sắc. Chỗ tư duy ấy gọi là tướng tâm khởi.

Thế nào là tướng an trụ? Đó là bốn thứ trụ. Tức thức theo sắc trụ v.v... như kinh đã nói rộng. Về chỗ tư duy ấy, gọi là tướng an trụ.

Thế nào là tướng tự tướng? Đó là tự tướng của tự loại, hoặc tự tướng đều dị biệt. Về chỗ tư duy ấy gọi là tướng tự tướng.

Thế nào là tướng cộng tướng? Đó là cộng tướng của các hành, hoặc cộng tướng hữu lậu, hoặc cộng tướng của tất cả pháp. Về chỗ tư duy ấy, gọi là tướng cộng tướng.

Thế nào là tướng thô? Là tất cả tướng thô của chỗ quán về địa dưới.

Thế nào là tướng tịnh? Là hết thảy tướng tịnh của chỗ hành nơi địa trên.

Thế nào là tướng lãnh nạp? Là tướng của các hành theo chỗ nhớ nghĩ về các nơi từng trải qua trong quá khứ.

Thế nào là tướng phân biệt? Là tướng của các hành tư duy về vị lai.

Thế nào là tướng cùng hiện hành? Là tướng của các hành phân biệt về hiện tại.

Thế nào là tướng nhiễm ô? Đó là tướng ở nơi tâm có tham, tư duy là tâm có tham, cho đến là tướng ở nơi tâm giải thoát bất thiện, tư duy là tâm giải thoát bất thiện.

Thế nào là tướng không nhiễm ô? Đó là tướng trái ngược với tướng nhiễm ô, nên biết tức là tướng không nhiễm ô.

Ở đây đã xuất ly nơi đoạn, nếu không tu phương tiện, thì quán có tham v.v... Nếu tu phương tiện thì quán tóm lược về địa dưới v.v... Tâm có tham v.v...: Là tâm tương ưng với tham. Hoặc lại theo đũa phân thô trọng của phẩm tham. Như vậy, do triền và tùy miên, nên tâm bị nhiễm ô hết thảy. Nên biết, như chỗ ứng hợp, do có thể đối trị triền và tùy miên, nên trở thành không nhiễm ô.

Thế nào là tướng chánh phương tiện? Đó là tướng của tướng nhân duyên nơi phẩm bạch tịnh của đối tượng tư duy.

Thế nào là tướng phương tiện tà vạy? Là tướng của tướng nhân duyên nơi phẩm nhiễm ô của đối tượng tư duy. Là tướng tư duy như vậy như vậy, trụ nơi chỗ không giữ gìn căn môn, cho đến trụ nơi không chánh tri. Như vậy như vậy, tâm bị nhiễm ô.

Thế nào là tướng ánh sáng? Tức là như có một hữu tình hành đối trị tối tăm. Hoặc nơi ánh sáng của pháp, ân cần, khẩn khoản tìm đến, khéo giữ lấy hình tướng, tư duy hết mực khéo léo. Như đối với phương dưới, nơi phương trên cũng vậy. Như thế, từ tướng đối trị các thứ tối tăm, kiến lập tướng ánh sáng.

Thế nào là tướng quan sát? Nghĩa là có Bí-sô, ân cần, khẩn khoản tìm đến, khéo giữ lấy tướng ánh sáng ấy mà quan sát.

Đứng quán nơi ngòai: Tức là dùng chủ thể giữ lấy của hiện tại, quán về pháp nơi đối tượng giữ lấy của vị lai.

Ngòai quán nơi nằm: Là dùng chủ thể giữ lấy của hiện tại, quán về đối tượng giữ lấy của quá khứ.

Hoặc pháp ở hành sau quan sát hành trước: Nghĩa là dùng chủ thể giữ lấy của hành sau sau, quán pháp của chủ thể giữ lấy nơi hành trước trước. Đây là lược hiển bày về hai thứ pháp quán của chủ thể giữ lấy và đối tượng được giữ lấy.

Thế nào là tướng định hiền thiện? Là tướng của chỗ tư duy về các màu xanh bầm v.v... nhằm để đối trị tham dục.

Vì sao tướng ấy được gọi là hiền thiện? Vì trong các thứ phiền não, tham là hơn hết. Ở nơi các tham, tham dục là hơn hết, sinh khởi các khổ. Do đó, tướng ấy là đối tượng duyên của việc đối trị tham dục, nên gọi là hiền thiện.

Thế nào là tướng chỉ? Là tướng của chỗ tư duy không phân biệt về ảnh tượng.

Thế nào là tướng cử? Là tướng thúc đẩy tâm giữ lấy theo một thứ tịnh diệu. Hoặc tướng của tướng ánh sáng.

Thế nào là tướng quán? Là tướng của ba tuệ văn tư tu tư duy về các pháp.

Thế nào là tướng xả? Là tướng đã được tâm bình đẳng, đối với các phẩm thiện, xả tăng thượng.

Thế nào là tướng nhập định? Là tướng do nhân duyên nơi đối tượng duyên, nên tu tập, nhập nơi Tam-ma-địa, hoặc lại đạt được hiện tiền.

Thế nào là tướng trụ định? Là tướng đối với các pháp kia, khéo léo giữ lấy, do đây nên tùy theo chỗ mong muốn, ở nơi định được an trụ, đạt không thoái chuyển.

Thế nào là tướng xuất định? Là tướng của Địa bất định phân biệt về chỗ không thâm gồm của thể.

Thế nào là tướng tăng? Là tướng của đối tượng tư duy thuộc định khinh an, được tăng thêm rộng lớn bội phần.

Thế nào là tướng giảm? Là tướng của đối tượng tư duy thuộc định khinh an, bị thoái giảm, nhỏ hẹp.

Thế nào là tướng phương tiện? Là tướng của hai nẻo, hoặc hướng tới chỗ tăng thêm rộng lớn, hoặc hướng tới chỗ thoái giảm nhỏ hẹp.

Thế nào là tướng dẫn phát? Là các tướng của đạo có thể dẫn phát tóm lược về nghĩa của văn cú rộng lớn. Hoặc tướng của trí diệu, nguyện không tranh, không ngại. Hoặc tướng của công đức tối thắng nơi các lực vô úy khác dựa vào Tam-ma-địa, và tướng của trí tuệ vi diệu có thể thông đạt về cú nghĩa sâu xa.

Lại nữa, các tướng như vậy, tức thuộc về bốn tướng căn bản ở trước. Nghĩa là:

Tướng đối tượng duyên: Thâu tóm đủ tất cả.

Tướng nhân duyên cũng vậy. Vì trước cùng với sau làm nhân duyên. Vì khiến các tướng sau, sau đạt được sự sáng, sạch.

Tướng chánh phương tiện, với tất cả loại biệt đều là tướng nhân duyên. Như tướng chánh phương tiện, tướng phương tiện tà vạy cũng thế. Một là tướng phẩm trắng. Hai là tướng phẩm đen, các tướng nhiễm ô chỉ nên xa lìa. Các tướng còn lại chỉ nên tu tập, nơi mọi thời nên tu tập.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 12

Địa thứ 6: ĐỊA TAM MA HÝ ĐA, phần 2 (Phần Bản Địa)

Lại nữa, thế nào là tu tập tác ý về các tướng của đối tượng duyên? Tức nơi các tướng ấy tác ý tư duy. Do tư duy nên có thể tạo bốn sự. Nghĩa là tu tập tác ý như thế. Lại có thể xa lìa phiền não của đối tượng cần đối trị, có thể luyện tập tác ý ấy và các tác ý khác, khiến tác ý sinh sau càng thêm sáng suốt, đầy đủ. Lại lúc tu tập tác ý này khiến hành giả chán hủy đối tượng duyên, trừ bỏ các phiền não, nhận giữ việc đoạn dứt, khiến chúng lìa hẳn sự nối tiếp do đó tu tập tác ý về các tướng của đối tượng duyên như vậy.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên nhập nơi tĩnh lực thứ nhất cho đến cõi Hữu đẳng: Đó là lực của nhân, lực của phương tiện, lực của sự thuyết giảng và lực của sự dạy trao.

Thế nào là lực của nhân? Nghĩa là từng gần gũi để nhập tĩnh lực v.v...

Thế nào là lực của phương tiện? Nghĩa là tuy không gần gũi nhập tĩnh lực v.v..., nhưng do thường tu tập lực không gián đoạn nên có thể nhập các định.

Thế nào là lực của sự thuyết giảng? Nghĩa là đối với pháp của duyên tăng thượng nơi tĩnh lực, hiểu biết khắp, nhận giữ cho đến nói

rộng. Tức dựa nơi pháp ấy, ở riêng chốn vắng lặng lia mọi sự phóng dật, dừng mãnh tinh tấn, tự thúc đẩy gắng sức, trụ pháp tùy pháp hành, do đấy có thể nhập các định như tĩnh lự v.v...

Thế nào là lực của sự dạy trao? Tức ở chỗ của Thân giáo sư (Hòa thượng), Quĩ phạm sư (A-xà-lê) hoặc theo nơi trụ xứ của một bậc tôn trưởng khác, đạt được sự chỉ dạy trao truyền đúng đắn, tùy thuận nơi tĩnh lự thứ nhất, từ đấy xét kỹ để tác ý tư duy, nên có thể nhập tĩnh lự cùng các định khác. Như vậy là hiển bày về bốn bậc quán hành: Bậc gồm đủ lực nhân, bậc gồm đủ lực phương tiện, bậc lợi căn và bậc độn căn.

Lại nữa, có bốn bậc đạt được tĩnh lự: (1) Bậc tĩnh lự ái thượng. (2) Bậc tĩnh lự kiến thượng. (3) Bậc tĩnh lự mạn thượng. (4) Bậc tĩnh lự nghi thượng.

Thế nào là bậc tĩnh lự ái thượng? Nghĩa là như có một hành giả, trước chỉ nghe công đức của các định, tĩnh lự, nhưng không nghe phương tiện xuất ly của chúng, đối với định, tĩnh lự chỉ hoàn toàn thấy các công đức thù thắng, dừng mãnh, tinh tấn, do nhân duyên ấy, nên nhập tĩnh lự thứ nhất, hoặc các định khác. Nhập như vậy rồi, sau sinh yêu thích.

Thế nào là bậc tĩnh lự kiến thượng? Tức như có một hành giả, ở chỗ thầy mình hoặc các thầy khác, nghe nói các thế gian đều là thường v.v... Do phương tiện như vậy nên nhập tĩnh lự thứ nhất, cho đến cõi Hữu đảnh, có thể đạt được giải thoát thanh tịnh, xuất ly. Hành giả dựa vào kiến giải ấy, dừng mãnh tinh tấn, do nhân duyên này, nhập nơi tĩnh lự thứ nhất hoặc các định khác. Nhập như thế rồi, có thể tự nhớ nghĩ về nhiều kiếp quá khứ, bèn sinh kiến chấp này: Ngã và thế gian đều là thường v.v... Ra khỏi định, tức ở nơi kiến chấp ấy chấp chặt không bỏ. Về sau, tư duy kỹ, quán xét kỹ, do đấy nên đạt được giải thoát thanh tịnh, xuất ly.

Thế nào là bậc tĩnh lự mạn thượng? Nghĩa là như có một hành giả, nghe danh nơi các bậc Trưởng lão như vậy v.v... đã nhập tĩnh lự thứ nhất cho đến cõi Hữu đảnh. Nghe sự việc ấy rồi, bèn sinh kiêu mạn: Các vị ấy đã có thể nhập các định như tĩnh lự v.v..., ta sao lại không thể nhập được? Dựa nơi kiêu mạn ấy, dững mãnh tinh tấn, do nhân duyên này nên nhập tĩnh lự thứ nhất cùng các định khác. Nhập như thế rồi, sau sinh kiêu mạn, suy nghĩ: Chỉ ta mới có thể đạt được tĩnh lự như vậy, người khác thì không thể đạt được. Người đó, dựa vào sự kiêu mạn ấy, về sau ở nơi các tĩnh lự, tư duy kỹ, quán xét kỹ, vẫn theo kiêu mạn ấy.

Thế nào là bậc tĩnh lự nghi thượng? Nghĩa là như có một hành giả, vì tánh ám độn, vốn thường ưa thực hành Xa-ma-tha, do nhân duyên ấy, nhập các tĩnh lự hoặc những định khác. Nhập như thế rồi, lại ở nơi các định trên, dốc tu phương tiện là đạt được, chưa đạt được. Đối với bốn Thánh đế siêng tu hiện quán, vì tánh ám độn nên không thể mau chóng chứng đắc hiện quán về Thánh đế. Do nhân duyên này, tức nơi các chỗ chứng đắc khác liền sinh nghi hoặc. Dựa vào chỗ nghi hoặc ấy, nên đối với nẻo thẳng tấn, tiếp tục tư duy, quán xét kỹ.

Lại nữa, thế nào là các định như tĩnh lự v.v... tương ưng với ái vị? Nghĩa là có hành giả độn căn, hoặc hành tham, hoặc nhiều phiền não, chỉ được nghe các công đức hiện có của tĩnh lự thứ nhất, nói rộng như phần tĩnh lự ái thượng ở trước, đối với sự xuất ly nêu trên do không nhận biết rõ nên sinh ái vị, luyến tiếc trụ chấp chặt: Về đối tượng được ái vị, nói là đã ra khỏi. Về chủ thể ái vị, nói là đang nhập.

Thế nào là định như tĩnh lự v.v... thanh tịnh? Nghĩa là có hành giả tánh trung căn hoặc lợi căn, hành thiền nào hoặc hành “Bạc trần”, từ nơi nhiều người khác được nghe về lỗi lầm của sự ái vị nơi tĩnh lự thứ nhất v.v... cùng nẻo xuất ly nêu trên, nên dững mãnh tinh tấn, nhập tĩnh lự thứ nhất v.v... cùng nẻo xuất ly nêu trên, nên dững mãnh tinh tấn, nhập tĩnh lự thứ nhất, hoặc các định khác. Nhập như

vậy rồi, liền có thể tư duy về lỗi lầm của các định, đối với nẻo xuất ly trên, cũng có thể nhận biết rõ, nên không sinh ái vị.

Thế nào là định như tĩnh lự v.v... vô lậu? Tức như có hành giả là tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, hoặc hành “Bạc trần”, người ấy hoặc lúc trước, đối với bốn Thánh đế đã nhập hiện quán, hoặc lại đang tu phương tiện hiện quán. Người đó, trước do tướng của các hành trạng, nhập tĩnh lự thứ nhất hoặc các định khác. Nay, ở nơi tướng của hành trạng này không suy xét nữa. Nhưng đối với các sắc cho đến pháp thức, tư duy như bệnh, như ung nhọt v.v... đối với pháp hữu vi tâm sinh chán ghét, sợ hãi, chế ngự, ở nơi cảnh giới cam lồ, buộc niệm tư duy, như thế mới có thể nhập định vô lậu.

Lại nữa, thế nào là định thuận thoái phần? Nghĩa là có hành giả thuộc loại độn căn, thấp kém, có mong muốn hiểu biết, nên siêng năng tinh tấn, nhập tĩnh lự thứ nhất hoặc các định khác, nhưng đối với hỷ, lạc, đối với công đức thù thắng, không thể gắng nhận, nên từ tĩnh lự thoái chuyển, như thế dần dần nhập nơi các định sai biệt, cứ như thế như thế trở lại thoái chuyển, cho đến chưa khéo điều phục, rèn luyện các căn.

Thế nào là định thuận trụ phần? Tức có hành giả tánh trung căn hoặc lợi căn, chỉ được nghe về công đức của các định, nói rộng như phần tương ưng với ái vị ở trước. Đối với định đã đạt được chỉ sinh ái vị, không thể tiến lên bậc trên, cũng không thoái chuyển xuống bậc dưới.

Thế nào là định thuận thắng phần? Nghĩa là có hành giả cũng nghe nói về phương tiện xuất ly, đối với định đã đạt được không sinh tâm cho là đủ, vì thế đối với định không sinh ái vị, lại cầu đạt quả vị thù thắng. Do nhân duyên này, nên liền được thắng tấn.

Thế nào là định thuận phần quyết trạch? Nghĩa là đối với tất cả thân tướng, thấy sâu về lỗi lầm, do nhân duyên này, nên có thể hội

nhập nơi vô lậu. Lại, các vô lậu gọi là chỗ rốt ráo tốt cùng của phần quyết trạch. Cũng như các vật bình, ngọc v.v... ở thế gian, đã khéo lựa chọn, gọi là quyết trạch. Từ đây trở về sau, không thể chọn lựa nữa. Đây cũng như thế. Vượt quá giới hạn này thì không thể lựa chọn nữa, nên gọi là phần quyết trạch.

Lại nữa, thế nào là nhập các đẳng chí không gián đoạn? Nghĩa là như có một hành giả, đạt được tĩnh lự thứ nhất cho đến cõi Hữu danh, nhưng chưa thanh tịnh trắng sạch viên mãn. Trước thuận theo thứ lớp nhập cho đến cõi Hữu danh. Sau, nghịch với thứ lớp nhập trở lại tĩnh lự thứ nhất.

Lại nữa, thế nào là nhập các đẳng chí siêu việt? Tức là ở đây đã đạt được thanh tịnh viên mãn, nên từ tĩnh lự thứ nhất, không gián đoạn, vượt nhập tĩnh lự thứ ba. Từ tĩnh lự thứ ba, vượt nhập không vô biên xứ không gián đoạn. Từ không vô biên xứ vượt nhập vô sở hữu xứ, cho đến nói rộng. Về phần vượt nhập theo chiều nghịch cũng vậy. Do hết sức xa, nên đẳng chí thứ ba không thể vượt qua, chỉ trừ Đức Như Lai cùng các vị Đại Bồ-tát đã ra khỏi A-tăng-xi-đa thứ hai. Chư vị ấy, tùy chỗ mong muốn của mình mà nhập các định.

Lại nữa, thế nào là tĩnh lự huân tu? Tức như có một hành giả đã chứng đắc bốn thứ tĩnh lự hữu lậu và vô lậu, đối với các đẳng chí đạt được tự tại, thọ nhận quả tự tại của đẳng chí, nên trong thời gian dài nhập các tĩnh lự nối tiếp, hữu lậu vô lậu cùng đan xen, cho đến hữu lậu không gián đoạn nơi vô lậu hiện tiền, vô lậu không gián đoạn trở lại nhập nơi hữu lậu. Nên biết ở đây cùng huân tu thành tựu. Nếu ở nơi xứ này, thời gian này, sự việc này có thể nhập các định. Đó gọi là đối với các đẳng chí, đạt được tự tại.

Quả tự tại của đẳng chí: Nghĩa là ở nơi hiện pháp lạc trụ, chuyển biến thêm phần sáng sạch, lại do đây nên đạt được đạo không thoái chuyển. Lại tu tập thanh tịnh đạo có thể dẫn khởi các phẩm công đức thù thắng của thắng xứ và biên xứ giải thoát. Nếu

nhận lấy Hữu dù mạng chung, do nhân duyên này, nên vào cõi Tịnh cư. Vì sự tu tập các tĩnh lực theo phẩm hạ trung thượng có sai biệt, nên đối với tất cả xứ, thọ nhận quả của ba Địa, như nơi Địa có tâm có tứ ở trước đã phân biệt rộng. Tu tập Tam-ma-địa không tâm chỉ có tứ, nên được làm Đại Phạm. Do diệu lực huân tu của các phẩm hạ trung thượng, thượng thắng, thượng cực, nên sinh nơi cõi Ngũ Tịnh cư. Phải biết, nhân tu định – tĩnh lực thanh tịnh, nên sinh nơi địa tĩnh lực, không phải do sự quen gần tương ưng với ái vị. Đã sinh vào cõi ấy rồi, nếu khởi ái vị tức sẽ thoái thất. Nếu tu thanh tịnh, thì trở lại sinh nơi cõi kia, hoặc sinh nơi định dưới, hoặc tiến, sinh nơi định trên. Trước ở nơi khoảng này đã tu đạt được định rồi, sau sinh đến cõi kia. Vì sao? Vì chẳng phải chưa lìa dục mà được sinh nơi cõi ấy. Chẳng phải là các dị sinh (phàm phu) chưa tu tập đạt được định mà có thể lìa dục. Lại, chẳng phải nơi khoảng ấy cùng tại xứ kia, nhập các đẳng chí, ưa thích có sai biệt, chính là do chỗ dựa nơi thân mà có sai biệt.

* Lại nữa, đã nói sự tu tập tương tác ý sai biệt. ***Thế nào là thâm tóm chỗ tông yếu của các kinh?*** Nghĩa là tám giải thoát như kinh đã nói rộng.

Tám giải thoát: Tức như trước đã nêu. Bảy giải thoát trước như có sắc quán các sắc v.v... ở nơi đã giải thoát sinh thắng giải, nên gọi là giải thoát. Giải thoát thứ tám từ bỏ tưởng, thọ nên gọi là giải thoát.

Thế nào là có sắc quán các sắc? Nghĩa là sinh nơi Dục giới, đã lìa dục của Dục giới, chưa lìa dục của Sắc giới, hành giả ở trong chỗ giải thoát như thế, đã được giải thoát. Tức đối với các sắc của Dục giới, do có tướng sáng rõ, nên tác ý tư duy, sinh thắng giải. Vì hai nhân duyên nên gọi là có sắc. Tức sinh nơi Dục giới và đạt được định nơi Sắc giới. Lại, ở nơi có ánh sáng mà tạo thắng giải.

Hỏi: Quán các sắc, là quán những sắc gì? Lại do hành gì để quán?

Đáp: Các sắc của Dục giới. Ở chỗ tạo ít sắc của các thắng xứ, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn, nhiều loại như vậy, cho đến nói rộng.

Do đâu tu tập hành quán như thế? Là do tu trị thanh tịnh các phương tiện có thể dẫn khởi các công đức tối thắng.

Những gì gọi là công đức tối thắng? Đó là thắng xứ, biến xứ, các thần thông của bậc Thánh, nguyện trí không tranh, vô ngại giải v.v... Tuy trước, đối với các sắc của Dục giới đã được lìa dục, nhưng ở nơi các sắc ấy chưa có thể chứng đắc giải thoát tự tại. Vì đã chứng đắc, nên thường xuyên đối với các sắc ấy tư duy, thắng giải.

Thế nào là bên trong tướng không sắc, quán các sắc bên ngoài? Tức là sinh nơi Dục giới, đã lìa dục nơi cõi sắc, nhưng định Vô sắc giới không hiện tiền. Lại, không tư duy về tướng sáng rõ của tướng kia, chỉ ở nơi sắc bên ngoài mà tạo thắng giải. Hoặc đối với sắc ấy đã được lìa dục, gọi sắc ấy là ngoài. Do hai nhân duyên nên gọi là bên trong không có tướng về sắc. Nghĩa là đã chứng đắc đẳng chí vô sắc, cũng tự nhận biết rõ là đã đạt được định ấy, nên không tư duy về tướng ánh sáng bên trong. Phần còn lại như trước đã nói.

Thế nào là thân tác chứng trụ đầy đủ của giải thoát thanh tịnh? Nghĩa là như có một hành giả đã được niệm xả thanh tịnh viên mãn, dùng đây làm chỗ dựa, tu tập hạnh Thánh thanh tịnh tròn đủ, gọi là giải thoát thanh tịnh. Vì sao? Vì ba nhân duyên, nghĩa là đã vượt quá các thứ khổ vui, hết thấy mọi động loạn đã được tịch tĩnh, đã khéo mài luyện tâm trong sáng.

Thân tác chứng: Nghĩa là ở trong trụ ấy là chỗ trụ phần đông của tất cả Hiền Thánh.

Thế nào là giải thoát của không vô biên xứ? Tức như có một hành giả, đối với không xứ kia đã được lìa dục, ở nơi hư không tư duy, thắng giải như vậy.

Giải thoát của thức vô biên xứ: Là đối với thức xứ ấy đã được lìa dục, tức ở nơi thức ấy tư duy, thắng giải.

Giải thoát của vô sở hữu xứ: Nghĩa là đã được xứ vô sở hữu, ở nơi thức xứ vô biên, tư duy, thắng giải.

Giải thoát của Hữu danh: Lại không ở nơi khác mà tạo thắng giải, cho đến hiển bày khắp nơi tướng xứ có thể sinh, tức ở nơi xứ ấy nên tạo thắng giải.

Lại nữa, trước đã tu trị tác ý thắng giải, sau mới có thể khởi sự thấy biết thù thắng, nên gọi là thắng xứ. Chỗ thù thắng này nên biết lại có năm thứ:

(1) Hình tướng mất đi sự thấp kém, nên gọi là thắng. Tức như có một người, do các việc công xảo v.v... của chính mình đã đạt được thù thắng, nên hình tướng mất đi phần vị thấp kém do kẻ khác đặt để.

(2) Do điều phục sự yếu kém nên gọi là thắng. Nghĩa là như có một người, do sức mạnh của chính mình đã diệt trừ các thứ yếu kém.

(3) Có thể che ngăn ẩn giấu kẻ khác nên gọi là thắng. Nghĩa là các loại binh, chậu v.v... có thể tạo sự che ngăn. Hoặc các thứ cỏ thuốc, chú thuật, thần thông, có chỗ che ngăn ẩn giấu.

(4) Ngăn hoại đối tượng duyên, nên gọi là thắng. Nghĩa là ngăn hoại cảnh giới, lìa bỏ các phiền não.

(5) Xoay chuyển tự tại, nên gọi là thắng. Nghĩa là như vua của thế gian, tùy theo ý muốn mà phân xử quần thần, tôi tớ. Ở trong nghĩa này, ý hiển bày về sự thù thắng của ẩn giấu và tự tại. Trước là thắng giải tự tại trong giải thoát, nay là điều phục tự tại của thắng xứ.

Quán sắc ít: Nghĩa là sắc nơi các vật dụng nuôi sống của các hữu tình.

Quán sắc nhiều: Là sắc nơi các cung điện, nhà cửa phòng ốc v.v...

Nói sắc tốt: Tức các thứ hiển sắc đẹp đẽ, hoàn toàn tịnh diệu. Trái ngược so với đây gọi là sắc xấu.

Nói sắc kém: Tức sắc không hợp ý với thanh hương vị xúc. Trái ngược với đây, nên biết là sắc hơn hẳn. Bốn thứ hiển sắc này thuộc về phần sắc của các vật dụng nuôi sống hữu tình, các thứ cung điện, nhà cửa v.v. . .

Nói nhận biết hơn hẳn: Tức là thường thường che ngăn ẩn giấu phần thắng giải của đối tượng duyên.

Có tướng như thế: Là có sự điều phục tướng.

Lại nữa, do các biến xứ đối với sự việc của thắng giải sinh khởi thắng giải khắp nên gọi là biến xứ.

Nói không hai: Tức các bậc Hiền Thánh không có hai thứ sai biệt của ngã, ngã sở.

Nói vô lượng: Nghĩa là hiện này khắp tất cả.

Do đâu biến xứ chỉ dựa theo hai xứ sắc, xúc để kiến lập? Do hai thứ này cùng với thân tự tha hiện bày có khắp sắc giới, luôn nối tiếp. Sắc của các căn như nhãn v.v. . . chỉ thuộc về tự thân. Hai trần hương, vị không hiện bày khắp tất cả. Âm thanh có gián đoạn, vì thế không nói. Như vậy, các biến xứ có sắc định rõ hậu biên của Sắc giới. Ở trong vô sắc, không hiện hữu khắp hết thảy, nên lập biến xứ. Cảnh nơi đối tượng hành của thức hiện bày khắp tất cả, nên cũng lập biến xứ.

Lại nữa, tu hành quán: Trước ở nơi đối tượng duyên tư duy, thắng giải. Tiếp theo là có thể chế ngự, điều phục. Đã điều phục nên được tự tại. Sau đây, tức ở chỗ hiện hữu khắp tất cả xứ này, theo như điều mong muốn mà tạo thắng giải. Do đó, ba thứ lớp như thế, khéo làm thanh tịnh tám biến xứ của sắc, nên có thể dẫn khởi về thắng giải thần thông của bậc Hiền Thánh cùng các sự thần thông chuyển

biến, như chỗ thắng giải, theo sự chuyển biến đều có thể thành tựu. Lại có thể biến tạo ra các vật như vàng bạc v.v... để sử dụng. Do Thức biến xứ hoàn toàn thanh tịnh, nên có thể dẫn phát các công đức thù thắng của nguyện trí không tranh, vô ngại giải v.v... Do Không biến xứ khéo thanh tịnh, nên tùy theo chỗ mong muốn đều chuyển thành không. Ví như những người thợ vàng, sắt, gốm ở thế gian, lúc đầu nhào trộn với bùn đất v.v... tức chưa khéo điều luyện, bậc giải thoát cũng như thế. Như khéo điều luyện, bậc Thắng xứ cũng vậy. Như đã điều luyện, theo ý muốn mà chuyển biến, bậc Biến xứ cũng như thế.

Lại nữa, ba Tam-ma-địa: Thế nào là Tam-ma-địa không? Nghĩa là xa lìa mọi thứ hữu tình, thọ mạng, sự nuôi dưỡng, sở thủ thú (hữu tình luân hồi qua các nẻo) v.v..., tâm trụ nơi một duyên. Nên biết tánh không lược có bốn thứ:

Thứ nhất: Không của quan sát. Nghĩa là quan sát các pháp không, không thường lạc, cho đến không, không ngã, ngã sở.

Thứ hai: Không của quả kia: Nghĩa là tâm bất động, giải thoát, không có tất cả phiền não như không tham v.v...

Thứ ba: Nội không: Nghĩa là nơi tự thân không. Không có mọi thứ kè chấp hẹp hòi về ngã, ngã sở và ngã mạn v.v...

Thứ tư: Ngoại không: Tức đối với năm dục là không, không có ái dục. Như nói: “Ta đã vượt quá tất cả tướng hữu sắc. Ở nơi ngoại không, thân tác chứng, an trụ đầy đủ”, cho đến nói rộng.

Ở đây, duyên nơi tướng về diệu dục, gọi là sắc tướng. Tướng này đầy khởi việc đoạn trừ tham dục, nên nói là ngoại không.

Lại, về tu hành: Do không của quả kia, nên hoặc lúc tác ý tư duy về ngoại không, hoặc khi tác ý tư duy về nội không. Do không của quan sát, nên hoặc khi tác ý tư duy về nội không. Do không của quan sát, nên hoặc khi tư duy về tánh của nội, ngoại không, nhờ diệu

lực này nên tâm cùng chứng hợp. Giả như ở nơi tánh của nội, ngoại không ấy không chứng hợp, thì nên tác ý tư duy vô động.

Nói vô động: Nghĩa là tướng vô thường, hoặc lại tướng khô. Tư duy như vậy nên không bị ngã mạn v.v... quấy động. Do hành giả không bị các thứ chấp ngã, ngã mạn, cho đến nói rộng, quấy động nơi tâm, nên đối với hai không, tâm đều chứng hợp.

Thế nào là Tam-ma-địa tâm vô nguyện? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn tư duy về vô thường, hoặc tư duy về khô, tâm trụ nơi một duyên.

Thế nào là Tam-ma-địa tâm vô tướng? Nghĩa là đối với các thủ uẩn đã diệt, tư duy về tịch tĩnh, tâm trụ nơi một duyên. Như kinh nói: Tam-ma-địa tâm vô tướng không hạ thấp, không ngẩng cao, cho đến nói rộng.

Thế nào gọi là không hạ thấp không ngẩng cao? Là vì hai tướng thuận nghịch không tương ưng.

Lại, do hai nhân duyên nên nhập định vô tướng: Một là không tư duy về tất cả tướng. Hai là chánh tư duy về cảnh giới vô tướng. Do không tư duy về tất cả tướng, nên đối với các tướng ấy không chán không hoại. Chỉ không gia hạnh tác ý tư duy, nên gọi là không hạ thấp. Ở nơi cảnh giới vô tướng, chánh tư duy, nên đối với phần vô tướng ấy không chấp trước, do đó gọi là không ngẩng cao. Tam-ma-địa này lược có hai thứ: (1) Phương tiện. (2) Quả của phương tiện.

Nói phương tiện: Tức thường xuyên thúc đẩy, cố gắng, xét chọn, an lập đối với các tướng chưa có thể giải thoát. Do tùy theo tướng thức ở trong mọi lúc nhiều loạn tâm, nên hành giả lại phải thường xuyên tự thúc đẩy, tự cố gắng, xét chọn, an lập, mới có thể giữ lấy quả. Giải thoát theo tướng, đối với giải thoát này lại giải thoát, nên không tự thúc giục cố gắng, xét chọn mà trụ, vì thế gọi là cực thiện giải thoát. Nếu thường thúc đẩy cố gắng, xét chọn, an lập, mới có thể trụ, tuy gọi là giải thoát nhưng không phải là khéo giải thoát.

Lại, hiểu rõ về quả, hiểu rõ về công đức: Nghĩa là phiền não được đoạn trừ hoàn toàn, đạt được hiện pháp lạc trụ rốt ráo. Lại nữa, diệt đạo cùng ứng hợp hiểu rõ. Tức hai loại ấy, theo như thứ lớp, gọi là hiểu rõ về quả, hiểu rõ về công đức.

Lại, quả A-la-hán của hiện quán về đế cùng ứng hợp hiểu rõ. Ở trong vị kiến đạo, gọi là hiểu rõ về quả. Ở nơi quả A-la-hán, gọi là hiểu rõ về công đức. Nếu ở xứ này không có vật kia, do đạo lý ấy nên quán là không, do vậy gọi là tánh không, tức đối tượng quán là không, không thể mong nguyện, nên gọi là vô nguyện. Quán như thế là xa lìa hết thảy hành tướng, nên gọi là vô tướng. Do đâu ở đây trước nói về tánh không? Các nơi khác nêu giảng về vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã, sau mới nói về không. Nghĩa là nếu không có vô ngã, thì quán về vô thường, khổ, chung cuộc không thanh tịnh, nên trước cần phải an trụ nơi tướng vô ngã. Từ nơi sự không gián đoạn ấy mới được vô nguyện. Vì thế kinh nói: “Các tướng vô thường, dựa nơi tướng vô ngã mà được an trụ, cho đến nói rộng”. Hành giả, đối nơi vô thường quán vô ngã rồi không sinh khởi mong, nguyện, chỉ nguyện vô tướng, chuyên cầu xuất ly nên ở chỗ không gián đoạn ấy, nêu giảng về vô tướng.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa có tâm có tứ? Nghĩa là Tam-ma-địa tâm tứ tương ưng.

Thế nào là Tam-ma-địa không tâm chỉ có tứ? Tức là Tam-ma-địa chỉ có tứ tương ưng. Đã tu đại phạm rồi, làm Đại Phạm vương.

Thế nào là Tam-ma-địa không tâm không tứ? Nghĩa là Tam-ma-địa, hai thứ tâm tứ đều không tương ưng. Tu tập Tam-ma-địa này, sinh tiếp nơi địa trên, cho đến cõi Hữu đảnh, chỉ trừ các Tam-ma-địa vô lậu.

Thế nào là tướng của Tam-ma-địa không tâm không tứ? Nghĩa là, đối với tâm tứ, tâm sinh trừ bỏ, chỉ do một vị, ở nơi đối tượng duyên bên trong tạo thắng giải. Lại chỉ một vị hiển hiện bình đẳng.

Thế nào là Tam-ma-địa nhỏ? Nghĩa là hoặc do đối tượng duyên, quán nhỏ về một ít sắc. Hoặc do tác ý nên nhỏ. Tin nhỏ, mong muốn nhỏ, thắng giải nhỏ.

Thế nào là Tam-ma-địa lớn? Tức là, hoặc do đối tượng duyên nên lớn. Quán nhiều sắc, nhưng không phải là quán không bên không bờ về các sắc. Hoặc do tác ý nên lớn. Tin bậc trên, mong muốn bậc trên, thắng giải bậc trên, nhưng không phải là tin tưởng, mong muốn, thắng giải không bên không bờ.

Thế nào là Tam-ma-địa vô lượng? Nghĩa là hoặc do đối tượng duyên, nên quán vô lượng vô biên, vô tế các sắc. Hoặc do tác ý, nên tin tưởng, mong muốn, thắng giải đều vô lượng vô biên.

Ở đây, Tam-ma-địa tâm lớn: Nghĩa là nơi dưới một tàng cây, quán tưởng về ánh sáng của chư thiên mà sinh thắng giải, cho đến nói rộng.

Tam-ma-địa vô lượng: Nghĩa là bốn vô lượng.

Thế nào là nơi dưới một tàng cây, quán tưởng ánh sáng của chư thiên, sinh thắng giải? Nghĩa là ở nơi cõi dục đã hết sức chán, hoại, đạt được tĩnh lự thứ nhất. Vì khiến cho định ấy hoàn toàn thanh tịnh, nên lại tu tập phương tiện. Lại nghe chư thiên, thân gắn liền với ánh sáng, bèn tư duy về tướng ánh sáng của thân kia hiện bày khắp dưới một tàng cây, cho đến biên vực tận cùng của đại địa, biển lớn, phát sinh thắng giải. Do Tam-ma-địa càng về sau càng chuyển tăng nên có sai biệt, khiến chỗ sinh khởi có khác nhau.

Thế nào là tác ý được thành chỉ có hai? Nghĩa là tùy theo chỗ sai biệt của thắng giải mà nêu đặt tác ý.

Thế nào là tác ý chỉ có hai thứ làm duyên, tu thành chỉ có hai? Nghĩa là, tức do lực của tác ý ấy, nên nêu bày chỗ tu tập định có sai biệt, thanh tịnh viên mãn chuyển tăng thù thắng.

Thế nào là do tu chỉ có hai thứ làm duyên, hành thành tựu chỉ có hai? Nghĩa là, như nơi chỗ khéo tu định, chuyển tăng thù thắng, như vậy như vậy, thiết lập chỗ chiêu cảm sự sinh có sai biệt.

Thế nào là do hành chỉ có hai thứ làm duyên cho Bồ-đặc-già-la kiến lập chỉ có hai? Nghĩa là do nhân duyên sinh khởi nơi hữu tình, nên thiết lập sự sai biệt về cao thấp, hơn kém.

Hỏi: Ánh sáng của chư thiên nơi hai tỉnh lỵ đều có sai biệt gì?

Đáp: Như ngọc Mạt ni, bên ngoài có ánh sáng, bên trong không có ánh sáng. Thân của tỉnh lỵ thứ nhất cũng lại như vậy. Bên ngoài phóng ánh sáng, bên trong thì không như thế. Ví như ngọn đèn sáng, bên ngoài phát ra ánh sáng, bên trong tự chiếu rõ. Thân của tỉnh lỵ thứ hai cũng như vậy. Hoặc trong hoặc ngoài đều có ánh sáng, do đó kinh nói: “Từ địa kia trở lên, chỉ một thứ thân, chẳng phải nơi địa dưới”.

Lại nữa, thế nào là kiến lập bốn định vô lượng?

Nghĩa là các hữu tình có ba loài: (1) Không khổ không vui. (2) Có khổ. (3) Có vui.

Như thứ lớp ấy, muốn ban cho an lạc, muốn khiến lìa khổ, muốn khiến sự an lạc ấy vĩnh viễn không cùng lìa, nên hành giả tác ý, có bốn thứ, theo như thứ tự ấy, kiến lập bốn loại. Nghĩa là do tác ý ban cho vui, do tác ý nhổ trừ khổ, do tác ý tùy hỷ vui không cùng lìa, kiến lập ba thứ trước. Tức ở nơi ba thứ đó nhằm ban vui v.v... Vì muốn khiến cho hành giả không ưa thích suy xét, mền mọ, nên tác ý không nhiễm ô. Tác ý không nhiễm ô nơi sân hận, tác ý không nhiễm ô nơi tham dục, nên kiến lập xả. Kinh nêu: Do từ cùng hiện hành nơi tâm, cho đến nói rộng.

Tạo lợi ích hiện tiền, nên gọi là từ cùng hiện hành. Tướng tạo lợi ích nên gọi là bạn lành của Từ. Về tướng tạo lợi ích lược có hai

thứ: (1) Muốn lợi ích. (2) Muốn an lạc. Hai thứ tướng ấy là chỗ hiển bày của tất cả vô lượng.

Không oán: Là lia sự ưa thích của ý ác.

Không thù địch: Là lia mọi tranh chấp, trái nghịch hiện có.

Không nã hại: Là lia các sự việc không lợi ích.

Rộng: Là đối tượng duyên rộng lớn.

Lớn: Là tư duy tối thắng về lợi ích an lạc.

Vô lượng: Là quả vô lượng. Như bốn con sông lớn, các dòng chảy xen lẫn ở nhiều nơi.

Khéo tu tập: Là thuần thực tốt bậc.

Như có người hỏi: Các tâm như từ cùng hiện hành v.v... có những tướng gì? Nên đáp: Thắng giải hiện bày khắp, an trụ đầy đủ.

Thắng giải hiện bày khắp: Là thắng giải hiện hữu khắp chốn của ý lạc tăng thượng.

Nghĩa đầy đủ: Là thanh tịnh viên mãn.

An trụ: Là chỗ tu quán hạnh, ngày đêm chuyên chú, lúc nào cũng chuyên chú.

Hỏi: Như kinh nói: Khéo tu tập Từ tốt bậc nơi biến tịnh, cho đến nói rộng. Mật ý của lời nói ấy là gì?

Đáp: Tĩnh lự thứ ba, ở trong các thứ an lạc, thì an lạc của tĩnh lự ấy là tối thắng. Nhớ nghĩ về an lạc đó, tu tập tâm từ, thì từ ấy là bậc nhất, nên nói tu tập từ tốt bậc nơi biến tịnh. Nhớ nghĩ về không xứ, tu tập tâm bi, cũng là bậc nhất.

Do tu bi ưa muốn nhỏ dứt khổ, trong Vô sắc giới xa lia các khổ, đoạn trừ các khổ, nên các khổ kia đều không. Do đó, nhớ nghĩ về Vô biên không xứ, tu tập đẳng chí bi, suy niệm: Sẽ khiến cho tất cả hữu tình có khổ đi đến nơi chốn nương dựa không còn các khổ.

Tu tập định hỷ cũng luôn nhớ nghĩ về Vô biên thức xứ, vui mừng với những an lạc do các hữu tình đạt được, suy niệm: Sẽ khiến cho hết thấy loài hữu tình thọ nhận vô lượng an lạc.

Cũng như thức xứ, nhận thức không hạn lượng, vì thế nhớ nghĩ về thức vô biên xứ, tu tập định hỷ, là bậc nhất, tối thắng.

Tu tập định xả: Cũng luôn nhớ nghĩ về vô sở hữu xứ, suy niệm: Địa của tâm vô lậu nơi vô sở hữu xứ là hậu biên sau rốt, xả này là bậc nhất. Như Bí-sô A-la-hán, tất cả khổ vui, không khổ không vui hiện hành trong quả vị đều không nhiễm ô, sẽ khiến cho hết thấy các loài hữu tình đạt được pháp xả như vậy. Do đấy, nhớ nghĩ về vô sở hữu xứ, tu tập định xả, là bậc nhất.

Như vậy, tất cả đều là Thánh hành, chỉ bậc Thánh mới có thể tu tập nên kinh nêu rõ là giác phần cùng hành.

Lại nữa, thế nào là tu một phần Tam-ma-địa? Nghĩa là ở trong ấy, hoặc chỉ tác ý tư duy về tướng ánh sáng, hoặc chỉ tác ý tư duy về tướng của sắc, mà nhập định. Theo thứ lớp của hai thứ như thế, hoặc biết rõ về ánh sáng, hoặc nhìn thấy các sắc.

Thế nào là tu đủ phần Tam-ma-địa? Nghĩa là cùng tư duy cả hai mà nhập định, cũng biết rõ về ánh sáng, cũng thấy các sắc. Tu tập về định ánh sáng như thế, những khó khăn của định có đến 11 thứ, đó là nghi v.v... như trong kinh đã nói rộng.

Hỏi: Ở đây, cái gì là khó khăn?

Đáp: Tướng của Tam-ma-địa. Tướng có hai loại: Tướng của đối tượng duyên và tướng của nhân duyên, dùng chúng làm chỗ dựa, trụ nơi Tam-ma-địa. Nếu tướng ấy thoái chuyển, tức không thể trụ. Ở đây, đầu tiên, về chỗ hiển hiện tướng các sắc và tướng ánh sáng, nếu không khéo nhận biết rõ, nên biết là có nghi. Phương tiện chậm lại, nên có chẳng tác ý. Như ở nơi các sắc không muốn thấy: Hoặc nhắm mắt, hoặc lại quay mặt. Hành quán này, ở trong các sắc, không

muốn tác ý, cũng lại như vậy. Do không khéo giữ gìn căn môn v.v... nên thân thô trọng, quen ngủ nghỉ nhiều, hoặc thức tỉnh nhiều, liền tăng hôn trầm, thù miên, không thấy các sắc, giả như có thấy cũng không viên mãn. Vì hai sự việc này đã tạo ra công dụng tốt bậc, khiến gắng sức tư duy, nên có sự tinh tấn dũng mãnh thái quá. Do có sự thúc đẩy, cố gắng thái quá mà sai trái, nên trở lại thành thấp kém cùng cực. Như vội vàng nắm giữ, hoặc xua đuổi con chim yển, kẻ kia chỉ xét cầu về tướng ánh sáng. Ở đây so với chỗ thấy sắc, nếu cùng lúc sinh khởi, thì mong một được hai, bèn sinh phần khích quá mức. Cũng như có kẻ tìm được hai kho báu nơi lòng đất, hiện bày khắp các phương, bỗng nhiên cũng thấy hình sắc chẳng lành liền sinh quá sợ hãi. Hoặc như có người thấy hai bên cùng xoay vòng hốt nhiên dậy khởi, người ấy lúc đi hoặc lúc dừng, đối với các sự việc xen tạp nơi thế gian dậy khởi vô số tướng. Các tướng bên ngoài như thế, đối với định là sự khó khăn. Hoặc lại nhân nơi chỗ tu tập định, cho mình là hơn, xem kẻ khác là kém, bèn tự cao ngạo. Như vậy cũng được gọi là vô số tướng. Hoặc nói năng, bàn luận nhiều. Hoặc xét tìm lâu khiến thân mệt mỏi, tâm không được định v.v... Như thế đều là chướng ngại của định.

Nếu khi từ định sinh khởi tướng ánh sáng cùng thấy sắc, liền xả bỏ tác ý nối tiếp của sự tu tập bên trong, nguyện vui thích xem kỹ các sắc nơi bên ngoài, nên sự suy xét tốt bậc này cùng với định là chướng nạn. Các thứ khó khăn như thế, theo chỗ ứng hợp của chúng tạo chướng ngại nơi Tam-ma-địa. Tướng của cảnh nơi đối tượng duyên và tướng nhân duyên, nếu gặp sự thoái thất này thì cả hai, theo thứ lớp của chúng, đều mất.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa cùng hiện hành với hỷ? Nghĩa là các Tam-ma-địa của hai tỉnh lự đầu.

Thế nào là Tam-ma-địa cùng hiện hành với lạc? Tức là các Tam-ma-địa của tỉnh lự thứ ba.

Thế nào là Tam-ma-địa cùng hiện hành với xả? Tức là các Tam-ma-địa của tỉnh lỵ thứ tư trở lên.

Lại nữa, thế nào là tu định, chứng đắc hiện pháp lạc trụ? Đó là, đối với bốn thứ hiện pháp lạc trụ, việc tu định hiện có trong đạo phương tiện và việc tu định hiện có nơi bản địa, các căn chưa được thanh tịnh trắng sạch viên mãn. Vì để làm rõ sự tu tập chưa từng chứng đắc định, do đó Đức Thế Tôn nói đến đạo phương tiện ở trước tỉnh lỵ thứ nhất.

Thế nào là tu định đạt được trí kiến? Nghĩa là các Bí-sô, đối với tướng ánh sáng, ân cần, chu đáo, xem xét kỹ để giữ lấy, như kinh đã nói rộng. Nên biết tại đây có thể phát khởi thiên nhãn, do tu định hiện có nơi đạo phương tiện ở trước. Trong ấy, thiên nhãn, nơi cảnh giới của các sắc, có thể soi chiếu, có thể quán xét, đó gọi là kiến. Có thể nhận biết về chủng loại như thế, danh tự như thế của chư thiên, cho đến nói rộng như nơi kinh Thắng Thiên. Đó gọi là trí.

Thế nào là tu định sinh tuệ phân biệt? Nghĩa là sự tu định hiện có trong đạo phương tiện, hiện quán xét kỹ về hướng, quả Dự lưu. Hoặc là tu tập các pháp vô ngại giải.

Thế nào là tu định dứt hết các lậu? Đó là tu định hiện có trong đạo phương tiện của quả A-la-hán.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa của năm Thánh trí? Nghĩa là đối với ta, Tam-ma-địa này là Thánh, không nhiễm, không chấp, nói rộng như nơi kinh. Ở đây chỉ rõ về hành tướng của năm trí: (1) Trí tự thể. (2) Trí của Bồ-đặc-già-la. (3) Trí thanh tịnh. (4) Trí của quả. (5) Trí của tướng nhập xuất định.

Thánh: Thiện nên gọi là Thánh. Lại, vô lậu nên gọi là Thánh.

Không nhiễm: Là hiển bày tánh của Thánh thiện.

Không chấp: Là hiển bày tánh của Thánh vô lậu.

Chẳng phải là chỗ tiếp cận của hàng phàm phu: Nghĩa là chỗ thân cận của chư Phật và Thánh đệ tử.

Là chỗ tán thán của bậc thông tuệ: Tức chỗ tán thán của các bậc ấy.

Là chư vị đồng phạm hạnh của các bậc thông tuệ, luôn không chê trách: Tức là trong mọi thời gian luôn khen ngợi. Chẳng phải như tĩnh lự thứ nhất v.v... nơi thế gian, là từ bỏ việc tu phương tiện nơi địa dưới. Nên trước dùng tướng tĩnh để xưng tán, nhằm hướng tới việc tu phương tiện của địa trên. Sau thì đem tướng thô để lại chê trách.

Tịch tĩnh: Là chỗ đối trị phiền não đã hoàn toàn vắng lặng.

Vi diệu: Là không còn ái vị phiền não nơi tự địa.

Đạt được đạo an ôn: Là đạo đạt được không còn thoái chuyển.

Chứng tâm một hướng: Là đã đạt được địa không tâm không tứ.

Hiện tại an lạc: Là có thể đạt hiện pháp lạc trụ.

Sau được dị thực vui thích: Là dẫn đến chỗ an lạc của Niết-bàn Vô dư y.

Chánh niệm mà nhập: Là khéo giữ lấy tướng nên có thể nhập Tam-ma-địa, không quên mất.

Chánh niệm mà xuất: Là khéo giữ lấy tướng, nên có thể ra khỏi Tam-ma-địa, không quên mất.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa của năm chi Thánh? Tức là các Bí-sô, đối với nội thân này lìa hỷ lạc sinh, nói rộng như trong kinh.

Lìa hỷ lạc sinh: Là hỷ lạc thuộc về địa tĩnh lự thứ nhất.

Chỗ thấm nhuần: Là chỗ nhuần thấm của hỷ.

Thấm nhuần khắp: Là chỗ thấm nhuần của lạc.

Sung mãn hiện bày khắp: Là phần vị tác ý rốt ráo của gia hạnh.

Vui thích hiện bày khắp: Là phần vị các tác ý ở trước, do trong phần vị ấy cũng có hỷ lạc, luôn đầy khởi gián cách, nhưng không trụ lâu, cũng không viên mãn.

Ở trong thân ấy, không có một phần nhỏ nào mà không sung mãn: Là tại phần vị tác ý của quả cứu cánh thuộc gia hạnh.

Ví như người trí tuệ có thể tầm gội, hoặc đệ tử của vị ấy, nên biết là dụ cho người ta hành quán.

Vật dụng bằng đồng, bằng đất nung, bằng vỏ sò, ốc: Là dụ cho vị lia dục sinh hỷ lạc, nên chỉ dạy, trao truyền, khuyên răn.

Tầm gội nhẹ nhàng, kỹ lưỡng: Là dụ cho khả năng thuận theo sự chỉ dạy kia mà tìm cầu xuất ly.

Nước chảy tràn trề: Nên biết là dụ cho việc tìm cầu đạo thanh tịnh.

Tầm gội, nương dựa: Là dụ cho thân.

Mang theo vẻ trơn nhuận: Là dụ cho hỷ hòa hợp.

Chỗ thuận theo trơn nhuận: Là dụ cho lạc hòa hợp.

Hiện hữu khắp trong ngoài: Là dụ cho hỷ lạc hòa hợp, không có chút gián đoạn.

Không mạnh: Là dụ cho không tán động.

Không yếu: Là dụ cho không nhiễm ô, cũng không ái vị.

Lại, nơi dụ thứ hai có sai biệt: Núi là dụ cho đỉnh không tầm tứ. Đỉnh nhọn là dụ cho tĩnh lự thứ hai không tầm không tứ, chỉ một vị thắng giải nơi cảnh của đối tượng duyên. Suối là dụ cho các chi tịnh ở bên trong.

Trục nước: Là dòng nước chảy xuôi bên cạnh.

Dải nước: Là nước ở trên cao vọt ra.

Hai thứ dụ này, như thứ lớp của chúng, hiển bày các câu hỷ lạc thâm nhuần. Như trước đã giải thích.

Không gì là không sung mãn: Nên biết là dụ cho sự tương ưng không gián đoạn.

Lại, nơi dụ thứ ba có sai biệt: Như ớt bát la v.v... là lạc của lia hỷ. Pháp tương ưng ấy cùng với thân của chỗ dựa, nên biết cũng vậy. Nước là dụ cho định không tâm tứ, lia hỷ, vì hỷ phát khởi sự phấn khích quá mức, do không có hỷ ấy, nên dụ cho thai tạng của hoa còn chìm trong nước.

Lại, nơi dụ thứ tư có sai biệt: Tâm thanh tịnh: Tức cùng với sự thanh tịnh của niệm xả tương ưng, vượt quá những tai họa nơi Địa dưới.

Trắng sạch: Tức tánh là thiện, phiền não của tự địa không còn ái vị. Vì sao lại dùng trường giả làm dụ? Là do chỗ tạo tác của vị đó đều xét đoán đầy đủ, không phóng dật, tư duy, trừ tính, quán xét đều thù thắng, nơi môn tăng giám, không gì là không nhận biết. Người chứng đắc tĩnh lự thứ tư thanh tịnh cũng lại như vậy. Phạm có chỗ hành trì đều xét kỹ viên mãn, không có các phóng dật. Đối với hết thảy nghĩa lý đều biết rõ, tánh lạnh lợi mãn tiệp.

Tám kinh, chín kinh dùng làm dụ: Do chắc chắn, kín đáo, làm rõ là các loại ruồi muỗi v.v... không thể xâm hại. Đầu chân được che kín: Nếu có hai lỗ che có thể bị xâm hại. Đó là áo mỏng và có chỗ lộ ra ngoài. Nay ở đây nêu rõ hai lỗ đều không. Định ấy cũng vậy. Nội tâm thanh tịnh, trắng sạch hiện bày khắp, mọi thứ tán động đều không thể xâm hại, có thể nhận chịu nóng lạnh, cho đến những lời mắng nhiếc thô ác của kẻ khác và vô số khổ thọ trong thân.

Lại, nơi dụ thứ năm có sai biệt: Nơi tướng của đối tượng quán ân cần, chu đáo v.v..., nên biết đã giải thích như trước. Tức là quán xét kỹ về các hành của ba đời. Lại nữa, quán xét đối với chủ thể quán, ở đây là nghĩa tổng quát.

Những gì gọi là Tam-ma-địa bậc Thánh? Thế nào là kiến lập năm chi sai biệt? Nghĩa là tâm tánh một cảnh của các Hiền Thánh hiện có trong bốn tĩnh lự, cùng sự an lập quán sát xét kỹ. Như thế gọi là Tam-ma-địa bậc Thánh. Dựa nơi bốn thứ hiện pháp lạc trụ, để kiến lập bốn chi. Dựa vào sự quán xét kỹ về pháp duyên khởi, lại nhằm đoạn trừ các thứ trói buộc còn sót lại, nên kiến lập chi thứ ba. Nên biết, do hai nhân duyên này mà kiến lập năm chi.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa có nhân, có đủ Thánh chánh? Phải biết là thiện, cùng vô lậu, nên gọi là Thánh. Có năm đạo chi gọi là nhân của định ấy. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Có đủ ba thứ, là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm. Ở đây, Đức Bạc-già-phạm đã nêu bày tổng quát. Bảy đạo chi trước, cùng với Tam-ma-địa Thánh chánh là nhân, đầy đủ. Theo chỗ ứng hợp của chúng, nên biết là có sai biệt. Tức là do nghĩa thứ lớp của sự dẫn dắt ở trước, nên lập năm chi làm nhân. Đối với Tam-ma-địa là nghĩa hỗ trợ, nên lập ba chi làm đủ.

Thế nào là nghĩa thứ lớp nơi sự dẫn dắt trước của chánh kiến v.v...? Tức là, trước hết nhận biết rõ nơi thế gian thật có bậc A-la-hán chân chính, chánh hành, chánh chí, nên đối với sự xuất ly sinh khởi ưa muốn sâu xa, đạt được chánh kiến. Tiếp theo lại tư duy: Vì sao phải xuất ly khỏi sự bức bách của gia đình, cho đến nói rộng. Từ đây xuất gia thọ học giới luật, tu trị thọ mạng thanh tịnh. Đó gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Ở đây, chánh kiến v.v... là sự đối trị năm thứ như tà kiến v.v... vẫn chưa có thể đoạn trừ, tức trở lại dựa vào năm pháp thiện này, nghe âm thanh từ người khác, lần lượt phát sinh chánh kiến của văn tuệ, vì nhằm đoạn trừ các pháp được đối trị. Lại, để tu tập tư lương của đạo, nên tạo phương tiện quán sát. Tiếp theo, dựa nơi văn tuệ, phát sinh tư tuệ. Lại dựa vào tư tuệ, phát sinh tu tuệ. Do chánh kiến ấy, đối với các tà kiến, nhận biết rõ như thật đây là tà kiến. Đối với các chánh kiến, nhận biết rõ như thật đây

là chánh kiến, cho đến chánh mạng, nhận biết đúng như thật rồi, vì nhằm đoạn trừ tà kiến v.v... và làm viên mãn chánh kiến, nên phát khởi siêng năng tinh tấn. Hoặc do đây nên có thể đoạn trừ chỗ được đối trị, tập hợp pháp của chủ thể đối trị, khiến cho chánh kiến được viên mãn, đây gọi là chánh niệm. Niệm này tức là một phần của Tam-ma-địa, nên cũng gọi luôn là Tam-ma-địa chánh. Hoặc là trong lúc xả bỏ tà kiến v.v..., khiến không còn sinh trở lại, tu tập chánh kiến khiến được viên mãn. Tức ở trong đạo phương tiện như thế, cũng có thể dứt bỏ niệm tinh tấn tà vạy, có thể gồm tu đầy đủ niệm chánh tinh tấn. Hoặc vào lúc này, đối với các pháp kia, có thể đoạn trừ, có thể làm viên mãn, tức vào lúc ấy, Tam-ma-địa Thánh chánh cũng được viên mãn. Trong ấy, do tuệ đứng đầu, dẫn đường, đối với giới tăng thượng, trước hết là tự ở yên, tiếp theo là nghe âm thanh của người khác, tác ý như lý, cùng giới học tăng thượng, cả hai làm chỗ dựa, ở trong đạo phương tiện, phát sinh Tâm học tăng thượng và Tuệ học tăng thượng. Ở đây, chánh niệm gọi là Tâm học tăng thượng. Chánh kiến, chánh tinh tấn gọi là Tuệ học tăng thượng. Ba học như thế, lúc tu tập Tam-ma-địa Thánh chánh, đều được viên mãn.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa Kim cang dụ? Tức là Tam-ma-địa của sự tu học sau cùng. Tam-ma-địa này là bậc nhất hơn hết, là tối tôn tối thắng, hết sức bền chắc, không có thứ phiền não nào có thể hủy hoại được, nhưng có thể phá trừ tất cả các thứ phiền não. Vì thế định này gọi là Kim cang dụ. Ví như Kim cang, tánh bền chắc, các thứ mạt ni không thể xuyên thủng, lại có thể xuyên thủng hết thầy báu mạt ni. Định này cũng như thế, nên dụ cho Kim cang.

Lại nữa, thế nào là năm Tam-ma-bát-đề hiện thấy? Nghĩa là các vị Bí-sô, đối với thân này v.v... nói rộng như kinh.

Đã thấy đề: Tức tu đẳng chí này, do đây gọi là đẳng chí hiện thấy. Là các thứ phiền não do tu đạo đoạn trừ, được đối trị điều phục, đối trị đoạn dứt cùng quán xét đoạn trừ, nên biết ở đây là tóm lược

chung về thể tánh. Đầu tiên là quán bất tịnh, theo phương tiện niệm trụ, dùng làm chỗ dựa, vì khiến dục tham không hiện hành, nên quan sát nội thân có vô số làm chỗ dựa, cho đến quan sát về tướng xương khô nơi con người, nhằm khiến cho tham dục không hiện hành. Quan sát nơi thân này có vô số thứ bất tịnh, nên biết như đây gọi là quan sát đầy đủ tất cả sự bất tịnh.

Thấu đạt tốt cùng: Là quán về các tướng xanh bầm, sinh trưởng v.v... thứ lớp theo từng phẩm loại, với nghĩa vượt hẳn mức độ cùng cực. Quán bất tịnh thứ nhất, quan sát về nội thân hiện tiền an trụ nơi vô số bất tịnh. Quán bất tịnh sau, thông đạt về pháp tánh, quan sát thân này có pháp như thế, có tánh như thế, cho đến nói rộng.

Quán thức lưu chuyển: Là quan sát thức này sinh diệt nối tiếp, hoặc quán sinh thân, lần lượt tương tục. Nghĩa là quan sát thô hành duyên nơi thức v.v... Hoặc quán nơi sát-na lần lượt nối nhau. Tức là quan sát vi tế, như có tâm tham, lìa tâm tham với các phẩm loại sai biệt. Thấm thoát ngày qua đêm đến, từng sát-na, lạp phục, mâu hô lật đa, trong khoảng thời gian đó, không phải chỉ một số nhiều mà là vô số tâm thức sinh diệt đổi khác.

Quan sát bậc hữu học, vị chưa lìa dục, cùng trụ nơi hai đời. Vị đã lìa dục, chỉ trụ nơi đời khác, quả A-la-hán đều không chỗ trụ. Như thế gọi là quan sát việc đoạn trừ nơi đẳng chí thắng xứ, đẳng chí biến xứ, như trước đã nói.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-bát-để vô tướng? Nghĩa là hành giả đã lìa dục của cõi Biến Tịnh, nhưng chưa lìa dục nơi cõi trên, nên trước hết tác ý cầu tướng xuất ly, các tâm, tâm pháp đều vắng lặng.

Hỏi: Dùng phương tiện gì để nhập đẳng chí này?

Đáp: Quán xét tướng như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, nhập tĩnh lự thứ tư, tu tác ý từ bỏ tướng, ở trong chỗ sinh khởi vô số tướng, chán bỏ mà trụ, chỉ cho tịch tĩnh vô tướng là vi diệu, ở nơi vô

tướng giữ tâm để trụ. Như thế, dần dần lia các đối tượng duyên, tâm trở nên vắng lặng. Ở trong sự sinh ấy, cũng nhập cũng khởi. Nếu sinh nơi tĩnh lự kia thì chỉ nhập không khởi. Tướng ấy nếu sinh liền từ nơi tĩnh lự kia diệt mất.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-bát-để diệt tận? Nghĩa là hành giả đã lia dục của cõi vô sở hữu xứ, trước hết là tác ý, tướng tạm an trụ, các tâm, tâm pháp đều vắng lặng.

Hỏi: Dùng phương tiện gì để nhập đẳng chí này?

Đáp: Nếu các bậc Thánh đã lia dục nơi vô sở hữu xứ, hoặc dựa nơi tướng của phi tướng phi phi tướng xứ để nhập định, hoặc dựa vào tướng diệt tận để nhập định. Nếu dựa nơi tướng của phi tướng phi phi tướng xứ mà nhập định: Tức đối với tâm trên đây, sinh khởi sự chán bỏ sâu xa, nẻo tiến tới đối tượng duyên của phi tướng phi phi tướng xứ đều diệt tận, tâm liền tịch tĩnh.

Nếu dựa vào tướng diệt tận để nhập định thì cũng lại như thế. Lúc sắp hướng nhập định diệt tận, có hai thứ pháp, phần nhiều đều thực hiện, là Xa-ma-tha (chỉ) và Tỳ-bát-xá-na (quán). Thế nào là Xa-ma-tha? Thế nào là Tỳ-bát-xá-na? Vì sao hai pháp này phần nhiều đều thực hiện? Tức ở trong nghĩa ấy, tám định thứ lớp gọi là Xa-ma-tha. Thánh tuệ hiện có gọi là Tỳ-bát-xá-na. Nơi hai pháp này, nếu thiếu một thứ tức không thể nhập đẳng chí diệt tận, nên cần đủ cả hai thì mới có thể hướng nhập. Do đó, hai pháp ấy hầu hết đều được sử dụng.

Hỏi: Lúc nhập định diệt tận, thế nào là theo thứ lớp diệt ba loại hành?

Đáp: Ở đây có hai loại: Đó là lúc hành, lúc trụ. Nếu vào lúc hành, cũng đầy khởi ngôn thuyết, ở nơi tĩnh lự thứ nhất có tác dụng này, vì có ngữ hành. Nếu vào lúc trụ thì từ tĩnh lự thứ hai trở lên, do lực của định thứ lớp, ba loại hành kia theo thứ tự mà diệt. Nên biết khi xuất định, do thứ lớp nghịch, theo đầy mà khởi.

Hỏi: Trong định diệt tận, các tâm tâm pháp đều cùng diệt tận, vì sao nói thức không lìa nơi thân?

Đáp: Do các sắc căn không biến hoại, trung hữu có thể giữ lấy chủng tử của chuyển thức, thức A-lại-da không diệt tận, nên về sau các pháp kia từ đây được sinh.

Hỏi: Lúc nhập định diệt tận không có phân biệt: Ta sẽ nhập định, ta sẽ xuất định. Chính lúc ở tại định, tâm vắng lặng, xa lìa gia hạnh. Khi sắp xuất định, tâm trước đã diệt, cũng không tác ý, vậy sao có thể nhập? Có thể xuất?

Đáp: Trước tiên, nơi tâm kia đã khéo tu trị, nếu có các hành, các trạng thái, các tướng, thì có thể nhập nơi định, có thể xuất định. Vì đối với việc tu tập tâm là tu tập rất nhiều, do sự tu tập đó nên tự nhiên có thể nhập, tự nhiên có thể xuất.

Hỏi: Vì sao nói lúc xuất định diệt tận, tiếp xúc có ba loại xúc: Một là xúc bất động. Hai là xúc vô sở hữu. Ba là xúc vô tướng.

Đáp: Nghĩa là lúc xuất định, phần nhiều do ba cảnh mà xuất: Một là do cảnh của hữu. Hai là do cảnh của cảnh. Ba là do cảnh diệt. Do ba cảnh này, vào lúc xuất định, như thứ lớp của chúng, tiếp xúc với ba thứ xúc. Duyên nơi cảnh của hữu mà lúc xuất định không có ngã mạn quấy động nơi tâm. Tức cho đây là ngã mà khởi ngã mạn, hoặc cho vị lai ngã sẽ có, cho đến nói rộng. Vì thế nói xúc ấy là xúc bất động.

Duyên nơi cảnh của cảnh, nên lúc xuất định, không hiện có tham, không hiện có sân, không hiện có si, nên nói xúc này là xúc vô sở hữu. Duyên nơi cảnh diệt, nên lúc xuất định, đối với tất cả tướng không tư duy, chỉ duyên với cảnh giới vô tướng. Do đó nói xúc này là xúc vô tướng.

Như vậy là đã nói xong về đẳng trì, đẳng chí, tĩnh lự giải thoát.

HẾT - QUYỂN 12

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 13

Địa thứ 6: ĐỊA TAM MA HÝ ĐA, phần 3 (Phần Bản Địa)

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô các ông nên ưa thích chốn vắng lặng, siêng năng tu tập hạnh quán”. Nội tâm an trụ nơi chánh Xa-ma-tha: Nghĩa là có thể xa lìa tâm tham vương nơi ngoại cụ. Hoặc ở chốn vắng lặng, hoặc ngồi bên gốc cây, buộc niệm vào hiện tiền, cho đến nói rộng, gọi là ưa thích chốn vắng lặng. Nên biết câu này là hiển bày về thân xa lìa. Nếu có thể ở trong chín thứ trụ tâm, như vậy gọi là nội tâm an trụ nơi chánh Xa-ma-tha. Nên biết câu này là hiển bày về tâm xa lìa. Nếu ưa thích ở nơi vắng lặng, nên có thể dẫn phát nội tâm an trụ nơi chánh Xa-ma-tha. Nếu nội tâm an trụ nơi chánh Xa-ma-tha, nên có thể dẫn phát Tỳ-bát-xá-na. Nếu ở nơi Tỳ-bát-xá-na khéo tu tập rồi, tức có thể dẫn phát, ở trong các pháp biết rõ như thật.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô các ông, đối với Tam-ma-địa phải siêng năng tu tập vô lượng, luôn thuận theo, trụ nơi chánh niệm. Tức là, trước nêu tổng quát: Đối với Tam-ma-địa siêng năng tu tập rồi, sau đó dùng ba sự để hiển bày riêng về tướng tu tập.

Vô lượng: Nghĩa là bốn vô lượng.

Luôn thuận theo: Là thường có chỗ tạo tác, và đều thuận theo chỗ tạo tác nên gọi là luôn thuận theo.

An trụ nơi chánh niệm: Là hiển bày về bốn niệm trụ, an trụ nơi tâm ấy.

Vì sao nêu ba thứ tướng tu tập đó? Nghĩa là dựa vào hai thứ viên mãn: Một là viên mãn thế gian. Hai là viên mãn xuất thế gian.

Do tu vô lượng nên có thể dẫn phát việc viên mãn thế gian. Do tu chánh niệm nên có thể dẫn phát viên mãn xuất thế gian. Luôn thuận theo tu tập, nên đối với hai thứ ấy mau được thông đạt, do nhân duyên này nên ở trong hai thứ viên mãn ấy để nêu bày. Vì vậy chỉ nói ba loại tướng tu tập.

Lại nữa, vô lượng là hiển bày nẻo tu tập Xa-ma-tha. Trụ nơi chánh niệm là hiển bày nẻo tu tập Tỳ-bát-xá-na. Luôn thuận theo là hiển bày về hai nẻo tu tập ấy mau chóng chứng đạo.

Lại nữa, vô lượng là làm rõ hành hướng tới phước đức. Trụ nơi chánh niệm là làm rõ hành hướng đến Niết-bàn. Luôn thuận theo là làm rõ hành hướng tới hai thứ kia mau chóng viên mãn. Trước, đối với Xa-ma-tha khéo tu tập rồi, sau mới được cùng hiện hành với Tỳ-bát-xá-na, tu hai thứ Tam-ma-địa ấy nên nhận biết rõ như thật về cảnh giới của đối tượng nhận thức.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Người tu tĩnh lự, hoặc có đẳng trì thiện xảo, chẳng phải là đẳng chí thiện xảo, nói rộng như nơi kinh”. Tụng Ôn-đà-nam nêu: Thế nào là đẳng trì thiện xảo? Nghĩa là đối với ba Tam-ma-địa không v.v... đạt được thiện xảo.

Thế nào gọi là không phải đẳng chí thiện xảo? Đó là đối với các đẳng chí thắng xứ, biến xứ, diệt tận không đạt được thiện xảo.

Thế nào là đẳng chí thiện xảo, không phải đẳng trì thiện xảo? Nghĩa là đối với mười thứ đẳng chí biến xứ và đẳng chí vô tướng, hoặc nhập hoặc xuất đều đạt được thiện xảo, không phải là đối với ba thứ Tam-ma-địa.

Thế nào là cùng đạt được thiện xảo? Tức là đối với cả hai loại đó cùng đạt thiện xảo?

Thế nào là cùng không đạt được thiện xảo? Tức là đối với cả hai loại đó đều cùng không đạt thiện xảo.

Như vậy, trong chỗ nói về đẳng trì đẳng chí ở trước, theo nẻo ứng hợp, nên khéo kiến lập.

Lại, nói đẳng trì thiện xảo, không phải đẳng chí thiện xảo: Nghĩa là đối với danh cú văn thân của đẳng trì khéo nhận biết chỗ sai biệt, không phải đối với các hành tướng trạng thái sai biệt để có thể nhập đẳng chí.

Thế nào là đẳng chí thiện xảo, không phải là đẳng trì thiện xảo? Nghĩa là như có một hành giả khéo nhận biết về các hành tướng, trạng thái để có thể nhập theo một đẳng chí. Cũng có thể hiện nhập, nhưng không khéo nhận biết tướng sai biệt nơi danh cú văn thân của Tam-ma-địa ấy. Cũng không thể nhận biết ta đã được nhập đẳng trì sai biệt như vậy như vậy.

Có các Bồ-tát, tuy có thể nhập được hoặc trăm hoặc ngàn các Tam-ma-địa, nhưng không nhận biết rõ về danh cú văn thân của Tam-ma-địa ấy. Cũng không thể nhận biết ta đã được nhập các đẳng trì sai biệt như vậy như vậy, cho đến chưa từng ở chỗ của chư Phật được nghe, và đối với điều ấy đạt được cứu cánh bậc nhất. Ngay nơi chỗ của các Bồ-tát, cũng chưa được nghe rõ, hoặc tự chứng đắc cứu cánh bậc nhất.

Thế nào là trụ? Tức là khéo giữ lấy các hành tướng, trạng thái để có thể nhập Tam-ma-địa. Do khéo giữ lấy chúng, nên tùy chỗ mong muốn có thể trụ nơi định, đối với Tam-ma-địa không còn thoái thất. Như vậy, hoặc trụ nơi định hoặc không thoái thất, cả hai cùng gọi là trụ.

Thể nào là xuất? Nghĩa là như có một hành giả, đối với các hành tướng, trạng thái để có thể nhập định, không tư duy nữa, ở nơi địa chẳng phải định phân biệt địa định thuộc về thể tướng không đồng với pháp cùng loại, tác ý tư duy, xuất nơi Tam-ma-địa, hoặc theo chỗ tạo nhân, hoặc định rõ chỗ tạo nhân, hoặc hẹn chỗ tạo nhân mà xuất định.

Theo chỗ tạo nhân: Là tu trị các chỗ tạo nghiệp của y, bát v.v...

Định rõ chỗ tạo nhân: Là ăn uống tiện lợi, phụng hành những chỗ tạo nghiệp của các bậc sư trưởng v.v...

Hẹn chỗ tạo nhân: Nghĩa là như có một hành giả trước lập sự hẹn ước, hoặc chấp thuận là kẻ khác sẽ có chỗ tạo tác, hoặc lại vì muốn chuyển nhập định khác. Do nhân duyên ấy nên xuất Tam-ma-địa.

Những gì là hành? Nghĩa là như nơi đối tượng duyên tạo vô số hành mà nhập định. Tức là các hành: thô, tịch tĩnh, bệnh, ung nhọt, mũi tên, vô thường v.v... Hoặc là các hành hiện có ở trong các Tam-ma-địa ấy.

Những gì là trạng thái? Tức là vào lúc sắp nhập các định, liền có tướng trạng của định ấy dấy khởi trước. Do tướng trạng đó nên hành giả tự biết rõ ta ở nơi định có tướng như vậy như vậy không lâu nữa sẽ nhập. Hoặc lại chánh nhập, vị sư giáo thọ kia do trạng thái ấy cũng nhận biết rõ hành giả chẳng bao lâu nữa sẽ nhập nơi định, với tướng như vậy như vậy.

Những gì là tướng? Tức là hai thứ tướng: (1) Tướng của đối tượng duyên. (2) Tướng của nhân duyên.

Tướng của đối tượng duyên: Là phân biệt về thể, do duyên nơi ấy nên có thể nhập các định.

Tướng của nhân duyên: Là tư lương của định, do nhân duyên này, nên có thể nhập các định. Nghĩa là tùy thuận chỗ dạy khuyên

trao truyền về định, tích tập tư lương nơi đối tượng hành của các định, tu tập cùng hiện hành với tâm mong muốn chán lìa hữu ở nơi loạn, chẳng loạn đều xét kỹ, nhận biết rõ, và không bị kẻ khác bức nã, hoặc do người tạo tác, hoặc do hàng phi nhân gây tạo, hoặc do âm thanh gây tạo, hoặc do công dụng gây tạo.

Thế nào là điều hòa thiện? Nghĩa là nếu Tam-ma-địa còn là chỗ chấp của hữu hành, như nước bị giữ lại. Hoặc là chỗ nắm bắt của pháp tánh, không tĩnh không diệu, không phải là đạo an ổn, cũng không phải là chứng đắc tâm tánh một cõi, Tam-ma-địa ấy gọi là không điều hòa thiện, không tùy chỗ ưa thích an ổn mà trụ. Cùng trái với trường hợp này gọi là điều hòa thiện.

Thế nào còn là chỗ nắm giữ của hành hữu? Tức do thệ nguyện cùng hiện hành với tư duy, nên điều phục ngoại duyên, giữ tâm nơi định. Lại, chính là do công dụng ở nơi tác ý mới có thể vận hành, không khiến nội tâm lưu tán nơi bên ngoài, nên nói như nước bị giữ lại.

Thế nào là chỗ nắm bắt của pháp tánh? Nghĩa là quán địa dưới là pháp tánh thô, quán địa trên là pháp tánh tinh, tịch tĩnh vi diệu, đắc đạo an ổn. Lại có thể chứng đắc tâm tánh một nẻo, như trong Tam-ma-địa năm Thánh trí đã giải thích tóm lược.

Thế nào là đối tượng hành? Tức là cảnh giới nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa. Do định đạt được, nếu vượt quá chỗ ấy trở lên thì không thể nhận biết. Như tĩnh lự thứ nhất không thể quán thấy tĩnh lự thứ hai. Như dung lượng của căn, dung lượng của sở thủ thú cũng không thể nhận biết.

Thế nào là dẫn phát? Tức có thể gồm thâu tóm lược nghĩa văn cú rộng khắp, cùng có thể thành tựu các công đức thù thắng.

Thế nào là cùng yêu thích? Nghĩa là có hổ thẹn, kính tin, chánh tư duy, chánh niệm, chánh tri, giữ căn, giữ giới và không hối, lạc là

sau cùng. Do tùy thuận nơi lạc nên tâm liền được định. Trái với đây, gọi là không cùng yêu thích.

Thế nào là cùng yêu thích cũng không cùng yêu thích? Nghĩa là như có một hành giả, đối với các thứ hổ thẹn v.v... chỉ thành tựu một phần nhỏ, phần ít không thành tựu, tức có đủ hổ thẹn nhưng không ái kính, cho đến nói rộng.

Thế nào là tăng thêm? Tức là chỗ định đạt được, lại chuyên biến tăng trưởng.

Thế nào là giảm bớt? Tức là chỗ định đạt được trở lại thoái chuyển.

Thế nào là phương tiện? Là hướng đến hai nẻo chi, quán kia.

Lại, chi, cử xả, nên biết như trước trong phần tướng của chi, đã phân biệt đầy đủ.

Lại nữa, như kinh Phân Biệt về tĩnh lự nói: Có người tu tĩnh lự, tức ở chỗ hưng phấn v.v... gọi đó là suy, cho đến nói rộng.

Ở đây có bốn chuyên, nên biết về hai thời điên đảo. Tức đối với Tam-ma-địa, hoặc lúc thoái đọa, hoặc lúc thắng tấn. Hướng tới thoái thất cùng thoái thất, đều gọi là suy. Hướng đến nẻo thắng tấn cùng với thắng tấn, đều gọi là hưng.

Thế nào gọi là nên biết nơi Tam-ma-địa, lúc thắng tấn là điên đảo? Hành giả cho là ta nay thoái thất ly sinh hỷ lạc, ta nay thoái thất Tam-ma-địa thù thắng? Tức người tu tập tĩnh lự, siêng năng hành trì, tâm hướng đến tịch tĩnh theo hành xả, nên từ tĩnh lự thứ nhất nhập phần gần của tĩnh lự thứ hai, nhưng sự việc này không khéo biết rõ, nơi bậc tĩnh lự thứ nhất trong quả vị ấy, hỷ lạc đã vượt qua, còn trong bậc tĩnh lự thứ hai, hỷ lạc vốn có vẫn chưa thể chứng đắc, liền khởi suy nghĩ: Hiện đang thoái thất ly sinh hỷ lạc, bèn trở lại theo sự thoái thất ấy thâm giữ lấy tâm. Nên biết người tu tĩnh lự như thế là tâm điên đảo.

Thế nào là nên biết nơi Tam-ma-địa, lúc thoái chuyển, là điên đảo? Nghĩa là như có một hành giả chứng đắc tinh lự thứ nhất, cho là Niết-bàn, nên tích tập tư lương. Vị ấy, đối với Niết-bàn, chỗ tu tập về tư lương đã được viên mãn. Do nhân duyên này, hoặc do công dụng, hoặc lại tự nhiên khởi tướng như vậy, tác ý hiện tiền. Vì tác ý tướng như thế, nên ở trong các sắc, cho đến trong thức đều nhận biết rõ chúng như bệnh cho đến vô ngã. Do tác ý tướng như vậy, từ nhân không gián đoạn ấy, chỗ sinh hỷ lạc nơi định thể gian không hiện tiền nữa, liền suy nghĩ: Ta nay thoái thất chỗ sinh lợi ích và chỗ nương dựa của định, bèn trở lại theo sự thoái thất đó thâm giữ nơi tâm. Nên biết người tu tinh lự như vậy, đối với sự thoái thất Tam-ma-địa, là điên đảo.

Thế nào là nên biết, đối với sự thoái thất Tam-ma-địa không điên đảo? Nghĩa là như có một hành giả chứng đắc tinh lự thứ nhất, liền sinh biết đủ, không cầu tiến lên quả vị trên, chỉ khởi ái vị. Vì khởi như thế nên dục cùng hiện hành với tác ý tướng, bèn thành thoái thất nơi định gần Dục giới. Vị ấy đối với sự suy này có thể biết rõ là suy. Do nhân duyên này nên biết là không điên đảo.

Lại, do phân định của tinh lự đạt được tự đề cao mình, chê kẻ khác, cho là ta đạt được định của tinh lự này, chẳng phải là kẻ khác đạt được. Vì đây khởi như thế, nên dục cùng hiện hành với tác ý tướng, mọi thứ ngăn che trói buộc hiện có càng thêm tăng, dày, bèn từ định thoái chuyển, vị ấy ở nơi suy này có thể biết rõ là suy.

Lại, do đem các định của tinh lự đạt được, hiển bày nơi kẻ khác, cho là các bậc quốc vương cùng vương thân v.v... nên cúng dường mình. Từ định khởi rồi, tìm xét sự việc ấy, do dục cùng hiện hành với tác ý tướng như thế, nên mọi thứ ngăn che trói buộc hiện có càng thêm tăng, dày, phần còn lại như trước đã nói.

Nên biết người tu tinh lự như vậy, đối với sự thoái thất Tam-ma-địa là không điên đảo. Nên biết về tướng của lần không điên

đảo thứ hai là ngược lại với lần không điên đảo thứ nhất. Nên biết về tướng của hai lần không điên đảo ấy cũng ở nơi hai thời gian. Do dựa vào xứ điên đảo không điên đảo như vậy mà an lập bốn chuyển.

Lại nữa, như trong kinh Phân Biệt bốn định kiểm hành, do bốn thứ tướng nên xem xét về hành nơi tất cả Tam-ma-địa. Tức xem đẳng trì này là thuận phần thoái chuyển, cho đến đây là thuận phần quyết trạch.

Thế nào là xem xét về hành? Tức xem đây là phần kém, đây là phần hơn, đây là phần thù thắng, đây là phần tối thắng, như thứ lớp của chúng. Đây lại là thế nào? Nghĩa là người tu tập định, từ tĩnh lự thứ nhất, trở lại thoái xuất rồi, đối với các tĩnh lự không vui thích nhập nữa, cũng không tư duy về hành, trạng, tướng, nhưng dục cùng hiện hành với tác ý các tướng thì luôn hiện tiền, như đã nói ở trước. Từ nơi định kia khởi rồi, theo niệm ái vị, nên lúc này người tu tĩnh lự phải tự xem xét về hành: Tam-ma-địa của mình nay thành thoái thất, thua kém.

Lại nữa, người tu định, từ nơi tĩnh lự thứ nhất thoái chuyển, xuất rồi được nghe chỉ dạy pháp thuận theo định ấy. Tức là các hành, tướng, trạng thái của tĩnh lự thứ nhất, nên ân cần chu đáo khéo giữ lấy tướng, khiến cho chỗ định đạt được trụ vững không quên. Như vậy, theo niệm thuận nơi pháp của định, thành thuận phần trụ nên bấy giờ, phải tự xem xét về hành: Tam-ma-địa của ta đã thành phần thắng, Tam-ma-địa của ta đã được an trụ, chẳng phải là thoái, chẳng phải là tiến, chẳng phải là hướng tới chỗ quyết trạch.

Lại nữa, người tu tĩnh lự, từ nơi tĩnh lự thứ nhất trở lại thoái xuất rồi, được nghe pháp dạy trao về sự tùy thuận nơi tĩnh lự thứ hai. Đã được nghe rồi thì đạo tĩnh lự thứ hai cùng hiện hành với tác ý các tướng, thường xuyên hiện tiền, nên lúc này phải tự xem xét về hành: Tam-ma-địa của ta đã thành thù thắng, không thoái không trụ, chỉ là thắng tấn, không phải là hướng tới quyết định.

Lại nữa, người tu định, từ nơi tĩnh lự thứ nhất trở lại thoái xuất rồi, nghe giáo pháp tương ưng với tướng của Khổ đế v.v... Đã được nghe xong, Khổ đế v.v... cùng hiện hành với tác ý các tướng thuận phần quyết trạch, luôn luôn hiện tiền, nên bây giờ phải tự xem xét về hành: Tam-ma-địa của ta đã thành tối thắng, không thoái không trụ, cũng không thắng tấn, nhưng hướng tới quyết trạch.

Lại nữa, như kinh nói: Có nhãn (mắt) có sắc, cho đến có ý có pháp, nhưng các Bí-sô đối với những pháp này, hoặc thật hoặc có, đều không lãnh nhận, hãy còn không thọ nhận tướng, hướng chi là vô tướng. Đây lại là thế nào?

Nghĩa là các Bí-sô, ở nơi tĩnh lự thứ nhất, an trụ đầy đủ. Do nhân duyên ấy nên chán bỏ nhãn sắc cho đến ý pháp. Vì chán hoại nên uy lực bị đoạt mất, bèn ở trong nhãn không có tướng về nhãn - nhưng có tướng kia, cho đến đối với pháp không có tướng về pháp - nhưng có tướng kia. Thế nào là có tướng? Nghĩa là ở nơi nhãn v.v... tác ý tư duy là khổ là tập, hoặc là bệnh v.v... Vì ấy đối với các pháp không thọ nhận tự tướng, như vậy cho đến vô sở hữu xứ. Ở đây chính là nói về tác ý vô lậu.

Thế nào gọi là không thọ nhận vô tướng? Là không tư duy về tất cả tướng, ở trong diệt tận tư duy về tịch tĩnh. Trong ấy ý nói lìa tướng về các tướng gọi là vô tướng.

Lại nói an trụ nơi định diệt tận: Là tất cả tướng đều không sinh khởi.

Lại nữa, như trong kinh nói bốn thứ hướng tới đạo. Thế nào là an tọa trong các pháp, tư duy lựa chọn? Nghĩa là có Bí-sô, trước đã chứng đắc tĩnh lự thứ nhất v.v... nhưng chưa kiến đế. Do nghe Chánh pháp cùng hiểu biết rộng, nên có thể an tọa, dựa nơi Tam-ma-địa đối với các đế như Khổ v.v... phát khởi hiện quán. Như thế là hành giả dựa vào tâm tăng thượng, tu tuệ tăng thượng.

Lại có Bí-sô, nhận biết đúng như thật về khổ, cho đến nhận biết về đạo, nhưng chưa chứng đắc tĩnh lự thứ nhất v.v... Vị ấy liền an tọa, tư duy về các pháp. Như vậy là hành giả dựa nơi tuệ tăng thượng để tu tâm tăng thượng.

Hành giả thứ ba gọi là cùng chứng đắc, Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na cùng vận hành đan xen.

Hành giả thứ tư, trước đã chứng đắc tĩnh lự thứ nhất v.v... nhưng chưa nghe Chánh pháp, chưa quen việc học rộng. Về sau, theo bậc Đại sư, hoặc ở chỗ các bậc tôn trưởng khác, nghe pháp kiến đế, hoặc lại được nghe pháp đoạn trừ kiết sử, do đấy được nhập hiện quán chân đế, hoặc lại chứng đắc quả A-la-hán. Vị ấy đã chứng đắc chỗ dẫn phát xuất ly, nên vô cùng hoan hỷ. Do có thể chế ngự các tâm trạo cử, nên lại an tọa. An tọa như thế rồi, tâm trụ nơi đẳng chí của tĩnh lự, đầu tiên là hướng tới đạo, dẫn phát kiến đạo. Lần thứ hai, thứ ba là dẫn phát tu đạo. Lần hướng tới đạo thứ tư là cùng dẫn phát cả hai.

Lại nữa, như trong kinh nói: Có bốn tịnh thắng, để cầu đạt thanh tịnh thì đây là tối thắng, nên gọi là tịnh thắng.

Thế nào là tịnh? Thế nào là thắng? Nghĩa là chỗ dẫn phát, chỗ chứng chỗ đắc về giới v.v... hoặc viên mãn hoặc thâm nhận, đó gọi là tịnh. Phát khởi siêng năng tinh tấn chưa viên mãn khiến viên mãn, đó gọi là thắng.

Thế nào là giới thâm nhận, viên mãn? Nghĩa là như có một hành giả tuy trụ nơi giới đầy đủ, cũng có thể giữ gìn luật nghi biệt giải thoát, nhưng ở trong phép tắc và chỗ hành trì chưa có thể đầy đủ, chưa đối với tội nhỏ thấy sợ hãi sâu xa, nên vị ấy ở nơi giới chưa gọi là viên mãn. Nếu đối với tất cả thấy đều đầy đủ mới gọi là viên mãn. Như thế gọi là giới viên mãn.

Hoặc nơi thời gian dài thường xuyên tu tập, nên nơi căn môn, khéo giữ gìn mà trụ, cho đến nói rộng, tức ở nơi giới thân tóm thành tự tánh của tự thể an trụ. Như vậy gọi là giới thân nhận.

Thế nào là Tam-ma-địa viên mãn? Tức nếu đã đạt được quả Gia hạnh cứu cánh hoặc tĩnh lự thứ tư mới gọi là viên mãn. Dưới quả vị này đều chưa viên mãn.

Thế nào là Tam-ma-địa thân nhận? Nghĩa là hành giả đã chứng đắc Tam-ma-địa, về sau đạt thanh tịnh. Lại, Tam-ma-địa không là chỗ nắm giữ của hữu hành, cho đến nói rộng.

Thế nào là chánh kiến viên mãn? Tức là nghe âm thanh của người khác, cùng tác ý như lý, nên chánh kiến được sinh. Do chánh kiến này, tuy có thể biết khổ, cho đến biết đạo, nhưng nếu chưa đúng như thật, cũng chưa được gọi là chánh kiến viên mãn. Nếu có thể đối với các đế, nhận biết rõ như thật, bấy giờ mới gọi là chánh kiến viên mãn.

Thế nào là chánh kiến thân nhận? Nghĩa là nơi thời gian sau, các lậu đã hoàn toàn dứt hết, cho đến nói rộng.

Thế nào là giải thoát viên mãn? Nghĩa là nếu do trí kiến hữu học giải thoát các thứ tham v.v... thì chưa gọi là viên mãn. Nếu do trí kiến vô học đạt được giải thoát mới gọi là viên mãn.

Thế nào là giải thoát thân nhận? Tức là, hoặc hành hoặc trụ thường không thoái thất nơi hiện pháp lạc trụ. Như vậy gọi là giải thoát thân nhận.

Lại nữa, như kinh nói: Bí-sô tâm hành thanh tịnh, nơi mọi thời gian nên chánh tác ý tư duy về năm tướng, cho đến nói rộng. Theo phương tiện siêng tu tâm tăng thượng mới được gọi là tâm hành thanh tịnh. Các thứ tầm tư xấu ác bất thiện như dục v.v... cùng các tầm tư hiện có như thân thuộc v.v... đối với hành này đều có thể gây

chương ngại. Lược có ba loại Bồ-đặc-già-là do ba bậc tâm tư thượng trung hạ, nên hành giả có sai biệt.

Thứ nhất, do chánh tư duy về các tướng khác nên khiến cho tâm tư kia không còn hiện hành. Thứ hai, do thấy các lỗi làm sâu nặng của tâm tư, hoặc lại không nhớ nghĩ, không tư duy, nên khiến cho tâm tư kia không còn hiện hành.

Thế nào là không nhớ nghĩ, không tư duy? Là do tâm khéo an trụ bên trong v.v... Bồ đặc già la thứ ba: chẳng phải như loại thứ nhất, tức có thể khiến cho mọi tâm tư kia đều không hiện hành, mà chính là phải tạo phương tiện khiến hành của tâm tư dần dần mỏng, dứt. Tho đã diệt rồi, sẽ dần điều phục. Nếu vẫn chưa thể đối với nẻo hành của tâm tư, đối tượng duyên của tâm tư sinh khởi chán sợ sâu xa, thì nên dùng tâm cùng hiện hành với tâm tư kia, điều luyện, chế ngự. Ba loại Bồ-đặc-già-la như vậy được chia làm năm thứ.

Lại nữa, trong kinh Đăng Trần, Đức Thế Tôn nói: Nên như pháp nung luyện thành vàng ròng để nung luyện tâm, cho đến nói rộng. Những nghĩa như vậy thế nào là nên nhận biết? Tức nung luyện thành vàng ròng lược có ba thứ: (1) Nung luyện trừ cấu bần. (2) Nung luyện thâm nhận. (3) Nung luyện điều hợp... Như trong tánh của vàng thành ra vàng ròng hiện có, trong phần vị chủng tánh, tâm hành thanh tịnh nên biết cũng như vậy, nghĩa là có thể thực hiện chứng đắc Niết-bàn.

Hỏi: Từ quả vị nào được gọi là tâm hành thanh tịnh?

Đáp: Từ quả vị đạt được tịnh tín, cầu xuất gia. Ở nơi bậc tại gia và xuất gia ấy, có ba thứ cấu uế thô, vừa, tế.

Về hàng tại gia, do hai thứ làm chương ngại, khiến không xuất gia: Một là nghiệp bất thiện. Nghĩa là thường vui thích ở yên nơi thân ngữ hành ác. Hai là tà kiến, ác kiến: Tức là bài bác cho không có A-la-hán chân thực ở thế gian, chánh hạnh chánh chí. Tà kiến ác kiến

ấy có thể làm chướng ngại đối với bậc đã đạt tịnh tín nêu trước. Các tâm tư như dục v.v... gây chướng ngại cho hàng xuất gia, khiến tâm hỷ lạc của họ không thể sinh. Các tâm tư như thân thuộc v.v... gây chướng ngại cho hỷ lạc, khiến hành giả không thể luôn tu pháp thiện. Do đoạn trừ tâm tư ấy nên thường xuyên tu pháp thiện, mau đạt được tâm thuần tịnh viên mãn, có tâm có tứ, như cát vàng lọc sạch, đó gọi là tâm nung luyện trừ cấu bần, cũng như vàng đã lọc sạch nhưng chưa nấu chảy. Nếu hành giả lại có thể dứt bỏ tâm tư, cho đến an trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ tư, đó gọi là tâm nung luyện thâm nhận, do có thể thâm nhận Tam-ma-địa không tâm không tứ, cũng như vàng đãi sạch rồi được nấu chảy. Nếu Tam-ma-địa không là chỗ nắm giữ của hữu hành, cho đến nói rộng, đó gọi là tâm nung luyện điều hợp. Ở nơi pháp thân thông, theo chỗ mong muốn, có thể chuyển biến, như vàng đãi sạch đã được tinh luyện rồi, lại sửa trị những chỗ còn xấu như tỳ vết, kẽ nứt v.v...

Lại nữa, như kinh nói: Nên ở nơi ba tướng, tác ý tư duy, cho đến nói rộng. Nên trong mọi thời gian tác ý tư duy về tướng sai biệt của Xa-ma-tha, chẳng nên hoàn toàn chỉ nhằm đối trị hôn trầm, trạo cử. Hoặc ở nơi việc ngăn dứt trạo cử chưa tu tập thường xuyên, chỉ tu một hướng là tướng hôn trầm, trạo cử. Nên biết, người tu như thế là trụ nơi quả vị của đạo phương tiện. Nếu trong mọi thời gian tư duy về tướng xả, như thế là ở nơi quả vị của đạo thành mãn. Cũng do đối với các pháp ấy chỉ tu một hướng nên ở trong pháp Duyên khởi và Thánh đế không xét chọn, tâm không chánh định, không dứt hết các lậu. Đối với các đế nếu chưa hiện quán thì không thể hiện quán, hoặc đã hiện quán thì không thể diệt sạch các lậu. Hai loại đầu, là đạo có thể thành tựu đầy đủ Tam-ma-địa. Một loại thứ ba, là đạo dựa nơi Tam-ma-địa diệt hết các lậu. Đó gọi là lược hiển bày về nghĩa chính yếu ở đây, tức nơi mọi thời gian tác ý tư duy hiện bày khắp tất cả.

Lại nữa, có bốn pháp chính thâm giữ Thánh giáo. Những gì là bốn? Đó là: (1) Xa lia. (2) Tu tập. (3) Tu quả. (4) Ở trong Thánh giáo không có tranh chấp, chống trái.

Xa lia: Là ở nơi chốn núi rừng, bên gốc cây, nơi tĩnh thất, chốn vắng lặng.

Tu tập: Là trụ nơi các chốn ấy, siêng năng tu tập hai pháp là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là đã tu tập Xa-ma-tha, dựa nơi Tỳ-bát-xá-na mà được giải thoát? Nghĩa là, như có một hành giả trước đã đạt được tĩnh lự thứ nhất cho đến tĩnh lự thứ tư. Vị ấy tức dựa nơi Tam-ma-địa này, nhận biết như thật về Khổ, cho đến nhận biết về Đạo. Vị ấy tức dựa nơi Tỳ-bát-xá-na này, đối với các phiền não do kiến đạo đoạn, tâm được giải thoát.

Thế nào là đã tu tập Tỳ-bát-xá-na này, dựa nơi Xa-ma-tha, tâm được giải thoát? Nghĩa là như có một hành giả, nhận biết như thật về Khổ, cho đến nhận biết về Đạo, vị ấy dựa nơi tuệ tăng thượng như vậy, phát sinh tĩnh lự, tức do Xa-ma-tha như vậy, nên đối với các phiền não do tu đạo đoạn trừ, tâm được giải thoát. Tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na như thế rồi, ở trong pháp giới đạt được giải thoát. Các hành đoạn của kiến đạo đoạn trừ gọi là cảnh giới đoạn. Những hành đoạn của tu đạo đoạn trừ gọi là lìa cảnh giới dục. Hết thấy mọi thứ chấp trước đều vĩnh viễn diệt, nên gọi cảnh giới diệt đó gọi là tu quả.

Ở trong Thánh giáo không có tranh chấp, chống trái: Đó là bậc Đại sư cùng các vị đệ tử, hoặc nghĩa, hoặc câu, hoặc văn, nơi nghĩa của văn cú đều bình đẳng thâm nhận, thâm nhuần, luôn hỗ tương tùy thuận. Không phải như dị đạo nêu bày kiến giải đủ loại chẳng phải một, sai biệt chẳng đồng. Câu thứ nhất: Đó là câu trước. Nếu đem câu này hỏi nơi lần thứ nhất, tức dùng câu này hỏi nơi lần thứ hai. Giả như lần thứ nhất, dựa nơi uẩn để hỏi, lại nơi lần thứ hai dựa vào pháp

khác đề hỏi, nên không được gọi là cùng với câu thứ nhất bình đẳng thâm nhận thâm nhuần, hỗ tương tùy thuận.

Như vậy là đã nói về Địa Tam-ma-hí-đa.

**

Địa thứ 7: ĐỊA PHI TAM MA HÝ ĐA (Phần Bản Địa)

Thế nào là Địa Phi Tam-ma-hí-đa? Nên biết, tướng của Địa này lược có mười hai thứ. Hoặc có tự tánh bất định, nên gọi là địa phi định, đó là năm thức thân. Hoặc thiếu phần khinh an, nên gọi là địa phi định, đó là các tâm tâm pháp hệ thuộc nơi Dục giới. Tâm, tâm pháp ấy, tuy cũng lại có tâm cảnh một tánh, nhưng không có khinh an cùng thâm nhuần chuyển biến, nên không gọi là định. Hoặc do không có phát khởi hướng đến, nên gọi là địa phi định. Nghĩa là người thọ nhận dục, ở trong các dục sinh nhiệm chấp sâu dày mà luôn thọ dụng, hoặc có tán loạn cùng cực, nên gọi là địa phi định. Nghĩa là người mới tu định, đối với năm dục thượng diệu, tâm theo đầy lưu tán. Hoặc có sự tích tụ quá yếu kém nên gọi là địa phi định. Tức là người đầu tiên tu định, nơi nội tâm yếu kém, bị hôn trầm, thù miên vây phủ. Hoặc chưa chứng đắc, nên gọi là địa phi định. Nghĩa là kẻ mới tu định tuy không tán loạn và không do tích tụ yếu kém làm nhiều loạn nơi tâm, nhưng vẫn chưa đạt được các tác ý nơi các tâm tâm pháp nên không gọi là định. Hoặc có trường hợp chưa viên mãn nên gọi là địa phi định. Nghĩa là tuy đạt được tác ý, nhưng chưa chứng đắc gia hạnh cứu cánh và quả của gia hạnh ấy, nên không gọi là định. Hoặc do có nhiễm ô xen tạp nên gọi là địa phi định. Tức tuy chứng đắc quả của gia hạnh cứu cánh và tác ý, nhưng vì có nhiều thứ hoặc như ái vị v.v... làm nhiễm ô nơi tâm. Hoặc có trường hợp không tự tại, nên gọi là địa phi định. Nghĩa là tuy đã đạt được quả của gia hạnh cứu cánh và tác ý, nơi tâm cũng không có phiền não làm

nhiệm ô, nhưng ở trong tướng nhập trụ xuất các định chưa được tự tại, chưa được theo chỗ mong muốn, còn vướng ngại khó khăn. Hoặc có trường hợp không thanh tịnh, nên gọi là địa phi định. Nghĩa là tuy đã được tự tại, theo chỗ mong muốn, không còn vướng mắc khó khăn, nhưng chỉ tu đạt định thế gian, chưa có thể trừ bỏ những phiền não, tùy miên nơi các tâm, tâm pháp, nên chưa gọi là định. Hoặc có sự dấy khởi, nên gọi là địa phi định. Nghĩa là định đã chứng đắc tuy không thoái thất, nhưng vì xuất định nên không gọi là định. Hoặc có thoái chuyển, nên gọi là địa phi định. Nghĩa là thoái thất Tam-ma-địa đã chứng đắc, nên không gọi là định.

Như vậy là đã nói về Địa Phi Tam-ma-hý-đà.

**

Địa thứ 8, 9: ĐỊA CÓ TÂM – KHÔNG TÂM (Phần Bản Địa)

Thế nào là Địa có tâm? Thế nào là Địa không tâm? Nghĩa là hai Địa này, nên biết về tướng, đều do năm môn:

- (1) Môn kiến lập nêu bày về địa.
- (2) Môn kiến lập tâm loạn chẳng loạn.
- (3) Môn kiến lập sinh không sinh.
- (4) Môn kiến lập phần vị.
- (5) Môn kiến lập đệ nhất nghĩa.

Ở đây:

Kiến lập nêu bày về địa: Bốn địa: Địa năm thức thân tương ưng, Địa ý, Địa có tâm có tứ, Địa không tâm chỉ có tứ, hoàn toàn là Địa có tâm. Nơi Địa không tâm không tứ, trừ định vô tướng, sinh vô tướng và định diệt tận, chỗ còn lại toàn bộ là định có tâm. Như vậy, định vô tướng, sinh vô tướng và định diệt tận là Địa không tâm.

Kiến lập tâm loạn chẳng loạn: Tức bốn thứ điên đảo làm điên đảo nơi tâm, gọi là tâm loạn. Nếu bốn thứ ấy không gây điên đảo nơi tâm, gọi là tâm không loạn. Ở đây, tâm loạn cũng gọi là không tâm, vì tánh hoại mất. Như nơi thế gian thấy kẻ tâm cuồng loạn, liền nói kẻ này là người không tâm. do tâm cuồng loạn làm mất bản tánh. Ở trong môn này, các tâm đảo, loạn, gọi là Địa không tâm. Nếu tâm không loạn, gọi là Địa có tâm.

Kiến lập sinh không sinh: Do tám nhân duyên nên tâm ấy hoặc sinh hoặc lại không sinh. Nghĩa là: Căn bị hủy hoại. Cảnh không hiện tiền. Thiếu tác ý. Chưa đạt được. Trái nhau. Đã đoạn. Đã diệt. Đã sinh, nên tâm không được sinh. Do các nhân duyên trái với trên đây thì tâm mới được sinh. Ở đây, nếu đủ nhân duyên sinh, nên tâm liền được sinh, gọi là định có tâm. nếu gặp nhân duyên chẳng sinh tâm, nên tâm tức không sinh, gọi là định không tâm.

Kiến lập phân vị: Nghĩa là trừ sáu vị, nên biết chỗ còn lại gọi là Địa có tâm. Những gì là sáu vị? Đó là: Vị thù miên không tâm. Vị sầu muộn không tâm. Vị định vô tướng. Vị sinh vô tướng. Vị định diệt tận. Vị cảnh giới Niết-bàn Vô dư y. Như vậy, sáu vị này gọi là Địa không tâm.

Kiến lập đệ nhất nghĩa: Tức chỉ trong cảnh giới Niết-bàn Vô dư y là Địa không tâm. Vì sao? Vì ở trong cảnh giới ấy, thức A-lại-da cũng vĩnh viễn dứt bật. Các vị còn lại, theo chuyển thức diệt, nên gọi là Địa không tâm. Nếu thức A-lại-da chưa hoàn toàn diệt tận, thì nơi đệ nhất nghĩa không phải là định không tâm.

Như vậy là đã nói về Địa có tâm, không tâm.

Địa thứ 10: ĐỊA DO VĂN TẠO THÀNH, phần 1 (Phần Bản Địa)

Thế nào là Địa do Văn (kiến văn) tạo thành? Nghĩa là như lược nêu, đối với năm xứ minh với danh cú văn thân có vô lượng sai biệt, trước tiên là tuệ giác, rồi lắng nghe, lãnh nhận, đọc tụng, nhớ nghĩ. Lại, ở trong chỗ dựa là nghĩa của danh thân, cú thân, văn thân, hiểu rõ không điên đảo. Như thế gọi là Địa do văn tạo thành.

Những gì gọi là năm xứ minh? Đó là:

1. *Xứ Nội minh.*
2. *Xứ Y phương minh.*
3. *Xứ Nhân minh.*
4. *Xứ Thanh minh.*
5. *Xứ Công nghiệp minh.*

1. Thế nào là Xứ Nội minh? Nên biết lược nêu do bốn thứ tướng:

- a. *Tướng kiến lập nêu bày do sự.*
- b. *Tướng kiến lập nêu bày do tướng sai biệt.*
- c. *Tướng do thấu tóm nghĩa của Thánh giáo.*
- d. *Tướng do nơi chốn nên nhận biết về giáo pháp của Phật.*

a. *Thế nào là tướng kiến lập nêu bày do sự?* Nghĩa là ba thứ sự thấu gồm chung mọi ngôn giáo của hết thầy chư Phật: (1) Sự Tổ-đất-lâm (Kinh). (2) Sự Tỳ-nại-da (Luật). (3) Sự Ma-đát-lý-ca (Luận). Ba sự như vậy, trong phần “Nhiếp Sự” sẽ phân biệt rộng.

b. *Thế nào là tướng kiến lập nêu bày do tướng sai biệt?*
Tụng nêu:

*Câu mê hoặc hý luận
Trụ chân thật tịnh diệu*

*Đạo lý tánh tịch tĩnh
Giả nêu bày hiện quán.*

Thế nào là câu? Tức là sáu xứ nội với vô lượng cảnh giới, vô lượng phương sở, vô lượng thời phần.

Lại có ba giới: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Lại có ba giới: Tiểu thiên thế giới, Trung thiên thế giới, Tam thiên đại thiên thế giới.

Lại có bốn chúng: Tức chúng tại gia, chúng xuất gia, chúng ô ba sách ca, chúng phi nhân.

Lại có ba thứ: Thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc.

Lại có ba đời: Đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai.

Lại có ba báu: Phật báu, Pháp báu, Tăng báu.

Lại có ba pháp: Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký.

Lại có ba tạp nhiễm: Tạp nhiễm của phiền não, tạp nhiễm của nghiệp và tạp nhiễm của sinh.

Lại có bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, tập Thánh đế, diệt Thánh đế và đạo Thánh đế.

Lại có chín đẳng chí thứ lớp: Tức đẳng chí của tính lự thứ nhất cho đến đẳng chí diệt tướng thọ.

Lại có 37 pháp phần Bồ-đề: Bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám đạo chi.

Lại có bốn quả Sa-môn: Quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán tối thắng.

Lại có nhiều thứ công đức thắng diệu: Nghĩa là vô lượng giải thoát, thắng xứ, biến xứ, nguyện trí không tranh, vô ngại giải, sáu thần thông.

Lại có năm sự Phương quảng Đại thừa: Là tướng, danh, phân biệt, chân như, chánh trí.

Lại có hai Tánh không: Là Tánh không của Bồ-đặc-già-la và Tánh không của Pháp.

Lại có hai Tánh vô ngã: Là Tánh vô ngã của Bồ-đặc-già-la và Tánh vô ngã của Pháp.

Lại có quán hành xa lìa hai xứ biên: Lìa biên tăng ích và lìa biên tổn giảm.

Lại có bốn thứ chân thật: Là chân thật do thể gian tạo thành, chân thật do đạo lý tạo thành, chân thật do chỗ hành của trí làm thanh tịnh phiền não chướng Và chân thật do chỗ hành của trí làm thanh tịnh sở tri chướng.

Lại có bốn thứ tâm tư: Là tâm tư về danh, tâm tư về sự, tâm tư về giả lập tự tánh và tâm tư về giả lập sai biệt.

Lại có bốn biến trí như thật: Biến trí như thật do tâm tư về danh dẫn phát, biến trí như thật do tâm tư về sự dẫn phát, biến trí như thật do tâm tư về giả lập tự tánh dẫn phát, biến trí như thật do tâm tư về giả lập sai biệt dẫn phát.

Lại có ba thứ tự tánh: Là tự tánh biến kế sở chấp, tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật.

Lại có ba tánh vô tánh: Là tánh tướng vô tánh, tánh sinh vô tánh, tánh thắng nghĩa vô tánh.

Lại có năm tướng Đại Bồ-đề: Là tự tánh, công năng, phương tiện, chuyển, hoàn.

Lại có năm thứ Đại thừa: Chúng tử, hướng nhập, thứ lớp, chánh hành, quả của chánh hành. Đầu tiên là phát tâm, thương xót hữu tình, hành các pháp Ba-la-mật-đa, thấu tóm sự việc của chúng sinh, tự tha nổi tiếp thành thực.

Lại có năm tướng vô lượng: Tướng vô lượng về cảnh giới hữu tình, tướng vô lượng về thế giới, tướng vô lượng về pháp giới, tướng vô lượng về cảnh giới được điều phục, tướng vô lượng về cảnh giới của phương tiện được điều phục.

Lại có nghĩa chân thật thuận đến: Tức ở trong tất cả pháp vô lượng, tùy thuận hiện bày khắp đến chân như và trí của chân như ấy.

Lại có trí không chướng ngại của thắng giải, uy đức không thể nghĩ bàn, ba mươi hai tướng đại sĩ phu, tám mươi thứ tướng tùy hình, bốn thứ hết thấy tướng thanh tịnh, mười lục, bốn vô sở úy, ba niệm trụ, ba bất hộ, đại bi, pháp không quên mất, diệu trí dứt trừ mọi thứ tướng của tập khí.

Các câu như vậy, tóm lược chỉ là hai câu: (1) Câu được nêu bày trong thừa Thanh văn. (2) Câu được thuyết minh trong Đại thừa.

Thế nào là mê hoặc? Đó là bốn điên đảo: (1) Ở nơi vô thường, điên đảo cho là thường. (2) Ở nơi khổ, điên đảo cho là vui. (3) Đối với bất tịnh, điên đảo cho là tịnh. (4) Đối với vô ngã, điên đảo cho là ngã.

Thế nào là hý luận? Nghĩa là tất cả phiền não và tạp phiền não nơi các uẩn.

Thế nào là trụ? Là bốn thức trụ hoặc bảy thức trụ.

Thế nào là chân thật? Là chân như và bốn Thánh đế.

Thế nào là tịnh? Tức là ba tánh thanh tịnh: Tánh của tự thể thanh tịnh, tánh của cảnh giới thanh tịnh, tánh của phần vị thanh tịnh.

Thế nào là diệu? Tức là Tam bảo: Phật Pháp Tăng bảo gọi là vi diệu tối thượng, gắn liền trong sự nêu bày bậc nhất tột cùng.

Thế nào là tịch tĩnh? Tức là từ pháp thiện dục, cho đến tất cả pháp phần Bồ-đề, cùng với quả đạt được, đều gọi là tịch tĩnh.

Thế nào là tánh? Là thể tướng của các pháp. Hoặc tự tướng, hoặc cộng tướng, hoặc tướng giả hợp, hoặc tướng nhân, hoặc tướng quả.

Thế nào là đạo lý? Là các duyên khởi cùng bốn đạo lý.

Thế nào là giả nêu bày? Là ở nơi chỉ có pháp giả lập Bồ-đặc-già-la (hữu tình). Và ở nơi chỉ có tướng, giả lập các pháp.

Thế nào là hiện quán? Nghĩa là sáu thứ hiện quán, như nơi Địa có tâm có tứ đã nêu.

Lại nữa, kệ viết:

*Phương sở vị phân biệt
Tạo nắm giữ tăng giảm
Minh ngôn sở giác thượng
Xa lìa chuyển giữ chứa.*

Thế nào là phương sở? Là sắc uẩn.

Thế nào là vị? Là thọ uẩn.

Thế nào là phân biệt? Là tưởng uẩn.

Thế nào là tạo tác? Là hành uẩn.

Thế nào là nắm giữ? Tức là thức uẩn.

Thế nào là tăng thêm? Tức có hai thứ: (1) Phiền não tăng. (2) Nghiệp tăng.

Như tăng thêm có hai thứ, nên biết giảm bớt cũng vậy.

Thế nào là minh (tối tăm)? Là vô minh và nghi.

Thế nào là ngôn từ? Tức mười hai phần giáo của chư Như Lai, gọi là ngôn từ.

Thế nào là sở giác? Là nghĩa của vô số ngôn âm được thuyết giảng.

Thế nào là thượng (trên)? Là bốn quả Sa-môn.

Thế nào là xa lìa? Tức là năm thứ xa lìa: (1) Xa lìa hành ác. (2) Xa lìa dục. (3) Xa lìa các thứ vật dụng. (4) Xa lìa mọi chốn ồn ào. (5) Xa lìa phiền não.

Thế nào là chuyển? Là năm nẻo trong ba cõi.

Thế nào là giữ chứa? Là luyến tiếc về quá khứ, mong cầu nơi vị lai, tham đắm nơi hiện tại.

Lại nữa, kệ nêu:

*Xét chọn cùng hiện hành
Thùy miên và tương thuộc
Các tướng thân tương ứng
Nêu nhận giữ thứ lớp.*

Thế nào là xét chọn? Là một hành. Thuận câu trước. Thuận câu sau. Bốn câu. Câu vô sự.

Lại có pháp có sắc pháp không sắc. Pháp có kiến, pháp không kiến. Pháp có đối, pháp không đối. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp có tranh, pháp không tranh. Pháp có vị chấp trước, pháp không vị chấp trước. Pháp dựa vào tham đắm, pháp dựa vào xuất ly. Pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Pháp có hệ thuộc, pháp không hệ thuộc. Pháp nội pháp ngoại. Pháp thô pháp tế. Pháp kém pháp hơn. Pháp xa pháp gần. Pháp có đối tượng duyên, pháp không đối tượng duyên. Pháp tương ứng, pháp không tương ứng. Pháp hữu hành, pháp vô hành. Pháp có dựa, pháp không dựa. Pháp nhân, pháp không phải nhân. Pháp quả, pháp không phải quả. Pháp dị thực, pháp không phải dị thực. Pháp có nhân, pháp không có nhân. Pháp có quả, pháp không có quả. Pháp có dị thực, pháp không có dị thực. Pháp có nhận giữ, pháp không nhận giữ. Pháp do đại chúng tạo, pháp không do đại chúng tạo. Pháp đồng phạm, pháp bất đồng phạm. Pháp hữu thượng, pháp vô thượng.

Lại có: Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại. Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký. Pháp thuộc cõi dục, pháp thuộc cõi sắc, pháp thuộc cõi vô sắc. Pháp học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học. Pháp do kiến đạo đoạn, pháp do tu đạo đoạn, pháp không đoạn.

Lại có bốn duyên: Duyên nhân, duyên đấng vô gián, duyên sở duyên, và duyên tăng thượng.

Lại có bốn nương dựa: (1) Pháp là nương dựa, không phải là Bồ-đặc-già-la. (2) Nghĩa là nương dựa, không phải là văn. (3) Kinh liễu nghĩa là nương dựa, không phải là kinh không liễu nghĩa. (4) Trí là nương dựa, không phải là thức.

Lại có pháp bốn vô lượng, pháp bốn niệm trụ, pháp bốn chánh đoạn, pháp bốn thần túc, pháp năm căn, pháp năm lực, pháp bảy giác chi, pháp tám chi Thánh đạo, pháp bốn hành tích, pháp bốn pháp tích, pháp Xa-ma-tha, pháp Tỳ-bát-xá-na, pháp giới tăng thượng, pháp tâm tăng thượng, pháp tuệ tăng thượng, pháp giải thoát, pháp thắng xứ, pháp biến xứ.

Các pháp như vậy là vô lượng vô biên, phải nên xét chọn.

Thế nào là hiện hành? Là các phiền não như triền.

Thế nào là thù miên? Là các phiền não như tùy miên.

Thế nào là tương thuộc? Là sáu xứ nội, ở trong một thân nên biết lần lượt hỗ tương hệ thuộc.

Lại, các căn, cảnh, nên biết chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy hỗ tương hệ thuộc.

Thế nào là gồm thấu? Là mười sáu thứ gồm thấu: (1) Cảnh giới gồm thấu. (2) Tướng gồm thấu. (3) Chủng loại gồm thấu. (4) Phân vị gồm thấu. (5) Không cùng lìa gồm thấu. (6) Thời gồm thấu. (7) Phương gồm thấu. (8) Một phần gồm thấu. (9) Đủ phần gồm thấu. (10) Thắng nghĩa gồm thấu. (11) Uẩn gồm thấu. (12) Giới gồm thấu.

(13) Xứ gồm thân. (14) Duyên khởi gồm thân. (15) Xứ phi xứ gồm thân. (16) Căn gồm thân.

Thế nào là tương ưng? Nên biết tướng ấy lược có năm thứ: (1) Cùng với tha tánh tương ưng, chẳng phải là tự tánh. (2) Ở trong tha tánh, cùng với không trái nhau tương ưng, không phải là trái nhau. (3) Ở trong chỗ không trái nhau, phẩm hạ trung thượng cùng với phẩm hạ trung thượng tự tương ưng, chẳng phải là phẩm khác. (4) Ở trong phẩm hạ trung thượng, đồng thời tương ưng, chẳng phải là khác thời. (5) Ở nơi đồng thời, đồng địa tương ưng, chẳng phải là khác địa.

Thế nào là nêu ra? Nghĩa là bốn thứ ngôn thuyết: (1) Ngôn thuyết của kiến. (2) Ngôn thuyết của nghe. (3) Ngôn thuyết của hiểu. (4) Ngôn thuyết của biết.

Thế nào là nhận giữ? Tức là bốn thứ ăn (thực): (1) Đoạn thực. (2) Xúc thực. (3) Ý tư thực. (4) Thức thực.

Thế nào là thứ lớp? Là sáu thứ thứ lớp: (1) Thứ lớp của lưu chuyển. (2) Thứ lớp của chỗ tạo tác thành tựu. (3) Thứ lớp của tuyên thuyết. (4) Thứ lớp của sinh khởi. (5) Thứ lớp của hiện quán. (6) Thứ lớp của đăng chí.

Lại nữa, kệ viết:

*Sở tác và sở duyên
Cũng Du-già chỉ quán
Tác ý cùng giáo thọ
Đức Bồ-đề Thánh giáo.*

Thế nào là sở tác (Đối tượng tạo tác)? Tức tám thứ sở tác: (1) Diệt nương dựa. (2) Chuyển nương dựa. (3) Biết khắp về đối tượng duyên. (4) Hỷ lạc về đối tượng duyên. (5) Đạt được quả. (6) Lìa dục. (7) Chuyển căn. (8) Dẫn phát thần thông.

Thế nào là đối tượng duyên (Sở duyên)? Là bốn loại đối tượng duyên: (1) Đối tượng duyên hiện bày đủ khắp. (2) Đối tượng duyên hành tịnh. (3) Đối tượng duyên thiện xảo. (4) Đối tượng duyên phiền não được tịnh.

Thế nào là Du-già? Nghĩa là hoặc bốn thứ, hoặc chín thứ.

Bốn thứ Du già là: (1) Tín. (2) Dục. (3) Tinh tấn. (4) Phương tiện.

Chín thứ Du già là: (1) Đạo thế gian. (2) Đạo xuất thế gian. (3) Đạo phương tiện. (4) Đạo vô gián. (5) Đạo giải thoát. (6) Đạo thắng tấn. (7) Đạo phẩm hạ. (8) Đạo phẩm trung. (9) Đạo phẩm thượng.

Thế nào là chỉ? Là chín thứ tâm trụ.

Thế nào là quán? Là hoặc quán ba sự, hoặc quán bốn hành, hoặc quán sáu sự sai biệt nơi đối tượng duyên.

Quán ba sự là: (1) Quán hữu tướng. (2) Quán tìm cầu. (3) Quán dò xét.

Quán bốn hành là: Ở trong các pháp quán hành lựa chọn phân biệt, quán hành lựa chọn phân biệt cùng cực, quán hành tầm tư khắp, quán hành dò xét khắp.

Quán sáu sự sai biệt nơi đối tượng duyên: (1) Quán nghĩa nơi đối tượng duyên. (2) Quán sự nơi đối tượng duyên. (3) Quán tướng nơi đối tượng duyên. (4) Quán phẩm nơi đối tượng duyên. (5) Quán thời nơi đối tượng duyên. (6) Quán đạo lý nơi đối tượng duyên.

Thế nào là tác ý? Là bảy thứ tác ý, như tác ý biết rõ về tướng v.v... đã nói ở trước.

Thế nào là giáo thọ (chỉ dạy, trao truyền)? Là năm thứ giáo thọ: (1) Giáo thọ về giáo pháp. (2) Giáo thọ về chứng đắc. (3) Giáo thọ về thứ lớp. (4) Giáo thọ về thuận hợp. (5) Giáo thọ về thần biến.

Thế nào là đức? Tức là vô lượng giải thoát, như nơi phần Câu đã nói.

Thế nào là Bồ-đề? Là ba thứ Bồ-đề: (1) Bồ-đề Thanh văn. (2) Bồ-đề Độc giác. (3) Bồ-đề Vô thượng.

Thế nào là Thánh giáo? Đó là: Trao truyền để quy y. Chế lập học xứ. Nêu bày về nói, nghe. Kiến lập thầy, trò. Luận về thí. Luận về giới. Luận về sinh thiên. Quở trách về ái vị của dục. Chỉ rõ về lỗi lầm của dục. Hiện bày về pháp tạp nhiễm và pháp thanh tịnh. Chỉ dạy, dẫn dắt về nẻo xuất ly và xa lìa. Xung tán công đức... cho đến nói rộng, có vô lượng vô biên pháp phẩm thanh tịnh.

c. Thế nào là tướng do gồm thâu nghĩa của Thánh giáo? Ở đây:

Có pháp của chủ thể tu tập: Nghĩa là đối với các pháp thiện, chí chuyên tạo sự nối tiếp, tạo tác phương tiện siêng năng tu tập.

Có pháp của đối tượng tu tập: Đó là các pháp thiện hiện có.

Có pháp có lỗi lầm: Là pháp nên nhận biết khắp.

Có pháp có nhiễm ô: Là pháp không nên chấp trước. Là pháp nên điều phục đầu tiên. Là pháp nên đoạn trừ.

Có pháp chướng ngại: Là pháp trái nghịch với hiện quán cứu cánh.

Có pháp tùy thuận: Là pháp tùy thuận hiện quán cứu cánh.

Có pháp thuộc về chân như: Là pháp nên giác ngộ.

Có pháp thuộc về thắng đức: Là pháp nên dẫn phát.

Có pháp tùy thuận thế gian: Là pháp nên tập quen, nên đoạn, và đoạn các thứ đã hiện hành.

Có pháp đạt được cứu cánh: Là pháp tự nghĩa cứu cánh nên chứng đắc.

d. Thế nào là tướng do xử nên nhận biết về giáo pháp của Phật? Nên biết ở đây, chỗ trụ của tất cả hữu tình có ba loại:

(1) Nhật biệt trụ.

(2) Tận thọ trụ.

(3) Pháp thiện khả ái sinh lần lượt trụ.

Loại thứ nhất do lực tăng thượng của ăn uống. Loại thứ hai do lực tăng thượng của mạng hành. Loại thứ ba do lực tăng thượng của việc ở nơi các pháp thiện không phóng dật.

Ở trong các pháp bất thiện, vô ký, cũng có pháp không phóng dật tương tự. Như đối với sự việc sát sinh v.v... cùng trong oai nghi, công xảo v.v... nên phân xét kỹ để tạo tác. Nhưng đối với người không phóng dật của pháp thiện, cho đến có thể chứng đắc Bát Niết-bàn ở trong hiện pháp, còn nơi hậu pháp thì sinh đến nẻo thiện, nên có nhiều lối hành trì.

Lại nữa, dựa vào thể gian của hữu tình và khí thể gian, có hai thứ pháp, có thể thâm tóm hết thảy các thứ hý luận. Đó là pháp của chủ thể giữ lấy và pháp của đối tượng được giữ lấy nơi chỗ nương dựa kia.

Lại, nơi các thể gian lược có hai thứ tạp nhiễm căn bản, có thể dẫn đến tạp nhiễm không nghĩa không lợi. Đó là, ở nơi chân thật không hành giải đúng đắn và kẻ ấy trước hết là mong cầu vô nghĩa.

Lại, ngoài chánh pháp, hoặc các Sa-môn hoặc các Bà-la-môn, lược có hai thứ tạp nhiễm căn bản. Đó là sức tăng thượng của thân kiến và tìm cầu theo chấp thường, chấp đoạn về ngã.

Lại, chúng hữu tình, lược có hai thứ các khổ căn bản. Đó là nơi pháp hữu lậu, hỷ ái cùng hiện hành với nguyện mong hiện có.

Lại có hai thứ pháp dạy khuyên, trao truyền của thầy và đệ tử, trái ngược nhau. Đó là các đệ tử không thể thâm nhận những lời chỉ

dạy của thầy, và thầy thì kiên giải diên đảo, quen hành theo tà hạnh. Trái ngược với trường hợp này, nên biết tức là có hai pháp phẩm bạch.

Lại có hai pháp, có thể tạo trái vượt với cảnh giới chánh hạnh của thế gian và xuất thế gian. Đó là: Đối với quả không đáng yêu thích được tạo ra do phi pháp tăng thượng của chính mình, không có lo nghĩ, hối tiếc. Đối với tội lỗi đã tạo, không có hổ thẹn. Nơi các sự suy thoái trong hiện pháp, như bị kẻ khác trói giết v.v... không có nghĩ lo, hối tiếc. Đối với tội lỗi đã tạo, không có hổ thẹn. Trái với trường hợp này, nên biết tức là hai pháp phẩm bạch.

Lại có hai thứ kiến lập không diên đảo, có thể khiến cho hành giả ít dùng công đức nhưng an trụ nơi phạm hạnh, trọn không ủng phí:

(1) Chánh lập học xứ. Nếu có trái vượt tức mắc tội lớn. Nếu không trái vượt tức sinh phước lớn.

(2) Chánh lập xuất ly, khiến kẻ trái vượt mau xuất ly trở lại.

Lại có hai pháp, có thể khiến cho người tạo tác đạt được tự lợi, lợi tha. Đó là:

(1) Người ở nơi xa lìa, tâm thường an định, trụ nơi pháp lạc hiện tại.

(2) Kẻ ở nơi ồn náo, có người đến cầu pháp, lúc nào cũng vì họ mà nêu giảng, có thể khiến cho Chánh pháp nối tiếp trụ lâu.

Lại có hai pháp, có thể khiến cho hữu tình, bên trong tác ý đúng đắn, bên ngoài nghe nhận âm thanh của người khác. Do hai nhân duyên đó, nên ở trong hiện pháp, nhập hiện quán về đế, hoặc khiến nơi vị lai các căn thành thực:

(1) Nơi pháp do nhân sinh, thông đạt đúng đắn về nhân.

(2) Đối với các kinh tương ưng với không, thâm diệu, tương tự thâm diệu hiện có do Đức Như Lai giảng nói, như tất cả duyên tánh và các duyên khởi, tác ý tùy thuận, luôn luôn tư duy.

Lại có hai pháp, có thể khiến cho các Bồ-đặc-già-la căn tánh thành thực mau chứng đắc thông tuệ:

(1) Đối với việc dạy khuyên, truyền trao, xa lìa mọi thứ dua nịnh, dối trá.

(2) Các hành nơi thân ngữ ý, trước hết là chán lìa, lìa mọi thứ vui đùa, cười cợt.

Lại có hai pháp, khiến người đồng phạm hạnh ở một chỗ lần lượt đều được trụ nơi an lạc:

(1) Có thể nhẫn chịu sự bức nã của kẻ khác.

(2) Tự mình không bức nã kẻ khác.

Lại có hai pháp, khiến người đồng phạm hạnh ở một nơi chưa sinh tranh chấp thì ngăn chặn khiến không sinh, nếu đã sinh rồi thì khiến mau dứt bỏ, không còn tranh chấp, kiện tụng:

(1) Lần lượt cùng khởi tâm từ.

(2) Thọ dụng bình đẳng về vật dụng và giáo pháp.

Lại có hai pháp, mau chóng khiến tâm trụ nơi phạm hạnh thanh tịnh, chứng đắc Tam-ma-địa:

(1) Do lực tăng thượng nên nhớ giữ các việc đã nói đã làm từ lâu xa. Nếu có chỗ sai phạm, như pháp sám hối dứt trừ, nếu không sai phạm liền sinh hoan hỷ, ngày đêm theo học không chút biếng trễ.

(2) Vì lực tăng thượng, nên có thể nhận biết rõ, đúng về tất cả hành nghiệp nơi thân ngữ ý, đối với các thứ lỗi lầm trọn không vi phạm. Do nhân duyên ấy, nên cũng không sầu lo, hối tiếc, theo đây sinh hoan hỷ, nói rộng cho đến tri kiến giải thoát.

Lại có hai pháp, có thể vượt khỏi mọi thứ khổ. Nghĩa là có thể vượt khỏi khổ nhỏ nơi các nẻo ác, cùng có thể vượt khỏi khổ lớn của sinh tử:

(1) Thấy rõ một cách sâu xa về các lỗi lầm nơi vị lai của hiện pháp, nên xa lìa hành ác.

(2) Tâm thường an định, siêng năng, tinh tấn tu tập phần pháp Bồ-đề.

Lại có hai pháp, có thể khiến người ở chốn xa lìa, tu tập đoạn trừ, đạt được trụ an lạc:

(1) Nơi các cảnh giới không sinh tạp nhiễm, không có tầm tứ xấu ác nhiễu loạn nơi tâm.

(2) Phạm chỗ ăn uống chính là vì lợi ích, tiêu hóa thích hợp, có thể tùy thuận đoạn trừ khiến thân điều hòa, an ổn.

Lại có hai pháp, khiến các Bí-sô khi tu tập phẩm thiện không suy tính hư dối:

(1) Nơi các căn, cảnh, theo chánh phương tiện, siêng năng tìm hiểu về pháp tướng.

(2) Biết thời, biết lượng, giảm thiểu ngủ nghỉ.

Lại có hai pháp, có thể hủy hoại tuệ học, tâm học tăng thượng:

(1) Kiến lập tà học trái vượt với chánh học cùng mang tâm do dự.

(2) Quyết định tăng ích, tổn giảm về tà kiến. Trái ngược với trường hợp này, nên biết tức là hai pháp phẩm bạch.

Lại có hai pháp, có thể khiến cho Bồ-đặc-già-la đã tích tập tư lương Bồ-đề nhưng chưa nhập hiện quán, mau chóng nhập nơi hiện quán:

(1) Tư duy về chỗ suy thịnh của mình, người nơi quá khứ và hiện tại.

(2) Tác ý không điên đảo, siêng năng tu tập các pháp thuộc về hành đế.

Lại có hai pháp, khiến người hành quán trụ nơi phạm hạnh lìa cầu hết mục rốt ráo, mau chóng được viên mãn:

(1) Tu hiện quán về đế.

(2) Sau khi lìa dục, theo phương tiện siêng tu, nơi các đẳng chí không có ái vị, lìa mọi chướng nạn.

Lại có hai pháp, khiến cho người hành quán, chóng có thể dẫn phát tất cả thắng đức thế gian và xuất thế gian:

(1) Tâm trụ chín tướng.

(2) Do sáu thứ sự, dùng tâm chánh định xét chọn các pháp, như nơi Địa Thanh văn sẽ phân biệt rộng.

Lại, người hành quán có hai thứ tịnh: Đó là tác ý tịnh và chỗ nương dựa tịnh. Ở trong ba đời xa lìa ngu si, đạt trí thanh tịnh, nên gọi là tác ý tịnh. Xa lìa pháp thô trọng nơi các phẩm phiền não trong ba cõi, nên gọi là chỗ nương dựa tịnh.

Lại có hai pháp, khiến các A-la-hán tâm khéo giải thoát, bên trong tự chứng đắc:

(1) Ở trong hiện pháp, nhân khổ vĩnh viễn dứt sạch.

(2) Do đây, nên khổ nơi đời vị lai hoàn toàn không sinh.

HẾT - QUYỂN 13

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 14

Địa thứ 10: ĐỊA DO VẤN TẠO THÀNH, phần 2 (Phần Bản Địa)

** Đã nói hai thứ xứ là chỗ nên nhận biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo nói về ba thứ: Đó là dựa nơi mười tướng, ba môn, ba thứ và ba căn, các hữu tình phát khởi hạnh tà, có thể khiến họ bị đọa vào các nẻo ác.*

Nói mười tướng: Là hoại sinh mạng, tài sản, vợ con. Hoặc hủy hoại nghĩa thật, bạn lành, lời khen ngợi, sự nghiệp được gây tạo. Hoặc ba thứ ô trược của ý: Nhận giữ tài sản của kẻ khác muốn lấy làm của mình. Muốn khiến cho kẻ khác gặp việc không may. Với ác kiến hiện có, phỉ báng điều chân thật.

Nói ba môn: Đó là:

- (1) Môn tạo nghiệp hủy hoại.
- (2) Môn ý vui thích hủy hoại.
- (3) Môn phương tiện hủy hoại.

Đối với mười tướng nêu trên, bảy thứ trước là môn tạo nghiệp hủy hoại. Hai thứ tiếp theo là môn ý vui thích hủy hoại. Một thứ sau cùng là phương tiện hủy hoại. Đây là ác kiến. Do ác kiến nên hổ thẹn,

từ bị, lia các hành ác, thấy đều bị hủy hoại. Không có hồ thẹn, không có từ bị, nên tạo nhiều các thứ ác.

Nói ba thứ: Tức là:

- (1) Thân tạo tác.
- (2) Ngữ tạo tác.
- (3) Ý tạo tác.

Nói ba căn: Đó là:

- (1) Tướng tự tạo lợi ích.
- (2) Tướng gây hại kẻ khác.
- (3) Tướng điên đảo đối với các trường hợp khác.

Nghĩa là đối với phi pháp tạo tướng là pháp. Đối với việc không nên làm, tạo tướng nên làm, chấp chặt vào hiện hành.

Lại có ba pháp, có thể khiến cho hữu tình không giữ gìn các căn:

- (1) Ở trong chỗ nương dựa là chủng tử của pháp tà.
- (2) Nơi các cảnh giới, giữ lấy tướng không đúng.
- (3) Nơi chốn ẩn dật không chánh tư duy.

Ba thứ như vậy, nên biết tức là phạm dục tham, sân hận cùng với hại, dựa vào bốn xứ sở, phát sinh ba thứ tâm tư không chính đáng. Nghĩa là: Đối với xứ sở của bốn thứ pháp phạm bạch như lợi ích của chính mình v.v..., vì muốn đạt được, vì muốn không bị mất, nên sinh tâm tư về dục. Đối với xứ sở của hai loại hữu tình có thể ngăn chặn oán kia, sinh tâm tư về giận dữ. Đối với xứ sở của hữu tình thuộc loại bạn thân, sinh tâm tư về hại. Vì sao? Vì nếu là loại bạn thân, hoặc lúc vi phạm, thì đối với kẻ ấy không sinh ý muốn hoàn toàn trừ diệt, chỉ có ý muốn theo phương tiện, trừng phạt bằng những khổ sở nhẹ. Trái với trường hợp này nên biết là các phạm bạch hiện có.

Lược nêu có bốn thứ chủng tử của nội pháp, thâu tóm toàn bộ chủng tử của các pháp:

- (1) Chủng tử thế gian.
- (2) Chủng tử xuất thế gian.
- (3) Chủng tử không thanh tịnh.
- (4) Chủng tử thanh tịnh.

Chủng tử thế gian: Là chủng tử của các hành hệ thuộc ba cõi dục, sắc, vô sắc.

Chủng tử xuất thế gian: Là chủng tử thanh tịnh của tám Thánh đạo v.v... có thể chứng đắc ba thừa và quả của ba thừa.

Chủng tử không thanh tịnh: Là chủng tử của các hành thuộc cõi dục.

Chủng tử thanh tịnh lại có hai thứ: (a) Thế gian tịnh. (b) Xuất thế gian tịnh.

Chủng tử của các hành thuộc cõi sắc, vô sắc, gọi là thế gian tịnh. Các chủng tử hiện có như tám Thánh đạo v.v... có thể chứng đắc ba thừa và quả của ba thừa, gọi là xuất thế gian tịnh.

Lại có ba thứ nhân của pháp hữu lậu từ nhân sinh khởi. Nếu ở trong ấy, tu tập phương tiện không như lý chánh, tức có thể sinh các khổ. Nếu có thể tu tập phương tiện đúng như lý, thì nơi khổ, nơi nhân của khổ, có thể nhận biết, đoạn trừ. Đó là nơi pháp thuộc cõi dục, mong cầu nhiễm ô. Đối với pháp thuộc cõi sắc, vô sắc cũng vậy.

Lại có ba thứ nẻo của các phiền não, khiến các hữu tình lưu chuyển nơi sinh tử. Đó là đối với những thứ vượt trội nơi Dục giới, phát ý mong cầu, gọi là “Nẻo phiền não” thứ nhất. Đối với các thứ vượt trội nơi Sắc giới, Vô sắc giới, trong tự thể, phát ý mong cầu, gọi là “Nẻo phiền não” thứ hai. Đối với giải thoát tà vạy, phát ý mong cầu, gọi là “Nẻo phiền não” thứ ba.

Lại có ba thứ phương tiện, các loài hữu tình muốn theo đấy, tạo nghiệp căn bản:

- (1) Đạt được mong muốn thù thắng.
- (2) Đạt được tự thể thù thắng.
- (3) Chứng đắc đạo giải thoát thù thắng.

Lại có ba thứ uy lực, khiến các loài hữu tình, ở trong ba cõi, thâm nhận tự thể nơi các hành:

- (1) Uy lực dẫn dắt.
- (2) Uy lực có thể đạt được.
- (3) Uy lực thành mãn.

Uy lực dẫn dắt: Là có thể dẫn dắt các nghiệp.

Uy lực có thể đạt được: Là kiên đạt phước (trung hữu) đang lúc hiện tiền.

Uy lực thành mãn: Là trụ ở đấy thọ nhận dị thực của các nghiệp tịnh, bất tịnh.

Lại có ba thứ vô minh tích tụ, khiến các loài hữu tình trụ nơi vô minh, do nhân duyên ấy, có thể sinh tự thể của ba đời sai biệt. Đó là, đối với phần đầu v.v... của thời quá khứ không nhận biết, có thể sinh tự thể của hiện tại. Đối với phần đầu v.v... của đời hiện tại không nhận biết, nên có thể sinh tự thể của vị lai. Đối với phần đầu v.v... của đời vị lai không nhận biết, tức nơi vị lai, có thể sinh tự thể của đương lai về sau nữa.

Lại có ba thứ tai họa của bậc Thánh chưa đạt cứu cánh, nên cùng sinh tử với các phàm phu. Nếu có vị, đối với các tai họa ấy sinh tâm chán sợ sâu xa, nên mau chóng đoạn trừ ba thứ kiêu mạn, phóng dật, tu tập phương tiện nơi hiện pháp Niết-bàn:

- (1) Không bệnh mà suy thoái.

(2) Tuổi nhỏ mà suy thoái.

(3) Thọ mạng mà suy thoái.

Bậc có trí, nên quán ba sự như thế, ở đời vị lai, nhất định sẽ theo đuổi.

Lại có ba thứ nơi chốn nương dựa do tham sân si của các loài hữu tình trói buộc, tạo nên thân phần sai biệt, có thể trói buộc gáp các loài hữu tình giam vào lao ngục sinh tử khổ lớn:

(1) Có thể tạo lợi ích.

(2) Có thể tổn giảm.

(3) Nơi hai thứ cùng lìa bình đẳng.

Lại có ba nơi chốn sinh các khổ, thấu tóm toàn bộ các khổ hiện có của hữu tình:

(1) Khổ do họp hội sinh.

(2) Khổ do trái lìa sinh.

(3) Khổ bình đẳng nối tiếp.

Loại thứ nhất, do vị tổn hại hòa hợp. Loại thứ hai, do vị tạo lợi ích bị biến hoại. Loại thứ ba, do tất cả vị cùng nối tiếp chuyển biến. Các hành được sinh thuộc về thô trọng, chỉ các bậc Hiền Thánh mới biết rõ đó là khổ, không phải là các phàm phu.

Lại có ba thứ pháp của tâm cao ngạo, người tu phương tiện, lìa dục hại, cầu chứng đắc quả Sa-môn, thuộc chi quả Dự lưu, có thể gây chướng ngại cho Sa-môn khiến không chứng được:

(1) Đem mình so sánh với người khác, cho ta là hơn, tâm sinh cao ngạo.

(2) Đem mình so sánh với kẻ khác, cho ta là bằng họ, tâm sinh cao ngạo.

(3) Đem mình so sánh với kẻ khác, cho ta là kém, tâm sinh cao ngạo.

Lại có ba thứ chủng tử, nên biết có thể sinh khởi tất cả các hành:

- (1) Đã cho quả.
- (2) Chưa cho quả.
- (3) Quả đang hiện tiền.

Lại có ba thứ nơi chốn là chỗ dựa của các hành ngôn thuyết: Đó là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Lại có ba tướng, có thể gồm thấu tự tướng của tất cả sắc pháp. Đó là hiển hình, tác dụng, an lập các sắc được giữ lấy của nhãn thức. Nơi xứ sở của mình gây chướng ngại các sắc khác, an lập sắc căn của hành trụ. Nếu là sắc của tất cả cảnh giới, nên biết hết thấy gồm có mùi sắc và sắc của địa định. Nếu đạt được định thanh tịnh, là các sắc hiện có của người tu phương tiện dẫn phát biến hóa, nên biết là cảnh giới của tâm hóa hiện bên trong, cũng là quả của tâm biến hóa chưa viên mãn.

Lại có ba thứ tâm, là chỗ theo đuổi của các phiền não:

- (1) Tâm của các phàm phu.
- (2) Tâm của bậc học chưa viên mãn.
- (3) Tâm của bậc học đã viên mãn.

Lại có ba thứ người nghe pháp:

- (1) Hạng đối với pháp với nghĩa không thể thọ trì.
- (2) Hạng chỉ có thể lãnh nhận, không thể giữ vững.
- (3) Hạng có thể thọ nhận, giữ vững.

Lại có ba pháp đứng đầu của người tu hành quán tánh vô thường của thân ngữ ý, quán hướng nhập. Đó là:

(1) Hơi thở ra vào.

(2) Tầm, tứ,

(3) Tưởng, tư.

Lại có ba loại tôn thặng, xứng đáng nhận cúng dường:

(1) Tuổi tác tăng thượng.

(2). Tộc họ tăng thượng.

(3) Công đức tăng thượng.

Lại có ba thứ nhân trụ nơi định, bất định, gồm hai nhân định và một nhân bất định. Đó là:

(1) Nhân định của nẻo ác, là nghiệp vô gián.

(2) Nhân định của Niết-bàn nẻo thiện, là pháp hữu vi vô lậu.

(3) Nhân bất định: Là các pháp còn lại.

Lại có ba pháp, vì khiến cho Thánh giáo trụ lâu dài, nên lần lượt nêu tội:

(1) Hiện thấy thân ngữ hiện hành vi phạm học xứ.

(2) Theo người khác được nghe.

(3) Dùng tướng khác đối chiếu để biết rõ.

Lại, các Đức Như Lai tự nêu đầy đủ về ba đức không được giữ gìn. Tức hiển bày các sự của ngoại đạo luôn ôm giữ các ác, tự xưng là bậc Nhất thiết trí, nhưng thật sự không phải là bậc Nhất thiết trí. Lại muốn khiến họ, nơi trước Đức Như Lai phát khởi tin tưởng về Nhất thiết trí chân thật.

Lại có ba thứ thiêu đốt não hại các hữu tình do tà chấp pháp sinh làm dậy khởi lửa dữ. Đó là:

(1) Thiêu đốt, não hại của tham ái.

(2) Thiêu đốt, não hại của sầu lo.

(3) Thiêu đốt, não hại của điên đảo.

Lại có ba loại lửa: Là lửa của ngoại đạo thờ phụng tà vạy, cho là phước được sinh nơi cõi trời Hóa Lạc. Hàng hữu tình thắng giải chỉ rõ loại lửa không hư dối, nên thờ phụng. Tuy thực sự không phải là lửa, nhưng giả lập là lửa. Đó là:

(1) Cha mẹ.

(2) Vợ con.

(3) Phước điền chân thật nên cúng dường.

Lại có ba thứ sinh đạo tăng thượng chân thật, do các bậc sống trong lạc dục tăng thượng giảng nói. Đó là:

(1) Bồ thí, được giàu có, nhiều tài sản.

(2) Trì giới, được trụ nơi nẻo thiện.

(3) Tu định, xa lìa khổ thọ, được sinh trong thế giới an lạc, hoàn toàn không có não hại.

Lại có ba thứ dục thù thắng trong các dục thấp kém của những người thọ dục, là lạc được sinh do quán xét đối chiếu các dục. Đó là:

(1) Các dục do dùng nhiều công sức để duyên dựa, là các dục hiện có trụ nơi hiện tiền.

(2) Các dục dựa nơi tâm, ít dùng công sức, tức là các dục hiện có nơi cõi trời Lạc Hóa.

(3) Các dục dựa nơi tâm, rất ít dùng công sức, đó là các dục hiện có nơi cõi trời Tha Hóa.

Lại có ba thứ lạc thù thắng, vượt hơn hẳn trong các dục thấp kém. Đó là:

(1) Hỷ có tâm, tứ.

(2) Hỷ không có tâm, tứ.

(3) Lạc do lìa hỷ.

Lại có ba thứ đối tượng nhận thức của giác ngộ, có thể khiến cho ba thừa xuất ly các khổ. Đó là:

- (1) Chủng loại nghe âm thanh từ người khác.
- (2) Chủng loại bên trong tư duy chân chánh.
- (3) Chủng loại tu tập chỉ quán lâu dài.

Lại có ba thứ đối tượng nhận thức của giác ngộ. Đó là:

- (1) Hoàn toàn bị trói buộc.
- (2) Bị trói buộc một phần.
- (3) Hoàn toàn không bị trói buộc.

Lại có ba thứ sự việc nên làm nơi người tu hành quán. Do lực tăng thượng của ba sự việc ấy, nên có thể tu tập tất cả pháp thiện như tín v.v... Đó là:

(1) Vĩnh viễn đoạn trừ các phiền não do kiến đạo đoạn rồi, chứng quả Dự lưu.

(2) Hoàn toàn đoạn trừ các thứ phiền não do tu đạo đoạn rồi, lần lượt chứng đắc các quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

(3) Đã chứng đắc quả A-la-hán rồi, trụ nơi hiện pháp lạc.

Lại do lực tăng thượng của ba phần ấy, nên soi chiếu rõ tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức, kiến lập ba nhãn (mắt): Một là nhục nhãn, có thể soi chiếu các sắc hữu kiến hiển lộ không có chướng ngại. Hai là thiên nhãn, có thể soi chiếu các sắc hữu kiến không hiển lộ, có chướng ngại không chướng ngại. Ba là tuệ nhãn, soi chiếu tất cả chủng loại hoặc sắc phi sắc, nơi các pháp hiện có.

Lại có ba pháp, có thể diệt trừ phiền não oán địch hiện hành. Đó là:

- (1) Tin thuận bạn lành.
- (2) Không ở lẫn lộn với các chúng tại gia, xuất gia.

(3) Bên trong, tác ý đúng đắn về đạo lý chân thật nơi đối tượng nhận thức của sự giác ngộ.

Lại có ba thứ phương tiện dạy khuyên chân chánh, có thể lần lượt chứng đắc, càng về sau là chứng đắc Niết-bàn. Đó là:

(1) Phương tiện dạy khuyên chân chánh đối với giới.

(2) Phương tiện dạy khuyên chân chánh đối với tâm trụ.

(3) Phương tiện dạy khuyên chân chánh đối với đạo lý chân thật nơi đối tượng nhận thức của sự giác ngộ.

Như phương tiện dạy khuyên chân chánh có ba thứ, nên biết phương tiện luôn tu tập dạy khuyên chân chánh cũng vậy.

Lại, đối với phương tiện dạy khuyên chân chánh, lúc đang tu tập, do ba thứ pháp nên được trụ nơi an ổn:

(1) Đẳng chí không, vô nguyện, vô tướng, diệt tận.

(2) Bốn tĩnh lự.

(3) Bốn vô lượng.

Lại lược có ba thứ tâm – tánh một cảnh, có thể khiến chứng đắc trí kiến như thật. Đó là:

(1) Vô số hành tướng của đối tượng duyên sai biệt ở trong ý ngôn.

(2) Vô số hành tướng của đối tượng duyên sai biệt nơi ý ngôn không gián đoạn.

(3) Không có vô số hành tướng của đối tượng duyên không sai biệt vượt quá ý ngôn, chỉ chuyên chú một cảnh.

Lại có ba xứ, có thể khéo thấu nhận các xứ tà ác mà vọng chấp là tôn thắng, cũng dung nạp xứ có hữu tình được hóa độ, dẫn dắt vào Thánh giáo. Đó là:

(1) Hiện bày thân thông tối thắng hiện có của mình.

(2) Đối với các hành nhiễm tịnh hiện có của kẻ khác thì ngăn chặn, mở dẫn.

(3) Nêu giảng pháp diệu để dạy khuyên chân chánh.

Lại có ba thứ thanh tịnh, vì nhằm đoạn trừ kiến chấp lạc tịnh nơi ngoại đạo, lấy nước dùng bên ngoài, tắm trừ cấu uế bên ngoài, tự khởi kiều mạn tà vạy, cho là đạt được thanh tịnh bậc nhất, nên kiến lập ba thứ thanh tịnh ấy, là nhân siêu việt của xứ sinh tịnh, bất tịnh nơi đệ nhất nghĩa.

Lại có ba thứ tịch mặc, vì nhằm đoạn trừ kiến chấp về trì giới tịch mặc nơi các ngoại đạo, tạm dứt ngôn ngữ, tự dấy khởi tà chấp, cho là đã đạt được tịch tĩnh chân thật. Lại vì để nêu rõ về tịch mặc không điên đảo, nên kiến lập ba thứ tịch mặc chân thật. Tức là giới được bậc Thánh ưa chuộng, thuộc về hai nghiệp thân ngữ cùng tâm vô lậu.

Lại có ba pháp, có thể khiến cho người ở chốn xa lìa đoạn trừ các thứ tâm tư bất chánh đang hiện hành. Đó là sự hổ thẹn và ái kính được sinh khởi do kẻ khác phỉ báng, khiến lực tăng thượng của lợi lớn bị thoái thất.

Lại dựa nơi đạo và quả của đạo, nên biết có ba thứ vô thượng tối thắng. Đó là trí vô thường, trí khổ và trí vô ngã, cùng các vô thượng tối thắng: bốn thứ hành tích như lạc tốc thông v.v..., các bậc hữu học, vô học nơi tất cả thế gian xuất thế gian, thời giải thoát, tâm bất động giải thoát. Người tu hành quán, trước đạt được trí ấy, do trí này nên đoạn trừ các phiền não. Tiếp theo, tu các hành tích, tu hành tích xong, tâm được giải thoát.

Lại có ba minh, nên biết là nhằm hiển bày tánh vô minh của hàng Sa-môn, Bà-la-môn ngu tối đối với Niết-bàn hiện pháp, tà chấp về hai biên đoạn thường nơi tiền tế trung tế hậu tế, nên kiến lập ba minh.

* *Đã nói ba thứ xử là chỗ nên nhận biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo nói về bốn thứ: Tức có bốn pháp, có thể gồm thâu tất cả đối tượng nhận thức và trí. Đó là thân cùng với tuệ duyên nơi cảnh của thân, và niệm trụ tăng thượng của văn tư tu dùng làm chỗ nương dựa. Như thân cùng tuệ duyên nơi cảnh của thân, nên biết thọ tâm pháp cùng tuệ duyên nơi cảnh của thọ tâm pháp, cũng vậy.*

Lại có sai biệt, đó là bốn thứ trói buộc:

- (1) Trói buộc của chấp giữ.
- (2) Trói buộc của lãnh thọ.
- (3) Trói buộc của phân biệt.
- (4) Trói buộc của chấp trước.

Nên biết, tâm đối với thân, do sự trói buộc của chấp giữ ràng buộc. Đối với thọ, do sự trói buộc của lãnh thọ bên trong ràng buộc. Đối với tướng nơi cảnh giới của sắc v.v... do sự trói buộc của phân biệt ràng buộc. Tức đối với thân v.v... được nói đến, do sự trói buộc của chấp trước các phiền não đại, tiểu như tham, sân v.v... ràng buộc. Đối trị bốn thứ trói buộc như thế, nên lập bốn niệm trụ.

Lại có bốn thứ như dục, cần đứng đầu, quan sát về lỗi lầm và sự đối trị lỗi lầm dùng làm chỗ nương dựa, có thể đoạn trừ các pháp bất thiện hiện hành cùng đoạn trừ mọi trói buộc của chúng. Có thể đạt được pháp thiện và làm tăng trưởng chúng.

Lại có bốn thứ, vì muốn cho tâm trụ, vì muốn cho người tu phương tiện đạt được định thù thắng, vì muốn cho tâm trụ nơi môn có thể sinh trưởng như ý. Đó là:

- (1) Vui thích xuất ly dục.
- (2) Thọ trì, đoạn tận, tinh tấn sám hối lỗi lầm.
- (3) Có thể giữ lấy tâm của tướng định hiện thiện.
- (4) Trụ nơi chốn vắng lặng, quan sát các pháp.

Lại có bốn thứ tâm trụ nơi tâm định:

- (1) Tâm trụ có tầm có tứ có hỷ.
- (2) Tâm trụ không tầm, không tứ, chỉ có hỷ.
- (3) Tâm trụ không tầm, không tứ, lia hỷ.
- (4) Tâm trụ nơi niệm xả thanh tịnh, vượt quá tất cả khổ lạc.

Lại có bốn thứ chân thật nơi đối tượng nhận thức do hai phẩm nhiễm ô, thanh tịnh sai biệt nên kiến lập bốn thứ. Nếu người có thể biết rõ, khéo nhận biết rõ, tức có thể đoạn trừ tất cả phiền não do bậc kiến đạo, tu đạo đoạn. Đó là:

- (1) Chân thật nơi quả của phẩm nhiễm ô.
- (2) Chân thật nơi nhân của phẩm ấy.
- (3) Chân thật nơi quả của phẩm thanh tịnh.
- (4) Chân thật nơi nhân của phẩm ấy.

Lại có bốn thứ tướng dẫn đầu bị hý luận trói buộc. Đó là:

- (1) Ở trong dục nhỏ, tướng dẫn đầu, bị hý luận trói buộc.
- (2) Ở trong sắc lớn, tướng dẫn đầu, bị hý luận trói buộc.
- (3) Nơi vô lượng không, thức vô biên xứ, tướng dẫn đầu, bị hý luận trói buộc.
- (4) Nơi vô sở hữu xứ, tướng đứng đầu, bị hý luận trói buộc.

Lại có bốn pháp, đối với các hữu tình có thể đối trị sân hại, không ưa thích dục tham, lúc khéo tu tập có thể sinh khởi phước lớn, có thể hướng đến lia dục. Đó là: Từ Bi Hỷ Xả.

Lại có bốn pháp, vượt quá cõi sắc, khiến thành phần xa. Đó là: Xứ không, xứ thức, xứ vô sở hữu và xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại có bốn thứ pháp nhận giữ thù thắng, khiến cho sự giải thoát mau chóng được viên mãn, khiến cho người siêng năng tu hành giải

thoát dục như bậc Thánh. Vì nhằm đoạn trừ sức tăng thượng của bốn ái. Đó là: Ít mong cầu về y phục, ăn uống, ngọa cụ, không tạo, không loạn, thời gian không để trôi qua uổng phí, siêng tu phương tiện, tâm lìa tán loạn, ưa đoạn trừ phiền não, thích tu chánh đạo.

Lại có bốn thứ đoạn trừ các phiền não, tu tập đạo quả. Đó là:

(1) Đoạn trừ phiền não do bậc kiến đạo đoạn.

(2) Đoạn trừ phẩm trung, thượng của biết hạ phần, do bậc tu đạo đoạn.

(3) Đoạn trừ rốt ráo các thứ phiền não ấy.

(4) Đoạn trừ rốt ráo kiết thượng phần.

Lại có bốn thứ chứng đắc chi Dự lưu, có thể khiến cho hành giả ở trong Thánh giáo của Phật và nẻo thiện hoàn toàn bất động. Đó là, nơi trụ xứ của bậc Đại sư, tâm thanh tịnh không động do giác ngộ chân thật sinh khởi. Như ở trụ xứ của bậc Đại sư, nên biết, ở nơi pháp được chứng đắc cùng trụ xứ của hành giả tu chứng pháp, cũng vậy. Ba loại như thế gọi là tâm thanh tịnh. Một loại thứ tư, gọi là sắc thanh tịnh, vì thuộc về giới được bậc Thánh ưa chuộng. Ba thứ trước, khiến ở nơi Thánh giáo không có dao động. Một loại sau cùng khiến không có dao động đối với nẻo thiện.

Lại có bốn thứ chứng đắc chi Dự lưu. Đó là:

(1) Đối với bậc thầy giảng pháp và giáo thọ hay khéo phụng sự, không hề trái phạm.

(2) Đối với pháp được nêu giảng và giáo thọ luôn lắng nghe thuận hợp.

(3) Nơi pháp được nghe, nên chánh tư duy cùng khéo thông đạt.

(4) Tu tập thành tựu đầy đủ.

Lại có bốn trí gồm thâm tất cả trí. Đó là:

(1) Trí có thể hiện thấy ở trong các pháp chỉ là vô lậu.

(2) Trí hoàn toàn vô lậu, ở trong các pháp không hiện thấy.

(3) Trí thế gian hoàn toàn hữu lậu, hoặc dẫn khởi như lý, hoặc dẫn khởi không như lý, hoặc dẫn khởi phi như lý phi bất như lý.

(4) Trí sai biệt của tha tâm chung cả hữu lậu, vô lậu.

Lại có bốn thứ trí chân thật có thể giữ lấy nơi phẩm chuyên, hoàn, có thể dứt hết các lậu. Đó là:

(1) Trí chân thật của quả nơi phẩm chuyên.

(2) Trí chân thật của nhân nơi phẩm chuyên.

(3) Trí chân thật của quả nơi phẩm hoàn.

(4) Trí chân thật của nhân nơi phẩm hoàn.

Lại có bốn pháp, có thể khiến cho người tin tưởng tu tập chánh phương tiện, đoạn trừ phiền não. Đó là:

(1) Tinh tấn dụng công, ân cần nối tiếp.

(2) Niệm trì hành chân chánh.

(3) Xa-ma-tha.

(4) Tỳ-bát-xá-na.

Lại có bốn thứ pháp có thể thông đạt, có thể dứt hết dấu vết nương dựa của các lậu thượng phẩm. Đó là nhằm chứng đắc Thánh đạo, tu tuệ hữu lậu. Đã được đạo rồi, làm tổn giảm các phiền não và các sự việc một cách rốt ráo, đoạn trừ vĩnh viễn mọi thứ phiền não. Như đạo đã chứng đắc, lại chuyển tăng tu tập.

Lại có bốn pháp, lần lượt tương ưng, có hành có duyên hòa hợp chuyển mà chuyển, đồng một duyên chuyển. Đó là thọ tướng hành thức.

Lại có bốn thứ hộ trì, có thể khiến cho người đã hội nhập Thánh giáo của Phật yêu thích Thánh giáo. Đó là:

- (1) Hộ trì thân mạng.
- (2) Hộ trì lực.
- (3) Hộ trì tâm còn phiền não.
- (4) Hộ trì phương tiện chân chánh.

Lại có bốn thứ nơi chốn, là chỗ dựa của hành nghĩa không điên đảo, có thể đạt được chánh kiến. Do ba thứ trước nên lúc hành được thanh tịnh. Do một thứ sau nên khi trụ được thanh tịnh. Đó là người gìn giữ căn môn, nơi các cảnh giới không thuận không trái. Vì giữ gìn căn môn, nên niệm lực tăng thượng, theo chánh trí mà hành. Người trụ nơi hạnh xa lìa, tâm không cấu nhiễm, chuyên chú nơi một duyên.

Lại do bốn hành nên biết có thể chứng đắc tuệ sáng (minh) và giải thoát. Do niệm nhãn, tuệ nên có thể chứng đắc tuệ sáng. Lại do thân nên có thể chứng đắc bất động giải thoát và thời giải thoát.

Lại có bốn pháp, có thể làm chỗ dựa rộng lớn sinh khởi các sắc được tạo với vô số sai biệt. Đó là:

- (1) Tánh bền chắc.
- (2) Tánh âm thấp.
- (3) Tánh âm áp.
- (4) Tánh nhẹ, động.

Lại có bốn pháp, có thể duy trì các loài hữu tình đã sinh khiến được trụ lâu dài, có thể thâm tóm lợi ích cho người tìm cầu hữu. Trong phần Nhiếp sự sẽ phân biệt rộng.

Lại có bốn thứ là dấu vết nơi chỗ dựa của các thức lưu chuyển trong sinh tử. Đó là, đối với các sắc đã thấy rồi thì hướng tới. Do tham ái, nên lấy làm cảnh giới của đối tượng duyên, đối tượng nương dựa, cùng với hữu kiến lập. Như đối với các sắc, đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên biết cũng vậy.

Lại, các Bí-sô, do tham luyến thân mạng của hiện pháp, lấy làm chỗ nương dựa, nên đối với các thứ y phục, ăn uống, đồ nằm, sinh tham ái, mong cầu. Do tham luyến thân mạng của hậu pháp, lấy làm chỗ nương dựa, nên đối với đời sau sinh tham ái mong cầu. Vì si mê đối với Niết-bàn, lấy làm chỗ nương dựa, nên ở nơi không hữu sinh tham ái, mong cầu. Như vậy lược có bốn thứ tham ái, mong cầu: Đó là tham ái về y phục, ăn uống, đồ nằm và tham ái về hữu không hữu.

Lại có bốn pháp, có thể khiến cho hữu tình hiện hành tạo tác những việc không nên làm. Đó là thuận theo việc đáng yêu thích, trái ngược với việc không đáng yêu thích, sợ hãi kẻ địch mạnh, tâm ý điên đảo, ngu tối đối với hiện pháp và quả của hậu pháp.

Lại có bốn thứ thừa hỏi ghi luận, có thể đoạn trừ nghi hoặc, có thể tỏ ngộ điều chưa tỏ ngộ, lại có thể nhận giữ lực quyết trạch thù thắng. Đó là, đối với thật tướng của các pháp, nên hoàn toàn ghi nhận. Đối với dị thực nơi nghiệp quả của các hữu tình, nên phân biệt, ghi nhận. Đối với chỗ nêu bày ẩn mật, không phải hỏi một lượt mà nên ghi nhận để cất vấn. Đối với chỗ không như lý, phải nên ghi nhận để qua một bên. Ở trong câu hỏi này, vì sao gọi là ghi nhận? Tức là ghi nhận lời hỏi của kẻ kia. Đức Phật Thế Tôn nơi trường hợp này không ghi nhận.

Lại có bốn thứ tuệ xả, hoặc thanh tịnh hoặc không thanh tịnh. Ba loại thanh tịnh, đó là: (1) Chỉ giới, kiến của tự thân đầy đủ. (2) Chỉ giới, kiến của kẻ khác đầy đủ. (3) Hoặc giới, kiến của mình và người đều đầy đủ.

Một loại không thanh tịnh, đó là hai thứ giới, kiến của mình và người đều không đầy đủ.

Người thanh tịnh, sẽ sinh vào nẻo thiện, tài sản dồi dào. Kẻ không thanh tịnh, sẽ sinh vào nẻo ác, của cải không có.

Lại có bốn thứ phương tiện gồm thâm đại chúng, có thể thâm tóm giáo hóa hết thảy đại chúng. Đó là:

- (1) Phương tiện đem lại lợi ích.
- (2) Phương tiện thâm nhận.
- (3) Phương tiện dẫn dắt.
- (4) Phương tiện tu trị.

Lại có bốn thứ môn nương dựa của các loài hữu tình từ nghiệp sinh và sinh nơi các nẻo kia. Đó là:

- (1) Do nghiệp và vô trứng.
- (2) Do nghiệp và bào thai.
- (3) Do nghiệp và sự nhiễm ô nhuần thấm.
- (4) Chỉ do nghiệp.

Lại, các hữu tình thọ sinh có bốn cách chết:

(1) Do tự mình nên chết. Tức chư thiên thọ sinh trong cõi trời Hý Vong Ý Phần.

(2) Do kẻ khác nên chết. Đó là các hữu tình thuộc về bốn vị Yết-la-lam, Át-bộ-đàm, Bế-thi và Kiện-nam trong thai mẹ.

(3) Cùng do cả hai, nên chết. Là các hữu tình còn lại nơi cõi dục.

(4) Cùng không do cả hai, nên chết. Là các hữu tình hiện có nơi cõi sắc, vô sắc, sau cùng là cõi trời Hữu Đảnh.

Lại có bốn đạo thanh tịnh:

(1) Không phải căn dụng công viên mãn, cũng không phải hỷ lạc viên mãn.

(2) Căn dụng công viên mãn, không phải hỷ lạc viên mãn.

(3) Hỷ lạc viên mãn, không phải căn dụng công viên mãn.

(4) Hỷ lạc viên mãn, cũng là căn dụng công viên mãn.

Lại có bốn đạo thanh tịnh. Đó là:

- (1) Thuyết giảng pháp và Tỳ-nại-da trái với điều ác.
- (2) Thuyết giảng pháp và Tỳ-nại-da hướng đến điều thiện.
- (3) Đạo tư lương.
- (4) Đạo thanh tịnh.

Ở đây, loại thứ nhất, như có hữu tình, đối với kiến chấp của ngoại đạo và trong các hành dẫn đến khổ vô nghĩa, tâm không yêu thích, cũng không chấp nhận. Loại thứ hai, tức như có một hữu tình, ở trong các sự thiện xảo như uẩn xứ giới, duyên khởi, xứ phi xứ v.v... yêu thích chấp nhận, lại có thể gắng nhận chịu các khổ như nóng lạnh v.v... Loại thứ ba là chỉ cho chánh pháp thuộc về tư lương thiện như giữ gìn căn môn, trì giới thanh tịnh. Loại thứ tư là các pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đoạn trừ phiền não, trụ nơi hiện pháp lạc.

Lại có bốn thứ phương tiện tâm học tăng thượng. Đó là người chưa lia đục, làm cho chúng đắc quả Bất hoàn. Hoặc quả Bất hoàn dựa nơi định vị chí, cầu trụ nơi hiện pháp lạc. Lại khiến cho kẻ khác dứt trừ các pháp ác, cùng sinh đến nẻo thiện. Lại vì mình diệt trừ các phiền não, đạt được quyết trạch thù thắng.

Lại có bốn tướng sai biệt của hai nghiệp. Đó là nghiệp thuộc về chuyển có ba tướng sai biệt. Nghiệp về hoàn lập chung một loại. Nên biết, nghiệp thứ nhất hoàn toàn có thể chiêu cảm quả báo của nẻo ác với quả không đáng yêu thích. Nghiệp thứ hai hoàn toàn có thể chiêu cảm quả đáng yêu thích nơi dị thực của cõi sắc, vô sắc. Nghiệp thứ ba có thể chiêu cảm quả ái phi ái nơi dị thực của nẻo người và trời thuộc Dục giới. Nghiệp thứ tư có thể đoạn dứt ba nghiệp trước.

Lại có bốn thứ sự việc siêng năng tăng thượng của các loài hữu tình. Đó là:

- (1) An lạc mà chẳng phải là lợi ích.
- (2) Lợi ích mà chẳng phải là an lạc.
- (3) Cũng an lạc, cũng lợi ích.
- (4) Chẳng phải an lạc, chẳng phải lợi ích.

Lại có bốn môn, dấy khởi các phiền não, có thể khiến cho hữu tình cùng với các khổ như sinh v.v... hòa hợp không lia. Đó là:

- (1) Môn nhiễm đắm các dục.
- (2) Môn nhiễm vương đẳng chí nơi cõi sắc, vô sắc.
- (3) Môn các kiến chấp của ngoại đạo.
- (4) Môn không trí của người chưa được mắt, trụ trong pháp áy.

Lại, tu tập Thánh đạo, khiến cho các khổ do bốn môn kia sinh ra, mau chóng được lia trôi buộc. Như có thể khiến hữu tình cùng với khổ hòa hợp, có thể khiến cho hữu tình thuận theo dòng sinh tử, giữ lấy nghiệp của đời sau, khó có thể giải thoát, nên biết cũng vậy.

Lại có bốn thứ Bồ-đặc-già-la (Hữu tình), nên biết là thấu tóm toàn bộ các Bồ-đặc-già-la. Đó là:

- (1) Hàng phàm phu.
- (2) Hàng hữu học chưa lia dục.
- (3) Hàng hữu học đã lia dục.
- (4) Tất cả bậc vô học vượt khỏi Tát-ca-da-kiến.

Lại có bốn thứ Bồ-đặc-già-la:

(1) Tự trụ nơi luật nghi, nhưng không thể vì người khác nêu giảng chánh pháp.

(2) Tự không trụ nơi luật, nhưng có thể giảng nói chánh pháp cho người khác.

(3) Cùng có thể hành trì cả hai.

(4) Cùng không thể hành trì cả hai.

Lại có bốn thứ Bồ-đặc-già-la:

(1) Tộc họ thấp kém, hiện hành pháp bạch.

(2) Tộc họ tôn quý, hiện hành pháp ác.

(3) Tộc họ thấp kém, hiện hành pháp ác.

(4) Tộc họ tôn quý, hiện hành pháp bạch.

Ở đây, loại thứ nhất: Hiện pháp có khổ chẳng phải nơi hậu pháp. Loại thứ hai: Hậu pháp có khổ, chẳng phải nơi hiện pháp. Loại thứ ba: Hai đời cùng có khổ. Loại thứ tư: Hai đời cùng an lạc.

Lại có bốn loại Bồ-đặc-già-la:

(1) Do khổ tự nhận lấy, không nhận nơi kẻ khác mà sinh phi phước. Tức là kẻ thọ nhận giới tự khổ của ngoại đạo.

(2) Do khổ nhận lấy nơi kẻ khác, không nhận nơi tự mình mà sinh khởi phi phước. Nghĩa là tùy có một kẻ không luật nghi.

(3) Do khổ cùng nhận lấy nơi cả hai, mà sinh khởi phi phước. Đó là các quốc vương và các chủ cúng tế ngựa.

(4) Không do nhận khổ nơi mình và nơi người khác mà sinh phước lớn. Đó là các bậc trụ nơi tinh lự và những Bồ-đặc-già-la là các ác.

Lại lược nêu có bốn thứ ngôn ngữ lỗi lầm:

(1) Không thật.

(2) Trái lìa.

(3) Hủy hoại đức.

(4) Vô nghĩa.

Trái hẳn với bốn thứ trên, nên biết tức là bốn thứ ngôn ngữ đức độ.

Lại lược nêu có bốn thứ vọng ngữ chẳng phải là Thánh. Đó là đối với việc thấy chẳng thấy nêu bày điên đảo. Đối với các việc, nghe chẳng nghe, hiểu chẳng hiểu, biết chẳng biết, cũng nêu bày điên đảo như vậy. Trái với bốn thứ trên, nên biết tức là ngôn ngữ chân thật của Hiền Thánh.

** Đã nói bốn thứ xử là chỗ nên nhận biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo nói về năm thứ: Nghĩa là có năm thứ nhóm hành thuộc về tạp nhiễm, nơi phẩm của các dục tham, thô trọng theo đuổi, lưu chuyển. Đó là:*

(1) Nhóm hành của tự tánh nơi đối tượng duyên, đối tượng nương dựa.

(2) Nhóm hành của tự tánh nơi chủ thể lãnh nhận.

(3) Nhóm hành của tự tánh nơi chủ thể phân biệt về ngôn thuyết, phân vị, giữ lấy tướng của pháp.

(4) Nhóm hành của tự tánh nơi chủ thể tác dụng.

(5) Nhóm hành của tự tánh nơi chủ thể phân biệt nhận rõ.

Trái hẳn với năm nhóm này, nên biết là nhóm hành của tự tánh thuộc về thanh tịnh, nơi phẩm là dục tham, thô trọng hoàn diệt.

Lại có năm thứ cảnh giới, là chôn yêu thích của người thọ dụng dục, những kẻ ưa thích dục luôn theo đuổi, cầu tìm, luôn thọ dụng, những người từ bỏ dục luôn quan sát đúng đắn. Đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Nên biết ở đây, dựa nơi các sự theo đuổi, cầu tìm, tầm tư, nhiễm đắm tức có bốn thứ yêu thích. Nghĩa là:

(1) Sự yêu thích của vị lai: Tức là theo đuổi, cầu tìm.

(2) Sự yêu thích của quá khứ: Tức là tâm tư.

(3) Sự yêu thích của hiện tại: Tức là nhiễm đắm. Loại này lại có hai thứ: (a) Sự việc nơi đối tượng được yêu thích. (b) Thọ nhận yêu thích từ đối tượng kia sinh.

Lại có năm thứ tự thể của hữu tình được thọ nhận dị thực của nghiệp quả yêu thích không yêu thích. Đó là trời, người, địa ngục, bàng sinh, nẻo quỷ.

Lại có năm thứ hành của nhân mất lợi dưỡng, cũng là hành của nhân trái với Niết-bàn. Đó là: Như ở nơi này thọ dụng lợi dưỡng, hoặc từ nơi kia mà có được, hoặc các vật đạt được, hoặc chỗ làm có được, hoặc đạt được như thế, đối với những thứ ấy, tâm sinh tiếc lẩn.

Lại có năm pháp, khiến cho người tu hành, trước là hủy hoại tịnh giới, đa văn, sau là làm tổn hại phần thiện của chỉ, quán. Đó là: Ở trong các dục tâm sinh ái nhiễm. Nơi trụ xứ của các bậc dạy khuyên, trao truyền, có thể phát khởi sự nhớ nghĩ, hiểu biết thì tâm sinh giận dữ. Chưa thọ giới thì khiến không thọ. Tuy trước đã được thọ, sau khiến xả bỏ. Hoặc khiến trốn tránh công việc, ham ưa ngủ nghỉ, luôn không tịch tĩnh, hồi tiếc việc nhiễm ô đã qua, thường mang nặng nghi hoặc, đối với pháp được nghe không thể lãnh nhận, tuy lúc đầu có lãnh nhận, sau muốn nhớ lại thì quên mất. Dù không quên mất thì cũng không biết quyết định.

Lại có hai thứ hạ phần: tức kiến đạo là hạ phần của tu đạo. Dục giới là hạ phần của Sắc giới, Vô sắc giới.

Căn cứ theo hai thứ hạ phần này để nói về năm kiết hạ phần.

Dựa nơi hạ phần thứ nhất để nói về thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Dựa vào hạ phần thứ hai để nói về tham dục, sân hận.

Lại có hai thứ thượng phần là Sắc giới và Vô sắc giới. Dựa vào hai thứ thượng phần này, để nói về năm kiết thượng phần. Hoặc kiết

của hữu không sai biệt. Đó là tham của cõi sắc và tham của cõi vô sắc. Hoặc kiết của hữu có sai biệt. Tức là trạo cử của kẻ tham ái nơi tinh lự trên, là mạn của kẻ kiêu mạn nơi tinh lự trên, là vô minh của kẻ vô minh nơi tinh lự trên.

Lại có năm thứ không tin kính nơi người nắm giữ, tâm không điều hòa, không thể sinh trưởng các thứ căn bản thiện. Đó là đối với chánh pháp do bậc Đại sư thuyết giảng, như Giới học tăng thượng, Tâm học tăng thượng, Tuệ học tăng thượng, đối với các bậc phát khởi chánh giác, bậc giáo thọ chân chánh, bậc giáo giới chân chánh, ở chỗ hạng đồng phạm hạnh, không có tin kính.

Lại có năm thứ chướng ngại đối với chánh tinh tấn để đoạn trừ phiền não. Đó là:

- (1) Tham đắm đối với đẳng chí khiến sinh khởi.
- (2) Tham đắm đối với lợi dưỡng, sự cung kính.
- (3) Phóng dật.
- (4) Tuệ ác.
- (5) Tâm thấp kém hoặc tăng thượng mạn.

Lại có loại Bồ-đặc-già-la không thể nhẫn chịu nên ở chỗ kẻ oán địch khởi năm thứ hành tà. Do là người không nhẫn chịu, đối với kẻ oán địch khác trước đây tâm giận dữ, ý thích oán hiềm. Đối với thân hữu của kẻ kia ưa muốn phá hoại. Thường muốn khiến cho kẻ kia phát sinh sầu khổ nên làm đủ tất cả các việc không lợi ích, hủy hoại giới luật thanh tịnh mình đã thọ nhận, do thân ngữ ý tạo nhiều hành ác. Vì năm thứ hành tà ác ấy, nên có thể chiêu cảm hai thứ lỗi lầm đặng lưu nơi đời sau, sinh trở lại nơi này. Một thứ là lỗi lầm đặng lưu của hiện pháp. Một thứ là lỗi lầm dị thực của hậu pháp. Đó là trong đời này có nhiều các thứ oán địch, thân hữu lia bỏ, do kẻ khác phát khởi vô số sầu khổ, các sự việc không yêu thích luôn hiện tiền. Lúc lâm chung sinh nhiều lo, hối. Sau khi mạng chung, bị đọa vào nẻo

ác. Trái với trường hợp trên, là người có thể nhẫn chịu, đối với kẻ oán địch khác, phát khởi năm thứ hành chân chánh. Do đấy nên chỗ chiêm cảm về dị thực tốt đẹp khác hẳn với kẻ trước, theo chỗ ứng hợp nên biết.

Lại có năm pháp, có thể sinh khởi tất cả khổ não của hiện pháp và hậu pháp. Đó là:

- (1) Thân thuộc mất hết.
- (2) Tài sản, vật báu vô có bị mất mát.
- (3) Bệnh tật luôn đeo đuổi nơi thân.

Ba thứ này có thể sinh khổ não nơi hiện pháp.

- (4) Hủy phạm giới luật.
- (5) Do các thứ tà kiến ác kiến nên hủy báng tất cả.

Hai thứ này có thể sinh khổ não nơi hậu pháp.

Trái hẳn với năm pháp này, nên biết là có thể sinh khởi hỷ lạc hiện có của hiện pháp và hậu pháp.

Lại nữa, bậc A-la-hán tuy hiện tại còn phải cầu tìm các vật dụng tài sản để nuôi thân, cũng luôn thọ dụng, nhưng có thể vượt quá ba thứ cầu tìm tà vạy và hai thứ thọ dụng bất chánh. Đó là có thể vượt quá ba thứ cầu tìm tà vạy do sát sinh, trộm cắp, vọng ngữ dẫn dắt. Cũng có thể vượt quá hai thứ thọ dụng bất chánh là mê thiếp và sự nuôi chứa.

Lại, người tu tập đoạn trừ, thành tựu năm pháp, theo chỗ mong muốn, đối với các phẩm thiện, theo phương tiện tu hành, cũng có thể mau chóng chứng đắc thông tuệ rốt ráo. Đó là:

(1) Đối với pháp tu tập đoạn trừ, mong muốn mạnh mẽ, theo như giáo pháp phụng hành.

(2) Đối với những gì mình hiện có, đều thành thật bày tỏ.

(3) Thân lực khỏe mạnh.

(4) Tu tập phương tiện tương tục không gián đoạn, tâm ý luôn vững mạnh, sáng suốt.

(5) Thành tựu trí tuệ theo thời phần, thông đạt các tướng chi, cử, xả.

Lại có năm thứ, có thể đạt được giải thoát viên mãn, chán lìa pháp được đối trị. Đó là ở trong các pháp, có ba thứ ngu tối, dùng làm chỗ dựa đẩy khởi ba thứ điên đảo.

Ba thứ ngu tối là: (1) Ngu tối về hoàn cảnh. (2) Ngu tối về phần vị. (3) Ngu tối về tự tánh.

Ba thứ điên đảo là: (1) Đối với vô thường, điên đảo cho là thường. (2) Đối với khổ, điên đảo cho là vui. (3) Đối với vô ngã, điên đảo cho là ngã.

Cùng với mưu cầu lợi dưỡng trông mong về thọ mạng. Vì nhằm đối trị năm pháp cần được đối trị như thế, nên khởi năm tướng giữ lấy. Nghĩa là, ở nơi các hành giữ lấy tướng vô thường, cũng giữ lấy tướng khổ. Ở trong các pháp giữ lấy tướng vô ngã. Trong sự ăn uống giữ lấy tướng ác nghịch. Đối với mạng căn, giữ lấy tướng trung, yểu.

Lại có năm thứ môn sinh trưởng tâm giải thoát chân chánh của hai hành giả thù thắng là tu định, tu trí.

Hành giả thù thắng tu định: Là nhân nơi nghe, dựa vào Thánh ngôn chân thật để luận bàn, nên hiểu đúng về nghĩa pháp. Như nhân nơi lắng nghe, nhân nơi đọc tụng kinh điển với âm thanh rộng lớn, nhân vì người khác mở bày xiển dương diệu nghĩa, tại chốn vắng lặng tư duy xét kỹ, hiểu đúng về nghĩa pháp, nên biết cũng vậy.

Hành giả thù thắng tu trí: Đối với tham dục loạn động loại thượng, đối trị là tư duy không điên đảo.

Lại có năm loại người tu hành quán, ý lạc, phương tiện thấy đều đầy đủ. Đó là, đối với Bồ-đề, Niết-bàn, khởi tin hiểu mạnh mẽ, gọi là ý lạc đầy đủ. Ân cần không gián đoạn, tu tập chánh trí, hành Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gọi là phương tiện đầy đủ.

Lại có năm pháp, khiến các hữu tình thọ nhận dị thực của nghiệp quả ái phi ái, thân tâm phiền não, thâm tóm đủ các khổ. Đó là khổ lạc ưu hỷ xả.

Lại do thành tựu về ý lạc, phương tiện thấy đều đầy đủ, không thoái chuyển, như đã nói ở trên, nên khiến người hành quán có thể mau chóng chứng đắc hiện quán về Thánh đế, cũng khéo an trụ nơi các phẩm thiện thù thắng.

Lại có năm thứ sinh sai biệt của bậc hữu học lìa dục của Dục giới, chưa dứt hết các kiết còn lại. Đó là:

(1) Trụ nơi trung hữu, liền có thể rốt ráo đạt được Bát Niết-bàn.

(2) Ở nơi cõi tĩnh lự thứ nhất, vừa mới thọ sinh, liền chứng Niết-bàn.

(3) Sau khi thọ sinh, dùng công sức ít, nhưng Thánh đạo hiện tiền, liền chứng đắc Bát Niết-bàn.

(4) Dùng nhiều công sức, Thánh đạo hiện tiền, chứng đắc Bát Niết-bàn.

(5) Hoặc cho đến cõi sắc Cứu Cánh là biên vực tận cùng của Sắc giới, chứng đắc Bát Niết-bàn. Hoặc cho đến cõi Hữu Đảnh là biên vực tận cùng của Vô sắc giới mới có thể chứng đắc rốt ráo Bát Niết-bàn.

Lại có năm thứ sinh địa sai biệt của quả do tập tu tĩnh lự thứ tư chứng đắc Bất hoàn. Đó là:

(1) Sinh địa của quả tĩnh lự phẩm hạ.

- (2) Sinh địa của quả tĩnh lự phẩm trung.
- (3) Sinh địa của quả tĩnh lự phẩm thượng.
- (4) Sinh địa của quả tĩnh lự phẩm thượng thắng.
- (5) Sinh địa của quả tĩnh lự phẩm tối thượng.

Lại có năm thứ tác ý quan sát của người tu hành quán, có thể khiến cho phiền não nơi ba cõi quyết định vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn. Đó là, tuy nhớ nghĩ, phân biệt tư duy sâu xa về tướng dục, ở trong các dục đều không hướng nhập, tâm xả tự nhiên hiện hành nơi tướng lìa dục, nơi tướng lìa dục tức thì tư duy, nên có thể khiến tự nhiên hướng nhập. Như đối với tướng dục lìa dục như thế, thì đối với tướng giận không giận, tướng hại không hại, tướng sinh của đẳng chí nơi Sắc giới, tướng sinh của đẳng chí nơi Vô sắc giới cùng tướng Niết-bàn, nên biết cũng vậy.

** Đã nói năm thứ xứ là chỗ nên nhận biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo là nói về sáu thứ: Nghĩa là dựa nơi sáu tướng để nêu rõ về tám thứ sự sai biệt của hữu tình, vì khiến các chúng sinh rơi vào kiến chấp về ngã, thọ mạng của hữu tình, hướng nhập nơi vô ngã. Đó là:*

- (1) Sự sai biệt về chỗ dựa của ngã.
- (2) Sự sai biệt về cảnh giới.
- (3) Sự sai biệt về tự tánh.
- (4) Sự sai biệt về nhân thọ dụng.
- (5) Sự sai biệt về thọ dụng.
- (6) Sự sai biệt về tùy thuyết.
- (7) Sự sai biệt về tác dụng.
- (8) Sự sai biệt về hy vọng.

Ở trong những sự sai biệt như vậy, người tu hành quán chưa khéo thuần thực, bèn cho là có ngã. Dựa nơi các căn như nhãn v.v...,

đổi nơi các cảnh như sắc v.v... do xúc và thọ, nên có vô số thọ dụng, với tên gọi như vậy, chủng loại như vậy, tộc họ như vậy, ăn uống như vậy. Nơi mình nơi người, theo đầy đầy khởi các ngôn thuyết, tạo tác tất cả hành đúng pháp, phi pháp. Nơi sự việc đáng yêu thích hy vọng hòa hợp, tăng ích, trụ lâu. Đối với sự việc không yêu thích thì trông mong không hợp, tổn giảm, chẳng trụ. Nếu ở trong các sự sai biệt như vậy, người tu hành quán đã khéo thuận thực, bấy giờ mọi thứ vọng chấp đều không thể sinh.

Lại, đối với chỗ thật học có sáu thứ khinh miệt, có thể khiến cho pháp thiện, hoặc chưa đạt được, bị thoái thất, hoặc đã đạt được cũng bị thoái thất, xả bỏ Thánh giáo của Phật, cho đến chút ít tin tưởng cũng đều thoái thất. Đó là: Đối với Phật Pháp Tăng bảo, Giới học tăng thượng, Tâm học tăng thượng, Tuệ học tăng thượng, do bạn ác, nên ở nơi tâm tuệ tăng thượng chỉ khiến đạt được những giáo giới, giáo thọ kỳ quái. Do lời nói xấu ác nên thoái thất tất cả pháp thiện hiện có. Trái hẳn với trường hợp này, nên biết tức là sáu pháp thuộc phẩm bạch.

Lại nữa, tâm của hữu tình kết hợp với tác ý không như lý, cùng hiện hành, đối với cảnh như sắc v.v... có sáu thứ phân vị bình đẳng là chỗ dựa của tham. Như phân vị bình đẳng là chỗ dựa của tham, như thế thì phân vị không bình đẳng là chỗ dựa của sân, phân vị chẳng phải là bình đẳng chẳng phải là chẳng bình đẳng là chỗ dựa của si, nên biết cũng vậy.

Lại có sáu thứ thanh tịnh tốt cùng, chuyên làm chỗ dựa cho chính mình, rất ráo bậc nhất, không gián đoạn, không khuyết giảm, không có nhiễm ô, luôn trụ bình đẳng. Đó là, hoặc hành hoặc trụ, đối với nhãn nhận biết về sắc, cho đến ý nhận biết về pháp, luôn trụ nơi bình đẳng.

Lại có sáu pháp, là các sắc căn và nơi chốn nương dựa của chúng, theo chỗ nương dựa của sự ứng hợp, không có chướng ngại,

đã dẫn dắt, an lập, nuôi dưỡng, nơi chỗ sinh của các thứ ấy, tự tại mà chuyên. Đó là bốn đại chủng và không giới, thức giới. Như vậy, thức giới có thể ở hiện tại, tích tập, nhận giữ nghiệp phước, phi phước, có thể dẫn đến quả yêu thích không yêu thích nơi vị lai. Cũng có thể nắm giữ năm thứ sắc căn cùng nơi dựa của chúng, là chỗ nương dựa của thức khiến không bị hủy hoại.

Lại do lực tự tại của thức từ hiện pháp hậu pháp sinh khởi, khiến cho các hữu tình, ở trong nghiệp thiện, bất thiện, vô ký, chuyên biến có sai biệt.

Lại có ba xứ, những người tu hành khó có thể vượt qua. Đó là:

(1) Vượt qua các thứ nơi cõi dưới thuộc về dục tham, sân hại, bất lạc.

(2) Vượt qua tất cả hành tướng hiện hành.

(3) Vượt qua cõi Hữu Đảnh.

Vượt qua ba xứ khó có thể vượt khỏi ấy, nên biết do sáu thứ đối trị vô thượng: Bốn vô lượng là đối trị thứ nhất. Tam-ma-địa tâm vô tướng là đối trị thứ hai. Ngã mạn vĩnh viễn dứt hết là đối trị thứ ba.

Do hoàn toàn diệt bỏ chỗ cần đối trị như thế, nên các Tam-ma-địa thấy đều thành tựu đầy đủ. Vì khéo tu tập pháp đối trị, dứt trừ hẳn chỗ cần đối trị, khiến chúng quyết định không còn hiện hành nữa. Người đã đoạn trừ ngã mạn, rốt cuộc không cho ngã ấy là cứu cánh hay là không cứu cánh. Mọi thứ nghi hoặc như thế hay buộc nhiều loạn nơi tâm. Nên biết người có nghi hoặc tất không lìa ngã mạn. Nếu lìa ngã mạn, tất không còn nghi hoặc.

Lại có sáu thứ xứ căn bản của tranh chấp. Đó là:

(1) Lăn lượm mâu thuẫn, tạo điều không như ý.

(2) Che giấu các thứ ác.

(3) Ở trong các loại, nhân nơi việc thọ nhận lợi dưỡng, cho là những thứ của mình có.

(4) Dựa vào các thứ như y phục v.v... lại cùng lừa dối.

(5) Trái phạm đối với học xứ.

(6) Đối với pháp, nghĩa, chấp trước điên đảo.

Lại có sáu pháp, có thể đoạn trừ sáu xứ căn bản của tranh chấp như thế. Đó là: Tâm từ phát khởi nơi ba nghiệp thân ngữ ý, có thể đoạn trừ hai thứ đầu. Cùng thọ nhận lợi dưỡng, có thể đoạn trừ hai thứ ba, tư. Đồng hướng tới Thi la (Giới) có thể đoạn trừ loại năm. Đồng hướng tới chánh kiến, có thể đoạn trừ loại sáu.

Lại có sáu pháp, có thể thâm tóm tắt cả uy đức cứu cánh của các bậc tu hành. Đó là: Các thông thần cảnh, thiên nhãn, túc trụ, tha tâm và trí sinh tử, có thể thâm tóm uy đức. Lậu tận trí thông có thể thâm tóm cứu cánh.

Lại, Bồ-đặc-già-la đối với Thánh đế chưa đạt được hiện quán lược có sáu thứ pháp có thể gây chướng ngại cho hiện quán về đế. Đó là: Như trước đã nêu, do lực tăng thượng của ba thứ ngu si, nên dấy khởi ba thứ điên đảo, mưu cầu về lợi dưỡng và trông mong về thọ mạng. Ở đây có sai biệt: Tức ở trong chỗ thuận theo kiến chấp ác, nghe ác, nói ác, phân biệt ác, đã vui thích các sự kiến chấp ác, nghe ác, nói ác, phân biệt ác. Sự vui thích như thế, đối với tâm của hàng phàm phu chưa đạt được hiện quán về Thánh đế, có thể tạo nên sự loạn động tội cùng, gây chướng ngại hết mực không phải là đối với bậc Thánh. Vì thế nói điều ấy ở trong phần Tuệ sáng, không phải ở trong phần Giải thoát thành thực. Đối trị pháp có thể gây chướng ngại như vậy, nên biết tức là sáu thứ giữ lấy tướng chân chánh. Nghĩa là như trước đã nói về năm thứ giữ lấy tướng và một thứ nữa là giữ lấy tướng tất cả thế gian không thể an lạc.

Lại có hai thứ tùy niệm đầy đủ, gồm có sáu hành sai biệt, có thể khiến cho các bậc tu hành tâm bị chìm đắm, tự thúc đẩy tâm một cách đúng đắn, khiến sinh hoan hỷ. Đó là: (1) Tùy niệm đầy đủ về quy y: có ba thứ hành. (2) Tùy niệm đầy đủ về chứng đắc: có ba thứ hành. Đối với Phật Pháp Tăng, hành trì tùy niệm, gọi là tùy niệm về quy y. Đối với hành hướng đến Niết-bàn, hành hướng tới tài sản, hành hướng tới sinh thiên, hành trì tùy niệm, gọi là tùy niệm về chứng đắc.

Lại có sáu pháp, ở trong Tỳ-nại-da khéo thuyết giảng pháp, xác lập là vô thượng, không cùng chung với tất cả ngoại đạo. Đó là:

- (1) Thấy bậc Đại sư.
- (2) Nghe chánh pháp.
- (3) Được tâm tin tưởng thanh tịnh.
- (4) Thuận học tất cả học xứ hiện có.

(5) Nơi trụ xứ của bậc Đại sư, khởi hành tùy niệm. Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn là bậc Chánh đẳng giác, có thể thuyết giảng tất cả pháp, cho đến nói rộng.

(6) Lại, đối với bậc Đại sư, dùng thân ngữ hành, phụng sự cúng dường.

Lại có sáu pháp, có thể khiến cho người tu hành quán, vì nhằm dứt hết tham ái, quyết định biết rõ: Ta nơi hiện tại còn có tham ái, chẳng phải là không tham ái. Đó là, đổi nơi cảnh của sắc, cho đến cảnh của pháp, luôn thâm giữ lấy tâm.

Lại có sáu nhân duyên, nên biết các nghiệp là chỗ dựa thật sự, chẳng phải là chủng tộc, gia thế, giòng họ là chỗ nương dựa thật sự. Nghĩa là loại Bồ-đặc-già-la thuộc chủng tánh thấp kém nhất, cũng sinh khởi nghiệp bất thiện, thọ sinh nơi nẻo ác, cũng tạo nghiệp thiện, sinh nơi nẻo thiện. Cũng ở trong hiện pháp có thể chứng đắc Bát Niết-bàn. Ba loại chủng tánh tôn quý cũng vậy.

* *Đã nói sáu thứ xứ là chỗ nên nhận biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo là nói về bảy thứ: Đó là có bảy pháp, có thể đối với các đế, thấu tỏ như thật, đạt giải thoát viên mãn. Nghĩa là: Phẩm Tỳ-bát-xá-na (quán) có ba: (1) Trạch pháp. (2) Tinh tấn. (3) Hỷ. Phẩm Xa-ma-tha (chỉ) cũng có ba: (1) An. (2) Tam-ma-địa. (3) Xả. Niệm là chung cho hai phẩm quán và chỉ.*

Lại do căn, quả, giải thoát, nên kiến lập bảy thứ hữu tình. Ở trong hướng đạo, dựa vào hàng căn độn, căn lợi kiến lập Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Ở trong quả đạo, tức hai thứ này gọi là Tín giải thoát, Kiến đạo. Chương của định được giải thoát, không phải là chương của phiền não được giải thoát, nên kiến lập Thân chứng. Chương của phiền não được giải thoát, chẳng phải là chương của định được giải thoát, nên kiến lập Tuệ giải thoát. Chương của định và chương của phiền não cùng được giải thoát, nên kiến lập Câu phần giải thoát.

Lại do ba nhân duyên với bảy thứ hành, khiến cho người tu hành, tâm được nội định, tâm chuyên nơi một duyên. Đó là ba nhân duyên hướng nhập, an trụ, thâm nhận.

Nếu chánh kiến về thế gian, nhận biết rõ nhất định có các hành như bố thí v.v... và lấy đó làm chỗ dựa để nhận biết rõ về các hành: sống nơi gia đình là bức bách, chật hẹp, là cấu nhiễm v.v..., đạt chánh tư duy do xuất ly dẫn khởi, gọi là nhân duyên hướng nhập. Đã hướng nhập rồi, thọ trì chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, gọi là nhân duyên an trụ. Đối với hai nhân duyên này, về sau, tác ý phương tiện thuận hành, các thứ chánh tinh tấn, chánh niệm hiện có, gọi là nhân duyên thâm nhận.

Lại, những người thế gian thích cầu tìm của cải, tuy ưa thích tích tập mọi thứ của cải thông thường, cho là được an lạc, nhưng chưa có thể đạt được an lạc do bảy thứ Thánh tài phát sinh. Đó là:

(1) An lạc do cùng với tín đồng hành thanh tịnh.

(2) An lạc phát khởi từ việc được sinh nơi nẻo thiện.

(3) An lạc phát sinh do xét kỹ về sự tốt đẹp của mình vì không hành các điều ác, không có hối tiếc.

(4) An lạc phát sinh do xét kỹ, dù bị kẻ khác phi báng, không hành các điều ác, không có hối tiếc.

(5) An lạc phát sinh do đối với pháp với nghĩa cùng hành với sự lãnh hội đúng đắn.

(6) An lạc phát sinh do của cải vật dụng nơi đời sau không thiếu thốn.

(7) An lạc phát sinh do đối với Thắng nghĩa để đã giác ngộ như thật.

Vô lượng vô biên các thứ an lạc vô tội như vậy, những người vui thích cầu tích tập tài sản của thế gian đều chưa đạt được. Chỉ có được an lạc của vọng tưởng, có tội, phát sinh do tài sản nơi hiện pháp dồi dào.

Lại có bảy thứ lực của loại ma hoặc (ma phiền não). Đó là:

(1) Ganh ghét đối với Thánh giáo.

(2) Hiện tạo các hành ác, có thể sinh đến nẻo ác.

(3) Ưa thích hành theo pháp chương ngại, không xét kỹ về chỗ tốt đẹp của mình.

(4) Ưa thích hành theo pháp chương ngại, không xét kỹ về sự chê bai của kẻ khác.

(5) Đối với pháp thiện, bất thiện, có tội không tội, hoặc kém hoặc hơn, hoặc đen hoặc trắng, cùng trong pháp duyên khởi phân biệt rộng, đều không thể hiểu rõ.

(6) Cầu uế do keo kiệt che lấp tâm, chỉ biết tích chứa các vật dụng.

(7) Trí tuệ kém hẹp, ngu si tăng rộng.

Nếu có thể hàng phục bảy thức lực của loại ma hoặc như vậy, nên biết tức là bảy lực như tín v.v... trong Thánh pháp.

Lại có bảy thứ pháp, là chỗ chướng ngại đối với Niết-bàn là pháp đệ nhất nghĩa, có thể khiến cho chánh pháp suy thoái, mai một.

Bảy pháp như thế, do ba thứ suy tổn thâm tóm. Đó là:

(1) Suy tổn về thọ dụng.

(2) Suy tổn về ý lạc tăng thượng.

(3) Suy tổn về phương tiện.

Đối với các thứ như y phục v.v... thích cầu loại tốt đẹp, thích cầu nhiều về dục, cùng đầy khởi vô số thọ dụng đối với các vật kia, gọi là suy tổn về thọ dụng.

Đối với đạo và quả của đạo là Niết-bàn, tâm không tin hiểu, gọi là suy tổn về ý lạc tăng thượng.

Biếng nhác, mất chánh niệm, tâm loạn, tuệ ác, gọi là suy tổn về phương tiện.

Suy tổn về thọ dụng là phẩm loại căn bất thiện tham. Suy tổn về ý lạc, phương tiện là phẩm loại căn bất thiện si. Trái với các điều ấy, nên biết tức là bảy pháp thuộc phẩm bạch.

Lại có bảy thứ pháp loại Niết-bàn là pháp đệ nhất nghĩa, có thể khiến cho chánh pháp không suy thoái, an trụ lâu dài. Đó là:

(1) Tuệ do văn tạo thành.

(2) Tuệ do tư tạo thành.

(3) Tuệ do tu tạo thành.

(4) Không bị duyên ác nương dựa, xâm hại.

(5) Cầu tài sản, giáo pháp chân chánh.

(6) Không có tăng thượng mạn.

(7) Đối với các Bồ-đặc-già-la nên cúng dường, không nên cúng dường, có thể khéo phân biệt, lựa chọn.

Ở đây, do văn tuệ, nên đối với phần nghĩa chưa rõ, có thể hiểu rõ đúng đắn. Do tư tuệ, nên đối với phần nghĩa chưa hoàn toàn quyết định, có thể khéo tư duy. Do tu tuệ, nên đoạn trừ các phiền não. Do không có duyên ác nương dựa, xâm hại, nên có thể gắng sức tu tập đoạn trừ. Do cầu tài sản, giáo pháp chân chánh, nên mau chóng chứng đắc thông tuệ. Vì không có tăng thượng mạn, nên đối với chỗ chứng đắc các phẩm dưới không sinh biết đủ. Vì khéo có thể phân biệt lựa chọn các Bồ-đặc-già-la, nên đối với các hạng thế trí, đại phước không thích gần gũi, cũng không cúng dường, chỉ thích thân cận cúng dường các bậc thiếu dục v.v...

Lại có bảy thứ xứ sở thọ sinh của các loài hữu tình. Nơi xứ sở ấy, các hữu tình thọ sinh, các thức hiện tiền, nối tiếp mà trụ. Ở trong ba cõi, chỉ trừ nẻo ác, hữu tình vô tướng và xứ phi tướng phi phi tướng. Do nơi nẻo ác rất đáng chán lia, nên không lập thức trụ. Hữu tình vô tướng, hoàn toàn chuyển thức không còn hiện hành, nên không lập thức trụ. Xứ phi tướng phi phi tướng, vì hành và chẳng hành không quyết định, nên không lập thức trụ. Thân khác loại nên gọi là vô số thân. Tướng khác loại, nên gọi là vô số tướng. Nên biết, trái với các thứ này, gọi là một loại thân một loại tướng. Từ cõi Phạm Thế trở xuống, thân hình khác loại, do thân hình được sinh có vô số sắc tướng sai biệt.

Lại, các hữu tình có bảy thứ thô trọng, thấu tóm toàn bộ các thô trọng của phẩm loại phiền não. Đó là: Thô trọng của phẩm loại tham sân thuộc cõi kém. Thô trọng của phẩm loại tham thuộc cõi trung, cõi diệu. Thô trọng của phẩm loại nghi, kiến vô minh, mạn thuộc ba cõi kém, trung, diệu.

Lại, ở trong pháp luật ác được nêu giảng của ngoại đạo, nên biết có bảy thứ lỗi lầm. Đó là:

- (1) Lỗi lầm của kiến giải.
- (2) Lỗi lầm của hành.
- (3) Lỗi lầm của chỗ nương dựa.
- (4) Lỗi lầm của tư duy.
- (5) Lỗi lầm của công dụng.
- (6) Lỗi lầm của tâm tăng thượng.
- (7) Lỗi lầm của tuệ tăng thượng.

Các ngoại đạo ấy, tuy ít pháp được lắng nghe, thọ trì, nhưng luôn thuận theo bốn thứ điên đảo. Phàm đầy khởi ngôn luận, chỉ chuyên hủy báng kẻ khác để thoát khỏi vẩn nạn, vì muốn lợi hơn nên kiến giải được sinh đều có lỗi lầm. Giới cấm thọ nhận đều thuộc về phép tắc tà vạy nơi tà mạng, không thể khiến tự đạt được xuất ly, nên cũng có lỗi lầm. Thầy bạn được phụng sự, chỉ có thể giảng nói đạo điên đảo, nên cũng có lỗi lầm. Tư duy hiện có là cầu tìm nẻo xuất ly sai lạc, tổn hoại tâm, nên cũng có lỗi lầm. Mọi công dụng hiện có, đều lia phương tiện, nên cũng có lỗi lầm. Tâm tăng thượng ấy, thuộc về quên niệm, ái, mạn, cùng với vô minh, nghi nơi tinh lự trên, nên cũng có lỗi lầm. Tuệ tăng thượng ấy, là chỗ tổn hoại của 62 thứ kiến chấp, nên cũng có lỗi lầm.

Trái hẳn với những điều đó, nên biết là trong pháp luật thiện được nêu giảng, cũng có bảy thứ sự không lỗi lầm.

Lại có bảy pháp, khiến các Bí-sô khi đầy khởi những tranh cãi về trái phạm được ngừng dứt. Chỗ còn lại như trong phần Nhiếp sự sẽ nêu bày. Ở đây có bảy thứ sự tranh cãi về trái phạm, nên biết:

- (1) Sự tranh cãi về trái phạm do khai ngộ nơi hiện tiền.

(2) Sự tranh cãi về trái phạm do khai ngộ nơi quá khứ mất chánh niệm.

(3) Sự tranh cãi về trái phạm do khai ngộ không tự tại.

(4) Sự tranh cãi về trái phạm do tâm tư.

(5) Sự tranh cãi về trái phạm do quyết trạch.

(6) Sự tranh cãi về trái phạm do tự hồi tiếc.

(7) Sự tranh cãi về trái phạm do nhẫn nhục, hổ thẹn, kiến lập hai chúng lần lượt nêu tội.

HẾT - QUYỂN 14

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 15

Địa thứ 10: ĐỊA DO VĂN TẠO THÀNH, phần 3 (Phần Bản Địa)

* Đã nói bảy thứ xứ, là chỗ nên nhận biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo là nói về tám thứ: Nghĩa là có ba thứ pháp tu tập thuộc về tám chi Thánh đạo, khiến các Bí-sô đoạn trừ rốt ráo các kiết. Đó là: Tu giới. Tu định. Tu tuệ.

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng gọi là tu giới.

Chánh niệm, chánh định gọi là tu định.

Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn gọi là tu tuệ.

Lại do chánh phương tiện cùng lực tăng thượng của quả, nên kiến lập tám loại Bồ-đặc-già-la thuộc loại thanh tịnh. Đó là: Chư vị hành nơi bốn hướng, trụ nơi bốn quả.

Lại có hai loại thí với tám tướng sai biệt:

(1) Thí có lỗi lầm.

(2) Thí không có lỗi lầm.

Bảy loại thí trước gọi là có lỗi lầm. Một loại thí sau cùng gọi là không lỗi lầm. Đó là: Có bố thí do biếng nhác gây tổn hại nên có lỗi lầm. Hoặc có bố thí không theo chỗ mong muốn, nên có lỗi lầm. Tức

là người có tâm nhiễm, sợ hãi sợ bần cùng, mong cầu giàu vui mà hành bố thí. Hoặc có bố thí hồi tiếc về quá khứ, nên có lỗi lầm. Hoặc có bố thí trông mong về vị lai, nên có lỗi lầm. Hoặc có bố thí có lỗi khinh mạn, nên có lỗi lầm. Hoặc có bố thí mong cầu giàu vui, nên có lỗi lầm. Hoặc có bố thí cầu đạt sự nghe biết của kẻ khác, nên có lỗi lầm.

Bố thí không có lỗi lầm: Là bố thí hồi hướng về Niết-bàn vì lấy đó làm tư lương, do tâm không nhiễm ô nên được sinh đến nẻo thiện, vì nhằm đạt được tài sản lớn mà hành bố thí.

Lại dựa vào bốn xứ, ở trong tám thời, hướng nhập biếng trễ, không phát khởi tinh tấn, nên biết hữu tình như vậy là loại biếng nhác, không phải là loại tinh tấn. Đó là: Dựa vào xứ khát thực. Dựa vào xứ tạo tác. Dựa vào xứ du hành. Dựa vào xứ của cảnh giới không bình đẳng.

Dựa vào bốn xứ ấy, có tám thời sai biệt. Đó là: Thời ăn uống nhiều thứ ngon bổ, thân trở nên nặng nề. Thời ăn uống ít, thức ăn thô dở, thân trở nên gầy yếu. Thời sắp sửa làm việc, tiếc giữ sức lực. Thời đã làm việc, thân mỗi mệt. Thời chuẩn bị du hành, tiếc giữ sức lực. Thời đã đi qua đường dài, thân thể mệt mỏi. Thời đang bị bệnh khổ vậy buộc, hành hạ. Thời bệnh tật đã khỏi, sợ phát khởi trở lại.

Loại hữu tình biếng nhác này, cho đến chưa gặp chỗ dựa của biếng nhác, cũng đã ít giống với tinh tấn. Nếu được gặp rồi, thì mau chóng phát khởi biếng nhác. Do đó gọi là chủng loại biếng nhác. Trái hẳn với loại này, cũng dựa vào bốn xứ, ở trong tám thời phát khởi siêng năng tinh tấn. Nên biết, hữu tình như vậy, là loại siêng năng tinh tấn, có thể chế ngự biếng nhác, tuy gặp chỗ dựa của biếng nhác, cũng có thể phát khởi siêng năng tinh tấn, hướng hồ là không gặp. Vì thế gọi là loại siêng năng tinh tấn.

Lại có tám thứ nhân sinh điều khả ái thuộc về sự nguyện cầu chân chánh, có thể khiến ở trong các dục ưa thích sự sinh tăng thượng.

Người không cầu vĩnh viễn lia tất cả dục, sẽ sinh nơi tám xứ sinh khả ái. Đó là:

Loại mong cầu thấp kém trong nẻo người, tu hai nghiệp phước là thí, giới nhỏ.

Loại mong cầu tôn quý trong nẻo người an lạc, trong các nẻo trời: Tứ Đại vương, Tam thập tam, Dạ-ma, Đổ-sử-đa, Lạc-hóa, Tha-hóa-tự-tại, tu hai nghiệp phước là thí, giới nhỏ.

Lại do bốn nhân duyên, nên ở trong nẻo người, kiến lập bốn chúng của Như Lai. Do ba nhân duyên, nên ở trong nẻo trời, kiến lập bốn chúng. Do sự tăng thượng tột bậc, thế gian cùng thừa nhận là phước điền, thọ dụng các thứ tài sản không do kẻ khác, dứt bỏ tất cả tài sản của thế gian. Do bốn duyên ấy, nên ở trong nẻo người, kiến lập bốn chúng.

Dựa vào biên vực của đất, biên vực của cõi dục, biên vực của ngũ hành, do ba duyên này, nên ở trong nẻo trời, kiến lập bốn chúng.

Lại, ở nơi ba xứ của thế gian lúc chuyển biến, có tám pháp là đối tượng xúc thường hằng nơi thế gian. Đó là: Xứ lạc dục. Xứ công dụng. Xứ chúng duyên.

Nơi xứ lạc dục, lúc chuyển biến, hoặc xúc nơi lợi, hoặc xúc nơi không phải lợi.

Nơi xứ công dụng, lúc chuyển biến, hoặc xứng hợp với ý khác, hoặc không xứng hợp với ý. Ở phần vị mặt sau, xúc nơi chê khen. Ở phần vị hiện tiền, xúc nơi khen chê.

Nơi xứ chúng duyên, lúc chuyển biến, hoặc do đòi trước, hoặc do các duyên khổ vui của hiện pháp, nên xúc nơi khổ vui.

Lại có tám thắng giải, có thể dẫn đến quả Bất hoàn hoặc các thân thông bậc thánh của A-la-hán, cùng sự an trụ tối thắng. Nghĩa là: Thắng giải, không có sắc nhiễm ô bên ngoài, chưa điều phục

tướng về sắc bên trong. Là thắng giải thứ nhất. Thắng giải đã điều phục tướng về sắc bên trong. Là thắng giải thứ hai. Thắng giải xả bậc nhất, chẳng phải là hai sắc tịnh, bất tịnh. Là thắng giải thứ ba.

Ba giải thoát này đối với tất cả sắc được tự tại, nên có thể dẫn phát các thần thông bậc Thánh. Tức là các thần thông không chung với hết thủy phàm phu.

Năm thắng giải này: Thắng giải về không vô biên. Thắng giải về thức vô biên. Thắng giải về vô sở hữu. Thắng giải về phi tướng phi phi tướng. Thắng giải về tâm vận hành tự nhiên hết sức vi tế, theo thứ lớp khéo tu trị, nên có thể dẫn phát đẳng chí tướng thọ diệt, an trụ tối thắng.

Lại nữa, nếu quán các sắc, hoặc như ở trong ba giải thoát đầu đã quán mà tu tập: Tức là ba thắng xứ thuộc về đạo phương tiện của ba giải thoát. Ở đây, quán các sắc bên ngoài, hoặc nhỏ hoặc lớn, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn: Tức là quán sắc hiện có được nơi đối tượng hành phi Tam-ma-địa. Do duyên nơi tác ý của đối tượng hành nơi Tam-ma-địa, không có vô số hiện tiền, nên gọi là thắng. Ở trong đối tượng hành của Tam-ma-địa, hành Xa-ma-tha gọi là biết (tri), hành Tỳ-bát-xá-na gọi là thấy (kiến). Như nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa, hoặc biết hoặc thấy, cũng như đối với sắc kia, đã tầm tư rồi nên phân biệt, nhận biết rõ. Như thế, ở trong đối tượng hành nơi chẳng phải Tam-ma-địa, tướng về bên ngoài, quán các sắc cũng vậy.

** Đã nói tám thứ xứ là chỗ nên nhận biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo nói về chín thứ: Nghĩa là có chín kiết, như nơi phần Nhiếp sự sẽ kiến lập rộng.*

Lại có chín thứ xứ sinh, hữu tình thọ sinh nơi các xứ ấy, đều đồng cư trú. Nghĩa là trong ba cõi, trừ các nẻo ác là xứ đáng chán lìa, như trước đã nói.

* *Đã nói chín thứ xứ, là chỗ cần nên biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo là nói về mười thứ: Đó là mười biến xứ, nên biết tức là chỗ hành tác thành tựu của các giải thoát.*

Các giải thoát, thắng xứ, biến xứ còn lại như nơi phần Nhiếp sự sẽ phân biệt rộng.

Lại có mười chi vô học, nên biết thuộc về năm uẩn vô học. Đó là Giới uẩn, Định uẩn, Tuệ uẩn, Giải thoát uẩn, Giải thoát tri kiến uẩn.

Như vậy là đã nói mười thứ xứ nên biết nơi giáo pháp của Phật. Và các xứ nên biết nơi giáo pháp của Phật đã thuyết minh ở trước đều thuộc về xứ nội minh.

2. Thế nào là Xứ Y phương minh? Nên biết minh này lược nêu có bốn thứ. Đó là:

(1) Thiện xảo nơi tướng của bệnh.

(2) Thiện xảo nơi nhân của bệnh.

(3) Thiện xảo nơi việc dứt trừ bệnh đã sinh.

(4) Thiện xảo nơi phương tiện đã dứt trừ bệnh, sau đó không sinh trở lại.

Phân biệt rộng về nghĩa của thiện xảo như thế, nên biết như nơi kinh.

Đã nói về xứ y phương minh.

3. Thế nào là Xứ Nhân minh? Tức ở trong việc quan sát về nghĩa, với các sự việc hiện có. Điều này lại là thế nào?

Tụng nêu:

Luận thế, luận xứ sở

Luận cứ, luận trang nghiêm

Luận phụ, luận xuất ly

Luận tạo nhiều tác pháp.

Nên biết ở đây lược nêu có bảy thứ:

a. *Luận thể tánh.*

b. *Luận xứ sở.*

c. *Luận chỗ dựa.*

d. *Luận trang nghiêm.*

đ. *Luận đọa phụ.* (Roi vào chỗ thua)

e. *Luận xuất ly.*

f. *Luận tạo nhiều tác pháp.*

Ở đây:

a. *Thế nào là Luận thể tánh?* Nghĩa là có sáu loại:

(1) Ngôn luận.

(2) Thượng luận.

(3) Tránh luận.

(4) Hủy báng luận.

(5) Thuận chánh luận.

(6) Giáo đạo luận.

Trong đó:

Ngôn luận: Tức tất cả ngôn thuyết, ngôn âm, ngôn từ, đó gọi là ngôn luận.

Thượng luận: Là các ngôn luận hiện có, theo chỗ nên nghe của thể gian.

Tránh luận: Nghĩa là: Hoặc dựa nơi các dục mà dấy khởi, như các dục thuộc về mình bị kẻ khác xâm đoạt, hay như các dục thuộc về các hữu tình yêu thích, lại cùng nhau xâm đoạt, hoặc muốn xâm đoạt. Hay như các dục không thân nhận, tức thuộc về ca múa, vui đùa, thuộc về đám tô tó, ca nữ, hoặc là xem coi, hoặc là thọ dụng. Ở trong các sự dục như thế, người chưa lìa dục, người bị tham nơi

cõi dục làm nhiễm ô, nhân đầy mà chấp chặt, buộc vương, đam mê, tham ái, phát sinh giận dữ, chống đối, người thích tranh chấp đầy vô số luận khởi luận oán hại, nên gọi là Tránh luận.

Hoặc dựa nơi hành ác mà đầy khởi. Như thân ngữ của tự mình tạo tác hành ác, bị kẻ khác chê bai, hay thân ngữ của kẻ khác tạo hành ác, bị mình chê trách, hay như thân ngữ của các hữu tình cùng tham ái tạo tác hành ác, cùng chê bai lẫn nhau. Ở trong các hành ác được thực hiện như vậy, người mong tạo tác mà chưa tạo tác các hành ác, kẻ chưa lìa tham sân si của cõi dục, kẻ bị tham sân si vây buộc che lấp trầm trọng, nhân đầy mà chấp chặt, vương mắc, đam mê, tham ái, lại cùng phát sinh giận dữ, tâm mang đầy nhiễm ô, hỗ tương chống đối. Kẻ ưa thích tranh chấp đầy vô số luận, khởi luận oán hại, nên gọi là Tránh luận.

Hoặc dựa nơi các kiến chấp mà đầy khởi. Đó là kiến chấp về thân, kiến chấp về đoạn, thường, kiến chấp về không nhân, kiến chấp về nhân không bình đẳng, kiến chấp về hai chúng cùng vô số tà kiến và vô lượng các loại ác kiến khác. Ở trong các kiến chấp như thế, hoặc thuộc về mình bị kẻ khác ngăn, dứt, hoặc thuộc về kẻ khác bị mình ngăn, đoạn, hoặc thuộc về các hữu tình tham ái, bị kẻ khác đang ngăn, dứt, hoặc đã ngăn dứt, hoặc muốn thâm nhận những thứ chưa thâm nhận. Do những nhân duyên ấy, kẻ chưa lìa dục, như trước đã nói rộng, cho đến đầy vô số luận khởi luận oán hại, đó gọi là Tránh luận.

Hủy báng luận: Đó là các thứ ngôn luận hiện có của kẻ mang nhiều giận dữ phát khởi, do tâm nhiễm ô, muốn bày tỏ thể lực nên cùng bài xích lẫn nhau. Tức do sự thô ác dẫn phát, hoặc do không thuận hợp dẫn phát, hoặc do lời nói thù dật dẫn phát, cho đến trong pháp luật nêu giảng tà ác, vì các hữu tình giảng nói pháp như thế. Nghiên cứu, quyết trạch, dạy trao, dạy khuyên, các thứ luận bàn như thế gọi là Hủy báng luận.

Thuận chánh luận: Đó là ở trong chỗ khéo giảng nói pháp luật, vì các hữu tình tuyên thuyết Chánh pháp. Nghiên cứu, quyết trạch, chỉ dạy, trao truyền, vì nhằm đoạn trừ mọi nghi hoặc của hữu tình, vì để thấu đạt các câu nghĩa thâm diệu, vì khiến cho tri kiến được thanh tịnh rốt ráo, nên thuận theo chánh hành, thuận theo giải thoát. Đó đó luận này gọi là Thuận chánh luận.

Giáo đạo luận: Đó là các ngôn luận hiện có, dùng để chỉ dạy tu tập tâm học tăng thượng, tuệ học tăng thượng, đối với các hữu tình tâm chưa định, thì khiến cho tâm được định. Tâm đã định rồi, thì khiến được giải thoát, khiến cho các hữu tình ấy giác ngộ về trí chân thật, lãnh hội về trí chân thật. Do đó luận này gọi là Giáo đạo luận.

Hỏi: Trong sáu luận này, có bao nhiêu luận là chân thật, có thể dẫn đến nghĩa lợi, là chỗ nên tu tập? Bao nhiêu luận là không chân thật, chỉ dẫn đến vô nghĩa, là chỗ nên xa lìa?

Đáp: Hai thứ luận sau cùng là chân thật, có thể dẫn đến nghĩa lợi, là chỗ nên tu tập.

Hai luận giữa là không chân thật, chỉ dẫn đến vô nghĩa, là chỗ nên xa lìa.

Hai luận đầu phải nên phân biệt.

b. Thế nào là Luận xú sở? Nên biết cũng có sáu loại:

- (1) Đối với vương gia.
- (2) Đối với người nắm giữ pháp luật.
- (3) Ở trong đại chúng.
- (4) Ở trước bậc hiền triết.
- (5) Ở trước các Sa-môn, Bà-la-môn khéo hiểu về nghĩa pháp.
- (6) Ở trước các người ưa thích nghĩa pháp.

c. Thế nào là Luận chỗ dựa? Nên biết có mười thứ: Về nghĩa của đối tượng thành lập có hai thứ. Về pháp của chủ thể thành lập có tám thứ.

Hai thứ nơi nghĩa của đối tượng thành lập là:

(1) Tự tánh.

(2) Sai biệt.

Tự tánh: Tức có lập là có, không lập là không.

Sai biệt: Là có trên lập có trên, không trên lập không trên. Thường lập là thường, vô thường lập là vô thường. Cũng vậy: Có sắc không sắc, có kiến không kiến, có đối không đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, vô lượng môn sai biệt như thế, nên biết gọi là sai biệt của đối tượng thành lập.

Pháp của chủ thể thành lập có tám thứ là:

(1) Lập tông.

(2) Biện nhân.

(3) Dẫn dụ.

(4) Đồng loại.

(5) Dị loại.

(6) Hiện lượng.

(7) Tỷ lượng.

(8) Chánh giáo lượng.

Lập tông: Tức là dựa nơi hai thứ nghĩa của đối tượng thành lập, mỗi thứ đều thâm nhận riêng chỗ cho phép của tự phẩm. Hoặc thâm nhận tông chỉ của luận, như tự biện tài, như khinh chê kẻ khác, như được nghe từ kẻ khác, hay như giác ngộ chân thật. Hoặc là thành lập tông của mình, hoặc là phá bỏ tông của kẻ khác, hoặc là chế ngự kẻ khác, hoặc vì để khuất phục kẻ khác, hoặc vì thương xót kẻ khác nên kiến lập nghĩa của tông.

Biện nhân: Đó là vì để nghĩa của chỗ lập tông được thành tựu nên dựa nơi dẫn dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo, kiến lập ngôn luận của đạo lý thuận ích.

Dẫn dụ: Cũng là nhằm thành tựu nghĩa của chỗ lập tông, nên dẫn chỗ dựa của nhân, là thứ ngôn luận so sánh về các pháp khác để hiểu, quen thuộc, cùng được thừa nhận của thế gian.

Đồng loại: Là theo pháp hiện có đối chiếu với các pháp khác về tướng của chúng lần lượt có ít nhiều tương tự. Đây lại có năm thứ: (1) Tương tự về tướng trạng. (2) Tương tự về tự thể. (3) Tương tự về nghiệp dụng. (4) Tương tự về pháp môn. (5) Tương tự về nhân quả.

Tương tự về tướng trạng: Là đối với hiện tại hoặc trước tiên thấy tướng trạng lần lượt cùng hệ thuộc tương tự.

Tương tự về tự thể: Là tướng của pháp ấy lần lượt tương tự.

Tương tự về nghiệp dụng: Là tác dụng của các pháp ấy lần lượt tương tự.

Tương tự về pháp môn: Là pháp môn của các pháp ấy lần lượt tương tự. Như vô thường cùng với pháp khổ. Khổ cùng với pháp vô ngã. Vô ngã cùng với pháp sinh. Pháp sinh cùng với pháp lão. Pháp lão cũng với pháp tử. Cũng vậy: Hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, vô lượng các loại pháp môn như thế lần lượt tương tự.

Tương tự về nhân quả: Là hoặc nhân hoặc quả nơi chủ thể thành lập, đối tượng được thành lập của các pháp ấy lần lượt tương tự. Đó gọi là đồng loại.

Dị loại: Là nơi pháp hiện có, đối chiếu với các pháp khác, về tướng của chúng lần lượt có ít nhiều không tương tự. Đây cũng có năm loại, nên biết về tướng trái hẳn với năm thứ nêu trên.

Hiện lượng: Tức có ba loại: (1) Chẳng phải là không hiện thấy. (2) Chẳng phải là đã tư duy nên tư duy. (3) Chẳng phải là cảnh giới thác loạn.

Hiện lượng chẳng phải là không hiện thấy: Lại có bốn thứ: Tức do các căn không hư hoại, tác ý hiện tiền, nên: (a) Sinh tương tự. (b) Sinh siêu việt. (c) Không chướng ngại. (d) Không phải quá xa.

Ở đây:

Sinh tương tự: Là các căn của Dục giới đối với cảnh của Dục giới. Các căn của địa trên đối với cảnh của địa trên. Đã sinh đã cùng sinh, hoặc sinh hoặc khởi. Đó gọi là sinh tương tự.

Sinh siêu việt: Là các căn của địa trên đối với cảnh của địa dưới, đã sinh v.v... như trước đã nêu. Đó gọi là sinh siêu việt.

Không chướng ngại: Lại có bốn thứ: Một là: Không phải chướng ngại che phủ gây chướng ngại. Hai là: Không phải chướng ngại ẩn giấu gây chướng ngại. Ba là: Không phải chướng ngại của ánh sáng gây chướng ngại. Bốn là: Không phải chướng ngại của Hoặc gây chướng ngại.

Chướng ngại che phủ gây chướng ngại: Là chướng ngại che phủ của bóng tối, bóng tối của vô minh, bóng tối của sắc không trong, lặng.

Chướng ngại ẩn giấu gây chướng ngại: Là chướng ngại ẩn giấu, hoặc do năng lực của dược thảo, hoặc do năng lực của chú thuật, hoặc do năng lực của thần thông.

Chướng ngại của ánh sáng gây chướng ngại: Tức là vật nhỏ ít bị vật lớn nhiều đoạt mất ánh sáng nên không thể có được. Như thuốc ở trong thức ăn uống, hoặc lại như đầu sợi lông. Các loại như thế có vô lượng vô biên. Lại như ánh sáng nhỏ bị ánh sáng lớn đoạt mất ánh sáng nên không thể có được. Đó là ánh sáng mặt trời đoạt mất ánh

sáng của trăng, sao v.v... Lại như ánh sáng mặt trăng đoạt mất ánh sáng của các vì sao. Lại như chủ thể đối trị che lấp đối tượng được đối trị, khiến không thể có được. Đó là tác ý bất tịnh che lấp tướng tịnh. Tác ý về vô thường khổ vô ngã lẫn át tướng thường lạc ngã. Tác ý vô tướng lẫn át hết thảy các tướng.

Chướng ngại của Hoặc gây chướng ngại: Đó là do huyền hóa tạo ra. Hoặc tướng sắc thù thắng. Hoặc lại giống nhau. Hoặc chỗ tạo tác bên trong, như mắt bị rối loạn, mộng mê, buồn say, phóng dật. Hoặc lại điên cuồng. Các loại như vậy gọi là chướng ngại của Hoặc.

Nếu không bị bốn thứ chướng ngại ấy gây chướng ngại thì gọi là không chướng ngại.

Không phải quá xa: Đó là không có chỗ xa cách của ba thứ quá xa: Một là: Nơi chốn quá xa. Hai là: Thời gian quá xa. Ba là: Sự tồn giảm quá xa.

Tất cả các loại như vậy gọi chung là: Chẳng phải là không hiện thấy. Chẳng phải là không hiện, nên gọi là hiện lượng.

Hiện lượng chẳng phải là đã tư duy nên tư duy: Lại có hai thứ: (a) Vừa giữ lấy liền thành cảnh nơi đối tượng nương dựa của thủ. (b) Kiến lập cảnh giới nơi cảnh thuộc đối tượng nương dựa của thủ.

Vừa giữ lấy liền thành cảnh nơi đối tượng nương dựa của thủ: Đó là như cảnh có thể tạo ra, vừa giữ lấy liền thành chỗ nương dựa của thủ. Ví như lương y trao thuốc cho người bệnh, sắc hương vị xúc thảy đều đầy đủ, có năng lực lớn, uy đức thành thực, nên biết sắc hương vị xúc của thuốc ấy, vừa giữ lấy liền thành chỗ nương dựa của thủ. Năng lực lớn, uy đức thành thực hiện có của thuốc, bệnh nếu chữa khỏi thì gọi là nên tư duy. Bệnh ấy nếu đã khỏi thì gọi là đã tư duy. Các loại như thế, gọi là vừa giữ lấy liền thành cảnh nơi đối tượng nương dựa của thủ.

Kiến lập cảnh giới nơi cảnh thuộc đối tượng nương dựa của thủ: Đó là nếu cảnh có thể làm chỗ nương dựa của thủ để kiến lập cảnh giới. Như sư Du già ở nơi địa, tư duy về các giới thủy hỏa phong. Nếu trụ nơi địa tư duy về thủy, tức trụ nơi tướng về địa, chuyển tạo tướng về thủy. Nếu trụ nơi địa tư duy về hỏa, phong, tức trụ nơi tướng về địa, chuyển tạo tướng về hỏa, phong. Ở đây, tướng về địa, tức là thủ của cảnh giới được kiến lập. Như trụ nơi địa, trụ nơi thủy hỏa phong theo chỗ ứng hợp nên biết cũng vậy. Đó gọi là kiến lập cảnh giới nơi cảnh thuộc chỗ nương dựa của thủ. Trong ấy, kiến lập cảnh giới nơi cảnh thuộc chỗ dựa của thủ, chẳng phải là đã tư duy, chẳng phải là nên tư duy. Các giới như địa v.v..., sự lý giải nếu chưa thành, gọi là nên tư duy. Lý giải nếu thành tựu, gọi là đã tư duy.

Như thế gọi là hiện lượng chẳng phải là đã tư duy nên tư duy.

Hiện lượng chẳng phải là cảnh giới thác loạn: Đó là hoặc có năm thứ, hoặc có bảy thứ.

Năm thứ: Tức chẳng phải là năm thứ cảnh giới thác loạn. Những gì là năm? Đó là: (a) Tướng thác loạn. (b) Số thác loạn. (c) Hình thác loạn. (d) Hiện thác loạn. (đ) Nghiệp thác loạn.

Bảy thứ: Tức chẳng phải là bảy thứ cảnh giới thác loạn. Những gì là bảy? Đó là: năm thứ trước và hai thứ thác loạn biến hành hợp làm bảy thứ. Hai thứ ấy là: (a) Tâm thác loạn. (b) Kiến thác loạn.

Tướng thác loạn: Đó là đối với chẳng phải là tướng kia, dấy khởi tướng về tướng kia. Như đối với tướng của ngọn nắng, con nai khát nước khởi tướng về nước.

Số thác loạn: Tức là đối với số ít dấy khởi tăng thượng mạn cho là số nhiều. Như người bị hoa mắt, ở nơi một mặt trăng thấy có nhiều hình tượng mặt trăng.

Hình thác loạn: Đó là đối với hình sắc còn lại, khởi tăng thượng mạn cho là hình sắc còn lại. Như đối với đóm lửa xoay tròn thấy hình vòng tròn lửa.

Hiển thác loạn: Đó là đối với hiển sắc còn lại, khởi tăng thượng mạn cho là hiển sắc còn lại. Như bệnh Ca mạt la làm tổn hại nhãn căn, đối với các sắc chẳng phải màu vàng, đều thấy tướng màu vàng.

Nghiệp thác loạn: Nghĩa là đối với sự việc không nghiệp, khởi tăng thượng mạn cho là có nghiệp. Như người thu mình chạy nhanh thấy cây cối hai bên đường cũng trôi theo.

Tâm thác loạn: Đó là đối với nghĩa của năm thứ thác loạn, tâm sinh vui thích.

Kiến thác loạn: Tức đối với nghĩa của năm thứ thác loạn đã chấp nhận, nêu bày rõ, sinh tướng an lành, chấp giữ chặt không buông bỏ.

Nếu không phải là cảnh giới thác loạn như thế, gọi là hiện lượng.

Hỏi: Hiện lượng như vậy, cái gì là sở hữu?

Đáp: Lược nêu có bốn thứ sở hữu: (a) Hiện lượng của sắc căn. (b) Hiện lượng của ý thọ. (c) Hiện lượng thể gian. (d) Hiện lượng thanh tịnh.

Hiện lượng của sắc căn: Đó là cảnh giới nơi đối tượng hành của năm sắc căn, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng.

Hiện lượng của ý thọ: Là cảnh giới nơi đối tượng hành của các ý căn, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng.

Hiện lượng thể gian: Đó là hai thứ hiện lượng được nêu chung làm một hiện lượng thể gian.

Hiện lượng thanh tịnh: Nghĩa là các hiện lượng thể gian hiện có cũng được gọi là hiện lượng thanh tịnh. Hoặc có hiện lượng thanh

tịnh không phải là hiện lượng thể gian. Đó là trí xuất thể gian đối với cảnh nơi đối tượng hành, có nhận biết là có, không nhận biết là không. Có trên nhận biết là có trên. Không trên nhận biết là không trên. Các loại như thế gọi là hiện lượng thanh tịnh không chung với thể gian.

Tỷ lượng: Đó là cảnh giới hiện có cùng với xét chọn đều đã tư duy nên tư duy. Đây lại có năm loại: (1) Tỷ lượng về tướng. (2) Tỷ lượng về thể. (3) Tỷ lượng về nghiệp. (4) Tỷ lượng về pháp. (5) Tỷ lượng về nhân quả.

Tỷ lượng về tướng: Đó là tùy theo chỗ hệ thuộc của tướng trạng hiện có, hoặc do hiện tại, hoặc do cảnh giới được suy tính thấy ở trước. Như thấy cờ phướn nên suy xét đối chiếu để biết xe. Do thấy khói, nên đối chiếu suy xét để biết có lửa. Như vậy, do vua, suy xét biết về đất nước. Do chồng suy ra vợ. Do sừng bò suy xét biết có bò. Do da dẻ mịn màng, tóc đen mượt, vôi vãi, nóng nảy, sắc diện tươi đẹp, suy xét biết là tuổi trẻ. Do tướng mặt nhăn nheo, tóc bạc v.v... suy ra biết là già. Do nắm giữ tự tướng, suy ra biết là đạo, tục. Do vui thích quan sát các bậc Thánh, ưa nghe Chánh pháp, xa lìa tham lam keo kiệt, suy ra biết là hàng chánh tín. Do khéo tư duy về điều cần tư duy, khéo nêu điều cần nêu bày, khéo làm điều cần làm, nên suy xét biết đây là bậc thông tuệ. Do từ bi, ái ngữ, dũng mãnh, vui bố thí, có thể khéo giải thích các nghĩa lý sâu xa, nên suy biết là Bồ-tát. Do những việc như trạo cử, loạn động, vui đùa, ca múa, nên suy biết là chưa lìa dục. Do các oai nghi luôn hiện bày tịch tĩnh nên suy biết là đã lìa dục. Do đầy đủ tướng hảo vi diệu của Như Lai, trí tuệ tịch tĩnh thần thông chánh hạnh, nên suy biết là bậc Như Lai Ứng đẳng Chánh giác gồm đủ Nhất thiết trí.

Do nhận thấy các tướng trạng hiện có lúc ấu niên của kẻ kia nên đối chiếu suy biết về lúc già nua của kẻ ấy. Những loại như vậy gọi là tỷ lượng về tướng.

Tỷ lượng về thể: Đó là do hiện thấy tự thể tánh của vật kia, so sánh về chỗ cùng loại nơi thể tánh không hiện thấy của vật ấy. Hoặc hiện thấy một phần tự thể của vật kia, so sánh chỗ giống nhau với phần còn lại. Như dùng hiện tại so sánh chỗ cùng loại với quá khứ. Hoặc dùng quá khứ so sánh chỗ cùng loại với vị lai. Hoặc dùng sự việc gần của hiện tại so sánh với việc xa. Hoặc dùng hiện tại so sánh với vị lai.

Lại như các sự việc ăn uống, y phục, vật dụng trang sức, xe cộ v.v..., xem thấy tướng hơn kém của một phần, có thể so sánh suy biết tất cả. Lại do một phần đã thành thực để so sánh với phần thành thực khác. Các loại như vậy gọi là tỷ lượng về thể.

Tỷ lượng về nghiệp: Đó là dùng tác dụng để so sánh về chỗ dựa của nghiệp. Như thấy vật ở xa, đứng yên, chim đậu trên ấy, do những sự việc đó, so sánh suy biết là gốc cây. Nếu sự việc như trên có lay động v.v... suy biết là người. Nơi chỗ đứng nếu có dấu chân rộng lớn, thì suy biết là voi. Nếu trên đường đi thấy có thân kéo trườn thì suy biết là rắn. Nếu nghe tiếng hí vang, suy biết là ngựa. Nếu nghe tiếng gầm rống, suy biết là sư tử. Nếu nghe âm thanh rống ồm ồm thì suy biết là Ngưu vương.

Thấy so sánh nơi mắt. Nghe so sánh nơi tai. Ngửi so sánh nơi mũi. Nếm so sánh nơi lưỡi. Xúc so sánh nơi thân. Thức so sánh nơi ý. Trong nước thấy có chương ngại, so sánh biết là có đất. Nếu thấy nơi này cây cỏ um tùm, cành lá xanh tươi thì suy biết là có nước. Nếu thấy tro nóng, so sánh biết là có lửa. Thấy rừng rậm lay động, so sánh biết là có gió. Nếu thấy mắt nhắm, chông gậy dò dẫm hỏi kẻ khác, vấp ngã, lạc đường, những sự việc như thế so sánh biết là kẻ mù. Nói lớn tiếng, nghiêng tai để nghe, so sánh biết là người điếc. Chánh tín, thông duệ, lia dục, chưa lia dục, Bồ-tát, Như Lai, các loại như thế, dùng nghiệp để so sánh lường tính, nên biết như trước.

Tỷ lượng về pháp: Là dùng pháp gần nhau, cùng liên hệ để so sánh với pháp gần nhau, cùng liên hệ khác. Như thuộc vô thường, so sánh nhận biết có khổ. Do thuộc về khổ nên so sánh về không, vô ngã. Do thuộc về sinh nên so sánh có pháp lão. Do thuộc về lão nên so sánh có pháp tử. Do thuộc có sắc có thấy có đối nên so sánh có phương sở, cùng có hình chất. Thuộc về hữu lậu nên so sánh biết là có khổ. Thuộc về vô lậu nên so sánh biết là không khổ. Thuộc về hữu vi nên so sánh biết là pháp sinh trụ dị diệt. Thuộc về vô vi nên so sánh biết là pháp không sinh trụ dị diệt. Những loại như thế gọi là tỷ lượng về pháp.

Tỷ lượng về nhân quả: Đó là lấy nhân quả lần lượt cùng so sánh. Như thấy có đi thì so sánh biết đến phương khác. Thấy đến phương khác thì so sánh biết trước đây có đi. Nếu thấy có người thờ vua đúng như pháp thì so sánh biết kẻ ấy sẽ đạt được ngôi vị bổng lộc lớn. Thấy có ngôi vị bổng lộc lớn, so sánh biết kẻ ấy trước đã thờ vua đúng như pháp. Nếu thấy có người tạo nghiệp toàn là thiện thì so sánh biết tất sẽ đạt được giàu có. Nếu thấy người giàu có, nhiều tài sản thì so sánh nhận biết họ trước đã tạo nghiệp đầy đủ thiện. Thấy kẻ trước tu tập hành thiện hành ác, so sánh biết sẽ có hưng suy. Thấy có hưng suy, so sánh biết trước đã tạo tác hành thiện hành ác. Thấy ăn uống dồi dào, so sánh biết là kẻ no đủ. Thấy có no đủ, so sánh biết là ăn uống dồi dào. Nếu thấy có người ăn uống không bình thường, so sánh biết sẽ có bệnh. Hiện thấy có bệnh, so sánh biết là người ăn uống không bình thường. Thấy có tỉnh lự, so sánh biết là bậc lià dục. Thấy bậc lià dục, so sánh biết là có tỉnh lự. Nếu thấy người tu đạo, so sánh biết sẽ chứng đắc quả Sa-môn. Nếu thấy có người chứng đắc quả Sa-môn, so sánh biết là đã tu đạo. Các loại như thế, nên biết gọi chung là tỷ lượng về nhân quả. Đó gọi là tỷ lượng.

Chánh giáo lượng: Đó là ngôn giáo do bậc Nhất thiết trí thuyết giảng, hoặc được nghe từ bậc ấy, hoặc thuận theo pháp của bậc ấy.

Đây lại có ba loại: (1) Không trái với Thánh ngôn. (2) Có thể đối trị tạp nhiễm. (3) Không trái với pháp tướng.

Không trái với Thánh ngôn: Nghĩa là do đệ tử của bậc Thánh thuyết giảng. Hoặc Đức Phật tự giảng nói kinh giáo, lần lượt được lưu truyền rộng khắp đến nay, không trái với Chánh pháp, không trái với nghĩa chân chánh.

Có thể đối trị tạp nhiễm: Đó là theo lúc khéo tu tập pháp ấy có thể vĩnh viễn điều phục tất cả phiền não và tùy phiền não như tham sân si v.v...

Không trái với pháp tướng: Tức là nêu chuyên ngược chỗ trái với pháp tướng, nên biết tức là không trái với pháp tướng.

Những gì gọi là trái với pháp tướng? Đó là đối với vô tướng tăng thêm là có tướng. Như chấp các loại có ngã, hữu tình, thọ mạng, sự sinh v.v... Hoặc chấp thường, chấp đoạn, có sắc không sắc v.v... Hoặc ở nơi hữu tướng giảm cho là vô tướng. Hoặc đối với sự quyết định lập làm bất định. Như hết thấy hành đều là vô thường, hết thấy hữu lậu, tánh đều là khổ, tất cả các pháp đều là không, vô ngã, mà kiến lập sai lạc một phần là thường, một phần là vô thường, một phần là khổ, một phần là không khổ, một phần là hữu ngã, một phần là vô ngã. Đối với pháp Phật đã lập không thể thọ ký, tìm cầu ký biệt cho là có thể thọ ký. Hoặc an lập về thọ ký. Hoặc đối với bất định kiến lập là định. Như chấp tất cả lạc thọ đều là đối tượng tùy miên của tham. Hết thấy khổ thọ đều là đối tượng tùy miên của sân. Hết thấy thọ không khổ không lạc là đối tượng tùy miên của si. Tất cả lạc thọ đều là hữu lậu. Tất cả lạc kết với nghiệp cố tư tạo, hoàn toàn quyết định thọ dị thực khổ. Các loại như vậy, hoặc ở trong pháp hữu tướng, tướng không sai biệt, kiến lập sai biệt, tướng có sai biệt, kiến lập không sai biệt. Như đối với tướng không sai biệt của hữu vi, ở trong vô vi cũng lại kiến lập. Đối với tướng không sai biệt của pháp

vô vi, ở trong hữu vi cũng lại kiến lập. Như đối với hữu vi vô vi, đối với hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu theo chỗ ứng hợp đều nên biết rõ.

Lại, ở nơi hữu tướng, lập tướng nhân quả không như chánh lý. Như lập hành diêu chiêu cảm lấy quả không yêu thích. Lập các hành ác chiêu cảm lấy quả đáng yêu thích. Cho nên trong Tỳ-nại-da thuyết pháp ác, hành các hạnh tà, có thể đạt được thanh tịnh. Ở trong Tỳ-nại-da thuyết pháp thiện, tu tập chánh hạnh, cho là tạp nhiễm. Đối với tướng không chân thật, dùng ngôn thuyết giả để lập tướng chân thật. Ở nơi tướng chân thật, dùng ngôn thuyết giả để an lập đủ thứ loại. Như ở trong tất cả pháp lìa ngôn thuyết, kiến lập ngôn thuyết, nói là đệ nhất nghĩa. Các loại như vậy gọi là trái với pháp tướng. Ngược lại với các trường hợp ấy, nên biết tức là không trái với pháp tướng. Đó gọi là chánh giáo.

Hỏi: Nếu tự tướng của tất cả pháp đã thành tựu, đều tự an lập trong pháp tánh rồi, lại do nhân duyên gì kiến lập hai thứ nghĩa được thành?

Đáp: Vì nhằm khiến cho kẻ khác sinh tin hiểu, chẳng phải là tướng nơi tánh của các pháp có sinh khởi, thành tựu.

Hỏi: Vì muốn thành tựu nghĩa được thành tựu, vì sao trước hết là Lập tông?

Đáp: Vì trước hết là hiển bày về chỗ yêu thích của mình về ý nghĩa của tông.

Hỏi: Vì sao tiếp theo là Biện nhân?

Đáp: Vì nhằm mở bày hiển thị, dựa vào sự hiện thấy, quyết định về đạo lý, khiến kẻ khác thâm nhận ý nghĩa của tông được lập.

Hỏi: Do đâu tiếp theo là Dẫn dụ?

Đáp: Vì nhằm chỉ rõ sự việc hiện thấy nơi đối tượng nương dựa của đạo lý thuộc chủ thể thành lập.

Hỏi: Vì sao các phân đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng, chánh giáo lượng được nói ở sau?

Đáp: Vì nhằm mở bày chỉ rõ về hai thứ nhân, dị trái nhau, không trái nhau với trí. Lại, trái nhau do hai nhân duyên: (1) Không quyết định. (2) Chỗ tạo thành đồng.

Không trái nhau cũng do hai nhân duyên: (1) Quyết định. (2) Chỗ tạo thành khác.

Về trái nhau: Đối với ý nghĩa của tông được lập, đã thành tựu, không thể làm “lượng”, nên không gọi là lượng.

Về không trái nhau: Đối với ý nghĩa của tông được lập, đã thành tựu, có thể làm chánh lượng, nên gọi là lượng, đó gọi là Luận chỗ dựa.

d. Thế nào là Luận trang nghiêm? Lược có năm thứ:

- (1) Khéo nêu bày về tông của mình, người.
- (2) Lời nói đầy đủ, viên mãn.
- (3) Không sợ hãi.
- (4) Đôn hậu, nghiêm túc.
- (5) Ứng cúng.

Khéo nêu bày về tông của mình, người: Đó là như có một hữu tình, nếu ở trong Tỳ-nại-da của pháp ấy, sinh yêu thích sâu xa, tức đối với tông chỉ của luận ấy thọ trì, đọc tụng, lắng nghe, tư duy, tu tập thuần thực, đã hoàn thiện, đã nêu giảng, đã làm sáng tỏ. Hoặc ở trong Tỳ-nại-da của pháp kia không yêu thích nhưng đối với tông chỉ của luận kia cũng thọ trì, đọc tụng, nghe nhận, tư duy thuần thực, mà không tu hành, nhưng đã hoàn thiện, đã nêu bày, đã làm sáng tỏ. Đó gọi là khéo nêu bày về tông của mình, người.

Lời nói đầy đủ, viên mãn: Tức là như có một hữu tình, phàm có chỗ nêu bày đều dùng âm thanh, không dùng những thứ chẳng phải là âm thanh. Những gì là âm thanh? Đó là gồm đủ năm đức:

- (a) Không thô lậu.
- (b) Nhẹ nhàng, dễ hiểu.
- (c) Mạnh mẽ, trong sáng.
- (d) Tương ứng.
- (đ) Nghĩa lý tốt đẹp.

Không thô lậu: Là lia mọi thứ ngôn từ thô kệch, què mùa của các địa phương xa xôi, hẻo lánh.

Nhẹ nhàng, dễ hiểu: Là chỗ nói năng đều dùng những ngôn từ thông dụng của thế gian.

Mạnh mẽ, trong sáng: Đó là dựa vào nghĩa nơi ngôn từ đã được kiến lập, có thể khiến cho nghĩa ấy trở nên tinh tế, hùng tráng.

Tương ứng: Là nghĩa của pháp trước sau phù hợp, không tán loạn.

Nghĩa lý tốt đẹp: Là có thể dẫn phát sinh định thù thắng, không có điên đảo.

Lại, luận bàn về âm thanh này do chín thứ tướng, nên lời nói đầy đủ, viên mãn:

- (a) Không tạp loạn.
- (b) Không thô ác.
- (c) Biện biệt rõ.
- (d) Có hạn lượng.
- (đ) Cùng với nghĩa tương ứng.
- (e) Đúng thời.
- (f) Quyết định.
- (g) Hiện bày trọn vẹn.
- (h) Tương tục.

Tất cả tướng như vậy gọi chung là “Lời nói đầy đủ, viên mãn”.

Không sợ hãi: Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong các chúng đồng đảo, chúng hỗn tạp, chúng rộng lớn, chúng đồng bạn, chúng chân thật, chúng tốt đẹp, tâm ý không hề thấp kém, luôn lo sợ, thân không hề run rẩy, mặt không sắc sợ, tiếp không lấp bắp, lời không khiếm nhược. Người nói năng như thế gọi là không sợ hãi.

Đôn hậu, nghiêm túc: Tức như có một hữu tình, đợi đúng lúc mới nêu bày, không nói năng lung tung, vội vã. Đó gọi là đôn hậu, nghiêm túc.

Ứng cúng: Đó là như có một hữu tình, vì tánh thuần thiện, không nào hại kẻ khác, trọn không trái vượt đối với bậc hiền thiện và lãnh vực hiền thiện, thuận theo tâm kẻ khác mà phát khởi ngôn thuyết, đúng thời, như thật, có thể dẫn đến nghĩa lợi, ngôn từ hòa dịu, như đối với bạn lành. Đó gọi là Ứng cúng.

Nếu có người dựa vào năm thứ trang nghiêm của luận ấy để phát khởi ngôn luận, nên biết lại có hai mươi bảy thứ công đức xung tán. Những gì là hai mươi bảy thứ? Đó là:

- (1) Được mọi người kính trọng.
- (2) Lời nói tất được tin nhận.
- (3) Ở trong đại chúng đạt vô sở úy.
- (4) Đối với tông chỉ của kẻ khác biết rõ về chỗ lỗi lầm, thiếu sót.
- (5) Đối với tông chỉ của mình biết rõ đức thù thắng.
- (6) Không có kiến chấp hẹp hòi. Đối với phần Luận được thọ nhận, tâm không thiên vị, bè nhóm.
- (7) Đối với Chánh pháp và Tỳ-nại-da của mình không thể dẫn đến lầm lạc.

(8) Đối với chỗ nêu giảng của người khác, mau chóng có thể tỏ ngộ.

(9) Đối với chỗ nêu giảng của người khác, mau chóng lãnh nhận.

(10) Đối với chỗ thuyết giảng của kẻ khác, mau chóng có thể đối đáp.

(11) Gồm đủ đức của ngôn ngữ khiến mọi người yêu thích.

(12) Vui thích tin hiểu loại minh luận này.

(13) Có khả năng khéo nêu bày giải thích về văn tự, câu nghĩa.

(14) Khiến thân không mệt mỏi.

(15) Khiến tâm không sầu muộn.

(16) Ngôn từ luôn lưu loát.

(17) Biện tài vô tận.

(18) Thân không khốn khó, tiêu tụy.

(19) Niệm không quên mất.

(20) Tâm không phiền não.

(21) Yết hầu không bị tổn hại.

(22) Những điều nêu giảng đều rõ ràng, dễ hiểu.

(23) Theo hộ trì tự tâm khiến không hề phẫn nộ.

(24) Khéo thuận hợp tâm kẻ khác, khiến không tức giận.

(25) Khiến cho kẻ lập luận đối nghịch, tâm sinh tin tưởng thanh tịnh.

(26) Những nơi chốn hành trì đều không gây tạo oán đối.

(27) Danh xưng rộng lớn, tiếng tăm vang khắp mười phương, thế gian đều truyền tụng: Vị Đại pháp sư này ở trong số các bậc Đại sư.

Như người thợ đục, dùng các thứ báu như ngọc mặt ni, chân châu, lưu ly v.v... đặt bên cạnh các vật báu trang sức như vòng ngọc, xuyên vàng, để tự trang nghiêm, khiến cho uy đức càng tăng thịnh, ánh sáng tỏa khắp. Cũng vậy, bậc luận giả dùng 27 thứ công đức xung tán, đặt bên cạnh năm thứ vật dụng trang nghiêm của luận này, để tự trang nghiêm, khiến cho uy đức càng tăng thịnh, ánh sáng tỏa khắp. Do đó, gọi đây là những thứ trang nghiêm của luận. Đó gọi là Luận trang nghiêm.

đ. Thế nào là Luận đọa phụ (Roi vào chỗ thua)? Nghĩa là có ba thứ:

- (1) Bỏ lời nói.
- (2) Lời nói chịu khuất phục.
- (3) Lời nói lỗi lầm.

Bỏ lời nói: Nghĩa là người lập luận dùng mười ba thứ ngôn từ để xin luận giả đối nghịch bỏ phần luận đã nêu. Những gì là mười ba thứ ngôn từ? Đó là người lập luận xin luận giả đối nghịch, nói:

Luận của tôi không hoàn thiện. Luận của ông thì hoàn thiện.

Tôi không khéo quan sát. Ông thì khéo quan sát.

Luận của tôi không có lý. Luận của ông thì có lý.

Luận của tôi không có khả năng. Luận của ông thì có khả năng.

Luận của tôi bị khuất phục. Luận của ông được thành lập.

Biện tài của tôi tối đa chỉ đến đây. Quá mức này trở lên, lại phải suy lường khéo léo, mới có thể luận bàn với ông.

Lại, bỏ qua sự việc này, tôi không biện luận nữa.

Dùng mười ba thứ ngôn ngữ như thế để xin đối phương bỏ phần luận đã nêu. Do bỏ phần luận đã nêu, nên biết luận của mình đã bị

phá, luận của kẻ khác đã thắng, mình đứng sau họ, chịu khuất phục họ. Do đó, “bỏ lời nói” gọi là rơi vào chỗ thua.

Lời nói chịu khuất phục: Là như người lập luận bị luận giả đối nghịch làm cho khuất phục, nên vin dựa vào phương tiện của sự việc khác để thoái lui. Hoặc dẫn lời nói ở ngoài, hoặc hiện bày sự phát giận, hoặc hiện rõ sự giận dữ, hoặc hiện vẻ kiêu mạn, hoặc hiện bày điều che giấu, hoặc hiện sự não hại, hoặc hiện sự bất nhẫn, hoặc hiện vẻ không tin, hoặc lại im lặng, hoặc lại lo buồn, hoặc rùn vai giấu mặt, hoặc cùng lời, trầm tư.

Vin dựa vào phương tiện của sự việc khác để thoái lui: Đó là bỏ phần luận đã lập trước, lại nhờ vào tôn khác, tức bỏ các phần nhân, dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo lượng đã nêu trước, lại nhờ vào nhân cho đến chánh giáo khác.

Dẫn lời nói ở ngoài: Tức là bỏ các sự việc đã được biện luận, để bàn sang các việc ăn uống, vua quan, giặc trộm, đường sá, ca hát v.v..., mượn có nơi duyên bên ngoài, bỏ phần luận gốc đã lập, để khỏi bị kẻ khác vấn nạn.

Hiện bày sự phát giận: Nghĩa là dùng lời nói thô ác, không khiêm tốn để xua đuổi kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện vẻ kiêu mạn: Là dùng những ngôn ngữ của hạng người ti tiện để khinh khi kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện bày điều che giấu: Tức dùng những lời nói tố giác các việc làm xấu ác được che giấu của kẻ kia, để nêu rõ về con người của kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện sự não hại: Là dùng lời nói oán hận cùng cực để mạ lỵ kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện bày sự bất nhẫn: Tức phát ra những lời oán trách để đe dọa kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện vẻ không tin: Là dùng những lời nói hủy hoại đức hạnh để phi báng kẻ tranh luận đối nghịch.

Hoặc im lặng: Là ngữ nghiệp đã dứt hết.

Hoặc lo buồn: Là ý nghiệp bị khổ não.

Hoặc rùn vai giấu mặt: Là vẻ uy nghiêm của thân nghiệp đã trở nên ủ rũ, tiêu tụy.

Cùng lời, trảm tư: Là mọi biện tài đã cạn kiệt.

Do mười ba thứ sự việc như thế, nên biết đó là “Lời nói chịu khuất phục”. Hai thứ trước là hành vọng đối loạn. Bảy thứ giữa là phát khởi hành tà. Bốn thứ sau là hành toan tính cùng tận. Đó gọi là lời nói chịu khuất phục, rơi vào chỗ thua (phụ xứ).

Lời nói lỗi lầm: Đó là người lập luận bị chín thứ lỗi làm nhiễm ô nơi ngôn ngữ, nên gọi là lời nói lỗi lầm. Những gì là chín thứ? (1) Tạp loạn. (2) Thô ác. (3) Không biện biệt rõ. (4) Không có hạn lượng. (5) Không tương ưng với nghĩa. (6) Không đúng thời. (7) Không quyết định. (8) Chẳng hiển bày. (9) Không nói tiếp.

Tạp loạn: Là bỏ các sự việc đã biện luận, để nói xen tạp những chuyện khác.

Thô ác: Là các thứ trạo cử giận dữ và nóng nảy, hấp tấp.

Không biện biệt rõ: Là về pháp hoặc nghĩa, nhiều người và kẻ lập luận đối nghịch không thể thọ nhận, tỏ ngộ được.

Không có hạn lượng: Đó là ngôn từ của nghĩa được nói ra, hoặc nặng nề hoặc giảm bớt.

Không tương ưng với nghĩa: Nên biết có mười thứ: (1) Vô nghĩa. (2) Trái nghĩa. (3) Hại lý. (4) Cùng giống với đối tượng được tạo thành. (5) Tập hợp các lỗi lầm, các nạn. (6) Không đạt được nghĩa lợi. (7) Nghĩa không có thứ tự. (8) Nghĩa không quyết định.

(9) Thành lập chủ thể tạo thành. (10) Thuận với các luận tà ác không xứng lý.

Không đúng thời: Là những điều cần nói, giảng, trước sau không thứ lớp.

Không quyết định: Tức là lập rồi hủy bỏ, hủy bỏ rồi lại lập, thay đổi chóng vánh, khó có thể biết rõ.

Không hiển bày: Đó là ngôn từ chỉ gây tạo sự chế giễu, không lãnh nhận để đối đáp. Như trước dùng ngôn ngữ theo sách vở, sau lại dùng ngôn ngữ thông tục, hoặc trước dùng ngôn ngữ thông tục, sau dùng ngôn ngữ theo sách vở.

Không nối tiếp: Tức nơi khoảng giữa, ngôn từ bị đứt mất. Phạm các điều ngôn luận phạm chín lỗi ấy, gọi là lời nói lỗi lầm, rơi vào chỗ thua.

e. *Thế nào là Luận xuất ly?* Đó là người lập luận, trước nên dùng ba thứ quan sát để quan sát về đầu mối của sự tranh luận, rồi mới dấy khởi hoặc không dấy khởi tranh luận. Đó gọi là luận xuất ly. Ba thứ quan sát là:

(1) Quan sát về sự được mất.

(2) Quan sát về thời, chúng.

(3) Quan sát về chỗ thiện xảo, không thiện xảo.

Quan sát về sự được mất: Đó là người lập luận, mới dấy khởi đầu mối của luận, trước nên xem xét:

Ta lập luận này, sẽ không gây tổn hại cho mình, người và cho cả hai chặng?

Không sinh tội lỗi nơi hiện pháp, hậu pháp và cả hai đời chặng?

Không phát khởi những sầu khổ cho thân tâm chặng?

Không do đây mà phát khởi việc sử dụng đao gậy để đánh đập, mạ lỵ, tranh tụng, lừa dối, vọng ngữ chẳng?

Sẽ không sinh trưởng vô số pháp ác bất thiện chẳng?

Chẳng phải là không đem lại lợi ích an lạc, hoặc cho mình, hoặc cho người, cùng mọi người chẳng?

Chẳng phải là không thương xót các thể gian chẳng?

Không phải nhân đây mà chư thiên, người đời không có nghĩa lợi, không được an lạc chẳng?

Người lập luận ấy, xem xét như thế, hoặc tự nhận biết rõ chỗ lập luận của mình có thể làm tổn hại tự thân, cho đến chư thiên, người đời không có nghĩa lợi cũng không an lạc, tức tự suy nghĩ cố gắng không nên lập luận. Hoặc nhận biết chỗ lập luận của mình như vậy không gây tổn hại nơi chính mình, cho đến có thể dẫn phát nghĩa lợi cùng an lạc của hàng Trời, người, nên tự tư duy cố gắng sẽ lập luận chân chánh. Đó gọi là tướng thứ nhất của luận xuất ly hoặc tạo tác hoặc không tạo tác.

Quan sát về thời, chúng: Tức là người lập luận mới đây khởi đầu mới của luận, nên khéo quan sát về chúng hội hiện tiền là có cố chấp hẹp hòi hay là không cố chấp? Là có hiền chánh hay là không có? Là có thiện xảo hay là không có?

Lúc xem xét như thế, nếu nhận biết chúng hội chỉ có cố chấp hẹp hòi, chẳng phải là không cố chấp hẹp hòi, chỉ là không hiền chánh, không có hiền chánh, chỉ là không thiện xảo, không có thiện xảo, bèn tự suy nghĩ, cố gắng, ở trong chúng này không nên lập luận. Hoặc nếu nhận biết chúng hội không có cố chấp hẹp hòi, không phải là có cố chấp hẹp hòi, chỉ có hiền chánh, không có không hiền chánh, chỉ có thiện xảo, không có không thiện xảo, tức tự tư duy cố gắng, ở trong chúng ấy nêu lập luận. Đó gọi là tướng thứ hai nơi luận xuất ly, hoặc tạo tác hoặc không tạo tác.

Quan sát về chỗ thiện xảo không thiện xảo: Nghĩa là người lập luận mới đẩy khởi đầu mỗi của luận, nên tự quan sát về thiện và bất thiện: Ta không nói luận thể, luận xứ, luận dựa, luận nghiêm, luận phụ, luận xuất ly là thiện xảo hay là không thiện xảo? Ta có năng lực, có thể lập luận của mình phá bỏ luận của kẻ khác chăng? Đối với chỗ luận thua, có thể giải thoát chăng? Lúc xem xét như thế, nếu tự nhận biết rõ ta không có thiện xảo, chẳng phải là có thiện xảo, ta không có năng lực, chẳng phải là có năng lực, nên tự tư duy cố gắng, đối với kẻ tranh luận đối nghịch, không nên lập luận. Nếu tự nhận biết rõ ta có thiện xảo không phải là không thiện xảo, ta có uy lực không phải là không có uy lực, tức tự suy nghĩ cố gắng đối với kẻ tranh luận đối nghịch nên cùng lập luận. Đó gọi là tướng thứ ba nơi luận xuất ly, hoặc tạo tác hoặc không tạo tác.

f. Thế nào là Luận tạo nhiều tác pháp? Đó là có ba loại, đối với luận được lập tạo nhiều tác pháp:

- (1) Hoàn thiện nơi tông của mình và người.
- (2) Dũng mãnh không sợ hãi.
- (3) Biện tài không cùng tận.

Hỏi: Ba pháp như thế, đối với luận được lập do đâu gọi là có nhiều đối tượng tạo tác?

Đáp: Do có thể khéo nhận biết rõ về tông của mình, người nên đối với tất cả pháp, có thể đẩy khởi bàn luận. Do dũng mãnh không sợ hãi, nên ở nơi tất cả chúng có thể phát khởi bàn luận. Do biện tài không cùng tận, nên theo chỗ vấn nạn đều khéo đối đáp. Vì thế ba thứ ấy, đối với luận được lập có nhiều đối tượng tạo tác.

Như vậy là đã nói về Xứ Nhân minh.

4. Thế nào là Xứ Thanh minh? Nên biết xứ này lược nêu có sáu tướng:

- a. Tướng kiến lập nêu bày về pháp.
- b. Tướng kiến lập nêu bày về nghĩa.
- c. Tướng kiến lập nêu bày về hữu tình.
- d. Tướng kiến lập nêu bày về thời.
- đ. Tướng kiến lập nêu bày về số.
- e. Tướng kiến lập nêu bày về xứ sở căn tài.

Kệ nêu:

*Pháp nghĩa số thủ thủ
Thời số cùng xứ sở
Hoặc chỗ dựa căn tài
Là lược tướng thanh minh.*

Thế nào là kiến lập nêu bày về pháp? Đó là danh thân, cú thân, văn thân cùng thanh tương ưng với năm đức: Không thô lậu. Nhẹ nhàng, dễ hiểu. Mạnh mẽ, trong sáng. Tương ưng. Nghĩa tốt đẹp.

Thế nào là kiến lập nêu bày về nghĩa? Nên biết lược có mười thứ:

- (1) Kiến lập căn.
- (2) Kiến lập đại chúng.
- (3) Kiến lập nghiệp.
- (4) Kiến lập tâm cầu.
- (5) Kiến lập phi pháp.
- (6) Kiến lập pháp.
- (7) Kiến lập hưng thịnh.
- (8) Kiến lập suy tổn.
- (9) Kiến lập thọ dụng.
- (10) Kiến lập giữ gìn.

Tụng nêu:

Nhãn cùng với địa v.v...
Thân cùng với tâm cầu
Phi pháp, pháp, hưng thịnh
Suy tổn, thọ dụng, giữ.

Kiến lập căn: Đó là nêu các nghĩa: Thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc biết.

Kiến lập đại chủng: Đó là nêu các nghĩa: Dựa, giữ, tưới, nhuận, soi chiếu sáng tỏ, dao động.

Kiến lập nghiệp: Là nêu các nghĩa: Đến, đi, tuyên thuyết, nhớ nghĩ, xét, biết.

Kiến lập tâm cầu: Là nêu các nghĩa: Tìm tòi, thưa hỏi.

Kiến lập phi pháp: Là nêu các nghĩa: Sát sinh, trộm cắp v.v...

Kiến lập pháp: Là nêu các nghĩa: Thí, giới v.v...

Kiến lập hưng thịnh: Là nêu các nghĩa: Chứng đắc, vui vẻ v.v...

Kiến lập suy tổn: Là nêu các nghĩa: Phá hoại, sợ hãi, lo buồn v.v...

Kiến lập thọ dụng: Là nêu các nghĩa: Ăn uống, che ngăn, nắm giữ, thọ hành v.v...

Kiến lập hộ trì: Là nêu các nghĩa: Gìn giữ, nuôi nấng, đầy đủ v.v...

Lại nữa, lược nêu có sáu thứ nghĩa:

- (1) Nghĩa tự tánh.
- (2) Nghĩa nhân.
- (3) Nghĩa quả.
- (4) Nghĩa tác dụng.

(5) Nghĩa tương ứng sai biệt.

(6) Nghĩa chuyển.

Tụng nêu:

*Tự tánh cùng nhân quả
Tác dụng, tương ứng, chuyển.*

Thế nào là kiến lập nêu bày về hữu tình? Đó là kiến lập tướng thanh của nam, nữ, phi nam phi nữ sai biệt. Hoặc lại kiến lập tướng thanh của bậc sĩ phu đầu giữa trên sai biệt.

Thế nào là kiến lập nêu bày về thời? Đó là có tướng thanh của ba thời sai biệt:

(1) Quá khứ, quá khứ thù thắng.

(2) Vị lai, vị lai thù thắng.

(3) Hiện tại, hiện tại thù thắng.

Thế nào là kiến lập nêu bày về số? Đó là có tướng thanh của ba số sai biệt:

(1) Một số.

(2) Hai số.

(3) Nhiều số.

Thế nào là kiến lập nêu bày về xứ sở căn tài? Nên biết, xứ sở lược có năm thứ:

(1) Tương tục.

(2) Danh hiệu.

(3) Tổng lược.

(4) Lợi ích.

(5) Tuyên thuyết.

Như giới, tụng v.v... gọi là căn tài. Hai thứ như thế gọi chung là kiến lập xứ sở căn tài.

Như vậy là đã nói về xứ Thanh minh.

5. Thế nào là Xứ Công nghiệp minh? Đó là ở nơi mười hai xứ, lược nói về điều trí hiện có của công nghiệp, gọi là xứ Công nghiệp minh. Những gì là mười hai xứ công nghiệp? Nghĩa là:

- (1) Công nghiệp về canh nông.
- (2) Công nghiệp về mua bán.
- (3) Công nghiệp về phụng sự vua.
- (4) Công nghiệp tính toán sổ sách, đo lường, in ấn.
- (5) Công nghiệp xem tướng.
- (6) Công nghiệp chú thuật.
- (7) Công nghiệp xây dựng.
- (8) Công nghiệp sinh thành.
- (9) Công nghiệp phòng tà (chữa bệnh).
- (10) Công nghiệp hòa hợp.
- (11) Công nghiệp thành thực.
- (12) Công nghiệp âm nhạc.

Như vậy là đã nói về Địa do Văn tạo thành.

HẾT - QUYỂN 15

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 16

Địa thứ 11: ĐỊA DO TƯ TẠO THÀNH, phần 1 (Phần Bản Địa)

Thế nào là Địa do Tư tạo thành? Nên biết lược nêu do ba thứ Tướng:

- 1. Do tự tánh thanh tịnh.*
- 2. Do xét chọn về đối tượng nhận thức.*
- 3. Do xét chọn về các pháp.*

1. Thế nào là tự tánh thanh tịnh? Đó là chín thứ nhận thức tương ứng:

(1) Tức như có một Hữu tình ở riêng nơi chốn vắng lặng tư duy xét kỹ như chỗ đã được nghe, như đạo lý của các pháp mình đã nghiên cứu thấu đạt.

(2) Xa lìa tất cả lĩnh vực không thể nghĩ bàn, tư duy xét kỹ về nơi chốn nên tư duy.

(3) Có thể khéo nhận biết rõ về sự thuyết giảng bằng cách im lặng là sự thuyết giảng vĩ đại.

(4) Mọi sự tư duy chỉ dựa nơi nghĩa, không dựa nơi văn.

(5) Đối với phần ít pháp chỉ sinh tin hiểu, đối với phần ít pháp dùng tuệ quan sát.

(6) Tư duy kiên cố.

(7) An trụ nơi tư duy.

(8) Tư duy tương tục.

(9) Nơi đối tượng được tư duy có thể khéo đạt đến cứu cánh, trọn không giữa chừng, chán nản, sợ hãi, thoái lui, khuất phục.

Do chín thứ tướng này gọi là tư duy thanh tịnh, thiện tịnh.

2. Thế nào là xét chọn về đối tượng nhận thức? Đó là khéo xét chọn về nghĩa của đối tượng được quan sát.

Những gì là nghĩa của đối tượng được quan sát? Tức là đối với hữu pháp nhận biết rõ về hữu tướng. Đối với phi hữu pháp (không pháp) nhận biết rõ về vô tướng. Như vậy gọi là nghĩa của đối tượng được quan sát.

Những gì gọi là Hữu pháp của đối tượng được quan sát? Nên biết pháp này lược có năm thứ:

(1) Hữu pháp của tự tướng.

(2) Hữu pháp của cộng tướng.

(3) Hữu pháp của giả tướng.

(4) Hữu pháp của nhân tướng.

(5) Hữu pháp của quả tướng.

Những gì gọi là Hữu pháp của tự tướng? Nên biết pháp này lược có ba thứ:

(1) Có tướng thắng nghĩa.

(2) Có tướng tướng trạng.

(3) Có tướng hiện tại.

Ở đây:

Có tướng thắng nghĩa: Đó là nghĩa lia mọi ngôn thuyết trong các pháp là tướng không phải an lập nơi cảnh giới thuộc đối tượng hành của trí xuất thế gian.

Có tướng tướng trạng: Là do bốn thứ tướng trạng của đối tượng quán, đó là: (a) Nơi xứ này danh có thể đạt được. (b) Nơi xứ này sự có thể đạt được. (c) Danh ấy đối với sự ấy chẳng phải là không quyết định. Nghĩa là hoặc mê loạn nên không quyết định. Hoặc về vô thường nên không quyết định. (d) Danh ấy đối với sự ấy tùy chuyển không ngăn ngại. Chẳng phải hoặc ở xứ này tùy chuyển, hoặc ở xứ này thoái trở lại.

Có tướng hiện tại: Nghĩa là như đã sinh cùng tánh nhân quả.

Hết thấy các thứ như thế gọi chung là Hữu pháp của một tự tướng.

Những gì gọi là Hữu pháp của cộng tướng? Nên biết tướng này lại có năm thứ, đó là:

- (1) Cộng tướng của chủng loại.
- (2) Cộng tướng của chỗ tạo tác thành tựu.
- (3) Cộng tướng của tất cả hành.
- (4) Cộng tướng của tất cả hữu lậu.
- (5) Cộng tướng của tất cả pháp.

Ở đây:

Cộng tướng của chủng loại: Nghĩa là chủng loại sai biệt của sắc thọ tưởng hành thức v.v..., gọi chung là cộng tướng của một chủng loại.

Cộng tướng của chỗ tạo tác thành tựu: Là pháp hữu lậu thiện, đối với quả yêu thích đã chiêu cảm được, do cộng tướng của chỗ tạo

tác đã thành tựu đầy đủ, nên gọi là cộng tướng. Như pháp hữu lậu thiện đối với quả yêu thích đã chiêu cảm được, các pháp Bồ-đề phần như niệm trụ, chánh đoạn, thân túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, đối với sự chứng đắc giác ngộ, do cộng tướng của sự tạo tác có thể thành tựu đầy đủ, gọi là cộng tướng, nên biết cũng như vậy.

Cộng tướng của tất cả hành: Đó là hành tướng vô thường của hết thảy hành.

Cộng tướng của tất cả hữu lậu: Nghĩa là tướng nơi tánh của hành hữu lậu đều khổ.

Cộng tướng của tất cả pháp: Đó là tướng nơi tánh không, vô ngã của tất cả pháp.

Hết thảy các thứ như vậy gọi chung là Hữu pháp của một cộng tướng.

Những gì gọi là Hữu pháp của giả tướng? Nghĩa là nếu ở nơi xứ này lược có sáu thứ ngôn luận sinh khởi, nên biết xứ ấy gọi là có Giả tướng. Những gì gọi là sáu thứ ngôn luận? đó là:

- (1) Ngôn luận tương ưng thuộc về chủ.
- (2) Ngôn luận xa lìa đây kia.
- (3) Ngôn luận cùng nêu bày.
- (4) Ngôn luận của pháp được tụ tập.
- (5) Ngôn luận không hiện bày khắp tất cả.
- (6) Ngôn luận phi thường.

Ở đây:

Ngôn luận tương ưng thuộc về chủ: Đó là các ngôn luận phải phối hợp thuộc về chủ mới lãnh hội tướng của nó, chẳng phải là không thuộc về chủ. Như lúc nói sinh, thì sự sinh ấy là của ai, phải đợi thuộc về chủ để khởi ngôn luận ấy. Nghĩa là sự sinh của Sắc,

sự sinh của Thọ Tướng Hành Thức. Không phải như lúc nào nói về sắc, ở đây sắc là của ai, của cái gì, phải đợi thuộc về chủ để khởi ngôn luận ấy. Như sinh, các tâm bất tương ưng hành như lão, trụ, vô thường, tùy chỗ ứng hợp của chúng, đều nên biết. Đó gọi là Ngôn luận tương ưng thuộc về chủ. Nếu ở nơi đó đẩy khởi ngôn luận ấy, nên biết xứ ấy là có giả tướng.

Ngôn luận xa lìa đây kia: Đó là các ngôn luận chẳng phải dùng đây để hiển bày đây, cũng chẳng phải dùng kia để hiển bày kia. Như thế gọi là ngôn luận xa lìa đây kia. Nếu ngôn luận dùng đây để hiển bày đây thì ngôn luận đó cũng ở nơi thật tướng chuyển biến, cũng ở nơi giả tướng chuyển biến. Nếu ngôn luận dùng kia để hiển bày kia, thì ngôn luận ấy cũng ở nơi thật tướng chuyển biến, cũng ở nơi giả tướng chuyển biến. Nếu ngôn luận không dùng đây để hiển bày đây, cũng không dùng kia để hiển bày kia, thì ngôn luận ấy hoàn toàn ở nơi giả tướng chuyển biến.

Thế nào là ngôn luận dùng đây để hiển bày đây, ở nơi thật tướng chuyển biến? Như nói sự bền chắc của đất.

Thế nào là các thứ đẩy lại ở nơi giả tướng chuyển biến? Như nói sự tròn đầy của đá.

Như sự bền chắc của đất, sự tròn đầy của đá, thì sự ẩm ướt của nước, sự nhỏ giọt của dầu, sự ám áp của lửa, sự cháy bùng của ngọn lửa, sự chuyển động của gió, sự bốc lên của gió thổi, cũng vậy.

Thế nào là ngôn luận dùng kia để hiển bày kia, ở nơi thật tướng chuyển biến? Như nói Thức của Nhãn, Xúc của Thân v.v...

Thế nào là những thứ ấy lại ở nơi giả tướng chuyển biến? Như nói sự ăn uống, xe cộ, y phục, vật dụng, trang sức v.v... mà Đức Phật trao cho bạn hiền đức.

Thế nào là ngôn luận không dùng đây để hiển bày đây, cũng không dùng kia để hiển bày kia, hoàn toàn ở nơi giả tướng chuyển

biển? Đó là như nói cửa của nhà, tường của nhà, miệng của bình, bụng của hũ, xe của binh, cây của rừng, mùi của một trăm, ba của mười. Những thứ như thế gọi là ngôn luận xa lìa đây kia.

Ngôn luận chúng cùng nêu bày: Nghĩa là ở nơi tự tánh của sáu thứ tướng trạng ngôn thuyết giả lập ngôn thuyết. Sáu thứ tướng trạng là: (a) Tướng trạng của sự việc. (b) Tướng trạng của đối tượng nhận biết. (c) Tướng trạng tịnh diệu v.v... (d) Tướng trạng tạo lợi ích v.v... (đ) Tướng trạng ngôn thuyết. (e) Tướng trạng của hạnh tà v.v...

Tướng trạng của sự việc: Đó là đối tượng giữ lấy của thức.

Tướng trạng của đối tượng nhận biết: Là đối tượng giữ lấy của tác ý, có thể đẩy khởi thức.

Tướng trạng tịnh diệu v.v...: Là đối tượng giữ lấy của xúc.

Tướng trạng tạo lợi ích: Là đối tượng giữ lấy của thọ.

Tướng trạng ngôn thuyết: Là đối tượng giữ lấy của tưởng.

Tướng trạng của hạnh tà: Là đối tượng giữ lấy của tư.

Ngôn luận của pháp được tích tập: Đó là ngôn luận ở nơi nhiều thứ hòa hợp kiến lập tự tánh. Như đối với sắc thọ tướng hành thức bên trong kiến lập vô số ngã v.v... Đối với các sự vật bên ngoài như sắc hương vị xúc hòa hợp sai biệt, kiến lập vô số ngôn luận như nhà cửa, binh áo, xe cộ, cây rừng v.v...

Ngôn luận không hiện bày khắp tất cả: Đó là các ngôn luận có xứ tùy chuyển, có xứ quay trở lại. Như ở nơi nhà cửa, ngôn luận về nhà cửa: Đối với các thứ nhà cửa, thì xứ xứ tùy chuyển. Đối với thôn ấp, làng xóm, đình trạm, đất nước v.v... thì liền quay trở lại. Ở nơi vò, hũ v.v... ngôn luận về vò hũ v.v... đối với các thứ vò, hũ thì xứ xứ tùy chuyển, đối với các vật chứa đựng như bình, hũ thì liền quay trở lại. Ở nơi quân binh, ngôn luận về quân binh, thì tùy các quân binh mà chuyển. Đối với các loại khác biệt như nam, nữ, ấu thời,

thiếu thời, tức liền quay trở lại. Đối với rừng, ngôn luận về rừng, thì theo các rừng chuyển. Đối với các thứ riêng biệt như cây, gốc, thân, cánh, nhánh, hoa, quả thì liền quay trở lại.

Ngôn luận phi thường: Là do bốn thứ nhận biết tương ứng: (a) Do hủy hoại. (b) Do không hủy hoại. (c) Do gia hạnh. (d) Do chuyển biến.

Do hủy hoại: Nghĩa là như bình, hũ v.v... đã bị phá vỡ, thì bình, hũ v.v... gọi là bỏ. Ngói, miếng v.v... gọi là sinh.

Do không hủy hoại: Đó là vô số vật cùng hòa hợp rồi, hoặc thành dạng viên, hoặc thành dạng bột, vô số tạp vật sai biệt gọi là bỏ, các viên, bột gọi là sinh.

Do gia hạnh: Đó là nơi một thỏi vàng v.v... khởi các gia hạnh tạo ra các vật dụng trang sức khác nhau như vòng, xuyên vv thỏi vàng v.v... gọi là bỏ, các vòng, xuyên v.v... gọi là sinh.

Do chuyển biến: Đó là các thứ ăn uống v.v... nơi lúc chuyển biến, các thức ăn uống gọi là bỏ. Các thức phần, tiểu v.v... gọi là sinh.

Các loại như vậy, nên biết gọi là ngôn luận phi thường.

Tùy nơi các vật phát khởi sáu thứ ngôn luận như thế, nên biết các vật ấy đều là giả có. Đó gọi là Hữu pháp của giả tướng.

Những gì gọi là Hữu pháp của nhân tướng? Nên biết nhân ấy lược có năm thứ:

- (1) Nhân đáng yêu thích.
- (2) Nhân không đáng yêu thích.
- (3) Nhân nuôi lớn.
- (4) Nhân lưu chuyển.
- (5) Nhân hoàn diệt.

Nhân đáng yêu thích: Là pháp hữu lậu thiện.

Nhân không đáng yêu thích: Là pháp bất thiện.

Nhân nuôi lớn: Là các pháp thiện, bất thiện, vô ký, được sinh về trước từ trước, do tu tập, khéo tu tập, nên có thể khiến cho các pháp thiện, bất thiện, vô ký, được sinh sau lần lượt tăng trưởng, gọi là Nhân nuôi lớn.

Nhân lưu chuyển: Đó là do chủng tử ấy, do sự huân tập ấy đối với pháp kia gọi là Nhân lưu chuyển.

Nhân hoàn diệt: Đó là các hành hoàn diệt, các thứ tạp nhiễm hoàn diệt. Tất cả khả năng đạt đến đạo tịch tĩnh, khả năng đạt Bát Niết-bàn, khả năng hướng đến Bồ-đề, cùng tư lương và phương tiện của các khả năng ấy, đều có thể sinh khởi, có thể thành tựu đầy đủ, hết thảy mọi thứ hiện có ấy gọi là Nhân hoàn diệt.

Như thế gọi chung là Hữu pháp của nhân tướng.

Nên phân biệt rộng, nên biết về tướng của chúng, như trong phần suy xét về nhân quả.

Những gì gọi là Hữu pháp của quả tướng? Đó là từ nơi năm nhân kia, hoặc sinh hoặc đạt được, hoặc thành tựu hoặc đã viên mãn, hoặc chuyển biến, nên biết đó gọi là Hữu pháp của quả tướng.

Những gì gọi là không pháp của đối tượng được quan sát? Nên biết tướng này cũng có năm thứ:

- (1) Không chưa sinh.
- (2) Không đã diệt.
- (3) Không hỗ tương.
- (4) Không thắng nghĩa.
- (5) Không rốt ráo.

Không chưa sinh: Là các hành của vị lai

Không đã diệt: Là các hành của quá khứ

Không hỗ tương: Đó là các pháp còn lại do nơi tướng còn lại, hoặc tánh xa lìa, hoặc tánh không có, hoặc các pháp còn lại cùng với các pháp khác, tánh không hòa hợp.

Không thắng nghĩa: Là do tự tánh của ngôn thuyết thể tục giả đặt tánh được ngôn luận an lập.

Không rốt ráo: Là loại không rốt ráo, như “cô gái đá” v.v...

Lại có năm thứ có tánh, năm thứ không tánh: Những gì gọi là năm thứ có tánh? Đó là:

- (1) Tướng viên thành thật có tánh.
- (2) Tướng y tha khởi có tánh.
- (3) Tướng Biến kế sở chấp có tánh.
- (4) Tướng sai biệt có tánh.
- (5) Tướng không thể nói có tánh.

Trong ấy thứ nhất là Tướng thắng nghĩa. Thứ hai là Tướng của tướng duyên sinh. Thứ ba là Tướng giả nêu đặt. Thứ tư là Tướng bất nhị. Tướng sinh, tướng lão, tướng trụ, tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã, tướng sự việc, tướng của đối tượng nhận biết, tướng của đối tượng giữ lấy, tướng tịnh diệu v.v... các tướng như thế nên biết gọi là Tướng sai biệt. Loại thứ năm, do bốn thứ “không thể nói”, nên gọi là tướng không thể nói, đó là:

Thứ nhất: Do không nên không thể nói. Nghĩa là hữu tình đối với các uẩn kia không thể nêu rõ hoặc khác hoặc chẳng khác.

Thứ hai: Do thâm diệu nên không thể nói. Đó là tánh của pháp lìa ngôn từ không thể nghĩ bàn. Pháp thân của Như Lai không thể

ngữ bàn. Cảnh giới của chư Phật, Như Lai sau khi diệt độ, hoặc có hoặc không v.v... là không thể tuyên thuyết.

Thứ ba: Do có thể dẫn đến vô nghĩa, nên không thể nói. Đó là nếu các pháp không thể dẫn phát nghĩa pháp, phạm hạnh, chư Phật Thế Tôn tuy chứng đắc, nhưng không thuyết giảng.

Thứ tư: Do chỗ an lập của pháp tướng, pháp nhĩ, nên không thể nói. Đó là chân như nơi các hành v.v... không thể nêu rõ tánh là khác, chẳng khác.

Những gì gọi là năm thứ không tánh? Đó là:

- (1) Tướng thắng nghĩa không tánh.
- (2) Tự tướng rốt ráo không tánh.
- (3) Tướng tự nương dựa không tánh.
- (4) Tướng không sai biệt không tánh.
- (5) Tướng có thể nêu bày không tánh.

3. Thế nào là xét chọn về các pháp? Nên biết ở đây lại có hai loại:

- a. Xét chọn về nghĩa của Tổ đất lăm (Tu-đa-la = Kinh)
- b. Xét chọn về nghĩa của Già tha (Gia tha = Kệ tụng)

Trong đó:

Xét chọn về nghĩa của Tổ đất lăm: Như trong phần Nhiếp sự và Giáo thọ Bồ-tát tạng sẽ nói rộng.

Xét chọn về nghĩa của Già tha: Lại có ba thứ:

- (1) Già tha kiến lập nghĩa lý thù thắng.
- (2) Già tha kiến lập nghĩa lý sâu xa.
- (3) Già tha kiến lập nghĩa của Thế.

* **Già tha kiến lập thẳng nghĩa**, như kinh viết:

Đều không có chủ tể.
 Cùng kẻ tạo, người nhận
 Các pháp cũng không dụng
 hưng dụng chuyển chẳng không.
 Chỉ mười hai Hữu chi
 Uẩn Xứ Giới lưu chuyển
 Xét kỹ hết thấy ấy
 Chúng sinh không thủ đắc.
 Nơi bên trong, bên ngoài
 Là tất cả đều không
 Người có thể tu không
 Cũng thường không sở hữu.
 Ngã, ngã thật chẳng có
 Do vọng chấp điên đảo
 Hữu tình, ngã đều không
 Chỉ có nhân pháp có.
 Các hành đều sát-na
 Trụ hãy không, hướng dụng
 Tức nói kia sinh khởi
 Là dụng, là tác giả.
 Mắt không thể thấy sắc
 Tai không thể nghe tiếng
 Mũi không thể ngửi hương
 Lưỡi không thể nếm vị.
 Thân không thể xúc biết
 Ý không thể tỏ pháp
 Ở đây cũng không thể
 Nhận giữ và sai khiến.
 Pháp không thể sinh tha

Cũng không thể tự sinh
Các duyên có nên sinh
Không cũ mới mới có.
Pháp không thể diệt tha
Cũng chẳng thể tự diệt
Các duyên có nên sinh
Sinh rồi tự nhiên diệt.
Do dựa nơi hai phẩm
Là sinh liền đạt được
Luôn nơi cảnh buông lung
Lại thăng tiến tà vạy.
Bị ngu si cuốn trôi
Bèn thăng tiến tà vạy
Các tham ái dẫn dắt
Nơi cảnh thường phóng dật.
Do các pháp có nhân
Các khổ cũng lại thế
Vì hai Hoặc căn bản
Mười hai chi phần hai
Tự không thể tác dụng
Cũng không do tha tạo
Không gì có thể tạo
Nhưng tác dụng chẳng không.
Không trong cũng không ngoài
Không khoảng giữa hai thứ
Do vì hành chưa sinh
Đúng thời có thể đạt.
Nếu các hành đã sinh
Do đấy nên “không đắc”
Vị lai không có tướng

Quá khứ nên phân biệt.
 Phân biệt từng trải qua
 Không từng cũng phân biệt
 Hành tuy không có đầu
 Nhưng có đầu đạt được.
 Các sắt như bọt tu
 Các thọ dường bọt nổi
 Các tường đồng dọn nắng
 Các hành như cây chuối.
 Các thức như sự huyền
 Chỗ nói gọi là thân
 Các hành đồng lúc sinh
 Cũng một lúc trụ diệt.
 Si không thể si mình
 Cũng không thể si kia
 Không gì khác có si
 Nhưng ngu si chẳng không.
 Do tư duy không chánh
 Các ngu si được sinh
 Tư duy không chánh ấy
 Chẳng phải không ngu khởi.
 Phước phi phước, bất động
 Hành có ba nên biết
 Lại có ba thứ nghiệp
 Hết thấy không hòa hợp.
 Hiện tại mau hoại diệt
 Quá khứ trụ không phương
 Chưa sinh dựa các duyên
 Mà tâm lại tùy chuyển.
 Rốt ráo cùng tương ưng
 Không tương ưng cũng thế

Chẳng tất cả, tất cả
Nhưng nói tâm tùy chuyển.
Nơi đây trôi không dứt
Tương tự không tương tự
Do thuận theo ngã kiến
Dụng thế tục chẳng không.
Nếu sắc thân hư hoại
Danh thân cũng diệt theo
Nói đời này đời sau
Tự tạo tự nhận quả.
Nên trước sau sai biệt
Từ nhân quả gồm thâu
Người tạo cùng kẻ nhận
Một khác không thể nói.
Do nẻo nhân không dứt
Hòa hợp tác dụng chuyển
Từ tự nhân sinh khởi
Cùng thâu nhận chỗ tạo.
Ua hý luận làm nhân
Hoặc nghiệp tịnh, bất tịnh
Các chủng tử dị thực
Và quả ái không ái.
Dựa các chủng dị thực
Ngã kiến mà sinh khởi
Từ chỗ chứng biết trong
Không sắc chẳng thể thấy.
Phàm phu không phân biệt
Chấp đây là nội ngã
Ngã kiến làm chỗ dựa
Khởi rất nhiều vọng kiến.
Chấp chung nơi tự chủng

Trợ bạn trước đã tập
 Do tùy thuận lắng nghe
 Phát sinh nơi ngã kiến.
 Tham ái cùng với duyên
 Sinh khởi ngã bên trong
 Thâu nhận nơi hy vọng
 Nhiệm tập duyên bên ngoài.
 Thế gian thật đáng sợ
 Ngu si nên thâu nhận
 Trước khởi ái tàng rồi
 Do càng hưởng hý luận.
 Chỗ kẻ ái tàng kia
 Hiền Thánh rõ là khổ
 Khổ bức bách kẻ ngu
 Sát-na không tạm dừng.
 Tâm buộc không bình đẳng
 Tích tập các khổ kia
 Kẻ ngu thường tích tập
 Chấp ngã duyên khổ vui.
 Các kẻ ngu bám chặt
 Như voi lớn sa lũy
 Do si nên tăng thượng
 Biến hành, chỗ tạo khắp.
 Ao này phân các dòng
 Dòng thế gian là thác
 Không lửa gió, mặt trời (làm cho khô)
 Chỉ trừ chánh pháp hành.
 Nơi khổ chấp ngã thọ
 Khổ vui biết rõ khổ
 Phân biệt khởi biến ấy
 Từ kia sinh, sinh kia.

Ý luôn bị nhiễm ô
 Các Hoặc cùng sinh diệt
 Nếu giải thoát các Hoặc
 Không trước cũng không sau.
 Chẳng pháp kia sinh rồi
 Sau tịnh khác mà sinh
 Kia trước không nhiễm ô
 Nói giải thoát các Hoặc.
 Pháp có nhiễm ô ấy
 Tánh hoàn toàn thanh tịnh
 Đã không đối tượng tịnh
 Sao có chủ thể tịnh.
 Vì các chủng tử diệt
 Nên các phiền não hết
 Tức nơi ấy không nhiễm
 Hiện thị hai sai biệt.
 Tự chứng đắc bên trong
 Nên chỉ các khổ dứt
 Vĩnh viễn đoạn hý luận
 Hết thấy không hý luận.
 Chúng sinh gọi tương tục
 Và trong tướng tướng pháp
 Không lưu chuyển sinh tử
 Cũng không chứng Niết-bàn.

Ở đây, nương nơi thắng nghĩa vô ngã của hữu tình để nói rõ về Già tha thắng nghĩa như thế. Vì nhằm đối trị kiến chấp về hai biên tăng ích, tồn giảm.

Nơi đối tượng thân nhận nói là chủ thể. Nơi các nghiệp dụng nói là người tạo tác. Nơi các quả báo gọi là kẻ thọ nhận. Nửa kệ tụng như vậy, nên “Dị dụ” về ngã của đối tượng phân biệt nơi nghĩa riêng.

Các pháp cũng không dụng: Là nêu Dị dụ về ngã của đối tượng phân biệt nơi tức pháp. Nhân đây xa lìa kiến chấp về biên tăng ích.

Nhưng dụng chuyển chẳng không: Là hiển bày về hữu tánh của pháp. Do đây xa lìa kiến chấp về biên tồn giảm. Dụng có ba loại: (1) Dụng của chủ thể. (2) Dụng của người tạo tác. (3) Dụng của kẻ thọ nhận.

Nhân nơi Dụng ấy, nên giả lập chủ thể, người tạo tác, kẻ thọ nhận. Tuy nói các pháp nhưng chưa nêu rõ. Những gì là pháp? Nên tiếp theo nữa kệ viết: “Chỉ có mười hai chi v.v...”

Như thứ lớp hữu chi, các uẩn cùng lưu chuyển. Đây là hiển bày không nắm giữ về nhiều ngã vi tế, nên có thể đối trị kiến chấp về chủ thể, về người tạo tác, thọ nhận. Do nhân, sắc làm duyên, sinh ra quả của nhân thức, không có kẻ thọ nhận riêng. Ở đây hiển bày tức mười tám giới nói là tánh của kẻ thọ nhận.

Tuy nói không chủ thể nhưng chưa rõ là không những chủ nào. Vì nhằm làm rõ điều ấy, nên kệ viết tiếp:

*Xét kỹ hết thấy ấy
Chúng sinh không thủ đắc.*

Nói suy xét kỹ: Là do nương nơi ba lượng để quan sát, thẩm xét. Đây nếu là không, vì sao kiến lập sự thành tựu cả trong ngoài? Nên tiếp theo kệ viết:

*Nơi bên trong, bên ngoài
Là tất thấy đều không.*

Đây tức làm rõ: Trong ngoài chỉ là giả kiến lập.

Vì sao kiến lập: Hai thứ chủ thể quan sát, đối tượng được quan sát, đều thành tựu? Kệ tiếp theo nói:

*Người có thể không tu
Cũng thường không sở hữu.*

Vì sao kiến lập Thánh giả và phàm phu, hai thứ thành tựu? Kệ viết tiếp:

*Ngã, ngã thật chẳng có
Do vọng chấp điên đảo.”*

Đây là làm rõ ngã của Thánh giả và phàm phu quyết định không có tánh của ngã chân thật, chỉ do vọng chấp điên đảo cho là có.

Vì sao kiến lập kia đây đều thành tựu? Kệ nêu tiếp:

Hữu tình ngã đều không.

Vì sao kiến lập nhiễm tịnh thành tựu? Kệ nêu tiếp:

Chỉ có nhân pháp có.

Nên kẻ nhiễm người tịnh đều không thể thủ đắc.

Tuy nói các pháp đều không tác dụng, nhưng chưa nêu rõ thế nào là không dụng, nên kệ viết tiếp:

*Các hành đều sát-na
Trụ còn không, hướng dụng.*

Như trước đã nói: Dụng chuyên chẳng phải là không. Vì sao không dụng mà có dụng chuyên? Nên kệ nói tiếp:

Tức nói kia sinh khởi

Là dụng là người tạo.

Quả nên nói là dụng. Nhân nên gọi là người tạo.

Kia sinh khởi: Là hiển bày từ các xứ, các thức được sinh. Chúng được sinh: Chẳng phải là lìa nhãn v.v... mà chúng được thành tựu.

Như ở trước đã nêu: Các pháp không dụng. Hiển bày về không dụng này lược có bảy thứ:

Không dụng của tác dụng: Đó là như mắt không thể thấy sắc v.v...

Không dụng của tùy chuyên: Nghĩa là ở đây cũng không thể trụ giữ, sai khiến. Như thứ lớp, chủ tể, tác giả đều không sở hữu, nên không có tác dụng của chủ thể tùy chuyên.

Không dụng của sinh tha: Tức là pháp không thể sinh từ cái khác.

Không dụng của tự sinh: Nghĩa là cũng không thể tự sinh.

Không dụng của di chuyển: Là các duyên có nên sinh, không phải là cũ mới, mới có.

Không dụng của diệt tha: Là pháp không thể diệt từ cái khác.

Không dụng của tự diệt: Là cũng không thể tự diệt.

Hỏi: Như các duyên có nên sinh, vậy cũng các duyên có nên diệt chăng?

Đáp: Các duyên có nên sinh. Sinh rồi tự nhiên diệt.

Như trước đã nêu: Có nhân pháp có. Nhằm hiển bày có nhân pháp có nơi tự tánh tạp nhiễm của hàng tại gia cùng với xuất gia, nên kê nêu tiếp:

*Do dựa nơi hai phẩm
Là sinh liền đạt được.*

Do hai kệ ấy là làm rõ về “Có nhân pháp có” của Vô minh, Ái.

Năm tụng tiếp sau hiển bày về nhân cùng thời phân, là chỗ dựa sai biệt của phẩm loại tạp nhiễm. Trong ấy, các pháp có nhân: Là Vô minh cho đến Thọ.

Các khổ có nhân: Là Ái cho đến Lão, tử. Câu này hiển thị phiền não, nghiệp sinh khởi ba thứ tạp nhiễm.

Do hai hoặc căn bản: Câu này làm rõ phiền não tạp nhiễm chỉ giữ lấy tạp nhiễm của phiền não hơn hết.

Các câu: Tự không thể tác dụng v.v... Là hiển bày riêng lần nữa về nghĩa tạp nhiễm của nghiệp, do chỗ tạo tác của chúng có sai biệt, do dị thực của quả ấy là không thể nghĩ bàn.

“Tự không thể tác dụng”: Vì phải đợi chỗ dẫn dắt của kẻ khác về bạn thiện, bạn ác.

“Cũng không do tha tạo”: Vì phải đợi chỗ thành tựu đầy đủ nơi công dụng của tự mình.

“Không gì có thể tạo”: Chính là phải chờ nhân sinh trước có sai biệt nên mới có chỗ tạo tác.

Các tụng: “Không trong cũng không ngoài” v.v... làm rõ nương vào vị lai không sinh tạp nhiễm. Dựa nơi các hành của quá khứ, hiện tại có thể sinh tạp nhiễm. Nếu như hành đã sinh, tức do tướng ấy không có phân biệt. Vì vị lai không tướng nên không phân biệt như ở đây. Như vậy đương lai quyết định không thể nhận biết. Nếu không phân biệt về di loại như thế, hoặc thời có thể đạt được. Như đối với quá khứ tức có thể phân biệt như ở đây. Như vậy từng có tướng mạo có thể phân biệt, chẳng phải chỉ từng trải qua mà có thể phân biệt. Người chưa từng trải qua, tuy không phân biệt rõ ràng vì chỉ giữ lấy tướng mạo, nhưng tùy theo chủng loại, cũng có thể phân biệt. Đây tức hiển thị, dựa vào hành hiện tại phân biệt làm nhân sinh các tạp nhiễm. Hành tuy không khởi đầu, nhưng khởi đầu có thể đạt được: Là làm rõ thời phần sai biệt của tạp nhiễm, do từ vô thủy đến nay luôn theo đuổi, nơi từng sát-na, sát-na, cái mới luôn được sinh khởi.

Từ đây về sau là hiển bày phẩm thanh tịnh, do lúc quán như thật đạt được thanh tịnh. Hoặc do tự tướng, nghĩa là quán sắc v.v... như đám bọt nước v.v... Hoặc do cộng tướng, nghĩa là quán cộng tướng hiện có đồng sinh trụ diệt của các pháp hữu vi. Hoặc do hai đế Thế tục và Thắng nghĩa. Đó là tuy không có kẻ si nhưng không phải là không có ngu si. Do các duyên sinh khởi, nên Thế tục đế nói si có

thể làm cho si. Lại hiển thị chẳng phải là kẻ không ngu tư duy không đúng, vì thế kẻ kia bị ngu si làm cho si mê.

Lại cho thể tục nên nêu rõ các thức tùy theo các hành phước, phi phước v.v... Nếu dựa nơi thắng nghĩa thì không có sự theo đuổi.

Lại ba pháp nên biết, đó là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Ba thứ nghiệp: Là nghiệp của thân, ngữ v.v...

Hết thủy không hòa hợp: Là lại hỗ tương so với không hòa hợp.

Vì sao? Vì hiện tại mau hoại diệt, quá khứ không nơi trụ, vị lai dựa nơi các duyên, mà tâm lại tùy chuyển. Nếu kia và đây lại cùng tương ưng, như các hành phước, phi phước v.v... không có hòa hợp. Đạo lý tương ưng của tâm ấy cũng vậy.

Vì sao phải có tánh tùy chuyển thật? Như tâm cùng với các hành kia tương ưng, hoặc không tương ưng. Chẳng phải đây cùng với kia, hoặc lúc không tương ưng, hoặc lúc chẳng phải là không tương ưng. Lại, chẳng phải là tất cả tâm, hoặc tương ưng hoặc không tương ưng. Như vậy, do thắng nghĩa nên tánh tùy chuyển của tâm không được thành tựu. Nay sẽ hiển thị do thể tục nên nói nhân duyên hiện có của tâm tùy chuyển.

Nơi dòng này không dứt: Nay trong tụng ấy hiển bày về Thế tục để không phải là không có tác dụng cùng với tùy chuyển. Lại do Thắng nghĩa không có kẻ tạo tác cùng với kẻ thọ nhận. Do thể tục nên có thể nêu rõ về tự tạo tác tự thọ nhận.

Lại, người tạo tác, kẻ thọ nhận, hoặc một hoặc khác, đều không thể nêu bày. Vì để hiển bày về nghĩa này, nên tiếp theo nêu các tụng: Trước sau sai biệt v.v...

Như vậy, do Thắng nghĩa, nên không có chủ thể, người tạo tác, kẻ thọ nhận, chỉ có nhân quả. Nơi tướng nhân quả giải thích thông suốt các nghi hoặc vấn nạn. Lược do năm tụng hiển thị ở đây khởi điên đảo của ngã chấp.

Tụng thứ nhất hiển bày tuy không có ngã mà có hậu hữu không có đoạn tuyệt. Lại các nhân quả chẳng phải là tức khắc cùng có, chẳng phải từ tất cả, tất cả được sinh. Lại, lý của nhân này không có dứt hẳn. Bốn câu trong tụng, theo như thứ lớp, giải thích về bốn vấn nạn ấy.

Do tụng thứ hai hiển bày về tướng nhân quả. Do ba tụng sau làm rõ ở trong các nhân quả vô ngã, dấy khởi điên đảo về ngã. Trong ấy, hiển thị về cảnh của đối tượng duyên, về nơi chốn nương dựa, về nhân về quả của pháp kia. Tụng một, hiển bày về cảnh của đối tượng duyên ấy. Chỗ chứng đắc bên trong của mình không sắc, khó thấy, khó có thể tìm cầu, suy xét nên gọi là không sắc. Kinh nói sắc tướng là tìm xét khó nêu bày chỉ rõ cho người khác, nên không thể thấy.

Do tụng hai, hiển bày về các việc dựa nơi quả của hành giả kia. Phạm phu là nơi dựa. Các kiến là quả.

Do tụng ba hiển bày về “Ngã kiến câu sinh” của nhân kia. Do kể chấp chung về chốn sinh khởi của tùy miên nơi tự chủng, các ngoại đạo phân biệt về ngã kiến. Vì chỗ sinh khởi của những thói quen từ trước, kiến chấp của ngoại đạo này, chủ yếu là do luôn tập quen, do tâm tư không chân chính. Lại được tùy thuận theo kẻ khác nghe, lãnh hội không phải chánh pháp, nên có thể sinh trưởng. Ở đây, hiển bày do các lỗi lầm nơi đối tượng duyên của tác ý được nương tựa, nên ngã kiến phân biệt mới có thể sinh khởi.

Năm tụng tiếp theo sau hiển bày về ngã kiến ấy là do tập, thứ lớp phát sinh nơi khổ.

Lại, tức khổ này cùng với ngã kiến làm nhân duyên cho hai khổ.

Lại, đối với giải thoát, có thể tạo nên chương ngại. Trong đó tụng đầu làm rõ về tập. Tụng thứ hai, thứ ba hiển thị về Thức A-lại-da do hành khổ thâm tóm, ái tàng đối với đây rồi hương tới hý luận. Đó là ta sẽ có, chẳng phải là hiện có.

Nói Ái tàng: Là gồm thâu làm thể của mình.

Lại nữa, khổ này, ở nơi tất cả thời hằng thường theo đuổi, không một sát-na nào tạm ngừng dứt.

Do tụng thứ tư: Hiện thị khổ ấy là hay chấp ngã cùng duyên nơi khổ lạc.

Do tụng thứ năm: Nêu rõ về chấp ngã. Do ngu si nên gây chướng ngại cho giải thoát.

Nói Tăng thượng: Là đối chiếu với hai khổ còn lại.

Nói Biến hành: Là theo đuổi nơi các thọ.

Đối tượng tạo tác hiện bày khắp: Là nói thiện ác vô ký hiện bày khắp. Nay sẽ làm rõ hành khổ thuộc về thức A-lại-da, cùng tương tự với nó. Lại hiện bày về sai biệt, do hành chánh pháp mới có thể dứt hết được. Đối với các dòng chảy của thế gian là bạo ác bậc nhất.

Nói “Các dòng chảy”: Ví như sáu căn như nhãn v.v... năm nẻo, ba cõi v.v...

Lại, pháp hành: Là nêu rõ sự nhận biết về biến tri của giải thoát và biến tri của hệ phược (ràng buộc).

Nhận biết rõ về biến tri của hệ phược: Là nhận biết rõ về khổ. Đó là nhận biết rõ Ta thọ nhận khổ, vui, đều dựa vào nơi khổ.

Lại, sự phân biệt này có thể dấy khởi các kiến. Từ nơi các kiến chấp ấy sinh ra, cũng có thể sinh ra các kiến chấp đó.

Hiện thị sự hiểu rõ về biến tri của hệ phược rồi, sáu tụng còn lại là làm rõ về việc nhận biết biến tri của giải thoát. Nghĩa là ý nhiệm ô, luôn luôn, các Hoặc cùng sinh diệt. Nếu giải thoát các Hoặc, chẳng phải trước, cũng chẳng phải sau.

Chẳng phải trước: Là cùng với các phiền não luôn câu sinh.

Chẳng phải sau: Là cùng với Hoặc ấy đồng thời diệt mất.

Lại hiển bày tướng giải thoát đã được nói đến. Đó là chẳng phải tức pháp kia sinh rồi, sau mới thanh tịnh, riêng có ý thanh tịnh khác sinh khởi.

Tức tướng kia trước nay không hề nhiễm ô nên gọi là giải thoát. Vì để thành tựu nghĩa này nên lại nói:

*Pháp có nhiễm ô ấy
Tánh hoàn toàn thanh tịnh.*

Tụng lại nêu rõ hai thứ giải thoát là giải thoát phiền não và giải thoát sự.

“Vi các chủng tử diệt, Nên các phiền não hết”: Là hiển thị về giải thoát phiền não.

“Tức nơi ấy không nhiễm”: Là hiển thị về giải thoát sự. Như nơi kinh nói: “Bí-sô nên biết! Nếu đối với mắt, tham dục đã vĩnh viễn dứt hẳn, như thế thì mắt ấy cũng sẽ vĩnh viễn dứt trừ, cho đến nói rộng”.

Như thế là đã nêu rõ về giải thoát hữu dư y, tiếp theo sẽ hiển thị về giải thoát vô dư y.

“Tự chứng đắc bên trong”: Là làm rõ chỗ chứng đắc không nghi bàn.

“Nên chỉ các khổ dứt”: Là dứt trừ vọng chấp, chỉ giữ lấy vô tánh: tức Hữu dư y vĩnh viễn vắng lặng nên nói là tịch diệt, chẳng phải là hoàn toàn vô tánh.

Không hý luận: Tánh của giải thoát này chỉ là chỗ chứng đắc bên trong. Hoặc khác chẳng khác, sau khi chết sẽ có hoặc sẽ không, tất cả hý luận đều không thể nêu.

Vì nhằm làm rõ hữu tình và pháp đều không phải lưu chuyển nơi sinh tử hoặc Bát Niết-bàn, nên tụng lại nói:

*Chúng sinh gọi tương tục
 Và trong tướng tướng pháp
 Không lưu chuyển sinh tử
 Cũng không chứng Niết-bàn.*

* Đã giải thích Già tha kiến lập nghĩa lý thù thắng nơi Thánh giáo. Tiếp theo là nêu ***Già tha kiến lập nghĩa lý sâu xa***. Như kinh viết: Một thời vị chủ thế giới Sách Ha (Ta bà) là Đại Phạm Thiên Vương, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ nơi chân Phật rồi lui ra ngồi qua một bên, dùng kệ thù diệu xưng tán thỉnh nguyện:

*Nơi học đến cứu cánh
 Khéo đoạn các lưới nghi
 Nay thỉnh cầu việc học
 Vì con nói tu học.
 Đại Tiên nên khéo nghe
 Học lược có ba loại
 Giới, tâm, tuệ tăng thượng
 Nơi ấy nên tu học.
 Phải viên mãn sáu chi
 Thành tựu bốn lạc trụ
 Đối bốn đều bốn hành
 Trí tuệ thường thanh tịnh.
 Trước khéo trụ căn bản
 Kế tâm vui tịch tĩnh
 Sau: Thánh kiến, ác kiến
 Tương ưng không tương ưng.
 Trước tịnh, lạc tĩnh lự
 Cùng thiện xảo nơi đế
 Túc ở trong các đế
 Nên sinh tăng trưởng xa.
 Ở trong các Học xứ*

Có bốn nẻo, ba chốn
Xa lìa nơi hai nẻo
Nơi hai nẻo chứng đắc
Hai an trụ hai loại
Một hay hướng Niết-bàn
Lần lượt làm nhân duyên
Thuần, tạp mà tu tập.
Trước tiên lìa ó tác
Sau cùng vui thành mãn
Các học đó là đầu
Nơi học ấy thông sáng.
Do trí đó tu tịnh
Tịnh sinh, lạc thành mãn
Các học đó là giữa
Nơi học ấy thông sáng.
Theo tâm ấy giải thoát
Diệt hẳn các Hý luận
Các học đó là trên
Nơi học ấy thông sáng.
Nếu hành hướng bất tịnh
Cũng hướng nơi nẻo thiện
Hành này gọi là đầu
Nên biết đấy chẳng chung.
Nếu hành hướng thanh tịnh
Không các nẻo cứu cánh
Hành ấy gọi là giữa
Nên biết cũng không chung.
Nếu hành hướng thanh tịnh
Nơi các nẻo cứu cánh
Hành này gọi tôn quý
Nên biết đấy tất chung.

Như hữu học, vô học
Nên biết đều thông sáng
Nếu hữu học, vô học
Nên biết đều ngu phu.
Nếu từ bỏ thân nhận
Cũng đoạn trừ thô trọng
Và hiện thấy sở tri
Là thọ trì ba học.
Như có duyên không duyên
Cũng hiện rõ thô tế
Do thọ trì, xa lìa
Ngôn phát, tỏ chỗ dẫn.
Học đầu chỉ có một
Học thứ hai, hai loại
Học thứ ba đủ ba
Bậc tuệ đều siêu việt.
Không hủy hoại Thi la
Nơi học nguyện luôn thuận
Khuôn phép không luận trách
Nơi năm xứ xa lìa.
Nếu xuất ly không phạm
Không ó tác, ó tác
Đối học ấy tìm cầu
Cùng siêng tu hành kia.
Trọn không có từ bỏ
Mạng khó cũng không thiếu
Luôn trụ trong chánh hạnh
Theo Tỳ-nại-da chuyển.
Trước là nguyện tu trị
Cũng tu trị tịnh mạng
Hai biên đều xa lìa

Cũng buông bỏ nguyện tà.
Nơi các pháp chương ngại
Trọn không có nhiễm đấm
Pháp loạn tâm vừa sinh
Tìm nên mau xa lìa.
Không nổi chìm thái quá
Hằng khéo trụ chánh niệm
Quyển thuộc căn bản tịnh
Mà tu hành phạm hạnh.
Nên phát khởi tinh tấn
Luôn kiên cố dũng mãnh
Thường tu không phóng dật
Năm chi khéo an trụ.
Ấn các thiện của mình
Cũng phát lộ các ác
Được các loại y phục
Xấu, đẹp đều hoan hỉ.
Ít theo nơi việc đời
Thô, xấu cũng tùy chuyển
Nhận công đức đầu đà
Là lặng lìa phiền não.
Phải đầy đủ uy nghi
Hơn lượng mà thọ nhận
Trọn không có tạo tác
Dối hiện tướng oai nghi.
Không tự nói đức thật
Cũng không khiến người nói
Tuy có chỗ mong cầu
Nhưng không hiện tướng lạ.
Từ biên khác cầu xin
Trọn không hành bức bách

Do pháp mà đạt được
 Được rồi không khinh chê
 Không đả vọng lợi dưỡng
 Cùng cung kính hiện có
 Cũng không chấp các kiến
 Tăng ích và tổn giảm.
 Không thuận chấp thế gian
 Văn chú thuật vô nghĩa
 Cũng không ưa nuôi chứa
 Y bát nhiều vô nghĩa.
 Sợ các phiền não tăng
 Không nhiễm theo việc nhà
 Vì tịnh tu trí tuệ
 Nên thân cận Hiền Thánh.
 Không nuôi chứa bạn bè
 Sợ buồn lo phát loạn
 Hay sinh phiền não khổ
 Vừa khởi liền xa lìa.
 Không nhận nơi tín thí
 Sợ ung nhọt gia hại
 Đối chánh pháp Như Lai
 Thường không hề buông bỏ.
 Lỗi phạm nơi kẻ khác
 An vui không gây tạo
 Luôn tự xét lỗi mình
 Biết rồi mau bày tỏ
 Nếu phạm điều ngăn cấm
 Nên như pháp xuất ly
 Nơi sự việc nên làm
 Phải nỗ lực tự tạo.
 Đối với Phật, đệ tử

Uy đức cùng ngôn giáo
Hết thầy đều tin nhận
Thấy tội lớn không chê.
Nơi pháp cực thâm diệu
Xứ không thể xét lường
Hay bỏ tông thầy cũ
Không chấp chặt kiến riêng.
Thường vui sống xa lìa
Cùng biên vực ngọa cụ
Hằng tu tập pháp thiện
Vững tinh tấn, dững mãnh.
Không có dục, sinh dục
Chẳng ghét bỏ, ghét bỏ
Lìa ngủ nghỉ, ngủ nghỉ
Lúc không trụ tịch tĩnh
Bỏ ó tác, ó tác
Không mong lo, mong lo
Hết thầy loại, mọi thời
Thành tựu chánh phương tiện.
Dẫn phát cùng giác ngộ
Hòa hợp mọi nối kết
Có tướng hoặc thân cận
Cũng nhiều loại hỷ lạc.
Xâm bức, thật gần gũi
Gọi phân biệt hư vọng
Hay sinh nơi dục tham
Bậc trí nên xa lìa.
Các dục khiến không đầy
Mọi người chỗ cùng có
Là nhân duyên phi pháp
Hay tăng trưởng tham ái.

Chón Hiền Thánh nên lia
 Mau hướng đến hoại diệt
 Nương nhờ nơi các duyên
 Nơi nguy, lỗi dựa cậy.
 Các dục như xương khô
 Cũng như cục thịt mềm
 Tương tợ bó đuốc cỏ
 Cũng giống hàm lửa lớn.
 Ví như măng xà độc
 Cũng như thấy trong mộng
 Như mượn vật trang sức
 Như ngọn cây quả chín.
 Biết các dục như thế
 Đều không nên tham đắm
 Nên lắng nghe chánh pháp
 Thường tư duy tu tập.
 Trước quán thấy thô, tĩh
 Kế toàn bộ tu tập
 Bỏ phiền não thô trọng
 Sinh vui thích nơi đoạn.
 Quan sát nơi các tướng
 Được gia hạnh rốt ráo
 Hay là dục cõi dục
 Cùng là dục cõi sắc.
 Nhập hiện quán chân đế
 Là hết thấy các dục
 Chứng Niết-bàn hiện pháp
 Và đoạn tận dư y.

Nơi học đến cứu cánh, Khéo đoạn các lưới nghi, Nay thỉnh cầu việc học, Vì con nói tu học: Ở trong tụng này, Đại Phạm Thiên Vương, trước là tán thán Đức Thế Tôn, sau là khởi thưa thỉnh.

Tán thán Đức Thế Tôn: Đó là đối với tất cả pháp học, đã đạt được cứu cánh bậc nhất. Đây là dựa vào đức bất cộng viên mãn của hành tự lợi mà nói.

Lại có thể khéo đoạn trừ hết thảy lưới nghi lần lượt sinh khởi. Đây là dựa vào đức bất cộng viên mãn của hành lợi tha mà nói.

Dấy khởi thừa thỉnh: Là nêu: Những gì là học? Học có bao nhiêu loại? Vì sao đối với các loại ấy cần phải tu học?

Do vậy, Đức Thế Tôn vì nhằm khuyên răn, thúc đẩy các chúng sinh có nhiều biếng trễ phải gắng sức, nên thâu tóm chung hết thảy, lược nói về ba học. Tức tiếp theo bảo:

*Đại tiên nên khéo nghe
Học lược có ba loại
Giới tâm tuệ tăng thượng
Nơi ấy nên tu học.*

Ở đây là hiển thị: Dựa vào giới, tâm, tuệ, nếu là kẻ tán loạn khiến không tán loạn, theo phương tiện mà nói giới học tăng thượng Người tâm chưa định, vì khiến tâm được định, nên theo phương tiện giảng nói về tâm học tăng thượng. Người tâm đã được định nhưng chưa giải thoát, vì khiến đạt được giải thoát, nên theo phương tiện giảng nói về tuệ học tăng thượng. Do nhân duyên này, các người tu hành, mọi chỗ hành trì đều được rốt ráo. Đây là hiển bày mật ý của Đức Thế Tôn tuyên thuyết tất cả các học thảy đều được gồm thâu trong ba học ấy.

Lại vì nhằm nêu rõ, ở trong các học, do phương tiện ấy nên các học được thành tựu đầy đủ. Do đây, tụng tiếp theo viết:

*Phải viên mãn sáu chi
Thành tựu bốn lạc trụ
Đối bốn đều bốn Hành
Trí tuệ thường thanh tịnh.*

Trong tụng này, theo như thứ lớp hiển thị về phương tiện thành tựu đầy đủ ba học.

“Phải viên mãn sáu chi”: Là nên dựa vào phương tiện của giới học tăng thượng để tu học. Những gì là sáu chi? Đó là: An trụ nơi Thi la tịnh. Giữ gìn luật nghi biệt giải thoát. Các thứ phép tắc đều viên mãn. Đối tượng hành đều tròn đủ. Nơi các tội nhỏ luôn thấy sợ hãi lớn. Thọ học các Học xứ. Sáu chi như thế là hiển thị về bốn thứ Thi la thanh tịnh.

An trụ nơi Thi la tịnh: Là nêu chỗ dựa căn bản. Giữ gìn luật nghi biệt giải thoát: Là hiển bày về xuất ly nơi Thi la thanh tịnh, vì cầu giải thoát mà xuất ly.

Các thứ phép tắc, đối tượng hành đều viên mãn: Hai thứ này hiển thị về Thi la thanh tịnh không có điều chê trách, hủy phạm.

Nơi các tội nhỏ luôn thấy sợ hãi lớn: Là hiển bày Thi la thanh tịnh không có thiếu sót hay xuyên tạc.

Thọ học các Học xứ: Là làm rõ Thi la thanh tịnh không điên đảo.

Sáu chi được viên mãn hết mực như thế, nên giới học tăng thượng, đối với các phương tiện khác làm chỗ nương dựa.

“Thành tựu bốn lạc trụ”: Là hiển thị phương tiện của tâm học tăng thượng. Bốn thứ tĩnh lự gọi là bốn tâm trụ. Trụ nơi hiện pháp lạc nên gọi là lạc.

“Đối bốn đều bốn hành, Trí tuệ thường thanh tịnh”: Là dựa vào tuệ học tăng thượng mà nói. Nghĩa là ở trong bốn Thánh đế khổ tập diệt đạo, mỗi mỗi để đều có bốn hành, tức vô thường v.v... Tuệ học tăng thượng do trí thanh tịnh ấy mà được hiển bày.

“Trước khéo trụ căn bản, Kế tâm vui tịch tĩnh, Sau Thánh kiến ác kiến, Tương ưng không tương ưng”: Tụng này nêu rõ về thứ lớp sinh khởi của ba học tăng thượng.

Căn bản: Đó là giới tăng thượng, do hai loại học sau lưu xuất từ loại học thứ nhất. Đã gồm đủ Thi la, vì không hồi tiếc v.v..., lần lượt được tu tập nên có thể đạt được học thứ hai là định tâm lạc tĩnh. Tâm được định rồi, thấy đúng như thật, nên có thể đạt được học thứ ba là thành tựu Thánh kiến, xa lìa ác kiến.

“Trước tịnh, lạc tĩnh lự, Cùng thiện xảo nơi đế, Tức ở trong các đế, Nên sinh tăng trưởng xa”: Tụng này làm rõ về thứ lớp thanh tịnh có sai biệt của ba học.

Trước tịnh: Là học thứ nhất.

Lạc tĩnh lự: Là học thứ hai.

Thiện xảo nơi đế: Là học thứ ba.

Lại, ở trong đế thiện xảo như vậy, nên sinh: Tức là đạo đế nên sinh khởi. Nên xa: Tức khổ tập đế nên xa lìa. Nên tăng trưởng: Là diệt đế. Các phẩm loại phiền não hạ trung thượng, lần lượt theo thứ lớp được đoạn trừ dần, là diệt tăng trưởng.

“Ở trong các Học xứ, Có bốn nẻo, ba chốn, Xa lìa nơi hai nẻo, Nơi hai nẻo chứng đắc”: Tụng này hiển thị về Học xứ của giới tâm tuệ tăng thượng. Do chỗ tu học có thành bại, nên tùy sự ứng hợp, quả báo đạt được có bốn nẻo sai biệt. Đó là:

(1) Nẻo thiện hiện có thuộc về hàng nhân, thiên nơi Dục giới, là quả đạt được của giới tăng thượng thành tựu.

(2) Nẻo ác hiện có thuộc về các hàng còn lại nơi Dục giới, là quả đạt được của giới tăng thượng thất bại.

(3) Nẻo trên hiện có thuộc về hàng trời nơi Sắc giới, Vô sắc giới, là quả đạt được của tâm tăng thượng.

(4) Cảnh giới Niết-bàn không thuộc về ba cõi, là quả của tuệ tăng thượng. Ở trong các nẻo như vậy, đã xa lìa hai nẻo thiện ác trước

rồi, nên chứng đắc hai nẻo trên sau và cảnh giới Niết-bàn. Câu này hiển thị chỗ đạt được của hai đạo thế gian xuất thế gian.

“Hai an trụ hai loại, Một hay hướng Niết-bàn, Lần lượt làm nhân duyên, Thuần tạp mà tu tập”: Nơi tụng này hiển thị giới học tăng thượng là đầu tiên, kế là tâm học tăng thượng, lần lượt làm nhân duyên an trụ của tâm học tăng thượng, tuệ học tăng thượng. Hiển thị tĩnh lự, tuệ tăng thượng trung gian. Giới học tăng thượng thuộc về luật nghi, có thể làm nhân duyên an trụ cho hai loại, hiển thị một loại đối tượng, có thể làm nhân duyên an trụ cho Niết-bàn. Nên biết trong đây đã nêu rõ việc tu tập hoặc riêng hoặc chung theo chỗ ứng hợp.

“Trước tiên lìa ô tác, Sau cùng vui thành mãn, Các học đó là đầu, Nơi học ấy thông sáng”: Tụng này nêu rõ, do giới học tăng thượng, vì không hối tiếc v.v... lần lượt tu tập, làm nhân duyên cho học sau.

“Do trí đó tu tịnh, Tịnh sinh vui thành mãn, Các loại đó là giữa, Nơi học ấy thông sáng”: Tụng này nêu rõ do tu tập tâm học tăng thượng, trí tuệ do tu được thành tựu, căn thiện tối thắng lần lượt sinh khởi, nên là nhân của học tối thượng.

“Theo tâm ấy giải thoát, Diệt hẳn các hý luận, Các học đó là trên, Nơi học ấy thông sáng”: Tụng này hiển thị, do tuệ học tăng thượng, nên có thể làm nhân quả của Niết-bàn tối thắng.

“Nếu hành hướng bất tịnh, Cũng hướng nơi nẻo thiện, Hành này gọi là đầu, Nên biết đây chẳng chung”: Tụng này làm rõ về giới học tăng thượng. Nếu có hủy bại là nhân của nẻo ác. Nếu có thể thành lập là nhân của nẻo thiện. Đây là không chung, vì lìa hai học sau cũng có thể thành lập.

“Nếu hành hướng thanh tịnh, Không các nẻo cứu cánh, Hành đó gọi là giữa, Nên biết cũng không chung”: Tụng này hiển bày về

hành của học trung gian, lia dục của cõi dục, đạt được thanh tịnh nên gọi là hướng thanh tịnh. Chưa có thể lia hết dục nơi cõi trên, cũng chưa vĩnh viễn dứt hẳn các tùy miên của cõi dục, nên không được gọi là ở trong các nẻo đạt thanh tịnh rốt ráo. Vì đây là lia tối thượng, cũng có thể thành tựu đầy đủ, nên gọi là không chung, không phải là lia loại trước tiên.

“Nếu hành hướng thanh tịnh, Nơi các nẻo cứu cánh, Hành này gọi tôn quý, Nên biết đây tất chung”: Tụng này hiển thị hành của Học xứ tối thượng. Các dục của ba cõi đều xa lia. Cũng có thể vĩnh viễn dứt hẳn các tùy miên, nên ở trong các nẻo là cứu cánh tột bậc. Không lia hai thứ trước, có thể riêng thành tựu đầy đủ, nên gọi là tất chung.

“Nhu hữ học vô học, Nên biết đều thông sáng”: Nửa tụng đầu này nêu rõ tướng của bậc thông sáng ở trong ba học, có chánh học nên không có tà học.

“Nhu hữ học vô học, Nên biết đều ngu phu”: Nửa tụng sau này nêu rõ tướng của hàng ngu phu ở trong ba học, có tà học nên không có chánh học.

“Nếu từ bỏ thân nhận, Cũng đoạn trừ thô trọng, Và hiện thấy sở tri, Là thọ trì ba học”: Tụng này hiển bày: Nếu có thể từ bỏ các thứ thân nhận của gia đình thân thuộc. Nếu có thể đoạn trừ các thứ thô trọng làm chướng ngại Tam-ma-địa. Nếu có thể hiện thấy lý nơi đối tượng nhận thức (sở tri) của tướng bốn Thánh đế. Như thứ lớp ấy, ba học thành tựu viên mãn.

“Nhu có duyên không duyên, Cũng thể hiện thô tế”: Nửa tụng đầu này làm rõ về hai học sau cùng hai học đầu tiên. Theo như thứ lớp của chúng nên có sai biệt về có duyên, không duyên, tế, thô.

“Do thọ trì xa lia, Ngôn phát tỏ chỗ dẫn”: Nửa tụng sau này hiển thị về nhân duyên dẫn phát theo như thứ lớp đầu giữa sau. Đó là sự dẫn phát của thế nguyện, mong muốn. Sự dẫn phát của thân

tâm xa lìa. Sự dẫn phát do ngôn âm của kẻ khác khiến chánh tư duy bên trong.

“Học đầu chỉ có một, Học thứ hai hai loại, Học thứ ba đủ ba, Bậc tuệ đều siêu việt”: Tụng này nêu rõ về một đầu không chung, giữa không lìa đầu, trên không lìa hai, vượt quá tất cả ấy, nên biết vô học là bậc A-la-hán.

“Không hủy hoại Thi la, Nơi học nguyện luôn thuận, Khuôn phép không luận trách, Nơi năm xứ xa lìa”: Tụng này hiển thị về tướng thọ trì giới không hủy hoại Thi la.

Nơi học: Là an trụ nơi tịnh giới.

Nguyện luôn thuận: Là giữ gìn luật nghi biệt giải thoát.

Khuôn phép không luận trách: Là khuôn phép thì không phạm.

Nơi năm xứ xa lìa: Là đối tượng hành không hủy phạm, lược có năm xứ không phải là nơi nên làm của các Bì-sô. Đó là: Vương gia, nhà xướng lệnh, nhà bán rượu, nhà ca hát ướ tập, nhà Chiên-đồ-la và nhà Yết-sỉ-na.

Nhà xướng lệnh: Là nhà giết mổ dê. Do vì tuyên cáo khắp sự giết hại dê này thành tội cực nặng, tạo nhiều nghiệp ác như giết hại dê ...

“Nếu xuất ly không phạm, Không ố tác, ố tác”: Hiển bày nơi các tội nhỏ luôn thấy sợ hãi lớn. Như nơi xuất ly cũng không ố tác. Như chỗ ố tác, cũng không có phạm.

“Đôi học kia tìm cầu, Cùng siêng tu hành ấy”: Là nêu rõ thọ học nơi Học xứ.

“Trọn không có từ bỏ, Mạng khó cũng không thiếu, Luôn trụ trong chánh hạnh, Theo Tỳ-nại-da chuyên”: Bốn câu của tụng này, như thứ lớp của chúng, hiển thị về tánh Thi la thường hằng, tánh Thi la kiên cố, tánh luôn tạo tác, tánh luôn tùy duyên.

“Trước là nguyện tu trì, Cũng tu trì mang tịnh”: Nửa tụng đầu này hiển bày về khuôn phép và thọ mạng thanh tịnh. Do các khuôn phép, trước phát thệ nguyện mới có thể tu hành nên gọi là Thệ.

“Hai biên đều xa lìa, Cũng buông bỏ nguyện tà”: Nửa tụng sau này hiển thị việc xa lìa hai biên thọ dụng dục lạc và tự khổ, cùng xả bỏ các nguyện như sinh thiên v.v..., nên Thi la thanh tịnh.

“Nơi các pháp chướng ngại, Trọn không có nhiễm đấm, Pháp loạn tâm vừa sinh, Tìm nên mau xa lìa”: Tụng này làm rõ về chướng ngại do không giữ gìn các căn môn thanh tịnh nên ở trong pháp tu học không thấy công đức. Do không đấm nhiễm nên đối với các tâm bất thiện như dục, sân v.v... làm nhiều loạn ý pháp, tuy tạm thời sinh khởi nhưng liền trừ diệt, nên pháp tu học được thanh tịnh.

“Không nổi chìm thái quá, Hằng khéo trụ chánh niệm, Quyên thuộc căn bản tịnh, Mà tu hành phạm hạnh”: Tụng này hiển bày xa lìa ố tác nhỏ yếu, xa lìa ố tác không đúng chỗ, xa lìa thất niệm, nên đối với lúc ở nơi cứu cánh và lúc ở nơi phương tiện, tu hành phạm hạnh đều được thanh tịnh.

HẾT - QUYỂN 16

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 17

Địa thứ 11: ĐỊA DO TỰ TẠO THÀNH, phần 2 (Phần Bản Địa)

“Nên phát khởi tinh tấn, Luôn kiên cố dũng mãnh, Thường tu không phóng dật, Năm chi khéo an trụ”: Tụng này làm rõ, do mặc áo giáp phương tiện, tinh tấn không thoái lui, nên tu tập năm chi không phóng dật khiến chỗ tu học thanh tịnh thù thắng.

Năm chi không phóng dật: Là quá khứ, hiện tại, vị lai, chỗ tạo tác lúc trước và nẻo hành cùng làm.

“Ăn các thiện của mình, Cũng phát lồ các ác, Được các loại y phục, Xấu đẹp đều hoan hỷ. Ít theo nơi việc đời, Thô xấu cũng tùy duyên, Nhận công đức đầu đà, Là lặng lìa phiền não”: Hai tụng này hiển thị việc xa lìa quyền thuộc nơi tham dục, nhiều ham muốn không biết đủ là nhân. Cùng xa lìa nhiều ham muốn không biết đủ là chướng ngại nơi nhân của học tịnh, nên các học được thanh tịnh.

“Phải đầy đủ oai nghi, Hợp lượng mà thâm nhận, Trọn không có tạo tác, Đối hiện tượng oai nghi”: Tụng này hiển bày về oai nghi đầy đủ, không ở trước kẻ khác đối hiện tượng. Phạm chỗ thâm nhận, đều khéo biết về lượng. Vì có chỗ thọ dụng là để giúp duy trì thọ mạng, là để tu hành phạm hạnh, nên các học được thanh tịnh.

“Không tự nói đức thật, Cũng không khiến người nói, Tuy có chỗ mong cầu, Nhưng không hiện tướng lạ, Từ biên khác cầu xin, Trọn không hành bức bách, Do pháp mà đạt được, Được rồi không khinh chê”: Trong hai Tụng này hiển thị việc xa lìa ngôn thuyết thù dật, dối hiện tướng, hành bức bách. Do các lợi đạt được chuyển biến, chiêu cảm lấy lợi, nên khiến chỗ tu học đạt thanh tịnh thù thắng.

“Không đắm vướng lợi dưỡng, Cùng cung kính hiện có, Cũng không chấp các kiến, Tăng ích và tổn giảm”: Tụng này nêu rõ không tham vướng nơi lợi dưỡng, sự cung kính, không chấp trước năm thứ ác kiến nên khiến việc tu học được thanh tịnh thù thắng.

“Không thuận chấp thế gian, Văn, chú thuật vô nghĩa, Cũng không ưa nuôi chứa, Y bát nhiều vô nghĩa”: Tụng này hiển thị không chấp trước nơi tà luận của ngoại đạo, là nhân của các ác kiến, do có thể gây chướng ngại cho việc giải thoát các thủ uẩn. Chỗ tạo tác, hành xử của những hữu tình như thế gọi là thuận nơi thế gian. Lại cũng xa lìa nhân tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính, nhân thêm lớn y bát v.v... Hết thấy đều thanh tịnh, nên các học được thanh tịnh.

“Sợ các phiền não tăng, Không nhiễm theo việc nhà, Vì tịnh tu trí tuệ, Nên thân cận Hiền Thánh”: Tụng này làm rõ việc xa lìa nhân của đối tượng cần đối trị, gần gũi nhân của chủ thể đối trị, nên các học được thanh tịnh.

“Không nuôi chứa bạn bè, Sợ buồn lo phát loạn, Hay sinh phiền não khổ, Vừa khởi liền xa lìa”: Tụng này hiển bày, nếu gần gũi với đời sống gia đình, sinh buồn lo, tán loạn, thêm lớn các phiền não, có thể làm nhân của các khổ. Do gần gũi với các pháp ấy, có thể sinh các khổ. Phiền não vừa dấy khởi liền tức diệt trừ. Như thế là đã chỉ rõ nhân của sự đối trị.

“Không nhận nơi tín thí, Sợ ung nhọt gia hại, Đối chánh pháp Như Lai, Thường không hề buông bỏ”: Tụng này chỉ rõ: Không tham

đắm nơi sự cung kính, lợi dưỡng, không chấp chặt nơi các tà kiến ác kiến, không thọ dụng của tín thí một cách hư dối, phí phạm, không hủy báng chánh pháp. Cũng có thể xa lìa mọi tham vướng nơi các dục của đời sau, vì có thể sinh khởi nhân của những ác kiến. Như vậy là các học được thanh tịnh thù thắng.

“Lỗi, phạm nơi kẻ khác, An vui không gây tạo, Luôn tự xét lỗi mình, Biết rồi mau bày tỏ”: Tụng này hiển thị việc xa lìa tác ý cầu tìm lỗi lầm hiện có của kẻ khác, nơi phẩm thiện của mình không có tán loạn, luôn sinh hoan hỷ. Đối với lỗi lầm của mình phải nhận biết rõ như thật, phát lồ sám hối dứt trừ, lìa tăng thượng mạn. Do nhân duyên ấy nên các học được thanh tịnh.

“Nếu phạm điều ngăn cấm, Nên như pháp xuất ly, Nơi sự việc phải làm, Phải nỗ lực tự tạo”: Tụng này hiển bày nẻo xuất ly đối với chỗ vi phạm, cũng có thể xa lìa tâm tham thọ nhận sự cung phụng, hầu hạ của kẻ khác. Do nhân duyên ấy nên các học được thanh tịnh.

“Đối với Phật, đệ tử, Uy đức cùng ngôn giáo, Hết thấy đều tin nhận, Thấy tội lớn không chê”: Tụng này làm rõ về tin tưởng viên mãn, đối với việc thấy tội lớn, có thể sinh phỉ báng, đã không chê bai. Do đây, các học được thanh tịnh.

“Nơi pháp cực thâm diệu, Xứ không thể xét lường, Hay bỏ tông thầy cũ, Không chấp chặt kiến riêng”: Ở đây, tụng nêu bày việc xa lìa chỗ trụ chấp nơi kiến thủ của mình, nên các học được thanh tịnh thù thắng.

“Thường vui sống xa lìa, Cũng biên vực ngoại cụ, Hằng tu tập pháp thiện, Vững tinh tấn dũng mãnh”: Tụng này hiển thị: Hoặc thân hoặc tâm đều xa lìa, các vật dụng ngồi nằm khiến quen gần thuận nơi định, xa lìa hết thấy cái tầm tư bất thiện, tu thuần các pháp thiện, bạch tịnh, không bị các thứ tùy phiền não như hôn trầm, trạo cử che ngăn, nhiễu động, nên có thể khéo viên mãn các gia

hạnh chân chánh, do đầy phương tiện của tâm học tăng thượng đạt thù thắng.

“Không có dục, sinh dục, Chẳng ghét bỏ, ghét bỏ, Lìa ngủ nghỉ, ngủ nghỉ, Lúc không trụ tịch tĩnh. Bỏ ó tác, ó tác, Không mong lo, mong lo, Hết thấy loại, mọi thời, Thành tựu chánh phương tiện”: Trong hai Tụng này chỉ rõ: Nên xa lìa năm thứ ngăn che (cái): Tham dục, sâu hận, hôn trầm – thù miên, trạo cử – ó tác và nghi. Đối với các pháp thiện sinh khởi mong muốn, ở trong các dục nên hết sức chán ghét. Vì tu tập gia hạnh nơi phương tiện của phẩm thiện, luôn có sự nhận giữ và tâm an tĩnh. Nếu ở mọi thời gian quen với ngủ nghỉ, khiến tâm chìm đắm, hoặc lo nghĩ khiến chúng sinh khởi. Ở nơi tương tịnh diệu tác ý tư duy, cùng khi du hóa, không trụ nơi tịch tĩnh. Đối chỗ trái phạm trước liền sinh buồn lo, hối hận. Nơi chỗ không trái phạm thì không buồn lo hối hận, càng về sau càng sinh mong cầu thù thắng, theo chánh phương tiện ân cần không gián đoạn, nên tâm học tăng thượng chuyển đạt thanh tịnh.

“Dẫn phát cùng giác ngộ, Hòa hợp mọi nối kết, Có tướng hoặc thân cận, Cũng nhiều loại hỷ lạc. Xâm bức, thật gần gũi, Gọi phân biệt hư vọng, Hay sinh nơi dục tham, Bạc trí nên xa lìa”: Nơi hai Tụng này hiển thị tám loại phân biệt hư vọng, có thể sinh tham ái hiện có của dâm dục, từ phương tiện đầu theo thứ lớp sinh khởi, cho đến cứu cánh. Do xa lìa nên các chỗ tu học được thanh tịnh thù thắng.

Phân biệt dẫn phát: Đó là phân biệt hiện có đối với các sự việc khả ái, có thể dẫn phát tâm tương ưng với tư duy không chân chính.

Phân biệt giác ngộ: Đó là ở trong các sự việc đáng yêu thích kia phân biệt tương ưng với sự giác ngộ về chỗ trói buộc của tham.

Phân biệt hòa hợp mọi nối kết: Là phân biệt hiện có trong các sự việc khả ái kia.

Phân biệt có tướng: Đó là phân biệt hiện có ở trong các sự việc đáng yêu thích kia đã chấp giữ vô số tướng trạng tịnh diệu.

Phân biệt thân cận: Là phân biệt hiện có, ở trong các sự việc yêu thích đã đạt được tương ưng với những nỗ lực dũng mãnh.

Phân biệt hỷ lạc: Đó là phân biệt hiện có, ở trong các sự việc đã đạt được, có vô số thọ dụng, có vô số nẻo mong cầu, mến mộ, yêu thích chuyên biến.

Phân biệt xâm bức: Là phân biệt hiện có lúc hai căn gặp gỡ.

Phân biệt thật gần gũi: Đó là phân biệt hiện có khi chất bất tịnh xuất ra.

“Các dục khiến không đầy, Mọi người chỗ cùng có, Là nhân duyên phi pháp, Hay tăng trưởng tham ái. Chón Hiền Thánh nên lia, Mau hướng đến hoại diệt, Nương nhờ nơi các duyên, Nơi nguy lỗi dựa cậy”: Trong hai Tụng này chỉ rõ về tám thứ lỗi lầm của các dục nơi hiện pháp và hậu pháp theo chỗ ứng hợp của chúng. Nếu có thể quán thấy, tức là đoạn trừ phương tiện của dục ái.

“Các dục như xương khô, Cũng như cục thịt mềm, Tương tự bó đuốc cỏ, Giống như hầm lửa lớn. Ví như măng xà độc, Cũng như thấy trong mộng, Như mượn vật trang sức, Như ngọn cây quả chín. Biết các dục như thế, Đều không nên tham đắm”: Ở đây đã nêu dẫn rộng, như trước đã nói về “Các dục khiến không đầy v.v...”.

Tám thứ lỗi lầm ở trong các dục, hết thấy thế gian đều tạo thành thí dụ, để hiển thị các lỗi lầm sâu nặng của các dục.

Nhằm làm rõ, ở trong các dục có đủ những thứ lỗi lầm tai họa như thế, rõ ràng có thể nhận biết, vậy bậc trí đối với chúng sao có thể tham đắm?

Lại, các dục ấy như xương khô, nên khiến không no đủ. Vì như cục thịt, nên mọi người cùng có. Giống như bó đuốc cỏ vì đang cháy

khởi sự thiêu đốt, nã hại cùng cực nơi hiện tiền, nên là nhân duyên phi pháp. Như hầm lửa lớn phát sinh khát ái nên thêm lớn tham dục. Như rắn độc dữ nên Hiền Thánh xa lìa. Như điều thấy trong mộng nên mau hướng tới hoại diệt. Cũng như các vật trang sức vay mượn, nên nương dựa vào các duyên. Giống như quả chín rụng nơi ngọn cây, nên là nơi chốn nương dựa của nguy vong, phóng dật.

“Nên lắng nghe chánh pháp, Thường tư duy, tụ tập, Trước quán thấy thô tĩnh, Kế toàn bộ tu tập. Bỏ phiền não thô trọng, Sinh vui thích nơi đoạn, Quan sát nơi các tướng, Được gia hạnh rốt ráo. Hay lìa dục cõi dục, Cùng lìa dục cõi sắc, Nhập hiện quán chân đế, Lìa hết thấy các dục, Chứng Niết-bàn hiện pháp, Và đoạn tận dư y”: Ở đây hiển thị: Do bảy loại tác ý như rõ tướng v.v... nên đạo thể gian xuất thể gian đều thanh tịnh, chứng đắc quả là hai loại Niết-bàn hữu dư và vô dư, tuệ học tăng thượng hoàn toàn thanh tịnh.

Câu “Nên lắng nghe chánh pháp, Thường tư duy”: Là nêu bày về tác ý rõ tướng.

Câu “Thường tu tập”: Là nêu bày về tác ý thắng giải. Do khởi thắng giải mà tu tập.

Câu “Trước quán thấy thô, tĩnh”: Là nêu bày về tác ý xa lìa.

Câu “Kế toàn bộ tu tập”: Là hiển thị tác ý gồm thân an lạc.

Câu “Quan sát nơi các tướng”: Là hiển thị tác ý quan sát.

Câu “Được gia hạnh rốt ráo”: Là nêu rõ tác ý gia hạnh rốt ráo.

Các câu “Hay lìa dục cõi dục... Lìa hết thấy các dục”: Là chỉ rõ tác ý quả gia hạnh rốt ráo của thể gian xuất thể gian.

* Đã giải thích Già tha kiến lập nghĩa lý sâu xa nơi Thánh giáo. Nay sẽ nêu ***Già tha kiến lập nghĩa của Thế***. Như tụng nói:

*Nơi các thân ngữ ý hiện có
Không làm hết thấy ác thể gian*

*Do niệm chánh tri lia các dục
Chớ gần hay dẫn khổ vô nghĩa.*

Nơi tụng này, chỗ gọi là ác, tức là các hành ác. Nơi tất cả chúng loại, tất cả nhân duyên, tất cả xứ sở, mọi hành ác hiện có đều không nên làm.

Thế nào là nơi tất cả chúng loại không làm ác? Đó là do thân ngữ ý không tạo các việc ác.

Thế nào là nơi tất cả các nhân duyên không làm ác? Đó là các thứ ác do tham sân si sinh ra, trọn không tạo tác.

Thế nào là nơi tất cả xứ sở không làm ác? Đó là nương vào nơi chốn thuộc sự việc hữu tình và nơi chốn thuộc sự việc phi hữu tình, đều không tạo các việc ác.

Thế nào là do niệm chánh tri xa lia các dục? Nghĩa là đoạn trừ dục sự và đoạn trừ dục phiền não.

Thế nào là đoạn trừ dục sự? Đó là như có một hữu tình, ở trong Tỳ-nại-da nơi chánh pháp được chứng đắc của Như Lai, đạt được tin tưởng thanh tịnh, nhận biết rõ đời sống gia đình bức bách, chật hẹp giống như lao ngục nên xét cầu xuất ly, nói rộng cho đến do tâm chánh tín, nên lia bỏ cuộc sống gia đình, hướng đến đời sống không gia đình, nhưng đối với dục tham vẫn chưa lia dứt hoàn toàn. Như vậy gọi là đoạn trừ dục sự.

Thế nào là đoạn trừ dục phiền não? Đó là vị ấy đã xuất gia rồi, vì nhằm khiến cho dục tham được đoạn trừ rốt ráo, nên đi đến chốn đồng rộng hoang vắng, chốn núi rừng, sống yên trong biên vực ngoại cụ hiện có, hoặc trụ nơi A-luyện-nhã, cho đến hoặc ở nơi tĩnh thất vắng lặng. Vì đối trị tham do phân biệt hư vọng mà có, thâm tóm tất cả dục phiền não sinh khởi từ nơi các dục sự, nên tu bốn niệm trụ. Hoặc lại ra khỏi A-luyện-nhã, dựa vào nơi chốn gần xóm làng để trụ. Khéo phòng hộ thân, căn, khéo trụ nơi chánh niệm khi đi vào xóm

làng. Hoặc lại du hành nơi thôn ấp, đi về, lui tới, tiến dừng, hằng trụ trong chánh tri. Vì dứt bỏ ngủ nghỉ và các sự mệt mỏi, vị ấy tức ở trong bốn niệm trụ, khéo an định nơi chánh niệm làm chỗ nương dựa. Vì nhằm vĩnh viễn đoạn trừ tùy miên dục tham, nên tu tập đối trị.

Lại, tức dùng sự an trụ trong chánh tri làm chỗ dựa nương, nên xa lìa các thứ ngăn che (cái), thân tâm thư thái, điều hợp, có thể nhận lãnh, hành trì, phương tiện càng sáng rõ, nơi tịch tĩnh tu đoạn. Vị ấy, do niệm và chánh tri như thế làm chỗ nương tựa, nên có thể chứng đắc việc đoạn trừ dục phiền não, xa lìa các dục, cho đến an trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất. Như vậy là có thể hoặc nhận biết hoặc đoạn trừ các pháp phàm phu, tánh thấp kém, thô uế nơi biên vực của hành thọ dụng dục lạc.

Những gì gọi là dẫn phát khổ vô nghĩa? Đó là như có hữu tình hoặc các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, tự hành khổ hạnh, ở trong hiện pháp dùng vô số các thứ khổ để tự bức bách, tự hành hạ, khiến thân tâm như hoàn toàn bị thiêu đốt, não hại. Tự cho Ta nay do khổ nơi hiện pháp bức bách, nên giải thoát khỏi khổ hiện có. Tuy mong cầu việc này, nhưng sự nung đốt, bức bách như thế, rốt cuộc không thể đạt được, lại chiêu tập sự tổn hại lớn, đó gọi là dẫn phát khổ vô nghĩa.

Các đệ tử của bậc Thánh, ở nơi biên vực thọ dụng khổ hạnh tự tạo như thế, có thể dẫn đến pháp khổ vô nghĩa phi Thánh, khéo nhận biết rõ rồi, thì nên xa lánh, không thân không gần, cũng chẳng thừa sự. Lại nữa, nay sẽ lược biện minh về nghĩa đã nêu trên.

Thế nào là lược biện minh? Đó là các hữu tình có hai thứ đầy đủ: (1) Sinh tăng thượng đầy đủ. (2) Quyết định thắng đầy đủ.

Sinh tăng thượng đầy đủ: Là đi đến nẻo thiện.

Quyết định thắng đầy đủ: Đó là Niết-bàn tịch diệt, ái dứt dục lìa. Ở nơi hai thứ đầy đủ ấy cùng với các thứ chướng ngại, có thể

đoạn trừ, có thể chứng đắc. Đó gọi là tóm lược về nghĩa. Nếu ở nơi tất cả chủng loại, tất cả nhân duyên, tất cả xứ sở, không tạo hành ác, thì vị ấy liền có thể đoạn trừ mọi chướng ngại hiện có của sinh tăng thượng đầy đủ, cũng có thể chứng đắc sinh tăng thượng đầy đủ. Nếu ở nơi hành biên thọ dụng khổ hạnh tự tạo, quyết định xa lìa, thì vị ấy liền có thể đoạn trừ mọi chướng ngại hiện có của quyết định thắng đầy đủ. Nên biết đó gọi là tóm lược nghĩa ở đây.

Tụng nêu:

*Chúng sinh tưởng nên nói
 Dựa nên nói, an trụ
 Không biết rõ, nên nói
 Mà chiêu tập sinh tử.
 Nơi người nói không lo
 Do không có điều ấy
 Kẻ khác không nên bàn.
 Nếu chấp bằng, hơn kém
 Bèn dấy khởi tranh luận
 Nơi ba thứ không động
 Bằng hơn kém đều không.
 Đoạn danh sắc ái mạn
 Khỏi tịch tĩnh không vướng
 Không nã, mong chẳng thấy
 Đây kia khỏi người, trời.*

Trong bốn tụng này: Kệ đầu nói “Nên nói”: Đó là tất cả pháp hữu vi. Vì sao? Vì các pháp hữu vi đều là chỗ thâm tóm của ba loại ngôn sự. Nay trong nghĩa ấy nói về năm thứ dục thù diệu, cho là “Nên nói”. Lại, năm thứ dục thù diệu, các vị Sa-môn Bà-la-môn khác, từ bên các vị thí chủ, dùng ngôn từ để cầu mong, nên gọi là “Nên nói”. Lại, năm thứ dục thù diệu, các bậc quân vương, từ nơi kẻ

hầu hạ, dùng ngôn từ gọi bảo mà thọ dụng. Do nhân duyên ấy cũng gọi là “Nên nói”.

Lại, những kẻ thọ dụng, đối với năm thứ dụng thù diệu, không thể tự nhiên khéo nhận biết về lỗi lầm, tai họa của chúng, chỉ trừ chư Phật và đệ tử của Phật. Vì những kẻ kia nêu bày lỗi lầm, tai họa của dụng, thì họ mới có thể nhận biết rõ. Do nhân duyên ấy cũng gọi là “Nên nói”.

Các kẻ thọ dụng, ở trong các dụng, không tư duy chân chánh, mà chấp giữ lấy tướng, cũng chấp giữ các vẻ đẹp theo ý nghĩ của mình đối với chúng liền sinh ái nhiễm, thọ dụng đắm mê, cho đến chấp chặt.

Lại, đối với các dụng, không nhận biết đúng như thật là chúng có các lỗi lầm, tai họa. Đó là các dụng là pháp vô thường, hư giả, trống rỗng không có thật, hư hoại, cũng như sự huyễn lừa dối mê hoặc kẻ ngu, rất ít vị ái, nhiều lỗi lầm, tai họa. Cũng không nhận biết đúng như thật về nẻo xuất ly các dụng vốn ít vị ái, nhiều tai họa. Đó là điều phục các dụng tham kia, cho đến vượt khỏi chúng, đó chính là xuất ly. Những kẻ thọ dụng đã không thấy lỗi lầm, tai họa như thế, không rõ nẻo xuất ly, mà cứ thọ dụng các dụng. Do nhân duyên ấy, nên đối với các hành căn bản hiện có nơi sự sinh thuộc Dụng giới, đẩy khỏi sự ưa thích, chấp trước sâu xa.

Lại nữa, đã tạo tác sinh khởi làm nghiệp hiện có căn bản nên thọ sinh nơi Dụng giới. Sinh rồi chết đi, sinh rồi diệt mất. Như thế nên tụng viết:

*Chúng sinh tưởng nên nói
Dựa nên nói, an trụ
Không biết rõ, nên nói
Mà chiêu tập sinh tử.*

Nếu được gặp bậc thiện tri thức, được nghe chánh pháp, tác ý như lý, tức ở nơi các dụng, nhận biết rõ như thật về nẻo xuất ly các

thứ lỗi lầm tai họa. Đó là các dục là vô thường, hư giả, nói rộng cho đến vượt khỏi dục tham. Vị ấy, ở trong Tỳ-nại-da nơi chánh pháp của Như Lai chứng đắc đạt được tin tưởng thanh tịnh, nên đối với các dục thấy biết một các sâu xa lỗi lầm tai họa của chúng. Lại chuyển biến thêm hơn, bèn có thể lia bỏ hoặc ít hoặc nhiều tài sản, vật báu, kho tàng, quyền thuộc tùy từng, dùng tâm chánh tín từ bỏ cuộc sống gia đình, hướng tới cuộc sống không gia đình. Đó là tất cả sinh lão bệnh tử thấy đều vĩnh viễn diệt trừ. Như thế là xuất gia, không có cầu mong, tu hành phạm hạnh. Tức cho là Ta do sự trì giới, tinh tấn tu tập phạm hạnh ấy, nên sẽ được sinh thiên, hoặc thiên xứ khác. Vị ấy, không có các cầu mong tà vạy như thế, nên đối với mình không thấy, không sợ, không lo bị kẻ khác chê trách, luận bàn. Nghĩa là kẻ khác không nên chê bai, luận bàn, oán trách như thế, nói: Này Hiền giả! Ông nay vì sao đang lúc trẻ trung khỏe mạnh, mà xả bỏ những thứ dục lạc thù diệu nơi hiện tại, không theo ý thích, sở nguyện của thân thuộc, lại cầu mong các thứ dục đợi thời, dốc tu phạm hạnh? Vì thế nên tụng viết:

*Nếu biết rõ nên nói
Nơi người nói không lo
Do không có điều ấy
Kẻ khác không nên bàn.*

Đây tức thành tựu Thi la thanh tịnh và kiến giải thanh tịnh. Vì sao? Vì do kiến giải điên đảo nên phát khởi mạn. Mạn được giữ lấy nên cùng dấy khởi tranh luận với các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Do nhân duyên ấy nên nói: Kiến chấp như thế là căn bản của sự tranh luận. Như có Sa-môn hoặc Ba la môn, dựa nơi kiến chấp căn bản, tranh luận về bằng hơn kém, tâm hiện cao ngạo, vì lý do ấy, nên cùng với các Sa-môn, Bà-la-môn khác lần lượt cùng tranh luận. Nương tựa vào ba thứ mạn: Ta hơn, Ta bằng, Ta kém, để lập mình là hơn, hoặc bằng, hoặc kém. Nếu các đệ tử bậc Thánh không bị ngã, ngã

sở, ngã mạn lay động, cho đến cũng không bị những ý tưởng: Ta sẽ chẳng phải là có tướng, chẳng phải là không tướng lay động, nhận biết rõ các hành đều do các duyên sinh. Ở trong các hành chỉ thấy pháp tánh, hãy còn không đem mình so sánh với kẻ khác là hơn bằng kém, huống hồ là dấy khởi kiến chấp, kiêu mạn để dẫn phát tranh luận. Chư vị đệ tử Thánh ấy, tuy ở nơi chỗ kẻ khác, luôn hiển dương tông chỉ của mình, hàng phục luận điệu của họ, như đối với các pháp chỉ là pháp tánh duyên nơi từ bi. Điều ấy là như thế nào? Như có hữu tình đối với những diệu nghĩa do Phật nêu giảng, lãnh hội dù chỉ một câu, như vậy như vậy tu hành chân chánh, khiến cho hữu tình ấy, trong đêm dài sinh tử đạt được lợi ích, an lạc lớn lao. Cũng khiến cho chánh pháp của Như lai trụ lâu nơi thế gian. Không dựa nơi kiến mạn, cùng không vì nhân duyên được cung kính, lợi dưỡng mà dấy khởi tranh luận. Như thế là không vì mong cầu các dục thù diệu nơi hiện pháp như vậy nên nguyện tu phạm hạnh. Vị kia do tu phạm hạnh như thế nên xa lìa nguyện tà cùng các thứ kiến chấp tà vạy, dứt bỏ mọi tham cầu về cung kính, lợi dưỡng, nơi tất cả loại đều được thanh tịnh, uy quang rạng rỡ, không đâu là không tỏa sáng khắp, chư thiên, người đời đều chỉ tán dương, không hề luận bàn, chê trách. Lại có thể vượt khỏi sinh lão bệnh tử. Như thế nên tụng viết:

*Nếu chấp bằng hơn kém
Bèn dấy khởi tranh luận
Nơi ba thứ không động
Bằng hơn kém đều không.*

Nói danh sắc: Đó là năm thủ uẩn. Nếu có hữu tình đối nơi năm thủ uẩn ấy, quán xét thấy rõ là khổ, sẽ hiện quán về đế. Lúc thấy hết các khổ nơi năm thủ uẩn thì đối với tham ái hiện có năm thủ uẩn, do ý vui thích, đều nói là đã đoạn trừ, không phải là tùy miên. Hữu tình ấy như đạo mình đã đạt được, càng gắng sức tu tập, đối với ngã mạn đoạn dứt trọn vẹn, thành A-la-hán, các lậu vĩnh viễn trừ hết. Do đã

chứng đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát, nên đối với tự thân, các vật dụng của tự thân, mọi thứ trói buộc cùng tùy miên thầy đều đoạn hẳn, lia ái, lia kiêu, bỏ các phóng dật. Vị ấy, do những lia bỏ như vậy, nên gọi là “khói vắng lặng”, không có thiêu đốt, não hại, cũng không mong cầu.

Thế nào gọi là “khói vắng lặng”? Khói gọi là ái. Vì sao? Ví như nơi thế gian, khói là tướng ở trước lửa, có thể gây tổn hại cho nhãn căn, làm nhiễu loạn, khiến không an trụ. Ái cũng như thế là tướng ở trước lửa tham sân si, có thể tạo tổn hại cho tuệ nhãn, nối tiếp làm loạn tâm, nghĩa là hay dẫn phát tâm tư vô nghĩa. Vị đó đối với ái ấy đã nhận biết, đã đoạn trừ, cho đến khiến chúng nơi đời vị lai thành pháp không sinh, gọi là “khói vắng lặng”. Vị ấy đã được khói vắng lặng, lia mọi vướng mắc như thế, tuy lại tìm cầu các vật dụng duyên của thọ mạng, không phải là không tìm cầu, nhưng có thể giải thoát mọi tìm cầu của tham ái, nên chỗ tìm cầu không cầu nhiễm.

Thế nào là không não hại? Đó là hữu tình kia lúc đang cầu tìm như thế, được kẻ khác tự hành cấp thí, hoặc khuyên người khác bố thí, khi thí thì ân cần tôn trọng chẳng phải là không ân cần tôn trọng, tinh khiết chứ không phải thô xấu, nhiều thứ không phải là ít, mau mắn chứ không phải chậm chạp, nhưng không có vị dục ái. Đối với vật nhận được thọ dụng không cầu nhiễm, không sinh tham đắm, tiếc lẩn, cho đến chấp chặt. Lúc thọ dụng các vật nuôi sống thân mạng như vậy, không bị phiền não tham lam thiêu đốt, não hại.

Hoặc vị thí chủ kia, tự mình không thể hành thí, hoặc ngăn kẻ khác hành thí. Nếu như có bố thí thì hiện rõ không ân cần tôn trọng, không phải là hiện bày ân cần tôn trọng, cho đến trì hoãn chứ không mau chóng, tuy nhiên không hiềm khích, ân hận. Do nhân duyên ấy, nên không sinh giận dữ, não hại. Lại, lúc thọ dụng các vật có được, không lo lắng không nhớ nghĩ, không có tâm tổn hại, tâm sân hận, như thế là không bị phiền não sân hận não hại.

Lại, đối nơi các vật nhận được, hoặc tinh hoặc thô, vào lúc thọ dụng, nhận thấy một cách sâu xa lỗi lầm của chúng, khéo biết rõ nẻo xuất ly, an trụ nơi chánh niệm, xa lìa si ám, như thế là không bị phiền não si mê nào hại.

Thế nào là không mong cầu? Mong trông gọi là hy vọng, tâm trôi buộc đã hiện hữu. Hữu tình kia không biết xét đoán, ôm lòng tham muốn, đi đến các nhà thế tục, đó là các danh gia vọng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, hy vọng là mình sẽ từ chốn ấy có được những thức ăn uống thích hợp thượng diệu, cho đến các vật dụng nuôi thân như tiền bạc, vật báu, y phục, các thứ món ngon vật lạ, các thứ đồ ngồi nằm, thuốc men trị bệnh ... Tìm cầu và thọ dụng là như thế. Đối với các thứ tài sản vật dụng ấy đều không trông mong. Lại nữa, hữu tình kia luôn an trụ trong “trường chết”. Nghĩa là hết đêm đến ngày, hết ngày lại tới đêm, nơi khoảng thời gian đó, vị ấy luôn suy niệm mình có vô lượng trường hợp đưa đến tử vong, như kinh đã nói rộng. Đó là như bị trúng gió, cho đến bị hàng phi nhân khùng bố. Do nhân duyên ấy, nên mọi nẻo tìm cầu, mọi sự thọ dụng, mọi thứ tài sản vật dùng hiện có đối với thọ mạng này cũng đều không trông mong. Như thế là khói vắng lặng, không tham vương, không bị thiêu đốt nào hại, không mong trông. Do đó, ở trong nhân hiện có của các bậc Đế Thích, Đại Tự Tại, Thế chủ nơi nẻo trời, người đều không thể thấy. Ở trong các thứ nhân quả của nẻo trời người cũng không thể thấy.

Lại, nơi thế gian trời người của bốn châu này cùng xứ khác đều không thể thấy. Lại, nơi thế gian trời người của thế giới này cùng các xứ khác đều không thể thấy. Vì vậy, tụng nêu:

*Đoạn danh sắc ái mạn
Khói tịch tĩnh, không vương
Không nào mong chẳng thấy
Nẻo trời, người đây kia.*

Lại nữa, tụng đầu hiển thị về các dục đời đời đối với hạnh tà của dục và quả của hạnh tà. Tụng thứ hai nêu rõ việc xả bỏ dục, ứng hợp với đạo lý chân chánh, tịnh tu phạm hạnh, nhưng bị luận bàn chê trách là không hợp với đạo lý cùng dục đời đời. Tụng thứ ba cũng như tụng thứ hai. Trong tụng thứ tư, Đức Thế Tôn chỉ rõ về pháp hiện chứng đắc, vĩnh viễn xa lìa mọi thứ thiêu đốt, cho đến bậc trí tự chứng đắc.

Lại, tụng đầu nêu rõ các dục là tướng nên nói, làm rõ các dục đời đời. Do các dục ấy chẳng phải là lúc vừa cần thì liền được toại ý, mà chính là trước hết phải dùng ngôn từ để nêu bày, sau đấy mới tìm cầu, thọ dụng. Lại làm rõ, đối với các dục kia, do tướng an trụ nơi chỗ không nhận biết rõ, nên dấy khởi hạnh tà cùng chiêu cảm lấy sinh tử là quả báo của hạnh tà.

Trong tụng thứ hai, hiển bày đối với các dục có thể nhận biết rõ, nên lìa nguyện tà vạy, tu tập phạm hạnh, bỏ mọi tà kiến, lìa ngã mạn là gốc rễ của kiến chấp. Xa lìa mọi tham đắm về lợi dưỡng, cung kính, dứt bỏ các dục, ứng hợp với đạo lý chân chánh. Do nhân duyên này, nên mọi thứ luận bàn, chê trách của kẻ khác là không hợp đạo lý.

Lại, làm rõ tánh của các dục là đời đời. Vì sao? Vì nếu ở đời trước không tạo phước đức, thì hiện tại tuy có dụng công, nhưng đối với chỗ mong muốn, quả có được không thể toại ý. Hoặc chỉ đời này tạo phước đức, tức nơi thời này, về chỗ mong muốn cũng không xứng hợp. Do nhân duyên ấy, nên phải về sau mới thành tựu đầy đủ. Do đó các dục gọi là đời đời.

Nơi tụng thứ tư hiển thị các phiền não do kiến đạo đoạn đã được đoạn trừ, tức ở nơi hiện tại chứng đắc bậc Sa-môn đầu và quả Sa-môn.

Lại, các phiền não do tu đạo đoạn đã được dứt trừ, tức ở nơi hiện tại chứng đắc bậc Sa-môn sau và quả Sa-môn, đoạn trừ tham ái, dứt hết ngã mạn. Như thế là hiển bày pháp hiện chứng đắc.

Lại, lia mọi chấp trước, đạt “khói vắng lặng”, là hiển thị vĩnh viễn lia bỏ mọi thứ thiêu đốt, cho đến bậc trí nội tâm tự chứng đạt. Vị ấy đạt được pháp chứng đắc nơi nội tâm như thế, làm sao khiến kẻ khác có thể nhận biết rõ? Là do chỗ biểu hiện của tướng không còn bị thiêu đốt, não hại, không còn mong cầu.

Ở đây, nơi ba tụng đầu, nêu rõ Đức Thế Tôn vì chư thiên mà nói, các Bí-sô không thể hiển dương đại nghĩa nơi Thánh giáo của Như Lai, chỉ riêng Phật là mới có thể làm được. Lúc nói lời ấy, chúng kia đã lãnh hội, tỏ ngộ, đối với các Bí-sô sinh tâm khi dễ, đối với tự thân, tâm sinh kiêu mạn, những thứ ấy đều được trừ diệt. Trong tụng thứ tư, hiển bày rộng về đại nghĩa nơi Thánh giáo của Như Lai.

*Bị dục tham che, diệt
Tâm ta thiêu đốt khắp
Chỉ Đại Tiên xót thương
Nói pháp khiến tịch tĩnh.
Do tướng nguoi điên đảo
Khiến tâm thiêu đốt khắp
Vị thế thường xa lia
Tướng tịnh diệu, dẫn tham.
Nguoi nên tu bất tịnh
Luôn định nơi một cảnh
Khiến lửa tham mau tắt
Phải nên luôn tưới rưới.
Quán các hành không diệu
Là khổ, là vô ngã
Cũng buộc niệm nơi thân
Hằng tu tập chán lia.
Tu tập nơi vô tướng
Trừ mạn và tùy miên
Do hiện quán nơi mạn
Nên chứng biên vực khổ.*

Thế nào là tướng điên đảo? Đó là nơi các cảnh bất tịnh, xả bỏ tướng bất tịnh, tư duy không đúng đắn, giữ lấy tướng tịnh diệu và các vẻ đẹp kèm theo.

Thế nào là xa lìa tướng tịnh diệu, dẫn phát tham? Nghĩa là như có một hữu tình thấy rõ một ít sắc tốt tươi rất đáng yêu thích nơi các khung cảnh chung rồi, liền thân giữ các căn, không niệm theo chúng.

Thế nào là luôn định nơi một cảnh tu tập bất tịnh? Đó là như có một hữu tình, trước dùng phương tiện thiện xảo, giữ lấy tướng của Tam-ma-địa hiền thiện. Tức tướng bầm xanh, cho đến tướng xương trắng hoặc xương nát vụn, liền dùng tướng ấy, đối với cảnh giới khả ái hiện đạt được, buộc niệm tư duy, như trước đã giữ lấy, thì sau cũng vậy. Lại, nơi nội thân, hoặc tự mình, hoặc kẻ khác, quan sát về vô số thứ bất tịnh đầy dẫy. Đó là trong thân này có tóc có móng, cho đến đủ loại bất tịnh về đại tiểu tiện.

Thế nào là quan sát các hành không phải là tốt đẹp, cho đây là khổ? Đó là như có một hữu tình, khởi tư duy như vậy: Thấy một ít sắc tươi tốt rất đáng yêu thích nơi các khung cảnh chung rồi, tham ái sinh khởi, mong muốn thọ dụng tức là tập đế, là nhân của các khổ. Do đó nên sinh, sinh rồi thì già chết, sầu than lo khổ, vô số buồn phiền, quấy nhiễu từ đây phát sinh.

Thế nào là quan sát các hành không phải là tốt đẹp, cho đây là vô ngã? Nghĩa là như có một hữu tình khởi tư duy: Ở trong thân hình ta, thân hình người nữ đều không có ngã và hữu tình v.v..., ai là chủ thể thọ dụng, ai là đối tượng được thọ dụng? Chỉ là các hành. Chỉ là các pháp từ các duyên sinh.

Thế nào là buộc niệm nơi thân, dốc tu tập chán lìa? Đó là như có một hữu tình tánh thuộc loại dục tham mạnh mẽ, do thuộc loại như thế nên tuy đã thân giữ các căn, nhưng vẫn bị tham dục làm tổn hại tâm ý. Tuy lại tác ý tư duy về bất tịnh, khổ cùng vô ngã, nhưng cũng bị dục tham làm tổn hại nơi tâm. Do nhân duyên này, hữu tình

đó nương nơi bất tịnh, hoặc khô, vô ngã, tác ý tư duy, quyền biến tùy thời, chán lìa, hủy hoại, trái ngược không thuận, ở nơi thân niệm trụ, giữ niệm hiện tiền, thân cận tu tập, hoặc tu tập nhiều. Người ấy, do trụ nhiều nơi hành như thế nên liền có thể đoạn trừ dục tham mạnh mẽ đó. Hoặc thân giữ các căn, không còn bị dục tham làm tổn hại nơi tâm. Hoặc lại tác ý tư duy về bất tịnh, khổ cùng vô ngã, cũng không bị tham dục làm tổn hại tâm ý. Vì vậy, do tu tập hành như thế, nên mọi trói buộc của dục tham chỉ đoạn nơi hiện hành, không phải đoạn nơi tùy miên (Chủng tử).

Lại, mọi trói buộc của dục tham này cùng tùy miên, lược nêu có hai loại Bỏ-đặc-già-tha (Hữu tình) nối tiếp có thể mắc phải: Một là: Nơi hàng phàm phu, nối tiếp có thể mắc phải. Hai là: Nơi hàng hữu học, nối tiếp có thể mắc phải. Tuy trong thân của hàng hữu học có một phần, cũng không thể mắc phải. Tức là đối với tham bậc dưới, do vĩnh viễn đoạn trừ nên đã được an ổn. Tham bậc trên chưa đoạn trừ, nên chưa được an ổn. Trong thân bậc vô học, mọi dục tham hiện có nơi cõi diệu, cõi trung, hãy còn không thể khiến mắc phải, hưởng hồ là cõi kém, do bậc vô học, tham loại thượng, hạ đều đoạn trừ, nơi tất cả phần đã được an ổn. Một phần hàng hữu học chỉ nhận biết rõ mà thôi, chưa lìa bỏ tham dục nên đối với bậc vô học sau tâm sinh mong muốn, vui thích, thấy công đức tịch tĩnh của Bát Niết-bàn, lại không tư duy về hết thấy tướng, luôn chánh tư duy về cảnh giới vô tướng, nên nơi định vô tướng siêng năng tu học.

Lại ở nơi ấy thường xuyên tu tập, nên vĩnh viễn đoạn trừ ngã mạn do tu đạo đoạn trong ba cõi. Do sự đoạn trừ ấy nên nói là bậc vô học lìa dục của ba cõi, tham thuộc loại thượng, hạ đoạn trừ rồi, đạt được an ổn, nhân của hết thấy khổ đều lìa bỏ, nên chứng đặc biên vực tận cùng của tất cả các khổ. Vì thế tụng viết:

*Tu tập nơi vô tướng
Trừ mạn và tùy miên*

*Do hiện quán nơi mạn
Nên chứng biên vực khổ.*

Lại nữa, nay sẽ lược biện giải về nghĩa đã nói ở trên. Đó là hiển bày tham dục do đẩy mà sinh, do đẩy đạt tịch tĩnh cùng sự tịch tĩnh kia. Nên biết đó gọi là nghĩa tóm lược trong ấy.

Thế nào là tham dục do đẩy mà sinh? Tức là do năm nhân: Do tưởng tịnh diệu. Do vui thích an lạc. Do tưởng của hữu tình. Do tham mạnh mẽ. Do tùy miên còn sót lại chưa dứt hết.

Thế nào là tham dục sinh rồi, do đẩy mà tịch tĩnh? Là do năm nhân: Do tác ý tư duy về bất tịnh. Do tác ý tư duy về khổ. Do tác ý tư duy về vô ngã. Do buộc niệm, tu tập nhiều về chán lìa. Do tùy miên đã vĩnh viễn trừ diệt không còn sót.

Thế nào là tịch tĩnh? Nghĩa là tịch tĩnh ấy lược có hai loại: Tịch tĩnh hiện hành. Tùy miên được đoạn trừ vĩnh viễn, nên đương lai không sinh khởi.

Do nhân duyên của bốn loại tịch tĩnh trước, tạo thành tịch tĩnh thứ nhất. Do nhân duyên của tịch tĩnh thứ năm, nên loại thứ hai thành tựu.

*Vì sao Bí-sô nhiều chỗ trụ
Vượt năm bực lưu sẽ qua sáu
Vị sao bậc định hay độ rộng
Dục ái nhưng chưa được lưng thuyền.
Thân khinh an, tâm khéo giải thoát
Vô tác buộc niệm không nghiêng động
Rõ pháp tu tập định không tâm
Giải thoát lỗi phân, ái, hôn trầm
Bí-sô như vậy nhiều chỗ trụ
Vượt năm bực lưu sẽ qua sáu*

*Như vậy bậc định hay độ rộng
Dục ái nhưng chưa được lừng thuyên.*

Kệ tụng này là nhân nơi chỗ thừa hỏi của Thiên nữ.

Bộ lưu (Dòng thác) có sáu. Đó là bộ lưu của mắt có thể thấy các sắc, cho đến bộ lưu của ý, có thể biết rõ các pháp. Bậc hữu học kiến tích, Thánh đệ tử của Phật, nơi mắt tùy thuận hỷ nhận biết về sắc, không trụ nơi ái. Nơi mắt tùy thuận ưu nhận biết về sắc, không trụ nơi sân. Nơi mắt tùy thuận xả nhận biết về sắc, luôn luôn xét chọn an trụ nơi xả. Các thứ phiền não ấy giả như đã sinh, hoặc là trói buộc của dục tham, hoặc là trói buộc của sân hận, hoặc là trói buộc của ngu si. Ba thân làm duyên, đó là thân hỷ, thân ưu, thân xả, nhưng không chấp chặt, cho đến biến chuyển, thổ lộ. Do nhân duyên này, nên đối với các phiền não trói buộc thuộc nơi ba thân, không được hiện hành, khinh an mà trụ. Như vậy gọi là được thân khinh an, nhưng chưa thể đạt được tâm khéo giải thoát. Vì tùy miên nơi vị kia chưa được đoạn trừ vĩnh viễn. Vị ấy, về sau lại có thể đoạn trừ vĩnh viễn các tùy miên hệ thuộc mình, tức ở trong các thứ phiền não hệ thuộc nơi tự thân, xa lìa mọi trói buộc, thuận theo. Như vậy mới gọi là ở chỗ tham sân si của ba thân, tâm khéo giải thoát.

Như mắt nhận biết về sắc, cho đến thân nhận biết về xúc, nên biết cũng vậy. Thế là đã đoạn trừ năm kiết hạ phần, vượt khỏi năm bộ lưu. Tức là vượt bộ lưu mắt có thể nhận biết các sắc, cho đến vượt khỏi bộ lưu thân có nhận biết các xúc. Vượt qua năm thứ bộ lưu như thế rồi, thì bộ lưu thứ sáu còn lại là ý cũng sẽ vượt qua.

Lại tu tập vô tác, vô động buộc niệm.

Thế nào là vô tác? Đó là đối với Niết-bàn, sinh tâm mong muốn, vui thích nhưng không bị ngã mạn làm khuynh động, không có đối tượng tư duy, cũng không tạo tác. Lại không bị các thứ chấp “Ngã, ngã sở nơi vị lai là có” cho đến “Ngã sẽ chẳng phải là tướng, chẳng

phải là chẳng phải tướng” làm khuynh động, nên cũng không có đối tượng tư duy, không tạo tác.

Thế nào là vô động? Đó là tâm của vị ấy không bị các kiết thượng phần ràng buộc, nhiễu loạn, không biến không động, cũng không chuyển đổi. Lại, ở nơi các định tịch tĩnh, không theo một định để sinh vị tham ái, mến mộ, bám chặt.

Thế nào là buộc niệm? Đó là vị ấy đoạn dứt các kiết thượng phần, đối nơi nội thân an trụ, tuần tự quán thân, như thế cho đến nói rộng về niệm trụ. Vị ấy do tu tập vô tác như vậy nên đoạn các sinh ái, do tu tập vô động như thế nên đoạn các định ái. Ở đây lìa hiện hành, nên gọi là đoạn. Tu tập buộc niệm là tu tập đối trị nên khiến cho các kiết thượng phần hoàn toàn được dứt trừ không còn sót. Tu tập vô tác, buộc niệm, không khuynh động như vậy, nên có thể khiến cho hết thảy các kiết thượng phần đều được đoạn trừ vĩnh viễn, không còn sót. Đó gọi là vượt qua bộc lưu thứ sáu, là bộc lưu ý, có thể biết rõ các pháp.

Lại có sai biệt. Thế nào là vô động? Nói vô động: Là căn thiện từ không có tánh sân hận. Do nhân duyên ấy nên các Thánh đệ tử, đối với thân đoạn trừ nguyền tà, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Vị ấy, do tâm từ nên tu Xa-ma-tha, do niệm trụ nên tu Tỳ-bát-xá-na. Tu hành đúng đắn như vậy, nên có thể thuận theo việc đoạn trừ các kiết thượng phần, ba tâm tu tập mau được viên mãn. Đó là đối với thân nơi cõi trên, tâm không đắm nhiễm. Đối với hữu tình hạng dưới, tâm không giận dữ. Người không phóng dật, đối nơi cảnh trên dưới, tâm không nhiễm ô. Phần còn lại như trước đã nói. Như thế gọi là vượt khỏi năm bộc lưu, sẽ vượt qua bộc lưu thứ sáu.

Thế nào là biết rõ các pháp? Đó là nơi pháp khổ có thể biết rõ, có thể quán xét. Nơi pháp tập diệt đạo, có thể biết rõ, có thể quán xét.

Thế nào là tu tập định không tâm? Đó là có thể nhận biết rõ pháp như vậy rồi, lại an trụ trong sự đoạn dứt và từ bỏ các dục được

dựa giữ nơi đời sống gia đình. Hoặc ở chôn A-luyện-nhã, hoặc ở nơi vắng lặng bên cội cây, đối với thân hỷ hiện có thuận theo hỷ do mắt nhận biết về sắc, đối với thân ưu hiện có thuận theo ưu do mắt nhận biết về sắc, đối với thân xả hiện có thuận theo xả do mắt nhận biết về sắc, nơi đối tượng duyên ấy, không có sự trói buộc của tầm dục, tâm an trụ nhiều, cho đến cũng không có sự trói buộc của tầm tương ưng với đời sống gia đình – thế gian sinh ra, tâm an trụ nhiều. Giả như dấy khởi tầm dục cho đến tầm tương ưng với đời sống gia đình – thế gian, tức có thể nhận biết rõ như thật về nẻo xuất ly, không bị tầm dục làm chướng ngại, cho đến cũng không bị tầm tương ưng với đời sống gia đình – thế gian làm chướng ngại, mà có thể dùng tĩnh lực để suy xét kỹ lưỡng, đúng đắn. Do phương tiện ấy, do tu tập đạo ấy, nên có thể đoạn trừ lỗi lầm của thân hỷ nhiễm ái, có thể đoạn trừ lỗi lầm của thân ưu giận dữ, có thể đoạn trừ lỗi lầm của thân xả hôn trầm. Các thứ trói buộc đã dứt, nên thân được khinh an. Tùy miên đã đoạn, nên đối với mọi thứ nhiễm ô của ba thân thuộc cõi dục, tâm khéo giải thoát. Vị ấy, bấy giờ gọi là đã vượt qua vùng dục ái rộng lớn. Đó là ái lưu hành khắp, từ các sắc cho đến các xúc. Hoặc ái hòa hợp, hoặc ái tăng trưởng, hoặc ái không lia, hoặc ái không hợp, hoặc ái thoái giảm, hoặc ái biệt ly, hoặc ái nơi cõi dục lại thọ sinh.

Lại có sai biệt: Thế nào là tu tập định không tâm? Đó là đã đạt được tĩnh lực không tâm không tứ. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, nay sẽ được biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Tức là Thiên nữ kia đã lược hỏi Đức Thế Tôn ba thứ nghĩa chính yếu: Một là: Đoạn trừ kiết hạ phần. Hai là: Phương tiện đoạn trừ kiết thượng phần. Ba là: Tức phương tiện đoạn trừ kiết hạ phần và sự khéo đoạn trừ của vị ấy.

Hỏi như thế xong. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tùy chỗ thích ứng mà giải đáp. Đó là do thân khinh an, tâm khéo giải thoát, là đáp lại chỗ hỏi về “đoạn trừ kiết hạ phần”, không phải là phương tiện đoạn. Do

vô tác, buộc niệm, không khuynh động, là đáp lại chỗ hỏi về phương tiện đoạn trừ kiết thượng phần, không phải là đoạn. Nhưng Thiên nữ, đối với sự đoạn trừ giống như trước, tức cũng lãnh hội. Chỉ còn lại phương tiện đoạn trừ kiết hạ phần cùng sự khéo đoạn trừ của vị ấy.

Lúc này, Đức Thế Tôn trước dùng việc tu tập định không tầm được nói rộng về những sai biệt để đáp về phương tiện đoạn. Đó là như chủ thể đoạn, như đoạn, đối tượng đoạn. Trong ấy, biết rõ pháp gọi là chủ thể đoạn. Tu định không tầm gọi là như đoạn. Đối tượng đoạn là lỗi lầm của phẫn, đó là phẩm sân hận. Đối tượng đoạn là lỗi lầm của ái, đó là phẩm tham dục. Đối tượng đoạn là lỗi lầm của hôn trầm, đó là phẩm ngu si. Như thế gọi là chủ thể đoạn, như đoạn, đối tượng đoạn. Đã rộng đáp về phương tiện đoạn như vậy rồi, chỉ còn phần như khéo đoạn trừ.

Lại do nhân duyên sai biệt của việc tu định không tầm thứ hai để đáp lại phần ấy.

Nói khéo đoạn trừ: Là đoạn trừ rốt ráo, đoạn trừ phần xa, đoạn trừ hết thấy tạp nhiễm. Do nhận biết rõ về pháp, nên giải thích đoạn trừ rốt ráo. Do tu tập định không tầm, nên giải thích đoạn trừ phần xa. Do triền (trói buộc) cùng tùy miên của tham sân si, tất cả đều được dứt bỏ, nên giải thích phần đoạn trừ hết thấy tạp nhiễm. Nên biết đó gọi là tóm lược nghĩa trong ấy.

Lại, Thiên nữ kia dựa vào các bậc hữu học chưa đạt được thắng ý, đã lìa tham cõi dục, nhưng chưa lìa tham cõi trên, để nêu các câu hỏi, ý gọi là “Lung thuyền”, như kinh nói hô then là trục xe, ý là lung thuyền. Người đối với lung thuyền ấy vẫn chưa đạt được: Kẻ ấy gọi là chưa đạt “Lung thuyền”. Ở đây những gì gọi là Lung thuyền? Đó là đối với các kiết, tâm khéo giải thoát.

*Thế gian thường có sợ
Chúng sinh luôn bị bức*

*Nơi các khổ chưa sinh
 Hoặc trong khổ đã sinh.
 Như có ít không sợ
 Nay xin vì con nói
 Trời, Ta xem giải thoát
 Tinh tấn không là trí.
 Không là, thấu các căn
 Không là, xả tất cả
 Con quán rất lâu xa
 Phạm chí Bát Niết-bàn
 Đã qua các sợ hãi
 Vượt tham đắm thế gian.*

Nay, trong tụng này, các thân bắt đầu từ cõi dục cho đến cõi Hữu Đảnh, đều gọi là Thế gian. Nghĩa ở trong đây, ý tại thế gian của hữu tình có khổ có vui thuộc cõi dục. Nếu những vật dụng được thấu nhận để nuôi dưỡng thân của các hữu tình hoàn toàn không thiếu thốn, thân khỏe mạnh không bệnh tật, tuổi tác chưa già suy, gọi là thế gian của hữu tình có vui. Trái với điều trên, nên biết là thế gian của hữu tình có khổ. Chúng sinh của thế gian đó, phần ít có vui, phần nhiều có khổ. Các cõi thế gian của hữu tình có vui thường mang tâm sợ hãi. Chớ để tài sản, vật báu của mình bị vua quan chiếm đoạt, nói rộng cho đến, chớ do duyên này gặp phải các khổ nạn. Chớ để, hoặc phong nhiệt bên trong phát động, cho tới hoặc người, hoặc hàng phi nhân xâm hại đến tánh mạng mình chẳng. Như thế nỗi lo sợ về khổ do tài sản, vật báu bị biến hoại trong vị lai cùng khổ do thân hoại khiến tâm luôn sợ hãi. Các cõi thế gian của hữu tình có khổ, thân tâm hiện bị các thứ khổ bức bách nên có đủ khổ, lo, sầu, tên nhọn, có các thứ nhiễu động luôn không an trụ. Do đây nên kệ viết:

*Thế gian thường có sợ
 Chúng sinh luôn bị bức*

*Nơi các khổ chưa sinh
Hoặc trong khổ đã sinh.*

Vì nhân duyên ấy, vị trời kia hiện thấy cái vui nơi các cõi thế gian của hữu tình có vui là không chắc chắn nên thưa hỏi Đức Như Lai về nơi chốn có cái vui chắc chắn, không sợ hãi. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tức vì vị trời kia tạo phương tiện chỉ rõ: Chỉ trong Thánh giáo mới có nơi chốn như vậy, chẳng phải là các ngoại đạo. Đó là như hiện có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn trụ ngoài chánh pháp, ở trong hiện pháp cùng các lỗi lầm, tai họa của các dục nơi đời vị lai không nhận biết đúng như thật. Do không nhận biết nên mong cầu các dục sai biệt nơi vị lai, bỏ dục của hiện pháp cầu dục của hậu pháp, tinh tấn thọ học giới cấm hiện có, tuy lại an trụ nơi giới cấm như thế, nhưng không trí tuệ, không hộ trì căn môn, không giữ lấy chánh niệm, không luôn gắn bó với niệm, cho đến nói rộng. Kẻ ấy không điều phục, thâm giữ các căn môn, nên đối với những thứ lợi dưỡng và cung kính nhỏ ít do người khác ban cho, hãy còn sinh vị tham ái, theo đây khởi luyện mộ vương chấp, hưởng chi là những lợi dưỡng, cung kính lớn lao khác. Kẻ tinh tấn thọ giới cấm như thế, xa lìa trí tuệ, xa lìa việc hộ trì nghiêm ngặt căn môn, đối với dục của hiện pháp hãy còn không thể đoạn trừ, hưởng chi là dục của hậu pháp.

Lại tức ở nơi kia, có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, đối với những lỗi lầm tai họa của dục, chỉ nhận biết rõ phần thô, nên có thể vượt qua các dục của hiện pháp và hậu pháp, nhưng lại vui cầu cảnh giới lìa dục trên, đối với phi giải thoát dấy khởi tưởng giải thoát, tức thì xa lìa đoạn bỏ các dục. Kẻ ấy do tinh tấn, luôn tu tập nhiều chánh tư duy, nên lìa dục nơi cõi dục, cho đến lìa dục nơi cõi vô sở hữu xứ. Vì nhân duyên này, nên xả bỏ tự thể cõi dưới, yêu thích tự thể cõi trên. Do sự yêu thích đó, nên về đời vị lai đối với tự thể cõi dưới hãy còn không giải thoát, hưởng hồ là cõi trên. Kẻ từ bỏ tài sản, vật báu, tự thể mê lầm lạc đường, tuy được an trụ nơi tinh tấn dừng

mãnh, nhưng không thể đạt được nơi chốn hoàn toàn an lạc, không có sợ hãi. Vì sao? Vì các Sư ngoại đạo kia, đối với nơi chốn ấy hãy còn không thấy không biết, hướng chi là có thể vì các đệ tử của họ, khai thị quảng diễn. Các Sư và đệ tử của ngoại đạo như thế, trong việc tạo luận, đã nhất định cho không có biên vực của các khổ. Trái với luận điểm ấy là trong Tỳ-nại-da của chánh pháp giảng nói thiện, nên biết là gồm đủ hết thảy nghĩa lợi, cho đến nhất định có biên vực của các khổ.

Dựa nơi mật ý ấy, Đức Phật vì vị trời kia mà nói, như kệ nêu:

*Trời, Ta xem giải thoát
Tinh tấn không lìa trí
Không lìa, thấu các căn
Không lìa, xả tất cả.*

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là nhằm hiển thị trong Tỳ-nại-da của tà pháp thuyết ác, các sư và đệ tử đều có suy tổn. Trong Tỳ-nại-da của chánh pháp giảng nói thiện, đều có đủ an lành. Đối với tất cả khổ có thể chứng đắc biên vực tận cùng. Nên biết đó gọi là tóm lược về nghĩa trong ấy.

Bấy giờ, vị trời kia nghe Đức Phật Thế Tôn giải đáp các điều mình thưa hỏi, nên hoan hỷ hết mực, liền dùng bốn thứ công đức vô thượng để tán thán Như Lai. Đó là Đức Phật Thế Tôn khó xuất hiện ở đời, đã xuất hiện rồi thì có thể thành tựu hành lợi tha, nên cũng có thể kiến lập đức tự lợi, đối với lợi tự tha, tâm luôn lìa nhiễm.

*Con quán rất lâu xa
Phạm chí Bát Niết-bàn.*

Đây là tán thán đức khó xuất hiện ở đời của Đức Thế Tôn.

“Đã vượt qua các oán”: Đây là tán thán về đức nơi hành lợi tha của Đức Thế Tôn. “Đã qua các sợ hãi”: Đây là tán thán về đức kiến lập tự lợi của Đức Thế Tôn.

Vượt tham dục thế gian: Đây là tán thán về đức, đối với lợi tự tha, là cầu nhiệm của Đức Thế Tôn. Nên biết bốn thứ công đức có sai biệt như thế.

Lại có ba thứ sai biệt: Đó là khó xuất hiện, khó có thể gặp, kiến lập hành tự lợi lợi tha.

Người gặp tức có thể thành tựu nghĩa lớn. Người thành tựu nghĩa lớn là là tâm nhiệm ô, nên khắp tất cả đời cũng không có các tội. Các đức như vậy nơi chư Phật Thế Tôn là hết sức thù thắng nên dùng tướng ấy để tán thán Như Lai.

HẾT - QUYỂN 17

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 18

Địa thứ 11: ĐỊA DO TỰ TẠO THÀNH, phần 3 (Phần Bản Địa)

*Ai khen sinh thắng loại
Cùng mở đạo xuất ly
Nơi trụ nào, học nào
Không sợ chết đời sau.
Giới, tuệ tự luân tu
Đủ định niệm chánh trực
Đoạn các sào thiêu đốt
Chánh niệm tâm giải thoát.
Hay khen sinh thắng loại
Cùng mở đạo xuất ly
Trụ ấy nơi học ấy
Không sợ chết đời sau.*

Nay trong tụng này nói thắng loại: Tức là bốn thứ tộc họ thắng thượng.

- (1) Bà-la-môn.
- (2) Sát-đế-lợi.
- (3) Phệ-xá.
- (4) Thú-đạt-la.

Dùng giáo pháp, dùng sự chân chánh, dùng pháp chế, dùng sự dẫn dắt chỉ dạy “Sinh thắng loại”, nên gọi là khen ngợi, tưởng lệ. Ở đây nêu rõ chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới có thể dùng giáo pháp, dùng sự chân chánh, dùng pháp chế, dùng sự dẫn dắt, chỉ dạy “sinh thắng loại”. Do nhân duyên này, Đức Thế Tôn tự hiển bày chỉ có riêng mình là bậc tướng lệ dẫn dắt chân chánh, nên vì vị trời kia nói như vậy: “Đủ giới, đủ tuệ để tự huân tu”.

Lại chỉ có Đức Thế Tôn mới có thể vì bốn thứ sinh loại thắng thượng nêu rõ về tám chi đạo Thánh, xuất ly tất cả các khổ. Trong đây, Đức Thế Tôn cũng tự hiển bày là người thuyết giảng chân thật.

Thế nào là đủ giới? Đó là Đức Phật Thế Tôn, từ xưa lúc còn là Bồ-tát, đã dứt bỏ các dục thượng diệu, lia bỏ đời sống gia đình, thọ trì luật nghi hiện có của thân, ngữ.

Thế nào là đủ tuệ? Đó là người trụ trong sự thọ trì luật nghi của thân ngữ ấy, khởi tướng như vậy: Bên trong, tư duy chân chánh, tâm lường tính sâu xa, quan sát kỹ lưỡng, chắc chắn: Nay, thế gian này gặp nhiều khổ nạn. Đó là hoặc sinh hoặc già, như kinh đã nói rộng.

Thế nào là tự huân tu? Tức nơi vô lượng đời xa xưa, trải qua ba A-tăng-xí-da đại kiếp, đối với sáu Ba-la-mật đã tu tập nhiều, khéo tu tập. Do nhân duyên kia, nay không thấy, tự nhiên tâm hướng đến xuất ly. Lại, đối với các hành do các duyên sinh, dùng trí vi diệu có thể tùy thuận tỏ ngộ, hội nhập.

Thế nào là đủ định? Đó là có thể, cho đến lia dục của cõi vô sở hữu xứ, chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Thế nào là đủ niệm? Đó là dựa vào định thù thắng đã đạt được như thế, vì nhằm đoạn trừ các thứ phiền não do kiến đạo đoạn, nên tu tập bốn niệm trụ. Tức dùng chỗ tu tập niệm trụ như vậy làm pháp đứng đầu, dẫn dắt, cho đến tu tập ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần.

Thế nào là chánh trực? Tức là hành giả sinh khởi tám chi đạo Thánh chánh trực ngược dòng, có thể đoạn trừ các phiền não hiện có do kiến đạo đoạn trừ, nơi đạo ngược dòng, chứng đắc “Dụ theo dòng” ấy.

Thế nào là vĩnh viễn đoạn trừ tất cả sâu ưu thiêu đốt? Đó là từ hiện quán về Đế, cùng lúc được thành tựu quả Bất hoàn, lại có thể đoạn trừ hoàn toàn năm kiết hạ phần, sân hận tợ thuận theo sâu ưu, tham dục tợ thuận theo thiêu đốt, đối với các thứ như thế đều đã dứt trừ vĩnh viễn.

Thế nào là chánh niệm? Đó là đoạn trừ hoàn toàn các kiết thượng phần, lại thêm tu tập bốn thứ niệm trụ, cho đến tu tập ba mươi bảy thứ pháp phần Bồ-đề.

Thế nào là tâm giải thoát? Là đã đoạn trừ vĩnh viễn kiết thượng phần nên đối với hai thứ chướng, là phiền não chướng và sở tri chướng, tâm khéo giải thoát. Tâm đã khéo giải thoát như vậy, nên được thành bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nói rộng như nơi kinh. Do vậy nên có thể khen ngợi, tướng lệ “Sinh thắng loại”, mở ra nẻo xuất ly. Bốn thứ thắng loại của các cõi, tùy theo mỗi loại, đối với Thánh giáo ấy yêu thích chánh hạnh. Vì nhằm chứng đắc tám chi đạo Thánh, nên ở trong ba học siêng năng tu học, vị ấy nhất định có thể chứng đắc tám chi đạo Thánh và quả Niết-bàn. Do chứng đắc như thế, nên không sợ sinh lão bệnh tử nơi vị lai.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là lược hiển bày chỉ có Đức Phật, Thế Tôn mới có thể khiến cho bốn loại mau chóng đạt được thanh tịnh. Vị ấy, nếu đối với điều đó, có thể tu hành chân chánh, không hề uổng phí. Lại thị hiện Thánh giáo của Như lai, là chánh pháp và Tỳ-nại-da giảng nói thiện. Lại chỉ rõ Phật là bậc Đại sư vô thượng của hàng trời, người. Nên biết đó gọi là tóm lược về nghĩa trong ấy.

Thế nào cho tiếng khen
Thế nào đủ châu báu
Thế nào được khen ngợi
Thế nào thân bạn thân?
Trì giới cho tiếng khen
Bồ thí đủ châu báu
Thật để được khen ngợi
Tuệ xả thân bạn thân.

Thế nào là trì giới có thể cho tiếng khen? Đó là như có một hữu tình, hoặc nam hoặc nữ, đầy đủ giới cùng pháp hiền thiện, cho đến mạng chung, đoạn trừ tội sát sinh, xa lìa sát sinh, như kinh đã nói rộng, cho đến các Sa-môn, Bà-la-môn hiện có trong mười phương thường khen ngợi. Do nhân duyên ấy nên được các bậc quốc vương, quần thần, trưởng giả, kể cả dân chúng nơi các xóm làng thành ấp đều cung kính cúng dường.

Thế nào là bồ thí có thể gồm đủ châu báu? Nghĩa là như có một hữu tình, trong nhiều đời từ xa xưa, tạo tác và làm tăng trưởng phước nghiệp bồ thí. Do nhân duyên ấy, nên nay sinh vào gia đình giàu có lớn, có nhiều tài sản, vật báu, cho đến có rất nhiều kho lẫm đầy tràn.

Thế nào là thật để có thể đạt được khen ngợi? Đó là như có một hữu tình không dùng các thứ cân, đấu, hộp... giả dối trong công việc mua bán trao đổi, hoặc những thứ đua nịnh, dối trá, khinh miệt, vọng ngữ... để đạt đến cửa cái, châu báu. Chỉ dùng tài năng tạo nghiệp đúng như pháp, dựa nơi pháp không bạo ác, để đạt được tài sản châu báu. Hữu tình ấy, đã được mọi người cùng xưng gọi, khen ngợi: Hiền thay! Là kẻ sĩ đủ hạnh mới có thể dựa vào tài năng, tạo nghiệp như pháp, dẫn đến tài sản, châu báu!

Thế nào là thí xả có thể thân bạn thân? Tức là như có một hữu tình hiện tiền có vô số gia sản, xa lìa mọi thứ xấu xa của sự keo

kiệt, không tiếc lẫn các vật dụng nuôi sống, dùng sự an lạc chân chánh để tự hoan hỷ yên vui, cho đến bạn bè, thân thích, các hàng trưởng thượng, vị ấy đối với những người này luôn giúp đỡ, dẫn đến tài sản, vật báu giữ gìn lợi tức càng thêm dồi dào.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là hiển bày tóm lược về hai thứ nhân duyên cung kính và lợi dưỡng.

Trì giới cho tiếng khen: Là hiển bày về nhân duyên cung kính. Các câu còn lại là hiển bày về nhân duyên lợi dưỡng. Đó là do lực của nhân, do lực của sĩ dụng, lực của trợ bạn, nên biết đó gọi là tóm lược nghĩa trong đây.

*Cùng suối nào ngừng dứt
Nơi nẻo nào không thông
Các khổ vui thế gian
Xứ nào diệt không sót.
Nếu nơi xứ sở ấy
Mắt tai cùng với mũi
Lưỡi thân ý danh sắc
Vĩnh viễn diệt trọn vẹn.
Cùng suối ấy ngừng dứt
Nơi nẻo này chẳng thông
Các khổ vui thế gian
Là xứ diệt không sót.*

Thế nào là suối? Là sáu xúc xứ. Vì sao? Vì ví như suối ao có thể sinh ra nhiều nước, nước tạo mọi sự liên hệ để có thể tiếp xúc thọ dụng. Lại có thể nuôi dưỡng mọi kẻ nam nữ lớn nhỏ, dưới tới loài cầm thú, cho đến hết thủy chưa hoàn toàn khô cạn. Sáu xúc xứ bên trong cũng lại như vậy, vì đây là đối tượng được tiếp xúc, thọ dụng của xúc thuộc sáu cảnh giới nơi tất cả phạm phu, cho đến trong ấy, nước của các tham ái chưa hoàn toàn khô cạn.

Thế nào là nẻo đường? Nẻo đường có hai loại: (1) Nẻo đường phiền não. (2) Nẻo đường nghiệp. Ở đây, nẻo đường, ý nêu rõ về nghĩa nhân.

Thế nào là khổ vui? Đó là hoặc ở nơi hiện pháp, sáu thứ xúc xú làm duyên sinh ra. Hoặc là thọ nhận an ổn thuộc về thọ. Hoặc là thọ nhận không an ổn thuộc về thọ. Hoặc ở nơi hậu pháp, phiền não thâm giữ các hành diệu, hành ác làm duyên sinh ra. Hoặc thọ nhận an ổn, thuộc về thọ. Hoặc thọ nhận không an ổn thuộc về thọ.

Nơi xứ sở nào, sáu xứ cùng với danh sắc như thế đều diệt hoàn toàn không còn sót? Đó là trong cảnh giới Niết-bàn Vô dư y. Nếu các phàm phu, với các thứ suối, nẻo đường khổ vui, tất cả không thiếu, cũng chưa có xả bỏ. Hoặc các bậc hữu học tuy thiếu nhưng chưa xả bỏ. Hoặc các bậc vô học, với nẻo đường và các khổ vui hiện có nơi vị lai cũng thiếu, cũng xả bỏ, không hiện hành trở lại. Suối cùng các khổ vui hiện có nơi hiện pháp, cũng thiếu cũng xả bỏ, do “Hữu dư y” nên vẫn hiện hành trở lại. Vì thế, trong cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, nói hết thấy các thứ kia đều diệt hết không còn sót.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là hiển bày tóm lược về nghĩa nhân cùng khổ vui ở trong hiện pháp, nhân cùng khổ vui ở trong hậu pháp. Còn ở trong cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, tất cả thấy đều vĩnh viễn diệt. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa ở đây.

*Ai hay vượt bực lưu
Ai hay vượt biển lớn
Ai hay xả các khổ
Ai hay đạt thanh tịnh?
Chánh tín vượt bực lưu
Không dật vượt biển lớn
Tinh tấn xả các khổ
Trí tuệ đạt thanh tịnh.*

Trong tụng này:

Thế nào là chánh tín có thể vượt khỏi bực lưu (Dòng thác)? Đó là như có một hữu tình vì muốn nhận biết rõ về lỗi lầm tai họa của các dục, nghe Phật giảng nói, hoặc đệ tử Phật nêu giảng về chánh pháp hiện có, nghe pháp ấy rồi, đạt được chánh tín, liền sinh vui thích, vì nhằm đoạn trừ dục sự và dục phiền não, bèn có thể từ bỏ dục sự nơi đời sống gia đình, chánh tín xuất gia, đi đến đời sống không gia đình. Đã xuất gia rồi, vì muốn đoạn trừ các dục của phiền não nên trụ nơi hạnh xa lìa. Vị ấy do siêng năng tinh tấn tột bậc, cho đến tu tập chánh tư duy, nên đoạn dứt các dục của phiền não, đạt được địa định là dục. Như vậy, chánh tín là chỗ dựa, là sự dẫn dắt, nên có thể vượt khỏi bực lưu của các dục.

Thế nào là không phóng dật có thể vượt qua biển lớn? Đó là vị ấy đối với định trọn không tham ái nơi vị, cho đến cũng không bám chặt để an trụ, chỉ trừ vì chứng đắc trí dứt sạch các lậu thì tâm ấy luôn chuyên chú. Do tâm định này thanh tịnh trắng sạch, chánh trực, thuận hợp, nên đối với bốn Thánh đế có thể nhập hiện quán, cho đến chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt sạch. Như vậy, do không phóng dật làm chỗ dựa, làm sự dẫn dắt, nên có thể đoạn trừ bực lưu thuộc hai cõi sắc, vô sắc, cùng đoạn dứt hai thứ bực lưu là tất cả vô minh và kiến chấp, do đó gọi là vượt qua biển lớn.

Thế nào là tinh tấn có thể xả bỏ các khổ? Đó là như có một bậc hữu học kiến tích, tư duy như vậy: Ta phải nên chứng đắc lìa dục của ba cõi, các kiết vĩnh viễn dứt sạch. Vị ấy tức thì xa lìa tâm không dừng lâu nơi tham dục ràng buộc, an trụ nơi tinh tấn dũng mãnh, lại có thể nhận biết rõ đúng như thật về nẻo xuất ly khỏi các thứ triền (trói buộc) dục tham hiện có nơi hiện tại, đối với cái (ngăn che) tham dục, tâm ấy tu tập thanh tịnh, bèn có thể đoạn dứt các triền tham dục cùng các thứ sầu khổ nơi tâm do triền tham dục làm duyên sinh ra. Như cái tham dục, cho đến cái nghi, nên biết

cũng vậy. Như thế, tinh tấn là chỗ dựa, là sự dẫn dắt, có thể xả bỏ các khổ.

Thế nào là trí tuệ có thể đạt được thanh tịnh? Đó là vị kia đã trừ diệt năm thứ cái (ngăn che) có thể làm cho tâm cấu nhiễm, cho đến có thể gây chướng ngại cho Niết-bàn cứu cánh rồi, tức dựa nơi định vị chí, an trụ nơi định vị chí, như trước tiên đã đạt được các trí vô lậu về khổ tập diệt đạo, nên ở trong các khổ tư duy về khổ chân thật, cho đến đối với đạo, tư duy về đạo chân thật, liền chứng đắc lia dục nơi ba cõi không còn sót, các lậu hoàn toàn diệt trừ. Như thế, do trí tuệ đã đạt được trước tiên, làm chỗ dựa, làm sự dẫn dắt, nên có thể chứng đắc thanh tịnh.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, ở trong tụng này đã hiển bày tóm lược về hàng phàm phu trước đã lia dục, sau ở nơi Thánh đế đạt hiện quán thanh tịnh. Cùng làm rõ về bậc hữu học, đối với các Thánh đế, trước tiên là hiện quán, lia dục đạt thanh tịnh. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa trong đây.

*Ai vượt khỏi Bộc lưu
 Ngày đêm không tới tằm
 Nơi không vin, không trụ
 Thâm diệu không giảm, kém?
 Viên mãn các Thi la
 Đủ tuệ khéo an định
 Trong, tư duy buộc niệm
 Hay qua nẻo khó qua
 Các dục tưởng lia nhiễm
 Cũng vượt kiết sắc giới
 Vị ấy không vin, trụ
 Thâm diệu không giảm, kém.*

Nay trong Tụng này:

Thế nào là Bộc lưu (dòng thác)? Đó là bốn lưu: (1) Bộc lưu đục. (2) Bộc lưu hữu. (3) Bộc lưu kiên. (4) Bộc lưu vô minh.

Thế nào là không vin không trụ? Đó là Niết-bàn tịch diệt và định diệt tận, lìa đục, các ái vĩnh viễn dứt sạch. Vì sao? Gọi là vin dựa: Là sự trôi buộc của các phiền não. Gọi là trụ: Là tùy miên của phiền não. Nơi xứ sở kia, hai thứ ấy đều không, vì thế gọi là không vin không trụ. Đây tức là Niết-bàn không vin không trụ.

Lại, tưởng gọi là vin dựa, thọ gọi là trụ. Như vậy là hiển bày về Định diệt thọ tưởng là không vin không trụ. Nay trong nghĩa ấy, ý giữ lấy định diệt.

Thế nào là viên mãn các Thi la? Đó là khéo an trụ nơi luật nghi của thân, ngữ, tu trị thọ mạng thanh tịnh.

Thế nào là đầy đủ tuệ? Đó là ở nơi khổ Thánh đế, nhận biết rõ như thật, cho đến ở nơi đạo Thánh đế cũng lại như vậy.

Thế nào là khéo an định? Tức là xa lìa các đục, cho đến an trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ tư, hoặc Tam-ma-bát-đề của cõi thứ nhất.

Thế nào là tư duy bên trong? Đó là ở nơi hai mươi hai xứ, lúc luôn quán xét, nói: Ta nay, dung mạo, vật trang sức đều cải đổi khác thường, loại bỏ hình tướng đẹp của thế tục, nói rộng như nơi kinh.

Thế nào là buộc niệm? Đó là nơi hai mươi hai xứ, lúc luôn quán xét, dựa vào tướng của Sa-môn, luôn tạo tác, luôn chuyển biến mà hiện tiền. Do nhân duyên ấy, nên đoạn trừ các kiết còn lại, tu tập bốn niệm trụ.

Thế nào là qua khỏi nẻo rất khó qua khỏi? Đó là hết thấy kiết đều đoạn trừ không còn sót, nên có thể qua khỏi chôn vô cùng khó qua khỏi là cõi Hữu đánh. Nơi ấy, chẳng phải là tất cả các hàng phạm phu có thể vượt qua được.

Thế nào là ở nơi các đục tưởng mà được lia nhiễm? Đó là đối với các Kiết hạ phần đã nhận biết, đã đoạn trừ.

Thế nào là ở trong chỗ thâm diệu không vin không trụ, không có giảm kém? Đó là các bậc hữu học và vô học, ở nơi cõi vô sắc, hoặc đã lia đục, hoặc chưa lia đục, đã đạt được phi tưởng phi phi tưởng xứ, có lực, có thể thực hiện nhập Định tận diệt, cùng dung nạp có điều ấy, nên không nhất định nói là vượt qua kiết của cõi vô sắc.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, ở nơi tụng ấy đã hiển bày tóm lược về khả năng đạt được đạo cứu cánh tốt cùng, và có thể chứng đắc đạo trụ bậc nhất. Nên biết đó gọi là tóm lược nghĩa ở đây.

*Nhân duyên gì tham sân
Do đâu nên vui buồn
Lông dựng ý tâm tư
Như trẻ nrong nhũ mẫu?
Nhuần nơi sinh tự sinh
Như cây Nặc-cù-đà
Buộc riêng nơi các đục
Như rừng xứ Ma-già.
Là nhân duyên tham sân
Do đấy nên vui buồn
Lông dựng ý tâm tư
Như trẻ nrong nhũ mẫu.
Biết các nhân duyên kia
Sinh rồi liền trừ diệt
Vượt xưa, chưa vượt biển
Bộc lưu không hậu hữu.*

Nay trong tụng này:

Thế nào là tham sân? Đó là như có một hữu tình sống nơi gia đình, đối với cảnh giới hợp ý và hữu tình hợp ý, cùng nhau gặp gỡ, sinh khởi tham chấp. Đối với cảnh giới và hữu tình không hợp ý, cùng nhau gặp gỡ mà sinh sân hận.

Thế nào là vui buồn? Đó là như có một hữu tình, đối với Tỳ-nại-da của pháp do Phật chứng đắc, đột nhiên có thể sinh khởi chánh tín trong chốc lát, không khéo quan sát các việc trước sau được mắt, hốt nhiên tự gắng sức, liền bỏ cuộc sống gia đình, đi đến cuộc sống không gia đình. Đã xuất gia rồi thì cùng với đạo tục chung sống lẫn lộn, bèn đối với của cải, bạn thân, tới lui, nhớ nghĩ, luyến mộ, sầu lo trôi buộc tâm.

Hoặc có một hữu tình, không phải do chánh tín, cũng không phải tự gắng sức đi đến đời sống không gia đình, nhưng hoặc là do bị vua chúa xua đuổi, bức bách, cho đến hoặc do bị những thứ sợ hãi sai lạc đe dọa không thể sống được, nên lìa bỏ đời sống gia đình. Đã xuất gia rồi, vị này ở gần các hàng Bà-la-môn, cư sĩ chánh tín, nên luôn đạt được nhiều lợi dưỡng, cung kính, sinh khởi ái vị sâu xa, riêng suy nghĩ, nói: Ta nay ở nơi đây, lành thay, thật hết sức kỳ lạ! Không nhọc sức gieo trồng gặt hái, hay buôn bán trao đổi gian khó mà đời sống đầy đủ. Vị ấy duyên nơi sự cung kính, lợi dưỡng như thế, nên tự vui mừng, an nhiên mà trụ.

Thế nào là lòng dửng và ý tầm tư? Nghĩa là như có một hữu tình, không phải do tự cố gắng, không vì nuôi sống thân mạng mà lìa bỏ gia đình, nhưng do chánh tín nên từ bỏ cuộc sống thế tục, đi đến đời sống không gia đình. Đã xuất gia rồi, không cùng với hàng đạo tục chung sống lẫn lộn, tức thì xa lìa, sống nơi vắng vẻ, tịch tĩnh. Vị ấy, thời gian sống tại chôn thanh vắng, hoặc ở nơi sương bụi mờ mịt, hoặc vào lúc chiều tối, thấy đám hơi mây lớn, nghe tiếng sấm sét, hoặc gặp khi mưa đá, sư tử, cọp beo, hoặc gặp phải đám trộm cướp hung dữ bắt bớ, hoặc bị hàng phi nhân tới quấy nhiễu bức bách, nên

sinh sợ hãi, lông nơi thân dựng đứng. Hoặc vào ban ngày, vị ấy đối với bạn thân tới lui, có các dục thượng diệu, nên phát khởi tham đắm nơi các tâm tư hiện có. Đó là tầm tư dục như kinh đã nói rộng, cho đến tầm tư tương ưng với đời sống gia đình, thế gian.

Như vậy là đã nói về các sự việc tham sân ...

Thế nào là nhuần nơi sinh cùng với tự sinh? Cũng như cây Nạc-cù-đà ở thế gian? Nhuần thấm gọi là nước ái. Do đấy làm duyên nên hay sinh các thủ. Hết thủy tham sân kia đều dùng nước ái ấy làm duyên chung. Tự: Tức lấy tham sân làm trước, tâm tư làm sau, mỗi thứ đều có giới, tánh, chủng tử sai biệt.

Thế nào là tham sân, cho đến tầm tư riêng bị các dục trói buộc? Giống như ở thế gian cành nhánh dây Ma-lỗ-ca quấn quanh cây rừng. Đó là lược nêu có sáu thứ dục riêng:

Hoặc có dục sự của hiện tại do sức mạnh của thân tay dẫn đến. Đó là các dục hiện có của những người sống ở gia đình. Đối với cảnh giới ấy, do dục đó làm duyên phát sinh tham sân.

Hoặc có vô số dục sự của hiện tại, từ nơi kẻ khác đạt được. Đó là các dục hiện có của người vì để nuôi sống thân mạng mà xuất gia. Đối với cảnh giới ấy, dùng dục đó làm duyên phát sinh vui vẻ.

Hoặc có dục sự của quá khứ, vị lai. Tức là các dục hiện có của người bỗng dung tự cố gắng mà xuất gia. Đối với cảnh giới ấy, dùng dục đó làm duyên phát sinh lo buồn.

Hoặc có dục của các phiền não còn lại, lược có hai loại: Đó là tự thể cùng của cải nuôi sống thân mạng thuộc dục giới.

Hoặc có tham do chưa đoạn trừ phân biệt hư vọng. Đó là do chánh tín mà xuất gia, sống nơi vắng vẻ, tịch tĩnh, về ban đêm thường gặp phải các sự việc, đối với cảnh giới ấy, dùng đấy làm duyên, liền sinh sợ hãi, lông nơi thân dựng đứng.

Hoặc có tham do chưa đoạn trừ phân biệt hư vọng. Đó là hữu tình ấy, về ban ngày, đối với cảnh giới của sắc thanh lương vị xúc bên ngoài, dùng đầy làm duyên, phát sinh tâm tư hiện có của địa ý. Lại có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, nhận biết rõ như thật, như đã nói ở trước, về tham và sân, cùng với nhân duyên của chúng. Lại có thể nhận biết rõ về tánh vô thường của pháp do các duyên sinh rồi, tùy theo sự sinh ấy không đầy khởi tham vướng. Tức liền từ bỏ, đoạn dứt mọi thứ biến đổi. Là tham của hai cõi sắc, vô sắc, nên qua khỏi bộc lưu hữu. Là tham của cõi dục, nên qua khỏi bộc lưu dục. Như thế, bộc lưu xưa chưa vượt qua, nay đã qua khỏi rồi, trọn không có thoái chuyển.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, ở trong Tụng ấy đã hiển bày tóm lược về ba phần vị: Phần vị tại gia, phần vị xuất gia và phần vị xa lìa. Lại hiển bày về hai thứ trói buộc riêng ở trong các dục, chung và không chung, do nhân duyên sinh, hoặc ái hoặc sân. Cùng phương tiện đoạn trừ và thắng lợi của sự đoạn trừ. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa ở đây.

Lại, ở trong đây, các tâm tư hiện có hoặc tham hoặc vui mừng, hoặc dựa nơi đắm nhiễm, nên biết đó thuộc về phẩm Ái. Hoặc giận dữ, hoặc lo buồn, cùng với sợ hãi, nên biết thuộc về phẩm Sân.

*Bà-la-môn nên làm
Tức đoạn, không phóng dật
Dứt bỏ hẳn các dục
Không mong cầu Hữu ấy.
Nếu thật có chỗ tạo
Không thật Bà-la-môn
Nên biết Bà-la-môn
Nơi việc làm đã xong.
Các thân phần khó nhọc
Chưa tận đáy, chưa qua*

*Qua rồi, trụ gò cao
 Không động đến bờ kia.
 Trời, người nay nên biết
 Đây, dụ Phạm chí thật
 Là các lậu diệt hẳn
 Đạt tĩnh lự thường an.
 Vĩnh viễn đoạn hết thấy
 Sầu lo cùng siêu đót
 Hằng trụ nơi chánh niệm
 Tâm cũng luôn giải thoát.*

Nay ở trong tụng này hiển thị, vị trời kia, dựa nơi các Bà-la-môn thế tục, vì Đức Thế Tôn mà nói. Đó là có chủng tánh các Bà-la-môn, tự xưng Ta là Phạm chí chân thật, cho thế gian của Phạm Thiên là cứu cánh tốt cùng, mong cầu cõi Phạm Thế, an trụ nơi sắc, luôn siêng năng tinh tấn, tâm không biếng trễ, luôn ưa thích hạnh xa lìa, sống nơi chốn thanh vắng, tịch tĩnh, giảm bớt ngũ nghĩ tu tập định tĩnh nhằm đoạn trừ dục sự và dục phiền não. Do các Bà-la-môn của chủng tánh kia cho thế giới của Phạm thiên là cứu cánh, mong cầu về cõi Phạm thế, nên không cầu dục hữu.

Lại hiển bày về Đức Như Lai, dựa nơi các Bà-la-môn của đệ nhất ngã đề đáp lại vị trời kia.

Nếu Bà-la-môn nơi việc làm đã làm rồi, lại thường nên làm, thêm có sự việc phải làm cao hơn, nên biết đây chẳng phải là Bà-la-môn chân thật.

Nếu Bà-la-môn biết rõ sự việc nên làm, vượt lên hết thấy các bờ của thân tướng, an trụ nơi đất liền, nên biết đây là Bà-la-môn chân thật. Do đây hiển thị hàng học và vô học đều là Bà-la-môn. Học có hai loại: Đó là ở nơi dục giới hoặc chưa lìa dục, hoặc đã lìa dục. Loại chưa lìa dục: Là chưa đạt được nguồn đáy, chưa đến bờ kia. Đối với hai thứ pháp cũng chưa đầy đủ. Một là nội tâm chưa đạt

Xa-ma-tha thù thắng. Hai là tuy đã đạt được Tỳ-bát-xá-na của pháp tuệ tăng thượng, nhưng chưa hoàn toàn thanh tịnh. Do thiếu Xa-ma-tha của nội tâm, nên ôm phao nổi là như Thánh đạo đã chứng đắc. Vì chúng được Xa-ma-tha của nội tâm, nên vận động tinh tấn dừng mãnh như thế.

Lại, vì khiến cho Tỳ-bát-xá-na của pháp tuệ tăng thượng được hoàn toàn thanh tịnh, nên vận động như cánh tay, tinh tấn dừng mãnh. Vị ấy, nơi thời gian siêng năng tinh tấn như thế, lia dục của cõi dục, như đạt được nguồn đáy, chúng A-la-hán như đến bờ kia. Loại đã lia dục: Chúng đắc Xa-ma-tha thù thắng của nội tâm, cũng đạt được Tỳ-bát-xá-na hoàn toàn thanh tịnh. Chỉ vì tiến tới đoạn trừ các kiết thượng phần, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, chẳng phải là các phần thân.

Nếu đã vượt qua, thành A-la-hán, việc làm đã xong, lia dục công siêng năng, gọi là đã đến bờ kia, trụ nơi đất liền. Đây tức là hiển thị các Bà-la-môn, dựa nơi đệ nhất nghĩa, lược có ba loại: Hai loại là hàng hữu học. Một loại là hàng vô học. Nếu các Bà-la-môn hoàn toàn đến nơi bờ kia, gọi là vĩnh viễn dứt hết lậu.

Nếu người chưa lia dục, hết thấy phần thân đều siêng năng tinh tấn, gọi là thường được từ bỏ. Nếu người đã lia dục, đạt được nguồn đáy, gọi là chứng đắc tinh lự. Người đạt được tinh lự là vĩnh viễn đoạn trừ hết thấy kiết thượng phần, đã đoạn tất cả sầu lo thiêu đốt hiện có thuộc phẩm sân hận và tham dục. Người vĩnh viễn dứt hết lậu là đoạn trừ hoàn toàn các phiền não do tu đạo đoạn. Đã khéo tu tập bốn thứ niệm trụ, luôn trụ nơi chánh niệm và tâm giải thoát. Vị ấy không phải làm rồi, lại luôn luôn làm nữa, cũng không có việc nên làm tốt hơn. Vì thế, gọi vị ấy là Bà-la-môn chân thật đệ nhất nghĩa.

Bí-sô, Bí-sô

Đã qua bực lưu chãng?

Trời nói lời như thế

Không vin không trụ

Đã qua bộc lưu chãng?
 Trời nói lời như thế
 Bí-sô ông nay
 Cũng như những gì
 Không vin không trụ
 Đã qua bộc lưu.
 Như, như ta khó nhọc
 Như thế, như thế kém
 Như, như ta kém rồi
 Như thế, như thế trụ
 Như, như ta trụ rồi
 Như thế như thế nổi
 Trời, ta như như bỏ khó nhọc
 Như vậy như vậy không giảm kém
 Như vậy, phẩm Trắng sạch nói rộng
 Trong ấy, tụng lửa lớn, nên biết.

Nay trong tụng này:

Không vin không trụ: Đó là định diệt của Niết-bàn. Như trước đã nói Đức Thế Tôn dựa vào việc xưa, thị hiện những khổ hạnh thật hết sức khó làm vốn có trong thời gian tu tập hạnh Bồ-tát, tinh tấn dũng mãnh, không phải thuộc về phương tiện. Lại dựa vào sự thị hiện ngôi nơi tòa Bồ-đề, tinh tấn dũng mãnh, không phải thuộc về phương tiện. Vì để quyết đoán về biến tri, nên nói lời này: Nay vị trời! Ông nên biết! Ta xưa như như giả nên về khó nhọc, như thế như thế Ta liền giảm kém. Như như giảm kém. Như thế như thế Ta liền dừng trụ. Như như dừng trụ. Như thế như thế lại bị nổi chìm. Trái với các việc này, nên biết là phẩm trắng sạch.

Ở đây hiển thị về thời gian tu khổ hạnh, tinh tấn dũng mãnh, không phải thuộc về phương tiện, gọi là khó nhọc. Hành phương tiện tà vạy, pháp thiện thoái thất, gọi là giảm kém. Đã nhận biết các pháp

thiện bị thoái thất rồi, dứt bỏ phương tiện tà vạy, gọi là dùng trụ. Xả bỏ các khổ hạnh, lại cầu tìm thầy khác, bèn đối với chỗ chấp trước sai lạc của các vị Ôt-đạt-lạc-ca, A-la-trà, tùy thuận quan sát, gọi là chìm nổi. Về sau, an tọa nơi tòa Bồ-đề, dứt bỏ hết thảy những thứ không thuộc về phương tiện, tinh tấn dũng mãnh, pháp thiện hiện có liền được tăng trưởng. Như như pháp thiện đã tăng rồi, như thế như thế, nơi các pháp thiện không sinh biết đủ, không vội dùng trụ, đối với việc tu tập đoạn trừ lần lượt tìm cầu các thứ vi diệu thù thắng. Đã do không cho là đủ như vậy, bèn không còn cầu nơi các sư ngoại đạo khác. Không thầy, tự nhiên tu tập ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, gọi là bậc Đại giác. Bốn nghĩa nơi bốn trường hợp văn kinh như xả bỏ khó nhọc v.v... theo thứ lớp nên biết là đã phối hợp giải thích.

Thế nào là lại nương vào Niết-bàn không dựa không trụ? Đề nêu rõ về sự sai biệt? Đó là không thể vượt qua bực lưu là tùy miên của các phiền não trói buộc, lược do bốn nhân. Những gì là bốn? Đó là đầu tiên có dựa vào tầm tham đắm, dựa vào đây làm chỗ nương, nên liền có biếng nhác. Lại do biếng nhác làm chỗ dựa, nên trụ nơi phần phạm phu. Trụ nơi phần phạm phu làm chỗ dựa, nên thuận theo dòng chảy sinh tử, với sức mạnh của tham ái, khiến ở trong sông sinh tử của năm nẻo trôi nổi chìm đắm. Cùng trái với bốn thứ nhân ấy, là có thể vượt qua bực lưu, nên biết như thế.

Thế nào là lại dựa vào Định tướng thọ diệt để làm rõ sự sai biệt? Đó là như có một hữu tình, trước đã chứng đắc Định tướng thọ diệt, lại trụ nơi phóng dật, trụ nhiều nơi tướng thọ, nhưng không trụ nhiều nơi các tướng thọ diệt. Do nhân duyên này, nên thoái thất định diệt. Do định bị thoái thất nên trở lại trụ nơi nhân sinh của địa dưới. Trụ nơi nhân ấy, nên tâm liền quyết định hướng tới quả đã có được. Trái với sự việc này, nên biết là bốn trường hợp sai biệt của phẩm Trắng sạch.

*Riêng đến A-luyện-nhã
 Là tài sản, tĩnh lự
 Vì riêng có nơi cầu
 Vì dirt nhìn áp phong.
 Sao không giao tiếp người
 Dirt hẳn không bè bạn
 Được nghĩa, tâm tịch tĩnh
 Phá quân ma sắc diệu.
 Ta ở riêng, tư duy
 Thọ an lạc tối thắng
 Nên không giao tiếp người
 Dirt hẳn không bè bạn.*

Kệ tụng này là nhân nơi chỗ thừa hỏi của Thiên nữ.

Nói được nghĩa: Lược có hai thứ: (1) Nghĩa chứng đắc quả Sa-môn. (2) Nghĩa chứng đắc thần thông bậc Thánh.

Do được nghĩa thứ nhất, nên vượt khỏi tất cả chôn khổ lớn của sinh tử. Do được nghĩa thứ hai, nên chứng đắc tám giải thoát, tư duy tịch tĩnh, trụ nơi hiện pháp lạc.

Lại do nghĩa thứ nhất, nên hàng phục quân ma sắc diệu khả ái. Do đạt được nghĩa thứ hai, nên ở riêng, tư duy, thọ an lạc thù thắng. Ở đây, ý là biện minh về nghĩa thần thông bậc Thánh. Vì sao? Đó là như có một hữu tình, vì muốn thành tựu đầy đủ nghĩa thần thông bậc Thánh, nhằm khiến giải thoát thanh tịnh được viên mãn, nên dựa vào mùi biến xứ làm phương tiện tu tập. Do nhân duyên ấy, khiến cho biến xứ nhất định thanh tịnh viên mãn, trắng sạch. Cũng có thể thành tựu nghĩa thần thông bậc Thánh. Vị ấy đã nhận biết rõ chỗ thành tựu đầy đủ đó rồi, liền tự thông đạt về nghĩa mình đã thực hiện xong. Tức nghĩa của quả Sa-môn cũng được thành tựu. Là Sa-môn chân thật, đối với việc cầu tìm của cải, tu tập tâm chán bỏ sâu. Đối với thành ấp,

nơi chôn giao du, nhận biết rõ trước tiên. Nhận biết rõ về lỗi lầm, tai họa. Nhận biết rõ về nẻo xuất ly, cũng có thể nhận biết rõ hành hướng tới xuất ly, sinh khởi nhân duyên ấy, gọi là đầu tiên. Tánh của pháp là vô thường, nhiều khổ, biến hoại, đó gọi là lỗi lầm, tai họa. Điều phục dục tham, đoạn trừ, vượt khỏi, gọi là xuất ly. Tám chi đạo Thánh gọi là hành hướng tới xuất ly. Nếu có hữu tình, đối với các sự việc kia không thấy điều trước tiên, cho đến không thấy hành hướng tới xuất ly. Do nhân duyên như thế, nên ở nơi chôn có đủ hữu tình, của cải, châu báu, không thể chán bỏ, thành áp, giao tiếp, tới lui không dứt, nhưng kẻ đó cho là tâm được tịch tĩnh, đối với các vị xuất gia chứng đắc tĩnh lự, định tám giải thoát, nội tâm vắng lặng, trở lại sinh phi báng. Do đấy, kẻ kia nơi nội tâm cho là tịch tĩnh, nhưng không thể khéo nhận thấy, khéo biết rõ, khéo soi xét, khéo thông đạt. Nếu là tâm tịch tĩnh đệ nhất nghĩa, là trái hẳn với trường hợp trên, tức có thể khéo nhận thấy, cho đến khéo thông đạt.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, ở đây đã hiển thị tóm lược về những kẻ thọ dục, vui thích sống xen tạp, không phải là nội tâm tịch tĩnh đệ nhất nghĩa. Nếu có Hành giả chứng đắc định tám giải thoát, lia mọi ái vị, gọi là nội tâm tịch tĩnh đệ nhất nghĩa. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa ở đây.

*Các hành vô thường
Pháp có sinh diệt
Do vì sinh diệt
Kia tịch là vui.*

Nay trong tụng này:

Uẩn và thủ uẩn đều gọi là các hành.

Nghĩa ở đây: Ý tại thủ uẩn, là năm thủ uẩn, lược nêu có ba thứ là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Các hành vô thường: Đó là các hành kia, vốn không mà sinh, sinh rồi liền diệt. Như sinh ở quá khứ, các uẩn hiện có trong các tự thể có được của quá khứ, đều là quá khứ nên đã tàn diệt. Sinh rồi mất, nên thể là vô thường.

Nếu là sinh ở vị lai: Thì các uẩn hiện có trong các tự thể có được của vị lai đều là chưa sinh, không phải là đã khởi, nên chưa diệt mất, có thể sinh khởi, là pháp có sinh.

Nếu là sinh ở hiện tại: Thì các uẩn của hữu tình tạm trụ, chống giữ sống còn hiện có trong các tự thể đạt được của hiện tại, đều là pháp tử, có thể bị hủy diệt, nên là pháp có diệt.

Nếu các uẩn kia ở nơi tự thể có được của vị lai, là pháp có sinh, trong đó tự thể đều không chỗ đạt được, là thường là hằng, cho đến tức đương chánh trụ như thế, chỉ trừ vừa sinh, sinh rồi liền diệt. Nếu các hữu tình ở trong hiện pháp, vĩnh viễn dứt hết nhân của các uẩn vị lai, thì hết thảy các uẩn nơi tự thể của vị lai đều không sinh, nên gọi là kia tịch tĩnh (Bỉ tịch).

Lại nữa, tịch tĩnh ấy do hai nhân duyên nên gọi là vui. Một là hết thảy nhân khổ đều diệt, tất cả các thứ thô trọng cũng hoàn toàn dứt trừ, nên ở trong hiện pháp, trụ nơi an lạc. Vì thế gọi là vui. Hai là các khổ hiện có như sinh lão bệnh nơi vị lai được hoàn toàn giải thoát, nên gọi là vui.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm ở đây đã lược nói về chỗ dựa của chánh kiến cùng quả của chánh kiến. Lại có sai biệt: nghĩa là lược hiển thị về chỗ dựa của biến tri cùng chỗ đoạn dứt chúng. Lại hiển thị tóm lược về pháp của đối tượng biến tri cùng với chủ thể biến tri. Lại hiển bày tóm lược về các tạp nhiễm hiện có nơi các hành trong ba đời cùng những thanh tịnh hiện có nơi cảnh giới tịch tĩnh kia. Lại hiển bày tóm lược về các pháp duyên khởi cùng duyên khởi diệt.

Lại hiển thị tóm lược về khổ đế, diệt đế. Lại hiển thị tóm lược về nơi chốn, chỗ dựa của hai môn giải thoát không, vô nguyện, cùng hiển bày về nơi chốn, chỗ dựa của một môn giải thoát vô tướng. Lại hiển thị tóm lược về chỗ dựa, sự đoạn trừ của hiện quán Thánh đế trái với hai pháp. Nói hai pháp là: (1) Thuận theo hý luận. (2) Sự không hý luận.

Lại hiển bày tóm lược về hai pháp đối trị, không chung với ngoại đạo. Những gì là hai? Một là đối tượng nhận thức tánh không điên đảo. Hai là đối tượng chứng đắc, tánh không điên đảo.

*Không dật, dậu không chết
Phóng dật là dậu chết
Người không dật không chết
Kẻ phóng dật luôn chết.*

Nay trong tụng này:

Thế nào là không phóng dật là dậu vết không chết? Đó là như có một hữu tình, dựa nơi bốn chỗ dựa, lập bốn thứ bảo hộ: Bảo hộ về thọ mạng. Bảo hộ về sức mạnh. Bảo hộ về tâm tạp nhiễm. Bảo hộ về phương tiện chân chính. Đó gọi là không phóng dật. Không phóng dật ấy là chỗ dựa, là sự bền vững. Người tạo tư lương của Niết-bàn chưa viên mãn, thì khiến mau chóng viên mãn. Người đã viên mãn, thì khiến ở nơi hiện pháp đạt được Niết-bàn.

Thế nào là phóng dật là dậu vết chết? Đó là như có một bạch y sống nơi gia đình, đối với cảnh giới dục tham đắm thọ dụng, tạo nghiệp bất thiện. Hoặc có người xuất gia, hiển bày bốn thứ không bảo hộ. Đó là thọ mạng không bảo hộ, cho đến phương tiện chân chánh không bảo hộ. Như thế phóng dật là chung cho hai loại tại gia và xuất gia. Tức phóng dật ấy là chỗ dựa, là sự giữ vững để vui sinh nơi hạnh gốc, tạo sinh theo nghiệp gốc. Nhân đầy nên sinh, sinh rồi mạng chung, sinh rồi chết yểu.

Thế nào là người không phóng dật, không chết. Kẻ phóng dật luôn chết? Nghĩa là chết có năm loại: (1) Chết do điều hợp thiện. (2) Chết do không điều hợp thiện. (3) Chết thuộc quá khứ. (4) Chết thuộc hiện tại. (5) Chết thuộc vị lai. Hữu tình nếu khéo tu tập pháp không phóng dật ấy, thì ở nơi đời hiện tại, do điều hợp thiện chết mà chết đúng lúc. Do quá khứ chết đã chết, nơi đời quá khứ, cũng do không điều hợp thiện chết. Nơi đời hiện tại, không do không điều hợp thiện chết mà chết. Nơi đời vị lai, do không điều hợp thiện chết, không do không điều hợp thiện chết mà chết, nên gọi là không chết. Hữu tình nếu có phóng dật, nơi đời hiện tại, do không điều hợp thiện chết mà chết đúng lúc. Nơi đời quá khứ, cũng do không điều hợp thiện chết đã chết. Nơi đời hiện tại, tức không do điều hợp thiện chết mà chết. Nơi đời vị lai, cũng do không điều hợp thiện chết, sẽ chết, nên gọi là luôn chết.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm ở đây đã chỉ rõ tóm lược đạo để diệt đế của người không phóng dật, về tập đế khổ đế của kẻ phóng dật. Lại hiển thị tóm lược về tánh của xứ phi xứ và tánh tạo tác của tự nghiệp. Nửa trước là hiển bày tánh của xứ phi xứ. Nửa sau là hiển thị về tánh tạo tác của tự nghiệp.

Lại, nửa trước là hiển thị về thầy đối với đệ tử, làm điều nên làm. Nửa sau là hiển thị về nghĩa tự làm của các đệ tử.

*Chỗ xoay động tâm tư chúng sinh
Tham dục mãnh liệt theo quán diệu
Ái nhiễm bội tăng mà lưu chuyển
Nên hay tự trói buộc chắc chắn.*

Nay trong tụng này:

Thế nào là chỗ xoay động của tâm tư? Đó là như có một hữu tình, đối với cảnh giới dục trước đã đạt được, đã thọ dụng, tác ý

không đúng đắn, phát sinh bất thiện, dựa nơi sự tham đắm theo các tâm tư xấu ác.

Thế nào là tham dục mãnh liệt? Đó là như có một hữu tình, ở nơi các đời từ xa xưa hành xử tham dục, cũng hành xử nhiễm. Do nhân duyên ấy, nên khiến trong đời này, đối với các cảnh giới dục, trước đã đạt được, đã thọ dụng, tác ý không đúng đắn, nên bị tham dục làm tan hoại tâm ý.

Thế nào là theo quán tịnh diệu? Đó là như có một hữu tình, không khéo hộ trì thân, không thâm giữ các căn, không trụ nơi chánh niệm, đi đến các xóm làng gặp những người tuổi trẻ, đẹp đẽ, khả ái, nơi các vùng đất chung ấy, liền không như lý, giữ lấy tướng tịch diệu. Do nhân duyên này, nên thân tâm bị thiêu đốt, não hại.

Thế nào là ái nhiễm tăng bội? Đó là do năm thứ tướng mạo, nên biết, khiến cho ái nhiễm tăng trưởng. Những gì là năm? Tức như có một hữu tình, đối với các cảnh giới dục thấp kém, hãy còn sinh khởi các triền tham dục mãnh liệt, tham đắm không bỏ, huống chi là các cảnh giới dục thượng diệu. Lại dùng phi pháp, phần nhiều là hung bạo, để tích tập tài sản châu báu, không dùng chánh pháp. Cũng thường thâm nhận các vật dụng tăng thượng. Lại đối với các vật vô dụng, hèn mọn, hãy còn không muốn buông bỏ, huống hồ là các vật quý trọng. Tuy là tìm cầu các thứ tài sản kém, ít, hãy còn hành tác rất nhiều thân ngữ ý ác huống chi là thứ tài sản nhiều, hơn hẳn. Lại, đối với việc thọ trì các hành diệu nhỏ ít, tâm ý hãy còn không tỏ ra yêu thích, huống chi là các hành diệu rộng lớn. Lại, đối với Niết-bàn, hãy còn không thích nghe, huống hồ là muốn chứng đắc.

Thế nào là trói buộc bền chắc? Đó là do ba thứ tướng, nhận biết là trói buộc bền chắc: (1) Bền chắc. (2) Tiếp xúc với khổ. (3) Theo đuổi nơi thời gian dài. Ở trong hiện pháp, do tham sân si là gốc của

hành ác, nên nhận biết về sự trói buộc bền chắc. Nơi đời vị lai, do sinh nơi các nẻo địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, nên biết là tiếp xúc với khổ và theo đuổi nơi thời gian dài.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là hiển bày tóm lược dựa nơi hai nhân hoại mất, có hai thứ hoại mất. Những gì gọi là hai nhân hoại mất? Tức là sức mạnh của tư duy bất chánh và sức mạnh của nhân. Những gì gọi là hai thứ hoại mất? Tức là mong cầu hoại mất và thọ dụng hoại mất.

Thế nào là sức mạnh của tư duy bất chánh? Đó là nghĩ về cảnh giới đã thọ dụng trước, tư duy bất chánh do nhân duyên sinh. Hoặc phân biệt sai lạc về cảnh giới hiện tiền, tư duy bất chánh do nhân duyên sinh. Hoặc tư duy bất chánh giữ lấy một cách sai lạc về tướng. Hoặc nơi cảnh giới kia tư duy bất chánh, hoặc trụ hoặc hành.

Thế nào là sức mạnh của nhân? Đó là đối với cảnh giới đáng yêu thích, từ trước đã tập quen về dục tham.

Thế nào là mong cầu hoại mất? Đó là như có một hữu tình tạo nên hai thứ nhân hoại mất, dùng phi chánh pháp, hoặc dùng sự hung bạo để tìm cầu, tích chứa các tài sản bất chánh hiện có.

Thế nào là thọ dụng hoại mất? Đó là như có một hữu tình, ở trong các cảnh giới thuận vui, thuận khổ, thuận không vui không khổ đã đạt được trước. Hoặc có trường hợp nơi một đời sinh nhiễm chấp, nói rộng cho đến không biết xuất ly mà thọ dụng chúng. Hoặc có trường hợp nơi một lần phát sinh ghét giận, bị ghét giận che lấp. Hoặc có trường hợp nơi một lần phát sinh ngu si, bị ngu si che lấp. Kẻ ấy, do tham nhiễm che lấp như vậy, cho đến bị ngu si che lấp, nên hành vô số hành ác nơi thân ngữ ý, bị sự trói buộc bền chắc của ba thứ tham sân si trói buộc, cũng bị các thứ trói buộc nơi các nẻo địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ trói buộc.

Lại có sai biệt. Đó là hữu tình bị kiết ái trói buộc, lược có bảy thứ tạp nhiễm, nên biết đều là do tham ái tạo ra. Bảy thứ tạp nhiễm là: (1) Tạp nhiễm tùy niệm. (2) Tạp nhiễm không tự tại. (3) Tạp nhiễm của cảnh giới. (4) Tạp nhiễm nhiệt não. (5) Tạp nhiễm tương ưng với nẻo thiện. (6) Tạp nhiễm tương ưng với nẻo ác. (7) Tạp nhiễm của các kiến.

Thế nào là tạp nhiễm tùy niệm? Đó là như có một hữu tình tùy niệm không chân chánh, trước đã thọ dụng cảnh giới khả ái, nên hy vọng tìm cầu khiến tâm ý tan hoại.

Thế nào là tạp nhiễm không tự tại? Đó là như có một hữu tình, nơi đời trước đã tập quen với pháp tham dục, nên đời này tham dục thành tánh mãnh liệt. Tuy lại ở nơi cảnh giới khả ái, tùy niệm tác ý như lý, nhưng có trông mong tìm cầu tham dục làm tâm tan hoại. Kẻ ấy, do tham dục hết sức mãnh liệt nên tâm không tự tại.

Thế nào là tạp nhiễm của cảnh giới? Đó là như có một hữu tình đi đến các thành ấp... hiện tại gặp gỡ cảnh giới đáng yêu thích, hình sắc đoan nghiêm. Do cảnh giới ấy hết sức đoan nghiêm, nên theo tướng đẹp đẽ, Tâm thức kết nối không rời, nhân đấy phát sinh tham vọng tìm cầu vô số tham ái.

Thế nào là tạp nhiễm nhiệt não? Nghĩa là như có một Hữu tình do ba thứ ấy, có thể làm tăng trưởng các tạp nhiễm của tham ái, khiến những tham ái đã có lần lượt thêm lớn mạnh, truy tìm luyến tiếc cảnh đã thọ dụng nơi quá khứ, mong cầu cảnh sẽ thọ dụng nơi vị lai, tham đắm cảnh đang thọ dụng nơi hiện tại, nên khiến thân tâm bị phiền não thiêu đốt hoàn toàn.

Thế nào là tạp nhiễm tương ưng với nẻo thiện? Tức do tham ái kia làm lực tăng thượng của tập đế, nên hành vô số hành diệu nơi thân ngữ ý, được sinh vào nẻo thiện, hoặc trời hoặc người. Kẻ ấy, đối

với lạc thọ tham chấp không buông bỏ, trụ trong say đắm, sâu muộn, chuyên hành phóng dật.

Thế nào là tạp nhiễm tương ưng với nẻo ác? Tức do tham ái kia làm lực tăng thượng của tập đế, nên hành vô số hành ác nơi thân ngữ ý, thân hoại mạng chung bị đọa vào các nẻo ác, sinh nơi địa ngục... Sinh nơi nẻo kia rồi, liền bị vô số các sầu khổ cực nặng nơi tâm xấu ác, tâm giận dữ quấy nhiễu, nã hại.

Thế nào là tạp nhiễm của các kiến? Tức do tham ái kia làm lực tăng thượng của tập đế, nên gặp gỡ bạn ác, thuyết giảng pháp điên đảo. Vì khiến cho tạp nhiễm được giải thoát, nên kẻ ấy, tuy mong cầu giải thoát các tạp nhiễm, nhưng do gặp phải pháp được nêu giảng điên đảo như thế, nên không chứng đắc giải thoát, ở trong sáu mươi hai các kiến thú, theo khiến một loại tà kiến tăng trưởng. Đối với các pháp duyên khởi chỉ tăng trưởng ngu si. Kẻ ấy, do bị kiết kiến trói buộc như vậy, nên ở trong biển lớn sinh tử như năm nẻo... không được giải thoát.

*Trụ pháp đủ Thi la
Có hổ, nói chân thật
Hay yêu giữ tự thân
Cũng khiến người yêu thích.*

Nay trong tụng này:

Thế nào là trụ pháp? Đó là ở trong Tỳ-nại-da của chánh pháp thuyết giảng thiện, do Đức Như Lai chứng đắc, đã tin tưởng thanh tịnh, xuất gia vui tu phạm hạnh.

Thế nào là đủ Thi la? Đó là xuất gia như thế, yêu thích như thế, nên đối với giới không thiếu sót, cho đến nối tiếp không lẫn lộn, tạo mọi tương tục, chuyển biến. Nơi các học xứ có thể thọ nhận, có thể tu học.

Thế nào là có hồ thẹn? Đó là hồ thẹn đối với điều đáng hồ thẹn. Hồ thẹn đối với việc có thể sinh pháp ác, bất thiện. Nghĩa là có thể thuận theo duyên của giới ác, giới tạp loạn, tức tướng bất chánh, tâm tư bất chánh, hoặc các phiền não và tùy phiền não.

Thế nào là nói chân thật? Đó là phát lồ các ác, không che giấu các ác. Nếu có vi phạm, tức ở nơi bậc trí, bậc đồng phạm hạnh, tự nêu bày đúng như thật, như pháp đối trị.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, ở trong tụng này hiển bày tóm lược về Thi la thanh tịnh thuộc về bốn nhân. Tức là có thể thọ trì đúng đắn, thọ trì rồi không tạp loạn. Xa lìa nhân tạp loạn. Tuy do không hiểu biết nên phóng dật, tạp loạn rồi, tức liền như pháp mà đối trị. Nên biết, đó gọi là tóm lược về nghĩa ở đây.

*Nếu thấy nghiệp ác người
Hay tư duy xét kỹ
Tự thân trọn không làm
Do nghiệp kia hay buộc.*

Nay, trong tụng này:

Thế nào là thấy nghiệp ác của kẻ khác, tư duy xét kỹ? Đó là như có một hữu tình, hoặc thiện nam hoặc thiện nữ, vì tánh thông tuệ, thành tựu pháp nhẫn để quán như lý, thấy kẻ khác hiện tạo nhân hành ác, nên gặp phải vô số sự khuất nhục, khổ sở, đánh đập, lại bị người của vua bắt bớ dẫn tới cung vua, nói rộng như nơi kinh, cho đến bị giết. Thấy rồi liền tư duy: Xem rõ người này ở trong hiện pháp, tạo tác nghiệp ác bất thiện như thế, tức ở ngay nơi hiện pháp, trở lại thọ nhận quả báo khổ sở như vậy, cho đến nên dừng dứt, nghiệp ác bất thiện như vậy, trọn không nên làm, trọn không nên tạo, trọn không nên hành, trọn không nên phạm. Tức kẻ kia lại thấy các việc giết hại dê gà heo, nói rộng là tất cả các thứ không

luật nghi. Không do tạo nghiệp theo tài năng, phương thuật như thế để sinh sống mà cỡi voi ngựa, xe cộ đủ loại. Lại không nhân đầy để có thể dẫn dắt đến tài sản, châu báu kho tàng rộng lớn khiến không thất tán, mà bị thế gian chê trách. Phàm ở chỗ dung tục, hãy còn không dùng thân, tạm thời cùng tiếp xúc thọ nhận, mà xa lánh, hướng hò là các hiền triết khác. Đã thấy rồi, liền khởi tư duy như thế. Phần còn lại như trước đã nêu.

Kẻ ấy lại thấy người kia thật là giàu có, tài sản, châu báu rất nhiều, nhưng do biếng nhác, phần nhiều sống phóng dật, thời gian nổi tiếp trôi qua, tài sản, châu báu, tô tở, cơ nghiệp cùng với các pháp thiện hiện có dần dần suy thoái. Thấy rồi liền tư duy như thế. Phần còn lại như trước đã nêu.

Kẻ kia, tức lại thấy vô số hữu tình với thân tướng sai biệt. Hoặc có kẻ mù bẩm sinh, điếc bẩm sinh, câm bẩm sinh... Hoặc là Phiến-trạch-ca (Hùynh môn), hoặc Bán-trạch-ca (Bán nam) hoặc hình loại xấu xí, số còn lại thì không như thế. Thấy rồi liền tư duy: Xem rõ những người này, do trước tạo vô số những nghiệp ác bất thiện, nên nay thọ nhận quả báo xấu, khổ như vậy. Cho đến dừng dứt nghiệp ác bất thiện như thế. Phần còn lại như trước đã nêu.

Kẻ kia, tức lại thấy người khác thông sáng, không biếng trễ, đầy đủ sức mạnh để vươn lên. Tức là có khả năng làm các công việc như làm nông, buôn bán, đưa đò..., cùng có thể thực hiện các thứ ngôn luận chính đáng. Những người ấy tuy có đủ dũng lực vươn cao như thế, nhưng sự nghiệp gây dựng cứ luôn bị suy tổn dần, trọn không thành tựu. Thấy rồi bèn tư duy như thế... Phần còn lại như trước đã nói.

Kẻ kia, tức lại thấy hai người xuất gia, hướng đến đời sống không gia đình, đồng tu phạm hạnh. Một người, đối với các thứ lợi dưỡng như y phục, thức ăn uống ... luôn thiếu thốn. Một người thì

không như vậy. Thấy rồi liền khởi tư duy như thế ... Phần còn lại như trước đã nói.

Kẻ kia, tức lại thấy, hoặc có quốc vương, hoặc đất đai, lãnh thổ của vị vua ấy đều được cai trị, bảo vệ chắc chắn, không buông bỏ. Chỉ vì một thân, một mớ hài cốt đầy đủ, chỉ vì sự an lạc nhỏ ít của hiện tại mà các nẻo thân ngữ ý hiện hành vô số hành ác to lớn, tổn hại đến an lạc của nhiều thân nhiều đời, sẽ phải nhận lấy khổ dữ nơi nhiều thân nhiều kiếp. Thấy như thế rồi, bèn khởi tư duy: Xem rõ vị vua này, hoặc các vị vua ấy thật là người ngu tối, xấu ác, chỉ biết gìn giữ, yêu mến một thân một đời, không biết gìn giữ, yêu mến nhiều thân nhiều đời, chỉ biết yêu quý cái vui nhỏ, ngắn ngủi của hiện tại, không biết yêu quý sự an vui lớn lâu dài nơi vị lai. Cũng không phải là không yêu mến nổi thống khổ trong nhiều kiếp, cho đến ngừng dứt nghiệp ác bất thiện như thế, trọn không nên làm, trọn không nên tạo, trọn không nên hành, trọn không nên phạm.

Lại có các hữu tình, hoặc thiện nam hoặc thiện nữ, vì tánh thông sáng, đạt được thiên nhãn, dùng thiên nhãn ấy thấy các hữu tình kia khi chết, khi sinh, như nơi kinh đã nói rộng cho đến sinh trong địa ngục lớn. Thấy như thế rồi, bèn khởi suy nghĩ: Xem rõ những kẻ kia, ở trong hiện pháp, do tạo tác nghiệp ác bất thiện như thế, khiến phải thọ nhận quả báo khổ sở nơi hậu pháp. Cho đến ngừng dứt nghiệp ác bất thiện như vậy. Phần còn lại như đã nói ở trước.

Như thế, hoặc thiện nam hoặc thiện nữ thấy các hữu tình kia tạo tác nghiệp ác rồi, do bốn thứ hành, nên khéo suy xét, quan sát một các kĩ lưỡng. Những gì là bốn hành? Đó là:

(1) Quan sát, hoặc do trái vượt, hoặc do nuôi sống thân mạng một cách bất chánh, hoặc do phóng dật, biếng nhác, nêu ở trong hiện pháp tạo tác vô số nghiệp ác bất thiện, tức nơi hiện pháp thọ nhận quả báo không yêu thích.

(2) Quan sát, hoặc có hữu tình dựa nơi thân sai biệt. Hoặc có sự tạo tác mà quả có được không toại nguyện. Hoặc có sự cầu mong, nhưng điều đạt được không toại nguyện. Đều do từ trước đã tạo nghiệp ác bất thiện, nên trong hiện pháp đều phải thọ nhận quả báo không yêu thích như thế.

(3) Quan sát, hoặc có quốc vương, hoặc cùng với các vua, do trong hiện pháp hành các nghiệp ác, nên đều biết những hữu tình này, nơi vị lai nhất định phải thọ nhận vô số quả báo không yêu thích.

(4) Quan sát lúc sinh lúc chết của các loài hữu tình, do trong hiện pháp gây tạo vô số nghiệp ác bất thiện, nên nơi hậu pháp phải thọ nhận quả báo không yêu thích.

Các vị ấy, do nhận biết đúng như thật như thế, nên trọn đời không tự tạo tác nghiệp ác bất thiện.

Thế nào là nghiệp trói buộc? Đó là do ưa thích các nghiệp, do nghiệp nặng, nên đối với quả báo của nghiệp không được tự tại.

Ưa thích các nghiệp: Tức như có một hữu tình, luôn tập quen với điều ác, yêu thích các thứ ác. Do nhân duyên ấy, nên đối với các pháp thiện tâm không thể hội nhập, là nghiệp trói buộc thứ nhất.

Do nghiệp nặng: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với nghiệp vô gián hoặc có tạo tác đủ, hoặc không tạo tác đủ. Do nhân duyên này, tuy có vui thích, ở trong Tỳ-nại-da của chánh pháp thuyết giảng thiện do Đức Phật chứng đắc, tạm thời xuất gia, hãy còn không thể đạt được, hưởng hồ là còn có thể chứng đắc quả Sa-môn. Như thế gọi là nghiệp trói buộc thứ hai.

Nơi quả báo của nghiệp không được tự tại: Đó là như có một hữu tình, do nhân duyên là thân ngữ ý hành ác, nên sinh nơi các nẻo ác, sinh nơi chốn ấy rồi, không được tự tại, không thể tự đương nổi với những khổ phải thọ nhận trong đêm dài sinh tử, hoặc sinh

ở chốn biên địa, nơi hoàn toàn không có bốn chúng hiền thiện, là Bí-sô, nói rộng cho đến Ô-ba-tu-ca. Như thế gọi là nghiệp trói buộc thứ ba.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã hiển bày tóm lược về việc dựa vào nghiệp và quả báo nơi nghiệp của các hữu tình, tư duy đúng như lý. Cùng hiển bày tư duy đúng như lý là điều trước tiên nơi pháp tùy pháp hành. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa ở đây.

HẾT - QUYỂN 18

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 19

Địa thứ 11: ĐỊA DO TƯ TẠO THÀNH, phần 4 (Phần Bản Địa)

Hiền Thánh luôn nói lời tối thiện

Thứ hai: Lời Ái phi chẳng Ái

Thứ ba: Lời thật phi chẳng thật

Thứ tư: Lời pháp phi phi pháp.

Nay trong tụng này:

Nói lời thiện: Đó là thiện thuyết, thiện ngôn, thiện luận. Nên biết thiện thuyết có ba thứ tướng: Tức ý vui vẻ, không nhiễm ô, chỉ là thiện. Do lời thứ nhất khiến cho kẻ khác vui mừng. Do lời thứ hai khiến cho giới luật của mình trọn không thiếu sót. Do lời thứ ba có thể khiến cho kẻ khác ra khỏi chốn bất thiện, an trụ nơi chốn thiện, nhân đầy dẫn dắt, thâm tóm lợi ích, an lạc.

Hoặc có lời ái không phải là thật, không phải là pháp. Nghĩa là như có một hữu tình dùng những lời hay đẹp để xưng tán về đức độ không chân thật của người khác.

Hoặc có lời thật không phải là ái, không phải là pháp. Đó là như có một hữu tình dùng tâm nhiễm ô phát khởi lời nói thô ác, chê trách lỗi lầm xấu ác đích thực của kẻ khác.

Hoặc có lời pháp cũng là ái, cũng là thật. Đó là như có một hữu tình khéo nhận biết việc khen ngợi cùng chê trách, biết đáng được khen ngợi, đáng bị chê trách rồi, nhưng không khen cũng không chê, chỉ khéo dùng phương tiện để thuyết giảng chánh pháp, có thể khiến cho kẻ kia ra khỏi chốn bất thiện, an trụ nơi chốn thiện.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nêu ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm ở đây đã hiển bày tóm lược về những lời nói thiện hiện có, hoặc nêu dẫn, hoặc giải thích. Nên biết đó gọi là tóm lược về nghĩa trong đây.

*Pháp, tín, tâm, giới, thí
 Người thiện luôn khen ngợi
 Đó gọi hướng cõi trời
 Hay tới thế gian, thiên.*

Tụng này nêu rõ: Đó là như có một hữu tình, đối với Tỳ-nại-da của pháp do Phật chứng đắc đạt được chánh tín, hổ thẹn với đời sống thế tục, thọ trì tịnh giới, đạt được y phục, thức ăn uống, vật dụng ngồi nằm, liền sinh biết đủ, giảm bớt các thứ đồ dùng, hạn chế mọi duyên về tài sản. Phạm khi có được các thứ lợi dưỡng như pháp đều không giữ riêng cho mình, tất cùng với các bậc trí, bậc đồng phạm hạnh cùng thọ dụng. Đối với chánh pháp đầu giữa sau đều thiện hiện có, đều tán dương phạm hạnh. Đó là Khế kinh, cho đến Luận nghị, đều có thể thọ trì, nghiên cứu, thấu đạt, trao truyền cho kẻ khác, rộng vì họ mà mở bày, phát huy. Vị ấy đã thành tựu các pháp thiện như thế, tất đạt được ba thứ lợi lạc thù thắng:

(1) Được chư Phật, đệ tử của chư Phật, bậc thiện nhân chân thật khen ngợi.

(2) Nếu vị ấy, tư lương về phước đức do giới luật và tài thí thâm dẫn, tư lương về trí tuệ do pháp thí thâm dẫn, đều khéo viên mãn, liền

được hưởng nhập trong chúng đồng phận của chư thiên thanh tịnh, chúng đắc xứ giải thoát.

(3) Nếu vị ấy, hai thứ tư lương kia đều chưa viên mãn, liền có thể khiến mau được viên mãn. Sau khi mạng chung nhất định sinh nơi nẻo thiện, phần nhiều là đến trong các thế giới an lạc nơi cõi trời.

Lại có sai biệt. Đó là như có một hữu tình, đối với Tỳ-nại-da của pháp do Phật chứng đắc, đạt được chánh tín, tin hành Thi la xấu ác sẽ bị đọa vào nẻo ác. Tin kẻ tham lam keo kiệt sẽ bị quả báo bần cùng. Tin như thế rồi, đối với giới Ác xan tham trong hiện pháp, sinh hổ thẹn sâu xa. Do hổ thẹn nên dứt bỏ giới ác, thọ giới thanh tịnh, dứt bỏ tham lam keo kiệt, do tâm không cấu nhiễm, ở yên nơi đời sống gia đình, nói rộng cho đến khéo hành bố thí. Do nhân duyên ấy, nên ở trong hiện pháp được các bậc Thánh Hiền khen ngợi. Sau khi qua đời, cho đến sẽ sinh vào nẻo thiện, trong thế giới an lạc trên cõi trời.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nêu ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm nơi tụng ấy đã hiển thị tóm lược về những lợi lạc thù thắng của hai thứ chánh hạnh và quả của chánh hạnh nơi hàng tại gia. Nên biết đó gọi là tóm lược về nghĩa ở đây.

Đa văn hay biết pháp

Đa văn hay xa Ác

Đa văn bỏ vô nghĩa

Đa văn đạt Niết-bàn.

Trong tụng này biện minh: Đó là như có một hữu tình, nương vào giáo pháp không điên đảo nơi các Luận về bố thí, Luận về trì giới, Luận về sinh thiên, thật nên làm từ trước, cung kính lắng nghe, nghe rồi bèn có thể nhận biết rõ về nghĩa lý. Đó là vô số hành ác trong hiện pháp và nhân khổ vô nghĩa của nẻo ác nơi vị lai. Nơi có các hành ác nên mau chóng xa lìa, cùng đi tới nẻo thiện, xả bỏ nhân khổ vô nghĩa sinh vào nẻo ác. Vị ấy do nhận biết rõ về nghĩa pháp,

pháp tùy pháp hành như thế nên có thể xa lìa nhân khổ, có thể dẫn đến nhân vui. Do nhân duyên này, nên được an lạc, bỏ khổ đau.

Hoặc ở nơi giáo pháp tương ưng với bốn Thánh đế tăng thượng, cung kính lắng nghe, nghe rồi bèn có thể nhận biết rõ về nghĩa lý. Đó là khổ lớn về sinh tử của tất cả hữu và Niết-bàn tịch tĩnh. Vị ấy do nhận biết rõ về nghĩa pháp như thế, nếu căn đã thành thực, tư lương đã đủ, liền có thể đạt được nghĩa như vậy. Tâm thức thanh tịnh nên vừa nghe pháp xong, đối với các Thánh đế chưa hiện quán, thì có thể nhập hiện quán. Đã hiện quán thì liền được dứt sạch hết các lậu. Nếu căn chưa thành thực, tư lương chưa viên mãn, tức do xa lìa các ác như thế, dựa vào giới tăng thượng khởi tâm tăng thượng, dựa nơi tâm tăng thượng phát sinh tuệ tăng thượng. Do đây nên có thể xả bỏ tất cả phiền não vô nghĩa của gốc khổ, chứng đắc Niết-bàn.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên, đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng ấy đã hiển bày tóm lược về trước lắng nghe chánh pháp là tư duy như lý, trước tư duy như lý là pháp tùy pháp hành. Pháp tùy pháp hành làm nhân trước nên đạt được quả lợi lạc thù thắng. Nên biết đó gọi là tóm lược về nghĩa ở đây.

*Bạc Trí như không, không ô nhiễm
Chẳng động, giống như cờ Thiên đế
Như bơi ao đầy nước trong mát
Không vui biển sinh tử bùn đọng.*

Nay trong tụng này biện minh về Bí-sô A-la-hán, tâm khéo giải thoát, vượt các hý luận, cũng như hư không. Vì sao? Ví như hư không, lìa mọi hý luận, tịnh và bất tịnh đều không thể cấu nhiễm. Các vị A-la-hán cũng lại như vậy. Hết thấy pháp thế gian hoặc thuận hoặc trái đều không thể cấu nhiễm, đó là lợi, suy cho đến khổ vui. Lại, các bậc hữu học đã lìa tham cõi dục, hướng tới A-la-hán, nơi bốn niệm trụ, tâm ấy khéo an trụ, lúc tu Tam-ma-địa tâm vô tướng,

như cờ của Thiên đế, đối với hết thầy tham ái hiện có, cùng hành với tâm mong muôn sống, phát động kiêu ngạo, hý luận, đều không thể khuyh động.

Lại, các bậc hữu học đã lìa tham cõi dục, đắc quả Bất hoàn, đối với giải thoát tăng thượng tâm sinh vui mừng. Ví như bơi tắm nơi ao suối trong mát. Ở trong chỗ bùn đọng nóng bức của các kiết thượng phần nơi ái vị định, trọn không thích thú. Do ở trong ấy không hề ham thích nên cũng không ham thích nơi biển lớn sinh tử.

Lại có sai biệt. Đó là các việc ăn uống, ngôn thuyết, chôn du hóa hiện có của các bậc A-la-hán, đều trụ nơi vô tướng, còn có khổ hữu dư y theo đuổi, như thứ lớp nơi ba xứ nên biết.

Lại có sai biệt. Đó là các A-la-hán tuệ giải thoát, bậc hữu học thân chứng và các A-la-hán câu giải thoát, theo như thứ lớp nơi ba xứ nên biết.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm nơi tụng ấy đã hiển bày tóm lược về việc lìa dục của ba cõi, đối với Thánh chi của Phật vẫn còn có phần chưa rốt ráo. Lìa tham của cõi dục thuộc về đạo Thắng tấn và quả Bất hoàn.

Lại có sai biệt: Đó là những hiển thị tóm lược về những lợi lạc thù thắng của trí tuệ, đẳng trì và giải thoát.

Lại có sai biệt: Đó là hiển bày về quả đạt được của tâm tuệ học tăng thượng, cùng hiển bày về hai học tâm tuệ tăng thượng.

*Nếu dùng sắc lờng Ta
Dùng âm thanh tìm Ta
Do tham dục nắm giữ
Tức không thể biết Ta.
Như biết rõ nơi trong
Bên ngoài không thể thấy*

Do quan sát quả trong
 Âm thanh kia dẫn dắt.
 Nếu ở trong không biết
 Bên ngoài có thể thấy
 Do quan sát quả ngoài
 Cũng âm thanh dẫn dắt.
 Nếu bên trong không biết
 Nơi ngoài không thể thấy
 Phàm phu kia ngăn khắp
 Cũng âm thanh dẫn dắt.
 Nếu bên trong biết rõ
 Ngoài cũng có thể thấy
 Tuệ xuất ly, anh hùng
 Không do âm thanh dẫn.

Tụng này nêu rõ: Đó là như có một hữu tình, Thế là phàm phu, chưa đoạn trừ dục tham do phân biệt hư vọng, xem thấy Đức Thế Tôn có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, bèn suy xét: Đức Bạc-già-phạm này nhất định là đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, pháp do Ngài thuyết giảng quyết định là vi diệu, nẻo hành của chúng đệ tử Ngài tất thiện. Hữu tình ấy về sau, gần gũi kẻ bất thiện, nghe pháp bất chánh, theo đuổi nơi Luận và âm thanh của kẻ khác, tin thuận nơi kẻ khác và bị họ thâm dẫn. Do bị kẻ khác dẫn dắt, nên đối với Phật Pháp Tăng trở lại sinh hủy báng. Như thế là đều do không nhận biết đúng như thật về Pháp thân của Như Lai nên mới dẫn đến tình trạng như vậy.

Lại có phàm phu, do quả của tinh lự nội là thiên nhãn thông, nên từ xa thấy Đức Thế Tôn, liền khởi lý giải như vậy: Đức Bạc-già-phạm này, nhất định là bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác... Phần còn lại như trước đã nói.

Lại có phàm phu, do nhục nhãn là quả báo của nghiệp hệ thuộc nơi dục giới bên ngoài, thấy như thế rồi xét lường. Nên biết kẻ ấy

cũng theo đuổi nơi Luận và âm thanh của kẻ khác, tin thuận nơi họ và bị họ thâm dẫn.

Lại có kẻ phàm phu, đối với chỗ thấy biết như thế đều không thể hiện có. Kẻ ấy bị ngăn che khắp, nơi thời gian dài bị âm thanh của kẻ khác thâm dẫn.

Nếu các bậc Hiền Thánh điều phục, đoạn trừ, vượt khỏi dục tham, chứng đắc Thánh tuệ nhãn. Vị ấy do Thánh tuệ nhãn như thế, nên bên trong hiểu rõ về pháp thân của Như Lai, tuy bên ngoài thấy sắc thân của Như Lai, hoặc thấy nơi bảo tháp, hoặc thấy hình vẽ, nhưng có thể nhận biết rõ chẳng phải là bậc Ứng Chánh Đẳng Giác đệ nhất nghĩa. Vị ấy, do nơi bên trong nhận biết đúng đắn, bên ngoài quán xét chân chánh, không theo luận thuyết cùng âm thanh của kẻ khác, không tin thuận nơi họ, không bị họ thâm dẫn, đối với Tam bảo quyết định tin tưởng, thọ nhận. Như thế là đều do nhận biết rõ đúng như thật về pháp thân Như Lai, nên mới đạt được như vậy.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này hiển bày tóm lược về việc: Nếu chỉ theo thế tục để thấy Như Lai thì không quyết định, không đúng đắn. Nếu theo thắng nghĩa để thấy Như Lai, đó là đúng đắn. Nên biết đây gọi là tóm lược nghĩa nơi phần này.

*Vua tăng thượng thứ sáu
Lúc nhiễm, nhiễm tự lấy
Nơi không nhiễm, chẳng nhiễm
Kẻ nhiễm gọi kẻ ngu.*

Nay trong tụng này:

Vua tăng thượng thứ sáu: Đó là tâm ý thức. Nếu có hữu tình đã vượt qua năm bực lưu, nhưng chưa qua khỏi bực lưu thứ sáu là ý. Bây giờ, tâm của kẻ ấy theo đuổi ái vị hiện có của các định, nên gọi là Lúc nhiễm.

Lại có hữu tình, đối với sự cấu nhiễm của đêm dài sinh tử, đã giữ lấy làm cái mình có, đối với pháp khả ái chấp giữ không bỏ. Vì thế kẻ ấy gọi là nhiễm tự giữ lấy. Tham gọi là nhiễm. Do nơi tham sinh ra khổ của đời vị lai, cũng gọi là nhiễm. Nếu nhiễm tự giữ lấy, ở nơi tâm bị nhiễm không theo công dụng, lại thâm nhận, ngăn dứt, tu tác ý đối trị ý, như thế, tâm của kẻ ấy, ở trong hiện pháp không có nhiễm ô. Đối với nhiễm tự giữ lấy của tâm không nhiễm ô, là nhân trong đời vị lai, nên các khổ kia cũng không có nhiễm. Nếu có hữu tình, đối với nhiễm tự giữ lấy ấy, tùy thuận tạo công dụng, nhưng không thâm nhận, cũng không ngăn dứt, không tu tác ý đối trị ý, nên dựa vào nhân khổ ấy, nơi đêm dài sinh tử thọ nhận khổ. Đối với nhân khổ này không thể xa lìa, nên gọi là Kẻ ngu.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã chỉ rõ tóm lược về lợi lạc thù thắng hiện có của việc xa lìa nhân khổ, cùng hiển bày nhân khổ có thể chiêu cảm lấy tự khổ, là tánh của kẻ ngu. Nên biết đó gọi là tóm lược về nghĩa ở đây.

*Có thành xương làm tường
Gân thịt được tô điểm
Trong ấy có tham sân
Mạn, phú cùng nhận giữ.*

Nay trong tụng này:

Gọi là thành: Đó là tâm ý thức. Thành này chỉ dùng xương thay cho gạch đá, gân thay cho dây chỉ, thịt thì tô vẽ trang sức, làm bức tường của hình hài bao bọc chung quanh. Trong thành này có sự nhận giữ của bốn thứ pháp ác, chống, hại pháp thiện hiện có của Tỳ-nại-da, thuộc pháp thuyết giảng thiện. Hai thứ thuộc những người thọ dục của hàng tại gia là tham, sân. Hai thứ thuộc về người xuất gia, trong Tỳ-nại-da của pháp thuyết giảng xấu ác là mạn, phú. Do chấp trước các dục, mong cầu các dục, nên cùng với các hành cấu uế

không trái lìa nhau. Đối với pháp và Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện hãy còn không tin nhận, hướng hồ là sẽ tu thiện. Dựa cậy vào pháp thuyết giảng xấu ác mà sinh khởi kiêu mạn, nên không thể tự nhiên hướng đến trụ xứ của Phật, Thế Tôn, hoặc các vị đệ tử. Nếu như Đức Phật, Thế Tôn hoặc đệ tử của Phật, do tâm thương xót, tự đi tới chỗ của kẻ kia, nhưng kẻ ấy do tùy phiền não phú (che lấp) trói buộc, làm nhiễm ô tâm, nên hãy còn không phát lộ đúng như thật lỗi lầm của mình, hướng hồ là có thể tin hiểu, tu tập pháp thiện. Như thế, nên biết, kẻ kia, đối với thành trì tâm của hai thứ pháp thiện tương ưng với pháp luật thuyết giảng thiện đều không thể vào, hướng hồ lại có thể giữ lấy điều mình có.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng ấy đã chỉ rõ tóm lược về hai chúng tại gia và xuất gia, do nhân duyên chung là bốn thứ tạp nhiễm, nên bị tổn hại về pháp luật thuyết giảng thiện. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

Như rùa dấu chi nơi mai mình

Bí-sô khéo thâm tâm tư ý

Không nương dựa không nào hại người

Chúng Bát Niết-bàn không hủy báng.

Tụng này biện minh: Đó là như có một Bí-sô, dựa vào tĩnh lực thứ nhất, xả bỏ ba tầm ác là tầm dục, tầm sân và tầm hại. Lại có thể dứt bỏ các tầm tư thiện của lĩnh vực tĩnh lực thứ nhất, an trụ trong định không tầm không tứ. Như rùa dấu chi nơi mai mình, thâm tóm tâm tư cũng lại như vậy.

Định không tầm không tứ: Nên biết trên đây, cho tới cõi Hữu đảnh, vị kia ở nơi định này, lúc chính thức an vị không sinh ái vị, xuất xong thành tựu pháp lạc khả ái, thuận hợp, nhu hòa, dễ có thể cùng trụ, không nào hại bậc đồng phạm hạnh có trí. Lại vì người trí đồng phạm hạnh vui vẻ cùng trụ. Cũng lại thành tựu pháp không chống

trái, tranh chấp. Vị ấy, do phương tiện chân chánh như thế, nên đối với các Thánh đế, có thể nhập hiện quán, cùng đạt được dứt hết lậu. Vị ấy, ở nơi các pháp, không do kẻ khác mà tin tưởng, đạt được trí kiến thiện tịnh thù thắng, nhận biết rõ như thật pháp đúng là pháp, Tỳ-nại-da đúng là Tỳ-nại-da. Do nhận biết như vậy, nên trọn không nương dựa vào các kiến điên đảo, ở nơi pháp hủy báng pháp, ở nơi phi pháp cũng hủy báng phi pháp. Chung cuộc không hiển thị phi pháp là pháp, pháp là phi pháp, phi Tỳ-nại-da là Tỳ-nại-da, hoặc Tỳ-nại-da là phi Tỳ-nại-da.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã chỉ rõ tóm lược về pháp khéo thuyết giảng có bốn thứ nhiều loạn đạo đối trị đoạn trừ. Những gì là bốn thứ nhiều loạn? Đó là:

- (1) Nhiều loạn của tâm tư nhiễm không nhiễm.
- (2) Nhiều loạn của ái vị đối với định thù thắng.
- (3) Nhiều loạn do cùng chống trái, tranh tụng.
- (4) Nhiều loạn do phi báng đối với chánh đạo.

Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

*Đồng, không đồng mà sinh
Mâu ni xả hành hữu
Trong vui định sai biệt
Như cùng bỏ noãn, sinh.*

Tụng này nêu rõ: Đó là Đức Phật thị hiện lúc trụ nơi bậc Bồ-tát với thân sau cùng, sắc thân vi diệu, trang nghiêm, viên mãn, với ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp kèm theo, đạt được từ trước, sinh ra. Về sau, lúc chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, sắc thân kia được sinh ra, cùng với trước là như nhau. Còn danh thân được sinh khởi do vô lậu thù thắng không giống nhau, nên so với trước là không đồng.

Lại, Phật thị hiện sự an lạc tịch tĩnh bên trong, cùng sự an lạc của vị Sa-môn làm chỗ nương dựa, nên đạt được định tự tại.

Như diệu lực của tâm định, xả bỏ các hành thọ mạng và các hành hữu, Đức Phật xả bỏ biên vực sinh tử, sắc thân vi diệu sinh ra so với trước là hoàn toàn đồng. Còn danh thân sinh ra, so với trước thì không đồng, nên có sai biệt.

Như nhờ nơi vỏ ấy trứng sinh, gà... dựa nơi trứng mà sinh. Tức ở đây sinh rồi thì dần dần tăng trưởng, chủng loại tương tự nên phá vỡ vỏ mà ra. Như vậy, đạo lý sai biệt nơi sắc thân, danh thân của Như Lai, nên biết cũng thế. Sai biệt ở đây, đó là Đức Phật Thế Tôn nếu không xả bỏ các hành thọ mạng, thì phải đủ thọ lượng mới Bát Niết-bàn. Do diệu lực của định giữ vững, xả bỏ hành thọ mạng, nên không đủ thọ lượng mà Bát Niết-bàn.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này, chỉ rõ tóm lược về sự xả bỏ hành thọ mạng nơi hai thứ sắc thân, danh thân có sai biệt. Cùng hiển bày việc xả bỏ nhân duyên của chỗ dựa. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

*Không các đục bùn đọng
Không các sân yêu quái
Không các si lưới giăng
Không các ái sông suối*

Tụng này biện minh: Đó là có bốn thứ pháp, có thể làm cho thế tục không tự tại. Thế gian hiện thấy, có thể khiến cho hữu tình không tự tại chuyển biến.

- (1) Bị chìm ngập nơi bùn đọng.
- (2) Bị yêu quái bám lấy.
- (3) Rơi vào lưới giăng.
- (4) Trôi nhanh nơi sông nước, chìm nổi theo dòng chảy.

Lại có bốn thứ pháp, có thể làm cho sự chân thật không tự tại, có thể khiến cho hữu tình không tự tại chuyển biến, nên biết cũng vậy. Những gì là bốn? Đó là như có một hữu tình sinh trưởng nơi cõi dục bị chìm ngập nơi bùn đọng của các dục bất tịnh, phát sinh mùi hôi hám, nên không thể tự tại dẫn phát, giữ gìn, tăng trưởng pháp thiện.

Lại như có một hữu tình dứt bỏ các dục, ở trong pháp luật thuyết giảng thiện, được xuất gia, tâm ôm giữ phần nộ, tánh nhiều lời ác. Do giận dữ buộc chặt nên không được tự tại, không nói tới Học xứ, phát sinh trái vượt. Ở nơi các bậc trí, đồng phạm hạnh hay dùng lời thô ác khích bác, chê trách, xua đuổi, hủy nhục, nã hại.

Lại như có một hữu tình dứt bỏ các dục, ở trong pháp luật thuyết giảng ái được xuất gia, nhập vào lưới kiến chấp si ám lớn của các ma. Kẻ ấy đã nhập rồi nên lưu chuyển nơi sinh tử không được tự tại.

Lại như có một hữu tình sinh trưởng nơi các địa lìa dục thượng phần, đối với các kiết ái chưa có thể đoạn trừ vĩnh viễn, cũng chưa nhận biết khắp, nên không được tự tại, trở lại sinh vào cõi dưới, thuận theo dòng chảy sinh tử mà trụ, khó có thể xuất ly.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm nơi tưng ấy đã hiển thị tóm lược về sự trói buộc của kẻ ngu nơi các phẩm, các cõi.

Lại có sai biệt. Đó là như có một hữu tình bị chìm ngập trong vũng bùn đọng của dục, nên đối với pháp luật thuyết giảng thiện không thể tự tại để xuất gia thanh tịnh.

Lại như có một hữu tình, vì tánh giận dữ, bị giận dữ che lấp, sân phần buộc tâm, đối với tự thân hãy còn hoặc hại hoặc tổn, hướng chi là đối với kẻ khác.

Lại như có một hữu tình, hành theo các thứ ác kiến tà kiến thuộc phẩm si, cho là không có cha mẹ, hủy báng cha mẹ, ở nơi cha mẹ hầu như không có kính dưỡng, hướng hồ là tự mình có thể làm.

Lại như có một hữu tình, tích tập rộng các dục, trôi nổi theo tham ái, không được tự tại, hãy còn không muốn tự thọ dụng, hưởng chi là có thể cấp cho kẻ khác.

Bốn pháp như vậy, nên biết là có thể gây chướng ngại cho các bậc thông tuệ. Bốn pháp nên biết của các bậc ấy, đó là ở trong pháp luật thuyết giảng thiện xuất gia thanh tịnh, xa lìa sân hận, kính dưỡng cha mẹ và vui thích hành tuệ thí.

*Hư không không dấu chim
Ngoại đạo không Sa-môn
Kẻ ngu ưa hý luận
Như Lai không như thế.*

Tụng này biện minh: Đó là có chúng sinh vui thích mong cầu dục thù thắng, thuộc về cầu dục. Lại có chúng sinh vui thích mong cầu sự giải thoát hiện có của Sa-môn và Bà-la-môn, thuộc về cầu phạm hạnh. Ở đây, thuộc về cầu dục, cầu hữu: Đó là mình do bố thí chút ít, trì giới chút ít, sẽ được sinh vào nẻo thiện trong thế giới an lạc nơi thiên thượng, dùng năm thứ dục thù diệu thọ dụng, vui chơi hoan lạc. Kẻ ấy đã tu tập mong cầu như thế rồi, được dục tối thắng và thân tối thắng. Ví như các loài chim bay lượn nơi hư không, hiện bày khắp hư không, chẳng có nơi chón dừng chân. Như thế, chúng sinh ở trong thân phận và các dục vô thường đã đạt được đều không an trụ, nên biết cũng vậy.

Nếu vui thích sự giải thoát hiện có của Sa-môn và Bà-la-môn, thuộc về cầu phạm hạnh, lại có hai loại: Hoặc là dựa nơi pháp thuyết giảng thiện, hoặc là dựa nơi pháp thuyết giảng ác. Dựa nơi các nhóm ngoại đạo thuộc pháp thuyết giảng ác, đều không có Sa-môn. Dựa nơi chỗ thâm nhận của người cầu phạm hạnh tà vạy thuộc pháp thuyết giảng thiện cũng không có Sa-môn. Dựa vào chỗ thâm nhận của người cầu phạm hạnh chân chính mới có được Sa-môn.

Lại, hết thấy đều thuộc về ba môn này: Hoặc môn cầu dục. Hoặc môn cầu hữu. Hoặc môn cầu phạm hạnh. Như thế đều gọi là vui thích chấp trước hý luận. Nên biết Đức Như Lai đã dứt bỏ tất cả sự mong cầu vốn có nên không hý luận. Tức do nghĩa này nên nhận biết các chúng đệ tử của Đức Như Lai, thuộc về những người cầu phạm hạnh chân chính, cũng không có hý luận.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nêu ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi đây đã chỉ rõ tóm lược về người siêng năng tinh tấn, nếu lìa pháp và Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, thì đều là rỗng không, vô ích. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa trong phần này.

*Trụ hý luận đều không
Vượt tường hào lìa ái
Mâu-ni đến thế gian
Trời người không thể biết.*

Tụng này nêu rõ: Đó là Bí-sô A-la-hán, vĩnh viễn lìa tham ái. Do bốn thứ tướng, nên đối với các ma ác oán địch, là chủ nhân của tất cả kẻ ngu bị hệ thuộc, đã được giải thoát tự tại, tùy ý du hành đến nơi xóm làng vắng vẻ. Có các kẻ ngu trông thấy các vị A-la-hán chân thật như thế, ở nơi cứu cánh tột bậc tự tại du hóa, họ không nhận biết như thật, liền ở nơi hai xứ vọng sinh khinh chê.

Vì sao thiện nam này dứt bỏ tài sản châu báu nuôi sống thân mạng thuộc về mình, để lại mong cầu các vật dụng nuôi sống thuộc về kẻ khác? Do đâu xả bỏ phương tiện cầu sinh Thiên, để siêng năng khổ nhọc, tinh tấn cầu đoạn diệt hữu? Do những người ngu này thấy sinh lên cõi trời có công đức thù thắng, thấy nơi đời sống gia đình có nhiều tài sản nên đối với Mâu-ni vọng sinh khinh khi, lơ là. Kẻ kia thờ phụng trời, đối với công đức rộng lớn của Mâu-ni ấy, hãy còn không thể biết rõ, huống hồ đối với người hay phụng thờ, lại có thể nhận biết.

Thế nào là các A-la-hán xa lìa tham ái, do bốn thứ tướng, nên đối với các ma ác oán địch, là chủ nhân của tất cả kẻ ngu bị hệ thuộc, đã được giải thoát tự tại? Đó là các kẻ ngu, do bốn thức trụ, bị chủ ma oán sai khiến, khiến qua lại nơi năm nẻo trong sinh tử, chẳng phải là A-la-hán. Lại, các kẻ ngu như do tội lỗi nặng nên bị chủ ma oán sai khiến. Đó là các thứ ác kiến, hoặc tăng thêm hoặc lại tổn giảm, phát khởi vô số pháp ác bất thiện như cầm giữ đao, gậy v.v... Rơi vào các loại hý luận, sinh nơi các nẻo ác, khiến gây tạo đủ thứ duyên của nghiệp ác, chẳng phải là A-la-hán.

Lại, các kẻ ngu, như do tội lỗi vừa, nên bị chủ ma oán sai sử, khiến ở trong tường thành trói buộc của dục ái không thể xuất ly khỏi sinh khổ của dục giới, chẳng phải là A-la-hán.

Lại, các kẻ ngu, như do tội lỗi nhẹ, nên bị chủ ma oán sai sử, khiến sinh nơi cõi sắc, vô sắc, hào sâu vô minh vây bọc chung quanh, giam nhốt tại lao ngục đầy các thứ khổ sinh tử, nên đối với các khổ như sinh v.v... không được xuất ly, chẳng phải là A-la-hán.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã hiển bày về tất cả kẻ ngu: Hồ thẹn điều không nên hổ thẹn, điều nên hổ thẹn thì không hổ thẹn. Đối với điều không nên sợ hãi thì sinh kiến chấp sợ hãi. Ở trong chỗ nên sợ hãi thì sinh kiến chấp không sợ hãi. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

*Nếu có huân trừ các tâm tư
Nơi nội, lìa phân biệt không sót
Vượt qua các sắc tướng ngăn trở
Bốn ách dứt trừ không sinh đến.*

Tụng này biện minh: Đó là như có một hữu tình đã vào bậc hữu học, chưa lìa dục của cõi dục, dựa vào tĩnh lự thứ nhất, huân tu dứt trừ các tâm tư ác của dục giới. Dựa vào tĩnh tự thứ hai, bên trong

thầy đều thanh tịnh, tâm tánh một cõi, các phân biệt hiện có nơi địa tĩnh lự thứ nhất đều hoàn toàn xa lìa hẳn, không còn phân biệt trở lại. Dựa vào tĩnh lự thứ ba, vượt qua chỗ ngăn ngại của các hỷ nơi lãnh vực của tĩnh lự thứ hai. Dựa vào tĩnh lự thứ tư, vượt qua chỗ ngăn ngại của các lạc nơi lãnh vực thuộc tĩnh lự thứ ba. Dựa vào định vô sắc, vượt qua các tướng sắc hiện có. Như vậy lần lượt nhân dựa nơi các định, cho đến cõi Hữu đẳng, hoặc định hoặc sinh, dứt trừ bốn ách. Những gì là bốn ách? Tức: (1) Dứt trừ ách tâm tư nhiễm ô. (2) Dứt trừ ách tâm tư không nhiễm ô. (3) Dứt trừ ách trói buộc hỷ lạc. (4) Dứt trừ ách tất cả sắc tướng. Do nhân duyên này, nên đối với các cảnh giới dưới, không còn sinh đến. Nên biết hàng phàm phu, tuy đến cõi Hữu đẳng, hoặc định hoặc sinh, vẫn bị bốn ách trói buộc, nên đối với các cõi dưới, còn trở lại thọ sinh.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã chỉ rõ tóm lược về chỗ sai biệt của hai loại hữu học, phàm phu, đi đến biên vực của Hữu. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

*Tuệ thì khiến phước tăng
Ngăn lỗi, diệt oán hại
Tu thiện, bỏ cái ác
Hoặc hết, đạt Niết-bàn.*

Tụng này nêu rõ: Đó là như có một hữu tình, đối với pháp luật do Phật chứng đắc đạt được chánh tín, tuy sống ở gia đình nhưng tâm xa lìa mọi trói buộc của cấu uế xan tham, dựa nơi sự của nghiệp phước thọ trì bảy loại. Do nhân duyên này nên hoặc hành hoặc trụ, nói rộng như nơi kinh, cho đến sinh trưởng phước đức như vậy.

Hoặc lại có hữu tình, có thể ở trong pháp luật thuyết giảng thiện xuất gia thanh tịnh. Đã xuất gia rồi thì có đầy đủ sức nhẫn, vì hộ trì Thi la, tuy gặp phải kẻ khác mạ lỵ, chê trách, não hại. Hoặc dùng tay chân, gạch ngói, đao gậy đánh đập, gây tổn thương. Vì ấy, vì sợ giới

luật bị hủy hoại, sẽ gây chướng ngại, nên tâm không nghĩ ác, không phát ra lời ác, chỉ duyên nơi cảnh đó để đẩy khởi tâm Từ cùng hành hiện bày đầy khắp hết thấy các phương mà trụ. Do nhân duyên này, nên ở trong hiện pháp, tự tha nối tiếp, mọi oán hại vốn có thấy đều dứt trừ, sẽ sinh trong thế giới an lạc không sầu não, không có nhiều oán địch, được đời vui thích, ngưỡng mộ, được mọi người vui thích thấy gặp. Như thế là khéo tu tập chánh phương tiện rồi, dựa vào giới tăng thượng khởi tâm tăng thượng, dựa nơi tâm tăng thượng phát sinh tuệ tăng thượng, sẽ ở nơi Thánh đế, lúc nhập hiện quán, tức có thể vĩnh viễn xả bỏ nẻo hướng tới nghiệp tạo cõi ác và các cõi ác. Lại tu tập đạo do trước đã đạt được, nên dần dần dứt trừ hẳn các thứ kiết vốn có, ở trong cảnh giới Niết-bàn vô dư y, lại Bát Niết-bàn.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã chỉ rõ tóm lược về bốn thứ chánh hành của người đạt được tin tưởng thanh tịnh. Tức:

- (1) Hành chiêu cảm tài sản giàu có.
- (2) Hành chiêu cảm nẻo thiện.
- (3) Hành tu tập thanh tịnh, lia khổ của nẻo ác.
- (4) Hành tu tập thanh tịnh, lia tất cả khổ.

Nên biết đó là tóm lược về nghĩa ở đây.

*Các điều ác chớ làm
Phụng hành các điều thiện
Tự điều phục tâm ý
Là Thánh giáo chư Phật.*

Tụng này nêu rõ: Đó là như có một hữu tình, đối với pháp luật do Phật chứng đắc đạt được chánh tín, đối với hết thấy chủng loại, hết thấy nhân duyên, hết thấy xứ sở của hành ác hiện có đều có thể đoạn trừ. Ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện có thể khéo thọ học luật nghi Thi la. Vị ấy do ba tướng phụng hành các thiện, tức

khéo trụ nơi Thi la, giữ gìn luật nghi biệt giải thoát thanh tịnh, cho đến thọ học các học xứ hiện có. Dựa nơi giới học tăng thượng, phát sinh tâm học tăng thượng. Dựa vào tâm học tăng thượng, phát khởi tuệ học tăng thượng. Vì ấy do đây, nên ở nơi cảnh giới của đối tượng nhận thức đều thấy biết như thật. Hành đầy đủ các pháp thiện như vậy rồi, lại do ba tướng để điều phục tự tâm. Đó là nhận biết như thật, nên có thể đẩy khởi nhàm chán khổ họa. Do nhàm chán khổ họa nên có thể đạt lìa nhiễm. Do lìa nhiễm nên có thể đạt giải thoát.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã chỉ rõ tóm lược về quả của ba học, hiển bày về Thánh giáo của mình, không cùng chung với kẻ khác. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

*Khó điều phục hấp tấp
Đắm chìm nơi các dục
Khéo điều phục tâm ý
Tâm an dẫn an lạc.*

Tụng này biện minh: Đó là nêu rõ về tâm hoặc ý, hoặc thức, ở trong đên dài sinh tử yêu thích nơi chốn tạp loạn, nên đối với nơi chốn tạp loạn khó có thể xa lìa, khó có thể điều phục. Tuy ở trong các pháp thiện, gắng sức an trụ, tu tập không gián đoạn, nhưng không hoàn toàn có thể an trụ, lìa bỏ tham sân si, cũng không hoàn toàn có thể an trụ trong nỗ lực đạt đến tịch tĩnh không dao động, nhưng lại mau chóng sinh khởi trở lại các thứ trạo cử và không tịch tĩnh thấp kém có tham có sân có si. Tuy gắng sức ở yên nơi chốn tĩnh lặng bên trong, nhưng do nơi đên dài sinh tử vốn yêu thích sắc thanh hương vị xúc, nên đối với cảnh của năm dục cứ dong ruổi, chìm đắm. Các Thánh đệ tử, đối với việc ưa thích chấp trước các thứ tạp nhiễm như thế, hay sinh tâm khổ, trọn không phóng túng khiến chúng tự tại chuyển biến. Cũng không tùy thuận mà thường xuyên xét chọn, để thành tựu đầy đủ sự xa lìa, hằng tu tập pháp thiện, tâm tánh một cảnh.

Vị ấy, do tâm chánh định như thế, nên có thể nhận biết như thật. Do nhận biết như thật nên có thể đẩy khởi sự nhàm chán họa khổ, nhân đấy nên có thể được lìa nhiễm. Do lìa nhiễm nên có thể đạt giải thoát. Vị ấy đã khéo điều phục tâm như thế, dứt hết nhân khổ, nên ở trong hiện pháp, được trụ nơi an lạc, các khổ của vị lai cũng được vĩnh viễn dứt hết.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã chỉ rõ tóm lược về khả năng không tùy thuận nơi tâm của đạo tà vạy, lưu chuyển nơi đêm dài sinh tử, cùng không thuận theo những lợi dưỡng trội bật đạt được do tâm của đạo bất chánh kia. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

*Nơi tướng tâm khéo biết
Hay dùng vị xa lìa
Tĩnh lự luôn thuận niệm
Thọ hỷ lạc không nhiễm.*

Tụng này biện minh: Đó là như có một bậc hữu học kiến tích, có thể khéo nhận biết rõ về tướng hành động xả bỏ cử chỉ. Do nhân duyên này nên đạt được bốn thứ công đức. Đó là: Tâm trụ nơi một duyên, xa lìa mọi thô trọng, hay khéo thọ dụng sự an lạc của thân tâm. Đó là công đức thứ nhất.

Lại do định tịnh, tâm hoàn toàn tu tập. Như chỗ tu tập, nên có thể suy xét đúng đắn về đạo lý của các pháp, đạt được pháp quán nội. Đó là công đức thứ hai.

Vị ấy, do chỉ quán thanh tịnh như vậy là chỗ nương dựa, nên ở chỗ tu tập pháp phần Bồ-đề, tinh tấn dũng mãnh không gián đoạn hay luôn tu tập, hay thuận tu tập, không biếng nhác, không nản chí. Đó là công đức thứ ba.

Vị ấy, do tâm không biếng trễ, nản chí như thế, nên đạt được chánh niệm chánh tri bậc nhất, tâm khéo giải thoát, lại có thể thọ

dụng sự hỷ lạc của giải thoát, cùng sự an lạc không nhiễm. Ở trong hiện pháp được trụ nơi an lạc. Đó là công đức thứ tư.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này, đã chỉ rõ tóm lược về bốn thứ công đức thiện xảo nơi tướng. Tức là:

- (1) Đối tượng tạo tác của pháp Xa-ma-tha (Chi).
- (2) Đối tượng tạo tác của pháp Tỳ-bát-xá-na (Quán).
- (3) Chỗ tạo tác không biếng trễ, nản chí.
- (4) Chỗ tạo tác đạt đến cứu cánh.

Nên biết đó là tóm lược về nghĩa ở đây.

*Không nghề nuôi sống tự khinh mình
Các căn vui, hơn, đều giải thoát
Không nhà, không chốn, không mong cầu
Chân Bí-sô đoạn dục, độc hành.*

Tụng này nêu rõ: Đó là thành tựu năm chi, vĩnh viễn đoạn trừ năm chi, nên biết được gọi là Bí-sô chân thật. Những gì là năm?

Tức là không nương tựa vào phương tiện giả dối, pháp sinh sống tà vạy, cũng không dựa cậy vào các nhà có thế lực, cũng không tu trị theo các vọng tộc danh tiếng, cũng chẳng dối trá thọ nhận lời thuyết giảng của chư Phật và các Thánh đệ tử, cũng như nương dựa vào xứ sở công xảo, mong cầu phi pháp về y phục, thức ăn uống. Đó gọi là chi thứ nhất.

Lại nữa, giảm bớt các thứ đồ đạc, vật dụng, khéo xả bỏ tài sản, châu báu, áo đủ che thân, ăn vừa đủ no bụng, vui vẻ biết đủ, phạm chỗ du hành tất mang đủ y bát. Đó là chi thứ hai.

Lại mến mộ bậc Sa-môn, yêu thích Sa-môn, mến mộ Học xứ, yêu thích Học xứ. Nơi nhân duyên nguy nan đến tính mạng hãy còn

không trái vượt giới cấm đã học, hưởng hồ là nhân duyên của lợi dưỡng nhỏ. Đó là chi thứ ba.

Lại, vị ấy tu tập phương tiện chân chánh như thế, thọ mạng thanh tịnh vui vẻ biết đủ, yêu thích Học xứ, đối với các Thánh để chưa hiện quán liền có thể nhập hiện quán, đạt được tri kiến thanh tịnh. Hoặc khi thất niệm, tạm thời phát sinh tâm ác bất thiện, dẫn khởi tham dục, sân hận, ngu si, trì hoãn, quên niệm, lại mau chóng trừ dứt. Đó là chi thứ tư.

Lại, vị ấy tu tập đạo như trước đã đạt được, nên đối với các kiết phược, tất cả tùy miên, tùy phiền não triền, tâm được giải thoát. Đó là chi thứ năm.

Như vậy gọi là thành tựu năm chi.

Thế nào gọi là vĩnh viễn đoạn trừ năm chi? Đó là Bí-sô A-la-hán, đối với năm xứ sở không thể vi phạm trở lại. Tức không thể xả bỏ Học xứ, mà lại thoái chuyển. Lại không thể có chỗ tích chứa, cho là mình có mà thọ dụng, cũng không thọ dụng cảnh giới các dục. Lại không thể vì tài sản, vì mạng sống nhận biết mà nói dối. Lại không thể xả bỏ hành không cho mà lấy của các dục, cũng lại không thể vĩnh viễn lìa tham dục, riêng trụ, riêng hành, mà lại quen gần với pháp phi phạm hạnh. Hoặc suy tính tự mình làm, chiêu cảm lấy khổ vui. Hoặc suy tính về kẻ khác làm. Hoặc tự mình và kẻ khác làm. Hoặc chẳng phải tự mình làm, cũng chẳng phải kẻ khác làm. Không do từ nhân sinh mà chiêu cảm lấy khổ vui. Như thế gọi là vĩnh viễn đoạn trừ năm chi.

*Tâm hành xa, hành riêng
Không thân ngủ nơi hang
Hay điều phục việc khó
Ta nói Bà-la-môn.*

Nay trong Tụng này:

Gọi là tâm: Tức cũng gọi là ý, cũng gọi là thức.

Tâm ấy tất cả kẻ ngu, đối với quá khứ, với vô lượng sai biệt, tự thể lần lượt, và nhân nơi lần lượt, tuy không có tác giả mà sinh tử lưu chuyển, đời trước không biết, nên gọi là hành xa.

Tâm ấy ở nơi hiện tại, mỗi mỗi mà chuyển. Do tâm của bạn thứ hai xa lìa, tức tất cả loại tâm không chuyển tức thì, nên gọi là hành riêng. Lại, tâm ấy nơi hiện tại, tùy theo tự thể của mình, hiện tiền trước tiên. Hoặc do tánh tham, hoặc do tánh sân, hoặc do tánh si, hoặc do tánh của mỗi mỗi phiền não, tùy phiền não còn lại, tức tự thể ấy không thể chuyển biến rốt ráo. Như năm sắc căn, hoặc đồng hoặc khác, hoặc kém hoặc hơn, tùy theo tự thể ấy mà khởi hiện tiền trước tiên, tức tự thể ấy chuyển biến rốt ráo. Tâm không như thế. Vì sao? Vì tâm trải qua các vị lập-phược, sát-na, ngày đêm kia v.v... chẳng phải một mà rất nhiều, vô số phẩm loại. Sinh khác lúc sinh, diệt khác lúc diệt. Do thể nhiễm ô, tự tánh của tâm không thành thật nên gọi là không thân. Tâm ấy, nơi đời vị lai, ở tại nơi trụ của bốn thức mà có tùy miên, có thể nơi đời sau có nghĩa đi đến, nên gọi là ngủ trong hang. Nếu có thông tuệ, do nơi bốn tướng này, tâm có thể đối với đời quá khứ hiện tại vị lai nhận biết rõ như thật, tu tập chán lìa, diệt trừ và tâm giải thoát. Vị ấy có thể vượt qua các thân, đến nơi bờ kia, an trụ nơi đất liền, gọi là Bà-la-môn.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này, chỉ rõ tóm lược về tâm, nơi quá khứ, trong thời gian dài bị nhiễm ô, tánh không tác giả. Đời hiện tại tánh là Sát-na, tự tánh thanh tịnh. Nơi đời vị lai, do có phóng dật không phóng dật, tức có ô nhiễm, thanh tịnh. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

Ai hay che thế gian
 Gì hay khiến không hiển
 Gì lại hay cầu niễm
 Gì là sợ hãi lớn?
 Vô minh che thế gian
 Phóng dật khiến không hiển
 Hý luận hay cầu niễm
 Khổ là nỗi sợ lớn.
 Các dòng chón chón lậu
 Lậu ấy ai hay ngăn
 Nên nói gì phòng giữ
 Các dòng gì chặn được?
 Những dòng lậu thế gian
 Lậu ấy niễm hay ngăn
 Ta nói: Hay phòng giữ
 Do tuệ nên chặn được.
 Niễm, tuệ cùng danh sắc
 Nay hỏi tất cả ấy
 Nếu các thức diệt hẳn
 Kính mong vì con nói.
 Niễm, tuệ cùng danh sắc
 Ta nói tất cả ấy
 Nếu các thức diệt hẳn
 Nơi đây hoàn toàn diệt.
 Vì sao niễm hiện có
 Các thức sẽ diệt hẳn
 Nay xin thuận phương tiện
 Giải thích khiến không nghi.
 Nơi các thọ trong ngoài
 Đều không sinh vui mừng

*Nẻo hành niệm như thế
 Các thức sẽ diệt hẳn.
 Nếu các pháp thuyết thiện
 Cùng hữu học khác loại
 Kia thường hay thuận tới
 Xin Đại Tiên giảng nói.
 Không tham đắm các dục
 Tâm ấy không đục nhiễm
 Nơi các pháp khéo niệm
 Bí-sô ấy hay đến.*

Đây là trong Ba-la-diên, nhân nơi kệ tụng thưa hỏi của A-thị-đa:

Nói thế gian: Lược có ba loại: (1) Thế gian Dục. (2) Thế gian Sắc. (3) Thế gian Vô sắc.

Nay trong nghĩa này, ý biện biệt về hai thứ thế gian xuất gia và tại gia. Thế gian xuất gia lại có hai loại: Pháp thuyết giảng ác và pháp thuyết giảng thiện.

Pháp thuyết giảng ác: Là vô minh che phủ.

Pháp thuyết giảng thiện: Là do có minh nên có thể hiển bày rõ. Do phóng dật nên khiến không hiển bày rõ.

Nên các chúng tại gia khác loại với bạch y thì bị các hý luận cấu nhiễm. Nên biết hý luận lược có ba thứ: Đó là ba thứ ngôn sự gọi là hý luận. Đối với bốn thứ ngôn thuyết, có sự tuyên thuyết, đàm luận cũng gọi là hý luận. Có thể phát hiện tâm tứ hiện có của ngôn ngữ cũng gọi là hý luận. Nếu ở nơi ba thứ ngôn sự quá khứ hiện tại vị lai, dựa vào bốn ngôn thuyết phát khởi tư duy phân biệt khác loại hoặc trái, hoặc thuận, đó gọi là cấu nhiễm, hoặc hý luận trước, hoặc cấu nhiễm sau. Các chúng tại gia phần nhiều có thể đạt được, do đó gọi là bị các hý luận cấu nhiễm.

Ở đây, pháp thuyết giảng ác là vô minh che phủ. Pháp thuyết giảng thiện là phóng dật không hiển bày. Các chúng tại gia là hý luận cấu nhiễm. Những hữu tình ấy, ở nơi nhân khổ của hiện pháp lúc chuyển biến, đối với nhân khổ ấy không thể nhận biết đúng như thật là nhân khổ, lại yêu thích mà trụ. Do nhân duyên này nên sinh khổ của vị lai, tức nói khổ ấy là nỗi sợ hãi lớn.

Lại, pháp thuyết giảng ác, do cửa vô minh, từ sáu xứ lưu xuất, rỉ chảy ra các khổ. Các chúng tại gia, do cửa hý luận, từ sáu xứ lưu xuất, rỉ chảy ra các khổ. Pháp thuyết giảng thiện, do cửa phóng dật, từ sáu xứ lưu xuất, rỉ chảy ra các khổ. Như thế, các cửa vô minh, phóng dật, hý luận lưu xuất các lậu.

Do nghe âm thanh của kẻ khác, bên trong tác ý đúng đắn, ở nơi các hành nhận biết rõ về lỗi lầm, tai họa, niệm tương ưng ấy ngược dòng mà chuyển, nên có thể ngăn chặn, phương tiện như thế gọi là đối trị điều phục.

Nếu các tuệ vô lậu thuộc về chánh kiến xuất thế gian, ở nơi ba thứ dòng lậu đều có thể ngăn, lập, phương tiện như thế gọi là đối trị đoạn trừ. Đối với dòng lậu ấy, hoặc điều phục hoặc đoạn hẳn. Hai thứ đối trị kia đều có thể đoạn trừ, nên cùng gọi là phòng giữ.

Lại, pháp thuyết giảng ác cùng với chúng tại gia, hoàn toàn rơi vào phẩm nhiễm ô thâm tóm. Còn như trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, hai thứ có thể đạt được. Những kẻ phóng dật thì rơi vào phẩm tạp nhiễm, thuộc về loại không hiển bày rõ. Người không phóng dật thì ở nơi phẩm thanh tịnh, thuộc về loại hiển bày rõ ràng. Lại, hoặc đã hiển bày rõ, hoặc nên hiển bày rõ, nên biết hai loại ấy đều là không phóng dật. Các bậc A-la-hán tức đã hiển bày rõ, nên đối với không phóng dật, không cần tạo thêm sự việc không phóng dật. Nơi bốn niệm trụ hoặc niệm hoặc tuệ đều đã khéo tu tập, đã khéo chứng đắc thức thanh tịnh, nên chỉ có quyết định. Ở trong cảnh giới

Niết-bàn vô dư y, thức khéo thanh tịnh sẽ vĩnh viễn diệt, nên hoặc niệm hoặc tuệ cũng theo đây mà vĩnh viễn dứt bật. Hết thấy danh sắc thuộc về phần còn lại, do nghiệp trước đã dẫn dắt, cũng theo đây mà diệt hết. Cho đến pháp kia chưa vĩnh viễn diệt trở lại, đối với sáu hằng trụ luôn khéo an trụ. Đối với các thọ bên trong hiện có của địa lìa dục, cùng thọ bên ngoài tương ưng với các dục, không sinh vui mừng, như vậy gọi là các bậc A-la-hán chánh niệm hiện hành, cho đến thọ mạng hết, thức mới vĩnh viễn diệt.

Nếu là các bậc hữu học thì đây là nên hiển bày rõ, đối với việc không phóng dật cần phải tu tập thêm việc không phóng dật. Các vị ấy lại có hai loại: Ở nơi không phóng dật và sự việc không phóng dật. Đó là điều thường làm, đều thực nên làm nơi hữu học khác loại. Nếu các bậc hữu học, tối đa là bảy lần trở lại cõi sinh tử, hoặc lại là Gia gia, quả Nhất lai..., cùng ở nơi hiện pháp có thể gắng nhận biết Bát Niết-bàn, đối với các kiết hạ phần và thượng phần, tâm không nhiễm ô, vì để đoạn trừ chúng nên tu tập đối trị.

Lại, nơi các dục không tham đắm, nên các kiết hạ phần không thể nhiễm ô. Tâm không dục loạn, nên các kiết thượng phần không thể nhiễm ô.

Lại, ở trong tất cả pháp hữu khổ đều nhận biết như thật về tập, cho đến xuất ly, nơi bốn niệm trụ, tâm ấy khéo an trụ, tu tập Thánh đạo như trước đã đạt được, nên có thể hướng tới cứu cánh.

Tu tập đạo đối trị như thế, nên các vị ấy ở trong tất cả không phóng dật, các việc không phóng dật nên làm đều đạt được cứu cánh.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã chỉ rõ tóm lược về các chúng tại gia và những người xuất gia nơi pháp ngoài, quyết định là tạp nhiễm. Lại hiển bày những người xuất gia ở trong pháp luật thuyết giảng thiện, nếu hành phóng dật tức rơi vào phẩm nhiễm ô. Nếu không phóng

dật thì trụ nơi phẩm thanh tịnh. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

*Nơi các dục mong cầu
 Hoặc chỗ mong quả đạt
 Được rồi, tâm vui vẻ
 Yêu giữ cho đến chết.
 Các chúng sinh ưa dục
 Nếu các dục thoái thất
 Sắc diện liền biến hoại
 Như trúng phải tên độc.
 Nếu xa lìa các dục
 Giống như đầu rắn độc
 Kia nơi thế gian ái
 Chánh niệm hay vượt qua.
 Ruộng đất cùng vàng bạc
 Bò ngựa, vòng ngọc, xuyên
 Nữ hầu thêm các dục
 Là vật người ham thích.
 Vin duyên chìm thấp kém
 Biến hoại sinh các lậu
 Từ đây tập các khổ
 Như thuyền vỡ nước tràn.
 Nếu dứt hẳn các dục
 Như chặt ngọn Đa la
 Trừ bỏ các sầu lo
 Như giọt nước hoa sen.*

Đây là tụng dựa vào các dục trong phẩm Nghĩa.

Đó là như có một hữu tình mong cầu các dục vốn có của vị lai, vì nhằm đạt được nên phát khởi phương tiện siêng năng, được rồi thì hiện tiền tham đắm thọ dụng. Mong cầu như vậy và chính thức thọ

dụng các dục đạt được, do nhân duyên ấy, sinh hỷ lạc, như thế gọi chung là ái vị các dục.

Lại, kẻ ấy mong cầu và đang thọ dụng các dục hiện có, nơi việc thọ dụng các sự việc đạt được ấy, nếu lúc thoái thất thì theo chúng mà luyến tiếc, bám víu nơi ái vị. Mũi tên ái đã găm vào tâm như trúng tên độc nên nhận lấy ưu khổ lớn, hoặc dẫn đến tuyệt mạng. Như thế gọi là lỗi lầm, tai họa của các dục.

Lại nữa, rắn độc ví như cảnh giới của các dục. Đầu rắn ví như ái vị hiện có trong các dục. Nếu các kẻ ngu ái vị nơi các dục, tham đắm thọ dụng, giống như bị nọc độc của rắn cắn.

Nếu có các Thánh đệ tử đa văn, xa lìa ái vị hiện có của các dục như đầu rắn độc, trọn không ái nhiễm mà thọ dụng, nói rộng cho đến không sinh tham vương, các vị ấy đối với những tham ái hiện có của các sắc, cho đến đối với những tham ái hiện có của xúc, đều có thể điều phục, đoạn dứt, vượt qua. Như thế gọi là xuất ly các dục. Lại, tự tánh của các dục lược có hai thứ: (1) Dục sự. (2) Dục phiền não.

Dục sự có hai: (1) Lúa thóc, là chỗ dựa của dục kia. Đó là công việc ruộng nương. (2) Tài sản là chỗ dựa của dục kia. Đó là các thứ vàng bạc... Vì sao? Vì các kẻ cầu lúa thóc tất cầu các sự việc ruộng nương. Những người cầu tài sản tất cầu các thứ bạc vàng ...

Cầu vàng bạc v.v... lại có hai loại: (1) Thờ vua. (2) Buôn bán.

Cầu thóc lúa, cầu ruộng đất, phương tiện cần có là trâu bò. Cầu tài sản, phụng sự vua, phương tiện cần có là ngựa.

Phương tiện hiện có để cầu tìm tài sản bằng buôn bán, hoặc những vật cùng tương ưng với vàng bạc..., đó là các thứ châu báu. Những vật không tương ưng, khác loại với vàng bạc, đó là vòng ngọc, xuyên... Đây là nêu lên những thứ tối thắng. Nếu là sự việc nói năng của mua bán nên biết cũng như vậy. Tích chứa các thứ tài sản,

lúa thóc như thế rồi, tiếp theo là những trợ bạn hiện có để thọ dụng, vui chơi, đó là các thứ nữ sắc. Nếu chưa tích chứa, thâm góp, giữ gìn và những trợ bạn hiện có trong lộ tức, đó là các hàng tôi tớ giúp việc. Tài sản thóc lúa được tích chứa rất nhiều như thế, tức ở nơi chốn đó, vui thích, tham đắm không bỏ. Tất cả các thứ ấy đều gọi là dục sự.

Dục phiền não: Đó là đối với dục sự theo đuổi, yêu thích về vị ngọt. Dựa vào sự tham đắm, thức phát sinh vô số tham muốn do phân biệt hư vọng. Lại ở nơi dục sự, do dục phiền não nên khiến tâm chìm đắm thành tánh thấp kém. Nếu dục sự kia biến hoại, tan mất, liền sinh khởi các lậu, với sầu tham buồn lo và vô số khổ não vây buộc nơi tâm. Kể kia, như thế là ở trong hiện pháp bị các lậu che lấp, không có đối trị, cũng như thuyền bị vỡ nước tràn vào dần dần đầy ngập, chiêu tập vô số khổ não như sinh lão bệnh ... ở vị lai. Nếu đối với các dục đã được xuất ly, nên có thể dứt hẳn ái vị thuận theo dục, phát khởi các thức nhiễm ô tham chấp, cũng như chặt đứt hẳn đầu cây Đa la, thì cây ấy không sinh trưởng trở lại.

Lại, dục sự kia là đáng yêu đáng thích, cho đến rất vừa ý, nếu lúc biến hoại thì ở nơi thức thanh tịnh, hết thấy khổ não như các thứ ưu sầu... đều không thể trụ, giống như cánh của hoa sen, giọt nước không thể bám được.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã chỉ rõ tóm lược về tự tánh của ba thứ ái vị, lỗi lầm tai họa và xuất ly của các dục. Lại hiển bày ái vị có thể tạo nên lỗi lầm tai họa và công đức hiện có của nẻo xuất ly các dục. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa ở đây.

*Quá khứ không luyến tiếc
Vị lai không mong cầu
Trong các pháp hiện tại
Xứ xứ quan sát khắp*

*Bậc trí được tăng trưởng
Không đoạt cũng không động.*

Đây là tụng nêu việc tạo nên hiền thiện.

Đó là như có một hữu tình, đối với pháp Tỳ-nại-da do Phật chứng đắc đạt được sự tin tưởng thanh tịnh. Do tâm tin tịnh nên dứt bỏ đời sống gia đình, hướng đến cuộc sống không gia đình, vì năm thứ tướng, tu hành phạm hạnh, khiến hoàn toàn thanh tịnh. Tức là: Có thể lia bỏ các hành của đời sống gia đình không hề lưu luyến, cũng không duyên theo điều ấy, tâm sinh nhớ tiếc. Đó gọi là tướng thứ nhất.

Lại, đối với các thứ lợi dưỡng, cung kính nơi hiện pháp, chùng loại các hành vốn có của vị lai, đều không sinh mong cầu. Cũng không nguyện cầu các hành hiện có của hàng trời, người nơi đương lai mà tu hành phạm hạnh. Đó là tướng thứ hai.

Lại, đối với các pháp như sắc... thuộc năm thủ uẩn nơi hiện tại và sự an lập chúng, đều có thể quan sát đúng đắn.

Lại, đối với các hành ác của thân cùng quả báo ác nơi hiện pháp và ở đời vị lai, đó là ta ở nơi thân không nên phát khởi các hành ác hiện có, nói rộng như kinh, cho đến nên đoạn trừ các hành ác của thân, tu tập hành thiện nơi thân. Các hành thiện nơi ngũ ý, nên biết cũng như vậy.

Lại, đối với các uẩn như sắc... đều có thể tùy thuận quan sát, nơi các đời quá khứ hiện tại vị lai, đều là vô thường. Vô thường nên khổ. Khổ nên vô ngã. Do vô ngã nên đối với hết thảy các uẩn không chấp giữ ngã sở, cho đến đối với chúng không chấp là ngã. Như thế là tuệ quan sát đúng đắn như thật. Đó là tướng thứ ba.

Lại, dựa nơi pháp Tỳ-bát-xá-na thứ nhất, các căn thành thực, hai thứ tư lương là phước đức và trí tuệ, nơi đời vị lai đều không đạt

tăng trưởng, không bị các loại như vua quan... có thể cướp đoạt. Đó là tướng thứ tư.

Lại dựa vào pháp Tỳ-bát-xá-na thứ hai, đối với công đức của Niết-bàn trong hiện pháp, đều có thể khéo tăng trưởng, chẳng phải là các phiền não và tùy phiền não có thể khuynh động. Đó là tướng thứ năm.

Do năm tướng này, nên tu hành phạm hạnh đều khiến hoàn toàn thanh tịnh. Nếu dựa vào các tướng như thế, dù chỉ một ngày một đêm, cũng là hiền thiện, hiền thiện bậc nhất. Nên biết là vượt qua tất cả phạm hạnh hiện có của phần còn lại ấy.

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là Đức Bạc-già-phạm, nơi tụng này đã chỉ rõ tóm lược, là ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, tu tập phạm hạnh, thì đối với tất cả tướng đều hoàn toàn thanh tịnh, không chung với kẻ khác. Nên biết đó là tóm lược về nghĩa nơi phần này.

Tụng viết:

*Thuyết ác, tham truyền sợ
Loại cùng ao truyền tham
Tạo khó nhọc được nghĩa
Mười bốn thứ luận nghị.*

Như vậy là đã nói về Địa do Tư tạo thành.

HẾT - QUYỂN 19

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 20

Địa thứ 12: ĐỊA DO TU TẠO THÀNH (Phần Bản Địa)

Thế nào là Địa do Tu tạo thành? Đó là lược do bốn xứ, nên biết là thấu tóm toàn bộ Địa do Tu tạo thành. Những gì là bốn xứ?

1. *Xứ sở tu tập.*
2. *Nhân duyên tu tập.*
3. *Tu tập Du Già.*
4. *Quả tu tập.*

Bốn xứ như vậy thuộc về bảy chi. Những gì là bảy chi?

1. *Sinh viên mãn.*
2. *Nghe chánh pháp viên mãn.*
3. *Niết-bàn là thượng thủ.*
4. *Có thể làm thành thực sự thành thực của tuệ giải thoát.*
5. *Tu tập đối trị.*
6. *Tất cả chủng loại thanh tịnh của thế gian.*
7. *Tất cả chủng loại thanh tịnh của xuất thế gian.*

Như bốn xứ thuộc về bảy chi này, nên biết là nói rộng về toàn bộ nghĩa lý của Thánh giáo. Dựa nơi pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, tất cả Học xứ đều được viên mãn.

1. Thế nào là Sinh viên mãn? Nên biết lược có mười loại. Đó là dựa vào bên trong có năm, dựa nơi bên ngoài có năm, dựa chung cả trong ngoài, hợp có mười loại.

Thế nào là dựa vào bên trong có năm loại trong sinh viên mãn?
Đó là:

- (1) Chúng đồng phạm viên mãn.
- (2) Xứ sở viên mãn.
- (3) Nương dựa viên mãn.
- (4) Không có nghiệp chướng viên mãn.
- (5) Tin hiểu không chướng ngại viên mãn.

Chúng đồng phạm viên mãn: Đó là như có một hữu tình, sinh trong cõi người, đạt được thân tượng phu, nam căn thành tựu.

Xứ sở viên mãn: Đó là như có một hữu tình, sinh tại nhân gian, lại ở vùng giữa nước, không sinh nơi biên địa. Nghĩa là nơi xứ ấy có bốn chúng hành hóa là Bí-sô, Bí-sô-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ. Không sinh vào chốn biên địa, hạ tiện, tức ở nơi chốn ấy không có bốn chúng hành hóa, cũng không có các bậc Hiền Thánh, tức các vị tượng phu hiền thiện, có đủ chánh chí chánh hạnh.

Nương dựa viên mãn: Đó là như có một hữu tình, sinh ở vùng giữa nước, các căn đều đầy đủ, tánh không ngu độn, cũng không cam ngọng, có thể hiểu rõ về nghĩa của pháp thuyết giảng thiện thuyết giảng ác hiện có.

Không có nghiệp chướng viên mãn: Đó là như có một hữu tình, do nương dựa viên mãn, nên tùy theo một nghiệp chướng của năm nghiệp vô gián, không tự tạo tác, không chỉ dạy kẻ khác tạo tác. Nếu có tạo tác điều ấy thì ở trong hiện thân tất không chứng đắc pháp khí của Hiền Thánh.

Tin hiểu không chướng ngại viên mãn: Tức như có một hữu tình, tất không gây tạo năm nghiệp vô gián, không ở nơi xứ ác mà sinh tin hiểu, không ở nơi xứ ác phát tâm thanh tịnh. Đó là đối với vô số nơi chốn của ngoại đạo. Do vị ấy trước đã sinh nơi Thánh giáo của Phật với pháp thuyết giảng thiện, tu tập tịnh tín, nối tiếp trong thời gian dài, vì nhân duyên đó, nên trong đời hiện tại chỉ ở nơi Thánh xứ phát sinh tin hiểu, khởi tâm thanh tịnh.

Thế nào là trong sinh viên mãn, dựa nơi bên ngoài có năm loại? Đó là:

- (1) Đại sư viên mãn.
- (2) Chánh pháp nêu đặt của thế tục viên mãn.
- (3) Chánh pháp của thắng nghĩa tùy chuyển viên mãn.
- (4) Chánh hạnh không diệt viên mãn.
- (5) Tùy thuận tư duyên viên mãn.

Đại sư viên mãn: Tức hữu tình kia có đủ năm thứ sinh viên mãn bên trong rồi, lại được gặp bậc đại sư xuất hiện ở đời. Tức là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Là bậc thấy biết tất cả, đối với hết thảy cảnh giới đều đạt không chướng ngại.

Chánh pháp nêu đặt của thế tục viên mãn: Tức hữu tình kia gặp Phật ra đời, lại mở bày, chỉ rõ rộng về pháp thiện bất thiện, có tội không tội, nói rộng cho đến các pháp duyên sinh cùng phân biệt rộng. Đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tụng thuyết, Duyên khởi, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy pháp và Luận nghị.

Chánh pháp của thắng nghĩa tùy chuyển viên mãn: Đó là bậc Đại sư đã khéo vì các hữu tình mở bày chỉ rõ về chánh pháp thế gian rồi, các chúng đệ tử nương nơi chánh pháp ấy, lại được người khác vì họ nêu giảng về giáo giới giáo thọ tùy thuận, tu tập ba mươi bảy

pháp phần Bồ-đề, chứng đắc quả Sa-môn, ở nơi quả Sa-môn chứng đắc viên mãn. Lại có thể chứng đắc công đức rộng lớn, lần lượt tăng trưởng thẳng thượng.

Chánh hạnh không diệt viên mãn: Đó là Đức Phật Thế Tôn, tuy đã Bát Niết-bàn, nhưng chánh pháp thế tục vẫn trụ, chưa diệt, chánh pháp thẳng nghĩa chưa ản, chưa đoạn.

Tùy thuận tư duyên viên mãn: Đó là nhân duyên của bốn thứ thọ dụng chánh pháp, khiến hiện tiền thọ dụng chánh pháp. Các vị trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn có chánh tín, nhận biết hành giả kia thọ dụng chánh pháp, nên e sợ vị ấy thiếu duyên về của cải vật dụng, mà sự thọ dụng chánh pháp bị thoái thất, do đó đã ân cần dâng cúng vô số y phục, thức ăn uống, các đồ ngồi nằm, các thứ thuốc men chữa bệnh ...

Mười loại như thế gọi là Sinh viên mãn dựa nơi trong ngoài. Tức mười thứ sinh viên mãn ấy, gọi là xứ sở tu Du già.

Do vì dùng chỗ dựa, chỗ kiến lập này làm nơi nương dựa, nên chứng đắc Thánh pháp hiện có của các chúng đệ tử Như Lai. Thánh pháp như vậy lược có hai loại: (1) Pháp hữu học. (2) Pháp vô học.

Nay trong nghĩa này, ý giữ lấy Thánh pháp vô học hiện có, đó là chánh trí vô học. Vì sao? Vì do các bậc hữu học tuy có Thánh pháp, nhưng trong sự tương tục, có những phiền não không phải Thánh theo đuổi, hiện có thể đạt được. Như vậy, chi thứ nhất là Sinh viên mãn, quảng diễn nghĩa lý của Thánh giáo có mười loại ấy. Ngoài đấy ra thì không còn có Sinh viên mãn nào khác, hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

2. Thế nào là Nghe chánh pháp viên mãn? Đó là hoặc thuyết pháp chân chánh, hoặc nghe pháp chân chánh, hai thứ gọi chung là Nghe chánh pháp viên mãn.

Lại, thuyết pháp chân chánh, lược có hai loại: Đó là tùy thuận và không nhiễm ô, nói rộng nên biết là có hai mươi loại, như nơi Địa Bồ-tát sẽ nói.

Lại, nghe pháp chân chánh lược có bốn thứ: (1) Xa lìa kiêu ngạo. (2) Xa lìa khinh miệt. (3) Xa lìa khiếp nhược. (4) Xa lìa tán loạn. Xa lìa bốn thứ lỗi lầm như vậy mà nghe pháp, gọi là nghe pháp chân chánh. Nên biết nói rộng có mười sáu loại, cũng sẽ nói trong Địa Bồ-tát.

3. Thế nào là Niết-bàn là thượng thủ? Đó là đệ tử của Như Lai, dựa nơi Sinh viên mãn lúc chuyển biến, tương như trước đã nói, mà lắng nghe chánh pháp, chỉ lấy Niết-bàn là đứng đầu, chỉ cầu Niết-bàn, chỉ duyên nơi Niết-bàn để lắng nghe pháp, không vì dẫn dắt kẻ khác khiến tin nơi mình, không vì lợi dưỡng, sự cung kính, khen ngợi.

Lại duyên nơi Niết-bàn để nghe pháp: Có mười pháp chuyển, Niết-bàn là đứng đầu. Đó là nương dựa nơi cảnh giới Niết-bàn hữu dư y và cảnh giới Niết-bàn vô dư y. Nên biết, nương dựa nơi cảnh giới Niết-bàn hữu như y có chín pháp chuyển, Niết-bàn là đứng đầu. Nương dựa nơi cảnh giới Niết-bàn vô dư y có một pháp chuyển, Niết-bàn là đầu. Đó là dùng tuệ do văn tạo thành làm nhân, ở nơi đạo, đạo quả Niết-bàn dấy khởi ba thứ tin hiểu: Một là Tin tánh thật có. Hai là Tin có công đức. Ba là Tin mình có thể đạt được phương tiện an lạc.

Sinh tin hiểu như thế rồi, vì muốn thành tựu đầy đủ trí do tu tạo thành, nên thân tâm xa lìa chốn ồn ào mà trụ. Xa lìa các tầm tư ác ngăn che. Nương dựa nơi ấy nên liền có thể hướng nhập nơi trí do tu tạo thành, khéo quyết định nghĩa. Nương dựa vào đây nên lại có thể hướng nhập nơi hai thứ phương tiện tu tập cần trọng không gián đoạn. Do thứ lớp ấy, cho đến chứng đắc trí do tu tạo thành. Nương dựa vào đây thấy rõ lỗi lầm của sinh tử, nên phát khởi thắng giải,

thấy rõ công đức của Niết-bàn, nên phát khởi thắng giải. Do thường xuyên tu tập, nên nhập hiện quán đế, trước tiên đạt được giải thoát hữu học kiến đạo rồi, được kiến tích, nơi quả tu đạo trên, do luôn tu tập, nên lại chứng đắc giải thoát vô học. Do chứng quả ấy nên giải thoát viên mãn, tức giải thoát viên mãn này gọi là cảnh giới Niết-bàn hữu dư y. Niết-bàn ấy được xem là đứng đầu, khiến chín pháp trước theo thứ lớp tu tập mà được viên mãn, tức nên biết giải thoát viên mãn này, dùng cảnh giới Niết-bàn vô dư y dẫn đầu. Như thế, Niết-bàn là đứng đầu để lắng nghe chánh pháp, nên biết là đạt được năm thứ lợi lạc thù thắng. Những gì là năm? Đó là:

Lúc lắng nghe chánh pháp tạo lợi ích cho mình, người. Lúc tu tập chánh hạnh tạo lợi ích cho mình, người cùng có thể chứng đắc biên vực của các khổ. Nếu vị pháp sư vì nghĩa lý này mà tuyên thuyết chánh pháp, thì người nghe pháp, tức dùng ý ấy để lãnh hội chánh pháp, do đó, lúc này gọi là tạo lợi ích cho người. Lại dùng tâm thiện để lắng nghe chánh pháp, nên có thể nhận lãnh thượng vị thâm diệu nơi nghĩa lý của pháp được nêu giảng, nhân đây chứng đắc sự hoan hỷ rộng lớn, lại có thể dẫn phát căn thiện của nẻo xuất ly. Vì thế, lúc này có thể tự tạo lợi ích cho chính mình. Nếu có bậc đạo sư tu tập chân chánh pháp tùy pháp hành, vì muốn kiến lập chánh pháp, nên theo phương tiện thị hiện thành Chánh Đẳng Giác. Làm sao khiến cho kẻ kia tu hành chân chánh chuyển khởi? Nên vị ấy lúc tu tập pháp hành chân chánh, tức là theo như pháp cúng dường bậc Đại sư, vì thế gọi đây là tạo lợi ích cho người, nhân nơi chánh hành đó nên có thể đạt được sự tĩnh lặng trong mát, chỉ có nơi cảnh giới Niết-bàn hữu dư y, do vậy, gọi đây là tự đem lại lợi lạc. Nếu lúc ở trong cảnh giới Niết-bàn vô dư y mà Bát Niết-bàn, gọi là chứng đắc biên vực tận cùng của các khổ. Đó gọi là lấy Niết-bàn làm thượng thủ, với những lợi lạc thù thắng do lắng nghe chánh pháp đạt được. Như thế gọi là “Niết-bàn thượng thủ” theo nghĩa được quảng diễn hiện có. Trừ đây ra thì không còn có gì hoặc vượt qua hoặc tăng thêm.

4. Thế nào là Có thể làm thành thực sự thành thực của tuệ giải thoát? Đó là: Chi Tỳ-bát-xá-na thành thực, nên cũng gọi là tuệ thành thực. Chi Xa-ma-tha thành thực, nên cũng gọi là tuệ thành thực. Vì sao? Vì tuệ trong tâm định đối với cảnh của đối tượng nhận thức đã chuyển khởi thanh tịnh.

Lại, chi Tỳ-bát-xá-na, trước tiên tắt dùng thiện tri thức làm chỗ nương dựa, còn chi Xa-ma-tha làm chỗ thâm nhận của giới viên mãn.

Lại, dựa vào chỗ thâm nhận của thiện tri thức, nên ở trong tánh chân thật nơi cảnh của đối tượng nhận thức, có sự nhận biết rõ về dục. Dựa vào chỗ thâm nhận của giới viên mãn, ở trong Thi la tăng thượng hủy phạm tịnh giới, hiện hành phi pháp, phá hoại phép tắc, nếu các bậc có trí đồng phạm hạnh, do thấy, nghe, nghi, hoặc nêu tội, hoặc khiến nhớ nghĩ, hoặc khiến tùy học, vào bấy giờ, vị hủy phạm kia có thể gắng nhận chịu sự luận bàn quả trách.

Lại, dựa nơi đối tượng nhận thức, nhận biết chân thật về dục, nên yêu thích lắng nghe. Dựa vào sự vui thích nghe nên liền phát khởi thưa hỏi. Nương vào sự thưa hỏi, nên được nghe nghĩa lý của pháp thâm diệu, xưa nay chưa nghe. Do thường xuyên lắng nghe không gián đoạn, nên đối với pháp nghĩa ấy chuyển khởi đạt được sáng tỏ, thanh tịnh. Lại có thể dứt trừ các nghi hoặc đã sinh từ trước. Do tuệ giác chuyển khởi sáng tỏ, thanh tịnh như thế, nên đối với các sự việc hưng thịnh hiện có của thế gian, có thể thấy được những lỗi lầm tai họa, khiến thâm tâm chán lìa. Do thâm tâm chán lìa khéo tác ý như thế, nên vị ấy, đối với hết thảy sự việc hưng thịnh của thế gian không sinh vui thích mong cầu. Vị ấy, do đối với các nẻo sinh tăng thượng của thế gian, tâm không mong cầu, vì muốn đoạn trừ pháp của các nẻo ác, nên tâm sinh mong cầu chân chánh. Lại vì tu tập pháp thiện hiện có để có thể đối trị chúng, nên tu tập tất cả pháp thiện hiện có để có thể đối trị phiền não. Vì nhằm chứng đắc quả của sự đối trị ấy, cũng là tự tâm đạt được thanh tịnh, nên tâm sinh mong cầu chân

chánh. Như thế là mười thứ pháp có thể làm thành thực sự thành thực của tuệ giải thoát, như trước đã nêu, dần dần có thể khiến đạt giải thoát viên mãn.

Lại, tùy theo thứ lớp, đã nói về ba chi: Đó là Nghe chánh pháp viên mãn, Niết-bàn là thượng thủ, Có thể làm thành thực sự thành thực của tuệ giải thoát. Ba chi như thế là đã quảng diễn về nghĩa lý của Thánh giáo, tức là mười loại, trừ chúng ra thì không còn có gì vượt qua, hoặc tăng thêm.

Lại, ba chi này nên biết tức là nhân duyên của tu Du già. Vì sao? Vì do dựa vào thứ lớp nơi nhân duyên ấy để tu tập Du già thì mới có thể thành tựu viên mãn, tức là nương nơi ba chi đã nêu trên.

5. Thế nào là Tu tập đối trị? Nên biết lược nêu trong ba vị có mười thứ pháp là đối tượng đối trị của tu tập Du già. Thế nào là ba vị? Tức:

- (1) Vị tại gia.
- (2) Vị xuất gia.
- (3) Vị xa lìa nhàn cư tu Du già.

Những gì là mười thứ pháp là chỗ đối trị của tu tập Du già? Đó là trong vị tại gia, đối với thế thiếp có dâm dục tương ưng với tham. Đối với các thân thuộc khác và các thứ của cải, châu báu, có thọ dụng tương ưng với ái. Như thế gọi là pháp ở vị tại gia cần được đối trị. Do chướng ngại ấy, nên đối với tất cả loại không thể xuất ly. Nếu được xuất gia, do chỗ quấy động của tâm tư ấy làm chướng ngại nên không sinh vui thích. Hai thứ pháp cần được đối trị như thế, theo thứ tự ấy, tu tập tương bất tịnh, tương vô thường, nên biết là vị ấy đã tu tập đối trị.

Lại, người xuất gia, ở trong vị xuất gia, lược có bốn thứ việc làm luôn luôn hành trì:

(1) Việc làm luôn theo phương tiện tu tập pháp thiện. Tức là Ta đối với các pháp thường theo phương tiện tu tập, lấy đó làm chỗ dựa, nên có thể điều phục được tất cả tâm thức ưa thích thuận theo ái vị. Lại có thể nhận rõ như thật về tánh khổ.

(2) Việc làm yêu thích tin hiểu về Niết-bàn không hý luận, tâm không thoái chuyển, không sinh sầu lo, như: Ta, Ta hiện nay đang ở nơi chốn nào?

(3) Việc làm ở trong mọi lúc đi đến xóm làng để khát thực. Đó là Ta lấy việc khát thực thọ dụng làm nhân, để thân được an trụ lâu, có sức lực thích hợp, luôn có thể theo phương tiện tu tập các pháp thiện.

(4) Việc làm khi an trụ ở nơi chốn xa lìa. Đó là nếu yêu thích cùng với các chúng tại gia và xuất gia cư trú lẫn lộn, tức phát sinh các sự việc tán loạn, vô số việc thấy nghe thọ dụng tương ưng với thế gian, như: Ta chớ nên đối với sự việc kia quan sát kỹ lưỡng đúng đắn. Tâm vị một cảnh sẽ tạo chướng ngại.

Ở trong bốn thứ việc làm đó, nên biết có bốn pháp cần được đối trị. Tức nơi việc làm thứ nhất có sự trở nãi biếng nhác. Đối với việc làm thứ hai, có kiến chấp về thân. Ở nơi việc làm thứ ba có tham muốn ái vị. Đối với việc làm thứ tư có vô số tham ái lạc dục của thế gian. Như thế, bốn thứ pháp cần được đối trị ấy, theo như thứ lớp, cũng có bốn thứ tu tập đối trị:

- (1) Ở nơi vô thường, tu tập tưởng khổ.
- (2) Đối với các khổ tu tập tưởng vô ngã.
- (3) Đối với việc ăn uống tu tập tưởng chán nghịch.
- (4) Đối với hết thấy thế gian, tu tập tưởng không thể an lạc.

Lại, ở trong vị xa lìa nhàn cư, theo phương tiện tác ý, nên biết lược có bốn thứ cần được đối trị. Những gì là bốn? Đó là:

- (1) Đối với phẩm Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, có tâm ám muội.

(2) Đối với các định có tâm thuận theo ái vị.

(3) Đối với sinh có tâm thuận theo tướng động.

(4) Suy tìm về những ngày sau, trông đợi thời gian khác, thuận theo tầm bắt tử, nên không thể siêng năng tốt bậc tu tập phương tiện.

Bốn thứ pháp cần được đối trị như thế, nên biết cũng có bốn thứ tu tập đối trị:

(1) Tu tập tưởng ánh sáng.

(2) Tu tập tưởng lia dục.

(3) Tu tập tưởng diệt.

(4) Tu tập tưởng chết.

Lại, tướng bất tịnh lược có hai thứ: Một là: Lược xét chọn thâm tóm. Hai là: Lược tu tập thâm tóm.

Lược xét chọn thâm tóm trong tướng bất tịnh, nên biết có năm pháp cần được đối trị. Những gì là năm pháp? Đó là:

(1) Gần gũi nơi quê hương làng xóm.

(2) Chỗ ở hiển bày mất chánh niệm.

(3) Chỗ ở phóng dật.

(4) Ở chung cả ân, hiển, do sức tu tập xuyên suốt.

(5) Tuy siêng năng theo phương tiện tu tập bất tịnh nhưng tác ý lầm loạn. Đó là không quán bất tịnh mà theo tướng tịnh chuyển khởi. Như thế gọi là tác ý lầm loạn.

Lược tu tập thâm tóm trong tướng bất tịnh, nên biết có bảy pháp là chỗ cần được đối trị. Những gì gọi là bảy pháp? Đó là:

(1) Tánh tán loạn nơi tâm của việc vốn định làm.

(2) Tánh hướng đến tác dụng của việc vốn được làm.

(3) Tánh không thiện xảo của tác ý phương tiện.

(4) Do không cung kính, ân cần thưa hỏi, lại do không thể giữ gìn căn môn, nên tuy ở nơi chốn vắng vẻ, vẫn có vô số tầm tư nhiễu ô nhiễm loạn tâm ý.

(5) Lại, đối với việc ăn uống không biết định lượng, nên thân không điều hòa, thích hợp.

(6) Lại do bị tầm tư nhiễu loạn, nên không vui thích hạnh xa lìa, nội tâm tịch tĩnh theo định, chỉ.

(7) Lại đo thân ấy không điều hợp, nên không thể khéo tu tập Tỳ-bát-xá-na, không thể quan sát đúng như thật về các pháp. Như thế, tất cả pháp cần được đối trị, nên biết nói tổng quát là một môn có mười hai, một môn có mười bốn.

Lại, pháp của đối tượng được đối trị như thế, thì chủ thể đối trị là pháp Bạch cũng lại có từng ấy.

Ở trong việc tu tập hai thứ tướng bất tịnh. Nên biết có nhiều việc cần được làm.

Lại, đối với vô thường tu tập tướng khổ, lược có sáu thứ pháp cần được đối trị. Nhưng gì là sáu pháp? Đây là:

(1) Đối với pháp thiện chưa sinh, phải nên sinh trước tiên, nhưng có lười trễ.

(2) Đối với pháp thiện đã sinh cần an trụ, không quên tu tập viên mãn hơn nữa khiến tăng trưởng rộng, nhưng lại có biếng nhác.

(3) Ở trong việc cung kính bậc sư trưởng, tới lui thưa hỏi, không thường liên tục.

(4) Đối với việc luôn tu tập pháp thiện, thường tùy theo thầy chuyển khởi, xa lìa tin tưởng thanh tịnh.

(5) Do xa lìa tin tưởng thanh tịnh, nên không thể tu tập thường xuyên.

(6) Ở bên trong phóng dật. Do phóng dật, nên ở trong việc thường tu tập các pháp thiện, không luôn thuận chuyển.

Sáu thứ pháp cần được đối trị như thế, lại có sáu pháp có thể làm công việc đối trị, có nhiều việc cần được thực hiện, nên biết về tướng của chúng là trái ngược với sáu thứ trên.

Lại, tướng ánh sáng, duyên nơi nhiều ánh sáng dùng làm cảnh giới như trong Địa Tam-ma-hý-đa đã nêu. Nay, nơi nghĩa này, ý biện minh là duyên nơi ánh sáng pháp, dùng làm cảnh giới để tu tập tướng ánh sáng. Đó là như chỗ dựa được nghe rồi, chứng đắc rốt ráo pháp nhớ nghĩ không quên, gọi là ánh sáng pháp. Cùng với ánh sáng ấy cũng hiện hành, tương tương ưng với đây nên biết gọi là tướng ánh sáng. Vì sao? Vì chân thật có thể khiến cho tâm ám muội. Đó là lúc theo phương tiện tu tập phẩm Chỉ, Quán, ở trong các pháp lại có quên chánh niệm. Trái với đây, nên biết tức là ánh sáng.

Lại, tuệ do tư tạo thành và tuệ do tu tạo thành thuộc đệ nhất nghĩa cùng hiện hành với tướng ánh sáng, có mười một pháp là chỗ cần được đối trị. Những gì là mười một pháp? Đó là tuệ do tư tạo thành cùng hiện hành với tướng ánh sáng có bốn pháp. Tuệ do tu tạo thành cùng hiện hành với tướng ánh sáng có bảy pháp, hợp lại thành mười một pháp. Bốn pháp nơi tuệ do tư tạo thành cùng hiện hành với tướng ánh sáng là:

(1) Không khéo quan sát, không khéo quyết định, nên nơi đối tượng tư duy có nghi theo đuổi.

(2) Về ban đêm thường trể nãi, biếng nhác, quen ham ngủ nghỉ nên thời gian luống qua, uổng phí.

(3) Về ban ngày quen gần với các thứ ăn uống, tà ác, nên thân không điều hòa, nên không tùy thuận quán xét đúng đắn về các pháp.

(4) Cùng với chúng xuất gia, tại gia sinh hoạt hỗn tạp. Nơi việc thuận theo pháp được nghe, đạt đến cứu cánh không thể tác ý tư duy như lý.

Do có nghi theo đuổi như thế nên gây chướng ngại cho việc có thể dứt trừ nhân duyên của nghi. Nên bốn thứ pháp này là chỗ cần được đối trị của tuệ do tư tạo thành kết hợp với tướng ánh sáng, vì đã khiến cho hoặc trí hoặc kiến do tư tạo thành không được thanh tịnh.

Những gì là bảy pháp cần được đối trị của tuệ do tư tạo thành kết hợp với tướng ánh sáng? Đó là:

(1) Tu tập dựa nơi tướng hoạt động, tinh tấn dừng mãi hết mục, là pháp cần được đối trị.

(2) Tu tập dựa nơi tướng dừng trụ, tinh tấn quá yếu kém, là pháp cần được đối trị.

(3) Tu tập dựa nơi tướng xả, tham đắm nơi vị ngọt của định cùng với ái đồng hiện hành, nên có vui mừng.

(4) Đối với Bát Niết-bàn tâm mang nỗi sợ hãi, cùng với giận dữ kết hợp khiến tâm khiếm nhược, là hai pháp cần được đối trị.

(5) Tức dựa vào tác ý phương tiện như thế, đối với pháp siêng năng, tinh tấn luận bàn, quyết trạch. Đối với môn phá, lập, sinh khởi nhiều ngôn thuyết nối tiếp không buông bỏ. Điều ấy đối với lúc tịch tĩnh, chánh tư duy có thể gây chướng ngại.

(6) Ở trong các trần sắc thanh hương vị xúc, không như chánh lý chấp giữ các tướng tốt, không tầm tư chân chánh, khiến tâm tán loạn.

(7) Ở chốn không nên tư duy, đã cưỡng ép thân giữ tâm để xét chọn các pháp.

Bảy thứ pháp như thế là những pháp cần được đối trị của tuệ do tư tạo thành kết hợp với tướng ánh sáng, có thể gây chướng lớn cho

sự kết hợp kia, khiến cho hoặc trí hoặc kiến do tu tạo thành không chuyên khởi thanh tịnh.

Pháp của đối tượng được đối trị này lại có mười một. Trái ngược với chúng là pháp của chủ thể đối trị, có thể đoạn trừ mười một pháp kia, nên biết cũng khiến cho hoặc trí hoặc kiến do tu, tu tạo thành đều chuyên khởi thanh tịnh.

Lại, tu tập các tướng theo phương tiện chân chánh, có thể đoạn trừ các pháp dục cần được đối trị.

Lại, ở trong pháp hiện hành cần được đối trị, tâm không nhiễm chấp nên mau khiến được đoạn dứt.

Lại, pháp có thể an trụ nhiều, có thể đối trị, nên gọi là nhiều việc cần làm. Như thế gọi là tu tập đối trị.

Tu tập đối trị ấy nên biết tức là tu tập Du già.

Chi thứ năm là tu tập đối trị này, đã quảng diễn nghĩa lý của Thánh giáo, nên biết chỉ có mười tướng như vậy. Trừ chúng ra thì không có gì hoặc vượt qua, hoặc tăng thêm.

6. Thế nào là tất cả chủng loại thanh tịnh của thế gian? Nên biết lược có ba thứ:

- (1) Đạt được Tam-ma-địa.
- (2) Tam-ma-địa viên mãn.
- (3) Tam-ma-địa tự tại.

Ở đây, đầu tiên là có hai mươi thứ pháp cần được đối trị của việc đạt được Tam-ma-địa, vì chúng có thể khiến cho Hành giả không đạt được Tam-ma-địa thù thắng. Những gì là hai mươi pháp? Đó là:

(1) Lỗi lầm do có người đồng phạm hạnh không vui thích đoạn trừ làm bạn.

(2) Lỗi lầm do bạn tuy có đức, nhưng thầy có thể nêu rõ về phương tiện tu định lại có lỗi lầm. Đó là thuyết giảng điên đảo về phương tiện tu định.

(3) Lỗi lầm do thầy tuy có đức, nhưng nơi chỗ thuyết giảng về phương tiện tu định, người có thể nghe, tâm tán loạn, sự mong muốn ưa thích quá yếu kém nên không thể nhận lãnh.

(4) Lỗi lầm do người có thể nghe tuy có mong muốn vui thích lắng tai nghe, nhưng vì ám độn, tuệ nhận biết quá yếu kém nên không thể nhận lãnh.

(5) Lỗi lầm do tuy có trí đức, nhưng là hành ác, cầu nhiều về lợi dưỡng, sự cung kính.

(6) Lỗi lầm do phần nhiều sầu lo, vì khó nuôi dưỡng, khó viên mãn, không biết vui đủ.

(7) Lỗi lầm tức do sức tăng thượng như thế nên có nhiều thứ sự việc.

(8) Lỗi lầm do tuy không có lỗi ấy, nhưng có biếng nhác bê trễ, nên bỏ hết các gia hạnh.

(9) Lỗi lầm do tuy không có lỗi ấy, nhưng có vì người khác, sinh khởi vô số chướng ngại.

(10) Lỗi lầm do tuy không có lỗi ấy, nhưng có việc đối với các khổ như lạnh, nóng... không thể chịu nổi.

(11) Lỗi lầm do tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi kiêu mạn, sân hận nên không thể nhận lãnh sự chỉ dạy.

(12) Lỗi lầm do tuy không có lỗi này, nhưng có đối với giáo pháp tư duy điên đảo.

(13) Lỗi lầm do tuy không có lỗi ấy, nhưng đối với việc thọ nhận giáo pháp đã quên niệm.

(14) Lỗi lầm do tuy không có lỗi này, nhưng có việc cùng với chúng tại gia, xuất gia cư trú hỗn tạp.

(15) Lỗi lầm do tuy không có lỗi ấy, nhưng có việc thọ dụng các thứ ngoại cụ tương ưng với năm lỗi. Thọ dụng ngoại cụ tương ưng với năm lỗi, nên biết như nơi Địa Thanh văn sẽ nói.

(16) Lỗi lầm do tuy không có lỗi này, nhưng ở nơi chốn xa lìa không giữ gìn các căn, nên có tâm tư không đúng đắn.

(17) Lỗi lầm do tuy không có lỗi ấy, nhưng vì ăn uống không bình thường nên có thân tướng nặng nề, không thể làm được việc gì cả.

(18) Lỗi lầm do tuy không có lỗi này, nhưng tánh ham ngủ nghỉ nên có nhiều tùy phiền não như tùy miên hiện hành.

(19) Lỗi lầm do tuy không có lỗi ấy, nhưng vì trước không tu tập phẩm Xa-ma-tha, nên ở trong chỗ vắng lặng, xa lìa của nội tâm, không có vui thích.

(20) Lỗi lầm do tuy không có lỗi ấy, nhưng vì trước không tu tập phẩm Tỳ-bát-xá-na nên ở trong pháp quán như thật về Tỳ-bát-xá-na của tuệ tăng thượng, không có vui thích.

Hai mươi thứ pháp như thế là chỗ cần được đối trị nơi việc chứng đắc tâm tánh một cảnh của Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Lại, hai mươi thứ pháp cần được đối trị này lược do bốn tướng, ở trong chỗ sinh khởi Tam-ma-địa có thể gây chướng ngại. Những gì là bốn?

(1) Đối với Tam-ma-địa, phương tiện không thiện xảo.

(2) Đối với tất cả phương tiện tu định, hoàn toàn không có gia hạnh.

(3) Gia hạnh điên đảo.

(4) Gia hạnh chậm chạp.

Pháp cần được đối trị của Tam-ma-địa ấy có hai mươi thứ, thì pháp bạch đối trị, nên biết về tướng của chúng là trái ngược với hai mươi thứ trên. Do việc có thể đoạn trừ các pháp cần được đối trị ấy có nhiều việc làm nên mau chóng có thể đạt được tâm chánh trụ, chúng đặc Tam-ma-địa.

Lại, chúng đặc Tam-ma-địa này, nên biết tức là đạt được định phần gần của tĩnh tự thứ nhất, thuộc về bậc vị chí.

Lại, đạt được pháp trái với Tam-ma-địa, và đạt được pháp thuận theo Tam-ma-địa này là đã quảng diễn nghĩa lý của Thánh giáo, nên biết chỉ có hai mươi thứ ấy. Trừ chúng ra thì không còn có gì hoặc vượt qua hoặc tăng thêm. Do nhân duyên ấy, nên nương vào phần thứ nhất là tất cả chủng loại thế gian thanh tịnh, ở nơi chánh pháp ấy, việc các hữu tình chúng đặc Tam-ma-địa, đã khéo tuyên thuyết, đã khéo mở bày, chỉ rõ.

Lại nữa, người đã chúng đặc Tam-ma-địa như vậy, ở trong phần định thù thắng nhỏ ít ấy không sinh vui đủ, nên đối với Tam-ma-địa viên mãn, hơn hẳn, lại đầy khởi mong cầu, tức nơi pháp ấy thấy rõ công đức thù thắng. Do mong cầu, nên tinh tấn dũng mãnh, thúc đẩy nỗ lực mà trụ. Lại, vị ấy đối với phiền não cùng hiện hành với ái vị tương ưng với sắc, không thể đều vĩnh viễn đoạn trừ tất cả, nên gọi là “Không phải là thắng được”.

Lại, không phải ở trong các pháp thiện kia đều siêng năng tu tập, nên gọi là “Chỗ thắng của kẻ khác”.

Lại, đối với xứ sinh của Tịnh thiên rộng lớn không có chìm đắm.

Lại, vị ấy không hay khinh miệt đối với chính mình vì lực tăng thượng tin hiểu còn thấp kém.

Lại, vị ấy do tâm không có chìm đắm như thế, nên ở trong pháp nơi cảnh giới đối tượng duyên của định, tức trước tiên đạt được

tướng hoạt động, dùng trụ, buông bỏ, theo phương tiện tu tập thận trọng không gián đoạn, nên tùy thuận mà chuyển khởi.

Lại, vị ấy như thế là đã tùy thuận theo pháp cùng chuyển khởi, luôn nhập luôn xuất, vì muốn mau chóng chứng đắc thông tuệ, dựa vào định viên mãn, vui thích lắng nghe chánh pháp, nên ở trong mọi thời ân cần thưa hỏi.

Lại, dựa nơi Tam-ma-địa viên mãn như vậy, nên đối với phương tiện chân chánh chứng đắc pháp Xa-ma-tha, nội tâm thâm tóm của định căn bản, xa lìa mọi thứ yêu thích.

Lại, chứng đắc pháp Tỳ-bát-xá-na, như thế là quan sát một cách sáng sủa, tỏ rõ về những yêu thích vốn có, nên biết ở đây là đã có thể chứng nhập tĩnh lự căn bản. Như vậy gọi là Tam-ma-địa viên mãn.

Lại, Tam-ma-địa viên mãn này đã quảng diễn nghĩa lý của Thánh giáo, nên biết chỉ có mười tướng như thế. Trừ chúng ra thì không còn có gì hoặc vượt qua, hoặc tăng thêm.

Lại nữa, tuy đã chứng đắc Tam-ma-địa căn bản, nên gọi là Tam-ma-địa viên mãn, nhưng tâm ấy đối với Tam-ma-địa sinh khởi ái vị, nên còn bị các thứ tùy phiền não như mạn, kiến, nghi, vô minh làm nhiễm ô, chưa gọi là thanh tịnh trắng sạch viên mãn. Vì nhằm khiến cho các tùy phiền não như thế không còn hiện hành, vì nhằm luyện tâm, điều phục tâm, nên vị ấy tư duy: Ta phải nên chứng đắc tánh tự tại của tâm, tánh tự tại của định, đối với bốn nơi chốn, dùng hai mươi hai tướng để khéo quan sát. Đó là tự thệ nguyện thọ nhận hình tướng thấp kém, với các vật dụng uy nghi cũng vậy. Lại tự thệ nguyện thọ nhận giới cấm. Lại tự thệ nguyện thọ nhận hành tinh tấn tu tập pháp thiện không gián đoạn.

Như có Hành giả vì nhằm đoạn trừ tất cả khổ não, thọ nhận ba xứ ấy, nên quan sát đúng đắn về các khổ luôn theo đuổi. Do cạo bỏ râu tóc, xả bỏ hình tướng đẹp đẽ của thế tục, mặc lấy y hoại sắc,

nên tự quán xét hình sắc nơi người khác. Như vậy gọi là quan sát, thế nguyện thọ nhận hình tướng thấp kém. Ở trong các thứ đi đứng, nằm ngồi, nói năng, im lặng... không hành theo dục, đi tới nhà người khác phải chế ngự kiêu mạn, hành hóa khát thực phải quan sát đúng đắn, kỹ lưỡng. Như thế gọi là quan sát, thế nguyện thọ nhận uy nghi thấp kém.

Lại, quan sát đúng đắn những thứ đạt được từ kẻ khác, không có chứa các thứ vật dụng nuôi dưỡng thân. Như vậy gọi là quan sát thế nguyện thọ nhận các thứ vật dụng thấp kém.

Do năm tướng ấy, nên biết đó gọi là quan sát nơi chốn thứ nhất.

Lại, những người xuất gia trong pháp luật thuyết giảng thiện, đã thọ nhận giới luật, phải lược bỏ hai sự việc hiện rõ:

(1) Từ bỏ mọi thứ hiện rõ nơi gia đình như cha mẹ, vợ con, nô tỳ, tôi tớ, bạn bè thân thuộc, tài sản, châu báu.

(2) Từ bỏ vô số thứ hiện rõ nơi thế gian như ca múa hát xướng, cười đùa, vui chơi giao du tụ hội thân ái ...

Lại, vị ấy đã an trụ nơi luật nghi Thi la, không do phạm giới đề riêng khản khoản tự trách. Cũng không bị những người đồng phạm hạnh dùng pháp đề quở trách, đuổi đi, vì có phạm Thi la mà không nêu lên.

Nếu đối với Thi la có thiếu sót, hủy phạm, do nhân duyên ấy, nên tự thành khản răn trách, hoặc người đồng phạm hạnh dùng pháp đề quở trách, đuổi đi, tức nên đứng như pháp tự sám hối trừ diệt. Đối với vị đồng phạm hạnh có thể nêu tội, tâm không sân hận, không tổn não mà tự tu sửa. Do năm tướng ấy, nên gọi là quan sát nơi chốn thứ hai.

Như thế là Thi la đã khéo viên mãn rồi, nên dùng năm tướng làm phương tiện tinh tấn để tu các phẩm thiện. Đó là trong mọi thời gian

nên thưa hỏi, thọ nhận, đọc tụng, luận bàn, quyết trạch để siêng năng tu các phẩm thiện, như vậy mới nên thọ nhận tín thí của kẻ khác.

Lại, vui thích xa lìa, dùng chánh phương tiện tu tập các tác ý. Lại nơi ngày đêm, đối với hai pháp của phần thắng tấn và phần thoái chuyển, luôn nhận biết đoạn trừ để tu tập.

Lại, ở nơi sinh tử thấy rõ lỗi lầm lớn.

Lại, đối với Niết-bàn thấy rõ công đức thù thắng.

Do năm tướng ấy, nên gọi là quan sát nơi chôn thứ ba.

Như vậy, người tinh tấn tu tập các phẩm thiện, tóm lược là bị bốn thứ khổ theo đuổi. Đó là nơi bốn quả Sa-môn chưa thể tùy thuận để chứng đắc, nên còn bị khổ của nẻo ác theo đuổi.

Thê là pháp sinh già bệnh chết, nên bị hoại khổ bên trong theo đuổi. Hết thấy mọi điều yêu thích là pháp ly biệt, nên bị hoại khổ của ái theo đuổi. Tự nghiệp tạo tác, nên là chỗ theo đuổi của hết thấy nhân khổ.

Vị ấy, vì bị bốn thứ khổ theo đuổi như thế, nên dùng bảy tướng để quan sát đúng đắn, kỹ lưỡng. Do bảy tướng đó, nên gọi là quan sát nơi chôn thứ tư.

Vị ấy, đối với bốn nơi chôn như thế, lúc dùng hai mươi hai tướng để quan sát đúng đắn, liền sinh khởi tác ý như lý như vậy. Đó là, Ta vì cầu đạt sự việc như vậy, nên thệ nguyện thọ nhận hình tướng, uy nghi và vật dụng nuôi thân thấp kém. Thệ nguyện thọ nhận giới cấm. Thệ nguyện thọ nhận sự siêng năng tinh tấn, thường tu pháp thiện. Nhưng ta hiện nay, đối với bốn thứ khổ, nên dùng những gì để thoát khỏi? Nếu ta tự thúc đẩy, tự cố gắng thệ nguyện thọ nhận ba xứ như thế, vẫn còn bị bốn thứ khổ luôn theo đuổi, chưa được giải thoát. Ta nay chẳng nên vì bị khổ theo đuổi, chưa đối với định thù thắng đạt được tự tại, mà giữa đường dừng bỏ, hoặc lại thoái chuyển.

Tác ý như lý siêng năng tinh tấn như thế mới được gọi là tướng của người xuất gia, tướng của Sa-môn.

Vị ấy, ở chỗ tu tập viên mãn nhiều phương tiện, dùng làm nơi nương dựa, do nơi đạo thể gian chứng đắc Tam-ma-địa viên mãn nhưng đối với phiền não cần đoạn trừ vẫn chưa chứng đắc. Lại dựa vào sự vui thích đoạn trừ, nên luôn siêng năng tu tập.

Vị ấy, lại đã đạt được đạo thể gian hiền thiện, nên thường xuyên đạt được Tam-ma-địa tự tại, dựa vào sự ưa thích tu tập không gián đoạn mà chuyển khởi.

Lại đối với các Bà-la-môn, Cư sĩ, Trưởng giả chánh tín, đã đạt được vô số lợi dưỡng, sự cung kính, nhưng không dựa vào đấy để sinh tham chấp. Cũng không đối với những sự cung kính lợi dưỡng của người khác, cùng các Bà-la-môn khác không chánh tín, các sự việc hiện hành trước mặt sau lưng nơi thân nghiệp, ngữ nghiệp không vừa ý tâm sinh giận dữ.

Lại nữa, vị ấy không có tâm tổn hại, vô số các thứ tùy phiền não như ái, mạn, kiến, vô minh, nghi hoặc, ở trong định không còn hiện hành nữa, nên khéo giữ niệm trụ.

Lại, chẳng phải là chứng đắc Xa tha ma thù thắng, mà tức do xa-ma-tha như thế, nên nơi tự thân, tất cả việc làm đã hoàn thành, cũng không hướng đến kẻ khác nói về chỗ chứng đắc của mình thanh tịnh. Vị ấy, do vui thích đoạn trừ vui thích tu tập, tâm không tham giận, chánh niệm hiện tiền, lìa tăng thượng mạn, đối với các thứ y phục theo chỗ thích hợp đạt được liền sinh biết đủ. Như đối với y phục thì đối với các thứ thức ăn uống, vật dụng nằm ngồi v.v... đều sinh biết đủ, nên biết cũng như thế. Lại nhận biết rõ một cách đúng đắn để thọ dụng. Nghĩa là các thứ vật dụng cần thiết cho đời sống như thế, chỉ vì nhằm đối trị thân khiến được tồn tại, tạm thời ngăn dứt sự đối khác, thân nhận phạm hạnh. Nói rộng cho đến

đôi với việc ăn uống luôn nhận biết về lượng. Vị ấy do tu tập chân chánh như thế, nên đôi với Tam-ma-địa đạt được tự tại. Nương dựa nơi đây nên tâm trong trắng, không có tỳ vết cấu uế, lia các tùy phiền não, nói rộng cho đến đạt được bất động. Có thể dẫn phát tất cả thông tuệ của thần thông thù thắng. Đó gọi là Tam-ma-địa tự tại. Nghĩa rộng của Tam-ma-địa tự tại này, nên biết chỉ có các tướng như đã nêu. Trừ đây ra thì không còn có gì hoặc vượt hơn, hoặc tăng thêm. Lại, trước đã nói về việc chứng đắc Tam-ma-địa. Tiếp theo là nói về Tam-ma-địa viên mãn. Nay thì nói về Tam-ma-địa tự tại. Gọi chung là tất cả chủng loại thanh tịnh của thế gian vô thượng. Nên biết thanh tịnh này chỉ ở nơi chánh pháp, không phải là các ngoại đạo.

7. Thế nào là tất cả chủng loại thanh tịnh của xuất thế gian?

Nên biết lược có năm thứ. Đó là:

- a. Nhập hiện quán Thánh đế.
- b. Nhập hiện quán Thánh đế rồi thì lìa các chướng ngại.
- c. Nhập hiện quán Thánh đế rồi, vì muốn mau chóng chứng đắc thông tuệ, nên tác ý tư duy về các việc hoan hỷ.
- d. Tu tập như đạo đã chứng đắc.
- đ. Chứng đắc đạo thanh tịnh tột bậc cùng công đức của quả.

a. *Thế nào là nhập hiện quán Thánh đế?* Nghĩa là có các chúng đệ tử của Đức Như Lai đã khéo tu tập các chủng loại thanh tịnh của thế gian, nhận biết trong đêm dài sinh tử, do năm thứ dục diệu tích tập nơi tâm ăn sâu nơi chỗ nhận giữ để nuôi lớn tâm ấy, nên đôi với các dục kia sinh yêu thích. Nhưng các vị đệ tử này, đối với các dục đã thấy rõ lỗi lầm tại họa của chúng, ở nơi cảnh giới thắng thượng thấy được đức tịch tĩnh. Chư vị ấy, ở nơi cảnh giới hỷ luận dễ có thể an trụ. Nghĩa là đối với tất cả chủng loại thanh tịnh của thế gian. Ở nơi cảnh giới không hỷ luận khó có thể an trụ. Nghĩa là đối với tất

cả chủng loại thanh tịnh của xuất thế gian. Vì thế ở nơi cảnh giới hý luận kia chán bỏ ác mà trụ, không phải là không chán bỏ ác.

Lại, người trụ nơi chánh pháp này, đối với cảnh giới Niết-bàn không hý luận tâm vui thích an trụ, vui thích muốn chứng đắc. Do thiếu lực tăng thượng chứng đắc quả Sa-môn, nên đối với tạp nhiễm tương ưng của mình, tâm sinh chán bỏ. Đối với thanh tịnh không tương ưng của mình, tâm sinh chán bỏ. Đối với lỗi lầm tai họa tương ưng với tạp nhiễm của mình, tâm sinh chán bỏ. Đối với những lỗi lầm tai họa không tương ưng với thanh tịnh của mình, tâm sinh chán bỏ. Ở nơi thanh tịnh của mình thấy khó thành tựu đầy đủ, tâm sinh chán lia.

Ở đây lược nêu có ba thứ tạp nhiễm tương ưng:

(1) Tạp nhiễm tương ưng do chưa điều phục, chưa thuận hợp mà chết.

(2) Tạp nhiễm tương ưng do chết rồi bị rơi vào hầm lớn phiền não.

(3) Tạp nhiễm tương ưng do sức lôi kéo của phiền não, nên kẻ kia đi đến nơi đến chốn có sợ hãi, hiện hành vô số các nghiệp ác bất thiện.

Kẻ kia quán nơi thân mình, do thiếu chứng quả Sa-môn, nên cùng với ba thứ tạp nhiễm tương ưng. Quán như thế rồi, tâm sinh chán lia. Nên biết thanh tịnh không tương ưng cũng có ba loại:

(1) Niết-bàn cứu cánh đã đoạn trừ các phiền não, gọi là nơi chốn không sợ hãi.

(2) Có thể chứng đắc cảnh giới ấy, đó là dựa vào Tam-ma-địa của tâm thiện nơi tâm học tăng thượng.

(3) Có thể chứng đắc cảnh giới ấy. Đó là dựa vào Thánh đạo vi diệu thuộc về chánh kiến của tuệ học tăng thượng.

Vị ấy quán nơi thân mình, cùng với ba thứ thanh tịnh không tương ưng, tâm sinh chán lìa.

Nên biết lỗi lầm, tai họa tương ưng với tạp nhiễm cũng có ba thứ:

- (1) Sinh là căn bản của khổ già bệnh chết.
- (2) Sinh nơi chốn ràng buộc là tự tánh khổ.
- (3) Sinh của tất cả xứ, tánh là vô thường.

Vị ấy quán nơi thân mình có ba thứ lỗi lầm tai họa không tương ưng với thanh tịnh có năm loại:

- (1) Sinh nơi biên địa, chưa thể dừng dứt.
- (2) Sinh nơi đường ác, chưa thể dừng dứt.
- (3) Đối với các nghiệp vô gián của chúng tại gia chưa thể ngăn dứt.
- (4) Đối với vô lượng kiến thú của chúng xuất gia chưa thể không tương ưng.

(5) Tuy do đạo thể gian, cho đến cõi Hữu đảnh hoặc định hoặc sinh, nhưng đối với sinh tử lưu chuyển không có giới hạn trước sau, chưa tạo được biên vực.

Vị ấy quán nơi tự thân có năm thứ lỗi lầm tai họa không tương ưng với thanh tịnh, tâm sinh chán lìa.

Đối với thanh tịnh của mình, thấy khó thành tựu đầy đủ, nên biết cũng có năm loại:

- (1) Hoặc bỏ không làm vì không thể tự làm.
- (2) Nơi các sự việc còn lại, không phải thỉnh cầu kẻ khác, vì có thể thành tựu đầy đủ.

(3) Quyết định nên làm. Do nơi tự tâm chưa khiến được thanh tịnh, tất đối với các khổ không được giải thoát, thành tánh an lành.

(4) Không phải đối với nghiệp ác, hiện tại không làm. Tức nói vị ấy vì đã tạo được thanh tịnh, nên gọi là đã đạt được hiện pháp hiện thấy, vĩnh viễn lìa bỏ mọi thiêu đốt, do không có đạo đối trị, nên các nghiệp ác bất thiện tạo tác từ trước tất không bị hủy hoại.

(5) Vị ấy, do nơi đạo học vô học thanh tịnh, nên sự chứng đắc được hiển bày. Vị ấy quán thanh tịnh, do năm tướng khó có thể thành tựu đầy đủ ấy, tâm sinh chán bỏ.

Lại nữa, phát khởi tinh tấn bền vững, vì muốn chứng đắc, vị ấy quán thấy tạp nhiễm, thanh tịnh, tương ưng không tương ưng, tâm sinh chán lìa. Lại do quán thấy lỗi lầm tai họa tương ưng, không tương ưng với tạp nhiễm, thanh tịnh, nên tâm sinh sợ hãi.

Lại, ở trong phần thanh tịnh cần chứng đắc và tạp nhiễm cần đoạn trừ, có sự bê trễ, biếng nhác, nên tâm liền ngừng dứt.

Lại, do tác ý tư duy về tướng kia, nên tâm sinh chán bỏ. Tức đối với tướng ấy có nhiều tạo tác, nên tâm hết sức chán lìa. Như chán lìa, hết sức chán lìa, sợ hãi, hết sức sợ hãi, ngừng dứt, hết sức ngừng dứt, nên biết cũng vậy.

Vị ấy như thế là do chán lìa cùng hiện hành với hành tướng, đối với năm nơi chôn, dùng hai mươi thứ tướng tác ý tư duy, nên gọi là khéo tu tập đối trị.

Lại có năm nhân, là chỗ thâm nhận của hai mươi thứ tướng, khiến đối với Niết-bàn tịch diệt dứt hết ái, mau chóng được an trụ, tâm không thoái chuyển, cũng không sầu lo, như là: Ta, Ta hiện nay là đang ở đâu? Những gì là năm nhân:

(1) Do tác ý thông đạt. Đó là do tác ý thông đạt không gián đoạn như thế, tất có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh (kiến đạo), nhập hiện quán về đế, chứng đắc Thánh trí kiến.

(2) Do chỗ nương dựa. Đó là do nương dựa vào chỗ dựa ấy không gián đoạn, tất có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Phần còn lại như trước đã nêu.

(3) Do nhập môn cảnh giới. Đó là do duyên nơi chỗ nhập môn cảnh giới ấy, tất có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Phần còn lại như trước đã nói.

(4) Do thâm nhận tư lương ấy. Đó là do sự thâm nhận tư lương ấy, tất có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Phần còn lại như trước đã nêu.

(5) Do thâm nhận phương tiện. Đó là do sự thâm nhận phương tiện như vậy, tất có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh, cho đến nói rộng.

Năm nhân như thế nên biết là dựa vào hiện quán về đế, nghịch với thứ lớp nơi nhân mà nói, không phải thuận theo thứ lớp nơi nhân. Dựa vào nhân tối thắng như sự việc đã nói trước tiên, nghịch nơi thứ lớp mà nói. Nghĩa là, ở trong gia hạnh của không, vô nguyện, vô tướng, nơi tác ý tùy nhập, hiện hành vi tế có gián đoạn không gián đoạn tùy chuyển. Ngã mạn cùng hiện hành với tướng của tâm, có thể gây chướng ngại cho sự thông đạt đúng đắn của tác ý hiện quán. Đã thông đạt rồi thì ở trong tác ý cùng hiện hành, tâm tự nhiên chuyển khởi, có thể khéo dứt bỏ khiến vô gián diệt. Dựa nơi vô gián diệt, tâm do mới khởi tác ý, dùng các hành như vô thường, tư duy như thật. Do tu tập, tu tập nhiều tác ý này, chủ thể duyên, đối tượng duyên bình đẳng, nên trí bình đẳng sinh. Vị ấy, bấy giờ, đối với ngã mạn, tâm loạn, có thể gây chướng ngại cho hiện quán liên vĩn viễn đoạn dứt, chứng đắc tánh tâm một cảnh, nên tự tư duy: Ta đã chứng đắc tánh tâm một cảnh, nhận biết rõ như thật. Nên biết đó gọi là “Do tác ý thông đạt” nên nhập hiện quán về đế.

Lại, nếu trước dùng đạo thể gian chứng đắc Tam-ma-địa, cũng được viên mãn, cũng được tự tại. Vị ấy, hoặc ở nơi nhập tướng Tam-

ma-địa, nghĩa là do đây nên nhập Tam-ma-địa. Hoặc ở nơi trụ tướng Tam-ma-địa, nghĩa là do đây nên trụ Tam-ma-địa. Hoặc ở nơi xuất tướng Tam-ma-địa, nghĩa là do đây nên xuất Tam-ma-địa. Ở nơi các tướng ấy tác ý tư duy, tâm ấy an trụ, nhập hiện quán về đế. Nếu đạt được Tam-ma-địa mà chưa viên mãn, cũng chưa tự tại, vì ấy hoặc tư duy về tướng dừng nghỉ, hoặc tư duy về tướng hoạt động, hoặc tư duy về tướng buông xả, tâm an trụ, nhập hiện quán về đế. Như vậy nên biết, do chỗ nương dựa nên tâm ấy an trụ.

Lại có hai pháp, là chướng ngại hết mực đối với tu hiện quán. Những gì là hai pháp? Đó là:

(1) Tâm tư không đúng đắn tạo nhiều loạn khiến tâm không an tĩnh.

(2) Đối với sự việc nơi đối tượng nhận thức, tâm ấy điên đảo.

Vì nhằm đối trị chướng ngại như vậy, nên biết có hai loại, đối với cảnh của đối tượng duyên, tâm ấy an trụ. Đó là vì để đối trị chướng ngại thứ nhất, nên tu niệm A-na-ba-na (Quán sở tức). Vì để đối trị chướng ngại thứ hai, nên tu các niệm trụ. Như vậy nên biết là do nhập môn cảnh giới nên tâm ấy an trụ.

Lại, đối với năm dục diệu vui thích quen gần, đối với Tỳ-nại-da của Thánh pháp không phải là xứ hành trì. Nếu đối với các thứ theo chỗ thích hợp đạt được, như y phục, thức ăn uống, các vật dụng ngồi nằm, liền sinh biết đủ, tùy chốn đạt được lợi dưỡng, sự cung kính, tâm ấy được điều phục, chế ngự. Đó là không do chỗ đạt được các thứ lợi dưỡng, cung kính, dựa nơi năm dục diệu nên tâm liền an trụ vững chắc. Do nhân duyên ấy, nên xa lìa tất cả xứ không phải chốn hành trì. Đã xa lìa rồi, dựa vào các niệm trụ vui thích đoạn trừ, vui thích tu tập, nơi mọi thời của ngày đêm luôn quan sát về sự việc suy thịnh hiện có của mình người, tâm sinh chán bỏ. Lại còn tu tập tùy niệm Phật v.v... khiến tâm thanh tịnh.

Lại còn an trụ trong các Thánh chủng. Nên biết như vậy là do thâm nhận tư lương nên tâm ấy an trụ. Đây là dựa vào đạo tư lương tối thắng mà nói.

Lại, vị ấy trụ nơi tư lương như thế rồi, vì tu tập gia hạnh của tác ý tương ưng, nên có hai thứ phương tiện gia hạnh. Những gì là hai? Đó là:

(1) Tự mình, đối với Khế kinh, Luận, đọc tụng thọ trì tu tập tác ý chân chánh, ở nơi các sự việc như uẩn v.v... khiến hết sức khéo léo.

(2) Dựa vào sự chỉ dạy của các bậc thầy khác. Đó là Đại sư, Ô-ba-đà-na (Hòa thượng), A-già-lợi-da (A-xà-lê), nơi mọi thời gian, luôn thâm nhận, nương dựa nơi sự chỉ dạy khuyên bảo, trao truyền của chư vị. Lại tác ý tư duy về gia hạnh chân chánh, nên biết đó gọi là phương tiện thứ ba. Tác ý tư duy về gia hạnh chân chánh này gọi là chân chánh gia hạnh. Ý nghĩa ở đây, đó là tác ý hiện có của Thi la (Giới) thanh tịnh, gọi là tác ý tư duy của chánh gia hạnh.

Vị ấy tư duy về giới thanh tịnh, không hối hận, buồn phiền, vì không hối hận buồn phiền nên liền sinh hoan hỷ, nói rộng cho đến tâm nhập chánh định. Vì thế nêu rõ, tác ý tư duy của cha lnh gia hạnh này gọi là phương tiện của tâm trụ. Do phương tiện như vậy, nên tâm mau chóng an trụ.

Vị ấy, bấy giờ, do hai mươi thứ tướng của năm nhân đó, thâm giữ tâm, ở trong cảnh giới Niết-bàn tịch diệt dứt hết ái, khiến khéo léo an trụ không còn thoái chuyển, tâm không kinh sợ, như: “Ta, Ta hiện nay đang ở nơi nào?”. Nên vào lúc tâm an trụ như vậy, phải biết đã gọi là nhập hiện quán về đế. Như thế gọi là nhập hiện quán Thánh đế.

Lại, nghĩa của hiện quán Thánh đế này, nói rộng, nên biết. Đó là tướng của tâm chán lìa có hai mươi thứ, tướng của tâm an trụ cũng có hai mươi thứ. Trừ chúng ra thì không còn gì hoặc vượt qua hoặc tăng thêm.

b. Thế nào là nhập hiện quán Thánh để rồi, lia các chương ngại? Nên biết chương ngại này lược có hai loại:

- (1) Chương ngại của hành xứ.
- (2) Chương ngại của trụ xứ.

Chương ngại của hành xứ: Đó là như Thánh đệ tử hoặc cùng với chúng đồng cư trú, theo chỗ sinh khởi các việc làm của chúng Tăng, từ bỏ phẩm loại thiện, luôn cùng với hội họp. Hoặc lại an trụ, thường hành khát thực, nhưng yêu thích, chú trọng nơi việc ăn uống. Hoặc gồm cả hai xứ, ưa thích gây tạo lo toan các việc về y bát v.v... Hoặc vì đọc tụng kinh điển mà ưa thích trò chuyện, luận bàn. Hoặc về ban đêm ưa thích ngủ nghỉ. Hoặc vào ban ngày ưa thích các thứ ngôn luận tạp nhiễm nói về triều chính, giặc trộm v.v... Hoặc ở nơi xứ ấy có các thân thích nên cùng giao du, nói năng, đùa cợt v.v... không muốn xa lìa. Đó là kẻ kia, nơi đêm dài sinh tử, luôn tập quen cùng với sức tăng thượng của số đông đồng cư ngụ. Hoặc vui thích cùng với họ cùng trụ lần thứ hai v.v... Các sự việc như vậy gọi là chương ngại của hành xứ.

Chương ngại của trụ xứ: Đó là ở nơi chốn vắng vẻ, tu tập pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gọi chung là trụ. Dựa vào hai pháp ấy, nên biết lại có bốn thứ chương ngại:

- (1) Chi Tỳ-bát-xá-na, tánh không tùy thuận.
- (2) Chi Xa-ma-tha, tánh không tùy thuận.
- (3) Tánh không tùy thuận cùng với phẩm niệm của hai thứ.
- (4) Tánh không tùy thuận của nơi chốn.

Hoặc cho mình là thông sáng mà sinh cao ngạo, không nghe theo kẻ khác thuận quán về chánh pháp. Đó là tánh không tùy thuận của chi Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc các hành của thân ngữ ý không an tĩnh, vội vã loạn động luôn phạm Thi la, sinh lo buồn, hối hận v.v... cho đến tâm không

thể khéo an trụ, nên biết đó gọi là tánh không tùy thuận của chi Xa-ma-tha.

Hoặc có trường hợp quên niệm càng tăng trưởng, đối với các thứ tùy phiền não như hôn trầm, trạo cử, tâm không thể ngăn giữ, nên biết đó gọi là tánh không tùy thuận cùng với phẩm niệm của hai thứ.

Hoặc có sự quen gần với vật dụng ngồi nằm tương ưng với năm lỗi, nên biết đó gọi là tánh không tùy thuận của nơi chốn.

Hoặc vào ban ngày, tạo nhiều sự huyên não, buông thả. Về ban đêm, bị các thứ khổ như muỗi đốt v.v... Lại có nhiều sợ hãi, có nhiều tai vạ dữ, ác, các thứ vật dụng thiếu thốn khiến không yêu thích, bị bạn ác lôi kéo, không có bạn lành. Các sự việc như vậy gọi là chướng ngại của trụ xứ.

Lại, hai thứ chướng ngại ấy, nên biết gồm có hai thứ nhân duyên có thể khiến xa lìa chúng, đó là:

- (1) Có nhiều các định an lạc.
- (2) Có nhiều các sự xét chọn.

Có nhiều các định an lạc: Nên biết lược có sáu loại: Đó là, như có Hành giả đã đạt được Tam-ma-địa, nhưng chưa viên mãn, chưa được tự tại, vị ấy nên tu tập ba thứ dừng trụ, hoạt động, buông xả đạt thiện xảo, do đấy phát sinh nhiều các định an lạc. Hoặc có Hành giả, đối với Tam-ma-địa đã được viên mãn, cũng được tự tại, vị ấy nên tu tập ba thứ nhập định, trụ định, xuất định đạt thiện xảo, do đấy phát sinh nhiều các định an lạc.

Thể nào gọi là có nhiều các sự xét chọn? Đó là tuệ thắng thiện gọi là xét chọn. Do tuệ ấy, nên nơi ngày đêm, tự mình nhận biết rõ như thật về pháp thiện hiện có tăng trưởng. Nhận biết rõ như thật về pháp bất thiện tăng trưởng suy thoái. Nhận biết rõ như thật về pháp thiện. Nhận biết rõ như thật về pháp bất thiện suy thoái.

Lại, vị ấy như nơi ngày đêm hoặc hành hoặc trụ, quen gắn với các duyên của thọ mạng như y phục, thức ăn uống. Do quen gắn, nên pháp bất thiện tăng trưởng, pháp thiện suy thoái, hoặc pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện suy thoái, đều nhận biết rõ đúng như thật. Tức do sự xét chọn này làm chỗ nương dựa, nên đối với các pháp bất thiện đã sinh khởi, vì không chấp chặt vào đạo lý phương tiện, nên xua trừ, xa lìa. Đối với các pháp thiện, có thể siêng năng tu tập mười thứ thiện xảo của hai xứ như thế, đối với mười một thứ chướng ngại của hai nơi chốn, có thể khiến đoạn dứt, tùy chỗ sinh khởi tức liền xa lìa. Như thế gọi là xa lìa chướng ngại.

Lại, ý nghĩa của việc xa lìa chướng ngại này, nói rộng nên biết như đã nói về tướng. Trừ chúng ra thì không có gì, hoặc vượt qua hoặc tăng thêm.

c. Thế nào là nhập hiện quán Thánh đế rồi, vì muốn mau chóng chứng đắc thông tuệ, nên tác ý tư duy các việc hoan hỷ? Đó là Thánh đệ tử đã thấy Thánh đế, đã đạt được chứng tịnh liền dùng chứng tịnh làm chỗ nương dựa, nên đối với công đức tối thắng của Phật Pháp Tăng, do tác ý tư duy, phát sinh hoan hỷ.

Lại, dựa nơi sự sinh tăng thượng cùng sự quyết định hơn của mình. Nghĩa là các thứ tài sản, châu báu của tự thân đã được dồi dào, hiện rõ, nên tác ý tư duy, phát sinh hoan hỷ.

Lại, dựa vào tâm không ganh ghét. Như đối với tự thân, đối với kẻ khác cũng thế.

Lại, dựa vào sự biết ân, đó là người có ân, nhớ nghĩ về ân của bậc đại sư, tác ý tư duy phát sinh hoan hỷ.

Do nương dựa như vậy nên vị ấy xa lìa các khổ và nhân của khổ, dẫn phát các an lạc cùng nhân của an lạc. Như thế là tư duy tùy thuận các sự việc hoan hỷ của tu đạo, nên liền có thể mau chóng chứng đắc thông tuệ.

Lại, ý nghĩa của tư duy tùy thuận các sự việc hoan hỷ của tu đạo ấy, nói rộng nên biết như đã nói về tướng. Trừ chúng ra thì không còn gì hoặc vượt hơn, hoặc tăng thêm.

d. Thế nào là tu tập như đạo đã chứng đắc? Đó là Hành giả ấy đã sinh khởi sự hoan hỷ rộng lớn, không tội lỗi nhuần thấm nơi tâm như thế, ở trong hiện pháp, nhằm hướng tới cứu cánh, nên tâm hết sức mên mộ. Vị ấy do tâm sinh mên mộ như vậy, nên xuất ly mọi thứ lạc dục luôn hiện hành. Đó là Ta do đâu có thể an trụ đầy đủ nơi Thánh xứ như thế? Như chỗ trụ đầy đủ của bậc A-la-hán, đối với các bậc lạc dục đã sinh rồi, thì phát khởi siêng năng tinh tấn không gián đoạn, luôn từ bỏ. Nơi ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, theo phương tiện siêng tu. Lại, vị ấy do siêng năng tinh tấn như thế, nên không cùng với chúng tại gia, xuất gia đồng cư trú lẫn lộn, không quen gần biên vực thuộc các vật dụng ngồi nằm, nên tâm vui thích xa lìa.

Lại, vị ấy đối với dục lạc phát sinh như thế, liền dấy khởi siêng năng tinh tấn, vui thích xa lìa rồi, không sinh biết đủ. Đó là đối với chỗ chứng đắc thù thắng còn ít ỏi, tâm không biết đủ. Nơi các pháp thiện chuyên khởi thượng thắng, chuyên khởi xứ vi diệu, mong cầu mà trụ. Do tu đạo thâm nhận bốn pháp ấy, hết sức khéo thâm nhận, tức bốn thứ tu đạo ấy làm chỗ dựa, như trước đã nói về các sự hoan hỷ sinh khởi hoan hỷ. Vị ấy bấy giờ, tu tập viên mãn đạo lý của phương tiện tổn giảm cùng tột, khiến phiền não được đoạn trừ, đạt được pháp chứng đắc thù thắng, cũng khiến vui thích tu được viên mãn.

Lại, các phẩm Hoặc thô trọng do tu đạo đoạn trừ, đã xa lìa, nên đạt được khinh an. Do khinh an nên thân tâm sinh khởi thanh tịnh mát mẻ, là chỗ thâm nhận tột cùng. Như thế là hai thứ tu được viên mãn.

Lại, định kim cương dụ của bậc hữu học này đã đến cứu cánh, nên tu đắc viên mãn. Đó gọi là tu tập như đạo đã chứng đắc.

Lại, ý nghĩa của việc tu tập như đạo đã chứng đắc này, nói rộng nên biết, đó là bốn thứ pháp làm chỗ dựa, có thể khiến tu tập viên mãn năm pháp. Trừ chúng ra, thì không còn có gì hoặc vượt qua, hoặc tăng thêm.

đ. Thế nào là chứng đắc đạo thanh tịnh tốt bậc cùng công đức của quả? Đó là nơi ba phần vị là vui, khổ, không vui không khổ, là nơi phát khởi tùy miên (Chủng tử) của các phiền não, có hai loại hữu tình phần nhiều hiện rõ:

(1) Phàm phu.

(2) Bậc hữu học.

Lại có hai thứ, có thể phát khởi phạm tạp nhiễm. Đó là:

(1) Giữ lấy phạm tạp nhiễm.

(2) Hành xử phạm tạp nhiễm.

Tức nhằm đoạn trừ hai phạm tạp nhiễm này, vì lúc nhập nơi pháp luật thuyết giảng thiện, có thể bị chướng ngại do các phiền não hiện có. Các phiền não này có thể là tùy miên, đã nhập sâu xa nơi tâm, lại có thể phát sinh vô số các khổ. Nếu có thể đối với chúng vĩnh viễn đoạn trừ không còn sót, gọi là chứng đắc quả của đạo thanh tịnh tốt bậc.

Lại, mười chi vô học đã gồm thâm năm uẩn vô học, là giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, gọi là đạo thanh tịnh tốt bậc.

Lại do chứng đắc đạo thanh tịnh tốt bậc này, nên lìa bỏ mười thứ lỗi lầm, trụ nơi chỗ trụ của bậc Thánh.

Thế nào gọi là mười thứ lỗi lầm? Đó là, lỗi lầm do dựa nơi các dục bên ngoài, hiện có sầu than buồn khổ, vô số não loạn, khổ khổ tương ưng. Lại có lỗi lầm do dựa vào việc bên trong không giữ gìn các căn. Do không giữ gìn các căn nên sinh sầu than.

Lại có lỗi lầm do ưa thích trụ nơi ái vị. Lại có lỗi lầm do hành trụ đều phóng dật.

Lại có ba thứ lỗi lầm của ngôn ngữ, tâm tư, tìm cầu phát khởi do tà kiến riêng biệt không chung với ngoại đạo.

Lại có lỗi lầm do dựa vào biên vực của tĩn lự. Lại có lỗi lầm thuộc về duyên khởi do phát khởi giữ lấy phạm tạp nhiễm. Lại có lỗi lầm do phát khởi hành phạm tạp nhiễm.

Nếu đối với mười thứ lỗi lầm như thế, vĩnh viễn không tương ưng, thì chỉ có chỗ nhận giữ của thân sau cùng, thân thứ hai còn lại hoàn toàn không khởi. Ở trong cảnh giới Niết-bàn tịch tĩn tốt bậc được an trụ trọn vẹn. Hết thấy hữu tình, cho đến những kẻ sinh lên cõi thứ nhất, đối với tất cả hữu tình hiện có ấy, được xem là tối thắng, vì thế gọi là trụ nơi chỗ trụ của bậc Thánh, do có thể xa lìa mười thứ lỗi lầm.

Lại có thể an trụ nơi trụ xứ của bậc Thánh, nên gọi là công đức. Lại, hoặc quả kia, hoặc đạo thanh tịnh tốt bậc, hoặc công đức của quả kia, tất cả như thế được lược gọi chung là “Chứng đắc đạo thanh tịnh tốt bậc cùng công đức của quả”.

Lại, ý nghĩa của sự chứng đắc thanh tịnh tốt bậc cùng công đức của quả ấy, nói rộng, nên biết như đã nói về tướng. Trừ chúng ra thì không còn gì hoặc vượt qua hoặc tăng thêm.

Nếu đạt được các Thánh pháp vô học tối thượng như thế, tâm tương ưng với Thánh pháp như vậy, thì đối với năm dục diêu tức hết sức chán bỏ. Không có dị thực nên về sau lại không có nối tiếp. Nếu tâm thể gian dù đã bị đoạn trừ, cũng vẫn được hiện hành, nhưng nơi thời gian sau tự nhiên mà diệt.

Lại, nghiệp đạo đời sau của nẻo phiền não, ở trong hiện pháp đã vĩnh viễn đoạn dứt. Do chúng đã dứt tuyệt, nên nẻo khổ của vị lai không còn chuyển khởi nữa. Do nhân quả ấy hoàn toàn dứt hết, tức

gọi là “Biên vực của khổ”, lại là vô thượng, vô thắng, rốt ráo. Ở đây, hoặc nhập hiện quán Thánh đế, hoặc lia chướng ngại, hoặc vì mau chóng chứng đắc thông tuệ nên tác ý tư duy về các sự việc hoan hỷ, hoặc tu tập như đạo đã chứng đắc, hoặc chứng đắc đạo thanh tịnh tột bậc cùng công đức của quả, như thế gọi là Tất cả chủng loại thanh tịnh xuất thế gian.

Lại, ý nghĩa của Tất cả chủng loại thanh tịnh xuất thế gian ấy, nói rộng nên biết, như đã nói về tướng. Trừ các tướng ấy ra thì không còn gì hoặc vượt qua hoặc tăng thêm.

Như vậy, trước đã nói về Tất cả chủng loại thanh tịnh của thế gian, ở đây nói về Tất cả chủng loại thanh tịnh xuất thế gian, lược gọi chung làm một việc là quả của tu. Như thế, trước đã nói, hoặc xứ sở của tu, hoặc nhân duyên của tu, hoặc Du già - tương ưng của tu, hoặc quả của tu, hết thảy gọi chung là Địa do Tu tạo thành.

Như vậy là đã nói về Địa do tu tạo thành.

HẾT - QUYỂN 20

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA:

QUYỀN 21:

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VẤN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ nhất, phần 1: Địa Chủng Tánh

Thế nào là Địa Thanh Văn? Tất cả Địa Thanh văn, tụng tổng quát viết:

*Nếu lược nêu Địa này
Tánh cùng Sở thủ thú
Như ứng hợp an lập
Thế gian, xuất thế gian.
Địa này lược có ba
Là Chủng tánh, Hương nhập
Cùng Xuất ly, Tướng Địa
Tức nói là Thanh Văn.*

Thế nào là Địa Chủng tánh? Tụng nêu:

*Nếu lược nói tất cả
Địa Chủng tánh nên biết
Là Tự tánh, An lập
Các tướng Sở thủ thú.*

Đó là, hoặc tự tánh của chủng tánh, hoặc an lập của chủng tánh, hoặc trụ nơi chủng tánh với các tướng hiện có, như Bồ-đặc-già-la

(Hữu tình) trụ nơi chủng tánh. Tất cả như vậy, lược gọi chung làm một tên là Địa Chủng tánh.

Thế nào là Chủng tánh? Đó là Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh, là pháp có chủng tử, do hiện có. Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh, nếu gặp thắng duyên thì liền có thể nhận lãnh, liền có uy lực, đối với Niết-bàn có thể chứng đắc.

Hỏi: Tên gọi chủng tánh ấy có gì sai biệt?

Đáp: Hoặc gọi là Chủng tử. Hoặc gọi là Giới. Hoặc gọi là Tánh. Đó là sai biệt.

Hỏi: Nay, chủng tánh ấy lấy gì làm thể?

Đáp: Nương nơi chỗ dựa, có tướng như thế, thuộc về sáu xứ, từ đời vô thi lần lượt truyền đi, đạt được pháp như vậy, ở đây lập tên gọi có sai biệt. Đó là chủng tánh, giới, tánh của chủng tử. Đây gọi là Chủng tánh.

Thế nào là An lập của chủng tánh? Đó là nên hỏi: Nay, Chủng tánh này nên nói là tế, hay nên nói là thô. Nên đáp là tế. Vì sao? Vì do chủng tử ấy chưa có thể cho quả, chưa tập thành quả, nên gọi là tế. Nếu đã cho quả, đã tập thành quả, bấy giờ chủng tánh, hoặc chủng hoặc quả cùng gọi là thô.

Hỏi: Chủng tánh như thế, nên nói là gắn liền với một sự tương tục hay gắn liền với nhiều sự tương tục?

Đáp: Nên nói là gắn liền với một sự tương tục. Vì sao? Vì nếu dị tướng của pháp cung hiện hữu mà chuyển, thì thấy rõ tướng ấy đều sai biệt, với vô số tương tục, vô số lưu chuyển. Chủng tử như thế chẳng phải ở nơi sáu xứ có dị tướng sai biệt. Tức đối với chủng loại phần vị nơi sáu xứ thù thắng như thế, từ đời vô thi, lần lượt truyền tới, pháp như vậy có được, có tướng như vậy cùng được nêu bày, đó là giới tánh của chủng tử, chủng tánh. Vì thế nên nói gắn liền với một sự tương tục.

Hỏi: Nếu Bồ-đặc-già-la (Hữu tình) trụ nơi chủng tánh có pháp Niết-bàn, thì Bồ-đặc-già-la có pháp Niết-bàn, trụ nơi chủng tánh ấy, do nhân duyên gì nên có pháp Niết-bàn, mà từ đời trước trở đi, trải qua thời gian dài lưu chuyển không Bát Niết-bàn?

Đáp: Có bốn nhân duyên nên không Bát Niết-bàn. Đó là:

- (1) Sự sinh bị ràng buộc.
- (2) Có lỗi lầm do phóng dật.
- (3) Giải, hành tà vạy.
- (4) Có lỗi lầm của chướng ngại.

Thế nào là sự sinh bị ràng buộc? Tức như có một hữu tình sinh nơi đất nước vùng xa xôi, cùng ở vào hạng hạ tiện, biên địa, bốn chúng hiền thiện và các bậc thiện tri thức không hề lui tới. Đó gọi là sự sinh bị ràng buộc.

Thế nào là có lỗi lầm do phóng dật? Nghĩa là như có một hữu tình, tuy sinh nơi vùng giữa nước, lại không phải là hạng hạ tiện, biên địa, bốn chúng hiền thiện cùng các bậc thiện tri thức luôn tới lui, gia đình thuộc loại giàu sang, của cải châu báu dồi dào, đối với các thứ dục thượng diệu tỏ ra tham đắm thọ dụng, không thấy họa hoạn của chúng, không biết nẻo xuất ly. Đó gọi là có lỗi lầm do phóng dật.

Thế nào là giải, hành tà vạy? Tức là như có một hữu tình, tuy sinh nơi vùng giữa nước, cho đến nói rộng, nhưng có vô số ác kiến của ngoại đạo. Nghĩa là đầy khởi kiến chấp như vậy, tạo lập luận thuyết như vậy, cho là không có bổ thí, nói rộng cho đến bảo: Ta tự nhận biết rõ không có các đời sau. Lại do có các kiến chấp của ngoại đạo như thế, nên không được gặp chư Phật xuất hiện ở đời, không có các bậc thiện hữu thuyết giảng chánh pháp. Đó gọi là giải, hành tà vạy.

Thế nào là có lỗi lầm của chướng ngại? Nghĩa là như có một hữu tình, tuy sinh nơi vùng giữa nước, nói rộng như trước, cũng được

gặp chư Phật xuất hiện ở thế gian, được các bậc thiện tri thức nêu giảng chánh pháp, nhưng tánh ngu độn, tối tăm, không hiểu biết. Lại thuộc loại câm ngọng, nói năng khó khăn, không có năng lực để có thể nhận rõ nẻo thiện ác nơi các nghĩa pháp hiện có. Hoặc lại gây tạo các nghiệp vô gián. Hoặc lại trong thời gian dài dấy khởi ác phiền não. Đó gọi là có lỗi lầm của chương ngại.

Như vậy gọi là bốn thứ nhân duyên. Do nhân duyên ấy nên tuy có pháp Niết-bàn nhưng không Bát Niết-bàn. Vì ấy, nếu được gặp chư Phật xuất hiện ở đời, được nghe chánh pháp, có được sự chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền, không có các nhân duyên kia, bấy giờ mới có thể thành thực căn thiện, dần dần cho tới đạt Bát Niết-bàn. Các Bồ-đặc-già-la không có pháp Niết-bàn, trụ nơi tự quyết định, kẻ ấy, nếu gặp duyên hoặc không gặp duyên, hiện bày khắp tất cả chúng, rốt ráo không thể đạt được Bát Niết-bàn.

Hỏi: Những gì gọi là duyên của pháp Bát Niết-bàn, mà nói nếu thiếu, nếu không có thì không gặp gỡ nên không đạt Bát Niết-bàn?

Đáp: Có hai thứ duyên. Những gì là hai? Đó là: Hơn, kém.

Thế nào là duyên hơn? Đó là chánh pháp tăng thượng nơi âm thanh của kẻ khác, cùng bên trong thì tác ý như lý.

Thế nào là duyên kém? Tức duyên kém này có nhiều loại. Đây là hoặc tự viên mãn, hoặc kẻ khác viên mãn. Hoặc mong muốn pháp thiện, hoặc chính thức xuất gia, hoặc giới luật nghi, hoặc căn luật nghi. Hoặc đối với việc ăn uống biết rõ về lượng. Hoặc đầu đêm cuối đêm luôn siêng năng tu tập, tỉnh giấc về Du già. Hoặc nhận thức đúng đắn mà trụ. Hoặc ưa thích hạnh xa lìa. Hoặc làm thanh tịnh các thứ ngăn che (cái). Hoặc dựa vào Tam-ma-địa.

Thế nào là tự viên mãn? Nghĩa là khéo được thân người, sinh nơi xứ Thánh, các căn không thiếu, tịnh tín Thắng xứ, lìa các nghiệp chướng.

Thế nào gọi là khéo được thân người? Tức là như có một hữu tình sinh nơi đồng phận người, được thân trọng phu, nam căn thành tựu. Hoặc được thân nữ. Như vậy gọi là khéo được thân người.

Thế nào gọi là sinh nơi xứ Thánh? Nghĩa là như có một hữu tình, sinh nơi vùng giữa nước, nói rộng như trước, cho đến các bậc thiện tri thức đều luôn lui tới. Như thế gọi là sinh nơi xứ Thánh.

Thế nào gọi là căn không thiếu? Tức là như có một hữu tình, tánh không ngu độn, cũng không tối, bướng, không tâm ngọng cho đến nói rộng, các chi phần đều không giảm. Kể ấy, do các chi phần đầy đủ, như tai mắt không thiếu, nên có thể đối với phẩm Thiện siêng năng, tinh tấn tu tập. Như thế gọi là các căn không thiếu.

Thế nào gọi là tịnh tín của thắng xứ? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với các pháp, Tỳ-nại-da do các Đức Như Lai Chánh Giác nêu giảng có được tâm tin tưởng thanh tịnh. Như vậy gọi là tịnh tín của thắng xứ.

Nói thắng xứ: Đó là các pháp, luật do chư Như Lai Chánh Giác thuyết giảng, có thể sinh khởi tất cả pháp bạch tịnh thế gian và xuất thế gian. Ở đây, phát khởi các sự tin tưởng thanh tịnh tăng thượng nơi hành trước, gọi là tịnh tín của thắng xứ, có thể dứt trừ tất cả mọi cấu trược của các phiền não hiện có.

Thế nào gọi là lìa các nghiệp chướng? Đó là, có thể xa lìa năm nghiệp vô gián... Nếu đối với năm nghiệp vô gián ấy có sự tạo tác tăng trưởng, thì ở trong hiện pháp, hoàn toàn không thể chuyển đạt Bát Niết-bàn, sinh khởi Thánh đạo. Do vậy, căn cứ nơi vị ấy, nói là lìa các nghiệp chướng. Chính là do năm thứ chi phần nơi tự Thể viên mãn như thế, vì vậy gọi là tự viên mãn.

Thế nào là kẻ khác viên mãn? Nghĩa là, chư Phật xuất hiện ở đời thuyết giảng giáo pháp chân chánh, giáo pháp ấy trụ lâu, pháp trụ tùy chuyển, là đối tượng thương xót của kẻ khác.

Thế nào gọi là chư Phật xuất hiện ở thế gian? Tức là như có một hữu tình, đối khắp hết thấy các loài hữu tình, phát khởi ý lạc tăng thượng, tạo lợi ích tốt đẹp tu tập nhiều ngàn hạnh khổ khó hành, trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tích tập hai thứ tư lương là phước đức và trí tuệ rộng lớn, đạt được thân thượng diệu tối hậu, an tọa nơi tòa Bồ-đề thù thắng vô thượng, đoạn trừ năm thứ ngăn che, đối với bốn niệm trụ, tâm ấy khéo trụ, tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, hiện chứng Chánh đẳng giác vô thượng. Như thế gọi là chư Phật xuất hiện ở đời. Chư Phật quá khứ hiện tại vị lai đều do như vậy gọi là xuất hiện nơi thế gian.

Thế nào gọi là nêu giảng giáo pháp chân chánh? Tức chư Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời như vậy, thương xót hết thấy các hàng Thanh văn, nên dựa vào bốn Thánh đế, tuyên thuyết vô lượng pháp giáo về khổ tập diệt đạo chân thật. Đó là Khế kinh, Ứng tụng... Như vậy gọi là nêu giảng giáo pháp chân chánh.

Chư Phật Thế Tôn cùng các Thánh đệ tử, tất cả các bậc chánh sĩ đều nhân nơi pháp ấy mà được giải thoát. Sau đấy, vì người khác mà giảng nói, xưng tán. Do vậy, gọi đấy là tuyên thuyết chánh pháp, là nêu giảng giáo pháp chân chánh.

Thế nào gọi là giáo pháp trụ lâu? Nghĩa là nêu giảng chánh pháp, chuyển pháp luân, cho đến Đức Thế Tôn với thọ lượng trụ lâu, và sau khi nhập Niết-bàn, trải qua từng ấy thời gian, chánh hạnh chưa giảm, chánh pháp chưa ẩn mất. Như thế gọi là chánh pháp trụ lâu. Sự trụ lâu như vậy, nên biết là nói về đạo lý được trụ chứng của chánh pháp với thắng nghĩa ấy.

Thế nào gọi là pháp trụ tùy chuyển? Nghĩa là người chứng đắc chánh pháp như thế, nhận biết rõ chúng sinh có năng lực nên có thể chứng đắc chánh pháp như vậy, tức như đối tượng được chứng đắc tùy chuyển, tùy thuận để giảng dạy, trao tuyền, khuyên bảo. Như vậy gọi là pháp trụ tùy chuyển.

Thế nào gọi là đối tượng được thương xót của kẻ khác? Kẻ khác tức là thí chủ. Vị ấy đối với hành giả khởi tâm thương xót, tuệ thí các vật dụng cần thiết cho đời sống thuận theo tịnh mạng. Đó là như pháp với các thứ y phục, thức ăn uống, các vật dụng ngồi, nằm, các thư thuốc men trị bệnh. Như vậy gọi là đối tượng được thương xót của kẻ khác.

Thế nào là mong muốn pháp thiện? Tức là như có một hữu tình, hoặc từ trụ xứ của Phật, hoặc ở nơi trụ xứ của các đệ tử Phật, nghe chánh pháp rồi, nên học như vậy: Tại gia phiền nhiễu như ở chốn bụi bặm. Xuất gia rộng vắng như ở nơi hư không. Vì thế Ta nay nên từ bỏ tất cả các thứ của cải, châu báu, quyền thuộc, vợ con, ở trong pháp luật giảng nói thiện, chính thức xả bỏ đời sống gia đình, hướng tới đời sống không gia đình. Đã xuất gia rồi, siêng năng tu tập chánh hạnh khiến được viên mãn, ở trong pháp thiện sinh sự mong muốn, như thế gọi là mong muốn pháp thiện.

Thế nào là xuất gia chân chánh? Tức do lực tăng thượng của sự mong muốn pháp thắng thiện ấy, nên bạch tứ yết ma, thọ giới cụ túc, hoặc thọ nhận học giới của hàng xuất gia. Đó gọi là xuất gia chân chánh.

Thế nào là giới luật nghi? Nghĩa là vị ấy đã chính thức xuất gia rồi, an trụ nơi giới luật đầy đủ, phòng hộ chắc chắn, nơi biệt giải luật nghi luôn được hành trì đều đặn viên mãn, đối với các tội hết sức nhỏ đều có sự sợ hãi lớn, thọ học hết thầy học xứ hiện có. Đó là giới luật nghi.

Thế nào là căn luật nghi? Nghĩa là nương nơi Thi la luật nghi ấy để giữ gìn chánh niệm, tu thường thuận niệm, dùng niệm để ngăn tâm, hành vị bình đẳng. Mắt thấy sắc rồi, nhưng không giữ lấy tướng, không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo, vì sợ dựa vào xứ đó, khiến không tu tập luật nghi của nhãn căn, nên cần ngăn giữ, giúp tâm an trụ. Vị ấy tu hành luật nghi, luôn phòng giữ nhãn căn, đối với các pháp ác

bất thiện như tham, ưu hiện có thường rò rỉ tạo tác động xấu. Vị ấy dựa nơi nhãn căn tu hành luật nghi. Hành trì như thế, nên tai nghe âm thanh rồi, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý rõ pháp rồi, nhưng đều không giữ lấy tướng, không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo, giống như nơi nhãn căn... nên vị ấy tu hành luật nghi, ngăn giữ ý căn, dựa nơi ý căn để tu hành luật nghi. Đó gọi là căn luật nghi.

Thế nào gọi là đối với việc ăn uống biết rõ về lượng? Nghĩa là vị ấy đã giữ gìn các căn như thế rồi, dùng sự xét chọn đúng đắn về việc ăn uống, không vì để khoa trương, không vì kiêu mạn, phóng dật, không vì để tạo sự đẹp đẽ, oai nghiêm, nhưng rõ ràng việc ăn uống là để thân được an trụ, là để tạm ứng phó với sự sống, vì để dứt trừ đói khát, vì nhằm thân gồm phạm hạnh, vì để đoạn bỏ sự thọ nhận cũ, vì thiếu sự thọ nhận mới sẽ không sinh trở lại, vì cần nuôi giữ sức lực, vui không tội lỗi, trụ nơi an ổn. Như vậy gọi là đối với việc ăn uống biết rõ về lượng.

Thế nào gọi là đầu đêm cuối đêm luôn siêng năng tu tập, tỉnh giác về Du già? Đó là vị ấy đối với việc ăn uống đã biết rõ về lượng như thế rồi, vào ban ngày với hai thứ oai nghi là kinh hành, ngồi thiền, thuận theo pháp ngăn che, tịnh tu nơi tâm. Nơi phần đầu đêm, hai thứ oai nghi ấy cũng thuận theo pháp ngăn che để tịnh tu nơi tâm. Qua khỏi thời gian này thì ra ngoài, rửa ráy tay chân sạch sẽ, nằm nghiêng theo hông bên phải, chông hai chân lên, trụ nơi tưởng ánh sáng, chánh niệm, chánh tri, tư duy khởi tưởng. Vào phần cuối đêm mau chóng thức dậy, hai thứ oai nghi là kinh hành và ngồi thiền cũng thuận theo pháp ngăn che để tịnh tu nơi tâm. Như thế gọi là đầu đêm cuối đêm luôn siêng năng tu tập tỉnh giác về Du già.

Thế nào là nhận biết đúng đắn (Chánh tri) mà trụ? Tức là vị ấy luôn siêng năng tu tập tỉnh giác về Du già như vậy rồi, hoặc qua hoặc lại, luôn chánh tri an trụ. Hoặc thấy hoặc xem, luôn chánh tri an trụ. Hoặc thu hẹp hoặc mở rộng, luôn chánh tri an trụ. Mặc Tăng-già-chi

cùng mang y, cầm bát, luôn chánh tri an trụ. Hoặc ăn hoặc uống, hoặc nhai hoặc nếm, luôn chánh tri an trụ. Hoặc đi hoặc đứng, hoặc ngồi hoặc nằm, luôn chánh tri an trụ. Vào lúc thức giấc, luôn chánh tri an trụ. Hoặc nói năng, hoặc im lặng, luôn chánh tri an trụ. Như khi ngủ nghỉ, cũng luôn chánh tri an trụ. Như thế gọi là chánh tri mà trụ.

Thế nào là vui thích hạnh xa lìa? Tức là do tu tập pháp thiện như vậy, nên tu tập đối trị thuận hợp về nghiệp địa thứ nhất rồi, xa lìa hết thấy sự tham vướng về vật dụng nằm ngồi, trụ nơi A-luyện-nhã, nơi cội cây, nhà trống vắng, nơi hang kín hỏ sâu, chốn núi cao, trái cỏ ngồi nơi khoảng đất trống, nơi nghĩa địa, nơi rừng, chằm, nơi vùng đồng ruộng vắng, với các biên vực ngoại cụ như thế, đó gọi là ưa thích hạnh xa lìa.

Thế nào là làm thanh tịnh các thứ ngăn che? Đây là vị ấy, trụ nơi A-luyện-nhã như vậy, hoặc trụ bên cội cây, hoặc nơi phòng trống, đối với năm thứ ngăn che, tịnh tu nơi tâm. Năm thứ ngăn che là tham dục, sân hận, hôn trầm – thù miên (Ham ngủ nghỉ) trạo cử (lắc, động) – ó tác (Hối) và nghi. Vị ấy, đối với các thứ ngăn che đã tịnh tu nơi tâm rồi, tâm lìa các thứ ngăn che, an trụ nơi Tam-ma-địa thù thắng, hiển thiện. Như vậy gọi là làm thanh tịnh các thứ ngăn che.

Thế nào là dựa nơi Tam-ma-địa? Nghĩa là vị ấy, đã đoạn trừ năm thứ ngăn che như vậy rồi, nên có thể xa lìa các thứ tùy phiền não của tâm, xa lìa các pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc, nhập nơi tĩnh lự thứ nhất, an trụ đầy đủ. Tầm tứ tịch tĩnh, bên trong cùng tịnh, tâm tánh một hương. Không tầm không tứ, định sinh hỷ lạc, nhập tĩnh lự thứ hai, an trụ đầy đủ. Xa lìa hỷ tham, an trụ nơi niệm xả, cùng do chánh tri, thân thọ nhận lạc bậc Thánh đã nêu dạy, bỏ niệm, trụ nơi an lạc đầy đủ, nhập tĩnh lự thứ ba an trụ gồm đủ. Đoạn lạc rốt ráo, trước là đoạn khổ, hỷ, ưu cùng mất, không khổ không lạc, xả niệm, thanh tịnh, nhập tĩnh lự thứ tư, an trụ trọn vẹn. Như thế gọi là dựa nơi Tam-ma-địa.

Vị ấy do lần lượt tu hành như vậy, càng về sau, các duyên tu tập càng chuyên tăng hơn, vô thượng, đầu tiên là tự viễn mãn, sau cùng là dựa nơi Tam-ma-địa, đạt được tâm thanh tịnh sáng sạch như thế, không có các tỳ vết cấu uế, lìa mọi tùy phiền não, ngay thẳng, nên có khả năng an trụ chẳng động. Nếu lại đạt được việc dựa vào bốn Thánh đế, nhằm khiến nhận biết khắp, tác chứng đoạn trừ vĩnh viễn, tu tập theo âm thanh của kẻ khác, nên dạy, khuyên bảo, trao truyền, liền có được uy lực để có thể nhận lãnh như vậy, phát sinh tác ý như lý dẫn dắt. Vị ấy, với chánh kiến hiện có từ trước, do đây nên có thể đối với bốn Thánh đế hội nhập hiện quán chân thật, giải thoát viên mãn, ở nơi cảnh giới Niết-bàn vô dư y mà Bát Niết-bàn. Đó gọi là tu tập chân thật về chủng tánh, từ tự viên mãn, cho đến sau cùng là nương nơi Tam-ma-địa, nên biết đó gọi là tu tập theo duyên kém. Nếu dựa vào giáo pháp bốn Thánh đế, với sự nêu dạy, khuyên bảo trao truyền hiện có, theo âm thanh của kẻ khác, hoặc như tác ý chánh lý dẫn dắt, nên biết đó gọi là tu tập theo duyên hơn hẳn. Như thế gọi là Chủng tánh được an lập.

Thế nào là trụ nơi chủng tánh với các tướng hiện có? Nghĩa là cùng trái với các tướng của tất cả Bồ-đặc-già-la không có pháp Niết-bàn. Nên biết tức gọi là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh với các tướng hiện có.

Hỏi: Những gì gọi là các tướng hiện có của Bồ-đặc-già-la không có pháp Niết-bàn? Do có các tướng ấy, nên biết được gọi là Bồ-đặc-già-la không có pháp Niết-bàn?

Đáp: Bồ-đặc-già-la không có pháp Niết-bàn có rất nhiều tướng. Tôi nay sẽ nói phần ít của các tướng ấy. Đó là hữu tình kia, đầu tiên là Bồ-đặc-già-la không có pháp Niết-bàn, tức không trụ nơi chủng tánh: Tâm thức tham ái hiện khắp tất cả chúng, thấy đều bị ràng buộc, phụ thuộc vào chỗ dựa, tạo thành vô lượng pháp không thể lay, nhỏ, từ lâu xa luôn theo đuổi, bám chặt vào sự tương tục, tất cả chư

Phật đều không thể cứu độ. Đó gọi là tướng thứ nhất của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh.

Lại nữa, các tướng khác của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh. Đó là hữu tình ấy đã lắng nghe việc dùng vô lượng môn để chê trách rất nhiều lỗi lầm của sinh tử. Lại cũng lắng nghe việc dùng vô lượng môn để tán dương vô số công đức của Niết-bàn. Nhưng kẻ ấy đối với sinh tử, không thấy một phần ít nào về những lỗi lầm của hý luận, không thấy một phần ít nào về những tai họa hiện có nơi sinh tử, cũng lại không thể có một chút chán lìa nào. Như vậy là sự nhận thấy để chán lìa đối với đời quá khứ đã không thể sinh, đối với đời vị lai sẽ không thể sinh, đối với đời hiện tại không thể đang sinh. Lại, đối với Niết-bàn tịch tĩnh ái dứt hết, không thấy một chút nào về công đức thấp kém, không thấy một phần nhỏ nào về những lợi lạc thù thắng hiện có, cũng lại không thể có được một chút vui mừng. Như thế là sự nhận thấy để vui mừng ấy, đối với ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thể phát sinh. Đó gọi là tướng thứ hai của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh.

Lại có tướng khác của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh. Đó là kẻ ấy bản tánh không biết hổ thẹn thuộc loại thượng phẩm. Do nhân duyên đó, nên không có tâm chán ghét ác, không biết sợ hãi, đem tâm vui thích hiện hành các thứ xấu ác. Vì nhân duyên ấy nên chưa từng biết nhớ nghĩ hối hận, chỉ biết xem nơi hiện pháp. Do vậy, tự thân, của cải, châu báu đều suy thoái theo lỗi lầm, tai họa. Đó gọi là tướng thứ ba của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh.

Lại có tướng khác của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh. Đó là tất cả loại giáo pháp chân chánh viên mãn, sáng tỏ, xứng hợp với đạo lý, hay đẹp, thù thắng, dễ có thể hiểu rõ, hoặc dựa nơi khổ đế, hoặc dựa nơi tập đế, hoặc nương vào diệt đế, hoặc nương vào đạo đế, khi tuyên thuyết, khai thị, kẻ ấy không thể

đạt được mảy may để phát tâm, mảy may để tin hiệu, hưởng hò là có thể khiến cho toàn thân xúc động rộn người, thương xót rơi lệ! Như thế là cũng dựa vào ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai có sự khác biệt. Đó gọi là tướng thứ tư của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh.

Lại có tướng khác của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh. Đó là kẻ ấy, hoặc lúc ở trong pháp, luật thuyết giảng thiện, vừa được xuất gia: Hoặc do bị quốc vương bức bách. Hoặc do sự bức bách của giặc cuồng, của chủ nợ, của sự sợ hãi, của sự lo sợ không thể sống. Hữu tình ấy, không phải vì tự điều phục tâm ý, không phải vì tự cầu đạt tịch tĩnh, chẳng phải vì tự cầu đạt Niết-bàn, chẳng phải vì tánh Sa-môn, tánh Bà-la-môn mà cầu xuất gia. Đã xuất gia rồi, lại ưa thích cùng với chúng tại gia và xuất gia cư trú lẫn lộn, ồn tạp. Hoặc phát khởi nguyện tà, tu các phạm hạnh là cầu sinh thiên hay sinh các thiên xứ khác. Hoặc vui thích thoái chuyển, xả bỏ các giới cấm đã học, hoặc phạm Thi la, bên trong là sự hủ bại nhưng hiện bên ngoài vẻ như chân thật, như nơi nước sinh ra các thứ uế tạp, thật chẳng phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, chẳng phải là hành phạm hạnh tự xưng là phạm hạnh. Như vậy là cũng dựa vào sự khác biệt của ba đời quá khứ hiện tại vị lai. Nên biết, tướng giả xuất gia của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh như thế, không phải là Bồ-đặc-già-la chẳng ưa thích học, gọi là chân xuất gia, thọ giới cụ túc, thành tựu tánh Bí-sô. Do môn khác ấy, do ý hướng ấy, nên nghĩa được hiển bày nơi kẻ đó, vốn chẳng phải là xuất gia, chỉ có việc nhận giữ hình tướng xuất gia, thuộc về số lượng xuất gia. Đó gọi là tướng thứ năm của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh.

Lại có tướng khác của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh. Đó là hữu tình ấy, ít có tạo tác về nghiệp thiện, hoặc do nơi thân, ngữ, ý, tất cả đều là mong cầu nói các cõi. Hoặc do

nơi đòi vị lai với thân sau thù thắng. Hoặc cầu về tài sản vật báu. Hoặc cầu về của cải châu báu hiện có thù thắng. Đó gọi là tướng thứ sáu của Bồ-đặc-già-la không trụ nơi chủng tánh, không có chủng tánh.

Các loại như thế có rất nhiều tướng tạo thành hữu tình ấy, nên thuộc về số lượng không có pháp Niết-bàn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh? Đó là Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh, hoặc có loại chỉ trụ nơi chủng tánh mà chưa hướng nhập, cũng chưa xuất ly. Hoặc có loại an trụ nơi chủng tánh, cũng đã hướng nhập, cũng đã xuất ly. Hoặc có loại thuộc hạ căn, trung căn, lợi căn. Hoặc có loại là hành tham, có loại là hành sân, có loại là hành si. Hoặc có loại sinh bị ràng buộc, hoặc có loại sinh không bị ràng buộc. Hoặc có loại phóng dật, hoặc có loại không phóng dật. Hoặc có loại hành tà, hoặc có loại không hành tà, hoặc có loại bị chướng ngại, hoặc có loại không bị chướng ngại. Hoặc xa hoặc gần, hoặc chưa thành thực, hoặc đã thành thực. Hoặc chưa thanh tịnh, hoặc đã thanh tịnh.

Thế nào gọi là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh, chỉ trụ nơi chủng tánh, nhưng chưa hướng nhập, cũng chưa xuất ly? Đó là như có một Bồ-đặc-già-la, thành tựu chủng tử của Thánh pháp xuất thế gian, nhưng chưa được gần gũi với bậc thiện tri thức để nghe chánh pháp, chưa ở nơi Pháp – Luật do Đức Như Lai Chánh Giác chính thức thuyết giảng đạt được chánh tín, chưa thọ trì tịnh giới, chưa thâm nhận đa văn, chưa tăng trưởng tuệ xả, chưa điều phục các kiến. Như thế gọi là Bồ-đặc-già-la chỉ trụ nơi chủng tánh, nhưng chưa hướng nhập, cũng chưa xuất ly.

Thế nào gọi là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh, cũng đã hướng nhập nhưng chưa xuất ly? Đó là phẩm bạch trái ngược với phẩm hắc hiện có đã nói ở trước, nên biết, tức gọi là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh, cũng đã hướng nhập. Nhưng sai biệt là: Vẫn

chưa đạt được Thánh đạo hiện có cùng quả của Thánh đạo là lia trôi buộc của phiền não.

Thế nào gọi là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh, cũng đã hướng nhập và đã xuất ly? Đó là, như trước đã nêu, nhưng sai biệt là: Đã được Thánh đạo và quả của Thánh đạo là lia trôi buộc của phiền não.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la thuộc hạ căn? Đó là có Bồ-đặc-già-la như vậy: Đối với các sự việc cần nhận biết nơi cảnh giới của đối tượng duyên, các căn hiện có đều rất chậm chạp, chuyển biến nhỏ, yếu, hoặc do Văn Tư Tu tạo thành, tác ý tương ưng. Nghĩa là, hoặc các căn như tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, đều không thể đảm nhận, không có uy lực để thông đạt nghĩa pháp, mau chóng chân thật. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thuộc hạ căn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la thuộc trung căn? Đó là có Bồ-đặc-già-la như vậy: Đối với các sự việc cần nhận biết nơi cảnh giới của đối tượng duyên, các căn hiện có, sự vận hành ít chậm chạp, tất cả như trước phải nên nói rộng. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thuộc trung căn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la thuộc lợi căn? Đó là có Bồ-đặc-già-la như thế: Đối với các sự việc cần nhận biết nơi cảnh giới của đối tượng duyên, các căn hiện có đều vận hành không chậm chạp, chuyển biến không nhỏ, kém, hoặc do Văn Tư Tu tạo thành tác ý tương ưng. Nghĩa là, các căn như tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, đều có thể đảm nhận, có uy lực lớn để thông đạt nghĩa pháp, mau chóng chân thật. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thuộc hàng lợi căn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành tham? Tức là có Bồ-đặc-già-la như vậy: Đối với các sự việc đáng yêu thích, các sự việc có thể đảm nhiệm nơi cảnh giới của đối tượng duyên, hữu tình ấy luôn có tham mãnh liệt, luôn có tham trong thời gian dài. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la hành tham.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành sân? Tức là có Bồ-đặc-già-la như vậy: Đối với các sự việc đáng ghét, các sự việc đáng giận dữ nơi cảnh giới của đối tượng duyên, hữu tình ấy luôn có sân hận mãnh liệt, sân hận trong thời gian dài. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la hành sân.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành si? Tức là có Bồ-đặc-già-la như vậy: Đối với các sự việc cần nhận biết nơi cảnh giới của đối tượng duyên, hữu tình ấy có sự si ám nặng nề, si ám trong thời gian dài. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la hành si.

Hoặc có Bồ-đặc-già-la sự sinh bị trói buộc, hoặc có phóng dật, hoặc có hạnh tà, hoặc có chướng ngại, hết thảy các Bồ-đặc-già-la như thế, nên biết như trước đã nói. Trái ngược với các trường hợp này, nên biết tức là các Bồ-đặc-già-la sự sinh không bị trói buộc, không có phóng dật, không có hạnh tà, không có chướng ngại.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la xa? Tức là có Bồ-đặc-già-la như vậy: Do thời gian xa nên cách xa Niết-bàn. Hoặc có hữu tình lại do gia hạnh xa nên nói là xa.

Thế nào gọi là do thời gian xa nên cách xa Niết-bàn? Tức là có Bồ-đặc-già-la như vậy: Trải qua nhiều trăm đời, hoặc có nhiều ngàn đời, hoặc có trăm ngàn đời, sau đây mới có thể gặp được duyên thù thắng, đạt Bát Niết-bàn.

Thế nào gọi là do gia hạnh xa nên nói là xa? Tức là có Bồ-đặc-già-la như vậy: Chỉ trụ nơi chủng tánh nhưng chưa hưởng nhập, nên không thể mau chóng gặp được thắng duyên, đạt được Bát Niết-bàn. Hữu tình ấy, đối với Niết-bàn chưa có thể phát khởi gia hạnh thù thắng, do gia hạnh xa nên gọi là xa, không phải do thời gian xa. Hai loại như thế tóm lược chung làm một, gọi là Bồ-đặc-già-la xa.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la gần? Nghĩa là các loại Bồ-đặc-già-la như thế, do thời gian gần nên cách Niết-bàn gần. Hoặc có trường hợp lại do gia hạnh gần nên gọi là gần.

Thế nào gọi là thời gian gần nên cách Niết-bàn gần? Tức là có Bồ-đặc-già-la như thế: Trụ nơi đời sau cùng, trụ nơi hữu sau cùng, trụ nơi thân sau cùng, tức do thân ấy nên được Niết-bàn. Hoặc tức do sát-na vô gián ấy, đối với phiền não đã đoạn trừ nên được tác chứng. Như thế gọi là do thời gian gần nên cách Niết-bàn gần.

Thế nào gọi là do gia hạnh gần nên nói là gần? Tức là có Bồ-đặc-già-la như thế: An trụ nơi chủng tánh, cũng đã hướng nhập. Hai loại như vậy tóm lược chung làm một, gọi là Bồ-đặc-già-la gần.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la chưa thành thực? Tức là có loại Bồ-đặc-già-la như thế: Chưa thể đạt được thân, hữu sau cùng, trụ nơi thân ấy, có thể Bát Niết-bàn. Hoặc có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la chưa thành thực.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la đã thành thực? Tức là có loại Bồ-đặc-già-la như thế: Đã có thể đạt được thân, hữu sau cùng, trụ nơi thân ấy có thể Bát Niết-bàn. Hoặc có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la đã thành thực.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la chưa thanh tịnh? Đó là có loại Bồ-đặc-già-la như vậy: Chưa sinh nơi Thánh đạo, đối với quả của Thánh đạo là lia mọi trói buộc của phiền não, chưa có thể tác chứng. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la chưa thanh tịnh.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la đã thanh tịnh? Tức là về tướng nên biết là trái ngược với trường hợp trên.

Như thế gọi là những sai biệt hiện có của Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh. Vì nhằm hóa độ các Hữu tình ấy nên chư Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời. Nghĩa là nếu họ chưa hướng nhập thì khiến hướng nhập, họ chưa thành thực thì khiến thành thực, nếu họ chưa thanh tịnh thì khiến thanh tịnh, chuyển chánh pháp luân, chế lập học xứ.

Xứ Du Già thứ nhất, phần 2: Địa Hướng Nhập

Như vậy là đã nói về Địa Chung tánh.

Thế nào là Địa Hướng Nhập? Tụng nêu:

*Như lược nói tất cả
Địa Hướng Nhập nên biết
Là Tự tánh, An lập
Các tướng Số thủ thú.*

Đó là, hoặc của tự tánh hướng nhập, hoặc an lập của hướng nhập, hoặc người hướng nhập với các tướng hiện có, hoặc Bồ-đặc-già-la đã hướng nhập, tất cả như vậy tóm lược chung làm một, gọi là Địa Hướng Nhập.

Thế nào là Tự tánh của hướng nhập? Tức Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chung tánh, bản tánh thành tựu chủng tử của Niết-bàn. Nếu như vào thời bấy giờ có Phật xuất hiện ở đời, hữu tình ấy sinh ở vùng giữa nước, không sinh vào hàng hạ tiện nơi biên Địa, cho đến nói rộng, đầu tiên là được gặp Phật cùng đệ tử của Phật, thường lui tới, thừa sự, theo đây được nghe pháp, có được chánh tín, thọ trì tịnh giới, thâm nhận đa văn, tăng trưởng tuệ xả, điều phục các kiến giải. Từ đó về sau, do pháp được thọ nhận ấy, do nhân duyên đó, nên thân hoại mạng chung rồi, đã vượt qua đời này rồi, đạt được các căn thù thắng thuộc về dị thực của sáu xứ, có thể hành tác trong thời gian dài khiến chánh tín càng thêm vững chắc, nương dựa sinh khởi, cũng có thể cùng với hữu tình ấy thọ trì tịnh giới, thâm nhận đa văn, tăng trưởng tuệ xả, điều phục các kiến giải, chuyển biến tăng thượng, hơn hẳn, càng thêm vi diệu làm chỗ nương dựa. Lại do sự chuyển biến tăng thượng hơn hẳn càng thêm vi diệu như thế, nên các pháp như tín... đã phát sinh, lại có được những dị thực thù thắng khác. Do những dị thực này, nên lại đạt được các pháp thiện xuất thế tùy thuận khác

cùng thù thắng hơn nữa. Như vậy là lần lượt cùng làm nhân dựa, cùng tạo nên uy lực, nơi các đời về sau cùng chuyên biến thắng tấn, cho đến đạt được thân, hữu sau cùng, trụ ở đáy mà Bát Niết-bàn, hoặc có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Đó gọi là Hướng nhập. Vì sao? Vì hoặc đạo, hoặc con đường, hoặc dấu vết của chánh hành, có thể đạt được Niết-bàn, có thể hướng tới Niết-bàn. Vì ấy, bấy giờ có thể vươn cao, có thể hội nhập, có thể thực hành chánh hạnh lần lượt hướng tới cứu cánh tột cùng, do đó, được gọi là đã hướng nhập. Như thế gọi là Tự tánh của hướng nhập.

Thế nào là An lập của hướng nhập? Nghĩa là hoặc có chủng tánh, hoặc có hướng nhập, hoặc có sắp thành thực, hoặc có đã thành thực, hoặc có chỉ hướng nhập, không phải là sắp thành thực, không phải là đã thành thực. Hoặc có cũng hướng nhập, cũng sắp thành thực, chẳng phải là đã thành thực. Hoặc có cũng hướng nhập, cũng đã thành thực, chẳng phải là sắp thành thực. Hoặc có chẳng phải là hướng nhập, chẳng phải là sắp thành thực, chẳng phải là đã thành thực.

Thế nào là có chủng tánh? Nghĩa là như trước đã nói.

Thế nào là có hướng nhập? Đó là Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh, đầu tiên đạt được những điều trước kia chưa đạt, ở trong pháp, luật do các Đức Như Lai Chánh Giác nêu giảng, với chánh tín hiện có, thọ trì tịnh giới, thâm nhận đa văn, tăng trưởng tuệ xả, điều phục các kiến giải. Đó gọi là hướng nhập.

Thế nào là sắp thành thực? Tức Bồ-đặc-già-la đã đạt được hướng nhập như thế – ngoại trừ trường hợp đạt được thân, hữu sau cùng, trụ ở đáy mà được Bát Niết-bàn, hoặc có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh – từ sau khi hướng nhập, vào các đời cang về sau này, luôn tu tập, các căn cang chuyên biến tăng thượng thù thắng, vi diệu. Đó gọi là sắp thành thực.

Thế nào là đã thành thực? Tức là đã được thân, hữu sau cùng, hoặc trụ ở đáy để chứng đắc Bát Niết-bàn, hoặc có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Đó gọi là đã thành thực.

Thế nào là chỉ hướng nhập, chẳng phải là sắp thành thực, chẳng phải là đã thành thực? Nghĩa là, đầu tiên đối với pháp, luật do chư Như Lai Chánh Giác chính thức nên giảng, đạt được chánh tín vốn có, nói rộng cho đến điều phục các kiến giải, từ đáy về sau, chưa trải qua một đời nào. Đó gọi là chỉ hướng nhập, chẳng phải là sắp thành thực, chẳng phải là đã thành thực.

Thế nào là cũng hướng nhập, cũng sắp thành thực, chẳng phải đã thành thực? Nghĩa là, đầu tiên đạt được chánh tín vốn có đối với pháp, luật do chư Như Lai Chánh Giác chính thức nên giảng, nói rộng cho đến điều phục các kiến giải, từ đáy về sau lại trải qua một đời, hoặc hai hoặc nhiều đời, nhưng chưa đạt được thân, hữu sau cùng để từ đó đắc Bát Niết-bàn. Phần còn lại như trước đã nói. Đó gọi là cũng hướng nhập, cũng sắp thành thực, chẳng phải là đã thành thực.

Thế nào là cũng hướng nhập, cũng đã thành thực, chẳng phải sắp thành thực? Tức là Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập như thế, lại đã đạt được thân, hữu sau cùng, hoặc trụ ở đáy để chứng đắc Bát Niết-bàn, phần còn lại như trước đã nói. Đó gọi là cũng đã hướng nhập, cũng đã thành thực, chẳng phải là sắp thành thực.

Thế nào là chẳng phải là đã hướng nhập, chẳng phải là sắp thành thực, chẳng phải là đã thành thực? Tức Bồ-đặc-già-la có pháp Niết-bàn như vậy, chỉ trụ nơi chủng tánh, nhưng chưa hướng nhập. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la chẳng phải đã hướng nhập, chẳng phải là sắp thành thực, chẳng phải là đã thành thực. Nhưng có thể gắng sức, nhất định sẽ hướng nhập, sẽ thành thực.

Lại có một loại Bồ-đặc-già-la nhất định không thể gắng sức để sẽ được hướng nhập, sẽ được thành thực. Đó là Bồ-đặc-già-la lia

chúng tánh, không có pháp Niết-bàn, nên biết Bồ-đặc-già-la không có chủng tánh như vậy, tức nhất định không thể gắng để sẽ được hướng nhập, cũng sẽ được thành thực, huống hồ là sẽ có thể chứng đắc Bát Niết-bàn.

Ở đây, nên biết, hết thấy Bồ-đặc-già-la như thế là thuộc về sáu phần vị . Đó là:

- (1) Bồ-đặc-già-la có thể gắng sức, đảm nhận.
- (2) Bồ-đặc-già-la thành tựu căn thiện phẩm hạ.
- (3) Bồ-đặc-già-la thành tựu căn thiện phẩm trung.
- (4) Bồ-đặc-già-la thành tựu căn thiện phẩm thượng.
- (5) Bồ-đặc-già-la đạt phương tiện của cứu cánh.
- (6) Bồ-đặc-già-la đã đạt đến cứu cánh.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la có thể gắng sức đảm nhận? Tức là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh, nhưng chưa đạt được chánh tín vốn có, trong khi đầu tiên đối với pháp luật do Đức Phật Chánh Giác chính thức nêu giảng, nói rộng cho đến điều phục các kiến giải. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la có thể gắng sức đảm nhận.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la thành tựu căn thiện phẩm hạ? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh, đã có thể đạt được chánh tín vốn có, trong khi đầu tiên đối với pháp luật do Đức Phật Chánh Giác chính thức nêu giảng, nói rộng cho đến điều phục các kiến giải. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thành tựu căn thiện phẩm hạ.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la thành tựu căn thiện phẩm trung? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh, đã có thể đạt được chánh tín vốn có, trong khi đầu tiên đối với pháp luật do Đức Phật Chánh Giác chính thức thuyết giảng, nói rộng cho đến điều phục các kiến giải. Từ đây về sau, hoặc trải qua một đời, hoặc hai đời, hoặc nhiều đời, lần lượt thăng tấn, nhưng chưa đạt được thân, hữu

sau cùng, để trụ nơi đây có thể chứng đắc Bát Niết-bàn, hoặc có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thành tựu căn thiện phẩm trung.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la thành tựu căn thiện phẩm thượng? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la lần lượt thăng tấn như vậy, đã có thể đạt được thân, hữu sau cùng, hoặc trụ ở đây để có thể Bát Niết-bàn, hoặc có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thành tựu căn thiện phẩm thượng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la đạt phương tiện của cứu cánh? Tức là Bồ-đặc-già-la đã đạt được thân, hữu sau cùng, vì nhằm dứt sạch các lậu nên lắng nghe chánh pháp, hoặc đạt được sự chỉ dạy, khuyên bảo, trao quyền thuận hợp, chính thức tu tập gia hạnh, nhưng chưa thể đạt được sự nhận biết khắp tất cả chủng loại, các lậu chưa vĩnh viễn dứt hết, chưa đạt cứu cánh. Như thế gọi là Bồ-đặc-già-la đạt phương tiện của cứu cánh.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la đã đạt đến cứu cánh? Tức là Bồ-đặc-già-la như vậy, vì nhằm dứt sạch các lậu, nên lãnh hội chánh pháp, có được sự chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền thuận hợp, như vậy như vậy chánh tu gia hạnh, đã có thể đạt được sự hiểu biết khắp tất cả chủng loại, các lậu hoàn toàn dứt sạch, việc đã làm xong, thành tựu sự thanh tịnh mát mẻ trọn vẹn bậc nhất. Như thế gọi là Bồ-đặc-già-la đã đạt đến cứu cánh.

Trong đây, nên biết, chủng loại Bồ-đặc-già-la có thể gắng sức đảm nhận, tức do chủng tánh làm chỗ dựa để trụ, nên có thể đạt được căn thiện phẩm hạ, cùng có thể hướng nhập, đã hướng nhập rồi, dùng căn thiện phẩm hạ làm chỗ dựa để trụ, nên lại có thể đạt được căn thiện phẩm trung. Do căn thiện ấy mà tự thành thực, lúc này dùng căn thiện phẩm trung làm chỗ dựa để trụ, nên lại có thể đạt được căn thiện phẩm thượng, đã được thành thực. Vì ấy, do căn thiện phẩm

thượng như thế, tu hành tích tập làm nhân đạt được tự thể, nên lại có thể tu hành, tích tập tư lương chuyển biến hơn hẳn. Do xúc chứng tâm tánh một cảnh ấy, nên lại có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh, chứng đắc ba quả Sa-môn là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, nhưng chưa thể chứng đắc quả A-la-hán tối thắng bậc nhất. Như thế gọi là Bồ-đặc-già-la đạt được phương tiện của cứu cánh. Nếu đã chứng đắc quả A-la-hán, tất cả phiền não thấy đều vĩnh viễn đoạn trừ, bấy giờ gọi là Bồ-đặc-già-la đã đạt đến cứu cánh.

Đây tức hiển bày, do sự tu tập chánh hạnh của tất cả Thanh văn đầu, giữa, sau, nên lập ra sáu loại Bồ-đặc-già-la.

Do có chánh hạnh của chủng tánh Thanh văn, nên hiển bày Bồ-đặc-già-la đầu tiên. Do chánh hạnh của Thanh văn đạt đến cứu cánh, nên hiển bày Bồ-đặc-già-la sau cùng.

Do sự tu tập chánh hạnh của các Thanh văn khác, nên hiển bày Bồ-đặc-già-la trung gian.

Hỏi: Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập, là có định lượng về tất cả thời gian cùng đạt Bát Niết-bàn, hay là không có định lượng về tất cả thời phần, chẳng cùng đạt Bát Niết-bàn?

Đáp: Không có định lượng, cũng chẳng phải là tất cả thời phần cùng đạt Bát Niết-bàn. Nhưng tùy chỗ ứng hợp, như gặp duyên có sai biệt mà Bát Niết-bàn. Nên biết ở đây hoặc có một loại trải qua hết sức là lâu xa, hoặc có một loại vô cùng mau chóng đạt Bát Niết-bàn. Đó là Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh mau chóng tốt bậc đạt Bát Niết-bàn: Tức cần trải qua ba đời: Trong đời thứ nhất, trước tiên là hướng nhập. Nơi đời thứ hai, tu tập khiến thành thực. Vào đời thứ ba, thành thực rồi, hoặc tức nơi thân ấy đắc Bát Niết-bàn. Hoặc nếu không được Bát Niết-bàn, tất nhập học vị, mới có thể sớm qua đời, tối đa là trải qua bảy hữu là được Bát Niết-bàn. Như thế gọi là An lập của hướng nhập.

Thế nào gọi là người hướng nhập với các tướng hiện có? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh, vừa mới hướng nhập, nếu chuyển biến qua đời khác, ở nơi bậc đại sư của mình cùng với pháp, luật nêu giảng thiện, tuy lại vọng niệm, hoặc gặp nơi thế gian hiện có pháp luật nêu giảng ác cùng có pháp luật nêu giảng thiện, tuy có lắng nghe lâu, dùng vô số môn để khen ngợi pháp luật nêu giảng ác có công năng thù thắng, nhưng không tin hiểu, yêu thích tu hành, cũng không đối với pháp luật ấy mà cầu xuất gia. Nếu tạm thời xuất gia vừa được hướng nhập, liền lại nhanh chóng dứt bỏ, thoái lui, vì tánh đối với giáo pháp ấy không thích an trụ. Như mật sinh trùng dẫn đến thành giấm chua, hoặc như kẻ yêu thích thọ dụng diệu dục dẫn tới chỗ bùn lầy, hữu tình đó do lực dụng của nhân thiện diệu từ đời trước nắm giữ, nên chỉ mới lắng nghe việc tán dương phần nhỏ công đức của pháp luật nêu giảng thiện, hoặc chưa nghe đầy đủ, nhưng có thể mau chóng tin hiểu, hướng nhập, yêu thích tu hành, hoặc cầu xuất gia. Đã xuất gia rồi thì hội nhập rất ráo, trụ không thoái chuyển, vì tánh đối với giáo pháp ấy yêu thích an trụ. Như mật sinh trùng trở thành mật ngon bậc nhất, hoặc như người yêu thích thọ dụng diệu dục dẫn đến dục thù thắng, hữu tình ấy đã do lực dụng của nhân thiện diệu nơi đời trước nhận giữ. Đó gọi là tướng đã hướng nhập thứ nhất của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập.

Lại có tướng đã được hướng nhập khác của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập. Nghĩa là, tuy chưa có thể đi đến tất cả nẻo ác bị trói buộc, nhưng đã lìa phiền não trói buộc, nên có thể không sinh nơi nẻo ác. Đức Thế Tôn dựa vào các Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập ấy, để nêu bày mật ý: Nếu có hữu tình đạt được chánh kiến phẩm thượng của thế gian, tuy trải qua ngàn đời không đọa nơi nẻo ác, hữu tình ấy nếu đã hội nhập nơi căn thiện phẩm thượng, vừa mới thành thực, bấy giờ liền có thể không sinh nơi các nẻo ác khác bị trói

buộc. Đó gọi là tướng đã hướng nhập thứ hai của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập.

Lại có tướng đã hướng nhập khác của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập. Đó là vừa được nghe nói về công đức thù thắng của Phật, hoặc Pháp hoặc Tăng, liền có được tâm tin tưởng thanh tịnh tùy niệm, dẫn phát pháp thiện xuất ly rộng lớn, luôn luôn chuyên niệm, hòa luyện tâm tịnh, thân hết sức xúc động, thương cảm rơi lệ. Đó gọi là tướng đã hướng nhập thứ ba của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập.

Lại có tướng đã hướng nhập khác của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập. Đó là hữu tình có tánh thành tựu đầy đủ về sự hổ thẹn. Đối với các nơi chốn có tội đang hiện hành đều sinh khởi sự xấu hổ sâu xa. Đó gọi là tướng đã hướng nhập thứ tư của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập.

Lại có tướng đã hướng nhập khác của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập. Đó là trong việc thọ trì, đọc tụng, thỉnh vấn, tư duy, quán hành cầu đạt pháp thiện, luôn có sự mong muốn, vui thích sâu xa, mãnh liệt. Đó gọi là tướng đã hướng nhập thứ năm của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập.

Lại có tướng đã hướng nhập khác của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập. Đó là nơi tất cả sự việc đã tạo tác vô tội, tu tập hết thấy phần gia hạnh của phẩm thiện, trong chánh phương tiện có thể khéo tu tập, luôn phát khởi kiên cố, phát khởi liên tục, phát khởi quyết định. Đó gọi là tướng đã hướng nhập thứ sáu của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập.

Lại có tướng đã hướng nhập khác của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập. Đó là hữu tình ấy vì tánh rất ít cấu nhiễm, phiền não đều yếu kém, tuy các triền dấy khởi nhưng không liên tục, không nối tiếp, trụ lâu, tánh lại không dua nịnh, không dối trá, có khả năng chế

ngự kiêu mạn, điều phục chấp ngã, ngã sở, ưa thích giữ lấy công đức, ghét bỏ lỗi lầm. Đó gọi là tướng đã hướng nhập thứ bảy của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập.

Lại có tướng đã hướng nhập khác của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập. Đó là có thể khéo léo thâm giữ lấy tâm mình, đối với các nơi chốn rộng lớn nên chúng đắc đều không tự xem thường, không tự ngò yên, nơi trường hợp không có năng lực, đều khiến cho sự tin hiểu tăng thêm bội phần. Đó gọi là tướng đã hướng nhập thứ tám của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập.

Các loại tướng đã hướng nhập như thế của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập, nên biết là vô lượng. Tôi ở trong ấy đã nói được phần ít. Các tướng như vậy, hoặc có loại an trụ nơi căn thiện phẩm hạ mà hướng nhập, nên biết phẩm hạ gọi là có gián cách, chưa thể là không gián đoạn, chưa khéo thanh tịnh. Hoặc có loại an trụ nơi căn thiện phẩm trung mà hướng nhập, nên biết là phẩm trung. Hoặc có loại an trụ nơi căn thiện phẩm thượng mà hướng nhập, nên biết là phẩm thượng không có gián cách, đã có thể không gián đoạn, đã khéo thanh tịnh. Như thế gọi là tướng đã hướng nhập của Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập. Thành tựu tướng hướng nhập như vậy nên biết là thuộc về số lượng đã hướng nhập. Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh, đã được hướng nhập như thế, nên biết là hiện có rất nhiều tướng của bậc an lành. Chi Đức Phật Thế Tôn và các đệ tử đạt đến cứu cánh bậc nhất, do trí kiến thắng diệu đã hoàn toàn thanh tịnh, hiện thấy hiện chứng, tùy theo chủng tánh ấy, tùy chỗ hướng nhập, như chỗ ứng hợp để hóa độ.

Thế nào gọi là Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập? Tức là, hoặc có Bồ-đặc-già-la đã được hướng nhập, chỉ đã hướng nhập nhưng chưa sắp thành thực, chưa đã thành thực chưa được xuất ly. Hoặc có trường hợp cũng đã hướng nhập, cũng sắp thành thực,

chưa đã thành thực, chưa được xuất ly. Hoặc có trường hợp cũng đã hướng nhập, cũng đã thành thực, chưa được xuất ly, theo sự mong muốn mà hành. Như vậy, về chỗ sai biệt, nên biết như trước đã biện biệt về tướng.

Lại có trường hợp khác, như nơi Địa Chủng Tánh nói về Bồ-đặc-già-la hạ căn... với những sai biệt hiện có. Nay ở đây, như chỗ ứng hợp cũng nên nhận biết rõ về những sai biệt hiện có. Như thế, chỗ nêu bày về, hoặc tự tánh của hướng nhập, hoặc sự an lập của hướng nhập, hoặc đã hướng nhập với các tướng hiện có hoặc Bồ-đặc-già-la đã hướng nhập, tất cả được gọi chung là Địa Hướng Nhập.

HẾT - QUYỂN 21

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 22

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VẤN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ nhất, phần ba: Địa Xuất Ly (1)

Như thế là đã nói về Địa Hướng nhập.

Thế nào là Địa Xuất Ly? Tụng nêu:

*Như lìa dục thế gian
Như vậy xuất thế gian
Cùng hai tư lương ấy
Gọi là Địa Xuất Ly*

Nghĩa là, hoặc do đạo thế gian hướng tới việc lìa dục. Hoặc do đạo xuất thế gian hướng tới việc lìa dục. Hoặc từ tư lương (Hành trang) hiện có của hai đạo lý ấy, tóm lược chung làm một tên gọi là Địa Xuất ly.

Thế nào gọi là do đạo thế gian hướng tới việc lìa dục? Tức là như có một hữu tình quán về tướng thô của cảnh giới dục thấp, đối với tính lự thứ nhất đạt ly sinh hỷ lạc, hoặc định hoặc sinh quán về tướng tinh. Vị ấy do thời gian trụ nhiều nơi quán như thế, nên ở nơi dục giới mà được lìa dục, nên cũng có thể chứng nhập tính lự đầu tiên. Như vậy lại đối với cảnh giới trên tính lự thứ nhất, lần lượt như chỗ ứng hợp với hết thầy địa dưới, quán về tướng thô, tất cả địa trên

quán về tướng tĩnh. Vị ấy do thời gian trụ nhiều nơi quán như thế, nên cho đến cõi vô sở hữu xứ mà được lia dục, cũng có thể chứng nhập cho tới phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy gọi là do đạo thể gian hướng tới việc lia dục. Trừ trường hợp này thì không còn gì có thể vượt qua hay tăng thêm.

Thế nào gọi là do đạo xuất thể gian hướng tới việc lia dục? Nghĩa là như có một hữu tình gần gũi với bậc thiện tri thức, ở trong Thánh pháp đã thành tựu thông tuệ, đã được điều thuận. Đối với Thánh đế khổ nhận biết như thật về khổ. Đối với Thánh đế tập nhận biết như thật về tập. Đối với Thánh đế diệt, nhận biết như thật về diệt. Đối với Thánh đế đạo, nhận biết như thật về đạo. Đã thành tựu được trí kiến hữu học. Từ đây trở về sau dần tu Thánh đạo, nơi tất cả pháp do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ khắp cả ba cõi, tự mình có thể lia mọi trói buộc, tự đạt giải thoát, nên có thể vượt khỏi ba cõi. Như thế gọi là do đạo xuất thể gian hướng tới việc lia dục.

Thế nào gọi là tư lương của hai đạo? Tụng viết:

*Tự tha viên mãn dục pháp thiện
Giới căn luật nghi, ăn biết lượng
Tĩnh giác, chánh tri, trụ thiện hữu
Vãn, tư không chướng, xả trang nghiêm.*

Nghĩa là, hoặc tự viên mãn, hoặc tha viên mãn, hoặc dục của pháp thiện. Hoặc giới luật nghi, hoặc căn luật nghi. Hoặc nơi việc ăn uống biết rõ về lượng. Hoặc đầu đêm cuối đêm luôn siêng năng tu tập, tĩnh giác về Du Già. Hoặc chánh tri mà trụ. Hoặc tánh của thiện hữu. Hoặc nghe chánh pháp, hoặc tư duy về chánh pháp. Hoặc không chướng ngại. Hoặc tu tuệ xả. Hoặc làm Sa-môn trang nghiêm. Các pháp như vậy được gọi là những tư lương của thể gian và xuất thể gian hướng tới đạo lia dục. Nên biết trong ấy, các chi tiết hoặc tự viên mãn hoặc tha viên mãn hoặc dục của pháp thiện, ba thứ đó nơi phần tu tập chúng tử theo các duyên kém ở trước đã biện biệt về tướng.

Thế nào là giới luật nghi? Tụng viết:

*Giới luật nghi nên biết
Biện ba giám, đủ mười
Sáu dị môn, ba tranh
Mười thứ công đức thắng.*

Giới luật nghi: Nghĩa là như có một hữu tình an trụ nơi giới đầy đủ, nói rộng cho đến thọ học học xứ.

Thế nào gọi là an trụ nơi giới đầy đủ? Đó là đối với các học xứ hiện có đã thọ học, thân nghiệp, ngữ nghiệp đều không giảm thiểu, không thiếu sót, không bị mất mát. Như thế gọi là an trụ nơi giới đầy đủ.

Thế nào gọi là khéo có thể giữ gìn luật nghi biệt giải thoát? Tức là có thể giữ gìn luật nghi biệt giải thoát của bảy chúng đã thọ nhận. Vì luật nghi này có những sai biệt, nên thành nhiều luật nghi. Nay trong nghĩa ở đây chỉ dựa vào xứ luật nghi của Bí-sô, để nói là khéo có thể giữ gìn luật nghi biệt giải thoát.

Thế nào gọi là phép tắc viên mãn? Tức là như có một hữu tình, hoặc đối với đường oai nghi, hoặc đối với các sự việc đã làm, hoặc đối với nơi chốn của gia hạnh phẩm thiện, thành tựu các phép tắc, tùy thuận thế gian, không vượt thế gian, tùy thuận Tỳ-nại-da (Luật) không vượt Tỳ-nại-da.

Thế nào gọi là đối với đường oai nghi thành tựu các phép tắc, tùy thuận thế gian không vượt thế gian, tùy thuận giới luật, không vượt giới luật? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với các điều nên làm, các chỗ nên làm đều hành trì như vậy. Do hành ấy nên không bị thế gian chê trách, không bị các bậc thiện tri thức, hiền thiện chân chánh, các vị đồng pháp, các bậc giữ luật, các vị học luật tránh cứ. Như về phần hành, nơi các oai nghi đứng, ngồi, nằm nên biết cũng thế. Như vậy gọi là đối với đường oai nghi đã thành tựu các phép tắc,

tùy thuận thế gian không vượt thế gian, tùy thuận giới luật không vượt giới luật.

Thế nào gọi là đối với các sự việc đã làm, thành tựu các phép tắc, tùy thuận thế gian, không vượt thế gian, tùy thuận giới luật, không vượt giới luật? Tức là như có một hữu tình đối với các việc mình làm, hoặc sự việc về ăn mặc, vệ sinh cá nhân, hoặc sự việc đi vào xóm làng khát thực... Ở đây tức lược nói các sự việc về y bát... Đối với các việc nên làm, các chỗ nên làm... thấy đều hành tác như vậy. Do đây nên không bị thế gian khinh chê, không bị các bậc thiện tri thức, hiền thiện chân chánh, các vị đồng pháp, các bậc giữ luật, các vị học luật chê trách. Như thế gọi là đối với các việc đã làm, thành tựu các phép tắc, tùy thuận thế gian không vượt thế gian, tùy thuận giới luật không vượt giới luật.

Thế nào gọi là đối với nơi chốn của gia hạnh phẩm thiện thành tựu các phép tắc, tùy thuận thế gian không vượt thế gian, tùy thuận giới luật không vượt giới luật? Tức là đối với công việc gia hạnh vô số phẩm thiện, hoặc ở nơi chánh pháp thọ trì đọc tụng. Hoặc ở nơi các bậc tôn trưởng tu nghiệp hòa kính, tham hầu, thừa sự. Hoặc đối với người bệnh khởi tâm từ bi, ân cần chăm sóc. Hoặc ở nơi như pháp nêu bày gia hạnh, trụ nơi tâm từ bi, lần lượt “trao dục”. Hoặc đối với chánh pháp thỉnh vấn, nghe nhận, hết mực siêng năng không biếng trễ. Đối với bậc đồng phạm hạnh trí tuệ, luôn dốc hết sức cung kính, phụng sự. Đối với phẩm thiện của kẻ khác thường tán thán, khích lệ, thường vui thích vì người khác giảng nói chánh pháp. Vào nơi phòng tĩnh, an tọa theo thể kiết già, buộc niệm tư duy. Có vô lượng các loại pháp thiện như vậy đã được tu tập, đều gọi là gia hạnh phẩm thiện. Vị ấy, theo chỗ nêu bày về gia hạnh phẩm thiện như vậy, như chỗ ứng hợp, theo điều cần làm, theo chỗ nên làm, thấy đều hành tác thuận hợp, nên không bị thế gian khinh chê, không bị các bậc thiện tri thức, hiền thiện chân chánh, các vị đồng pháp, các bậc giữ luật, các vị học

luật... chê trách. Như vậy gọi là, đối với nơi chốn của gia hạnh phẩm thiện đã thành tựu các phép tắc, tùy thuận thế gian, không vượt thế gian tùy thuận giới luật, không vượt giới luật.

Nếu đối với các hành tướng sai biệt của phép tắc đã nêu rõ như thế, thầy đều đầy đủ, nên biết đó gọi là phép tắc viên mãn.

Thế nào gọi là các việc làm viên mãn? Đó là các Bí-sô, lược có năm thứ chẳng phải là nơi chốn được đi tới. Những gì là năm? Tức là: (1) Nhà xướng ca. (2) Nhà dân nữ. (3) Nhà bán rượu. (4) Chốn vương cung. (5) Nhà của Chiên-đồ-la-yết-si-na. Nếu đối với các giới cấm do Đức Như Lai chế lập, về những nơi chốn không được đi tới như thế, đều có thể khéo xa lìa, đối với các nơi chốn hành hóa không tội khác, luôn biết thời mà hành xử, như vậy gọi là việc làm viên mãn.

Thế nào gọi là đối với các tội hết sức nhỏ đều thấy có sự sợ hãi lớn? Nghĩa là đối với các tiểu tỳ, tiểu học xứ, nếu có vi phạm thì có thể khiến trở lại thanh tịnh, gọi là tội rất nhỏ. Đối với các học xứ hiện hành hủy phạm, gọi là tội. Đã hủy phạm rồi, ít dùng công sức mà được thanh tịnh trở lại, gọi là rất nhỏ. Do nhân duyên ấy, gọi là tội rất nhỏ.

Thế nào là ở trong ấy thấy có sự sợ hãi lớn? Nghĩa là khởi quán: Chớ khiến Ta, đối với nhân duyên hủy phạm ấy, lại không thể gắng sức để đạt được điều chưa đạt, tiếp xúc chỗ chưa tiếp xúc, chứng được chỗ chưa chứng. Chớ khiến cho Ta, do đấy mà gần với các nẻo ác, đi đến các nẻo ác. Hoặc nên tự trách. Hoặc được các bậc Đại sư, chư thiên, các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ, dùng pháp để chê trách... Vị ấy đối với hiện pháp hậu pháp như thế, do nhân hủy phạm nên sinh các quả không yêu thích, thấy sợ hãi lớn. Do nhân duyên này, nên đối với các tiểu tỳ, tiểu học xứ hiện có, đối với các nhân duyên khó khăn về tánh mạng, cũng không cố phạm. Hoặc vào lúc, vào nơi do mất niệm mà phạm, tức thì mau chóng như pháp phát lồ

sám hối, khiến được thanh tịnh trở lại. Như vậy gọi là đối với tội rất nhỏ đều thấy sợ hãi lớn.

Thế nào gọi là thọ học Học xứ? Đó là vị ấy, trước hết là thọ giới biệt giải thoát, bạch tứ yết ma. Lúc thọ giới cụ túc, từ nơi vị Giới sư được nghe phần ít về thể tánh của Học xứ. Lại từ nơi chốn của các vị Thân giáo sư (Hòa thượng) Quĩ phạm sư (A-xà-lê) được nghe các kinh biệt giải thoát khác, tóm lược chung nêu bày về hai trăm năm mươi Học xứ, đều tự thệ nói: Tất cả nên học... Lại mỗi nửa tháng, thường theo chỗ thích hợp, nói về Kinh Biệt Giải Thoát. Lãnh hội các Học xứ, hết thấy tự thệ đều nên tu học. Do đối với tất cả Học xứ ứng hợp đều thọ học, nên gọi là đạt được luật nghi biệt giải. Từ đây về sau, nơi các học xứ, hoặc đã thiện xảo nên có thể không phạm. Giả như có chỗ phạm thì liền như pháp sám hối. Nếu các Học xứ chưa được thiện xảo, chưa thể tỏ ngộ, do trước tự thệ nguyện thọ trì, nên nơi hiện tại, cầu thọ nhận thiện xảo, mong cầu được tỏ ngộ. Tức từ nơi Thân giáo sư, Quĩ phạm sư thỉnh vấn như trước, đã được thiện xảo, cùng tỏ ngộ rồi, theo chỗ dạy, khuyên không tăng không giảm, lại có thể thọ học. Thêm nữa, đối với các Học xứ được nêu giảng đều có sự tôn trọng, cùng tôn trọng, hoặc văn hoặc nghĩa, đều có thể thọ nhận thuận hợp. Như thế gọi là thọ học Học xứ.

Đã biện biệt rộng về giới luật nghi như vậy rồi, làm sao nên biết về nghĩa tóm lược ở đây? Đó là Đức Thế Tôn đã hiển thị về nghĩa tóm lược của giới uẩn có ba tướng: (1) Tướng không hoại, mất. (2) Tướng về tự tánh. (3) Tướng công đức của tự tánh. Nghĩa ấy như thế nào?

Tức là, nếu nói là an trụ nơi giới đầy đủ, do đầy hiển thị về tướng không hoại mất của giới luật nghi.

Nếu lại nói là có thể khéo giữ gìn luật nghi biệt giải, do đầy hiển thị tướng về tự tánh của giới luật nghi. Nếu lại nói là các phép tắc hành trì thấy đều viên mãn, do đầy hiển thị tướng công đức của

tự tánh tăng thượng nơi luật nghi biệt giải, như chỗ thọ nhận, quán xét kẻ khác. Vì sao? Vì do kẻ khác quán thấy rõ các phép tắc được hành trì viên mãn như vậy, người chưa tin thì tin, người tin rồi thì tăng trưởng. Do đây phát sinh nơi chốn tin tưởng thanh tịnh, tâm không chán ghét, lời nói không chê trách. Nếu khác đối với phép tắc sự hành trì đều viên mãn của giới cụ túc, thì quán công đức thắng lợi hiện có tăng thượng của kẻ khác nên không. So với đây trái nhau là lỗi lầm nên có.

Nếu lại nói là đối với các tội rất nhỏ đều thấy sợ hãi lớn, do đây hiển thị về luật nghi biệt giải như chỗ thọ nhận, quán về tướng công đức của tự tánh tăng thượng nơi chính mình. Vì sao? Vì tuy do các phép tắc được hành trì thấy đều viên mãn như thế, đạt được thắng lợi của công đức tăng thượng quán về kẻ khác như trước, nhưng do nhân duyên hủy phạm tịnh giới, nên sinh vào nẻo ác, hoặc không thể gắng sức để đạt được chỗ chưa đạt, nói rộng như trước. Nếu vị ấy có thể ở trong các tội rất nhỏ thấy sợ hãi lớn, nên đối với Học xứ phẩm thượng đã thọ nhận trước có thể tu học chân chánh, do nhân duyên này, nên sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào nẻo thiện, cũng có thể gắng sức để đạt được điều chưa đạt, nói rộng như trước. Do nhân duyên này nên ở đây được gọi là luật nghi biệt giải, như chỗ thọ nhận, quán về thắng lợi nơi công đức tăng thượng của chính mình.

Lại có môn khác. Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn ở đây đã hiển bày tóm lược về ba thứ giới tánh: (1) Giới tánh thọ trì. (2) Giới tánh xuất ly. (3) Giới tánh tu tập.

Đó là, nếu nói an trụ nơi giới đầy đủ, do đây hiển bày về Giới tánh thọ trì. Nếu lại nói có thể khéo giữ gìn luật nghi biệt giải, do đây hiển bày về Giới tánh xuất ly. Vì sao? Vì tịnh giới là thuộc về luật nghi biệt giải, nên biết gọi là giới học tăng thượng. Tức dựa nơi giới học tăng thượng như thế, tu tâm học tăng thượng, tuệ học tăng thượng. Vì thế có thể đạt được nẻo xuất ly rốt ráo dứt hết tất cả khổ.

Xuất ly như vậy là dùng giới học tăng thượng làm nơi chốn nương dựa cho sự đi trước dẫn dắt. Do vậy nên nói luật nghi biệt giải này là Giới tánh xuất ly. Nếu lại nói các phép tắc được hành trì thấy đều viên mãn, đối với tội rất nhỏ đều thấy sợ hãi lớn, luôn thọ học Học xứ, do đây hiển bày về Giới tánh tu tập. Vì sao? Vì nếu do chỗ nói về các tướng tu tập tịnh giới của luật nghi biệt giải như thế, nên được gọi là khéo tu tập, hết sức khéo tu tập. Một loại giới luật nghi như vậy hiện tiền, nêu bày rõ, nên biết sáu thứ lại cũng như thế.

Giới luật nghi do mười nhân duyên nên biết là thiếu, giảm. Trái ngược với mười nhân duyên ấy, nên biết là viên mãn. Những gì là mười nhân duyên thiếu giảm? Đó là:

- (1) Đầu tiên thọ nhận giới luật nghi ác.
- (2) Trầm chậm thái quá.
- (3) Tán động thái quá.
- (4) Thuộc về phóng dật, biếng nhác.
- (5) Phát khởi nguyện tà vạy.
- (6) Thuộc về phép tắc thiếu giảm.
- (7) Thuộc về thọ mạng thanh tịnh thiếu giảm.
- (8) Rơi vào hai biên.
- (9) Không thể xuất ly.
- (10) Chỗ thọ nhận hoại mất.

Thế nào gọi là đầu tiên thọ nhận giới luật nghi ác? Nghĩa là như có một hữu tình do phép vua bức bách mà cầu xuất gia. Hoặc bị bức bách do giặc dữ, do chủ nợ, do sợ hãi, do sợ không thể sống nổi... mà cầu xuất gia. Không vì đạt tánh Sa-môn, tánh Bà-la-môn, không vì điều phục cho chính mình, không vì tự tịch tĩnh, không vì tự cầu đạt Niết-bàn mà cầu xuất gia. Như vậy gọi là đầu tiên thọ nhận giới luật nghi ác.

Thế nào gọi là trầm chậm thái quá? Đó là như có một hữu tình tánh không biết xấu hổ, sự hối hận rất yếu kém. Vì tánh chậm chạp, nên đối với việc hành trì các Học xứ đều chậm, kém. Như vậy gọi là trầm chậm thái quá.

Thế nào gọi là tán động thái quá? Tức như có một hữu tình chấp chặt, giữ lấy điều ác, ố tác phi xứ, ở trong các thứ ố tác về điều không nên làm đều buông thả hành tác, ố tác phi xứ. Đối với kẻ khác khởi tâm khinh miệt, hoặc tâm não hại. Ở nơi phi xứ gượng sinh tỏ ngộ. Như thế gọi là tán động thái quá.

Thế nào là thuộc phóng dật, biếng nhác? Đó là như có một hữu tình do nơi đời quá khứ hủy phạm tịnh giới là do mất niệm, một loại cũng không thể như pháp thanh tịnh trở lại. Như do quá khứ, do đời vị lai, do đời hiện tại, nên biết cũng vậy. Nghĩa là hủy phạm về chỗ phạm, là do mất niệm, một loại cũng không thể như pháp thanh tịnh trở lại. Lại chẳng phải thời trước, đối với chỗ hủy phạm phát khởi sự mong muốn mãnh liệt là không phạm: Tức là Ta nhất định sẽ hành như vậy như vậy, trụ như thế như thế, hành như vậy như vậy nơi chỗ hành, trụ như vậy như vậy nơi chỗ trụ, đối với chỗ hủy phạm trọn không hủy phạm. Do nhân duyên ấy tùy chỗ hành, trụ, như vậy như vậy hủy phạm chỗ phạm. Do đấy nên tạo thành sự cùng hiện hành với tiền tế, trung tế, hậu tế, chỗ tạo tác thời trước và cùng tùy hành với phóng dật hiện có. Lại tự chấp giữ cho ngủ nghỉ là vui, cho nằm yên là vui, cho nằm nghiêng một bên hông là vui. Tánh không gắng sức vươn lên vì nhiều biếng trễ không đủ để phát khởi siêng năng. Đối với các vị đồng phạm hạnh trí tuệ không thể thường xuyên tham vấn thừa sự. Đó gọi là thuộc về phóng dật, biếng nhác.

Thế nào gọi là phát khởi nguyện tà vạy? Đó là như có một hữu tình nương dựa nơi nguyện tà vạy tu hành phạm hạnh, cho là mình hiện có hoặc giới hoặc cấm, hoặc luôn siêng năng tinh tấn, hoặc tu phạm hạnh sẽ được sinh lên cõi trời hay những thiên xứ khác. Hoặc

lại ưa thích các thứ lợi dưỡng cung kính mà tu phạm hạnh. Nghĩa là nhân đây nên theo kẻ khác mong cầu lợi dưỡng cung kính, tức đối với các thứ lợi dưỡng, cung kính như thể sinh chấp trước sâu xa. Như vậy gọi là phát khởi nguyện tà vạy.

Thế nào gọi là thuộc về phép tắc thiếu giảm? Nghĩa là như có một hữu tình đối với các phép tắc hiện có thuộc đường oai nghi, hoặc các việc đã làm, hoặc nơi chốn hành gia hạnh phẩm thiện đều không thuận thế gian, trái vượt thế gian, không thuận với giới luật, trái vượt giới luật, nói rộng như trước. Đó gọi là thuộc về phép tắc thiếu giảm.

Thế nào là thuộc về thọ mạng thanh tịnh bị thiếu giảm? Đó là như có một hữu tình vì tánh có tham dục lớn, không hề biết đủ, khó nuôi dưỡng, khó thỏa mãn, thường dùng phi pháp không theo chánh để tìm cầu các thứ y phục, thức ăn uống, vật dụng ngồi nằm, thuốc men trị bệnh cùng các thứ cần cho đời sống. Do nhân duyên tham cầu vô số các thứ ấy, nên tạo các phương tiện để hiển bày mình có các công đức thù thắng, giả trá hiện ra các oai nghi khác lạ nhằm dối gạt kẻ khác, như thường dối hiện các căn không dao động, các căn tịch tĩnh. Do đây khiến kẻ khác cho là mình có đức... Kẻ ấy, do hoặc dựa vào sự dối trá, hoặc vọng ngữ tà vạy, hoặc giả hiện tướng như bị khổ bức bách, hoặc khéo cầu xin, với đủ loại hình tướng để cầu lợi, do phi pháp nên nói là tà mạng. Như thế gọi là thuộc về giới tịnh mạng bị thiếu giảm.

Thế nào gọi là rơi vào hai biên? Tức như có một hữu tình tham đắm thọ dụng hành biên dục lạc, từ nơi kẻ khác đạt được các thứ vật dụng về y phục, thức ăn uống... hoặc như pháp hoặc phi pháp, cứ mặc sức thọ dụng không quán xét về lỗi lầm tai họa, không biết về nẻo xuất ly. Đó gọi là một biên. Lại có một hữu tình ưa cầu thọ dụng hành biên tự khổ, dùng vô lượng môn để tự bức bách, thọ các hành khổ cùng cực. Như thế gọi là rơi vào hai biên.

Thế nào gọi là không thể xuất ly? Đó là như có một hữu tình, hoặc giới hoặc cấm, do giữ lấy kiến chấp cho là mình nhân đầy nên hoặc giới hoặc cấm sẽ được xuất ly giải thoát thanh tịnh. Tức tất cả giới cấm hiện có của ngoại đạo, tuy khéo ngăn giữ, tuy khéo thanh tịnh, nhưng sự thanh tịnh ấy không gọi là xuất ly. Đó gọi là không thể xuất ly.

Thế nào gọi là chỗ thọ nhận bị hoại mất? Tức như có một hữu tình hoàn toàn không biết xấu hổ, không quan tâm tới các vị Sa-môn, hủy phạm tịnh giới, hành theo pháp ác, bên trong chứa giấu bao thứ hủ bại nhưng bên ngoài hiện bày vẻ thật thuận, cũng như nước sạch sinh ra các loại ốc sên... Thật chẳng phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Thật chẳng phải là phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh. Như thế gọi là chỗ thọ nhận bị hoại mất.

Lược do mười thứ nhân duyên như vậy gọi là giới luật bị thiếu giảm. Đức Thế Tôn hoặc nói Thi la thiếu giảm, hoặc có lúc lại nói Thi la là khó khăn. Nên biết, ở trong các nhân duyên kia là do hai nhân duyên, tức là không thể xuất ly cùng chỗ thọ nhận bị hoại mất. Nên biết, do các nhân duyên còn lại, nên chỉ nói là Thi la thiếu giảm. Cùng với chỗ thiếu giảm này lập nên nhân duyên của phẩm Hắc, tức trái ngược với nhân duyên hiện có của phẩm Bạch, nên biết đây gọi là Thi la viên mãn, Thi la thanh tịnh.

Có nơi, Đức Thế Tôn nêu rõ Thi la gọi là căn bản. Như kệ nêu:

*Nếu khéo trụ căn bản
Tâm ấy thường tịch tĩnh
Nhân Thánh kiến ác kiến
Tương ưng chẳng tương ưng.*

Có nơi, Đức Thế Tôn tuyên thuyết Thi la gọi là vật dụng trang nghiêm. Như kệ nói:

*Bí-sô, Bí-sô-ni
Giới trang nghiêm viên mãn*

*Nơi bất thiện hay bỏ
Nơi thiện hay tu tập.*

Có nơi, Đức Thế Tôn nêu rõ Thi la gọi là hương xoa. Như kệ nêu:

*Bí-sô, Bí-sô-ni
Giới hương xoa tròn đủ
Nơi bất thiện hay bỏ
Nơi thiện hay tu tập.*

Có chỗ, Đức Thế Tôn tuyên thuyết Thi la gọi là hương xông. Như kệ viết:

*A-nan có loại hương
Thuận gió khéo hay xông
Nghịch gió cũng hay xông
Thuận nghịch xông cũng vậy.*

Có chôn, Đức Thế Tôn nêu rõ Thi la gọi là hành diệm. Như kệ viết:

*Thân hành diệm hay cảm
Các dị thực khả ái
Nơi hiện pháp vi lai
Ngữ hành diệm cũng thế.*

Có nơi, Đức Thế Tôn tuyên thuyết Thi la gọi là luật nghi. Như kệ nói:

*Các thế chủ hữu tuệ
Đủ giới trụ luật nghi
Có thấy A-cấp-ma
Cùng có quả chánh kiến.*

Lại có thuyết nói: An trụ nơi giới đầy đủ, khéo có thể giữ gìn luật nghi biệt giải, cho đến nói rộng.

Hỏi: Do nhân duyên nào Đức Thế Tôn nêu rõ Thi la gọi là Căn bản?

Đáp: Nghĩa có thể kiến lập, nghĩa có thể nhận giữ, là nghĩa của căn bản. Do Thi la này kiến lập, nhận giữ, có thể dẫn phát các thứ công đức diệu lạc vô tội tối thắng bậc nhất nơi tất cả thế gian và xuất thế gian, khiến sinh khiến chúng. Vì thế Thi la được gọi là căn bản. Ví như đại Địa kiến lập, nhận giữ hết thảy cả các thứ cây cối, cỏ thuốc, rừng sâu, khiến chúng luôn sinh trưởng. Cũng như vậy, Thi la như trước đã nói rộng.

Hỏi: Do nhân duyên nào, Đức Thế Tôn tuyên thuyết Thi la gọi là vật dụng trang nghiêm?

Đáp: Vật dụng trang nghiêm của giới, đối với tất cả loài, nơi tất cả thời, nếu có hành giả mang vào đều tạo nên sự đẹp đẽ vi diệu. Do đó Thi la được gọi là vật dụng trang nghiêm.

Hỏi: Do nhân duyên nào, Đức Thế Tôn nêu rõ Thi la gọi là hương xoa?

Đáp: Do chỗ thọ nhận Thi la ấy là thanh tịnh, không tội, diệu thiện, có khả năng dứt trừ hẳn mọi chỗ thọ nhận giới ác, là nhân khiến thân tâm bị thiêu đốt, não hại. Ví như vào thời gian hết sức nóng bức, ngột ngạt, dùng hương chiên-đàn, long não xoa lên người thì mọi sự nóng bức, ngột ngạt thảy đều trừ diệt. Do đây Thi la được gọi là hương xoa.

Hỏi: Do nhân duyên nào, Đức Thế Tôn tuyên thuyết Thi la gọi là hương xông?

Đáp: Những Bồ-đặc-già-la, sĩ phu có đủ giới luật thì khắp các nơi chốn, phương vực, tiếng tốt, hạnh diệu được xung tán, truyền tụng. Ví như vô số hương của cành, rễ, theo gió thổi, lan tỏa khắp mọi nơi chốn xa gần khiến bao người vừa ý. Do đây, Thi la được gọi là hương xông.

Hỏi: Do nhân duyên nào, Đức Thế Tôn nêu rõ Thi la gọi là hành diệu?

Đáp: Về Thi la ấy là hành thiện, thanh tịnh, có thể hướng tới thuốc vi diệu, đi đến cõi trời thượng diệu, hướng tới sự an ổn thắng diệu, nên gọi là hành diệu.

Hỏi: Do nhân duyên nào, Đức Thế Tôn tuyên thuyết Thi la gọi là luật nghi?

Đáp: Do Thi la ấy là pháp thiện thanh tịnh, là tánh ngăn giữ, là tướng dứt trừ, là thể xa lìa, nên gọi là luật nghi.

Lại, luật nghi của giới có ba thứ quán tướng nhân thanh tịnh. Những gì là ba? Đó là: (1) Quán thân nghiệp. (2) Quán ngữ nghiệp. (3) Quán ý nghiệp.

Thế nào là quán sát các nghiệp như thế khiến giới luật nghi đều được thanh tịnh? Nghĩ là mong muốn sẽ tạo tác và đang tạo tác. Lúc thân tạo nghiệp nên quán xét như vậy: Thân nghiệp này của Ta là chủ thể tự tổn hại cùng tổn hại kẻ khác. Là tánh bất thiện có thể sinh các khổ, chiêu cảm lấy dị thực khổ. Hay là không tự tổn hại, cũng không tổn hại kẻ khác, là tánh thiện, có thể sinh ra các an lạc, chiêu cảm lấy dị thực an lạc? Quán xét như thế rồi, hoặc tự nhận biết rõ thân nghiệp này của Ta là tự tổn hại và tổn hại kẻ khác, là tánh bất thiện, có thể sinh ra các khổ, chiêu cảm lấy dị thực khổ, tức đối với nghiệp ấy thâm giữ không tạo, cũng không tạo phương tiện. Nếu tự nhận biết rõ thân nghiệp này của Ta là không tổn hại tự, tha, là tánh thiện, phần còn lại như trước đã nói, tức đối với nghiệp ấy không thâm giữ mà tạo tác cùng tạo phương tiện.

Lại đối với thân nghiệp đã tạo nơi quá khứ, cũng thường quán xét: Thân nghiệp này của Ta là chủ thể tự tổn hại, phần còn lại như trước đã nói, liền ở chỗ các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ, như thật phát lồ, như thật hối trừ. Hoặc tự nhận biết rõ thân nghiệp này của Ta

không tổn hại tự tha, phần còn lại như trước nói, liền sinh hoan hỷ, ngày đêm an lạc, tùy thuận nhiều để tu học.

Như thế vị ấy, đối với thân nghiệp đã tạo nơi ba đời, có thể khéo quán xét, có thể khéo đạt thanh tịnh. Như đối với thân nghiệp, đối với ngữ nghiệp nên biết cũng vậy.

Do hành quá khứ làm duyên sinh ý. Do hành vị lai làm duyên sinh ý. Do hành hiện tại làm duyên sinh ý, tức ở nơi ý ấy luôn luôn quán xét: Ý nghiệp này của Ta là có thể tự tổn hại, phần còn lại như trước đã nói. Quán xét như vậy rồi, hoặc tự nhận biết rõ ý nghiệp này của Ta là phẩm đen, tức đối với nghiệp ấy thâm giữ không khởi, không tạo phương tiện. Hoặc tự nhận biết rõ ý nghiệp này của Ta là phẩm trắng, tức đối với nghiệp ấy không thâm giữ mà nên phát khởi cùng tạo phương tiện. Như vậy, vị ấy đối với ý nghiệp đã dấy khởi nơi ba đời có thể khéo quán xét, có thể làm thanh tịnh. Vì sao? Vì các Sa-môn, Bà-la-môn hiện có nơi ba đời, ở trong ba thứ nghiệp thân ngữ ý, hoặc đã quán xét, hoặc sẽ quán xét, hoặc đang quán xét. Hoặc đã thanh tịnh, hoặc sẽ thanh tịnh, hoặc đang thanh tịnh. Hoặc đã trụ nhiều, hoặc sẽ trụ nhiều, hoặc đang trụ nhiều, tất cả đều do quán xét như vậy, đạt được thanh tịnh như vậy. Như Đức Phật Thế Tôn, vì Tôn giả La-hổ-la nói kệ:

*Nay ông, La-hổ-la
Nơi thân ngữ ý nghiệp
Nên luôn chánh quán xét
Niệm Thánh giáo chư Phật.
La-hổ-la ông nên
Học nghiệp Sa-môn ấy
Có thể nơi học đó
Chỉ thẳng thiện không ác.*

Nếu đối với thân ngữ ý nghiệp như thế xét chọn đúng đắn, kỹ lưỡng, tức các nghiệp ấy là có thể tự gây tổn hại, nói rộng như trước, thì đó gọi là quan sát.

Nếu đối với một phần thân giữ không tạo tác, cũng không tạo phương tiện, nói rộng cho đến phát lộ hồi trừ. Lại, ở nơi một phần không thân giữ mà nên tạo tác, tạo phương tiện, nói rộng cho đến liền sinh hoan hỷ, ngày đêm an trụ, tùy thuận nhiều để tu học, thì đó gọi là thanh tịnh.

Thi la luật nghi thanh tịnh như thế, nên biết có mười thứ công đức lợi lạc thù thắng. Những gì là mười?

Đó là, các Bồ-đặc-già-la sĩ phu hiện có đầy đủ giới, tự quán về giới tịnh liền được không hối. Do không hối nên vui, vui nên sinh hỷ. Do tâm hỷ nên thân được khinh an. Thân khinh an liền thọ thắng lạc. Lạc nên tâm định. Tâm được định nên có nhận biết như thật, có thể thấy rõ như thật. Thấy, biết như thật nên liền có thể đẩy khởi nhàm chán. Có thể đẩy khởi nhàm chán nên liền được lìa nhiễm. Do lìa nhiễm nên chứng đắc giải thoát. Chứng đắc giải thoát nên liền tự thấy biết Ta đã giải thoát, cho đến Ta có thể ở nơi cảnh giới Niết-bàn vô dư y sẽ Bát Niết-bàn.

Như thế, Bồ-đặc-già-la sĩ phu hiện có đầy đủ giới, do lực tăng thượng của Thi la thanh tịnh nên đạt được không hối. Lần lượt cho đến có thể đạt tới Niết-bàn. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ nhất của Thi la luật nghi.

Lại có Bồ-đặc-già-la sĩ phu khác có đầy đủ giới, vào lúc lâm chung khởi niệm như vậy: Ta đã tạo các hành nơi thân ngữ ý thiện, không phải là Ta đã tạo các hành nơi thân ngữ ý ác, cho đến nói rộng. Nếu có nẻo, là nơi chôn sinh đến của người tạo nghiệp phước, người tạo nghiệp thiện, người có thể hành tác cứu độ các sự sợ hãi, thì Ta đối với các nẻo ấy nhất định sẽ sinh đến. Như thế là đạt được có thể sinh đến nẻo thiện, là lần thứ hai không hối. Do Bồ-đặc-già-la sĩ phu ấy hiện có không hối hận, nên gọi là Hiền thiện chết, Hiền thiện qua đời sớm, Hiền thiện quá vắng. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ hai của Thi la luật nghi.

Lại có Bồ-đặc-già-la sĩ phu khác có đầy đủ giới, nên khắp các nơi chốn, phương sở, tiếng tốt, hành thiện được tán thán, ca ngợi, truyền tụng. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ ba của Thi la luật nghi.

Lại có Bồ-đặc-già-la sĩ phu khác có đầy đủ giới, nên ngủ thức đều an ổn, xa lìa hết thảy mọi thứ bức não của thân tâm. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ tư của Thi la luật nghi.

Lại có Bồ-đặc-già-la sĩ phu khác có đầy đủ giới, nên hoặc lúc ngủ hoặc khi thức đều có chư Thiên bảo hộ. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ năm của Thi la luật nghi.

Lại có Bồ-đặc-già-la sĩ phu khác có đầy đủ giới, nên đối với các sự việc hung bạo của kẻ khác, không lo lắng để ghét bỏ, không có các sự sợ sệt, tâm lìa mọi thứ kinh hãi. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ sáu của Thi la luật nghi.

Lại có Bồ-đặc-già-la sĩ phu khác có đầy đủ giới, đối với các kẻ ưa sát hại, oán thù, bạn ác, dù có được thời gian rảnh, cũng luôn bảo hộ, vì nhận biết rõ đây là hữu tình sĩ phu có đầy đủ giới hạnh, hoặc làm thiện hữu, hoặc trụ ở mức bình thường. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ bảy của Thi la luật nghi.

Lại có Bồ-đặc-già-la sĩ phu khác có đầy đủ giới, đối với tất cả các loại phi nhân như Thần nhà, Dược-xoa, yêu quái, tuy có được phương tiện, có được thời gian rảnh, nhưng thường bảo hộ, vì uy lực tăng thượng của hữu tình có đầy đủ giới hạnh. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ tám của Thi la luật nghi.

Lại có Bồ-đặc-già-la sĩ phu khác có đầy đủ giới, đối với pháp không khó khăn, từ nơi kẻ khác, đạt được vô số lợi dưỡng như y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men trị bệnh, cùng các vật dụng cần cho đời sống khác. Do dựa vào uy lực nơi nhân tăng thượng của Thi la, nên vị ấy được các hàng quốc vương, đại thần cùng dân chúng, các

vị trưởng giả giàu có, các vị thương chủ... cung kính, tôn trọng. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ chín của Thi la luật nghi.

Lại có Bồ-đặc-già-la sĩ phu khác có đầy đủ giới, nên tất cả sở nguyện đều được thành tựu. Hoặc ở nơi dục giới nguyện mong được sinh vào các gia đình nổi tiếng thuộc các chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn. Hoặc sinh vào các gia đình Cư sĩ, Trưởng giả giàu có tiếng tăm. Hoặc sinh vào các cõi trời Tứ đại vương chúng, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, theo chúng đồng phạm nơi các cõi ấy. Do giới thanh tịnh, nên theo sở nguyện đều được vãng sinh. Hoặc lại nguyện mong hội nhập hiện pháp lạc trụ của các tĩnh lự, hoặc trong chúng đồng phạm của trời Hữu sắc, hoặc trụ, hoặc sinh, do giới thanh tịnh, nên liền được lìa dục, sở nguyện đều thành tựu. Hoặc lại nguyện mong sẽ chứng đắc Niết-bàn cứu cánh tối thắng, do giới thanh tịnh, nên liền chứng đắc tất cả lìa dục rốt ráo. Đó gọi là công đức lợi lạc thù thắng thứ mười của Thi la luật nghi.

Như thế là đã nói về giới uẩn, đã biện biệt rộng về giới uẩn thiếu giảm, giới uẩn viên mãn, giới uẩn với các môn khác, quán xét về giới uẩn, cùng các công đức lợi lạc thù thắng hiện có của giới uẩn thanh tịnh. Ở đây, tuyên thuyết rõ ràng, mở bày, chỉ rõ về tất cả chủng tướng nơi Thi la luật nghi thuộc về tư lương viên mãn tột cùng.

Nếu có các thiện nam thiện nữ, tự yêu thích tánh Sa-môn, tánh Bà-la-môn, thì nên siêng năng tu học.

HẾT - QUYỂN 22

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 23

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VẤN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ nhất, phần ba: Địa Xuất Ly (2)

Thế nào là căn luật nghi? Đó là như có một hữu tình có thể khéo an trụ, hộ trì chặt chẽ căn môn phòng giữ chánh niệm, thường thuận theo chánh niệm, cho đến nói rộng.

Thế nào gọi là hộ trì chặt chẽ căn môn? Nghĩa là phòng giữ chánh niệm, thường thuận theo chánh niệm, nói rộng cho đến giữ gìn ý căn, cùng đang tu hành luật nghi của ý căn. Như vậy gọi là hộ trì chặt chẽ căn môn.

Thế nào gọi là phòng giữ chánh niệm? Nghĩa là như có một hữu tình hộ trì nghiêm ngặt căn môn, do lực tăng thượng nên thâm nhận đa văn, tư duy tu tập. Nhờ uy lực tăng thượng của Văn, Tư, Tu, nên đạt được chánh niệm. Vì nhằm khiến cho chánh niệm đã đạt được này không quên mất, có thể hướng tới chứng đắc, không hoại mất, nên ở trong mọi thời, tức đối với đa văn hoặc tư hoặc tu, hành tác Du già, siêng năng tu tập, gia hạnh không dứt, không lìa gia hạnh. Do đa văn tư tu tích tập thành niệm như thế, nên trong mọi thời đều khéo có thể phòng giữ tác dụng của Du già nơi Văn Tư Tu chính đáng ấy. Như vậy gọi là phòng giữ chánh niệm.

Thế nào gọi là thường thuận theo chánh niệm? Nghĩa là đối với niệm ấy thường xuyên hành tác, hành tác tinh tế. Nên biết ở đây, hành tác thường xuyên gọi là tạo tác không gián đoạn. Hành tác tinh tế gọi là tạo tác cẩn trọng. Tức đối với hai thứ hành tác như thế gọi chung là thường thuận theo chánh niệm. Như chỗ phòng giữ chánh niệm hiện có, như vậy là đối với niệm có thể không quên mất. Như chỗ thường thuận theo chánh niệm hiện có, như vậy là đối với niệm không quên mất đạt được lực nhận giữ. Tức do uy lực của công năng như thế nên điều phục được các trần: sắc, thanh, hương vị xúc, pháp.

Thế nào gọi là niệm ngăn giữ ý? Đó là nhãn, sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Nhãn thức không gián đoạn sinh ra ý thức phân biệt. Do ý thức phân biệt ấy, nên đối với sắc đáng yêu thích thì sắc dẫn sinh đắm chấp. Đối với sắc không đáng yêu thích, tức sắc dẫn sinh ghét giận. Do sức tăng thượng của niệm như vậy, nên có thể ngăn giữ ý ấy dấy khởi phiền não, phân biệt phi lý, khiến không sinh các phiền não hiện có. Như thế, nhĩ tỷ thiết thân, nói rộng nên biết cũng vậy. Ý pháp làm duyên sinh ra ý thức. Tức ý thức này có liên hệ với sự phân biệt phi lý cùng hiện hành, có thể dấy khởi phiền não. Do ý thức này, đối với sắc pháp đáng yêu thích thì dẫn sinh đắm chấp, đối với sắc pháp không đáng yêu thích thì dẫn sinh ghét giận. Cũng do lực tăng thượng của niệm như vậy, nên có thể ngăn giữ ý ấy dấy khởi phiền não, phân biệt phi lý, khiến ý không sinh phiền não hiện có. Như vậy gọi là niệm ngăn giữ ý.

Thế nào gọi là hành vị bình đẳng? Vị bình đẳng: Đó là hoặc xả thiện hoặc xả vô ký. Do ý dấy khởi phiền não, phân biệt phi lý đây kia đã khéo ngăn giữ rồi, nên trong việc xả thiện xả vô ký đã hành đúng đắn. Vì thế gọi là hành vị bình đẳng.

Thế nào là đối với ý dấy khởi phiền não, phân biệt phi lý ấy, có thể khéo ngăn giữ? Nghĩa là đối với các trần: sắc thanh hương vị xúc pháp không giữ lấy tướng của chúng, không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo,

trộn không dựa vào chúng để phát sinh các tâm tư ác, bất thiện, khiến tâm nổi kết lậu. Hoặc vị ấy có lúc quên mất niệm, hoặc do phiền não dấy khởi quá mạnh, nên tuy đã lìa bỏ việc giữ lấy tướng, lìa bỏ việc giữ lấy vẻ đẹp kèm theo, nhưng lại phát sinh pháp ác, bất thiện khiến tâm nổi kết lậu, lúc này nên tu luật nghi. Do hai tướng ấy, nên đối với ý dấy khởi phiền não, phân biệt phi lý kia có thể khéo ngăn giữ.

Thế nào là ý này, do hai tướng ấy đã khéo ngăn giữ rồi thì chánh hành xả thiện hoặc xả vô ký? Nghĩa là do hai thứ tướng ấy. Thế nào là hai tướng? Tức như đã nói về việc ngăn giữ nhãn căn, cùng chính thức tu tập luật nghi của nhãn căn. Như nói về luật nghi ngăn giữ cho nhãn căn, việc ngăn giữ cho nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn, cùng chính thức tu tập luật nghi của các căn này, nên biết cũng vậy. Do hai tướng ấy, nên trong việc xả thiện, xả vô ký, khiến ý chánh hành.

Thế nào là trong việc nhãn nhận thức về sắc, không giữ lấy tướng của sắc ấy? Nói giữ lấy tướng: Nghĩa là trong trường hợp nhãn thức tiếp cận sắc, do nhãn thức nên giữ lấy tướng được hiện bày. Đó gọi là trong việc nhãn nhận thức sắc đã nắm giữ lấy hình tướng của sắc. Nếu có thể xa lìa tướng nơi cảnh giới hiện hành của nhãn thức như thế thì đó gọi là, ở trong việc nhãn nhận biết sắc, không giữ lấy tướng của sắc. Như đối với nhãn nhận biết về sắc, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhận biết về các đối tượng thích ứng, nên biết cũng vậy.

Thế nào là trong trường hợp nhãn nhận thức về sắc, không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo của sắc? Giữ lấy vẻ đẹp kèm theo: Tức là trong trường hợp nhãn nhận thức về sắc, nhãn thức không gián đoạn cùng sinh khởi với ý thức phân biệt nắm giữ lấy tướng nơi cảnh giới hiện hành, hoặc có thể khởi tham, hoặc có thể khởi sân, hoặc có thể khởi si. Đó gọi là trong trường hợp nhãn nhận biết sắc, đã nắm giữ vẻ đẹp kèm theo của sắc. Nếu có thể xa lìa tướng nơi đối tượng hiện hành ấy, ở nơi đối tượng duyên ấy không sinh ý thức, thì đó gọi là trong trường hợp nhãn nhận biết về sắc, đã không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo

của sắc. Như thế đối với nhãn nhận biết về sắc, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, nhận thức về các đối tượng thích ứng, nên biết cũng vậy.

Lại có loại khác, nắm giữ lấy tướng, nắm giữ lấy vẻ đẹp kèm theo. Nói chấp giữ lấy tướng: Đó là cảnh giới của sắc, tại nơi chốn có thể thấy, có thể sinh khởi tác ý, chính thức hiện tiền mắt thấy các sắc. Như thế gọi là nắm giữ lấy tướng.

Giữ lấy vẻ đẹp kèm theo: Tức là cảnh giới của sắc tại nơi chốn có thể thấy được, có thể sinh khởi tác ý, chính thức hiện tiền, mắt thấy sắc rồi, nhưng vị ấy lúc trước đã từ nơi kẻ khác được nghe, khi mắt nhận biết sắc có như vậy như vậy. Liên tùy theo chỗ nghe về danh cú văn thân ấy làm sự tăng thượng, làm chỗ dựa, trụ. Như thế, Bồ-đặc-già-la, sĩ phu, theo chỗ nghe, nên khi mắt nhận biết về sắc, đã có vô số phân biệt. Đó gọi là nắm giữ lấy vẻ đẹp kèm theo của sắc. Như đối với nhãn nhận thức về sắc, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, nhận thức về các đối tượng ứng hợp, nên biết cũng vậy.

Lại, việc giữ lấy tướng, giữ lấy vẻ đẹp kèm theo này, hoặc có trường hợp do nhân duyên ấy, do nơi chốn dựa nương ấy, do sự tăng thượng ấy, nên phát sinh vô số pháp ác bất thiện, khiến tâm nối kết với lậu. Hoặc có trường hợp, do nhân duyên ấy, do nơi chốn nương dựa ấy, do sự tăng thượng ấy, không sinh vô số pháp ác bất thiện khiến tâm kết nối với lậu. Nếu ở trong ấy, nắm giữ lấy tướng, nắm giữ lấy vẻ đẹp kèm theo, không như chánh lý. Do nhân duyên này, do nơi chốn nương dựa này, do sức tăng thượng này, nên phát sinh vô số pháp ác bất thiện, khiến tâm nối kết với lậu. Vị ấy, tức đối với cảnh giới của loại sắc như thế, phải xa lìa việc giữ lấy tướng và giữ lấy vẻ đẹp kèm theo.

Thế nào gọi là pháp ác bất thiện? Đó là các tham dục và các thứ hành ác nơi thân ngữ ý do tham dấy khởi. Hoặc các sân hận, hoặc các ngu si cùng những hành ác nơi thân ngữ ý do hai thứ sân hận, ngu si phát khởi. Đó gọi là vô số pháp ác bất thiện.

Thế nào là do đầy khiến tâm nổi kết với lậu? Đó là, nếu ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên kia có vô số tương ưng với tâm ý thức, có thể khởi các hành của thân ngữ ý hiện có, sinh tham sân si, hiện hành, phân tán khắp. Đó gọi là do đầy khiến tâm nổi kết với lậu.

Như vậy, trong trường hợp mắt nhận thức về sắc, cho đến ý nhận thức về pháp, nếu nắm giữ về tướng, nắm giữ vẻ đẹp kèm theo, do đầy phát sinh vô số tạp nhiễm, vị ấy đối với việc nắm giữ kia nếu có thể xa lìa, tức không còn phát sinh vô số tạp nhiễm. Nếu do quên niệm, hoặc do phiền não hiện hành rất mãnh liệt, nên tuy ở nơi riêng vắng, nhưng vì trước đã thấy lực tăng thượng của mắt nhận biết về sắc, hoặc trước đã thọ nhận lực tăng thượng của các căn còn lại nhận thức về các trần ứng hợp, nên đã phát sinh vô số pháp ác bất thiện. Vị ấy, theo chỗ phát sinh nhưng không chấp trước, lại liền đoạn dứt, trừ bỏ, biến diệt. Đó gọi là vị ấy tu hành luật nghi. Nếu đối với mắt nhận thức về sắc nên thúc đẩy nhãn căn, đối với các căn còn lại nhận thức về các trần ứng hợp, cũng cần thúc đẩy, phát huy, tức khiến tác ý thúc đẩy phát huy, do đầy sẽ không có các tạp nhiễm. Nhờ nhân duyên ấy, đối với các tạp nhiễm đó, nhãn căn đã được ngăn giữ, nói rộng cho đến ngăn giữ ý căn. Như thế gọi là ngăn giữ sáu căn.

Nếu đối với mắt trong khi nhận biết về sắc, không cần thúc đẩy phát huy nhãn căn hiện có, đối với năm căn còn lại, trong việc nhận thức về các trần ứng hợp, cũng không cần thúc đẩy phát huy năm căn hiện có, vị ấy ở khắp tất cả loại đều không thúc đẩy phát huy, nên khiến không tạp nhiễm. Do nhân duyên này nên đối với tạp nhiễm đó tu tập căn luật nghi. Như thế gọi là có thể chính thức tu hành luật nghi của nhãn căn, nói rộng cho đến có thể chính thức tu hành luật nghi của ý căn. Nên biết như vậy là đã phân biệt rộng về tướng của căn luật nghi.

Thế nào là nên biết về nghĩa tóm lược ở đây? Nghĩa tóm lược ấy, đó là hoặc chủ thể ngăn giữ, hoặc đối tượng được ngăn giữ, hoặc ngăn giữ từ nơi cái gì, hoặc ngăn giữ như thế nào, hoặc là sự ngăn

giữ chính đáng, tất cả những thứ như thế tóm lược chung làm một gọi là căn luật nghi.

Nay ở đây, cái gì là chủ thể ngăn giữ? Đó là phòng giữ chánh niệm, cùng chỗ tu tập luôn thuận theo chánh niệm, là chủ thể ngăn giữ.

Cái gì là đối tượng được ngăn giữ? Đó là ngăn giữ về nhãn căn, ngăn giữ năm căn còn lại là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn, là đối tượng được ngăn giữ.

Từ nơi cái gì để ngăn giữ? Đó là từ nơi sắc khả ái không khả ái, nói rộng cho đến từ nơi pháp khả ái, không khả ái mà chính thức ngăn giữ.

Ngăn giữ như thế nào? Tức là không giữ lấy tướng, không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo. Nếu dựa vào nơi chốn ấy sẽ phát sinh vô số pháp ác bất thiện, khiến tâm nối kết với lậu. Tức đối với xứ ấy tu hành luật nghi phòng giữ căn, gọi là tu luật nghi. Phòng giữ như vậy, thế nào là ngăn giữ chính đáng? Đó là do chánh niệm để ngăn giữ nơi ý, hành theo vị bình đẳng. Đó gọi là ngăn giữ chính đáng.

Lại, nghĩa tóm lược: Đó là, hoặc phương tiện phòng giữ, hoặc sự việc của đối tượng được phòng giữ, hoặc phòng giữ chính đáng, hết thảy được tóm lược chung làm một, gọi là căn luật nghi. Ở đây thế nào là phương tiện phòng giữ? Tức là phòng giữ chánh niệm, thường thuận theo chánh niệm. Mắt thấy sắc rồi không giữ lấy tướng, không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo, nói rộng cho đến ý nhận biết pháp rồi, cũng không giữ lấy tướng, không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo. Nếu dựa vào nơi chốn ấy, sẽ phát sinh vô số pháp ác bất thiện, khiến tâm nối kết với lậu. Vị ấy, tức nơi xứ này phải tu hành luật nghi phòng giữ căn, gọi là tu tập luật nghi. Như thế gọi là phương tiện phòng giữ.

Thế nào gọi là sự việc của đối tượng được phòng giữ? Đó là từ mắt – sắc cho đến ý – pháp. Như vậy gọi là sự việc của đối tượng được phòng giữ.

Ở đây, thế nào là sự phòng giữ chính đáng? Đó là như đã nói do chánh niệm phòng giữ nơi ý, thành theo vị bình đẳng, gọi là phòng giữ chính đáng.

Lại, căn luật nghi lược nêu có hai loại: (1) Thuộc về lực xét chọn. (2) Thuộc về lực tu tập.

Căn luật nghi thuộc về lực xét chọn: Đó là đối với cảnh giới thấy rõ về lỗi lầm tai họa, nhưng không thể nơi các lỗi lầm tai họa hiện có ấy diệt trừ, đoạn dứt.

Căn luật nghi thuộc về lực tu tập: Đó là ở nơi cảnh giới thấy rõ về lỗi lầm tai họa, cũng có thể đối với chúng đang hiện hành ấy trừ diệt, đoạn dứt.

Lại do căn luật nghi thuộc về lực xét chọn, nên ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên, khiến phiền não ràng buộc không sinh khởi nữa, không hiện tiền trở lại. Nhưng đối với các tùy miên nương dựa làm chỗ dựa thì không thể đoạn trừ, không thể nhỏ dứt hẳn. Do căn luật nghi thuộc về lực tu tập, nên ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên, các phiền não tùy miên không sinh khởi nữa, không hiện tiền trở lại, trong hết thấy thời phần, các tùy miên hiện có, nương dựa, làm chỗ dựa cũng có thể đoạn trừ, cũng có thể nhỏ dứt vĩnh viễn. Như vậy, hai thứ căn luật nghi ấy có sự sai biệt, có ý nghĩa sâu xa, có sự thù dị: tức căn luật nghi thuộc về lực xét chọn, là thuộc về đạo tư lương, căn luật nghi thuộc về lực tu tập, nên biết là thuộc về địa lia dục.

Thế nào gọi là đối với việc ăn uống biết rõ về lượng? Tức là như có một hữu tình, do xét chọn chính đáng về việc ăn uống nên đối với chỗ ăn uống, không vì sự cuồng loạn, không vì kiêu mạn, phóng dật, không vì hào nhoáng, không vì đoan nghiêm, cho đến nói rộng.

Thế nào gọi là do xét chọn chính đáng về việc ăn uống...? Xét chọn chính đáng: Như dùng tuệ diệu theo đầy quán xét về lỗi lầm của Đoạn thực, thấy rõ lỗi lầm rồi thì sinh chán ghét sâu xa.

Thế nào gọi là quán thấy lỗi lầm? Tức đối với Đoạn thực được sử dụng ấy, hoặc quán về lỗi lầm của chủng loại thọ dụng, hoặc quán về lỗi lầm của chủng loại biến dị, hoặc quán về lỗi lầm của chủng loại vôi vĩa tìm cầu.

Thế nào là lỗi lầm của chủng loại thọ dụng? Đó là như có một hữu tình vào lúc sắp sửa ăn uống, phần Đoạn thực thọ dụng với sắc hương vị xúc thấy đều đầy đủ, hết sức tinh diệu, từ đây thức ăn được đưa vào miệng liên tục, các động thái của răng, lưỡi, cùng với nước miếng, các dịch vị nhào trộn để đưa vào yết hầu. Bây giờ, thức ăn ấy, trước từng có tướng đẹp đẽ vừa ý, tất cả đều bỏ. Tiếp sau chúng đều chuyển thành tướng cấu uế đáng ghét, vào lúc khác sẽ chuyển thành hình trạng như biến bỏ. Bồ-đặc-già-la, sĩ phu có thể thọ thực, nếu xét niệm đúng đắn về tướng cấu uế của phần vị này, đối với tất cả các thứ ăn uống tinh diệu đã thọ nhận khác chưa biến bỏ, đầu tiên hãy còn không thể vui thích trụ thực, huống hồ là đối với phần vị này. Do chúng không phải là một tướng mạo, lần lượt thọ dụng với lực tăng thượng, nên khiến cho tướng tinh diệu của thức ăn uống kia mất đi, tướng lỗi lầm sinh khởi, thuộc về bất tịnh. Đó gọi là lỗi lầm hiện có của chủng loại thọ dụng đối với thức ăn uống.

Thế nào là lỗi lầm của chủng loại chuyển biến (Biến dị)? Đó là các thức ăn uống ấy đã thọ dụng rồi, một phần tiêu hóa biến chuyển đến giữa đêm hoặc cuối đêm, ở trong thân đó liền có thể sinh khởi chất bổ để nuôi dưỡng làm tăng trưởng ... Một phần tiếp sau biến thành chất tạp uế, hướng xuống dưới để lần lượt thải ra ngoài. Do đấy, ngày ngày luôn phải rửa ráy, hoặc nơi tay, chân hoặc các chi phần khác. Lúc tiếp xúc, do vướng mắc nhàm lẩn, hoặc tự hoặc tha đều sinh chán ghét. Lại do duyên ấy nên trong thân phát sinh nhiều thứ bệnh tật ... Hoặc do việc ăn uống không hòa hợp, nên trong thân ấy không tiêu hóa. Đó gọi là lỗi lầm hiện có của chủng loại biến dị nơi thức ăn uống.

Thế nào là lỗi lầm của chúng loại tìm cầu? Đó là nơi các thức ăn uống thuộc chủng loại tìm cầu có nhiều lỗi lầm. Hoặc có lỗi lầm được tạo ra do tích tập. Hoặc có lỗi lầm được tạo ra do ngăn giữ. Hoặc có lỗi lầm được tạo ra đã làm mất hết thân ái. Hoặc có lỗi lầm được tạo ra do không biết chán đủ. Hoặc có lỗi lầm được tạo ra do không tự tại. Hoặc có lỗi lầm được tạo ra do hành ác.

Thế nào gọi là đối với việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra do tích tập? Đó là như có một hữu tình, vì nhân duyên ăn uống, lúc lạnh thì bị lạnh bức bách não khổ, khi nóng thì bị nóng bức bách não khổ. Hoặc vô số sự gắng sức, khó nhọc, khổ cực nơi các nghề nông, chăn nuôi, buôn bán ... Vì để đạt được hay chưa đạt được việc ăn uống hiện có, hoặc vì để tích tụ. Như vì việc ăn uống, vì duyên của việc ăn uống, nên biết cũng thế. Như vậy chỗ tạo tác công việc với những cố gắng, khó nhọc, khổ cực, nếu không thành tựu, do nhân duyên ấy nên sinh ưu sầu buồn khổ, than thở, khóc lóc ... Đó gọi là nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra do tích tập.

Thế nào gọi là nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra do ngăn giữ? Đó là về chỗ tạo tác, nếu được thành tựu, vì nhân duyên giữ gìn, nên khởi lo lắng lớn: Chớ để tài sản vật báu của Ta sẽ bị vua quan, giặc... xâm đoạt. Hoặc bị lửa thiêu cháy, hoặc bị nước cuốn trôi. Hoặc do nghiệp ác đã tạo từ đời trước sẽ khiến bị diệt hoại. Hoặc do phương tiện tạo nghiệp phi lý nơi hiện tại sẽ khiến tan mất ... Như thế gọi là nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra do sự phòng giữ.

Thế nào là nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra đã làm mất thân ái? Đó là các thế gian, do nhân duyên ăn uống nên dấy khởi nhiều thứ tranh chấp, xấu xí. Cha mẹ, con cái, anh em chị em, bạn bè hãy còn vì chuyện uống, mà cùng nói xấu nhau, huống chi là những kẻ không thân thuộc quen biết, chỉ vì nhân duyên ăn uống mà lần lượt trở thành tranh tụng, đấu đá ... Đó gọi là nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra có thể hủy hoại mọi thân ái.

Thế nào là nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra do không biết chán đủ? Đó là trường hợp các quốc vương dòng Sát-đế-lợi thọ vị Quán đảnh không tự biết đủ đối với lãnh thổ hiện có của mình, nên dấy khởi binh đao chiến trận, gây bao chết chóc, tang thương... Đó gọi là nơi việc ăn uống, lỗi lầm tạo ra do không biết đủ.

Thế nào là nhân nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra do không được tự tại? Nghĩa là như có một loại hữu tình được vua sai đi chinh phạt một thành trì kiên cố, nhân gặp phải sự chống cự mãnh liệt bằng các thứ “vũ khí” như dầu mỡ cực nóng, nước đồng sắt nung sôi để tung rảy ... khiến bị dao mác đâm chém bị thương gần chết, hoặc bị chết cả đám ... Lại có những trường hợp khác cũng cùng loại như thế. Đó gọi là nhân nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra do không được tự tại.

Thế nào là nhân nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra do các hành ác? Nghĩa là như có một hữu tình, do nhân duyên ăn uống, đã tạo tác, tích tập các hành ác của thân, ngữ, ý, nên lúc lâm chung bị các bệnh nặng bức bách khổ sở. Vì lực tăng thượng của những hành ác ấy, nên vào cuối ngày, thấy có các ngọn núi, hoặc các đỉnh núi cao, với bóng núi rũ xuống, che phủ từ trên cao, che phủ gần, che phủ trùm khắp, người ấy liền nghĩ: Ta từ trước giờ, dựa nơi thân ngữ ý, tạo ra các nghiệp, chỉ là tội lỗi, chẳng phải là phước. Nếu có nẻo nào dành cho những kẻ tạo ác sẽ sinh vào đấy, Ta nay nhất định sẽ sinh đến. Hối hận như vậy rồi liền qua đời. Sau đấy, tùy theo nghiệp sai biệt mà sinh vào các nẻo ác như địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ. Như thế gọi là nhân nơi việc ăn uống, lỗi lầm được tạo ra do các hành ác.

Như vậy là Đoạn thực, nơi các tìm cầu có các lỗi lầm. Nơi lúc thọ dụng có các lỗi lầm. Nơi khi chuyển biến có các lỗi lầm.

Lại, Đoạn thực này có một ít lợi ích nổi bật. Sự việc ấy như thế nào? Đó là thân này, do ăn mà sống, do dựa vào sự ăn uống mà đứng vững, chẳng phải là không có ăn uống.

Thế nào là có một ít lợi ích thù thắng? Tức là dựa nơi ăn uống để thân trụ như thế, là trụ lâu hết mực, hoặc trải qua trăm năm, hoặc đang dẫn đến sự nuôi dưỡng, hoặc vượt quá phần ít, hoặc có trường hợp chưa đầy đủ mà mất sớm. Hoặc chỉ lo cho thân tạm trụ này hành xử chẳng phải là diệu hạnh, hoặc đối với thân tạm thời an trụ như vậy mà sinh biết đủ, chẳng phải là biết đủ tốt đẹp, cũng chẳng phải là thọ nhận công đức lợi lạc thù thắng, vô tội, viên mãn do việc ăn uống tạo ra. Nếu không chỉ lo cho thân hành tạm trụ này, cũng chẳng phải chỉ đối với thân tạm thời an trụ mà sinh biết đủ, nhưng dựa vào thân tạm thời an trụ này tu tập phạm hạnh, khiến được viên mãn, mới là diệu hạnh, cũng là sự biết đủ tốt đẹp. Lại có thể nhận lãnh các công đức lợi lạc thù thắng, vô tội, viên mãn, do việc ăn uống tạo ra ... Nếu đối với những lỗi lầm của khắp hết thấy loại Đoạn thực như thế, nhận biết đầy đủ rồi, do xét chọn đúng đắn nên thấy rõ lỗi lầm một cách sâu xa mà cầu xuất ly ...

Lại nữa, Ta nên dựa vào việc thọ dụng đoạn thực, phát khởi hạnh chân chánh như vậy như vậy, cùng đối với lượng của sự thọ dụng thấu đạt đúng như thật, tức là mạng căn của Ta nhờ đây nên không bị hoại diệt.

Lại, đối với việc ăn uống này không nên đắm chấp vào nẻo khổ mới có thể tùy thuận thân nhận phạm hạnh. Như vậy ta nay trụ nơi tánh Sa-môn, trụ nơi tánh xuất gia, thọ dụng việc ăn uống, thanh tịnh như pháp, xa lìa các tội. Do các tướng ấy nên xét chọn đúng đắn việc thọ dụng ăn uống.

Thế nào là đối tượng thọ thực? Đó là bốn thứ thực (Ăn): (1) Đoạn thực. (2) Xúc thực. (3) Ý và tư thực. (4) Thức thực.

Nay trong nghĩa ấy, ý nói về Đoạn thực. Điều này là thế nào? Đó là các thứ bánh, bún, cơm, canh, cháo, tô, dầu, đường, mật... Gọi là Đoạn thực.

Thế nào gọi là không vì sự cuồng loạn? Nghĩa là như có một hữu tình ưa thích thọ dụng, vì thọ nhận các dụng nên khi ăn uống, kẻ ấy suy nghĩ: Ta thọ dụng việc ăn uống là khiến cho thân được no đủ, khiến cho thân được sung mãn, vui thú, vì thế nên vào đêm sẽ cùng với các người nữ trang điếm đẹp để hoan lạc thỏa thích, khoa chân múa tay, lớn lời, buông thả.

Gọi là cuồng loạn là ở trong giáo pháp, giới luật của bậc Thánh này. Nói kẻ thọ dụng, là do dụng tham dẫn khởi, do dâm dật dẫn khởi, với các tâm tư ác, bất thiện hiện có. Do sự việc ăn uống ấy, tức khi thọ dụng khiến các căn thấy đều lao động, khiến ý rối loạn, khiến ý không an, khiến ý chẳng tĩnh.

Nếu vì việc thọ dụng các thứ ăn uống như thế, gọi là cuồng loạn khi thọ dụng ăn uống, các chúng Thánh đệ tử đa văn, do lực xét chọn nên thấy rõ mọi lỗi lầm, nên khéo nhận biết nẻo xuất ly mà thực hiện việc ăn uống, chẳng phải như trước nói về những kẻ thọ dụng đối với việc ăn uống. Do đó gọi là không vì sự cuồng loạn.

Thế nào gọi là không vì sự kiêu mạn phóng dật? Không vì sự hào nhoáng, không vì sự đẹp đẽ? Đó là như có một hữu tình là kẻ ưa thích thọ dụng, vì thọ các dụng nên khi ăn uống, kẻ ấy suy nghĩ: Ta nay phải nên thọ dụng ăn uống nhiều cho no nê, tùy theo sức, tùy theo khả năng, nên ăn uống để thân được mập mạp, đắm mình trong ca múa, đàn hát, luôn tỏ ra kiêu mạn phóng dật mà thọ dụng ăn uống.

... Liền dùng vô số các thứ nước thơm thanh tịnh để tắm rửa nơi thân, chải chuốt tóc tai, dùng hương diệm xoa thân, mặc y phục đẹp, đeo vòng hoa cùng đủ loại vật dụng trang sức. Ở đây, việc tắm rửa, chải tóc, xoa hương gọi là tạo sự hào nhoáng. Lại dùng y phục thượng diệm, tràng hoa, vật dụng trang sức ... gọi là tạo sự đẹp đẽ. Như vậy gọi chung là hào nhoáng, là đẹp đẽ để thọ dụng ăn uống.

Kẻ ấy đã kiêu mạn phóng dật, tạo sự hào nhoáng, đẹp đẽ nơi thân rồi, vào lúc giữa ngày hoặc cuối ngày, đến thời gian thọ thực,

tỏ ra hết sức mong muốn, hết mực vui thích, không hề thấy lỗi lầm, tai họa, không hề biết về nẻo xuất ly. Các chúng Thánh đệ tử đa văn do lực xét chọn đúng đắn, nên thấy rõ những lỗi lầm, khéo nhận biết con đường xuất ly để thực hành việc ăn uống, chẳng phải như trước nói về các kẻ thọ dụng hành xử việc ăn uống.

Chỉ khởi suy niệm: “Ta nay hành xử gần với chỗ không ứng hợp. Nên hành xử ở chỗ cần đoạn trừ là việc ăn uống. Vì nhằm vĩnh viễn dứt bỏ việc ăn uống như thế!”.

Thế nào gọi là vì thân an trụ nên thọ dụng việc ăn uống? Nghĩa là, ăn uống xong, thọ mạng được bảo tồn, chẳng phải là không ăn uống mà thọ mạng được bảo tồn, nên gọi là thân an trụ. Ta nay thọ nhận việc ăn uống hiện có này, nên thọ mạng được bảo tồn, sẽ không qua đời sớm, do nhân duyên ấy, nên thân được an trụ, có thể tu tập chánh hạnh, vĩnh viễn dứt bỏ các việc ăn uống.

Thế nào gọi là vì tạm ứng phó nên thọ dụng việc ăn uống? Nghĩa là lược nói có hai thứ nuôi dưỡng để tồn tại: (1) Sự nuôi dưỡng để tồn tại có khó khăn. (2) Sự nuôi dưỡng để tồn tại không khó khăn.

Thế nào gọi là sự nuôi dưỡng để tồn tại có khó khăn? Đó là thọ nhận việc ăn uống hiện có như thế là luôn tăng thêm sự khốn khổ vì đói kém, yếu đuối, bệnh nặng. Hoặc dùng phi pháp để tìm cầu việc ăn uống, chẳng phải là dùng chánh pháp. Được rồi thì ái nhiễm, tham đắm quá đáng trong việc ăn uống, chấp chặc để thọ dụng. Hoặc có trường hợp ăn uống rồi, khiến thân trở nên nặng nề, không thể gắng sức để thực hiện việc tu tập, đoạn trừ. Hoặc có trường hợp ăn uống rồi khiến tâm trì độn không mau chóng được định. Hoặc có trường hợp ăn uống rồi khiến việc thở ra thở vào, đi lại thêm khó nhọc. Hoặc có trường hợp ăn uống rồi khiến tâm luôn bị hôn trầm, ham ngủ nghỉ tạo sự trói buộc, nhiễu loạn. Như thế gọi là sự nuôi dưỡng để tồn tại có khó khăn.

Thế nào gọi là sự nuôi dưỡng để tồn tại không có khó khăn? Đó là thọ nhận sự ăn uống hiện có như vậy khiến không bị đói phát ốm yếu, không có khổ cùng do bệnh nặng. Hoặc dùng chánh pháp để tìm cầu việc ăn uống, không dùng phi pháp. Đã đạt được rồi thì không nhiễm không ái, cũng không tham đắm, cố chấp để thọ dụng. Thọ dụng như thế, thân không trở nên nặng nề, có thể gắng sức nhận lãnh thực hiện việc tu tập, đoạn trừ, khiêm tâm mau chóng đạt Tam-ma-địa, khiến cho việc thở ra vào không có khó nhọc, khiến tâm không bị trôi buộc làm nhiều loạn của hôn trầm, thù miên. Như thế gọi là sự nuôi dưỡng để tồn tại không có khó khăn.

Nếu do sự nuôi dưỡng để tồn tại có khó khăn khiến thọ mạng được bảo tồn, thân được an trụ, thì đây gọi là có tội, có nhiễm ô.

Nếu do sự nuôi dưỡng để tồn tại không có khó khăn, khiến thọ mạng được bảo tồn, thân được an trụ, thì đây gọi là không tội, không nhiễm ô. Các chúng Thánh đệ tử đa văn, nên xa lìa sự nuôi dưỡng để tồn tại có tội, có nhiễm ô, hành xử gần với sự nuôi dưỡng để tồn tại không tội, không nhiễm ô. Do đây nên nói là vì ứng phó tạm nên thọ dụng việc ăn uống.

Hỏi: Thế nào là hành xử gần với sự nuôi dưỡng để tồn tại hiện có không tội, không nhiễm như trước đã nêu để tự sống còn?

Đáp: Nếu thọ nhận việc ăn uống để dứt trừ đói khát, để thân giữ phạm hạnh, vì để đoạn trừ sự thọ nhận cũ, vì nhằm khiến cho sự thọ nhận mới sẽ không sinh khởi nữa. Vì nhằm nuôi dưỡng để tồn tại lực ưa thích không tội, an ổn mà trụ. Như thế là hành xử gần với sự nuôi dưỡng để tồn tại hiện có không tội, không nhiễm để tự sống còn.

Thế nào gọi là vì để dứt trừ đói khát nên thọ nhận việc ăn uống? Đó là đến thời điểm ăn uống, tức sinh nhiều đói khát, khí lực suy kém, nên trông mong nơi sự ăn uống. Vì nhằm dứt trừ việc đói khát đang vây bức khiến khí lực suy yếu ấy, nên biết rõ về lượng mà ăn

uống. Ăn uống như vậy rồi, khiến vào lúc “phi thời” không bị vây bức do đói thiếu. Nghĩa là vào cuối ngày hoặc đầu đêm cho đến sáng hôm sau chưa tới giờ ăn. Như thế gọi là vì nhằm dứt trừ đói khát nên thọ nhận việc ăn uống.

Thế nào gọi là vì để thân giữ phạm hạnh nên thọ nhận các thứ ăn uống? Nghĩa là nhận biết về lượng để thọ nhận các thứ ăn uống. Do nhân duyên ấy nên người tu phẩm thiện, hoặc đối với hiện pháp, hoặc vào ngày đó, sau khi được ăn uống, thân không nặng nề, có thể gắng sức nhận giữ việc tu tập đoạn trừ, khiến tâm mau chóng đạt được Tam-ma-địa, khiến cho hơi thở ra vào không hề khó khăn, khiến tâm không bị ràng buộc, nhiễu loạn vì hôn trầm, thù miên, do đấy mau chóng có được lực dụng, khả năng, đạt được điều chưa đạt, tiếp xúc nơi chưa tiếp xúc, chứng đắc pháp chưa chứng đắc. Như vậy gọi là vì nhằm thân giữ phạm hạnh nên thọ nhận các thứ ăn uống.

Thế nào gọi là vì nhằm đoạn trừ thọ nhận cũ nên thọ nhận việc ăn uống? Nghĩa là như có một hữu tình do nơi đời quá khứ ăn uống không nhận biết rõ về lượng, ăn uống không thích hợp, không tiêu hóa ... Do nhân duyên ấy, nên trong thân này sinh khởi vô số các thứ bệnh tật của thân. Vì nhân duyên của vô số bệnh tật này, nên trong thân phát sinh các thứ khổ não mãnh liệt, cực nặng, tâm ý không thể chịu nổi. Do muốn dứt trừ tật bệnh như thế, cùng là dứt trừ mọi khổ thọ sinh ra từ nhân duyên ấy, nên quen gần với nhiều vị lương y, nêu bày về những lợi ích thích hợp, thuận theo thuốc men chữa trị cùng thọ dụng vô số các thứ ăn uống vừa ý. Do đấy nên có thể đoạn trừ tật bệnh đã sinh, và các khổ thọ sinh ra do nhân duyên bệnh tật kia. Như thế gọi là vì nhằm đoạn trừ thọ nhận cũ nên thọ nhận việc ăn uống.

Thế nào gọi là vì khiến cho thọ nhận mới sẽ không sinh nữa, nên thọ nhận các thứ ăn uống? Đó là như có một hữu tình, do đời hiện tại an lạc không bệnh, khí lực đầy đủ, ăn uống không trái lượng, ăn uống luôn thích hợp, cũng không phải chẳng tiêu hóa mà lại ăn

uống lần nữa, khiến nơi đời vị lai, trong việc ăn uống để trụ thân thành bệnh không tiêu. Hoặc ở trong thân sẽ sinh các thứ bệnh tật theo một thân, như ghê lở, hủi ... như trước đã nói rộng. Do nhân duyên này sẽ sinh vô số khổ thọ nơi thân như trước đã nêu. Như thế gọi là vì khiến cho sự thọ nhận mới sẽ không sinh nữa, nên thọ nhận sự ăn uống.

Thế nào gọi là vì sẽ nuôi dưỡng để tồn tại lực vui thích không tội lỗi, an ổn mà trụ nên thọ dụng việc ăn uống? Là đã ăn uống rồi thì thọ mạng được bảo tồn, đó gọi là nuôi dưỡng để tồn tại. Nếu dứt trừ đói khát, suy yếu, đó gọi là lực. Nếu đoạn trừ thọ nhận cũ, thọ mới không sinh thì gọi là vui thích. Nếu dùng chánh pháp để tìm cầu việc ăn uống, không cầu nhiễm tham ái, cho đến nói rộng, mà thọ dụng, đó gọi là không tội. Nếu ăn uống rồi, thân không trở nên nặng nề, có khả năng đảm nhận, thực hiện việc tu tập đoạn trừ, như trước đã nói rộng, như thế gọi là an ổn mà trụ. Vì vậy nên nói do xét chọn đúng đắn việc thọ dụng các thứ ăn uống, không vì cuồng loạn, không vì kiêu mạn phóng dật, không vì hào nhoáng, không vì tạo sự đẹp đẽ, cho đến nói rộng, đó gọi là biện biệt rộng về việc ăn uống luôn nhận biết về lượng.

Thế nào là nên biết trong đó tóm lược về nghĩa? Tức là, nếu việc thọ nhận thức ăn uống, hoặc ăn uống như vậy, nên biết được gọi chung là tóm lược về nghĩa ở đây.

Những gì là đối tượng được ăn uống? Đó là các thứ đoạn thực như bánh, bún, cơm, canh, cháo ... như đã nêu ở trước.

Làm thế nào để ăn uống? Nghĩa là xét chọn đúng đắn việc thọ dụng các thứ ăn uống, không vì cuồng loạn, kiêu mạn phóng dật ... cho đến nói rộng.

Lại nữa, nên biết tóm lược nghĩa ở đây, tức là thấu nhận để đối trị, vì nhằm xa lìa hành biên dục lạc, cũng vì nhằm xa lìa hành biên tự khổ, vì để thấu giữ phạm hạnh, nên thọ nhận các thức ăn uống.

Thế nào là thâm nhận để đối trị nên thọ dụng các thứ ăn uống? Nghĩa là như nói rõ do xét chọn đúng đắn việc thực hiện các thức ăn uống.

Thế nào là nhằm xa lìa hành biên dục lạc mà thọ nhận việc ăn uống? Tức là như nói rõ: Không vì cuồng loạn, không vì kiêu mạn phóng dật, không vì sự hào nhoáng vv mà thực hiện việc ăn uống.

Thế nào là nhằm xa lìa hành biên tự khổ nên thọ nhận việc ăn uống? Đó là như nói: Vì nhằm dứt trừ đói khát, vì đoạn bỏ thọ nhận cũ, vì khiến cho thọ nhận mới sẽ không nữa, vì cần muôi dưỡng để tồn tại, hoặc sức lực hoặc sự vui thích, nên thọ nhận việc ăn uống.

Thế nào là nhằm thâm nhận phạm hạnh nên thọ dụng các thứ ăn uống? Tức là như nói: Vì nhằm thâm giữ phạm hạnh, vì có được không tội lỗi, an ổn mà trụ, nên thọ dụng các thức ăn uống.

Lại nữa, nên biết tóm lược nghĩa ở đây, tức có hai thứ: (1) Không chỗ ăn uống. (2) Có chỗ ăn uống.

Không chỗ ăn uống: Tức là tất cả loại đều không có ăn uống. Do không chỗ ăn uống, tức liền qua đời sớm.

Có chỗ ăn uống: Loại này có hai: Một là ăn uống bình thường. Hai là ăn uống không bình thường.

Ăn uống bình thường: Nghĩa là không ăn uống quá ít ỏi, không ăn uống quá nhiều, không ăn uống chẳng thích hợp, không ăn uống chẳng tiêu hóa, không ăn uống nhiễm ô.

Ăn uống không bình thường: Đó là, hoặc ăn uống quá ít, hoặc ăn uống quá nhiều, hoặc ăn uống không thích hợp, hoặc ăn uống không tiêu hóa, hoặc ăn uống nhiễm ô.

Nên biết ở đây, do ăn uống bình thường, không ăn uống quá ít, khiến thân đói khát suy yếu, chưa sinh thì không sinh, đã sinh rồi thì dứt hẳn. Do ăn uống bình thường, không ăn uống quá nhiều, nên thân

không nặng nề, có khả năng nhận giữ việc tu tập đoạn trừ, như trước đã nói rộng. Do ăn uống bình thường, ăn uống luôn thích hợp, ăn uống luôn tiêu hóa, nên có thể đoạn trừ thọ nhận cũ, không sinh thọ nhận mới. Vì nhận duyên ấy, nên được nuôi dưỡng để tồn tại, hoặc sức lực, hoặc sự vui thích. Do ăn uống bình thường, không ăn uống nhiễm ô, nên đạt được không tội lỗi, an ổn mà trụ.

Do ăn uống quá ít, tuy bảo tồn thọ mạng, nhưng có đói, yếu, cũng có ít sự sống còn.

Do ăn uống quá nhiều, như đang gánh gánh cực nặng, đè ép nơi thân, không thể theo thời gian được ăn uống để tiêu hóa.

Do ăn uống không tiêu hóa, nên hoặc trong thân trụ thành bệnh không tiêu hóa, hoặc sinh các bệnh khổ theo một thân. Như ăn uống không tiêu hóa, do ăn uống không thích hợp, nên biết cũng vậy. Ở đây, ăn uống không thích hợp có sai biệt: Đó là trong thân tích tập các thứ lỗi lầm, do đấy lại tiếp xúc với bệnh khổ cực nặng.

Do ăn uống nhiễm ô, tức dùng phi pháp để tìm cầu các thức ăn uống rồi, có nhiễm có ái, tham đắm quá mức trong ăn uống, như trước đã nói rộng, mà thọ dụng.

Do thực hiện việc ăn uống bình thường, với sự thọ dụng ấy, cùng do xa lìa sự ăn uống không bình thường, nên nói: Đối với việc ăn uống nên tạo ra sự bình thường. Tức đối với sự ăn uống đã tạo sự bình thường ấy, rộng dùng các câu để nêu bày, mở rõ, đó là nói: Do xét chọn đúng đắn việc thọ dụng các thức ăn uống, không vì cuồng loạn ... như trước đã nói đầy đủ, ở đây cũng nói như thế, vì thân an trụ, vì tạm thời ứng phó, do đấy nên ngăn dứt hoàn toàn không chỗ ăn uống. Hoặc lại nói: Vì để dứt trừ đói khát, vì để thân giữ phạm hạnh, nói rộng cho đến an ổn mà trụ. Do đấy, nên ngăn dứt việc ăn uống không bình thường.

Thế nào là ngăn dứt việc ăn uống không bình thường? Nghĩa là như nói: Vì nhằm đoạn trừ đói khát, do đấy ngăn dứt việc ăn uống

quá ít. Hoặc lại nói: Vì để thân giữ phạm hạnh, do đầy nên ngăn dút việc ăn uống quá nhiều. Hoặc lại nói: Vì để đoạn trừ thọ nhận cũ, vì khiến thọ nhận mới sẽ không sinh trở lại, do đầy ngăn dút việc ăn uống không tiêu hóa, ăn uống không thích hợp.

Hoặc lại nói: Vì phải nuôi dưỡng để tồn tại, vì cần đạt được lực dụng, do đầy hiển bày về ăn uống không quá ít, ăn uống không quá nhiều.

Hoặc lại nói: Vì cần đạt được sự vui thích, do đầy hiển bày việc ăn uống tiêu hóa, cùng ăn uống thích hợp.

Hoặc lại nói: Vì nên không tội lỗi, an ổn mà trụ, do đầy hiển bày việc ăn uống không nhiễm ô. Vì sao? Vì nếu dùng phi pháp để tìm cầu việc ăn uống, được rồi thì nhiễm, ái như trước đã nói rộng, mà thọ dụng chúng, nên gọi là ăn uống nhiễm ô, cũng gọi là có tội.

Nếu người đối với phẩm Thiên siêng năng tu tập, trụ nơi vắng lặng, tác ý về Du già, thọ trì đọc tụng, tư duy đúng nghĩa. Do vị ấy có các tâm tư ác bất thiện, khiến tâm nối kết với lậu, khiến tâm tương tục, tùy thuận hướng tới chỗ sắp vào mà chuyển. Do nhân duyên này nên không an ổn trụ.

Sự an ổn trụ ấy lại có hai loại:

(1) Xa lìa sự ăn uống quá nhiều. Do đầy nên thân không nặng nề, có khả năng nhận giữ việc tu tập đoạn trừ, như trước đã nói rộng.

(2) Đối với việc ăn uống không sinh tham đắm về vị. Do nhân duyên này xa lìa mọi tâm tư xấu ác, làm loạn động khiến không an ổn trụ.

Vì thế, như tất cả các câu ấy đều nhằm nêu bày mở rõ về việc ăn uống được tạo ra do sự bình thường. Như vậy gọi là tuyên thuyết đầy đủ, tóm lược về ăn uống nhận biết lượng.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 24

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VĂN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ nhất, phần ba: Địa Xuất Ly (3)

Lại nữa, đầu đêm cuối đêm thường siêng năng tu tập tỉnh giác về Du già: Thế nào là đầu đêm? Thế nào là cuối đêm? Thế nào là tỉnh giác về Du già? Thế nào là thường siêng năng tu tập tỉnh giác về Du già?

Nói đầu đêm: Tức là trong bốn phần của đêm, đã qua một phần thứ nhất, là phần đầu đêm.

Nói cuối đêm: Tức là trong bốn phần của đêm, đã qua một phần sau, là phần cuối đêm.

Tỉnh giác về Du già: Nghĩa là như nói: Vào ban ngày kinh hành, ngồi thiền, thuận theo pháp ngăn che, tịnh tu nơi tâm. Nơi phần đầu đêm, kinh hành, ngồi thiền, thuận theo pháp ngăn che, tịnh tu nơi tâm. Tịnh tu tâm rồi thì ra ngoài trụ xứ rửa chân, trở vào trụ xứ nằm nghiêng theo hông bên phải, chông hai chân lên, trụ nơi tưởng ánh sáng, chánh niệm, chánh tri, tư duy khởi tưởng khéo léo mà nằm. Đến phần cuối đêm mau chóng thức giấc, kinh hành ngồi thiền, thuận theo pháp ngăn che, tịnh tu nơi tâm.

Thường siêng năng tu tập tỉnh giác về Du già: Nghĩa là như có một đệ tử của Đức Thế Tôn, lắng nghe chánh pháp Du già tỉnh giác

rồi, vui thích tu học, liền dựa vào Du già tỉnh giác như thế, suy niệm: Ta sẽ thành tựu đầy đủ pháp Du già tỉnh giác đã được nghe nhận từ Đức Thế Tôn, phát sinh ưa muốn, tinh tấn cần cù, tạo uy lực dũng mãnh vượt hơn, phát khởi sự cương quyết mạnh mẽ không gì có thể chế phục, thúc đẩy nơi tâm, nối tiếp không gián đoạn.

Ở đây, thế nào gọi là vào ban ngày kinh hành ngồi thiền, thuận theo pháp ngăn giữ, tịnh tu nơi tâm?

Nói ban ngày: Tức từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn.

Nói kinh hành: Nghĩa là ở một nơi chốn có độ rộng lớn thích hợp, hoặc tới hoặc lui tương ưng với thân nghiệp.

Nói ngồi thiền: Nghĩa là như có một Hành giả, hoặc ở nơi giường lớn, hoặc ở nơi giường dây nhỏ, hoặc dùng tòa ngồi bằng cỏ, lá, an tọa theo lối ngồi kiết già, thân ngay, nguyện chánh, an trụ thuộc niệm.

Nói ngăn che: Tức là năm thứ cái (Ngăn che).

Thuận theo pháp ngăn che: Nghĩa là có thể tùy thuận pháp ngăn che để dẫn dắt chúng. Thế nào là năm thứ ngăn che (cái)? Đó là: Ngăn che của tham dục. Ngăn che của sân hận. Ngăn che của hôn trầm – thùy miên. Ngăn che của trạo cử – ố tác. Ngăn che của nghi.

Thế nào là thuận theo pháp ngăn che? Đó là những tâm tư, nhớ nghĩ về thời trước với các sự cười đùa, vui mừng, thừa sự, theo niệm, kể cả ba đời gồm các tướng tịnh diệu, sân hận, đen tối, những thân thuộc nơi cõi nước không chết. Hoặc đối với ba đời tư duy về pháp phi lý.

Hỏi: Vào lúc kinh hành, phải theo bao nhiêu pháp ngăn che để tịnh tu nơi tâm? Làm thế nào theo các pháp ấy để tịnh tu?

Đáp: Từ sự ngăn che (cái) của hôn trầm – thùy miên cùng có thể dẫn dắt pháp chướng ngại của sự ngăn che ấy để tịnh tu nơi tâm,

nhằm trừ bỏ chúng. Nơi tưởng ánh áng, thiện xảo, thành khẩn, khéo giữ lấy, khéo tư duy, khéo biết rõ, khéo thông đạt do có ánh sáng kết hợp nơi tâm, do có sự tỏa chiếu kết hợp với tâm, hoặc ở nơi kín đáo, hoặc ở chốn trống trải, lần lượt kinh hành qua lại. Vào khi kinh hành, theo duyên nơi một cảnh giới tịnh diệu, hết sức khéo léo thị hiện sự khuyến khích, dẫn dắt, tán thán, an ủi, thúc đẩy nơi tâm. Nghĩa là, hoặc niệm Phật, Pháp, Tăng, hoặc niệm Giới, Xả, hoặc niệm Thiên. Hoặc ở đây nêu rõ những lỗi lầm của hôn trầm – thù miên, tương ưng với chánh pháp hiện có, ở trong pháp ấy nhằm dứt trừ chúng. Dùng vô lượng môn để chê trách về những lỗi lầm hiện có của hôn trầm – thù miên. Dùng vô lượng môn để xưng dương, tán thán về công đức do đoạn trừ vĩnh viễn hôn trầm – thù miên. Đó là nơi Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quang, Hy pháp và Luận nghị, đều nhằm đoạn trừ chúng. Nơi chánh pháp ấy, lắng nghe, thọ trì, dùng âm thanh lớn hoặc đọc hoặc tụng, vì kẻ khác mở bày chỉ rõ, tư duy về nghĩa, quán xét thích hợp. Hoặc quán xét về phương hướng, hoặc xem xét về trăng sao vận hành, hoặc dùng nước lạnh rửa ráy mặt mày, do đây, sự trói buộc, ngăn che của hôn trầm – thù miên, chưa sinh thì không sinh, sinh rồi thì dứt trừ. Như vậy là tạo phương tiện thuận theo pháp chương ngại để tịnh tu nơi tâm.

Hỏi: Vào lúc ngồi thiền thì theo bao nhiêu pháp chương ngại để tịnh tu nơi tâm? Làm thế nào để theo pháp ấy mà tịnh tu?

Đáp: Theo bốn pháp chương ngại để tịnh tu nơi tâm. Đó là theo bốn sự ngăn che (cái) của tham dục, sân hận, trạo cử – ô tác và nghi, cùng có thể dẫn dắt các pháp ấy để tịnh tu nơi tâm. Vì khiến cho sự trói buộc, ngăn che của tham dục đã sinh mau chóng được dứt trừ. Vì khiến cho sự trói buộc ngăn che ấy chưa sinh thì nên xa lìa hẳn, nên an tọa theo lối kiết già, thân ngay, nguyện chánh, an trụ, buộc niệm. Hoặc thực hiện pháp quán bất tịnh với các chi tiết vốn

có. Hoặc tùy theo một tướng định hiền thiện, tác ý tư duy. Hoặc ở đây nêu rõ những lỗi lầm tai họa của tham dục, tương ứng với chánh pháp. Ở trong chánh pháp ấy, vì nhằm đoạn trừ tham dục, nên dùng vô lượng môn để chê trách những lỗi lầm của tham dục, ái dục, che giấu dục, bảo vệ dục, chấp trước dục. Dùng vô lượng môn để xưng dương, tán thán các công đức đã vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tham dục, nói rộng như trước. Vì đoạn trừ tham dục, nên đối với chánh pháp ấy lắng nghe, thọ trì, ngôn từ khéo thông tỏ, lưu loát, tâm ý khéo suy xét, kiến giải khéo thấu đạt, tức ở nơi pháp ấy, ngòi thiền như thế, tư duy như lý. Do nhân duyên này, nên sự trói buộc ngăn che của tham dục, nếu chưa sinh thì không sinh, đã sinh thì dứt trừ hẳn. Như vậy là tạo phương tiện, thuận theo pháp chướng ngại để tịnh tu nơi tâm.

Đối với pháp của sự ngăn che do sân hận thì có sai biệt. Nghĩa là ngòi thiền như thế, do Từ kết hợp nơi tâm, không oán không thù, không tổn không nã, tu tập thiện rộng lớn vô lượng, khắp ở một phương, phát khởi Thắng giải, an trụ đầy đủ. Lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Lần thứ tư là trên dưới các bên, khắp thấy tất cả vô lượng thế giới, phát khởi thắng giải, an trụ đầy đủ. Phần còn lại như trước đã nêu.

Đối với pháp của sự ngăn che do trạo cử – ô tác có sai biệt: Đó là ngòi thiền như vậy như thế khiến tâm trụ bên trong, thành tựu đầy đủ về một hướng, đạt được Tam-ma-địa. Phần còn lại như đã nêu ở trước.

Nơi pháp của sự ngăn che do nghi, có sai biệt: Tức là, ngòi thiền như vậy, đối với đời quá khứ tác ý tư duy không như lý, đối với đời hiện tại, vị lai đều tác ý tư duy không như lý: Ta nơi quá khứ là từng có chăng? Là từng không có chăng? Ta nơi quá khứ là từng có gì? Vì sao từng có? Ta nơi vị lai là sẽ có chăng? Vì sao sẽ có? Ta nơi hiện tại vì gì hiện có? Vì sao mà có? Nay hữu tình này từ đâu mà tới. Ở đây qua đời rồi thì sẽ đi đến chốn nào? Đối với những tác ý tư duy không như chánh lý như thế, phải nên chính thức xa lìa, nên tư duy

như lý. Nơi ba đời chỉ thấy có pháp, chỉ thấy có sự. Biết có là có, biết không là không. Chỉ quán xét có nhân, chỉ quán xét có quả. Nơi sự thật không, không thêm không tăng, nơi sự thật có không hủy không báng. Đối với điều thật có nhận biết rõ là thật có.

Nghĩa là, ở trong tất cả pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, đều nhận biết rõ là vô thường, khổ, không, vô ngã. Do có thể tư duy như lý như vậy, nên ở nơi chỗ Phật không nghi không hoặc, phần còn lại như trước đã nói. Đối với Pháp, với Tăng, với khổ, tập, diệt, đạo, với nhân và các pháp do nhân duyên sinh ra đều không nghi không hoặc. Phần còn lại như trước đã nêu.

Lại, đối với sự ngăn che của sân hận, nên nói như vậy: Vì đoạn trừ sân hận cùng tướng của sân hận, nên đối với chánh pháp ấy lắng nghe, thọ trì, cho đến nói rộng. Đối với sự ngăn che của trạo cử – ô tác, nên nói như vậy: Vì đoạn trừ trạo cử – ô tác cùng thuận theo pháp kia, nên đối với chánh pháp này lắng nghe, thọ trì, cho đến nói rộng. Đối với sự ngăn che của nghi, nên nói như vậy: Vì đoạn trừ sự ngăn che của nghi cùng thuận theo pháp kia, nên đối với chánh pháp này lắng nghe, thọ trì, cho đến nói rộng. Như thế là tạo phương tiện, từ nơi sự ngăn che của tham dục, sân hận, hôn trầm – thù miên, trạo cử – ô tác, và nghi, cùng thuận theo pháp kia để tịnh tu nơi tâm. Do đây nói là: Kinh hành, ngồi thiền, thuận theo pháp chướng ngại, tịnh tu nơi tâm. Như vậy là đã nói, do pháp tăng thượng, thuận theo pháp chướng ngại, tịnh tu nơi tâm.

Lại do có tự tăng thượng cùng sự tăng thượng của thế gian, thuận theo pháp chướng ngại, tịnh tu nơi tâm.

Thế nào gọi là do tự tăng thượng? Nghĩa là, như có một hữu tình, đối với các thứ ngăn che (cái) theo đó dấy khởi một loại, liền tự nhận biết rõ đây chẳng phải là pháp thiện, nên nơi cái (sự ngăn che) được sinh không chấp trước giữ lấy, mà mau chóng dứt bỏ, loại trừ hẳn. Lại có thể tự quán xét: Cái được sinh ấy là hết sức đáng xấu hổ,

vì khiến tâm cấu nhiễm bức não, khiến tuệ suy kém, đó là phẩm tổn hại. Như thế gọi là do sự tăng thượng, thuận theo pháp chương ngại tịnh tu nơi tâm.

Thế nào gọi là do sự tăng thượng của thế gian, thuận theo pháp chương ngại, tịnh tu nơi tâm? Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong các thứ ngăn che kia, theo một thứ đã sinh, hoặc lúc sắp sinh, liền khởi suy nghĩ: Ta nay nếu sinh khởi sự ngăn che (cái) chưa sinh kia sẽ bị bậc Đại sư quở trách, cũng sẽ bị chư Thiên, các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ, theo pháp mà khinh chê. Kể ấy, do sự tăng thượng của thế gian như vậy, nên các thứ ngăn che chưa sinh có thể khiến không sinh, các thứ ngăn che đã sinh thì có thể mau chóng dứt bỏ. Như vậy gọi là do sự tăng thượng của thế gian, thuận theo pháp chương ngại, tịnh tu nơi tâm.

Lại vì để giữ gìn ngoại cụ, thuận theo nghi thức thế gian, nên phần đầu của ngày đêm, kinh hành ngồi thiền, thuận với pháp chương ngại, tịnh tu nơi tâm.

Thuận theo pháp chương ngại, tịnh tu nơi tâm rồi, ra ngoài trụ xứ rửa ráy chân tay, xong xuôi trở vào, nằm ngủ như pháp. Vì khiến cho việc nằm ngủ nuôi lớn đại chủng, đạt được tăng trưởng có lợi ích cho thân, càng có uy lực, chuyển biến tức có thể tùy thuận, nên luôn gắng theo gia hạnh phẩm thiện không gián đoạn.

Hỏi: Do nhân duyên nào mà nằm nghiêng theo phía hông bên hữu?

Đáp: Do cùng tương tợ pháp của sư tử vương.

Hỏi: Pháp gì là tương tợ?

Đáp: Như sư tử chúa, trong tất cả loài thú là dũng mãnh, oai vệ bậc nhất. Bí-sô cũng như vậy. Đối với việc thường tu tập Du già tỉnh giác, phát khởi siêng năng tinh tấn, dũng mãnh, kiên cố bậc nhất. Do nhân duyên ấy, nên so với pháp sư tử chúa nằm là tương tợ.

Chẳng phải như các loại quỷ nằm, trời nằm, kẻ thọ dục nằm, vì hết thấy những hạng ấy đều bê trễ, biếng nhác, tinh tấn thấp kém, uy lực mỏng yếu.

Lại, pháp nên như thế. như sư tử chúa nằm nghiêng theo hông bên hữu, lúc nằm như vậy thân không động loạn, niệm không quên mất, giấc ngủ không nặng nề, không thấy mộng ác. Khác với cách nằm này, trái ngược với đây, nên biết là có đủ những lỗi lầm. Vì thế nói theo phía hông bên phải mà nằm, chông hai chân lên.

Thế nào gọi là trụ nơi tướng ánh sáng, khéo léo mà nằm? Đó là đối với tướng ánh sáng nên khéo léo thành khẩn, khéo giữ lấy, khéo suy xét, khéo biết rõ, khéo thấu đạt. Tư duy về ánh sáng của chư Thiên kết hợp nơi tâm, khéo léo mà nằm. Do nhân duyên ấy, nên tuy lại nằm ngủ nhưng tâm không tối tăm. Như thế gọi là trụ nơi tướng ánh sáng, khéo léo mà nằm.

Thế nào là chánh niệm khéo léo mà nằm? Đó là, hoặc các pháp đã nghe, đã suy xét, đã tu tập thành thực, thể tánh là thiện, có thể dẫn đến nghĩa lợi, do chánh niệm, cho đến ngủ nghỉ nằm mộng, cũng luôn tùy chuyển. Do chánh niệm, nên ở trong giấc ngủ, nằm mộng, cũng luôn ghi nhớ, khiến tướng của pháp kia sáng tỏ hiện tiền, tức nơi pháp ấy, tâm luôn tùy quán. Do chánh niệm, nên tùy theo đối tượng niệm, hoặc tâm thiện ngủ yên, hoặc tâm vô ký ngủ yên. Đó gọi là chánh niệm, khéo léo mà nằm.

Thế nào là chánh tri, khéo léo mà nằm? Đó là do chánh niệm, nên khi nằm ngủ, nếu có một phần phiền não theo đây hiện tiền, cấu nhiễm nơi tâm, thì lúc phiền não ấy hiện sinh khởi có thể nhận biết đúng đắn khiến không chấp giữ, mà mau chóng dứt bỏ. Đã thông đạt rồi, khiến tâm chuyển trở lại như trước. Đó gọi là chánh tri khéo léo mà nằm.

Thế nào gọi là tư duy khởi tướng, khéo léo mà nằm? Nghĩa là do tinh tấn thôi thúc nơi tâm, sau đây mới nằm ngủ, lúc nằm ngủ thì

thường xuyên tỉnh giác, như nai nơi rừng đồng rộng, tâm không nên buông lung hết thấy, tùy thuận hướng tới để đi vào giấc ngủ. Lại suy niệm: Ta nay nên đối với chư Phật đã chấp thuận cho hành trì Du già tỉnh giác, tất cả đều nên thành tựu đầy đủ. Vì để thành tựu trọn vẹn, nên trụ nơi siêng năng tinh tấn tốt bậc, ưa muốn gia hạnh. Lại suy nghĩ: Ta nay vì tu tập Du già tỉnh giác, nên chính thức phát khởi siêng năng, trụ nơi tinh tấn vì muốn tu tập các pháp thiện, nên xa lìa các thứ biếng trễ, khởi phát đầy đủ. Nên biết ở đây, do tư duy khởi tưởng lần thứ nhất, không có ngủ nghỉ nữa, vào lúc nên phát khởi thì mau chóng có thể dậy khởi, trọn không quá thời, mới là tỉnh giác. Do tư duy khởi tưởng lần thứ hai, nên có thể đối với chư Phật cùng chỗ chấp thuận nằm như sư tử chúa, theo như pháp mà nằm không tăng không giảm. Do tư duy khởi tưởng lần ba, khiến cho sự ưa muốn thiện thường không phế bỏ. Tuy có mất niệm, nhưng có thể càng về sau lần lượt thọ học khiến không đoạn dứt. Như vậy gọi là tư duy khởi tưởng, khéo léo mà nằm.

Thế nào gọi là đến phần cuối đêm mau chóng thức giác, kinh hành ngồi thiền, thuận theo pháp chướng ngại, tịnh tu nơi tâm? Phần cuối đêm: Là trong bốn phần của đêm, đã qua một phần sau, gọi là phần cuối đêm.

Hành giả do trụ nơi tưởng ánh sáng như thế, nên chánh niệm chánh tri tư duy khởi tưởng, khéo léo mà nằm. Nơi phần nửa đêm trong bốn phần của đêm đã qua một phần, chính thức hành xử tùy miên, khiến vào lúc dậy khởi, thân có khả năng hợp thời mà khởi, không bị các thứ Hôn trầm tùy miên phẩm thượng trói buộc, chế ngự, khiến lúc khởi bị ám độn, bê trễ. Do không có các thứ ấy nên khi vừa tác ý không gặp khó khăn, mà mau chóng phát khởi. Theo các pháp chướng ngại tịnh tu tâm: Như trước đã nói, nên biết.

Như thế là đã biện luận rộng về đầu đêm cuối đêm luôn siêng năng tu tập Du già tỉnh giác xong. Lại, thế nào là nhận biết về nghĩa

tóm lược ở đây? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la, sĩ phu hiện có luôn siêng năng tu tập Du già tỉnh giác, lược nêu có bốn thứ sự việc cần làm đúng đắn. Những gì là bốn?

(1) Cho đến khi thức giấc, luôn không lìa bỏ việc tu phẩm thiện. Luôn tinh tấn dũng mãnh trong việc thường thuận tu pháp thiện không gián đoạn.

(2) Do đúng thời mà nằm, không do phi thời.

(3) Dùng tâm không nhiễm ô, chẳng phải là tâm nhiễm ô để thực hiện việc ngủ nghỉ.

(4) Thức giấc luôn đúng thời, không quá thời.

Đó gọi là bốn thứ sự việc cần làm đúng đắn của Bồ-đặc-già-la, sĩ phu hiện có, luôn siêng năng tu tập Du già tỉnh giác.

Dựa vào bốn thứ sự việc cần làm này, chư Phật Thế Tôn, vì chúng Thanh văn nêu rõ việc tu tập Du già tỉnh giác.

Thế nào là nêu rõ? Nghĩa là như nói: Vào ban ngày, kinh hành ngồi thiền, thuận theo pháp chướng ngại, tịnh tu nơi tâm. Về phần đầu đêm, kinh hành ngồi thiền, thuận theo pháp chướng ngại tịnh tu nơi tâm. Do nói như thế tức đã nêu rõ về việc nằm làm đúng đắn thứ nhất, cho đến thức giấc, thường không lìa bỏ việc tu phẩm thiện, luôn tinh tấn dũng mãnh trong việc luôn thuận tu pháp thiện không gián đoạn. Nếu lại nói: Ra ngoài trụ xứ, rửa ráy chân tay rồi trở vào, nằm nghiêng theo hông bên phải, chông hai chân lên. Do nói như thế tức nêu rõ về việc nên làm đúng đắn thứ hai, nghĩa là do đúng thời mà nằm, không do phi thời.

Hoặc lại nói: Trụ nơi tường ánh sáng, chánh niệm, chánh tri, tư duy khởi tướng, khéo léo mà nằm. Do nói như thế, tức nêu rõ về việc cần làm đúng đắn thứ ba. Nghĩa là, tâm không nhiễm ô mà thực hiện về việc ngủ nghỉ, chẳng phải là tâm nhiễm ô.

Hoặc lại nói: Nơi phân cuối đêm, mau chóng thức giấc, kinh hành ngồi thiền, thuận theo pháp chương ngại, tịnh tu nơi tâm. Do nói như vậy, tức nêu rõ về việc cần làm đúng đắn thứ tư.

Nghĩa là, do đúng thời thức dậy, không hề quá thời. Ở đây, nói về việc trụ nơi tướng ánh sáng, chánh niệm chánh tri, tư duy khởi tướng, khéo léo mà nằm: Là hiển bày do hai duyên nên tâm không nhiễm ô. Tức là do chánh niệm và chánh tri.

Lại do hai duyên, nên do đúng thời thức giấc, không phải quá thời, đó là do trụ nơi tướng ánh sáng cùng do tư duy khởi tướng. Lại, thế nào tức do chánh niệm, nên ở nơi đối tượng duyên thiện thân giữ mà nằm. Do chánh tri nên ở nơi đối tượng duyên thiện, hoặc tâm bị thoái chuyển khởi các phiền não, tức thì mau chóng có thể nhận biết rõ đúng. Như vậy gọi là do hai duyên nên tâm không nhiễm ô, thực hiện việc ngủ nghỉ.

Do trụ nơi tướng ánh sáng và tư duy khởi tướng nên không còn ngủ nghỉ lại nữa, không phải là bị ngủ nghỉ trói buộc, mà có thể lìa xa sự đeo đuổi kia. Như thế gọi là, do hai duyên nên đúng thời thức giấc, không quá thời. Nêu rõ như vậy về nghĩa tóm lược hiện có của việc luôn siêng năng tu tập Du già tỉnh giác, cùng chỗ giải thích nghĩa, biện luận rộng đã nói ở trước, gọi chung là đầu đêm cuối đêm luôn siêng năng tu tập Du già tỉnh giác.

Thế nào gọi là chánh tri mà trụ? Nghĩa là như có một Hành giả, hoặc đi đến, hoặc trở lại, luôn chánh tri mà trụ. Hoặc nhìn thấy, hoặc xem rõ, luôn chánh tri mà trụ. Hoặc thu hẹp, hoặc mở rộng, luôn chánh tri mà trụ. Mặc Tăng-già-chi cùng mang y cầm bát luôn chánh tri mà trụ. Hoặc ăn hoặc uống hoặc nhai hoặc nếm, luôn chánh tri mà trụ. Hoặc đi hoặc đứng, hoặc ngồi hoặc nằm, luôn chánh tri mà trụ. Vào lúc thức dậy, luôn chánh tri mà trụ. Hoặc nói năng, hoặc im lặng, luôn chánh tri mà trụ. Lúc giải lao, ngủ nghỉ, luôn chánh tri mà trụ.

Hoặc đi đến, hoặc trở lại, luôn chánh tri mà trụ: Thế nào đi đến? Thế nào là trở lại? Thế nào là đi đến, trở lại luôn chánh tri mà trụ?

Nói đi đến: Nghĩa là như có một hữu tình đi đến nơi xóm làng, đi đến trong xóm làng, đi tới nhà quen, đi đến trong nhà quen, đi đến đạo tràng, đi đến giữa đạo tràng.

Nói trở lại: Nghĩa là như có một hữu tình, từ nơi xóm làng trở lại, từ trong xóm làng trở lại. Từ nơi nhà quen trở lại, từ trong nhà quen trở lại. Từ nơi đạo tràng trở lại, từ giữa đạo tràng trở lại.

Gọi là đi đến, trở lại, luôn chánh tri mà trụ: Nghĩa là, nơi việc tự mình đi đến chánh tri (nhận biết đúng) là ta đi đến. Nơi việc tự mình trở lại, chánh tri là ta trở lại. Nơi chỗ nên đi đến cùng chẳng phải là lúc trở lại, đều có thể nhận biết rõ, đúng, đó gọi là chánh tri. Vì ấy, do thành tựu chánh tri này nên tự biết mà đi đến, tự biết mà trở lại. Đi đến chỗ cần đi đến, không phải là chỗ không cần đi đến. Trở lại cần chỗ trở lại, chẳng phải là chỗ không cần trở lại. Dùng đúng thời để đi đến, trở lại, không dùng phi thời. Đối với các hình sắc động, tĩnh, các phép tắc, oai nghi mẫu mực, nên đi đến nên trở lại, như thế mà đi đến, như thế mà trở lại. Đó gọi là, hoặc đi đến hoặc trở lại, luôn chánh tri mà trụ.

Hoặc nhìn thấy, hoặc xem rõ, luôn chánh tri mà trụ: Thế nào là nhìn thấy? Thế nào là xem rõ, luôn chánh tri mà trụ: Thế nào là nhìn thấy, xem rõ, luôn chánh tri mà trụ?

Gọi là nhìn thấy: Nghĩa là như các sự việc được nêu bày ở trước, hoặc đi đến, hoặc trở lại, trước không có tuệ biết, trước không có công dụng, trước không có ưa muốn. Nhưng vào giữa chừng, mắt thấy các sắc, thì đó gọi là nhìn thấy.

Gọi là xem rõ: Tức như các sự việc bày ra ở trước, hoặc đi đến, hoặc trở lại, tuệ biết là trước, công dụng là trước, ưa muốn là trước. Mắt thấy các sắc như vô số sự vật về người, cảnh v.v... xem thấy những thứ ấy, đó gọi là xem rõ.

Nếu lại đối với tự tướng của sự nhìn thấy, xem rõ ấy, có thể nhận biết rõ, đúng. Đối với lúc nên nhìn thấy, nên xem rõ, đều có thể nhận biết rõ, đúng. Như chỗ nên nhìn thấy, như chỗ nên xem rõ, đều có thể nhận biết rõ, đúng, đó gọi là chánh tri.

Vị ấy, do thành tựu chánh tri như thế, nên tự biết mà nhìn thấy, tự biết mà xem rõ, nơi lúc nên nhìn thấy, nơi lúc nên xem rõ mà nhìn thấy, xem rõ đúng đắn. Như chỗ nên nhìn thấy, như chỗ nên xem rõ, như thế mà nhìn thấy, như vậy mà xem rõ. Đó gọi là hoặc nhìn thấy hoặc xem rõ luôn chánh tri mà trụ.

Hoặc thu hẹp hoặc mở rộng, luôn chánh tri mà trụ: Thế nào là thu hẹp? Thế nào là mở rộng? Thế nào gọi là hoặc thu hẹp, hoặc mở rộng luôn chánh tri mà trụ?

Đó là, vị ấy, khi nhìn thấy, khi xem rõ như thế, hoặc đi đến là trước, hoặc trở lại là trước, hoặc thu hẹp, mở rộng về tay, chân cánh tay, về một chi phần nơi thân. Đó gọi là thu hẹp, mở rộng. Nếu đối với tự tướng hiện có của sự thu hẹp mở rộng ấy đều có thể nhận biết rõ, đúng. Hoặc chỗ thu hẹp mở rộng đều có thể nhận biết rõ, đúng. Hoặc về thời gian thu hẹp mở rộng đều có thể nhận biết rõ, đúng. Hoặc thu hẹp như thế, cùng mở rộng như thế, đều có thể nhận biết rõ, đúng, đó gọi là chánh tri.

Vị ấy do thành tựu chánh tri như vậy, nên đối với việc thu hẹp mở rộng, tự biết mà thu hẹp, tự biết mà mở rộng. Đối với chỗ nên thu hẹp, nên mở rộng mà thu hẹp, mà mở rộng. Đối với thời gian nên thu hẹp, thời gian nên mở rộng, theo đây mà thu hẹp, theo đây mà mở rộng. Theo chỗ nên thu hẹp, theo chỗ nên mở rộng, như vậy mà thu hẹp, như vậy mà mở rộng. Đó gọi là hoặc thu hẹp hoặc mở rộng luôn chánh tri mà trụ.

Mặc Tăng-già-chi cùng mang y, cầm bát, luôn chánh tri mà trụ: Thế nào là mặc Tăng-già-chi? Thế nào là mang y? Thế nào là cầm

bát? Thế nào là mặc Tăng-già-chi cùng mang y cầm bát, luôn chánh tri mà trụ?

Nghĩa là có đại y hoặc sáu mươi điều, hoặc chín điều v.v... Hoặc may chùng lên hai lớp gọi là Tăng-già-chi.

Thọ dụng y phục đầy đủ, có thể chính thức dẫn đến sự giữ gìn gọi là trì (mang, mặc, cầm, ôm). Hoặc có trung y, hoặc có hạ y, hoặc mang làm y, hoặc có y dài, hoặc nên tác tịnh, hoặc đã tác tịnh. Tất cả như vậy được gọi là y. Thọ dụng y phục đầy đủ, có thể chính thức dẫn đến sự giữ gìn, được gọi là trì (mang, mặc ...).

Hoặc có thể thọ trì vật dụng để khát thực bằng sắt hoặc bằng đất nung, gọi là bát. Hiện thọ dụng đầy đủ, có thể chính thức dẫn tới sự bảo hộ, gọi là trì (cầm bát, ôm bát).

Nếu đối với tự tướng hiện có của hoặc Tăng-già-chi, hoặc y hoặc bát, đều có thể nhận biết rõ, đúng, đối với chỗ nên mặc, mang, cầm hoặc Tăng-già-chi, hoặc y hoặc bát, tịnh hoặc bất tịnh, đều có thể nhận biết rõ, đúng. Đối với thời gian ấy, hoặc Tăng-già-chi, hoặc y hoặc bát, đã mặc, mang, cầm, nên mặc, mang, cầm, đều có thể nhận biết rõ, đúng. Nếu đối với hoặc Tăng-già-chi, hoặc y, hoặc bát như thế, nên thọ trì như thế, đều có thể nhận biết rõ, đúng, đó gọi là chánh tri.

Vị ấy, do thành tựu chánh tri như vậy, nên đối với chỗ cần thọ trì, hoặc Tăng-già-chi, hoặc y, hoặc bát, đều tự nhận biết mà thọ trì. Đối với chỗ nên thọ trì, đối với thời gian nên thọ trì, có thể chính thức thọ trì, như chỗ nên thọ trì, theo như vậy mà thọ trì, đó gọi là mặc Tăng-già-chi, mang y cầm bát luôn chánh tri mà trụ.

Hoặc ăn hoặc uống, hoặc nhai hoặc nếm, luôn chánh tri mà trụ: Thế nào là ăn? Thế nào là uống? Thế nào là nhai? Thế nào là nếm? Thế nào là hoặc ăn hoặc uống, hoặc nhai hoặc nếm luôn chánh tri mà trụ?

Nghĩa là, các sự thọ dụng hiện có về ăn uống gọi chung là ăn. Ở đây lại có hai thứ: Một là nhai ăn. Hai là nếm.

Thế nào là nhai ăn? Đó là nhai ăn bánh, bún, cơm, cháo ... Hoặc có chỗ khác tạo tác chuyển biến có thể nhai, có thể ăn, nhằm duy trì sinh mạng. Các loại như thế đều gọi là nhai nuốt, cũng gọi là ăn.

Thế nào là nếm? Nghĩa là nếm sữa, lạc, sinh tô, thực tô, dầu, mật ... tất cả như vậy gọi chung là nếm nuốt, cũng gọi là ăn.

Thế nào là uống? Đó là uống các thứ nước đường cát, nước mật ong, nước cơm vv ... cho đến đối với nước, gọi chung là uống. Nếu đối với tự tướng hiện có hoặc ăn hoặc uống, hoặc nhai nuốt, hoặc nếm nuốt, đều có thể nhận biết rõ, đúng. Hoặc đối với tất cả chỗ ăn, uống, nhai nuốt, đều có thể nhận biết rõ, đúng. Hoặc vào lúc ấy nên ăn nên uống, nên nhai nên nếm, đều có thể nhận biết rõ, đúng. Đó gọi là chánh tri.

Vị ấy, do thành tựu chánh tri như thế, nên tự mình hoặc ăn, hoặc uống... hiện có, đều tự nhận biết mà ăn, tự nhận biết mà uống... Đối với chỗ nên ăn, nên uống... đang ăn, đang uống... đều hợp thời mà ăn, hợp thời mà uống... Như chỗ nên ăn, cho đến như chỗ nên nếm, cứ như thế mà ăn, cho đến như thế mà nếm, đó gọi là hoặc ăn hoặc uống, hoặc nhai hoặc nếm, đều chánh tri mà trụ.

Hoặc đi hoặc đứng, nói rộng cho đến hoặc giải lao, ngủ nghỉ, luôn chánh tri mà trụ: Thế nào là đi? Thế nào là đứng? Thế nào là ngồi? Thế nào là nằm? Thế nào là thức dậy? Thế nào là nói năng? Thế nào là im lặng? Thế nào là giải lao ngủ nghỉ?

Thế nào là đối với đi, nói rộng cho đến giải lao, ngủ nghỉ, đều chánh tri mà trụ? Nghĩa là như có một hữu tình, ở chôn kinh hành, kinh hành tới lui, hoặc lại đi đến chỗ của vị đồng pháp, hoặc đi bộ trên đường, các loại như vậy gọi là đi.

Lại như có một hữu tình, trụ nơi chỗ kinh hành, trụ trước các vị đồng pháp, các vị A-già-lợi-da, Ô-ba-đà-da, các vị tôn tướng v.v..., các loại như vậy được gọi là trụ (đứng).

Lại như có một hữu tình, hoặc ở nơi giường lớn, hoặc nơi giường dây nhỏ, hoặc tòa ngồi làm bằng cỏ lá, hoặc các phu cụ, hoặc Ni-sur-đàn, ngồi kiết già, thân ngay, nguyện chánh, an trụ lâu niệm. Các loại như vậy được gọi là ngồi.

Lại như có một hữu tình, ra ngoài trụ xứ rửa ráy tay chân rồi trở vào, hoặc ở nơi giường lớn, hoặc nơi giường dây nhỏ, hoặc nơi tòa bằng cỏ lá, hoặc chốn A-luyện-nhã, hoặc tại bên gốc cây, hoặc nơi phòng trống vắng, nghiêng bên hông phải mà nằm, chông hai chân lên. Các loại như vậy được gọi là nằm.

Lại như có một Hành giả, vào ban ngày kinh hành ngồi thiền, thuận theo pháp chương ngại tịnh tu nơi tâm. Vào đầu đêm, cuối đêm, kinh hành ngồi thiền, thuận theo pháp chương ngại, tịnh tu về tâm, gọi là thức dậy.

Lại như có một Hành giả luôn siêng năng tu tập tinh giác như vậy, đối với pháp chưa thọ nhận, chính thức thọ nhận, thực hành khiến đạt được rất ráo. Đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, nói rộng như trước. Tức đối với pháp đã được thọ nhận như thế, ngôn từ khéo thông đạt, lưu loát. Nghĩa là với âm thanh lớn, hoặc đọc hoặc tụng, hoặc lại vì kẻ khác giảng nói rộng, mở bày, chỉ rõ. Nơi mọi thời gian, cùng với các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ, hoặc với các vị hiền thiện tại gia khác, cùng nói năng, bàn luận, vui mừng, an ủi, vì nhằm khích lệ cùng cầu các vật dụng cần thiết. Các loại như vậy được gọi là nói năng.

Lại như có một hữu tình, theo chỗ được nghe từ trước, theo chỗ đã thực hành ở trước, ngôn từ khéo thông suốt đạt đến cánh cứu nơi các pháp. Vị ấy ở riêng nơi chốn vắng vẻ, tư duy về nghĩa, quán

xét, trừ tính. Hoặc ở nơi phòng tĩnh khiến tâm cùng an trụ bên trong và trụ gân, điều phục tịch tĩnh, đạt tịch tĩnh tột cùng, hướng tới đẳng trì. Hoặc lại ở nơi pháp Tỳ-bát-xá-na (Quán) kia tu hạnh Du già. Các loại như vậy được gọi là im lặng.

Lại như có một hữu tình vào thời điểm hết sức nóng nực, hoặc bị nóng bức bách, hoặc bị cực nhọc nên sinh mỗi mệt, ngủ vùi nơi phi thời, rồi ham thích ngủ nghỉ. Đó gọi là ngủ nghỉ mỗi mệt.

Nếu lại ở nơi đi, đứng, nói rộng cho đến đối với tự tướng hiện có của các sự việc kia, đều có thể nhận biết rõ, đúng. Đối với chỗ nên đi, đứng, cho đến đối với chỗ nên nghỉ trừ mệt, ngủ yên, đều có thể nhận biết rõ, đúng. Nơi thời gian nên đi, đứng, cho đến nói rộng, đều có thể nhận biết rõ, đúng ... đó gọi là chánh tri.

Vị ấy, do thành tựu chánh tri như thế, nên đối với việc tự mình đi đứng vv cho đến tự mình giải lao, ngủ yên, đều chánh tri mà hành, cho đến đều chánh tri mà giải lao ...

Hoặc chỗ nên đi, đứng, cho đến hoặc chỗ nên giải lao, ngủ nghỉ ... cứ như thế mà đi đứng ..., cho đến cứ như thế mà giải lao, ngủ yên, đó gọi là nơi đi, nơi đứng, nơi ngồi, nơi nằm, nơi thức dậy, nói năng, im lặng vv đều chánh tri mà trụ.

Lại nữa, chánh tri mà trụ như vậy, thế nào là thứ lớp để hiển bày sự việc gì? Nghĩa là như có một hữu tình, nương dựa nơi thôn ấp, xóm làng đình tuàn như thế mà trụ, tư duy như vậy: Ta nay nên đi đến thôn ấp, xóm làng như vậy, tuàn tự khát thực, xong rồi trở về nơi chốn cũ. Lại, ở trong thôn ấp như vậy, hoặc có những “cư gia” ta không nên đi tới. Những gì là các cư gia đó? Tức các nhà xưởng ca, bán rượu, dâm nữ, hoàng cung, nhà của hàng Chiên-đồ-la, Yết-si-na. Hoặc lại có những nhà hoàn toàn phi báng, không thể xoay chuyển. Hoặc có các cư gia, là chỗ ta nên đi đến. Đó là các nhà thuộc tộc họ Sát-đế-lợi. Bà-la-môn. Trưởng giả, Cư sĩ, Thương

chủ ... Lại có các cư gia, ta tuy nên đi đến, nhưng không nên đến quá sớm, quá muộn ...

Lại như chỗ đi đến nên đi đến như thế, không cùng đi với voi dữ, bạo loạn, không cùng đi với đám xe chạy quá nhanh với ngựa dữ, bò dữ, chó dữ cũng vậy. Không đi vào chỗ đông đúc, huyên náo, không giẫm đạp lên gai góc, không bò qua tường thành, không nhảy qua hầm, hào, tránh để không bị rơi từ núi cao, hay chìm vào vực sâu, không giẫm lên phân dơ, nên theo chỗ chỉ dẫn của mặt trăng để đi tới nhà thí chủ, đầy đủ hổ thẹn, xa lìa kiêu ngạo, thân tâm thanh tịnh, không cầu lợi dưỡng, không trông mong sự cung kính. Như tự giữ gìn đạt được lợi dưỡng hiện có, tâm sinh vui mừng. Như vậy, đối với kẻ khác có được lợi dưỡng, tâm cũng hoan hỉ. Không tự đề cao, không khinh miệt kẻ khác, tâm luôn giữ lấy sự thương cảm.

Lại nên tự giữ vững về tâm như thế để đi tới nhà thí chủ. Há có người xuất gia đi tới chỗ kẻ khác, chỉ trông mong nơi sự bố thí của họ, không phải là không Tuệ thí? Nói rộng cho đến phải nên mau chóng mà không trì hoãn.

Lại khởi tâm này: Ta nay giả như đi tới nhà thí chủ, với vật bố thí nhận được, tất nên biết về lượng. Lại, ta không nên vì nhân duyên cầu lợi dưỡng mà giả trá, hư dối hiện bày tướng khác lạ, dùng lợi cầu lợi. Được lợi dưỡng rồi thì không nhiễm không ái, cũng không tham đắm quá đáng về việc thọ dụng ăn uống.

Lại, nơi lúc đã đi đến hoặc đang đi tới, xem thấy các sắc, ở đấy, một phần nên xem, nên thân giữ mắt, khéo bảo hộ các căn. Đối với các sắc hiện có nên xem, phải khéo trụ niệm để quan sát đúng đắn. Như vậy lại có những hình sắc đẹp đẽ thù thắng nơi vùng đất gốc đã có từ lúc ấu thơ, tráng niên.

Hoặc lại có chỗ trông thấy các thứ sắc khác có thể hủy hoại phạm hạnh, có thể gây chướng ngại cho phạm hạnh, có thể khiến cho

vô số những tâm tư ác, bất thiện hiện hành. Các loại sắc như thế, tức các sắc hiện có là không nên xem.

Những loại sắc nào là chỗ nên xem? Đó là những cảnh sắc về già cả suy yếu, về chết chóc đủ loại.

Các loại như thế về những sắc hiện có, ta nên quan sát, xem các sắc ấy là có thể thuận với phạm hạnh, có thể thâm giữ phạm hạnh, có thể khiến cho tâm tư thiện hiện hành.

Nên giữ đúng các oai nghi đi đứng, ngồi ... để tới nhà thí chủ thọ dụng ăn uống ...

Từ nhà thí chủ trở về trụ xứ, nơi ngày đêm, ở chỗ riêng của mình, ở chốn kinh hành, lần lượt kinh hành lui tới, chẳng phải là ở chỗ của kẻ khác, chẳng phải là xứ không thuận hợp, chẳng phải là nơi chốn không tự tại, chẳng phải là nơi chốn không cho phép mà liền kinh hành, chẳng phải là thân cực nhọc, chẳng phải là thân mỗi mệt, chẳng phải là tâm trạo cử lúc cần được điều phục mà thực hiện kinh hành. Vì để tu tập phẩm thiện, vì khéo tư duy, nên bên trong thâm giữ các căn, tâm không loạn động theo bên ngoài mà thực hiện kinh hành.

Không quá mau chóng, cũng không quá nôn nóng, vội vã, cũng không phải là hoàn toàn chuyên chú vào việc tới lui để thực hiện kinh hành. Đi tới, dừng trụ luôn đúng lúc, hợp lý để thực hiện kinh hành. Như thế là nơi trụ xứ của mình, nơi viện nơi phòng, nơi chốn riêng biệt của mình, nơi chốn tăng phân cho mình. Chẳng phải là ở nơi của kẻ khác, chẳng phải là nơi chốn không thuận hợp, chẳng phải là nơi chốn không tự tại, thực hiện kinh hành rồi. Lại ở nơi giường lớn, hoặc nơi giường dây nhỏ, hoặc nơi tòa ngồi bằng cỏ lá, hoặc Ni-sur-đàn, hoặc nơi A-luyện-nhã, bên cội cây, nơi bãi tha ma, hoặc tại phòng vắng vẻ, an trụ theo lối kiết già, thân ngay, nguyện chánh an trụ lâu niệm, mà thực hiện ngồi thiền.

Vào phần giữa đêm, như pháp mà ngủ nghỉ. Nơi ban ngày và phần đầu đêm, tu tập các phẩm thiện, không nên quá gấp vội. Lúc ngủ yên như thế, như trước đã nói, luôn trụ nơi tưởng ánh sáng, chánh niệm, chánh tri, tư duy khởi tưởng. Vào phần cuối đêm, nên mau chóng thức dậy. Hoặc vì tu tập, đoạn trừ, nên lúc ở nơi vắng vẻ, im lặng, tư duy về pháp, phải nên xa lìa các thứ sách vở thuận theo thế gian, những thứ văn từ hoa mỹ chỉ vụ vào việc trau chuốt câu lời, có thể dẫn tới vô nghĩa, không thể chứng đắc thần thông, giác ngộ, Niết-bàn cứu cánh.

Lại, đối với chánh pháp do Đức Như Lai thuyết giảng, là thâm diệu tốt cùng, thâm diệu tương tự, tương ưng không tánh, tùy thuận duyên tánh và các duyên khởi, cẩn trọng, không gián đoạn, khéo giữ, khéo thọ nhận, khiến an trụ vững chắc, không bị hoại mất.

Vì để thành tựu chánh hạnh, không vì được lợi dưỡng, cung kính, khen ngợi. Lại, đối với pháp ấy, ngôn từ khéo thông suốt, trí tuệ khéo quán xét, đối với các nơi chốn ồn tạp không vui thích được gần, không ưa tạo nhiều nghiệp, không ưa thích nhiều lời, nơi mọi thời gian an trụ trong chánh niệm. Cùng với các vị đồng phạm hạnh có trí chuyện trò, bàn luận, khích lệ, vui khởi thỉnh vấn, ưa cầu các thiện, không có tâm tranh chấp. Ngôn từ luôn thích ứng, ngôn từ hợp lý, ngôn từ chánh trực, ngôn từ tịch tĩnh, vui siêng vì kẻ khác nêu giảng chánh pháp.

Lại nên im lặng, đối với các tầm tư ác, bất thiện hiện có không ưa thích tìm xét. Lại, đối với các pháp hiện có phi lý, không thích tư duy. Nơi chỗ chứng đắc của chính mình, lìa mọi tăng thượng mạn. Đối với những chứng đạt sai biệt còn ít ỏi, thấp kém, không sinh tâm cho là đủ. Trong chỗ chứng đắc các pháp trên, không hề thoái chuyển. Khéo có thể xa lìa nơi chốn không nên suy xét, Thường xuyên tu tập Du già chỉ, quán. Vui đoạn trừ, vui tu tập, ân cần, không gián đoạn.

Lại, vào thời gian nóng nực phải nên dừng mãnh phát khởi siêng năng tinh tấn, tùy tạo một loại sự việc nên làm. Nhân duyên cực nhọc mỗi một thích hợp với phi thời, phát khởi hôn trầm – thùy miên. Vì nghĩa ấy, nên tạm thời phải ngủ nghỉ, nhằm khiến cho hôn trầm – thùy miên mau chóng được dứt bỏ. Chớ nên trải qua thời gian lâu khiến phẩm thiện bị tổn giảm, gây chướng ngại cho phẩm thiện phát triển.

Vào lúc ngủ nghỉ, hoặc cài, đóng cửa, hoặc nhờ vị Bì-sô bên cạnh trông coi giúp. Hoặc theo phép tắc ẩn mật của Tỳ-nại-da dùng y che chắn nơi thân. Giây lát ngủ nghỉ khiến cho các thứ mệt nhọc thầy đều trừ diệt. Như thế gọi là chánh tri mà trụ.

Thứ lớp trước sau, nghĩa là nương vào lúc đi lúc đứng, lại đối với phẩm thiện trước chưa hướng nhập, tâm liền hưng khởi gia hạnh, tác ý như lý, cùng hiện hành với tuệ diệu, gọi là chánh tri. Tức nơi chánh tri này, lúc hành lúc trụ, tất cả đều thành tựu đầy đủ, không chỗ giảm thiểu. Như thế gọi là chánh tri mà trụ. Nên biết ở đây, hoặc đi đến, hoặc trở lại, hoặc nhìn thấy, hoặc xem rõ, hoặc thu hẹp, hoặc mở rộng, mặc Tăng-già-chi cùng mang y ôm bát, hoặc ăn hoặc uống, hoặc nhai hoặc nếm, đều luôn chánh tri mà trụ. Do đây gọi là, ở nơi thôn ấp v.v..., lúc như pháp hành xử, luôn chánh tri mà trụ. Hoặc đi hoặc đứng, hoặc ngồi hoặc nằm, hoặc quen thức giấc, hoặc nói năng, hoặc im lặng, hoặc giải lao, đều luôn chánh tri mà trụ. Do đây, gọi là, tại trụ xứ, lúc trụ như pháp luôn chánh tri mà trụ. Như thế nên biết là đã phân biệt rộng về chánh tri mà trụ.

Lại nữa, thế nào là nhận biết về nghĩa tóm lược ở đây? Đó là, vào lúc đi có năm thứ nghiệp. Vào lúc đứng có năm thứ nghiệp. Lúc đi, lúc đứng, chánh tri mà trụ có bốn thứ nghiệp. Như vậy gọi là chánh tri mà trụ.

Nghĩa tóm lược hiện có như thế nào? Lúc đi có năm thứ nghiệp, đó là: (1) Nghiệp thân. (2) Nghiệp mắt. (3) Nghiệp của tất cả chi

phần. (4) Nghiệp của y, bát. (5) Nghiệp ăn uống. Như thế gọi là năm thứ nghiệp của lúc đi.

Nghĩa là, như nói: Hoặc đi đến, hoặc trở lại. Lời ấy hiển bày về nghiệp thân của lúc đi.

Nếu lại nói: Hoặc nhìn thấy, hoặc xem rõ. Lời này là hiển bày về nghiệp mắt của lúc đi.

Nếu lại nói: Mặc Tăng-già-chi v.v... Lời này là hiển bày về nghiệp của y, bát vào lúc đi.

Nếu lại nói: Hoặc ăn, hoặc uống v.v... Lời này là hiển bày về nghiệp ăn uống của lúc đi.

Thế nào gọi là năm nghiệp của lúc trụ? Đó là: (1) Nghiệp thân. (2) Nghiệp ngữ. (3) Nghiệp ý. (4) Nghiệp ban ngày. (5) Nghiệp ban đêm.

Nghĩa là, như nói: Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi. Lời này là hiển bày về nghiệp thân của lúc trụ.

Nếu lại nói: Hoặc nói năng. Lời này là hiển bày về nghiệp ngữ của lúc trụ.

Nếu lại nói: Hoặc nằm, hoặc im lặng, hoặc giải lao, ngủ nghỉ. Lời này là hiển bày về nghiệp ý của lúc trụ.

Nếu lại nói: Hoặc quen thức giấc. Lời này là hiển bày về nghiệp ngữ, nghiệp thân, nghiệp ban ngày, nghiệp ban đêm của lúc trụ.

Lại, nếu nằm, thì lời này là hiển bày về nghiệp ban đêm của lúc trụ. Nên biết đó gọi là năm nghiệp của lúc trụ.

Thế nào gọi là bốn nghiệp hiện có của lúc đi lúc trụ, luôn chánh tri mà trụ? Đó là, đầu tiên dựa vào nghiệp hành nghiệp trụ kia khởi nghiệp như thế. Tức ở nơi nghiệp kia giữ yên chánh niệm, không trụ nơi phóng dật. Nên biết nghiệp này thuộc về không phóng dật, thuộc về chánh niệm.

Nếu ở nơi sự việc ấy, xứ ấy, thời điểm ấy, như lượng, như lý, như phẩm loại ấy nên tạo tác: Tức đối với sự việc ấy, nơi chốn ấy, thời điểm ấy, đúng lượng đúng lý, đúng phẩm loại ấy, luôn chánh tri mà tạo tác. Vì đó, do chánh tri tạo tác như thế, nên ở trong hiện pháp không tội, không phạm, không có ố tác, không biến, không hối. Nơi đời vị lai cũng không có tội, sau khi thân hoại mạng chung không bị đọa vào nẻo ác, không sinh trong các thứ địa ngục, đạt được sự tích tập tư lương chưa đạt được. Như thế gọi là chánh tri mà trụ.

Về nghĩa tóm lược hiện có trước đã phân biệt rộng, nay với nghĩa tóm lược này, tất cả gọi chung là chánh tri mà trụ.

HẾT - QUYỂN 24

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 25

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VĂN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ nhất, phần ba: Địa Xuất Ly (4)

Thế nào gọi là tánh thiện hữu? Nghĩa là có tám nhân duyên, nên biết tất cả chủng loại nơi tánh thiện hữu viên mãn. Những gì là tám?

Đó là như có một hữu tình an trụ nơi giới cấm, đa văn đầy đủ, có thể chứng đắc tánh nhiều thương xót, tâm không chán mệt, khéo có thể nhẫn chịu, không có sợ hãi, ngôn ngữ luôn viên mãn.

Thế nào gọi là an trụ nơi giới cấm? Nghĩa là an trụ nơi giới đầy đủ, khéo có thể hộ trì luật nghi biệt giải, như trước đã nói rộng, ưa thích tánh Sa-môn, ưa thích tánh Bà-la-môn, vì tự điều phục, vì tự đạt tịch tĩnh, vì tự đạt Niết-bàn nên tu hành chánh hạnh. Như thế gọi là an trụ nơi giới cấm.

Thế nào gọi là đa văn đầy đủ? Đó là như có pháp tuyên thuyết, mở bày, chỉ rõ là phần đầu giữa sau đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, độc nhất viên mãn, phạm hạnh thanh bạch. Nơi nhiều pháp diệu cùng loại như vậy đều có thể khéo thọ trì, ngôn từ khéo thông suốt, ý khéo tìm xét, kiến giải khéo thấu đạt. Như thế gọi là đa văn đầy đủ.

Thế nào gọi là có thể đạt được những chứng đắc? Nghĩa là có thể chứng đắc các tướng thù thắng: Tướng vô thường, tướng vô

thường - khô, tướng khô - vô ngã, tướng chán trái về ăn uống, tướng hết thầy thế gian không thể an lạc, tướng đoạn, tướng lìa, tướng diệt, tướng chết, tướng bất tịnh ... Lại có thể chứng đắc tĩnh lự thứ nhất, tĩnh lự thứ hai, tĩnh lự thứ ba, tĩnh lự thứ tư, xứ không vô biên, xứ thức vô biên, xứ vô sở hữu và sau cùng là xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại có thể chứng đắc Từ Bi Hỷ Xả, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc Thần cảnh thông, hoặc Túc trụ thông, hoặc Thiên nhĩ thông, hoặc Tử sinh thông, hoặc Tâm sai biệt thông, hoặc quả A-la-hán gồm đủ tám giải thoát, các định tĩnh lự, đủ uy lực lớn, có thể khéo vì kẻ khác hiện ba thần biến nhằm nêu dạy khuyên bảo trao truyền, là thần biến của thần lực, thần biến ký thuyết và thần biến giáo đạo. Như thế gọi là có thể đạt được những chứng đắc.

Thế nào gọi là tánh nhiều thương xót? Đó là đối với kẻ khác thường khởi tâm từ bi, vui thích ban cho điều nghĩa, vui thích trao cho các lợi, vui thích trao cho an lạc, vui thích ban cho sự nương dựa, vui thích trao cho sự an ổn. Như thế gọi là tánh nhiều thương xót.

Thế nào gọi là tâm không chán mệt? Nghĩa là khéo có thể thị hiện, khéo có thể chỉ dạy, dẫn dắt, tán thán, khích lệ, an ủi, ở nơi bốn chúng nêu giảng chánh pháp, không từ khó nhọc, mỗi mệt, luôn cố gắng siêng năng, phát khởi viên mãn. Như thế gọi là tâm không chán mệt.

Thế nào gọi là khéo có thể nhẫn chịu? Đó là bị mắng nhiếc không đáp lại bằng mắng nhiếc. Giận dữ không đáp lại bằng giận dữ. Bị đánh không hề đánh lại. Bị đùa cợt cũng hề đáp trả bằng đùa cợt. Đối với mọi sự khổ não bức bách đều tự suy xét về lỗi lầm của mình. Do dị thực của nghiệp làm chôn nương dựa, trọn không đối với kẻ khác phát sinh phần nộ, cũng không ôm giữ tùy miên oán hận không xả. Như vậy, tuy gặp phải sự khinh miệt, hủy nhục, nhưng bản tánh

đều không biến đổi, chỉ thường đối với những trường hợp ấy tư duy về nghĩa lợi. Lại có thể nhẫn chịu đối với sự lạnh nóng đói khát, muỗi mòng, rần rít cùng mọi sự tiếp xúc độc hại, mọi xúc phạm thô ác của kẻ khác ... Như vậy gọi là khéo có thể nhẫn chịu.

Thế nào gọi là không có sợ hãi? Tức là ở nơi đại chúng thuyết giảng chánh pháp, tâm không sợ sệt, tiếng không run rẩy, biện luận không nhầm lẫn, trọn không do nhân duyên khiếp nhược ấy, khiến bị các thứ lo sợ bức bách. Như thế gọi là không có sợ hãi.

Thế nào gọi là ngôn ngữ luôn viên mãn? Đó là vị ấy đã thành tựu ngôn ngữ đứng đầu, hơn hết, thành tựu ngôn ngữ hay đẹp bậc nhất, ngôn ngữ hiển bày hết sức rõ ràng, ngôn ngữ dễ lý giải tỏ ngộ, ngôn ngữ ưa thích nghe, ngôn ngữ không trái nghịch, ngôn ngữ không chỗ dựa cậy, ngôn ngữ không có biên vực. Như thế gọi là ngôn ngữ đầy đủ viên mãn. Ngôn từ khéo, hay, thành tựu tám thứ nhân duyên như vậy là khéo có thể can, nêu, khéo tạo sự nhớ nghĩ, khéo có thể chỉ dạy, trao truyền, khéo có thể răn bảo, khéo nêu giảng chánh pháp.

Thế nào gọi là khéo có thể can, nêu? Đó là như có hữu tình, đối với giới tăng thượng hủy phạm Thi la, đối với phép tắc tăng thượng hủy phạm phép tắc. Do thấy nghe nghi nên có thể chính thức khuyên can, nêu lên sự chân thật chứ không dùng hư vọng, hợp thời chứ không dùng phi thời, tạo lợi ích chứ không dùng suy tổn, nhu hòa dịu dàng chứ không dùng thô ác, làm thiện hữu chứ không dùng tâm ganh ghét. Như vậy gọi là khéo có thể can, nêu.

Thế nào gọi là khéo tạo sự nhớ nghĩ? Đó là khiến nhớ nghĩ về chỗ phạm tội ở trước, nhớ nghĩ về hoặc pháp hoặc nghĩa.

Thế nào gọi là khiến nhớ nghĩ về chỗ phạm tội ở trước? Nghĩa là như có một hữu tình trước đã tạo sự hủy phạm, nhưng không thể nhớ lại, bấy giờ khéo tạo phương tiện khiến hữu tình ấy nhớ nghĩ, bảo: Này nhân giả! Ông từng ở nơi ấy, thời điểm ấy, với sự việc ấy

đã hủy phạm về sắc loại như vậy như vậy. Đó gọi là khiến cho người kia nhớ nghĩ về chỗ phạm tội từ trước.

Thế nào gọi là khiến nhớ nghĩ về pháp? Nghĩ là như có một hành giả đối với chánh pháp đã được nghe, thọ nhận từ trước, ở riêng một nơi để suy xét, nhớ nghĩ. Đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, nói rộng như trước. Vị ấy hoặc không nhớ lại, thì khiến nhớ nghĩ. Hoặc lại nêu thuật, trao cho, khiến nhớ lại, tạo nên sự thưa hỏi, vẫn nạn để khiến nhớ lại. Như thế gọi là khiến nhớ nghĩ về pháp.

Thế nào gọi là khiến nhớ nghĩ về nghĩa? Đó là như có một Hành giả đối với nghĩa của chánh pháp đã được nghe, được thọ nhận từ trước, có chỗ bị quên mất, liền vì vị ấy tạo sự nhớ nghĩ, để tuyên thuyết, khai thị khiến được biến bày, khiến trở nên mới mẻ.

Lại như có một Hành giả khéo có thể nêu dẫn nghĩa lợi, có thể nêu dẫn phạm hạnh, tạo tác, nêu giảng trải qua thời gian lâu, vị ấy nếu có quên mất thì cũng khiến nhớ nghĩ. Như thế gọi là khéo tạo sự nhớ nghĩ.

Thế nào gọi là khéo có thể chỉ dạy, trao truyền? Nghĩa là, đối với pháp Du già tịch tĩnh, xa lìa, tác ý về chỉ, quán, thường xuyên tùy thuận, chỉ dạy trao truyền mà chuyển. Thời thời nêu giảng cùng với pháp ấy tương ưng, ngôn ngữ luận bàn thuận hợp. Đó là có thể hướng tới tâm lìa mọi chướng ngại, ngăn che. Hết sức yêu thích các thứ ngôn ngữ luận bàn về Thi la, về đẳng trì, về Thánh tuệ, về giải thoát, về giải thoát trí kiến, về thiếu dục, về tri túc, về không xen tạp, về tùy thuận duyên tánh, duyên khởi. Như vậy gọi là khéo có thể chỉ dạy trao truyền.

Thế nào gọi là khéo có thể giảng dạy khuyên răn? Nghĩa là đối với Thánh giáo do bậc Đại sư thuyết giảng, có thể đem chánh pháp, đem Tỳ-nại-da giảng dạy bình đẳng. Hoặc là Quỹ phạm sư (A-xà-lê) hoặc Thân giáo sư (Hòa thượng) hoặc các vị đồng pháp, hoặc các bậc

tôn trọng, tất cả đều nhận biết như thật về vị kia, tùy ở một xứ đã trái vượt, hủy phạm, nên thường xuyên theo như pháp quả trách, đối trị, loại trừ, khiến kẻ kia được điều phục. Đã được điều phục rồi thì bình đẳng như pháp thọ nhận các thứ lợi dưỡng, hòa đồng tỏ ngộ, thu giữ, tóm nhận. Đối với chỗ nên làm và không nên làm nhằm khiến hiện hành, không hiện hành. Đối với chỗ tích tập và không tích tập luôn chỉ dạy, dẫn dắt. Như vậy gọi là khéo có thể giảng dạy khuyên răn.

Thế nào gọi là khéo thuyết giảng chánh pháp? Đó là nơi mọi thời điểm đều có thể khéo nêu giảng. Thời gian đầu tiên là tạo các thứ ngôn luận không điên đảo. Đó là luận về bố thí, luận về giới, luận về sinh thiên. Ở trong các dục có thể nêu bày chỉ rõ rộng về những lỗi lầm, tai họa, về pháp phẩm thanh tịnh, xuất ly.

Lại nơi các thời điểm nêu rõ về ngôn luận tương ưng của bốn thứ Thánh đế siêu việt tối thắng. Đó là luận về khổ, luận về tập, luận về diệt, luận về đạo. Vì các hữu tình được thành thực. Vì các hữu tình được thanh tịnh. Vì khiến cho chánh pháp được trụ lâu ở đời, nên giảng nói về trợ bạn tương ưng, tùy thuận thanh tịnh, tương xứng hữu dụng. Danh cú văn thân nơi ngôn luận hiện có luôn ứng hợp. Lại ngôn luận ấy phải hợp thời điểm, phát khởi sự cẩn trọng, lần lượt nối tiếp cùng hiện hữu, khiến cho hữu tình vui mừng, khiến cho chúng sinh yêu thích, hoan hỉ, dũng mãnh, không bị chê trách, loại bỏ. Trợ bạn tương ưng, như pháp không loạn, xứng thuận chúng hội, có tâm từ bi, có tâm lợi ích, có tâm thương xót, không dựa vào sự được lợi dưỡng cung kính, tán dương, không tự cao ngạo, không khinh miệt kẻ khác. Như vậy gọi là khéo giảng chánh pháp.

Do vị ấy thành tựu tám chi như thế, nên nơi mọi thời gian đều khéo có thể can, nêu, khéo tạo sự nhớ nghĩ, khéo có thể chỉ dạy trao truyền, khéo có thể giảng nói, khuyên răn, khéo thuyết giảng chánh pháp. Vì thế, vị ấy được gọi là thiện hữu. Như thế là đã biện biệt rộng về tánh của thiện hữu.

Lại nữa, thế nào là nhận biết về nghĩa tóm lược ở đây? Nghĩa là nếu thiện hữu, tâm khéo tạo được sự đậm đà về tánh thương xót, đầu tiên là đối với chính mình vui thích tạo lợi ích, vui thích tạo an lạc. Lại, tức đối với sự việc tạo lợi ích an lạc ấy đều nhận biết rõ đúng như thật, không có điên đảo, lia kiến chấp điên đảo. Lại, tức ở nơi lợi ích an lạc này có uy lực lớn, có phương tiện thiện xảo, nên có thể khiến tích tập, có thể khiến dẫn phát. Lại nữa, tức ở nơi lợi ích, an lạc này, đối với mọi siêng năng không biếng trễ, khởi phát viên mãn, vì tánh ưa thích phát huy sự siêng năng tinh tấn. Nên biết, do bốn nhân duyên ấy nên đã thâm gồm hết thảy chủng loại, tóm lược chung một cách viên mãn về tánh của thiện tri thức. Như thế gọi là nghĩa tóm lược hiện có về tánh của bậc thiện hữu ấy.

Như chỗ đã nêu ở trước là phân biệt rộng về nghĩa, hoặc chỗ nêu bày về nghĩa tóm lược hiện có ấy, tất cả gọi chung là tánh của thiện hữu.

Thế nào gọi là văn (nghe) tư duy về chánh pháp? Gọi là chánh pháp: Tức hoặc Đức Phật, Thế Tôn, hoặc đệ tử của Phật, các bậc trưởng phu chánh sĩ, chánh chế chánh thiện đã nêu giảng, mở bày, hiển thị phân biệt, soi tỏ. Ở đây lại như thế nào? Đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, nói rộng như trước, về mười hai phần giáo, đó gọi là chánh pháp.

Thế nào là Khế kinh? Đó là Đức Bạc già phạm, ở nơi các phương sở kia, vì vô số các hữu tình là đối tượng được hóa độ, dựa vào các hành sai biệt của những hữu tình ấy, tuyên thuyết về vô lượng ngữ tương ưng với uẩn, vô lượng ngữ tương ưng với xứ, vô lượng ngữ tương ưng với duyên khởi, vô lượng ngữ tương ưng với việc ăn uống, vô lượng ngữ tương ưng với đê, vô lượng ngữ tương ưng với người cảnh giới, vô lượng ngữ tương ưng với thừa Thanh văn, vô lượng ngữ tương ưng với thừa Độc giác, vô lượng ngữ tương ưng với thừa Như Lai, vô lượng ngữ tương ưng với niệm trụ, chánh đoạn, thần túc,

căn, lực, giác chi, đạo chi ... Vô lượng ngữ tương ưng với bất tịnh, tức niệm, các học, chứng tịnh. Kết tập tạng chánh pháp của Như Lai: Là thâm tóm, tụ hội vô số Thánh ngữ như thế, nhằm khiến cho Thánh giáo được trụ lâu ở đời, nên dùng các thứ danh - cú - văn thân hay đẹp, theo như chỗ ứng hợp của chúng, thứ lớp mà sắp đặt, thứ lớp mà kết tập, tức là có thể tạo sự nối kết xuyên suốt với vô số pháp có thể dẫn đến nghĩa lợi, có thể dẫn đến phạm hạnh, với nghĩa chân, thiện vi diệu. Đó gọi là Khế kinh.

Thế nào là Ứng tụng? Tức là nơi khoảng giữa hoặc là phần sau cùng, tuyên thuyết về kệ tụng, hoặc lại nêu giảng về phần kinh chưa liễu nghĩa. Đó gọi là Ứng tụng.

Thế nào là Ký biệt? Nghĩa là ở trong ấy, ghi nhận riêng về đệ tử với các sự việc sau khi qua đời sẽ sinh về cõi nào ... Hoặc lại nêu giảng về phần kinh đã liễu nghĩa. Đó gọi là Ký biệt.

Thế nào là Phúng tụng? Nghĩa là không thuyết giảng trực tiếp, mà là thuyết giảng câu tóm kết, hoặc tạo hai câu, hoặc tạo ba câu, hoặc tạo bốn câu, hoặc tạo năm câu, hoặc tạo sáu câu ... Đó gọi là Phúng tụng.

Thế nào là Tự thuyết? Nghĩa là ở trong ấy không hiển bày về danh tự, chủng tánh của Bồ-đặc-già-la là chủ thể thừa thỉnh. Vì khiến cho chánh pháp ở đời vị lai được trụ lâu, Thánh giáo được trụ lâu ở thế gian, nên không thừa thỉnh mà tự thuyết giảng. Đó gọi là Tự thuyết.

Thế nào là Nhân duyên? Nghĩa là ở trong đó hiển bày về danh tự chủng tánh của hữu tình là chủ thể thừa thỉnh, nhân sự thừa thỉnh mà thuyết giảng, cùng các kinh biệt giải thoát có nhân có duyên tương ưng của Tỳ-nại-da hiện có. Đó gọi là Nhân duyên.

Thế nào là Thí dụ? Nghĩa là ở trong ấy có nói về thí dụ. Do thí dụ nên nghĩa gốc được sáng tỏ, thanh tịnh. Đó gọi là Thí dụ.

Thế nào là Bản sự? Tức là các thứ ngôn giáo nghĩa sự tương ứng nơi đời trước vốn có. Đó gọi là Bản sự.

Thế nào là Bản sinh? Nghĩa là ở trong sự nêu giảng ấy nêu rõ vô số phương phần nơi đời quá khứ của Đức Thế Tôn, lúc hành hạnh Bồ-tát, hành trì hạnh khó hành, với các sự việc hoặc sinh hoặc tử. Đó gọi là Bản sinh.

Thế nào là Phương quảng? Nghĩa là ở trong ấy, giảng nói rộng về tất cả đạo của chư Bồ-tát, vì khiến tu chứng đạo quả Bồ-đề vô thượng, với tất cả công đức như mười lực, bốn vô sở úy, trí không chướng ngại. Đó gọi là Phương quảng.

Thế nào gọi là Hy pháp? Nghĩa là ở trong ấy nêu rõ về những công đức tối thắng, hết sức hy hữu của chư Phật, đệ tử của chư Phật là bảy chúng: Bí-sô, Bí-sô-ni, Thức-xoa-ma-na, Lao sách nam, Lao sách nữ, Cận sự nam, Cận sự nữ, hoặc cùng hoặc chẳng cùng, hơn hẳn các dạng khác, hơn hẳn các thế gian, đều đồng ý chấp thuận. Đó gọi là Hy pháp.

Thế nào là Luận nghị? Đó là tất cả A-tỳ-đạt-ma của Ma-đát-lý-ca, nghiên cứu về nghĩa thâm diệu nơi kinh, nêu bày một cách thông suốt về tông yếu của hết thảy khế kinh. Đó gọi là Luận nghị.

Như vậy đã nói về mười hai phần giáo, thuộc về ba Tạng. Nghĩa là hoặc có loại thuộc về Tạng Tổ-đất-lãm (Kinh). Hoặc có loại thuộc về tạng Tỳ-nại-da (Luật). Hoặc có loại thuộc về tạng A-tỳ-đạt-ma (Luận). Nên biết, trong ấy nếu nói Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tụ thuyết, Thí dụ, Bản sinh, Bản sự, Phương quảng, Hy pháp, đó gọi là Tạng Tổ-đất-lãm (Tạng Kinh). Nếu nói về Nhân duyên, đó gọi là tạng Tỳ-nại-da (Tạng Luật). Nếu nói về Luận nghị, đó gọi là tạng A-tỳ-đạt-ma (Tạng Luận). Do đó, mười hai phần giáo như thế là thuộc về ba Tạng. Như vậy hết thảy chỗ nêu giảng của các bậc trượng phu chánh sĩ, chánh chí, chánh

thiện được gọi là chánh pháp. Lắng nghe, lãnh hội những điều ấy gọi là lắng nghe chánh pháp.

Sự việc này là thế nào? Nghĩa là như có một hữu tình thọ trì Tổ-đát-lãm, hoặc thọ trì Tỳ-nại-da, hoặc thọ trì A-tỳ-đạt-ma. Hoặc thọ trì Tổ-đát-lãm và Tỳ-nại-da. Hoặc thọ trì Tổ-đát-lãm và A-tỳ-đạt-ma. Hoặc thọ trì Tỳ-nại-da và A-tỳ-đạt-ma. Hoặc thọ trì đủ cả Tổ-đát-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma. Tất cả như vậy gọi là Nghe chánh pháp.

Nghe chánh pháp này lại có hai loại: (1) Nghe về văn. (2) Nghe về nghĩa.

Thế nào là tư duy về chánh pháp? Nghĩa là như có một hữu tình, tức như nơi chánh pháp đã được nghe và tin tưởng, ở riêng một nơi chốn tĩnh lặng, xa lìa sáu thứ xứ không nên tư duy. Đó là tư duy, luận bàn về ngã. Tư duy luận bàn về hữu tình. Tư duy luận bàn về thế gian. Tư duy luận bàn về di thực nơi nghiệp quả của hữu tình. Tư duy luận bàn về tĩnh lự và cảnh giới của tĩnh lự. Tư duy luận bàn về chư Phật và cảnh giới của chư Phật. Chỉ chánh tư duy về tự tướng, cộng tướng của các pháp hiện có. Tư duy như thế lại có hai loại:

(1) Dùng hành tướng của toán số, với phương tiện thiện xảo để tính toán về các pháp.

(2) Dùng hành tướng xứng lượng, dựa vào đạo lý chân chánh để quán xét công đức và lỗi lầm của các pháp.

Nghĩa là, hoặc tư duy về uẩn tương ưng với ngôn giáo hiện có. Hoặc lại tư duy, như trước đã nói, về các thứ khác, tùy theo một ngôn giáo hiện có. Tất cả đều do hai thứ phương tiện tư duy của hành tướng như thế. Sự việc này lại như thế nào? Đó là, như nói sắc: Tức là mười sắc xứ cùng với các sắc thuộc về pháp xứ, đó gọi là sắc uẩn.

Gọi là thọ: Tức ba thứ thọ. Đó gọi là thọ uẩn.

Gọi là tướng: Tức là sáu tướng thân. Đó gọi là tướng uẩn.

Gọi là hành: Tức là sáu tư duy về thân. Đó gọi là hành uẩn.

Gọi là thức: Tức là sáu thức thân. Đó gọi là thức uẩn.

Như vậy gọi là dùng hành tướng toán số để tư duy về các uẩn tương ứng với ngôn giáo. Hoặc lại do hành tướng toán số ấy để mỗi mỗi tư duy riêng, lần lượt sai biệt, nên biết tức có vô lượng sai biệt.

Thế nào là dùng hành tướng xứng lượng, dựa vào đạo lý đúng đắn để tư duy về các uẩn tương ứng với ngôn giáo? Nghĩa là dựa nơi bốn đạo lý để quán xét không điên đảo. Những gì là bốn? (1) Đạo lý quán đãi. (2) Đạo lý tác dụng. (3) Đạo lý chứng thành. (4) Đạo lý pháp nhĩ.

Thế nào gọi là đạo lý Quán đãi? Nghĩa là lược nêu có hai thứ quán đãi: Một là Quán đãi sinh khởi. Hai là Quán đãi thi thiết.

Quán đãi sinh khởi: Nghĩa là do lực dụng của các nhân, các duyên nên sinh khởi các uẩn. Uẩn này được sinh khởi cần phải “quán đãi” các nhân các duyên.

Quán đãi thi thiết: Là do danh thân, cú thân, văn thân nên thi thiết (nêu lập) các uẩn. Uẩn này được nêu lập cần phải “quán đãi” các danh cú văn thân.

Quán đãi sinh khởi và Quán đãi thi thiết này đã sinh khởi các uẩn, thi thiết (nêu lập) các uẩn, gọi là Phương tiện Du già của đạo lý, do đó gọi là đạo lý quán đãi.

Thế nào gọi là đạo lý Tác dụng? Nghĩa là các uẩn sinh rồi, do tự duyên nên có tự tác dụng, mỗi mỗi đều sai biệt. Tức là mắt có thể thấy sắc, tai có thể nghe tiếng ... Sắc là cảnh của mắt, là đối tượng hành của mắt, cho đến pháp là cảnh của ý. Tức các pháp này đều có tác dụng riêng, là phương tiện Du già của đạo lý hiện có, đều được gọi là đạo lý tác dụng.

Thế nào gọi là đạo lý Chứng thành? Nghĩa là tất cả uẩn đều vô thường, từ các duyên sinh ra, là khổ, không, vô ngã. Do ba lượng nên

quán xét như thật. Tức do Chí giáo lượng, do Hiện tượng và do Tỷ lượng. Do ba lượng ấy chứng nghiệm đạo lý. Các bậc hữu trí, tâm chính thức chấp nhận, đặt yên để thành lập. Nghĩa là tất cả uẩn đều là tánh vô thường, tánh các duyên sinh, tánh khổ, tánh không và tánh vô ngã. Các sự việc như vậy gọi là đạo lý Chứng thành.

Thế nào gọi là đạo lý Pháp nhĩ? Nghĩa là do nhân duyên nào, tức các uẩn kia, chủng loại như vậy, các khí thể gian được đặt bày như vậy. Do nhân duyên nào nên đất cứng chắc là tướng, nước ẩm ướt là tướng, lửa nóng ẩm là tướng, gió dùng nhẹ động làm tướng. Do nhân duyên nào, nên các uẩn là vô thường, các pháp là vô ngã, Niết-bàn là tịch tĩnh? Do nhân duyên nào, tướng của sắc là biến hoại, tướng của hành là tạo tác, tướng của thọ là lãnh nạp, tướng của thức là phân biệt? Do bản tánh của các pháp nên như thế. Vì tự tánh nên như thế. Do pháp tánh nên như thế tức pháp nhĩ (pháp như thế) ấy được gọi là Phương tiện Du già của đạo lý. Hoặc tức như thế, hoặc khác như thế, hoặc chẳng phải như thế, tất cả đều do pháp nhĩ làm chỗ dựa, tất cả đều quy về đạo pháp nhĩ. Như thế gọi là dựa vào bốn đạo lý để quán xét về các uẩn tương ưng với ngôn giáo. Như do hai hành tướng toán số và xứng lượng để quán xét các uẩn tương ưng với ngôn giáo, cũng vậy, tức do hai thứ hành tướng ấy quán xét về ngôn giáo hiện có khác. Như thế gọi chung là quán xét tư duy đúng đắn, kỹ lưỡng về tất cả chánh pháp đã được nêu giảng, đó gọi là nghe, tư duy về chánh pháp.

Thế nào là không chướng ngại? Nghĩa là không chướng ngại này lược có hai thứ: (1) Dựa vào bên trong. (2) Dựa vào bên ngoài.

Trước sẽ nói về dựa nơi chướng trong, ngoài. Trái ngược hẳn với trường hợp ấy nên biết tức là hai thứ không chướng ngại.

Thế nào gọi là dựa vào chướng ngại bên trong? Nghĩa là như có một hữu tình, nơi đời trước không từng tu phước. Do không tu phước, nên không thể thường xuyên đạt được các vật dụng cần cho

sự sống một cách tùy thuận, như y phục, thức ăn uống ... Kẻ ấy có tham lam mãnh liệt và lâu dài, có sân hận mãnh liệt và lâu dài, có si mê mãnh liệt và lâu dài. Hoặc vì ở đời trước tạo tác, tích tập nhiều nghiệp tật bệnh, do đấy là nhân nên sinh nhiều bệnh tật. Hoặc do hiện tại hành không bình đẳng. Vì nhân duyên ấy nên thân luôn có nhiều thứ bệnh sinh khởi. Kẻ ấy tham chấp về tạo nghiệp, tham chấp về ngôn ngữ, tham chấp về ngủ nghỉ, tham chấp về nơi chốn đông đúc, huyền não. Tham chấp về tạp trụ, hý luận, ưa thích tự đề cao, phóng dật, loạn động, dùng trụ phi xứ. Các loại như thế, nên biết, tất cả gọi là dựa vào chướng ngại bên trong.

Thế nào gọi là dựa vào chướng ngại bên ngoài? Nghĩa là như có một hữu tình dựa vào không phải là bậc thiện sĩ. Do nhân duyên ấy nên không thể thường xuyên đạt được sự chỉ dạy, trao truyền, khuyên bảo thuận hợp. Hoặc ở nơi chốn xấu ác, ngày đêm luôn có những sự việc biến dị, huyền não, âm thanh đủ loại, bị người hoặc phi nhân khủng bố ... Các loại như thế nên biết, tất cả gọi là dựa vào chướng ngại bên ngoài.

Như vậy là đã biện luận rộng về chướng ngại bên trong, bên ngoài rồi. Lại nữa, thế nào là nhận biết về nghĩa tóm lược trong ấy? Tức ở đây lược nêu có ba thứ chướng ngại: (1) Chướng ngại của gia hạnh. (2) Chướng ngại của xa lìa. (3) Chướng ngại của tịch tĩnh.

Thế nào là chướng ngại của gia hạnh? Nghĩa là nếu gặp phải chướng ngại này hiện tiền thì đối với gia hạnh hiện có của các phẩm thiện đều không thể thực hiện, cũng không có uy lực. Đó gọi là chướng ngại của gia hạnh.

Thế nào là chướng ngại của xa lìa? Nghĩa là ăn uống các thứ thô trọng, nhiều nghiệp, nhiều việc, có nhiều chỗ tạo tác, hoặc ưa thích tạo nghiệp. Do nhân duyên ấy nên yêu thích vô số hành nghiệp đã tạo. Về sau, trong sự việc ấy, tâm rơi vào tán loạn, hoặc ưa thích nói

năng. Do nhân duyên này, nên tuy ở chốn tịch tĩnh, xa lìa, đoạn trừ, tu tập có thể thực hiện, có uy lực lớn, nhưng chỉ đọc tụng liền cho là đủ, hoặc ưa thích ngủ nghỉ, do đấy nên thường bị hôn trầm thùy miên trôi buộc. Vì tánh biếng trễ nên cho thùy miên là an lạc, cho dựa cây là an lạc, cho nằm là an lạc. Hoặc ưa thích nơi đông đảo, huyên áo. Do nhân duyên ấy, nên ưa thích cùng với chúng xuất gia, tại gia, nói bàn vô số các việc về vua quan, giặc cướp, ăn uống, y phục, xướng ca ... các loại như thế có thể dẫn đến vô nghĩa, khiến tâm tán động, khiến tâm nhiều loạn. Rất nhiều loại pháp chướng ngại như thế, nên biết tất cả được gọi là chướng của hạnh xa lìa.

Nếu gặp chướng ngại này hiện tiền, thí khó có thể lìa bỏ những tham chấp hiện có về xứ A-luyện-nhã, về chốn rừng núi, đồng ruộng trống vắng, với những biên vực của các thứ ngoại cụ ... cũng không thể ở xứ A-luyện-nhã, nơi bãi tha ma, bên gốc cây, nơi phòng ốc vắng vẻ.

Thế nào là chướng ngại của tịch tĩnh? Tịch tĩnh tức chỉ cho hai pháp Chỉ (Xa-ma-tha) Quán (Tỳ-bát-xá-na), tức có chướng ngại của Xa-ma-tha, có chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là chướng ngại của Xa-ma-tha? Tức là các thứ phóng dật và trụ phi xứ. Do phóng dật nên hoặc bị hôn trầm thùy miên vây buộc nơi tâm. Hoặc chỉ được Xa-ma-tha liền sinh tham ái nơi vị. Hoặc đối với tánh thấp kém, tâm vui thích hưởng nhập. Hoặc ở nơi tánh tối tăm, tâm ưa thích tham vương. Do trụ nơi phi xứ sở như thế nên bị người hoặc hàng phi nhân ồn tạp nhiễu loạn, bị sự bức nã của kẻ khác, tâm dong ruổi theo ngoại cảnh. Như thế gọi là chướng ngại của Xa-ma-tha.

Thế nào là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na? Do ưa thích tự ý thị, đề cao, cùng do loạn động. Ưa thích tự ý thị, đề cao: Nghĩa là như có một Bí-sô suy nghĩ như này: Ta sinh nơi tộc họ cao quý, có tâm tin

thanh tịnh xuất gia, không phải là hạng thấp kém. Các Bí-sô kia tức không được như vậy. Do nhân duyên ấy nên tự cao, tự cho là hơn, khinh miệt kẻ khác. Bí-sô đó do tự cao ngạo như vậy, nên đối với các Bí-sô tôn túc, trưởng lão, đa trí, tu tập phạm hạnh đầy đủ không thể thường xuyên cung kính thưa hỏi. Các vị Bí-sô này cũng không thể luôn vì vị kia khai phát những chỗ chưa khai phát, hiển bày những nơi chôn chửa hiển bày. Cũng không thể vì Bí-sô ấy giúp đạt đủ tinh tấn, thành khẩn, dùng trí tuệ để thông tỏ câu nghĩa sâu xa, tạo phương tiện để mở bày chỉ rõ, cho đến khiến trí kiến được thanh tịnh. Như thế gọi là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na do ưa thích tự ý thị, đề cao. Lại như có một Bí-sô, chỉ đạt được phần ít trí kiến thấp kém, đã an ổn mà trụ. Vị ấy do an trụ nơi trí kiến thấp kém và ít ỏi như thế, nên tự cao ngạo. Do tự cao ngạo nên sinh tâm cho là đủ, không cầu đạt quả vị cao hơn. Đó gọi là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na do trụ nơi sự ưa thích tự thị, cao ngạo.

Nói động loạn: Nghĩa là như có một hữu tình các căn không tịch tĩnh, các căn động loạn, các căn chao đảo, nơi tất cả thời điểm đều có những suy nghĩ xấu ác, nói năng xấu ác, tạo tác xấu ác, nên không thể an trụ để tư duy về các pháp, không thể tạo sự vững chắc để tư duy về các pháp. Do nhân duyên này nên hành quán không thể viên mãn, không được thanh tịnh. Đó gọi là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na (Quán) do động loạn. Như vậy hai pháp gây chướng ngại nơi Xa-ma-tha (Chi) là nhiều phóng dật và trụ nơi phi xứ. Hai pháp có thể gây chướng ngại cho Tỳ-bát-xá-na (Quán) là ưa thích tự thị, cao ngạo cùng do động loạn. Như thế, hoặc chướng ngại của Xa-ma-tha, hoặc chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na, được gọi chung là chướng ngại của tịch tĩnh. Đó gọi là nghĩa tóm lược của chướng ngại. Tức nghĩa tóm lược này cùng với chỗ biện biệt rộng ở trước tóm lược chung làm một gọi là chướng ngại. Trái ngược với chướng ngại ấy, nên biết là không chướng ngại. Tức chướng ngại này là vô tánh, xa lìa, không hợp không hội, gọi là vô chướng.

Thế nào là tuệ xả? Tức là hoặc bỏ thí do tánh không tội lỗi, vì tâm trang nghiêm, vì tâm hỗ trợ, vì giúp ích cho Du già, vì nhằm đạt nghĩa tối thượng, nên tu bỏ thí. Đó gọi là tuệ xả.

Hỏi: Ai là chủ thể thí? Ai là đối tượng được thí? Dùng gì để thí? Tướng thí như thế nào? Thế nào là thí? Do đâu mà thí? Do nhân duyên này nên tánh của thí vô tội?

Đáp: Ai là chủ thể thí: Tức người thí, thí chủ, đó gọi là chủ thể thí. Thế nào là người thí, là thí chủ? Nghĩa là nếu tự tay mình bỏ thí, gọi là người thí. Nếu vật của tự mình đem thí, hoặc vui thích hành thí, không phải là không vui thích hành thí, gọi là thí chủ. Ai là đối tượng được thí? Tức là có bốn loại đối tượng được thí: (1) Người có khổ. (2) Người có ân. (3) Người thân ái. (4) Bậc tôn thắng.

Thế nào là người có khổ? Đó là người bần cùng, hoặc người hành khát, hoặc kẻ đi đường, hoặc kẻ cầu xin, hoặc những kẻ đui điếc, những người không nơi nương tựa... không đủ vật dụng để nuôi sống. Các loại như vậy gọi là người có khổ.

Thế nào là người có ân? Đó là, hoặc cha mẹ, hoặc người nuôi dưỡng dạy dỗ, hoặc người tạo sự trưởng thành, hoặc những người đã từng cứu giúp trong nhiều trường hợp, hoàn cảnh, người chỉ dạy lợi ích, an lạc, người dẫn đến lợi ích, an lạc ... Những loại như thế gọi là người có ân.

Thế nào là người thân ái? Nghĩa là các bạn thân, hoặc ở nơi xứ có ái có kính. Hoặc ngôn ngữ tin thuận. Hoặc luôn dùng ngôn ngữ để bàn luận lui tới giao tiếp. Hoặc có hân gắn. Các loại như thế gọi là người thân ái.

Thế nào là bậc tôn thắng? Đó là, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, người được thế gian đồng chấp nhận là hiền thiện, người lìa tổn hại, người hoàn toàn lìa mọi tổn hại, kẻ lìa tham dục, người vì nhằm điều phục tham dục mà tu hành. Kẻ lìa sân hận, kẻ vì nhằm đoạn trừ

sân hận mà tu hành. Kẻ lìa ngu si, người vì nhằm dứt bỏ ngu si mà tu hành. Các loại như thế gọi là bậc tôn thắng.

Dùng gì để thí? Nếu nói tóm lược, hoặc dùng những vật thuộc hữu tình để hành tuệ thí. Hoặc dùng các vật thuộc vô tình để hành tuệ thí.

Thế nào là dùng những vật thuộc hữu tình để hành tuệ thí? Nghĩa là hoặc đem vợ con, nô tỳ, tôi tớ, hoặc các loài voi, ngựa, bò, dê, heo, gà, lạc đà, lừa... để hành tuệ thí. Hoặc có những kẻ nam, nữ lớn tuổi, nhỏ tuổi... Các loại như thế được dùng làm vật bố thí. Hoặc lại dùng với các vật nơi nội thân như đầu mắt tay chân... theo nguyện mà thí cho. Đây cũng gọi là dùng số vật thuộc hữu tình để hành tuệ thí, là sự việc hiện hành của các Bồ-tát, không phải trong nghĩa ấy, ý chấp thuận hành thí.

Thế nào là dùng những vật thuộc vô tình để hành tuệ thí? Nói tóm lược có ba loại vật dùng để hành thí: (1) Vật thuộc về tài sản. (2) Vật thuộc về lúa gạo. (3) Vật thuộc về nơi chốn.

Vật thuộc về tài sản: Như mạng ni, chân châu, lưu ly ... Hoặc các loại châu báu, hoặc vàng, bạc, hoặc các loại y phục... Đó gọi là vật thuộc về tài sản.

Vật thuộc về lúa gạo: Tức các vật có thể ăn uống hiện có thuộc về lúa gạo, bắp đậu, mía đường ...

Vật thuộc về nơi chốn: Đó là ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, kiến lập nhà phước, chùa chiền, đền thờ ...

Đó gọi là những vật thuộc vô tình, không tội lỗi dùng để hành tuệ thí. Nên biết ở đây, những vật thuộc về hữu tình, những vật thuộc về vô tình, tất cả được gọi chung là “Đối tượng được dùng để hành thí”. Tương thí như thế nào? Đó là không tham cùng hiện hành với tư duy, tâm tạo tác ý nghiệp, cùng chỗ phát khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp, xả bỏ các vật được thí. Hoặc tự mình nối tiếp, hoặc người khác nối tiếp. Đó gọi là tương thí.

Thế nào là hành thí? Nghĩa là do tâm tin thanh tịnh mà hành tuệ thí. Do thấy rõ chánh giác mà hành tuệ thí. Do thấy có quả mà hành tuệ thí. Do vô cùng ân cần, tôn trọng mà hành tuệ thí. Do tâm cung kính nên tự tay hành thí, không khinh thường, kiêu mạn, ứng hợp thời mà thí. Cứu giúp kẻ khác, cần dùng sự không tổn não họ mà hành tuệ thí. Bình đẳng đúng như pháp, không sử dụng bạo ác để tích tập vật dụng mà hành tuệ thí. Dùng các vật tươi sạch mà hành tuệ thí. Dùng những vật tinh diệu mà hành tuệ thí. Dùng những vật thanh tịnh mà hành tuệ thí. Do đây, tự tha đều không có tội. Thường xuyên hành tuệ thí để điều phục mọi cấu uế của tâm keo kiệt. Tích tập uy lực mà hành tuệ thí. Tâm trước hoan hỉ mà hành tuệ thí. Lúc đang hành thí, tâm luôn thanh tịnh, thí rồi không hối tiếc.

Do đâu mà thí? Hoặc do từ bi nên hành tuệ thí, đối với trường hợp có ân, hoặc ái hoặc kính, hoặc tin thuận mà hành tuệ thí. Nơi trường hợp thân ái, hoặc vì mong cầu các công đức thù thắng thuộc thế gian và xuất thế gian mà hành tuệ thí. Do hành tướng ấy, nên hoặc tại gia hoặc xuất gia, tu hành tuệ thí, là để làm trang nghiêm tâm, là để hỗ trợ tâm, là để cung cấp cho hành Du già, vì nhằm đạt được nghĩa tóm lược nghĩa tôn thượng nên hành bố thí, do nhân duyên đó, nên tánh thí là không tội. Đó gọi là tuệ xả.

Thế nào gọi là Sa-môn trang nghiêm? Tụng nêu:

*Chánh tín, không dua nịnh
Ít bệnh, tuệ tinh tấn
Đủ thiếu dục, tri túc.
Dễ nuôi dưỡng, dễ đủ.
Đức đầu đà trang nghiêm
Tri lượng, pháp thiện sĩ
Đủ tướng bậc thông tuệ
Nhân, nhu hòa, hiền thiện.*

Nghĩa là như có một hữu tình đầy đủ sự tin tưởng chính đáng, không hề dua nịnh, ít các bệnh tật, tánh siêng năng, tinh tấn, thành tựu tuệ diệu, thiếu dục, tri túc, dễ nuôi dưỡng, dễ đầy đủ, thành tựu trọn vẹn hạnh đầu đà, công đức đoan nghiêm, biết rõ về lượng, thành tựu đầy đủ về pháp của bậc sĩ hiền thiện, thành tựu đầy đủ về tướng của bậc thông tuệ, nhẫn nhục, hòa nhã vì tánh hiền thiện.

Thế nào gọi là đầy đủ sự tin tưởng chính đáng? Tức là có nhiều sự tin tưởng thanh tịnh, có nhiều sự kính thuận đúng đắn, sinh khởi nhiều thắng giải, nhiều mong muốn tốt đẹp. Đối với các pháp thiện và nơi trú xứ của bậc Đại sư đều sinh sự tin tưởng thanh tịnh sâu xa, không nghi không lầm. Nơi trú xứ của bậc Đại sư luôn cung kính, tôn trọng, thừa sự cúng dường, nương dựa mà trụ. Đối với pháp nơi các vị đồng phạm hạnh, đối với các chỗ tu học, thọ nhận sự chỉ dạy, trao truyền, khuyên bảo, đối với hạnh không phóng dật, đối với pháp Tam-ma-địa, nên biết cũng như vậy. Như thế gọi là đầy đủ sự tin tưởng chính đáng.

Thế nào gọi là không có dua nịnh? Đó là như có một hữu tình thuần chất vì tính ngay thẳng, đối với bậc Đại sư và nơi các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ luôn tự hiển bày đúng như thật. Như thế gọi là không có dua nịnh.

Thế nào gọi là ít các thứ bệnh tật? Nghĩa là vị ấy tánh không bệnh, thuận thời biến chuyển thành thực, chấp nhận điều hòa không tạo tổn hại, tùy lúc an lạc. Do nhân duyên ấy nên mọi thọ dụng về ăn uống dễ thuận hợp. Như thế gọi là ít các thứ bệnh tật.

Thế nào gọi là tánh siêng năng, tinh tấn? Đó là vị ấy có thể an trụ, có uy lực, có đủ siêng năng, dũng mãnh kiên cố, luôn gắn bó với pháp thiện, khởi phát viên mãn, không hề biếng trễ, có khả năng hành trì, đối với các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ luôn hết lòng thừa sự. Như thế gọi là tánh siêng năng tinh tấn.

Thế nào gọi là thành tựu tuệ diệu? Tức là vị ấy niệm, giác thông tỏ thấy đều viên mãn, căn không ám độn, căn không ngu tối, nói và làm luôn thuận hợp, có năng lực để nhận biết rõ về việc nêu giảng thiện, nêu giảng ác nơi các nghĩa pháp hiện có. Thành tựu đầy đủ giác tuệ câu sinh. Thành tựu đầy đủ giác tuệ gia hạnh. Như thế gọi là thành tựu tuệ diệu.

Thế nào là thiếu dục (Ít ham muốn)? Nghĩa là tuy thành tựu các công đức hiện có như khéo thiếu dục ... nhưng không đối với điều ấy muốn cho kẻ khác nhận biết. Tức muốn cho kẻ khác nhận biết Ta đã thành tựu các công đức, đầy đủ thiếu dục.

Thế nào là biết đủ? (Tri túc) Nghĩa là tùy theo một sự việc như y phục, thức ăn uống, ngoạ cụ ... có được liền sinh hoan hỷ, sinh khởi sự biết đủ chính đáng. Đối với những thứ y phục vốn có hoặc thô hoặc đẹp, nếu chưa được thì tâm không mong cầu, lường xét. Nếu đã có được thì tâm không ái, nhiễm, như trước đã nói rộng, theo đây mà thọ dụng. Đối với các thức ăn uống, ngoạ cụ ... nên biết cũng như vậy. Đó gọi là biết đủ.

Thế nào là dễ nuôi dưỡng? Đó là có thể riêng mình tự đạt được việc nuôi dưỡng vui vẻ, không chờ đợi người khác. Lại không tìm cầu các thứ tài sản vật báu khác. Đó gọi là dễ nuôi dưỡng.

Thế nào là dễ đầy đủ? Nghĩa là vị ấy, nếu có được chút ít vật dụng liền tự xoay xử, thọ dụng vui vẻ. Nếu có được các thứ thô xấu cũng tự xoay xử như vậy. Đó gọi là dễ đầy đủ.

Thế nào là thành tựu công đức của hạnh đầu đà? Đó là vị ấy luôn khát thực đúng kỳ hạn, khát thực theo thứ lớp, chỉ một tọa thực, trước hành pháp Chỉ, sau mới ăn, chỉ dùng ba y, chỉ mang y mỏng nhẹ, chỉ dùng y phẩn tảo, trụ nơi chốn thanh vắng, thường an tọa bên cội cây, nơi khoảng đất trống, hoặc nơi bãi tha ma, luôn mong được ngồi thẳng người, hành xử như thường ngồi. Như thế mà nương dựa,

hoặc về thức ăn uống, hoặc về y phục, hoặc các phụ cụ, nơi công đức của hạnh đầu đà, hoặc là mười hai thứ, hoặc là mười ba thứ. Ở trong việc khát thực phân làm hai loại: (1) Khát thực tùy được. (2) Khát thực theo thứ lớp.

Khát thực tùy được: Đó là theo việc đi đến, trở lại nhà, theo chỗ đạt được ấy mà thọ thực.

Khát thực theo thứ lớp: Nghĩa là đi vào xóm làng tuần tự từng nhà mà khát thực, theo chỗ hiện có được mà thọ thực. Luôn theo đúng oai nghi để thực hành khát thực thì chỉ có mười hai thứ. Nếu căn cứ vào tánh có sai biệt của việc khát thực, tức có mười ba loại.

Thế nào gọi là chỉ một tọa thực? Nghĩa là ngồi nơi một tòa ngồi, cho đến lúc nên thọ thực thấy đều thọ thực. Từ nơi tòa ngồi ấy đứng dậy tất không thọ thực trở lại. Như thế gọi là chỉ một tọa thực.

Thế nào gọi là trước hành pháp Chi, sau mới ăn? Đó là vì thọ thực nên ngồi vào tòa ứng hợp, cho đến chưa thọ thực thì trước cần thọ nhận đủ các thứ nên thọ thực. Nên nhận biết rõ đúng đắn: Ta nay chỉ thọ nhận chừng ấy thức ăn uống để tự duy trì sự sống. Lại nhận biết rõ, chính đáng: Ta nếu vượt quá những thứ vậy, nhất định không nên thọ thực. Thọ nhận như vậy rồi, sau đấy mới ăn. Đó gọi là trước hành pháp Chi sau mới ăn.

Thế nào gọi là chỉ dùng ba y? Nghĩa là chỉ có ba y để tự xoay xở thọ dụng. Những gì là ba y? Một là Tăng-già-chi. Hai là Ot-đát-la-tăng-già. Ba là An-đát-bà-tham. Trừ ba y này thì trọn không có cát chứa vượt quá trường y ấy, đó gọi là chỉ dùng ba y.

Thế nào gọi là chỉ dùng y mỏng, nhẹ? Đó là việc dùng y, hoặc là ba y, hoặc là trường y, tất cả đều dùng loại bông nhẹ mỏng để may, hoàn toàn không cát chứa các thứ vật dùng may y khác. Như thế gọi là chỉ dùng y mỏng nhẹ.

Thế nào gọi là dùng y phân tảo? Nghĩa là các thứ y, vải hiện có do kẻ khác vất bỏ, dùng các thứ y vật bất tịnh ấy, loại trừ những phần thô, uế, giặt giữ nhuộm may để thọ dụng. Như thế gọi là dùng y phân tảo.

Thế nào là trụ nơi chốn A-luyện-nhã? Đó trụ ở chốn thanh vắng, nơi rừng núi, đồng hoang, thọ dụng biên vực về ngoại cụ hiện có, xa lìa tất cả thôn ấp xóm làng. Như thế gọi là trụ nơi chốn A-luyện-nhã.

Thế nào gọi là thường ở bên cội cây? Nghĩa là luôn nguyện mong trụ nơi cội cây, nương dựa nơi gốc cây. Như vậy gọi là thường ở bên cội cây.

Thế nào gọi là thường ở nơi khoảng đất trống? Nghĩa là luôn nguyện mong trụ nơi khoảng đất trống trải, không có gì che chắn. Như vậy gọi là thường ở nơi khoảng đất trống.

Thế nào gọi là thường ở nơi bãi tha ma? Tức là luôn nguyện mong an trụ nơi bãi tha ma nơi có các chúng sinh đã qua đời, thì thể được đưa đến đấy. Như vậy gọi là thường ở nơi bãi tha ma.

Thế nào gọi là luôn mong muốn ngồi thẳng người? Nghĩa là ở nơi giường lớn, hoặc giường dây nhỏ, hoặc nơi tòa ngồi bằng cỏ lá, luôn thẳng thân mà ngồi, suy xét về thời gian theo mặt trời, trọn không dùng lưng hoặc dùng hông để dựa vào giường lớn, giường dây nhỏ, hoặc vách tường, hoặc thân cây nơi tòa ngồi bằng cỏ lá. Như vậy gọi là luôn mong muốn ngồi thẳng người.

Thế nào gọi là hành xử như tòa thường? Nghĩa là nơi chỗ ngồi nằm, hoặc nơi các tòa ngồi bằng cỏ, bằng lá, đã được trải bày cỏ, lá rồi, theo đấy mà thường ngồi nằm. Một lần trải bày như thế thì về sau trọn không thường xuyên sửa sang lật lại, sắp lại. Như vậy gọi là hành xử như tòa thường.

Hỏi: Do đâu gọi là công đức của hạnh đầu đà?

Đáp: Hành giả như vậy, do tham về ăn uống, nên đối với các thứ ăn uống khiến tâm nhiễm đắm. Do tham về y phục, nên đối với các thứ y phục khiến tâm tham đắm. Do tham về phu cụ, nên đối với các thứ phu cụ khiến tâm tham đắm.

Vì ấy, do công đức của hạnh đầu đà như vậy, nên có thể tu trị thanh tịnh khiến được thuần thực, hòa nhã, dịu dàng, đối với mọi chỗ nhận lãnh, tùy thuận nương dựa, có thể tu phạm hạnh. Do đó gọi là công đức của hạnh đầu đà.

Trong sự ăn uống có tham về ăn ngon và tham về ăn nhiều, có thể gây chướng ngại cho việc tu thiện. Vì nhằm đoạn trừ tham về ăn ngon, nên thường khát thực đúng hện, khát thực theo thứ lớp. Vì muốn đoạn trừ tham về ăn nhiều, nên chỉ một tọa thực, nên trước hành pháp Chi, sau mới ăn.

Đối với y phục có ba thứ tham. có thể gây chướng ngại cho việc tu thiện: (1) Tham có nhiều y. (2) Tham tiếp xúc mềm dịu. (3) Tham loại thượng diệu.

Vì nhằm đoạn trừ tâm tham có nhiều y, nên chỉ dùng ba y. Vì muốn đoạn trừ tâm tham đối với các thứ y phục ưa thích có sự tiếp xúc mềm dịu, nên chỉ dùng y mỏng, nhẹ. Vì nhằm đoạn trừ đối với các thứ y phục tâm tham loại thượng diệu, nên dùng y phần tảo. Đối với các thứ phu cụ, có bốn thứ tham, có thể gây chướng ngại cho việc tu thiện, đó là: (1) Tham nơi chốn ồn, tạp. (2) Tham về phòng, nhà. (3) Tham về chỗ dựa, nằm vui thích. (4) Tham về phu cụ.

Nhằm đoạn trừ tham nơi chốn ồn tạp, nên trụ nơi A-luyện-nhã. Vì muốn đoạn trừ tâm tham về phòng nhà, nên thường ở nơi cội cây, nơi khoảng đất trống, nơi bãi tha ma. Lại, nhằm đoạn trừ tâm tham về dâm dật, nên thường ở nơi bãi tha ma. Nhằm dứt bỏ tâm tham về chỗ dựa, nằm vui thích nên thường mong được ngồi thẳng. Vì để dứt trừ tâm tham về phu cụ, nên hành xử như tòa thường. Đó gọi là thành tựu công đức của hạnh đầu đà.

Thế nào là đoan nghiêm? Đó là có thể thành tựu, hoặc đi đến, hoặc trở lại, hoặc nhìn thấy hoặc xem rõ, hoặc thu hẹp hoặc mở rộng, mặc Tăng-già-chi mang y, bát, hình tướng luôn đoan nghiêm, đó gọi là đoan nghiêm.

Thế nào là biết rõ về lượng? Đó là đối với các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ có tâm tin thanh tịnh, nên luôn cúng dường đòi dào về các thứ y phục, thức ăn uống, ngoạ cụ, thuốc men trị bệnh ... trong ấy người thọ nhận nên biết rõ về mức độ để thọ nhận. Đó gọi là biết rõ về lượng.

Thế nào là thành tựu pháp của bậc sĩ hiền thiện? Nghĩa là vị ấy sinh nơi tộc họ tôn quý, xuất gia với tín tâm thanh tịnh. Dung mạo thù diệu, ai trông thấy cũng vui thích vì sự đoan nghiêm, đầy đủ đa văn, ngôn ngữ viên mãn. Do nhân duyên ấy nên không tự đề cao, không khinh miệt kẻ khác, có thể nhận biết rõ về pháp tùy pháp hành, là chân thật theo đầy mà tinh tấn tu tập. Đó gọi là thành tựu pháp của bậc sĩ hiền thiện.

Thế nào là thành tựu về tướng của bậc thông tuệ? Đó là do tạo tướng nghiệp biểu thị sự nhận biết của hàng ngu phu, do tạo tướng nghiệp biểu thị sự nhận biết của bậc thông tuệ.

Sự việc ấy như thế nào? Nghĩa là các hàng ngu phu suy nghĩ về điều ác, nói năng về điều ác, tạo tác về việc ác. Còn các bậc thông tuệ thì tư duy về điều thiện, nêu giảng về điều thiện, tạo tác về điều thiện. Đó gọi là thành tựu về tướng của bậc thông tuệ.

Thế nào là gắng nhẫn? Nghĩa là như có một hữu tình bị kẻ khác mạ lỵ nhưng không đáp trả, bị kẻ khác giận dữ, đánh đập, chế giễu nhưng đều không đáp trả. Lại, vị ấy cũng có thể nhẫn chịu đối với các thứ lạnh nóng, đói khát, gió nắng, nhẫn chịu khi bị các thứ ruồi muỗi, rắn rít bu đắp cắn rủa. Lại có thể nhẫn chịu khi bị kẻ khác xúc phạm, nói lời thô ác. Lại có thể nhẫn chịu các thứ khổ thọ hiện có

nơi thân do các vật cứng chắc, bén nhọn tác động, bức bách tâm như đoạt mất mạng. Vì tánh gắng nhẫn nên có thể nhẫn chịu hết thảy. Đó gọi là gắng nhẫn.

Thế nào là nhu hòa? Nghĩa là như có một Bí-sô đối với bậc Đại sư v.v... thành tựu đầy đủ thân nghiệp thương kính, thành tựu đầy đủ ngữ nghiệp thương kính, thành tựu đầy đủ ý nghiệp thương kính. Cùng với các vị đồng phạm hạnh có trí hòa đồng thọ dụng các thứ nên thọ dụng. Phạm các việc ăn uống không có riêng tư, cất giấu, đều như pháp thu đạt, như pháp có được, vật đã ở trong bát thức thuộc về bát ấy, theo đầy mà thọ dụng. Đồng giới, đồng kiến, thành tựu sáu pháp như thế là đáng vui thích, yêu mến, tôn trọng, không trái, tranh pháp, để có thể cùng trụ, không nào hại kẻ khác. Cùng với các vị đồng phạm hạnh có trí đồng trụ một xứ, luôn khiến hoan hỷ. Đó gọi là nhu hòa.

Thế nào là hiền thiện? Nghĩa là như có một hữu tình xa lìa mọi sự buồn bã, sắc diện luôn thư thái, mỉm cười trước khi mở lời, thường hành ái ngữ, tánh hay thân nhận pháp thiện nơi đồng bạn, thân tâm trong sạch. Đó gọi là hiền thiện.

Nếu có người thành tựu các pháp như vậy, yêu thích chánh pháp, yêu thích công đức, không ưa thích việc cầu được lợi dưỡng, được cung kính, khen ngợi, cũng không hành xử hai thứ tà kiến tăng ích, tổn giảm, đối với pháp không có chưa từng tăng ích, đối với pháp thật có chưa từng tổn giảm. Xa lìa đời sống tại gia, vì cùng trụ nơi chốn ồn tạp, chỉ tăng thêm phiền não. Vui thích cùng với Thánh chúng hòa hợp an trụ. Tịnh tu trí tuệ nên không ưa thích thân nhận bạn bè thân thuộc. Chớ khiến cho ta do nhân duyên thân hữu ấy mà sẽ chiêu cảm lấy vô số sự việc nhiễu loạn. Các sự việc ấy, hoặc biến hoại sẽ sinh vô số sầu lo buồn khổ. Theo chỗ sinh khởi, nhưng gốc là tùy nơi hai Hoặc. Không nên chấp trước tham vương, tức liền dứt bỏ, loại trừ. Chớ khiến ta do nhân duyên của hai thứ Hoặc ấy sẽ sinh khởi

các khổ nơi hiện pháp và hậu pháp. Trọn không tổn hại tín thí hiện có. Trọn không hủy phạm giới cấm thanh tịnh. Thọ dụng tín thí trọn không chê bai tín thí của kẻ khác. Trọn không từ bỏ Học xứ đã thọ nhận, luôn vui thích tỉnh giác, xem biết về lỗi lầm của chính mình. Không thích xét tìm chỗ lỗi, phạm của người khác. Ân, che điều thiện của mình, phát lồ điều xấu ác tự thân đã tạo. Gặp sự việc nguy hại đến tánh mạng cũng không cố ý suy nghĩ về các tội đã hủy phạm. Giả như do quên niệm mà hủy phạm chút ít, tức liền mau chóng như pháp sám hối dứt trừ. Đối với sự việc nên làm, thì hết sức siêng năng không chút bê trễ. Dù gồm cả trăm việc, đều tự mình có thể thành tựu đầy đủ, trọn không cầu nhờ kẻ khác trợ giúp.

Đối với Đức Phật, Thế Tôn và đệ tử của Phật, với thần lực uy đức không thể nghĩ bàn, với giáo pháp thâm diệu, đều sinh tin hiểu sâu xa, trọn không hủy báng. Có thể nhận biết rõ, đúng, đó chính là tri kiến của Đức Như Lai, chẳng phải là cảnh giới của mình, trọn không vui trụ nơi vọng kiến của bản thân, giữ lấy điều phi lý, chấp chặt vào ác kiến, sinh khởi các thứ ngôn luận, chú thuật. Hoặc cùng với các công đức như thế tương ưng, như vậy an trụ, như vậy tu học. Dùng các vật dụng trang nghiêm của Sa-môn mà tự trang nghiêm, là hết sức vi diệu. Hành giả như thế, dùng các vật dụng trang nghiêm vi diệu của vô số công đức nơi vị Sa-môn chân chánh, để tự trang nghiêm, đức ấy sáng tỏ, uy quang tỏa khắp. Do vậy gọi là Sa-môn trang nghiêm. Đó gọi là nghĩa của vật dụng trang nghiêm nơi Sa-môn.

HẾT - QUYỂN 25

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 26

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VẤN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ hai: Đoạn 1

Hỏi: Trong Địa Xuất ly đã được nêu dẫn, khai thị như trước:

Có bao nhiêu phẩm loại BỔ-đặc-già-la (Hữu tình) có thể chứng đắc xuất ly?

Thế nào là kiên lập BỔ-đặc-già-la?

Thế nào là đối tượng duyên?

Thế nào là chỉ dạy, trao truyền?

Thế nào là học?

Thế nào là tùy thuận pháp học?

Thế nào là Du già hoại?

Thế nào là Du già?

Thế nào là tác ý?

Thế nào là chỗ tạo tác của sư Du già về bao nhiêu loại sư Du già?

Thế nào là tu Du già?

Thế nào là tu quả?

Có bao nhiêu loại dị môn của Bồ-đặc-già-la?

Có bao nhiêu loại Bồ-đặc-già-la?

Có bao nhiêu thứ nhân duyên kiến lập Bồ-đặc-già-la?

Có bao nhiêu loại ma? Có bao nhiêu thứ ma sự?

Thế nào là phát hướng về không, không có quả?

Tụng nêu:

*Các Bồ-đặc-già-la
Kiến lập, sở duyên, giáo
Học, tùy thuận pháp học
Hoại Du già, tác ý
Sư Du già tạo, tu
Quả môn, sở thủ thú
Nhân ma sự, không quả
Là đều nên nói rộng.*

* **Phẩm loại sai biệt của Bồ-đặc-già-la có 28 loại.** Những gì là 28?

Đó là:

- (1) Độn căn.
- (2) Lợi căn.
- (3) Tham tăng thượng.
- (4) Sân tăng thượng.
- (5) Si tăng thượng.
- (6) Mạn tăng thượng.
- (7) Tầm tu tăng thượng.
- (8) Đạt bình đẳng.
- (9) Tánh bạc trần.

- (10) Hành hương.
- (11) Trụ quả.
- (12) Tùy tín hành.
- (13) Tùy pháp hành.
- (14) Tín thắng giải.
- (15) Kiến chí.
- (16) Thân chứng.
- (17) Tội đa bảy lần trở lại nẻo sinh tử.
- (18) Gia gia.
- (19) Nhất gián.
- (20) Trung Bát Niết-bàn.
- (21) Sinh Bát Niết-bàn.
- (22) Vô hành Bát Niết-bàn.
- (23) Hữu hành Bát Niết-bàn.
- (24) Thượng lưu.
- (25) Thời giải thoát.
- (26) Pháp bất động.
- (27) Tuệ giải thoát.
- (28) Câu phần giải thoát.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la độn căn? Đó là có Bồ-đặc-già-la thuộc loại độn căn, nơi các sự việc của đối tượng nhận thức tiếp nhận chuyển hóa trì độn, tiếp nhận chuyển hóa yếu kém, như trước đã nói. Đây lại có hai thứ, nên biết về tướng: Một là: Chủng tánh xưa nay là độn căn. Hai là: Chưa khéo tu tập các căn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la lợi căn? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la thành tựu lợi căn, nơi các sự việc của đối tượng nhận thức không tiếp nhận, chuyển hóa trì độn, không tiếp nhận chuyển hóa yếu kém, như

trước đã nói. Đây cũng có hai thứ nên biết về tướng: Một là: Chung tánh xưa nay là lợi căn. Hai là: Đã khéo tu tập các căn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tham tăng thượng? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la, trong các đời khác về trước, đối với phiền não tham, đã từng gây tạo, đã tạo tác nhiều. Do nhân duyên ấy, nên đời này, đối với các việc được yêu thích có sự tham lam mãnh liệt, tham lam thường xuyên. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tham tăng thượng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la sân tăng thượng? Đó là có Bồ-đặc-già-la, trong các đời khác về trước, đối với phiền não sân, đã từng gây tạo, đã tạo tác nhiều. Do nhân duyên ấy, nên nơi đời này, đối với các việc bị ghét bỏ có sự sân hận mãnh liệt, sân hận thường xuyên. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la sân tăng thượng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la si tăng thượng? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la, trong các đời khác về trước, đối với phiền não si, đã từng gây tạo, đã tạo tác nhiều. Do nhân duyên ấy, nên nơi đời này, đối với các việc ngu tối có sự si ám mãnh liệt, si ám thường xuyên. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la si tăng thượng.

Thế nào gọi là Bồ-đặc-già-la mạn tăng thượng? Đó là có Bồ-đặc-già-la, trong các đời khác về trước, đối với phiền não mạn, đã từng gây tạo, đã tạo tác nhiều. Do nhân duyên ấy, nên nơi đời này đối với các sự việc kiêu mạn có sự kiêu mạn mãnh liệt, kiêu mạn thường xuyên. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la mạn tăng thượng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tầm tư tăng thượng? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la, trong các đời khác về trước, đối với tầm tư đã từng tạo tác, đã tạo tác nhiều. Do nhân duyên ấy, nên nơi đời này, đối với các sự việc được tầm tư có sự tầm tư mãnh liệt, có tầm tư thường xuyên. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tầm tư tăng thượng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la đạt bình đẳng? Đó là có Bồ-đặc-già-la, trong các đời khác về trước, tuy đối với các thứ tham, sân, si, mạn,

tâm tư, không từng gây tạo, không tạo tác nhiều, nhưng ở nơi những pháp ấy chưa thấy lỗi lầm, tai họa của chúng, chưa có thể chán lìa, hủy bỏ, chưa khéo suy tìm. Do nhân duyên ấy, nên đối với các sự việc yêu thích, ghét bỏ, si ám, kiêu mạn, tầm tư, không có sự tham lam mãnh liệt, không có sự tham lam thường xuyên, nhưng như sự việc kia, tham vẫn hiện hành. Như tham, thì sân, si, mạn, tầm tư cũng vậy. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la đạt được bình đẳng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tánh bạc trần? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la, trong các đời khác về trước, đối với phiền não tham không từng gây tạo, không tạo tác nhiều. Đã có thể đối với phiền não ấy thấy rõ lỗi lầm tai họa của nó, đã có thể chán lìa, hủy hoại, đã có thể khéo suy tìm. Do nhân duyên ấy, nên nơi đời này, đối với các sự việc được yêu thích, luôn gặp gỡ các thứ tốt đẹp hiện tiền. Trong cảnh giới của phẩm thượng chỉ khởi tham yếu kém. Nơi cảnh giới của phẩm trung, phẩm hạ, tham hoàn toàn không khởi. Như tham, thì sân, si, mạn, tầm tư nên biết cũng vậy. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tánh bạc trần.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành hướng? Đó là Bồ-đặc-già-la hành bốn hướng. Những gì là bốn hướng? (1) Hướng quả Dự lưu. (2) Hướng quả Nhất lai. (3) Hướng quả Bất hoàn. (4) Hướng quả A-la-hán. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la hành hướng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la trụ quả? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la trụ nơi bốn quả: (1) Quả Dự lưu. (2) Quả Nhất lai. (3) Quả Bất hoàn. (4) Quả A-la-hán. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la trụ quả.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tùy tín hành? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la theo nơi kẻ khác cầu thỉnh việc chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền. Do lực dụng ấy, nên tu tập chứng quả hành. Chẳng phải như đối với pháp được nghe, được thọ nhận, thấy rõ nẻo cứu cánh, được tư duy, quán xét, tự mình có công năng, tự mình có uy lực theo pháp để tu tập, chỉ do tùy theo sự tin nơi Bồ-đặc-già khác mà tu hành. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tùy tín hành.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la, đối với pháp được nghe, nhận, thấy rõ nẻo cứu cánh, được tư duy, quán xét, tự mình có công năng, tự mình có uy lực theo pháp tu tập, không từ nơi kẻ khác để cầu sự chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền, tu chứng quả hành. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tín thắng giải? Tức là Bồ-đặc-già-la tùy tín hành, nhân nơi sự chỉ dạy khuyên bảo trao truyền của người khác, nên đối với quả Sa-môn đạt được xúc chứng, lúc ấy gọi là Bồ-đặc-già-la tín thắng giải.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la kiến chí? Tức là Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành, đối với quả Sa-môn, lúc đạt được xúc chứng, gọi là Bồ-đặc-già-la kiến chí.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la thân chứng? Đó là có Bồ-đặc-già-la, đối với tám giải thoát vào ra thuận nghịch, thân tác chứng, an trụ nhiều, nhưng chưa thể dứt hết các lậu một cách vĩnh viễn. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thân chứng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tối đa là bảy lần trở lại nẻo sinh tử? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la đã có thể đoạn trừ vĩnh viễn ba thứ kiết là Tát-ca-da-kiết, giới cầm thú và nghi, đạt được quả Dự lưu, thành tựu pháp không còn bị đọa lạc, nhất định hướng đến Bồ-đề, tối đa là bảy lần trở lại thọ sinh nơi cõi người, trời, chứng đắc biên vực tận cùng của khổ. Như thế gọi là Bồ-đặc-già-la tối đa là bảy lần trở lại nẻo sinh tử.

Thế nào gọi là Bồ-đặc-già-la gia gia? Tức có hai loại gia gia: (1) Thiên gia gia. (2) Nhân gia gia.

Thiên gia gia: Là gia gia nơi cõi trời, từ gia này đến gia kia, hoặc tới hoặc lui, chứng đắc biên vực tận cùng của khổ.

Nhân gia gia: Là gia gia nơi nhân gian, từ gia này đến gia kia, hoặc đi đến, hoặc trở lại, chứng đắc biên vực tận cùng của khổ. Nên biết hai loại ấy đều là Bồ-đặc-già-la Dự lưu.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la nhất gián? Tức là Bồ-đặc-già-la Nhất lai hành hướng quả Bất hoàn rồi, có thể đoạn trừ vĩnh viễn các phiền não phẩm thượng, phẩm trung của Dục giới, chỉ còn các phiền não phẩm hạ, nên chỉ lại thọ sinh một lần nơi cõi trời thuộc Dục giới, ở nơi xứ ấy đắc Bát Niết-bàn, không còn trở lại sinh nơi thế gian này. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la nhất gián.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la Trung Bát Niết-bàn? Tức có ba loại Bồ-đặc-già-la Trung Bát Niết-bàn:

(1) Có một loại Bồ-đặc-già-la Trung Bát Niết-bàn, từ cõi này mất rồi trung hữu tiếp tục sinh. Trung hữu sinh xong liền Bát Niết-bàn. Như ánh sáng nhỏ từ một ngôi sao bé tí vừa hiện ra liền vụt tắt.

(2) Có một loại Bồ-đặc-già-la Trung Bát Niết-bàn, từ cõi này qua đời, trung hữu tiếp tục sinh. Trung hữu sinh rồi, có một ít thời gian trải qua, dừng lại, chưa hướng tới sinh hữu liền Bát Niết-bàn. Như vệt sao rơi sáng rực, vừa tạo sự va chạm chưa rơi xuống liền tắt.

(3) Có một loại Bồ-đặc-già-la Trung Bát Niết-bàn, từ cõi này mất đi, trung hữu tiếp tục sinh. Trung hữu sinh rồi đi tới sinh hữu, chưa được sinh hữu liền Bát Niết-bàn. Như vệt sao rơi kia hiện ra sáng rõ, rơi xuống chưa tới đất liền tắt. Ba thứ Bồ-đặc-già-la Trung Bát Niết-bàn như vậy được gọi chung là một Bồ-đặc-già-la Trung Bát Niết-bàn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la Sinh Bát Niết-bàn? Nghĩa là vừa sinh nơi cõi kia xong liền Bát Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la Sinh Bát Niết-bàn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la Vô hành Niết-bàn? Đó là sinh nơi cõi kia rồi, nhưng không khởi gia hạnh, không tạo công dụng, không do lao nhọc nơi đạo để hiện tiền mà Bát Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la Vô hành Niết-bàn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la Hữu hành Niết-bàn? Nghĩa là đã sinh rồi thì phát khởi gia hạnh, tạo công dụng lớn, do hết sức lao nhọc nơi đạo để hiện tiền mà Bát Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la Hữu hành Niết-bàn.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la thượng lưu? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la Bất hoàn, từ đây sinh lên cõi tĩn lự thứ nhất rồi, trụ nơi xứ ấy không Bát Niết-bàn. Từ nơi cõi đó mất đi, lần lượt sinh lên các cõi được sinh, cho đến hoặc tới cõi trời Sắc cứu cánh, hoặc tới xứ phi tướng phi phi tướng. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thượng lưu.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la thời giải thoát? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la thuộc chủng tánh độn căn, đối với hiện pháp lạc trụ của các thế gian tiếp nhận có sự thoái thất, hoặc tư duy tự hại, hoặc giữ lấy giải thoát, gắng sức siêng năng tu hành không phóng dật. Đó là ngăn giữ lực tăng thượng thoái chuyển hoại mất, hoặc chỉ an trụ nơi phẩm Thiện của tự phần, hoặc trải qua những khoảnh khắc thời gian: sát na, chớp mắt, ngày đêm... đã gắng sức để thắng tấn, cho đến chưa chứng đắc với sự mãnh liệt tốt cùng. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thời giải thoát.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la đạt pháp bất động? Nghĩa là có Bồ-đặc-già-la, cùng với loại trên là trái ngược, nên biết đó gọi là Bồ-đặc-già-la đạt pháp bất động.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tuệ giải thoát? Đây là có Bồ-đặc-già-la đã có thể chứng đắc dứt sạch vĩnh viễn các lậu, nhưng đối với tám giải thoát, chưa có thể thân chứng, chưa an trụ đầy đủ. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tuệ giải thoát.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la câu phân giải thoát? Tức là có Bồ-đặc-già-la đã có thể chứng đắc dứt sạch hoàn toàn các lậu, đối với tám giải thoát thân đã tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với các phần chướng phiền não và phần chướng giải thoát, tâm đều giải thoát. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la Câu phân giải thoát.

* **Thế nào là kiến lập Bồ-đặc-già-la?** Nghĩa là do mười một đạo lý sai biệt, nên biết là đã kiến lập Bồ-đặc-già-la. Những gì là mười một đạo lý sai biệt?

- (1) Sai biệt về căn.
- (2) Sai biệt về chúng.
- (3) Sai biệt về hành.
- (4) Sai biệt về nguyện.
- (5) Sai biệt về hành tích.
- (6) Sai biệt về đạo quả.
- (7) Sai biệt về gia hạnh.
- (8) Sai biệt về định.
- (9) Sai biệt về sinh.
- (10) Sai biệt về thoái chuyển, không thoái chuyển.
- (11) Sai biệt về chương ngại.

Thế nào là do căn sai biệt để kiến lập Bồ-đặc-già-la? Nghĩa là do căn sai biệt nên kiến lập hai thứ Bồ-đặc-già-la: độn căn và lợi căn.

Thế nào là do chúng sai biệt để kiến lập Bồ-đặc-già-la? Đó là do chúng sai biệt nên kiến lập bảy loại Bồ-đặc-già-la là: Bí-sô, Bí-sô-ni, Thức-xoa-ma-na, Lao sách nam, Lao sách nữ, Cận sự nam, Cận sự nữ.

Thế nào là do hành sai biệt để kiến lập Bồ-đặc-già-la? Nghĩa là do hành sai biệt nên kiến lập bảy thứ Bồ-đặc-già-la:

- (1) Nếu Bồ-đặc-già-la tham tăng thượng, gọi là kẻ hành tham.
- (2) Nếu Bồ-đặc-già-la sân tăng thượng, gọi là kẻ hành sân.
- (3) Nếu Bồ-đặc-già-la si tăng thượng, gọi là kẻ hành si.
- (4) Nếu Bồ-đặc-già-la mạn tăng thượng, gọi là kẻ hành mạn.

(5) Nếu Bồ-đặc-già-la tâm tư tăng thượng, gọi là kẻ hành tâm tư.

(6) Nếu Bồ-đặc-già-la đạt được bình đẳng, gọi là kẻ hành đẳng phần.

(7) Nếu Bồ-đặc-già-la tánh bạc trần, gọi là kẻ hành bạc trần.

Hỏi: Bồ-đặc-già-la hành tham, nên biết về tướng như thế nào?

Đáp: Bồ-đặc-già-la hành tham, ở trong các sự việc được yêu thích thuộc loại thấp kém, hãy còn có thể sinh khởi những tham buộc hết sức dày nặng, hướng hồ là đối với các cảnh giới của phẩm trung, phẩm thượng.

Lại nữa, sự tham buộc ấy trụ ở trong thân, trải qua thời gian lâu được nổi tiếp thường xuyên, theo đấy mà trói buộc. Do tham buộc nên bị pháp đáng yêu thích chế ngự, tức không thể chế ngự được nó. Các căn tỏ ra vui thích, các căn không mạnh mẽ, các căn lưu loát, các căn không thô. Vì tánh không tốt, nên dùng thân ngữ xấu ác để tổn não kẻ khác, khó khiến xa lìa, khó khiến chán bỏ. Thắng giải kém cõi, hành nghiệp vững chắc, hành nghiệp bền lâu, giới cấm bền chắc, giới cấm vững lâu, có thể nhẫn chịu, có thể thọ nhận, đối với các vật dụng cần thiết cho đời sống, vì tánh nhiễm đắm nên sinh ái trọng sâu xa, nhiều vui mừng, xa lìa mọi buồn bã, diện mạo thư thái, nhìn xem bình thường, luôn cười trước khi nói. Các loại như thế, nên biết đó gọi là tướng của Bồ-đặc-già-la hành tham.

Hỏi: Bồ-đặc-già-la hành sân nên biết về tướng như thế nào?

Đáp: Bồ-đặc-già-la hành sân, ở trong các sự việc bị ghét bỏ thuộc loại thấp kém, hãy còn có thể sinh khởi sân kết hết sức dày nặng, hướng hồ là đối với các cảnh giới của phẩm trung, phẩm thượng.

Lại nữa, sân kết ấy trụ ở trong thân trải qua thời gian lâu được nổi tiếp thường xuyên, theo đấy mà trói buộc. Do sân kết này, nên bị sự chế ngự của pháp đáng ghét bỏ, nhưng không thể chế ngự được nó. Các căn khô héo, các căn quá cứng cõi, các căn thường sơ

xuất, các căn thô tháo. Vì tánh ưa thích nên dùng thân ngữ xấu ác để tôn nã kẻ khác, dễ khiến xa lìa, dễ khiến chán bỏ, mồm miệng hung dữ, hình tướng nhăn nhó, không có nhiều thắng giải, hành nghiệp không chắc chắn, giới cấm không bền vững, ít nhẫn chịu không thọ nhận, nhiều sầu não, tánh thích trái ngược, chỗ giữ lấy không thuận, tánh nhiều lo buồn, tánh ưa lời thô, mang nhiều hiềm hận, ý thích việc thảm khốc, sắc diện không thư thái, nhìn ngó láo liêng, đối với những lợi lạc tốt đẹp của kẻ khác, tâm nhiều ganh ghét. Những loại như thế, nên biết, đó gọi là tướng của Bồ-đặc-già-la hành sân.

Hỏi: Bồ-đặc-già-la hành si, nên biết về tướng như thế nào?

Đáp: Bồ-đặc-già-la hành si, ở trong các sự việc ngu tối, thuộc loại thấp kém nhất hãy còn có thể sinh khởi si kết hết sức dày nặng, huông hồ là đối với các cảnh giới của phẩm trung và phẩm thượng.

Lại nữa, si kết này trụ ở trong thân, trải qua thời gian lâu được nối tiếp thường xuyên, theo đây mà trôi buộc. Do si kết ấy nên bị pháp đáng si ám chế ngự mà không thể chế ngự lại nó. Các căn ám độn, các căn ngu tối, các căn yếu kém. Thân nghiệp chậm chạp, mọi thứ tư duy, nói năng, tạo tác đều xấu ác, bê trễ biếng nhác, phát khởi không đầy đủ. Ngôn từ biện luận thua sút, tánh không thông sáng, niệm hay quên mất, không nhận biết đúng đắn, trụ nơi chỗ giữ lấy lệch lạc, khó khiến xa lìa, khó khiến chán bỏ. Thắng giải kém cỏi, lời lẽ ngây ngô, lấp bắp, dùng tay thay lời, không có năng lực để lãnh hội về nghĩa pháp nêu giảng thiện hoặc nêu giảng ác, duyên theo chỗ hệ thuộc, bị kẻ khác dẫn dắt, xâm đoạt, sai sử. Các loại như thế, nên biết đó gọi là tướng của Bồ-đặc-già-la hành si.

Hỏi: Bồ-đặc-già-la hành mạn, nên biết về tướng như thế nào?

Đáp: Bồ-đặc-già-la hành mạn, ở trong các sự việc kiêu mạn thuộc loại thấp kém, hãy còn có thể sinh khởi mạn hết sức sâu nặng, huông hồ là đối với các cảnh giới của phẩm trung, phẩm thượng.

Lại nữa, mạn ấy kết trụ ở trong thân, trải qua thời gian lâu được nối tiếp thường xuyên, theo đấy mà trôi buộc. Do mạn kết nên bị các pháp đáng kiêu mạn chế ngự mà không thể chế ngự chúng. Các căn cử động, các căn cao ngạo, các căn tán loạn, siêng thích tạo vẻ oai nghiêm, ngôn ngữ tự đại, không vui khiêm tốn. Đối với các bậc cha mẹ, quyền thuộc, sư trưởng, không thể thường xuyên thừa sự như pháp. Mang nhiều cao ngạo, không thể dùng thân để kính lễ, thăm hỏi, chấp tay nghinh đón, tu nghiệp hòa kính. Tự cao tự đại, coi thường kẻ khác, tham chấp lợi dưỡng, ưa thích sự cung kính, vui đắm theo tiếng khen của thế gian, khó khiến xa lìa, khó khiến chán bỏ. Thắng giải rộng lớn nhưng từ bi thì yếu kém. Kiến chấp về ngã, hữu tình, thọ mạng, sự nuôi dưỡng v.v... nhiều oán nhiều hận. Các loại như vậy, nên biết đó là tướng của Bồ-đặc-già-la hành mạn.

Hỏi: Bồ-đặc-già-la hành tâm tư, về tướng như thế nào?

Đáp: Bồ-đặc-già-la hành tâm tư, đối với các sự việc tâm tư thuộc loại thấp kém, hãy còn có thể phát khởi tâm tư kết buộc hết sức nặng nề, hướng hồ là đối với các cảnh giới của phẩm trung, phẩm thượng.

Lại nữa, tâm tư kết buộc này trụ ở trong thân, trải qua thời gian lâu được nối tiếp thường xuyên, theo đấy mà trôi buộc. Do sự kết buộc ấy nên bị pháp đáng tâm tư chế ngự mà không thể chế ngự chúng. Các căn chẳng trụ, các căn chao đảo, các căn dao động, các căn tán loạn. Thân nghiệp lảm lạc, ngữ nghiệp lảm lạc, khó khiến xa lìa, khó khiến chán bỏ. Vui tạo hý luận, ưa chấp nơi hý luận, nhiều nghi nhiều hoặc, mang nhiều dục lạc, giới cấm không bền, không định, hành nghiệp không vững không định. Ôm giữ lo sợ, niệm hay quên mất, không thích xa lìa, ưa nhiều tán động. Đối với vô số sự việc tốt đẹp nơi thế gian, tham dục theo đuổi, dốc sức không biếng trễ, phát khởi đầy đủ. Các loại như thế, nên biết gọi là tướng của Bồ-đặc-già-la hành tâm tư.

Như vậy gọi là hành sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào là do nguyện sai biệt để kiến lập Bồ-đặc-già-la? Nghĩa là hoặc có Bồ-đặc-già-la đối với thừa Thanh văn đã phát khởi chánh nguyện. Hoặc có Bồ-đặc-già-la đối với thừa Độc giác đã phát khởi chánh nguyện. Hoặc có Bồ-đặc-già-la đối với Đại thừa đã phát khởi chánh nguyện. Nên biết trong ấy, nếu Bồ-đặc-già-la đối với thừa Thanh văn đã phát khởi chánh nguyện, thì các hữu tình ấy hoặc là chủng tánh Thanh văn, hoặc là chủng tánh Độc giác, hoặc là chủng tánh Đại thừa. Nếu Bồ-đặc-già-la đối với Bồ-đề Độc giác đã phát khởi chánh nguyện, thì hữu tình ấy hoặc là chủng tánh Độc giác, hoặc là chủng tánh Thanh văn, hoặc là chủng tánh Đại thừa. Nếu Bồ-đặc-già-la đối với Đại thừa đã phát khởi chánh nguyện, thì hữu tình ấy hoặc là chủng tánh Đại thừa, hoặc là chủng tánh Độc giác, hoặc là chủng tánh Thanh văn.

Nếu Bồ-đặc-già-la thuộc chủng tánh Thanh văn, đối với Bồ-đề Độc giác, hoặc đối với Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng đã phát khởi chánh nguyện, thì hữu tình ấy là chủng tánh Thanh văn nên thời gian sau quyết định trở lại xả bỏ nguyện kia, tất chỉ an trụ nơi nguyện của thừa Thanh văn.

Bồ-đặc-già-la thuộc chủng tánh thừa Độc giác, Bồ-đặc-già-la thuộc chủng tánh Đại thừa, nên biết cũng vậy.

Ở đây, Bồ-đặc-già-la hiện có, nguyện có thể di chuyển, nguyện có thể lìa bỏ, quyết định không thể di chuyển chủng tánh, lìa bỏ chủng tánh. Nay trong nghĩa này nên biết là chỉ nói về Bồ-đặc-già-la thuộc chủng tánh Thanh văn, nguyện thuộc thừa Thanh văn. Như vậy gọi là do nguyện sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào là do hành tích sai biệt để kiến lập Bồ-đặc-già-la? Nghĩa là như Bồ-đặc-già-la đã được nêu dẫn, khai thị, dựa vào bốn hành tích mà được xuất ly. Những gì là bốn? Đó là hoặc có hành tích

là Khổ trì thông. Hoặc có hành tích là Khổ tốc thông. Hoặc có hành tích là Lạc trì thông. Hoặc có hành tích là Lạc tốc thông.

Nên biết ở đây, nếu là Bồ-đặc-già-la tánh độn căn, chưa đạt được tĩnh lự căn bản, các hành tích hiện có gọi là Khổ trì thông.

Nếu là Bồ-đặc-già-la tánh lợi căn, chưa đạt được tĩnh lự căn bản, các hành tích hiện có gọi là Khổ tốc thông.

Nếu là Bồ-đặc-già-la tánh độn căn, đã đạt được tĩnh lự căn bản, các hành tích hiện có gọi là Lạc trì thông.

Nếu là Bồ-đặc-già-la lợi căn, đã đạt được tĩnh lự căn bản, các hành tích hiện có gọi là Lạc tốc thông.

Như thế gọi là do hành tích sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào là do đạo quả sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la? Tức là hành bốn hướng và trụ nơi bốn quả.

Hành bốn hướng: (1) Bồ-đặc-già-la hướng quả Dự lưu. (2) Bồ-đặc-già-la hướng quả Nhất lai. (3) Bồ-đặc-già-la hướng quả Bất hoàn. (4) Bồ-đặc-già-la hướng quả A-la-hán.

Trụ nơi bốn quả có thể nhận biết.

Nếu đối với hướng đạo chuyên biến, thì hữu tình ấy gọi là bậc hành hướng. Do hướng đạo nên kiến lập bốn thứ Bồ-đặc-già-la.

Nếu đắc quả Sa-môn, hữu tình ấy gọi là bậc trụ nơi quả. Do đạo quả nên kiến lập bốn thứ Bồ-đặc-già-la.

Như vậy gọi là do đạo quả sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào là do gia hạnh sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la? Nghĩa là hai loại Bồ-đặc-già-la Tùy tín hành và Tùy pháp hành, nếu Bồ-đặc-già-la tùy theo sự tin tưởng siêng tu chánh hạnh thì gọi là Bồ-đặc-già-la Tùy tín hành. Nếu đối với các pháp không chờ duyên khác, tùy nơi Tỳ-nại-da siêng tu chánh hạnh, thì gọi là Bồ-đặc-già-la

Tùy pháp hành. Như vậy gọi là do gia hạnh sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào là do định sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la? Tức là Bồ-đặc-già-la thân chứng, đối với tám giải thoát, thân đã tác chứng, an trụ đầy đủ, nhưng chưa đạt được việc dứt sạch vĩnh viễn các lậu. Nên biết, Bồ-đặc-già-la như thế, ở nơi hữu sắc quán các sắc giải thoát. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài giải thoát. Thân tác chứng tịnh giải thoát, an trụ đầy đủ. Không vô biên xứ giải thoát. Thức vô biên xứ giải thoát. Vô sở hữu xứ giải thoát. Phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát. Tướng thọ diệt giải thoát. Đã có thể vào ra thuận nghịch tự tại. Như vậy vậy gọi là do định sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào là do sinh sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la? Đó là do các Bồ-đặc-già-la, tối đa bảy lần thọ sinh, gia gia, nhất giá, trung Bát Niết-bàn, sinh Bát Niết-bàn, vô hành – hữu hành Bát Niết-bàn và thượng lưu. Như vậy gọi là do sinh sai biệt nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào gọi là do sai biệt về thoái chuyển không thoái chuyển nên kiến lập Bồ-đặc-già-la? Nghĩa là do thoái chuyển nên kiến lập A-la-hán thời giải thoát. Vị ấy đối với hiện pháp lạc trụ, dung nạp có sự thoái thất. Do không thoái chuyển nên kiến lập A-la-hán đạt pháp bất động. Vị ấy đối với hiện pháp lạc trụ quyết định không thoái thất. Như vậy gọi là do sai biệt về thoái chuyển không thoái chuyển nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào là do sai biệt về chướng ngại nên kiến lập Bồ-đặc-già-la? Đó là A-la-hán tuệ giải thoát và A-la-hán câu phân giải thoát.

A-la-hán tuệ giải thoát: Tức đã giải thoát phiền não chướng, nhưng chưa giải thoát chướng của định.

A-la-hán câu phân giải thoát: Tức đã giải thoát cả hai thứ chướng nêu trên. Vì thế gọi là câu phân giải thoát.

Như vậy gọi là do sai biệt về chướng ngại nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Do mười một đạo lý sai biệt đã được nêu dẫn và khai thị, theo như thứ lớp, nên biết là đã kiến lập Bồ-đặc-già-la.

* **Thế nào là đối tượng duyên?** Nghĩa là có bốn thứ cảnh sự của đối tượng duyên. Những gì là bốn?

- (1) Cảnh sự của đối tượng duyên hiện bày đầy khắp.
- (2) Cảnh sự của đối tượng duyên tịnh hạnh.
- (3) Cảnh sự của đối tượng duyên thiện xảo.
- (4) Cảnh sự của đối tượng duyên Hoặc tịnh.

Thế nào là cảnh sự của đối tượng duyên hiện bày đầy khắp? Tức là lại có bốn thứ: (a) Ảnh tượng có phân biệt. (b) Ảnh tượng không phân biệt. (c) Tánh biên vực của sự việc. (d) Việc làm đã thành tựu đầy đủ.

Thế nào là ảnh tượng có phân biệt? Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc lắng nghe chánh pháp, hoặc được chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền, làm chỗ nương dựa, hoặc thấy hoặc nghe, hoặc phân biệt, đối với sự việc của đối tượng nhận thức nơi ảnh tượng đồng phần. Do hành Tỳ-bát-xá-na của Địa Tam-ma-sí-đa nên quan sát, chọn lựa, hết sức lựa chọn, tầm tư khắp, cứu xét khắp.

Sự việc của đối tượng nhận thức: Nghĩa là hoặc bất tịnh, hoặc từ bi, hoặc duyên khởi của duyên tánh, hoặc cảnh giới sai biệt, hoặc niệm A-na-ba-na. Hoặc uẩn thiện xảo, hoặc giới thiện xảo, hoặc xứ thiện xảo, hoặc duyên khởi thiện xảo, hoặc xứ phi xứ thiện xảo. Hoặc tánh thô của địa dưới, tánh tĩn của địa trên. Hoặc khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Đó gọi là sự việc của đối tượng nhận thức. Sự việc của đối tượng nhận thức này, hoặc dựa vào sự chỉ dạy khuyên bảo, trao truyền, hoặc lắng nghe chánh pháp là chỗ nương

dựa khiến cho Địa Tam-ma-sí-đa tác ý hiện tiền, tức ở nơi pháp ấy mà khởi thắng giải, tức ở nơi sự việc của đối tượng nhận thức ấy mà khởi thắng giải.

Bấy giờ, vị ấy đối với sự việc của đối tượng nhận thức kia, như thắng giải hiện lãnh thọ mà chuyển biến. Tuy sự việc của đối tượng nhận thức ấy không phải là hiện lãnh thọ, hòa hợp hiện tiền, cũng chẳng phải là vật của chủng loại khác, nhưng do Địa Tam-ma-sí-đa nên đã lãnh thọ thắng giải, lãnh thọ tác ý tương tợ, nên sự việc của đối tượng nhận thức kia đã hiển hiện tương tợ. Do đạo lý này nên gọi là ảnh tượng đồng phần của sự việc nơi đối tượng nhận thức.

Tu hành quán: Là suy cầu về đây. Đối với bản tánh trong sự việc của đối tượng nhận thức, quan sát thẩm định về công đức, lỗi lầm. Đó gọi là ảnh tượng có phân biệt.

Thế nào là ảnh tượng không phân biệt? Đó là người tu hành quán nhận giữ lấy tướng của ảnh tượng như thế rồi, không quan sát, nhưng chọn lựa, hết sức chọn lựa, tầm tư khắp cứu xét khắp lần nữa, nhưng tức ở nơi ảnh tượng của đối tượng duyên ấy, do tâm tịch tĩnh của hành Xa-ma-tha (Chỉ), tức là chín thứ hành tướng khiến tâm an trụ. Nghĩa là khiến tâm an trụ như nội trụ v.v... an trụ, cận trụ, điều phục tịch tĩnh, đạt tịch tĩnh tột cùng, dốc hướng tới đẳng trì. Vị ấy, lúc này thành tựu đối tượng duyên của ảnh tượng không phân biệt, tức ở nơi ảnh tượng của đối tượng duyên như thế, hoàn toàn dốc hướng tới an trụ nơi niệem kia, không còn quan sát, lựa chọn... nữa. Đó gọi là ảnh tượng không phân biệt. Tức ảnh tượng này cũng gọi là ảnh tượng, cũng gọi là tướng của Tam-ma-địa, cũng gọi là cảnh giới nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa, cũng gọi là miệng của Tam-ma-địa, cũng gọi là cửa của Tam-ma-địa, cũng gọi là xứ tác ý, cũng gọi là thể của nội phân biệt, cũng gọi là quang ảnh. Các loại như thế, nên biết gọi là các tên gọi sai biệt của ảnh tượng đồng phần nơi sự việc của đối tượng nhận thức.

Thế nào là tánh biên vực của sự việc? Đó là như tánh hiện có tận cùng của đối tượng duyên, như tánh hiện có.

Thế nào là tánh hiện có tận cùng? Tức là ngoài sắc uẩn lại không có các sắc khác. Ngoài các uẩn thọ tướng hành thức lại không có thọ tướng hành thức khác. Hết thấy các sự việc hữu vi đều thuộc về năm pháp. Hết thấy các pháp đều thuộc về giới, xứ. Hết thấy sự việc của đối tượng nhận thức đều thuộc về bốn Thánh đế. Như vậy gọi là tánh hiện có tận cùng.

Thế nào là như tánh hiện có? Nghĩa là như đối tượng duyên là tánh chân thật, là tánh chân như. Do bốn đạo lý đã gồm đủ tánh đạo lý: Tức là đạo lý quán đãi, đạo lý tác dụng, đạo lý chứng thành và đạo lý pháp nhĩ. Như vậy, hoặc cảnh của đối tượng duyên tận cùng nơi tánh hiện có, như tánh hiện có, được gọi chung làm một là tánh biên vực tận cùng của sự việc.

Thế nào là việc làm đã thành tựu đầy đủ? Nghĩa là người tu tập hành quán, đối với chỉ, quán, hoặc tu hoặc tập, hoặc tu tập nhiều làm nhân duyên, nên tác ý hiện có của các ảnh tượng duyên đều được viên mãn. Do viên mãn ấy nên liền được chuyển y, tất cả các thứ thô trọng thấy đều dứt diệt. Do được chuyển y nên vượt quá ảnh tượng, tức ở nơi sự việc của đối tượng nhận thức không có phân biệt, trí kiến của hiện lượng sinh. Người nhập tĩnh lự thứ nhất, khi đạt được tĩnh lự ấy, là ở nơi cảnh giới thuộc đối tượng hành của tĩnh lự ấy. Người nhập tĩnh lự thứ hai, thứ ba, thứ tư, là ở nơi cảnh giới thuộc đối tượng hành của các tĩnh lự ấy. Người nhập nơi xứ không vô biên, xứ thức vô biên, xứ vô sở hữu, xứ phi tướng phi phi tướng, lúc đạt được các định ấy, là ở nơi cảnh giới thuộc đối tượng hành của các định kia. Như vậy gọi là việc làm đã thành tựu đầy đủ.

Bốn thứ cảnh sự của đối tượng duyên như thế là hiện hành khắp hết thấy, theo nhập trong cảnh giới của tất cả đối tượng duyên. Bậc

Chánh đẳng giác, nơi ba đời quá khứ hiện tại vị lai, cùng được tuyên thuyết. Do đó gọi là hiện bày đầy khắp nơi đối tượng duyên. Lại, đối tượng duyên này hiện bày khắp phẩm Tỳ-bát-xá-na, hiện bày khắp phẩm Xa-ma-tha, hiện bày khắp tất cả sự việc, hiện bày khắp sự việc chân thật, hiện bày khắp sự việc cùng thuộc nhân quả, nên gọi là hiện bày đầy khắp.

Nghĩa là, nếu nói ảnh tượng có phân biệt, tức ở đây là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Nếu nói ảnh tượng không phân biệt, tức ở đây là phẩm Xa-ma-tha. Nếu nói về tánh biên vực tận cùng của sự việc, tức ở đây là sự chân thật của tất cả sự. Nếu nói về việc làm đã thành tựu đầy đủ, tức ở đây là sự việc cùng thuộc nhân quả.

Như Đức Phật, Thế Tôn từng vì Trưởng lão Hiệt Lệ Phạt Đa thuyết giảng về nghĩa như thế. Từng nghe Trưởng lão Hiệt Lệ Phạt Đa hỏi Đức Thế Tôn: Đại đức! Có các Bí-sô siêng năng tu tập hành quán là sư Du già, có thể ở nơi đối tượng duyên tâm được an trụ là nơi duyên nào tâm được an trụ? Thế nào là đối với duyên tâm được an trụ? Ngang bằng với gì gọi là tâm khéo an trụ?

Phật bảo Trưởng lão Hiệt Lệ Phạt Đa: Lành thay! Lành thay! Ông nay khéo có thể thưa hỏi về nghĩa như vậy. Hãy nên lắng nghe và khéo tư duy, Ta sẽ vì ông mà thuyết giảng, khai thị.

Này Trưởng lão Hiệt Lệ Phạt Đa! Có các Bí-sô siêng năng tu tập hành quán, là sư Du già, có thể ở nơi đối tượng duyên tâm được an trụ, hoặc ưa thích tịnh hạnh, hoặc ưa thích thiện xảo, hoặc ưa thích khiến tâm giải thoát các lậu. Đối với duyên tương xứng, tâm được an trụ. Đối với duyên tương tợ, tâm được an trụ. đối với duyên không điên đảo, tâm được an trụ. Có thể ở trong ấy không bỏ tĩnh lự.

Thế nào là Bí-sô siêng năng tu tập hành quán là sư Du già, đối với duyên tương xứng, tâm được an trụ? Nghĩa là Bí-sô kia hoặc chỉ

có tham hành, nên ở nơi duyên bất tịnh, tâm được an trụ. Như thế gọi là đối với duyên tương xứng, tâm được an trụ.

Hoặc Bí-sô ấy chỉ có sân hành, nên ở nơi từ bi, tâm được an trụ. Hoặc chỉ có si hành nên ở nơi duyên khởi của tánh duyên, tâm được an trụ. Hoặc chỉ có mạn hành, nên ở nơi Giới sai biệt, tâm được an trụ. Hoặc chỉ có tầm tư hành, nên ở nơi niệm A-na-ba-na, tâm được an trụ. Như vậy gọi là đối với duyên tương xứng, tâm được an trụ.

Này Trưởng lão Hiệt Lệ Phật Đa! Lại nữa, Bí-sô kia, hoặc ngu tối về tự tướng của các hành, hoặc ngu tối về sự việc của Bồ-đặc-già-la như ngã, hữu tình, thọ mạng, sự sinh, sự nuôi dưỡng... nên ở nơi uẩn thiện xảo, tâm được an trụ. Hoặc ngu về nhân, nên ở nơi giới thiện xảo, tâm được an trụ. Hoặc ngu về duyên, nên ở nơi xứ thiện xảo, tâm được an trụ. Hoặc ngu về vô thường, khổ, không, vô ngã, nên ở nơi xứ phi xứ thiện xảo của duyên khởi, tâm được an trụ. Hoặc ưa thích lia dục của cõi dục, nên ở nơi tánh thô của các dục, tánh tĩnh của các sắc, tâm được an trụ. Hoặc ưa thích lia dục của cõi sắc, nên ở nơi tánh thô của các sắc, tánh tĩnh của vô sắc, tâm được an trụ. Hoặc ưa thích thông đạt cùng ưa thích giải thoát khắp các sự việc nơi thân của tất cả xứ, nên ở nơi bốn đế khổ tập diệt đạo, tâm được an trụ. Đó gọi là Bí-sô siêng tu tập hành quán, là sư Du già, đối với duyên tương xứng, tâm được an trụ.

Này Trưởng lão Hiệt Lệ Phật Đa! Thế nào là Bí-sô siêng tu tập hành quán, là sư Du già, đối với duyên tương tự, tâm được an trụ? Nghĩa là các Bí-sô kia, đối với các thứ sự việc của đối tượng nhận thức ấy, vì muốn chọn lựa, hết sức chọn lựa, tầm tư khắp, cứu xét khắp, nên trước hết nơi những việc đã được thấy, nghe, hiểu, biết, do lực tăng thượng của sự thấy nghe hiểu biết, do Địa Tam-ma-sí-đa tác ý tư duy phân biệt, nên dấy khởi thắng giải. Bí-sô ấy, tuy nơi sự việc của đối tượng nhận thức gốc không thể hòa hợp, quan sát hiện tiền, nhưng cùng với chỗ tương tự của sự việc gốc mà sinh. Đối với

đối tượng duyên kia có sự tương tự, chỉ là trí, chỉ là kiến, chỉ là nhớ nghĩ đúng đắn.

Lại, Bí-sô kia, nơi mọi thời gian khiến tâm tịch tĩnh, nơi mọi thời gian dựa vào pháp Tỳ-bát-xá-na của tuệ tăng thượng, siêng năng tu tập hành quán. Đó gọi là Bí-sô siêng tu hành quán là sư Du già, nơi duyên tương tự, tâm được an trụ.

Này Trưởng lão Hiệt Lệ Phật Đa! Thế nào là Bí-sô siêng tu hành quán, là sư Du già, nơi duyên không điên đảo, tâm được an trụ? Đó là, nếu Bí-sô siêng tu hành quán, là sư Du già, nơi cảnh của đối tượng duyên, tâm được an trụ, tùy chỗ ứng hợp mà hiểu rõ về cảnh giới của đối tượng nhận thức đúng như thật, không điên đảo, có thể nhận biết rõ khắp. Đó gọi là Bí-sô siêng tu hành quán, là sư Du già, nơi duyên không điên đảo, tâm được an trụ.

Này Trưởng lão Hiệt Lệ Phật Đa! Thế nào là Bí-sô siêng tu hành quán, là sư Du già, có thể ở trong ấy không bỏ tỉnh lự? Đó là, nếu Bí-sô siêng tu hành quán, là sư Du già, như vậy đối với duyên, lúc đang tu tập, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân cần, nơi mọi thời điểm tu tập về tướng chỉ, tướng cử, tướng xả. Do tu do tập, do tu tập nhiều làm nhân duyên, nên tất cả các thứ thô trọng thấy đều dứt hết, theo chỗ được xúc chứng làm chỗ dựa thanh tịnh, nên nơi sự việc của đối tượng nhận thức, nhân đầy mà hiện thấy. Theo chỗ được xúc chứng, làm đối tượng duyên thanh tịnh, do liã tham nên theo chỗ được xúc chứng, tâm thanh tịnh hiện bày khắp. Do liã vô minh, nên theo chỗ xúc chứng, trí thanh tịnh hiện bày khắp. Đó gọi là Bí-sô siêng tu hành quán, là sư Du già, có thể ở trong ấy không bỏ tỉnh lự.

Này Trưởng lão Hiệt Lệ Phật Đa! Vì Bí-sô ấy, nơi cảnh của đối tượng duyên, tâm được an trụ. Như vậy là nơi duyên, tâm được an trụ. Nơi duyên, tâm được an trụ như vậy rồi gọi là khéo an trụ. Đức Thế Tôn nói tụng:

*Hành giả hành các tướng
Biết tất cả nghĩa thật
Thường nơi ảnh tĩnh lự
Được chứng thanh tịnh khắp.*

Ở đây nói: Hành giả hành các tướng: Tức do đây nên nêu rõ về người tu tập hành quán, nơi tướng của chỉ, cử, xả, tu hành không gián đoạn, tu hành cần trọng.

Nói: Biết tất cả nghĩa thật: Do đây nên nêu bày về tánh biên vực tận cùng của sự việc.

Nếu lại nói: Thường nơi ảnh tĩnh lự: Tức do đây nên có sự nêu bày về ảnh tượng phân biệt, ảnh tượng không phân biệt.

Hoặc lại nói: Được chứng thanh tịnh khắp: Tức do đây nên nêu rõ về việc làm đã thành tựu đầy đủ.

Đức Thế Tôn lại nói tụng:

*Nơi tướng tâm biết khắp
Hay nhận vị xa lìa
Tĩnh lự luôn theo niệm
Thọ hỷ lạc là nhiệm.*

Nói: Nơi tướng tâm biết khắp: Đó là ảnh tượng có phân biệt, ảnh tượng không phân biệt, do tướng tâm gọi là nói. Tánh biên vực của sự việc do nhận biết khắp gọi là nêu bày.

Nếu lại nói: Hay nhận vị xa lìa: Tức do đây nên nói rõ, ở nơi đối tượng duyên kia, người tu hành đúng đắn là ưa thích đoạn trừ, ưa thích tu tập.

Nếu lại nói: Tĩnh lự luôn theo niệm: Tức do đây nên nêu bày đối với hai pháp chỉ, quán thường siêng năng tu tập, tạo sự luyện tập, hành trì.

Nếu lại nói: Thọ hỷ lạc lia nhiễm: Là do đây nên nêu rõ về việc làm đã thành tựu đầy đủ. Nên biết như vậy là hiện bày đủ khắp nơi đối tượng duyên, thuận theo giáo pháp thanh tịnh, khế hợp với lý chân chánh. Như thế gọi là hiện bày đủ khắp nơi đối tượng duyên.

Thế nào là cảnh sự của đối tượng duyên tịnh hạnh? Đó là bất tịnh, từ bi, duyên khởi của tánh duyên, là đối tượng duyên sai biệt của niệm A-na-ba-na, của giới sai biệt.

Thế nào là đối tượng duyên bất tịnh? Nghĩa là lược nói có sáu thứ bất tịnh:

- (1) Bất tịnh do hư hoại cấu uế.
- (2) Bất tịnh do khổ não.
- (3) Bất tịnh do thấp kém.
- (4) Bất tịnh do quán đãi.
- (5) Bất tịnh do phiền não.
- (6) Bất tịnh do chóng hoại.

Thế nào gọi là bất tịnh do hư hoại cấu uế? Nghĩa là bất tịnh này lược dựa nơi hai thứ: Một là dựa nơi bên trong. Hai là dựa vào bên ngoài.

Thế nào là bất tịnh do hư hoại cấu uế dựa nơi bên trong? Đó là các thứ có nơi nội thân, từ tóc lông móng... đến gân xương, đại tràng, tiểu tràng, tim gan phổi mật, sinh tạng thực tạng v.v... Các loại như vậy gọi là bất tịnh do hư hoại cấu uế dựa nơi bên trong.

Thế nào là bất tịnh do hư hoại cấu uế dựa vào bên ngoài? Đó là các thứ bất tịnh nơi thân người chết: Máu bầm xanh, mủ ứa ra, biến hoại, sinh trương... Các loại như thế gọi là bất tịnh do hư hoại cấu uế dựa vào bên ngoài.

Như vậy, hai thứ bất tịnh ấy được gọi chung làm một là bất tịnh do hư hoại cấu uế.

Thế nào gọi là bất tịnh do khổ não? Nghĩa là thuận nơi khổ thọ do xúc làm duyên sinh ra, hoặc thân hoặc tâm thọ nhận không bình đẳng, đều thuộc về thọ. Như vậy gọi là bất tịnh do khổ não.

Thế nào gọi là bất tịnh do thấp kém? Tức là sự việc hết sức thấp kém, cảnh giới hết sức thấp kém. Đó là Dục giới. Trừ cảnh giới này thì không còn cảnh giới nào thấp kém, thô lậu, uế trược hơn nữa. Như thế gọi là bất tịnh do thấp kém.

Thế nào gọi là bất tịnh do quán đãi? Nghĩa là như có một sự việc kém thanh tịnh nhưng quán đãi (đối chiếu) với những sự việc thanh tịnh thù thắng khác liền tợ như bất tịnh. Như đối chiếu sự việc thanh tịnh thù thắng nơi cõi vô sắc thì các pháp của cõi sắc liền tợ như bất tịnh. Hoặc đối chiếu về thân Niết-bàn tịch diệt thì mọi hình tướng cho đến cõi Hữu đánh đều tợ như bất tịnh. Các loại như vậy, hết thảy gọi là bất tịnh do quán đãi.

Thế nào gọi là bất tịnh do phiền não? Nghĩa là tất cả kiết phược, tùy miên, tùy phiền não triền, hết thảy được gọi là bất tịnh do phiền não.

Thế nào gọi là bất tịnh do chóng hoại? Đó là năm thủ uẩn là vô thường, không hằng hữu, là tánh của pháp biến hoại, không thể tin giữ. Như thế gọi là bất tịnh do chóng hoại.

Bất tịnh như vậy là đối tượng duyên có thể làm thanh tịnh hành tham. Tham có năm thứ: (1) Tham dục của dục nơi nội thân. (2) Tham dâm của dâm dục nơi ngoại thân. (3) Tham cảnh của dục nơi cảnh. (4) Tham sắc nơi dục của sắc. (5) Tham thân của dục nơi thân. Đó gọi là năm thứ tham.

Vì nhằm khiến cho năm thứ tham dục được đoạn trừ hẳn không còn hiện hành, nên kiến lập sáu thứ đối tượng duyên bất tịnh. Nghĩa là, do đối tượng duyên bất tịnh vì hư hoại cấu uế dựa nơi bên trong, nên khiến cho tâm tham dục của dục dục nơi nội thân được thanh tịnh.

Do đối tượng duyên bất tịnh vì hư hoại cấu uế dựa vào bên ngoài, nên khiến cho tâm tham dâm của dâm dục nơi ngoại thân được thanh tịnh. Tham tương ưng với dâm lại có bốn thứ: (1) Tham về hiển sắc. (2) Tham về hình sắc. (3) Tham về xúc diệu. (4) Tham về thừa sự.

Do dựa nơi đối tượng duyên bất tịnh của bốn thứ bên ngoài, nên đối với bốn thứ tham dâm tương ưng ấy, tâm được thanh tịnh.

Nếu đối với máu bầm xanh, hoặc nơi mũ ứa túa ra, hoặc nơi thân tướng biến hoại hoặc nơi sinh tương, hoặc nơi thân thể bị rúc rĩa cắn xé, tác ý tư duy, nên đối với tham về hiển sắc khiến tâm được thanh tịnh. Hoặc nơi thân tướng biến hoại thành màu đỏ, tác ý tư duy, nên đối với tham về hình sắc, khiến tâm được thanh tịnh.

Hoặc đối nơi xương, gân v.v... tác ý tư duy, nên đối với tham về xúc diệu, khiến tâm được thanh tịnh.

Hoặc nơi sự tan hoại tác ý tư duy, nên đối với tham về thừa sự khiến tâm được thanh tịnh.

Bốn thứ như vậy, gọi là đối nơi tham dâm khiến tâm được thanh tịnh. Do đây, Đức Thế Tôn, cho đến dựa vào sự sai biệt của bất tịnh vì hư hoại cấu uế dựa nơi bên ngoài hiện có, đều nương vào bốn thứ nẻo an nhiên mà chính thức kiến lập...

Như thế dựa vào đối tượng duyên bất tịnh do hư hoại cấu uế hiện có nương nơi bên ngoài, khiến cho đối với bốn thứ tham dâm tương ưng, tâm được thanh tịnh.

Do đối tượng duyên bất tịnh vì khổ não cùng đối tượng duyên bất tịnh vì thấp kém, nên khiến đối với cảnh tương ưng hoặc dục hoặc tham, tâm được thanh tịnh.

Do đối tượng duyên bất tịnh vì quán đãi, nên khiến đối với sắc tương ưng hoặc dục hoặc tham, tâm được thanh tịnh.

Do đối tượng duyên bất tịnh vì phiền não, cùng đối tượng duyên bất tịnh vì chóng hoại, nên khiến các thân sắc từ cõi dục cho đến cõi trời Hữu đánh, hoặc dục hoặc tham, tâm được thanh tịnh. Đó gọi là đối tượng duyên tịnh hạnh của hành tham.

Như thế là lại căn cứ nơi khả năng làm thanh tịnh hành tham, nên gọi chung là đối tượng duyên bất tịnh thuộc về tất cả sự đối trị chung. Nay trong nghĩa ấy, bản ý chỉ giữ lấy bất tịnh do hư hoại cấu uế. Các bất tịnh còn lại cũng là đối tượng duyên của tịnh hạnh còn lại.

Thế nào là đối tượng duyên của từ bi? Nghĩa là, hoặc đối với phẩm thân, hoặc đối với phẩm oán, hoặc đối với phẩm giữa đều an trụ bình đẳng với ý vui thích tạo lợi ích, có thể dẫn đến đạt thắng giải về địa định diệu lạc hạ trung thượng. Nên biết ở đây, phẩm thân, phẩm oán và phẩm giữa tức là đối tượng duyên. Ý vui thích tạo lợi ích, có thể dẫn đến đạt thắng giải về địa định diệu lạc tức là chủ thể duyên. Đối tượng duyên, chủ thể duyên tóm lược chung làm một gọi là đối tượng duyên của từ bi.

Như nơi kinh nói: “Từ cùng hiện hữu nơi tâm”: Đây tức hiển bày về ý vui thích tạo lợi ích của đối tượng duyên là ba phẩm thân, oán, không thân không oán.

Nếu lại nói: “Không oán không địch không tổn hại”: Đây tức hiển thị ý vui thích tạo lợi ích có ba thứ tướng. Do không oán nên gọi là ý vui thích tạo lợi ích tăng thượng. Tướng của không oán này có hai câu để hiển bày. Đó là không đối địch nên không tổn hại. Không muốn trái nghịch, tranh chấp nghĩa là không đối địch. Không muốn không tạo lợi ích nghĩa là không tổn hại.

Hoặc lại nói: Rộng lớn vô lượng. Đây tức là hiển bày, chỉ rõ khả năng dẫn đến diệu lạc phẩm hạ trung thượng. Diệu lạc nơi Dục giới gọi là rộng. Diệu lạc nơi địa của hai tĩnh lự thứ nhất, thứ hai gọi là

lớn. Diệu lạc nơi địa của tĩnh lự thứ ba gọi là vô lượng. Hoặc lại nói: Thắng giải hiện bày khắp, an trụ đầy đủ: Đây tức hiển bày chỉ rõ về khả năng dẫn đến thắng giải nơi địa định diệu lạc.

Lại, thắng giải này tức là chủ thể dẫn đến lợi ích, diệu lạc, là tác ý cùng hiện hành của thắng giải thuộc về ý vui thích tăng thượng. Nếu đối với ba loại hữu tình thân, oán, không thân không oán, không khổ không vui, bình đẳng nhằm ban cho an lạc, nên biết đó là từ. Nếu đối với ba loại hữu tình thân, oán, giữa, có khổ có vui, bình đẳng nhằm cứu vớt dứt khổ, đem lại an vui, nên biết đó là bi, là hỷ. Hữu tình có khổ là đối tượng duyên của bi. Hữu tình có vui là đối tượng duyên của hỷ. Đó gọi là đối tượng duyên của từ bi.

Nếu có Bồ-đặc-già-la hành sân, nơi các hữu tình tu tập từ bi khiến cho sân được giảm thiểu, gọi là đối với sân hận, tâm được thanh tịnh.

HẾT - QUYỂN 26

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYÊN 27

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VĂN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ hai: Đoạn 2

Thế nào là đối tượng duyên của duyên khởi nơi tánh duyên? Nghĩa là nơi ba đời, chỉ có hành, pháp, sự, nhân, quả, gắn liền với đạo lý chân chánh. Đó là: Đạo lý quán đãi. Đạo lý tác dụng. Đạo lý chứng thành. Đạo lý pháp nhĩ.

Chỉ có các pháp có thể dẫn dắt các pháp, không có kẻ tạo tác và người thọ nhận. Đó gọi là đối tượng duyên của duyên khởi nơi tánh duyên. Nơi đối tượng duyên này tác ý tư duy thì Bồ-đặc-già-la hành si tăng thượng, với hành si hiện có đều được giảm thiểu, nơi các hành si tâm được thanh tịnh. Đó gọi là đối tượng duyên của duyên khởi nơi tánh duyên.

Thế nào là đối tượng duyên của giới sai biệt? Nghĩa là sáu giới sai biệt:

- (1) Địa giới.
- (2) Thủy giới.
- (3) Hỏa giới.
- (4) Phong giới.
- (5) Không giới.

(6) Thức giới.

Thể nào là địa giới? Địa giới có hai: Một là trong. Hai là ngoài.

Địa giới bên trong: Tức là tánh cứng chắc nội biệt trong thân này. Cứng chắc thuộc về tiên (chất sắt), thuộc về mỗi mỗi loại địa, gần dựa để nắm giữ, thọ nhận.

Địa giới bên ngoài: Tức là tánh cứng chắc của các vật bên ngoài. Cứng chắc thuộc về chất sắt, thuộc về mỗi mỗi địa, không phải gần dựa, không phải nắm giữ, thọ nhận.

Lại, địa giới bên trong, sự việc ấy là thể nào? Đó là các thứ nơi thân con người: Tóc, lông, móng, da thịt, lục phủ ngũ tạng v.v...

Lại, địa giới bên ngoài, sự việc ấy như thế nào? Đó là các thứ như núi, cây, sỏi đá, núi non v.v...

Thể nào là thủy giới? Thủy giới có hai: Bên trong và bên ngoài.

Thủy giới bên trong: Nghĩa là tánh ẩm ướt nội biệt trong thân này. Ẩm ướt thuộc về sự thấm nhuần, thuộc về mỗi mỗi loại thủy. Gần dựa để nắm giữ, thọ nhận. Sự việc ấy như thế nào? Đó là như nước mắt, mồ hôi, nước miếng, nước dãi, mỡ, tủy...

Thủy giới bên ngoài: Nghĩa là tánh thấm ướt của các vật bên ngoài. Thấm ướt thuộc về thấm nhuần, thuộc về mỗi mỗi loại thủy, không phải gần dựa để nắm giữ, thọ nhận. Sự việc này như thế nào? Đó là giếng, suối, ao, hồ, sông, biển...

Thể nào là hỏa giới? Hỏa giới có hai: Bên trong và bên ngoài.

Hỏa giới bên trong: Là tánh ấm nội biệt trong thân này. Ấm thuộc về nóng, thuộc về từng loại ấm nóng, gần dựa để nắm giữ, thọ nhận. Sự việc ấy như thế nào? Nghĩa là chất nóng ấm hiện có trong thân, có thể khiến cho thân nhiệt tạo thành sự nóng ấm hiện bày khắp. Do nhân duyên này nên các thứ được ăn, uống dễ tiêu hóa, biến đổi đúng đắn.

Hỏa giới bên ngoài: Là tánh ấm nóng của các vật bên ngoài. Ấm thuộc về nóng, thuộc về từng loại nóng ấm, không phải gần dựa để nắm giữ, thọ nhận. Sự việc ấy như thế nào? Đó là các loại lửa tìm được nơi nhân gian...

Thế nào là phong giới? Phong giới có hai: Bên trong và bên ngoài.

Phong giới bên trong: Nghĩa là tánh gió nội biệt trong thân này. Gió thuộc về thổi, tánh nhẹ tánh động, gần dựa để nắm giữ, thọ nhận. Sự việc ấy như thế nào? Đó là trong nội thân có gió đi lên, có gió đi xuống, có gió nằm nơi hông, có gió nằm nơi xương sống...

Phong giới bên ngoài: Nghĩa là tánh gió của các vật bên ngoài. Gió thuộc về thổi, tánh nhẹ tánh động, không gần dựa để nắm giữ, thọ nhận. Sự việc ấy như thế nào? Nghĩa là nơi bên ngoài thân, có gió từ phương Đông thổi đến, có gió từ phương Tây thổi tới...

Thế nào là không giới? Đó là các thứ hang, lỗ hiện có của mắt, tai, mũi, miệng, yết hầu. Do đấy nên có thể nuốt vào, bài tiết v.v...

Thế nào là thức giới? Nghĩa là các thức: Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý.

Lại có ba thứ sai biệt là tâm, ý, thức. Đó gọi là thức giới. Nếu các Bồ-đặc-già-la hành mạn, đối với giới sai biệt tác ý tư duy, liền ở trong thân lia tưởng hợp nhất, đạt tướng bất tịnh, không còn cao ngạo, kiêu mạn giảm thiểu, nơi các hành mạn tâm được thanh tịnh. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la hành mạn do giới sai biệt đạt đối tượng duyên tịnh hạnh.

Thế nào là đối tượng duyên của niệm A-na-ba-na (Quán số tức)? Nghĩa là duyên niệm về hơi thở ra vào. Đó gọi là niệm A-na-ba-na. Đối tượng duyên của niệm này là hơi thở ra vào, gọi là đối tượng duyên của niệm A-na-ba-na. Nên biết ở đây, hơi thở vào có hai: (1) Hơi thở vào. (2) Hơi thở vào trung gian.

Hơi thở ra cũng có hai: (1) Hơi thở ra. (2) Hơi thở ra trung gian.

Hơi thở vào: Là làn gió chuyển nơi môn trong không gián đoạn của hơi thở ra, cho đến nơi rốn.

Hơi thở vào trung gian: Là hơi thở vào dứt rồi, cho đến hơi thở ra chưa sinh, trong khoảng giữa ấy, tại nơi chôn hơi thở dừng, tạm thời tương tự như có làn gió vi tế khởi lên. Đó gọi là hơi thở vào trung gian.

Như hơi thở vào, hơi thở vào trung gian, hơi thở ra, hơi thở ra trung gian nên biết cũng vậy. Ở đây có sai biệt: Đó là hơi thở vào không gián đoạn là làn gió chuyển của môn ngoài, khởi đầu nơi rốn cho đến cả gương mặt, hoặc đến đầu mũi, hoặc lại ra ngoài.

Hơi thở vào, hơi thở ra có hai nhân duyên. Đó là: (1) Do nghiệp dẫn dắt. (2) Do lỗ trống nơi rốn. Hoặc các lỗ trống hiện có trên phần thân.

Hơi thở vào, hơi thở ra có hai chỗ dựa: (1) Thân. (2) Tâm.

Vì sao? Vì căn dựa nơi thân, tâm để hơi thở vào ra chuyển động như chỗ ứng hợp của chúng. Nếu chỉ dựa vào thân mà hơi thở chuyển: thì khi nhập định vô tướng, nhập định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng, hơi thở của các loài hữu tình nên chuyển. Nếu chỉ dựa vào tâm mà hơi thở chuyển: thì nhập định vô sắc, sinh nơi cõi vô sắc, hơi thở kia nên chuyển.

Nếu chỉ dựa vào thân tâm mà chuyển, không như chỗ ứng hợp: thì nhập tinh lự thứ tư, hoặc các loài hữu tình sinh vào cõi ấy, cùng với các phần vị như Yết-la-lam, Át-bộ-đàm, Bế-thi v.v... nơi các loài hữu tình đó, tức hơi thở kia nên chuyển, nhưng hơi thở ấy không chuyển. Do đó nên biết, căn dựa vào thân, tâm, thì hơi thở ra vào chuyển như chỗ ứng hợp.

Hơi thở ra vào có hai thứ hành. Đó là: (1) Hơi thở vào hướng xuống thấp mà hành. (2) Hơi thở ra hướng lên cao mà hành.

Hơi thở ra vào có hai thứ địa: (1) Lỗ trống thô. (2) Lỗ trống vi tế.

Thế nào là các lỗ trống thô? Đó là các lỗ trống từ nơi rôn cho đến cả khuôn mặt, cả lỗ mũi. Lại từ khuôn mặt, lỗ mũi cho đến lỗ trống nơi rôn.

Thế nào là các lỗ trống vi tế? Đó là tất cả các lỗ chân lông ở nơi thân.

Hơi thở vào, hơi thở ra có bốn tên gọi khác nhau: (1) Gọi là làn gió. (2) Gọi là A-na-ba-na. (3) Gọi là hơi thở ra, hơi thở vào. (4) Gọi là thân hành.

Một loại tên gọi “Làn gió” là tên gọi chung của gió. Ba thứ còn lại là tên gọi không chung.

Người tu pháp đếm hơi thở ra vào có hai lỗi lầm: (1) Phương tiện quá hoãn. (2) Phương tiện quá gấp.

Do phương tiện quá hoãn nên sinh khởi biếng trễ, hoặc bị hôn trầm, thùy miên vây buộc, nhiễu loạn nơi tâm, hoặc khiến tâm đối với ngoại cảnh bị tán loạn.

Do phương tiện quá gấp nên hoặc khiến thân sinh khởi không bình đẳng, hoặc khiến tâm sinh khởi không bình đẳng.

Thế nào là khiến thân sinh khởi không bình đẳng? Ấy là cưỡng dùng sức để giữ lấy hơi thở ra vào. Do hơi thở ra vào bị nắm giữ nên liền khiến phong giới trong thân chuyển không bình thường, vì thế đầu tiên là ở nơi các chi phần đều sinh lay động, run rẩy, gọi là chủ thể lay động. Làn gió của sự run rẩy ấy nếu khi tăng trưởng có thể sinh ra bệnh tật. Do nhân duyên này, nên đối với các chi phần nơi thân sinh những tật bệnh. Đó gọi là khiến thân sinh khởi không bình đẳng.

Thế nào là khiến tâm sinh khởi không bình đẳng? Nghĩa là hoặc khiến tâm sinh những tán loạn, hoặc có những ưu não hết sức nặng nề bức bách. Đó gọi là khiến tâm sinh khởi không bình đẳng.

Lại nữa, niệm A-na-ba-na này, nên biết lược có năm thứ tu tập. Đó là:

- (1) Tu tập theo tính đếm.
- (2) Tu tập ngộ nhập các uẩn.
- (3) Tu tập ngộ nhập về duyên khởi.
- (4) Tu tập ngộ nhập về Thánh đế.
- (5) Tu tập mười sáu thẳng hành.

Thế nào gọi là tu tập theo tính đếm? Nghĩa là lược có bốn thứ tu tập theo tính đếm:

- (a) Tính đếm dùng một làm một.
- (b) Tính đếm dùng hai làm một.
- (c) Tính đếm thuận.
- (d) Tính đếm nghịch.

Thế nào là tính đếm dùng một làm một? Nghĩa là nếu khi hơi thở vào đi vào, do duyên vào. Hơi thở ra trụ nơi niệm thì tính cho là một. Nếu hơi thở vào dứt, hơi thở ra sinh thì lúc vừa ra ngoài, cho là thứ hai. Như vậy lần lượt đếm đến mười. Do sự tính đếm này không lược không rộng nên chỉ tới mười. Đó gọi là tính đếm dùng một làm một.

Thế nào là tính đếm dùng hai làm một? Nghĩa là nếu hơi thở vào đi vào rồi mà đã dứt, hơi thở ra sinh và đã đi ra, bấy giờ hợp chung đếm làm một. Tức do đạo lý tính đếm như vậy để tính đến mười. Đó gọi là tính đếm dùng hai làm một. Hơi thở vào, hơi thở ra được gọi là hai. Hợp chung hai thứ tính làm một, nên gọi là dùng hai làm một.

Thế nào là tính đếm thuận? Nghĩa là hoặc do tính đếm dùng một làm một. Hoặc do tính đếm dùng hai làm một, thuận theo thứ lớp lần lượt đếm đến mười, gọi là tính đếm thuận.

Thế nào là tính đếm nghịch? Nghĩa là tức do hai thứ tính đếm nêu trước, nghịch theo thứ lớp, lần lượt từ số mười đếm ngược cho đến một (10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1). Số thứ lớp về một ấy gọi là tính đếm nghịch.

Nếu khi hành trì, hoặc tính đếm dùng một làm một làm chỗ dựa, hoặc tính đếm dùng hai làm một làm chỗ dựa, đối với sự tính đếm thuận, nghịch, việc tu tập đã thông suốt, tức trong thời gian ấy tâm không tán loạn. Tâm không tán loạn do khéo tính đếm rồi, lại nên vì đây mà nói về tính đếm thẳng tắn.

Thế nào là tính đếm thẳng tắn? Nghĩa là hoặc dựa nơi tính đếm dùng một làm một. Hoặc dựa vào tính đếm dùng hai làm một. Hợp hai thứ làm một mà tính đếm.

Nếu dựa nơi dùng một làm một để tính đếm: Tức hơi thở vào, hơi thở ra, hai thứ hợp làm một. Nếu dựa nơi dùng hai làm một để tính đếm: Tức hơi thở vào hơi thở ra, bốn thứ hợp làm một. Như vậy lần lượt đếm cho đến mười. Như thế, càng về sau tăng dần, cho đến dùng một trăm làm một để tính đếm. Do tính đếm dùng một trăm làm một ấy, dần dần tính đếm cho đến mười. Như thế, người siêng tu niệm số tức, cho đến mười, mười dùng làm một, thứ lớp tính đếm tới đủ mười. Như vậy, trong thời gian ấy tâm không tán loạn. Đạt được như thế gọi là tu tập đã thông suốt.

Lại nữa, người siêng tu tập niệm số tức này, nếu trong thời gian ấy tâm bị tán loạn, thì nên trở lại từ đầu khởi tính đếm hoặc thuận hoặc nghịch. Nếu khi tính đếm, việc hành trì đã hết sức thông suốt, thì tâm tự nhiên nương theo nẻo vận hành tự nhiên, an trụ nơi đối tượng duyên của hơi thở vào hơi thở ra, không chút gián đoạn, nối tiếp mà chuyển. Trước, đối với hơi thở vào có chủ thể giữ lấy để chuyển. Hơi thở vào dứt rồi, thì đối với phần vị không hơi thở, có chủ thể giữ lấy để chuyển. Tiếp theo, đối với hơi thở ra, có chủ thể

giữ lấy để chuyển. Hơi thở ra dứt rồi, ở nơi phần vị không hơi thở, có chủ thể giữ lấy để chuyển.

Như thế là lần lượt nối tiếp vận hành, không dao động, không tán loạn, có sự yêu thích chuyển. Ngang với đây gọi là vượt quá lãnh vực tính đếm, tức không nên đếm nữa, chỉ ở nơi đối tượng duyên của hơi thở ra hơi thở vào, khiến tâm an trụ. Nơi hơi thở ra vào nên tùy hành đúng đắn, nên thấu đạt tường tận. Đối với hơi thở ra vào cùng khoảng giữa của chúng, hoặc chuyển đi hoặc trở lại với phần vị sai biệt, đều khéo biết rõ. Như thế gọi là tu tập theo tính đếm.

Lại, về người độn căn, nên vì họ mà nêu rõ về sự tu tập theo tính đếm, đối với niệm hơi thở ra vào như thế. Kẻ ấy do đây nên đối với nơi chốn tán loạn tất khiến tâm an trụ, khiến tâm yêu thích. Nếu tính đếm khác về niệm hơi thở ra vào thì tâm kia tất bị hôn trầm, thùy miên vây buộc, nhiễu loạn. Hoặc tâm kia đối với ngoại cảnh phải bị tán động, dong ruổi. Do siêng năng đúng đắn tu tập niệm số tức, nên các thứ kia đều không có.

Nếu là người lợi căn giác tuệ thông sáng, không thích nương theo nẻo gia hạnh tính đếm, thì nên vì họ nêu bày về nẻo gia hạnh tính đếm, cũng có thể mau chóng thấu tỏ thuận hợp, nhưng không yêu thích. Người ấy lại đối với duyên của hơi thở vào ra này, an trụ nơi niệm rồi, hoặc tại nơi ấy chuyển, hoặc cho đến lúc khác chuyển, hoặc như chỗ đã chuyển, hoặc theo thời điểm mà chuyển. Nơi tất cả trường hợp ấy, do an trụ nơi niệm, nên có thể tùy hành đúng đắn, có thể thấu đạt đúng đắn về nẻo gia hạnh như thế, có tướng như thế. Đối với nẻo gia hạnh ấy, hoặc tu hoặc tập, hoặc tu tập nhiều làm nhân duyên, nên khởi thân khinh an cùng tâm khinh an, chứng đắc tánh một cảnh, đối với đối tượng duyên ấy yêu thích hướng nhập. Vị ấy, như thế là đối với niệm số tức theo tính đếm đã khéo tu tập rồi, lại ở nơi hai sự chủ thể giữ lấy và đối tượng được giữ lấy, tác ý tư duy, ngộ nhập nơi các uẩn.

Thế nào là ngộ nhập? Nghĩa là đối với hơi thở vào, hơi thở ra, cùng thân là chỗ dựa của hơi thở, tác ý tư duy, ngộ nhập nơi sắc uẩn. Vị ấy, đối với hơi thở ra vào, có thể giữ lấy niệm tương ưng với lãnh nạp, tác ý tư duy, ngộ nhập nơi thọ uẩn. Vị ấy, tức ở nơi niệm tương ưng cùng thấu rõ, tác ý tư duy, ngộ nhập nơi tưởng uẩn. Vị ấy, tức ở nơi niệm, hoặc niệm tương ưng với tư và tuệ, tác ý tư duy, ngộ nhập nơi hành uẩn. Vị ấy, hoặc ở nơi niệm tương ưng với các thứ tâm ý thức, tác ý tư duy, ngộ nhập nơi thức uẩn. Như thế là hành giả, ở trong các uẩn, cho đến an trụ nhiều, gọi là đã ngộ nhập. Đó gọi là tu tập ngộ nhập các uẩn. Nếu lúc có thể thấy có thể biết không điên đảo, tức chỉ có các uẩn, chỉ có các hành, chỉ là sự, chỉ là pháp. Vị ấy, bấy giờ, đối với các hành ngộ nhập về duyên khởi.

Thế nào là ngộ nhập? Nghĩa là người quán hành cầu tìm về hơi thở ra vào ấy, là dựa vào gì, duyên nơi cái gì. Đã cầu tìm rồi, thì ngộ nhập như thật, là hơi thở ra vào ấy đã dựa vào thân, duyên nơi thân, dựa vào tâm, duyên nơi tâm.

Vị ấy lại tìm cầu xem thân này, tâm này đã dựa vào gì, duyên vào gì. Đã xét tìm rồi thì ngộ nhập đúng như thật, tức thân này tâm này dựa, duyên nơi mạng căn.

Lại xét tìm, mạng căn như thế là dựa vào gì, duyên vào gì. Đã xét tìm rồi thì ngộ nhập đúng như thật, mạng căn như thế là duyên, dựa nơi hành trước.

Lại xét tìm, hành trước như thế là dựa vào gì, duyên vào gì. Đã xét tìm rồi, thì ngộ nhập đúng như thật, hành trước như vậy là đã dựa, duyên vào vô minh. Nhận biết rõ về vô minh như vậy là dựa, duyên nơi hành trước. Hành trước dựa, duyên nơi mạng căn. Mạng căn dựa, duyên nơi thân tâm. Thân tâm dựa, duyên nơi hơi thở ra hơi thở vào.

Lại có thể nhận biết rõ, vô minh diệt nên hành diệt. Hành diệt nên mạng căn diệt. Mạng căn diệt nên thân tâm diệt. Thân tâm diệt

nên hơi thở ra vào diệt. Như thế gọi là ngộ nhập về duyên khởi. Vị ấy, đối với duyên khởi đã ngộ nhập, an trụ nhiều, gọi là khéo tu tập. Đó gọi là tu tập ngộ nhập về duyên khởi.

Vị ấy như thế là đối với duyên khởi đã ngộ nhập, khéo tu tập rồi, lại đối với các hành nhận biết rõ đúng như thật là từ các duyên sinh, tức ngộ nhập về vô thường. Nghĩa là ngộ nhập về các hành là vô thường, nên vốn không mà có, có rồi thì tan diệt. Nếu đã là vốn không mà có, có rồi tan diệt, tức là các pháp sinh lão bệnh tử. Nếu đã là các pháp sinh lão bệnh tử, tức là khổ. Đã là khổ tức là vô ngã, không được tự tại, xa lìa chủ tử. Như thế gọi là do hành vô thường, khổ, không, vô ngã, ngộ nhập khổ đế.

Lại nữa, vị ấy có thể ngộ nhập đúng đắn như vậy về các hành hiện có do các duyên sinh khởi, tánh của chúng là khổ, như bệnh, như ung nhọt, tất cả đều do tham ái làm duyên.

Lại, ngộ nhập đúng đắn tức ở đây có thể nhận biết tham ái sinh ra các khổ. Nếu đoạn trừ hết hẳn tham ái ấy tức là tịch tĩnh vi diệu rất rạo. Ta nếu đối với chúng nhận biết rõ như vậy, quán thấy như vậy, trụ nhiều như vậy, nên có thể đoạn trừ hoàn toàn tham ái. Như thế gọi là có thể ngộ nhập nơi tập đế, diệt đế, đạo đế. Ở chỗ ngộ nhập ấy có thể an trụ rồi, thì ở trong các đế chứng đắc hiện quán. Đó gọi là tu tập ngộ nhập về Thánh đế.

Đối với Thánh đế đã khéo tu tập như vậy, thì nơi tất cả phiền não do kiến đạo đoạn trừ, thấy đều vĩnh viễn dứt diệt, chỉ trừ các phiền não do tu đạo đoạn. Vì nhằm đoạn trừ các phiền não ấy, nên lại tiến tu mười sáu thắng hành.

Thế nào là mười sáu thắng hành? Nghĩa là: Nơi niệm hơi thở vào, ta nay có thể học về niệm nơi hơi thở vào.

Nơi niệm hơi thở ra, ta nay có thể học về niệm nơi hơi thở ra, hoặc dài hoặc ngắn.

Nơi việc nhận biết rõ hơi thở vào hiện bày khắp thân, ta nay có thể học nhận biết rõ hơi thở vào hiện bày khắp thân.

Nơi việc nhận biết rõ hơi thở ra hiện bày khắp thân, ta nay có thể học nhận biết rõ hơi thở ra hiện bày khắp thân.

Nơi hơi thở vào của thân hành dứt trừ, ta nay có thể học về hơi thở vào của thân hành dứt trừ.

Nơi hơi thở ra của thân hành dứt trừ, ta nay có thể học về hơi thở ra của thân hành dứt trừ.

Nơi hơi thở vào được nhận biết rõ, vui mừng, ta nay có thể học về hơi thở vào được nhận biết rõ, vui mừng.

Nơi hơi thở ra được nhận biết rõ, vui mừng, ta nay có thể học về hơi thở ra được nhận biết rõ, vui mừng.

Nơi hơi thở vào được nhận biết rõ, ưa thích, ta nay có thể học về hơi thở vào được nhận biết rõ, ưa thích.

Nơi hơi thở ra được nhận biết rõ, ưa thích, ta nay có thể học về hơi thở ra được nhận biết rõ, ưa thích.

Nơi hơi thở vào của tâm hành được nhận biết rõ, ta nay có thể học về hơi thở vào của tâm hành được nhận biết rõ.

Nơi hơi thở ra của tâm hành được nhận biết rõ, ta nay có thể học về hơi thở ra của tâm hành được nhận biết rõ.

Nơi hơi thở vào của tâm hành được dứt trừ, ta nay có thể học về hơi thở vào của tâm hành được dứt trừ.

Nơi hơi thở ra của tâm hành được dứt trừ, ta nay có thể học về hơi thở ra của tâm hành được dứt trừ.

Nơi hơi thở vào của tâm hành được nhận biết rõ, ta nay có thể học về hơi thở vào của tâm hành được dứt trừ.

Nơi hơi thở ra của tâm hành được nhận biết rõ, ta nay có thể học về hơi thở ra của tâm hành được dứt trừ.

Nơi hơi thở vào của tâm vui mừng, ta nay có thể học về hơi thở vào của tâm vui mừng.

Nơi hơi thở ra của tâm vui mừng, ta nay có thể học về hơi thở ra của tâm vui mừng.

Nơi hơi thở vào của tâm được điều phục giữ gìn, ta nay có thể học về hơi thở vào của tâm được điều phục giữ gìn.

Nơi hơi thở ra của tâm được điều phục giữ gìn, ta nay có thể học về hơi thở ra của tâm được điều phục giữ gìn.

Nơi hơi thở vào của tâm giải thoát, ta nay có thể học về hơi thở vào của tâm giải thoát.

Nơi hơi thở ra của tâm giải thoát, ta nay có thể học về hơi thở ra của tâm giải thoát.

Nơi hơi thở vào của tùy quán vô thường, ta nay có thể học về hơi thở vào của tùy quán vô thường.

Nơi hơi thở ra của tùy quán vô thường, ta nay có thể học về hơi thở ra của tùy quán vô thường.

Nơi hơi thở vào của tùy quán đoạn, ta nay có thể học về hơi thở vào của tùy quán đoạn.

Nơi hơi thở ra của tùy quán đoạn, ta nay có thể học về hơi thở ra của tùy quán đoạn.

Nơi hơi thở vào của tùy quán lìa dục, ta nay có thể học về hơi thở vào của tùy quán lìa dục.

Nơi hơi thở ra của tùy quán lìa dục, ta nay có thể học về hơi thở ra của tùy quán lìa dục.

Nơi hơi thở vào của tùy quán diệt, ta nay có thể học về hơi thở vào của tùy quán diệt.

Nơi hơi thở ra của tùy quán diệt, ta nay có thể học về hơi thở ra của tùy quán diệt.

Hỏi: Mười sáu thứ thắng hành như vậy có sai biệt chỗ nào?

Đáp: Bậc Hữu học “kiến tích” đã đạt được bốn niệm trụ v.v... nơi đối tượng duyên của hơi thở ra vào, tác ý lại thêm tiến tu, vì nhằm đoạn trừ kiết, do đó suy niệm: Nơi niệm hơi thở vào, ta nay có thể học về niệm hơi thở vào. Nơi niệm hơi thở ra, ta nay có thể học về niệm hơi thở ra.

Nếu lúc duyên nơi cảnh của hơi thở ra vào, thì nên khởi niệm: Ta nay có thể học về niệm hơi thở vào dài, niệm hơi thở ra dài. Nếu lúc duyên nơi cảnh của hơi thở vào trung gian, hơi thở ra trung gian, thì nên khởi niệm: Ta nay có thể học về niệm hơi thở vào ngắn, niệm hơi thở ra ngắn.

Về hơi thở vào hơi thở ra chuyên dài, cùng hơi thở vào trung gian hơi thở ra trung gian chuyên ngắn, đều nhận biết rõ như vậy, đó gọi là hoặc dài hoặc ngắn. Nếu duyên nơi hơi thở vào hơi thở ra qua các lỗ trống vi tế trong thân, tùy nhập cùng khắp trong các lỗ chân lông, lúc duyên vào đấy làm cảnh để khởi thắng giải, thì nên dấy niệm: Ta nay nhận biết rõ hơi thở vào hơi thở ra hiện bày khắp thân. Ta nay có thể học về hơi thở vào hơi thở ra hiện bày khắp thân đã được nhận biết rõ.

Nếu vào lúc ấy, hoặc hơi thở vào, hơi thở vào trung gian đã dứt, hơi thở ra, hơi thở ra trung gian chưa sinh, duyên nơi phần vị không có hơi thở vào hơi thở ra, hơi thở vào hơi thở ra đều xa lìa phần vị làm cảnh. Hoặc hơi thở ra, hơi thở ra trung gian đã dứt, hơi thở vào, hơi thở vào trung gian chưa sinh, duyên nơi phần vị không có hơi thở

ra hơi thở vào, hơi thở ra hơi thở vào đều xa lìa phân vị làm cảnh, tức vào lúc đó nên khởi niệm: Nơi hơi thở vào của thân hành dứt trừ, ta nay có thể học về hơi thở vào của thân hành dứt trừ. Nơi hơi thở ra của thân hành dứt trừ, ta nay có thể học về hơi thở ra của thân hành dứt trừ.

Lại, ở đây, hoặc tu hoặc tập, hoặc tu tập nhiều làm nhân duyên nên lúc trước việc hành trì hơi thở vào ra chưa thông suốt, các thứ khổ xúc cứng chắc hiện có theo đây mà chuyển, nay do đã thông suốt nên chúng đều được dứt trừ. Có những lạc xúc mềm dịu khác theo đây mà chuyển, nên khởi niệm: Nơi hơi thở vào của thân hành được dứt trừ, ta nay có thể học về hơi thở vào của thân hành được dứt trừ. Nơi hơi thở ra của thân hành được dứt trừ, ta nay có thể học về hơi thở ra của thân hành được dứt trừ.

Lại nữa, đối với niệm A-na-ba-na như thế, siêng năng tu hành: Hoặc đạt được tĩnh lự thứ nhất, hoặc khi đạt được tĩnh lự thứ hai, tức nên khởi niệm: Nơi hơi thở vào hơi thở ra được nhận biết rõ, hoan hỷ, ta nay có thể học về hơi thở vào hơi thở ra được nhận biết rõ, hoan hỷ.

Hoặc lúc đạt được tĩnh lự thứ ba lìa hỷ, nên khởi niệm: Nơi hơi thở vào hơi thở ra được nhận biết rõ, an lạc, ta nay có thể học về hơi thở vào hơi thở ra được nhận biết rõ, an lạc. Từ tĩnh lự thứ ba trở lên, nơi niệm A-na-ba-na, không có đạo lý tu gia hạnh nữa, do đó, cho đến tĩnh lự thứ ba, tức nêu rõ là dứt niệm, thuộc về gia hạnh.

Lại, tức như vậy là nhận biết rõ hỷ, nhận biết rõ lạc, hoặc có lúc vừa sinh khởi vọng niệm, hoặc cho là có ngã, ngã sở, hoặc phát khởi ngã mạn, hoặc cho là ngã nên có, hoặc cho là ngã nên không, hoặc cho là ngã nên có sắc, hoặc cho là ngã nên không sắc, hoặc cho là ngã nên có tướng, hoặc cho là ngã nên không tướng, hoặc cho là ngã nên phi hữu tướng phi vô tướng. Sinh khởi các tướng, từ ngu si như thế cùng hiện hành vô số động, mạn, tạo tác hý luận, tham ái vừa đây

khởi rồi, liền có thể mau chóng dùng tuệ thông đạt để không nhiễm chấp sâu về chúng, theo phương tiện để đoạn trừ, dứt hẳn. Do gia hạnh ấy, nên suy niệm: Nơi hơi thở vào hơi thở ra của tâm hành được nhận biết rõ, ta nay có thể học về hơi thở vào, ra của tâm hành được nhận biết rõ. Nơi hơi thở vào, ra của tâm hành được dứt trừ, ta nay có thể học về hơi thở vào, ra của tâm hành được dứt trừ.

Lại nữa, nếu đạt được ba tĩnh lự một, hai, ba căn bản, vị ấy đối với định đã được phân gần, vị chí của tĩnh lự một dựa nơi định, dựa vào đây để quán xét tâm được sinh khởi. Đó là nhận biết đúng như thật, hiểu rõ đúng như thật. Hoặc có tâm tham, hoặc lìa tâm tham. Hoặc có tâm sân, hoặc lìa tâm sân. Hoặc có tâm si, hoặc lìa tâm si. Tâm lược, tâm tán, tâm hạ thấp, tâm đề cao, có tâm dao động, không tâm dao động, có tâm tịch tĩnh, không tâm tịch tĩnh. Có tâm đảnh dẫn, không tâm đảnh dẫn. Tâm khéo tu tập, tâm không khéo tu tập. Tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát.

Nơi các tâm như thế đều nhận biết đúng như thật, đều hiểu rõ đúng như thật. Do đó suy niệm: Nơi hơi thở vào, ra của tâm được hiểu rõ, ta nay có thể học về hơi thở vào, ra của tâm đã được hiểu rõ. Vị ấy, nếu có lúc thấy bị cái hôn trầm – thù miên ngăn che nơi tâm. Do bên trong hết sức trụ nơi tĩnh lặng, bấy giờ đối với bên ngoài duyên theo một loại cảnh giới tịnh diệu thị hiện sự chỉ dạy, dẫn dắt, tán thán, khích lệ, thúc đẩy nơi tâm, vì vậy suy niệm: Nơi hơi thở vào, ra của tâm vui vẻ, ta nay có thể học về hơi thở vào, ra của tâm vui vẻ.

Vị ấy, nếu có lúc thấy bị cái trạo cử – ô tác ngăn che nơi tâm. Do bên ngoài hết sức trụ đối với chỗ náo động, bấy giờ bên trong an trụ nơi tịch tĩnh để chế ngự giữ gìn tâm, vì thế suy niệm: Nơi hơi thở vào, ra của tâm được điều phục, giữ gìn, ta nay có thể học về hơi thở vào, ra của tâm được điều phục, giữ gìn.

Nếu khi đối với tâm khéo tu khéo tập, khéo tu tập nhiều làm nhân duyên nên khiến cho các cái hiện hành đều được xa lìa, ở

trong các cái, tâm được thanh tịnh. Vì thế suy niệm: Nơi hơi thở vào, ra của tâm giải thoát, ta nay có thể học về hơi thở vào, ra của tâm giải thoát.

Vị ấy, đối với các thứ cái, chướng do tu đạo đoạn trừ, đã được giải thoát, có các tùy miên khác lại cần phải đoạn trừ. Vì nhằm đoạn trừ chúng nên khởi đạo lý nêu trước. Nghĩa là, nơi pháp tánh của các hành vô thường, hết sức khéo léo, tinh tấn, như lý quán xét, do đây suy niệm: Nơi hơi thở vào, ra của tùy quán vô thường, ta nay có thể học về hơi thở vào, ra của tùy quán vô thường.

Lại nữa, vị ấy lúc trước, hoặc nương vào ba tĩnh lự dưới, hoặc dựa vào định vị chí, đối với Xa-ma-tha (Chỉ) tu hành Du già, nay dựa vào tùy quán vô thường, lại đối với Tỳ-bát-xá-na (Quán), tu tập hành Du già. Như vậy, do hai pháp Chỉ, Quán đã huân tu nơi tâm rồi nên ở trong các cảnh giới, theo nơi tùy miên kia mà cầu đạt giải thoát. Thế nào là các cảnh giới?

Đó là ba giới: (1) Giới đoạn. (2) Giới lia dục. (3) Giới diệt.

Tất cả hành do kiến đạo đoạn trừ, được đoạn dứt, gọi là giới đoạn. Tất cả hành do tu đạo đoạn trừ, được đoạn dứt, gọi là giới lia dục. Hết thấy chỗ dựa đều diệt, gọi là giới diệt.

Tư duy về ba giới tịch tĩnh như vậy, nên tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na an ổn không lo lắng. Vị ấy, do tu tập, tu tập nhiều, nên theo chỗ phiền não do tu đạo đoạn trừ còn lại, tâm được giải thoát. Vì thế suy niệm: Nơi hơi thở vào, ra của tùy quán đoạn, tùy quán lia dục, tùy quán diệt, ta nay có thể học về hơi thở vào, ra của các tùy quán: đoạn, lia dục, diệt.

Như thế là vị ấy, đối với hết thấy phiền não do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ, đều vĩnh viễn dứt diệt, thành tựu quả vị A-la-hán, các lậu hết hẳn, sau đây lại không còn việc để tạo tác, đối với chỗ “quyết trạch” đã được rớt ráo. Đó gọi là mười sáu thắng hành.

Tu tập như vậy gọi là năm thứ tu tập niệm A-na-ba-na. Bồ-đặc-già-la nhiều hành tâm tư, nên ở trong ấy siêng năng chân chánh tu học, yêu thích, nương theo, đối trị. Nếu ở trong đó siêng năng tu tập thì mọi tâm tư tán loạn đều không hiện hữu, tâm nơi đối tượng duyên mau chóng an trụ, sinh khởi yêu thích sâu xa. Đó gọi là đối tượng duyên tịnh hạnh của Bồ-đặc-già-la thứ năm nhiều hành tâm tư. Như thế được gọi chung là đối tượng duyên tịnh hạnh.

Thế nào là cảnh sự của đối tượng duyên thiện xảo? Nghĩa là đối tượng duyên này lược có năm loại:

- (1) Thiện xảo của uẩn.
- (2) Thiện xảo của giới.
- (3) Thiện xảo của xứ.
- (4) Thiện xảo của duyên khởi.
- (5) Thiện xảo của xứ – phi xứ.

Về thiện xảo của uẩn: Thế nào là uẩn? Thế nào là thiện xảo của uẩn? Nghĩa là uẩn có năm: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Thế nào là sắc uẩn? Đó là các sắc hiện có, tất cả đều là bốn đại chủng và do bốn đại chủng tạo ra. Ở đây, hoặc quá khứ hoặc hiện tại hoặc vị lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc kém hoặc hơn, hoặc xa hoặc gần, gọi chung là sắc uẩn.

Thế nào là thọ uẩn? Đó là các thọ hoặc thuận với lạc xúc làm duyên, hoặc là các thọ thuận với khổ xúc làm duyên, hoặc là các thọ thuận với xúc không khổ không lạc làm duyên.

Lại có sáu thọ thân: Tức thọ do nhãn xúc sinh ra, thọ do nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc sinh ra. Tất cả gọi chung là thọ uẩn.

Thế nào là tưởng uẩn? Đó là các thứ tướng: Có tướng, không tướng, nhỏ hẹp, rộng lớn, vô lượng, không các sở hữu, không xứ sở hữu.

Lại có sáu tướng thân: Tức tướng do nhãn xúc sinh ra, tướng do nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc sinh ra. Tất cả gọi chung là tướng uẩn.

Thế nào là hành uẩn? Đó là sáu tư thân. Tức tư do nhãn xúc sinh ra, tư do nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc sinh ra. Lại có các tâm pháp còn lại, trừ thọ và tưởng, tất cả được gọi chung là hành uẩn.

Thế nào là thức uẩn? Đó là tâm ý thức. Lại có sáu thức thân: Tức là nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức, tất cả được gọi chung là thức uẩn.

Các uẩn thọ tướng hành nêu trước cùng với thức uẩn này đều có những sai biệt về quá khứ, hiện tại, vị lai, trong ngoài v.v... như trên đã nói rộng. Đó gọi là uẩn.

Thế nào là thiện xảo của uẩn? Nghĩa là khéo nhận biết rõ chỗ nêu bày về uẩn, tánh có vô số sai biệt, tánh chẳng phải là một mà là rất nhiều. Ngoại trừ pháp này thì lại không có chỗ nào đạt được, phân biệt được. Đó gọi là lược nói về nghĩa thiện xảo của uẩn.

Thế nào gọi là tánh của uẩn có vô số sai biệt? Đó là sắc uẩn khác, thọ uẩn khác, cho đến thức uẩn khác. Đó gọi là tánh có vô số sai biệt.

Thế nào gọi là tánh của uẩn chẳng phải là một mà là rất nhiều? Tức sắc uẩn chẳng phải là một mà có nhiều phẩm loại. Các thứ sai biệt do đại chủng tạo ra. Các phẩm loại sai biệt của ba đời v.v... Đó gọi là tánh của sắc uẩn chẳng phải là một mà là rất nhiều. Như thế, các uẩn còn lại, tùy theo chỗ ứng hợp đều nên nhận biết rõ.

Thế nào là trừ pháp này ra thì lại không có chỗ nào đạt được, phân biệt được? Nghĩa là chỉ có uẩn là có thể đạt được, chỉ là sự có thể đạt được. Chẳng phải là lìa uẩn, ngoài ra còn có ngã có thể đạt được, có tánh thường hằng, pháp không biến dịch là có thể đạt được. Cũng không có một chút pháp nào là sở hữu của ngã.

Thế nào là giới? Thế nào là thiện xảo của giới? Nghĩa là giới có mười tám. Đó là: Nhân giới, sắc giới, nhân thức giới. Nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới. Tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới. Thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới. Thân giới, xúc giới, thân thức giới. Ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là giới.

Nếu lại ở nơi mười tám thứ pháp ấy, theo mỗi mỗi giới khác biệt, mỗi mỗi chủng tử khác biệt, mỗi mỗi chủng tánh khác biệt, đã sinh khởi, xuất hiện, đều nhận biết rõ đúng như thật, cho đến có thể quán xét kỹ, gọi là thiện xảo của giới.

Nhận biết rõ đúng như thật về mười tám thứ pháp ấy theo sự khác biệt của mỗi mỗi giới mà chuyên, tức ở nơi nhân duyên mà đạt được thiện xảo. Vì thế gọi đây là thiện xảo của giới.

Thế nào là xứ? Thế nào là thiện xảo của xứ? Nghĩa là xứ có mười hai. Đó là: Nhân xứ, sắc xứ. Nhĩ xứ, thanh xứ. Tỷ xứ, hương xứ. Thiệt xứ, vị xứ. Thân xứ, xúc xứ. Ý xứ, pháp xứ. Đó gọi là xứ.

Thiện xảo của xứ: Đó là nhãn làm duyên tăng thượng, sắc làm duyên sở duyên, đẳng vô gián diệt, ý làm duyên đẳng vô gián, sinh khởi nhân thức cùng pháp tương ưng. Nhĩ làm duyên tăng thượng, thanh làm duyên sở duyên, đẳng vô gián diệt, ý làm duyên đẳng vô gián, sinh khởi nhĩ thức cùng pháp tương ưng. Như vậy cho đến ý làm duyên đẳng vô gián, ở đây sinh tác ý làm duyên tăng thượng, pháp làm duyên sở duyên, sinh khởi ý thức cùng pháp tương ưng. Như thế, sáu thức thân cùng pháp tương ưng, đều do ba duyên mà được lưu chuyển. Đó là duyên tăng thượng, duyên sở duyên và duyên đẳng vô gián. Nếu đối với các xứ trong ngoài như vậy, duyên được khéo léo, đó gọi là thiện xảo của xứ.

Thế nào là duyên khởi? Thế nào là thiện xảo của duyên khởi? Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc... sinh duyên lão tử, cho đến chiêu cảm tích tập thuận khối khổ lớn như thế, đó gọi là duyên khởi.

Nếu lại nhận biết rõ chỉ có các pháp làm tươi nhuận các pháp, chỉ có các pháp cùng làm nhuận thấm các pháp, chỉ có các pháp dẫn phát các hành. Nhưng các hành ấy, do nhân sinh, do duyên sinh, nên vốn không mà có, có rồi tan diệt nên thể là vô thường. Là vô thường nên tức là pháp sinh, lão, bệnh, tử, là pháp sâu bi khổ não. Là pháp sinh cho đến là pháp khổ não, tức gọi là khổ. Do là khổ nên không được tự tại, lực ấy suy yếu. Do là nhân duyên nên nhất định không có ngã. Nếu ở trong pháp duyên sinh như thế, do cùng có vô số hành tướng thiện xảo như vậy để thấu đạt với trí vô thường, hoặc trí khổ, hoặc trí vô ngã, đó gọi là thiện xảo của duyên khởi.

Lại, thiện xảo của xứ phi xứ, nên biết tức là sự sai biệt nơi thiện xảo của duyên khởi. Chỗ sai biệt ở đây: Nghĩa là do thiện xảo của xứ phi xứ, nên có thể nhận biết rõ đúng về đạo lý nhân quả không phải là không bình đẳng, tức pháp thiện bất thiện có quả dị thực. Hoặc các pháp thiện có thể chiêu cảm pháp dị thực của quả khả ái, các pháp bất thiện có thể chiêu cảm pháp dị thực của quả không khả ái. Nếu có thể nhận biết rõ đúng như thật như vậy, đó gọi là thiện xảo của xứ phi xứ.

Năm thiện xảo này tóm lược tức có hai: (1) Thiện xảo của tự tướng. (2) Thiện xảo của cộng tướng.

Do thiện xảo của uẩn hiển bày thiện xảo của tự tướng. Do các thiện xảo còn lại hiển bày thiện xảo của cộng tướng. Như vậy được gọi chung là đối tượng duyên thiện xảo.

Thể nào là cảnh sự của đối tượng duyên Hoặc tịnh? Đó là quán tánh thô của địa dưới, tánh tĩnh của địa trên, như dục giới đối với tĩnh lự thứ nhất, cho đến xứ vô sở hữu đối với xứ phi phi tướng phi phi tướng.

Thể nào là tánh thô? Nghĩa là tánh thô có hai: (1) Tánh thô của thể. (2) Tánh thô của số.

Tánh thô của thể: Nghĩa là Dục giới so với tĩnh lự thứ nhất, tuy đều có đủ năm uẩn, nhưng trong Dục giới lỗi lầm, tai họa sâu nặng,

khổ trụ tăng thượng, hết sức là thô kém, rất đáng chán ghét. Do đấy, gọi đó là tánh thô của thể. Nơi tĩnh lự thứ nhất tức không như vậy, tức là hết sức tĩnh, diệu. Vì thế gọi đấy là tánh tĩnh của thể.

Tánh thô của số: Đó là sắc uẩn của Dục giới có nhiều phẩm loại nên biết, nên đoạn. Như thế cho đến thức uẩn cũng vậy. Do đấy gọi đó là tánh thô của số.

Như vậy, các địa trên lần lượt cùng đối chiếu, hoặc tánh thô của thể, hoặc tánh thô của số, theo chỗ ứng hợp của chúng, nên biết cũng thể.

Tánh thô như vậy, nơi các địa trên lần lượt cùng đối chiếu, cho đến tốt bậc là xứ vô sở hữu. Hết thấy địa dưới thì khổ não tăng nhiều, thọ lượng giảm thiểu, còn tất cả địa trên thì ngược lại.

Về xứ phi tướng phi tướng, chỉ là tĩnh, chỉ là diệu, lại không có địa trên nào vượt hơn địa này.

Nói tóm lại, nghĩa là có lỗi lầm, tai họa là nghĩa của tánh thô. Nếu trong các địa kia, lỗi lầm tai họa tăng nhiều, tức do tánh của lỗi lầm tai họa tăng nhiều như thế, nên gọi là tánh thô. Hoặc trong các địa kia, lỗi lầm tai họa giảm thiểu, tức do tánh của lỗi lầm tai họa giảm thiểu như thế, nên gọi là tánh tĩnh.

Đây là đối tượng duyên Hoặc tịnh do đạo thể tục của thể gian. Vì sao? Vì vị ấy quán địa dưới có nhiều các thứ lỗi lầm tai họa, như bệnh, như ung nhọt, cũng như tên độc, tánh không an ổn, nên là tánh thô. Quán các địa trên, so với đấy là trái ngược nên là tánh tĩnh. Đoạn trừ mọi phiền não hiện có của địa dưới, khởi đầu từ Dục giới, cho đến trên tốt là xứ vô sở hữu. Đây là tạm đoạn trừ, chẳng phải là đoạn trừ rốt ráo, do vì nơi thời gian sau lại tương tục.

Đối tượng duyên Hoặc tịnh của đạo xuất thể gian lại có bốn loại: (1) Thánh đế khổ. (2) Thánh đế tập. (3) Thánh đế diệt. (4) Thánh đế đạo.

Thế nào là Thánh đế khổ? Đó là tám khổ, từ sinh khổ đến lược nói về tất cả năm thủ uẩn là khổ.

Thế nào là Thánh đế tập? Nghĩa là hoặc ái, hoặc ái về đời sau. Hoặc hỷ, tham cùng hiện hành với ái. Hoặc các thứ hỷ lạc ái kia v.v... gọi là Thánh đế tập.

Thế nào là Thánh đế diệt? Đó là những thứ ái v.v... ấy đều được dứt diệt hoàn toàn, gọi là Thánh đế diệt.

Thế nào là Thánh đế đạo? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, gọi là Thánh đế đạo.

Nên biết ở đây đã dựa vào nhân quả của phẩm đen phẩm trắng để kiến lập về bốn Thánh đế. Tức khổ đế là quả của phẩm đen. Tập đế là nhân của phẩm đen. Diệt đế là quả của phẩm trắng. Đạo đế là nhân của phẩm trắng, có thể đắc có thể chứng.

Lại, khổ đế như bệnh, đầu tiên nên nhận biết khắp. Tập đế như nhân duyên của bệnh, tiếp theo là nên xa lìa. Diệt đế như không bệnh, tiếp theo là nên xúc chứng. Đạo đế như thuốc hay, lại nên tu tập, tu tập nhiều.

Lại nữa, khổ đế với nghĩa khổ, cho đến đạo đế với nghĩa đạo, là thật như thế, chẳng phải là không như thật. Là không điên đảo, chẳng phải là điên đảo. Do đó gọi là đế.

Lại nữa, tự tướng của chúng không có hư dối và kiến chấp. Chúng do nhận biết, chuyển biến thuận hợp, vì thế gọi là đế.

Hỏi: Do đâu các đế chỉ gọi là Thánh đế?

Đáp: Do chỉ các bậc Thánh, nơi các đế ấy cùng cho là đế, đều nhận biết rõ đúng như thật, đều quán thấy đúng như thật. Tất cả hàng phàm ngu không nhận biết như thật, không thấy đúng như thật. Do vậy, các đế chỉ gọi là Thánh đế.

Lại nữa, nơi các phàm ngu chỉ do “pháp như vậy” nên gọi là đế, không phải do giác ngộ. Còn đối với các bậc Thánh thì đều do cả hai thứ.

Lại nữa, sinh khổ: Nghĩa là vào lúc sinh phát sinh vô số khổ thọ của thân tâm, chẳng phải tự thể của sinh tức là khổ ấy, là nhân duyên của khổ, nên gọi là khổ. Nói rộng cho đến cầu không được là khổ: Nghĩa là do nhân duyên của chỗ cầu không được, phát sinh vô số khổ thọ của thân tâm, chẳng phải thể của cầu không được tức là khổ, là nhân duyên của khổ, nên gọi là khổ. Như thế nên biết, lược nói tất cả năm thủ uẩn là khổ: Là do dị môn của sinh v.v... chỉ hiển bày về khổ khổ. Do khổ của năm thủ uẩn này cũng hiển bày về hoại khổ, hành khổ còn lại. Vì sao? Vì như năm thủ uẩn gồm thâu đủ ba thọ, như vậy là có thể cùng với chỗ đã nói về khổ khổ ở trước làm vật chứa đựng. Nên biết ở đây cũng tức có đủ chỗ chứa nói về hoại khổ, hành khổ ở trước.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đối với một loại khổ khổ thì dùng âm thanh của chính mình để thuyết giảng? Còn hai thứ hoại khổ, hành khổ thì dùng môn khác để nêu bày?

Đáp: Do trong khổ khổ, hoặc phàm hoặc Thánh, tất cả đều có tuệ nhận biết chuyên theo khổ. Lại, tánh của khổ khổ là rất đáng chán bỏ. Lại, theo kể từ trước đến nay chưa hành tập tuệ, thì vừa vì họ thuyết giảng về khổ khổ, tức liền dễ hội nhập. Lại, đối với các hữu tình có thể hóa độ, khiến được điều phục, thì nêu giảng về khổ khổ như vậy giúp họ đối với các đế dễ được ngộ nhập.

Thế nào là kiến lập ba thứ tánh khổ? Nghĩa là trước hết nói về sinh khổ, cho đến cầu không được là khổ, tức hiển bày khổ thọ cùng nơi chốn nương dựa là tánh của khổ khổ. Như thế gọi là kiến lập tánh của khổ khổ.

Các hữu là pháp của đối tượng đối trị các khổ kia. Nghĩa là, trẻ là đối tượng đối trị của già, không bệnh là đối tượng đối trị của

bệnh. Thọ mạng là đối tượng đối trị của chết. Thân ái hội họp là đối tượng đối trị của oán ghét gặp nhau. Không có ái biệt ly là đối tượng đối trị của ái biệt ly. Chỗ cầu toại nguyện là đối tượng đối trị của cầu không được.

Lại có khổ thọ cùng nơi nương dựa sinh khởi phiền não. Lại có không bệnh v.v... là thuận với nơi chốn của lạc thọ, cùng với phiền não sinh khởi do thọ kia được sinh. Như vậy được gọi chung là tánh của hoại khổ. Trong ấy, lạc thọ cùng với chốn nương dựa, do vô thường nên hoặc biến chuyển, hoặc đổi khác, thọ nhận các khổ sinh ra do sự tăng thượng kia.

Nếu các phiền não nơi tất cả xứ, lúc đang sinh khởi, trói buộc nơi tâm, khiến tâm biến hoại, tức sinh các khổ, nên gọi là hoại khổ. Như Đức Thế Tôn nói: “Vào tâm biến hoại, giữ chặt tay của vùng đất mẹ” cho đến nói rộng. Lại như nói: Trụ nơi tham dục, lãnh thọ trói buộc. Trói buộc của tham dục là duyên sinh ra sâu khổ của thân tâm. Như vậy, trụ nơi sân hận, hôn trầm, thù miên, trạo cử, ô tác, nghi, lãnh thọ trói buộc. Trói buộc của những thứ ấy làm duyên sinh ra thân tâm sâu khổ.

Do giáo pháp tốt bậc này là giáo pháp tốt bậc nhất, tức nghĩa khổ trong các phiền não có thể có được, nghĩa hoại có thể có được, nên nói phiền não là tánh của hoại khổ. Như thế gọi là kiến lập tánh của hoại khổ.

Nếu tánh của hành khổ hiện hành khắp trong tất cả năm thủ uẩn nên tóm lại, trừ tánh của khổ khổ, trừ phiền não gồm thân tánh của khổ biến hoại, trừ lạc thọ gồm thân cùng nơi nương dựa, là tánh của khổ biến hoại, các thọ không khổ không lạc còn lại cùng hiện hành, hoặc các khổ ấy được sinh, hoặc sinh duyên kia, hoặc sinh trụ nơi vật chứa đựng là các uẩn hiện có, gọi là tánh của hành khổ. Do tánh của các uẩn kia là vô thường tương ưng với sinh diệt, có tất cả thủ, là

chỗ theo đuổi của ba thọ thô trọng, thuộc về nẻo không an ổn, không thoát khỏi khổ khổ, cùng do hoại khổ nên không tự tại chuyển biến. Do hành khổ nên nói là khổ. Như thế gọi là kiến lập tánh của hành khổ. Lại, ái kia cũng gọi là mong cầu, cũng gọi là vui muốn, cũng gọi là vui thích. Mong cầu này tức do ba môn mà chuyển. Nghĩa là mong cầu về đời sau, cùng mong cầu về cảnh giới. Nếu mong cầu về đời sau gọi là ái của đời sau, còn mong cầu về cảnh giới lại có hai thứ. Đó là nơi cảnh giới đã đạt được, có vui mừng, chấp trước cùng hiện hành với ái. Hoặc đối với cảnh giới chưa đạt được, có mong cầu hòa hợp cùng hiện hành với ái. Nên biết trong ấy, đối với cảnh giới đã đạt được, vui chấp cùng hiện hành với ái, gọi là hỷ tham cùng hiện hành với ái. Nơi cảnh giới chưa đạt được, mong cầu hòa hợp cùng hiện hành với ái, gọi là các thứ hỷ, lạc, ái kia.

Diệt có hai loại: Phiền não diệt và chỗ nương dựa diệt.

Đạo có hai thứ: Đạo hữu học và đạo vô học.

Như thế nên biết, gọi là đối tượng duyên Hoặc tịnh của đạo xuất thế gian.

Như vậy là đã nói về bốn thứ đối tượng duyên:

Đối tượng duyên hiện bày đầy khắp.

Đối tượng duyên tịnh hạnh.

Đối tượng duyên thiện xảo.

Đối tượng duyên Hoặc tịnh.

* ***Thế nào là chỉ dạy, trao truyền?*** Nghĩa là bốn thứ chỉ dạy, trao truyền:

(1) Chỉ dạy trao truyền không điên đảo.

(2) Chỉ dạy trao truyền dần dần.

(3) Chỉ dạy trao truyền về giáo pháp.

(4) Chỉ dạy trao truyền về chứng đắc.

Thế nào là chỉ dạy trao truyền không điên đảo? Nghĩa là nêu giảng về nghĩa của pháp không điên đảo, khiến cho việc thọ trì, đọc tụng, tu học, đạt nẻo xuất ly như thật, chính thức dứt hết các khổ, tạo được biên vực tận cùng của khổ. Như vậy gọi là chỉ dạy trao truyền không điên đảo.

Thế nào là chỉ dạy trao truyền dần dần? Đó là nêu giảng về nghĩa của pháp hợp với thời cơ, trước khiến thọ trì, đọc tụng phân can, gạn, sau mới khiến tu học chôn xa sâu.

Lại, nhằm khiến nhập nơi hiện quán của đế thứ nhất, nên trước là chỉ dạy về khổ đế, sau mới là tập đế, diệt đế, đạo đế.

Lại, vì khiến đạt được tĩnh lự, đẳng chí, nên trước là nêu dạy về tĩnh lự, đẳng chí đầu tiên, sau mới chỉ dạy về các tĩnh lự, đẳng chí còn lại.

Các loại như thế nên biết gọi là chỉ dạy trao truyền dần dần.

Thế nào là chỉ dạy, trao truyền về giáo pháp? Nghĩa là từ sự tôn trọng hoặc giống với tôn trọng, hiểu rõ về phép tắc thân giáo của Du già. Hoặc nơi trụ xứ của chư Như Lai, hoặc nơi trụ xứ của đệ tử Phật, được nghe giáo pháp chân chánh tức như giáo pháp không tăng không giảm ấy, chỉ dạy trao truyền cho người khác. Đó gọi là chỉ dạy trao truyền về giáo pháp.

Thế nào là chỉ dạy trao truyền về chứng đắc? Nghĩa là như tự mình ở riêng nơi chốn vắng lặng, đã xúc chứng đạt được các pháp, vì muốn khiến cho người khác cũng được xúc chứng, nên theo phương tiện chỉ dạy trao truyền, gọi là chỉ dạy trao truyền về chứng đắc.

Lại có các tướng chỉ dạy trao truyền viên mãn. Sự việc ấy như thế nào? Nghĩa là do ba thứ chỉ dạy trao truyền thần biến. Ba thần

biến là: (1) Thần biến về thần cảnh. (2) Thần biến về ký thuyết. (3) Thần biến về dạy khuyên.

Do thần biến về thần cảnh nên có thể hiện bày vô số cảnh giới thần thông, khiến cho kẻ khác đối với mình sinh tôn trọng hết mực, vì thế nên đối với Du già thuộc về tai nghe, tác ý sinh cung kính tột cùng.

Do thần biến về ký thuyết, nên có thể tìm cầu về chỗ sai biệt nơi tâm hành của kẻ khác.

Do thần biến về dạy khuyên, như căn, như hành, như chỗ ngộ nhập, vì đầy mà thuyết giảng chánh pháp, nơi chỗ tu hành có thể dạy khuyên đúng đắn, nên ba thứ thần biến có thể gồm thâu các tướng chỉ dạy trao truyền viên mãn.

HẾT - QUYỂN 27

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 28

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VẤN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ hai: Đoạn 3

* *Thế nào là học?* Nghĩa là ba thứ học thù thắng. Đó là:

- (1) Giới học tăng thượng.
- (2) Tâm học tăng thượng.
- (3) Tuệ học tăng thượng.

Thế nào là giới học tăng thượng? Nghĩa là an trụ nơi giới đầy đủ, như trước đã nói rộng. Đó gọi là giới học tăng thượng.

Thế nào là tâm học tăng thượng? Nghĩa là lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, hỷ lạc ly sinh, nhập tĩnh lự thứ nhất, an trụ đầy đủ, cho đến có thể nhập tĩnh lự thứ tư, an trụ trọn vẹn. Đó gọi là tâm học tăng thượng.

Lại, các đẳng trì, đẳng chí vô sắc cùng những đẳng trì đẳng chí hiện có còn lại cũng đều gọi là tâm học tăng thượng. Nhưng dựa vào tĩnh lự, có thể đầu tiên nhập chánh tánh ly sinh nơi hiện quán về Thánh đế, chẳng phải là hoàn toàn xa lìa tất cả tĩnh lự để có thể thành tựu sự việc ấy. Vì thế, tĩnh lự là hết sức thù thắng, nên được nêu riêng là tâm học tăng thượng.

Thế nào là tuệ học tăng thượng? Nghĩa là những trí, kiến hiện có đúng như thật về bốn Thánh đế, đó gọi là tuệ học tăng thượng.

Hỏi: Do duyên gì chỉ có ba học, chẳng phải là ít, chẳng phải là nhiều?

Đáp: Là do kiến lập nghĩa của định. Là nghĩa về chỗ dựa của trí. Là biện biệt về nghĩa được tạo tác.

Do kiến lập nghĩa của định: Đó là giới học tăng thượng. Vì sao? Vì do giới kiến lập tâm tánh một cảnh, có thể khiến cho tâm tiếp xúc Tam-ma-địa.

Là nghĩa về chỗ dựa của trí: Đó là tâm học tăng thượng. Vì sao? Vì do chánh định nên tâm niệm về tánh một cảnh, nơi sự việc của đối tượng nhận biết có trí, kiến đúng như thật chuyển biến.

Biện biệt về nghĩa được tạo tác: Đó là tuệ học tăng thượng. Vì sao? Vì do hoặc trí hoặc kiến khéo thanh tịnh nên có thể chứng đắc cứu cánh, các phiền não được đoạn trừ. Do phiền não được đoạn trừ, là nghĩa lợi của chính mình, là sự tạo tác thù thắng.

Vượt qua trường hợp này lại không có chỗ tạo tác thù thắng nào nữa. Do nhân duyên ấy nên chỉ có ba học.

Hỏi: Do đâu ba học theo thứ lớp như thế?

Đáp: Trước là đối với giới, do khéo thanh tịnh nên không có sầu lo hối hận. Không sầu, hối nên hoan hỷ, an lạc. Do có an lạc nên tâm được chánh định. Tâm được định nên có thể biết đúng như thật, thấy đúng như thật. Thấy, biết đúng như thật nên có thể dứt khởi chán bỏ, chán bỏ nên lìa nhiễm. Do lìa nhiễm nên liền được giải thoát. Được giải thoát nên chứng đắc Niết-bàn cứu cánh vô tác. Như thế, đầu tiên là tu tập tịnh giới, tiếp theo là tiến hướng, sau là chứng đắc Niết-bàn cứu cánh vô tác. Do vậy, ba học theo thứ lớp như vậy.

Hỏi: Do đâu ba học gọi là giới, tâm, tuệ tăng thượng?

Đáp: Là do nghĩa được hướng tới, là do nghĩa tối thắng, nên gọi là tăng thượng.

Thế nào là nghĩa được hướng tới? Đó là hướng tới tâm tăng thượng mà tu tịnh giới, gọi là giới học tăng thượng. Vì hướng tới tuệ tăng thượng mà tu tâm định, gọi là tâm học tăng thượng. Vì hướng tới việc đoạn trừ phiền não mà tu tập trí, kiến, gọi là tuệ học tăng thượng. Như thế gọi là nghĩa được hướng tới, nên được nói là tăng thượng.

Thế nào là nghĩa tối thắng? Đó là hoặc giới học tăng thượng, hoặc tâm học tăng thượng, hoặc tuệ học tăng thượng, chỉ ở nơi Thánh giáo mới riêng có ba thứ này không chung với ngoại đạo. Như vậy gọi là nghĩa tối thắng, nên được gọi là tăng thượng.

Lại, hoặc có tâm học tăng thượng, có thể dẫn phát tuệ học tăng thượng. Hoặc có tuệ học tăng thượng, có thể dẫn phát tâm học tăng thượng. Nghĩa là Thánh đệ tử chưa đạt được tĩnh lự căn bản, trước học “kiến tích”, sau là thắng tấn đoạn trừ hết thủy phiền não do tu đạo đoạn, siêng năng đúng đắn nơi gia hạnh, tu giác chi niệm, cho đến tu giác chi xả. Đó gọi là tuệ học tăng thượng dẫn phát tâm học tăng thượng. Tâm học tăng thượng dẫn phát tuệ học tăng thượng: Như trước đã nêu.

Lại, hoặc có giới học tăng thượng, không có tâm tăng thượng, không có tuệ tăng thượng. Hoặc có giới học tăng thượng cũng có tâm tăng thượng, chỉ không có tuệ tăng thượng, chẳng phải là có tuệ học tăng thượng mà không có giới tăng thượng cùng không có tâm tăng thượng. Do vậy, nếu có tuệ học tăng thượng, nên biết nhất định là gồm đủ ba học.

Ở trong việc kiến lập ba thứ học này, các sư Du già nên siêng năng tu học.

Lại có ba thứ Bồ-đặc-già-la, dựa vào ba học này để nhập hiện quán về đế. Những gì là ba thứ? Đó là: (1) Chưa lia dục. (2) Lia dục gấp bội. (3) Đã lia dục.

Ở đây nên biết, đối với tất cả dục hoàn toàn chưa lia: Tức siêng tu gia hạnh nhập hiện quán về đế. Đã ở nơi các đế đạt hiện quán rồi, nên chứng quả Dự lưu.

Lia dục gấp bội: Tức bấy giờ chứng đắc quả Nhất lai.

Đã lia dục: Là vào lúc ấy chứng đắc quả Bất hoàn.

Lại có ba căn: (1) Căn vị tri dục tri (Căn chưa biết muốn biết). (2) Căn dĩ tri (Căn đã biết). (3) Căn cụ tri (Căn biết đầy đủ).

Thế nào là kiến lập ba căn như vậy? Nghĩa là nơi các đế chưa hiện quán: Tức nên siêng tu gia hạnh để hiện quán các đế, dựa vào đây để kiến lập căn vị tri dục tri. Nếu đối với các đế đã đạt hiện quán, nhưng còn ở hàng hữu học, tức dựa vào đây để kiến lập căn dĩ tri. Nếu là bậc A-la-hán, việc làm đã xong, trụ nơi vị vô học, tức dựa vào đây để kiến lập căn cụ tri.

Lại có ba môn giải thoát: (1) Môn giải thoát không. (2) Môn giải thoát vô nguyên. (3) Môn giải thoát vô tướng.

Thế nào là kiến lập ba môn giải thoát? Nghĩa là về cảnh của đối tượng nhận biết lược có hai loại: Hữu và phi hữu.

Hữu có hai loại: Hữu vi và vô vi. Ở trong hữu vi lại nói về năm uẩn hệ thuộc ba cõi. Ở trong vô vi lại nói về Niết-bàn.

Hai loại hữu vi, vô vi như vậy hợp gọi là hữu. Nếu nói về ngã, hoặc nói về hữu tình, thọ mạng, sự sinh v.v... thì đó gọi là phi hữu.

Ở trong hữu vi thấy rõ về lỗi lầm, thấy rõ về tai họa, nên không chỗ cầu nguyện. Không cầu nguyện, nên dựa vào đây để kiến lập môn giải thoát vô nguyên.

Ở trong hữu vi không cầu mong, nên đối với Niết-bàn sinh khởi sự cầu mong sâu xa, thấy rõ sự tịch tĩnh tột bậc, thấy rõ sự vi diệu tột cùng, thấy rõ nẻo xuất ly vĩnh viễn. Do ở đây thấy rõ nẻo xuất ly vĩnh viễn, nên dựa vào đó để kiến lập môn giải thoát vô tướng.

Ở trong phi hữu không sở hữu, phi hữu cầu nguyện, phi vô cầu nguyện. Như về phi hữu, trở lại tức như thế, nhận biết là phi hữu, thấy rõ là phi hữu, nên dựa vào đây để kiến lập môn giải thoát không. Đó gọi là kiến lập ba môn giải thoát.

* ***Thế nào là tùy thuận pháp học?*** Nghĩa là có mười thứ trái ngược với pháp học. Đối trị chúng, nên biết có mười thứ tùy thuận pháp học.

Những gì là mười thứ trái ngược với pháp học? Đó là:

(1) Tuổi trẻ cường tráng, hình sắc đáng yêu thích hiện có nơi đất mẹ, là chướng ngại phẩm thượng của hàng thiện nam chính thức tu học.

(2) Nơi các hành thuộc về Tát-ca-da (Thân) sinh khởi ái chấp.

(3) Biếng nhác lười trễ.

(4) Thân kiến.

(5) Dựa nơi đoạn thực tham đắm mỹ vị.

(6) Đối với vô số hý luận của các thế gian chẳng phải là một mà là rất nhiều với những phẩm loại sai biệt, trong chỗ suy niệm về chúng đã phát khởi mong muốn, tham ái.

(7) Tác ý Du già, tư duy về các pháp, với những lỗi lầm tai hại hiện có. Ở đây lại là thế nào? Nghĩa là có mười một thứ:

Thứ nhất: Đối với nghiệp quả của uẩn thật nơi các đế còn do dự, nghi hoặc.

Thứ hai: Ưu tu đoạn trừ các thứ thô trọng của thân.

Thứ ba: Có sự chậm chạp đối với việc tu Chỉ, Quán. Tác ý về lỗi lầm tai hại nơi hôn trầm, thù miên che lấp tâm, khiến tâm bị thu hẹp hết mực.

Thứ tư: Tinh tấn quá mức khiến thân mệt, tâm phiền muộn.

Thứ năm: Tinh tấn quá yếu kém, nên không thể thắng tấn, phẩm thiện suy thoái.

Thứ sáu: Đối với chút ít lợi dưỡng, tiếng tăm, lời khen, theo một trong các thứ ưa thích ấy, sinh khởi tâm vui mừng sâu xa.

Thứ bảy: Luôn trạo cử, không tĩnh lặng, thích múa may náo loạn.

Thứ tám: Đối với Niết-bàn vĩnh viễn dứt trừ thân, sinh tâm kinh sợ.

Thứ chín: Nơi các thứ ngôn thuyết, gia hạnh phi lượng, nói bàn thái quá. Tuy giảng nói pháp, luận, nhưng ưa thích bài bác, khởi phương tiện tranh chấp.

Thứ mười: Đối với những điều đã thấy, nghe, thọ nhận từ trước nơi các cảnh giới chẳng phải là một mà là rất nhiều với các phẩm loại sai biệt, tâm luôn dong ruổi, tán loạn.

Thứ mười một: Nơi chốn không nên tư duy mà bắt buộc trầm tư.

Nên biết đó gọi là tác ý Du già, tư duy về các pháp với những lỗi lầm tai hại hiện có.

(8) Ở trong sự ưa thích các tính lự, đẳng chí, sinh khởi tâm tham ái sâu xa về vị.

(9) Ưa muốn chứng nhập định vô tướng, ở trong các hành thuận theo nẻo kết hợp tán loạn.

(10) Riêng thân thọ khổ, cho đến lúc thọ khổ vì bị đoạt mạng luôn tham ái về thọ mạng, mong muốn được sống còn. Theo chỗ mong cầu ấy nên luôn ta thán, sầu muộn.

Đó gọi là mười thứ trái ngược với pháp học.

Thế nào là đối trị mười thứ trái ngược với pháp học như vậy để thuận theo pháp học? Nghĩa là có mười thứ:

- (1) Tưởng bất tịnh.
- (2) Tưởng vô thường.
- (3) Tưởng vô thường – khổ.
- (4) Tưởng khổ – vô ngã.
- (5) Tưởng chán nghịch về ăn uống.
- (6) Tưởng về tất cả thế gian không thể vui thích.
- (7) Tưởng về ánh sáng.
- (8) Tưởng lia dục.
- (9) Tưởng về diệt.
- (10) Tưởng về chết.

Nơi mười tưởng như thế, khéo tu khéo tập khéo tu tập nhiều, tức có thể đoạn trừ mười thứ chướng ngại đối với pháp học, trái ngược với pháp học. Nên biết trong ấy có bốn thứ ánh sáng:

- (1) Ánh sáng của Pháp.
- (2) Ánh sáng của Nghĩa.
- (3) Ánh sáng của Chí.
- (4) Ánh sáng của Quán.

Dựa vào sức tăng thượng của bốn thứ ánh sáng ấy để lập tưởng về ánh sáng. Nay trong nghĩa này, ý là nhằm giữ lấy hành tác ý Du già, tư duy các pháp, có thể đoạn trừ pháp chướng ngại. Nên biết ở đây lại có mười thứ tùy thuận pháp học. Đó là:

- (1) Nhân từ trước.
- (2) Tùy thuận nơi giáo.

- (3) Gia hạnh như lý.
- (4) Hành tác luôn cẩn trọng, không gián đoạn.
- (5) Ưa muốn mãnh liệt.
- (6) Giữ vững lực Du già.
- (7) Dứt trừ mọi thứ thô trọng nơi thân tâm.
- (8) Thường xuyên quán xét.
- (9) Không có khiếm nhược.
- (10) Lia tăng thượng mạn.

Thế nào là nhân từ trước? Nghĩa là trước đã tu tập tích tập các căn, thành thực các căn.

Thế nào là tùy thuận nơi giáo? Đó là giáo pháp được nêu giảng theo thứ lớp, không điên đảo.

Thế nào là gia hạnh như lý? Nghĩa là theo như giáo pháp tu hành thuận hợp. Tu hành như thế tức có thể sinh khởi chánh kiến.

Thế nào là hành tác luôn cẩn trọng, không gián đoạn? Nghĩa là do gia hạnh đúng đắn như thế, nên đối với các phẩm thiện không gắng sức một cách uổng phí, tức mau chóng có thể tích tập các phẩm thiện hiện có.

Thế nào là ưa muốn mãnh liệt? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với sự giải thoát trên, phát sinh hâm mộ, mong muốn. Ta, vào lúc nào, sẽ ở nơi xứ này có thể an trụ đầy đủ? Như các bậc Thánh đối với xứ này đã an trụ trọn vẹn?

Thế nào là giữ vững lực Du già? Nghĩa là có hai nhân duyên có thể khiến hành giả đạt được việc giữ vững lực Du già:

- (a) Bản tánh là lợi căn.
- (b) Thường xuyên tu tập thông suốt.

Thế nào là dứt trừ mọi thứ thô trọng nơi thân, tâm? Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc do thân khó nhọc, thiếu thốn nên phát khởi những thô trọng nơi thân, tâm. Trường hợp này nhân nơi oai nghi thay đổi liền có thể dứt bỏ. Hoặc do quá vội gáp trong việc dò xét nên phát khởi các thứ thô trọng nơi thân, tâm. Ở đây nhân nơi phương tiện là nội tâm tĩnh lặng mà liền được dứt trừ. Hoặc do tâm bị thu hẹp, thấp kém, bị các thứ hôn trầm, thù miên vây buộc, nên phát khởi các thứ thô trọng nơi thân tâm. Trường hợp này nhờ vào pháp quán thuận theo tác ý thanh tịnh của tuệ tăng thượng mà được dứt diệt. Hoặc do phiền não của bản tánh chưa đoạn trừ, tức có phẩm phiền não, nên những thô trọng của thân tâm chưa thể lìa bỏ. Ở đây nhờ vào việc siêng tu chánh đạo luôn nối tiếp tức liền được dứt trừ.

Thế nào là thường xuyên quán xét? Nghĩa là nương theo giới, thường xuyên quan sát, không nên tạo tác việc ác, việc thiện nên làm. Đối với việc ác không làm, không chuyên. Đối với việc thiện thì nên làm, không thoái thất. Đối với việc ác nên làm thiện để trừ bỏ. Đối với việc thiện nên làm để gắn liền. Lại nữa, đối với phiền não đã đoạn cùng chưa đoạn, nên tác ý quán xét. Do lực tăng thượng nên thường xuyên quan sát. Nếu biết đã đoạn liền sinh hoan hỷ. Nếu biết chưa đoạn, tức nên luôn siêng năng tu tập chánh đạo.

Thế nào là không có khiếp nhược? Nghĩa là nơi thời gian sau, trong việc nên biết nên thấy nên chứng đắc, nếu chưa đạt được tức phát sinh khiếp nhược, khiến tâm mệt mỏi, khiến tâm hao tổn. Sự khiếp nhược đã sinh rồi thì không giữ chặt, nên mau chóng có thể đoạn trừ.

Thế nào là lìa tăng thượng mạn? Đó là, đối với các thứ sở đắc, các nẻo tiếp xúc, chứng đạt đều không có tăng thượng mạn, lìa chấp điên đảo. Nơi sở đắc chân thật đầy khởi tưởng “có được”. Nơi nẻo tiếp xúc chân thật, đầy khởi tưởng tiếp xúc. Nơi nẻo chứng đạt đích thực đầy khởi tưởng thân chứng.

Mười pháp như vậy, nơi các sư Du già vui thích tu học phải nên tu tập. Trong các thời gian đầu giữa sau nên luôn tùy thuận không có trái ngược. Do đó gọi là thuận theo pháp học.

* ***Thế nào là Du già hoại?*** Nghĩa là hoại Du già lược có bốn thứ:

- (1) Hoại Du già hoàn toàn.
- (2) Hoại Du già tạm thời.
- (3) Hoại Du già do chỗ đạt được bị thoái thất.
- (4) Hoại Du già do tạo hạnh tà.

Hoại Du già hoàn toàn: Đó là Bồ-đặc-già-la (Hữu tình) không có chủng tánh. Vì sao? Do trong thân của hữu tình ấy không thể hướng tới pháp Niết-bàn, nên hoàn toàn hoại mất pháp Du già xuất thế gian.

Hoại Du già tạm thời: Đó là Bồ-đặc-già-la có chủng tánh. Vì sao? Tức do nơi thân của hữu tình ấy có khả năng hướng đến pháp Niết-bàn. Tuy trải qua thời gian lâu xa thiếu duyên bên ngoài, nhưng nhất định sẽ gặp duyên để tu tập Du già khiến được hiện khởi. Khéo tu tập rồi sẽ Bát Niết-bàn. Vì thế, nói hữu tình ấy Du già tạm thời hiện có rồi hoại mất.

Hoại Du già do chỗ đạt được bị thoái thất: Nghĩa là như có một hữu tình bị thoái thất pháp Du già đã đạt được, đã tiếp xúc, đã chứng đắc, hoặc là trí, hoặc là kiến, hoặc là trụ an lạc.

Hoại Du già do tạo hạnh tà: Đó là như có một hữu tình siêng năng tu hành không như chánh lý, tuy dụng công nhiều, nhưng không thành tựu tức không thể thành tựu đầy đủ về tất cả Du già, cũng không phải là pháp thiện. Lại như có một hữu tình có nhiều thứ phiền não, tánh nhiều cấu uế, nhưng nhận thức thông sáng, tuệ giác mãn tiệp, thành tựu sự hiểu biết câu sinh, khéo gồm thâu những điều được nghe một cách rõ ràng. Hoặc ít hoặc nhiều, hoặc trụ nơi chốn

vắng lặng. Có kẻ tại gia cùng người xuất gia, do tánh chất trực, tìm đến trụ xứ của vị kia, nhân đây thuyết giảng pháp khiến người tới nghe tâm đều hoan hỷ. Vị kia lại hành đối trá, vọng hiện vô số tạo tác hợp thiện, tương ưng nơi thân, ngữ. Do nhân duyên ấy nên gây tạo, tích tập được nhiều sự tôn kính xung tụng, tưởng về phước đức lớn, cùng với những lợi dưỡng về y phục, ngọa cụ, thuốc men v.v..., được các bậc quốc vương, đại thần, cư sĩ, cho đến thương chủ, cung kính, tôn trọng, cùng cho đó là bậc A-la-hán... Nhưng thực chất thì không phải như thế. Kẻ kia suy nghĩ: “Ta nay nên tự tư duy, lường tính, quán xét để an lập pháp Du già”. Kẻ kia, do sức tăng thượng của sự việc này, nên càng tham đắm về lợi dưỡng cùng sự cung kính, danh tiếng v.v..., tức ở nơi vắng lặng tự thẩm xét, tư duy, lường tính, nhằm an lập pháp Du già, nhưng pháp Du già này không thuận với khế kinh, không hiện bày giới luật, trái ngược với pháp tánh. Kẻ kia, do sức tăng thượng của những tham vọng về lợi dưỡng, sự cung kính v.v... nên ở trong phi pháp khởi tưởng về pháp, khởi tưởng che giấu, khởi những ưa muốn xấu ác, hiển bày, chỉ dẫn phi pháp là pháp. Những người thuận theo kiến giải của kẻ ấy, cũng đối với phi pháp khởi tưởng là pháp đúng. Là hạng ngu tối, độn chậm nên ở trong phi pháp khởi tưởng về pháp, tuy theo như giáo pháp tinh tấn tu tập, nên biết tất cả đều là hành tà. Như vậy gọi là tạo tác hạnh tà nên Du già bị hoại mất. Hình tượng giống chánh pháp nhưng không phải là chánh pháp đích thực, tức có thể gây chướng ngại cho chánh pháp. Các Bí-sô siêng tu tĩnh lự, là sư Du già, đối với bốn thứ pháp hoại Du già ấy phải nhận biết đúng khắp, nên xa lìa, dứt bỏ.

* *Thế nào là Du già?* Nghĩa là có bốn Du già. Đó là:

- (1) Tín.
- (2) Dục.
- (3) Tinh tấn.
- (4) Phương tiện.

Nên biết về tín có hai hành tướng và hai chỗ dựa.

Hai hành tướng của tín là: Thứ nhất: Hành tướng tín thuận. Thứ hai: Hành tướng thanh tịnh.

Hai chỗ dựa của Tín là: Thứ nhất: Chỗ dựa của đạo lý quan sát các pháp. Thứ hai: Chỗ dựa là thần lực của Bồ-đặc-già-la tin hiểu.

Dục có bốn thứ. Đó là: (a) Dục vì chứng đắc. (b) Dục vì thỉnh vấn. (c) Dục vì tích tập tư lương. (d) Dục vì tùy thuận Du già.

Dục vì chứng đắc: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với giải thoát trên hết phát sinh mong cầu, hâm mộ, như trước đã nói rộng.

Dục vì thỉnh vấn: Nghĩa là như có một hữu tình, phát sinh mong cầu hâm mộ rồi, nên đi tới Tăng-già-lam, đi đến trụ xứ của các vị đồng tu phạm hạnh có hiểu biết, thành tựu trí diệu Du già, để lắng nghe những điều chưa được nghe một cách rất ráo.

Dục vì tích tập tư lương: Nghĩa là như có một hữu tình, vì giới luật nghi thanh tịnh, vì căn luật nghi thanh tịnh, nên đối với việc ăn uống biết rõ về lượng giảm, luôn tỉnh giác trong việc ngủ nghỉ trụ nơi chánh tri, lần lượt tăng thắng, phát sinh mong cầu, hâm mộ.

Dục vì tùy thuận Du già: Nghĩa là đối với gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh cẩn trọng, luôn tu tập đạo, phát sinh mong cầu, hâm mộ, phát sinh vui thích, muốn có hành tác.

Tinh tấn có bốn. Đó là: (a) Tinh tấn vì lắng nghe (Văn). (b) Tinh tấn vì tư duy (Tu). (c) Tinh tấn vì tu tập (Tu). (d) Tinh tấn vì chương ngại được thanh tịnh.

Tinh tấn vì lắng nghe: Nghĩa là lắng nghe điều chưa được nghe một cách rất ráo, nên tâm siêng năng dũng mãnh, xét quyết gia hạnh.

Tinh tấn vì tư duy: Đó là như pháp đã được nghe, ở riêng nơi chốn vắng lặng tư duy về nghĩa, lường tính, quán xét.

Tĩnh tấn vì tu tập: Là nhập tịch tĩnh, nơi mọi thời gian siêng tu Chỉ, Quán.

Tĩnh tấn vì chướng ngại được thanh tịnh: Tức nơi ngày đêm luôn thúc đẩy, khuyến khích siêng năng kinh hành, ngồi thiền, theo các pháp chướng ngại, tịnh tu nơi tâm, tâm tinh tấn, dững mãnh, xét, quyết.

Phương tiện có bốn. Đó là: Do lực tăng thượng của giới luật nghi nên khéo giữ gìn niệm. Khéo giữ gìn niệm nên có thể không phóng dật, phòng hộ nơi tâm, tu các pháp thiện. Không phóng dật nên tâm chân chánh, bên trong tu Chỉ, Quán theo pháp của tuệ tăng thượng.

Bốn Du già này có mười sáu thứ, nên biết trong ấy, đầu tiên là do tín nên đối với nghĩa cần đạt được, phát sinh tin hiểu sâu xa. Tiếp đây, đối với các pháp thiện sinh khởi ưa muốn (Dục). Do ưa muốn nên ngày đêm luôn thúc đẩy, an trụ nơi tinh tấn. Kiên cố dững mãnh phát khởi tinh tấn rồi thì thâm nhập phương tiện để có thể đạt được điều chưa đạt, có thể tiếp xúc điều chưa tiếp xúc, có thể chứng đắc pháp chưa chứng đắc. Do đó, bốn pháp này được gọi là Du già.

* *Thế nào là tác ý?* Nghĩa là bốn tác ý:

- (1) Tác ý vận chuyển gắng sức.
- (2) Tác ý vận chuyển hữu gián.
- (3) Tác ý vận chuyển vô gián.
- (4) Tác ý vận chuyển không dụng công.

Thế nào là tác ý vận chuyển gắng sức? Đó là người mới tu nghiệp, khiến tâm đối với bên trong an trụ, cùng trụ. Hoặc nơi các pháp xét chọn không điên đảo, cho đến tác ý tu tập pháp chưa đạt được. Bây giờ, tác ý vận chuyển gắng sức, do gắng sức gấp bội đã tác động nơi tâm khiến trụ vào một cảnh. Vì vậy gọi là tác ý vận chuyển gắng sức.

Thế nào là tác ý vận chuyển hữu gián? Nghĩa là sau khi đạt được tác ý tu tập rồi, nơi đạo thế gian, xuất thế gian lần lượt thăng tấn. Tác ý nhận rõ tướng, do chỗ gián đoạn xen lẫn của tư duy thuộc Tam-ma-địa, nên chưa thể hoàn toàn thuần tu hành chuyển. Vì thế gọi là tác ý vận chuyển hữu gián.

Thế nào là tác ý vận chuyển vô gián? Nghĩa là từ tác ý nhận rõ tướng về sau, cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh. Đó gọi là tác ý vận chuyển không gián đoạn.

Thế nào là tác ý vận chuyển không dụng công? Đó là tác ý về quả cứu cánh của gia hạnh.

Lại có bốn thứ tác ý khác:

- (1) Tác ý tùy thuận.
- (2) Tác ý đối trị.
- (3) Tác ý thuận thanh tịnh.
- (4) Tác ý thuận quan sát.

Thế nào là tác ý tùy thuận? Đó là nơi đối tượng duyên phát sinh sự chán, hoại sâu xa, nên dấy khởi gia hạnh đúng đắn, nhưng chưa đoạn trừ các Hoặc.

Thế nào là tác ý đối trị? Nghĩa là có thể đoạn trừ các Hoặc.

Thế nào là tác ý thuận thanh tịnh? Đó là tâm khiêm tốn để giữ lấy tướng tịnh diệu, thúc đẩy khiến hoan hỷ.

Thế nào là tác ý thuận quan sát? Nghĩa là tác ý quan sát. Do lực tăng thượng của tác ý này, nên quán thuận về các phiền não đã đoạn cùng chưa đoạn.

Hỏi: Nơi cảnh của đối tượng duyên, lúc chính thức tác ý, tư duy về bao nhiêu tướng?

Đáp: Bốn tướng. Đó là:

(1) Tướng của đối tượng duyên.

(2) Tướng của nhân duyên.

(3) Tướng nên xa lia.

(4) Tướng nên tu tập.

Tướng của đối tượng duyên: Là đồng phận của sự việc được nhận biết với ảnh tượng hiển hiện rõ ràng.

Tướng của nhân duyên: Nghĩa là tích tập tư lương của Tam-ma-địa, thuận theo sự chỉ dạy, dẫn dắt, cùng với tu tập đồng hiện hành, ưa muốn mãnh liệt. Đối với pháp đáng chán lia, sinh khởi tâm chán bỏ sâu xa, có thể thâm xét, nhận biết khắp về loạn và chẳng loạn, kẻ khác không thể nào hại. Hoặc do người tạo tác, hoặc do hàng phi nhân tạo tác, hoặc tạo tác âm thanh, hoặc tạo tác công dụng. Hoặc dùng pháp Quán đứng đầu, bên trong tâm được thu hẹp, hết sức mãnh liệt để quán về tướng nhân duyên sau. Hoặc dùng pháp Chỉ đứng đầu, phát khởi quán thù thắng, hết sức mãnh liệt để chỉ về tướng nhân duyên sau.

Tướng nên xa lia lại có bốn thứ: (a) Tướng trầm (Hôn trầm). (b) Tướng trạo (Trạo cử). (c) Tướng chấp trước. (d) Tướng loạn động.

Tướng trầm: Là do tướng của đối tượng duyên và tướng của nhân duyên, nên khiến tâm thấp kém.

Tướng trạo: Là do tướng của đối tượng duyên và tướng của nhân duyên, nên khiến tâm tự đề cao.

Tướng chấp trước: Là do hai tướng đã nêu, khiến tâm đối nơi cảnh dấy khởi nhiễm, chấp, tạo các não loạn.

Tướng loạn động: Do hai tướng đã nêu, khiến tâm đối với bên ngoài cứ dong ruổi, tán động.

Các tướng như thế, trong Địa đẳng dẫn ở trước đã nêu rõ.

Hỏi: Tác ý như vậy, nơi cảnh của đối tượng duyên, lúc phát khởi thắng giải, có bao nhiêu thắng giải?

Đáp: Có chín thắng giải. Đó là:

- (1) Thắng giải có sự thanh tịnh sáng tỏ.
- (2) Thắng giải không có sự thanh tịnh sáng tỏ.
- (3) Thắng giải trì độn.
- (4) Thắng giải mẫn tiệp.
- (5) Thắng giải nhỏ hẹp.
- (6) Thắng giải rộng lớn.
- (7) Thắng giải vô lượng.
- (8) Thắng giải thanh tịnh.
- (9) Thắng giải không thanh tịnh.

Thắng giải có sự thanh tịnh sáng tỏ: Nghĩa là thắng giải hiện có của tâm trong lặng đối với tướng ánh sáng khéo giữ lấy và cùng hiện hữu với ánh sáng.

Thắng giải không có sự thanh tịnh sáng tỏ: Đó là thắng giải hiện có, đối với tướng ánh sáng không thể khéo giữ lấy và cùng hiện hữu với bóng tối.

Thắng giải trì độn: Tức là thắng giải hiện có nơi thân của hàng độn căn.

Thắng giải mẫn tiệp: Là thắng giải hiện có nơi thân của hàng lợi căn.

Thắng giải nhỏ hẹp: Là thắng giải cùng hiện hành với tín, dục nhỏ hẹp và thắng giải nơi ý giải của đối tượng duyên nhỏ hẹp. Tác ý nhỏ hẹp cùng đối tượng duyên nhỏ hẹp như vậy, nên gọi là thắng giải nhỏ hẹp.

Thắng giải rộng lớn: Là thắng giải cùng hiện hành với tín, dục rộng lớn và thắng giải nơi ý giải của đối tượng duyên rộng lớn. Do tác ý rộng lớn cùng đối tượng duyên rộng lớn như vậy, nên gọi là thắng giải rộng lớn.

Thắng giải vô lượng: Nghĩa là thắng giải cùng hiện hành với tín, dục vô biên, không bến bờ, và thắng giải nơi ý giải của đối tượng duyên vô biên không bờ bến. Do tác ý vô lượng cùng đối tượng duyên vô lượng như thế, nên gọi là thắng giải vô lượng.

Thắng giải thanh tịnh: Là thắng giải cùng hiện hành với hành giả đã khéo tu tập, đã khéo thành tựu đầy đủ, đã khéo đạt cứu cánh.

Thắng giải không thanh tịnh: Là thắng giải cùng hiện hành với hành giả chưa khéo tu tập, chưa thành tựu đầy đủ, chưa đạt cứu cánh.

Hỏi: Người tu Du già gồm có bao nhiêu thứ Du già được tạo tác?

Đáp: Có bốn. Đó là:

- (1) Chỗ dựa về diệt.
- (2) Chỗ dựa về chuyển.
- (3) Đối tượng duyên được nhận biết khắp.
- (4) Đối tượng duyên được yêu thích.

Chỗ dựa về diệt và chỗ dựa về chuyển: Đó là chỗ dựa cùng hiện hành của những thô trọng hiện có nơi hành giả tác ý siêng năng tu tập Du già dần dần được diệt trừ. Là chỗ dựa cùng hiện hành của khinh an hiện có dần dần được chuyển biến. Đó gọi là chỗ dựa về diệt và chỗ dựa về chuyển nơi Du già được tạo tác.

Đối tượng duyên được nhận biết khắp và đối tượng duyên được yêu thích: Nghĩa là hoặc có đối tượng duyên được nhận biết khắp và đối tượng duyên được yêu thích cùng với chỗ dựa về diệt và chuyển được xem là đứng đầu, do sức tăng thượng của hai đối tượng duyên ấy, nên khiến cho hai chỗ dựa kia diệt và chuyển.

Hoặc có hai đối tượng duyên kia dùng chỗ dựa về thanh tịnh đứng đầu, do sức tăng thượng của chỗ dựa về thanh tịnh ấy nên khiến cho hai đối tượng duyên kia được hoàn toàn thanh tịnh, nơi sự tạo tác

khi đã thành tựu đầy đủ, theo đây mà chuyên. Đó gọi là bốn thứ Du già được tạo tác của người tu Du già.

Hỏi: Sư Du già tu tập gồm có bao nhiêu thứ?

Đáp: Có ba. Đó là:

- (1) Sư Du già mới tu nghiệp.
- (2) Sư Du già đã tập hành.
- (3) Sư Du già đã vượt qua tác ý.

Thế nào là sư Du già mới tu nghiệp? Đó là có hai loại mới tu nghiệp:

Thứ nhất: Mới tu nghiệp đối với tác ý.

Thứ hai: Mới tu nghiệp làm tịnh phiền não.

Thế nào là mới tu nghiệp đối với tác ý? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la mới tu nghiệp, an trụ nơi một duyên, tác ý siêng tu, cho đến chưa đạt được tác ý về đối tượng tu, chưa thể xúc chứng tâm ý một cảnh.

Thế nào là mới tu nghiệp làm tịnh phiền não? Là đã chứng đắc tác ý về đối tượng tu, đối với các phiền não muốn cho tâm được thanh tịnh, nên phát khởi, thâm nhận tác ý biết rõ tướng, siêng năng chân chánh để tu tập.

Thế nào là sư Du già đã tập hành? Nghĩa là trừ tác ý biết rõ tướng, ở trong năm tác ý còn lại, cho đến gia hạnh cứu cánh, đều đã khéo tu tập.

Thế nào là sư Du già đã vượt qua tác ý? Nghĩa là trụ trong phần vị tác ý về quả cứu cánh của gia hạnh, do đó nên vượt quá tác ý về đối tượng tu của phương tiện gia hạnh, an trụ nơi quả tu. Vì thế gọi là đã vượt qua tác ý.

Lại, khởi đầu từ tu tập pháp thiện dục trở đi, cho đến chưa khởi căn thiện của thuận phần quyết trạch, bấy giờ gọi là mới tu nghiệp.

Nếu đã phát khởi căn thiện của thuận phần quyết trạch, đó là noãn, đánh, tùy thuận để nhân, pháp thế đệ nhất, gọi là đã tập hành. Nếu đã chứng nhập chánh tánh ly sinh, đạt hiện quán về để không do duyên khác, đối với Thánh giáo của Phật không bị các duyên còn lại thâm đoạt, nên vào lúc này, gọi là vượt qua tác ý. Vì hành giả đã vượt qua tác ý của duyên khác, trụ nơi tác ý hiện có chẳng phải là duyên khác, vì thế gọi là đã vượt qua tác ý.

* ***Thế nào là tu Du già?*** Nghĩa là có hai loại. Đó là:

- (1) Tu tướng.
- (2) Tu Bồ-đề phần.

Thế nào là tu tướng? Nghĩa là lúc tu đạo thế gian, đối với các Địa dưới tu tướng về lỗi lầm tai hại. Hoặc lúc tu đạo Niết-bàn, đối với giới đoạn, giới diệt, giới lìa dục, quán thấy các công đức tịch tĩnh tối thắng, tu tập tướng đoạn, tướng diệt, tướng lìa dục. Hoặc lúc tu Xa-ma-tha, tu tập tướng trên dưới của phẩm Chỉ. Hoặc khi tu Tỳ-bát-xá-na, tu tập tướng trước sau của phẩm Quán.

Tướng trên dưới: Là quán xét thân này, như chỗ trụ, chỗ nguyện của nó. Trên từ nơi trên đỉnh đầu, dưới đến dưới chân, với vô số tạp loại bất tịnh đầy dẫy, như trước đã nói rộng.

Tướng trước sau: Nghĩa là như có một hữu tình, nơi tướng của đối tượng quán, ân cần hướng đến, khéo giữ lấy, khéo tư duy, khéo hiểu rõ, khéo thông đạt. Tức là đứng quán về ngôi, ngôi quán về nằm, hoặc tại hành sau quán xét hành trước. Đây chính là hiển bày dùng hành của Tỳ-bát-xá-na quán xét về các hành duyên sinh của ba đời. Nghĩa là, nếu nói đứng quán về ngôi, thì đây tức là hiển bày dùng tác ý hiện tại để quán xét về các hành được nhận biết của vị lai. Vì sao? Vì phần vị của tác ý hiện tại đã hiện sinh nên nói là trụ (đứng). Phần vị được nhận biết của vị lai chưa hiện sinh, chỉ sắp đầy khởi nên gọi là ngôi.

Nếu lại nói: Ngồi quán về nằm, thì đây tức hiển bày dùng tác ý hiện tại để quán xét về các hành được nhận biết của quá khứ. Vì sao? Vì phần vị của tác ý hiện tại vừa mới diệt nên nói là ngồi. Phần vị được nhận biết của quá khứ đã diệt hẳn nên gọi là nằm. Nếu lại nói: Hoặc nơi hành sau quán xét về hành trước, thì đây tức hiển bày dùng tác ý hiện tại để quán về tác ý hiện hành của vô gián diệt. Vì sao? Vì nếu đã sinh khởi lui diệt vô gián, giữ lấy tác ý, gọi là hành trước. Nếu vô gián này luôn sinh khởi tiếp nối có thể giữ lấy tác ý, giữ lấy phần vô gián đã lui diệt trước, thì gọi là hành sau. Nên biết trong ấy là tu Chỉ, Quán. Tu tưởng ánh sáng thù thắng của hai phẩm ấy, đó gọi là tu tưởng.

Thế nào là tu Bồ-đề phần? Nghĩa là đối với ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, thân cận, tích tập, hoặc tu hoặc tập, hoặc tu tập nhiều, thì đó gọi là tu Bồ-đề phần.

Những gì gọi là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề? Đó là:

Bốn niệm trụ (bốn niệm xứ). Bốn chánh đoạn (bốn chánh cần).
Bốn thần túc.

Năm căn. Năm lục.

Bảy giác chi. Tám Thánh đạo.

Bốn niệm trụ: Tức: (1) Niệm trụ về thân. (2) Niệm trụ về thọ. (3) Niệm trụ về tâm. (4) Niệm trụ về pháp.

Bốn chánh đoạn: Đối với pháp ác, bất thiện đã sinh thì khiến đoạn trừ. Dấy khởi dục (mong muốn), thúc đẩy, khích lệ, phát sinh siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm để chánh đoạn. Đối với pháp ác, bất thiện chưa sinh thì khiến không sinh. Dấy khởi mong muốn, thúc đẩy, khích lệ, phát sinh siêng năng tinh tấn, thôi thúc tâm, giữ vững tâm để chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sinh, thì nhằm khiến được trụ, không quên mất, khiến tu viên mãn, khiến tu tập gấp bội, khiến được tăng trưởng, rộng lớn, sinh khởi mong muốn, thúc

đầy, khích lệ, khiến siêng năng tinh tấn, thôi thúc tâm, giữ vững tâm để chánh đoạn.

Bốn thân túc: Thân túc thành tựu do Tam-ma-địa dục đoạn hành. Thân túc thành tựu do Tam-ma-địa cần đoạn hành. Thân túc thành tựu do Tam-ma-địa tâm đoạn hành. Thân túc thành tựu do Tam-ma-địa quán đoạn hành.

Năm căn: Tín căn. Tinh tấn căn. Niệm căn. Định căn. Tuệ căn.

Năm lực: Tín lực. Tinh tấn lực. Niệm lực. Định lực. Tuệ lực.

Bảy giác chi: Giác chi niệm. Giác chi trạch pháp. Giác chi tinh tấn. Giác chi hỷ. Giác chi khinh an. Giác chi định. Giác chi xả.

Tám chi Thánh đạo: Chánh kiến. Chánh tư duy. Chánh ngữ. Chánh nghiệp. Chánh mạng. Chánh tinh tấn. Chánh niệm. Chánh định.

Nay ở đây, thế nào là thân? Thế nào là nơi thân trụ, tuần tự quán về thân? Thế nào là niệm? Thế nào là niệm trụ?

Lược nói về tướng của thân có ba mươi lăm thứ. Đó là: Thân nội, thân ngoại, thân thuộc về căn, thân thuộc về chẳng phải căn, thân thuộc về số hữu tình, thân thuộc về số phi hữu tình, thân cùng hiện hành với thô trọng, thân cùng hiện hành với khinh an, thân của chủ thể tạo tác, thân của đối tượng được tạo tác, thân của danh, thân của sắc, thân na lạc ca, thân bàng sinh, thân tổ phụ quốc, thân loài người, thân loài trời, thân có thức, thân không thức, thân trung gian, thân biểu hiện, thân biến dị, thân không biến dị, thân nữ, thân nam, thân bán trạch ca, thân thân hữu, thân không phải thân hữu, thân trung bình, thân thấp kém, thân phẩm trung, thân ấu thơ, thân thiếu niên, thân già nua. Như thế gọi là thân tướng sai biệt.

An trụ, tuần tự quán về thân lược có ba thứ: Nghĩa là dựa nơi ba tuệ Văn Tư Tu tăng thượng của thân, do nơi tuệ ấy, nên đối với tất cả tướng của tất cả thân, quán sát đúng đắn, suy cầu đúng đắn,

theo quán theo giác niệm. Tức là dựa nơi sự thọ trì chánh pháp tăng thượng nơi thân, tư duy về nghĩa của pháp, tu tập tác chứng, nơi vẫn nơi nghĩa tu tập tác chứng, tâm không hề quên mất. Hoặc tư duy kỹ: Ta đối với chánh pháp là thọ trì đúng đắn hay là không như thế? Nơi các thứ nghĩa kia, tuệ khéo thấu đạt hay là không phải thế? Khéo có thể xúc chứng để đạt giải thoát hay là chẳng phải vậy? Xét rõ như vậy để an trụ nơi niệm, gọi là niệm trụ.

Lại, vì để hộ trì tâm, vì đối nơi cảnh không nhiễm, vì an trụ nơi đối tượng duyên, gọi là niệm trụ.

Vì để hộ trì niệm: Tức là như nói trước là hộ trì niệm, hoặc luôn thuận nơi niệm.

Vì đối với cảnh không nhiễm: Tức như nói niệm giữ gìn tâm hành vị bình đẳng, không giữ lấy tướng, không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo, nói rộng cho đến giữ gìn ý căn, tu luật nghi ý căn.

Vì nhằm an trụ nơi đối tượng duyên: Nghĩa là như nói: Đối với bốn đối tượng duyên, an trụ nơi niệm. Tức là nơi các đối tượng duyên hiện bày đầy khắp, hạnh tịnh, thiện xảo, Hoặc tịnh, do ba tướng ấy khéo trụ nơi niệm, nên gọi là niệm trụ.

Thế nào là thọ nhận? Đó là lạc thọ, khổ thọ, thọ không khổ, không lạc. Thân lạc thọ, thân khổ thọ, thân không khổ không lạc thọ. Như nói về thân thọ, tâm thọ cũng vậy.

Lại có thọ ái vị. Khổ có thọ ái vị. Không khổ không lạc có thọ ái vị, không thọ ái vị. Dựa nơi thọ đam mê, tham vương, nên biết cũng vậy. Lạc dựa nơi thọ xuất ly. Khổ dựa nơi thọ xuất ly. Không khổ không lạc dựa nơi thọ xuất ly. Như vậy tồn cộng có hai mươi một thọ, hoặc chín thứ thọ.

Thế nào là tâm? Đó là tâm có tham, tâm lìa tham. Tâm có sân, tâm lìa sân. Tâm có si, tâm lìa si. Tâm thu hẹp, tâm tán loạn. Tâm hạ thấp, tâm đề cao. Tâm trạo cử, tâm không trạo cử. Tâm tịch tĩnh, tâm

không tịch tĩnh. Tâm định, tâm không định. Tâm khéo tu, tâm không khéo tu. Tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát. Như vậy gọi chung là hai mươi thứ tâm.

Thế nào là pháp? Đó là, pháp hoặc tham, tham nơi Tỳ-nại-da. Pháp hoặc sân, sân nơi Tỳ-nại-da. Pháp hoặc si, si nơi Tỳ-nại-da. Pháp hoặc thu hẹp hoặc mở rộng. Pháp hoặc hạ thấp hoặc đề cao. Pháp hoặc trạo cử hoặc không trạo cử. Pháp hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh. Pháp hoặc định hoặc chẳng định. Pháp hoặc khéo tu hoặc không khéo tu. Pháp hoặc khéo giải thoát hoặc không khéo giải thoát. Như vậy nên biết, là đã kiến lập hai mươi thứ pháp về phẩm bạch, phẩm hắc, phẩm nhiễm, phẩm tịnh.

Lại nữa, lạc thọ: Nghĩa là thuận theo xúc của lạc thọ, làm duyên sinh ra các thọ bình đẳng, thuộc về thọ. Đó gọi là lạc thọ.

Ở đây, nếu tương ưng với năm thức, gọi là thân thọ. Nếu tương ưng với ý thức, gọi là tâm thọ. Như thuận theo xúc của lạc thì thuận theo xúc của khổ thọ, thuận theo xúc của thọ không khổ không lạc, làm duyên sinh ra các thọ không bình đẳng thuộc về thọ, sinh ra các thọ phi bình đẳng phi chẳng bình đẳng thuộc về thọ. Đó gọi là khổ thọ, thọ không khổ không lạc.

Ở đây, nếu tương ưng với năm thức, gọi là thân thọ. Nếu tương ưng với ý thức, gọi là tâm thọ. Các thọ như thế, hoặc tùy thuận Niết-bàn, hoặc tùy thuận sự quyết trạch rốt ráo, xuất ly rốt ráo, lìa cấu uế rốt ráo, có thể khiến cho phạm hạnh viên mãn, gọi là không thọ ái vị. Nếu rơi vào cảnh giới thì gọi là có thọ ái vị. Hoặc hệ thuộc nơi Sắc giới, Vô sắc giới, hoặc tùy thuận lìa dục, gọi là dựa nơi thọ xuất ly. Hoặc hệ thuộc Dục giới, hoặc không thuận lìa dục, gọi là dựa nơi thọ tham đắm vướng mắc.

Lại có tâm tham: Nghĩa là nơi cảnh sự của đối tượng duyên đáng yêu thích đã tham vướng, bị trói buộc.

Lìa tâm tham: Tức là xa lìa mọi trói buộc của tham như thế.

Có tâm sân: Nghĩa là nơi cảnh sự của đối tượng duyên đáng giận dữ đã sân hận bị trói buộc.

Lìa tâm sân: Đó là xa lìa mọi trói buộc của sân như thế.

Có tâm si: Nghĩa là nơi cảnh sự của đối tượng duyên đáng ngu si đã si mê bị trói buộc.

Lìa tâm si: Tức là xa lìa mọi trói buộc của si mê như thế.

Sáu tâm như vậy nên biết là chỗ đầy khởi ba phẩm phiền não lúc hành trì, cùng những đối trị sai biệt về ba phẩm ấy.

Tâm thu hẹp: Là do hành chỉ, nên nơi đối tượng duyên bên trong đã trói buộc tâm.

Tâm tán loạn: Đó là đối với năm dục diệu bên ngoài, thuận theo đầy nổi kết tán động.

Tâm hạ thấp: Là hôn trầm, thù miên cùng hiện hành.

Tâm đề cao: Là đối với đối tượng duyên tịnh diệu hiển hiện sáng rõ.

Tâm trạo cử: Là do trạo cử thái quá nên bị trạo cử trói buộc.

Tâm không trạo cử: Là đối với lúc trạo cử cùng lúc bị thu hẹp, đều đạt bình đẳng xả.

Tâm tịch tĩnh: Là từ nơi các thứ ngăn che đã được giải thoát.

Tâm không tịch tĩnh: Nghĩa là từ nơi các thứ ngăn che chưa được giải thoát.

Tâm định: Là từ nơi các thứ ngăn che đạt được giải thoát rồi, lại có thể chứng nhập tĩnh lự căn bản.

Tâm không định: Là chưa có thể hội nhập.

Tâm khéo tu: Là đối với định ấy thường xuyên tu tập thông suốt, được theo chỗ mong muốn, không khó khăn, không bị trở ngại, mau chóng có thể chứng nhập.

Tâm không khéo tu: Tức về tướng trái ngược với tâm trên.

Tâm khéo giải thoát: Là từ nơi hết thấy đều đạt giải thoát rốt ráo.

Tâm không khéo giải thoát: Là không từ nơi hết thấy, không đạt giải thoát rốt ráo.

Mười bốn thứ tâm như thế, nên biết đều là đầy khởi vào lúc trụ.

Dựa vào lúc trụ nơi lãnh vực các thứ ngăn che được thanh tịnh, có tám thứ tâm đầy khởi. Đó là từ tâm bị thu hẹp, tâm tán động, cho đến tâm tịch tĩnh, tâm không tịch tĩnh.

Dựa vào lúc trụ nơi lãnh vực phiền não được tịnh, có sáu thứ tâm đầy khởi. Đó là tâm định, tâm không định, cho đến tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát.

Lại nữa, đối với bên trong có các thứ ngăn che có thể tự nhận biết rõ: Ta có các thứ ngăn che. Đối với bên trong không có các thứ ngăn che, có thể tự nhận biết rõ: Ta không có các thứ ngăn che.

Như các thứ ngăn che kia chưa sinh mà sinh, cũng có thể nhận biết rõ. Như các thứ ngăn che kia sinh rồi tan diệt cũng có thể nhận biết rõ.

Nơi nhãn có kiết, cho đến nơi ý có kiết, có thể tự nhận biết rõ: Ta có nhãn kiết cho đến ta có ý kiết. Nơi nhãn không có kiết, cho đến nơi ý không có kiết, có thể tự nhận biết rõ: Nhãn của ta không có kiết, cho đến ý của ta không có kiết.

Như nhãn kiết kia cho đến ý kiết kia chưa sinh mà sinh, cũng có thể tự nhận biết rõ. Như các kiết sinh rồi tan diệt, cũng có thể nhận biết rõ.

Nơi bên trong có giác chi như niệm v.v..., có thể tự nhận biết rõ: Ta có giác chi như niệm v.v...

Nơi bên trong không có giác chi như niệm v.v..., có thể tự nhận biết rõ: Ta không có giác chi như niệm v.v...

Các giác chi như niệm v.v... chưa sinh mà sinh cũng có thể nhận biết rõ. Như sinh rồi trụ, không quên tu tập đủ, tu tập bội phần, lại tu tập tăng trưởng rộng lớn, cũng có thể nhận biết rõ.

Như giác chi niệm, các giác chi trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả, nên biết cũng vậy.

Nếu có thể nhận biết khắp đúng như thật về tự tánh, nhân duyên, lỗi lầm tai họa, cách đối trị của các pháp tạp nhiễm như thế, chính là thể của pháp niệm trụ. Như nói nơi thân trụ, tuần tự quán về thân, niệm và niệm trụ. Đối với thọ, đối với tâm, pháp, tùy chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy.

Thế nào là nơi nội thân cùng trụ, tuần tự nơi thân cùng quán?

Thế nào là nơi ngoại thân cùng trụ, tuần tự nơi thân cùng quán?

Thế nào là nơi thân nội ngoại cùng trụ, tuần tự nơi thân cùng quán?

Đó là, nếu duyên nơi thân sắc bên trong của tự hữu tình số làm cảnh trụ, tuần tự quán về thân, đấy gọi là nơi nội thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc bên ngoài, chẳng phải là hữu tình số làm cảnh trụ, tuần tự quán nơi thân, thì đấy gọi là nơi ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi thân sắc bên ngoài của hữu tình số khác làm cảnh trụ, tuần tự quán về thân, thì đấy gọi là nơi thân ngoại trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên dựa nơi thân sắc bên trong của tự hữu tình số, sinh khởi thọ, tâm, pháp làm cảnh trụ, tuần tự hành ba quán, thì đây gọi là nơi thọ tâm pháp bên trong trụ, tuần tự quán về thọ, tâm, pháp.

Nếu duyên dựa nơi sắc bên ngoài không phải là hữu tình số, sinh khởi thọ, tâm, pháp làm cảnh trụ, tuần tự hành ba quán, đó gọi là nơi thọ, tâm, pháp bên ngoài trụ, tuần tự quán về thọ, tâm, pháp.

Nếu duyên dựa nơi thân sắc bên ngoài của hữu tình số khác, sinh khởi thọ, tâm, pháp làm cảnh trụ, tuần tự hành ba quán, thì đó gọi là nơi thọ, tâm, pháp bên trong ngoài an trụ, tuần tự quán về thọ, tâm, pháp.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nếu duyên nơi các thứ sắc thuộc về căn, có nắm giữ, thọ nhận làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi các sắc không thuộc về căn, không nắm giữ, không thọ nhận làm cảnh, thì đó gọi là nơi ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc không thuộc về căn, có nắm giữ, có thọ nhận làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Như thế, nếu duyên dựa nơi thọ tâm pháp được sinh ra từ ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ ứng hợp, nên biết tức là trụ, tuần tự hành ba quán.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nếu duyên nơi sắc bên trong của tự địa định, cùng hiện hành với khinh an làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc bên trong của tự địa không định, cùng hiện hành với thô trọng, thì đó gọi là nơi ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc khác, cùng hiện hành với khinh an, với thô trọng làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Như vậy, nếu duyên dựa nơi thọ tâm pháp được sinh ra do ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ ứng hợp, nên biết tức là trụ, tuần tự hành ba quán.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nếu duyên nơi sắc bên trong có thể tạo đại chủng làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc bên ngoài có thể tạo đại chủng làm cảnh, thì đó gọi là nơi ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên dựa nơi sắc có thể tạo đại chủng, sinh khởi các sắc tạo thuộc về căn cảnh, thì đó gọi là nơi nội ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Như thế, nếu duyên dựa nơi thọ tâm pháp được sinh ra do ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ ứng hợp, nên biết tức là trụ, tuần tự hành ba quán...

Các môn sai biệt nơi các loại thân thọ tâm pháp như vậy, nên biết là có nhiều thứ. Nay ở đây chỉ hiển bày phần ít về các môn sai biệt đó.

Lại nữa, vì nhằm đối trị bốn thứ điên đảo, nên Đức Thế Tôn kiến lập bốn thứ niệm trụ.

Nghĩa là nhằm đối trị điên đảo ở trong bất tịnh cho là tịnh, nên lập thân niệm trụ. Do Phật Thế Tôn, ở trong thân niệm trụ, tuần tự nêu rõ về tướng bất tịnh, ứng hợp với bốn nẻo an nhiên vắng lặng. Nếu có thể đối với điều ấy tư duy nhiều phần, nên ở nơi bất tịnh đoạn trừ điên đảo về tịnh.

Vì nhằm đối trị điên đảo ở trong các khổ cho là lạc, nên lập thọ niệm trụ. Do nơi các thọ trụ, lần lượt quán về thọ, nhận biết rõ đúng

như thật về các thọ hiện có thấy đều là khổ, nên nơi các khổ đoạn trừ điên đảo về lạc.

Vì nhằm đối trị điên đảo ở trong vô thường cho là thường, nên lập tâm niệm trụ. Do có thể nhận biết rõ về vô số sai biệt của tâm tham v.v... trải qua các phần vị thời gian chốc lát, nháy mắt, sát na, ngày đêm, chẳng phải là một mà là rất nhiều, với vô số phẩm loại tâm tánh sinh diệt, nên nơi vô thường đoạn trừ điên đảo về thường.

Vì nhằm đối trị điên đảo ở trong vô ngã cho là ngã, nên lập pháp niệm trụ. Do hữu tình kia trước nay luôn có các phiền não như ngã kiến, nên cần có các pháp thiện như không hề có ngã kiến, đối nơi các uẩn sinh khởi ngã kiến, thì do nơi các pháp trụ, tuần tự quán về pháp, nhận biết rõ đúng như thật chỗ chấp về tự tướng, cộng tướng của các uẩn, nên ở nơi vô ngã đoạn trừ điên đảo về ngã.

Lại có sai biệt: Nghĩa là các thế gian phần nhiều đối với các uẩn chỉ có tánh uẩn, chỉ có tánh pháp, không nhận biết như thật nên chấp chặt có ngã, nương dựa nơi thân. Do nương nơi thân nên thọ dụng khổ, lạc. Người thọ dụng khổ lạc, do pháp, phi pháp nên có nhiễm có tịnh. Vì nhằm đoạn trừ hẳn sự ngu tối nơi chỗ dựa của ngã sở, nên lập thân niệm trụ. Vì nhằm đoạn trừ chỗ ngu tối nơi sự lãnh nhận của ngã sở, nên lập thọ niệm trụ. Vì nhằm đoạn trừ sự ngu tối nơi chấp ngã của tâm ý thức, nên lập tâm niệm trụ. Vì để đoạn trừ sự ngu tối nơi tâm chấp ngã có thể tạo nhiễm tịnh, nên lập pháp niệm trụ.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nếu dựa vào đây để tạo tác các nghiệp. Hoặc vì đây nên tạo tác các nghiệp. Nếu tạo nghiệp: Hoặc do đây nên tạo tác các nghiệp, là hiển bày chung về tất cả như vậy nên lập bốn niệm trụ. Nên biết ở đây dựa nơi thân tạo tác các nghiệp. Vì cầu thọ nhận nên tạo tác các nghiệp. Tâm có thể tạo nghiệp, do pháp thiện bất thiện, nên có thể tạo các nghiệp.

Lại có sai biệt: Tức là hoặc dựa vào đây nên có nhiễm có tịnh. Hoặc vì đây nên đây khởi nhiễm khởi tịnh.

Nếu là nhiễm tịnh: Hoặc do đây nên thành nhiễm thành tịnh, là hiển bày chung về tất cả như vậy nên lập bốn niệm trụ.

Nên biết trong ấy là dựa nơi thân có nhiễm có tịnh. Vì cầu đạt thọ nên đây khởi nhiễm, khởi tịnh.

Tâm nhiễm tịnh: Do các pháp nên thành nhiễm thành tịnh.

Hỏi: Niệm trụ nghĩa là gì?

Đáp: Nếu ở nơi ấy mà trụ niệm, hoặc do đây mà trụ niệm, đều gọi là niệm trụ.

Nếu ở nơi ấy mà trụ niệm: Là niệm trụ của đối tượng duyên.

Do đây mà trụ niệm: Nghĩa là, hoặc tuệ hoặc niệm thâm giữ nơi định, là niệm trụ của tự tánh. Các tâm, tâm pháp tương ưng với phần còn lại là niệm trụ của tương tạp.

Lại do sức tăng thượng của thân thọ tâm pháp, sinh khởi đạo vô lậu, hữu lậu thiện, đều gọi là niệm trụ. Đây lại có ba thứ:

(1) Do nghe tạo thành.

(2) Do tư duy tạo thành.

(3) Do tu tập tạo thành.

Do nghe, tư duy tạo thành chỉ là hữu lậu.

Do tu tập tạo thành thì chung cả hữu lậu, vô lậu.

HẾT - QUYỂN 28

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 29

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VĂN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ hai: Đoạn 4

Như vậy, nơi bốn niệm trụ đã tập hành thông suốt, đã có thể trừ bỏ các thứ điên đảo thô trọng, đã có thể thấu đạt pháp thiện bất thiện, từ đây không gián đoạn, đối với các pháp ác bất thiện chưa sinh thì khiến không sinh, nơi các pháp ác bất thiện đã sinh thì khiến đoạn trừ, đối với tất cả pháp thiện chưa sinh thì khiến sinh khởi, nơi hết thấy pháp thiện đã sinh thì nhằm khiến trụ, khiến không quên mất, nói rộng như trước, cho đến thâm giữ tâm.

Thế nào gọi là pháp ác bất thiện? Đó là ba nghiệp thân ngữ ý dục buộc, nhiễm ô, là thuộc về hành ác của thân ngữ ý, cùng có thể khởi các thứ phiền não hiện có. Nếu chưa hòa hợp, chưa hiện tiền thì gọi là chưa sinh. Nếu đã hòa hợp, đã hiện tiền, thì gọi là đã sinh.

Thế nào gọi là hết thấy pháp thiện? Đó là hoặc đối trị pháp ác bất thiện kia, hoặc đối trị sự ngăn che, hoặc đối trị kiết sử của chúng. Chưa sinh, đã sinh nên biết như trước. Pháp ác bất thiện nếu lúc chưa sinh, pháp ác bất thiện trước chưa hòa hợp, vì khiến không sinh nên phát khởi nguyện mong: Ta sẽ khiến cho tất cả pháp ấy đều không sinh trở lại. Đó gọi là nơi các pháp ác bất thiện chưa sinh, vì không sinh nên sinh mong muốn không sinh. Nếu lúc pháp ác bất thiện

đã sinh, trước đã hòa hợp, vì khiến đoạn trừ nên phát khởi nguyện mong: Ta sẽ đối với tất cả các pháp kia đều không nhận chịu, đều nhằm diệt trừ hẳn. Đó gọi là đối với các pháp ác bất thiện đã sinh, vì khiến đoạn trừ, nên sinh khởi mong muốn.

Lại, tất cả pháp ác bất thiện kia, hoặc duyên nơi sự sinh của quá khứ, hoặc duyên nơi sự sinh của vị lai, hoặc duyên nơi sự sinh của hiện tại. Các pháp ấy như vậy, hoặc duyên nơi cảnh không hiện thấy, hoặc duyên nơi cảnh hiện thấy. Nếu duyên nơi sự, cảnh của quá khứ, vị lai thì đó gọi là duyên nơi cảnh không hiện thấy. Nếu duyên nơi sự, cảnh của hiện tại, thì đó gọi là duyên nơi cảnh hiện thấy.

Nên biết ở đây, duyên nơi cảnh không hiện thấy, đối với pháp ác bất thiện chưa sinh thì nhằm khiến không sinh, nếu chúng đã sinh thì nhằm khiến đoạn trừ vĩnh viễn, nên tự thúc đẩy, tự khích lệ, đó gọi là thúc đẩy, khích lệ.

Duyên nơi cảnh hiện thấy, đối với pháp ác bất thiện chưa sinh, thì nhằm khiến không sinh. Nếu chúng đã sinh thì nhằm khiến đoạn trừ vĩnh viễn, nên “chánh cần” một cách dững mãnh. Đó gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn. Vì sao? Vì chính là phải kiên cố tự thúc đẩy, tự khích lệ, “chánh cần” dững mãnh, mới có thể khiến cho pháp ác bất thiện kia hoặc không sinh trở lại, hoặc vĩnh viễn bị trừ diệt.

Lại nữa, đối với các triền hạ phẩm trung phẩm, nếu chúng chưa sinh thì nhằm khiến chẳng sinh. Nếu chúng đã sinh thì nhằm khiến vĩnh viễn đoạn trừ, nên tự thúc đẩy, khuyến khích.

Đối với các triền thượng phẩm, nếu chúng chưa sinh thì nhằm khiến không sinh, nếu chúng đã sinh rồi, thì nhằm khiến vĩnh viễn dứt trừ, nên phát khởi siêng năng tinh tấn.

Lại nữa, nếu hành nơi cảnh giới quá khứ, thì khi hành như thế không khiến cho phiền não duyên nơi chúng để sinh khởi. Giả sử lại bị mất niệm, tạm thời sinh khởi, thì không nhận chịu, mau chóng có

thể đoạn dứt hết hẳn. Như duyên nơi quá khứ, hoặc hành nơi vị lai, nên biết cũng vậy.

Như thế, pháp ác bất thiện chưa sinh, thì có thể khiến không sinh, đã sinh rồi thì có thể đoạn trừ. Đó gọi là thúc đẩy, khuyến khích. Nếu hành nơi cảnh giới của đối tượng duyên hiện tại, thì lúc hành như thế, không khiến cho phiền não duyên nơi các pháp kia sinh khởi. Nếu lại mất niệm, tạm thời sinh khởi, thì không nhận chịu, mau chóng có thể đoạn trừ dứt bỏ hẳn. Như thế, pháp ác bất thiện chưa sinh, có thể khiến không sinh, đã sinh rồi thì có thể đoạn trừ. Đó gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn.

Lại, hoặc có pháp ác bất thiện chỉ do sức phân biệt sinh khởi, chẳng phải là do sức của cảnh giới.

Hoặc có pháp ác bất thiện cũng do sức phân biệt và sức của cảnh giới sinh.

Chỉ do sức phân biệt sinh khởi, chẳng phải do sức của cảnh giới: Nghĩa là, vào lúc trụ, tư duy về cảnh giới của quá khứ, vị lai mà sinh các pháp kia.

Do sức của tư duy sinh, cũng do sức của cảnh giới: Đó là khi hành, duyên nơi cảnh giới hiện tại mà sinh các pháp kia, nên vào bấy giờ quyết định cũng có phân biệt phi lý. Nên biết ở đây, pháp ác bất thiện chỉ do sức phân biệt sinh, không phải là sức của cảnh giới. Pháp kia nếu chưa sinh thì có thể khiến không sinh, sinh rồi thì có thể khiến đoạn trừ. Đó gọi là thúc đẩy, khuyến khích. Nếu do sức phân biệt sinh, cũng do sức của cảnh giới: Pháp kia nếu chưa sinh, có thể khiến không sinh, sinh rồi thì có thể khiến đoạn trừ. Đó gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn. Đối với tất cả pháp thiện chưa sinh, vì nhằm khiến sinh nên sinh mong muốn: Nghĩa là nơi các pháp thiện hiện có, chưa đạt được, chưa hiện tiền, vì nhằm khiến đạt được, khiến hiện tiền, nên phát tâm nguyện mong phát khởi mãnh liệt, mong cầu đạt được, mong cầu hiện

tiền. Đó gọi là đối với tất cả pháp thiện chưa sinh, vì khiến sinh nên sinh khởi mong muốn. Đối với tất cả pháp thiện đã sinh, vì muốn khiến trụ, khiến không quên mất, khiến tu tập đầy đủ, nên sinh mong muốn: Đây là các pháp thiện hiện có đã đạt được, đã hiện tiền. Đó gọi là pháp thiện đã sinh. Nơi pháp thiện này đã được không mất, đã được, không thoái chuyển, dựa vào đây để nói là nhằm khiến trụ.

Nơi pháp thiện ấy, hiện tiền sáng rõ, tánh không ám độn, dựa vào đây mà nói là khiến không quên mất.

Đối với pháp thiện ấy đã được hiện tiền, luôn luôn tu tập, thành tựu đầy đủ rốt ráo, dựa vào đây mà nói là khiến tu tập viên mãn.

Nơi pháp thiện này, phát tâm nguyện mong, phát khởi mãnh liệt, mong cầu trụ vững, mong cầu không quên mất, mong cầu tu tập đầy đủ mà hiện tiền, đó gọi là đối với tất cả pháp thiện đã sinh, vì nhằm khiến trụ, khiến không quên mất, khiến tu tập viên mãn, nên sinh khởi mong muốn.

Thúc đẩy, khuyến khích: Là đối với pháp đã đạt được, khiến hiện tiền.

Phát khởi siêng năng tinh tấn: Là đối với pháp chưa được, khiến đạt được.

Lại, thúc đẩy, khích lệ: Là đối với pháp thiện đã sinh, là nhằm khiến trụ, khiến không quên mất.

Phát khởi siêng năng tinh tấn: Là khiến tu tập đầy đủ.

Lại, đối với các pháp thiện hạ phẩm trung phẩm, chưa sinh thì khiến sinh, sinh rồi thì khiến trụ, khiến không quên mất. Đó gọi là thúc đẩy, khuyến khích.

Nơi pháp thiện thượng phẩm, chưa sinh thì khiến sinh, sinh rồi thì cho đến khiến tu tập viên mãn. Đó gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn.

Nói thúc đẩy tâm: Nghĩa là nếu tâm ở trong sự tu tập Xa-ma-tha nhất cảnh tánh, theo phương tiện siêng năng chân chánh, nơi các pháp ác bất thiện chưa sinh thì khiến không sinh, nói rộng cho đến nơi tất cả pháp thiện đã sinh, vì nhằm khiến trụ, khiến không quên mất, khiến tu tập viên mãn. Do nhân duyên này, nên tâm đối với bên trong bị thu hẹp hết sức, thấp kém hoặc sợ thấp kém. Quán thấy rõ rồi, bấy giờ, tùy chỗ thuận hợp, chọn lấy một thứ tướng nêu các tịnh diệu, ân cần thúc đẩy khuyến khích, khiến tâm vui mừng. Đó gọi là thúc đẩy tâm.

Thế nào là giữ vững tâm? Nghĩa là lúc tu tập pháp cử, tâm ý cử động hoặc sợ cử động. Quán thấy như thế rồi, bấy giờ trở lại, đối với nội tâm khiến được thâm tóm, tu tập Xa-ma-tha. Đó gọi là giữ vững tâm.

Bốn thứ như thế cũng gọi là “chánh thắng”. Nghĩa là đối với các pháp thuộc phẩm hắc chưa sinh thì khiến không sinh. Nếu đã sinh rồi thì khiến đoạn dứt. Sinh khởi mong muốn thúc đẩy khích lệ, phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm, là hai chánh thắng.

Đối với các pháp thuộc phẩm bạch, nếu chưa sinh thì nhằm khiến sinh như đã nói rộng nơi phẩm hắc ở trước. Nên biết đó là hai “chánh thắng”. Bốn thứ như thế cũng gọi là “chánh đoạn”:

(1) Luật nghi đoạn: Nghĩa là nơi pháp ác bất thiện đã sinh, vì khiến đoạn trừ nên sinh mong muốn thúc đẩy khuyến khích, cho đến nói rộng.

(2) Đoạn đoạn: Nghĩa là nơi pháp ác bất thiện chưa sinh, vì khiến không sinh, nên sinh mong muốn thúc đẩy, khuyến khích, cho đến nói rộng. Do đối với sự ác bất thiện đã sinh, nên tu tập luật nghi, khiến chúng được đoạn trừ, không nên nhận chịu. Do nhân duyên ấy, nên gọi là luật nghi đoạn. Nơi sự ác bất thiện chưa sinh, vì nhằm

khiến chúng không hiện hành nên đoạn, không hiện tiền nên đoạn, do đó gọi là đoạn đoạn.

(3) Tu đoạn: Nghĩa là đối với tất cả pháp thiện chưa sinh, vì khiến sinh, nói rộng cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Vì đối với pháp thiện thường xuyên tu tập, trước có chỗ chưa đạt được có thể khiến hiện tiền, chủ thể có đối tượng được đoạn nên gọi là tu đoạn.

(4) Phòng hộ đoạn: Nghĩa là nơi tất cả pháp thiện đã sinh, vì nhằm khiến trụ, nói rộng cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Do ở trong các pháp thiện đã đạt được, đã hiện tiền, xa lìa phóng dật, tu tập không phóng dật, có thể khiến cho pháp thiện an trụ, không quên mất, tu tập viên mãn, được phòng hộ rồi sinh các pháp thiện hiện có, có thể có chỗ đoạn, nên gọi là phòng hộ đoạn.

Như thế là đã biện biệt rộng về bốn chánh đoạn rồi, lại thế nào là nhận biết về nghĩa tóm lược ở đây? Nghĩa là, vì hiển bày ở trong sự việc lấy bỏ của phẩm hắc, bạch, do ý lạc viên mãn cùng gia hạnh viên mãn tăng thượng, do đó nêu rõ về bốn thứ chánh đoạn. Nên biết ở đây, do sinh mong muốn nên ý lạc viên mãn tăng thượng. Do tự thúc đẩy, khích lệ, phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm, nên gia hạnh viên mãn.

Sư Du già tu tập chỉ có từng ấy sự việc chân chánh nên tạo tác.

Đó là vì đoạn trừ các sự việc nên đoạn trừ cùng nhằm đạt được các sự việc nên đạt, tức trước hết cần sinh khởi ưa muốn nguyện mong, vì để đoạn trừ các triền. Lại nên thường xuyên siêng năng chân chánh tu tập tương chỉ, cử, xả, vì để đoạn dứt các triền cùng tùy miên. Lại nên tu tập các pháp thiện đối trị, vì hiển bày hết thấy chỗ tạo tác như thế, nên nói bốn chánh đoạn cùng bốn chánh thắng. Đó gọi là nghĩa tóm lược.

Từ đây, lại tu tập bốn Tam-ma-địa:

- (1) Tam-ma-địa Dục.
- (2) Tam-ma-địa Cần.
- (3) Tam-ma-địa Tâm.
- (4) Tam-ma-địa Quán.

Nên biết, do lực tăng thượng của Dục đạt được Tam-ma-địa, nên gọi là Tam-ma-địa Dục. Do lực tăng thượng của Cần đạt được Tam-ma-địa, nên gọi là Tam-ma-địa Cần. Do sức tăng thượng của Tâm đạt được Tam-ma-địa nên gọi là Tam-ma-địa Tâm. Do sức tăng thượng của Quán đạt được Tam-ma-địa, nên gọi là Tam-ma-địa Quán.

Nếu vào lúc ấy, sinh thuận là sự ưa muốn, sinh khởi rồi, đối với các pháp ác bất thiện hiện có với các thứ tự tánh, nhân duyên, đối trị, lỗi lầm tai hại, đều suy xét kỹ lưỡng đúng đắn, khởi niệm một cảnh. Đối với tự tánh, nhân duyên, công đức, nẻo xuất ly của các pháp thiện cũng suy xét kỹ lưỡng, đúng đắn, trụ niệm một cảnh. Tức do tu tập nhiều như vậy, nên tiếp xúc một cảnh tánh, đối với các điều hiện hành của các pháp ác bất thiện hiện có, đều có thể khiến xa lìa, nhưng chưa vĩnh viễn loại bỏ các tùy miên của phiền não. Đó gọi là do sức tăng thượng của Dục nên đạt được Tam-ma-địa.

Nếu đối với cảnh giới nơi đối tượng duyên của quá khứ, hiện tại, vị lai, có thể thuận theo pháp ác bất thiện hiện có, có thể thuận theo các phiền não trong triền thuộc phẩm thượng trung hạ, nếu chúng chưa sinh thì khiến không sinh, nếu chúng đã sinh nhằm khiến đoạn trừ. Tự thúc đẩy, tự khuyến khích, phát khởi siêng năng tinh tấn, hành nơi đối tượng duyên kia, đối với tự tánh, nhân duyên, lỗi lầm tai hại, sự đối trị của cảnh giới kia đều suy xét kỹ lưỡng đúng đắn, trụ nơi niệm một cảnh. Tức do an trụ nhiều như thế, nên có thể chính thức sinh khởi tâm tánh một cảnh. Nơi các triền hiện hành của các pháp ác bất thiện hiện có, có thể khiến xa lìa, nhưng chưa vĩnh viễn loại trừ tùy miên của phiền não. Đó gọi là do sức tăng thượng của Cần nên đạt được Tam-ma-địa.

Nếu lại thúc đẩy, phát khởi các tâm thấp kém, hoặc lại chế ngự các tâm trạo cử, thường xuyên tu tập pháp xả tăng thượng. Do nhân duyên này, nên đối với các pháp ác bất thiện hiện có, hoặc có thể tùy thuận các pháp ác bất thiện cùng các pháp thiện. Hoặc có thể tùy thuận nơi tự tánh, nhân duyên, lỗi lầm tai hại, các công đức, nẻo đối trị, xuất ly của các pháp thiện hiện có, đều suy xét kỹ lưỡng, đúng đắn, trụ nơi niệm một cảnh. Tức do an trụ nhiều như vậy, nên có thể chính thức sinh khởi tâm tánh một cảnh, nói rộng cho đến đó gọi là do lực tăng thượng của Tâm nên đạt được Tam-ma-địa.

Nếu ở nơi pháp ác bất thiện có thể tùy thuận, tác ý tư duy là không như lý. Lại đối với các pháp thiện hiện có, có thể tùy thuận tác ý tư duy cho là như lý. Như thế là xa lìa các triền kia, cùng có thể sinh khởi các pháp thiện, định đứng đầu. Đối trị các triền, có thể khiến cho các pháp ác bất thiện hiện có đều không hiện hành. Nên tự tư duy: Ta nay phải nên quán xét kỹ khắp. Hành giả do sức tăng thượng của tác ý quan sát, nên tự quan sát đúng đắn, đoạn trừ các thứ chưa đoạn trừ. Tư duy kỹ lưỡng đúng đắn, trụ nơi niệm một cảnh. Tức do an trụ nhiều như thế, nên có thể chính thức xúc chứng tâm tánh một cảnh. Vì nhân duyên này, nên lìa tăng thượng mạn, tự nhận biết đúng như thật: Ta chỉ ở nơi tâm bị trói buộc đạt được giải thoát, chưa phải ở nơi tất cả mọi tâm tùy miên đạt được giải thoát. Ta chỉ đạt được cùng đã tu tập các pháp thiện hiện có, định là đứng đầu, để đối trị các triền, nhưng chưa đạt được cùng chưa tu tập nẻo đối trị các tùy miên. Đó gọi là do lực tăng thượng của Quán nên đạt được Tam-ma-địa.

Hành giả ấy, do lực tăng thượng của bốn Tam-ma-địa như thế, nên đã xa lìa các triền, lại vĩnh viễn loại trừ hết thảy các tùy miên của tất cả những pháp ác bất thiện, cùng tu tập các pháp thiện có thể đối trị chúng. Tức lại sinh khởi sự ưa muốn, thúc đẩy, khuyến khích, nói rộng như phần trước đã nêu bày về đạo lý gia hạnh tu bốn chánh đoạn.

Hành giả ấy, lúc chính thức tu tập như thế, có tám đoạn hành, vì muốn vĩnh viễn loại bỏ các thứ tùy miên, vì khiến cho Tam-ma-địa được viên mãn, nên theo chỗ sai biệt mà chuyển.

Những gì gọi là tám thứ đoạn hành? Một là: Dục (mong muốn). Nghĩa là đầy khởi hy vọng, mong muốn, ưa thích như thế: Ta nay nên vào thời gian nào tu tập Tam-ma-địa, sẽ đạt được viên mãn? Ta nên vào lúc nào mới có thể đoạn trừ các tùy miên hiện có của pháp ác bất thiện?

Hai là: Thúc đẩy, khuyến khích: Đó là cho đến tu các pháp đối trị hiện có, không bỏ gia hạnh.

Ba là: Tin. Nghĩa là không bỏ gia hạnh, an trụ đúng đắn, đối với chỗ chứng đắc ở trên sinh khởi tin hiểu sâu xa.

Bốn là: An. Nghĩa là tin tưởng thanh tịnh là đứng đầu, tâm sinh hoan hỷ. Tâm hoan hỷ nên lần lượt dứt trừ các phẩm thô trọng của các pháp ác bất thiện.

Năm là: Niệm. Nghĩa là chín thứ tướng. Nơi chín tướng ấy, tâm khéo an trụ, dùng phẩm Xa-ma-tha có thể thâm giữ.

Sáu là: Chánh tri (Nhận biết đúng): Là tuệ của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Bảy là: Tư. Đó là tâm tạo tác, nơi pháp đã đoạn, chưa đoạn, lúc chính thức quan sát, tâm ấy tạo tác, phát khởi hai nghiệp thân, ngũ có thể thuận theo hai phẩm Chi, Quán.

Tám là: Xả. Nghĩa là hành quá khứ, hiện tại, vị lai, thuận theo các pháp ác bất thiện, nhưng tâm không cấu nhiễm, tâm tánh bình đẳng. Do hai nhân duyên, nên đối với các tùy miên cần đoạn trừ đều phân biệt, nhận biết rõ. Nghĩa là do tư duy về cảnh giới không hiện thấy, và do xả đối với cảnh giới hiện thấy.

Như thế gọi là tám thứ đoạn hành, cũng gọi là thắng hành. Tám thứ đoạn hành thắng hành như vậy, tức là Du già nhằm loại trừ tùy miên. Ở đây, dục tức là dục nơi pháp kia. Thúc đẩy, khuyến khích ở đây tức nơi pháp kia là tinh tấn. Ở đây là tín, nơi pháp kia là tín. An, niệm, chánh tri, tư, xả ở đây, tức nơi pháp kia là phương tiện.

Như thế, ở đây hoặc trước tiên nên bốn Tam-ma-địa như dục v.v..., hoặc nay nói về tám thứ đoạn hành, là vì để đoạn trừ vĩnh viễn các tùy miên hiện có, nên lúc thành tựu viên mãn Tam-ma-địa, tất cả được gọi chung là:

Tam-ma-địa Dục – đoạn hành, thành tựu thần túc.

Tam-ma-địa Cần – đoạn hành, thành tựu thần túc.

Tam-ma-địa Tâm – đoạn hành, thành tựu thần túc.

Tam-ma-địa Quán – đoạn hành, thành tựu thần túc.

Hỏi: Do nhân duyên gì được gọi là thần túc?

Đáp: Như người có chân (túc) nên có thể đi tới, có thể trở lại, có thể nhảy qua, nhảy lên một cách mạnh mẽ, có thể chứng đạt các pháp thù thắng hiện có của thế gian. Pháp thù thắng của thế gian gọi là thần. Hành giả có thể đạt đến pháp ấy nên gọi là thần túc.

Nếu có các pháp như vậy, tức có Tam-ma-địa thành tựu viên mãn, tâm của vị ấy thanh tịnh, trắng sạch, không chút tỳ vết như thế, lìa mọi tùy phiền não, an trụ ngay thẳng, có thể đảm nhận đạt được bất động, có thể đi tới, trở lại... có thể chứng đạt pháp thế gian, xuất thế gian. Do pháp xuất thế gian là tự tại tối thắng, là tối thắng thần diệu, vị ấy có thể chứng đắc nên gọi là thần túc.

Hành giả ấy, do Tam-ma-địa thù thắng như vậy làm chỗ nương giữ, do Tam-ma-địa thù thắng là chỗ nương dựa, nên có thể tu tập tinh tấn các pháp Du già hiện có như tâm học tăng thượng, tuệ học

tăng thượng, vì vậy đối với chỗ chứng đắc nơi các đệ tử khác của bậc Đại sư, đều sinh khởi thắng giải, tịnh tín sâu xa. Do nghĩa tăng thượng của sự tin tưởng thanh tịnh này nên gọi là tín căn.

Hỏi: Tăng thượng nơi cái gì?

Đáp: Tức có thể sinh khởi pháp xuất thế gian, được xem là đứng đầu. Cùng có thể đầy khởi tinh tấn, niệm, định, tuệ, thấy đều tăng thượng. Do đó tín v.v... được gọi là năm căn. Nếu lại nhận biết rõ về chỗ chứng đắc trước sau có sai biệt, theo đấy, có thể đối với chỗ chứng đắc các pháp xuất thế gian càng lui về sau, sinh khởi thắng giải và tịnh tín sâu xa, vì nghĩa khó khuất phục của sự tin tưởng thanh tịnh ấy, nên được gọi là tín lực.

Hỏi: Cái gì không thể khuất phục?

Đáp: Sự tin tưởng thanh tịnh ấy. Hoặc thiên hoặc ma... cho đến các phiền não trôi buộc, cũng không thể làm cho khuất phục, nên gọi là khó khuất phục. Đây là đứng đầu, đây là đi trước. Các thứ còn lại như tinh tấn v.v... cũng gọi là lực. Do các lực này gồm đủ uy thế lớn, phá trừ hẳn tất cả sức mạnh của quân ma, có thể chứng đắc hoàn toàn dứt hết mọi thứ lậu, vì vậy gọi là lực. Nên quán tín căn, tín lực ở đây, tức là tịnh tín hiện có trong bốn chứng tịnh. Vì sao? Vì sự chứng nhập nơi chứng tịnh hiện có của chánh tánh ly sinh (kiến đạo) đều do nhân này, duyên này, sự nêu bày này. Do pháp kia tức đây là quả tăng thượng, nên Đức Thế Tôn đã căn cứ theo đạo lý nhân quả tương thuộc, nói “Nên quán”, tức pháp kia là chứng tịnh. Nên quán ở đây là tinh tấn căn, lực, tức tinh tấn hiện có trong bốn chánh đoạn. Chánh đoạn ấy là gì? Nghĩa là có thể vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não do kiến đạo đoạn trừ, là phương tiện chánh đoạn.

Ở đây ý nói chánh đoạn như thế, do chánh đoạn này có thể đoạn trừ rất ráo các pháp ác bất thiện hiện có. Nên quán ở đây là niệm căn, niệm lực, tức các chánh niệm hiện có trong bốn niệm trụ, nghĩa là

bốn niệm trụ có thể đoạn trừ mọi thứ điên đảo không còn sót. Nên quán ở đây là định căn, định lực, tức các chánh định hiện có trong bốn tĩnh lực, nghĩa là các tĩnh lực có thể làm phương tiện để chứng đắc quả Bất hoàn. Nên quán ở đây là tuệ căn, tuệ lực, tức chánh trí hiện có trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trí Thánh đế nơi bốn Thánh đế có thể chứng hiện quán, đắc quả Sa-môn. Tức do các căn các lực như thế, dần dần tu tập, tu tập nhiều làm nhân duyên, nên có thể phát khởi bốn thứ căn thiện của ba phẩm hạ trung thượng nơi thuận phần quyết trạch. Những gì là bốn thứ? (1) Noãn. (2) Đảnh. (3) Thuận đế nhãn. (4) Pháp thế đệ nhất.

Ví như có người muốn dùng lửa để làm các việc do lửa có thể làm được. Vì cầu đạt lửa nên dưới thì đặt cây khô, trên thì bày vật dùi lửa. Người ấy do siêng năng, tinh tấn, thúc đẩy, khích lệ nơi công việc, nên cây khô ở dưới đầu tiên là sinh ấm nóng. Tiếp theo, sự nóng ấy tăng trưởng, khí nóng bức xông lên... Ngọn lửa sáng rực đã sinh rồi, liền có thể tạo ra các việc làm do lửa. Như người dùi lửa siêng năng tinh tấn, thúc đẩy, khuyến khích nơi công việc của mình, người tu năm căn năm lực, tu tập dần dần, tu tập nhiều, nên biết cũng vậy. Như nơi cây khô kia đầu tiên sinh nóng ấm, căn thiện Noãn nên biết cũng như vậy, tức sinh tướng trước là lửa của pháp vô lậu thiêu đốt các thứ phiền não. Như noãn tăng trưởng, hơi nóng xông lên, căn thiện Đảnh kia nên biết cũng thế. Như tiếp theo là khói phát sinh, căn thiện Thuận đế nhãn kia nên biết cũng vậy. Như ngọn lửa phát sinh ánh lửa sáng rực không gián đoạn, căn thiện Pháp thế đệ nhất thâm tóm năm căn năm lực, sinh khởi thánh pháp vô lậu xuất thế gian không gián đoạn, nên biết cũng vậy.

Ở đây lại như thế nào? Đó là bảy giác chi, các Bồ-đặc-già-la đã chứng nhập chánh tánh ly sinh, với giác tuệ như thật dùng đẩy làm chi, nên gọi là giác chi. Tức bảy thứ giác chi như thật này là thuộc về ba phẩm. Đó là ba giác chi thuộc phẩm Xa-ma-tha, ba giác chi thuộc

phẩm Tỳ-bát-xá-na, một giác chi thuộc chung nơi hai phẩm. Do đó gọi là bảy thứ giác chi. Tức: Giác chi trạch pháp. Giác chi tinh tấn. Giác chi hỷ. Ba giác chi này thuộc về phẩm Quán (Tỳ-bát-xá-na):

Giác chi khinh an. Giác chi định. Giác chi xả. Ba giác chi này thuộc về phẩm Chỉ (Xa-ma-tha).

Giác chi niệm: Cùng thuộc về hai phẩm Chỉ, Quán, nên gọi là biến hành.

Hành giả bảy giờ, đầu tiên là đạt được bảy giác chi, nên gọi là bậc hữu học thứ nhất. Thấy dấu vết của Thánh đế rồi thì đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các phiền não do kiến đạo đoạn trừ, chỉ còn lại các phiền não do tu đạo đoạn dứt.

Vì nhằm đoạn trừ các phiền não ấy nên tu tập tám chi Thánh đạo thuộc về ba uẩn. Ở đây:

Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, là thuộc về Tuệ uẩn.

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, là thuộc về Giới uẩn.

Chánh niệm, chánh định, là thuộc về Định uẩn.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên được gọi là tám chi Thánh đạo?

Đáp: Các bậc Thánh hữu học đã “kiến tích”, do tám chi ấy thâm tóm dấu vết hành nơi chánh đạo, có thể đoạn trừ sạch hết tất cả các phiền não, có thể đối với nẻo giải thoát tác chứng rốt ráo. Do đó gọi là tám chi Thánh đạo.

Ở đây nên biết, hoặc lúc giác chi đạt được chân giác, hoặc đạt được rồi, dùng tuệ an lập, như chỗ chứng đắc mà giác. Tóm lược chung hai thứ ấy hợp lại gọi là Chánh kiến. Do lực tăng thượng của chánh kiến ấy, nên chỗ dấy khởi nẻo xuất ly không gian không hại, phân biệt tư duy, gọi là Chánh tư duy. Hoặc tâm hướng nhập nơi các tầm, tư, hành giả chỉ tầm tư nơi những tầm tư hiện có tướng trạng như thế. Hoặc tâm hướng nhập nơi các thứ ngôn luận. Tức do lực

tăng thượng của chánh kiến, nên khởi tư duy khéo léo, phát khởi vô số ngôn luận như pháp. Đó gọi là Chánh ngữ.

Hoặc đúng như pháp tìm cầu các thứ y phục, thức ăn uống, vật dụng ngồi, nằm, thuốc men trị bệnh, các loại vật dụng cần cho bản thân v.v... Vào lúc tìm cầu, hoặc đi tới, hoặc trở lại, luôn trụ nơi chánh tri. Hoặc trông thấy, hoặc xem rõ, hoặc thu hẹp, hoặc mở rộng, hoặc mang y, cầm bát cùng Tăng-già-chi, hoặc ăn hoặc uống... đều trụ trong chánh tri. Hoặc đi hoặc đứng, hoặc ngồi hoặc nằm, nói rộng cho đến hoặc nghỉ ngơi, đều trụ trong chánh tri. Đó gọi là Chánh nghiệp.

Tìm cầu đúng như pháp về các thứ y phục, thức ăn uống..., xa lìa mọi việc khởi pháp tà mạng, đó gọi là Chánh mạng. Hoặc xa lìa để thấu tóm Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, hành giả ấy lúc chứng đắc các giác chi của tác ý vô lậu trước đã đạt được.

Hỏi: Do đâu ở đây gọi là giới được bậc Thánh yêu thích?

Đáp: Do các bậc Thánh đều là hiền thiện chánh chí, thường xuyên vừa ý với những yêu thích hâm mộ: Ta nên vào lúc nào sẽ chính thức đạt được luật nghi không tạo tác các hành ác nơi thân ngữ, các sự việc tà mạng? Do chư vị ấy trong đêm dài sinh tử đối với giới luật tâm sinh yêu thích mến mộ sâu xa, nên lúc đạt được, gọi là giới được bậc Thánh yêu thích. Đạt được giới như vậy rồi, trọn không chánh tri mà nói vọng ngữ, trọn không cố suy xét để hại mạng chúng sinh, trọn không cố suy xét để không cho mà lấy, trọn không cố suy xét để hành hạnh tà dục, trọn không dùng phi pháp để cầu đạt y phục v.v... Tức do lực tăng thượng của giới được bậc Thánh yêu thích, nên lúc tu đạo, cho đến các thân nghiệp ngữ nghiệp hiện có cùng chuyển với việc nuôi dưỡng thân mạng, cũng được gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Nương dựa vào chánh kiến cùng chánh tư duy, chánh ngữ, nghiệp, mạng siêng năng tu hành, tất cả mong muốn, siêng năng, tinh tấn, xuất ly hiện có, luôn đủ uy lực dũng mãnh, phát khởi thúc

đây, khích lệ nơi tâm, nối tiếp không gián đoạn, gọi là chánh tinh tấn. Thành tựu chánh tinh tấn như vậy, do sức tăng thượng của bốn niệm trụ nên đạt được chánh niệm thuộc về chín thứ hành tướng không điên đảo, có thể thâm tóm chín thứ hành tướng tâm trụ. Đó gọi là chánh niệm và chánh định. Tất cả tám chi Thánh đạo như thế được lập chung làm hai thứ: Vô sở tác. Trụ sở tác.

Vô sở tác: Là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Trụ sở tác: Lại có hai loại: Là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn là Tỳ-bát-xá-na (Quán).

Chánh niệm, chánh định là Xa-ma-tha (Chỉ).

Như vậy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thanh tịnh là nơi chốn nương dựa, trong mọi thời gian tu tập Chỉ, Quán, nên có thể đoạn trừ vĩnh viễn các thứ kiết sử, có thể đạt được quả A-la-hán tối thượng, thường xuyên nối tiếp gọi là tu tập, nhiều thời gian tu tập thông suốt, đoạn dứt các phiền não, trí đột nhiên sinh khởi gọi là kiến đạo. Trí tạm thời dấy khởi tức có thể vĩnh viễn dứt trừ các thứ phiền não. Do nhân duyên ấy, nên chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng ở trong tu đạo mới được kiến lập. Do phương tiện gia hạnh nên lần lượt tu tập ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần như thế, đó gọi là tu Bồ-đề phần.

* **Thế nào là tu quả?** Nghĩa là bốn quả Sa-môn:

(1) Quả Dự lưu.

(2) Quả Nhất lai.

(3) Quả Bất hoàn.

(4) Quả A-la-hán tối thượng.

Ở đây, thế nào là Sa-môn? Thế nào gọi là quả? Tức Thánh đạo gọi là Sa-môn. Phiền não được đoạn trừ gọi là quả. Lại, đạo sinh sau hoặc giữa hoặc trên là quả được sinh của đạo sinh trước.

Hỏi: Do đâu kiến lập bốn quả như vậy?

Đáp: Nhằm đối trị bốn thứ các phiền não. Nghĩa là nhằm đoạn trừ phiền não là nhân của các thứ vô sự có thể chiêu cảm nẻo ác, dẫn đến nẻo ác, cùng có thể đoạn trừ các thứ sinh khởi do sự đối trị kia, nên lập quả Dự lưu.

Đức Bạc Già Phạm nói: Đoạn trừ vĩnh viễn ba kiết nên lập quả ấy: Nghĩa là dựa nơi ba phẩm có ba thứ kiết gây chướng ngại, Thánh đạo khiến không sinh khởi. Đó là: (1) Phẩm Tại gia. (2) Phẩm Pháp Tỳ-nại-da thuyết ác. (3) Phẩm Pháp Tỳ-nại-da thuyết thiện.

Dựa nơi phẩm Tại gia có thân kiến, do kiến chấp này, nên trước sinh sợ hãi, đầu tiên là không muốn hướng tới Thánh đạo.

Dựa vào phẩm Pháp Tỳ-nại-da thuyết ác có giới cấm thủ, do “chấp thủ” ấy, nên tuy đã phát khởi, hướng tới Thánh đạo, nhưng hành tà vạy, vì vậy nên không thể sinh khởi Thánh đạo.

Dựa nơi phẩm Pháp Tỳ-nại-da thuyết thiện có nghi ngờ, do nghi ấy, nên tuy đã phát khởi, hướng tới Thánh đạo, không hành tà vạy, nhưng nơi Thánh đạo chưa hành tập thường xuyên. Ở trong sự việc được thấy biết đúng như thật còn do dự, nghi hoặc, làm chướng ngại Thánh đạo, không khiến sinh khởi. Do nhân duyên này, nên chỉ nói đoạn trừ chướng ngại ấy, lập quả Dự lưu.

Quả Dự lưu này, tối đa là bảy lần sinh tử. Do đấy nên nhiều đời nối tiếp, nếu đoạn trừ phiền não tái sinh nối tiếp, sinh không còn nối tiếp nữa, nên lập quả Nhất lai. Nghĩa là, nếu vĩnh viễn đoạn trừ các phiền não hiện có nối tiếp của sự tái sinh thuộc về cõi người, cõi trời, tối đa chỉ còn thọ sinh một đời nơi cõi người, một đời nơi cõi trời, nên bảy giờ lập quả Nhất lai.

Nếu đã đoạn trừ vĩnh viễn các thứ phiền não có thể chiêu cảm sinh trở lại cõi ấy, chỉ ở nơi cõi trời sẽ có thể thọ sinh, tức bảy giờ lập quả Bất hoàn.

Nếu đã dứt trừ hoàn toàn tất cả phiền não có thể chiêu cảm lấy cõi sinh, nên kiến lập quả A-la-hán tối thượng.

Tức Đức Bạc Già Phạm nói: Đoạn trừ vĩnh viễn sự trói buộc của ba kiết tham sân si, lập quả Nhất lai. Đoạn trừ vĩnh viễn khả năng thuận theo năm kiết hạ phần, nên lập quả Bất hoàn. Đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não một cách rốt ráo, nên kiến lập quả A-la-hán tối thượng. Đó gọi là tu quả.

Lại nữa, trong ấy, hành tâm tư của tham sân si mạn: Hành giả trước hết nên ở nơi đối tượng duyên tịnh hạnh, tịnh tu các hành, sau đây mới chứng tâm an trụ chân chánh. Vì ấy, nơi cảnh giới của đối tượng duyên đều sai biệt, quyết định do uy lực khác nhau của đối tượng duyên, siêng tu gia hạnh. Hoặc Bồ-đặc-già-la hành đẳng phần, tùy chỗ yêu thích, duyên dựa nơi cảnh kia, siêng tu gia hạnh. Siêng tu như thế chỉ khiến tâm trụ, chẳng phải là làm tịnh hạnh ấy. Như Bồ-đặc-già-la hành đẳng phần, hành giả Bạc trần, nên biết cũng vậy. Nhưng các hành ấy có sự sai biệt. Nghĩa là hành giả tham v.v..., lúc siêng năng tu tập cần trải qua thời gian lâu xa mới chứng tâm trụ. Hành giả đẳng phần, lúc siêng năng tu tập, không cần phải trải qua thời gian rất lâu xa mà có thể chứng tâm trụ. Hành giả Bạc trần, lúc siêng năng tu tập, hết sức mau chóng có thể chứng tâm trụ.

Hỏi: Trước đã nói rộng về hành tướng sai biệt của Bồ-đặc-già-la đẳng hành có tham. Về Bồ-đặc-già-la hành đẳng phần cùng Bồ-đặc-già-la hành Bạc trần thì có hành tướng thế nào?

Đáp: Hành giả đẳng phần, như hành tướng hiện có của Bồ-đặc-già-la hành tham v.v..., tất cả đều có đủ.

Nhưng hành tướng kia chẳng phải là trên, chẳng phải là hơn. Như hành tham v.v... theo chỗ gặp duyên mà có sai biệt được nêu bày. Hành này so với hành kia tương tự.

Về hành tướng sai biệt của Bồ-đặc-già-la hành Bạc trần: Nghĩa là không có trọng chướng, đầu tiên được thanh tịnh, tư lương đã đủ, có nhiều tin tưởng thanh tịnh, thành tựu thông tuệ, đủ các phước đức, đủ các công đức.

Không có trọng chướng: Nghĩa là không có ba chướng. Đó là: (1) Chướng của nghiệp. (2) Chướng của phiền não. (3) Chướng của dị thực.

Nói chướng của nghiệp: Là năm nghiệp vô gián cùng các thứ hiện có khác, nên suy xét tạo nghiệp với các nghiệp càng nặng. Quả dị thực kia, hoặc lúc hình thành, có thể gây chướng ngại cho chánh đạo, khiến không sinh khởi. Đó gọi là chướng của nghiệp.

Chướng của phiền não: Đó là các thứ phiền não mãnh liệt, phiền não thường xuyên. Do các phiền não ấy, nên ở trong hiện pháp, làm cho vô số đối tượng duyên tịnh hạnh không thể khiến thanh tịnh. Đó gọi là chướng của phiền não.

Chướng của dị thực: Nghĩa là, hoặc xứ sinh có Thánh đạo, dựa vào dị thực kia nên không sinh không lớn, tức nơi xứ sinh ấy quả dị thực sinh. Hoặc có xứ sinh Thánh đạo, dựa vào đây tuy được sinh trưởng, nhưng trong ấy, quả dị thực sinh chỉ là hạng ngu độn, đui mù câm điếc v.v... không có năng lực để hiểu biết về nghĩa pháp thuyết giảng thiện, nêu giảng ác. Đó gọi là chướng của dị thực.

Đầu tiên được thanh tịnh: Đó là giới khéo thanh tịnh và kiến giải chánh trực. Do mười nhân duyên nên giới khéo thanh tịnh, như trước đã nói, nên biết.

Kiến giải chánh trực: Nghĩa là như có kiến giải tương ưng với tịnh tín, tương ưng với thắng giải, xa lìa mọi đối trá dua nịnh, khéo suy xét về nghĩa pháp, không nghi không hoặc, gia hạnh xuất ly. Đó gọi là kiến giải chánh trực.

Kiến giải chánh trực như vậy, tương ưng với tịnh tín, nên đối với Chánh pháp và Tỳ-nại-da của Phật, không thể xâm đoạt. Tương

ưng với thắng giải, nên đối với Như Lai và các Thánh đệ tử, với uy đức thần lực không thể nghĩ bàn, với xứ sinh sai biệt không thể nghĩ bàn, với giáo pháp thâm diệu không thể ghi nhận hết, nên sinh khởi thắng giải sâu xa, không kinh hãi, không có lo sợ.

Xa lìa mọi thứ đối trá dua nịnh: Nên kiến giải chánh trực ấy, là loại chánh trực đúng như Thánh giáo để chính thức tu hành, như sự chân thật để tự hiển phát.

Khéo suy xét về nghĩa pháp, không nghi không hoặc, gia hạnh xuất ly: Nên đối với nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã của tất cả pháp khéo tư duy đúng đắn, khéo lường tính đúng đắn, khéo quán xét đúng đắn. Do đấy làm nhân nên không có nghi hoặc, xa lìa hai nẻo, đạt được thắng tấn. Do bốn tướng ấy, nên chỗ nói về kiến giải ở trước gọi là kiến giải chánh trực.

Tư lương đã đủ: Nói rộng về tư lương như trước nên biết, lược có bốn thứ: (1) Tư lương về phước đức. (2) Tư lương về trí tuệ. (3) Tư lương của đời trước. (4) Tư lương của hiện pháp.

Tư lương về phước đức: Nghĩa là do đấy nên hiện tại đạt được các thứ tài sản, châu báu dồi dào, các thứ vật dụng cần cho sự sống luân thuận hợp, gặp phước điền chân chính là thiện tri thức, lìa các chướng ngại, có thể siêng năng tu tập.

Tư lương về trí tuệ: Nghĩa là do đấy nên thành tựu thông tuệ, có đủ năng lực, hiểu rõ về nghĩa pháp nêu giảng thiện nêu giảng ác, đạt được diệu nghĩa của giáo pháp với sự chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền.

Tư lương của đời trước: Là do căn thiện được tích tập từ đời trước, nên nay đạt được các căn thành thực.

Tư lương của hiện pháp: Nghĩa là nơi đời hiện tại có pháp thiện dục, các căn thành thực, đầy đủ giới luật nghi và căn luật nghi, như trước đã nói rộng.

Có nhiều tin tưởng thanh tịnh: Nghĩa là đối với bậc Đại sư không hề nghi hoặc, sinh khởi sự tin tưởng thanh tịnh sâu xa, cùng với thắng giải. Như đối với bậc Đại sư, đối với giáo pháp, đối với sự học cũng lại như vậy. Ngoài ra, như trước đã nói rộng, nên biết.

Thành tựu thông tuệ: Đó là do đầy nên đối với pháp, đối với nghĩa mau chóng thọ nhận lãnh hội. Trải qua thời gian lâu xa, đối với pháp đối với nghĩa đều không hề quên mất. Đối với pháp với nghĩa, mau chóng thông đạt.

Đủ các phước đức: Nghĩa là do đầy nên hình sắc đoan nghiêm, mọi người đều thích nhìn ngắm, phát khởi tin tưởng thanh tịnh, không bệnh tật, sống lâu, ngôn từ thuần nhã, có đủ tiếng tăm, nhiều người hay biết, thành tựu phước lớn, được các bậc quốc vương, đại thần cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán.

Đủ các công đức: Nghĩa là bản tánh thành tựu, hết mực thiêu dục cùng với vô số công đức, như trước đã nêu bày về Sa-môn trang nghiêm nên biết về tướng.

Các loại như thế, nên biết, đó gọi là các hành tướng sai biệt của Bồ-đặc-già-la hành Bạc trần.

* **Thế nào là dị môn của Bồ-đặc-già-la?** Nghĩa là có sáu loại. Những gì là sáu? Tức:

- (1) Sa-môn.
- (2) Bà-la-môn.
- (3) Phạm hạnh.
- (4) Bí-sô.
- (5) Tinh cần.
- (6) Xuất gia.

Sa-môn: Lại có bốn loại: (1) Sa-môn thắng đạo. (2) Sa-môn thuyết đạo. (3) Sa-môn hoạt đạo. (4) Sa-môn hoại đạo.

Nên biết, các bậc Thiện thế gọi là Sa-môn thắng đạo. Các vị thuyết giảng chánh pháp gọi là Sa-môn thuyết đạo. Các vị tu tập hạnh thiện gọi là Sa-môn hoạt đạo. Những kẻ hành hạnh tà gọi là Sa-môn hoại đạo.

Các bậc Thiện thế: Tức là đã chứng đắc, vĩnh viễn dứt hết mọi thứ tham sân si v.v...

Thuyết giảng chánh pháp: Là nhằm điều phục tham sân si v.v..., nêu giảng chánh pháp.

Tu hành hạnh thiện: Là nhằm điều phục tham sân si, siêng năng tu tập chánh hạnh.

Hành tà hạnh: Là phạm Thi la, hành các pháp ác.

Lại, bậc học, vô học gọi là Sa-môn thắng đạo. Dùng đạo vô lậu diệt trừ mọi kiến chấp, mọi thứ phiền não do tu đạo đoạn. Hoặc không có Như Lai cùng các Bồ-tát, vì Bồ-đề nên siêng năng tu tập chánh hạnh. Các chúng Thanh văn nắm giữ ba tạng, gọi là Sa-môn thuyết đạo. Nhận giữ pháp Tỳ-nại-da thế gian, chuyên pháp nhãn chân chánh khiến không đoạn mất. Hoặc các Bồ-đặc-già-la dị sinh, tánh điều thiện, vì lợi ích của mình, nên siêng năng tu tập chánh hạnh, có hổ thẹn, có hối hận, yêu thích chánh học. Vì nhằm đạt được điều chưa đạt, vì nhằm xúc chứng pháp chưa xúc chứng, nên siêng tu gia hạnh. Có đủ năng lực, nên có thể gắng nhận, đạt được điều chưa đạt, gắng nhận xúc chứng pháp chưa xúc chứng, gọi là Sa-môn hoạt đạo. Do các vị này hiện có pháp thiện như noãn, nên có thể sinh trưởng mạng căn Thánh tuệ, gọi là sống (hoạt) không phải là chết. Vì thế gọi là Sa-môn hoạt đạo. Nếu các Bồ-đặc-già-la phạm giới, hành nhiều pháp ác, nói rộng cho đến thật chẳng phải là phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh, gọi là Sa-môn hoại đạo. Do các kẻ ấy phá hoại đầu tiên là phần căn bản của chánh đạo hiện có, không năng không lực, chẳng phải là vật sinh đạo, tuy hiện tiền có người thuyết giảng

giáo pháp của chánh đạo cùng hiện tiền có vị chứng đắc chánh đạo, nhưng các kẻ ấy không biết được. Vì thế gọi là Sa-môn hoại đạo.

Bà-la-môn: Lại có ba loại. Đó là: (1) Bà-la-môn chủng tánh. (2) Bà-la-môn danh tướng. (3) Bà-la-môn chánh hạnh.

Bà-la-môn chủng tánh: Nghĩa là như sinh tại gia đình Bà-la-môn, do chính mẹ sinh ra, cha mẹ đầy đủ danh xưng Bà-la-môn.

Bà-la-môn danh tướng: Nghĩa là nơi các thế gian, do tướng về tướng v.v... nên giả lập ngôn thuyết, gọi là Bà-la-môn.

Bà-la-môn chánh hạnh: Tức là sự việc đã làm quyết định cứu cánh, đã có thể loại trừ pháp ác bất thiện, nên biết như nói Bà-la-môn lại không có tạo tác, sự việc làm đã xong, đó gọi là Bà-la-môn.

Phạm hạnh: Lại có ba loại: (1) Phạm hạnh thọ nhận xa lìa. (2) Phạm hạnh tạm thời đoạn trừ. (3) Phạm hạnh đoạn trừ rốt ráo.

Phạm hạnh thọ nhận xa lìa: Nghĩa là có thể thọ học, xa lìa tất cả hành phi phạm hạnh như pháp tập dâm dục.

Phạm hạnh tạm thời đoạn trừ: Nghĩa là các dị sinh (phàm phu) do nơi đạo thế gian nên lìa dục của cõi dục.

Phạm hạnh đoạn trừ rốt ráo: Là các bậc Thánh chứng đắc quả Bất hoàn, lại chứng đắc quả A-la-hán tối thượng.

Bí-sô: Lại có năm loại: (1) Bí-sô khát thực. (2) Bí-sô tự xưng. (3) Bí-sô danh tướng. (4) Bí-sô diệt trừ phiền não. (5) Bí-sô bạch Tứ yết ma, thọ giới Cụ túc.

Tinh cần: Lại có ba loại: (1) Tinh cần dứt bỏ phạm giới: Nghĩa là có thể xa lìa tất cả thân nghiệp, ngữ nghiệp bất thiện. (2) Tinh cần dứt bỏ cảnh giới: Nghĩa là giữ chặt các căn môn, tu phòng hộ niệm cùng luôn thuận niệm, như trước đã nói rộng. (3) Tinh cần dứt trừ phiền não: Nghĩa là có thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Cùng với tất cả chỗ sinh khởi trước: Hoặc tâm

tư dục, hoặc tầm tư sân, hoặc tầm tư hại. Hoặc tham hoặc sân, hoặc các tà kiến, hoặc các tùy phiền não: phân, hận, phú (che giấu), não, cuồng (dối trá), siểm (dua nịnh) có thể dẫn đến xứ ác, các cõi hiểm nạn như Na-lạc-ca (địa ngục) v.v..., chẳng phải là pháp Sa-môn, tùy chỗ sinh khởi, đều không nhận chịu. Xét tìm tức đoạn trừ, dứt bỏ. Nên biết ở đây lược có hai loại dứt trừ phiền não: (a) Dứt trừ tùy miên. (b) Dứt trừ các triền.

Xuất gia: Lại có hai loại: (1) Ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện mà xuất gia. (2) Ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng ác mà xuất gia.

Ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện mà xuất gia: Nghĩa là các chúng Bí-sô, Bí-sô-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni. Lại, nếu tự mình có thể xuất ly tất cả pháp ác bất thiện hiện có trong thân, nên biết đó gọi là xuất gia chân thật.

Ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng ác mà xuất gia: Đó là các ngoại đạo, hoặc hoàn toàn không y phục, hoặc y phục hoại sắc, hoặc các ngoại đạo tăng thượng như bôi tro v.v...

Do đây nên nói: Hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc tu phạm hạnh, hoặc các Bí-sô, hoặc kẻ tinh cần, hoặc người xuất gia, tất cả như vậy là dị môn hiện có của Bồ-đặc-già-la.

* **Bồ-đặc-già-la:** Lược có tám loại.

Nhân duyên kiến lập lược có bốn thứ.

Thế nào là tám loại Bồ-đặc-già-la? Đó là:

- (1) Có khả năng đảm nhận.
- (2) Không có khả năng đảm nhận.
- (3) Khéo nhận biết phương tiện.
- (4) Không khéo nhận biết phương tiện.
- (5) Có tu tập không gián đoạn.

(6) Không tu tập không gián đoạn.

(7) Đã tu tập thông suốt.

(8) Chưa tu tập thông suốt.

*** Thế nào là bốn thứ nhân duyên kiến lập Bồ-đặc-già-la?**

Nghĩa là do bốn thứ nhân duyên sai biệt, nên kiến lập tám loại Bồ-đặc-già-la:

(1) Do sai biệt về căn: Có căn đã thành thực, có căn chưa thành thực.

(2) Do sai biệt về Du già: Có hạng khéo biết về Du già, có hạng không khéo biết về Du già.

(3) Do sai biệt về gia hạnh: Có hạng có sự tu tập cẩn trọng không gián đoạn. Có hạng không có sự tu tập cẩn trọng không gián đoạn.

(4) Do sai biệt về thời gian: Có hạng nơi thời gian dài đã tu đạo. Có hạng chưa có thời gian dài tu đạo.

Thế nào là do bốn thứ sai biệt như vậy, có thể làm nhân duyên kiến lập tám loại Bồ-đặc-già-la trước? Đó là: Căn đã thành thực, tức có khả năng đảm nhận.

Căn chưa thành thực, tức không có khả năng đảm nhận.

Khéo nhận biết về Du già, tức khéo nhận biết phương tiện.

Không khéo nhận biết về Du già, tức không khéo nhận biết phương tiện.

Có sự tu tập cẩn trọng không gián đoạn, tức có tu tập không gián đoạn. Đây cũng gọi là có thường thuận tu.

Không có sự tu tập cẩn trọng không gián đoạn, tức không có tu tập không gián đoạn. Đây cũng gọi là không thường thuận tu.

Đã có thời gian dài tu đạo, tức đã tu tập thông suốt.

Chưa có thời gian dài tu đạo, tức chưa tu tập thông suốt.

Như thế gọi là, do: Căn sai biệt, Du già sai biệt, gia hạnh sai biệt, thời gian sai biệt, nên kiến lập tám loại Bồ-đặc-già-la.

Nếu các Bồ-đặc-già-la hiện có, căn chưa thành thực, thì các vị ấy đối với việc khéo nhận biết phương tiện, có tu không gián đoạn, đã tu tập thông suốt, như lý như pháp, như chỗ thiện xảo đều không thể thành tựu đầy đủ. Hoặc các Bồ-đặc-già-la hiện có, căn tuy thành thực, nhưng chưa khéo nhận biết phương tiện thiện xảo, nơi các thứ hiện có cũng không thể thành tựu đầy đủ. Hoặc các Bồ-đặc-già-la hiện có, căn đã thành thực, khéo nhận biết phương tiện, nhưng không tu không gián đoạn, tức không thể mau chóng đạt được thông tuệ. Hoặc các Bồ-đặc-già-la hiện có, căn đã thành thực, khéo nhận biết phương tiện, có tu không gián đoạn, đã tu tập thông suốt, thì các vị ấy đối với các sự việc hiện có đều có thể thành tựu đầy đủ, cũng có thể mau chóng đạt được thông tuệ, nơi các sự việc do tự mình làm hiện có đều được thành tựu đầy đủ.

* Nên biết về các ma lược có bốn loại. Sự việc do ma tạo tác có vô lượng thứ. Các sư Du già siêng năng tu hành quán phải nên khéo nhận biết khắp, nên chính thức xa lìa.

Thế nào là bốn ma? Đó là:

- (1) Ma uẩn.
- (2) Ma phiền não.
- (3) Ma tử.
- (4) Ma thiên.

Ma uẩn: Nghĩa là năm thủ uẩn.

Ma phiền não: Đó là tất cả phiền não trong ba cõi.

Ma tử (chết): Nghĩa là các hữu tình kia từ nơi các chúng hữu tình với đủ loại tử vong tan hoại.

Ma thiên: Nghĩa là nơi người siêng năng tu phẩm thiện thù thắng, lúc cầu muốn vượt hơn ba thứ ma uẩn, phiền não, tử, được sinh làm thiên tử nơi cõi dục, có tự tại lớn, vì tạo chướng ngại nên phát khởi vô số sự việc nhiễu loạn. Đó gọi là ma thiên.

Nên biết ở đây, hoặc chết là chỗ dựa, hoặc có thể khiến chết, hoặc chính là chết, hoặc đối với sự chết tạo các chướng ngại không khiến vượt khỏi. Dựa vào bốn thứ ấy để kiến lập bốn ma.

Nghĩa là, dựa vào trường hợp đã sinh, đã nhập nơi năm thủ uẩn hiện tại nên mới có chết chóc. Do phiền não nên chiêu cảm sự sinh nơi vị lai. Sinh rồi nên có các thứ tử vong. Mạng căn của các loài hữu tình diệt tận với các thứ tử vong là tự tánh của chết. Kẻ siêng tu thiện, vì nhằm vượt qua sự chết, nên lúc ấy đã chính thức gia hạnh, ma thiên tử kia có được tự tại lớn, có thể tạo chướng ngại. Do chướng ngại, nên hoặc đối với cái chết, pháp không thể xuất hiện. Hoặc trải qua nhiều thời gian, vô cùng khó khăn, mới có thể vượt khỏi.

Lại nữa, ma đối với cõi ấy hoặc có trường hợp tạm thời không được tự tại. Nghĩa là những dị sinh lia dục của đạo thế gian, hoặc tại thế gian ấy, hoặc sinh nơi xứ kia, hoặc ma đối với cõi ấy được tự tại lớn. Nghĩa là chưa lia dục. Nếu chưa lia dục, thì ở trong tay của ma, tạo tác theo dục. Nếu là đạo thế gian mà lia dục, thì chỗ bị ma trói buộc chưa thoát khỏi ma la. Do đó, tất sinh trở lại cõi ấy.

* **Thế nào là ma sự?** Nghĩa là các thứ lực tăng thượng của các dục hiện có, có thể dẫn dắt, xuất ly pháp thiện, dục sinh tham đắm chấp trước, liền trở lại thoái chuyển, xả bỏ. Nên biết đây tức là ma sự.

Hoặc chính thức an trụ, giữ chặt căn môn, đối với các thứ sắc thanh hương vị xúc pháp khả ái hiện có, do nắm giữ lấy tướng, nắm giữ vẻ đẹp kèm theo, tâm vui thích hưởng nhập. Nên biết đây tức là ma sự.

Hoặc chính thức an trụ, nơi việc ăn uống biết rõ về lượng, nhưng đối với các thứ mỹ vị không thọ thực bình đẳng. Do tham ái nên tâm dục vui thích hướng nhập. Nên biết đây tức là ma sự.

Hoặc chính thức an trụ, siêng năng tinh tấn tu tập, đầu đêm cuối đêm luôn tỉnh giác Du già, đối với thù miên ưa thích, đối với ngồi thiền ưa thích, nơi việc nằm nghiêng bên hông ưa thích. Nhưng do sức của sự biếng trễ, nên tâm vui thích hướng nhập. Nên biết đây tức là ma sự.

Hoặc chính thức an trụ, nhận biết đúng mà trụ, lúc đối với các sự việc lui tới, qua lại, hoặc thấy về ấu thơ, thiếu niên, tráng niên, sắc tướng đẹp đẽ nơi các vùng đất gốc. Do không đúng như lý nên chấp giữ lấy tướng tốt, tâm vui thích hướng nhập. Hoặc thấy các sự việc tốt đẹp bậc nhất của thế gian, tâm vui thích hướng nhập. Hoặc ở trong chỗ nhiều sự việc, nhiều tạo tác, tâm vui thích hướng nhập. Hoặc thấy hàng tại gia cùng chúng xuất gia vui vẻ cư trú lẫn lộn. Hoặc thấy bạn ác cùng chung trụ xứ... đều liền sinh tùy hỷ, tâm vui thích hướng nhập. Nên biết hết thảy đều là ma sự.

Đối với Phật Pháp Tăng, bốn Thánh đế khổ tập diệt đạo, đời này đời khác hoặc sinh nghi ngờ. Nên biết tất cả đều là ma sự.

Trụ nơi A-luyện-nhã, bên cội cây, nơi bãi tha ma, chôn vắng vẻ, nơi phòng tĩnh lặng, hoặc thấy sự việc rộng lớn đáng sợ nên kinh hãi, rợn người. Hoặc thấy hình tượng Sa-môn, Bà-la-môn, hình tượng người, phi nhân hốt nhiên đi tới, không như chánh lý, khuyên bỏ phẩm trắng, khuyên lấy phẩm đen. Nên biết hết thảy đều là ma sự.

Hoặc đối với sự khen ngợi, cung kính, lợi dưỡng, tâm vui thích hướng nhập. Hoặc đối với việc keo kiệt, bõn sẻn, mong muốn to tát, không biết vui đủ. Đối với các thứ phần, hận, phú, nã, cùng giả hiện đối trá v.v... nơi pháp đối trị của Sa-môn trang nghiêm, tâm vui thích hướng nhập. Nên biết hết thảy đều là ma sự.

Vô lượng vô biên các loại như thế là sự việc của các ma. Tất cả đều là chỗ tạo tác của bốn ma. Theo sự ứng hợp, nên nhận biết rõ, đúng.

Do ba nhân duyên, nên người đang tu hành, siêng năng tinh tấn, phát hướng, nhưng hoàn toàn không có quả. Những gì là ba?

- (1) Do các căn chưa được tích tập.
- (2) Do sự chỉ dạy, trao truyền không tùy thuận.
- (3) Do lực của đấng trì yếu kém.

Hoặc có hành giả, các căn vẫn chưa tích tập, tuy lại đạt được sự chỉ dạy trao truyền thuận hợp, hành đấng trì mạnh mẽ, siêng năng tinh tấn phát hướng, nhưng hoàn toàn không có quả.

Hoặc có hành giả, các căn tuy đã tích tập, lực đấng trì cũng lại mạnh mẽ, nhưng không đạt được sự chỉ dạy trao truyền thuận hợp, nên dù siêng năng tinh tấn phát hướng, vẫn hoàn toàn không có quả.

Hoặc có hành giả, các căn tuy đã tích tập, cũng lại đạt được sự chỉ dạy trao truyền tùy thuận, nhưng lực đấng trì nếu không mạnh mẽ nên dù siêng năng tinh tấn phát hướng, cũng hoàn toàn không có quả.

Nếu có hành giả, các căn đã được tích tập, sự chỉ dạy trao truyền đều tùy thuận, lực đấng trì mạnh mẽ, nên siêng năng tinh tấn phát khởi hướng đến, quyết định có quả.

Như thế gọi là do ba nhân duyên nên hoàn toàn không có quả. Do ba nhân duyên nên quyết định có quả.

HẾT - QUYỂN 29

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 30

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VẤN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ ba: Đoạn 1

Như thế là đã nói về sự kiến lập phẩm loại Bồ đặc gia la cùng đối tượng duyên, cho đến hướng tu có quả không quả. Như nên an lập, tôi nay sẽ nói. Kệ nêu tổng quát:

*Đến vui hỏi, tìm cầu
Mới an lập hộ dưỡng
Xuất ly một cảnh tánh
Chướng tịnh tu tác ý.*

* *Như có Bồ-đặc-già-la mới tu tập tự yêu thích*: Lúc khởi đầu tu nghiệp, vì tùy thuận chứng đạt nghĩa lợi của chính mình, trước tiên nên ở bốn xứ, an trụ vào chánh niệm. Sau đấy đi đến trụ xứ của các vị khéo thông đạt về Du già, hoặc là Quĩ phạm sư, hoặc là Thân giáo sư, hoặc những vị được tôn trọng khác.

Những gì là bốn xứ? Đó là:

- (1) Xứ chuyên cầu lãnh hội, tỏ ngộ, không tâm vẫn nạn.
- (2) Xứ sinh khởi sự cung kính sâu xa, không tâm kiêu mạn.
- (3) Xứ chỉ cầu điều thắng thiện, không hiển bày năng lực của mình.

(4) Xứ thuần vì an lập căn thiện của mình người, không phải là cầu lợi dưỡng, sự cung kính, tiếng khen.

Như vậy là chánh niệm, đi tới trụ xứ của thầy rồi, trước cầu chấp thuận về thời gian thưa hỏi, sau đấy tuân tự thể hiện sự cung kính để thỉnh vấn.

Lúc sắp thưa hỏi, phải mặc y che vai trái, đầu gối bên phải quỳ sát đất, hoặc ở nơi tòa thấp hết mực khiêm tốn mà ngồi. Chắp tay cung kính, sinh khởi sự sợ thẹn sâu xa, đầu cúi, lời dụ thưa hỏi về Du già: Con nay, trong hành Du già như vậy muốn cầu thọ học, kính mong thầy từ bi vì con giảng nói.

Thưa thỉnh như vậy rồi, các sư Du già khéo thông đạt về Du già, vì muốn an lập cho người mới tu nghiệp tác ý Du già, nên dùng tâm thương xót, ngôn từ dịu dàng khen ngợi, khích lệ, an ủi. Lại nên tán dương công đức tu tập đoạn trừ. Nói:

Lành thay! Lành thay! Hiền Thủ! Ông nay mới có thể trong loài chúng sinh ở nơi chốn phóng dật, vui say với phóng dật, chìm đắm nơi cảnh giới, vui say với cảnh giới, riêng không phóng dật, thích tu hạnh xuất ly. Ông nay mới có thể, trong loài chúng sinh bị đọa đày lâu xa nơi vô số lao ngục sâu khổ hiểm nạn, riêng cầu giải thoát khỏi lao ngục như thế.

Ông nay mới có thể, trong loài chúng sinh, từng bị vô số thứ gông cùm xiềng xích của tham sân si v.v... luôn trói buộc, riêng cầu đoạn dứt sự buộc trói như vậy.

Ông nay mới có thể, trong loài chúng sinh, đã vào sâu nơi đường hiểm của đồng hoang sinh tử, riêng cầu vượt qua đường hiểm nơi đồng rộng hoang vắng ấy.

Ông nay mới có thể, trong loài chúng sinh, gặp phải lúc cạn kiệt về các thứ căn thiện, riêng cầu đạt được sự dồi dào phong phú.

Ông nay mới có thể, trong loài chúng sinh, từng bị rơi vào nẻo sợ hãi rộng lớn của vô số giấc oán phiền não, riêng cầu đạt Niết-bàn thường lạc, an ổn rốt ráo.

Ông nay mới có thể, trong loài chúng sinh, vốn bị bệnh nặng phiền não ăn nuốt, riêng cầu chứng đắc Niết-bàn bậc nhất thường lạc, không bệnh.

Ông nay mới có thể, trong loài chúng sinh, luôn bị bốn thứ dòng thác cuốn trôi, nhận chìm, riêng cầu qua khỏi các dòng nước dữ ấy.

Ông nay mới có thể, trong loài chúng sinh, bị cuốn vào nẻo tối tăm của vô minh lớn rộng, riêng cầu đạt được ánh sáng của đại trí.

Hiền Thủ nên biết! Ông nếu quyết định có thể siêng năng tinh tấn tu tập hành Du già như vậy, mới được gọi là không thọ dụng uổng phí tín thí của dân chúng trong nước, không bỏ việc phụng hành chân Thánh giáo của Như Lai, thành tựu tĩnh lự, tăng trưởng hành quán thù thắng, vui ở nơi tĩnh lặng, bạn pháp siêng năng tu học về tự nghĩa Du già, không nhục các bậc đồng phạm hạnh có trí.

Ông nay vì muốn dốc tu chánh hạnh tự lợi tự tha. Ông nay vì muốn tạo lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sinh, thương xót thế gian cùng chư Thiên, Nhân, A-tổ-lạc v.v... vì khiến đạt được nghĩa lợi, sự an lạc, nên đến thưa hỏi.

Dùng những ngôn từ dịu dàng như vậy, khen ngợi, khích lệ, an ủi, tán dương các công đức tu tập đoạn trừ rồi, lại ở nơi bốn thứ pháp xử xét hỏi kỹ để xét hỏi. Nói: Này Hiền Thủ! Ông đã hoàn toàn quy về Phật Pháp Tăng, không phải là sư ngoại đạo, cùng chúng đệ tử của pháp tà ấy chăng?

Ông đã đầu tiên tinh tu phạm hạnh, khéo làm thanh tịnh Thi la, có kiến giải chánh trực chăng?

Ông đã đối với giáo pháp nơi các Thánh đế đã được biện biệt, nêu chung, hoặc ít hoặc nhiều lắng nghe, thọ trì chẳng?

Ông đối với Niết-bàn, tâm tin hiểu sâu xa, vì nhằm chứng đắc tịch diệt mà xuất gia chẳng?

Xét hỏi như thế rồi, người kia nếu trả lời: Đúng vậy, thì tiếp theo, lại ở nơi bốn thứ xứ sở, dùng bốn nhân duyên nên chính thức tìm cầu. Những gì gọi là bốn thứ xứ sở? Đó là:

- (1) Nên tìm cầu về nguyện.
- (2) Nên tìm cầu về chủng tánh.
- (3) Nên tìm cầu về căn.
- (4) Nên tìm cầu về hành.

Thế nào gọi là bốn thứ nhân duyên? Đó là:

- (1) Nên dùng việc xét hỏi kỹ để chính thức tìm cầu.
- (2) Nên dùng ngôn luận để chính thức tìm cầu.
- (3) Nên dùng việc làm để chính thức tìm cầu.
- (4) Nên dùng trí tri tha tâm sai biệt để chính thức tìm cầu.

Thế nào gọi là nên dùng việc xét hỏi kỹ để tìm cầu về nguyện? Nghĩa là hỏi như vậy: Hiền Thủ! Vì nhằm cầu gì mà phát khởi chánh nguyện? Cầu thừa Thanh văn chẳng? Thừa Độc giác chẳng? Thừa Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng chẳng?

Người kia được hỏi, theo sở nguyện của chính mình, sẽ trả lời như vậy, như vậy. Như thế gọi là nên dùng việc xét hỏi kỹ để tìm cầu về nguyện.

Thế nào gọi là nên dùng việc xét hỏi kỹ để tìm cầu về chủng tánh cùng căn, hành? Nghĩa là hỏi như vậy: Hiền Thủ! Nơi chủng tánh, căn hành của chính mình có thể quán xét kỹ chẳng?

Tức là mình xưa nay có những chủng tánh gì? Thừa Thanh văn? Thừa Độc giác chẳng? Đại thừa chẳng?

Có những căn gì? Là độn căn? Là căn trung bình? Là lợi căn?

Có những hành gì? Là hành tham chẳng? Là hành sân chẳng? Nói rộng cho đến là hành tầm tư chẳng?

Kẻ kia, nếu là hạng tuệ sáng, có thể tự nhận biết rõ chỗ sai biệt trước sau về chủng tánh, căn, hành, khéo giữ lấy tướng, theo như câu hỏi mà đáp. Nếu là hạng ngu độn, không thể tự nhận biết về chỗ sai biệt trước sau, cho đến không thể khéo giữ lấy tướng, do đấy không thể như câu hỏi mà đáp.

Từ đó về sau, nên dùng ngôn luận để tìm cầu về ba thứ kia...

Nơi bốn thứ xứ, dùng bốn nhân duyên để chính thức tìm cầu rồi, lại ở nơi năm xứ, như chỗ ứng hợp để an lập.

Thế nào là năm xứ? Đó là:

- (1) Xứ giữ nuôi tư lương về định.
- (2) Xứ xa lìa.
- (3) Xứ tâm cảnh một tánh.
- (4) Xứ chướng được thanh tịnh.
- (5) Xứ tác ý tu tập.

* *Thế nào là xứ giữ nuôi tư lương về định?* Nghĩa là nếu người thành tựu giới luật nghi, tức ở xứ ấy, vì khiến không thoái chuyển, trụ nơi không phóng dật. Như Phật đã khuyên răn, như Phật đã chấp thuận. Giới uẩn viên mãn, học xứ sai biệt, tinh tấn tu hành, thường không biếng, bỏ. Như thế là có thể đối với chỗ chứng đắc về Thi la của chính mình tương ưng với việc học đạo không thoái chuyển. Cũng có thể chứng đắc phần Thi la trước chưa chứng đắc, tương ưng với học đạo thù thắng.

Như nói thành tựu giới luật nghi, thì thành tựu căn luật nghi cũng vậy. Nơi việc ăn uống biết rõ về lượng, đầu đêm, cuối đêm tỉnh giấc Du già, chánh tri mà trụ. Như vậy cho đến việc thành tựu sự trang nghiêm của Sa-môn hiện có, tùy chỗ đạt được pháp thiện sai biệt thuộc về tư lương, đều có thể phòng giữ, khiến không thoái thất. Đối với pháp thiện sai biệt thắng tấn về sau, vì nhằm mau chóng viên mãn, vì như chỗ nêu bày không tăng không giảm, hiện hành bình đẳng, phát sinh ưa muốn, vui thích hâm mộ tăng thượng, hằng luôn an trụ, tinh tấn dũng mãnh. Đó gọi là giữ, nuôi tư lương về định.

Như thế là lúc xa lìa thuận thoái phần pháp, tu tập có thể thuận hợp với thắng phần pháp, vui trụ nơi xa lìa.

* *Thế nào là xứ xa lìa?* Nghĩa là xứ sở viên mãn, oai nghi viên mãn, xa lìa viên mãn. Đó gọi là xứ xa lìa.

Thế nào là xứ sở viên mãn? Đó là hoặc chôn A-luyện-nhã, hoặc bên gốc cây rừng, hoặc nơi chôn vắng lặng. Hang sâu nơi hốc núi, nơi tích chứa lúa thóc v.v... gọi là nơi chôn vắng lặng. Cây to trong rừng rậm gọi là bên gốc cây rừng. Biên vực nằm ngòai nơi bãi tha ma xa vắng, gọi là chôn A-luyện-nhã. Nên biết các nơi chôn như vậy gọi chung là xứ sở.

Xứ sở viên mãn lại có năm loại: Hoặc xứ sở từ xưa đến nay hình tướng đoan nghiêm, mọi người đều thích thấy, thanh tịnh không cấu uế, rừng cây ao hồ thủy đều đầy đủ, tĩnh lặng đáng ưa. Đất không cao thấp, xứ không gai độc, cũng không có nhiều sỏi, đá, có thể khiến cho người xem thấy tâm sinh thanh tịnh. Vui trụ trong ấy tu gia hạnh đoạn trừ, tâm thích tâm mừng, nhận giữ để đoạn dứt. Đó gọi là xứ sở viên mãn thứ nhất.

Hoặc là xứ sở ngày không ồn ào, đêm ít âm thanh, cũng ít ruồi muỗi, rắn rít, ngày gió, các thứ tiếp xúc độc hại. Đó gọi là xứ sở viên mãn thứ hai.

Lại, hoặc xứ sở không có các loài thú dữ như sư tử, cọp, beo, chó sói, không có các sự việc khủng bố của oán địch, đao tặc, người, phi nhân v.v... Nơi xứ sở ấy thân ý thư thái, an nhiên, đều không lo, nghi, an lạc mà trụ. Đó gọi là xứ sở viên mãn thứ ba.

Lại, hoặc xứ sở tùy thuận thân mạng, các vật dụng dễ có được, tìm cầu về y phục, thuốc men v.v... không quá khó khăn. Các thức ăn uống dễ nắm giữ sự sống đều không thiếu thốn. Đó gọi là xứ sở viên mãn thứ tư.

Lại, hoặc xứ sở có sự thâm nhận của bậc thiện tri thức cùng là chỗ dừng trụ của các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ. Xứ chưa mở, tỏ, có thể chính thức mở, tỏ. Xứ đã mở, tỏ rồi, lại khiến sáng, sạch. Câu nghĩa thâm diệu dùng tuệ thông đạt, phương tiện thiện xảo ân cần nêu bày, chỉ rõ, có thể khiến cho tri kiến mau đạt được thanh tịnh. Đó gọi là xứ sở viên mãn thứ năm.

Thế nào là oai nghi viên mãn? Nghĩa là nơi ban ngày thì kinh hành, ngồi thiền. Đầu đêm cũng lại như vậy. Vào giữa đêm, nằm nghiêng theo phía hông bên phải, cuối đêm thì mau chóng thức dậy, kinh hành, ngồi thiền. Túc ở nơi ngoạ cụ đầy đủ như vậy, chư Phật đã chấp thuận về các loại giường dây lớn nhỏ, tòa ngồi bằng cỏ lá v.v... để ngồi kiết già, cho đến nói rộng.

Do nhân duyên nào nên ngồi kiết già? Đó là chánh quán thấy năm nhân duyên:

(1) Do thân thân giữ, chóng phát khởi khinh an. Oai nghi như thế thuận cho việc sinh khởi khinh an là tối thắng.

(2) Do ngồi thiền như thế có thể trải qua thời gian lâu. Oai nghi như vậy là không khiến thân mau chóng mỏi mệt.

(3) Do ngồi thiền như thế là pháp bất cộng. Oai nghi như vậy là luận khác của ngoại đạo không có.

(4) Do ngồi thiền như thế là hình tướng đoan nghiêm. Oai nghi như vậy khiến kẻ khác trông thấy rồi thì hết sức tôn kính.

(5) Do ngồi thiền như thế là chư Phật, đệ tử đều cùng chấp thuận. Oai nghi như vậy là hết thảy Hiền Thánh đồng xưng tán.

Chánh quán về năm thứ nhân duyên như thế, do đó phải nên ngồi kiết già.

Đoan thân chánh nguyện: Thế nào là đoan thân? Nghĩa là thúc đẩy thân khiến trở nên thẳng, ngay. Thế nào là chánh nguyện? Tức là khiến cho tâm chánh trực, thuận hợp, lia mọi đối trá, dua nịnh. Do thúc đẩy thân khiến ngay ngắn, nên tâm không bị các thứ hôn trầm, thù miên vây buộc. Lia mọi đối trá, dua nịnh, nên tâm không bị những tán động của ngoại cảnh nhiễu loạn.

An trụ dựa nơi niệm: Thế nào gọi là an trụ dựa nơi niệm? Nghĩa là tác ý như lý, tương ưng với niệm, gọi là dựa nơi niệm. Trừ bỏ mọi trái nghịch nơi tất cả phẩm đen. Lại duyên nơi tướng định làm cảnh cho niệm, gọi là dựa nơi niệm.

Loại bỏ, dứt trừ hẳn mọi cảnh của đối tượng duyên bất định, như thế gọi là oai nghi viên mãn.

Thế nào là xa lia viên mãn? Tức có hai loại:

(1) Thân xa lia.

(2) Tâm xa lia.

Thân xa lia: Nghĩa là không cùng với chúng tại gia, xuất gia cư trú lẫn lộn, chỉ riêng một mình không bạn bè. Đó gọi là thân xa lia.

Tâm xa lia: Nghĩa là xa lia tất cả các nhiễm ô, vô ký nơi tác ý hiện có. Tu tập tất cả theo tánh là thiện, có thể dẫn đến nghĩa lợi, tác ý địa định cùng tác ý gia hạnh của tư lương định, đó gọi là tâm xa lia. Như vậy, ở đây, hoặc xứ sở viên mãn, hoặc oai nghi viên mãn, hoặc thân xa lia, hoặc tâm xa lia, thâu tóm chung làm một gọi là xa lia.

* *Thế nào là tâm cảnh một tánh?* Đó là thường xuyên tùy niệm nơi đối tượng duyên đồng phận tuôn chảy các thứ, tương ưng thích hợp không tội, khiến tâm nối tiếp, gọi là Tam-ma-địa, cũng gọi là khéo khiến tâm cảnh một tánh.

Những gì gọi là thường xuyên tùy niệm? Nghĩa là nơi chánh pháp lắng nghe, thọ trì, từ thầy đạt được lực tăng thượng của sự chỉ dạy khuyên bảo trao truyền. Khiến cho các tướng của địa định ấy hiện tiền. Duyên vào đấy làm cảnh, tuôn chảy các thứ tương ưng thích hợp, với chánh niệm hiện có tùy chuyển, an trụ.

Thế nào gọi là đối tượng duyên đồng phận? Đó là các cảnh giới nơi đối tượng duyên của địa định, chẳng phải một mà là rất nhiều với vô số phẩm loại. Duyên vào đấy làm cảnh khiến tâm chánh hành, được gọi là định. Đây tức gọi là đối tượng duyên đồng phận.

Hỏi: Cảnh nơi đối tượng duyên này, cái gì là đồng phận để gọi là đồng phận?

Đáp: Sự việc được nhận biết ấy với phẩm loại tương tự, nên gọi là đồng phận. Lại do niệm kia, nơi cảnh của đối tượng duyên không tán loạn, hành không thiếu sót không gián đoạn, gia hạnh liên tục, cần trọng, tương ưng thích hợp mà chuyển, nên gọi là tuôn ra những thứ tương ưng thích hợp. Lại do niệm kia, nơi cảnh của đối tượng duyên không có cấu nhiễm, hết sức an ổn, trụ nơi đạo thuần thực, tương ưng thích hợp mà chuyển, nên gọi là tương ưng thích hợp, không tội. Do đó nên nói là thường xuyên tùy niệm, nơi đối tượng duyên đồng phận, tuôn chảy các thứ tương ưng thích hợp, không tội, khiến tâm tương tục, gọi là Tam-ma-địa, cũng gọi là khéo khiến tâm cảnh một tánh.

Lại nữa, tâm cảnh một tánh như vậy, hoặc là phẩm Xa-ma-tha, hoặc là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Hoặc ở trong chín thứ tâm trụ, tâm cảnh một tánh, đó gọi là phẩm Xa-ma-tha. Nếu ở trong bốn thứ tuệ hành, tâm cảnh một tánh, đó gọi là phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào gọi là chín thứ tâm trụ? Đó là có Bí-sô khiến tâm nội trụ, cùng trụ, an trụ, cận trụ, điều thuận, tịch tĩnh, tịch tĩnh tốt cùng, chuyên chú một hướng cùng do đẳng trì. Như vậy gọi là chín thứ tâm trụ.

Thế nào là nội trụ? Nghĩa là từ tất cả cảnh giới của đối tượng duyên bên ngoài, thâm giữ tâm, buộc tại bên trong khiến không tán loạn. Đây tức là đầu tiên buộc giữ nơi tâm khiến trụ bên trong, không tán loạn theo bên ngoài, nên gọi là nội trụ.

Thế nào là cùng trụ? Nghĩa là đầu tiên buộc giữ tâm, các tánh thô trọng kia chưa thể khiến cùng trụ, trụ khắp. Tiếp theo, tức ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên ấy, dùng phương tiện tương tục, phương tiện lặng sạch, điều phục khiến trở thành vi tế, thâm gồm khắp mà trụ. Vì thế gọi là cùng trụ.

Thế nào là an trụ? Nghĩa là hoặc tâm ấy tuy đã nội trụ cùng trụ như vậy, nhưng do mất niệm vì sự tán loạn bên ngoài, nên lại thâm giữ, đặt yên nơi cảnh bên trong, gọi là an trụ.

Thế nào là cận trụ? Nghĩa là hành giả trước nên thân cận với niệm trụ như vậy như vậy. Do niệm ấy nên thường xuyên tác ý nội trụ nơi tâm, không khiến tâm ấy trụ xa ở bên ngoài, nên gọi là cận trụ.

Thế nào là điều thuận? Đó là do vô số tướng khiến tâm tán loạn, tức là các tướng của sắc thanh hương vị xúc, cùng các tướng của tham sân si, nam nữ v.v... Hành giả trước hết nên giữ lấy các tướng ấy làm tướng lỗi lầm tai hại. Do sức tăng thượng của tướng như thế, nên hành giả đối với các tướng ấy tạo được sự chế ngự nơi tâm, không khiến lưu tán. Đó gọi là điều thuận.

Thế nào là tịch tĩnh? Nghĩa là như có vô số các tùy phiền não như cái tham dục v.v..., các tâm tư ác như dục, sân, hại v.v... khiến tâm loạn động. Hành giả trước hết nên giữ lấy các pháp ấy làm tướng lỗi lầm tai hại. Do sức tăng thượng của tướng như thế, nên các tâm

tư, các tùy phiền não kia dừng dứt nơi tâm, không khiến tâm lưu tán, gọi là tịch tĩnh.

Thế nào gọi là tịch tĩnh tốt cùng? Đó là do mất niệm nên hai thứ tâm tư ác và tùy phiền não kia tạm thời hiện hành. Các tâm tư ác cùng các tùy phiền não, theo chỗ sinh khởi đều có thể không nhận chịu. Mọi thứ tâm tư v.v... tức đoạn dứt hẳn, do đó gọi là tịch tĩnh tốt cùng.

Thế nào gọi là chuyên chú vào một hướng? Nghĩa là Tam-ma-địa có gia hạnh, có công dụng, không thiếu sót, không gián đoạn, nối tiếp mà trụ. Do đó gọi là chuyên chú vào một hướng.

Thế nào là đẳng trì? Nghĩa là luôn tu luôn tập, luôn tu tập nhiều làm nhân duyên nên đạt được đạo chuyên tự nhiên không gia hạnh, không dụng công. Do nhân duyên ấy nên tâm nơi Tam-ma-địa không do dụng công, không do gia hạnh, nhưng tự nhiên nối tiếp chuyển biến không tán loạn, gọi là đẳng trì.

Nên biết ở đây, do sáu thứ lực mới có thể thành tựu đầy đủ về chín thứ tâm trụ. Đó là:

- (1) Lực lắng nghe.
- (2) Lực tư duy.
- (3) Lực nhớ nghĩ.
- (4) Lực chánh tri.
- (5) Lực tinh tấn.
- (6) Lực hành tập thông suốt.

Trước hết, do hai lực lắng nghe, tư duy, do sức tăng thượng của luôn lắng nghe, luôn tư duy, nên khởi đầu khiến tâm trụ nơi nội cảnh, cùng với phương tiện tương tục, phương tiện lặng sạch và an trụ khắp. Như thế, nơi bên trong giữ buộc tâm rồi, do lực nhớ nghĩ thường xuyên tác ý, thâm giữ nơi tâm khiến không tán loạn mà an trụ, cận trụ. Từ đấy về sau, do lực chánh tri điều phục tâm, nên đối với

các tướng nơi những tâm tư ác, những tùy phiền não không khiến lưu tán, mà được điều thuận tịch tĩnh. Do lực tinh tấn, nên dù hai thứ kia tạm thời hiện hành, đều có thể không nhận chịu, nên các tâm tư v.v... được đoạn dứt hẳn, đạt tịch tĩnh tột cùng, chuyên chú một hướng. Do lực hành tập thông suốt cùng đấng trì thành tựu đầy đủ, tức nơi chín thứ tâm trụ như thế, nên biết lại có bốn thứ tác ý:

- (1) Tác ý vận chuyển gắng sức.
- (2) Tác ý vận chuyển có gián đoạn, thiếu sót.
- (3) Tác ý vận chuyển không gián đoạn, thiếu sót.
- (4) Tác ý vận chuyển không công dụng.

Ở trong nội trụ, cùng trụ, có tác ý vận chuyển gắng sức. Ở trong an trụ, cận trụ, điều thuận, tịch tĩnh, tịch tĩnh tột cùng, có tác ý vận chuyển có gián đoạn thiếu sót. Ở trong chỗ chuyên chú về một hướng, có tác ý vận chuyển không gián đoạn, thiếu sót. Ở trong hành đấng trì, có tác ý vận chuyển không công dụng. Nên biết bốn thứ tác ý như thế, ở trong chín thứ tâm trụ, là phẩm Xa-ma-tha.

Lại, tức nội tâm đạt được Xa-ma-tha như thế, nơi Tỳ-bát-xá-na lúc siêng năng tu tập, do bốn thứ tác ý ấy mới có thể tu tập Tỳ-bát-xá-na, nên đây cũng là phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là bốn thứ Tỳ-bát-xá-na? Nghĩa là có Bí-sô nương dựa vào Xa-ma-tha của nội tâm, nên ở trong các pháp có thể xét chọn đúng đắn, xét chọn tột cùng, tầm tư khắp chốn, xem xét cùng khắp. Đó gọi là bốn thứ Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào gọi là có thể xét chọn đúng đắn? Nghĩa là đối với cảnh giới nơi đối tượng duyên tịnh hạnh, hoặc nơi cảnh giới của đối tượng duyên thiện xảo, hoặc nơi cảnh giới của đối tượng duyên Hoặc tịnh, đều có thể xét chọn đúng đắn, tận tánh hiện có.

Thế nào gọi là xét chọn tột cùng? Tức ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên kia xét chọn tột cùng, như tánh hiện có.

Thế nào gọi là tầm tư khắp chốn? Đó là nơi cảnh giới của đối tượng duyên kia, do tuệ cùng hiện hành có tác ý phân biệt giữ lấy các tướng trạng, tầm tư khắp chốn.

Thế nào gọi là xét xem cùng khắp? Tức là nơi cảnh giới của đối tượng duyên kia, suy tìm xét kỹ, quán xem cùng khắp.

Lại nữa, tức Tỳ-bát-xá-na như thế, do đối tượng duyên sai biệt của sáu sự, ba môn, nên biết lại có nhiều thứ sai biệt.

Thế nào là ba môn Tỳ-bát-xá-na? Đó là:

- (1) Tỳ-bát-xá-na chỉ theo hành tướng.
- (2) Tỳ-bát-xá-na tùy hành tâm tư.
- (3) Tỳ-bát-xá-na tùy hành xem xét.

Thế nào gọi là Tỳ-bát-xá-na chỉ hành theo tướng? Nghĩa là, đối với pháp đã được nghe, thọ trì, hoặc nơi các pháp được chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền, do địa đẳng dẫn, tác ý như lý vừa mới tư duy, chưa suy, chưa lường, chưa tìm, chưa xét. Như thế gọi là Tỳ-bát-xá-na chỉ hành theo tướng.

Nếu lại đối với sự việc ấy suy lường tìm xét, bấy giờ gọi là Tỳ-bát-xá-na tùy hành tâm tư.

Nếu lại đã suy xét rồi, như chỗ an lập lại quan sát kỹ, như thế gọi là Tỳ-bát-xá-na tùy hành xem xét.

Đó gọi là ba môn Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là đối tượng duyên nơi Tỳ-bát-xá-na có sáu sự sai biệt? Nghĩa là lúc tầm tư thì tầm tư về sáu sự:

- (1) Nghĩa.
- (2) Sự.
- (3) Tướng.
- (4) Phẩm.

(5) Thời.

(6) Lý.

Đã tầm tư rồi, lại xem xét kỹ.

Thế nào gọi là tầm tư nơi nghĩa? Đó là tầm tư đúng như vậy như vậy là ngữ, có nghĩa như thế như thế. Như vậy gọi là tầm tư nơi nghĩa.

Thế nào gọi là tầm tư nơi sự? Nghĩa là tầm tư đúng về hai sự trong, ngoài. Như thế gọi là tầm tư nơi sự.

Thế nào gọi là tầm tư nơi tướng? Nghĩa là tầm tư đúng về hai tướng: tự tướng và cộng tướng của các pháp. Như vậy gọi là tầm tư nơi tướng.

Thế nào gọi là tầm tư nơi phẩm? Nghĩa là tầm tư đúng về hai phẩm đen, trắng của các pháp. Tầm tư về phẩm đen là lỗi làm tai hại. Tầm tư về phẩm trắng là công đức nghĩa lợi thù thắng. Như thế gọi là tầm tư nơi phẩm.

Thế nào gọi là tầm tư nơi thời? Nghĩa là tầm tư đúng về ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Tầm tư về sự việc như vậy từng ở đời quá khứ. Tầm tư về sự việc như vậy sẽ ở đời vị lai. Tầm tư về sự việc như vậy đang ở đời hiện tại. Như thế gọi là tầm tư nơi thời.

Thế nào gọi là tầm tư nơi lý? Nghĩa là tầm tư đúng về bốn thứ đạo lý:

(1) Đạo lý quán đãi.

(2) Đạo lý tác dụng.

(3) Đạo lý chứng thành.

(4) Đạo lý pháp nhĩ.

Nên biết ở đây, do đạo lý quán đãi, nên tầm tư về thế tục dùng làm thế tục. Tầm tư về thắng nghĩa dùng làm thắng nghĩa. Tầm tư về nhân duyên dùng làm nhân duyên.

Do đạo lý tác dụng nên tâm tư về tác dụng hiện có của các pháp. Nghĩa là pháp như vậy như vậy, có tác dụng như vậy như vậy. Do đạo lý chứng thành, nên tâm tư về ba lượng:

- (1) Lượng chí giáo.
- (2) Lượng tỷ độ.
- (3) Lượng hiện chứng.

Nghĩa là tâm tư đúng về nghĩa như thế như thế là có đúng với chí giáo chẳng? Là hiện chứng có thể đạt được chẳng? Là nên đối chiếu (tỷ độ) chẳng?

Do đạo lý pháp nhĩ nên đối với các pháp như thật, thành lập pháp tánh. Pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ, nên sinh tin hiểu, không nên xét bàn, không nên phân biệt. Như vậy gọi là tâm tư nơi lý.

Như vậy, đối tượng duyên có sáu sự Tỳ-bát-xá-na sai biệt cùng ba môn Tỳ-bát-xá-na nêu trước đã lược gồm thấu tất cả Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên kiến lập sáu sự Tỳ-bát-xá-na sai biệt như thế?

Đáp: Dựa vào ba nhận biết nên kiến lập như vậy. Những gì là ba nhận biết? Đó là:

- (1) Nhận biết về nghĩa của ngữ.
- (2) Nhận biết về biên vực của sự
- (3) Nhận biết về như thật.

Tâm tư về nghĩa nên khởi nhận biết về nghĩa của ngữ. Tâm tư về sự cùng tướng nên khởi nhận biết về biên vực của sự. Tâm tư về cộng tướng, về phẩm, thời, lý, nên khởi nhận biết về như thật. Sư Du già tu tập chỉ có chừng ấy cảnh giới của đối tượng nhận thức. Đó là ngữ nghĩa cùng sự được nhận biết, tận tánh hiện có, như tánh hiện có.

* *Thế nào là người siêng tu quán bất tịnh, tâm tư về đối tượng duyên nơi Tỳ-bát-xá-na có sáu sự sai biệt?* Nghĩa là dựa nơi chánh pháp thuộc bất tịnh tăng thượng, nơi lực tăng thượng của sự lắng nghe, thọ trì, do tác ý như lý của địa đẳng dẫn, hiểu rõ về nghĩa, nhận biết đây là bất tịnh, thật là bất tịnh, rất đáng chán bỏ. Tánh ấy là hư hoại, cấu uế. Do vô số hành tướng như vậy, nên đối với chỗ đã được nghe trước, dựa vào chánh pháp được nêu giảng về các thứ bất tịnh, hiểu rõ về nghĩa. Như thế gọi là đối với các thứ bất tịnh tâm tư về nghĩa.

Thế nào gọi là nơi các thứ bất tịnh, tâm tư về sự? Đó là hành giả hiểu rõ về nghĩa như vậy rồi, quán vật bất tịnh để kiến lập hai phần là trong và ngoài. Như vậy gọi là tâm tư về sự.

Thế nào gọi là tâm tư về tự tướng? Nghĩa là lại ở trong nội thân với các thứ bất tịnh hư hoại cấu uế hiện có phát khởi thắng giải, nhận biết rõ trong thân có các thứ như tóc, lông v.v..., nói rộng cho đến màng não, tiểu tiện... Lại đối với nội thân có nhiều vật bất tịnh như thế, thu tóm làm hai giới: là địa giới và thủy giới, phát khởi thắng giải. Bắt đầu từ tóc, lông, cho đến đại tiện, khởi thắng giải về đất. Bắt đầu từ nước mắt, mồ hôi, cho đến tiểu tiện, khởi thắng giải về nước. Như vậy gọi là dựa vào các thứ bất tịnh bên trong tâm tư về tự tướng.

Lại, đối với các vật bất tịnh bên ngoài, do vô số hành tướng như máu bầm xanh v.v... phát khởi thắng giải. Nghĩa là trước tiên phát khởi thắng giải về máu bầm xanh, hoặc chính mình tự thấy, hoặc nghe kẻ khác nói, hoặc do phân biệt về tử thi hiện có...

Lại, sắc tướng của sắc được tạo bên ngoài ấy có ba thứ biến hoại:

- (1) Biến hoại tự nhiên.
- (2) Biến hoại theo chốn khác.
- (3) Biến hoại cùng phẩm.

Khởi đầu từ máu bầm xanh, cho đến sinh trưởng, là biến hoại tự nhiên. Bắt đầu từ bị rúc rĩa, cho đến thân xác phân tán, là biến hoại theo chôn khác. Hoặ xương, hoặ khúc xương, hoặ do ống xương liền nhau là biến hoại cùng phẩm. Nếu có thể nhận biết rõ như thật về tướng bất tịnh bên ngoài như thế, thì đó gọi là tầm tư về tự tướng của các thứ bất tịnh hiện có nơi bên ngoài.

Thế nào là tầm tư về cộng tướng bất tịnh? Nghĩa là hoặ là tướng nơi sắc tịnh bên ngoài của nội thân chưa có biến hoại. Hoặ tại ngoại thân, với tướng của sắc bất tịnh đã có biến hoại. Do tại nội thân, với tướng của sắc bất tịnh phát khởi thắng giải về pháp tánh tương tợ, pháp tánh bình đẳng, có thể tự nhận biết rõ về sắc tướng của ngã, tịnh, cùng có như vậy là đồng với pháp tánh kia. Nếu các hữu tình thành tựu sắc tướng tịnh như vậy, thì sắc tướng tịnh ấy cũng có như vậy là đồng với pháp tánh kia. Ví như tướng của sắc bất tịnh ở bên ngoài. Đó gọi là tầm tư về cộng tướng bất tịnh.

Thế nào gọi là tầm tư về phẩm nơi các thứ bất tịnh? Nghĩa là suy nghĩ như vậy: Nếu ta đối với các sắc tướng tịnh kia là pháp tánh bất tịnh, không nhận biết đúng như thật, nơi các sắc tướng tịnh bên trong bên ngoài phát khởi tham dục, liền là điên đảo, thuộc về phẩm đen, là pháp có tranh chấp, có khổ, có hại, có các tai họa, có phiền não thiêu đốt khắp. Do nhân duyên ấy, nên phát khởi sinh lão bệnh tử sầu, khổ v.v... ở vị lai. Nếu ta tùy quán đúng như thật về chúng, tức không điên đảo, thuộc về phẩm trắng, là pháp không tranh chấp, không khổ không hại, nói rộng cho đến, do nhân duyên này nên có thể diệt trừ mọi sinh lão bệnh tử nơi vị lai, cho đến ưu não. Nếu là các phẩm đen, ta nay đối với chúng không nên nhận chịu, mà nên đoạn, nên dứt bỏ. Nếu là các phẩm trắng, ta nay đối với chúng, nếu chưa sinh thì nên sinh, sinh rồi thì khiến trụ, tăng trưởng lớn rộng. Như vậy gọi là tầm tư về phẩm.

Thế nào gọi là nơi các thứ bất tịnh, tầm tư về thời? Nghĩa là tư duy như vậy: Nếu các sắc tướng tịnh hiện có bên trong ở đời hiện

tại. Hoặc sắc tướng bất tịnh hiện có bên ngoài, cũng nơi đời hiện tại. Sắc tướng từng tịnh ở các đời quá khứ, hành giả đối với quá khứ tuy có tướng tịnh, nhưng nay hiện tại, thứ lớp có vô số bất tịnh như thế. Các đời hiện tại, ta hiện có sắc tướng tợ tịnh, sắc tướng tịnh ấy, nơi đời hiện tại tuy có tướng tịnh, nơi đời vị lai chẳng nên bất tịnh, như hiện tại với các sắc bất tịnh ở bên ngoài, là không có điều ấy. Sắc thân này của ta nơi ba đời quá khứ hiện tại vị lai, từng có tướng như thế, hiện có tướng như thế, sẽ có tướng như thế, đều không vượt quá pháp tánh bất tịnh như thế. Như vậy gọi là tầm tư về thời.

Thế nào gọi là nơi các thứ bất tịnh, tầm tư về lý? Đó là tư duy như vậy: Hoặc trong hoặc ngoài đều không có ngã, hữu tình có thể thủ đắc, hoặc nói là tịnh, hoặc nói là bất tịnh. Chỉ có sắc tướng, chỉ có thân hình, trong ấy, giả tưởng nêu đặt về ngôn luận, cho đó là tịnh, hoặc là bất tịnh.

Lại như nói thọ mạng còn hơi ấm cùng với thức. Hoặc lúc xả bỏ thân, lia mọi nắm giữ, nắm yên, không còn suy nghĩ, như khúc cây. Đã mạng chung rồi thì phần vị lần lượt biến hoại, có thể nhận biết. Đó là máu có bầm xanh v.v... cho đến xương nát vụn. Nay, thân này của ta do sự dẫn phát của phiền não, nghiệp từ trước, sự bất tịnh của cha mẹ hòa hợp sinh khởi, được tăng trưởng nhờ ăn uống cháo cơm v.v... Từ nhân ấy, duyên ấy, do sự nhờ dựa ấy, nên tuy tạm thời có các sắc tịnh tương tợ có thể nhận biết rõ. Nhưng nơi nội thân, hoặc trong hoặc ngoài, thường xuyên có vô số thứ bất tịnh thấm đều đầy dẫy. Như thế gọi là dựa vào thế tục, thắng nghĩa, cùng do nhân duyên nơi đạo lý quán đãi, tầm tư về lý.

Lại khởi suy nghĩ: Đối với bất tịnh ấy, hoặc có thể khéo tu tập. Khéo tu tập nhiều như thế, có thể đoạn trừ dục tham. Dục tham như thế nhất định phải được đoạn trừ. Như vậy gọi là dựa nơi đạo lý tác dụng, tầm tư về lý.

Lại khởi suy niệm: Như Đức Thế Tôn nói: Nếu đối với bất tịnh, khéo tu tập, khéo tu tập nhiều, có thể đoạn trừ dục tham, là Chí giáo lượng. Ta cũng đối với nội thân tự có thể hiện thấy các thứ bất tịnh, tác ý như như, tư duy tu tập như vậy như vậy, khiến dục tham triền chưa sinh thì chẳng sinh, sinh rồi thì dứt trừ, là Hiện chứng lượng. Pháp Tỷ độ lượng cũng có thể đạt được. Tức khởi tư duy: Thế nào là hiện tại tác ý tư duy về pháp có khả năng đối trị, có thể ở nơi cảnh giới thuộc đối tượng duyên của chủ thể đối trị, phiền não sẽ sinh. Như vậy gọi là dựa nơi đạo lý chứng thành, tầm tư về lý.

Lại khởi suy niệm: Thành lập pháp tánh của pháp như vậy, là pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ. Nghĩa là tu bất tịnh có thể cùng với dục tham tạo đối trị đoạn trừ. Không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt, chỉ nên tin hiểu. Như vậy gọi là dựa nơi đạo lý pháp nhĩ, tầm tư về lý. Đó gọi là người siêng tu quán bất tịnh tầm tư về sáu thứ đối tượng duyên sai biệt nơi Tỳ-bát-xá-na.

** Thế nào là người siêng tu quán từ bi tầm tư về đối tượng duyên nơi Tỳ-bát-xá-na có sáu sự sai biệt?* Nghĩa là dựa nơi sức tăng thượng của việc lắng nghe, thọ trì chánh pháp về từ bi tăng thượng, do ý lạc muốn tạo lợi ích an vui cho các hữu tình, nên tác ý ban vui, phát khởi thắng giải là tướng của từ bi. Nếu có thể hiểu rõ về nghĩa như thế, thì đó gọi là nơi các thứ từ bi, tầm tư về nghĩa.

Hành giả đã hiểu rõ về nghĩa như thế rồi, lại có thể xét chọn: Đây là phẩm thân, đây là phẩm oán, trong ấy phẩm bình thường là tất cả phẩm, đều là chỗ gồm thân của sự tương tục nơi kẻ khác, ở đây phát khởi thắng giải về sự việc bên ngoài.

Lại, nếu phẩm thân gọi là sự việc bên trong, phẩm bình thường trong oán gọi là sự việc bên ngoài. Như thế gọi là nơi các thứ từ bi tầm tư về sự.

Lại có thể xét chọn về ba phẩm như vậy, hoặc không khổ vui muốn cầu vui, mong đạt được vui. Nay ở đây có tướng tạo lợi ích gọi

là phẩm thân, tướng không tạo lợi ích gọi là phẩm oán, cùng tướng trái ngược với cả hai, gọi là phẩm ở giữa. Ba phẩm như vậy, nếu không thể vui muốn cầu vui, lược có ba loại tâm muốn cầu vui sai biệt có thể đạt được:

- (1) Muốn cầu các vui của cõi dục.
- (2) Muốn cầu các vui nơi cõi sắc, có hỷ duyệt mạnh mẽ.
- (3) Muốn cầu các vui lià hỷ.

Như thế, nếu đối với dục lạc bị thiếu kém, thì mong đều đạt được dục lạc không tội. Nếu đối với các lạc có hỷ lià hỷ có chỗ thiếu kém, nên biết cũng vậy. Đó gọi là tầm tư về tự tướng của từ bi.

Lại xét chọn kỹ, hoặc các phẩm thân, hoặc các phẩm oán, hoặc phẩm ở giữa, ta ở trong ấy đều nên phát khởi tâm tánh tương tự, tâm tánh bình đẳng. Vì sao? Vì ta nếu tác ý ban vui cho phẩm thân, thì đây chưa là điều khó. Ở trong phẩm ở giữa tác ý ban vui cũng chưa là rất khó. Nếu đối với phẩm oán tác ý ban vui mới hết sức là khó. Ta đối với phẩm oán hãy còn nên tác ý nguyện ban vui, hưởng hồ là phẩm thân và phẩm ở giữa, mà không ban vui sao? Vì ở trong ấy đều không thể có sự mạ ly, không thể có sự sân hận, không thể có sự đùà cọt, không thể có sự đánh đập. Chỉ có âm thanh, chỉ có danh tự.

Lại, thân này của ta, theo chỗ sinh khởi, có sắc thô trọng do bốn đại tạo tác, theo nơi trụ xứ, nên bị các xúc bức não như thế, lược có hai thứ xúc: Là xúc của âm thanh và xúc của tay chân, đao gậy v.v... Thân này cùng xúc đều là vô thường. Có thể vì những kẻ không tạo lợi ích như thế cũng là vô thường.

Lại nữa, tất cả các loài hữu tình đều có các pháp sinh lão bệnh tử, bản tánh là khổ. Vậy ta không nên đối với các hữu tình trên, bản tánh là khổ, lại tăng thêm sự khổ mà không ban vui?

Lại cũng không nên không cùng với oán gia tạo thiện tri thức, không gồm thâu tất cả loài hữu tình dùng làm tự thể.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ta không quán thấy chủng loại hữu tình như vậy có thể thủ đắc. Từ đời vô thủy đến nay, trải qua sinh tử thường xuyên lưu chuyển, lại chẳng cùng nhau là hoặc cha hoặc mẹ, hoặc anh em chị em, hoặc Quĩ phạm sự, hoặc Thân giáo sư, hoặc các bậc tôn trọng, tương tự tôn trọng khác? Do nhân duyên ấy, tất cả phẩm oán há chẳng phải đều là phẩm thân của ta?

Lại, phẩm oán, thân không có quyết định chân thật có thể thủ đắc. Vì sao? Vì phẩm thân, vào thời điểm khác chuyển thành phẩm oán. Phẩm oán, vào thời gian khác lại chuyển thành phẩm thân. Do vậy, tất cả không có cố định. Vậy ta nay nên đối với hết thảy loài hữu tình đều phải phát khởi tâm tánh bình đẳng, kiến giải về tánh bình đẳng, cùng khởi thắng giải về lợi ích tương tự, về ý lạc an lạc, về ý lạc ban vui. Đó gọi là tâm tư về cộng tướng của từ bi.

Lại xét chọn kỹ: Ta nếu đối với phẩm kia, không tạo lợi ích mà phát sinh giận dữ, tức là điên đảo, thuộc về phẩm đen, là pháp có tranh chấp, nói rộng như trước. Ta nếu đối với phẩm kia không khởi sân hận, nên không điên đảo, thuộc về phẩm trắng, là pháp không tranh chấp, nói rộng như trước. Như vậy gọi là tâm tư về hai phẩm đen trắng của từ bi.

Lại xét chọn kỹ: Các loài hữu tình nơi đời quá khứ cầu được vui, họ đều là quá khứ. Ta phải làm thế nào để có thể ban vui cho các loài hữu tình nơi đời hiện tại? Ta nay nguyện cho họ, tận cùng nơi đời vị lai, ở tất cả mọi thời luôn thọ nhận an lạc. Đó gọi là tâm tư về thời của các thứ từ bi.

Lại xét chọn kỹ: Ở đây đều không có ngã, hữu tình, hoặc cầu đạt an lạc, hoặc được ban cho an lạc, chỉ có các uẩn, chỉ có các hành, trong ấy nhờ vào tướng để nêu bày, ngôn luận: Đây là kẻ cầu an lạc, đây là kẻ được ban an lạc.

Lại, nghiệp phiền não của các hành ấy dùng làm nhân duyên. Như vậy gọi là dựa nơi đạo lý quán đảnh, tâm tư về từ bi. Nếu đối với

từ bi khéo tu tập, khéo tu tập nhiều, tức có thể đoạn trừ sân hận. Như thế gọi là dựa nơi đạo lý tác dụng, tầm tư về từ bi.

Về nghĩa như vậy là có Chí giáo lượng. Ta, trí kiến về bên trong, hiện chuyên có thể đạt được. Pháp Tỷ độ lượng cũng có thể đạt được. Như vậy gọi là dựa nơi đạo lý chứng thành, tầm tư về từ bi.

Lại, từ nơi pháp này thành lập pháp tánh: pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ. Nghĩa là tu quán từ bi có thể đoạn trừ sân hận, không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt, nên sinh thắng giải. Như thế gọi là, dựa nơi đạo lý pháp nhĩ, tầm tư về từ bi. Đó gọi là người siêng tu quán từ bi tầm tư về đối tượng duyên nơi Tỳ-bát-xá-na có sáu sự sai biệt.

HẾT - QUYỂN 30

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 31

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VẤN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ ba: Đoạn 2

** Thế nào là người siêng tu quán duyên khởi, tầm tư về đối tượng duyên nơi Tỳ-bát-xá-na có sáu sự sai biệt? Nghĩa là dựa vào lực tăng thượng của việc lắng nghe, thọ trì chánh pháp về duyên tánh duyên khởi tăng thượng, có thể nhận biết rõ, đúng các pháp sinh như vậy như vậy nên vô số pháp kia sinh. Các pháp diệt như vậy như vậy, nên vô số pháp kia diệt. Trong đó đều không có kẻ tạo tác, kẻ sinh, kẻ hóa tự tại có thể tạo ra các pháp. Cũng không có tự tánh, sĩ phu trung gian có thể tạo sự chuyển biến, chuyển biến các pháp. Nếu có thể nhận biết rõ về các nghĩa như thế, thì đó gọi là tầm tư về nghĩa của các duyên khởi.*

Lại xét chọn kỹ về mười hai hữu chi, hoặc trong hoặc ngoài để khởi thắng giải. Đó gọi là tầm tư về sự của các duyên khởi.

Lại xét chọn kỹ về chi vô minh, đời trước không nhận biết, đời sau không nhận biết, nói rộng như vậy như trong phần phân biệt về chi Duyên khởi ở trước. Đó gọi là tầm tư về tự tướng của duyên khởi.

Lại xét chọn kỹ về tất cả các hành duyên sinh như thế, thấy đều là xưa không nay có, có rồi thì tan diệt. Do đó trước sau đều là vô

thường, đều là pháp có sinh lão bệnh tử, nên tánh là khổ, không tự tại, sĩ phu trung gian không thể đạt được, nên tánh không, vô ngã. Đó gọi là tâm tư về cộng tướng của duyên khởi.

Lại xét chọn kỹ: Ta nếu đối với đạo lý như thật nơi các hành vô thường, khổ, không, vô ngã kia, phát sinh mê lầm, nên là điên đảo, thuộc về phẩm đen, nói rộng như trước. Nếu không mê lầm tức không điên đảo, thuộc về phẩm trắng, nói rộng như trước. Đó gọi là tâm tư về phẩm của các duyên khởi.

Lại xét chọn kỹ: Nơi đời quá khứ đạt được tự thể không đúng là tánh thường, đã trụ như vậy. Nơi đời hiện tại đạt được tự thể, không đúng là tánh thường, nay trụ như vậy. Nơi đời vị lai đạt được tự thể, không đúng là tánh thường, sẽ trụ như vậy. Đó gọi là tâm tư về thời của các duyên khởi.

Lại xét chọn kỹ: Chỉ có các nghiệp cùng quả dị thực, trong đó, chủ thể đều không thể thủ đắc. Đó là kẻ tạo tác cùng với kẻ thọ nhận. Chỉ có đối với pháp nhờ vào tướng để kiến lập. nghĩa là nơi vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử, trong ấy phát khởi tướng giả để nêu bày ngôn luận, gọi là kẻ tạo tác cùng với kẻ thọ nhận, có tên gọi như thế, chủng tộc như thế, tánh như thế, ăn uống như thế, lãnh nhận như thế, hoặc khổ hoặc vui. Sống lâu như thế, trụ lâu như thế. Như vậy là tột cùng nơi biên vực thọ lượng.

Lại, ở trong ấy có hai thứ quả và hai thứ nhân.

Hai thứ quả là: (1) Quả của tự thể. (2) Quả của cảnh giới thọ dụng.

Hai thứ nhân là: (1) Nhân khiên dẫn. (2) Nhân sinh khởi.

Quả của tự thể: Là các dị thực của đời hiện tại, sinh các pháp như sáu xứ v.v...

Quả của cảnh giới thọ dụng: Là nghiệp tăng thượng yêu thích, không yêu thích đầy khởi sáu xúc, sinh khởi các thọ.

Nhân khiên dẫn: Nghĩa là đối với hai quả phát khởi ngu si. Vì ngu si nên trước tiên sinh hành phước phi phước và bất động. Do hành nên có thể thâm nhận thức của đời sau, khiến sinh mầm hữu, tức có thể thâm nhận chủng tử của thức, khiến chúng lần lượt thâm nhận chủng tử của danh sắc, lục xứ, xúc, thọ nơi đời sau. Vì khiến chi sinh của vị lai với tướng gồm thâm thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ thứ lớp sinh, nên nay trước hết là thâm nhận chủng tử của pháp kia. Tất cả như vậy gọi là nhân khiên dẫn.

Nhân sinh khởi: Nghĩa là hoặc lúc lãnh nhận các thọ do vô minh – xúc sinh. Do ái của cảnh giới sinh ái của đời sau, cùng có thể thâm nhận các thủ hiện có phàm ái, phàm si. Do lực dụng ấy, do công năng ấy, làm thâm nhuận chủng tử của nghiệp, khiến chúng có thể dẫn đến các quả dị thực. Hết thảy như thế gọi là nhân sinh khởi.

Do lực tăng thượng của hai nhân ấy, nên là chỗ theo đuổi của ba khổ, chiêu tập tất cả thành thuần là khổ uẩn lớn. Như vậy gọi là dựa vào đạo lý quán đãi, tầm tư về các đạo lý hiện có của duyên khởi.

Lại xét chọn kỹ: Ở trong quán duyên khởi của duyên tánh ấy, khéo tu tập, khéo tu tập nhiều, tức có thể đoạn trừ ngu si.

Lại xét chọn kỹ: Đạo lý như vậy là có Chí giáo lượng, có Nội hiện chứng, có pháp Tỷ độ, cũng có thành lập nghĩa của pháp tánh. Như vậy gọi là dựa vào đạo lý tác dụng, đạo lý chứng thành, đạo lý pháp nhĩ, tầm tư về các đạo lý hiện có của duyên khởi. Đó gọi là người siêng tu quán duyên khởi tầm tư về sáu sự Tỳ-bát-xá-na của đối tượng duyên sai biệt.

** Thế nào là người siêng tu quán giới sai biệt, tầm tư về đối tượng duyên nơi Tỳ-bát-xá-na có sáu sự sai biệt?* Nghĩa là dựa nơi lực tăng thượng của việc lắng nghe thọ trì chánh pháp về giới sai biệt tăng thượng, có thể hiểu rõ, đúng về nghĩa của tất cả giới. Tức nghĩa

của chủng tánh, nghĩa của chủng tử, nghĩa của nhân, nghĩa của tánh, là nghĩa của giới. Như thế gọi là tầm tư về nghĩa của giới.

Lại, tầm tư đúng về sáu giới trong ngoài sai biệt như địa v.v... phát khởi thắng giải. Như thế gọi là tầm tư về sự của giới.

Lại, tầm tư đúng về địa là tướng cứng chắc, cho đến phong là tướng động, nhẹ, thức là tướng phân biệt nhận biết, không giới là tướng không chướng ngại, hiện bày đầy khắp nơi sắc tướng của tướng hư không. Đó gọi là tầm tư về tự tướng của các Giới.

Lại, tầm tư đúng về tất cả giới ấy, nói tóm tắt đều là vô thường, cho đến vô ngã. Đó gọi là tầm tư về cộng tướng của các giới.

Lại, tầm tư đúng về tánh sai biệt của tướng hợp nhất nơi giới, không nhận biết rõ, do giới sai biệt kết hợp thành thân, nên kiêu mạn tức là điên đảo, thuộc về phẩm đen, nói rộng như trước. Trái với điều trên, tức không điên đảo, thuộc về phẩm trắng, nói rộng như trước. Như thế gọi là tầm tư về phẩm của giới.

Lại, tầm tư đúng về ba đời quá khứ hiện tại vị lai, sáu giới là duyên để nhập thai mẹ. Như thế gọi là tầm tư về thời của giới.

Lại, tầm tư đúng: Như các duyên của cỏ cây hòa hợp vây quanh hư không, thường gọi là nhà, sáu giới như vậy là chỗ dựa. Các duyên của gân, xương, máu thịt hòa hợp vây quanh hư không nhờ tướng v.v... để tướng, nêu bày ngôn luận, luôn gọi là thân.

Lại, do các nghiệp, phiền não của đời trước, cùng chủng tử của chính mình làm nhân duyên. Như thế gọi là dựa nơi đạo lý quán đảnh, tầm tư về đạo lý sai biệt của các giới.

Lại, tầm tư đúng: Nếu đối với quán giới sai biệt như thế, khéo tu tập, khéo tu tập nhiều, tức có thể đoạn trừ kiêu mạn.

Lại, tầm tư đúng: Đạo lý như vậy là có Chí giáo lượng, có Trí nội chứng, có pháp Tỷ độ, có thành lập pháp tánh, pháp tánh khó

ngĩ bàn, pháp tánh an trụ. Như vậy gọi là dựa nơi đạo lý tác dụng, đạo lý chứng thành, đạo lý pháp nhĩ, tâm tư về đạo lý sai biệt của các giới.

Đó gọi là người siêng tu quán giới sai biệt, tâm tư về đối tượng duyên nơi Tỳ-bát-xá-na có sáu sự sai biệt.

* *Thế nào là người siêng tu niệm A-na-ba-na (Quán số tức) tâm tư về đối tượng duyên nơi Tỳ-bát-xá-na có sáu sự sai biệt?* Nghĩa là dựa vào lực tăng thượng của sự lắng nghe thọ trì chánh pháp về niệm hơi thở ra vào tăng thượng, có thể nhận biết rõ, đúng về cảnh giới nơi đối tượng duyên của hơi thở ra vào, buộc giữ tâm để thấu đạt không quên, ghi nhận rõ về nghĩa của niệm A-na-ba-na ấy. Như thế gọi là tâm tư về nghĩa.

Lại, tâm tư đúng: Hơi thở ra vào ở bên trong có thể đạt được, hệ thuộc nội thân, ngoại xứ gồm thân nên trong ngoài sai biệt. Như thế gọi là tâm tư về sự.

Lại, tâm tư đúng: Hơi thở vào có hai, hơi thở ra có hai: Như gió vào bên trong, gọi là hơi thở vào. Hoặc gió ra bên ngoài, gọi là hơi thở ra.

Lại nhận biết rõ, đúng: Như vậy là hơi thở vào, hơi thở ra dài. Như vậy là hơi thở vào, hơi thở ra ngắn. Hơi thở như thế hiện bày khắp tất cả phần thân. Đó gọi là tâm tư về tự tướng của các hơi thở.

Lại, tâm tư đúng: Hơi thở vào diệt rồi có hơi thở ra sinh. Hơi thở ra diệt rồi có hơi thở vào sinh. Hơi thở vào ra chuyển hệ thuộc nơi mạng căn cùng thân hữu thức. Hơi thở vào ra ấy cùng chỗ nương dựa đều là vô thường. Đó gọi là tâm tư về cộng tướng của các hơi thở.

Lại, tâm tư đúng: Nếu đối với hơi thở vào, hơi thở ra như thế không trụ nơi chánh niệm, là tâm tư ác, nhiều loạn nơi tâm, nên là điên đảo, thuộc về phẩm đen, là pháp có tranh chấp, nói rộng như trước. Trái với điều trên, nên là không điên đảo, thuộc về phẩm trắng,

là pháp không tranh chấp, nói rộng như trước. Như thế gọi là tầm tư về phẩm.

Lại, tầm tư đúng: Nơi ba đời quá khứ hiện tại vị lai, hơi thở vào ra chuyển hệ thuộc nơi thân tâm, thân tâm hệ thuộc nơi hơi thở vào ra. Như vậy gọi là tầm tư về thời.

Lại, tầm tư đúng: Ở đây đều không có kẻ nắm giữ hơi thở vào, ra. Hơi thở vào, ra không hệ thuộc nơi kẻ kia, chỉ theo nơi nhân duyên mà sinh các hành, phát khởi nhờ tưởng để nêu bày ngôn luận, nói là có chủ thể nắm giữ hơi thở vào ra. Như thế gọi là dựa nơi đạo lý quán đãi, tầm tư về lý.

Lại, tầm tư đúng: Nếu đối với niệm hơi thở vào ra như thế, khéo tu tập, khéo tu tập nhiều, tức có thể đoạn trừ các tầm tư ác.

Lại, tầm tư đúng: Đạo lý như vậy là có Chí giáo lượng, có Trí nội chứng, có pháp Tỷ độ, có pháp tánh thành lập, pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ, không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt, chỉ nên tin hiểu. Như vậy gọi là dựa nơi đạo lý tác dụng, đạo lý chứng thành, đạo lý pháp nhĩ, tầm tư về lý.

Đó gọi là người siêng tu niệm A-na-ba-na, tầm tư về đối tượng duyên nơi Tỳ-bát-xá-na có sáu sự sai biệt.

Như thế là dựa nơi đối tượng duyên tịnh hạnh tầm tư về sáu sự quán sai biệt rồi, thường xuyên ở bên trong khiến tâm tịch tĩnh. Luôn luôn, đối với chỗ đã tầm tư, dùng hành quán thù thắng để xem xét, thẩm định. Hành giả do Xa-ma-tha làm chỗ dựa, nên khiến Tỳ-bát-xá-na mau chóng đạt được thanh tịnh. Lại do Tỳ-bát-xá-na làm chỗ dựa, nên khiến Xa-ma-tha tăng trưởng rộng lớn.

Nếu nương dựa nơi đối tượng duyên thiện xảo cùng đối tượng duyên Hoặc (phiền não) tịnh, tầm tư về sáu sự Tỳ-bát-xá-na của đối tượng duyên sai biệt, thì nơi tự xứ, Tôi sẽ nêu bày sau.

Lại nữa, ở đây có chín thứ gia hạnh thuộc về phẩm trắng. Cùng với điều ấy trái nhau, nên biết tức là chín thứ gia hạnh thuộc về phẩm đen.

** Thế nào gọi là chín thứ gia hạnh thuộc về phẩm trắng? Đó là:*

- (1) Gia hạnh tương ưng.
- (2) Gia hạnh thường xuyên hành tập.
- (3) Gia hạnh không điên đảo.
- (4) Gia hạnh không hoãn.
- (5) Gia hạnh hợp thời.
- (6) Gia hạnh hiểu rõ.
- (7) Gia hạnh không chán đủ.
- (8) Gia hạnh không bỏ ách.
- (9) Gia hạnh chính đáng.

Do chín thứ gia hạnh thuộc về phẩm trắng này, nên có thể khiến cho tâm mau chóng được định, khiến cho Tam-ma-địa chuyển thêm thắng tấn. Lại do đây nên đối với cảnh giới cần đi đến cùng tùy chỗ nên đạt được, mau chóng có thể đi đến, có thể đạt được không có ngăn chặn.

Chín thứ gia hạnh thuộc về phẩm đen thì không thể khiến tâm mau chóng được định, không khiến cho Tam-ma-địa chuyển càng thêm thắng tấn. Lại do đây, nên đối với cảnh giới cần đi tới cùng tùy chỗ cần đạt được, rất là chậm trễ, không thể mau chóng đi tới, đạt được.

Thế nào gọi là gia hạnh tương ưng? Nghĩa là, nếu người hành tham, nên ở nơi quán bất tịnh khiến tâm an trụ. Nếu là kẻ hành sân, nên đối với quán từ bi khiến tâm an trụ. Nếu là người hành si, nên ở nơi quán duyên khởi khiến tâm an trụ. Nếu là kẻ hành kiêu mạn, nên

ở nơi quán giới sai biệt khiến tâm an trụ. Nếu là người hành tâm tư, nên ở nơi niệm A-na-ba-na khiến tâm an trụ. Nếu là kẻ hành đảnh phần, hoặc là kẻ hành Bạc trần, nên tùy chỗ vui thích duyên dựa nơi một cảnh, khiến tâm an trụ, siêng tu gia hạnh. Như vậy gọi là gia hạnh tương ưng.

Thế nào gọi là gia hạnh thường xuyên hành tập? Nghĩa là, đối với hai pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đã từng hành tập, cho đến một phần ít, chẳng phải đối với tất cả đều là mới tu nghiệp. Vì sao? Vì người mới tu nghiệp, tuy ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên tương ưng siêng tu gia hạnh, nhưng có các thứ ngăn che luôn hiện hành nơi thân tâm thô trọng. Do nhân duyên ấy, nên không thể khiến tâm mau chóng được định. Như vậy gọi là gia hạnh thường xuyên hành tập.

Thế nào gọi là gia hạnh không hoãn? Nghĩa là siêng tu hành quán với phương tiện không gián đoạn, phương tiện cẩn trọng, hoặc từ định xuất, hoặc đi khát thực, hoặc cung kính thừa sự các bậc sư trưởng, hoặc đi thăm người bệnh, hoặc là tùy thuận tu nghiệp hòa kính, hoặc là các loại sự việc khác được làm như thế, nhưng tâm đối với các việc làm ấy không hoàn toàn tùy thuận, không hoàn toàn hướng về, không hoàn toàn hội nhập, chỉ có mau chóng khiến sự việc được rốt ráo để trở lại tinh tấn ngời thiền, tu các hành quán tịch tĩnh. Nếu có các chúng Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn cùng đến gặp gỡ, thăm hỏi, tuy ở lâu nơi chốn đông đảo hiện tượng nói bàn, nhưng không an lập ngôn luận nối tiếp, chỉ thích xa lìa, siêng tu hành quán. Lại có thể tinh tấn dũng mãnh như vậy, cho là mình hiện tại nhất định sẽ hướng đến việc chứng đạt về chỗ cần chứng đắc, không nên chậm hoãn. Vì sao? Vì bản thân mình có nhiều thứ nhân duyên khiến có thể cướp đi thân mạng một cách ngang trái. Như các thứ bệnh tật. Như các việc ăn uống không tiêu hóa thuận hợp. Hoặc bị các loài trùng, các loài rắn rít độc hại cắn, chích, hoặc bị các hàng phi nhân tạo sự kinh sợ... Do

vậy nên tu tướng vô thường, trụ nơi không phóng dật. Vì trụ nơi không phóng dật như thế nên luôn tự tư duy về thọ mạng ngắn ngủi của mình. Bảy giờ, đối với Thánh giáo của Phật, siêng năng tinh tấn, tác ý tu tập Du già, trong từng ấy thời gian, nơi Thánh giáo của Phật sẽ quyết định hành trì nhiều pháp. Như thế gọi là gia hạnh không hoãn.

Thế nào gọi là gia hạnh không điên đảo? Nghĩa là như khéo thông đạt về tu Du già, hành các nẻo khai ngộ của sư Du già, tức học nơi pháp nơi nghĩa như thế, thâm nhận không điên đảo, không có ngã mạn, cũng không an trụ nơi kiến thủ của mình, không chấp giữ theo đường tà vạy, đối với sự chỉ dạy của các bậc tôn trưởng trọn không khinh chê. Như vậy gọi là gia hạnh không điên đảo.

Thế nào gọi là gia hạnh hợp thời? Nghĩa là nơi mọi thời gian tu tập tướng cử, tu tập tướng xả. Lại có thể nhận biết rõ như thật về pháp chỉ, tướng chỉ, thời gian chỉ. Nhận biết rõ về pháp quán, tướng quán, thời gian quán. Nhận biết rõ về pháp cử, tướng cử, thời gian cử. Nhận biết rõ về pháp xả, tướng xả, thời gian xả.

* *Thế nào là chỉ?* Là chín tướng tâm trụ, có thể khiến cho tâm không tướng, không phân biệt, tịch tĩnh, tịch tĩnh tột cùng, cùng trụ nơi tịch chỉ, thuần nhất không tạp, nên gọi là chỉ.

Thế nào là tướng chỉ? Nghĩa là có hai thứ: (1) Tướng của đối tượng duyên. (2) Tướng nhân duyên.

Tướng của đối tượng duyên: Là ảnh tượng đồng phận của sự được nhận biết nơi phẩm Xa-ma-tha. Đó gọi là tướng của đối tượng duyên. Do đối tượng duyên ấy, khiến tâm tịch tĩnh.

Tướng nhân duyên: Là dựa nơi Xa-ma-tha, tâm được huân tập. Vì khiến cho Xa-ma-tha của thời gian sau được định, đều thanh tịnh, nên tu tập gia hạnh hiện có của Tỳ-bát-xá-na Du già. Đó gọi là tướng nhân duyên.

Thế nào là thời gian chỉ? Nghĩa là lúc tâm trạo cử, hoặc khi sợ có trạo cử, là thời gian tu chỉ.

Lại dựa nơi Tỳ-bát-xá-na, tâm được huân tập. Vì bị các tầm tư làm nhiễu loạn, cùng lúc các sự việc gây nhiễu loạn, phiền não, là thời gian tu chỉ.

* *Thế nào là quán?* Nghĩa là bốn hành, ba môn, sáu sự hành quán của đối tượng duyên sai biệt.

Thế nào là tướng quán? Nghĩa là có hai thứ: (1) Tướng của đối tượng duyên. (2) Tướng nhân duyên.

Tướng của đối tượng duyên: Là ảnh tượng đồng phận của sự việc được nhận biết nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na. Do đối tượng duyên ấy khiến tuệ quán xét.

Tướng nhân duyên: Là dựa nơi tâm được Tỳ-bát-xá-na huân tập, vì khiến cho Tỳ-bát-xá-na nơi thời gian sau đều được thanh tịnh nên tu tập gia hạnh hiện có của định Xa-ma-tha nơi nội tâm.

Thế nào là thời gian quán? Nghĩa là lúc tâm hôn trầm hoặc khi sợ bị hôn trầm, là thời gian tu quán.

Lại, dựa vào tâm được huân tập do Xa-ma-tha, trước hết nên đối với cảnh của sự việc được nhận biết kia hiểu rõ đúng như thật, bấy giờ là thời gian tu quán.

* *Thế nào là cử?* Nghĩa là do tùy thuận giữ lấy một thứ cảnh giới của đối tượng duyên tịnh diệu được hiển bày rõ, nhằm khuyến khích, dẫn dắt, an ủi tâm.

Thế nào là tướng cử? Tức là do cảnh giới của đối tượng duyên tịnh diệu đã thúc đẩy, khích lệ tâm, cùng thuận theo đẩy phát khởi sự siêng năng, tinh tấn.

Thế nào là thời gian cử? Đó là lúc tâm chìm thấp hoặc lúc e sợ tâm bị chìm thấp, là thời gian tu cử.

* *Thế nào là xả?* Nghĩa là nơi đối tượng duyên, tâm không cấu nhiễm, tâm tánh bình đẳng. Nơi phẩm Chỉ Quán, tánh thuận hợp, chánh trực, tự nhiên chuyên cùng tâm điều thuận, tánh có khả năng nhận lãnh, khiến tâm thuận theo tác dụng tự nhiên.

Thế nào là tướng xả? Nghĩa là do đối tượng duyên nên khiến tâm hiện bày xả, cùng nơi đối tượng duyên không phát khởi tinh tấn hiện có thái quá.

Thế nào là thời gian xả? Nghĩa là đối với những trạo cử hiện có của hai phẩm Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, tâm đã giải thoát, là thời gian tu xả. Như vậy gọi là gia hạnh hợp thời.

Thế nào gọi là gia hạnh hiểu rõ? Nghĩa là đối với các tướng được nêu bày như thế khéo giữ lấy, khéo biết rõ rồi, lúc muốn nhập định tức thì có thể nhập, lúc muốn trụ nơi định, tức có thể trụ. Lúc muốn ra khỏi định, liền có thể ra khỏi. Hoặc khi từ bỏ các ảnh tượng được hành của Tam-ma-địa, để tác ý tư duy, từ bỏ các cảnh giới nơi đối tượng duyên thuộc bản tánh vốn có của các địa bất định. Như thế gọi là gia hạnh hiểu rõ.

Thế nào gọi là gia hạnh không chán đủ? Đó là đối với pháp thiện không có chán đủ, tu tập đoạn trừ không bỏ dỡ, nơi mọi chốn lần lượt tăng thượng, lần lượt thắng tấn. Trụ nhiều nơi mong cầu, không chỉ đạt được chút ít định tĩnh, liền ở giữa đường sinh tâm thoái khuất. Nơi các việc làm khác luôn có cầu tiến. Như vậy gọi là gia hạnh không chán đủ.

Thế nào gọi là gia hạnh không bỏ ách? Nghĩa là đối với tất cả học xứ đã thọ nhận, không giảm không thiếu. Không giữ lấy hình tướng cùng vẻ đẹp kèm theo đối với các hình ảnh tuổi trẻ, dung mạo đoan nghiêm nơi đất mẹ đáng yêu thích. Đối với việc ăn uống luôn bình đẳng, siêng tu tỉnh giác, ít tạo tác, xa lìa tán loạn. Nơi các việc làm, lời nói nhiều, lâu, có thể tự theo sự nhớ nghĩ, khiến kẻ khác cũng

theo sự nhớ nghĩ. Các pháp như vậy gọi là gia hạnh không bỏ ách. Do các pháp ấy có thể tùy thuận đúng nơi tâm cảnh một tánh. Không bỏ ách đó khiến tâm không tán loạn. Không khiến tâm dong ruổi theo cảnh ngoài. Không khiến tâm bên trong không thuận hợp. Như vậy gọi là gia hạnh không bỏ ách.

Thế nào gọi là gia hạnh chính đáng? Nghĩa là ở nơi đối tượng duyên luôn khởi thắng giải, luôn có sự dứt bỏ đúng đắn. Đó gọi là gia hạnh chính đáng.

Như có người siêng tu quán bất tịnh, luôn dứt bỏ chính đáng vào các thứ bất tịnh, tác ý tư duy về các tướng bất tịnh. Do theo tướng hành Tỳ-bát-xá-na mà khởi tác ý, nơi cảnh của đối tượng duyên luôn luôn trừ bỏ, thường xuyên hiện tiền.

Về sự dứt bỏ chính đáng lại có năm thứ:

- (1) Bên trong thâm giữ tâm.
- (2) Tác ý không niệm.
- (3) Nơi tác ý khác.
- (4) Tác ý đối trị.
- (5) Tác ý về giới vô tướng.

Nên biết ở đây, do chín tướng tâm trụ, Tỳ-bát-xá-na đứng đầu, nên gọi là bên trong thâm giữ tâm. Do nơi ban đầu đã dứt bỏ tất cả tướng, an trụ không loạn, nên gọi là tác ý không niệm. Do duyên nơi cảnh của địa định khác, tư duy về địa định khác, nên gọi là nơi tác ý khác. Do tư duy về bất tịnh đối trị nơi tịnh, cho đến tư duy về niệm A-na-ba-na đối trị tầm tư, tư duy về giới hư không, đối trị các sắc, nên gọi là tác ý đối trị. Do đối với tất cả tướng không tác ý tư duy, nơi giới vô tướng tác ý tư duy, nên gọi là tác ý về giới vô tướng.

Tuy an lập khắp nơi tất cả đối tượng duyên, tướng dứt bỏ chính đáng gồm có năm thứ, nhưng ý chính trong nghĩa này chỉ giữ lấy:

Bên trong thâm giữ tâm và tác ý không niệm. Người mới tu tập, lúc bắt đầu tu nghiệp, trước tiên là hoàn toàn không ở nơi cảnh của đối tượng duyên buộc giữ tâm. Hoặc đối với các thứ bất tịnh, hoặc ở xứ khác, chỉ tác ý suy niệm: Tâm ta làm sao để được không tán loạn, không tướng, không phân biệt, đạt tịch tĩnh, tịch tĩnh tốt cùng, không chuyển không động, không có trông mong, lìa các tác dụng, nơi bên trong vui thích. Siêng năng tinh tấn như vậy, nên đối với tất cả tướng bên ngoài sinh khởi, đều không tư duy, tác ý không niệm. Tức do tác ý không niệm như thế mà dứt bỏ đối tượng duyên. Hành giả ở trong ấy tu tập Du già, thâm nhận vui hợp. Lại hành có tướng có phân biệt về cảnh bất tịnh v.v...

Hành như thế nào? Nghĩa là do hành theo tướng, hành theo tâm tư, hành theo xem xét, hành Tỳ-bát-xá-na. Nơi cảnh giới kia, chẳng phải là toàn bộ siêng năng tinh tấn tu tập Tỳ-bát-xá-na, trở lại bỏ tướng quán, lại ở nơi đối tượng duyên tư duy về hành Chỉ. Do nhân duyên ấy, nên hành giả bấy giờ, đối với cảnh của đối tượng duyên, không bỏ không lấy. Do nơi đối tượng duyên, hành chỉ chuyển, nên không gọi là bỏ. Tức nơi đối tượng duyên không tạo tướng, không phân biệt, nên không gọi là lấy. Tức do bên trong thâm giữ tâm như vậy, nên dứt bỏ đối tượng duyên. Lại ở trong đó không giữ lấy tướng quán nên đối nơi duyên không loạn. Giữ lấy hành chỉ, nhưng lại duyên nơi tướng của sự được nhận biết. Hoặc nơi đối tượng duyên chỉ luôn thắng giải, không luôn dứt bỏ. Tức không khiến cho thắng giải hiện có kia, càng về sau càng sáng rõ, rốt ráo mà chuyển, nên không thể hướng tới, đi đến, cho đến hiện quán về sự của cảnh được nhận biết.

Do luôn thắng giải, luôn trừ bỏ, nên càng về sau, thắng giải lần lượt sáng tỏ, chuyển hợp rốt ráo. Cũng có thể hướng đến, đi tới, cho đến hiện quán về sự của cảnh giới được nhận biết. Ví như đệ tử của họa sư ở thế gian, mới học về nghề họa, trước hết là theo thầy

thọ nhận điều cần học theo dạng mẫu. Xem kỹ nhiều lần rồi bắt đầu vẽ về hình tướng kia. Vẽ rồi lại hủy bỏ. Hủy bỏ rồi lại vẽ. Như vậy là thường xuyên hủy bỏ, lại thường xuyên vẽ tạo. Như thế, như thế, càng về sau hình tướng chuyển sáng, chuyển rõ, hiển hiện trọn vẹn. Học đúng, trải qua nhiều thời gian như vậy, đời cùng tôn nhận là đại họa sư, hoặc thuộc về số lượng họa sư. Nếu không luôn loại bỏ chỗ tạo tác về hình tướng, tức ở trên ấy thường xuyên họa trùng. Lại đối với hình tướng vĩnh viễn không có sáng rõ, hiển bày rất ráo đúng kỳ hạn. Ở đây, đạo lý nên biết cũng vậy. Nếu nơi cảnh ấy khởi thắng giải rồi, định nơi cảnh đó lại trừ bỏ đúng. Đã định nơi cảnh đó lại khởi thắng giải. Đối với cảnh hẹp nhỏ khởi thắng giải rồi, tức nơi sự hẹp nhỏ mà trừ bỏ đúng. Về rộng lớn vô lượng nên biết cũng vậy. Nơi cảnh hẹp nhỏ trừ bỏ đúng rồi, hoặc nơi cảnh hẹp nhỏ lại khởi thắng giải. Hoặc nơi cảnh rộng lớn lại khởi thắng giải. Hoặc nơi vô lượng cảnh lại khởi thắng giải. Đối với cảnh rộng lớn cùng vô lượng nên biết cũng vậy. Như các pháp sắc với các tướng mạo, ảnh tượng hiện có hiển hiện, nên biết là thô biến hóa tương tự. Các pháp vô sắc, trước tiên là giả danh, như lực tăng thượng của chỗ lãnh nhận nên ảnh tượng hiển hiện. Tất cả như vậy gọi là Gia hạnh chính đáng.

Như thế là chín thứ gia hạnh của pháp trắng, đối với Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nên biết là tùy thuận. Trái ngược với chín thứ gia hạnh ấy, đối với hai pháp Chi, Quán, nên biết là trái nghịch. Như vậy, nơi sự sai biệt của hai pháp trắng, đen, kiến lập gia hạnh có mười tám thứ. Như thế gọi là tâm cảnh một tánh.

* *Thế nào là xứ chướng được thanh tịnh?* Nghĩa là các sư Du già chính thức tu gia hạnh như vậy, do bốn nhân duyên nên có thể khiến tâm trừ sạch các chướng ngại. Những gì là (4) Đó là:

- (1) Nhận biết khắp về tự tánh.
- (2) Nhận biết khắp về nhân duyên.

(3) Nhận biết khắp về lỗi lầm tai hại.

(4) Tu tập đối trị.

Thế nào là nhận biết khắp về tự tánh của các chướng? Nghĩa là có thể nhận biết khắp về chướng có bốn loại: (1) Chướng khiếp nhược. (2) Chướng ngăn che. (3) Chướng tầm tư. (4) Chướng tự đề cao.

Chướng khiếp nhược: Nghĩa là lúc siêng năng tu hành, đối với nẻo xuất ly và xa lìa, do nhiệm ô hiện có nên không vui thích suy xét mền mọt, chỉ trông mong sàu nảo.

Chướng ngăn che: Nghĩa là năm thứ ngăn che (cái) như tham dục v.v...

Chướng tầm tư: Tức các tầm tư nhiễm ô, như tầm tư dục v.v...

Chướng tự đề cao: Nghĩa là ở trong chỗ trụ an ổn của trí kiến thấp kém ít ỏi, mà tự cao ngạo, cho mình có thể đạt được, kẻ khác thì không như thế, cho đến nói rộng như trước.

Nên biết đó gọi là nhận biết khắp về tự tánh của các chướng.

Thế nào là nhận biết khắp về nhân duyên của các chướng? Nghĩa là có thể nhận biết khắp về chướng thứ nhất là chướng khiếp nhược có sáu nhân duyên:

(a) Do sức tăng thượng của nghiệp trước, hoặc do sự nhiễu loạn của bệnh tật.

(b) Do gia hạnh thái quá.

(c) Do không tu gia hạnh.

(d) Do mới tu gia hạnh.

(đ) Do phiền não dấy khởi mạnh.

(e) Đối với sự xa lìa vẫn chưa hành tập xuyên suốt.

Nhận biết biết khắp về nhân duyên của ba chướng: ngăn che, tầm tư, tự đề cao: Đó là ở trong pháp thuận theo xứ sở của các chướng

ấy phân nhiều hành tập thường xuyên theo tác ý phi lý. Đó gọi là nhân duyên của ba chương trên.

Nếu không tác ý tư duy về bất tịnh, nhưng nơi tướng tịnh lại tác ý tư duy. Đó gọi là ở trong ấy đã tác ý phi lý. Hoặc không tác ý tư duy về từ bi, nhưng nơi tướng sân lại tác ý tư duy. Đó gọi là trong ấy đã tác ý phi lý. Hoặc không tác ý tư duy về tướng sáng, nhưng nơi tướng tối lại tác ý tư duy. Đó gọi là ở đây đã tác ý phi lý. Hoặc không tác ý tư duy về tướng Xa-ma-tha, nhưng nơi các tâm tư xấu ác như: thân thuộc, cõi nước, nơi chốn không tử vong, lại từng hoan lạc, vui đùa, thuận hành v.v... lại tác ý tư duy. Đó gọi là ở đây đã tác ý phi lý. Hoặc không tác ý tư duy về duyên tánh duyên khởi, nhưng nơi các hành chấp ngã, ngã sở của ba đời tướng không như lý lại tác ý tư duy. Đó gọi là ở đây đã tác ý phi lý.

Thế nào gọi là nhận biết khắp về lỗi lầm tai hại của các chương? Nghĩa là nhận biết rõ khắp chương này là có, nên đối với bốn thứ chưa chứng đắc thì không chứng, chứng rồi thì thoái chuyển, hủy hoại các gia hạnh hiện có của Du già, trụ nơi có nhiễm ô, trụ nơi có khổ não, tự chê bai mình, chê bai kẻ khác, thân hoại mạng chung, sinh nơi các nẻo ác. Đó gọi là nhận biết khắp về lỗi lầm tai hại của các chương.

Thế nào gọi là tu tập đối trị? Nghĩa là về các thứ khiếp nhược thì dùng chung tùy niệm để đối trị. Do tác ý tùy niệm giúp tâm vui thích, khiến cho các thứ khiếp nhược đã sinh thì dứt trừ hết, chưa sinh thì không sinh. Như thân yếu mệt, gia hạnh thái quá, mới tu gia hạnh, thì dùng tinh tấn, thông đạt bình đẳng để đối trị. Không tu gia hạnh thì dùng sự cung kính lắng nghe, siêng năng thưa hỏi để đối trị. Phiền não dấy khởi mạnh thì dùng gia hạnh của đối tượng duyên bất tịnh để đối trị. Nếu chưa hành tập xuyên suốt, tức dùng phương tiện xét chọn như vậy để đối trị. Nghĩa là ta trước đây, nơi nẻo xa lìa không hành tập thường xuyên, nên nay đối với việc tu tập xa lìa sinh

khởi khiếp nhược. Ta nếu nơi hiện tại không tu tập hành xa lìa thì ở đời vị lai nhất định cũng lại như thế. Vậy ta nay nên xét chọn đúng, nơi nẻo xa lìa, phải bỏ việc không vui thích, vui thích tu tập.

Các chướng còn lại như chướng ngăn che v.v... với tác ý phi lý, nên dùng sự trái ngược, tức tác ý như lý để đối trị. Nên biết, đó gọi là tu tập đối trị.

Lại, nhận biết rõ khắp về tự tánh của các chướng là có thể gây chướng ngại, là có thể làm nhiễm ô, là thuộc về phẩm đen, là nên xa lìa. Có thể nhận biết rõ khắp về nhân duyên xa lìa của các chướng như vậy, mới có thể xa lìa. Nên xét tìm nhân duyên của các chướng mới có thể nhận biết rõ khắp về chỗ nên xa lìa. Người không xa lìa thì có những lỗi làm tai hại gì? Nên phải xét tìm lỗi làm tai hại của các chướng. Đã xa lìa rồi, lại phải tầm tư về các chướng như thế, làm sao nơi đời vị lai sẽ không còn sinh? Nên phải xét tìm về việc tu tập đối trị. Do nhân duyên ấy nên có thể khiến cho tâm dứt trừ sạch các chướng.

Nên biết ở đây do giáo pháp tùy thuận có rất nhiều thứ, nên Tỳ-bát-xá-na cũng có rất nhiều. Tỳ-bát-xá-na có rất nhiều, nên khiến Xa-ma-tha cũng có rất nhiều.

Lại nữa, Tỳ-bát-xá-na này, do cảnh giới được nhận biết là không biên vực, nên biết về lượng cũng là không bờ bến. Nghĩa là do ba môn cùng sáu thứ sự, mỗi mỗi thứ có vô biên phẩm loại sai biệt để tỏ ngộ, hội nhập đạo lý.

Hành giả tu tập đúng về Tỳ-bát-xá-na như vậy do lực tăng thượng của việc hành tập thường xuyên thanh tịnh, tăng trưởng rộng lớn như thế như thế, nên có thể sinh khởi các khinh an hiện có của thân tâm. Phẩm Xa-ma-tha nên biết cũng có được sự tăng trưởng rộng lớn như vậy, thân tâm đạt được khinh an. Như vậy như vậy, nơi đối tượng duyên, tâm cảnh một tánh, chuyển biến tăng trưởng. Như

đối với duyên, tâm cảnh một tánh lại chuyển tăng trưởng. Cũng vậy, sự chuyển tăng ấy, lại khiến thân tâm đạt được khinh an. Tâm cảnh một tánh, thân tâm khinh an, hai pháp như vậy lần lượt cùng nương dựa, lần lượt cùng liên hệ. Hai pháp như vậy, nếu được chuyển y, mới là rốt ráo. Được chuyển y, nên ở nơi sự việc được nhận biết, trí hiện lượng sinh.

Hỏi: Ngang với mức độ nào, sẽ nói là quán bất tịnh đạt được cứu cánh? Cho đến ngang với mức nào sẽ nói là niệm A-na-ba-na đạt được cứu cánh?

Đáp: Nói tóm tắt: Hành giả tu quán, ở trong phần gia hạnh chính đáng của quán bất tịnh, thân cận tu tập, tu tập nhiều. Hoặc hành hoặc trụ, tuy có vô số cảnh giới hiện tiền, tuy lại quan sát về các tướng hiện có, nhưng trụ nơi tự tánh, không do gia hạnh. Phần nhiều là hành tướng bất tịnh hiển hiện, chẳng phải là các tướng tịnh. Do nơi quán bất tịnh khéo tu tập, nên đối với pháp có thể thuận theo xứ của triền tham dục, tâm không hướng nhập, tâm không yêu thích, tâm không tin hiểu. An trụ nơi xả, sinh khởi chán bỏ sâu xa, nên bấy giờ hành giả tu quán phải tự nhận biết rõ: Ta nay đã đạt được quán bất tịnh, ta nay đã đạt được quả đã tu. Ngang với đây, gọi là đối với quán bất tịnh đã đạt được cứu cánh. Trái với điều này, nên biết là chưa đạt được cứu cánh.

Như quán bất tịnh, quán từ bi, quán duyên tánh duyên khởi, quán giới sai biệt, niệm A-na-ba-na, nên biết cũng vậy.

Trong ấy, có sai biệt: Nghĩa là phần nhiều hành tướng của tâm từ hiển hiện, chẳng phải là tướng sân hận. Nơi pháp có thể tùy thuận xứ sở của triền sân hận, tâm không hướng nhập, cho đến nói rộng.

Phần nhiều là hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã hiển hiện, không phải là hành tướng thường lạc, thân kiến cùng hiện hành với ngu si. Đối với pháp có thể thuận theo xứ sở của triền ngu si, tâm không hướng nhập, cho đến nói rộng.

Phần nhiều là vô số giới tánh, chẳng phải là một giới tánh, tướng về tướng thân tụ sai biệt hiển hiện, chẳng phải là tướng về thân tụ. Đối với pháp có thể thuận theo xứ sở của triền kiêu mạn, tâm không hướng nhập, cho đến nói rộng.

Phần nhiều là tướng tịch tĩnh bên trong, tướng về Xa-ma-tha hiển hiện, chẳng phải là tướng về hý luận. Đối với pháp có thể thuận theo xứ sở của triền tâm tư, tâm không hướng nhập, cho đến nói rộng.

Hỏi: Ngang với mức nào, nên nói là hai thứ Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na hòa hợp bình đẳng cùng chuyển, do đây gọi là đạo vận chuyển song hành?

Đáp: Nếu có hành giả đạt được tướng tâm trụ thứ chín trong chín tướng tâm trụ, là Tam-ma-sí-đa, thì vị ấy dùng Tam-ma-địa viên mãn như vậy làm chỗ nương dựa, ở trong pháp quán tu tuệ tăng thượng. Vị ấy bấy giờ do pháp quán, nên đạo tự nhiên chuyển, không có công dụng chuyển, không do gia hạnh. Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh, tươi sáng theo Xa-ma-tha thuận hợp thâm nhập, như đạo Xa-ma-tha thâm nhập mà chuyển. Ngang với mức này, gọi là Xa-ma-tha – Tỳ-bát-xá-na, hai thứ hòa hợp bình đẳng cùng chuyển. Do đây gọi là đạo vận chuyển song hành. Kệ nêu rõ:

*Tướng tâm tư xem xét
 Tùy hành có ba môn
 Nghĩa sự, tướng, phẩm, thời
 Lý, sáu sự sai biệt
 Đầu: Gia hạnh tương ưng
 Tiếp: Hành tập, không hoãn
 Không điên đảo, hợp thời
 Hiểu rõ, không chán đủ
 Không dứt bỏ ách thiện
 Sau cùng, gia hạnh đúng*

*Là chín phải nên biết
 Có hai phẩm sai biệt
 Biết tự tánh, nhân duyên
 Thấy các lỗi lầm, hại
 Tu tập đối trị đúng
 Khiến chướng được thanh tịnh.*

* *Thế nào là xử tác ý tu tập?* Đó là người mới tu tập, ở trong tướng được an lập phổ biến như vậy, do một cảnh tánh cùng các chướng được thanh tịnh, lìa gia hạnh tà, học gia hạnh chánh. Vị ấy đầu tiên nên suy niệm như vậy: Ta nay vì nhằm chứng tâm cảnh một tánh cùng đoạn trừ hỷ lạc nên siêng năng tu tập bốn thứ tác ý, là:

- (1) Tác ý điều luyện tâm.
- (2) Tác ý làm tươi nhuận tâm.
- (3) Tác ý sinh khởi khinh an.
- (4) Tác ý làm tịnh trí kiến.

Thế nào là tác ý điều luyện tâm? Đó là do tác ý này, nên đối với pháp đáng chán bỏ, khiến tâm chán lìa. Đó gọi là tác ý điều luyện tâm.

Thế nào là tác ý làm tươi nhuận tâm? Nghĩa là do tác ý này, nên đối với pháp đáng vui chuộng khiến tâm vui thích. Đó gọi là tác ý làm tâm tươi nhuận.

Thế nào là tác ý sinh khởi khinh an? Đó là do tác ý này, nơi mọi thời gian, đối với pháp đáng chán, khiến tâm chán lìa. Nơi mọi thời gian, đối với pháp vui thích, khiến tâm vui ưa. Đã an trụ nơi tịch tĩnh bên trong, nơi không tướng, không phân biệt, nên niệm một cảnh chuyển. Do nhân duyên ấy nên đối trị tất cả thân tâm thô trọng, có thể khiến cho tất cả thân tâm thích thuận, sinh khởi hết thảy thân tâm khinh an. Đó gọi là tác ý sinh khởi khinh an.

Thế nào là tác ý làm tịnh trí kiến? Tức là do tác ý này, nên trong mọi thời điểm, tức dùng nội tâm tịch tĩnh như vậy làm chỗ nương dựa. Do bên trong tâm tĩnh thường xuyên gia hạnh, nên ở trong pháp quán tu tuệ tăng thượng. Đó gọi là tác ý làm tịnh trí kiến.

Hành giả tu pháp quán, trong mọi thời gian, đối với pháp đáng chán bỏ, khiến tâm chán lia. Như vậy, đối với pháp lậu cùng xứ sở lậu, cũng có thể khiến tâm sinh khởi mọi thứ bực tức, sinh khởi mọi thứ chán bỏ.

Những gì gọi là xứ đáng chán bỏ? Lược có bốn thứ xứ đáng chán bỏ. Đó là:

Tự suy tổn, cùng kẻ khác suy tổn, hiện tại gặp gỡ lúc chính thức hiện tiền, tác ý như lý, luôn tư duy nên thành xứ đáng chán bỏ.

Hoặc tự hưng thịnh, cùng kẻ khác hưng thịnh, quá khứ diệt hết, lúc lia biến hoại, tác ý như lý, luôn tư duy nên thành xứ đáng chán bỏ.

Tức hành giả ấy, nơi mọi thời điểm, đối với pháp đáng vui thích khiến tâm vui ưa, như vậy nơi chúng sinh khởi vui thích, nên có thể khiến cho tâm thành tựu sự nhuần thấm, dung hợp, trong lặng tốt cùng.

Những gì gọi là xứ đáng vui chuộng? Lược có ba thứ xứ đáng vui chuộng:

(1) Tam bảo.

(2) Học xứ thanh tịnh, Thi la thanh tịnh.

(3) Đối với chỗ tự chứng đắc sai biệt, sinh tin hiểu sâu xa, tâm không khiếp nhược.

Thế nào là tùy niệm về Tam bảo khiến tâm vui thích? Đó là khởi suy niệm: Ta nay khéo đạt được lợi lớn như vậy, nghĩa là đội ơn Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là bậc Đại sư của ta. Ta nay khéo đạt được lợi lớn như vậy, nghĩa là trong pháp Tỳ-nại-da nêu

giảng thiện, ta được xuất gia. Ta nay khéo đạt được lợi lớn như vậy, nghĩa là ta cùng với các bậc đủ giới đủ đức, nhân nhục, hòa nhã thành pháp hiền thiện, các bậc đồng phạm hạnh cùng là pháp lữ. Ta nay sẽ được thọ mạng là hiền thiện, qua đời là hiền thiện. Sẽ được hưởng tới đời sau là hiền thiện. Như vậy gọi là tùy niệm về Tam bảo khiến tâm vui thích.

Thế nào là tùy niệm về Học xứ thanh tịnh, Thi la thanh tịnh, khiến tâm vui thích? Nghĩa là khởi niệm như vậy: Ta nay khéo đạt được lợi lớn như thế. Đối với pháp Tỳ-nại-da nêu giảng thiện của bậc Đại sư Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đã khéo tu tập chánh hạnh, trong chúng Thanh văn, ta được cùng với các vị đồng phạm hạnh kia đồng giới đồng học, đồng tu từ bi nơi ba nghiệp thân ngữ ý, đồng chỗ kiến giải, đồng chỗ thọ dụng. Như vậy gọi là tùy niệm về Học xứ thanh tịnh, Thi la thanh tịnh, khiến tâm vui thích, tức không hối, vì trước tiên là phát sinh hoan hỷ.

Thế nào là đối với chỗ tự chứng đắc sai biệt, sinh tin hiểu sâu xa là xứ tâm không khiếp nhược, khiến tâm sinh vui thích? Nghĩa là khởi niệm: Ta nay có uy lực, có khả năng nhận giữ Thi la thanh tịnh, có thể là pháp khí, được cùng với các vị đồng phạm hạnh như vậy, đồng giới thanh tịnh. Được cùng với các vị thiện sĩ chánh chí có trí đồng chỗ kiến giải. Ta có khả năng siêng năng tinh tấn tu tập chánh hạnh như thế, ở trong hiện pháp có thể đạt được điều chưa đạt, có thể xúc chứng các pháp chưa xúc chứng. Do vậy, khiến tâm sinh hoan hỷ lớn. Như thế gọi là đối với chỗ tự chứng đắc sai biệt, sinh tin hiểu sâu xa, là xứ tâm không khiếp nhược, khiến tâm vui thích.

Lại, do trước sau đều tinh tấn dũng mãnh, nên đã được an trụ nơi chỗ chứng đắc sai biệt. Do tùy niệm về vậy, nên đối với chỗ chứng đắc sai biệt của thời sau, cũng sinh tin hiểu sâu xa, khiến tâm vui thích. Đó gọi là môn khác.

Hành giả tu tập ấy, nơi pháp đáng chán bỏ, điều luyện về tâm. Đối với pháp có thể thuận theo xứ sở của các lậu, khiến tâm không hướng tới, dứt bỏ, chống đối, lìa cách mà trụ. Đối với pháp đáng vui thích, làm tươi nhuận nơi tâm, nơi nẻo xuất ly sinh khởi các pháp có thân ái, nên khiến tâm hướng đến, dựa gắn vào hỷ lạc, hòa hợp mà trụ. Như vậy là tâm ấy, do hai thứ hành tướng là chán bỏ và vui thích, đã quay lưng với phẩm đen, hướng tới phẩm để mở bày mà chuyển. Tâm ấy như vậy là loại bỏ các phẩm đen. Do tác ý điều luyện tâm, nên hướng tới các phẩm trắng. Do tác ý làm tươi nhuận tâm, nên nơi mọi thời gian, dựa nơi Xa-ma-tha, bên trong tâm được thâm giữ. Do tác ý sinh khởi khinh an, nên nơi mọi thời điểm, đối với pháp luôn xét chọn cùng tột, xét chọn khắp vòng, tầm tư xem xét đầy đủ. Do tác ý làm tịnh trí kiến, nên như vậy là tâm ấy, trong mọi thời gian, là chỗ thâm nhận của hai pháp Chi, Quán có thể cùng với hết thấy hành tướng kia, hết thấy công đức kia, làm nhân thâm nhận. Trải qua những ngày đêm kia, với bao sát na, lap phược, chốc lát, đều đạt được thắng tấn. Ví như người thợ luyện vàng bạc trí sáng, hoặc đệ tử của ông ta, nơi mọi thời gian thiêu luyện vàng bạc, khiến chúng loại bỏ hết mọi thứ cấu uế. Nơi mọi thời gian, dùng công sức và sự khéo léo để hoàn thành các vật dụng trang sức đẹp để được mọi người ưa chuộng.

Như vậy, người siêng tu hạnh Du già, vì khiến tâm trừ bỏ tất cả việc cấu uế như tham v.v... cùng khiến tâm diệt hết mọi ưu não nhiễm ô, nên đối với pháp đáng chán, sinh khởi chán lìa sâu xa. Vì khiến hướng tới nẻo vui thích của phẩm thiện thanh tịnh hiện có, nên đối với pháp đáng hoan hỷ phát sinh vui thích. Lúc này, hành giả tùy nơi sự mong muốn, tự an lập, hoặc là phẩm Xa-ma-tha, hoặc là phẩm Tỳ-bát-xá-na, tức nơi các phẩm ấy có thể khéo nương tựa, có thể khéo hòa hợp, không chuyển không động, theo chỗ vui thích trong vô số nghĩa, như đã tin hiểu đều có thể thành tựu trọn vẹn.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 32

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VĂN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ ba: Đoạn 3

Thế nào là người mới tu tập, lúc bắt đầu tu tập, đối với tu tác ý như cần an lập, tùy chỗ an lập khi chính thức tu hành, đầu tiên xúc chứng, nơi việc dứt bỏ hỷ lạc, đạt tâm cảnh một tánh? Nghĩa là sư Du già tu tập khéo thông đạt, đầu tiên vị ấy dựa nơi hành Du già, đối với người mới tu tập, chỉ dạy như vậy:

Thiện lai! Hiền Thủ! Các ông hôm nay nên dựa vào ba thứ nhân duyên giữ lấy tướng, hoặc thấy hoặc nghe, hoặc tâm so sánh, phân biệt tăng thượng giữ lấy năm thứ tướng:

- (1) Tướng chán lìa.
- (2) Tướng vui thích.
- (3) Tướng lỗi lầm tai hại.
- (4) Tướng ánh sáng.
- (5) Tướng phân biệt rõ về sự.

Hỏi: Nếu dựa vào hành Du già, người mới tu tập là kẻ hành tham, do quán bất tịnh mới có thể điều phục. Làm sao chỉ dạy họ giữ lấy năm thứ tướng?

Đáp: Nên chỉ dạy như vậy: Thiện lai Hiền Thủ! Các ông theo chỗ nương dựa nơi các xóm làng thôn ấp kia, an trụ ở đây. Hoặc nghe có các xóm làng thôn ấp khác, hoặc người nam người nữ, trước thọ nhận an lạc, sau gặp phải khổ ách. Hoặc người nam người nữ kia tự mắc phải bệnh nặng, mạng chung. Hoặc người nam người nữ kia hiện có tri thức, thân thích, quyến thuộc gặp phải sự khổ như thế. Hoặc nơi xóm làng, thôn ấp nọ là biên vực có của cải châu báu bị mất mát. Hoặc là do những người khác đến là kẻ địch mạnh tạo ra. Hoặc do lửa thiêu đốt, hoặc do nước cuốn trôi. Hoặc là do tạo ác mà có mất mát, tổn hại. Hoặc do không khéo tu tạo, gây dựng sự nghiệp mà bị mất, tổn. Hoặc do không khéo phân xử sự việc mà có tổn thất. Hoặc là do không cùng yêu quý tài sản thuận hợp mà có mất mát. Hoặc do lửa từ nơi nhà mà có tổn hại. Hoặc là ông hiện thấy, chẳng phải là do nghe kể lại. Hoặc tức nơi xóm làng thôn ấp ấy, chẳng phải là xóm làng thôn ấp khác. Hoặc chẳng phải là xóm làng thôn ấp ấy, cũng chẳng phải là người khác, tức tự thân các ông trước đã chứng tỏ mình thọ nhận an lạc quá nhiều, sau trở lại thoái thất. Nói rộng như trước.

Ông đã nghe thấy như vậy rồi phải nên sinh khởi tâm chán bỏ sâu xa: Sinh tử như thế là khổ nặng hết sức! Tự thể đã có được là vô cùng khó khăn, nhưng trong ấy có bao nhiêu thứ suy tổn sai biệt của mình và người phải gánh chịu như vậy. Đó là suy tổn của bệnh tật, suy tổn về thọ mạng, suy tổn về quyến thuộc, suy tổn về của cải, châu báu. Tánh của các pháp vốn là bệnh tật, là tử vong, hoại diệt.

Lại có một loại suy tổn về tịnh giới, suy tổn về chánh kiến. Do nhân duyên này, nên các chúng sinh kia, ở trong hiện pháp trụ nơi các khổ não, nơi đời vị lai phải đi tới các nẻo ác. Những người hưng thịnh, tuy trong hiện pháp trụ nơi các thứ an lạc, ở đời vị lai sẽ đi đến các nẻo thiện, nhưng đều là vô thường, nơi vô thường kia hiện có thể chứng đạt. Như có người lãnh nhận sự hưng thịnh, thời sau suy tổn nhất định sẽ hiện tiền. Những kẻ lãnh nhận sự suy tổn, thời sau hưng

thạnh khó có thể hiện tiền. Các sự hưng thịnh đều là khó được dễ mất. Pháp biến hoại như vậy, thâm tâm ông nên lo chán, hết sức khéo léo tác ý như lý để thọ trì.

Xứ sở như thế khó có thể tin giữ. Ta nay đối với nẻo lưu chuyển của sinh tử ấy chưa Bát Niết-bàn, tâm chưa giải thoát, khó có thể tin giữ. Hai pháp suy tổn, hưng thịnh như thế chớ hiện bày trước ta. Chớ là nhân duyên kia khiến ta rơi vào xứ sở như thế, là nơi chốn luôn sinh khởi bao thứ khổ não gai góc mãnh liệt, không hề vừa ý. Tức do lực tăng thượng của sự việc ấy nên ta phải chí thành hoan hỷ đối với việc đoạn trừ, tu tập không phóng dật.

Lại, ta như vậy là đã an trụ nhiều, nên đối với nghĩa không có thể tạo nên biên vực. Như thế, ông phải hết sức khéo léo tác ý như lý để thọ trì. Ông giữ lấy tướng chán lìa như vậy rồi, lại siêng năng tinh tấn giữ lấy tướng vui thích, nên tự quán xét về Thi la đã được thọ nhận là hoàn toàn thanh tịnh, là không thanh tịnh. Ta hoặc mất niệm, hoặc không cung kính, hoặc có nhiều phiền não, hoặc do không nhận biết về các học xứ nên có chỗ trái phạm. Đã trái phạm rồi, ta nên như pháp, do ý lạc tăng thượng của bản tánh kia, nên đối với các học xứ, thâm tâm phát khởi quyết không hủy phạm nữa. Ta đối với việc làm phải nên làm đúng. Đối với không phải việc làm thì không nên làm. Tóm lại, đối với các học xứ nên khiến ý vui thích tăng thượng viên mãn, cũng khiến cho gia hạnh hiện có viên mãn.

Ông ở nơi lúc chính thức quán xét như thế, hoặc tự nhận biết rõ về giới uẩn thanh tịnh, tuy không tác ý tư duy: Ta sẽ phát khởi sự thanh tịnh không hối, nhưng vì pháp là như vậy. Người Thi la thanh tịnh, nhất định sinh khởi sự thanh tịnh không hối như thế. Hoặc phát khởi sự thanh tịnh không hối như vậy, tuy không tác ý tư duy: Ta dấy khởi hoan hỷ, nhưng vì pháp là như thế. Người không có hối nhất định sinh hoan hỷ. Như vậy, lại ở nơi một thứ hoan hỷ là xứ sở của chỗ dựa, ông nên sinh khởi sự thanh tịnh không hối, vì trước hết là hoan hỷ.

Lại, đối với việc dứt trừ chướng, là xứ sở của hoan hỷ, nên sinh khởi hoan hỷ, cho là ta hôm nay, Thi la thanh tịnh, có lực dụng, có thể an trụ nơi học xứ do Đức Thế Tôn chế lập. Ở trong hiện pháp, có thể đạt được những điều chưa đạt, có thể xúc chứng các pháp chưa xúc chứng, do xứ sở ấy sinh khởi hoan hỷ, vừa ý. Nếu ông trước sau đạt được chút ít sự chứng đắc sai biệt, tức do lực tăng thượng như thế, nên đối với chỗ chứng đắc sai biệt viên mãn của người khác, tức chư Như Lai hoặc Thánh đệ tử cùng sự nối tiếp của thời sau, với chỗ chứng đắc sai biệt, nên sinh tin hiểu, khởi ý hoan hỷ, vui thích. Hành tướng nơi các thứ vui thích vừa ý như vậy, trước gọi là “hoan duyệt”, nay gọi là “hỷ duyệt”, gọi chung là vừa ý (duyệt ý). Như thế gọi là giữ lấy tướng vui thích.

Giữ lấy tướng ấy rồi, lại nên nêu dạy, trao truyền, nói: Hiền Thủ! Ông do tướng chán lìa như vậy nên đã điều luyện nơi tâm. Lại do tướng vui thích như thế nên làm tươi nhuận nơi tâm. Ông đối với việc đoạn trừ những tham dục, ưu não của thế gian nên an trụ nhiều. Tùy nơi cảnh giới của đối tượng duyên kia mà siêng tu gia hạnh, hoặc phẩm Xa-ma-tha, hoặc là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Tức nơi vô số cảnh giới của đối tượng duyên kia sẽ khiến tâm trụ, nội trụ, cùng trụ. Ông sẽ đạt được thân tâm khinh an cùng một cảnh tánh. Ông nếu trừ bỏ các phẩm đen, hướng tới các phẩm trắng như vậy, là do tâm được điều luyện, được làm cho tươi nhuận.

Lại, nên thường xuyên giữ lấy tướng lỗi lầm tai hại. Đó là nơi các tướng, tầm tư cùng tùy phiền não hiện có, giữ lấy tướng lỗi lầm tai hại.

Nói các tướng: Nghĩa là mười tướng như sắc v.v...

Nói tầm tư: Tức là tám thứ tầm tư như dục v.v...

Tùy phiền não: Đó là năm thứ như tham dục v.v...

Ông nên đối với chúng giữ lấy tướng lỗi lầm tai hại.

Các tướng như thế có thể khiến cho tâm tác dụng càng thêm vội vã hấp tấp. Tâm tư như thế có thể khiến cho tâm xét chuộg việc nhiều loạn. Các tùy phiền não như vậy có thể khiến cho tâm luôn không tịch tĩnh. Nếu tâm tác dụng theo các tướng tạo tác, tâm tư tạo nên những xét chuộg nhiều loạn, các tùy phiền não tạo tác khiến tâm luôn không tịch tĩnh, do đấy khiến tâm trụ trong khổ não. Vì thế, các tướng, tâm tư và tùy phiền não như vậy là khổ, không phải là bậc Thánh có thể dẫn khởi, là vô nghĩa, khiến tâm tán động, khiến tâm nhiều loạn, khiến tâm nhiễm ô. Ông nên giữ lấy tướng lỗi lầm tai hại như vậy.

Lại nữa, ông phải dựa vào tâm cảnh một tánh, tâm tánh an trụ, tâm tánh không loạn, dùng sáu thứ hành để giữ lấy đúng về tướng. Những gì là sáu thứ hành? Đó là:

(1) Tướng vô tướng.

(2) Ở trong vô tướng, tướng không tác dụng.

(3) Tướng không phân biệt.

(4) Ở trong không phân biệt, tướng không xét chuộg, tướng không nhiều loạn.

(5) Tướng tịch tĩnh.

(6) Ở trong tịch tĩnh, tướng lia các phiền não thiêu đốt, tướng tịch diệt là vui.

Ông đã giữ lấy tướng lỗi lầm tai hại như thế rồi, lại nên thường xuyên giữ lấy tướng ánh sáng. Nghĩa là, hoặc ánh sáng của đèn, hoặc ánh sáng của đám lửa lớn, hoặc ánh sáng của mặt trời, hoặc ánh sáng của mặt trăng. Đã giữ lấy tướng ánh sáng như vậy rồi, lại đi tới bãi tha ma, giữ lấy tướng máu bầm xanh, nói rộng cho đến giữ lấy tướng xương nát vụn. Ông nếu không thể đi đến bãi tha ma, thì nên giữ lấy các tướng về cây đá đượ tạo do vẽ thêu... như thế. Giữ

lấy tướng ấy rồi, trở lại trụ xứ, hoặc tại A-luyện-nhã, hoặc bên gốc cây rừng, hoặc nơi chốn vắng lặng. Hoặc ở nơi giường lớn, hoặc nơi giường dây nhỏ, hoặc tòa ngồi bằng cỏ lá. Trước là rửa chân tay rồi ngồi kiết già, thân ngay nguyện chánh, an trụ dựa vào niệm. Đầu tiên là nơi một cảnh khiến tâm không phân tán, giữ niệm ở trước. Lại ở trong ấy, nương nơi sáu thứ tướng để tác ý tư duy. Đó là: Tướng vô tướng. Tướng không phân biệt. Tướng tịch tĩnh. Tướng không tác dụng. Tướng không chôn xét chuộng không nhiều loạn. Tướng lia các phiền não thiêu đốt, tịch diệt là vui.

Lại nữa, ở đây ông nên xét kỹ, nhận biết rõ khắp nẻo về tướng loạn không loạn, phân minh hiện tiền, xét kỹ như thế như thế. Nhận biết rõ khắp nẻo về tướng loạn chẳng loạn như vậy như vậy, tức ông có thể biết rõ về tướng loạn hiện có trong các tướng, trong tâm tư và trong các tùy phiền não, cùng có thể biết rõ về tâm cảnh một tánh, theo sáu tướng tu các tướng không loạn.

Lại, ông ở nơi tướng loạn không loạn ấy xét kỹ, nhận biết rõ như vậy như vậy, nên có thể an trụ vào một cảnh của đối tượng duyên. Cũng có thể an trụ nơi nội tâm tĩnh lặng. Các tâm nối tiếp, các tâm trôi chảy, trước sau một vị, không tướng không phân biệt, tịch tĩnh mà chuyên.

Lại, hoặc ông tâm tuy đạt được tĩnh lặng, do mất niệm, cùng do hành tập thường xuyên về lỗi lầm của các tướng, các tâm tư, các tùy phiền não, nên như ảnh tượng của đối tượng duyên là khuôn mặt trong gương luôn hiện tiền, theo chỗ sinh khởi. Tức ở trong ấy lại nên tu tập tác ý không niệm. Đó là trước hết thấy rõ sức tăng thượng của các tướng lỗi lầm tai hại. Tức ở nơi tướng cảnh của đối tượng duyên như thế, do chỗ tu tập tác ý không niệm nên loại trừ, dứt hết nên khiến chúng hoàn toàn không hiện tiền nữa.

Hiền Thủ nên biết! Đối tượng duyên như vậy là hết sức vi tế, khó có thể thông đạt. Ông nên phát khởi sự mong muốn, vui thích mãnh

liệt, vì câu thông đạt nên khởi siêng năng tinh tấn. Đức Thế Tôn đã dựa vào cảnh tượng của đối tượng duyên ấy, mật ý nêu dạy: “Bí-sô các ông nên biết về các thiện”. Nói các thiện: Nghĩa là ở trong đại chúng cùng tập hội, là sự khỏe mạnh và sắc đẹp. Tức các thiện ấy là rất thù thắng, đó là ở trong tập hội lớn có nhiều chúng, đang ca múa hát xướng.

Giả sử có một trượng phu trí tuệ, từ bên ngoài đi vào, bảo một người: Ôi, này nam tử! Ông ngay hôm nay có thể bung chiếc bát đựng đầy dầu, chớ khiến cho dầu sóng sánh tràn ra ngoài, đi qua trong đại chúng đông đảo như thế, phải tránh né để vượt qua trong khoảng hiện có các thiện, và các người đang ca múa hát xướng nổi bật nhất, cùng sinh khởi cùng lớn rộng. Hiện đang có kẻ vạm vỡ, hung dữ, tuốt gươm bén đuổi theo đằng sau ông. Nếu dầu trong bát ông đang bung có một giọt rơi xuống đất, thì kẻ vạm vỡ hung dữ ấy tức dùng kiếm bén chém đầu, đoạn mạng căn của ông ngay. Bí-sô các ông, ý như thế nào? Người bung bát đựng đầy dầu ấy lại không tác ý chuyên tâm nghĩ về bát dầu, về kẻ vạm vỡ hung dữ đang tuốt kiếm đuổi theo, về đất nơi đường đi không bằng phẳng v.v... mà có thể tác ý nhìn xem “các thiện” và những kẻ đang ca múa hát xướng nổi bật nhất, cùng sinh khởi cùng lớn rộng chằng?

Bạch Đức Thế Tôn! Không phải vậy. Vì sao? Vì người bung bát đầy dầu kia đã thấy kẻ vạm vỡ, hung dữ tuốt kiếm bén đi theo sau mình, tức rất sợ hãi, nên tác ý chuyên niệm: Ta đang bung bát đựng đầy dầu, đi qua trong chúng này là hết sức khó khăn để vượt qua, nếu để rơi một giọt dầu xuống đất, nhất định sẽ bị kiếm bén đã tuốt sẵn của kẻ kia chém ngay đầu, đoạn hẳn mạng căn của ta. Người ấy bấy giờ, đối với các thiện và những kẻ ca múa hát xướng nổi bật nhất cùng sinh khởi cùng lớn rộng kia đều không tác ý suy niệm, nhìn xem, chỉ đối với bát dầu chuyên tâm tác ý để giữ gìn đúng đắn.

Như thế, này các Bí-sô! Các đệ tử của Như Lai cung kính, cẩn trọng chuyên tâm nhớ nghĩ, tu bốn niệm trụ, nên biết cũng vậy.

Nói các thiện: Là dụ cho pháp có thể thuận theo các tùy phiền não như triền tham dục. Ở đây, các kẻ ca múa hát xướng nổi bật nhất, là dụ cho xứ pháp có thể thuận theo tầm tư hý luận, nhiễu loạn. Cùng sinh khởi cùng lớn rộng: Là dụ cho pháp của mười thứ tướng như tướng sắc v.v...

Trượng phu trí tuệ: Là dụ cho sư Du già.

Bát đưng đầy dầu: Dụ cho tâm an trụ nơi Xa-ma-tha có thể khiến cho thân tâm khinh an, tươi nhuận, là nghĩa của Xa-ma-tha.

Kẻ vạm vỡ hung dữ tuốt kiếm bén đi theo sau: Là dụ cho việc giữ lấy những tướng lỗi lầm tai hại của các tùy phiền não, tầm tư, các tướng ở trước.

Chuyên tâm giữ gìn, không khiến cho dầu đầy nơi bát, một giọt rơi xuống đất: Là dụ cho khả năng xét kỹ, nhận biết rõ khắp nẻo về tướng loạn chẳng loạn, được đạo Xa-ma-tha thâm nhận. Do đầy nên có thể khiến cho các tâm nối tiếp, các tâm trôi chảy. Do sức tinh tấn không gián đoạn phát khởi thúc đẩy, nên trước sau một vị, không tướng không phân biệt, tịch tĩnh mà chuyển. Không khởi một tâm để duyên nơi các tướng, hoặc duyên nơi tầm tư cùng tùy phiền não.

Sư Du già này, lại nên ân cần chỉ dạy như vậy đối với người mới tu tập Xa-ma-tha. Nói: Này Hiền Thủ! Ông nếu siêng năng tinh tấn tu tập đạo Xa-ma-tha như vậy, theo phương tiện thâm nhận như thế, chánh niệm chánh tri cùng hành, tâm có vui thích, nên gọi là khéo tu tập đạo Xa-ma-tha. Nếu lại thường xuyên hành tập các thứ lỗi lầm thì trong ấy thâm tâm không thể hoan hỷ vui thích. Đã vô cùng khó khăn để gắng sức thúc đẩy mới hiện tiền, trở lại nên mau chóng xuất hiện tướng không phân biệt nơi cảnh giới của đối tượng duyên. Đối với tướng có phân biệt nơi cảnh giới của đối tượng duyên, nên giữ niệm hiện tiền, như chỗ đã giữ lấy tướng bất tịnh ở trước.

Ông nay lại nên tác ý tư duy. Trước hết nên dùng như hành giả chỉ theo tướng hành Tỳ-bát-xá-na, hoặc quán về máu ú bầm xanh, hoặc quán về máu mũ thối rửa, nói rộng cho đến quán về xương nát vụn. Ông vào lúc mới tu quán như thế, đối với các thứ bất tịnh được quán xét, nên khởi thắng giải, khởi thắng giải không gián đoạn của vô lượng hành hiện bày khắp tất cả xứ. Ông đã dựa vào tác ý thắng giải như vậy, phải nên hướng nhập nơi tác ý chân thật. Lúc hướng nhập nên khởi suy niệm: Như ta hôm nay đã tạo thắng giải đối với vô lượng vô biên các thứ tướng bất tịnh đã được quán xét... Đã khởi thắng giải rồi tức thì lại khiến cho tâm đối với bên trong được tịch tĩnh, cho đến nơi tướng của cảnh thuộc đối tượng duyên ấy sinh vui thích sáng rõ, không có các phiền não nhiễu loạn, không gắng sức nhiều. Ngang với mức thời gian như thế, nên đối với các tướng bất tịnh nơi tử thi đã được quán xét, phát khởi thắng giải. Hoặc vừa đối với các tướng ấy, cho đến gắng sức mới hiện tiền, bấy giờ, ở bên trong nên tu tịch tĩnh. Như thế là khiến tâm bên trong đạt tịch tĩnh rồi, lại nên phát khởi thắng giải về tịch tĩnh. Nghĩa là, từ sau cùng quán xét về vô lượng máu ú bầm xanh nơi tử thi, cho đến sau cùng quán xét về vô lượng xương khô nát vụn, bên trong thu hẹp tâm, theo phương tiện dứt trừ hẳn, đặt yên các tướng không còn hiển hiện, trong ấy không hoàn toàn loại bỏ tướng có phân biệt, cũng không phân biệt, chỉ ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên ấy, tâm được an trụ, không tướng, không phân biệt, tịch tĩnh mà chuyển.

Sư Du già kia lại nên chỉ dạy, trao truyền. Nói: Hiền Thủ! Ông trước đã giữ lấy các tướng ánh sáng, ở trong phần gia hạnh của hai phẩm Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đều nên tác ý như lý để tư duy. Nếu ông có thể dùng ánh sáng kết hợp nơi tâm, chiếu soi cùng với tâm, làm sáng sạch cùng với tâm, không còn tối tăm cùng với tâm, tu Chỉ và Quán, như vậy chính là, ở nơi đạo Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, tu tưởng ánh sáng.

Nếu ngay nơi đầu tiên, nơi cảnh giới của đối tượng duyên phần nhiều không phân biệt rõ, nên dù luôn hành tập thắng giải thì tướng tối tăm kia, do nhân duyên này, nên chỗ tu tập về thắng giải hiện có cũng không hiện rõ, tuy hành tập thường xuyên nhiều, nhưng tướng vẫn tối tăm. Nếu từ đầu tiên, đối với cảnh giới của đối tượng duyên phần nhiều phân biệt sáng rõ, nên luôn hành tập thắng giải, thì tướng sáng tỏ. Do nhân duyên này, nên chỗ tu tập về sau lại càng sáng rõ. Tuy ít hành tập thường xuyên mà tướng sáng tỏ.

Như thế là ông do giữ lấy tướng chán lìa như vậy, khéo giữ lấy tướng vui thích như vậy, khéo giữ lấy tướng Xa-ma-tha như vậy, khéo giữ lấy tướng Tỳ-bát-xá-na như vậy, khéo giữ lấy tướng ánh sáng như vậy, trong mọi thời điểm, bên trong tâm tịch tĩnh. Nơi mọi thời gian, do theo tướng hành Tỳ-bát-xá-na, xét chọn các pháp, tức nơi tướng bất tịnh, chính thức tu gia hạnh với lực tăng thượng, nơi các niệm trụ lần lượt hướng nhập. Lúc sắp hướng nhập, ông nên trước hết đối với nội thân hiện có ba mươi sáu vật, bắt đầu từ tóc lông cho đến tiểu tiện, khéo giữ lấy tướng của chúng. Ông nên đối với các vật bất tịnh trong nội thân của chính mình ấy, trước hết là phải phát khởi thắng giải về bất tịnh. Luôn luôn phát khởi thắng giải này rồi, lại khiến cho tâm ở bên trong được tịch tĩnh. Như vậy gọi là ở trong nội thân tu quán tuần tự về thân, là dựa vào bên trong của tự thân mà phát khởi. Tiếp theo là nên đối với các vật bất tịnh bên ngoài, khéo giữ lấy tướng của chúng. Ông nên phát khởi thắng giải về hình tướng máu ứ bầm xanh nơi tử thi, nói rộng cho đến phát khởi thắng giải về xương khô nát vụn. Hoặc thắng giải về nhỏ hẹp. Hoặc thắng giải về rộng lớn. Hoặc thắng giải về vô lượng. Thường xuyên phát khởi các thắng giải ấy rồi, lại khiến cho tâm nơi bên trong được tịch tĩnh. Như vậy gọi là ở bên ngoài thân tu quán tuần tự về thân, là dựa nơi ngoại thân của kẻ khác mà phát khởi.

Sau, lại nên đối với các vật bất tịnh nơi trong ngoài của tự thân, khéo giữ lấy tướng của chúng, khiến tâm sáng rõ. Lại đối với các vật

bất tịnh nơi trong ngoài của thân kẻ khác, khéo giữ lấy tướng của chúng, khiến tâm sáng rõ. Đối với chỗ yêu thích của chính mình, ông nên phát khởi thắng giải như vậy.

Lại, ở nơi tử thi đã đưa ra bãi tha ma, đến nơi chốn ấy rồi, thì loại bỏ ngay cảnh giới đó, đạt đến phần vị quán máu úc bầm xanh, để phần vị mù máu bị thối rữa, nói rộng cho đến phần vị xương khô nát vụn, đều phát khởi thắng giải. Thường xuyên phát khởi các thắng giải ấy rồi, lại khiến cho nội tâm được tịch tĩnh. Như thế gọi là đối với nội ngoại thân tu quán tuần tự về thân, là dựa vào hoặc trong hoặc ngoài của thân tự tha mà phát khởi.

Ông lại nên đối với bốn uẩn vô sắc, do sức tăng thượng của nghe, tư duy, phân biệt, giữ lấy tướng của chúng, ở nơi ba phần phát khởi thắng giải:

- (1) Ở nơi phẩm Xa-ma-tha.
- (2) Ở nơi phẩm không tán loạn.
- (3) Ở nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Ở nơi phẩm Xa-ma-tha: Nghĩa là nếu ông lúc tâm được thu hẹp bên trong, khởi hành tướng vô tướng, không phân biệt, tịch tĩnh, cùng không tác dụng, không xét chuộng, không loạn động, lia các phiền não thiêu đốt, hành tướng tịch diệt là vui. Nơi cảnh của đối tượng duyên không thọ nhận loạn động cùng bốn uẩn vô sắc. Trong từng sát na, lần lượt có sai biệt, chỉ là mới mẻ, không phải là cũ, nên nối tiếp lưu chuyển. Ông nên đối với các việc ấy, tư duy như lý, phát khởi thắng giải. Như thế gọi là đối với thọ tâm pháp bên trong, tu quán tuần tự về thọ tâm pháp.

Ở nơi phẩm không tán loạn: Nghĩa là, ông trước hết, ở nơi việc giữ lấy các cảnh giới duyên nơi các cảnh giới, gắn liền với địa bất định, quá khứ tận diệt cùng nay mất niệm, tâm loạn sinh khởi cảnh giới của các tướng, các tâm tư, các tùy phiền não, đối với bốn uẩn

vô sắc như thọ tăng thượng, ông nên đối với chúng tác ý như lý. Các pháp như vậy tánh của chúng đều là hư dối, huyền tác, tạm thời mà có, đột nhiên hiện tiền, có nhiều lỗi lầm tai hại, tánh của chúng là vô thường không thể tin giữ. Ông nên phát khởi thắng giải như vậy. Như thế gọi là đối với thọ tâm pháp bên ngoài, tu quán tuần tự về thọ tâm pháp.

Ở nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na: Nghĩa là ông đã khéo giữ lấy tướng Tỳ-bát-xá-na rồi, trụ nơi tác ý có tướng, có phân biệt, nơi đối tượng duyên có tướng có phân biệt, do bên trong tăng thượng, sinh bốn uẩn vô sắc như thọ v.v... tác ý như lý tư duy về pháp ấy, trong từng sát na lần lượt dị biệt, chỉ là mới mẻ, không phải là cũ nên tương tục lưu chuyển. Nên phát khởi thắng giải về chúng, như trước đã nói. Như thế gọi là đối với thọ tâm pháp trong ngoài, tu quán tuần tự về thọ tâm pháp.

Như vậy là ông, do dựa vào quán bất tịnh đề tu gia hạnh đúng đắn với sức tăng thượng, nên đối với bốn niệm trụ sẽ được hưởng nhập.

Lại, ông nên đối với phần gia hạnh của niệm trụ, luôn luôn tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng, ở trong bốn niệm trụ như thể an trụ nơi chánh niệm, theo chỗ dựa là biên vực của các xóm làng thôn ấp kia mà trụ. Đối với tâm tùy thuận hướng tới hội nhập nơi cảnh giới của đối tượng duyên, ông nên bỏ tướng nơi cảnh của đối tượng duyên ấy. Vào xóm làng, thôn ấp khát thực phải nên khéo tránh xa các loài voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ, rắn độc v.v... nên xa lìa các luật nghi ác, các vật dụng ngồi nằm cấu uế, nên khéo hộ trì thân mình như vậy. Nếu đối với tướng của các cảnh giới như thế, không nên thúc đẩy phát khởi các căn, mà nên không tạo công dụng, khéo giữ gìn các căn. Nếu đối với tướng của các cảnh giới như thế, cần phải thúc đẩy, phát khởi các căn, ông nên đối với chúng tạo công dụng đúng, khéo trụ nơi chánh niệm, khiến các phiền não không khởi hiện hành. Ông nên khéo bảo hộ tự thân, khéo gìn giữ các căn như

vậy, khéo trụ nơi chánh niệm, nơi các tác ý kia. Thọ dụng việc ăn uống nên khéo nhận biết về lượng.

Lại, ông nên cùng với chúng tại gia, xuất gia, thuyết giảng những lời ứng hợp với lượng, ứng hợp với lý, ứng hợp với thời, thuyết giảng những lời chánh trực, những lời tịch tĩnh. Hết thảy những ngôn luận phi pháp của thế gian đều nên xa lìa. Tuy lại nêu giảng về ngôn luận như pháp nhưng không nên tranh chấp. Vì sao? Vì nếu các Bồ-đặc-già-la sĩ phu trụ nơi ngôn ngữ tranh chấp, cùng nhau cật vấn, thì tâm liền trụ trong nhiều hý luận. Do nhiều hý luận nên tâm trạo cử. Tâm trạo cử nên tâm không tịch tĩnh. Không tịch tĩnh nên liền khiến cho tâm xa Tam-ma-địa.

Hành như vậy rồi, ông nên mau chóng không rời bỏ đối tượng duyên để ngồi kiết già. Đối với hai pháp Chỉ, Quán, như chỗ giữ lấy tướng của chúng. Do thường tạo tác cùng tu tập hành Du già rất ráo, cũng như phương tiện dùi lấy lửa nơi hể gian, không gia hạnh không gián đoạn cùng gia hạnh cẩn trọng, ông nên thường xuyên tu tập, tu tập rất ráo. Do nhận biết rõ đúng về chỗ tu gia hạnh Du già như vậy là có quả thù thắng lớn, có lợi lạc thù thắng lớn. Như vậy ông nên theo chỗ chỉ dạy tu tập thường xuyên, tu tập rất ráo. Hoặc vì nghĩa ấy, nên thọ nhận hành tập để đoạn trừ, ông đối với nghĩ đó, tất phải đạt được. Ông nên đầu tiên chứng đắc chút ít về tâm khinh an, tâm cảnh một tánh, về sau sẽ chứng đắc các pháp thế gian, xuất thế gian rộng lớn, viên mãn.

Người mới tu tập, lúc khởi đầu tu tập, các sư Du già khéo thông đạt về Du già, dựa vào quán bất tịnh chỉ dạy như vậy, gọi là chỉ dạy đúng đắn, tu hành như vậy gọi là tu hành đúng đắn. Như nói người hành tham thì dùng quán bất tịnh để điều phục. Như vậy, người hành sân thì dùng quán từ bi để điều phục, cho đến sau cùng là người hành tầm tư, thì dùng niệm A-na-ba-na để điều phục. Như chỗ ứng hợp, đều nên nhận biết rõ về sự sai biệt trong ấy. Các môn hướng nhập khác, Ta sẽ hiển bày, chỉ rõ.

Dựa vào quán Từ bi, nơi người mới tu tập, đối với bên ngoài phẩm thân phẩm oán và phẩm trung gian, khéo giữ lấy tướng của chúng rồi, hành xử như pháp tọa, do tác ý tạo lợi ích an lạc với ý lạc tăng thượng cùng hiện hành nơi định địa, trước tiên, ở chỗ một thân một oán một trung gian đều phát khởi thắng giải nơi ba phẩm này, do tác ý tạo lợi ích an lạc bình đẳng và ý lạc tăng thượng cùng hiện hành, nhằm đem đến an lạc cho hữu tình. Nên suy niệm như vậy: Nguyên cho các hữu tình cầu an lạc kia đều sẽ đạt được an lạc. Nghĩa là hoặc dục lạc không tội, hoặc có hỷ lạc không tội, hoặc không hỷ lạc không tội.

Sau đây, hoặc đối với hai thân, hoặc đối với ba thân, hoặc đối với bốn thân, hoặc đối với năm thân, mười thân, hai mươi, ba mươi, như trước, cho đến hiện bày khắp các phương hướng, ở đây phẩm thân sung mãn, không gián đoạn, đều phát khởi thắng giải, trong đó thậm chí không có khoảng trống để dung nạp đầu một chiếc gậy. Như đối với phẩm thân, đối với phẩm oán, phẩm trung gian, nên biết cũng vậy.

Lại, hành giả không bỏ phần gia hạnh của quán từ bi. Tức do tu tập về quán từ bi như thế nên đối với các niệm trụ có thể hướng nhập đúng.

Thế nào là hướng nhập? Nghĩa là lúc hướng nhập, phải nên phát khởi thắng giải như thế. Như kẻ kia đối với ta cho là phẩm thân, cho là phẩm oán, cho là phẩm không thân không oán. Ta đã mong muốn, vui thích chán bỏ về khổ. Như vậy gọi là đối với nội thân tu quán tuần tự về thân. Người khác cũng đối với kẻ kia cho là phẩm thân, cho là phẩm oán, cho là phẩm không thân không oán. Như ta, kẻ kia cũng mong muốn vui thích trừ bỏ khổ. Như thế gọi là đối với ngoại thân tu quán tuần tự về thân. Như ta đã vậy, các hữu tình kia cũng lại như vậy. Như ta tự mong muốn cầu đạt được an lạc thù thắng, các hữu tình cũng lại như vậy. Các hữu tình kia cùng với mình

bình đẳng, cùng với mình tương tự, ta nên đem lại lợi ích, an lạc cho họ. Như vậy gọi là đối với nội ngoại thân tu quán tuần tự về thân. Bốn niệm trụ này duyên chung nơi các uẩn làm cảnh giới, nên biết gọi là hoại duyên niệm trụ. Nếu hành giả tu tập chỉ giữ lấy tướng sắc, nghĩa là giữ lấy hiện tướng, hình tướng, biểu tướng, đối với phẩm thân phẩm oán phẩm trung gian mà khởi thắng giải, do đấy kiến lập chỉ là thân niệm trụ. Hành giả lại dựa vào chỉ, để tác ý thắng giải, tức có thể hướng nhập đúng, tác ý chân thật, nghĩa là lúc hướng nhập, khởi thắng giải này: Ta, cho đến đối với vô lượng hữu tình đều phát khởi thắng giải tạo lợi ích an lạc với ý lạc tăng thượng. Như vậy, ta từ đời trước tiên trở đi đến nay, nơi các phẩm thân phẩm oán phẩm trung gian hiện có, về các loài hữu tình quá khứ đã qua đời, số lượng là vô lượng, hơn hẳn hiện nay, nên tạo tác thắng giải về điều ấy. Như thế, các loài hữu tình quá khứ, là thân của ta rồi lại là oán của ta. Là oán của ta rồi lại là thân của ta. Là thân, oán rồi lại là trung gian. Là trung gian rồi lại là oán thân. Do môn nghĩa ấy, nên tất cả hữu tình bình đẳng, bình đẳng không có phần ít nào là tánh thân, tánh oán, tánh trung gian, nhưng chẳng phải là chân thật. Do nhân duyên ấy, nên đối khắp ba phẩm đều khởi tâm bình đẳng, bình đẳng nên ban cho lợi ích an lạc. Như từ đời trước tiên, về đời sau, ở trong sinh tử, sẽ lại lưu chuyển, nên biết cũng vậy.

Lại nữa, Ta nơi đời trước tiên kia đến nay đối với các loài hữu tình, chưa từng phát khởi tâm từ bi. Các sự việc kia đều là quá khứ. Nay phát khởi từ bi lại có ích lợi gì? Chỉ vì nhằm dứt trừ các thứ cấu uế của tự tâm khiến được thanh tịnh, nên dậy khởi niệm: Sẽ khiến cho các loài hữu tình quá khứ đều được an lạc. Các đời vị lai chẳng phải là từng có, cũng đều khiến cho các loài hữu tình kia sẽ được an lạc. Như vậy là hướng nhập nơi tác ý chân thật, trụ trong từ bi, các phước được tươi nhuận, các thiện được tươi nhuận, so với chỗ tu tác ý thắng giải ở trước, trụ trong từ bi, khởi phước đạt được, trăm phần

ở kia không bằng một phần ở đây, ngàn phần ở kia không bằng một phần ở đây, số phần, toán phần, kế phần. Ô ba ni sát đàm phần ở kia không bằng một phần ở đây. Phần còn lại như trước đã nêu.

Lại, người mới tu tập, ở trong quán duyên tánh duyên khởi, do sức tăng thượng của văn tuệ, tư tuệ, nên đã phân biệt giữ lấy tướng. Nghĩa là các hữu tình, do có vô số kẻ ngoại đạo kẻ ngu si không trí hiện thấy vô thường vọng chấp là thường, hiện thấy bất tịnh, vọng chấp là tịnh, hiện thấy là khổ, vọng chấp là lạc, hiện thấy vô ngã vọng chấp là ngã. Các hữu tình kia đã có vô số các điên đảo như vậy. Điên đảo ấy là nhân, có sự thọ nhận đối với hiện pháp cùng sinh ra các tự thể về sau, trong đó phát khởi tham ái. Do tham ái nên tạo tác vô số nghiệp gốc của sinh căn. Nghiệp phiền não này làm nhân duyên nên chiêu cảm lấy thuận là khổ uẩn lớn.

Hành giả đã khéo giữ lấy tướng như vậy rồi, lại đối với bên trong phát khởi thắng giải. Nghĩa là ta nay đối với khối lớn thuận là khổ này cũng sinh như vậy. Lại, tự thể của ta là không biên không bờ, từ đời đầu tiên đến nay, phần đầu không thể nhận biết, cũng sinh như vậy. Các hữu tình kia, tất cả tự thể của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều thuộc về khổ uẩn, cũng đều đã sinh sẽ sinh như thế. Chánh quán về duyên tánh duyên khởi như vậy, tất cả đều là tác ý chân thật, lại không còn tác ý thắng giải nào khác.

Nếu đối với các uẩn hiện tại của tự thân, tác ý tư duy về duyên tánh duyên sinh, thì đó gọi là, đối với thọ tâm pháp trụ của nội thân quán tuần tự về chúng.

Nếu đối với các uẩn hiện tại của tha thân, tác ý tư duy về duyên tánh duyên sinh, thì đó gọi là, đối với thọ tâm pháp trụ của ngoại thân, quán tuần tự về chúng.

Nếu đối với các uẩn hiện có của tự tha nơi quá khứ vị lai, tác ý tư duy về duyên tánh duyên sinh, thì đó gọi là, đối với thọ tâm pháp trụ

của nội ngoại thân, quán tuần tự về chúng. Các phần khác như trước đã nói.

Lại, người mới tu tập, nơi quán về giới sai biệt, trước hết là giữ lấy tướng cứng chắc hiện có bên ngoài, đó là địa đại. Núi rừng cây cỏ, đất đá gạch sỏi, các ngọc mặt ni chân châu, lưu ly, loa bồi, san hô v.v..., giữ lấy tướng của chúng rồi, lại đối với chỗ cứng chắc bên trong phát khởi thắng giải.

Tiếp theo, giữ lấy tướng bên ngoài nơi các thủy đại. Đó là các dòng sông suối, các ao hồ, đầm, giếng v.v... Giữ lấy tướng của chúng rồi, lại đối với tánh thấm ướt bên trong mà khởi thắng giải.

Tiếp nữa, giữ lấy tướng bên ngoài nơi các hỏa đại, đó là các thứ lửa cháy sáng, thiêu đốt, ánh nắng nóng bức của mặt trời... Giữ lấy tướng của chúng rồi, lại đối với tính chất nóng bên trong mà khởi thắng giải.

Sau đây, giữ lấy tướng bên ngoài nơi các phong đại. Đó là các thứ gió từ Đông, Tây, Nam, Bắc, cho đến phong luân. Giữ lấy tướng của chúng rồi, lại đối với nội phong mà khởi thắng giải.

Tiếp theo, giữ lấy tướng bên ngoài nơi các không đại. Đó là các phương không chướng không ngại, các khoảng trống trong các tụ sắc, các hang hốc có thể dung nạp... Khéo giữ lấy tướng của không giới như vậy rồi, đối với bên trong không giới mà khởi thắng giải.

Sau đây, do sức tăng thượng của nghe và suy xét, khởi phân biệt vi tế, giữ lấy tướng của Thức giới. Đó là nội nhãn xứ không hoại, ngoại sắc xứ hiện tiền. Nếu không thể sinh tác ý khởi đúng thì chỗ sinh nhãn thức cũng không được sinh. trái với điều ấy thì nhãn thức được sinh. Như thế cho đến ý pháp, ý thức nên biết cũng vậy. Giữ lấy tướng ấy rồi, tiếp đến là khởi thắng giải.

Nhận biết rõ về bốn đại trong thân như thế có tất cả tự tánh, chủng tánh của giới, các chủng tử của thức. Lại ở trong bốn đại

chúng như thế, trước hết là khởi thắng giải về các chi phần thô, lớn, sau là khởi thắng giải phân tích về vô số vi tế của phần tế. Như vậy dần dần phân tích cho đến hướng lượng về du trần, cho tới cực vi mà khởi thắng giải. Nơi mỗi mỗi chi phần hãy còn dấy khởi vô lượng thắng giải nhiều như số vi trần được tích tập tối đa, hướng hồ là tất cả chi phần trong thân. Như vậy gọi là trong quán về giới sai biệt, phát khởi thắng giải phân tích về biên vực vi tế của các sắc giới sai biệt.

Tiếp theo, đối với Không giới, trước hết nên phát khởi thắng giải về các thứ thô lớn hiện có nơi Không giới. Đó là vô số khoảng trống của mắt, tai, mũi, cổ họng v.v... Sau đây, dần dần phát khởi thắng giải về vô số vi tế, cho đến hết thấy các lỗ chân lông, các huyết vi tế trong thân thấy đều nhận biết rõ.

Sau cùng, đối với Thức giới, dần dần phát khởi vô lượng thắng giải. Về chỗ dựa, về đối tượng duyên cùng tác ý về thời phần, phẩm loại sai biệt của ba đời. Tức nơi Thức giới, lúc khởi thắng giải, do thắng giải về chỗ dựa, đối tượng duyên, phân tích về Thức giới, cũng ở nơi mười thứ các sắc được tạo mà khởi thắng giải. Như phân tích các đại chủng vi tế, đây cũng như vậy. Nếu đối với tự thân có các giới đều sai biệt mà khởi thắng giải, thì đó gọi là trụ trong các niệm trụ bên trong quán tuần tự về chúng.

Nếu đối với các giới khác hiện có không thuộc về số hữu tình mà khởi thắng giải, thì đó gọi là đối nơi các trụ bên ngoài quán tuần tự về chúng.

Nếu đối với các hiện hiện có còn lại thuộc về số các hữu tình mà khởi thắng giải, thì đó gọi là đối nơi trụ trong ngoài, quán tuần tự về chúng.

Lại có môn khác. Đó là đối với thân mình mà khởi thắng giải. Lúc sắp xả bỏ thọ mạng, như trước đã nói rộng, cho đến phần vị máu ứ bầm xanh nơi tử thi, hoặc đến phần vị máu mũ thối rữa. Tức đối với phần vị ấy phát khởi thắng giải vô số về sự chảy tràn ra, mũ dần dần

tràn ra, lần lượt tăng rộng, cho đến mọi biên vực của biển lớn, đại địa, mủ máu thủy đều đầy khắp. Phát khởi thắng giải về mủ máu như vậy rồi, tiếp theo lại phát khởi thắng giải về thiêu đốt. Nghĩa là phần thân này, với vô lượng vô biên phẩm loại sai biệt, là khối lửa lớn, có vô lượng vô biên phẩm loại bị thiêu đốt tàn rụi. Lửa đã tắt rồi, lại khởi thắng giải về xương, tro còn lại. Lại khởi thắng giải về vô lượng vô biên xương tro nát vụn. Lại khởi thắng giải về vô lượng ngọn gió lớn thổi tan các thứ vụn nát kia bay khắp mọi phương hướng. Đã thổi tan bay khắp rồi, chỉ quán về Không giới mênh mông.

Như vậy, do tác ý thắng giải như vậy, dựa nơi các thứ bất tịnh trong ngoài, hành gia hạnh để nhập giới sai biệt. Đối với thân cùng trụ, tuần tự quán về thân, từ đáy hướng nhập nơi tác ý chân thật. Nghĩa là do tác ý thắng giải như thế, đối với thân trụ trong ngoài tuần tự quán về thân. Do lực của thắng giải, nên ta ở đây đã tạo ra vô lượng vô biên tướng của thủy giới, hỏa giới, địa giới, phong giới, hư không giới. Ta từ vô thí, lưu chuyển nơi sinh tử, nơi các giới đã trải qua là vô lượng vô biên, vượt quá hình tướng hiện có ở đây... Lại đối với các cõi, các nẻo tử sinh trải qua vô lượng lần thi hài bị thiêu đốt. Như vậy khối lửa ấy cũng không thể so sánh. Lại trải qua vô lượng lần vứt bỏ hài cốt bừa bãi nơi đất, cũng không thể so sánh. Lại trải qua vô lượng phong giới, thi hài sinh diệt phân tán cũng không thể so sánh.

Lại trải quá vô lượng các thức lưu chuyển, càng về sau thì thân tướng càng thêm mới, sinh khởi, cho đến hiện tại là thân tướng sau cùng với các thức lưu chuyển. Như vậy là an lập về các cõi của đời sau, kỳ hạn không định, như thế cho đến vô lượng thức giới.

Lại nữa, người mới tu tập, ở trong niệm A-na-ba-na hành gia hạnh đúng đắn, khéo giữ lấy các tướng liên hệ rồi, do duyên niệm hơi thở vào ra bên trong, nên đối với chúng phát khởi thắng giải. Hành giả trước hết lại đối với “hơi thở gió” vi tế trải qua vùng tim, ngực,

qua lại nơi các huyết thô mà khởi thắng giải. Sau đây dần dần đối với rất nhiều gió mà khởi thắng giải. Đó là cho đến hết thủy lỗ chân lông, gió đều tùy nhập, mà khởi thắng giải. Như vậy, tất cả phần thân hiện có, lượng gió tùy thuộc lượng gió gồm thô, lượng gió ẩn tàng, vô lượng nhóm gió được tích tập trong ấy. Như đó la miên hoặc loại sợi tơ mỏng, các vật nhẹ theo gió thổi, đối với các tướng ấy mà khởi thắng giải. Hành giả nếu đối với hơi thở vào ra lưu chuyển bên trong không dứt, tác ý tư duy, bấy giờ gọi là, nơi trụ của nội thân, tuần tự quán về thân.

Nếu lại ở nơi tử thi của kẻ khác, tại phần vị máu ứ bầm xanh, hơi thở vào ra lưu chuyển đã dứt hẳn, tác ý tư duy, bấy giờ gọi là đối nơi ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu lại đối với tự thân, lúc sắp qua đời mà khởi thắng giải, hoặc đối với người đã chết, hơi thở vào ra không còn lưu chuyển mà khởi thắng giải, hoặc đối với người chưa chết, nhưng hơi thở vào ra không có lưu chuyển, mà khởi thắng giải, do pháp như vậy, bấy giờ gọi là, đối với thân trụ trong ngoài, tuần tự quán về thân. Hiện bày khắp ở trong tất cả gia hạnh đúng đắn, nên tu phần trợ bạn của phẩm Chỉ như thế, phẩm Chỉ gồm thô các gia hạnh thuận hợp. Tất cả các phần khác, như trước đã nói, nên biết.

Như vậy, người mới tu tập hiện có, nhờ sự chỉ dạy đúng đắn, nên lúc tu chánh hạnh, an trụ nơi chánh tri đủ niệm sáng rõ, điều phục hết thủy mọi tham dục ưu não của thế gian. Nếu ở trong phần gia hạnh đúng đắn như thế, tu tập thường xuyên, tu tập rốt ráo, tác ý không điên đảo, không phải là nơi chôn huyền não có thể động loạn, thì đó gọi là sáng rõ. Hoặc ở trong phần gia hạnh chính đáng, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, xét kỹ, nhận biết rõ về tướng loạn, chẳng loạn, như vậy gọi là chánh tri gồm đủ niệm.

Hoặc có thể giữ lấy các tướng chán lìa, các tướng vui thích, như vậy được gọi là điều phục hết thủy mọi tham dục, ưu não của thế

gian. Do nhân duyên ấy, nên nêu rõ hành giả có thể an trụ một cách sáng rõ, cho đến điều phục mọi tham dục, ưu não của thế gian.

Trước hết, lúc phát khởi gia hạnh đứng đắn như vậy, tâm cảnh một tánh, thân tâm khinh an, vi tế mà chuyển khó có thể biết rõ.

Lại do tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng nên thân tâm lắng sạch, thân tâm điều thuận, thân tâm khinh an. Tức tâm cảnh một tánh vi tế, thân tâm khinh an ở trước lại dần tăng trưởng, có thể dần phát mạnh mẽ nên dễ được nhận biết rõ.

Thân tâm khinh an nơi tâm cảnh một tánh: Là do lực của nhân lần lượt dần phát đạo lý phương tiện, nên hành giả bấy giờ, không lâu sẽ khởi thân tâm khinh an nơi tâm cảnh một tánh mạnh mẽ hơn dễ hiểu rõ, như vậy cho đến lúc hành giả có được tướng trước. Nơi đánh đầu giống như phát khởi lần nữa, không phải là tướng tôn não, tức do tướng ấy nên bên trong đầy khởi, có thể gây chướng ngại cho việc vui thích đoạn trừ. Vì không phải tướng ấy nên các phẩm phiền não nơi tâm tánh thô trọng đều được trừ diệt, tức có thể đối trị chúng.

Tâm tánh điều thuận, tâm tánh khinh an đều được sinh khởi, do sự sinh khởi này nên có thể tùy thuận khởi thân khinh an, phong đại riêng tăng, có nhiều đại chủng đến nhập trong thân. Do sự nhập vào này có thể gây chướng ngại cho sự vui thích đoạn trừ, nhưng các phẩm phiền não nơi tánh thô trọng của thân đều được trừ hẳn, tức có thể đối trị chúng. Tánh của thân điều thuận, tánh của thân khinh an, hiện bày khắp trong thân hết sức dồi dào. Hành giả lúc mới phát khởi, khiến tâm phấn khích, khiến tâm thư thái, hoan hỷ cùng hành khiến tâm vui thích. Tánh cảnh của đối tượng duyên hiện rõ trong tâm. từ đây trở về sau, hành giả bắt đầu đầy khởi uy lực của khinh an, dần dần thư thả, có khinh an vi diệu theo thân mà hành, ở trong thân chuyển. Do nhân duyên này nên tâm tánh phấn khích đã dần dần giảm bớt. Vì sự thâm giữ của Xa-ma-tha, nên tâm ở nơi đối tượng duyên tịch tĩnh hành chuyển. Từ đây trở đi, đối với hành Du

già, người mới tu tập gọi là có tác ý. Mới đầu đạt được là thuộc về số lượng có tác ý. Vì sao? Vì do đầu tiên đạt được tác ý chính đáng có phần ít vi diệu thuộc về địa định, nên do nhân duyên này, gọi là có tác ý.

Người mới tu tập đạt được tác ý này rồi, tức có tướng trạng ấy. Nghĩa là đã đạt được một phần ít tâm định thuộc về Sắc giới. Đạt được một phần ít thân tâm khinh an nơi tâm cảnh một tánh, có lực, có khả năng khéo tu gia hạnh của đối tượng duyên hoặc tịnh, khiến tâm nối tiếp, tươi nhuận mà chuyển, là chỗ thâm giữ của Xa-ma-tha, có thể làm tịnh các hành. Tuy hành trong vô số cảnh khả ái, triền tham mãnh liệt cũng không sinh khởi. Tuy ít sinh khởi, nhưng nương dựa phần ít vi tế để đối trị, lúc vừa tác ý tức có thể trừ diệt. Như cảnh đáng yêu thích, cảnh đáng ghét bỏ, đáng ngu tối, đáng sinh kiêu mạn, đáng tầm tư, nên biết cũng vậy.

Ngồi thiền nơi tĩnh thất, tạm giữ về tâm, thân tâm khinh an mau chóng sinh khởi, không bị sự bức não quá mức của tánh thô trọng nơi các thân. Không hề luôn khởi các thứ ngăn che hiện hành. Không có các thứ xét chuộng hiện hành. Không ưa thích lo lắng cùng hiện hành với tác ý về các tướng. Tuy từ định khởi, ra ngoài kinh hành, nhưng có phần ít khinh an, các uy lực khác theo thân tâm chuyển. Các loại như vậy, nên biết đó gọi là tướng trạng thanh tịnh của người có tác ý.

HẾT - QUYỂN 32

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 33

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VĂN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ tư: Đoạn 1

Lại nữa, ở đây kê nêu rõ:

*Bảy tác ý lia dục
Cùng các định, biện rộng
Hai định năm thân thông
Sinh các tướng sai biệt.
Quan sát nơi các đế
Như thật mà thông đạt
Phân biệt rộng nơi tu
Sau đây là rốt ráo.*

Đã đạt được tác ý nơi các sư Du già. Đã nhập phần ít nơi sự vui thích đoạn trừ như thế. Từ đây về sau chỉ có hai nẻo, lại không có gì khác. Những gì là hai? Đó là:

- (1) Thế gian.
- (2) Xuất thế gian.

Hành giả mới tu tập nơi các sư Du già, do tác ý ấy, hoặc nghĩ ta sẽ đi đến nẻo thế gian, hoặc nghĩ ta sẽ đi đến nẻo xuất thế gian. Lại tu tập nhiều tác ý như vậy. Như đối với điều ấy, tu tập nhiều hết sức,

như thế như thế, mọi khinh an hiện có nơi tâm cảnh một tánh, trải qua vô số ngày đêm cùng với phần vị chuyên, lại tăng rộng lớn. Nếu tác ý này kiên cố, mạnh mẽ, nối tiếp mà chuyển, phát khởi thắng giải về đối tượng duyên thanh tịnh, nên đối với các phẩm Xa-ma-tha và phẩm Tỳ-bát-xá-na, khéo giữ lấy tướng của chúng. Hành giả bấy giờ, hoặc vui thích đi tới đạo thể gian, phát khởi gia hạnh. Hoặc vui thích đi đến đạo xuất thế gian, phát khởi gia hạnh.

Hỏi: Ở đây có bao nhiêu thứ Bồ-đặc-già-la, tức ở nơi hiện pháp vui thích đi đến đạo thể gian, phát khởi gia hạnh, không phải là đạo xuất thế gian?

Đáp: Lược có bốn thứ Bồ-đặc-già-la. Những gì là bốn? Đó là:

(1) Hết thầy ngoại đạo.

(2) Ở trong chánh pháp nhưng căn tánh yếu kém, trước tu hành chỉ.

(3) Căn tánh tuy là lợi, nhưng căn thiện chưa thành thực.

(4) Tất cả Bồ-tát, vui thích với việc chứng đắc Đại Bồ-đề ở đời vị lai, chẳng phải là nơi hiện pháp.

Bốn thứ Bồ-đặc-già-la như vậy, ở trong hiện pháp, vui thích đi đến đạo thể gian, phát khởi gia hạnh.

Người phát khởi gia hạnh, vui thích đi đến đạo thể gian này lại có hai loại:

(1) Hoàn toàn bị trói buộc. Nghĩa là các phàm phu.

(2) Hoàn toàn không bị trói buộc. Đó là các bậc Hữu học.

Trong đây lại như thế nào? Nghĩa là, trước tiên, ở nơi Dục giới quán về tánh thô. Đối với tính lự thứ nhất, hoặc định, hoặc sinh quán về tánh tinh, phát khởi gia hạnh, lìa dục của Dục giới. Như vậy cho đến phát khởi gia hạnh, lìa dục của xứ vô sở hữu, nên biết cũng thế.

Lại, dựa vào các tỉnh lỵ, có thể dẫn phát định vô tướng cùng năm thân thông.

Lại, tức dựa vào đấy, hoặc sinh hoặc tướng đều nên nói rộng.

Vì lia dục nơi Dục giới, siêng tu hành quán nơi các sư Du già, do bảy tác ý mới có thể lia được dục của Dục giới.

Những gì gọi là bảy thứ tác ý? Đó là:

- (1) Tác ý liễu tướng.
- (2) Tác ý thắng giải.
- (3) Tác ý xa lia.
- (4) Tác ý gồm thâm lạc.
- (5) Tác ý quan sát.
- (6) Tác ý gia hạnh cứu cánh.
- (7) Tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh.

Thế nào gọi là tác ý liễu tướng? Nghĩa là, nếu tác ý tức có thể nhận biết rõ đúng về tướng thô của cõi dục và tướng tinh của tỉnh lỵ thứ nhất.

Sao gọi là nhận biết rõ về tướng thô của cõi dục? Đó là tâm tư đúng đắn về sáu sự của cõi dục. Đó là:

- (1) Nghĩa.
- (2) Sự.
- (3) Tướng.
- (4) Phẩm.
- (5) Thời.
- (6) Lý.

Thế nào là tâm tư về nghĩa thô của các dục? Đó là tâm tư đúng về các dục như vậy là có nhiều lỗi lầm tai hại, có nhiều tổn não, có

nhieu bệnh tật, có nhiều tai họa. Ở trong các nghĩa nhiều lỗi lầm, nói rộng cho đến nghĩa nhiều tai họa. Đó gọi là nghĩa thô.

Thế nào là tâm tư về sự thô của các dục? Đó là tâm tư đúng ở trong các dục có tham dục bên trong, ở trong các dục có tham dục bên ngoài.

Thế nào là tâm tư về tự tướng của các dục? Đó là tâm tư đúng: Đây là dục của phiền não, đây là dục của sự. Đây lại có ba thứ: Xứ thuận lạc thọ. Xứ thuận khổ thọ. Xứ thuận không khổ không lạc thọ.

Xứ thuận lạc thọ: Là xứ dựa của tham dục. Là xứ dựa của tâm tưởng điên đảo.

Xứ thuận khổ thọ: Là xứ dựa của sân giận, là xứ dựa của phần hận.

Xứ thuận không khổ không lạc thọ: Là xứ dựa của ngu si, là xứ dựa của phú (che giấu), não, cuồng (dối trá), siểm (dua nịnh), không hổ không thẹn, là xứ dựa của kiến điên đảo.

Tức tâm tư đúng về các dục cực ác như thế, về chỗ theo đuổi của các thọ, về chỗ theo đuổi của các phiền não cực ác, đó gọi là tâm tư về tự tướng của các dục.

Thế nào là tâm tư về cộng tướng của các dục? Đó là tâm tư đúng về tất cả dục ấy là chỗ theo đuổi, là chỗ trói buộc của sinh khổ, lão khổ, nói rộng cho đến cầu không được là khổ. Những kẻ thọ dục, ở nơi dục tràn trề, bức bách mà chuyển, cũng chưa giải thoát các pháp như sinh v.v..., tuy các dục kia có sự viên mãn thắng diệu, nhưng chỉ tạm thời có. Đó gọi là tâm tư về cộng tướng của các dục.

Thế nào là tâm tư về phẩm thô của các dục? Đó là tâm tư đúng về các dục như vậy đều thuộc về phẩm đen, cũng như xương khô nát vụn, như máu thịt ngưng đọng, như ngọn lửa của đước cỏ, như một phần lửa than, như rắn độc lớn, như việc thấy trong mộng, như mượn

nhờ để có các vật dụng trang sức, như quả nơi đầu cành cây. Các loài hữu tình tìm cầu các dục, ở trong các dục nhận chịu mọi khổ tạo ra do sự truy cầu, nhận chịu mọi khổ do sự phòng giữ tạo ra, nhận chịu mọi khổ do sự thân yêu bị hoại mất, nhận chịu mọi khổ do không biết chán đủ tạo ra, nhận chịu mọi khổ do không tự tại tạo ra, nhận chịu các khổ do hành ác tạo nên. Như vậy, tất cả như trước đã nói, nên biết. Như Đức Thế Tôn dạy: Hành gần các dục có năm thứ lỗi lầm tai hại. Đó là các dục kia rất ít vị tươi vui, nhiều các thứ khổ não, nhiều lỗi lầm tai hại. Lại, các dục kia khi tiếp cận có thể khiến không biết chán, có thể khiến không biết đủ, có thể khiến không biết thỏa mãn. Lại, các dục kia luôn bị chur Phật cùng đệ tử Phật, các bậc hiền thiện chánh hạnh, chánh chí, thiện sĩ, dùng vô lượng môn để chê trách. Lại, các dục kia, vào lúc tiếp cận, có thể khiến cho các kiết tích tập, tăng trưởng. Lại, các dục kia, khi tiếp cận, ta nói không nghiệp ác, bất thiện nào mà không làm.

Các dục như thế khiến không chán đủ, nhiều chỗ cùng có, là hành phi pháp, là nhân của hành ác, làm tăng trưởng ái dục. Kẻ trí nên xa lìa, mau chóng hướng tới việc trừ diệt. Nương nhờ các duyên, là các thứ phóng dật, là đất của sự nguy vong, là pháp vô thường hư giả, sai trái. Cũng như huyễn hóa dối gạt kẻ ngu. Hoặc dục của hiện pháp, hoặc dục của hậu pháp, hoặc dục của nẻo trời, hoặc dục trong nẻo người, tất cả đều là chỗ hành, chỗ trụ của ma.

Nơi xứ sở ấy, có thể sinh ra vô lượng pháp ác bất thiện dựa vào ý sinh khởi. Đó là tham, sân, cùng phần nộ, tranh chấp v.v... Đối với Thánh đệ tử lúc đang tu học, có thể bị chướng ngại. Do các nhân duyên sai biệt như vậy, nên các dục như thế phần nhiều là thuộc về phẩm đen. Đó gọi là tâm tư về thời thô của các dục.

Thế nào là tâm tư về thời thô của các dục? Đó là tâm tư đúng về các dục như vậy trong ba đời quá khứ hiện tại vị lai. Nơi thời thường thường, nơi thời hằng hữu có nhiều lỗi lầm tai hại, có nhiều tổn não,

có nhiều các bệnh tật, có nhiều tai họa. Đó gọi là tâm tư về thời thô của các dục.

Thế nào là tâm tư về lý thô của các dục? Đó là tâm tư đúng về các dục như vậy, là do tư lương lớn, do truy tìm lớn, do lao nhọc lớn, cùng do vô số vô lượng nghiệp xứ công xảo, mới có thể chiêu tập, sinh khởi, tăng trưởng. Lại, các dục kia, tuy khéo sinh khởi, tuy khéo tăng trưởng, tất cả phần nhiều là sự thấu nhận từ bên ngoài. Nghĩa là cha mẹ, vợ con, nô tỳ, tôi tớ, bạn thân, quyến thuộc. Hoặc là đối trị về tự nội có sắc thô trọng nơi bốn đại. Cháo cơm nuôi lớn, luôn cần che chở, tắm rửa, lau chùi. Đoạn trừ mọi sự ly tán, tiêu diệt pháp thân, theo chỗ sinh khởi vô số khổ não. Ăn uống có thể đối trị các khổ về đói khát. Y phục có thể đối trị các khổ về lạnh nóng cùng có thể che chắn nơi chốn đáng xấu hổ. Các vật dụng để nằm có thể đối trị các khổ về mệt nhọc, ngủ nghỉ, cùng có thể đối trị các khổ về hành, trụ. Thuốc men duyên bệnh có thể đối trị về bệnh khổ. Do đấy, các dục chỉ có thể đối trị theo chỗ sinh khởi vô số khổ não, không nên nhiễm đắm mà thọ dụng, chỉ nên chánh niệm: Ví như người bị bệnh nặng bức bách, vì trừ dứt bệnh nên uống các thứ uế tạp.

Lại, các dục kia có Chí giáo lượng, chứng thực là có tướng thô.

Lại, các dục kia, như vậy như vậy hiện có tướng thô, ta cũng đối với bên trong hiện trí kiến chuyên.

Lại, các dục kia có Tỷ độ lượng biết có tướng thô. Lại, các dục kia từ vô thi đến nay, bản tánh là thô uế tạo thành, pháp tánh khó bàn, pháp tánh không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt. Đó gọi là tâm tư về lý thô của các dục.

Như vậy gọi là do sáu thứ sự, nhận biết rõ về tướng thô của các dục nơi Dục giới.

Lại có thể nhận biết rõ về tướng tĩnh hiện có trong tĩnh lự thứ nhất. Đó là tất cả tánh thô trong cõi dục, nơi tĩnh lự thứ nhất đều

không hiện có. Do lia các tánh thô của Dục giới, nên trong tĩnh lự thứ nhất nói có tánh tĩnh. Đó gọi là nhận biết rõ về tướng tĩnh hiện có trong tĩnh lự thứ nhất. Tức do tác ý về địa định như vậy, nên ở trong Dục giới biết rõ về tướng thô, đối với tĩnh lự thứ nhất biết rõ về tướng tĩnh. Vì thế gọi là tác ý biết rõ về tướng (liễu tướng). Tức tác ý này nên nói vẫn còn là nghe, xét gián tạp.

Hành giả đã tâm tư như lý như vậy, nên nhận biết rõ các dục là tướng thô, nhận biết tĩnh lự thứ nhất là tướng tĩnh. Từ đây về sau, vượt quá nghe xét, chỉ dùng tu hành, đối với tướng của đối tượng duyên phát khởi thắng giải, tu hai pháp Chỉ, Quán. Đã tu tập rồi, như chỗ tâm tư, tướng thô, tướng tĩnh luôn khởi thắng giải. Như vậy gọi là tác ý thắng giải.

Tức thắng giải này khéo tu tập, khéo tu tập nhiều, làm nhân duyên, nên đầu tiên sinh khởi việc đoạn trừ nẻo phiền não. Tức chỗ gọi là tác ý xa lia. Do có thể đầu tiên đoạn trừ nơi cõi dục, nên trước hết chỗ cần đoạn trừ là các phiền não, cùng có thể dứt trừ hẳn tánh thô trọng của phẩm phiền não kia, nên từ đây trở đi, yêu thích nơi việc đoạn trừ, yêu thích xa lia, ở trong các sự đoạn trừ, thấy rõ công đức thù thắng, xúc chứng phần ít, xa lia hỷ lạc, nơi mọi thời gian tác ý vui thích mà hoan hỷ sâu xa. Nơi mọi thời gian tác ý chán lia mà nhàm chán sâu xa. Vì nhằm dứt trừ các thứ hôn trầm, thù miên, trạo cử v.v... như thế gọi là tác ý gồm thâm lạc. Hành giả do vui thích đoạn trừ, vui thích tu như vậy, nên tu gia hạnh đúng đắn về phẩm thiện một cách tự nhiên, các triền phiền não thuộc cõi dục, hoặc hành hoặc trụ đều không còn hiện hành. Liên khởi niệm: Ta nay là có phiền não tham dục, ở trong các dục mà không nhận biết chẳng? Hay là không có chẳng? Vì quan sát kỹ về sự việc như vậy, nên tùy nơi một loại tướng tịnh khả ái để tác ý tư duy, vẫn chưa đoạn trừ vĩnh viễn các tùy miên, nên lúc tư duy về tướng tịnh diệu như vậy tức lại phát khởi tâm thuộc tập cận, tâm hướng tập cận, tâm

đang tập cận, không thể trụ nơi xa, không thể chán bỏ, chế phục, trái nghịch.

Hành giả khởi niệm: Ta đối với các dục, tâm vẫn chưa giải thoát, vẫn chưa đạt giải thoát chính đáng. Tâm ta vẫn còn bị các hành chế phục, như nước bị ngăn lại, chưa được sự điều phục của pháp tánh. Ta nay lại nên vì muốn đoạn trừ vĩnh viễn các tùy miên còn lại, nên siêng năng chân chánh, an trụ, vui thích đoạn trừ, vui thích tu tập. Như thế gọi là tác ý quan sát.

Từ đây, lại càng vui thích đoạn trừ vui thích, tu tập gấp bội, tu tập hai pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, quan sát thận trọng để tu tập đối trị. Thường xuyên quan sát chỗ đã đoạn trừ ở trước. Do nhân duyên này, nên từ nơi tất cả phiền não thuộc Dục giới, tâm được lìa trôi buộc. Ở đây do tạm thời theo phương tiện điều phục đoạn trừ, chẳng phải là vĩnh viễn loại bỏ các chủng tử một cách rốt ráo, nên bấy giờ, trước địa tĩnh lự thứ nhất, hành đạo gia hạnh rồi, đạt được sự đối trị rốt ráo tất cả phiền não, tác ý đã được sinh khởi. Đó gọi là tác ý gia hạnh cứu cánh.

Từ sự không gián đoạn này, do nhân duyên ấy nên chứng nhập định căn bản nơi tĩnh lự thứ nhất, tức định đó cùng hành với tác ý, gọi là tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh.

Lại, nơi lúc tác ý xa lìa, tác ý gồm thâm an lạc hiện chuyển, có thể làm cho thân thích thú đạt ly sinh hỷ lạc, vì nơi mọi thời gian chỉ hiện tiền ít ỏi. Lúc tác ý gia hạnh cứu cánh chuyển, tức hỷ lạc chuyển của hành giả lại tăng rộng, nơi mọi thời gian đã hiện tiền sâu đậm. Khi tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh chuyển biến, ly sinh hỷ lạc hiện bày khắp phần thân, không nơi chốn nào là không sung mãn, không có khoảng trống nhỏ.

Hành giả bấy giờ xa lìa các dục, xa lìa tất cả pháp ác bất thiện, ly sinh hỷ lạc có tâm có tứ. Nơi tĩnh lự thứ nhất, năm chi viên mãn,

an trụ đầy đủ, gọi là trụ nơi tu quả đối trị cõi dục, gọi là tùy chứng được lia dục của cõi dục.

Lại, tác ý biết rõ tướng, đối với chỗ nên đoạn trừ có thể nhận biết rõ, đúng, đối với chỗ nên chứng đắc có thể nhận biết rõ, đúng. Vì đoạn trừ nên đoạn trừ, vì chứng đắc nên chứng đắc, tâm sinh nguyện mong tác ý thắng giải, vì đoạn trừ, vì chứng đắc, tức phát khởi gia hạnh chính đáng. Tác ý xa lìa có thể xả bỏ các phiền não phẩm thượng hiện có. Tác ý gồm thân an lạc có thể xả bỏ các phiền não phẩm trung hiện có. Tác ý quan sát có thể lia tăng thượng mạn đã có, tâm được an trụ. Tác ý gia hạnh cứu cánh có thể xả bỏ các phiền não phẩm hạ hiện có. Tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh có thể lãnh nhận đúng các tác ý kia, để khéo tu tập quả.

Lại, tác ý biết rõ tướng, hoặc tác ý thắng giải, gọi chung là tác ý tùy thuận, cùng hiện hành với đối trị chán hoại.

Hoặc tác ý xa lìa, hoặc tác ý gia hạnh cứu cánh, gọi chung là tác ý đối trị, cùng hiện hành với đối trị đoạn trừ.

Hoặc tác ý gồm thân an lạc gọi là tác ý đối trị cùng tác ý thuận thanh tịnh. Hoặc tác ý quan sát gọi là tác ý thuận quan sát.

Như vậy, bốn thứ tác ý còn lại, nên biết là gồm vào trong sáu tác ý. Đó là tác ý tùy thuận, tác ý đối trị, tác ý thuận thanh tịnh, tác ý thuận quan sát.

Như nơi định của tĩnh lự thứ nhất có bảy thứ tác ý, định của tĩnh lự thứ hai, thứ ba, thứ tư, cùng định của xứ không vô biên, xứ thức vô biên, xứ vô sở hữu, xứ phi tưởng phi phi tưởng, nên biết đều có bảy thứ tác ý.

Nếu ở nơi địa tĩnh lự thứ nhất có tầm có tứ, nhận biết rõ về tướng thô, nơi địa tĩnh lự thứ hai không tầm không tứ, nhận biết rõ về tướng tinh, vì muốn chứng nhập nơi tĩnh lự thứ hai, nên biết đó gọi là tác ý biết rõ về tướng. Nghĩa là đã chứng nhập nơi định tĩnh lự thứ

nhất, đã đạt được tĩnh lự thứ nhất, nơi các tâm tứ quán là tánh thô, có thể nhận biết rõ đúng. Hoặc tại địa định, nơi duyên đầu tiên đột nhiên mà khởi, chớ chuyên vào cảnh của hành, ý thô nói là tánh, thì đó gọi là tâm. Tức nơi duyên kia, tùy theo đấy mà khởi, mà hành, từ từ trải qua cảnh của hành, ý tế nói là tánh, đó gọi là tứ.

Lại, nhận biết rõ đúng về tâm tứ như vậy là pháp tánh của tâm, tâm sinh thì sinh, cùng có tương ưng, đồng một duyên chuyên.

Lại, nhận biết rõ đúng về tất cả thuộc về quá khứ hiện tại vị lai như vậy, là từ nhân mà sinh, từ duyên mà sinh. Hoặc tăng hoặc giảm, an trụ không lâu, tạm thời mà có, đột nhiên hiện tiền, khiến tâm nhiễu loạn, khiến tâm tán động, hành chuyển không tĩnh. Lúc cần đạt địa trên, hoặc trụ nơi sự theo đuổi. Do đó đều thuộc về phẩm đen, theo đuổi các dục. Phần ít thắng lợi của ly sinh hỷ lạc, theo tự tánh của địa hiện có, hay khiến có tướng như thế. Nơi thời gian thường có, nơi thời gian hằng hữu, đối tượng duyên của tâm hành có tâm có tứ, luôn nhiễu loạn mà chuyển, không được tịch tĩnh. Do vô số các hành tướng như vậy, nên nơi các tâm tứ nhận biết rõ về tướng thô.

Lại, nhận biết rõ, đúng về tĩnh lự thứ hai không tâm không tứ, như vậy tất cả chỗ nói về tướng thô đều không thật có. Vì thế nêu rõ, tĩnh lự thứ hai có tướng tĩnh, các tướng thô kia đều xa lìa. Do muốn chứng nhập tĩnh lự thứ hai, các tác ý còn lại, theo chỗ ứng hợp, như trước nên biết. Như thế cho đến vì muốn chứng nhập định xứ phi tướng phi phi tướng, ở trong từng địa, theo chỗ ứng hợp, nên biết đều có bảy thứ tác ý.

Lại, tướng thô kia, hiện bày khắp, hết thảy địa dưới đều có. Dưới là từ cõi dục, lần lượt lên trên đến xứ vô sở hữu, nên biết tướng thô lược có hai loại: Nghĩa là các địa dưới, trụ nơi khổ tăng thượng, so với địa trên là chỗ trụ không tịch tĩnh, cùng các thứ thọ lượng, thời phần ngắn ngủi, so với địa trên tức thọ lượng chuyển giảm thiểu.

Hai tướng thô này do sáu sự trước, như chỗ ứng hợp, nên tâm tư chính đáng. Tùy theo các địa kia mà lúc vui thích lia dục, như chỗ ứng hợp, đối với thứ lớp nơi địa trên, tâm tư về tướng tĩnh, dần dần cho đến chứng đắc tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh.

Lại nữa, ở đây nói lia dục: Dục có hai thứ: (1) Dục của phiền não. (2) Dục của sự.

Lìa có hai loại: (1) Lìa tương ưng. (2) Lìa cảnh giới.

Lìa pháp ác bất thiện: Là nhân nơi dục của phiền não, sinh khởi vô số pháp ác bất thiện, tức là thân hành ác, ngữ hành ác v.v... Cầm gậy cầm đao, tranh chấp, kiện tụng. Dua nịnh, dối gạt, trá ngụy, dấy khởi vọng ngữ v.v... Do đoạn trừ chúng, nên gọi là lìa pháp ác bất thiện.

Có tầm có tứ: Do đối với tầm tứ chưa thấy lỗi lầm, tự địa vẫn có các tầm tứ thiện đối trị nơi cõi dục. Do đó gọi là tầm có tứ.

Chỗ nói về lia: Tức đạt được tác ý gia hạnh cứu cánh.

Nói là sinh: Tức do đầy làm nhân, do đầy làm duyên, sinh khởi không gián đoạn, nên gọi là sinh.

Gọi là hỷ lạc: Tức đã đạt được nghĩa của chỗ mong cầu, cùng ở trong hỷ, chưa thấy lỗi lầm. Hết thảy thô trọng đã được dứt trừ, và đã đạt được khinh an rộng lớn, thân tâm thư thái, có thể nhận lãnh, gánh vác, nên gọi là hỷ lạc.

Gọi là đầu: Tức từ đầu tiên là cõi dục tiến lên trên, mới đầu đạt được chỗ dựa thuận theo số thứ lớp, nên gọi là đầu.

Nói tĩnh lự: Nơi một đối tượng duyên, buộc niệm tịch tĩnh, chính thức xét kỹ, tư lự, nên gọi là tĩnh lự.

Nói đầy đủ: Là đã đạt được tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh.

Nói an trụ: Là nơi thời gian sau, do chỗ tu tập phần nhiều đều thành tựu đầy đủ, nên đạt được tùy chỗ an lạc, đạt được không khó

khăn, đạt được không trở ngại. Nơi định tĩnh lự, tâm ấy ngày đêm tùy thuận đúng đắn, hướng tới, nhập vào theo chỗ mong muốn, vui thích, cho đến bảy ngày bảy đêm, có thể an trụ đúng đắn, nên gọi là an trụ.

Lại nữa, nơi tướng của Tam-ma-địa có tầm có tứ, tâm có thể dứt bỏ. Nơi tướng của Tam-ma-địa không tầm không tứ, buộc niệm an trụ. Nơi các cảnh giới được hành trì vội vàng, có thể chính thức xa lìa. Đối với cảnh giới được hành trì thuận hợp tức có thể an trụ. Tâm ấy một vị, tịch tĩnh, hết sức tịch tĩnh mà chuyển. Vì thế gọi là tầm tứ tịch tĩnh, nên bên trong cùng tịnh.

Lại, hành giả ở trong Tam-ma-địa không tầm không tứ, tu tập thông suốt, nên vượt quá phần vị tầm tứ có gián đoạn, thiếu sót, có thể chính thức đạt được phần vị không gián đoạn, thiếu sót. Do đó gọi là tâm một cõi.

Không tầm không tứ: Là tất cả tầm tứ đều dứt bỏ.

Gọi là định: Nghĩa là đã đạt được tác ý gia hạnh cứu cánh.

Gọi là sinh: Tức do đầy làm nhân, do đầy làm duyên, sinh khởi không gián đoạn, nên gọi là định sinh.

Nói hỷ lạc: Tức đã đạt được nghĩa của chỗ mong cầu, lại ở trong hỷ chưa thấy lỗi lầm, có vui có hỷ. Tất cả tầm tứ nơi địa tĩnh lự thứ nhất, các thứ thô trọng hiện có của phẩm phiền não, đều được xa lìa, nên khinh an lớn rộng có thể đối trị chúng. Thân tâm điều thuận, có thể nhận lãnh, là chỗ theo đuổi của lạc, nên gọi là có hỷ lạc. Dựa thuận nơi số thứ lớp, đây là tĩnh lự thứ hai. Như vậy là tất cả như trước đã nêu, nên biết.

Lại nữa, hành giả ở nơi tướng hỷ, thấy rõ về lỗi lầm, do đó nói: Nơi hỷ lìa dục. Lại, bấy giờ xa lìa hai thứ tai hại của tâm loạn, có thể nơi tĩnh lự thứ ba lìa hỷ, thâm giữ nơi tâm. Tĩnh lự thứ hai đã lìa

tâm tứ, nay ở đây lại lìa hỷ, vì thế gọi là an trụ nơi xả. Như vậy là hai pháp có thể gây nhiễu loạn, chướng ngại cho tâm đều đã xả bỏ không gián đoạn. Trong tĩnh lự thứ nhất có tâm tứ nên khiến cho việc xả bỏ không gián đoạn chuyển không được tự tại. Tĩnh lự thứ hai do có hỷ nên khiến cho việc xả bỏ không gián đoạn cũng chuyển biến không được tự tại. Vì theo ở đây xả bỏ hai thứ nơi hai tĩnh lự một, hai, nên gọi là không có. Do nhân duyên này nên người tu tập tĩnh lự, nơi tĩnh lự ba mới gọi là có xả. Do có xả, nên như như an trụ nơi chánh niệm hiện có. Như vậy như vậy, hành giả khéo cùng hiện hành với tướng và tác ý không hiện hành nữa. Nếu lại đối với tĩnh lự thứ ba này không khéo tu tập, hoặc lúc mất niệm, thì hỷ kia cùng hành với tướng và khi tác ý lại hiện hành. Tâm tức mau chóng dùng tuệ thông đạt, có thể nhận biết rõ, đúng, theo chỗ sinh khởi có thể không nhận, chịu, mà tạo phương tiện để loại bỏ, dứt trừ hẳn, tâm trụ nơi xả nêu trên, do đó nói chánh niệm, chánh tri.

Hành giả bấy giờ, trụ nơi xả như vậy, chánh niệm chánh tri luôn gần gũi tu tập, tu tập nhiều, nên khiến tâm hoan hỷ phần khích, cùng hành với hỷ, thọ liền được dứt trừ. Lìa hỷ đạt tịch tĩnh, tịch tĩnh tột cùng, cùng với hỷ trái ngược, tâm thọ sinh khởi. Bấy giờ hành giả, nơi sắc thân, ý thân, lãnh nhận thọ lạc, cùng lạc của khinh an. Vì vậy nói là có thân thọ lạc.

Các địa từ tĩnh lự thứ ba trở xuống không có lạc cùng xả không gián đoạn như vậy. Các địa từ tĩnh lự thứ ba trở nên, xả không gián đoạn ấy tuy lại có thể đạt được, nhưng không có lạc. Các địa dưới, lạc, xả đều không có. Địa trên có xả nhưng không có lạc, do đây nói là: Nơi xứ ấy, đó là tĩnh lự thứ ba.

Các Thánh tuyên thuyết: Đó là dựa theo sự an trụ nơi Bỏ-đặc-già-la đã có được ấy, nên có đầy đủ xả, niệm và chánh tri, trụ thân thọ lạc, an trụ trọn vẹn nơi tĩnh lự thứ ba.

Nói các Thánh: Là Phật, Thế Tôn và đệ tử Phật.

Lại nữa, ở đây chúng loại đối trị với cách diễn đạt tương tự, nên lược không nêu bày về vui thích đối trị đoạn trừ, chỉ nói đối trị sinh khởi vui thích đoạn trừ.

Những gì gọi là đối trị ở đây? Đó là xả, niệm cùng chánh tri. Do đối với chúng luôn tu tập, nên có thể dứt bỏ khiến không xuất ly nơi tĩnh lự thứ ba, tức trong định của tĩnh lự này có lạc thù thắng, vì vậy nói là do vui thích đoạn trừ.

Tu tĩnh lự: Tức nơi bấy giờ mọi khổ vui hiện có đều được vượt qua. Do nhân duyên này, nên hoặc chỗ đoạn trước, hoặc chỗ đoạn hiện nay tập hợp chung, nói là vui đoạn, khổ đoạn. Trước là hỷ, ưu dứt mất, nghĩa là lúc nhập nơi định tĩnh lự thứ tư, thì lạc thọ đoạn. Lúc nhập nơi định tĩnh lự thứ hai thì khổ thọ đoạn. Khi nhập nơi định tĩnh lự thứ ba thì hỷ thọ dứt mất. Khi nhập nơi định tĩnh lự thứ nhất thì ưu thọ diệt.

Nay, ở trong ấy, lại căn cứ nơi hai thọ khổ, lạc để đoạn, nên nói có chỗ khác, chẳng phải là khổ lạc thọ. Vì vậy nói là, hành giả bấy giờ không khổ không lạc. Từ tĩnh lự thứ nhất, hết thấy tai họa của địa dưới đều đã đoạn trừ. Nghĩa là tâm tứ, hỷ lạc, hơi thở vào hơi thở ra. Do hành giả đã đoạn trừ, nên ở đây, xả, niệm đều thanh tịnh, sạch trắng. Vì nhân duyên này, nên lúc chính thức nhập nơi định tĩnh lự thứ tư, tâm trụ không động. Mọi thứ động loạn thấy đều xa lìa. Thế nên gọi là xả, niệm thanh tịnh. Nói về tĩnh lự thứ tư, như đã nói ở trước về tĩnh lự thứ nhất, nên biết về tướng là như thế.

Lại nữa, do nơi hư không khởi thắng giải, nên các sắc xanh vàng đỏ trắng v.v... hiện có, tương ưng với tướng hiển sắc. Do không hiển hiện nên cùng chán lìa dục, đều có thể vượt khỏi. Vì vậy nói là vượt quá sắc tướng. Do tướng kia vượt khỏi (không hiển hiện) dùng làm nhân, nên vô số các thứ phẩm loại hiện có, nhân nơi các hiển sắc hòa hợp tích tập, các tướng có chướng ngại đều được trừ diệt. Vì thế nói là tướng có đối được diệt mất. Vì xa lìa tướng kia, dùng làm

nhân, nên ở nơi tướng sai biệt trong vô số nhóm hiện có, đều chuyên. Nghĩa là các tướng về ăn uống, y phục, bình, xe cộ, vật dụng trang sức, thành ấp, nhà cửa, quân binh, vườn tược, núi rừng v.v..., đối với tất cả ấy, không tác ý chuyên. Do vậy nói là không tác ý tướng về vô số. Trừ bỏ vô số tướng về có sắc có đối như vậy rồi, khởi thắng giải về hư không với tướng vô biên, vì thế gọi là nhập không vô biên do đã vượt quá phần gần nơi tác ý gia hạnh cứu cánh, nhập nơi định của tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh căn bản trên, do đó là xứ không vô biên, an trụ đầy đủ. Nên biết, trong ấy dựa nơi phần gần, cho đến lúc chưa nhập định căn bản trên, là chỉ duyên nơi hư không. Nếu đã được nhập định căn bản trên, cũng duyên nơi hư không, cũng duyên nơi các uẩn hiện có của tự địa. Lại trong phần gần, cũng duyên nơi các uẩn hiện có của địa dưới.

Lại nữa, hoặc do thức ấy, đối với không vô biên phát khởi thắng giải, nên biết thức này tương ưng với thắng giải về tướng vô biên không. Nếu có muốn nhập nơi xứ thức vô biên, trước hết là xả bỏ tướng về xứ hư không vô biên, tức nơi thức ấy, tiếp theo là khởi thắng giải về hành tướng vô biên.

Bấy giờ, đã vượt quá phần gần căn bản nơi xứ không vô biên, thế nên nói là vượt qua tất cả xứ không vô biên, nhập nơi thức vô biên.

Do hành giả đã vượt qua phần gần hiện có của xứ thức vô biên, cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh, nhập nơi định căn bản của tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh nêu trên, do vậy gọi là xứ thức vô biên, an trụ đầy đủ.

Lại nữa, từ xứ thức vô biên, lúc cầu tiến lên, lia ngoài thức ấy lại cần cảnh giới khác đều không đạt được. Tức là các thứ hiện có, hoặc sắc phi sắc tương ưng với tánh cảnh. Lúc hành giả cầu cảnh giới không đạt được, liền vượt quá phần gần cùng do phần căn bản nơi xứ thức vô biên, phát khởi thắng giải đều không có cảnh khác. Đây tức

gọi là thắng giải về vô sở hữu tướng giả. Tức nơi thắng giải về tướng giả như thế, tu tập nhiều, nên có thể vượt qua tất cả phần gần, cho đến tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh thuộc xứ vô sở hữu, nhập nơi định căn bản nơi tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh. Vì vậy gọi là vượt qua tất cả xứ thức vô biên nhập xứ vô thiếu sở hữu, vô sở hữu, an trụ đầy đủ.

Lại nữa, từ xứ vô sở hữu, lúc cầu tiến lên, do nơi xứ vô sở hữu tướng khởi tướng thô, nên có thể dứt bỏ tướng về xứ vô sở hữu. Vì nhân duyên này, nên trước hết, lúc nhập định xứ vô sở hữu vượt qua tất cả tướng về “Hữu sở hữu”, nay lại vượt qua tướng về “Vô sở hữu”, thế nên gọi là tướng phi hữu. Nghĩa là hoặc tướng hữu sở hữu, hoặc tướng vô sở hữu. Tướng phi vô, tức là tướng phi như vô, cùng định diệt tận, với tất cả các tướng thấy đều diệt hết, chỉ có tướng vi tế, duyên nơi cảnh vô tướng, chuyên, do đó gọi là phi tướng phi phi tướng. Tức nơi xứ này, lúc khởi thắng giải, đã vượt qua tất cả phần gần, căn bản nơi xứ vô sở hữu, cùng phần gần của xứ phi tướng phi phi tướng, cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh, nhập nơi định thuộc tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh căn bản kia, vì thế gọi là vượt qua tất cả xứ vô sở hữu, nơi xứ phi tướng phi phi tướng an trụ đầy đủ.

Lại nữa, ở đây, lúc nhập định tĩnh lự, tướng trạng của thân như ở trong thất. Lúc nhập định Vô sắc, tướng trạng của thân như ở nơi hư không. Nên biết trong ấy, do Xa-ma-tha cùng an trụ nơi xả nêu trên, siêng tu gia hạnh.

Lại nữa, dựa nơi tĩnh lự, nên biết có thể nhập vào hai định không tâm: (1) Định vô tướng. (2) Định diệt tận.

Định vô tướng: Chỉ các dị sinh (phàm phu), do dứt bỏ tướng tác ý phương tiện, nên có thể nhập.

Định diệt tận: Chỉ các bậc Thánh, do dùng dứt tướng thọ, tác ý phương tiện, nên có thể nhập.

Hai định như vậy, do hai tác ý phương tiện nên có thể nhập. Nghĩa là nơi định vô tướng, do từ bỏ tướng, tác ý là đứng đầu, siêng tu gia hạnh, dần dần có thể nhập.

Nếu là định diệt tận: Do từ xứ phi tướng phi phi tướng, muốn cầu tiến lên, tạm thời dừng dứt về đối tượng duyên, tác ý được xem là đứng đầu, siêng tu gia hạnh, dần dần có thể nhập. Nếu các dị sinh khởi niệm như vậy: Các tướng như bệnh, các tướng như ung nhọt, các tướng như mũi tên, chỉ có vô tướng tịch tĩnh, thân nhận vi diệu. Tác ý loại bỏ tướng như vậy, ở trong tất cả chỗ sinh khởi tướng, siêng năng tinh tấn tu tập tác ý không niệm. Do sự tu tập ấy làm nhân duyên, nên trong đạo gia hạnh là có vị tâm, nhập định không gián đoạn, tâm không chuyển nữa. Tác ý xuất ly tướng như thế, vì trước đã lìa tham nơi cõi Biến tịnh, chưa lìa tham nơi cõi Quảng quả, các tâm, tâm pháp diệt. Đó gọi là định vô tướng. Do phương tiện ấy nên chứng đắc định này.

Nếu các Thánh giả đã chứng đắc xứ phi tướng phi phi tướng, lại muốn trụ tạm thời, trụ nơi tịch tĩnh. Từ nơi xứ tướng phi hữu, phi vô, tâm cầu tiến lên. Lúc tâm tiến lên cầu cảnh của đối tượng duyên ở trên không đạt được, vì không chỗ đạt được nên diệt mà không chuyển. Như vậy, bậc Hữu học đã lìa tham nơi xứ vô sở hữu. Hoặc bậc A-la-hán cầu tác ý về tướng tạm trụ, vì trước hết là các tâm, tâm pháp diệt. Đó gọi là định diệt tận. Do phương tiện ấy nên chứng đắc định này.

Lại nữa, nương dựa nơi tĩnh lự phát khởi năm thông.

Thế nào là có thể phát khởi? Nghĩa là người tu tĩnh lự đã đạt được tĩnh lự thanh tịnh căn bản, tức do tĩnh lự thanh tịnh như vậy làm chỗ nương dựa, đối với chánh pháp tăng thượng của năm thông, lắng nghe, thọ trì, khiến khéo đạt cứu cánh. Đó là, nơi Thần cảnh thông, Túc trụ thông, Thiên nhĩ thông, Sinh tử trí thông, Tâm sai biệt thông,

tác ý tư duy. Lại do định địa sinh khởi tác ý nhận biết rõ về nghĩa, nhận biết rõ về pháp. Do nhận biết rõ về nghĩa, về pháp, nên như vậy như vậy tu trị nơi tâm. Do tu tập, tu tập nhiều ấy, nên có thời có phần phát sinh năm thần thông của quả tu.

Lại, nhận biết rõ về nghĩa, nhận biết rõ về pháp như vậy, vì muốn dẫn phát các thần thông, nên tu mười hai tướng. Đó là:

- (1) Tướng cử động nhẹ nhàng.
- (2) Tướng mềm mại.
- (3) Tướng không giới
- (4) Tướng thân tâm thuận hợp.
- (5) Tướng thắng giải.
- (6) Tướng về chỗ thọ nhận hành từ trước, thứ lớp theo niệm.
- (7) Tướng về âm thanh tập hợp vô số phẩm loại.
- (8) Tướng về sắc tướng của ánh sáng.
- (9) Tướng về sắc biến dị do phiền não tạo.
- (10) Tướng giải thoát.
- (11) Tướng thắng xứ.
- (12) Tướng biến xứ.

Tướng cử động nhẹ nhàng: Nghĩa là do tướng này, nên đối với thân phát khởi thắng giải về cử động nhẹ nhàng. Như bông Đổ la hoặc như sợi tơ, hoặc tờ như phong luân. Phát khởi thắng giải về sự nhẹ nhàng như vậy rồi, do tác ý thắng giải, nên đối với các xứ kia thân nhẹ nhàng chuyển. Đó là từ trên giường chuyển nhẹ tới trên ghế. Lại từ trên ghế chuyển nhẹ đến trên giường. Như vậy, từ nơi giường chuyển nhẹ tới tòa ngồi bằng cỏ. Lại từ tòa ngồi này chuyển nhẹ tới nơi giường.

Tướng mềm mại: Tức do tướng này, nên đối với thân phát khởi thắng giải về sự mềm mại. Hoặc như túi bông, hoặc như khối lông

mịn, hoặc như lụa nỡn. Tường mềm mại này nuôi lớn, thâm nhận tường cử động nhẹ nhàng trước. Lúc thâm nhận đã khiến cho tường cử động nhẹ nhàng kia tăng trưởng rộng lớn.

Tường không giới: Nghĩa là do tường này, nên trước đối với tự thân phát khởi hai thứ thắng giải cử động nhẹ nhàng và thắng giải mềm mại rồi, tùy chỗ muốn đi đến, nếu nơi khoảng giữa có các sắc tụ có thể gây chướng ngại, bấy giờ liền khởi tác ý thắng giải, đối với sắc kia tạo thắng giải về không, nên có thể đi đến không còn ngăn ngại.

Tường thân tâm thuận hợp: Đó là do tường này, nên khiến cho tâm phù hợp nơi thân, hoặc do thân thuận hợp nơi tâm. Vì thế khiến thân chuyển chuyển, càng cử động nhẹ nhàng, càng trở nên mềm mại, càng có thể thọ nhận, càng thêm trong sáng. Tùy thuận nơi tâm, gắn liền nơi tâm, nương dựa nơi tâm mà chuyển.

Tường thắng giải: Tức do tường này nên làm xa hiểu gần, làm gần hiểu xa, tạo thô hiểu tế, tạo tế hiểu thô, tạo địa hiểu hỏa, tạo hỏa hiểu địa... Như thế, nơi mỗi mỗi đại chủng sai biệt, lần lượt cùng tạo tác rộng như thắng giải về biến hóa tạo tác, hoặc sắc biến hóa, hoặc thanh biến hóa.

Do năm tường này, tu tập thành tựu đầy đủ, nên thọ nhận vô số Thần cảnh thông vi diệu. Hoặc từ một thân thị hiện nhiều thân, là do tường thắng giải hóa hiện. Hoặc từ nhiều thân thị hiện một thân là do tường thắng giải hóa ẩn. Hoặc do thân này vượt qua các loại tường vách, bờ thành không bị ngăn ngại. Hoặc ở nơi đất ẩn hiện như trong nước. Hoặc ở nơi nước, ngăn dòng chảy, đi qua lại trên ấy như nơi đất. Hoặc như chim bay, thân ngồi kiết già, rồi bay vút lên hư không... Nên biết vô số thần biến như vậy đều do tường thắng giải thâm nhận từ bốn tường cử động nhẹ nhàng, mềm mại, không giới, thân tâm thuận hợp. Theo chỗ ứng hợp tất cả đều có thể tạo tác.

Tường về chỗ thọ nhận từ trước, thứ lớp theo niệm: Nghĩa là do tường này, nên từ phần vị đồng tử dẫn đến hôm nay, theo sự nhớ

nghe chuyên biến tự tại, vô ngại. Theo mỗi mỗi phần vị kia, hoặc đi hoặc đứng, hoặc ngồi hoặc nằm, nói rộng là tất cả chỗ hành thọ nhận từ trước, tùy sự thô, hẹp, thứ lớp không vượt nẻo nhớ nghĩ, nhận biết rõ. Đối với pháp ấy tu tập, tu tập nhiều nên chứng đắc quả tu: Nơi vô lượng thứ loại đã trụ của đời trước, nói rộng cho đến mọi hành tướng vốn có, mọi ngôn thuyết vốn có, đều có thể theo niệm, nhận biết rõ.

Tướng về âm thanh tập hợp vô số phẩm loại: Đó là do tướng này, nên hiện bày khắp nơi các xóm làng thôn ấp kia, hoặc là chúng Trưởng giả, hoặc là chúng Ấp nghĩa, hoặc là các đại chúng khác, hoặc ở chốn rộng lớn, hoặc ở nơi gia đình, các chúng tập hội với vô số phẩm loại phát ra vô số âm thanh đủ loại xen lẫn gọi là âm thanh huyền ảo. Hoặc nơi sông lớn với âm thanh của nước chảy xiết sóng vỗ liên hồi. Hành giả khéo giữ lấy các tướng ấy, do tác ý tu tập thành tựu nơi địa định, đối với âm thanh của các thiên, nhân, hoặc xa, hoặc gần, hoặc Thánh, chẳng phải Thánh, đều gắng sức lắng nghe, thâm nhận. Nơi các pháp ấy tu tập, tu tập nhiều, nên chứng đắc quả tu là Thiên nhĩ thanh tịnh. Do vậy nên có thể nghe được tất cả âm thanh hoặc xa hoặc gần nơi cõi người, cõi trời.

Tướng về sắc tướng của ánh sáng: Túc như trước đã nói về vô số các tướng ánh sáng, hết sức khéo léo giữ lấy rồi, tức ở nơi tướng ấy tác ý tư duy.

Lại, đối với vô số các loài hữu tình, với các nghiệp dụng sai biệt hoặc thiện hoặc bất thiện, khéo giữ lấy các tướng ấy, tức ở nơi các tướng này tác ý tư duy. Đó gọi là tướng về sắc tướng của ánh sáng. Đối với pháp ấy tu tập, tu tập nhiều, nên chứng đắc quả tu là Sinh tử trí thông.

Do thiên nhãn thông thanh tịnh ấy, nên thấy các hữu tình, nói rộng cho đến sau khi mạng chung, sinh đến cõi thiện nơi thế gian, hay cõi trời.

Tướng về sắc biến dị do phiền não tạo: Đó là do tướng này, nên đối với các phiền não, tùy phiền não vây buộc nơi tâm, khiến các loài hữu tình, với vô số sắc vị, sắc tướng bị biến dị, tất cả đều phân biệt, hiểu rõ.

Sắc loại như vậy là có tham dục: Có sắc tướng biến dị của sắc phần vị, nghĩa là các căn loạn động, các căn trạo cử, nói cười lẫn lộn.

Sắc loại như vậy là có sân hận: Có sắc tướng biến dị của sắc phần vị, nghĩa là mặt thường nhăn nhó, nói năng lấp bắp, lời nói luôn biến sắc.

Sắc loại như vậy là có ngu si: Có sắc tướng biến dị của sắc phần vị, nghĩa là phần nhiều đều tâm ngong, sự nghĩa đều tối tăm, lời lẽ chẳng biện rõ, ngôn ngữ đa phần là quê kệch. Do các hành tướng cùng loại như vậy, nói rộng cho đến trường hợp bị vây buộc do không có hổ thẹn, có sắc tướng biến dị của sắc phần vị, tất cả đều khéo giữ lấy tướng của chúng.

Lại, đối với các tướng ấy tác ý tư duy, rồi tu tập, tu tập nhiều nên phát sinh quả tu: Là trí tâm sai biệt. Do trí này nên đối với các hữu tình khác, theo chỗ tầm tư, theo chỗ xem xét về tâm ý thức đều nhận biết đúng như thật.

Ba tướng giải thoát, thắng xứ, biến xứ: Như địa Tam-ma-hý-đa ở trước, nên biết về tướng tu. Do đối với tướng này tu tập gần gũi, tu tập nhiều, tức có thể dẫn khởi các thần thông tối thắng của bậc Thánh. Hoặc là Biến sự thông, hoặc là Hóa sự thông, hoặc là Thắng giải thông, cùng có thể dẫn phát vô số công đức nơi bốn vô ngại giải của trí nguyện vô tránh, đó là Pháp vô ngại giải, Nghĩa vô ngại giải, Từ vô ngại giải và Biện vô ngại giải.

Lại, hai thần cảnh thông của Thánh, phi Thánh có sai biệt: Thần cảnh thông của bậc Thánh tùy theo sự được biến hiện, tùy theo sự được hóa hiện, tùy theo chỗ thắng giải, tất cả đều có thể thành tựu

viên mãn như thật, không có đôi khác, gồm đủ lực dụng hữu hiệu. Thân cảnh thông của phi Thánh thì không thể như vậy, cũng như huyền hóa chỉ có thể xem thấy, không thọ dụng được.

Nên biết mười hai thứ tướng như thế, do tu tập gần gũi, tu tập nhiều, theo chỗ ứng hợp, liền có thể dẫn phát năm thứ thần thông, cùng có thể dẫn phát các thứ “bất cộng” với hàng phàm phu, thuận hợp với công đức của các bậc Thánh.

Lại nữa, ở đây, đối với các phẩm thượng trung hạ của tĩnh lự thứ nhất khéo tu tập rồi, theo chỗ ứng hợp, sẽ được sinh trong chúng đồng phận của các cõi trời Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm.

Nơi các phẩm thượng trung hạ của tĩnh lự thứ hai khéo tu tập rồi, theo chỗ ứng hợp, sẽ được sinh trong chúng đồng phận của các cõi trời Thiếu quang, Vô lượng quang, Cực quang tịnh.

Nơi các phẩm thượng trung hạ của tĩnh lự thứ ba, khéo tu tập rồi, theo chỗ ứng hợp, sẽ được sinh nơi chúng đồng phận của các cõi trời Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh.

Nơi các phẩm thượng trung hạ của tĩnh lự thứ tư, khéo tu tập rồi, theo chỗ ứng hợp, sẽ được sinh vào chúng đồng phận của các cõi trời Vô vân, Phước sinh, Quảng quả.

Nếu là vị Bất hoàn, do tĩnh lự thứ tư vô lậu huân tu xen lẫn với tĩnh lự thứ tư hữu lậu, tức ở đây với các phẩm hạ, trung, thượng, phẩm thượng thắng, phẩm thượng cực, khéo tu tập rồi, theo chỗ ứng hợp, sẽ được sinh trong chúng đồng phận của cõi trời Ngũ Tịnh cư, tức là năm cõi trời Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến và Sắc cứu cánh.

Nếu đối với các phẩm hạ trung thượng của bốn xứ không, thức, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng, khéo tu tập rồi, sẽ được sinh trong chúng đồng phận nơi cõi trời tùy hành của bốn xứ ấy. Do chư Thiên này không có hình sắc, vì thế cũng không có xứ sở sai biệt, nhưng trụ xứ tạo tác có sai biệt.

Đối với định vô tướng, khéo tu tập rồi, sẽ được sinh trong chúng đồng phận của cõi trời Hữu tình vô tướng.

Lại nữa, ở đây, thế nào là nên biết về tướng của người lìa dục? Đó là người lìa dục, thân nghiệp an trụ, các căn không động, oai nghi tiến dừng không có vội vã, nơi một oai nghi có thể trải qua thời gian lâu, không có nhiều sợ hãi, trọn không luôn luôn thay đổi oai nghi, ngôn từ dịu dàng, tịch tĩnh, không ưa thích chốn đông đảo, huyền não, nói năng rõ ràng. Mắt thấy sắc, tuy biết rõ về sắc, nhưng không nhân thấy mà khởi tham sắc. Như vậy, tai nghe âm thanh rồi, mũi ngửi hương rồi, lưỡi nếm vị rồi, thân biết về xúc rồi, chỉ nhận biết rõ về âm thanh, cho đến xúc, nhưng không nhân thấy mà khởi tham âm thanh, cho đến tham xúc. Có thể đạt vô sở úy, tuệ giác sâu xa, kinh an lớn rộng, thân tâm ẩn mật, không có tham lam, không có giận phát, hay có sự gắng nhẫn. Không bị các thứ tầm tư xấu ác như tầm tư dục v.v... nhiều loạn nơi tâm.

Các loại như vậy, nên biết, gọi là tướng của người lìa dục.

HẾT - QUYỂN 33

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 34

Địa thứ 13: ĐỊA THANH VẤN (Phần Bản Địa)

Xứ Du Già thứ tư: Đoạn 2

Như vậy là đã biện giải về phần đi đến đạo thế gian. Nếu vui thích đi tới đạo xuất thế gian, cần phải nương dựa nơi cảnh của bốn Thánh đế, dần dần sinh khởi bảy thứ tác ý. Đó là, đầu tiên là tác ý biết rõ về tướng, sau cùng là tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh, cho đến chứng đắc quả A-la-hán, sư tu Du già, đối với giáo pháp tăng thượng đã lược nêu, biện giải rộng của bốn Thánh đế, lắng nghe, thọ trì. Hoặc nơi tác ý đã khéo tu tập. Hoặc đạt được tính lự căn bản, vô sắc. Do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của khổ đế, tức là hành vô thường, hành khổ, hành không, hành vô ngã. Do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của tập đế, là hành nhân, hành tập, hành khởi, hành duyên. Do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của diệt đế, đó là hành diệt, hành tĩnh, hành diệu, hành lìa. Do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của đạo đế, đó là hành đạo, hành như, hành hành, hành xuất. Như vậy gọi là tác ý biết rõ về tướng.

Do mười thứ hành quán xét về Khổ đế, có thể tùy thuận ngộ nhập nơi bốn hành của khổ đế. Những gì là mười? Đó là:

- (1) Hành biến dị.
- (2) Hành diệt hoại.

- (3) Hành biệt ly.
- (4) Hành pháp tánh.
- (5) Hành hội hợp.
- (6) Hành trối buộc.
- (7) Hành không đáng yêu thích.
- (8) Hành không an ổn.
- (9) Hành không đạt được.
- (10) Hành không tự tại.

Mười hành như vậy, dựa nơi đạo lý chứng thành, nên có thể quán xét đúng. Ở đây lại dựa vào lý của Chí giáo lượng. Như Đức Thế Tôn nói: Các hành vô thường.

Lại, các hành này lược có hai loại: (1) Hữu tình thế gian. (2) Khí thế gian.

Đức Thế Tôn đã dựa vào hữu tình thế gian ấy để thuyết giảng như vậy: Bí-sô nên biết! Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường để thấy rõ các hữu tình lúc tử lúc sinh, nói rộng cho đến sau khi mạng chung, sẽ sinh vào nẻo thiện nơi thế giới người, trời. Do pháp môn ấy ấy đã hiển bày Đức Thế Tôn, do thiên nhãn thanh tịnh nên hiện thấy tất cả hữu tình thế gian, tánh là vô thường.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Khí thế gian này an trụ trong thời gian dài, vượt quá thời kỳ ấy trở về sau, dần dần cho đến bảy vàng mặt trời xuất hiện – như nơi kinh Thất Nhật đã nói rộng – cho đến các ngọn núi, biển cả của đại địa hiện có, cùng núi chúa Đại bảo Tô-mê-lô, cho đến các khí thế giới của Phạm thế đều bị thiêu đốt. Hỏa tai diệt rồi, sau đây tro tàn không hiện, cho tới các hình ảnh còn lại cũng không thể có được. Do pháp môn này, nên Đức Thế Tôn đã hiển bày các khí thế gian tánh là vô thường.

Như vậy là lại dựa nơi lý của Chí giáo lượng (Thánh giáo lượng), người tu hành Quán, với lực tác ý tăng thượng của niềm tin thanh tịnh, nên đối với tánh của tất cả hành vô thường, đạt được quyết định. Đạt được quyết định rồi, tức do lực tác ý tăng thượng của niềm tin thanh tịnh như vậy, nên thường xuyên tầm tư quan sát, hiện thấy tánh của vô thường không chống trái, không do duyên khác.

Thế nào là thường xuyên tầm tư quan sát? Đó là trước hết an lập hai sự trong ngoài.

Nói sự bên trong: Tức là sáu xứ.

Nói sự bên ngoài: Tức có mười sáu thứ:

- (1) Sự của đất: Tức như thành ấp xóm làng, nhà cửa chợ búa v.v...
- (2) Sự của vườn: Nghĩa là cỏ thuốc, rừng rậm...
- (3) Sự của núi: Nghĩa là vô số núi hiện hữu sai biệt.
- (4) Sự của nước: Tức là các sông suối, ao hồ, đầm, rạch...
- (5) Sự tạo nghiệp.
- (6) Sự của kho tàng.
- (7) Sự ăn.
- (8) Sự uống.
- (9) Sự xe cộ.
- (10) Sự y phục.
- (11) Sự của vật dụng trang sức.
- (12) Sự ca múa vui vẻ.
- (13) Sự trang sức bằng hương xoa, hương xông.
- (14) Sự của vật dụng nuôi sống.
- (15) Sự của các thứ ánh sáng.
- (16) Sự của các nam nữ thừa hành.

Như vậy gọi là mười sáu thứ sự bên ngoài.

An lập các sự trong ngoài như vậy rồi, lại đối với các sự ấy hiện thấy lực tác ý tăng thượng, do hành biến dị, tầm tư quan sát về tánh vô thường. Ở đây, sự bên trong có mười lăm thứ tạo nên biến dị, cùng có tám thứ nhân duyên biến dị.

Thế nào là sự bên trong có mười lăm thứ tạo nên biến dị? Đó là:

- (1) Biến dị do phân vị tạo nên.
- (2) Biến dị do hiển sắc tạo nên.
- (3) Biến dị do hình sắc tạo nên.
- (4) Biến dị do hưng suy tạo nên.
- (5) Biến dị do các chi phần đầy đủ không đầy đủ tạo nên.
- (6) Biến dị do lao nhọc tạo nên.
- (7) Biến dị do sự tổn hại của kẻ khác tạo nên.
- (8) Biến dị do lạnh nóng tạo nên.
- (9) Biến dị do oai nghi tạo nên.
- (10) Biến dị do xúc đối tạo nên.
- (11) Biến dị do tạp nhiễm tạo nên.
- (12) Biến dị do bệnh tật tạo nên.
- (13) Biến dị do chết chóc tạo nên.
- (14) Biến dị do máu ú bầm xanh v.v... tạo nên.
- (15) Biến dị do tất cả diệt tận không hiện tạo nên.

Thế nào là tám thứ nhân duyên biến dị? Đó là:

- (1) Thời gian tích tập, nuôi trữ.
- (2) Do kẻ khác tổn hại.
- (3) Thọ dụng hao tổn.
- (4) Thời tiết biến đổi.

- (5) Bị lửa thiêu đốt.
- (6) Bị nước cuốn trôi.
- (7) Bị gió thổi bay.
- (8) Gặp phải duyên dị biệt.

Thời gian tích tập, nuôi trử: Nghĩa là các pháp có sắc, tuy ở nơi chốn tốt, được sắp đặt, gìn giữ, nhưng vì trải qua thời gian lâu, tự nhiên hư hoại về sắc, dẫn đến suy tổn, biến dị.

Do kẻ khác tổn hại: Tức vô số sắc pháp hoặc bị các kẻ khác đánh đập, phá phách, gây tổn hại, khiến vô số hình sắc biến dị.

Thọ dụng hao tổn: Tức đều riêng thuộc về chủ với vô số sắc vật, do sức tăng thượng của người thọ dụng nên tổn giảm, biến dị.

Thời tiết biến đổi: Tức như về mùa thu, đông: rừng rậm, cỏ thuốc, hoa lá, quả đều vàng úa, rơi rụng. Về mùa xuân, hạ: thì cành lá hoa trái xanh tươi, um tùm.

Bị lửa thiêu đốt: Nghĩa là lửa lớn cháy tràn, thiêu đốt làng xóm, thôn ấp v.v... chỉ còn là tro tàn.

Bị nước cuốn trôi: Nghĩa là nước lớn dâng khắp, khiến xóm làng, thôn ấp, thành nước, vương đô đều chìm ngập, cuốn trôi.

Bị gió thổi bay: Tức gió lớn thổi mạnh, thổi bay y phục, các thứ lúa mạ, hoa màu, rừng rậm xác xơ, khô héo.

Gặp phải duyên dị biệt: Nghĩa là duyên nơi xúc của lạc thọ, lúc thọ nhận lạc thọ thì gặp phải xúc của khổ thọ. Duyên nơi xúc của khổ thọ, lúc thọ nhận khổ thọ thì gặp phải xúc của lạc thọ. Duyên nơi xúc của không khổ không lạc thọ, khi thọ nhận không khổ không lạc thọ, thì gặp phải xúc của lạc thọ hoặc xúc của khổ thọ.

Lại, như kẻ có tham gặp phải sân, duyên nơi triền tham đã dứt bỏ, phát khởi triền sân. Như thế, kẻ có sân si gặp phải phiền

não khác, sinh duyên, nên biết cũng vậy. Như thế, nhãn thức đang hiện tiền, gặp phải cảnh của thanh, hương, vị, xúc. Cảnh khác, duyên khác, khởi phần thức khác, ngoài ra, tất cả như lý nên biết. Đó gọi là tám thứ nhân duyên biến dị.

Hết thấy các pháp có sắc, không sắc, hiện có biến dị, đều do tám thứ nhân duyên như vậy. Trừ trường hợp này thì lại không có gì hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

Thế nào là tâm tư về sự bên trong, biến dị do phần vị tạo nên, là tánh vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hoặc tự mình, hoặc nơi kẻ khác, từ phần vị niên thiếu cho đến phần vị già nua, các hành nối tiếp, trước sau sai biệt, cùng không tương tự. Thấy sự ấy rồi, liền khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì phần vị bên trong ấy, trước sau biến dị, hiện có thể đạt được.

Thế nào là tâm tư về sự bên trong, biến dị do hiển sắc tạo nên, là tánh vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, trước có sắc đẹp, da dẻ tươi mịn, sau thấy sắc xấu, da dẻ khô nhăn... Thấy sự ấy rồi liền khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì hiển sắc bên trong ấy, trước sau biến dị, hiện có thể đạt được.

Thế nào là tâm tư về sự bên trong, biến dị do hình sắc tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là như đã nói về hiển sắc. Như thế, hình sắc do mật ôm v.v... nên biết cũng vậy.

Thế nào là tâm tư về sự bên trong, biến dị do hưng suy tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, thời trước quyền thuộc, tài sản, địa vị, hoặc thấy thấy đều hưng thịnh. Sau thấy tất cả thấy đều suy tôn. Về sau, lại thấy hưng thịnh. Thấy sự ấy rồi, liền khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì hưng suy biến dị hiện có thể đạt được.

Thế nào là tâm tư về sự bên trong, biến dị do các chi phần tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là, do quán thấy hoặc tự hoặc tha, thời

trước các chi phần nơi thân tướng không có thiếu, giảm. Thời sau quán thấy các chi phần có thiếu, giảm. Hoặc do vua quan tạo nên. Hoặc do giặc tạo nên. Hoặc do người, phi nhân tạo nên. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy nghĩ: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do lao nhọc tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, thân tánh mệt mỏi, thân tánh cực nhọc, do đủ thứ hành tác tạo nên. Lại vào lúc khác thấy kẻ ấy xa lìa mọi sự mệt mỏi, cực nhọc. Thấy sự ấy rồi, liền khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do sự tổn hại của kẻ khác tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, do kẻ khác tổn hại khiến thân biến dị, hoặc do đao gậy, roi đòn, giáo mác hủy hoại. Hoặc do vô số ruồi muỗi, rắn rít, các thứ xúc ác độc gây tổn hại. Lại vào lúc khác, thấy không biến dị. Thấy sự ấy rồi liền dậy khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do lạnh nóng tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, vào thời đang lạnh lẽo, thân không thư thái, co ro run rẩy, bị cái lạnh cóng vây bức, mong gặp lúc ấm áp. Nơi thời đang nóng bức, thân thể như phơi bày, thân động lờn khô, mồ hôi nhễ nhại, nóng khát vây bức, mong gặp khi mát mẻ. Lại tới thời lạnh, lại thấy như trước. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do oai nghi tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, khi đi đứng ngồi nằm, tùy theo một oai nghi, hoặc lúc bị tổn hại, hoặc lúc

được lợi ích. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại như trước đã nói.

Thế nào là tầm tư về sự bên trong, biến dị do xúc đối tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do xúc đối thuận với xúc của lạc thọ, lãnh nhận lạc xúc, lúc duyên nơi chỗ sinh lạc, tự có thể phân biệt nhận rõ phần vị của lạc thọ, thì phân biệt nhận rõ phần vị của khổ thọ, phần vị của không khổ không lạc thọ, nên biết cũng vậy. Hành giả do phân biệt nhận biết các thọ trước sau biến dị như vậy, là tánh luôn thay đổi, chẳng phải là tánh như cũ, hoặc tăng hoặc giảm tạm thời mà có, đột nhiên hiện tiền, tức thì biến dị. Biết sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế là là quan sát về sự bên trong, biến dị do tạp nhiễm tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về chỗ sinh khởi ở trước, hoặc có tâm tham, hoặc lìa tâm tham, hoặc có tâm sân, hoặc lìa tâm sân, hoặc có tâm si, hoặc lìa tâm si. Lại có thể nhận biết rõ, tùy mỗi mỗi thứ tùy phiền não đã làm nhiễm ô tâm. Lại có thể nhận biết rõ, theo mỗi mỗi thứ tùy phiền não không làm nhiễm ô tâm. Lại có thể nhận biết rõ tâm ấy nối tiếp, do các phiền não và tùy phiền não, nơi phần vị trước sau hướng nhập tánh biến hoại không biến hoại. Thấy sự ấy rồi, liền khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì tâm do tạp nhiễm tạo nên biến dị hiện có thể thấy được.

Thế nào là quan sát về sự bên trong, biến dị do bệnh tật tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, hoặc tự hoặc tha, trước không bệnh tật, khỏe mạnh, an vui. Thời sau xem thấy, hoặc tự hoặc tha, gặp bệnh khổ nặng, xúc đối mãnh liệt, thân thọ các khổ, như trước đã nói rộng. Lại vào lúc khác, lại thấy không bệnh, khỏe mạnh, an vui. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự bên trong, biến dị do chết chóc gây nên, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy, hiện thời còn sống, an trụ, cố sức ứng phó. Lại vào lúc khác, xem thấy tử vong, chỉ còn thi hài, tâm thức vắng bật. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự bên trong, biến dị do máu ú bầm xanh v.v... tạo nên, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy, chết rồi thì thi hài, hoặc vào một lúc ở phần vị bầm xanh, hoặc vào một lúc ở phần vị máu mủ thối rữa, như vậy cho đến phần vị xương khô nát vụn. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự bên trong, biến dị do tất cả diệt tận không hiện tạo nên, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy, vào thời khác, thi hài kia với phần vị xương khô nát vụn ấy cũng lại không hiện, thấy đều hủy hoại, tan lìa khắp chốn, mắt không thể thấy. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì sắc tướng như thế là thường xuyên chuyển đổi, trước sau biến dị, hiện có thể biết được.

Như thế là lại dựa vào sức tác ý tăng thượng của việc hiện thấy, có mười lăm thứ hành quan sát về sự bên trong, với vô số biến dị, tánh là vô thường. Quan sát như vậy rồi, lại quan sát về mười sáu sự bên ngoài với vô số biến dị, tánh là vô thường.

Thế nào là quan sát về sự của đất, biến dị, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy nơi chốn của đất ấy, trước chưa tạo lập các thứ đền chùa, nhà cửa, chợ búa, tường thành v.v... Sau lại thấy mới tạo dựng, khéo xây, khéo trang hoàng. Lại vào thời gian khác, thấy chúng bị hư hoại, nứt đổ, bể sập, hoặc bị lửa thiêu đốt, hoặc bị nước cuốn trôi. Thấy sự ấy rồi liền khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Vì sao? Vì các sắc tướng như vậy, trước sau chuyển biến, hiện có thể thấy được.

Thế nào là quan sát về sự của vườn cây biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là trước quán thấy nơi các vườn cây, cỏ thuốc, rừng rậm, cành lá hoa quả thấy đều tươi tốt, um tùm, đủ màu đủ sắc, rất đáng yêu thích. Về sau, lại thấy cảnh vật ấy khô héo, hoa quả không có, cành lá rơi rụng, bị lửa đốt cháy, bị nước cuốn trôi. Thấy sự ấy rồi, liền dậy khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự của núi biến dị, tánh là vô thường? Đó là vào một thời gian, quán thấy núi kia cây cối sầm uất, đá cao lởm chởm. Lại vào một thời khác, thấy cây cối nơi núi kia khô héo tàn tạ, chỉ còn đá dựng, mọi chỗ rậm rạp cao thấp đã bị lửa đốt cháy sạch. Thấy sự ấy rồi, bèn khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự của nước biến dị, tánh là vô thường? Đó là, một thời trước thấy các dòng sông, suối, hồ ao, giếng v.v... nước dâng tràn ngập, chảy xiết, sóng vỗ. Một thời về sau, lại thấy chúng đều khô cạn. Thấy sự ấy rồi, liền dậy khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự tạo nghiệp biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là một thời về trước, thấy vô số các nghề nghiệp vụ lợi, chăn nuôi, làm nông, kỹ nghệ, chèo thuyền, chánh luận v.v... thấy các ngành nghề kia thấy đều suy tồn. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nêu.

Thế nào là quan sát về sự của kho tàng biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy vô số kho tàng, một thời thì chứa đầy, một thời thì trống rỗng. Thấy sự ấy rồi bèn dậy khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự ăn uống, biến dị, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy vô số sự ăn uống, một thời chưa xong xuôi, một thời đã xong xuôi. Một thời vào miệng được răng nhai nuốt thuận hợp. Một thời vào bụng dần dần tiêu hóa. Một thời biến thành phân dơ thải ra ngoài. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự xe cộ biến dị, tánh là vô thường? Đó là vào một thời, thấy các thứ xe cộ mới, đẹp, trang nghiêm, thật đáng yêu thích. Lại vào một thời khác, thấy chúng hư hoại, mọi vẻ đẹp đẽ hầu như không còn. Thấy sự ấy rồi liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự y phục biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là do quán thấy vô số y phục, một thời mới may, một thời đã cũ, hoại, một thời tươi đẹp, một thời cấu bẩn. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát các vật dụng trang sức biến dị, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy các vật dụng trang sức, một thời chưa thành, một thời đã thành. Một thời bền chắc, một thời bị hư hoại. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự ca múa vui vẻ hiện có biến dị, tánh là vô thường? Tức là do quán thấy sự ca múa, kỹ nhạc nơi hiện tại có vô số âm khúc lên xuống sai khác, có rồi liền mất. Thấy sự ấy rồi, liền khởi suy niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự trang điểm bằng hương xoa hương xông hiện có biến dị, tánh là vô thường? Đó là trước quán thấy vô số hương xoa tươi đẹp thơm ngát. Về sau, thấy chúng khô cạn, tàn tạ.

Thấy sự ấy rồi bèn dấy khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự các vật dụng nuôi sống biến dị, tánh là vô thường? Nghĩa là quán thấy chúng chưa tạo, đã tạo, thành tựu, hư hoại, trước sau biến dị. Thấy sự ấy rồi, liền dấy khởi niệm: Các hành như thế, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự ánh sáng biến dị, tánh là vô thường? Đó là do quán thấy vô số ánh sáng, bóng tối sinh diệt biến dị. Thấy sự ấy rồi, bèn dấy khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Thế nào là quan sát về sự các nam nữ thừa hành hiện có biến dị, tánh là vô thường? Đó là quán thấy các sự việc kia hoặc suy hoặc thịnh, bền trụ không lâu. Thấy sự ấy rồi bèn dấy khởi niệm: Các hành như vậy, tánh của chúng là vô thường. Phần còn lại, như trước đã nói.

Như vậy, hết thấy các hành của sự bên ngoài, sáu thứ trước là sự được thấu nhận, mười thứ sau là sự của vật dụng nuôi thân. Nói tóm lại, nên biết tánh của chúng đều là vô thường. Vì sao? Vì hình tướng chuyển biến hiện có thể thấy được. Do các sự việc như trước đã nêu, các hành biến dị hiện thấy với sức tác ý tăng thượng, đối với các sự trong ngoài, như chỗ ứng hợp của chúng, do hành biến dị quán xét tất cả là tánh vô thường. Vì nhân duyên ấy, nên đối với tánh vô thường của các thứ biến dị, hiện thấy không chống trái, không do duyên khác, không phải do kẻ khác dẫn dắt. Theo niệm quan sát, xét kỹ, quyết định. Tức do nhân duyên được nêu bày như thế, nên gọi là tác ý tăng thượng của việc hiện thấy.

Lại do sức tác ý tăng thượng của việc hiện thấy như vậy, nên quán xét về tánh vô thường của mọi biến dị rồi, các sắc hành kia tuy lại hiện thấy, nhưng nơi sát na sinh diệt, diệt hoại, vô thường, vì vi tế

nên hiện không đạt được. Dựa vào tác ý tăng thượng của sự hiện thấy nên chính thức tỷ độ (so sánh). Tỷ độ như thế nào? Đó là các hành kia chính là có sát na sinh diệt, thì sự diệt hoại mới có thể xảy ra, có trước sau biến dị, chẳng phải do trụ như vậy mà có biến dị được. Do đó các hành tất phải có sát na sinh diệt, do các duyên kia hòa hợp mà có, như vậy như vậy các hành được sinh, sinh rồi không chờ nhân duyên diệt hoại, mà tự nhiên diệt hoại. Như thế, nhân duyên biến dị hiện có, có thể khiến cho các hành chuyển biến sinh khởi. Đây là nhân duyên sinh khởi biến dị, chẳng phải là nhân duyên của các hành diệt hoại. Vì sao? Vì do các hành kia cùng với nhân duyên diệt hoại hiện thấy của thế gian, cùng diệt hoại rồi, sau không sinh khởi tương tự, có thể đạt được. Chẳng phải tất cả các hành kia hoàn toàn không sinh khởi. Hoặc có các hành đã diệt hoại rồi, tất cả sự sinh khởi hoàn toàn không thể đạt được. Như đun nước, sau cùng tất cả thủy đều tiêu tận. Hỏa tai thiêu đốt khí thế gian rồi, đều không còn tro tàn, cho đến các hình ảnh còn lại cũng không thể có được. Nhân duyên kia cũng vậy. Càng về sau lần lượt giảm dần đến hết. Sau cùng, tất cả đều không còn gì. Không do lửa kia tạo sự việc như vậy. Vì thế, biến dị là do tám thứ nhân duyên đã nói ở trước, khiến chuyển biến sinh khởi, tự nhiên diệt hoại. Như vậy, lực tác ý của Tỷ độ, do hành diệt hoại, nên đối với sát na sinh diệt, diệt hoại vô thường của các hành kia mà đạt được quyết định.

Nơi sự như thế đạt được quyết định rồi, lại đối với đời khác, các hành sinh khởi không phải là chỗ hiện thấy, nên chính thức tỷ độ. Tỷ độ như thế nào? Đó là các hữu tình hiện có vô số sai biệt có thể thấy được, hoặc hình sắc tốt hoặc hình sắc xấu, hoặc tộc họ trên, hoặc tộc họ dưới, hoặc tộc họ giàu, hoặc tộc họ nghèo, hoặc là tông môn lớn, hoặc là tông môn nhỏ. Hoặc thọ mạng dài, hoặc thọ mạng ngắn. Ngôn ngữ hoặc có uy tín hoặc không có uy tín. Hoặc tánh là lợi căn, hoặc tánh là độn căn. Tất cả hữu tình sai biệt như vậy, nhất

định là do sự tạo nghiệp có sai biệt, mới có thể thành lập, chẳng phải là không tạo nghiệp. Sắc loại sai biệt của hữu tình như vậy, nhất định là do chỗ tạo nghiệp thiện bất thiện của đời trước, với vô số phẩm loại tăng trưởng. Do nhân duyên kia, nên đối với sự sinh khởi sai biệt của tự thể nơi hiện tại, không nên cho là Tự tại biến hóa làm nhân. Vì sao? Vì nếu nói Tự tại biến hóa làm nhân sinh ra các hành, thì các hành được sinh ấy là chỉ dùng vị Tự tại kia làm duyên, hay là đợi các duyên khác, như vậy Tự tại mới có thể biến hóa. Nếu chỉ dùng vị Tự tại kia làm duyên, tức là các hành cùng với vị Tự tại kia phải cùng là vốn có, đâu cần lại sinh. Nếu nói trước có thể tánh tự tại, sau đó các hành sinh, tức là các hành không chỉ dùng vị Tự tại kia làm duyên sinh khởi. Nếu nói vị Tự tại kia theo chỗ mong muốn của mình, dụng công cầu nguyện mới có thể tạo tác, biến hóa, vì thế cũng dùng sự mong muốn làm nhân duyên, chẳng phải chỉ là tự tại. Nếu vậy, thì sự mong muốn ấy là có nhân chăng, là không nhân chăng? Nếu nói có nhân, tức dùng vị Tự tại để làm nhân, đây tức đồng với sai lầm đã nêu ở trước, không hợp với đạo lý. Nếu cho sự mong muốn ấy lại có nhân khác, tức là như muốn dụng công cầu mong lia ngoài tự tại, có pháp khác làm nhân. Như thế, tất cả các hành cũng nên đều dùng các pháp khác làm nhân, đâu cần vọng cho là không dùng tự tại. Do lực tác ý tăng thượng của những tỷ độ như vậy, nên đối với các hành sinh khởi của đời khác đã đạt được quyết định. Như thế, lược do ba thứ lực tác ý tăng thượng, nên tầm tư quan sát về các hành trong ngoài, tánh là vô thường. Đó là lực tác ý tăng thượng của sự tin tưởng thanh tịnh, lực tác ý tăng thượng của sự hiện thấy, lực tác ý tăng thượng của sự tỷ độ, nên đối với chỗ đã nêu ở trước, có thể tùy thuận tu năm hành vô thường rồi, biện giải về hai hành biến dị, diệt hoại.

Thế nào là lại do hành biệt ly, nên quán về tánh vô thường? Đó là dựa vào hai sự biệt ly trong ngoài, nên biết các hành là tánh vô thường.

Dựa vào tánh biệt ly vô thường bên trong: Đó là như có một hữu tình trước là chủ kẻ khác, chẳng phải là nô bộc, chẳng phải là kẻ sai bảo, nên có thể tự thọ dụng, có thể sai bảo kẻ khác làm các sự việc. Về sau, người ấy thoái thất tánh chủ, không phải là tánh nô bộc bị sai khiến, nhưng có thể chuyển thành tánh nô bộc, bị sai khiến do kẻ khác. Đối với tánh chủ, được gọi là tánh biệt ly, vô thường.

Dựa vào tánh biệt ly vô thường bên ngoài: Đó là hữu tình kia hiện tiền có của cải, vật dụng, châu báu, trước chưa biến dịch, chưa là biệt ly, vô thường, diệt hoại. Thời sau, bị vua quan, giặc trộm không yêu thích và chung của cải v.v... cướp đoạt. Hoặc do phần gia hạnh của tạo ác hoại mất. Hoặc tạo phương tiện cần tìm nhưng không thể đạt được. Các loại như vậy, nên biết, đó gọi là do hành biệt ly nên quán về tánh vô thường.

Thế nào là lại do hành pháp tánh, nên quán về tánh vô thường? Đó là, tức hiện có biến dịch vô thường, diệt hoại vô thường, biệt ly vô thường, nên đối với đời hiện tại vẫn chưa hội hợp, nơi đời vị lai sẽ có pháp tánh. Thông đạt đúng như thật về các pháp như vậy, nên nơi đời vị lai sẽ có pháp tánh. Các loại như thế gọi là thông đạt về pháp tánh vô thường.

Thế nào là lại do hành hội hợp nên quán về tánh vô thường? Nghĩa là, tức do biến dị vô thường, diệt hoại vô thường, biệt ly vô thường như vậy, nên đối với những hội hợp hiện tiền của đời hiện tại, đều thông đạt đúng như thật về các hành như vậy nơi các thứ hội hợp kia. Các loại như vậy gọi là thông đạt về hợp hội vô thường. Hành giả đối với năm tánh vô thường của các hành trong ngoài như vậy, do năm thứ hành, như chỗ ứng hợp của chúng, tác ý tu tập, tu tập nhiều, nên đạt được quyết định.

Như thế, do đạo lý chứng thành cùng tu tập tăng thượng, nên nơi hành vô thường đạt được quyết định rồi, từ đây hướng nhập không gián đoạn vào hành khổ, tác ý tư duy, các hành như vậy đều là

vô thường. Là vô thường nên quyết định phải có pháp tánh sinh. Các hành như thế đã là pháp sinh, tức có sinh khổ. Đã có sinh khổ, nên biết cũng có lão bệnh tử khổ, oán ghét gặp nhau khổ, ái biệt ly khổ, cầu không được khổ. Như vậy, lại do hành không đáng yêu thích, nên hướng nhập hành khổ. Như thế, lại đối với hữu lậu, hữu thủ, có thể thuận theo lạc thọ trong tất cả uẩn là do hành trói buộc, hướng nhập hành khổ. Vì sao? Vì do đối với xứ kiết như ái v.v... sinh kiết như ái v.v... đối với xứ phược là tham v.v..., sinh khởi phược là tham v.v... nên có thể chiêu tập khối thuận là khổ lớn của sinh lão bệnh tử ưu bi v.v... Như vậy, lại đối với hữu lậu, hữu thủ thuận theo phi khổ lạc trong tất cả uẩn, là do hành không an ổn, hướng nhập hành khổ. Vì sao? Vì hữu lậu, hữu thủ thuận theo phi khổ lạc nơi tất cả các uẩn, với những thô trọng cùng hiện hành với chủng tử của khổ lạc, là chỗ theo đuổi thuộc khổ khổ, hoại khổ, không giải thoát. Tất cả đều là pháp vô thường, diệt hoại. Hành giả như vậy, có thể tùy thuận các hành của lạc thọ cùng trong lạc thọ. Do hành trói buộc (kiết phược) hướng nhập hoại khổ, nên có thể tùy thuận các hành của khổ thọ cùng trong khổ thọ. Do hành không đáng yêu thích hướng nhập khổ khổ, nên có thể tùy thuận nơi các hành không khổ không lạc, cùng trong không khổ không lạc thọ, do hành không an ổn hướng nhập hành khổ. Như thế là do lực tăng thượng của các hành trói buộc, hành không đáng yêu thích, hành không an ổn, nên ở trong ba thọ nêu bày như vậy: Các thọ hiện có thấy đều là khổ. Như vậy gọi là do tác ý của hành vô thường nên trước hết là hướng đến hành khổ. Lại khởi niệm: Ta nay ở đây chỉ có các căn, chỉ có cảnh giới, chỉ có từ chúng sinh ra các thọ, chỉ có tâm ấy, chỉ có giả gọi là pháp của ngã, ngã sở, chỉ có kiến giải ấy, chỉ có giả lập, trong ấy có thể đạt được. Trừ các thứ ấy ra thì không có gì hoặc vượt hơn, hoặc tăng thêm.

Như vậy, chỉ có các uẩn có thể đạt được. Ở trong các uẩn không có chủ đề thường hằng, trụ vững, hoặc nói là ngã, hoặc nói là hữu

tình. Hoặc lại ở đây nói là người sinh, người già, kẻ bệnh cùng kẻ chết. Hoặc lại nói chủ tể kia có thể tạo ra các nghiệp, có thể thọ nhận vô số quả cùng dị thực. Do các hành ấy đều là không, không có ngã. Như thế gọi là do hành không sở đắc hướng nhập hành không. Lại đây khởi niệm: Các hành hiện có cùng với tự tướng của chúng và tướng vô thường, tướng khổ tương ưng. Các hành ấy tất cả cũng từ duyên sinh, không được tự tại. Không tự tại nên đều chẳng phải là ngã. Như thế gọi là do hành không tự tại nhập nơi hành vô ngã. Hành giả như vậy, dùng mười hành kia được gồm thâu nơi bốn hành. Lại dùng bốn hành để hiểu rõ về tướng của Khổ đế. Nghĩa là:

Hành vô thường gồm thâu năm hành:

- (1) Hành biến dị.
- (2) Hành diệt hoại.
- (3) Hành biệt ly.
- (4) Hành pháp tánh.
- (5) Hành hội hợp.

Hành khổ gồm thâu ba hành:

- (1) Hành trói buộc.
- (2) Hành không đáng yêu thích.
- (3) Hành không an ổn.

Hành không gồm thâu một hành: Hành không sở đắc.

Hành vô ngã gồm thâu một hành: Hành không tự tại.

Hành giả do mười hành ngộ nhập bốn hành. Lại do bốn hành, đối với tướng Khổ đế nhận biết rõ, đúng rồi, tiếp theo lại quan sát về Khổ đế như thế, do nhân gì, tập gì, khởi gì, duyên gì, do đoạn chúng nên Khổ đế cũng được đoạn trừ theo. Như thế, tức dùng bốn hành của Tập đế để biết rõ về tướng của Tập đế. Đó là biết rõ ái có

thể dẫn đến khổ, gọi là nhân. Đã dẫn đến khổ rồi, lại có thể chiêu tập khiến khổ sinh khởi, nên gọi là Tập. Đã sinh khổ rồi, lại khiến khổ ấy phát khởi, nên gọi là khởi. Lại đối với chủng tử của các khổ của vị lai có thể thâm nhận, nên thứ lớp mời gọi, dẫn dắt các khổ tập, do đó gọi là duyên.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nhận biết rõ ái là nhân của thủ, lại có thể chiêu tập, tức do thủ ấy làm nhân cho hữu. Lại có thể sinh khởi, hữu là đứng đầu nơi sinh của vị lai.

Lại có thể dẫn phát do sinh làm duyên cho các pháp khổ của lão bệnh tử. Theo chỗ ứng hợp, nên biết được gọi là nhân tập khởi duyên. Lại có sai biệt. Nghĩa là nhận biết rõ đúng về tùy miên của phiền não phụ thuộc vào chỗ dựa là tùy miên của ái v.v... là nhân sinh của hậu hữu nơi đời vị lai. Lại nhận biết rõ đúng về các triền đã sinh kia, theo chỗ ứng hợp của chúng, là duyên của tập khởi. Nghĩa là ái của hậu hữu có thể mời gọi dẫn dắt, tức là ái của hậu hữu ấy nơi tập kia. Lại có thể phát khởi hỷ tham cùng hành với ái. Hỷ tham này cùng hành với ái, lại cùng với nhiều thứ hỷ ái kia làm duyên. Như thế, nương dựa nơi tùy miên v.v... của ái cùng với ba thứ triền, có thể sinh hậu hữu, cùng có thể phát khởi các ái sai biệt. Vì thế gọi là nhân tập khởi duyên. Hành giả như vậy, do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của Tập đế. Đối với tướng Tập đế nhận biết rõ đúng rồi, lại nhận biết rõ đúng Tập đế như thế là dứt diệt hoàn toàn, nên gọi là diệt. Hết thấy Khổ đế đều tịch tĩnh hoàn toàn, nên gọi là tĩnh. Tức diệt, tĩnh này là bậc nhất, là tối thắng, là vô thượng, nên gọi là diệu. Là thường trụ, là xuất ly vĩnh viễn, nên gọi là lìa.

Như thế là hành giả, do bốn thứ hành, biết rõ về tướng của Diệt đế. Nơi tướng của Diệt đế, nhận biết rõ đúng rồi, lại nhận biết rõ đúng về đạo đối trị chân thật. Nơi cảnh được nhận biết, có thể tìm cầu về nghĩa chung, có thể tìm cầu về nghĩa thật. Do nơi nghĩa tùy chuyển của bốn môn, nên hoàn toàn có thể hướng đến nghĩa Niết-

bàn, do đó gọi là Đạo Như Hành Xuất. Hành giả như thế, do bốn thứ hành, hiểu rõ về tướng của Đạo đế. Như vậy gọi là, nơi bốn Thánh đế, tự hiện quán bên trong với tác ý biết rõ tướng.

Hành giả đã ở nơi tự nội hiện thấy về các uẩn như thế, dựa vào các đế lý với tầm tư không điên đảo, quán xét đúng rồi, lại đối với chỗ khác không đồng phần giới, không hiện thấy uẩn, nên quan sát tỷ độ (so sánh, tỷ lượng trong ba lượng). Nghĩa là các thứ hữu vi hữu lậu hiện có kia hiện bày khắp hết thủy xứ, hiện bày khắp tất cả loại, nơi tất cả thời đều có pháp như thế, đều theo lý như thế, đều có tánh như thế. Pháp diệt hiện có kia đều tịch tĩnh vĩnh viễn, thường trụ, an lạc. Đạo hiện có kia đều có thể đoạn trừ vĩnh viễn, xuất ly rốt ráo. Nên biết ở đây, hoặc nơi Tứ đế hiện thấy các uẩn, hoặc Tứ đế, đối với chỗ khác không đồng phần giới, không hiện thấy cảnh, đã hành tỷ độ, tức là chỗ dựa của chủng tử có thể sinh khởi pháp trí, loại trí. Lại, tức tác ý biết rõ tướng như vậy, nên biết cũng là nghe, xét kết hợp. Nếu người hành quán, ở trong các đế, thường xuyên quán xét đúng như vậy, nên do mười sáu hành, nơi bốn Thánh đế, theo đạo lý chứng thành, đã được quyết định.

Lại, ở nơi tận cùng tánh hiện có của các đế, như tánh hiện có, vượt quá sự kết hợp của nghe (văn), xét (tư), tác ý hoàn toàn, phát khởi tu tập thắng giải. Đây tức gọi là tác ý thắng giải. Tác ý như vậy, chỉ duyên nơi cảnh của đế, toàn bộ tại định. Ở đây tu tập, tu tập nhiều, nên ở trong cảnh của hai đế khổ, tập, đạt được trí không biên vực. Do trí này nên nhận biết rõ về vô thường, phát khởi thắng giải về vô thường không biên vực. Như vậy là nhận biết rõ về khổ, phát khởi thắng giải về khổ không biên vực, phát khởi thắng giải về không, về vô ngã không biên vực, phát khởi thắng giải về hành ác không biên vực, thắng giải về việc đi đến nẻo ác không biên vực, thắng giải về hưng suy không biên vực, cùng thắng giải về các khổ lão bệnh tử ưu bi không biên vực.

Ở đây, không biên vực: Nghĩa là sự lưu chuyển của sinh tử. Các pháp như vậy là vô biên, là không bờ, vực, cho đến sinh tử lưu chuyển không dứt. Luôn có chỗ nêu bày về các pháp như vậy, chỉ có sinh tử dứt diệt hoàn toàn, thì các pháp ấy có thể dứt diệt. Lại không có phương tiện dứt diệt nào khác. Tức ở trong pháp của các cõi, các nẻo sinh tử như thế, do hành vô nguyện, hành không chỗ dựa, hành chán lia sâu xa, phát khởi thẳng giải, siêng năng tinh tấn tu tập tác ý thẳng giải. Lại đối với ý lạc tăng thượng của các cõi các đời như thế, sinh chán sợ sâu xa, cùng đối với Niết-bàn thuận khởi một hành, tâm nguyện vui thích sâu xa. Hành giả nơi đêm dài sinh tử, tâm ấy yêu thích các thứ sắc thanh hương vị xúc của thế gian, vì các trần ấy đã tích tập, làm lớn thêm. Do nhân duyên này, nên tuy đối với Niết-bàn tâm nguyện vui thích sâu xa, nhưng lại đối với cảnh giới ấy không thể hướng nhập, không thể chứng tịnh, không thể an trụ, không thể thẳng giải. Tâm kia thoái chuyển đối với cảnh giới tịch tĩnh, thâm tâm chưa thể sinh mong muốn, kính ngưỡng. Do có nghi lo, nên tâm kia thường xuyên chán lia, kinh sợ, tuy đối với tất cả hai để khổ, tập, thâm tâm cũng thường xuyên chán lia, kinh sợ, cùng đối với Niết-bàn, thâm tâm luôn luôn phát khởi mong muốn, vui thích nhưng vẫn chưa thể hướng nhập. Vì sao? Vì do hành giả vẫn còn có ngã mạn, những phẩm thô trọng có thể gây chướng ngại nơi hiện quán, tác ý tùy nhập có gián đoạn, không gián đoạn mà chuyển. Hành giả tác ý tư duy: Ta ở nơi sinh tử từng lưu chuyển lâu. Ta ở nơi sinh tử sẽ lại lưu chuyển. Ta đối với Niết-bàn nên có thể hướng nhập. Ta vì Niết-bàn nên tu tập các pháp thiện. Ta có thể quán khổ chân thật là khổ. Ta có thể quán tập chân thật là tập. Ta có thể quán diệt đích thật là diệt. Ta có thể quán đạo đích thật là đạo. Ta có thể quán không chân thật là không. Ta có thể quán vô nguyện chân thật là vô nguyện. Ta có thể quán vô tướng chân thật là vô tướng. Các pháp như vậy là Ta hiện có. Do nhân duyên này, nên tuy đối với Niết-bàn thâm tâm nguyện mong, vui thích, nhưng tâm chưa thể hướng nhập. Hành giả đã nhận

biết rõ về ngã mạn như thế là chướng ngại rồi, nên có thể mau chóng dùng tuệ thông đạt dứt bỏ, tác ý tự nhiên tùy duyên, điều phục hết thảy cảnh được nhận biết bên ngoài, tác ý hướng nhập, hành theo tác ý, chuyên tinh không gián đoạn quán xét về Thánh đế, theo chỗ lúc tâm sinh khởi, lìa diệt, sinh tâm không gián đoạn tác ý quán xét, tạo phương tiện tuôn chảy không có gián đoạn.

Hành giả đã dùng tâm duyên tâm như vậy, chuyên tinh không đổi, nên có thể khiến tâm tùy nhập tác ý. Ngã mạn, các phẩm thô trọng chướng ngại nơi hiện quán đều không còn nơi để sinh. Như vậy, người siêng tu hạnh Du giả, quán tâm tương tục, lần lượt biệt dị nối tiếp theo mới mà sinh, hoặc tăng hoặc giảm, tạm thời mà có, đột nhiên hiện tiền, trước sau biến dị, là tánh vô thường. Quán tâm tương tục, nhập sâu nơi thủ uẩn, đó là tánh khổ. Quán tâm tương tục, lìa pháp thứ hai, đó là tánh không. Quán tâm tương tục, từ các duyên sinh, không được tự tại, là tánh vô ngã. Như thế gọi là ngộ nhập khổ đế.

Tiếp theo, lại quán xét tâm ấy, do ái làm nhân, do ái làm tập, do ái làm khởi, do ái làm duyên. Như thế gọi là ngộ nhập tập đế.

Kế đến, lại quán xét tâm ấy tương tục, trạch diệt hiện có là tánh diệt vĩnh viễn, là tánh tĩnh vĩnh viễn, là tánh diệu vĩnh viễn, là tánh lìa vĩnh viễn. Như thế gọi là ngộ nhập diệt đế.

Sau đây, lại quán xét tâm này tương tục, đối trị rốt ráo nơi đạo hướng diệt, là tánh chân đạo, là tánh chân như, là tánh chân hành, là tánh chân xuất. Như vậy gọi là ngộ nhập đạo đế.

Như thế là từ trước đến nay chưa khéo quán xét. Nay khéo tác ý tạo phương tiện quán xét. Do tuệ vi diệu nên đối với bốn Thánh đế có thể ngộ nhập đúng đắn. Tức nơi tuệ này thân cận tu tập, tu tập nhiều, nên chủ thể duyên, đối tượng duyên bình đẳng, chánh trí bình đẳng được sinh. Do trí ấy sinh nên có thể đoạn trừ ngã mạn hiện hành, các

phẩm thô hiện có, là những chướng ngại cho việc yêu thích Niết-bàn. Lại, đối với Niết-bàn, tâm tâm đã nguyện mong vui thích, nên mau chóng có thể hướng nhập, tâm không thoái chuyển, lìa các thứ lo sợ, ý lạc tăng thượng thâm nhận, thích thú.

Hành giả như vậy là đối với các Thánh đế thuộc về hạ nhãn, chủ thể duyên, đối tượng duyên bình đẳng, trí bình đẳng sinh, đó gọi là Noãn. Trung nhãn gồm thân, chủ thể duyên đối tượng duyên bình đẳng, trí bình đẳng sinh, đó gọi là Đảnh. Thượng nhãn gồm thân, chủ thể duyên đối tượng duyên bình đẳng, trí bình đẳng sinh, gọi là Đế thuận nhãn. Hành giả đã đoạn trừ ngã mạn, các phẩm thô có thể gây chướng ngại như vậy, cùng đối với Niết-bàn ý lạc tăng thượng thâm nhận, thích thú, nên có thể, càng về sau quán tâm, lìa bỏ gia hạnh hiện có, trụ nơi tâm không gia hạnh, không phân biệt. Bây giờ, hành giả tâm tợ như diệt nhưng chẳng phải là diệt thật, tợ không có đối tượng duyên, nhưng chẳng phải là không duyên. Lại, lúc này tâm ấy tịch tĩnh, tuy tợ xa lìa mà không phải là xa lìa. Lại, lúc này chẳng phải là chỗ ngăn che của ngũ nghĩ ngon giấc, chỉ có hành Xa-ma-tha phân minh không cao thấp. Lại có một loại ngu si tối tăm nơi chỗ che ngăn của ngũ nghĩ ngon giấc, trong trạng thái tâm tợ diệt nhưng chẳng phải diệt thật, khởi tăng thượng mạn, cho là hiện quán, đây không như vậy. Đã được hướng tới tâm hiện quán như thế, không lâu sẽ nhập chánh tánh ly sinh. Tức nói phần vị tâm tịch tĩnh như vậy, một niệm sau cùng nơi tâm không phân biệt, từ đây, đối với lý của các Thánh đế đã quán ở trước, khởi tác ý bên trong không gián đoạn. Đây tức gọi là pháp Thế đệ nhất. Từ đó về sau, tâm xuất thế gian sinh, chẳng phải là tâm thế gian. Đây là biên vực, giới hạn sau cùng của các hành thế gian, do đó gọi là pháp Thế đệ nhất.

Từ đây, đối với lý của các Thánh đế đã quán ở trước, khởi tác ý bên trong không gián đoạn, tác ý không gián đoạn theo thứ lớp đã quán về các đế ở trước, hoặc là hiện thấy hoặc là không hiện thấy

trong các Thánh đế, như thứ lớp có trí quyết định không phân biệt, trí hiện thấy sinh. Do trí ấy sinh, nên tất cả các thứ thô trọng của các phẩm phiền não, phụ thuộc chỗ dựa, hệ thuộc ba cõi, do kiến đạo đoạn trừ, thấy đều được đoạn trừ vĩnh viễn. Do việc đoạn trừ này, nếu là người trước đã lìa hết mọi tham của cõi dục: Người ấy hiện thời đã nhập hiện quán về đế như vậy, đã đạt quả Bất hoàn. Người ấy so với tướng của người lìa dục đã nói ở trước, nên biết là không khác. Nhưng ở đây có chút ít sai biệt. Nghĩa là vị Bất hoàn sẽ thọ hóa sinh, tức ở nơi xứ kia sẽ Bát Niết-bàn, không còn sinh trở lại thế gian này.

Nếu là người trước đã lìa gấp bội tham của cõi dục: Người ấy hiện thời đã nhập hiện quán về đế như vậy, đã đạt được quả Nhất lai.

Nếu là người trước chưa lìa tham của cõi dục: Người ấy hiện thời đã nhập hiện quán về đế như vậy rồi, các thứ thô trọng hoàn toàn dứt hẳn, đạt được quả Dự lưu.

Do trí của chủ thể nhận biết, cùng với cảnh của đối tượng nhận biết hòa hợp không trái nhau nơi quán xét hiện tiền, nên gọi là hiện quán. Đây cũng thành tựu rất nhiều tướng trạng. Nghĩa là chứng đắc hiện quán về đế như vậy, nên đạt được bốn trí. Đó là, ở trong tất cả các tác ý, hoặc hành hoặc trụ đều khéo suy cầu, nên đạt được trí chỉ là pháp, đạt được trí chẳng phải là đoạn, đạt được trí chẳng phải là thường, đạt được trí duyên sinh hành như huyền sự. Nếu hành nơi cảnh giới, do mất niệm, nên tuy các triền phiền não dấy khởi mãnh liệt, lúc vừa tác ý, thì mau chóng dứt trừ hẳn. Lại có thể hoàn toàn không rơi vào nẻo ác, trọn không có ý suy xét vượt trái với điều đã học, cho đến đối với loài bàng sinh cũng không hại mạng. Trọn không thoái chuyển từ bỏ học xứ. Lại không thể tạo năm nghiệp vô gián. Nhận biết rõ khổ vui không phải là tự tạo tác, không phải là tha tạo tác, không phải là tự tha tạo tác, cũng không phải là phi tự tha không nhân mà sinh. Hoàn toàn không cầu thỉnh ngoại đạo làm thầy, cũng không đối với họ khởi tưởng về phước điền, nơi các Sa-môn

Bà-la-môn khác, trọn không nhìn xem sắc diện cùng miệng lưỡi của họ. Chỉ tự thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, chứng đạt ngọn nguồn của pháp, vượt mọi nghi hoặc, không do duyên khác. Đối với sự giáo hóa của bậc Đại sư, không phải do kẻ khác dẫn dắt. Ở trong các pháp đạt vô sở úy. Hoàn toàn không vọng cho các điềm lành của thế gian là thanh tịnh. Hoàn toàn không thọ nhận sinh trở lại nơi cõi thứ tám. Thành tựu đầy đủ về bốn thứ chứng tịnh.

Hành giả như vậy, từ pháp Thế đệ nhất trở về trước, gọi là tác ý thắng giải.

Nơi các Thánh đế đã hiện quán trở về sau, cho đến đoạn dứt vĩnh viễn tất cả phiền não do kiến đạo đoạn trừ, gọi là tác ý xa lìa.

Lại, từ đây về sau, vì muốn tiến tới đoạn trừ các hoặc do tu đạo đoạn, như đạo đã đạt được lại luôn tu tập, nên đoạn trừ hoàn toàn các phiền não phẩm thượng phẩm trung của cõi dục rồi, đắc quả Nhất lai. Như các tướng hiện có của quả Dự lưu, nay ở đây, nên biết cũng vậy, nhưng có chút ít sai biệt. Nghĩa là nếu hành theo cảnh giới, đối với nơi chốn có thể thuận theo triền phiền não mãnh liệt của phẩm thượng, do mất niệm nên tạm khởi các triền phiền não yếu kém, liền có thể tác ý, mau chóng dứt bỏ. Chỉ một lần sinh trở lại thế gian này, liền có thể tạo được biên vực tận cùng của khổ một cách rốt ráo, chứng đắc quả Bất hoàn và tướng Bất hoàn, như trước đã nói. Nên biết ở đây, do tác ý quan sát, đối với hết thảy Hoặc do tu đạo đoạn trừ, thường xuyên quán xét đã đoạn, chưa đoạn, như đạo đã đạt được mà tu tập đúng đắn.

Lại, ở đây, thế nào gọi là Tu tự tánh? Thế nào gọi là Tu nghiệp? Thế nào gọi là Tu phẩm loại sai biệt? Nghĩa là do tác ý của địa định, đối với pháp hữu vi thiện của thế gian, xuất thế gian, tu tập tăng trưởng, tạo tác không gián đoạn, hành trì cẩn trọng, khiến tâm tương tục, hợp với thế tánh kia, như vậy gọi là tu về tự tánh.

Nên biết tu nghiệp lược có tám loại. Đó là:

- (1) Có một loại pháp do tu nên đắc.
- (2) Có một loại pháp do tu nên tập.
- (3) Có một loại pháp do tu nên tịnh.
- (4) Có một loại pháp do tu nên trừ dứt.
- (5) Có một loại pháp do tu nên nhận biết.
- (6) Có một loại pháp do tu nên đoạn.
- (7) Có một loại pháp do tu nên chứng.
- (8) Có một loại pháp do tu nên xa lìa.

Nếu trước chưa đạt được pháp thiện thù thắng, tu tập khiến đạt được, gọi là tu nên đắc.

Nếu trước đã đạt được, khiến chuyển hiện tiền, gọi là tu nên tập.

Nếu trước đã đạt được, nhưng chưa khiến hiện tiền, song do tu tập theo chủng loại pháp kia, nên khiến hiện tiền, khiến chuyển sinh khởi thanh tịnh sáng rõ, gọi là tu nên tịnh.

Hoặc có mất niệm, pháp nhiễm hiện hành, do lực tu của pháp thiện khiến không nhận chịu pháp nhiễm ấy, mà dõc đoạn trừ, thay đổi gọi là tu nên trừ dứt.

Hoặc chưa sinh khởi pháp cần đoạn trừ, do sức tu pháp thiện, nên nhận biết rõ chúng như bệnh, thâm tâm chán hoại, nhận biết rõ chúng như ung nhọt, như mũi tên, gây chướng ngại cho nhận thức về vô thường khổ không, vô ngã, nên thâm tâm chán hoại, gọi là tu nên nhận biết. Nhận biết như vậy rồi, luôn tu tập, nên đạo vô gián sinh, đoạn các phiền não, gọi là tu nên đoạn.

Phiền não đoạn trừ rồi, chứng đắc giải thoát, gọi là tu nên chứng. Như như tiến tới pháp thiện của địa trên. Như vậy như vậy khiến cho các pháp đã đoạn ở địa dưới chuyển thành phần xa, cho đến cứu

cánh, gọi là tu nên xa lìa. Nên biết đó gọi là tám thứ tu nghiệp. Về tu phẩm loại sai biệt nên biết có mười một thứ:

- (1) Tu Xa-ma-tha.
- (2) Tu Tỳ-bát-xá-na.
- (3) Tu đạo thể gian.
- (4) Tu đạo xuất thể gian.
- (5) Tu đạo phẩm hạ.
- (6) Tu đạo phẩm trung.
- (7) Tu đạo phẩm thượng.
- (8) Tu đạo gia hạnh.
- (9) Tu đạo vô gián.
- (10) Tu đạo giải thoát.
- (11) Tu đạo thắng tấn.

Tu Xa-ma-tha: Đó là chín thứ hành khiến tâm an trụ như trước đã nói.

Tu Tỳ-bát-xá-na: Cũng như trước đã nêu.

Tu đạo thể gian: Nghĩa là nơi các địa dưới thấy tướng thô, nơi các địa trên thấy tướng tinh. Cho đến có thể hướng tới xứ vô sở hữu, tất cả đều lìa dục.

Tu đạo xuất thể gian: Nghĩa là chánh tư duy về khổ đúng là khổ, tập đúng là tập, diệt đúng là diệt, đạo đúng là đạo. Do Thánh đạo vô lậu như chánh kiến v.v..., cho đến có thể hướng tới xứ phi tướng phi phi tướng, tất cả đều lìa dục.

Tu đạo hạ phẩm: Nghĩa là do đầy nên có thể đoạn trừ phiền não hết sức thô nơi phẩm thượng.

Tu đạo trung phẩm: Nghĩa là do đầy nên có thể đoạn trừ phiền não nơi phẩm trung hiện có.

Tu đạo thượng phẩm: Nghĩa là do đầy nên có thể đoạn trừ phiền não nơi phẩm hạ hiện có sau cùng được đoạn trừ.

Tu đạo gia hạnh: Nghĩa là do đầy nên đoạn trừ phiền não phát khởi gia hạnh.

Tu đạo vô gián: Nghĩa là do đầy nên đoạn trừ phiền não một cách đúng đắn.

Tu đạo giải thoát: Nghĩa là do đầy nên hoặc đoạn vô gián chứng đắc giải thoát.

Tu đạo thắng tấn: Nghĩa là do đầy nên từ đó về sau tu pháp thiện thù thắng, cho đến chưa khởi phiền não của địa khác, có thể gia hạnh đối trị, hoặc lại chưa khởi hướng đến vị cứu cánh.

Nên biết đó gọi là mười một thứ tu phẩm loại sai biệt.

Như thế, đối với người siêng năng tu tập: Nơi mọi thời gian, nên quán xét đúng về các phiền não hiện có, đã đoạn chưa đoạn. Nơi mọi thời gian đối với pháp đáng chán lìa, thâm tâm chán lìa. Nơi mọi thời gian đối với pháp đáng vui thích, thâm tâm vui, mộ. Như vậy gọi là tác ý gồm thâm lạc.

Hành giả tức đối với tác ý gồm thâm lạc ấy, thân cận tu tập, tu tập nhiều, nên có thể đoạn trừ vĩnh viễn mọi thứ phiền não do tu đạo đoạn.

Phần vị tu học sau cùng là Tam-ma-địa dụ như Kim cang sinh. Do Tam-ma-địa ấy sinh nên có thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não do tu đạo đoạn.

Hỏi: Do nhân duyên gì Tam-ma-địa này gọi là Kim cang dụ?

Đáp: Ví như Kim cang so với tất cả châu báu khác như mạt ni, chân châu, lưu ly, loa bồi, bích ngọc, san hô v.v... thì Kim cang là cứng chắc hơn hết, có thể xuyên thủng, có thể hủy hoại các vật báu khác, còn các vật báu khác thì không thể xuyên thủng, hủy hoại Kim

cang. Như vậy, Tam-ma-địa này, ở trong các Tam-ma-địa của bậc Hữu học, là kiên cố tối thượng, tối thắng, có thể hủy hoại tất cả phiền não hiện có, chẳng phải là các phiền não trên có thể che ẩn được. Do đó, Tam-ma-địa này gọi là Kim cang dụ.

Từ Tam-ma-địa Kim cang dụ này, vĩnh viễn loại trừ không gián đoạn các thứ chủng tử, các phẩm thô trọng của tất cả phiền não. Tâm ấy đối với hành giả đã giải thoát rốt ráo, đã chứng đắc chủng tánh thanh tịnh. Ở trong các phiền não đã được trừ diệt hoàn toàn, phát khởi tận trí. Do nhân đã dứt hết, nên quả khổ của vị lai rốt ráo không sinh. Tức ở trong đó khởi trí vô sinh.

Hành giả bấy giờ đã thành tựu quả A-la-hán, các lậu đã hết, việc làm đã xong, không còn tạo tác nữa, chứng đắc tự nghĩa, hết sạch các hữu kiết, đã phụng hành đúng đắn Thánh giáo của Như Lai, tâm khéo giải thoát, đã thành tựu đầy đủ mười pháp vô học. Đó là chánh kiến, chánh tư duy vô học, cho đến chánh giải thoát, chánh trí vô học. Ở trong các trụ và trong tác ý, có thể tùy theo tâm mình tự tại mà chuyển. Tùy chỗ lạc trụ, trong hoặc Thánh trụ, hoặc Thiên trụ hoặc Phạm trụ, tức có thể an trụ. Theo chỗ vui thích tư duy nơi chánh pháp hiện có, có thể dẫn phát các thứ nghĩa lợi thiện của thế gian và xuất thế gian.

Nói Thánh trụ: Đó là: Không trụ. Vô nguyện trụ. Vô tướng trụ. Định diệt tận trụ.

Nói Thiên trụ: Đó là các tĩnh lự, các trụ vô sắc.

Nói Phạm trụ: Tức là Từ trụ, Bi trụ, Hỷ trụ, Xả trụ.

Lại, bấy giờ, đạt cứu cánh tột cùng, rốt ráo không cấu nhiễm, chứng đắc biên vực tận cùng của phạm hạnh, lia các vương mắc, đã ra khỏi hầm sâu, đã vượt qua hào sâu, đã có thể hàng phục ngoại đạo Y sư ca (ngoại đạo chấp thường), là bậc chân Thánh, diệt phá những ngọn cờ cao ngạo, đã đoạn năm chi, thành tựu sáu chi, hoàn toàn hộ

trì bốn chỗ nương dựa, xa lìa trọn vẹn, độc nhất đế thật dứt bỏ mong cầu, tư duy thanh tịnh, thân hành khinh an, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, chánh hạnh đã lập, gọi là đã gần gũi bậc trượng phu vô thượng, thành tựu đầy đủ sáu pháp hằng trụ. Đó là mắt thấy sắc rồi không vui không buồn, an trụ nơi xả, chánh niệm chánh tri. Như vậy, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý rõ pháp, tất cả đều không vui không buồn, an trụ nơi xả, chánh niệm chánh tri. Hành giả lúc này, mọi sự lãnh nhận về tham dục, sân hận, ngu si thấy đều vĩnh viễn dứt hết không còn sót.

Do tham sân si đã vĩnh viễn dứt hết, nên không tạo các ác, theo gần các thiện, tâm như hư không, như nước sạch, như đàn hương diệu, được tất cả các vị Thiên vương cung kính cúng dường, trụ nơi cảnh giới Niết-bàn hữu dư y, vượt qua biển sinh tử, đã đến bờ giác, cũng gọi là nhận giữ thân mạng sau cùng. Phiền não, nghiệp trước dẫn đến các uẩn, tự nhiên diệt hết, nên các thủ khác đều không, nên không nối tiếp, ở nơi cảnh giới Niết-bàn vô dư y mà Bát Niết-bàn.

Ở đây, đều không có người Bát Niết-bàn, như nơi sinh tử không có kẻ lưu chuyển, chỉ có các khổ đã hoàn toàn dứt bật, tịch tĩnh, trong mát, vắng lặng. Chỉ có xứ ấy là tịch tĩnh hơn hết. Đó là trừ bỏ tất cả chỗ dựa nơi ái, là Niết-bàn hoàn toàn vắng lặng, lìa hết dục. Nên biết trong ấy có các tướng như vậy.

Bí-sô A-la-hán, các lậu đã hoàn toàn dứt hẳn, không thể hành gần năm thứ nơi chốn:

- (1) Không thể cố ý sát hại mạng của các chúng sinh.
- (2) Không thể dối với vật không cho mà lấy.
- (3) Không thể hành phi phạm hạnh, học theo pháp dâm dục.
- (4) Không thể nhận biết mà nói dối.

(5) Không thể nuôi chứa, thọ dụng các vật dụng nuôi sống thuộc về dục. Như vậy là không thể vọng cho khổ vui là tự tạo, tha tạo, tự tha cùng tạo, chẳng phải là tự tha tạo, không nhân mà sinh.

Lại cũng không thể sợ hãi đối với tất cả sự việc không nên ghi chép. Lại cũng không thể sợ hãi đối với các hiện tượng như mây giăng, mưa dầm, sấm sét, chớp hiện. Nên biết ở đây, tác ý thuộc về định Kim cang dụ gọi là tác ý gia hạnh cứu cánh. Tác ý thuộc về quả A-la-hán tối thượng, gọi là tác ý về quả của gia hạnh cứu cánh.

Do có nhiều thứ tác ý như vậy, nên dựa vào đạo xuất thế chứng đắc cứu cánh.

Như thế, tất cả gọi là Địa Thanh văn. Hết thảy đây là do bậc Chánh đẳng giác thuyết giảng. Tất cả Thanh văn tương ưng với giáo pháp căn bản, cũng như hết thảy danh cú văn thân là chỗ tạo tác văn chương chú thuật căn bản của dị luận.

Như vậy là đã nói về Địa Thanh văn.

**

Địa thứ 14: ĐỊA ĐỘC GIÁC (Phần Bản Địa)

Thế nào là Địa Độc giác? Nên biết Địa này có năm thứ tướng:

- (1) Chủng tánh.
- (2) Đạo.
- (3) Tập.
- (4) Trụ.
- (5) Hành.

Thế nào là Chủng tánh của Độc giác? Nghĩa là do ba tướng nên nhận biết rõ đúng. Đó là:

Thứ nhất: Bản tánh nơi Độc giác, trước chưa chứng đắc quả vị Bồ-đề Độc giác, thời có chủng tánh Bạc trần. Do nhân duyên này, nên đối với nơi chốn huyền ảo, tâm không yêu thích. Đối với xứ tịch tĩnh, tâm luôn yêu thích.

Thứ hai: Bản tánh nơi Độc giác, trước chưa chứng đắc quả vị Bồ-đề kia thì có chủng tánh bạc bi (Tâm bi mỏng). Do nhân duyên này, nên đối với sự việc thuyết giảng chánh pháp tạo lợi ích cho hữu tình, tâm không yêu thích. Ở trong sự việc trụ nơi tịch tĩnh, ít tư duy, thâm tâm yêu thích.

Thứ ba: Bản tánh nơi Độc giác, trước chưa chứng đắc quả vị Bồ-đề kia, thì có chủng tánh trung căn, là loại mạn hành. Do nhân duyên này, nên thâm tâm mong nguyện không thấy, không kẻ thù địch mà chứng đắc Bồ-đề.

Thế nào là Đạo của Độc giác? Nghĩa là do ba tướng nên nhận biết rõ đúng: Đó là, có một loại hữu tình an trụ nơi chủng tánh Độc giác, trải qua trăm kiếp gặp Phật ra đời, gần gũi phụng sự, thành thực nối tiếp, chuyên tâm cầu chứng Bồ-đề Độc giác. Nơi uẩn thiện xảo, nơi xứ thiện xảo, nơi giới thiện xảo, nơi duyên khởi thiện xảo, nơi xứ phi xứ thiện xảo, nơi đế thiện xảo, siêng năng tu học, nơi đời vị lai có thể mau chóng chứng đắc Bồ-đề Độc giác. Như vậy gọi là đạo Độc giác thứ nhất.

Lại có một loại hữu tình, gặp Phật ra đời, gần gũi bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý. Đối với chỗ trước chưa khởi thuận phần quyết trạch, do căn thiện dẫn phát khiến khởi. Đó là noãn, đảnh, nhẫn, nhưng không có năng lực, tức ở nơi pháp ấy sinh pháp chứng hiện quán, đắc quả Sa-môn. Lại tu uẩn thiện xảo, tu xứ thiện xảo, tu giới thiện xảo, tu duyên khởi thiện xảo, tu xứ phi xứ thiện xảo, tu đế thiện xảo, nên nơi đời vị lai, có thể chứng pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn. Đó gọi là đạo Độc giác thứ hai.

Lại có một loại hữu tình, gặp Phật ra đời, gần gũi bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, chứng pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn, nhưng không có năng lực, đối với “Nhất thiết chủng” cùng tột, là cứu cánh trọn vẹn, là lia cầu ướm rớt ráo, chứng đắc quả A-la-hán, thuộc biên vực tận cùng của phạm hạnh. Lại tu uẩn thiện xảo, tu xứ thiện xảo, tu giới thiện xảo, tu duyên khởi thiện xảo, tu xứ phi xứ thiện xảo, tu đế thiện xảo, dựa nơi đạo xuất thế gian, nơi đời vị lai đạt cứu cánh cùng tột, lia cầu ướm rớt ráo, chứng đắc quả A-la-hán, thuộc biên vực tận cùng của phạm hạnh. Đó gọi là đạo Độc giác thứ ba.

Thế nào là Tập của Độc giác? Đó là như có một loại hữu tình, dựa vào đạo Độc giác thứ nhất, đầy đủ trăm kiếp tu tập về tư lương, quá trăm kiếp rồi, sinh ra đời không gặp Phật, không thầy, tự có thể tu tập ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, chứng đắc hiện quán, đắc quả Bồ-đề Độc giác, đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não, thành A-la-hán.

Lại có một loại hữu tình, hoặc dựa vào đạo Độc giác thứ hai, hoặc dựa vào đạo Độc giác thứ ba, do nhân duyên ấy, sinh ra đời không gặp Phật, không thầy, tự có thể tu tập ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, hoặc chứng pháp hiện quán, cho đến đắc quả A-la-hán, hoặc đắc quả Sa-môn, đạt cứu cánh tột cùng, lia cầu ướm rớt ráo, chứng đắc biên vực tận cùng của phạm hạnh, chứng đắc quả A-la-hán tối thượng. Nên biết ở đây, do Tập thứ nhất, nên thành bậc Độc giác gọi là Lâm giác dụ. Do Tập thứ hai, thứ ba, nên thành bậc Độc thắng, gọi là Bộ hành dụ.

Thế nào là Trụ của Độc giác? Đó là bậc Độc giác Lâm giác dụ thuộc Tập thứ nhất, vui thích ở chốn rừng vắng, vui thích cư trú riêng lẻ, vui thích thẳng giải sâu xa, vui thích quán xét đạo lý duyên khởi thâm diệu, vui thích an trụ nơi tác ý không, vô nguyện, vô tướng tối thượng. Hoặc bậc Độc thắng Bộ hành dụ thuộc Tập thứ hai, thứ ba, không cần phải hoàn toàn vui thích ở nơi chốn rừng vắng, hoặc vui

thích cư trú riêng lẻ. Cũng vui thích về bộ chúng cùng trụ xen lẫn. Các tướng của trụ còn lại như Lân giác dụ.

Thế nào là Hành của Độc giác? Nghĩa là tất cả bậc Độc giác đều tùy thuận, dựa vào các xóm làng thôn ấp để trụ, khéo hộ trì thân, khéo giữ gìn các căn, khéo trụ nơi chánh niệm, tùy nhập nơi các xóm làng thôn ấp, hoặc là khất thực, hoặc là cứu độ các hữu tình ngu tối, thấp kém, dùng thân để cứu giúp, không dùng ngôn ngữ. Vì sao? Vì chỉ hiện thân tướng, vì bậc Độc giác thuyết pháp không phát bằng lời, nên thị hiện vô số cảnh giới thần thông, kể cả việc khiến cho kẻ có tâm phỉ báng sinh tâm quy kính. Lại, bậc Độc giác, tất cả nên biết xưa nay hoàn toàn là “thú tịch”.

Như vậy là đã nói về Địa Độc giác.

HẾT - QUYỂN 34

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 35

Địa thứ 15: ĐỊA BỒ TÁT (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 1: CHỮNG TÁNH

Thế nào là Địa Bồ-tát? Tụng nêu:

*Đầu trì, tiếp tướng, phân
Ý tăng thượng lạc trụ
Sinh, thấu nhận Địa, hành
Kiến lập là sau cùng.*

Có mười pháp gồm thấu đủ đạo cùng quả của Bồ-tát Đại thừa.
Những gì là mười pháp? Đó là:

- (1) Trì.
- (2) Tướng.
- (3) Phân.
- (4) Ý lạc tăng thượng.
- (5) Trụ.
- (6) Sinh.
- (7) Thấu nhận.
- (8) Địa.
- (9) Hành.

(10) Kiến lập.

Thế nào gọi là tri? Nghĩa là các Bồ-tát tự nương theo chủng tánh, đầu tiên phát tâm cùng dùng tất cả phần pháp Bồ-đề. Đó gọi là tri. Vì sao? Do các Bồ-tát tự nương theo chủng tánh, làm chỗ nương dựa, để kiến lập, có nơi chốn để gắng sức đảm nhận, có uy lực lớn, có thể chứng đắc Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng. Do đó nói là các Bồ-tát tự nương theo chủng tánh.

Vì tánh tri có thể gắng sức đảm nhận của các Bồ-tát, do các Bồ-tát đầu tiên phát tâm, vì làm chỗ nương dựa, vì để kiến lập, nên đối với thí, giới, nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, tuệ, đối với sáu Ba-la-mật-đa, đối với hai thứ tư lương là phước đức và trí tuệ, đối với hết thảy phần pháp Bồ-đề, đều có thể siêng năng tu học. Do đây nói các Bồ-tát đầu tiên phát tâm. Vì các Bồ-tát hành tri gia hạnh, do tất cả nẻo hành của các Bồ-tát là phần pháp Bồ-đề, vì làm chỗ nương dựa, vì để kiến lập, để viên mãn đạo quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng, thế nên nói tất cả nẻo hành của các Bồ-tát là phần pháp Bồ-đề. Vì chỗ tri viên mãn Đại Bồ-đề, vì Bồ-đặc-già-la trụ nơi không chủng tánh là không chủng tánh, tuy có phát tâm cùng hành gia hạnh, làm chỗ nương dựa, nhất định không thể gắng sức đảm nhận, làm viên mãn đạo quả Bồ-đề Chánh đẳng, Bồ-đề Vô thượng. Do đạo lý ấy, nên tuy chưa phát tâm, chưa tu gia hạnh thuộc nẻo hành của Bồ-tát, nếu có chủng tánh, nên biết, đối chiếu với Bồ-tát mà được gọi là tri.

Lại, Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh, nếu không phát tâm, không tu tập gia hạnh là nẻo hành của Bồ-tát, thì tuy có thể gắng sức đảm nhận, nhưng không mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Trái với trường hợp này, nên biết là mau chóng chứng đắc.

Lại, chủng tánh này đã gọi là tri, cũng gọi là trợ, cũng gọi là nhân, cũng gọi là nương dựa, cũng gọi là cấp bậc, cũng gọi là dẫn dắt ở trước, cũng gọi là nhà cửa. Như nói chủng tánh phát tâm đầu tiên, nẻo hành là gia hạnh, nên biết cũng như vậy.

Thế nào là chủng tánh? Nghĩa là lược có hai loại: (1) Chủng tánh trụ bản tánh. (2) Chủng tánh do tu tập thành.

Chủng tánh trụ bản tánh: Nghĩa là các Bồ-tát với sáu xứ thù thắng có tướng như vậy, từ đời vô thủy lần lượt truyền đến nay về chỗ đạt được pháp như thế. Đó gọi là chủng tánh trụ bản tánh.

Chủng tánh do tu tập thành: Nghĩa là trước đã thường xuyên tu tập nên đạt được căn thiện. Đó gọi là chủng tánh do tu tập thành. Ở đây về nghĩa, ý đều chọn lấy cả hai thứ.

Lại, chủng tánh này cũng gọi là chủng tử, cũng gọi là Giới, cũng gọi là Tánh.

Lại nữa, chủng tánh này chưa hành tập thành quả, gọi là tế, là chưa có quả. Đã hành tập thành quả, gọi là thô, vì cùng kết hợp với quả. Nếu các Bồ-tát thành tựu chủng tánh, hãy còn vượt quá tất cả Thanh văn, Độc giác, hưởng hò là đối với hết thấy hữu tình khác. Nên biết về tính chất vô thượng, tối thắng của chủng tánh. Vì sao? Lược có hai thứ tịnh: (1) Phiền não chướng tịnh. (2) Sở tri chướng tịnh.

Chủng tánh của tất cả hàng Thanh văn, Độc giác chỉ có thể sẽ chướng đặc phần làm tịnh phiền não chướng, không thể sẽ chướng đặc phần làm tịnh sở tri chướng. Chủng tánh của Bồ-tát đều có thể chướng đặc cả hai: Có thể làm thanh tịnh hai chướng phiền não và sở tri. Vì thế nói, so với tất cả chủng tánh kia thì chủng tánh của Bồ-tát là vô thượng, tối thắng.

Lại do bốn sự, nên biết Bồ-tát là hơn hẳn đối với tất cả Thanh văn, Độc giác. Những gì là bốn sự? Đó là:

- (1) Căn hơn hẳn.
- (2) Hành hơn hẳn.
- (3) Thiện xảo hơn hẳn.
- (4) Quả hơn hẳn.

Nói: Căn hơn hẳn: Nghĩa là bản tánh của các Bồ-tát là lợi căn, Độc giác là trung căn, Thanh văn là hạ căn. Đó gọi là Căn hơn hẳn.

Hành hơn hẳn: Nghĩa là các Bồ-tát có thể tự lợi, cũng có thể lợi tha, tạo lợi ích, an lạc cho vô lượng chúng sinh, xót thương thế gian, khiến cho chư Thiên, loài người đạt được thắng nghĩa với lợi ích, an lạc. Hàng Thanh văn, Độc giác chỉ hành tự lợi. Đó gọi là Hành hơn hẳn.

Thiện xảo hơn hẳn: Hàng Thanh văn, Độc giác, ở trong uẩn, xứ, giới, duyên khởi, xứ phi xứ có thể tu thiện xảo. Bồ-tát đối với các pháp ấy, cùng đối với hết thảy minh xứ khác đều có thể tu thiện xảo. Đó gọi là Thiện xảo hơn hẳn.

Quả hơn hẳn: Hàng Thanh văn có thể chứng Bồ-đề Thanh văn. Hàng Độc giác có thể chứng Bồ-đề Độc giác. Chư Bồ-tát có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng. Đó gọi là Quả hơn hẳn.

Lại, các Bồ-tát có tướng chủng tánh của sáu Ba-la-mật-đa. Do tướng này nên khiến cho kẻ khác nhận biết rõ về Bồ-tát chân thật. Đó là tướng chủng tánh của Thí Ba-la-mật-đa, tướng chủng tánh của Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Tuệ Ba-la-mật-đa.

Thế nào là tướng chủng tánh nơi Thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Nghĩa là bản tánh của các Bồ-tát là vui thích bố thí, đối với các thứ hiện có luôn gắng sức bố thí cho các loài, tánh thường hằng, không gián đoạn, luôn có thể đối với kẻ khác ban bố bình đẳng. Tâm hoan hỷ thí cùng với ý tưởng không hối tiếc. Vật bố thí tuy ít nhưng có thể phân phát đều khắp. Tuệ thí luôn rộng lớn, không phải là nhỏ hẹp, không nơi chốn để hiện bày tuệ thí thì thường mang sự hổ thẹn sâu xa. Luôn ưa vì kẻ khác tán thán về bố thí, khuyến khích bố thí. Thấy người bố thí, tâm luôn tùy hỷ. Đối với các bậc trưởng thượng, tôn quý, là phước điền nên cúng dường, thì từ tòa ngồi đứng dậy, cung

kính phụng thí. Trong việc tạo lợi ích cho các hữu tình vô tội nơi đời này và những đời khác, hoặc có thỉnh hoặc không thỉnh, Bồ-tát luôn như lý vì họ mà nêu giảng. Nếu các hữu tình có sự sợ hãi đối với vua quan, giặc cướp, lửa, nước gây họa, thì Bồ-tát bố thí cho họ vô úy, có thể ở trong vô số sự sợ hãi cùng cực, tùy năng lực mà cứu độ. Thọ nhận vật gởi gắm của người khác, Bồ-tát chưa từng sai trái. Nếu mang nợ đối với kẻ khác, Bồ-tát trọn không dối gạt, chống cự, nơi chỗ tài sản cùng chúng tạo nên, cũng không hề khi trá, vu khống. Nơi vô số các vật dùng cần cho sự sống, các thứ vật báu như mật ni, chân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, vàng, bạc v.v... nếu là kẻ tâm mê loạn điên đảo, Bồ-tát có thể vì họ mà khai ngộ đúng đắn, hãy còn không khiến cho kẻ kia lừa dối, vu khống, huông hồ là chính mình tự làm. Tánh của Bồ-tát ưa thích tạo được tài sản, ngôi vị rộng lớn, đối với tất cả những thứ ấy, tâm ưa thọ dụng để bố thí, vui thích với sự nghiệp lớn lao, không phải là các môn nhỏ hẹp. Trong vô số sự việc biến hiện tham đắm của thế gian như rượu chè, sắc đẹp, cờ bạc, ca múa, hát xướng, Bồ-tát luôn mau chóng chán bỏ, luôn sinh sự hổ thẹn sâu xa. Đạt được của cải, châu báu nhiều, Bồ-tát hãy còn không tham vương hưởng chi là những lợi nhỏ. Các loại như vậy, nên biết gọi là tướng chung tánh nơi Thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

Thể nào là tướng chung tánh nơi Giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Đó là bản tánh của các Bồ-tát chỉ gây tạo các pháp bất thiện thuộc phẩm hạ, ba nghiệp thân ngữ ý không hề bạo ác, đối với các hữu tình không hề gây tổn hại nặng. Tuy có thể tạo nghiệp ác nhưng mau chóng hối hận, luôn mang nặng sự xấu hổ, không sinh thích thú. Không hề dùng đao, gậy, tay chân, gõ đá v.v... để nã hại các hữu tình. Đối với các chúng sinh, tánh thường từ bi, thân ái. Nơi chỗ nên kính, tức khởi tâm cung phụng, nghinh đón, chấp tay thưa hỏi, hiện tiền lễ bái, tu nghiệp hòa kính. Việc làm luôn thích ứng, nhanh nhẹn, không phải là hạng ngu độn. Khéo tùy thuận nơi tâm ý của kẻ khác, sắc diện thư thái, luôn mỉm cười, mọi ngắm nhìn đều bình đẳng, xa

lìa mọi cau có, luôn lên tiếng hỏi han trước. Mang ơn nơi hữu tình, luôn biết ơn, biết báo đáp. Đối với người tới để cầu xin, Bồ-tát luôn hành xử chánh trực, không dùng lối dua nịnh, dối trá để đáp lại họ. Như pháp để tạo dựng tài sản, không dùng phi pháp, không dùng các phương tiện xấu ác. Tánh luôn vui vẻ, tu các nghiệp phước. Nơi việc tu phước của kẻ khác hãy còn có thể khen ngợi, khích lệ, hỗ trợ, hưởng hồ là không tự mình làm. Hoặc thấy hoặc nghe người khác chịu khổ – như bị đánh đập, trói giết, mắng nhiếc, bức hiếp – thì xem các khổ ấy còn hơn là chính mình nhận chịu. Kính trọng nơi việc thọ nhận pháp, cùng kính trọng hậu thế. Ở trong chút ít tội lỗi hãy còn cảm thấy sợ hãi sâu xa, hưởng chi là đối với nhiều tội. Nơi vô số các sự việc nên tạo tạo tác của kẻ khác – như buôn bán, làm nông, chăn nuôi, thờ vua, in ấn, tính toán – luôn khéo hòa giải mọi tranh chấp, kiện tụng. Tìm kiếm của cải, châu báu, luôn biết giữ gìn, dành dụm, tạo phương tiện để có lợi cùng để xả thí. Hôn nhân, hội tập ở đây tất cả đều đúng như pháp luật, thì cùng đồng sự. Đối với các sự việc gây tranh chấp kiện cáo, hoặc các việc cùng nhau mưu hại, có thể khiến cho mình và người trở thành vô nghĩa, không lợi ích chỉ nhận lấy khổ não, tất cả các thứ sự phi pháp như thế, thì không cùng đồng sự. Khéo có thể ngăn chặn những việc không nên làm, đó là mười thứ nghiệp đạo ác, bất thiện. Khéo thuận hợp nơi chỗ đồng nhần đồng giới của người khác. Đối với sự nghiệp của kẻ khác, theo chỗ mong muốn của họ, đã dứt bỏ việc làm của mình mà được thành tựu, tâm của Bồ-tát luôn ôn hòa, thuần tịnh. Tâm giận, tâm hại không nổi tiếp lâu. Tùy sinh khởi, tùy xả bỏ, luôn đầy tâm hiền thiện. Tôn trọng lời nói thật, không dối gạt kẻ khác. Không lìa sự gần gũi của người khác, cũng không ưa thích. Không khinh chê kẻ nêu bày những ngôn ngữ vô nghĩa, không lợi ích, không tương ưng. Bồ-tát luôn hòa nhã, dịu dàng, không hề thô bạo. Đối với hàng tôi tớ của mình, hãy còn không nói lời gây khổ, hưởng hồ là đối với người khác có đức, được yêu kính, tức luôn tán thán đúng như thật

về họ. Các loại như thế, nên biết gọi là tướng chung tánh nơi Giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

Thế nào là tướng chung tánh nơi Nhãn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Nghĩa là tánh của chư Bồ-tát, đối với kẻ khác mà mình gặp phải điều không lợi ích, Bồ-tát không có tâm giận, hại, cũng không báo thù, nếu họ phục thiện, thì mau chóng có thể chấp nhận, trọn không kết hận, không mang tâm oán đối lâu dài. Các loại như thế, nên biết gọi là tướng chung tánh nơi Nhãn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

Thế nào là tướng chung tánh nơi Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Tức là tánh của các Bồ-tát là luôn tự vươn cao, siêng năng, ngủ muộn, dậy sớm, không tham đắm việc ngủ nghỉ, cầu vui. Nơi mọi việc làm đều quyết đoán, dũng mãnh, vui vẻ hành trì không sinh biếng nhác. Xét chọn phương tiện chính là nhằm khiến đạt đến cứu cánh. Phạm chỗ thực hiện tất cả sự nghiệp luôn quyết định vững chắc. Nếu chưa tạo khắp, chưa cùng đạt đến cứu cánh, trọn không giữa chừng ngừng bỏ, thoái chuyển. Ở trong đệ nhất nghĩa rộng lớn, tâm không khiếm nhược, không tự xem thường, mà luôn phát tâm dũng mãnh: Ta nay có đủ năng lực, có thể chứng đắc các pháp kia. Hoặc nhập nơi đại chúng, hoặc cùng với kẻ khác tranh biện, hoặc là vô số các sự việc khó làm khác, đều không sợ hãi, có thể dẫn đến nghĩa lợi. Trong sự việc lớn lao, Bồ-tát hãy còn không chán nản, hướng chi là các việc nhỏ. Các loại như vậy, nên biết gọi là tướng chung tánh nơi Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

Thế nào là tướng chung tánh nơi Tĩnh lực Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Đó là, tánh của các Bồ-tát, nơi các nghĩa pháp đều có thể tư duy kỹ, không có nhiều tán loạn. Hoặc thấy hoặc nghe về chốn A-luyện-nhã, chốn rừng núi hang đăm, là biên vực tận cùng của sự ngồi, nằm, người không quen hành, lìa chúng sinh xấu ác, thuận theo nẻo yên lặng, liền khởi suy niệm: Xứ ấy là an lạc, là xuất ly, là xa lìa. Luôn đối với chốn xuất ly và xa lìa sinh tâm yêu, mộ sâu xa. Tánh luôn làm

mỏng phiền não, các thứ ngăn che đều nhẹ, nhỏ, mọi thứ thô trọng đều yếu kém. Tới chôn xa lìa để xét lường về tự nghĩa. Tâm không hề bị sự vây buộc của các tâm tư xấu ác. Đối với phẩm oán hã còn có thể mau chóng an trụ nơi tâm từ, hướng chi là đối với phẩm thân và phẩm trung gian. Hoặc thấy hoặc nghe chúng sinh có khổ, bị vô số các khổ bức bách, liền khởi tâm đại bi, nơi các chúng sinh ấy, tùy theo năng lực tạo phương tiện để cứu độ, khiến họ lìa các khổ. Đối với chúng sinh, tánh tự vui thích bố thí tạo lợi ích an lạc. Quyển thuộc suy kém, tài sản, vật báu bị mất mát, có người bị giết hại, bị bắt bớ giam cầm, xua đuổi, trong những khổ nạn như thế, Bồ-tát đều có thể an nhẫn. Tánh vốn thông sáng, mẫn tiệp, đối với pháp Bồ-tát đều có thể thọ nhận, suy xét, tin giữ, thành tựu niệm lực. Nơi các sự việc được tạo tác, nêu giảng, Bồ-tát luôn có thể tự ghi nhớ, cũng khiến kẻ khác ghi nhớ. Các loại như vậy nên biết gọi là tướng chủng tánh nơi tinh lự Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

Thế nào là tướng chủng tánh nơi Tuệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Đó là các Bồ-tát thành tựu tuệ câu sinh, có thể hội nhập nơi cảnh giới của tất cả minh xứ. Tánh không bướng, độn, tánh không kém, tối, tánh không ngu si, lìa hẳn mọi phóng dật, có sức xét chọn. Các loại như vậy nên biết gọi là tướng chủng tánh nơi Tuệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

Nên biết, đó gọi là có thể so sánh về tướng thô nơi chủng tánh của Bồ-tát. Quyết định về nghĩa thật, chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới hiện thấy một cách rõ ràng.

Do các Bồ-tát hiện có tánh của chủng tánh tương ưng với công đức như thế, thành tựu các pháp bạch tịnh của bậc hiền thiện, do đó có thể đối với quả vị Như Lai tối thắng, khó đạt được, không thể nghĩ bàn, vô động, vô thượng, chứng đắc phần nhân, ứng hợp với đạo lý chính đáng. Ngoài ra, chủng tánh Bồ-tát không ứng hợp lý, thậm chí chưa là pháp bạch, cũng trái ngược với bốn thứ tùy phiền não. Hoặc

tánh bị nhiễm ô đủ, không đủ để tương ứng với pháp bạch như thế. Nếu bị nhiễm ô như vậy là pháp bạch đều không hiển hiện. Hoặc vào một thời sinh nơi các nẻo ác. Bồ-tát tuy sinh trong các nẻo ác, nhưng do lực của chủng tánh, nên biết so với những chúng sinh khác sinh nơi nẻo ác, có sai biệt lớn. Nghĩa là Bồ-tát kia ở lâu nơi sinh tử, hoặc có nhiều thời gian sinh vào các nẻo ác, tuy tạm sinh vào đấy nhưng mau chóng có thể giải thoát. Dù ở tại nẻo ác nhưng không nhận chịu những khổ thọ mãnh liệt như các hữu tình khác bị đọa vào nẻo ấy. Bồ-tát tuy tiếp xúc với khổ ít nhưng có thể phát sinh sự chán lìa tăng thượng, đối với các hữu tình bị đọa vào nẻo ác, nhận chịu khổ não luôn khởi tâm Bi sâu xa. Các sự việc như vậy đều do chủng tánh, là chỗ huân tập, phát khởi của nhân đại bi nơi Đức Phật. Vì thế nên biết, chủng tánh Bồ-tát là lìa sinh nơi nẻo ác, nhưng nơi các trường hợp ngoại lệ thì so với những hữu tình sinh vào nẻo ác, đều có sai biệt lớn.

Những gì gọi là pháp bạch của chủng tánh Bồ-tát trái ngược với bốn thứ tùy phiền não? Đó là kẻ phóng dật, do trước đã thường xuyên hành tập các thứ phiền não, nên tánh thành mãnh liệt, luôn gắn với phiền não. Đó gọi là tánh của tùy phiền não thứ nhất.

Lại, kẻ ngu si, kẻ không thiện xảo, dựa nhờ vào bạn ác. Đó gọi là tánh của tùy phiền não thứ hai.

Lại, những kẻ hoặc bị các bậc tôn trưởng, các phu chủ, vua quan, quân giặc, kẻ oán địch bắt bớ, bức bách, không được tự tại, tâm ý mê loạn. Đó gọi là tánh của tùy phiền não thứ ba.

Lại, những kẻ với các vật dụng nuôi sống bị thiếu thốn, luôn tham luyến thân mạng, đó gọi là tánh của tùy phiền não thứ tư.

Lại, các Bồ-tát tuy đầy đủ chủng tánh, nhưng do bốn nhân duyên nên không thể mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Những gì là bốn? Đó là: Các Bồ-tát trước chưa được gặp gỡ

chư Phật, chư Bồ-tát, là thiện tri thức chân chính, vì họ thuyết giảng đạo Bồ-đề không điên đảo. Như vậy gọi là nhân duyên thứ nhất.

Lại, các Bồ-tát tuy đã được gặp bạn lành, vì họ thuyết giảng chánh đạo, nhưng chấp trước điên đảo, ở trong chỗ tu học chân chánh của các Bồ-tát, đã tu học điên đảo. Như thế gọi là nhân duyên thứ hai.

Lại, các Bồ-tát tuy đã gặp bạn lành, được thuyết giảng về chánh đạo, ở trong chỗ tu học chân chánh của các Bồ-tát, tu học thuận hợp, nhưng đối với phương tiện gia hạnh lại trì hoãn, biếng trễ, lười nhác, không thành tựu tinh tấn dũng mãnh vượt bậc. Như thế gọi là nhân duyên thứ ba.

Lại nữa, các Bồ-tát tuy gặp được bạn lành, được nghe thuyết giảng chánh đạo, ở trong chỗ tu học đúng đắn của các Bồ-tát đã tu học thuận hợp, cũng tinh tấn, dũng mãnh đối với phương tiện gia hạnh, nhưng các căn thiện vẫn chưa thành thực, tư lương của Bồ-đề chưa được viên mãn, chưa ở trong thời gian dài tích tập các pháp Bồ-đề phần hiện có. Như vậy gọi là nhân duyên thứ tư.

Như thế, Bồ-tát tuy có chủng tánh, nhưng thiếu nhân duyên nên không thể mau chóng chứng đắc quả Bồ-đề Vô thượng. Nếu có đủ nhân duyên, tức có thể mau chóng chứng đắc. Nên nếu các Bồ-đặc-già-la không có chủng tánh, tuy có tất cả nhân duyên, tất cả chủng loại, nên biết quyết định không thể chứng đắc Bồ-đề.

**

Địa thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 2: PHÁT TÂM

Lại nữa, Bồ-tát đầu tiên phát tâm, đối với chánh nguyện hiện có của các Bồ-tát, là chánh nguyện thứ nhất, có thể thấu nhận toàn bộ

các chánh nguyện khác. Do đó, phát tâm được xem là chánh nguyện thứ nhất, là tự tánh của Bồ-tát.

Lại, các Bồ-tát, lúc khởi tâm chánh nguyện cầu đạt Bồ-đề, tức phát tâm như vậy, nêu bày như vậy: Nguyện tôi quyết định sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng, có thể tạo tất cả nghĩa lợi cho các hữu tình, có thể đạt đến Niết-bàn cứu cánh, là xứ an lạc rốt ráo, cùng ở trong trí tuệ rộng lớn của Như Lai.

Phát tâm như thế, quyết định là tự mong cầu về đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cùng cầu có thể tạo nghĩa lợi cho hữu tình. Vì thế, phát tâm là xác định sự mong cầu, là hành tướng của Bồ-tát.

Lại, các Bồ-tát duyên nơi Đại Bồ-đề, cùng duyên nơi tất cả nghĩa lợi của hữu tình để phát tâm mong cầu, chẳng phải là không có đối tượng duyên. Do vậy, phát tâm là dùng Đại Bồ-đề cùng tất cả nghĩa lợi của hữu tình làm cảnh của đối tượng duyên.

Lại, các Bồ-tát đầu tiên phát tâm, có thể gồm thâu hết thầy căn thiện thù thắng của pháp phần Bồ-đề, làm đứng đầu, nên là thiện cực thiện, là hiền cực hiền, là diệu cực diệu, có thể tương ưng với công đức, trái với xứ sở hành ác nơi ba nghiệp của tất cả hữu tình.

Lại, các Bồ-tát đầu tiên phát tâm, dấy khởi chánh nguyện, đối với tất cả sự mong cầu khác nơi thế gian, xuất thế gian, thì nghĩa nơi chánh nguyện diệu thiện, là bậc nhất, là tối thắng, là vô thượng. Như vậy nên biết, phát tâm đầu tiên có năm thứ tướng: (1) Tự tánh. (2) Hành tướng. (3) Đối tượng duyên. (4) Công đức. (5) Tối thắng.

Lại, các Bồ-tát mới phát tâm rồi, tức gọi là hướng nhập Bồ-đề Vô thượng, dựa vào số lượng của các Bồ-tát Đại thừa.

Đây là căn cứ vào đạo lý của thế tục để nêu bày, vì thế phát tâm là thuộc về hướng nhập.

Lại, các Bồ-tát phát tâm đầu tiên rồi mới có thể dần dần mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng, chẳng

phải là chưa phát tâm. Do đó, phát tâm có thể làm căn bản cho Bồ-đề Vô thượng.

Lại, các Bồ-tát luôn thương xót tất cả chúng sinh có khổ, vì nhằm cứu độ nên phát tâm Bồ-đề. Vì thế, phát tâm là đăng lưu của tâm đại bi.

Lại, các Bồ-tát do phát tâm đầu tiên làm chỗ nương dựa, làm chỗ kiến lập, nên đối với tất cả pháp phần Bồ-đề cùng tạo nghĩa lợi cho hết thảy hữu tình, trong chỗ tu học của Bồ-tát đều có thể tu học. Do vậy, phát tâm là chỗ nương dựa để tu học của các Bồ-tát. Như thế nên biết, phát tâm đầu tiên là hướng nhập, là gồm thâu căn bản của Bồ-đề, là đăng lưu của đại bi, là chỗ nương dựa của việc tu học.

Lại, các Bồ-tát đầu tiên phát tâm lược có hai loại: (1) Vĩnh viễn xuất ly. (2) Không vĩnh viễn xuất ly.

Vĩnh viễn xuất ly: Nghĩa là phát tâm rồi thì tùy chuyển rất ráo, không còn thoái lui.

Không vĩnh viễn xuất ly: Tức phát tâm rồi nhưng không dốc sức tùy chuyển mà lại thoái lui.

Phát tâm nhưng thoái chuyển ấy lại có hai loại: (1) Hoàn toàn. (2) Không hoàn toàn.

Thoái chuyển hoàn toàn: Nghĩa là một lần thoái chuyển rồi thì không thể trở lại phát tâm cầu Bồ-đề.

Thoái chuyển không hoàn toàn: Tức là thoái chuyển rồi, về sau lại thường xuyên phát tâm cầu Bồ-đề.

Nên biết Bồ-tát đầu tiên phát tâm do bốn thứ duyên, bốn thứ nhân, bốn thứ lực.

Thế nào là bốn duyên? Đó là các thiện nam, thiện nữ, hoặc thấy chư Phật cùng chư Bồ-tát có các uy lực, thần biến hết sức hy hữu, không thể nghĩ bàn, hoặc từ chỗ đáng tin cậy được nghe các sự việc

như vậy. Đã thấy, nghe rồi liền khởi niệm: Đạo quả Bồ-đề Vô thượng gồm đủ các uy đức lớn, khiến cho người an trụ, người tu hành thành tựu được các uy lực, thần biến không thể nghĩ bàn như đã thấy nghe như vậy. Do sức tăng thượng của sự thấy nghe ấy, nên đối với Đại Bồ-đề sinh sự tin hiểu sâu xa. Nhân đây, phát khởi tâm Đại Bồ-đề. Đó gọi là duyên thứ nhất của Bồ-tát phát tâm đầu tiên.

Lại có một loại hữu tình tuy không thấy nghe các uy lực thần biến như đã nói ở trước, nhưng nghe nêu giảng về giáo pháp của tạng Bồ-tát, dựa trên chánh pháp vi diệu của đạo quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng, nghe rồi thì tin tưởng sâu xa. Do sức tăng thượng của việc nghe chánh pháp cùng tin tưởng sâu xa, nên đối với trí Như Lai càng sinh tin hiểu. Vì nhằm đạt được trí Như Lai vi diệu, nên phát tâm Bồ-đề. Đó gọi là duyên thứ hai của Bồ-tát phát tâm đầu tiên.

Hoặc có một loại hữu tình tuy không lắng nghe chánh pháp như trên, nhưng thấy tất cả pháp tạng Bồ-tát sắp sửa bị diệt mất. Thấy sự ấy rồi liền khởi suy niệm: Pháp tạng Bồ-tát trụ lâu nơi đời có thể diệt trừ khổ lớn của vô lượng chúng sinh. Ta nên phát tâm Bồ-đề giữ vững lấy pháp tạng Bồ-tát, nhằm diệt trừ khổ lớn cho vô lượng chúng sinh. Do sức tăng thượng của việc hộ trì pháp tạng Bồ-tát, nên đối với trí Như Lai, sinh tin hiểu sâu xa. Vì nhằm chứng đắc trí Như Lai vi diệu nên phát tâm Bồ-đề. Đó gọi là duyên thứ ba của Bồ-tát phát tâm đầu tiên.

Hoặc có một loại hữu tình tuy không nhìn thấy chánh pháp sắp bị diệt mất, nhưng đối với kiếp mạt, đời mạt, thời mạt, thấy các chúng sinh ác trước thân tâm bị mười thứ tùy phiền não làm não loạn. Tức là nhiều ngu si, nhiều loại không biết hổ thẹn, nhiều các thứ keo kiệt, ganh ghét, nhiều các thứ sâu khổ, nhiều các thứ thô trọng, nhiều các thứ phiền não, nhiều các thứ hành ác, nhiều các thứ phóng dật, nhiều các thứ biếng nhác, nhiều các thứ không tin. Thấy các sự việc ấy rồi liền khởi suy nghĩ: Đời ác nhiều ô trước

hiện nay đang khởi. Lúc các tùy phiền não tạo tác não loạn, người có thể phát khởi tâm Bồ-đề Thanh văn, Độc giác yếu kém hẳn còn khó có thể có được, huống hồ là đối với đạo quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng, mà có thể phát tâm. Ta phải nên phát tâm Đại Bồ-đề khiến cho vô lượng hữu tình nơi đời ác này theo học nơi ta, khởi nguyện Bồ-đề. Do sức tăng thượng của việc thấy nơi kiếp mạng, phát tâm khó đạt được, nên đối với Đại Bồ-đề sinh tin hiểu sâu xa, nhân đây phát khởi tâm Đại Bồ-đề. Đó gọi là duyên thứ tư của Bồ-tát phát tâm đầu tiên.

Thế nào là bốn nhân? Tức là các Bồ-tát, chủng tánh đầy đủ. Đó gọi là nhân thứ nhất của Bồ-tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ-tát nhờ vào sự thâm nhận của các bậc thiện hữu là chư Phật, chư Bồ-tát. Đó gọi là nhân thứ hai của Bồ-tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ-tát đối với các chúng sinh hầu hết đều khởi tâm bi. Đó gọi là nhân thứ ba của Bồ-tát đầu tiên phát tâm.

Lại nữa, các Bồ-tát nơi thời gian rất dài trong sinh tử với vô số khổ não lớn hết sức mãnh liệt, đã tu tập hạnh khổ khó hành, không gián đoạn, không thiếu sót, không hề khiếm sợ. Đó gọi là nhân thứ tư của Bồ-tát đầu tiên phát tâm.

Nếu các Bồ-tát với sáu xứ thù thắng, từ đời vô thi lần lượt truyền đến nay, đạt được pháp như vậy, nên biết đó gọi là chủng tánh đầy đủ. Do bốn thứ tướng nên nhận biết Bồ-tát có đầy đủ thiện hữu. Nghĩa là các Bồ-tát được gặp thiện hữu, tánh không ngu độn, thông minh, tuệ sáng, không rơi vào ác kiến. Đó gọi là Bồ-tát có đầy đủ thiện hữu thứ nhất.

Lại, các Bồ-tát được gặp thiện hữu, trọn không dạy người hành nơi phóng dật, cũng không trao cho các thứ vật dụng về phóng dật. Đó gọi là Bồ-tát có đầy đủ thiện hữu thứ hai.

Lại, các Bồ-tát được gặp thiện hữu, trọn không chỉ dạy người hành theo hành ác, cũng không trao cho các vật dụng thuộc hành ác. Đó gọi là Bồ-tát có đầy đủ thiện hữu thứ ba.

Lại, các Bồ-tát được gặp thiện hữu, hoàn toàn không khuyên xả bỏ tin muốn thọ học tinh tấn, theo phương tiện công đức tăng thượng, lại khuyên tin muốn thọ học tinh tấn tu theo phương tiện công đức thấp kém. Đó là hoàn toàn không khuyên bỏ Đại thừa, khuyên tu Nhị thừa. Khuyên bỏ tu tuệ, khuyên tu tư tuệ. Khuyên bỏ tư tuệ, khuyên tu văn tuệ. Khuyên bỏ văn tuệ, khuyên tu nghiệp phước. Khuyên bỏ Thi la, khuyên tu tuệ thí. Hoàn toàn không khuyên bỏ các loại công đức tăng thượng như vậy, để lại khuyên tu các loại công đức thấp kém như thế. Đó gọi là Bồ-tát có đầy đủ thiện hữu thứ tư.

Do bốn nhân duyên, nên biết Bồ-tát đối với các chúng sinh, hầu hết đều khởi tâm bi.

Nghĩa là các Bồ-tát tuy có vô lượng vô biên thế giới không chỗ nơi mười phương, nhưng sinh trong các thế giới có khổ, ở đây luôn có các thứ khổ phải nhận chịu, chẳng phải là không có các thứ khổ. Hoặc có lúc thấy kẻ khác gặp phải một khổ não xúc đối bức bách. Hoặc có lúc thấy tự mình gặp phải một khổ não xúc đối bức bách. Hoặc thấy cả mình và người cùng gặp phải một khổ não xúc đối bức bách. Hoặc thấy cả mình và người cùng gặp phải với vô số khổ lớn mãnh liệt, không gián đoạn xúc đối bức bách. Nhưng Bồ-tát ấy dựa nơi chủng tánh của mình, tánh tự nhân hiền, dựa nơi xứ của bốn cảnh, tuy không hành tập thường xuyên, nhưng có thể phát khởi tâm bi hạ trung thượng không hề dứt mất. Do bốn nhân duyên, nên biết Bồ-tát đối với các chúng sinh, trước hết là khởi tâm bi. Ở trong thời gian rất dài nơi sinh tử, với vô số khổ não lớn mãnh liệt, tương tục không hề thiếu, vẫn tu tập hạnh khổ khó hành, hãy còn không khiếp sợ, hướng chi là khổ nhỏ. Nghĩa là tánh của các Bồ-tát tự thể hiện sự

dũng mãnh, có thể gắng nhẫn, có đủ uy lực. Nên biết đó gọi là nhân duyên thứ nhất.

Lại, các Bồ-tát tánh tự thông sáng có thể chánh tư duy, gồm đủ phần quyết trạch. Nên biết đó gọi là nhân duyên thứ hai.

Lại, các Bồ-tát có thể đối với đạo quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng, thành tựu sự tin hiểu thanh tịnh phẩm thượng. Nên biết đó gọi là nhân duyên thứ ba.

Lại, các Bồ-tát, đối với các chúng sinh, thành tựu tâm từ bi sâu xa. Nên biết đó gọi là nhân duyên thứ tư.

Thế nào là bốn lực? Đó là: (1) Tự lực. (2) Tha lực. (3) Nhân lực. (4) Gia hạnh lực.

Nghĩa là các Bồ-tát do công sức của chính mình, nên có thể đối với đạo quả Bồ-đề Vô thượng sinh khởi yêu thích sâu xa. Đó gọi là lực thứ nhất của Bồ-tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ-tát, do công sức của người khác hỗ trợ nên có thể đối với đạo quả Bồ-đề Vô thượng sinh khởi yêu thích sâu xa. Đó gọi là lực thứ hai của Bồ-tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ-tát từ trước đã tu tập pháp thiện tương ưng với Đại thừa, nên nay vừa được thấy chư Phật, Bồ-tát, hoặc vừa được nghe xưng tán danh hiệu của chư vị, liền có thể mau chóng phát tâm Bồ-đề, hướng chí là được trông thấy thân lực, được nghe chánh pháp. Đó gọi là lực thứ ba của Bồ-tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ-tát ở trong hiện pháp, gần gũi bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, tư duy chắc chắn v.v... nơi thời gian dài tu tập vô số pháp thiện, do gia hạnh ấy nên phát tâm Bồ-đề. Đó gọi là lực thứ tư của Bồ-tát đầu tiên phát tâm.

Nếu các Bồ-tát dựa nơi bốn duyên, bốn nhân chung riêng nêu trên, hoặc do tự lực, hoặc do nhân lực, hoặc do chung cả hai lực mà

phát tâm, nên biết tâm ấy kiên cố không động. Hoặc do tha lực, hoặc do lực gia hạnh, hoặc do chung cả hai lực mà phát tâm, nên biết tâm ấy không kiên cố cũng chẳng không động.

Có bốn nhân duyên có thể khiến cho Bồ-tát thoái chuyển tâm Bồ-đề. Những gì là bốn? Đó là:

- (1) Chủng tánh không đủ.
- (2) Gắn bó với bạn ác.
- (3) Đối với các chúng sinh tâm bi mỏng kém.

(4) Ở trong thời gian rất dài nơi sinh tử, với các hành khổ khó hành, với vô số các thứ khổ lớn mãnh liệt, không gián đoạn, tâm sinh khiếp sợ, kinh hãi.

Bốn thứ nhân duyên khiến tâm Bồ-đề thoái chuyển như vậy, là trái ngược với bốn nhân phát tâm nêu trên, đã biện biệt rộng về tướng như trước nên biết.

Bồ-tát đầu tiên phát tâm kiên cố, lược có hai loại, là pháp hết sức hy hữu, không chung với thế gian. Đó là:

- (1) Gồm thân các chúng sinh đều là quyền thuộc.
- (2) Gồm thân lỗi lầm của quyền thuộc vào chỗ không thể cầu niễ.

Gồm thân lỗi lầm của quyền thuộc có hai thứ: Nghĩa là đối với quyền thuộc tạo lợi ích, gây tổn giảm, nhiễm ô, thuận, nghịch. Hai sự như thế Bồ-tát đều không.

Bồ-tát đầu tiên phát tâm kiên cố, đối với các chúng sinh phát khởi hai thứ ý lạc thiện thắng:

- (1) Ý lạc tạo lợi ích.
- (2) Ý lạc an lạc.

Ý lạc tạo lợi ích: Nghĩa là muốn từ các nơi chốn bất thiện kia, cứu vớt chúng sinh, đưa họ đến xứ thiện.

Ý lạc an lạc: Nghĩa là đối với các chúng sinh bản cùng, không nơi chốn nương dựa, nhờ cậy, tâm nhằm lìa nhiễm ô, Bồ-tát muốn đem lại cho họ vô số vật dụng tạo an lạc, lợi ích.

Bồ-tát đầu tiên phát tâm kiên cố, có hai thứ gia hạnh:

(1) Gia hạnh ý lạc.

(2) Gia hạnh chánh hành.

Gia hạnh ý lạc: Đó là ý lạc tạo lợi ích, an lạc ngày đêm tăng trưởng.

Gia hạnh chánh hành: Nghĩa là nơi ngày đêm có thể gia hạnh để tự thành thực về pháp Phật, cùng đối với các chúng sinh, tùy theo năng lực, dựa vào gia hạnh ý lạc đã nêu ở trước, khởi gia hạnh nhằm đem lại lợi ích, an lạc.

Bồ-tát đầu tiên phát tâm kiên cố, có hai pháp môn tăng trưởng đại thiện:

(1) Gia hạnh tự lợi, có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

(2) Gia hạnh lợi tha, có thể giải thoát các khổ cho tất cả hữu tình.

Như hai pháp môn tăng trưởng đại thiện, hai thứ pháp tự đại thiện, hai thứ pháp tạng đại thiện vô lượng, nên biết cũng vậy.

Bồ-tát đầu tiên phát tâm kiên cố, do mới phát tâm cầu Bồ-đề nên pháp thiện được thâm tóm, so với tất cả pháp thiện được gồm thâm nơi các trường hợp khác, có hai thứ hơn hẳn:

(1) Nhân hơn hẳn.

(2) Quả hơn hẳn.

Nghĩa là các Bồ-tát thâm tóm pháp thiện, đều là nhân có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nên đạo quả Bồ-đề Vô thượng

được chứng đắc là quả ấy. Do đây, so với hết thảy pháp thiện khác thuộc về hàng Nhị thừa hãy còn là thù thắng, huống chi là so sánh với pháp thiện khác thuộc về tất cả hữu tình. Do đây, pháp thiện thuộc về Bồ-tát, so với hết thảy pháp thiện khác được gồm thâu, nhân quả đều hơn hẳn.

Bồ-tát đầu tiên phát tâm kiên cố, lược có hai thứ phát tâm thắng lợi: Một là mới phát tâm Bồ-đề rồi, tức là phước điền tôn kính của chúng sinh, hết thảy hữu tình đều nên cúng dường, cũng làm bậc cha mẹ của tất cả chúng sinh. Hai là mới phát tâm Bồ-đề rồi, tức có thể thâu nhận phước không nào hại. Do Bồ-tát này thành tựu phước không nào hại như vậy, nên đạt được sự hộ trì gấp bội của Luân vương. Vì đạt được sự hộ trì như thế, nên hoặc ngủ hoặc thức, hoặc lúc sâu muộn, mê loạn, tất cả các thứ yêu mị, dục xoa, trạch thần, nhân phi nhân v.v... đều không thể nhiều hại.

Lại, Bồ-tát này chuyển nhận sang đời khác, do phước được thâu giữ như vậy, nên thường ít bệnh, không bệnh, không bị những bệnh nặng xúc đối trong thời gian dài. Đối với việc tạo nghĩa lợi cho các chúng sinh, có thể dùng thân, ngữ dừng mãnh hành trì, luôn vì các chúng sinh nêu giảng chánh pháp, thân không mệt mỏi, niệm không quên mất, tâm không tổn nhọc.

Bản tánh của Bồ-tát lúc trụ nơi chủng tánh, hết thảy tánh thô trọng đều tự mỏng, yếu. Đã phát tâm rồi thì các thứ thô trọng hiện có lại càng nhẹ, ít, tức là những thứ thô trọng nơi thân tâm. Bồ-tát thành tựu nhẫn nhục nhu hòa tăng thượng, có thể nhẫn chịu sự bức nã của kẻ khác, nhưng không hề nào hại kẻ kia. Thấy kẻ khác bị nã hại, Bồ-tát luôn khởi tâm bi sâu xa. Các thứ tùy phiền não như nã, phẫn, tật (ganh ghét), siểm (dua nịnh) đều có thể hàng phục, loại bỏ khiến thể mạnh của chúng giảm thiểu, hoặc vừa hiện hành liền mau chóng có thể trừ diệt. Theo chỗ cư trú nơi các thành ấp, cõi nước, trong ấy hiện có các thứ khủng bố, tranh chấp, đói khát lỗi lầm, các thứ bệnh dịch,

tai họa do hàng phi nhân gây tạo, nếu chúng chưa khởi thì không khởi, nếu như khởi rồi thì liền diệt.

Lại, Bồ-tát đầu tiên phát tâm ấy, hoặc vào một thời sinh nơi nẻo cực ác là địa ngục, thì phần nhiều đều mau chóng được giải thoát, nhận chịu khổ thọ nhỏ, sinh sự chán lìa lớn, đối với các chúng sinh thọ khổ kia luôn khởi tâm đại bi. Tất cả như vậy đều nhân nơi sự thâm nhận phước không nào hại.

Bồ-tát đầu tiên phát tâm kiên cố, do có thể thâm nhận phước không nào hại, nên nhận lãnh được rất nhiều các loại thắng lợi như thế.

**

Địa thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 3, phần 1: TỰ THA LỢI

Như vậy là Bồ-tát tức đã phát tâm. Thế nào là tu hành các hạnh Bồ-tát? Lược nêu về hoặc học xứ, hoặc học như vậy, hoặc có thể tu học của Bồ-tát, tất cả như thế được thâm gồm chung làm một gọi là hạnh Bồ-tát.

Các Bồ-tát này ở nơi xứ nào để học? Nghĩa là có bảy xứ học. Những gì là bảy xứ? Tụng nêu:

*Tự tha lợi thật nghĩa
Uy lực thực hữu tình
Thành tựu tự pháp Phật
Xứ Bồ-đề thứ bảy.*

Bảy xứ là:

- (1) Xứ tự lợi.
- (2) Xứ lợi tha.
- (3) Xứ nghĩa chân thật.

- (4) Xứ uy lược.
- (5) Xứ thành thực hữu tình.
- (6) Xứ thành thực tự pháp Phật.
- (7) Xứ Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng.

Thế nào là xứ tự lợi, lợi tha? Nghĩa là tự lợi, lợi tha lược có mười thứ:

- (1) Thuần tự lợi lợi tha.
- (2) Cùng tự lợi lợi tha.
- (3) Tự lợi lợi tha chủng loại lợi ích.
- (4) Tự lợi lợi tha chủng loại an lạc.
- (5) Tự lợi lợi tha nhân gồm thân.
- (6) Tự lợi lợi tha quả gồm thân.
- (7) Tự lợi lợi tha của đời này.
- (8) Tự lợi lợi tha của đời khác.
- (9) Tự lợi lợi tha rốt ráo.
- (10) Tự lợi lợi tha không rốt ráo.

Thế nào là thuần, cùng tự lợi lợi tha của Bồ-tát? Nghĩa là các Bồ-tát đối với tự lợi lợi tha thuần túy, nên nhận biết nên đoạn trừ những trái vượt không thuận hợp với oai nghi của Bồ-tát, do đó nơi các trường hợp khác phải siêng năng tu học, luôn thuận theo oai nghi của mình.

Ở đây, Bồ-tát đối với tự lợi thuần túy, nên biết nên đoạn trừ: Nghĩa là vì mình nên vui cầu tài sản để thọ dụng. Hoặc vì hạnh tiếc pháp, nên đối với giáo pháp được Phật, Bồ-tát thuyết giảng, luôn tìm cầu thưa hỏi để thọ trì. Hoặc vì muốn sinh lên cõi trời thọ hưởng những diệu lạc nơi cõi ấy nên thọ trì giới cấm, phát khởi tinh tấn tu tập định tuệ. Hoặc cầu đạt các quả báo có nhiệm của thế gian, dùng

các thứ của cải, thực phẩm ở đời cung kính cúng dường tháp báu của chư Phật. Hoặc tham lợi dưỡng, vì lợi dưỡng nên tự nêu giảng về vô số công đức không thật, không có nghĩa lợi, dối gạt kẻ khác để tích tập lợi dưỡng. Hoặc muốn tham cầu kẻ khác làm tội tớ cho mình để sai khiến, thâm tóm chúng theo phi pháp, không như chánh pháp, giả bày phương tiện cứu vớt hữu tình, khiến tội tớ của kẻ khác từ bỏ họ, trở lại thâm nhận làm tội tớ của mình. Cứu giúp hữu tình khiến họ thoát khỏi trôi buộc, nhưng trở lại thành lệ thuộc cho sự nghiệp của mình. Cứu giúp hữu tình khiến họ thoát khỏi vô số sợ hãi do bị trị phạt của kẻ khác, nhưng trở lại tự thâm phục khiến họ sợ hãi đối với mình.

Nếu các Bồ-tát tham đắm về các định nơi hiện pháp lạc trụ, từ bỏ tư duy về các sự việc đem lại lợi lạc cho chúng sinh, nên biết những thứ ấy gọi là thuận tự lợi. Bồ-tát nơi hành thuận tự lợi ấy, nên biết nên đoạn.

Nếu các Bồ-tát hoặc lấy bi làm đầu, hoặc vì hồi hướng về đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cùng vì sinh thiên, nên trong mọi thời tu tập tập thí, nhẫn v.v..., nên biết đó gọi là tự lợi cùng tự tha.

Lại, ngoại trừ các tướng đã nói ở trước, hết thảy các thứ còn lại, trái ngược với các hành tự lợi hiện có của các Bồ-tát, nên biết đều gọi là tự lợi cùng lợi tha. Bồ-tát đối với các pháp ấy nên siêng năng tu học.

Ở đây, Bồ-tát đối với hành thuận lợi tha nên biết nên đoạn: Nghĩa là do tà kiến, nên hành thí v.v..., theo kiến chấp không nhân, kiến chấp không quả mà hủy phạm Thi la, xa lìa chánh hạnh, vì kẻ khác thuyết pháp.

Nếu các Bồ-tát, đối với các tĩnh lự khéo léo hồi chuyển, đã vượt qua địa dưới, nhưng lại thâm nhận pháp bạch của địa dưới. Nghĩa là Bồ-tát đã có thể an trụ nơi tĩnh lự, nhưng do nguyện lực của tâm bi, nên bỏ các tĩnh lự, tùy chỗ ưa thích sinh trở lại nơi Dục giới.

Lại, các Bồ-tát, đã được tự tại, nơi mười phương cõi, hiện bày vô số biến hóa, tạo muôn loại nghĩa lợi cho các chúng sinh.

Lại, các vị tu tịch tĩnh, sự việc của mình đã thành tựu, nương dựa nơi tất cả pháp Phật bất cộng hiện có của Như Lai như mười lực, bốn vô sở úy, đối với vô lượng chúng sinh khắp mười phương, có thể tạo ra vô lượng lợi ích lớn, nên biết những thứ ấy gọi là hành thuận lợi tha. Như vậy là đã nói về hành thuận lợi tha, Bồ-tát đối với hai thứ đã được nêu bày ở trước, nên biết, nên đoạn. Về chỗ đã nêu bày về hành thuận lợi tha khác, phần nhiều nên tu học.

Lại, trừ các tướng đã nói ở trước, còn lại tất cả các hành lợi tha hiện có của Bồ-tát trái ngược với các tướng đã nêu, nên biết đều gọi là lợi tha cùng tự lợi. Bồ-tát đối với các pháp ấy nên siêng năng tu học.

Thế nào là tự lợi lợi tha chung loại lợi ích của Bồ-tát? Lược nói nên biết có năm thứ tướng:

- (1) Tướng không tội.
- (2) Tướng thâm nhận.
- (3) Tướng đời này.
- (4) Tướng đời khác.
- (5) Tướng tịch diệt.

Nếu các Bồ-tát hiện có, tự có thể hoặc ít hoặc nhiều thâm nhận pháp thiện, tăng trưởng pháp thiện. Hoặc lại khiến cho kẻ khác hoặc ít hoặc nhiều thâm nhận pháp thiện, tăng trưởng pháp thiện, khuyên gắng điều phục, kiến lập, an trụ. Đó gọi là tướng không có tội nơi tự lợi lợi tha chung loại lợi ích của Bồ-tát.

Nếu các Bồ-tát có thể dẫn dắt hoặc tự hoặc tha hiện có đến với an lạc không nhiễm ô, hoặc có đủ nhiều thứ an lạc, hoặc trụ nơi định lạc, đó gọi là tướng có thể thâm nhận nơi tự lợi lợi tha chung loại lợi ích của Bồ-tát.

Nếu tự lợi lợi tha của các Bồ-tát, hoặc nơi đời này có thể tạo lợi ích, chẳng phải là nơi đời khác. Hoặc nơi đời khác có thể tạo lợi ích, chẳng phải là nơi đời này. Hoặc có trường hợp đời này cùng đời khác đều được lợi ích. Hoặc có trường hợp đời này cùng đời khác đều không được lợi ích. Bốn thứ tự lợi lợi tha như vậy, đối với bốn pháp thọ nhận tùy theo thứ lớp, như chỗ ứng hợp, nên biết.

Thế nào gọi là bốn thứ pháp thọ nhận? Tức là, hoặc có pháp thọ nhận, hiện tại thọ lạc, nơi đời vị lai thọ dị thực khổ. Hoặc có pháp thọ nhận, hiện tại thọ lạc, nơi đời vị lai thọ dị thực lạc. Hoặc có pháp thọ nhận, hiện tại thọ khổ, nơi đời vị lai thọ dị thực khổ. Bốn pháp này như nơi kinh đã biện giải rộng, nên biết. Đó gọi là tướng đời này, đời khác nơi tự lợi lợi tha chủng loại lợi ích của Bồ-tát.

Nếu các Bồ-tát đối với Niết-bàn hiện có cùng Niết-bàn đạt được, là phần pháp của Niết-bàn thế gian xuất thế gian, đó gọi là tướng tịch diệt tóm lược nơi tự lợi lợi tha chủng loại lợi ích của Bồ-tát. Nên biết, tướng ấy so với tất cả tướng khác là tối thắng, vô thượng.

Thế nào là tự lợi lợi tha chủng loại an lạc của Bồ-tát? Lược nêu nên biết thuộc về năm thứ lạc:

- (1) Lạc của nhân.
- (2) Lạc của thọ.
- (3) Lạc đối trị khổ.
- (4) Lạc thọ đoạn.
- (5) Lạc không nào hại.

Lạc của nhân: Nghĩa là hai phẩm Lạc nơi cảnh giới của các căn. Hoặc đây là nhân, thuận theo xúc của lạc thọ. Hoặc các hiện pháp hiện có, và nghiệp quả đáng yêu thích của vị lai. Tất cả như vậy được tóm chung làm một gọi là lạc của nhân. Trừ chúng ra thì không còn pháp nào hoặc vượt qua hoặc tăng thêm.

Lạc của thọ: Do chỗ nói ở trước về ba nhân duyên thuộc lạc của nhân, nên chờ khổ dứt, có thể thâm tóm lợi ích nơi thọ của thân tâm sinh, gọi là lạc của thọ. Lược nói về lạc này lại có hai thứ: (1) Hữu lậu. (2) Vô lậu.

Lạc vô lậu: Là lạc của bậc hữu học, vô học.

Lạc hữu lậu: Là lạc thuộc ba cõi dục, sắc, vô sắc.

Lại, tất cả lạc thuộc ba cõi này, tùy chỗ ứng hợp với sáu xứ sai biệt, nên có sáu loại. Đó là lạc do nhãn xúc sinh, cho đến lạc do ý xúc sinh. Sáu loại như vậy lại gồm thâm gồm hai: (1) Lạc của thân. (2) Lạc của tâm. Lạc tương ứng với năm thức gọi là lạc của thân. Lạc tương ứng với ý thức gọi là lạc của tâm.

Lạc đối trị khổ: Nghĩa là nhân nơi các sự việc nóng lạnh đối khát v.v... sinh khởi vô số khổ thọ, chẳng phải là một mà là rất nhiều phẩm loại. Do có thể đối trị, dứt trừ các khổ của lạnh nóng đối khát, tức khi khổ dứt diệt như vậy, sinh khởi lạc giác. Đây tức gọi là lạc đối trị khổ.

Định diệt tướng thọ gọi là lạc thọ đoạn.

Lạc không nào hại: Nên biết lược nêu lại có bốn thứ: (1) Lạc xuất ly. (2) Lạc xa lìa. (3) Lạc tịch tĩnh. (4) Lạc Tam Bồ-đề.

Chánh tín, từ bỏ nhà, hướng đến đời sống không nhà, giải thoát khỏi vô số khổ lớn bức bách nơi đời sống gia đình chật hẹp, gọi là lạc xuất ly.

Đoạn trừ các pháp bất thiện, dục ác, chứng đắc ly sinh hỷ lạc của tĩnh lự thứ nhất, gọi là lạc xa lìa.

Các định từ tĩnh lự thứ hai trở lên, tầm tứ dừng dứt, gọi là lạc tịch tĩnh.

Lìa mọi trói buộc một cách rốt ráo đối với tất cả phiền não, nơi sự việc được nhận biết đều cùng giác ngộ như thật. Lạc này gọi là lạc Tam Bồ-đề.

Ở đây, lạc của nhân là nhân của lạc, nên gọi là lạc, chẳng phải là tự tánh.

Lạc của thọ ở đây là tự tánh lạc, nên gọi là lạc, chẳng phải là nhân của lạc.

Lạc đối trị khổ, do dứt các khổ, loại trừ các khổ, nên gọi là lạc, chẳng phải là nhân của lạc, chẳng phải là tự tánh.

Lạc thọ đoạn: Chẳng phải là nhân của lạc, chẳng phải là tự tánh, cũng chẳng phải là dứt trừ vô số khổ nên gọi là lạc. Nhưng là dựa vào thắng nghĩa, các thọ hiện có thấy đều là khổ. Lúc trụ nơi định diệt tận, thì khổ thuộc thắng nghĩa này tạm thời tịch tĩnh, nên gọi là lạc.

Lạc không nào hại thuộc về lạc sau cùng là lạc Tam Bồ-đề. Do nơi đòi vị lai, khổ thuộc thắng nghĩa ấy vĩnh viễn vắng lặng, nên ở trong hiện pháp, tất cả các thứ thô trọng của các phẩm phiền não, tạo thành chỗ dựa, đều vĩnh viễn dứt bật, nên gọi là lạc. Các lạc không nào hại hiện có khác, đối với lạc sau cùng, đều có thể tùy thuận, nên là phần của lạc ấy, có thể dẫn đến lạc ấy, nên biết cũng gọi là lạc không nào hại.

Ở đây, Bồ-tát nhớ nghĩ đem lại cho chúng sinh những an lạc hiện có của phẩm không lợi ích. Bồ-tát đối với những an lạc hiện có của phẩm không lợi ích ấy, dùng tuệ thuận hợp để nhận biết rõ như thật, khuyên các chúng sinh khiến đều lia bỏ, tùy theo năng lực tạo phương tiện để loại trừ.

Nếu khổ thuận theo sự việc có lợi ích, chúng sinh đối với điều ấy tuy không vui muốn, Bồ-tát nương dựa vào phương tiện quyền xảo nêu bày gồm cả sầu khổ để trao cho họ. Nếu lạc thuận theo sự việc không lợi ích, chúng sinh đối với điều ấy tuy có vui muốn, Bồ-tát nương dựa vào phương tiện quyền xảo, nêu bày gồm cả hỷ lạc để loại bỏ. Vì sao? Nên biết phương tiện quyền xảo như vậy, tức gồm trao cho sầu khổ nơi sự việc có lợi ích, gồm dứt bỏ hỷ lạc nơi sự việc

không lợi ích, khiến các chúng sinh kia về sau quyết định đạt được an vui. Vì thế, Bồ-tát đối với các chúng sinh, nếu vui thích lợi ích, nên biết về ý nghĩa tức là vui thích an lạc. Đối với các chúng sinh nếu đem lại lợi ích, nên biết về ý nghĩa tức đem lại an lạc. Vì sao? Vì lợi ích như nhân, an lạc như quả. Do đó nên biết, đối với các chúng sinh, nếu ban cho lợi ích, tất ban cho an lạc. Nên biết hiện pháp hiện có và nghiệp quả đáng yêu thích của vị lai, là được gồm thâu nơi lạc của nhóm, lạc đối trị khổ, lạc thọ đoạn và lạc không nào hại. Bồ-tát đối với các lạc ấy không nên lường xét, nơi các chúng sinh toàn bộ đều trao cho. Do có thể tạo lợi ích cùng không tội, nên đối với chúng sinh thọ lạc cùng căn, trần tiếp xúc được gồm thâu nơi lạc của nhân. Nếu có thể sinh nhiễm, hoặc tánh là nhiễm, hoặc có tội, không lợi ích, tức chẳng phải là chỗ thích hợp.

Đối với các chúng sinh không nên trao cho, nếu không sinh nhiễm hoặc tánh không nhiễm, hoặc không tội, có lợi ích, tức là chỗ thích hợp. Đối với các chúng sinh tức nên trao cho, Bồ-tát nơi trường hợp ấy tùy theo năng lực của mình, cũng nên tu hành, thọ học như vậy. Nên biết đó gọi là tự lợi, lợi tha chủng loại an lạc lợi ích của Bồ-tát. Trừ chúng ra thì không có pháp nào hoặc vượt qua hoặc tăng thêm.

HẾT - QUYỂN 35

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 36

Địa thứ 15: ĐỊA BỒ TÁT (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 3, phần 2: TỰ THA LỢI

Thế nào là Bồ-tát với nhân thân tóm tự lợi lợi tha, quả thân tóm tự lợi lợi tha? Là lược nói về ba nhân ba quả, nên biết. Những gì là ba nhân ba quả? Đó là:

- (1) Nhân dị thực, quả dị thực.
- (2) Nhân phước, quả phước.
- (3) Nhân trí, quả trí.

Thế nào là dị thực? Tức lược có tám thứ: (1) Thọ lượng đầy đủ. (2) Hình sắc đầy đủ. (3) Tộc họ đầy đủ. (4) Tự tại đầy đủ. (5) Lời nói được tin tưởng đầy đủ. (6) Uy thế lớn đầy đủ. (7) Tánh người đầy đủ. (8) Đại lực đầy đủ.

Nếu các Bồ-tát trụ lâu, trường thọ, đó gọi là Bồ-tát thọ lượng đầy đủ.

Hình sắc đoan nghiêm, mọi người đều vui thích nhìn, gặp, dung mạo thù diệu, đó gọi là Bồ-tát hình sắc đầy đủ.

Sinh nơi gia đình hào quý, đó gọi là Bồ-tát tộc họ đầy đủ.

Đạt được tài sản, địa vị lớn, có sự hỗ trợ vững chắc, có bạn bè, thuộc hạ đông đảo, đó gọi là BỒ-tát tự tại đầy đủ.

Được nhiều người tin, kính, xét đoán việc kiện tụng luôn giữ đúng phép tắc, không làm việc dua nịnh, dối gạt, giả trá về mua bán cân đong, nhận vật gửi gắm của người trọn không sai trái, đối với các hữu tình, lời nói không hư vọng – do các nhân duyên ấy nên mọi lời nói ra không ai là không tin nhận. Đó gọi là BỒ-tát với lời nói được tin tưởng đầy đủ.

Có tiếng tăm lớn, khắp thế gian đều nghe, biết. Tức là đầy đủ về sức khỏe, sức mạnh, về sự tinh tấn, cương nghị, nhanh nhẹn, tháo vát, thẩm định đều theo giới thiện, các thứ kỹ nghệ, các nơi chốn nghề nghiệp công xảo lần lượt thấu đạt, thông thạo, hơn hẳn những người khác. Do nhân duyên ấy nên được đời tôn quý, được mọi người cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi. Đó gọi là BỒ-tát có uy thế lớn đầy đủ.

Gồm đủ phần tượng phu, nam căn thành tựu, đó gọi là BỒ-tát có tánh người đầy đủ.

Vì tánh ít bệnh hoặc hoàn toàn không bệnh, có năng lực lớn có thể gánh vác được nhiều công việc, đó gọi là BỒ-tát có đại lực đầy đủ.

Thế nào là nhân dị thực? Nghĩa là các BỒ-tát đối với các chúng sinh không gây tạo sự tổn hại, xa lìa tất cả ý ưa thích tạo tổn hại. Đó gọi là BỒ-tát tạo nhân thọ lượng đầy đủ. Bồ thí y phục, vật dụng sạch đẹp, ban phát ánh sáng, đó gọi là BỒ-tát tạo nhân hình sắc đầy đủ. Đối với các chúng sinh lìa bỏ kiêu mạn, đó gọi là BỒ-tát tạo nhân tộc họ đầy đủ. Đối với các chúng sinh thiếu thốn những vật dụng cần thiết cho đời sống phải đi đây đó để cầu xin, BỒ-tát theo chỗ mong muốn của họ mà bố thí, đó gọi là BỒ-tát tạo nhân tự tại đầy đủ. Lời nói luôn thành thật, cũng không chuộng theo lời nói trái lìa, thô ác, không thuận hợp, đó gọi là BỒ-tát tạo nhân cho lời nói được tin tưởng đầy đủ. Thâu giữ các thứ công đức nơi vị lai, đối với tự thân phát

khởi thế nguyện rộng lớn, cúng dường Tam bảo cùng các bậc tôn trưởng, đó gọi là Bồ-tát tạo nhân cho uy lực lớn đầy đủ. Vui thích thân tướng nam nhi, chán lìa thân tướng nữ vì thấy rõ những lỗi lầm tai họa. Do hai nhân duyên nên giúp cho tánh của kẻ khác: Một là đối với người nữ ưa thích thân nữ, thì khuyên họ khiến chán lìa, giải thoát khỏi thân nữ. Hai là đối với người nam sắp mất nam căn, dùng phương tiện che chở, thâm giữ khiến không hoại mất, lại thuyết giảng chánh pháp khiến đạt được thân nam. Đó gọi là Bồ-tát tạo nhân của tánh người đầy đủ. Đối với các chúng sinh, luôn đem thân làm việc giúp đỡ, theo chỗ hành xử tạo dựng đúng pháp của họ đều lui tới hỗ trợ. Như sức của mình có thể dùng chánh pháp, chứ không dùng sự thô bạo, do vậy có khả năng làm tăng trưởng uy lực của thân tâm, bố thí cho các chúng sinh vô số những thứ ăn uống như cơm cháo, bánh v.v... Đó gọi là Bồ-tát tạo nhân đại lực đầy đủ. Nên biết tám thứ dị thực nói ở trước, do tám thứ vừa nêu này làm nhân.

Lại nữa, các nhân này lược do ba duyên mà được tăng trưởng, có thể chiêu cảm khiến khởi dị thực rộng lớn tăng thượng viên mãn. Những gì là ba duyên? Đó là tâm thanh tịnh, gia hạnh thanh tịnh và ruộng thanh tịnh. Nếu đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng đạt được ý lạc thanh tịnh, dùng căn thiện ấy quyết định hồi hướng, ý vui thích mãnh liệt, có được sự tin tưởng thanh tịnh rộng lớn, thuận hậu để tu tập, thấy người đồng pháp, sinh khởi hoan hỷ sâu xa, nơi ngày đêm trong từng sát na luôn gắn liền với pháp với tâm với tứ, gọi là tâm thanh tịnh. Tức trong ấy, qua thời gian dài thường thực hành không gián đoạn, luôn nối tiếp. Người khác đối với điều thiện này nếu chưa tiếp nhận làm theo thì khen ngợi khiến họ vui mừng. Đối với những căn thiện hiện có như thế nên kiên lập ở nơi chốn an ổn, gọi là gia hạnh thanh tịnh. Nên biết lược nêu về khả năng phát khởi đúng đắn gia hạnh như thế, cùng an trụ đúng đắn nơi quả của gia hạnh ấy, gọi là “ruộng” thanh tịnh.

Thế nào là quả dị thực? Nghĩa là các Bồ-tát với thọ lượng đầy đủ, nên có thể ở trong thời gian lâu dài tu tập phẩm thiện, dựa nơi tự lợi lợi tha, chứa nhóm làm tăng trưởng vô lượng căn thiện, đó gọi là Bồ-tát đạt quả thọ lượng đầy đủ.

Nếu các Bồ-tát với hình sắc đầy đủ nên được đại chúng yêu thích, do yêu thích nên đều cùng quy ngưỡng. Hình sắc đáng yêu thích như thế, nên hết thảy đại chúng đều quy ngưỡng, do đây những lời nói ra không ai là không lắng nghe, ứng dụng. Đó gọi là Bồ-tát đạt được quả hình sắc đầy đủ.

Hoặc các Bồ-tát với tộc họ đầy đủ, nên được đại chúng tôn kính, cúng dường tán dương. Do được mọi người tôn kính cúng dường tán dương, nên Bồ-tát trong công việc khuyên bảo các chúng sinh siêng năng tinh tấn tu học, không ai là không cung kính vâng theo, mau chóng tu hành, không hề trái, phạm. Đó gọi là Bồ-tát đạt được quả tộc họ đầy đủ.

Hoặc các Bồ-tát với tự tại đầy đủ, nên có thể dùng bố thí để thâm phục các chúng sinh, mau chóng khiến thành tựu trọn vẹn. Đó gọi là Bồ-tát đạt được quả tự tại đầy đủ.

Hoặc các Bồ-tát với lời nói được tin tưởng đầy đủ, có thể dùng ái ngữ, lợi hành, đồng sự thâm tóm các chúng sinh, mau chóng khiến thành tựu trọn vẹn. Đó gọi là Bồ-tát thu đạt quả lời nói được tin tưởng đầy đủ.

Hoặc các Bồ-tát với uy thế lớn đầy đủ, đối với vô số sự việc tạo dựng của các chúng sinh đều có thể hỗ trợ, ban phát khắp các ân đức. Do ân đức ấy cảm ứng nơi tâm chúng sinh khiến họ biết ân nên cùng đến quy ngưỡng, mọi lời nói chỉ dạy của Bồ-tát đều mau chóng tùy chuyên, đều được cung kính tin dùng. Đó gọi là Bồ-tát đạt được quả uy thế lớn đầy đủ.

Hoặc các Bồ-tát với tánh người đầy đủ, nên nam căn thành tựu, có thể gắng sức làm vật chứa đựng tất cả công đức thù thắng, có thể đối với hết thảy chỗ tạo tác, gây dựng, xét chọn tất cả cảnh giới được nhận biết, đều đạt vô sở úy, không chướng ngại mà thực hành. Hết thảy hữu tình, nơi tất cả thời đều cùng tập hợp đông đủ. Nơi chốn kín đáo hoặc trống trải, mọi ngôn luận cùng trụ, thọ dụng các thức ăn uống đều không nghi ngại. Đó gọi là Bồ-tát đạt được quả tánh người đầy đủ.

Hoặc các Bồ-tát với đại lực đầy đủ, đối với khả năng gia hạnh để dẫn dắt thâm tóm pháp thiện, cùng khả năng gia hạnh tạo lợi ích cho hữu tình đều không chán mệt, luôn tinh tấn dững mãi, tinh tấn kiên cố, mau chóng chứng đắc thông tuệ. Đó gọi là Bồ-tát đạt được quả đại lực đầy đủ.

Nếu các Bồ-tát thành tựu tám thứ dị thực như thế, gồm đủ tám thứ quả, tức có thể khéo tạo lợi ích cho hết thảy hữu tình, tùy thuận sinh khởi tất cả pháp Phật. Bồ-tát an trụ trong quả dị thực, đối với vô số thứ loại sự nghiệp tạo lợi ích cho các hữu tình, tự có năng lực cùng khéo an lập cho các hữu tình được hóa độ. Bồ-tát đối với sự việc của chính mình tùy thuận mà làm. Như vậy mới gọi là thuận theo chỗ mong muốn của họ mà mọi nẻo tạo tác đều thành tựu trọn vẹn. Nếu các Bồ-tát tự có năng lực, nhưng không khéo an lập các hữu tình được hóa độ, thì Bồ-tát đối với sự việc của chính mình không tùy thuận hành tác. Như thế đối với việc tạo lợi ích cho kẻ khác không gọi là tùy thuận, không gọi là thành tựu tốt đẹp. Do nhân duyên ấy nên không gọi là có thể tạo được lợi ích cho kẻ khác. Nếu các Bồ-tát tự mình không có năng lực mà khéo an lập cho các chúng sinh được hóa độ, thì Bồ-tát ấy đối với việc mình làm tùy thuận hành tác, như thế nơi sự việc tạo lợi ích cho kẻ khác không được gọi là tùy thuận, không được gọi là thành tựu tốt đẹp. Do nhân duyên này nên không gọi là có thể tạo được lợi ích cho kẻ khác. Vì thế, Bồ-tát cần phải hội đủ hai sự việc, mới đối với chỗ tạo lợi ích cho hữu tình gọi là tùy thuận, gọi là thành tựu tốt đẹp. Do nhân duyên ấy mới được gọi là có thể tạo lợi ích cho kẻ khác.

Như thế, Bồ-tát trụ nơi quả dị thực tự mình có thể thành tựu trọn vẹn hết thấy pháp Phật, cũng có thể khiến cho kẻ khác đối với đạo pháp của ba thừa, tùy chỗ ứng hợp, mau chóng được thành tựu đầy đủ. Lại có thể khiến mình mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, cũng có thể khiến cho những kẻ khác đã thành tựu đầy đủ, mau chóng đạt được giải thoát. Do các Bồ-tát an trụ trong tám thứ quả dị thực có thể khiến cho hữu tình được lợi ích an lạc. Vì thế, hết thấy hữu tình nơi nẻo sinh tử từ vô thủy, ở chốn hoàn toàn không có nghĩa lợi, Bồ-tát hành xử, có thể khiến cho họ có được nghĩa lợi lớn.

Thế nào là phước? Thế nào là trí? Nghĩa là lược nêu phước tức là ba thứ Ba-la-mật-đa: Thí Ba-la-mật-đa. Giới Ba-la-mật-đa. Nhẫn Ba-la-mật-đa.

Còn trí chi là một thứ Ba-la-mật-đa là Tuệ Ba-la-mật-đa. Tinh tấn Ba-la-mật-đa và Tĩnh lự Ba-la-mật-đa, nên biết là chung cho hai phần phước và trí. Nếu dựa nơi tinh tấn để tu tập bố thí, thọ giữ tịnh giới cùng tu bốn thứ vô lượng như từ v.v... thì các loại tinh tấn hiện có như thế, gọi là phần phước. Nếu dựa vào tinh tấn hành tập ba tuệ do Văn, Tư, Tu tạo thành, tu uẩn khéo léo, tu giới khéo léo, tu xứ khéo léo, tu duyên khởi khéo léo, tu xứ phi xứ khéo léo, tu có thể quan sát: Khô là khô chân thật, tập là tập chân thật, diệt là diệt chân thật, đạo là đạo chân thật, cùng đối với tất cả pháp thiện, bất thiện, có tội không tội, hoặc kém hoặc hơn, hoặc đen hoặc trắng, và phân biệt rộng trong pháp duyên sinh đều có thể quán sát, xét chọn như thật. Các loại tinh tấn hiện có như thế gọi là phần trí.

Nếu dựa vào tĩnh lự tu tập bốn thứ vô lượng như từ v.v... thì các loại tĩnh lự hiện có như thế gọi là phần phước. Nếu dựa vào tĩnh lự có thể tu Uẩn khéo léo v... trong Ba-la-mật Tinh tấn như trước đã nói, thì các loại tĩnh lự hiện có như vậy gọi là phần trí. Như thế, phước, trí lược có sáu thứ, mỗi mỗi phân biệt nên biết là vô lượng.

Thế nào là nhân phước? Thế nào là nhân trí? Nên biết lược nói về nhân phước, nhân trí gồm có ba thứ:

(1) Đối với phước, đối với trí, có thể đạt được, có thể an trụ, có thể làm tăng trưởng sự mong muốn.

(2) Đối với phước, đối với trí, khéo có thể tùy thuận, không trái với duyên.

(3) Đối với phước, đối với trí, trước đã thường xuyên hành tập. Ở đây nói “Tùy thuận không trái với duyên”: Nghĩa là duyên điên đảo không hiện tiền, không gặp gỡ nơi tánh. Duyên không điên đảo chính thức hiện tiền, gặp gỡ nơi tánh.

Nếu gặp phải bạn xấu ác giảng nói điên đảo về phước, trí, hoặc tác ý điên đảo, điên đảo chấp giữ, gọi là duyên điên đảo hiện tiền, gặp gỡ. Các phẩm trắng hiện có trái ngược với điều ấy, nên biết gọi là duyên không điên đảo hiện tiền gặp gỡ. Nếu đối với phước, trí có thể đạt được, có thể an trụ, cùng có thể làm tăng trưởng việc siêng năng tu tập, mọi chướng ngại đều xa lìa, không khởi, nên biết đó gọi là không trái với duyên.

Nếu các Bồ-tát ở trong ba thứ nhân của phước, trí như thế, theo đây có chỗ thiếu sót, nên biết là không thể sinh phước sinh trí.

Thế nào là quả của phước? Thế nào là quả của trí? Nghĩa là các Bồ-tát nương dựa nơi phước, nên tuy trong thời gian dài lưu chuyển nơi sinh tử nhưng không bị các thứ khổ não tổn hại. Lại, theo chỗ mong muốn có thể thâm tóm chúng sinh, vì họ tạo nghĩa lợi. Nương dựa nơi trí nên chỗ thâm nhận phước là chánh không phải là tà. Lại có thể khởi tạo vô số vô lượng sự việc thiện xảo, cho đến cứu cánh là sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Như vậy là đã lược nói về quả của phước, quả của trí. Nên biết là như chỗ ứng hợp, sự sai biệt của bốn thứ phẩm loại ấy lại có vô lượng.

Ở đây nên biết, hoặc thể dị thực, hoặc nhân dị thực, hoặc quả dị thực, tất cả đều dựa nơi phước, từ phước sinh ra. Phước lại dựa nơi trí, từ nơi trí phát khởi. Vì thế, hai thứ ấy đối với việc chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, tuy cùng là thù thắng, nhưng ở trong ấy, phước là tối thắng, trí là vô thượng. Nếu các Bồ-tát đối với phước, đối với trí thiếu đi một thứ thì quyết định không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là Bồ-tát với nhân thâm tóm tự lợi lợi tha, quả thâm tóm tự lợi lợi tha.

Thế nào là Bồ-tát, nơi hiện pháp, hậu pháp đạt tự lợi lợi tha? Nghĩa là các Bồ-tát do xứ nghiệp công xảo như chánh lý, có tác dụng của sĩ phu, nên chứa nhóm tài sản vật dụng, tức đối với chỗ tài sản vật dụng được tích tập như vậy nhận biết về lượng để thọ dụng. Lại nữa, quả dị thực của nghiệp quả đáng yêu thích đã tạo từ trước giờ đã chín, nên Bồ-tát ở trong hiện pháp thọ dụng quả ấy.

Lại nữa, các Bồ-tát đối với các tĩnh lự khéo xoay chuyển, vì muốn đạt được hiện pháp lạc trú, nên ở trong hiện pháp, dựa vào tĩnh lự ấy, vì không thành lập sự việc lợi tha nên chỉ dựa nơi tĩnh lự.

Lại nữa, hiện pháp Niết-bàn hiện có của chư Như Lai nơi thế gian và xuất thế gian, tất cả đều có thể đạt được hiện pháp Niết-bàn nơi các pháp hữu vi. Đó gọi là Bồ-tát nơi hiện pháp đạt được tự lợi.

Như các Bồ-tát nơi hiện pháp đạt được tự lợi, như vậy Bồ-tát giáo hóa hữu tĩnh, do đầy đạt được lợi ích nơi hiện pháp, nên biết tức là lợi tha của hiện pháp.

Nếu ở nơi cõi dục có thể đạt được tài sản, vật báu đầy đủ, tự thể đầy đủ của đời khác, cùng có thể sẽ sinh tĩnh lự, vô sắc. Nếu sinh trong tĩnh lự và vô sắc, tức có thể đạt được tài sản, vật báu đầy đủ, tự thể đầy đủ của đời khác. Nếu ở trong hiện pháp, cùng với ưu, khổ đều luôn luôn xét chọn, tu tập nhân thiện, đó gọi là Bồ-tát tu tập tự lợi lợi tha của hậu pháp.

Hoặc các Bồ-tát ở trong hiện pháp cùng với hỷ, lạc đều tu tập đạt được tài sản, vật báu đầy đủ, tự thể đầy đủ của đời vị lai, nơi nhân thiện hiện có, cùng với tất cả pháp đẳng chí vô sắc và phần tinh lự không thoái chuyển, đó gọi là Bồ-tát nơi hiện pháp hậu pháp đạt tự lợi lợi tha.

Thế nào là tự lợi lợi tha rốt ráo và không rốt ráo? Nghĩa là ở nơi cõi dục, tài sản vật báu đầy đủ, tự thể đầy đủ, hoặc nhân hoặc quả, cùng với các phạm phu nơi thế gian hoặc nhân hoặc quả thanh tịnh, là tự lợi lợi tha không rốt ráo.

Nếu các phiền não, hết thảy đều đoạn trừ vĩnh viễn, hoặc tám chi Thánh đạo hiện có, nếu đây là chỗ dựa để đạt được tất cả pháp thiện của thế gian, đó gọi là tự lợi lợi tha rốt ráo.

Do ba nhân duyên, nên biết rốt ráo và không rốt ráo: (1) Do tự tánh. (2) Do thoái chuyển, không thoái chuyển. (3) Do thọ dụng quả có tận, không tận.

Do tự tánh: Niết-bàn cứu cánh gọi là rốt ráo. Hết thảy hữu vi gọi là không rốt ráo.

Do thoái chuyển, không thoái chuyển và do thọ dụng quả có tận, không tận: Tám chi Thánh đạo không có thoái chuyển cùng thọ dụng quả không tận, gọi là rốt ráo. Ngoài ra, tất cả pháp hữu lậu thiện, do có thoái chuyển cùng thọ dụng quả có tận, nên gọi là không rốt ráo.

Bồ-tát với mười thứ tự lợi lợi tha như vậy hoặc tóm lược hoặc nói rộng. Bồ-tát tùy theo năng lực nên siêng năng tu học. Trừ những thứ ấy ra thì không có gì hoặc vượt quá hoặc tăng thêm. Hết thảy tự lợi lợi tha hiện có của quá khứ vị lai đã học sẽ học, cũng đều chỉ có mười thứ tự lợi lợi tha như thế. Ngoại trừ những thứ ấy thì không có gì hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

Địa thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 4: NGHĨA CHÂN THẬT

Thế nào là nghĩa chân thật? Tức lược có hai thứ:

- (1) Dựa nơi tánh chân thật của các pháp thuộc như tánh hiện có.
- (2) Dựa nơi tất cả tánh của các pháp thuộc toàn bộ tánh hiện có.

Tất cả tánh nơi tánh chân thật của các pháp như vậy nên biết gọi chung là nghĩa chân thật. Phẩm loại sai biệt của nghĩa chân thật này lại có bốn thứ:

- (1) Chân thật của thế gian cực thành.
- (2) Chân thật của đạo lý cực thành.
- (3) Chân thật nơi đối tượng được hành tác của trí làm tịnh phiền não chướng.
- (4) Chân thật nơi đối tượng được hành tác của trí làm tịnh sở tri chướng.

Thế nào là chân thật của thế gian cực thành? Nghĩa là tất cả thế gian đối với các sự việc ở đây tùy thuận giả lập, từ thế tục thường xuyên hành tập ngộ nhập giác tuệ, chỗ thấy biết đồng tánh, tức như đất chỉ là đất chẳng phải là lửa v.v... Như đất nước lửa gió, sắc thanh hương vị xúc, thức ăn uống, y phục, xe cộ, các vật dụng để trang sức, các thứ vật dùng cần thiết cho đời sống, hương xoa, vòng hoa, ca múa kỹ nhạc, vô số ánh sáng, nam nữ thừa sự, ruộng vườn nhà cửa, quán xá v.v... nên biết cũng như vậy. Khổ chỉ là khổ không phải là lạc v.v... Lạc chỉ là lạc không phải là khổ. Nói tóm lại, đây tức như đây, chẳng phải là chẳng như đây. Thị tức như thị, không phải là không như thị, quyết định thắng giải đối với sự việc nơi cảnh giới được hành trì, tất cả thế gian đều từ nơi bản tế ấy lần lượt truyền đi. Tương tự

phân biệt cùng chỗ thành lập, không do tư duy, lường tính quan sát, sau đây mới giữ lấy. Đó gọi là chân thật của thế gian cực thành.

Thế nào là chân thật của đạo lý cực thành? Nghĩa là các bậc trí có nghĩa đạo lý, các bậc thông tuệ, các hàng trí sáng, những người có thể tầm tứ, có thể xét kỹ, những vị trụ nơi địa tầm tứ, các vị có đủ tự biện tài, những kẻ ở phần vị phàm phu, những hành giả quán sát, nương dựa nơi Hiện lượng, Tỷ lượng cùng Chí giáo lượng, khéo xét chọn quyết định sự việc của trí được hiện bày thuộc nẻo hành hóa nơi trí, do đạo lý chứng thành được kiến lập, được nêu đặt. Đó gọi là chân thật của đạo lý cực thành.

Thế nào là chân thật nơi đối tượng được hành tác của trí làm tịnh phiền não chướng? Nghĩa là hết thấy Thanh văn, Độc giác, hoặc trí vô lậu, hoặc có thể dẫn khởi trí vô lậu, hoặc là cảnh giới nơi đối tượng hành hóa của trí hậu đắc thế gian, vô lậu. Đó gọi là chân thật nơi đối tượng được hành tác của trí làm tịnh phiền não chướng. Do duyên nơi đây làm cảnh, nên từ phiền não chướng, trí được thanh tịnh, đối với đời vị lai trụ nơi không chướng ngại. Vì thế gọi là chân thật nơi đối tượng được hành hóa của trí làm tịnh phiền não chướng. Đây lại là thế nào? Tức là bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Đối với nghĩa của bốn Thánh đế như vậy, hết sức khéo léo xét chọn, chứng nhập hiện quán, nhập hiện quán rồi, trí như thật sinh. Hiện quán đế này, hàng Thanh văn, Độc giác có thể quán, chỉ nơi các uẩn là có thể đạt được, ngoại trừ các uẩn thì ngã không thể có. Luôn hành tập về các hành sinh diệt của duyên sinh tương ưng với tuệ. Thường hành tập uẩn khác nơi Bồ-đặc-già-la không tánh, kiến, nên phát sinh hiện quán Thánh đế như vậy.

Thế nào là chân thật nơi đối tượng hành hóa của trí làm tịnh sở tri chướng? Nghĩa là nơi đối tượng được nhận biết (sở tri) có thể gây tạo ngăn ngại cho trí nên gọi là sở tri chướng. Từ nơi sở tri chướng đạt được cảnh giới thuộc đối tượng hành của trí giải thoát, nên biết

đó gọi là chân thật nơi đối tượng hành tác của trí làm tịnh sở tri chương. Đây lại là thế nào? Tức là các Bồ-tát hội nhập pháp vô ngã của chư Phật Thế Tôn. Nhập rồi thì khéo làm tịnh nơi tất cả pháp, lìa tự tánh của ngôn từ, giả nói về tự tánh bình đẳng, về cảnh giới nơi đối tượng hành tác của trí không phân biệt, bình đẳng. Cảnh giới như vậy là biên vực nơi đối tượng nhận thức vô thượng của chân như bậc nhất, tối thắng. Ngang bằng với tất cả chánh pháp này để xét chọn thấy đều thoái chuyển, không thể vượt qua.

Lại nữa, an lập tướng của nghĩa chân thật này, nên biết tức là hiển bày về pháp không hai. Gọi là hai, tức có, chẳng phải là có. Ở đây nói là có: Là chỗ an lập giả nói về tự tánh, tức chỗ chấp về thời gian dài của thế gian, cũng là căn bản của tất cả hý luận phân biệt nơi thế gian. Hoặc cho là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Hoặc cho là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Hoặc lại cho là đất, nước, gió lửa. Hoặc lại cho là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hoặc cho là thiện, bất thiện, vô ký. Hoặc cho là sinh diệt. Hoặc gọi là duyên sinh. Hoặc gọi là quá khứ hiện tại vị lai. Hoặc gọi là hữu vi. Hoặc gọi là vô vi. Hoặc gọi là đời này. Hoặc cho là đời khác. Hoặc cho là ngày tháng. Hoặc lại cho là các đối tượng được thấy, nghe, hiểu, biết, cầu, đạt, ý theo tầm tứ. Sau cùng cho đến hoặc gọi là Niết-bàn. Các loại như thế là cùng thấu rõ các pháp của thế gian giả nói về tự tánh. Đó gọi là có.

Nói không phải có: Là giả nói về tự tánh của các sắc, cho đến giả nói về tự tánh của Niết-bàn, không sự không tướng, giả nói về chỗ dựa, hết thấy đều không, giả lập ngôn thuyết, dựa vào đây mà chuyển, đều không thực có. Đó gọi là không phải có.

Trước nói về có, nay nói về không có. Có và không có, cả hai đều xa lìa vì pháp tướng được gồm thâu nơi tánh chân thật. Đó gọi là không hai. Do không hai nên nói là trung đạo, xa lìa hai biên cũng gọi là vô thượng. Trí của Phật Thế Tôn đối với sự chân thật này đã khéo thanh tịnh. Trí của các Bồ-tát đối với sự chân thật này đã hiển bày

việc học đạo. Lại, tuệ này tức là các Bồ-tát có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, theo phương tiện rộng lớn. Vì sao? Vì do các Bồ-tát ở nơi sinh tử, trong các đời kia tu tập giải thoát không, khéo có thể thành tựu tất cả pháp Phật và các hữu tình. Lại có thể nhận biết đúng như thật về sinh tử, không bị cuốn theo sinh tử, do đối với các hành như vô thường v.v... tâm sinh chán lìa sâu xa. Nếu các Bồ-tát không thể nhận biết đúng như thật về sinh tử, tức không thể đối với tất cả phiền não như tham sân si, tâm nhất quyết dứt bỏ. Không thể dứt bỏ các phiền não nên tâm tạp nhiễm thọ nhận các sinh tử. Do tâm tạp nhiễm thọ nhận sinh tử nên không thể thành tựu đầy đủ tất cả pháp Phật cùng các hữu tình. Nếu các Bồ-tát đối với sinh tử ấy, do các hành như vô thường nên tâm sinh chán lìa sâu xa, tức là mau chóng nhập Bát Niết-bàn. Các vị ấy nếu mau chóng nhập Bát Niết-bàn, hãy còn không thể thành tựu đầy đủ tất cả pháp Phật cùng các hữu tình, huống hồ là có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng.

Lại, các Bồ-tát do hành tập pháp giải thoát Không như vậy, tức đối với Niết-bàn không sinh sợ hãi sâu xa, cũng không có nhiều mong muốn vui thích. Nếu các Bồ-tát sinh sợ hãi sâu xa đối với Niết-bàn, tức đối với tư lương của Niết-bàn ấy không thể viên mãn. Do đối với Niết-bàn có sợ hãi sâu xa, nên không thấy các công đức thù thắng của Niết-bàn. Do không thấy nên đối với Niết-bàn xa lìa hết thảy thắng giải thanh tịnh. Nếu các Bồ-tát đối với Niết-bàn kia trụ nhiều vào sự mong muốn vui thích, tức thì mau chóng nhập Bát Niết-bàn. Bồ-tát nếu mau chóng nhập Bát Niết-bàn, tức không thể thành tựu đầy đủ pháp Phật và các hữu tình. Nên biết ở đây, nếu không nhận biết đúng như thật về sinh tử thì tâm tạp nhiễm lưu chuyển nơi sinh tử. Nếu đối với sinh tử, tâm sinh chán lìa sâu xa tức mau chóng nhập Bát Niết-bàn. Nếu đối với Niết-bàn, tâm sinh sợ hãi sâu xa, thì đối với các thứ tư lương để có thể chứng đắc Niết-bàn không thể viên mãn. Nếu đối với Niết-bàn trụ nhiều vào sự mong muốn vui thích,

tức sẽ mau chóng nhập Bát Niết-bàn, thì các Bồ-tát này đối với việc chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng không có phương tiện lớn. Nếu có thể nhận biết đúng như thật về sinh tử, tức không có tâm nhiễm lưu chuyển nơi sinh tử. Hoặc đối với sinh tử, nếu không do các hành như vô thường v.v... khiến tâm sinh chán lìa sâu xa, tức không mau chóng nhập Bát Niết-bàn. Hoặc đối với Niết-bàn không sợ hãi sâu xa, tức có thể làm viên mãn các thứ tư lương của Niết-bàn. Tuy đối với Niết-bàn thấy có các công đức thắng lợi vi diệu, nhưng không dốc nguyện mau chóng chứng đắc Niết-bàn, thì các Bồ-tát này, đối với việc chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng có phương tiện lớn, là phương tiện lớn nương dựa nơi thắng giải về tánh Không tối thắng. Vì thế, Bồ-tát tu tập, học đạo luôn thâm tóm thắng giải về tánh Không tối thắng, gọi là phương tiện rộng lớn có thể chứng đắc diệu trí của Như Lai.

Lại, các Bồ-tát do Trí vô ngã có thể thâm nhập nơi các pháp, đối với tất cả pháp tự tánh lìa ngôn từ, nhận biết đúng như thật rồi, thấu đạt là không có chút pháp nào cùng chút phẩm loại nào có thể khởi phân biệt, chỉ giữ lấy về sự, chỉ giữ lấy chân như. Không suy niệm: Đây chỉ là sự, đây chỉ là chân như, chỉ hành nơi nghĩa.

Bồ-tát hành nơi thắng nghĩa như thế nên đối với hết thảy các pháp đều bình đẳng. Bình đẳng do tuệ của chân như quán xét đúng như thật, nơi tất cả xứ gồm đủ nhận thức bình đẳng, gồm đủ tâm bình đẳng, đạt được Xả tối thắng. Nương dựa nơi xả này, nên lúc đối với các minh xứ, tất cả thiện xảo đều siêng năng tu tập, tuy lại gặp phải mọi sự khó nhọc, khổ nạn, nhưng không thoái chuyển, mau chóng có thể khiến thân không mệt mỏi, tâm không mệt mỏi, đối với các thứ thiện xảo có thể nhanh chóng thành tựu, đạt được niệm lực lớn. Không nhân nơi thiện xảo mà tự cao ngạo, cũng đối với người khác không có tiếc, giầu. Đối với các thứ thiện xảo, tâm không khiếm nhược, có thể nhận lãnh để hành trì không chướng ngại, đầy đủ gia

hạnh, áo mũ kiên cố, tức các Bồ-tát này ở trong sinh tử, lưu chuyển theo như như dù gặp phải khổ nạn lớn. Như vậy, như vậy, đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề kia, có thể làm cho tăng trưởng, như như đạt được sự tôn quý thù thắng. Như thế, như thế, nơi các hữu tình kiêu mạn dần giảm, như như chứng đắc trí tuệ thù thắng. Như vậy, như vậy, càng đối với các thứ vắn nạn của kẻ khác, mọi thứ tranh tụng, ngôn luận ồn, tạp, mọi thứ bản hoặc, tùy hoặc, phạm giới hiện hành, đều có thể luôn quán xét, tâm dốc dứt bỏ. Công đức như như lần lượt tăng trưởng. Như thế, như thế, càng thêm tự thiện, không cầu kẻ khác nhận biết, cũng không mong cầu mọi sự cung kính lợi dưỡng. Các loại như vậy, tức rất nhiều thứ thắng lợi hiện có của Bồ-tát, là Bồ-đề phần tùy thuận Bồ-đề đều dựa nơi trí kia. Do đó, hết thảy Bồ-đề đã được, sẽ được, đang được, đều dựa vào trí kia. Trừ trí ấy ra thì không có trí nào hoặc kém hoặc hơn.

Lại nữa, các Bồ-tát nhân gồm thâm lý không hý luận như thế, nên đạt được rất nhiều thắng lợi như vậy, là tự thành tựu đầy đủ các pháp Phật, là thành tựu pháp ba thừa cho kẻ khác, nên tu hành chánh hạnh. Bồ-tát, khi tu tập chánh hạnh như thế, đối với tài sản của tự thân xa lìa mọi tham ái, đối với chỗ học của các chúng sinh lìa bỏ tham ái, nên có thể xả bỏ tài sản, thân mạng, chỉ vì tạo lợi ích cho các chúng sinh. Lại có thể ngăn giữ, hết sức khéo ngăn giữ. Do thân ngữ v.v... tu học Luật nghi, nên tánh không ưa thích điều ác, tánh rất hiền thiện. Lại có thể nhẫn nhục đối với hết thảy mọi sự não hại của kẻ khác. Đối với kẻ hành ác, có thể học tánh gắng nhẫn, làm mỏng sân giận, không xâm phạm não hại kẻ khác. Lại có thể siêng năng tu tập tất cả minh xứ khiến càng thiện xảo, vì nhằm đoạn trừ tất cả nghi nạn của chúng sinh, vì nhằm ban cho chúng sinh các sự việc lợi ích, vì nhằm tự thân nhận tất cả nhân của Trí. Lại có thể đối với bên trong khiến tâm an trụ, khiến tâm khéo định, nơi tâm an trụ luôn siêng tu học. Vì nhằm tu trị làm thanh tịnh bốn thứ phạm trụ. Vì có thể hiện

bày diệu dụng nơi năm thứ thân thông. Vì có thể thành lập sự việc lợi lạc cho chúng sinh. Vì nhằm dứt trừ các thứ mệt nhọc sinh ra do tinh tấn tu học tất cả thiện xảo. Lại tánh Tuệ sáng thành tựu chân trí tốt bậc. Vì chân trí tốt bậc nên thường siêng năng tu học. Vì nhằm đạt Bát Niết-bàn nơi vị lai cho chính mình, nên tu tập Đại thừa.

Lại nữa, các Bồ-tát, vào lúc tu tập chánh hạnh như thế, nơi trụ xứ của các hữu tình có đủ công đức, luôn vui thích hiện tiền để cung kính, cúng dường. Nơi trụ xứ của các chúng sinh có nhiều lỗi lầm, luôn vui thích hiện tiền để phát khởi tâm bi mẫn tối thắng, tùy theo năng lực, khiến cho họ trừ dứt các lỗi lầm hiện có. Nơi trú xứ của các hữu tình đối với mình có oán hận, luôn dấy khởi tâm từ, tùy theo năng lực của mình, không đua nịnh, không đối gạt, tạo vô số lợi ích an lạc khiến các kẻ oán hận kia ý ưa thích gia hạnh lỗi lầm hiện có, cùng tâm oán hận tự nhiên đoạn trừ. Nơi trụ xứ của các hữu tình đối với mình có ân nghĩa, luôn khéo biết ân, hoặc bằng hoặc hơn, hiện tiền báo đáp, tùy theo năng lực đúng như pháp khiến tâm ý trông mong của họ đầy đủ, dù không năng lực, nhưng nếu các kẻ kia cầu thỉnh, tức ở những nơi tạo dựng sự nghiệp của họ, luôn hiện bày sự sự ân cần, siêng năng lo liệu, trọn không dùng bỏ chỗ mong cầu của họ, làm thế nào khiến họ biết mình không đủ sức chứ không phải là không vui muốn giúp đỡ. Các loại như thế nên biết gọi là Bồ-tát nhân gồm thâm lý không hý luận, dựa nơi chân trí tốt bậc, tu gia hạnh chân chánh.

Do đạo lý nào nên biết các pháp tự tánh lìa ngôn từ? Nghĩa là tất cả pháp đều giả lập tự tướng, hoặc nói là sắc, hoặc gọi là thọ, nói rộng như trước, cho đến Niết-bàn, nên biết hết thảy chỉ là giả kiến lập không có tự tánh, cũng không phải lìa sự giả lập ấy riêng có tự tánh, là nẻo hành của ngôn từ, là cảnh giới của ngôn từ. Các pháp như thế là không có tự tánh. Như ngôn từ được nêu bày, cũng không phải tất cả đều không thật có. Không phải có như vậy, cũng chẳng phải tất cả

đều không thật có. Vì sao mà có? Nghĩa là lia tăng thêm là vọng chấp thật không. Lia tồn giảm là vọng chấp thật có. Như thế mà có, tức là tự tánh thắng nghĩa của các pháp, nên biết chỉ là cảnh giới nơi đối tượng hành của Trí không phân biệt. Nếu nơi các pháp các sự theo đây đây khởi ngôn thuyết, tức đối với pháp kia sự kia cho là có tự tánh, như thế thì một pháp một sự nên có rất nhiều tự tánh. Vì sao? Vì đối với một pháp một sự thiết lập rất nhiều giả nói để giảng giải, biểu thị. Cũng chẳng phải là rất nhiều giả nêu để giảng giải biểu thị quyết định có thể đạt được. Nghĩa là tùy theo một giả nêu, nơi pháp kia sự kia có thể có phần, có tự tánh của nó, không phải là giả nêu khác. Vì thế, tất cả giả nêu hoặc đủ hoặc không đủ, nơi tất cả pháp, tất cả sự đều không có thể có phần có tự tánh.

Lại như trước nói các pháp như sắc v.v... nếu tùy theo chỗ giả nói có tự tánh, thì cần trước có sự, sau đây theo chỗ mong muốn, thiết lập giả nói. Trước chưa thiết lập, thì khi giả nói kia, pháp kia sự kia nên không có tự tánh. Nếu không tự tánh thì không có sự thiết lập, giả nêu giảng giải biểu thị là không hợp đạo lý. Giả nêu, giảng giải, biểu thị đã không thật có, thì pháp kia sự kia theo chỗ giả nêu ấy mà có tự tánh, là không hợp đạo lý. Lại, nếu các sắc chưa lập giả nêu giảng giải biểu thị, thì trước đã có tánh của sắc, sau dựa nơi tánh của sắc để thiết lập, giả nêu thâm giữ lấy sắc, tức là lia sắc để giả nêu giảng giải biểu thị. Nơi sắc tướng pháp, nơi sắc tướng sự nên khởi hiểu biết về sắc mà thật sự không khởi. Do nhân duyên này, do đạo lý này nên biết các pháp, tự tánh lia ngôn từ. Như nói về sắc, thì thọ v.v... như trước đã nói, cho đến Niết-bàn, nên biết cũng vậy.

Có hai loại người, đối với pháp, Tỳ-nại-da do Phật giảng nói đều bị hoại mất:

(1) Đối với các pháp như sắc v.v..., đối với các sự như sắc v.v... cho là có giả nói về tự tánh, tự tướng, nơi thật không sự khởi chấp tăng trưởng.

(2) Đối với việc giả nói về xứ của tướng, giả nói về chỗ dựa của tướng, tự tánh lia ngôn từ nơi pháp tánh thắng nghĩa. Nghĩa là hết thấy chủng loại đều không thật có, nơi sự có thật đầy khởi chấp tồn giảm, nơi sự thật không đầy khởi chấp tăng trưởng, vọng lập là pháp với lỗi làm hiện có đã nêu bày chỉ rõ như trước. Ở trong pháp như sắc v.v..., với sự thật không khởi chấp tăng trưởng, có lỗi lầm, nên đối với pháp, Tỳ-nại-da do Phật giảng nói hoàn toàn bị hoại mất. Đối với pháp như sắc v.v..., chỉ sự thật có khởi chấp tồn giảm, lỗi lầm hiện có là hủy hoại các pháp. Do lỗi lầm ấy nên đối với pháp, Tỳ-nại-da do Phật giảng nói là hoàn toàn bị hoại mất. Ta nay sẽ nói: Nghĩa là đối với các pháp như sắc kia v.v..., chỉ sự thật có khởi chấp tồn giảm, tức không chân thật cũng không hư giả. Hai thứ như vậy đều không hợp lý. Ví như cần có các uẩn như sắc v.v... mới có giả lập Bồ-đặc-già-la, chẳng phải là sự không thật mà có giả lập Bồ-đặc-già-la. Như vậy cần có các pháp như sắc v.v... chỉ sự thật có mới có thể có được các pháp như sắc v.v... giả nêu được biểu thị, chẳng phải chỉ sự không mà có sắc v.v... được giả nêu, biểu thị. Nếu sự chỉ có giả không có thật, đã không nơi chốn nương dựa thì giả cũng không có. Như thế gọi là hủy hoại các pháp.

Như có một loại hữu tình nghe giảng nói về pháp tương ưng với tánh Không, tương ưng với Đại thừa khó lãnh hội, nghe giảng nói về kinh điển thâm diệu với nghĩa lý của mật ý hoàn toàn chưa hiển bày, nên không thể lý giải nghĩa được giảng nói đúng như thật, đầy khởi phân biệt hư vọng không như lý, do sự dẫn dắt của tâm tư không thiện xảo, nên khởi kiến giải như vậy, lập luận như vậy, tất cả chỉ là giả hay là chân thật. Hoặc hành quán ấy gọi là chánh quán. Hữu tình kia, nơi chốn nương dựa hư giả, chỉ sự là thật có, bác bỏ cho là không có. Tức là hết thấy hư giả đều không thì sao có thể có được. Hết thấy chỉ là giả, đầy là chân thật. Do đạo lý này, nên kẻ kia đối với chân thật cùng với hư giả hai thứ đều hủy báng, đều cho là không thật có. Vì hủy báng cả chân thật cùng hư giả, nên biết đó gọi

là kẻ chấp không tốt bậc. Chấp không như vậy nên hết thầy bậc có trí đồng phạm hạnh không nên cùng nói năng, không nên cùng trụ. Người chấp không cực đoan như thế có thể tự hủy hoại, cùng hủy hoại thế gian theo kiến chấp của họ. Đức Thế Tôn dựa nơi kẻ kia, mật ý nói: Thà như một loại khởi ngã kiến, không như một loại chấp giữ không hết sức sai lầm. Vì sao? Vì kẻ khởi ngã kiến, chỉ mê lầm nơi cảnh giới của đối tượng được nhận thức, không hủy báng tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức, không do nhân này mà bị đọa vào các nẻo ác. Đối với việc cầu pháp cầu giải thoát khổ của kẻ khác, không bị hư giả dối gạt, không tạo sự ngăn cản, nên đối với pháp đối với đế cũng có thể kiến lập. Đối với các học xứ không sinh chậm trễ.

Còn người chấp không cực đoan cũng mê lầm đối với cảnh giới của đối tượng được nhận thức, lại cũng hủy báng tất cả cảnh giới của đối tượng được nhận thức. Do nhân này nên bị đọa vào các nẻo ác. Đối với việc cầu pháp cầu giải thoát khổ của kẻ khác, có thể bị hư giả lừa dối, cũng tạo sự trở ngại, đối với pháp đối với đế không thể kiến lập. Đối với các học xứ, sinh sự chậm trễ hết mực. Sự tổn giảm về thật có như thế, đối với pháp, Tỳ-nại-da do Phật giảng nói là hoàn toàn hoại mất.

Thế nào gọi là chấp giữ về không một cách sai lầm? Đó là như có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, do kia nên không cũng không tin nhận, đối với đây mà không cũng không tin nhận. Như thế gọi là kẻ chấp giữ không một cách sai lầm. Vì sao? Vì do kia nên không thì kia thật là không. Đối với đây mà không thì đây thật là có. Do đạo lý này nên có thể nói là không, hoặc nói tất cả đều không thật có. Xứ nào, cái gì, do đâu gọi là không? Cũng không nên nói do đây, đối với đây tức nói là không. Vì thế gọi là kẻ chấp giữ không một cách sai lầm.

Thế nào lại gọi là kẻ khéo giữ lấy không? Nghĩa là do đối với đây kia không thật có, tức do kia nên chánh quán là không. Lại do ở đây còn lại thật là có, tức do phần còn lại nên nhận biết đúng như

thật là có. Như vậy gọi là ngộ nhập nơi tánh Không như thật không điên đảo. Nghĩa là như đã nói ở trước, tất cả sự tướng như sắc v.v..., chỗ nói về sắc v.v... là giả nói về pháp của tánh đều không thật có. Vì vậy, đối với sự tướng như sắc này v.v... do sắc kia v.v... giả nói về pháp của tánh nên gọi đó là Không. Đối với tất cả sự tướng như sắc v.v..., cái gì là phần còn lại? Tức chỗ dựa của giả nói như sắc v.v..., hai thứ như thế đều nhận biết đúng như thật. Là ở trong ấy chỉ sự là thật có, ở trong chỉ sự cũng có chỉ là giả. Không ở nơi thật không khởi chấp tăng trưởng. Không ở nơi thật có khởi chấp tổn giảm. Không tăng không giảm, không lấy không bỏ, như thật nhận biết rõ, như thật chân như, lìa ngôn từ nơi tự tánh. Như vậy gọi là kẻ khéo giữ lấy không. Đối với tánh của pháp không, có thể dùng tuệ diệu chân chánh khéo thông đạt. Như thế, thuận theo đạo lý chứng thành, nên biết các pháp tự tánh là lìa ngôn từ.

Lại do Thánh giáo, nên biết tự tánh của các pháp là lìa ngôn từ. Như Đức Phật Thế Tôn trong kinh Chuyển Hữu, vì nhằm hiển bày nghĩa này nên nói kệ:

*Dùng các tên gọi kia
Giảng giải các pháp ấy
Trong đó không có kia
Là pháp tánh các pháp.*

Vì sao tụng này hiển bày nghĩa như thế? Nghĩa là đối với pháp tướng như sắc v.v... kiến lập tên gọi của pháp như sắc v.v... tức dùng tên gọi của pháp như sắc v.v... như thế để giảng giải, biểu thị. Theo chỗ nói về pháp tướng như sắc v.v..., hoặc nói là sắc, hoặc nói là thọ, hoặc gọi là tướng, nói rộng cho đến gọi là Niết-bàn, đối với tất cả pháp tướng như sắc ấy, thì tự tánh của sắc v.v... đều không thật có. Cũng không có pháp của tánh như sắc khác v.v..., mà ở trong ấy, pháp tướng như sắc v.v..., tánh lìa ngôn từ, ý nghĩa, chân thật là có, nên biết tức là tự tánh của thắng nghĩa, cũng là pháp tánh.

Lại, Đức Phật Thế Tôn, trong phẩm Nghĩa, nói:

*Các thế tục thế gian
Mâu-ni đều không vương
Không vương ai hay chấp
Thấy nghe mà không ái.*

Vì sao tụng này hiển bày nghĩa như thế? Nghĩa là đối với sự tướng như sắc v.v... của thế gian với vô số giả nói như sắc hiện có v.v... gọi là các thế tục. Như việc giả nói kia đối với sự tướng ấy cho là có tự tánh, nơi thế tục như vậy Mâu-ni không vương mắc. Vì sao? Vì do nhận thức không tăng thêm, tổn giảm, không có nhận thức điên đảo hiện tiền. Do đạo lý này nên gọi là không vương mắc. Không vương mắc như vậy thì ai lại có thể chấp giữ?

Do không kiến chấp nên đối với sự không chấp giữ tăng thêm, tổn giảm, đối với cảnh của đối tượng nhận thức có thể quan sát đúng đắn, nên gọi là thấy. Lắng nghe ngôn thuyết nơi cảnh giới của đối tượng nhận thức, nên gọi là nghe. Dựa vào chỗ thấy nghe ấy không sinh tham ái, cũng không tăng trưởng, chỉ ở nơi duyên kia đoạn dứt rốt ráo, an trụ nơi xả trên, nên gọi là không ái.

Lại, Đức Phật Thế Tôn vì Tán Tha Ca Đa Diễn Na kia nên nói như vậy: Bí-sô Tán Tha! Không dựa nơi địa mà tu tĩnh lự. Không dựa nơi thủy, không dựa nơi hỏa, không dựa nơi phong, không dựa nơi không xứ, không dựa nơi thức xứ, không dựa nơi vô sở hữu xứ, không dựa nơi phi tướng phi phi tướng xứ, không dựa nơi đời này đời khác, không dựa nơi vàng sáng của mặt trời mặt trăng, không dựa nơi thấy nghe hiểu biết, không dựa nơi chỗ cầu, chỗ đạt, không dựa nơi ý theo tầm tứ, không dựa nơi tất cả mà tu tĩnh lự. Thế nào là Bí-sô tu tập tĩnh lự không dựa nơi địa mà tu tĩnh lự, nói rộng cho đến không dựa nơi tất cả mà tu tĩnh lự? Nay Bí-sô Tán Tha! Hoặc có người đối với địa trừ bỏ tướng về đất, hoặc có kẻ đối với thủy trừ bỏ tướng về

nước, nói rộng cho đến hoặc đối với tất cả trừ bỏ tướng về tất cả. Bí-sô tu tập tĩnh lự như thế, vì Nhân-đà-la, vì Y-xá-na, vì các vị Thế chủ cùng các thiên chúng, từ nơi xa làm lễ mà tán thán:

*Kính lễ Cát Tường Sĩ
Kính lễ Sĩ Trung Tôn
Ta nay chẳng biết ông
Dựa gì tu tĩnh lự?*

Vì sao kinh này hiện bày nghĩa như thế? Nghĩa là nơi tất cả sự tướng như địa v.v... nên đặt giả lập tên gọi như các địa v.v..., tức nơi các tướng ấy đối với sự tướng như sắc v.v... hiện có kia, hoặc khởi tăng thêm, hoặc khởi tổn giảm. Nếu ở nơi sự kia, khởi hữu thể có thể tăng thêm, chấp nơi tự tánh, gọi là Tướng tăng thêm. Khởi chỉ sự là có thể tổn giảm, chấp nơi trống nghĩa, gọi là Tướng tổn giảm. Người kia đối với tướng này có thể dứt trừ đúng đắn, có thể đoạn, có thể bỏ, nên gọi là trừ diệt. Vô lượng các loại Thánh ngôn như thế gọi là Chí giáo. Do Chí giáo tối thắng của Đức Như Lai ấy, nên biết tự tánh của các pháp là lìa ngôn từ.

Hỏi: Nếu như vậy thì do nhân duyên gì nên đối với tất cả các pháp tự tánh lìa ngôn từ mà khởi ngôn thuyết?

Đáp: Nếu không dấy khởi ngôn thuyết thì không thể vì kẻ khác giảng nói tất cả các pháp tự tánh lìa ngôn từ, kẻ khác cũng không thể nghe về nghĩa như vậy. Nếu không có nghe, tức không thể biết hết thấy pháp ấy, tự tánh lìa ngôn từ. Vì muốn khiến cho kẻ khác nghe biết các pháp tự tánh lìa ngôn từ, do đây đối với tự tánh lìa ngôn từ này mà dấy khởi ngôn thuyết.

Lại, các hàng ngu tối, do đối với chân như được hiển bày như vậy, mà không nhận biết rõ, nên từ nhân duyên này có tám phân biệt chuyên, có thể sinh ra ba sự, có thể phát khởi thế gian của tất cả hữu tình cùng khí thế gian.

Thể nào gọi là tám thứ phân biệt? Đó là:

- (1) Phân biệt của tự tánh.
- (2) Phân biệt sai biệt.
- (3) Phân biệt nắm giữ chung.
- (4) Phân biệt của ngã.
- (5) Phân biệt của ngã sở.
- (6) Phân biệt của ái.
- (7) Phân biệt của phi ái.
- (8) Phân biệt của chỗ cùng trái nhau kia.

Thể nào là tám thứ phân biệt như vậy có thể sinh ra ba sự? Nghĩa là, hoặc phân biệt của tự tánh, hoặc phân biệt sai biệt, hoặc phân biệt nắm giữ chung, ba thứ này có thể sinh ra phân biệt về chỗ dựa của hý luận, phân biệt về đối tượng duyên của hý luận. Tức là sự tưởng như sắc v.v... làm chỗ dựa, chỗ duyên, nên gọi là chỗ thâm tóm của ngôn thuyết thuộc tướng, gọi là chỗ hiển bày về phân biệt hý luận của ngôn thuyết thuộc tướng. Là đối với sự ấy phân biệt lượng xét, chẳng phải một mà là rất nhiều phẩm loại sai biệt.

Hoặc phân biệt của ngã, hoặc phân biệt của ngã sở, hai thứ phân biệt này có thể sinh ra cội gốc của tất cả kiến chấp còn lại cùng Tát ca da kiến là cội gốc của mạn. Lại có thể sinh ra ngã mạn hiện có, là cội gốc của tất cả mạn còn lại.

Hoặc phân biệt của ái, hoặc phân biệt của phi ái, hoặc phân biệt của chỗ cùng trái nhau kia, theo như chỗ ứng hợp có thể sinh ra tham dục, sân hận, ngu si. Đó gọi là tám thứ phân biệt có thể sinh ra ba sự như thế, là: Sự nơi đối tượng duyên, chỗ dựa của phân biệt hý luận. Sự kiến chấp ngã mạn. Sự tham sân si.

Nên biết ở đây, sự nơi đối tượng duyên dựa của phân biệt hý luận làm nơi chôn nung dựa, sinh Tát-ca-da-kiến cùng ngã mạn.

Hai thứ này làm chỗ dựa sinh ra tham sân si. Do ba sự ấy nên có thể hiển hiện khắp tất cả phẩm pháp lưu chuyển của thế gian.

Thế nào gọi là phân biệt của tự tánh? Nghĩa là đối với tất cả sự tướng như sắc v.v..., phân biệt về tầm tư hiện có của vô số tự tánh như sắc v.v... Như thế gọi là phân biệt của tự tánh.

Thế nào gọi là phân biệt sai biệt? Nghĩa là đối với sự tướng như sắc kia v.v... cho đây là có sắc, cho đây là không sắc, cho đây là có thấy, cho đây là không thấy, cho đây là có đối, cho đây là không đối, cho đây là hữu lậu, cho đây là vô lậu, cho đây là hữu vi, cho đây là vô vi, cho đây là thiện, cho đây là bất thiện, cho đây là vô ký, cho đây là quá khứ, cho đây là hiện tại, cho đây là vị lai. Do đạo lý với vô lượng phẩm loại sai biệt như vậy, tức ở nơi tự tánh phân biệt về chón dựa, phân biệt về vô số nghĩa sai biệt kia. Như vậy gọi là phân biệt sai biệt.

Thế nào gọi là phân biệt nắm giữ chung? Tức là đối với sự tướng như sắc kia v.v... với ngã, hữu tình, thọ mạng, sự sinh v.v... giả tướng, nêu đặt dẫn đến phân biệt. Nơi nhiều pháp chung, thì nắm giữ chung, làm nhân phân biệt mà chuyển. Đối với nhà cửa, quân binh, rừng núi, thức ăn uống, y phục, xe cộ v.v... giả tướng, nêu đặt dẫn đến phân biệt. Như vậy gọi là phân biệt nắm giữ chung.

Thế nào gọi là phân biệt của ngã, của ngã sở? Nghĩa là nếu các sự hữu lậu có nắm giữ, trong thời gian dài luôn hành tập theo chỗ chứa nhóm của chấp ngã và ngã sở, do vốn đã thường xuyên hành tập theo tà chấp, tự thấy sự xử làm duyên sinh ra phân biệt hư vọng. Như thế gọi là phân biệt của ngã, của ngã sở.

Thế nào gọi là phân biệt của ái? Nghĩa là duyên nơi cảnh giới của sự không tịnh diệu, không hợp ý sinh ra phân biệt.

Thế nào gọi là phân biệt của chỗ cùng trái nhau kia? Đó là duyên nơi cảnh giới của sự tịnh diệu, không tịnh diệu, hợp ý, không

hợp ý cùng lia sinh ra phân biệt. Ở đây, chỗ nêu lược có hai loại: (1) Phân biệt về tự tánh. (2) Phân biệt về sự của đối tượng duyên, dựa.

Hai thứ như thế từ vô thi đến nay nên biết là đã lần lượt hỗ tương làm nhân. Nghĩa là phân biệt của đời quá khứ làm nhân có thể sinh ra sự nơi đối tượng duyên, dựa của phân biệt hiện tại. Sự nơi đối tượng duyên, dựa của phân biệt hiện tại đã được sinh rồi, lại có thể làm nhân sinh khởi phân biệt của đời hiện tại do nơi duyên, dựa kia.

Đối với phân biệt hiện nay không nhận biết rõ, nên lại sinh sự nơi đối tượng duyên, dựa của vị lai. Chúng sẽ sinh nên quyết định phải sinh dựa nơi duyên kia để khởi phân biệt.

Làm sao để nhận biết rõ về phân biệt như thế? Tức do bốn thứ tầm tư, bốn thứ trí như thật.

Thế nào gọi là bốn thứ tầm tư? Đó là:

- (1) Tầm tư về danh.
- (2) Tầm tư về sự.
- (3) Tầm tư về tự tánh giả lập.
- (4) Tầm tư về sai biệt giả lập.

Tầm tư về danh: Nghĩa là các Bồ-tát đối với danh chỉ thấy danh. Đó gọi là tầm tư về danh.

Tầm tư về sự: Nghĩa là các Bồ-tát đối với sự chỉ thấy sự. Đó gọi là tầm tư về sự.

Tầm tư về tự tánh giả lập: Nghĩa là các Bồ-tát, đối với tự tánh giả lập chỉ thấy tự tánh giả lập. Đó gọi là tầm tư về tự tánh giả lập.

Tầm tư về sai biệt giả lập: Nghĩa là các Bồ-tát đối với các sai biệt giả lập chỉ thấy các sai biệt giả lập. Đó gọi là tầm tư về sai biệt giả lập.

Các Bồ-tát này, ở nơi danh, sự kia, hoặc quán lia tướng, hoặc quán hợp tướng. Nương dựa nơi danh, sự để quán hợp tướng, nên thông tỏ hai thứ tự tánh giả lập và sai biệt giả lập.

Thế nào gọi là bốn trí như thật? Đó là:

- (1) Trí như thật do tầm tư về danh dẫn khởi.
- (2) Trí như thật do tầm tư về sự dẫn khởi.
- (3) Trí như thật do tầm tư về tự tánh giả lập dẫn khởi.
- (4) Trí như thật do tầm tư về sai biệt giả lập dẫn khởi.

Thế nào là Trí như thật do tầm tư về danh dẫn khởi? Đó là các Bồ-tát đối với tầm tư về danh, chỉ có danh rồi, tức nơi danh ấy nhận biết rõ như thật. Nghĩa là danh như thế là nghĩa như thế, nơi sự lập giả, vì khiến cho thể gian dấy khởi tướng, dấy khởi nhận thức, dấy khởi ngôn thuyết. Nếu đối với tất cả sự tướng như sắc v.v... không giả kiến lập danh như sắc v.v... thì không thể có đối với sự tướng như sắc v.v... dấy khởi tướng về sắc. Nếu không có tướng tức không thể dấy khởi chấp tăng thêm. Nếu không có chấp tức không có ngôn thuyết. Nếu có thể nhận biết rõ đúng như thật như thế, đó gọi là Trí như thật do tầm tư về danh dẫn khởi.

Thế nào là Trí như thật do tầm tư về sự dẫn khởi? Nghĩa là các Bồ-tát đối với tầm tư về sự, chỉ có sự rồi, quán thấy tất cả sự tướng như sắc v.v... tánh lia ngôn thuyết, không thể ngôn thuyết. Nếu có thể nhận biết rõ đúng như thật như vậy, đó gọi là Trí như thật do tầm tư về sự dẫn khởi.

Thế nào là Trí như thật do tầm tư về tự tánh giả lập dẫn khởi? Nghĩa là các Bồ-tát đối với tầm tư về tự tánh giả lập, chỉ có tự tánh giả lập rồi, nhận biết rõ, thấu đạt đúng như thật về tự tánh giả lập hiện có trong sự tướng như sắc v.v... không phải là tự tánh của sự kia, mà giống như tự tánh của sự ấy hiển hiện. Lại có thể nhận biết rõ về tự tánh của sự kia cũng như ảnh tượng biến hóa, tiếng vang

ứng hợp, bóng sáng, trắng trong nước, ánh lửa, mộng huyền, tương tự hiển hiện, mà không phải là thể của tự tánh nơi sự ấy. Nếu có thể nhận biết rõ như thật về cảnh giới nơi đối tượng hành của nghĩa hết sức thâm diệu như thế, đó gọi là Trí như thật do tầm tư về tự tánh giả lập dẫn khởi.

Thể nào là Trí như thật do tầm tư về sai biệt giả lập dẫn khởi? Đó là các Bồ-tát đối với tầm tư về sai biệt giả lập, chỉ có sai biệt giả lập rồi, nhận biết rõ, thấu đạt đúng như thật về nghĩa bất nhị của sai biệt giả lập trong sự tướng như sắc v.v... Nghĩa là các sự kia không phải là có tánh, không phải là không tánh. Tánh có thể ngôn thuyết là không thành thật nên không phải là có tánh. Tánh lìa ngôn thuyết là thật thành lập, nên không phải là không tánh. Do thẳng nghĩa để như vậy nên sắc không phải là có, trong ấy không có các sắc pháp. Do thế tục để nên sắc không phải là không, trong ấy không có các sắc pháp. Do thế tục để nên sắc không phải là không, trong ấy nói có các sắc pháp. Như có tánh, không tánh, có sắc, không sắc thì môn sai biệt giả lập về có thấy, không thấy v.v... cũng như vậy. Do đạo lý như thế, tức tất cả đều nên nhận biết rõ. Nếu có thể nhận biết rõ đúng như thật về nghĩa bất nhị của sai biệt giả lập như vậy, đó gọi là Trí như thật do tầm tư về sai biệt giả lập dẫn khởi.

Hàng ngu tối đối với bốn trí như thật này, vì có chỗ thiếu sót nên không hiện tiền, liền có tám thứ phân biệt tà vạy chuyển đổi, có thể sinh ra ba sự, có thể dấy khởi thế gian của tất cả hữu tình và khí thế gian. Nghĩa là do phân biệt tà vạy như thế nên khởi các tạp nhiễm. Khởi tạp nhiễm nên lưu chuyển nơi sinh tử, ở trong sinh tử luôn trôi lăn, nên thường có vô lượng sự theo đuổi sinh tử, có vô số khổ của sinh lão bệnh tử lưu chuyển không dứt.

Bồ-tát dựa nơi bốn trí như thật ấy, có thể nhận biết rõ, đúng về tám thứ phân biệt, ở trong hiện pháp nhận biết rõ, đúng, nên khiến cho sự nơi đối tượng duyên, dựa thuộc về hý luận của đời vị lai

không sinh khởi nữa. Do không sinh khởi, nên ở đời vị lai, chỗ đây khởi phân biệt theo đối tượng duyên, dựa kia cũng không sinh trở lại. Như vậy, phân biệt cùng sự nơi duyên dựa, cả hai cùng diệt, nên biết tất cả hý luận đều diệt. Bồ-tát, nơi hý luận như thế đã diệt rồi, nên có thể chứng đắc Đại Bát Niết-bàn của Đại thừa ở trong hiện pháp, nơi trí xứ hành của thắng nghĩa chân thật là hoàn toàn thanh tịnh, có thể đạt được khắp tất cả tự tại. Đây là các Bồ-tát, nơi vô số hóa hiện đạt được thân thông có thể hóa hiện tự tại. Nơi vô số biến hiện, đạt được thân thông có thể hóa hiện tự tại. Đối khắp tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức, Trí đều được tự tại. Nếu muốn trụ lâu thì tùy chỗ ưa thích của mình, có thể an trụ tự tại. Hoặc muốn nhập diệt không đợi hại duyên thì có thể tự tại nhập diệt. Do các Bồ-tát đạt được vô lượng tự tại như thế, nên đối với các hữu tình, là vô thượng, tối thắng. Bồ-tát đối khắp tất cả đạt được tự tại như thế nên thu được năm thứ thắng lợi tối thắng:

(1) Đạt được tâm hết mục tịch tĩnh. Do trụ nơi tịch tĩnh tốt cùng nên không do nơi phiền não được vắng lặng.

(2) Có thể đối với tất cả minh xứ không chút trở ngại, nên trí kiến thanh tịnh trắng tươi vi diệu theo đây mà chuyển.

(3) Vì nhằm tạo lợi lạc cho các hữu tình, nên lưu chuyển trong sinh tử không có chán mệt.

(4) Khéo hội nhập nơi tất cả ngôn nghĩa nơi mật ý của Như Lai.

(5) Thắng giải về Đại thừa đạt được là không thể bị đoạt mất, không theo duyên nơi kẻ khác.

Nên biết năm thứ thắng lợi như thế có năm thứ nghiệp:

(1) Bồ-tát thành tựu hiện pháp lạc trụ tối thắng, có thể diệt trừ hết thảy các thứ mệt mỏi do thân tâm sinh ra, vì hướng tới Bồ-đề nên siêng năng tinh tấn gia hạnh. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: Tâm đạt được tịch tĩnh hết mục.

(2) Bò-tát có thể thành tựu đầy đủ về tất cả pháp Phật. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: Đối với các minh xứ, trí kiến thanh tịnh vi diệu không chút trở ngại.

(3) Bò-tát có thể thành tựu đầy đủ cho khắp tất cả hữu tình. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: Lưu chuyển nơi sinh tử không có chán mệt.

(4) Bò-tát có thể dứt trừ đúng đắn tất cả nghi hoặc đã sinh khởi của các hữu tình được mình hóa độ, hộ trì pháp nhãn chân chánh vi diệu của Như Lai khiến được trụ lâu, đối với trường hợp Thánh giáo của Như Lai bị chìm lặn, Chánh pháp trở nên mờ nhạt, Bò-tát có thể hiển bày, có thể làm cho mọi người đều nhận biết, có thể tiêu diệt đúng nguyên nhân tác hại kia. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: Khéo hội nhập nơi ngôn nghĩa, mật ý của Như Lai.

(5) Bò-tát có thể hàng phục dị luận của tất cả ngoại đạo, tinh tấn, kiên cố theo chánh nguyện không động. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: Đạt được thắng giải về Đại thừa không thể bị đoạt mất, không theo duyên nơi kẻ khác.

Bò-tát như thế là hiện có được nơi chốn hành hóa của tất cả Bò-tát, đều được thâm nhận từ nghiệp của năm thứ thắng lợi như vậy.

Thế nào là nơi chốn hành hóa của tất cả Bò-tát? Đó là tự an lạc, không chút tạp nhiễm, có thể thành tựu đầy đủ khắp hết thầy pháp Phật. Có thể thành thực khắp tất cả hữu tình, hộ trì chánh pháp vô thượng của Như Lai, hàng phục mọi thứ luận của kẻ khác, tinh tấn dũng mãnh theo chánh nguyện không động.

Nên biết bốn nghĩa chân thật như thế, hai loại đầu là bậc hạ, loại thứ ba là bậc trung, loại thứ tư là tối thắng.

HẾT - QUYỂN 36

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 37

Địa thứ 15: ĐỊA BỒ TÁT (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 5: UY LỰC

Thế nào là uy lực của chư Phật Bồ-tát? Nên biết lược có ba loại:

(1) Uy lực của bậc Thánh: Nghĩa là Phật, Bồ-tát đạt được định tự tại, dựa nơi định tự tại ấy, theo chỗ mong muốn về tất cả sự, thành tựu tâm hòa nhã nên khéo tu tâm. Đó gọi là uy lực của bậc Thánh.

(2) Uy lực của pháp: Đó là các pháp thù thắng có quả lớn rộng, có thắng lợi lớn. Đó gọi là uy lực của pháp. Trong đây gọi pháp, tức là sáu thứ Ba-la-mật-đa, là Bồ thí cho đến Bát nhã. Các pháp như vậy có uy lực lớn, nên gọi là uy lực của pháp.

(3) Uy lực cùng sinh: Nghĩa là Phật, Bồ-tát trước đã tích tập tư lương phước đức rộng lớn, chúng đắc pháp cùng sinh khởi hết sức kỳ diệu. Đó gọi là uy lực cùng sinh.

Lại, Phật, Bồ-tát, về phẩm loại sai biệt của uy lực như vậy lại có năm thứ:

- (1) Uy lực về thần thông.
- (2) Uy lực về pháp.
- (3) Uy lực câu sinh.

(4) Uy lực cùng chung với hàng Thanh văn, Độc giác.

(5) Uy lực không chung với hàng Nhị thừa.

Thế nào là uy lực về thần thông của chư Phật, Bồ-tát? Đó là sáu thứ thần thông: (a) Thần cảnh trí tác chứng thông. (b) Tùy niệm tức trụ trí tác chứng thông. (c) Thiên nhĩ trí tác chứng thông. (d) Kiến tử sinh trí tác chứng thông. (đ) Tri tâm sai biệt trí tác chứng thông. (e) Lậu tận trí tác chứng thông. Đó gọi là uy lực về thần thông.

Thế nào là thần cảnh trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Nghĩa là thần cảnh trí thông của chư Phật, Bồ-tát lược có hai loại: (1) Năng biến thông. (2) Năng hóa thông. Hai thứ như thế, về phẩm loại sai biệt đều có nhiều loại.

Thế nào là phẩm loại sai biệt của thần cảnh trí thông năng biến? Đó là mười tám thứ biến hiện:

(1) Tạo chấn động.

(2) Hiện sáng rực rỡ.

(3) Lưu hành khắp chốn.

(4) Thị hiện.

(5) Chuyển biến.

(6) Tới lui.

(7) Thâu lại.

(8) Mở ra.

(9) Nhiều hình tượng vào thân.

(10) Đồng loại đi đến.

(11) Hiện bày.

(12) Ẩn giấu.

(13) Tạo tác tự tại.

(14) Chế ngự thần thông kẻ khác.

(15) Có thể thí biện tài.

(16) Có thể thí ức niệm.

(17) Có thể thí an lạc.

(18) Phóng ánh sáng lớn.

Các loại như vậy đều gọi là thần cảnh trí thông năng biến.

Tạo chân động: Nghĩa là Phật, Bồ-tát đạt được định tự tại, với tâm hòa nhã thuận hợp, nên khéo tu tâm, dựa vào định tự tại có thể tạo chân động khắp tự viện, nhà cửa, thôn ấp, xóm làng, thành quách, cõi nước, các thế giới địa ngục, bàng sinh, quý, loài người, chư Thiên một trong bốn châu, một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới... cho đến vô lượng vô số tam thiên đại thiên thế giới, đều có thể tạo chân động khắp. Đó gọi là tạo chân động.

Hiện sáng rực rỡ: Tức Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, từ bên trên thân tướng phát ra ánh lửa sáng rực, bên dưới thân tuôn ra nước trong, lạnh. Nhập định hỏa giới, toàn thân sáng rực, hiện bày khắp các thân phần, phát ra vô số ánh lửa với các màu sắc xanh vàng đỏ trắng hồng tím biếc lục, pha lê. Đó gọi là hiện sáng rực rỡ.

Lưu hành khắp chốn: Nghĩa là Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, lưu hành rộng khắp ánh sáng đầy đủ nơi tất cả tự viện, nhà cửa cho đến vô lượng vô số thế giới không đâu là không sung mãn, như phần tạo chân động ở trước. Đó gọi là lưu hành khắp chốn.

Thị hiện: Tức Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, theo chỗ vui thích, thị hiện tất cả các loại hữu tình vân tập đến chúng hội như Sa-môn, Bà-la-môn, Thanh văn, Bồ-tát, Trời, Rồng, Dược xoa, Kiên-đạt-phước, A-tô-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mâu-hô-lạc-già, nhân, phi nhân khiến thấy đều hiện thấy. Dưới đến các nẻo ác, trên là các nẻo người, trời, lại khiến hiện thấy. Các cõi Phật khác, và chư Phật, Bồ-tát nơi cõi ấy, cho đến vượt hơn hàng hà sa quốc độ của chư Phật, với vô số tên gọi, âm thanh biểu thị cho cõi Phật,

và trong cõi Phật ấy, danh hiệu của Đức Như Lai đều khiến hiện thấy... Đó gọi là thị hiện.

Chuyển biến: Tức là Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, hoặc đối với đất khởi thắng giải về nước, liền khiến thành nước, như thật không khác. Thắng giải về lửa, gió cũng lại như vậy. Hoặc đối với nước, khởi thắng giải về đất, liền khiến thành đất, như thật không khác. Thắng giải về lửa, gió cũng lại như vậy. Hoặc đối với lửa, khởi thắng giải về đất, liền khiến thành đất, như thật không khác. Thắng giải về nước, gió cũng lại như vậy. Hoặc ở nơi gió, khởi thắng giải về đất, liền khiến thành đất, như thật không khác. Thắng giải về nước, lửa cũng lại như vậy. Hoặc đối với tất cả, khởi thắng giải khác, tức tùy theo thắng giải, như thật không khác. Như đối với bốn đại chủng hỗ tương chuyển biến, đối với sắc hương vị xúc nên biết cũng vậy. Hoặc đối với cỏ lá, phân bò, bùn đất v.v... khởi thắng giải về thức ăn uống, xe cộ, y phục, các vật trang sức, các vật dụng sinh sống, các loại hương xoa, tràng hoa, liền tùy theo thắng giải hiện ra như thật không khác. Hoặc đối với các vật như cát, đá, ngói, sỏi v.v... khởi thắng giải về những vật báu như mặt ni, chân châu, lưu ly, loa bối, bích ngọc, san hô..., tức tùy theo thắng giải, hiện ra như thật không khác... Đó gọi là chuyển biến.

Tới lui qua lại: Nghĩa là Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, theo chỗ ưa thích, ở trong các thứ tường vách núi đá v.v... mặc sức theo thân tới lui qua lại không có trở ngại, nói rộng cho đến đi tới cõi Phạm Thế, trên đến cõi Trời Sắc Cứu Cánh, tới lui đều vô ngại. Hoặc lại dựa nơi vô lượng vô số tam thiên đại thiên thế giới, hoặc qua hoặc lại đều không ngăn ngại. Hoặc vận chuyển thân bốn đại chủng thô nặng. Hoặc ở nơi xứ xa tạo thắng giải về gần. Hoặc theo thể mạnh như ý, mau chóng tới lui. Đó gọi là tới lui qua lại.

Thâu lại, mở ra: Tức là Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, có thể thâu lại tất cả núi chúa Tuyết như một cực vi, mở ra một cực vi khiến như tất cả núi chúa Tuyết v.v... Đó gọi là thâu lại, mở ra.

Nhiều hình tượng vào thân: Nghĩa là Phật, Bồ-tát dựa vào định tự tại, có thể đem vô số đại chúng hiện tiền cùng tất cả thôn ấp xóm làng, cỏ cây rừng rậm, núi non đại địa, hết thảy hình tượng màu sắc như thế đều vào trong thân mình, khiến các đại chúng, mỗi mỗi đều tự biết là đã vào thân kia. Đó gọi là nhiều hình tượng vào thân.

Đồng loại đi đến: Tức Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, hoặc có thể đi đến chúng Sát đế lợi, đồng với sắc loại của chúng ấy, như hình tượng của họ, giống với ngôn âm của họ. Chúng ấy, nếu dùng tên gọi này với nghĩa như vậy thì cũng liền dùng tên gọi này với nghĩa như vậy. Chúng ấy không dùng tên gọi đó với nghĩa như vậy, thì cũng không dùng tên gọi đó với nghĩa như vậy. Sau đây, vì họ diễn nói chánh pháp, thị hiện chỉ dạy, dẫn dắt, khen ngợi, khuyến khích vui mừng an ủi. Việc hóa độ đã xong, hốt nhiên ẩn mất. Chúng ấy cùng luyến tiếc, nói: Vị kia vừa ẩn mất, không rõ là trời chăng, là người chăng? Như có thể đi đến chúng Sát-đế-lợi, thì đi đến chúng Bà-la-môn hoặc các chúng Sa-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, trời Tứ Đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ Ma, trời Đô Sứ Đa, trời Lạc Biến Hóa, trời Tha Hóa Tự Tại, các cõi trời nơi Sắc giới, nên biết cũng vậy. Đó gọi là đồng loại đi đến.

Ẩn giấu, hiển bày: Đây là Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, ở trước đại chúng trăm độ, ngàn độ, hoặc hơn số lượng ấy, ẩn giấu tự thân, lại khiến hiển hiện. Đó gọi là ẩn giấu, hiển bày.

Tạo tác tự tại: Nghĩa là Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, đối khắp cảnh giới của tất cả hữu tình tới lui, an trụ, mọi sự tạo tác ở đây đều tự tại chuyên, khiến đi tức đi, khiến trụ liền trụ, khiến lại liền lại, khiến nói liền nói. Đó gọi là tạo tác tự tại.

Chế ngự thần thông kẻ khác: Tức Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, có thể chế ngự, hàng phục các thần thông được hiện bày của kẻ khác. Thần thông của Như Lai đều có thể chế ngự, hàng phục toàn bộ các thứ thần thông được hiện bày của tất cả những ai có đủ thần

thông. Tùy chỗ mong muốn đều khiến sự việc thành tựu rất ráo. Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ, hoặc thần thông hiện có của thân sau cùng, trừ các Đức Như Lai, đều có thể chế ngự, hàng phục toàn bộ các thứ thần thông được hiện bày của những ai có đủ thần thông. Các vị Bồ-tát còn lại, với thần thông hiện có, trừ các vị nhập nơi địa trên, đều có thể chế ngự, hàng phục toàn bộ các thứ thần thông được hiện bày của những kẻ có đủ thần thông. Đó gọi là chế ngự thần thông của kẻ khác.

Có thể thí biện tài: Nghĩa là Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, nếu các hữu tình biện tài cùng tận, có thể ban cho biện tài. Đó gọi là có thể thí biện tài.

Có thể thí ức niệm: Tức Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, nếu các hữu tình đối với pháp bị mất niệm, thì có thể ban cho ức niệm (nhớ nghĩ). Đó gọi là có thể thí ức niệm.

Có thể thí an lạc: Tức Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, lúc thuyết giảng chánh pháp đã ban cho người nghe pháp lợi ích an lạc về thân tâm khinh an khiến lìa mọi thứ ngăn che, chuyên tâm nghe pháp. Lại khiến cho các giới, do cùng trái nghịch có thể tạo tổn hại, hoặc hàng phi nhân gây tạo bệnh tật tai ương, đều được dứt trừ. Đó gọi là có thể thí an lạc.

Phóng ánh sáng lớn: Nghĩa là Phật, Bồ-tát dựa nơi định tự tại, do lực của thần thông, nên thân phóng ra ánh sáng. Hoặc có một loại ánh sáng đi tới mười phương diện, trong vô lượng vô số các thể giới, khiến hết thảy hữu tình nơi các nẻo ác dứt bỏ các khổ nơi cảnh giới mình.

Hoặc có một loại ánh sáng chiếu đến các cõi trời, khiến các chúng Trời, Rồng, Dược-xoa v.v... có uy đức lớn, trụ nơi cung điện của mình, nhờ ánh sáng ấy mà hiểu rõ sự việc, đều vân tập tới chúng hội.

Hoặc có một loại ánh sáng đi đến trong vô lượng vô số thế giới khắp mười phương, khiến các Bồ-tát trụ nơi thế giới của phương khác, nhờ ánh sáng ấy mà hiểu rõ sự việc, nên đều đi đến pháp hội. Tóm lại, các Đức Như Lai có thể phóng ra vô lượng vô số ánh sáng với đủ các thứ phẩm loại, có thể tạo ra vô lượng vô số sự việc lợi ích cho vô số vô lượng các loài hữu tình trong vô lượng vô số thế giới. Đó gọi là phóng ánh sáng lớn.

Nên biết tất cả thân cảnh trí thông năng biến với phẩm loại sai biệt như thế, mỗi mỗi thứ phân biệt có vô lượng vô số. Do thân thông này có thể chuyển vật có tự tánh còn lại khiến thành vật khác, nên gọi là thân cảnh trí thông năng biến.

Thế nào là thân cảnh trí thông năng hóa với phẩm loại sai biệt? Nghĩa là nếu lược nói, thì không sự mà có, đó gọi là hóa. Có thể dùng tâm hóa, theo chỗ mong muốn, tạo tác vô số sự việc chưa từng có, nên gọi là thân cảnh trí thông năng hóa.

Đây lại có nhiều thứ: Hoặc hóa làm thân cùng hóa làm cảnh, hoặc hóa làm ngữ.

Hoặc hóa làm thân cùng hóa làm cảnh: Hóa tương tợ với tự thân, hoặc không tương tợ. Hóa tương tợ với thân kẻ khác, hoặc không tương tợ. Lại, thân được hóa hiện, hoặc mình, hoặc người khác, hoặc giống hoặc không giống. Chỉ có thể hóa tác cùng với căn tương tợ, là chỗ nương dựa của căn mà không phải là căn thật.

Lại có thể hóa tác cảnh giới tương tợ. Nghĩa là các thức ăn uống v.v..., các thứ vật báu như mặt ni, chân châu, lưu ly v.v... ngoài các vật dụng cần cho đời sống, số còn lại thuộc về sắc, hương, vị, xúc hiện có. Hoặc tương tợ với chúng, hoặc khác với chúng, theo chỗ mong muốn, tất cả đều có thể hóa hiện.

Lại, thân được hóa hiện cùng với mình đồng loại, chẳng phải một mà là rất nhiều với vô số sai biệt. Hoặc tạo ra sắc tượng của tám

bộ chúng hộ pháp. Hoặc tạo ra sắc tượng của người, bồng sinh, quý, địa ngục. Hoặc tạo ra sắc tượng của các bậc Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai. Nếu thân được hóa hiện cùng với thân Bồ-tát hết sức giống nhau, thì gọi là thân được hóa tác cùng với mình tương tự. Nếu không như vậy thì gọi là thân được hóa tác không tương tự với mình.

Lại, thân được hóa tác cùng với kẻ khác đồng loại cũng có nhiều thứ. Hoặc tạo ra thân trời cùng với thân trời kia hết sức giống nhau, gọi là thân được hóa tác cùng với kẻ khác tương tự. Nếu không như thế, thì gọi là thân được hóa tác không tương tự với kẻ khác. Như hóa làm thân trời cho đến thân Phật, nên biết cũng vậy.

Ở đây thế nào là hóa làm nhiều thân? Nghĩa là Phật, Bồ-tát, ở trong vô lượng vô số các thế giới khắp mười phương, nơi một lúc hóa làm vô số hình loại, có thể vì vô lượng vô số hữu tình tạo các sự việc lợi ích. Như vậy, vô số hình loại được hóa hiện, trong ấy hoặc có chư Phật, Bồ-tát, tuy là đã diệt độ nhưng do diệu lực tu trì nên vẫn tạo được sự tùy duyên. Hoặc có trường hợp tạm thời tạo lợi ích xong thì sự việc hóa tác liền dứt.

Lại, Phật, Bồ-tát hoặc tạo ra hóa sự, chỉ khiến cho chúng sinh trông thấy mà thôi, như tạo ra các thứ huyễn hóa không thể thọ dụng. Hoặc lại hóa ra các thứ thức ăn uống, y phục, các thứ châu báu, xe cộ v.v... không khác với thật. Các loại vật dụng, của cải, thức ăn uống được hóa tác như thế khiến các chúng sinh thường được thọ dụng. Đó gọi là hoặc hóa làm thân cùng hóa làm cảnh giới.

Hoặc hóa làm ngữ (lời nói): Hoặc có trường hợp hóa tác lời nói tương ứng với âm thanh vi diệu. Hoặc có trường hợp hóa tác lời nói với âm thanh rộng lớn đầy đủ. Hoặc có trường hợp hóa tác lời nói hệ thuộc nơi chính mình. Hoặc có khi hóa tác lời nói hệ thuộc nơi kẻ khác. Hoặc có khi hóa tác lời nói không hệ thuộc vào đâu. Hoặc có trường hợp hóa tác lời nói tuyên thuyết chánh pháp, thuộc về ngôn

từ. Hoặc có trường hợp hóa tác lời nói nhằm khuyên dạy, chê trách kẻ phóng dật, thuộc về ngôn từ.

Lời nói tương ứng với âm thanh vi diệu: Nghĩa là Phật, Bồ-tát hóa tác lời nói được nêu bày, âm thanh ấy sâu xa như tiếng sấm rền trong mây, âm thanh ấy hòa nhã như tiếng Tần-ca (Ca-lăng-tần-già) có thể cảm hóa mọi tâm vì hết sức đáng yêu thích.

Lại, lời nói được hóa tác ấy là vi diệu, tròn đủ, hiển hiện, dễ hiểu, thích nghe, không rối loạn, không dựa nhờ, là vô tận.

Lời nói với âm thanh rộng lớn, đầy đủ: Tức là Phật, Bồ-tát hóa tác lời nói được nêu bày, âm thanh ấy rộng lớn, tùy chỗ ưa thích mà có vô lượng chủng loại, tám bộ chúng hộ pháp, các chúng Thanh văn, Bồ-tát, nhân, phi nhân, nơi vô lượng chúng hội, trong khoảng một do tuần thấy đều được nghe đầy đủ, do âm thanh vi diệu viên mãn, tùy loại mà bảo ban khắp.

Lại, tùy chỗ ưa thích, hoặc nơi Tiểu thiên thế giới, Nhị thiên thế giới, Tam thiên thế giới, cho đến vô lượng vô số thế giới trong mười phương, với chúng hội hiện có hoặc gần hoặc xa, dùng âm thanh vi diệu viên mãn, theo loại mà giảng nói, bảo ban khắp. Trong tiếng nói ấy phát ra vô số âm, vì các chúng sinh thuyết giảng vô số pháp, tùy chỗ ứng hợp đều đạt được nghĩa lợi.

Lời nói hệ thuộc nơi chính mình: Nghĩa là Phật, Bồ-tát hóa tác lời nói được nêu ra, ở nơi tự thân hóa tác phát ra vô số âm, nêu giảng chánh pháp, khuyên dạy, chê trách việc phóng dật.

Lời nói hệ thuộc nơi kẻ khác: Tức Phật, Bồ-tát hóa tác lời nói được nêu bày, ở nơi thân khác hóa tác nêu giảng chánh pháp, khuyên dạy, chê trách sự phóng dật.

Lời nói không hệ thuộc vào đâu: Đó là Phật, Bồ-tát hóa tác lời nói được nêu ra, hoặc ở trong hư không, hoặc ở nơi pháp được hóa hiện cho hàng phi tình mà có chỗ nêu giảng.

Lời nói nhằm tuyên thuyết chánh pháp, thuộc về ngôn từ: Tức là Phật, Bô-tát hóa tác lời nói được nêu bày là nhằm mở ra, chỉ rõ về chánh lý, khiến cho các chúng sinh ngu tối nơi vô số pháp đều được hiểu, tỏ.

Lời nói khuyên dạy, chê trách phóng dật, thuộc về ngôn từ: Nghĩa là Phật, Bô-tát hóa tác lời nói được nêu bày, vì những chúng sinh không ngu tối, đạt được tịnh tín nhưng phóng dật, nên chê trách sự phóng dật ấy khiến sinh hổ thẹn, khuyên dạy không phóng dật khiến siêng năng tu học.

Như vậy, chỗ nói về “hóa sự” rất nhiều, lược có ba loại là hóa tác thân, hóa tác cảnh và hóa tác lời nói. Nên biết tất cả thân cảnh trí thông năng hóa như thế, với phẩm loại sai biệt, mỗi mỗi phân biệt là vô số vô lượng.

Hai loại thân cảnh trí thông của chư Phật, Bô-tát như thế có thể làm rõ hai sự:

(1) Thị hiện vô số thân thông, dẫn dắt các chúng sinh vào Thánh giáo của Phật.

(2) Thị hiện vô số thân thông để bố thí cho vô lượng chúng sinh thọ khổ rất nhiều phẩm loại lợi ích an lạc.

Thế nào là tùy niệm túc trụ trí thông của chư Phật, Bô-tát? Nghĩa là Phật, Bô-tát, do trí túc trụ nên tự có thể theo đây nhớ nghĩ (tùy niệm) về túc trụ (sự sống từ đời trước, kiếp trước) của mình, từng ở trong loài hữu tình như thế, có tên gọi như thế, như nơi kinh đã nói rộng. Cũng có thể tùy niệm về thân của các hữu tình khác với tất cả phẩm loại sai biệt, như tự mình tùy niệm về sự việc của chính mình không khác. Lại có thể khiến cho kẻ khác đạt được trí túc trụ, có thể tự mình tùy niệm về đời trước, với những nơi chôn trải qua, hoặc tự thân hoặc tha thân cùng hết thấy phẩm loại sai biệt: Từng ở trong loài hữu tình như thế, ta mang tên như thế, cho đến nói rộng.

Như vậy, hữu tình chuyển đổi, lại khiến cho kẻ khác đạt được trí túc trụ, có thể tự mình tùy niệm về tất cả túc trụ, như trước không khác. Như thế, lần lượt khiến nhớ nghĩ về túc trụ, đều như tự mình ở trong hiện pháp.

Lại có thể theo đây nhớ nghĩ về các sự việc vi tế, tất cả hiện có, hoặc ít hoặc nhiều mà đời trước đã tạo tác, đã tư duy, đều không quên mất.

Lại có thể tùy niệm về từng sát na không gián đoạn, thứ lớp nơi sự tạo tác không gián đoạn.

Lại có thể tùy niệm có lượng có số sai biệt của túc trụ, nhận biết về thời, kiếp có thể tính toán.

Lại có thể tùy niệm về vô lượng vô số sai biệt của túc trụ, nhận biết về thời, kiếp không thể tính toán.

Nói tóm lại, trí túc trụ này, ở nơi xứ như thế, nơi loại như thế, nơi lượng như thế, theo chỗ mong muốn, đều chuyển không ngăn ngại. Như vậy gọi là uy lực thuộc về tùy niệm túc trụ của chư Phật, Bồ-tát.

Lại do trí tùy niệm túc trụ nên nhớ nghĩ về bản sinh (tiền thân), vì các hữu tình mở bày, chỉ rõ về những hạnh khổ khó làm mà Bồ-tát đã hành trì nơi đời trước với vô số phẩm loại thuộc loại hy hữu bậc nhất, khiến họ đối với Đức Phật sinh tin tưởng thanh tịnh, khởi tâm cung kính, nên ở chốn sinh tử sinh chán lìa sâu xa.

Lại do trí này nên nhớ nghĩ về bản sự, vì các chúng sinh mở bày chỉ rõ về vô số dị thực của quả nghiệp tương ưng nơi đời trước, nhằm khiến cho các chúng sinh chấp thường của thường luận, một phần thường luận vọng chấp về đời trước phá trừ chấp thường.

Thế nào là thiên nhĩ trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Nghĩa là Phật, Bồ-tát, do thiên nhĩ thanh tịnh, nên có thể đối với vô số âm

thanh của trời, người, Thánh, không phải Thánh, các âm thanh lớn, nhỏ, biện biệt, không biện biệt, hóa hiện, không hóa hiện, âm thanh xa, gần thấy đều nghe được.

Nghe âm thanh của hàng trời: Nếu không tác ý, thì dưới từ cõi dục, trên đến cung trời Sắc Cứu Cánh, trong ấy, các loài hữu tình thọ sinh với vô số âm thanh thấy đều có thể nghe. Nếu khi tác ý thì vượt hơn mức ấy, với âm thanh của các thế giới cũng đều có thể nghe được.

Nghe âm thanh của cõi người: Đối khắp tất cả loài hữu tình thọ sinh nơi bốn đại châu, với vô số âm thanh thấy đều có thể nghe được.

Nghe âm thanh của bậc Thánh: Đối với các Đức Như Lai, Thanh văn, Độc giác cùng các Bồ-tát, hoặc từ nơi chư vị, lần lượt vì các loài hữu tình khác, tuyên thuyết vô số chánh pháp, thị hiện chỉ dạy, dẫn dắt, khen ngợi, khuyến khích, an ủi, khuyên tu các điều thiện, khuyên bỏ các điều ác, với mọi âm thanh hiện có thể nghe được. Lại, đối với tất cả các bậc tâm không nhiễm ô, thọ trì đọc tụng, bàn luận, quyết định lựa chọn, khuyên can thuận hợp, nhằm tạo nhớ nghĩ, dạy trao khuyên răn, cùng các ngôn thuyết thiện hiện có khác có thể dẫn đến nghĩa lợi, vô số âm thanh như thế thấy đều có thể nghe được. Các loại như vậy gọi là nghe âm thanh của bậc Thánh.

Nghe âm thanh không phải Thánh: Tức đối với các hữu tình suy nghĩ sai lạc, nói lời ly gián, tà vạy, thù ghét, thô ác, sinh nơi nẻo ác thấp nhất, sinh lên nẻo trời, sinh vào nẻo người, vô số âm thanh như thế thấy đều có thể nghe được.

Nghe âm thanh lớn: Nghĩa là đối với các loại âm thanh do đại chúng phát sinh, do nơi tập hội lớn phát sinh, âm thanh của vô số các vật dụng tạo khổ não bức bách, âm thanh kêu khóc lớn, âm thanh do cùng hô hoán gọi báo, âm thanh của sấm rền vang, âm thanh của tù và thổi, rúc, âm thanh của nhạc trống thúc giục v.v..., vô số âm thanh như vậy thấy đều có thể nghe được.

Nghe âm thanh nhỏ: Tức thấp nhất là các thứ âm thanh vi tế thấy đều có thể nghe được.

Nghe âm thanh biện biệt: Tức đối với vô số âm thanh có nghĩa dễ hiểu rõ, thấy đều có thể nghe.

Nghe âm thanh không biện biệt: Là đối với vô số âm thanh với nghĩa khó hiểu rõ, như các thứ minh chú Đạt la nhị đồ, âm thanh của gió thổi chuông rung, tiếng vang từ cây, âm thanh của các loài chim v.v... thấy đều có thể nghe.

Nghe âm thanh hóa hiện: Nghĩa là đối với hết thấy hữu tình tâm được tự tại, có đủ thần thông, dựa nơi lực thần thông, hóa hiện các âm thanh, thấy đều có thể nghe được.

Nghe âm thanh không phải hóa hiện: Nghĩa là đối với vô số âm thanh khác với loại trên, thấy đều có thể nghe được.

Nghe âm thanh xa: Tức trừ Phật, Bồ-tát trụ nơi các xóm làng thành ấp, với các âm thanh hiện có, ngoài ra cho đến âm thanh trong vô lượng vô số thế giới, thấy đều có thể nghe được.

Nghe âm thanh gần: Là nghe các thứ âm thanh còn lại

Thế nào là kiến tử sinh trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Nghĩa là Phật, Bồ-tát, do thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn người đời, nên thấy rõ các hữu tình lúc chết, lúc sinh, hình sắc tốt, xấu, hoặc kém hoặc hơn, cùng nơi đời sau, sinh rồi các căn tăng trưởng, thân thành thực, những tạo tác thiện, ác, vô ký chuyên đổi sai biệt. Lại hiện thấy, biết các thứ sắc sáng rõ, các thứ sắc vi tế, các thứ sắc biến hóa, các thứ sắc tịnh diệu, dưới đến cõi Vô gián, trên đến cung trời Sắc Cứu Cánh, không do tác ý đều có thể thấy biết. Nếu khi tác ý thì có thể thấy trên dưới vô lượng vô số hình sắc nơi các thế giới khác. Cũng có thể thấy tất cả các sắc bên cạnh trong vô lượng vô số các thế giới. Cho đến có thể thấy các cõi Phật kia với chư Như Lai an tọa, vô số dị loại nơi

chúng hội, được các Đức Như Lai nêu giảng chánh pháp, hiển nhiên không lẫn lộn.

Lại, Phật, Bồ-tát dùng thiên nhãn thanh tịnh, thấy khắp vô lượng vô số các loài hữu tình trong mười phương, thân tạo nghiệp tịnh, bất tịnh, đã thấy rồi, theo chỗ ứng hợp, tùy chỗ thích nghi, hành tạo vô số lợi ích an lạc. Dùng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe khắp vô lượng vô số các loài hữu tình nơi mười phương, ngữ tạo nghiệp tịnh, bất tịnh, đã nghe rồi, theo chỗ ứng hợp, tùy chỗ thích nghi, hành tạo vô số lợi ích an lạc. Đó gọi là lược nói về chỗ tạo nghiệp nơi thiên nhãn thiên nhĩ của chư Phật, Bồ-tát.

Thế nào là tri tâm sai biệt trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Nghĩa là Phật, Bồ-tát dùng trí tha tâm nhận biết khắp về các loài hữu tình khác trong vô lượng vô số thế giới nơi mười phương, hoặc tâm có phiền não trói buộc, hoặc tâm lìa phiền não trói buộc, hoặc tâm có tùy buộc, có tùy miên phiền não, hoặc tâm lìa tùy buộc, lìa tùy miên phiền não. Lại nhận biết rõ khắp về tâm có nhiễm, tâm nguyện tà, tức tâm của các ngoại đạo và tâm có nhiễm ái. Lại nhận biết rõ khắp về tâm không nhiễm, tâm nguyện chánh, nghĩa là trái với hai tâm trên.

Lại nhận biết rõ khắp về tâm thấp kém, tức các loài hữu tình sinh nơi cõi dục, dưới đến tâm của hết thảy loài cầm thú.

Lại nhận biết rõ khắp về tâm bậc trung, tức các tâm hiện có của các loài hữu tình sinh nơi cõi sắc.

Lại nhận biết rõ khắp về tâm bậc thượng, tức các tâm hiện có của các loài hữu tình sinh nơi cõi vô sắc.

Lại nhận biết rõ khắp về tâm tương ưng với lạc, tâm tương ưng với khổ, tâm tương ưng với không khổ không lạc.

Lại có thể dùng một trí tha tâm để nhận biết về một hữu tình hiện có như vậy, thể tánh như vậy, phẩm loại như vậy, hành tướng

như vậy, sai biệt như vậy, tâm khởi hiện tiền, trong khoảng một niệm đều nhận biết đúng như thật.

Lại có thể dùng một trí tha tâm để nhận biết nơi nhiều hữu tình, hiện có như vậy, thể tánh như vậy, phẩm loại như vậy, hành tướng như vậy, sai biệt như vậy, tâm khởi hiện tiền, trong khoảng một niệm đều nhận biết đúng như thật.

Lại, tha tâm thông này của Phật, Bồ-tát, nhận biết về các căn hơn kém của các hữu tình, nhận biết về vô số thắng giải của các hữu tình, nhận biết về vô số giới hành của các hữu tình, tùy chỗ ứng hợp, có thể an lập đúng xứ, hướng tới cảnh giới Niết-bàn với vô số chánh hạnh. Nên biết đó gọi là chỗ tạo nghiệp của trí tâm sai biệt trí thông.

Thế nào là lậu tận trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Đó là Phật, Bồ-tát nhận biết rõ đúng như thật là phiền não đã dứt hết. Đạt được sự nhận biết rõ đúng như thật, hoặc mình hoặc người khác, đối với việc dứt hết các lậu đã được, chưa được. Nhận biết rõ đúng như thật, hoặc mình hoặc người khác về phương tiện hiện có có thể dứt hết các lậu. Như có thể nhận biết rõ đúng như thật về phương tiện, thì đối với không phải phương tiện cũng nhận biết đúng như thật. Nhận biết đúng như thật về kẻ khác đối với việc dứt hết lậu có tăng thượng mạn hoặc lìa tăng thượng mạn.

Lại, các Bồ-tát tuy có thể nhận biết rõ đúng như thật về công đức của tất cả lậu được dứt sạch, với phương tiện có thể chứng đắc nhưng không tác chứng. Do đó, Bồ-tát đối với các sự việc hữu lậu cùng với các lậu không mau chóng lìa bỏ. Tuy hành hóa trong vô số sự hữu lậu mà không nhiễm ô. Uy lực như vậy, đối với các uy lực là thù thắng cùng tột.

Lại, Phật, Bồ-tát do trí lậu tận tự không nhiễm ô, nên cũng khéo vì người khác phân biệt giảng nói rộng để dứt trừ tăng thượng mạn. Nên biết đó gọi là chỗ tạo nghiệp của lậu tận trí thông.

Thế nào là uy lực về pháp? Nghĩa là uy lực của bồ thí cho đến uy lực của Bát nhã. Uy lực của các pháp như bồ thí v.v... nên biết mỗi mỗi thứ lực có bốn tướng:

- (1) Tướng đoạn trừ đối tượng được đối trị.
- (2) Tướng tư lương thành thực.
- (3) Tướng tạo lợi ích tự, tha.
- (4) Tướng cho quả nơi vị lai.

Bốn tướng của bồ thí: Nghĩa là các Bồ-tát tu hành tuệ thí có thể đoạn trừ keo kiệt tiếc lẩn, là đối tượng được đối trị của bồ thí. Đó gọi là tướng thứ nhất.

Bồ thí này có thể tạo nên tư lương Bồ-đề của chính mình, cũng tức có thể tạo được sự bồ thí nhiếp (Một trong bốn nhiếp pháp) để thành thực các hữu tình. Đó gọi là tướng thứ hai.

Bồ thí, trước là ý vui thích, lúc bồ thí tâm tịnh, bồ thí xong không hối tiếc. Trong ba thời tâm luôn hoan hỷ, do tạo lợi ích cho chính mình và cũng có thể dứt trừ các thứ khổ về sợ hãi, về chỗ mong muốn bị thiếu thốn về vô số bệnh tật, về các thứ nóng lạnh đói khát, do tạo lợi ích cho người khác. Đó gọi là tướng thứ ba.

Đối với đời vị lai, tại nơi chốn sinh luôn thường giàu vui, có được lộc vị lớn, có được nhiều châu báu, của cải, có được bạn bè, quyến thuộc đông đảo, thuận hợp. Đó gọi là tướng thứ tư.

Như thế gọi là bốn tướng nơi uy lực của bồ thí. Ngoài bốn tướng này ra, không có gì vượt hơn hoặc tăng thêm.

Bốn tướng của trì giới: Nghĩa là các Bồ-tát thọ trì luật nghi, thân ngữ thanh tịnh, có thể dứt trừ việc phạm giới, là đối tượng được đối trị của giới. Đó gọi là tướng thứ nhất.

Tức chỗ thọ trì giới thanh tịnh, có thể làm tư lương Bồ-đề cho chính mình, cũng tức có thể tạo được sự đồng sự nhiếp (Một

trong bốn nhiếp pháp) thành thực các hữu tình. Đó gọi là tướng thứ hai.

Thọ trì tịnh giới, lìa bỏ phạm giới, là duyên sinh ra các sự sợ hãi, các thứ oán địch, các tội lỗi. Thức ngủ đều an lạc do tạo lợi ích cho chính mình. Lại do tịnh giới nên hoan hỷ, không hối hận, cho đến tâm định, là do tạo lợi ích cho chính mình. Thọ trì tịnh giới, không gây tổn não kẻ khác, ban cho khắp tất cả hữu tình sự không sợ hãi, do tạo lợi ích cho kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ ba.

Do nhân duyên ấy, nên sau khi thân hoại mạng chung, sinh trong thế giới chư Thiên là nẻo thiện. Đó gọi là tướng thứ tư.

Như thế gọi là bốn tướng nơi uy lực của trì giới. Ngoài bốn tướng này thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Bốn tướng của nhẫn nhục: Nghĩa là các Bồ-tát tu hành nhẫn nhục, có thể đoạn trừ không nhẫn, là đối tượng được đối trị của nhẫn. Đó gọi là tướng thứ nhất.

Tức nhẫn nhục này có thể tạo nên tư lương Bồ-đề của chính mình. Cũng tức có thể tạo nên sự “đồng sự nhiếp”, thành thực cho các hữu tình. Đó gọi là tướng thứ hai.

Do nhẫn nhục này cứu vớt tị tha khỏi sự sợ hãi lớn, là tạo lợi ích cho tị tha. Đó gọi là tướng thứ ba.

Do nhân duyên ấy nên có thể khiến cho Bồ-tát nơi đời vị lai không có nhiều oán địch, không có nhiều lìa cách, không có nhiều ưu khổ. Ở trong hiện pháp, lúc lâm chung tâm không sầu, hối. Sau khi qua đời, sinh trong thế giới chư Thiên, là nẻo thiện. Đó gọi là tướng thứ tư.

Như vậy gọi là bốn tướng nơi uy lực của nhẫn nhục. Ngoài chúng ra, không gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Bốn tướng của tinh tấn: Tức là các Bồ-tát trụ nơi siêng năng tinh tấn, có thể đoạn trừ biếng nhác là đối tượng được đối trị của tinh tấn. Đó gọi là tướng thứ nhất.

Tức tinh tấn này có thể tạo nên tư lương Bồ-đề của chính mình, cùng làm chỗ nương dựa. Cũng tức có thể tạo nên sự “đồng sự nhiếp”, thành thực các hữu tình. Đó gọi là tướng thứ hai.

Vì siêng năng tinh tấn, nên được trụ nơi an lạc, không bị tất cả các pháp ác bất thiện làm tạp loạn, càng về sau, sự chứng đắc càng vượt hơn so với trước, nên càng sinh khởi hoan hỷ, là do tạo lợi ích cho chính mình. Siêng tu phàm thiện, không dùng thân ngữ gây tổn não cho kẻ khác, khiến họ phát sinh tinh tấn, vui thích mong muốn, là do tạo lợi ích cho kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ ba.

Vì sức của nhân này, nên ở đời vị lai ưa thích sự nghiệp của hàng sĩ phu thù thắng. Đó gọi là tướng thứ tư.

Như vậy, gọi là bốn tướng nơi uy lực của tinh tấn. Ngoài chúng ra, không gì có thể hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Bốn tướng của tĩnh lự: Nghĩa là các Bồ-tát khi nhập tĩnh lự tức có thể đoạn trừ các phiền não nơi ngôn ngữ, các thứ tùy phiền não như sắc tướng, hỷ lạc, tầm tứ v.v... là đối tượng được đối trị của tĩnh lự. Đó gọi là tướng thứ nhất.

Tĩnh lự này có thể tạo nên tư lương Bồ-đề cho chính mình cùng chỗ nương dựa. Cũng tức có thể tạo nên sự “đồng sự nhiếp” thành thực cho các hữu tình. Đó gọi là tướng thứ hai.

Vì đạt hiện pháp lạc trụ do tạo lợi ích cho chính mình, tâm tịch tĩnh, tịch tĩnh tốt cùng, xa lìa tham ái. Đối với các hữu tình không gây tổn não, do tạo lợi ích cho kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ ba.

Vì nhân duyên này nên trí được thanh tịnh, có thể phát khởi thần thông, nơi đời vị lai sinh vào nẻo trời thanh tịnh, đắc quả tĩnh lự. Đó gọi là tướng thứ tư.

Như vậy gọi là bốn tướng nơi uy lực của tinh lự. Ngoài chúng ra, không gì có thể hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Bốn tướng của Bát nhã: Nghĩa là các Bồ-tát gồm đủ diệu tuệ, có thể đoạn trừ vô minh, là đối tượng được đối trị của tuệ. Đó gọi là tướng thứ nhất.

Bát nhã này có thể tạo nên tư lương Bồ-đề cho chính mình, có thể tạo nên bốn nhiếp pháp (Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự) để thành thực các hữu tình. Đó gọi là tướng thứ hai.

Nơi sự việc thuộc đối tượng nhận thức, như nghĩa nhận biết rõ, có thể dẫn phát sự hoan hỷ thanh tịnh rộng lớn, do tự tạo lợi ích. Vì khắp các hữu tình giảng nói pháp xứng hợp lý, khiến họ đạt được lợi ích an lạc nơi đời này và đời sau, do tạo lợi ích cho kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ ba.

Do nhân duyên này nên gồm thâu các căn thiện, có thể tạo tác đúng đắn, nơi đời vị lai có thể chứng đắc lìa trói buộc của hai chương: Tức lìa trói buộc của phiền não chương và lìa trói buộc của sở tri chương. Đó gọi là tướng thứ tư.

Như vậy gọi là bốn tướng nơi uy lực của Bát nhã. Ngoài chúng ra thì không gì có thể hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm. Đây gọi là uy lực của Pháp.

Thế nào là uy lực câu sinh của chư Phật, Bồ-tát? Nghĩa là tánh có thể nhớ nghĩ về các sự việc của bản sinh. Vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình, nên không do xét chọn, nơi thời gian hết sức lâu dài, với vô số khổ lớn, mãnh liệt không gián đoạn đều có thể gắng nhận. Vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình nên vui vẻ lãnh nhận để có thể hoàn thành các sự việc lợi ích cho chúng sinh. Hoặc vì nhằm tạo lợi ích cho các hữu tình nên sinh lên cõi trời thứ tư là Đổ Sứ Đa. Trụ hết thọ lượng nơi cõi trời Đổ Sứ Đa có ba sự thù thắng nổi bật so với sự thọ sinh của các chúng thiên tử: Thọ lượng cõi trời. Hình sắc cõi trời. Danh xưng cõi trời.

Lúc sắp hạ sinh nhập nơi thai mẹ, đã phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới. Đối với việc hạ sinh, nơi các phân vị nhập, trụ xuất thai đều nhận biết rõ, đúng đắn. Đã ra khỏi thai rồi, liền ở trên mặt đất, không chờ kẻ nâng giúp mà đi bảy bước, tự xưng đức hiệu. Thời gian mới sinh đã có uy đức lớn, tám bộ chúng hộ pháp đều dùng vô số hương hoa vi diệu cõi trời, mang kỹ nhạc cõi trời, y phục thượng diệu, cờ phướn lọng báu, các vật dụng thù thắng khác v.v... để cúng dường. Lại dùng 32 tướng đại trượng phu vô thượng để trang nghiêm nơi thân. Trụ nơi thân sau cùng trong đời sau cùng, hết thấy oán địch, hết thấy quân ma, tất cả tai họa đều không thể xâm hại. An tọa nơi tòa Bồ-đề, dùng diệu lực của định từ hàng phục các ma. Nơi mỗi mỗi chi phần của thân tướng thấy đều có đủ lực Na-la-diên. Thời kỳ là đồng tử, không do học tập, tự nhiên đạt được mọi thiện xảo đối với các xứ nghiệp công xảo của thế gian, có thể mau chóng hội nhập. Không thấy, tự nhiên riêng ở nơi Tam thiên đại thiên thế giới, chứng đắc quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Chủ thế giới Sách Ha (Ta bà) là Đại Phạm Thiên vương tự nhiên đi đến, ân cần khuyến thỉnh xin Đức Phật thương xót thế gian giảng nói chánh pháp. Định ấy tịch tĩnh, cho dù sấm sét vang rền, từng không hay biết, an nhiên không xuất. Thời kỳ làm Bồ-tát, hết thấy cảm thú, kể cả loài thân mềm máy cựa, đều hết sức kính tin, luôn tới quy ngưỡng, theo chỗ mong muốn, tự nương dựa mà trụ. Đã thành Phật rồi, dưới đến loài bàng sinh cũng tới cúng dường. Như trường hợp khi kia dâng cúng mật thanh tịnh, Đức Thế Tôn thương xót nên thọ nhận khiến khỉ nọ vô cùng vui mừng, nhảy múa. Ròng giăng mây luôn sẵn sàng cho việc giặt rửa, liền tuôn mưa, nếu khi ra đi thì dừng lại, không rút. Bồ-tát như vậy, nếu ngồi nơi cội cây thì tất cả cành nhánh thấy đều rủ xuống, làm bóng che, bóng che nơi thân từng không giảm, bỏ. Chứng đắc Bồ-đề rồi, trong sáu năm, ma luôn tìm chỗ sút kém, sờ hở, trọn không thể được. Luôn cùng hành niệm, mỗi mỗi hiện tiền. Do niệm ấy nên mọi thọ tướng, tầm tư sinh khởi rồi trụ, diệt không gì là không biết rõ.

Lại nữa, Phật thành tựu uy lực câu sinh, hoặc có trường hợp thấy, liền thuộc về lợi ích. Hoặc có trường hợp thuộc về hành trụ của Hiền Thánh.

Uy lực câu sinh, thấy liền thuộc về lợi ích: Nghĩa là các hữu tình ở thế gian, nếu được thấy Đức Như Lai thì kẻ điên cuồng tâm loạn được trở lại tâm như cũ, nghịch thai được thuận, kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe. Kẻ mang nhiều tham dục được lìa mọi trói buộc của tham. Kẻ mang nhiều sân hận được lìa mọi trói buộc của sân. Người mang nặng ngu si, được lìa mọi trói buộc của si. Các loại như vậy nên biết đó gọi là uy lực câu sinh, thấy liền thuộc về lợi ích.

Uy lực câu sinh thuộc về hành trụ của Hiền Thánh: Nghĩa là Phật, Bồ-tát, thường nằm nghiêng theo phía hông bên phải như sư tử chúa, tuy hiện ở yên nơi đám cỏ lá, một hông mà nằm, từng không động loạn. Tất cả Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tuy hiện việc ngủ nghỉ mà không chuyển nghiêng. Gió lớn chợt nổi lên, không làm động y nơi thân. Đi như sư tử, bước như ngư vương, trước giở chân phải mới dời chân trái. Theo chỗ đi, đất nơi chỗ cao liền thấp, chỗ thấp bèn cao, bằng phẳng như nơi bàn tay, không có các vật như sỏi đá gạch ngói. Tâm chuyên nơi xa lìa mà vào làng xóm, theo chỗ cửa vào, cửa nếu nhỏ hẹp tự nhiên thành cao rộng. Khi ăn uống thức ăn, nếu có hạt đều nát vụn, nuốt vào thuận hợp. Các loại như vậy, nên biết đó gọi là uy lực câu sinh thuộc về hành trụ của Hiền Thánh.

Lúc Bát Niết-bàn, đại địa chấn động, muôn sao rực sáng nối nhau rơi rụng, các phương trong một thời đột nhiên nóng bức. Đầy khắp hư không tấu nhạc lớn của trời...

Vô lượng các sự việc hết sức hy hữu như thế đều là uy lực câu sinh của Như Lai, không phải là uy lực của thần thông tạo ra. Như thế gọi là uy lực câu sinh của chư Phật, Bồ-tát.

Thế nào là uy lực của chư Phật, Bồ-tát cùng với hàng Thanh văn, Độc giác có chung, không chung? Lược do ba tướng nên biết là không chung:

- (1) Do vi tế.
- (2) Do phạm loại.
- (3) Do cảnh giới.

Chư Phật, Bồ-tát đối với vô lượng vô số các loài hữu tình, cùng vô lượng vô số phương tiện của uy lực, như chỗ nên tạo tác các sự việc lợi ích, đều nhận biết đúng như thật, đều có thể thực hiện. Đó gọi là vi tế.

Tất cả phạm loại nơi uy lực của thần thông, uy lực của Pháp, uy lực câu sinh tử đều thành tựu. Đó gọi là phạm loại.

Dùng tất cả thế giới, tất cả hữu tình giới làm cảnh giới của uy lực. Đó gọi là cảnh giới.

Hàng Thanh văn chỉ dùng hai ngàn thế giới cùng cảnh giới của hữu tình làm cảnh giới của thần thông. Hàng Độc giác chỉ dùng ba ngàn thế giới làm cảnh giới của thần thông. Vì sao? Do bậc ấy chỉ vì điều phục một thân mà tu chánh hạnh, không phải vì các hữu tình. Do đó, tột bậc là chỉ dùng một giới làm cảnh của thần thông. Trừ điều đã nói trên, uy lực còn lại của chư Phật, Bồ-tát, nên biết về tướng thô, cùng với các Thanh văn, Độc giác là cùng chung. Như vậy, uy lực của chư Phật, Bồ-tát, hàng Nhị thừa hãy còn không thể bì kịp, huống hồ là tất cả hàng trời, người, phàm phu, ngoại đạo.

Chư Phật, Bồ-tát lược có ba thứ uy lực thần biến:

- (1) Thần cảnh thần biến thâm tóm.
- (2) Ký thuyết thần biến thâm tóm.
- (3) Giáo giới thần biến thâm tóm.

Nên biết ba thứ này như chỗ ứng hợp, gồm thâu vào ba thứ uy lực thần thông, là uy lực thần cảnh trí thông, uy lực tâm sai biệt trí thông và uy lực lậu tận trí thông.

*
**

Địa thứ 15: Địa Bồ tát (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 6: THÀNH THỰC

Thế nào là thành thực? Nên biết thành thực lược có sáu loại:

- (1) Thành thực tự tánh.
- (2) Bồ-đặc-già-la của đối tượng thành thực.
- (3) Thành thực sai biệt.
- (4) Thành thực phương tiện.
- (5) Bồ-đặc-già-la của chủ thể thành thực.
- (6) Tướng Bồ-đặc-già-la đã thành thực.

Thế nào là thành thực tự tánh? Nghĩa là do có chủng tử của pháp thiện, cùng luôn hành tập các pháp thiện, nên đạt được khả năng thuận theo việc đoạn trừ hai chướng, thanh tịnh tăng thượng, thân tâm có tánh đảm nhận, tánh thuận hợp hết mực với thiện, đầy đủ gia hạnh chân chánh, an trụ ở đấy. Nếu gặp bậc Đại sư hay không gặp bậc Đại sư, đều có thể gánh vác, vì có uy lực lớn, có thể chứng đắc không gián đoạn hai chướng phiền não và sở tri đều được đoạn trừ. Ví như một ung nhọt, nung mủ đến sau rớt, liên tục có thể phá vỡ, gọi là ung nhọt đã muối. Lại như lò nung ngói, nung đốt đến tận cùng, liên tục được dùng, gọi là ngói chín. Lại như các thứ quả, chín đến trọn vẹn, liên tục có thể ăn, gọi là quả chín. Như vậy, do có chủng tử của pháp thiện, cùng luôn tu tập các pháp thiện, nên đạt được khả năng thuận hợp, nói rộng cho đến đầy đủ gia hạnh chính đáng, liên

tục có thể chứng đắc hai chương được thanh tịnh, gọi là thành thực. Như thế gọi là thành thực tự tánh.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la của đối tượng thành thực? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la của đối tượng thành thực lược có bốn loại:

(1) Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh Thanh văn, đối với thừa Thanh văn nên có thể thành thực.

(2) Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh Độc giác, đối với thừa Độc giác nên có thể thành thực.

(3) Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh của Phật, đối với thừa Vô thượng nên có thể thành thực.

(4) Bồ-đặc-già-la trụ nơi không chủng tánh, đối với loại trụ nơi nẻo thiện nên có thể thành thực.

Chư Phật, Bồ-tát đối với bốn sự này phải nên thành thực bốn thứ Bồ-đặc-già-la như thế. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la của đối tượng thành thực.

Thế nào là thành thực sai biệt? Nghĩa là sai biệt này lược có sáu thứ:

(1) Các căn thành thực.

(2) Căn thiện thành thực.

(3) Trí tuệ thành thực.

(4) Hạ phẩm thành thực.

(5) Trung phẩm thành thực.

(6) Thượng phẩm thành thực.

Các căn thành thực: Nghĩa là thọ lượng đầy đủ, hình sắc đầy đủ, tộc họ đầy đủ, tự tại đầy đủ, lời nói được tin tưởng đầy đủ, uy thế lớn đầy đủ, tánh người đầy đủ, đại lực đầy đủ. Đây là nương vào dị thực của quả nơi thân đầy đủ làm chỗ dựa, nên đảm nhận, phát khởi tinh

tân dũng mãnh tu các pháp thiện, đối với việc siêng tu tập tất cả minh xứ, tâm không chán mệt.

Căn thiện thành thực: Nghĩa là tánh làm mỏng các thứ trần cấu là chỗ nương dựa, tánh ở trong các pháp ác, bất thiện, tâm không vui nhập. Các thứ ngăn che vi tế nhẹ dần, tầm tư mỏng yếu, nên đạt chánh trực, hòa nhã, tùy thuận mà giữ lấy.

Trí tuệ thành thực: Nghĩa là đầy đủ chánh niệm vì tánh thông sáng, có chỗ đảm nhận có uy lực lớn nên có thể lãnh hội ý nghĩa của pháp thuyết thiện thuyết ác, có thể thọ nhận, có thể hành trì, có thể thông đạt đúng đắn, thành thực đầy đủ diệu tuệ câu sinh. Dựa nơi diệu tuệ này nên có chỗ đảm nhận, có uy lực lớn, có thể giúp cho tâm giải thoát hoàn toàn tất cả phiền não. Nên biết ở đây, các căn thành thực nên giải thoát chướng của dị thực. Căn thiện thành thực nên có thể giải thoát chướng của nghiệp. Trí tuệ thành thực nên giải thoát chướng của phiền não.

Hạ phẩm thành thực: Nghĩa là hai nhân duyên nơi hạ phẩm thành thực: (a) Tu tập chưa lâu nên nhân duyên thành thực của các căn, của căn thiện, của trí tuệ tăng trưởng chưa đúng mức. (b) Thường xuyên hành tập theo nhân duyên thấp kém.

Trung phẩm thành thực: Nghĩa là đối với hai thứ nhân duyên ấy, theo đây một thứ khuyết giảm, một thứ đầy đủ.

Thượng phẩm thành thực: Tức đối với hai nhân duyên đã nêu đều không khuyết giảm.

Thế nào là thành thực phương tiện? Nên biết thành thực này có hai mươi bảy thứ:

- (1) Cảnh giới tăng trưởng.
- (2) Hiện duyên thâm nhận.
- (3) Hướng nhập.

- (4) Thâu tóm an lạc.
- (5) Xứ phát khởi đầu tiên.
- (6) Không phải là xứ phát khởi đầu tiên.
- (7) Thanh tịnh xa.
- (8) Thanh tịnh gần.
- (9) Gia hạnh.
- (10) Ý vui thích.
- (11) Cửa cải dùng thâu nhận.
- (12) Pháp dùng thâu nhận.
- (13) Thân thông thâu dẫn.
- (14) Tuyên thuyết chánh pháp.
- (15) Ẩn mật thuyết pháp.
- (16) Hiện bày thuyết pháp.
- (17) Gia hạnh phẩm hạ.
- (18) Gia hạnh phẩm trung.
- (19) Gia hạnh phẩm thượng.
- (20) Lắng nghe.
- (21) Tư duy.
- (22) Tu tập.
- (23) Tiếp nhận.
- (24) Hàng phục.
- (25) Tự thành thực.
- (26) Thịnh kẻ khác thành thực.
- (27) Cùng thành thực.

Cảnh giới tăng trưởng: Nghĩa là chủng tử của pháp thiện nơi bản tánh đầy đủ làm chỗ nương dựa. Trước giờ thường xuyên hành tập các pháp thiện, nên trong phần vị về sau chủng tử của pháp

thiện càng tăng, càng vượt lên, sinh khởi kiên trụ. Đó gọi là cảnh giới tăng trưởng.

Hiện duyên thâm nhận: Tức ở trong hiện pháp, thuyết pháp thuận hợp, thọ trì không điên đảo, tu hành như lý về pháp tùy pháp hành. Nên biết cảnh giới tăng trưởng do nhân của đời trước, hiện tại thành thực. Hiện duyên thâm nhận do nhân của hiện tại thành thực nơi hiện tại.

Hướng nhập: Nghĩa là đạt được lực tăng thượng của tịnh tín nên hoặc có hàng tại gia xa lìa hành ác, thọ trì học xứ. Hoặc hướng đến “không nhà” xa lìa các dục thọ trì học xứ.

Thâm tóm an lạc: Tức dựa nơi hành tích lìa khỏi các khổ, cùng dựa nơi hành tích xa lìa hai biên dục lạc – tự khổ. Đối với Thánh giáo chân thật là pháp – Tỳ-nại-da do Phật khéo thuyết giảng, sinh khởi yêu thích sâu xa.

Xứ phát khởi đầu tiên: Tức là đầu tiên đối với pháp đáng chán lìa sinh khởi sự chán lìa sâu xa. Đối với nghĩa có thể thành tựu đầy đủ lý chân thật, nhận biết rõ đúng như thật có công đức hơn hẳn mà hướng nhập đầu tiên. Đó gọi là xứ phát khởi đầu tiên.

Không phải xứ phát khởi đầu tiên: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã hướng nhập, lúc hiện thành thực thường không lìa bỏ các xứ sáng rõ của chư Phật, Bồ-tát, nên càng lúc càng sáng rõ. Do vậy, sự thành thực ấy càng thêm tăng tiến.

Thanh tịnh xa: Nghĩa là do biếng nhác hoặc do trái với duyên nên trải qua thời gian rất dài hoặc trải qua nhiều đời, hoặc trải qua nhiều kiếp mới có thể thanh tịnh.

Thanh tịnh gần: Nên biết là trái với tất cả phần nêu trên.

Gia hạnh: Tức là đạt được nghĩa lợi thù thắng của mình, vui muốn mãnh liệt làm chỗ dựa. Hoặc sợ nơi vị lai bị đọa vào các nẻo

ác. Hoặc sợ nơi hiện tại bị kẻ khác chê trách, nên đối với các học xứ luôn siêng năng gìn giữ, hành tác thận trọng không gián đoạn.

Ý vui thích: Tức đối với các pháp, quan sát đúng đắn nhận làm chỗ dựa, nên đối nơi pháp – luật do Phật khéo giảng nói, không thể bị đoạt mất, đối với sự chứng đắc của kẻ khác, sinh tin hiểu sâu xa, tin có công đức làm chỗ nương, nên ở nơi Tam bảo cùng ở nơi chỗ đạt được nghĩa lợi của mình đều tin tưởng sâu xa, không lay động.

Cửa cải dùng thân nhận: Nghĩa là đối với hết thảy những người có sự thiếu thốn về vật dụng ăn uống v.v... thì ban cho họ tất cả các thứ ấy. Hoặc đối với các thứ vật dụng thuận theo sự ăn uống có thiếu thốn thì cũng ban cho đầy đủ.

Pháp dùng thân nhận: Tức là hoặc tuyên thuyết chánh pháp, ban cho các hữu tình. Hoặc mở bày, làm rõ nghĩa chân chính ban cho các hữu tình.

Thần thông thâm dẫn: Nghĩa là người có đủ thần thông, thương xót hữu tình, nên hoặc nhằm khiến họ đạt ý lạc thanh tịnh, hoặc nhằm khiến họ có được lực tăng thượng thanh tịnh của gia hạnh, nên thì hiện vô số thần thông biến hóa, khiến cho hữu tình thấy rồi nghe rồi, đối với Thánh giáo của Phật, hoặc sẽ đạt được ý lạc thanh tịnh, hoặc sẽ tu hành gia hạnh thuận hợp. Các hữu tình ấy, do những thần biến kia thâm dẫn nơi tâm, nên hoặc có kẻ đạt được ý lạc thanh tịnh, hoặc có kẻ tu hành gia hạnh thuận hợp.

Tuyên thuyết chánh pháp: Tức là đối với những hữu tình đạt được nghĩa lợi thù thắng của mình, nếu không thể gắng nhận, thực hành thì vì họ thuyết giảng chánh pháp, hỗ trợ khiến họ phát sinh chánh hạnh. Nếu có thể nhận lãnh, hành trì, thì cũng vì họ nêu giảng chánh pháp, tùy thuận khiến họ mau chóng chứng đạt thông tuệ.

Ẩn mật thuyết pháp: Nghĩa là đối với các hữu tình có trí tuệ còn non kém thì ẩn giấu phần pháp nghĩa thâm diệu rộng lớn, chỉ vì họ

nêu giảng các pháp thô cạn để có thể ngộ nhập, để làm phương tiện để hướng nhập xứ pháp.

Hiện bày thuyết pháp: Tức là đối với các hữu tình có trí tuệ rộng lớn, đã khéo ngộ nhập nơi lý của Thánh giáo, thì vì họ mở bày chỉ rõ về xứ pháp của đạo lý sâu xa rộng lớn.

Gia hạnh phẩm hạ: Nghĩa là hoặc xa lìa gia hạnh không gián đoạn cùng xa lìa gia hạnh tôn trọng.

Gia hạnh phẩm trung: Nghĩa là hoặc xa lìa gia hạnh vô gián, hoặc lại xa lìa gia hạnh tôn trọng, đối với hai thứ gia hạnh ấy, thiếu một thứ.

Gia hạnh phẩm thượng: Tức là đối với hai thứ gia hạnh nêu trên đều cùng tương ưng.

Lắng nghe: Tức đối với lời Phật giảng nói, sinh khởi tin hiểu sâu xa, siêng năng tinh tấn lắng nghe, thọ trì, đọc tụng các pháp như kinh v.v...

Tư duy: Nghĩa là ở nơi xa lìa, vui thích tư duy về pháp, lường xét về nghĩa, hiểu rõ, quyết định.

Tu tập: Tức đối với các tướng dừng, hành, xả đều quan sát kỹ, đúng, làm yếu tố trước tiên, thâm tâm vui thích tu các pháp chỉ, cử, xả.

Tiếp nhận: Đó là tâm không nhiễm, nơi các bậc Thân giáo sư (Hòa thượng), Quý phạm sư (A-xà-lê), với phương tiện đạo lý không có điên đảo, cùng tạo chỗ nương dựa. Lại đối với các vị ấy phát khởi vô số hành sự cúng dường riêng. Nghĩa là hành sự thăm bệnh, hành sự cúng dường đúng pháp các thứ y phục, thức ăn uống, đồ nằm ngồi, thuốc chữa bệnh, các vật dụng cần thiết khác, hành sự dứt trừ ưu sầu cùng ó tác, hành sự trừ diệt các phiền não, tùy phiền não. Các loại như vậy nên biết đều gọi là hành sự cúng dường riêng.

Hàng phục: Tức tự thân phòng giữ sâu xa các thứ tạp nhiễm. Đối với kẻ hủy phạm, nếu phạm phẩm hạ thì dùng tâm từ khuyên can, chỉ dạy. Nếu phạm phẩm trung thì dùng tâm từ để trách, phạt. Nếu phạm phẩm thượng thì dùng tâm từ để đuổi đi. Nên biết ở đây, khuyên dạy, trách phạt là nhằm khiến cho kẻ ấy cùng những người khác có được lợi ích an lạc. Một loại đuổi đi, nếu lại thâm nhận, là khiến cho kẻ ấy cùng những người khác có được lợi ích an lạc. Hoặc đuổi đi rồi không thâm nhận lại thì chỉ khiến cho kẻ khác được lợi ích an lạc. Vì sao? Vì kẻ khác nếu thấy người kia do nhân duyên hủy phạm nên bị đuổi đi, thì liền tự mình phòng giữ không dám hủy phạm.

Tự thành thực: Là tự mình nêu bày thuận theo chánh pháp, khiến các hữu tình ra khỏi xứ bất thiện, an lập nơi xứ thiện. Như chỗ tự mình nêu bày, cũng tự tu tập pháp tùy pháp hành, giúp các hữu tình đồng phạm tùy chuyển, khiến cho người khác không thể nói: Tự mình không thể ra khỏi xứ bất thiện, an lập nơi xứ thiện thì làm sao khuyên dạy người khác...

Thỉnh kẻ khác thành thực: Nghĩa là nếu có vô lượng hữu tình khác, đối với chánh pháp kia phát khởi sự yêu thích tốt bậc. Hoặc lại có các hữu tình khác, khéo biết rõ phương tiện, ở nơi chánh pháp đã được thuyết giảng rồi khéo tu học, tức nên đối với họ ân cần khuyến thỉnh, hỗ trợ, khiến họ thành thực vô lượng hữu tình.

Cùng thành thực: Đó là gồm đủ hai thứ: Hoặc tự thành thực, hoặc khuyến thỉnh kẻ khác khiến họ thành thực.

Do nói về hai mươi bảy thứ thành thực phương tiện này, nên biết là đã làm viên mãn sự sai biệt nơi sáu thứ thành thực trước (Các căn thành thực, Căn thiện thành thực, Trí tuệ thành thực, Hạ phẩm thành thực, Trung phẩm thành thực, Thượng phẩm thành thực).

Thế nào là Bồ-đặc-già-la của chủ thể thành thực? Nghĩa là lược có sáu loại Bồ-tát, trụ nơi sáu địa của Bồ-tát, có thể thành thực các hữu tình. Đó là:

- (1) Bồ-tát hành thắng giải, trụ nơi địa hành thắng giải.
- (2) Bồ-tát ý lạc tịnh thắng, trụ nơi địa ý lạc tịnh thắng.
- (3) Bồ-tát hành chánh hạnh, trụ nơi địa hành chánh hạnh.
- (4) Bồ-tát gắn liền với quyết định, trụ nơi địa gắn với quyết định.
- (5) Bồ-tát quyết định hành chánh hạnh, trụ nơi địa quyết định hành chánh hạnh.
- (6) Bồ-tát đạt đến cứu cánh, trụ nơi địa đến cứu cánh.

Bồ-đặc-già-la trụ nơi không chủng tánh, lúc đi tới nẻo thiện mà thành thực, có số thoái chuyển, có số nên tạo Bồ-đặc-già-la an trụ nơi chủng tánh. Khi đối với ba thừa mà thành thực, không số thoái chuyển, không số tạo tác ứng hợp.

Thế nào là tướng của Bồ-đặc-già-la đã thành thực? Nghĩa là các Thanh văn trước đã thường xuyên tu tập các pháp thiện, nếu khi an trụ nơi hạ phẩm thành thực, bấy giờ liền có dục lạc hạ phẩm, gia hạnh hạ phẩm cũng như đi tới nẻo ác, không phải ở nơi hiện pháp chứng quả Sa-môn, không phải ở nơi hiện pháp đắc Bát Niết-bàn.

Nếu khi an trụ nơi trung phẩm thành thực, bấy giờ liền có dục lạc trung phẩm, gia hạnh trung phẩm không đi tới nẻo ác, ở trong hiện pháp chứng quả Sa-môn, không phải ở nơi hiện pháp đắc Bát Niết-bàn.

Nếu lúc an trụ nơi thượng phẩm thành thực, khi ấy liền có dục lạc thượng phẩm, gia hạnh thượng phẩm, không đi tới nẻo ác, ở trong hiện pháp chứng quả Sa-môn, tức ở nơi hiện pháp đắc Bát Niết-bàn.

Như nói về Thanh văn, Độc giác cũng vậy. Vì sao? Vì đạo cùng với Thanh văn là đồng chủng loại. Nhưng Độc giác này so với các Thanh văn có sai biệt. Nghĩa là trụ nơi hữu sau cùng, nơi thân đạt được sau cùng, không có sức hành tập từ đời trước của Quý phạm sư,

tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, đoạn dứt rốt ráo tất cả phiền não, chứng A-la-hán nên gọi là Độc giác.

Nếu các Bồ-tát trụ nơi địa hành thắng giải, gọi là hạ phẩm thành thực. Trụ nơi địa ý lạc tịnh thắng, gọi là trung phẩm thành thực. Trụ nơi địa gắn liền quyết định, đạt đến cứu cánh, gọi là thượng phẩm thành thực. Nếu khi Bồ-tát trụ nơi hạ phẩm thành thực, bấy giờ liền có dục lạc hạ phẩm, gia hạnh hạ phẩm, cũng như đi tới nẻo ác. Ở đây, hết biên vực của vô số kiếp thứ nhất, sáng rõ, không động, thanh tịnh cực thiện, pháp thiện của phẩm Giác, nên biết tất cả đều chưa tương ưng.

Nếu khi Bồ-tát trụ nơi trung phẩm thành thực, bấy giờ liền có dục lạc trung phẩm, gia hạnh trung phẩm, không đi đến nẻo ác. Ở đây, hết biên vực của vô số kiếp thứ hai, sáng rõ, không động, pháp thiện của phẩm Giác đã được tương ưng. Thanh tịnh cực thiện, pháp thiện của phẩm Giác chưa được tương ưng.

Nếu khi Bồ-tát trụ nơi thượng phẩm thành thực, bấy giờ liền có dục lạc thượng phẩm, gia hạnh thượng phẩm, không đi đến nẻo ác. Ở đây, hết biên vực của vô số kiếp thứ ba, sáng rõ, không động, thanh tịnh cực thiện, pháp thiện của phẩm Giác, nên biết tất cả đầy đủ thành tựu.

Nay ở trong đây, tánh thuần hậu, hết sức mãnh liệt, có thể có được quả rộng lớn thuộc phẩm thượng, nên có thắng lợi lớn, gọi là sáng rõ. Không xoay chuyển trở lại nên gọi là không thoái chuyển. Luôn thắng tấn nên gọi là không động. Trong địa Bồ-tát là tối vô thượng, nên biết gọi là thanh tịnh cực thiện. Ở đây, nên biết nếu dùng của cải thân nhận chỗ tạo thành thực, hoặc thân thông dẫn thân chỗ tạo thành thực, hoặc ẩn mật thuyết pháp tạo nên thành thực, hoặc gia hạnh phẩm hạ tạo nên thành thực, hoặc chỉ là lắng nghe tạo nên thành thực, năm thứ tạo nên thành thực như thế, nếu nơi thời gian dài tu tập

pháp kia, hãy còn là hạ phẩm, huống hồ là nơi thời gian ngắn tu tập pháp kia. Ngoài ra, tất cả nhân duyên thành thực tạo nên thành thực, nên biết đều có ba thứ đạo lý. Nghĩa là, hoặc ở nơi hạ phẩm kia tu tập thành thành thực bậc hạ. Nơi trung phẩm tu tập thành thành thực bậc trung. Nơi thượng phẩm tu tập thành thành thực bậc thượng. Ba loại thành thực hạ trung thượng này, nên biết mỗi mỗi loại lại có ba phẩm. Ở trong phẩm Hạ có ba phẩm thành thực: hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Nơi phẩm Trung có ba phẩm thành thực: trung hạ, trung trung, trung thượng. Ở trong phẩm thượng có ba phẩm thành thực: thượng hạ, thượng trung, thượng thượng.

Các loại như vậy, chư Phật, Bồ-tát thành thực hữu tình, nên biết lần lượt có vô lượng loại sai biệt. Trong đây, Bồ-tát do trước đã nói về nhân duyên thành thực, vì muốn thành thực pháp Phật nơi chính mình nên siêng năng tinh tấn tu tập Các căn thành thực, Căn thiện thành thực, Trí tuệ thành thực, Hạ phẩm thành thực, Trung phẩm thành thực, Thượng phẩm thành thực.

Lại nhằm khiến cho Bồ-đặc-già-la của các loài hữu tình khác, nhân nơi pháp của ba thừa mà xuất ly, nên đi tới nẻo thiện, tu tập sáu thứ thành thực như thế.

HẾT - QUYỂN 37

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 38

Địa thứ 15: ĐỊA BỒ TÁT (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 7: BỒ ĐỀ

Thế nào là Bồ-đề? Nghĩa là lược nói về hai đoạn hai trí, đó gọi là Bồ-đề.

Hai đoạn là: Đoạn phiền não chướng. Đoạn sở tri chướng.

Hai trí là: Trí do phiền não chướng đã đoạn trừ nên lìa hoàn toàn mọi cấu uế, tất cả phiền não không còn tùy thuận trói buộc. Trí do sở tri chướng đã đoạn trừ, nên đối với tất cả sở tri (đối tượng nhận thức) không còn chướng ngại.

Lại có môn khác: Nghĩa là Trí thanh tịnh. Trí nhất thiết. Trí không vướng mắc.

Tất cả phiền não cùng các tập khí đều vĩnh viễn dứt trừ không sót, hiện bày khắp hết thấy chủng loại không nhiễm, vô minh vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, đó gọi là Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng.

Hết thấy phiền não cùng các tập khí được đoạn trừ rốt ráo, gọi là Trí thanh tịnh. Đối với tất cả cảnh giới, tất cả sự, tất cả phẩm, tất cả thời, trí chuyển biến không bị ngăn ngại, gọi là Trí nhất thiết. Cảnh giới có hai loại: Thế giới. Hữu tình giới.

Sự có hai loại: Hữu vi. Vô vi. Hai sự hữu vi, vô vi này, với vô lượng phẩm riêng, gọi là tất cả phẩm. Nghĩa là tự tướng lẫn lượt với chủng loại sai biệt, cộng tướng sai biệt, nhân quả sai biệt, giới (cõi), thú (nẻo) sai biệt, thiện bất thiện vô ký sai biệt.

Thời có ba thứ: Quá khứ, hiện tại, vị lai.

Tức đối với tất cả giới, tất cả sự, tất cả phẩm, tất cả thời như thế đều nhận biết đúng như thật, gọi là Trí nhất thiết.

Trí không vướng mắc: Là khi vừa tác ý thì trí chuyển khắp nơi tất không ngại, mau chóng không vướng mắc. Không do thường thường tác ý tư duy, dựa nơi một tác ý mà nhận biết rõ khắp.

Lại có môn khác: Nghĩa là 140 pháp bất cộng của Phật cùng trí nguyện vô tránh vô ngại giải của Như Lai. Đó gọi là Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng.

Một trăm bốn mươi (140) pháp bất cộng của Phật là: Ba mươi hai tướng đại tượng phư. Tám mươi tướng tùy hảo. Bốn nhất thiết chủng thanh tịnh. Mười lục. Bốn vô sở úy. Ba niệm trụ. Ba bất hộ. Đại bi. Pháp không quên mất. Dứt trừ hết hẳn tập khí. Trí nhất thiết chủng diệu.

Trong phẩm Kiến Lập Pháp của chư Phật sẽ phân biệt rộng.

Bồ-đề như vậy gọi là tối thắng, cùng tương ưng với bảy thứ tối thắng. Do nhân duyên ấy nên đối với các Bồ-đề là thù thắng tột bậc. Những gì gọi là bảy thứ tối thắng? Đó là:

- (1) Đối tượng nương dựa tối thắng.
- (2) Chánh hạnh tối thắng.
- (3) Viên mãn tối thắng.
- (4) Trí tối thắng.
- (5) Uy lực tối thắng.

(6) Đoạn trừ tối thắng.

(7) Trụ tối thắng.

Do các Đức Như Lai dùng 32 tướng đại trượng phu trang nghiêm nơi thân nên gọi là đối tượng nương dựa (sở y) tối thắng.

Do các Đức Như Lai với tự lợi lợi tha, tạo lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sinh, thương xót thế gian, khiến chư Thiên, loài người đạt được nghĩa lợi, lợi ích an lạc, mà hành chánh hạnh, nên gọi là chánh hạnh tối thắng.

Do các Đức Như Lai với bốn thứ viên mãn vô thượng, không gì sánh: Giới viên mãn. Kiến viên mãn. Phép tắc viên mãn. Tịnh mạng viên mãn, thấy đều thành tựu, nên gọi là viên mãn tối thắng.

Vì các Đức Như Lai với bốn vô ngại giải không gì hơn, không gì sánh là: Pháp vô ngại giải. Nghĩa vô ngại giải. Huấn từ vô ngại giải. Biện thuyết vô ngại giải, thấy đều thành tựu, nên gọi là trí tối thắng.

Vì các Đức Như Lai như trước đã nói về sáu thứ thần thông không gì hơn, không gì sánh, thấy đều thành tựu, nên gọi là uy lực tối thắng.

Do các Đức Như Lai không gì hơn, không gì sánh, tất cả phiền não tập khí vĩnh viễn đoạn trừ, cùng hết thấy sở tri chướng cũng đoạn trừ rất ráo... thấy đều thành tựu, nên gọi là đoạn trừ tối thắng.

Do các Đức Như Lai trụ nhiều nơi ba trụ không gì hơn, không gì sánh là: Thánh trụ. Thiên trụ. Phạm trụ, nên gọi là trụ tối thắng.

Ở đây nên biết, trụ nơi không, vô nguyện, vô tướng cùng trụ nơi định diệt tận, đó gọi là Thánh trụ.

Bốn thứ tĩnh lự, bốn định vô sắc, đó gọi là Thiên trụ. Bốn thứ vô lượng (Từ Bi Hỷ Xả) đó gọi là Phạm trụ.

Nơi ba trụ này, Đức Như Lai phân nhiều trụ nơi bốn trụ tối thắng. Đó là ở trong Thánh trụ phân nhiều trụ nơi Không trụ, cùng định diệt tận. Trong Thiên trụ đa phân trụ nơi tĩnh lự thứ tư vô động. Ở trong Phạm trụ thì đa phân trụ nơi đại bi. Do đấy, Đức Như Lai, sáu thời của ngày đêm – ngày ba đêm ba – luôn dùng Phật nhãn quan sát thế gian, ai tăng ai giảm, Ta nên khiến ai chưa khởi căn thiện mà trồng căn thiện, nói rộng cho đến Ta nên khiến ai kiến lập quả vị A-la-hán tối thắng.

Lại, các Đức Như Lai, với đối tượng nương dựa tối thắng nên gọi là đại trượng phu. Do chánh hạnh tối thắng nên gọi là bậc Đại bi. Do viên mãn tối thắng nên gọi là bậc Đại giới và Đại pháp. Do trí tối thắng nên gọi là bậc Đại tuệ. Do uy lực tối thắng nên gọi là bậc Đại thần thông. Do đoạn trừ tối thắng nên gọi là bậc Đại giải thoát. Do trụ tối thắng nên gọi là bậc Đại an trụ, quảng đại trụ.

Lại, các Đức Như Lai lược có mười thứ danh diệu công đức, tùy niệm công đức. Những gì là mười? Đó là: Bạc Già Phạm hiệu là Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm.

Ngôn thuyết không hư vọng nên gọi là Như Lai. Đã đạt được nghĩa của tất cả chỗ nên được, nên làm phước điền vô thượng của thế gian, nên được tất cả cung kính cúng dường, do đó gọi là Ứng. Như nơi thắng nghĩa giác ngộ các pháp nên gọi là Chánh Đẳng Giác.

Minh nghĩa là ba minh. Hạnh như kinh nói, hai phẩm Chi, Quán đều viên mãn cực thiện, do đó gọi là Minh Hạnh Viên Mãn.

Trên, lên đến chỗ tối cực, vĩnh viễn không thoái chuyển nên gọi là Thiện Thệ. Khéo nhận biết về thế giới cùng hữu tình giới, với tất cả phẩm loại tướng nhiễm tịnh, nên gọi là Thế Gian Giải.

Hết thầy thế gian chỉ một trượng phu, khéo nhận biết về phương tiện điều phục tâm tối thắng, nên gọi là Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ.

Là mắt thật, nên là trí thật. Là nghĩa thật, nên là pháp thật. Cùng với nghĩa hiển bày rõ là mở ra, dẫn dắt. Cùng với tất cả nghĩa là chỗ dựa. Cùng với không liễu nghĩa là chủ thể liễu nghĩa. Cùng với chỗ sinh nghi là chủ thể đoạn trừ. Cùng với xứ thâm diệu là chủ thể hiển hiện, khiến cho sáng, sạch. Cùng với tất cả pháp là cội gốc. Vì mở ra, dẫn dắt nên là chỗ dựa. Có thể chính thức dạy khuyên trao bảo cho hàng trời, người, khiến họ xuất ly tất cả các khổ, vì thế nói Phật là Thiên Nhân Sư.

Đối với khả năng thâm dẫn pháp tụ nghĩa lợi, đối với khả năng thâm dẫn pháp tụ phi nghĩa lợi, đối với khả năng thâm dẫn pháp tụ phi nghĩa lợi phi phi nghĩa lợi, hiện tiền cùng giác ngộ khắp tất cả chủng loại, nên gọi là Phật. Có thể phá trừ quân chúng sức lớn của các ma, gồm đủ nhiều công đức, nên gọi là Bạc Già Phạm.

Hoặc có khi nhiều kiếp không có một vị Phật xuất hiện ở đời. Hoặc có khi trong một kiếp có nhiều Đức Phật xuất hiện nơi thế gian. Trong mười phương với vô lượng vô số các thế giới kia, nên biết đồng thời có vô lượng Phật xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì nơi mười phương cõi hiện có vô lượng vô số Bồ-tát đồng thời phát nguyện, đồng siêng năng tu tập tư lương Bồ-đề. Hoặc một Bồ-tát, nơi ngày như thế, nơi phần như thế, nơi tháng như thế, nơi năm như thế, phát tâm Bồ-đề, nguyện hướng tới Bồ-đề. Tức nơi ngày ấy, tức nơi phần ấy, tức nơi tháng ấy, tức nơi năm ấy, tất cả cũng vậy. Như một Bồ-tát dũng mãnh thúc đẩy, tinh tấn sáng rõ, thì tất cả cũng vậy. Nơi nay hiện thấy trong thế giới này, có nhiều trăm Bồ-tát đồng thời phát nguyện, đồng tu tuệ thí, đồng tu tịnh giới, đồng tu nhẫn nhục, đồng tu tinh tấn, đồng tu tĩn lự, đồng tu trí tuệ, huông hồ là nơi vô lượng vô biên thế giới của chư Phật trong mười phương.

Lại, nơi mười phương hiện có vô lượng vô số tam thiên đại thiên cõi Phật, không có hai Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, cùng thời viên mãn, nơi một cõi Phật cùng xuất hiện ở đời, một lúc thành Phật, huống hồ là có vô lượng vô số Bồ-tát, nơi một thế giới, một lúc thành Phật.

Lại, không nên nói rất nhiều Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, cùng thời viên mãn, trước sau cùng tránh nhau, thứ lớp thành Phật. Cũng không nên nói tất cả Bồ-tát đều không thành Phật. Vì thế nên biết, nhiều chúng Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, cùng viên mãn nơi mười phương với vô lượng vô số quốc độ của chư Phật, theo chỗ tịnh không, không có Như Lai, đều riêng xuất hiện ở đời đồng thời thành Phật. Do đạo lý ấy nên trong nhiều thế giới, quyết định nên có rất nhiều Bồ-tát đồng thời thành Phật, quyết định không có trong một cõi Phật có hai Đức Như Lai cùng lúc xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì Bồ-tát trong đêm dài sinh tử khởi nguyện như thế theo đây khiến tăng trưởng: “Ta sẽ riêng một mình ở trong các thế giới không có người đứng đầu dẫn dắt, điều phục hữu tình, khiến họ thoát khỏi các khổ, khiến họ đạt đến Niết-bàn”.

Như vậy là từ nơi đêm dài sinh tử phát khởi đại nguyện theo đây khiến được tăng trưởng, thâm nhận chánh hạnh, thành tựu viên mãn, nên không có hai Đức Như Lai nơi một thế giới cùng thời xuất hiện.

Lại, một Đức Như Lai nơi một Tam thiên đại thiên cõi Phật có thể hành tác khắp hết thủy Phật sự, do đó Đức Như Lai thứ hai xuất hiện ở đời là không có lợi ích.

Lại, một Đức Như Lai nơi một cõi Phật xuất hiện ở đời khiến các hữu tình thành tựu đầy đủ về tự nghĩa hết sức là sáng thanh, rất là tùy thuận. Vì sao? Vì các hữu tình kia suy nghĩ: Tất cả thế gian chỉ có một Đức Như Lai, lại không có vị thứ hai. Nếu ở nơi cõi này, sự việc giáo hóa đã xong, hoặc đi đến phương khác, hoặc nhập diệt độ, vậy chúng ta sẽ theo ai để tu phạm hạnh? Chúng ta sẽ theo ai để lãnh hội

chánh pháp? Suy nghĩ như vậy rồi liền phát khởi sự mong muốn sâu dày, siêng năng tinh tấn, mau chóng tu tập phạm hạnh, mau chóng lãnh hội chánh pháp. Nếu một cõi Phật có nhiều Đức Phật xuất hiện ở đời, thì những hành tác của các hữu tình kia không thể mau chóng. Còn trong một cõi Phật, một Đức Phật xuất hiện ở đời, khiến các hữu tình thành tựu đầy đủ về tự nghĩa rất là sáng thanh, rất là thuận hợp.

Hết thầy Như Lai với tất cả công đức bình đẳng, bình đẳng không có sai biệt, chỉ trừ bốn pháp. Đó là:

- (1) Thọ lượng.
- (2) Danh hiệu.
- (3) Tộc họ.
- (4) Thân tướng.

Tất cả Như Lai đối với bốn pháp này có tướng tăng giảm, chẳng phải là công đức khác. Lại, chẳng phải là thân nữ có thể chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Vì sao? Vì các Bồ-tát vào lúc vượt qua vô số kiếp thứ nhất, đã xả bỏ thân nữ, cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, từng không là nữ, không là tánh nhiều phiền não, tánh nhiều tuệ ác của hết hảy nơi chốn sinh khởi, không phải là các bảm tánh nơi thân nhiều phiền não, nơi thân nhiều tuệ ác có thể chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng.

Như vậy, Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, như nói về tự tánh nên nhận biết đúng như thật. Như nói về tối thắng, nên nhận biết đúng như thật. Như nói về mười thứ danh hiệu công đức, tùy niệm công đức, nên nhận biết đúng như thật. Như nói về sự xuất hiện, nên nhận biết đúng như thật. Như nói về chỗ sai biệt, nên nhận biết đúng như thật.

Lại, Bồ-đề này là không thể nghĩ bàn, vượt quá tất cả nẻo tầm tư, là sự tập thành của vô lượng vô biên công đức, là vô thượng, sinh khởi tạo thành các công đức của tất cả Thanh văn, Độc giác và Như Lai. Do đây, chỉ Phật là chứng đắc Bồ-đề tối thượng tối tôn tối diệu tối thắng.

Địa thứ 15: Địa Bồ tát (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 8: LỰC CHỨNG TÁNH

Đã nói về xứ nên học của Bồ-tát, như vậy nên học nay sẽ nói.
Tụng nêu:

*Thắng giải, cầu pháp nhiều
Thuyết pháp, tu pháp hành
Giáo thọ giáo giới đúng
Phương tiện thâu ba nghiệp.*

Nếu các Bồ-tát muốn ở nơi chốn nên học của Bồ-tát siêng năng tinh tấn tu học, thì đầu tiên định rõ nên có đủ nhiều thắng giải. Nên cầu chánh pháp, nên giảng nói chánh pháp, nên tu hành đúng về pháp tùy pháp hành, nên chỉ dạy trao truyền đúng, nên khuyên răn dẫn dạy đúng, nên trụ nơi phương tiện dạy trao khuyên dẫn thuận hợp, thâu tóm ba nghiệp thân ngữ ý.

Thế nào là Bồ-tát có đủ nhiều thắng giải? Nghĩa là các Bồ-tát đối với chỗ dựa của tám thứ thắng giải kia, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích.

(1) Đối với chỗ dựa của thắng giải về công đức của Tam bảo, trước hết là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với công đức chân thật của Phật Pháp Tăng, có đủ nhiều thắng giải.

(2) Đối với chỗ dựa của thắng giải về uy lực của chư Phật, Bồ-tát, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với uy lực như trước đã nói, có đủ nhiều thắng giải.

(3) Đối với chỗ dựa của thắng giải về nghĩa chân thật, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Tức là nơi nghĩa chân thật đã nói ở trước, có đủ nhiều thắng giải.

(4) Đối với chỗ dựa của thắng giải về nhân duyên, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là, đối với vô số thứ như ứng hợp thuộc về nhân không điên đảo, có đủ nhiều thắng giải.

(5) Đối với chỗ dựa của thắng giải về quả, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với vô số thứ như ứng hợp thuộc về quả không điên đảo, có đủ nhiều thắng giải.

(6) Đối với chỗ dựa của thắng giải về nghĩa nên đạt được, trước hết là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với nghĩa nên đạt được của đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, mình có thể gánh vác, quyết định sẽ có thể đạt được, có đủ nhiều thắng giải.

(7) Đối với chỗ dựa của thắng giải về phương tiện chứng đắc, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Tức là đối với phương tiện của tất cả Bồ-tát học đạo có thể đạt được, có phương tiện này mới đạt được nghĩa nên chứng đắc, có đủ nhiều thắng giải.

(8) Đối với chỗ dựa của thắng giải về ngôn thiện, ngữ thiện, thuyết thiện, trước hết là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với các pháp nơi Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt v.v... có đủ nhiều thắng giải.

Đối với tám thứ chỗ dựa của thắng giải này, nên biết là Bồ-tát do hai nhân duyên nên có đủ nhiều thắng giải:

(1) Tu tập nhiều về thắng giải.

(2) Chứa nhóm nhẫn mãnh liệt.

Các Bồ-tát kia khi cầu chánh pháp nên cầu ở chỗ nào, vì sao mà cầu, do nghĩa nào nên cầu. Tức các Bồ-tát, nói tóm tắt, nên cầu tất cả pháp nơi Tạng Bồ-tát, Tạng Thanh văn, hết thấy ngoại luận, hết thấy luận xứ công nghiệp của thế gian. Nên biết đối với mười hai phần giáo kia, một phần phương quảng chính là Tạng Bồ-tát, các phần còn lại có Tạng Thanh văn.

Hết thảy ngoại luận lược có ba loại: Nhân luận. Thanh luận. Phương luận.

Hết thảy luận xứ công nghiệp của thế gian, chẳng phải là một mà là rất nhiều với vô số phẩm loại. Nghĩa là trí xứ công nghiệp như các nghề về vàng, sắt, mạt ni v.v... Tất cả thuộc về xứ minh như vậy có năm xứ minh:

- (1) Xứ nội minh.
- (2) Xứ nhân minh.
- (3) Xứ thanh minh.
- (4) Xứ y phương minh.
- (5) Xứ công nghiệp minh.

Bồ-tát đối với năm thứ xứ minh này, nếu siêng năng cầu đúng, tức gọi là siêng năng cầu hết thảy xứ minh.

Ngôn ngữ của chư Phật gọi là luận nội minh, ở đây có bao nhiêu tướng chuyển? Như thế cho đến tất cả xứ công xảo nghiệp của thế gian gọi là luận công nghiệp minh, ở đây có bao nhiêu tướng chuyển? Nghĩa là luận Nội minh lược có hai tướng chuyển:

- (1) Tướng hiển thị nhân quả chính.
- (2) Tướng hiển thị đã làm không mất, chưa làm chẳng được.

Luận Nhân minh cũng có hai tướng chuyển:

- (1) Tướng hiển thị việc hàng phục luận của kẻ khác thắng lợi.
- (2) Tướng hiển thị việc thắng lợi do loại trừ luận của kẻ khác.

Luận Thanh minh cũng có hai tướng chuyển:

(1) Tướng hiển thị việc an lập giới, tướng hiển thị có thể thành lập.

- (2) Tướng hiển thị về thắng lợi của công xảo nơi ngữ.

Luận Y phương minh có bốn thứ tướng chuyên:

(1) Tướng hiển thị về chỗ thiện xảo nơi thể của bệnh.

(2) Tướng hiển thị về chỗ thiện xảo nơi nhân của bệnh.

(3) Tướng hiển thị về chỗ thiện xảo của bệnh đã sinh.

(4) Tướng hiển thị về chỗ thiện xảo của bệnh đã dứt sẽ không sinh trở lại.

Luận Công nghiệp minh của tất cả thế gian hiển thị đều riêng biệt, tức chỗ tạo tác của công xảo nghiệp xứ đã thành tựu đầy đủ vô số tướng khác.

Thế nào là tướng hiển thị nhân quả của luận Nội minh? Nghĩa là có mười thứ nhân, nên biết là đã kiến lập nhân không điên đảo, thâm tóm tất cả nhân, hoặc là tạp nhiễm, hoặc là thanh tịnh, hoặc là pháp vô ký chuyên, như các sự việc gieo cấy gặt hái ở thế gian.

Những gì là mười nhân? Đó là:

(1) Nhân Tùy thuyết.

(2) Nhân Quán đãi.

(3) Nhân Khiên dẫn.

(4) Nhân Nhiếp thọ.

(5) Nhân Sinh khởi.

(6) Nhân Dẫn phát.

(7) Nhân Định biệt.

(8) Nhân Đồng sự.

(9) Nhân Tương vi.

(10) Nhân Bất tương vi.

Nghĩa là tên gọi của tất cả pháp trước tiên là nên tướng. Tướng là trước hết nên ngôn thuyết, đó gọi là nhân Tùy thuyết của các pháp

kia. Quán đổi nơi ấy nên nơi ấy là nhân. Ở các sự việc kia hoặc cầu đạt hoặc giữ lấy, đó gọi là nhân Quán đãi. Như quán đổi về tay, tay làm nhân nên có nghiệp nắm giữ. Quán đổi về chân, chân là nhân nên có nghiệp tới lui. Quán đổi về đốt xương, đốt xương là nhân nên có nghiệp co duỗi. Quán đổi về đói khát, đói khát là nhân nên đổi với các thức ăn uống hoặc cầu đạt hoặc giữ lấy. Tùy theo vô lượng đạo lý như vậy tức nên nhận biết rõ về tướng của nhân Quán đãi.

Tất cả chủng tử đổi chiếu với tự quả sinh sau, gọi là nhân Khiên dẫn. Trừ chủng tử ra, thì các duyên còn lại gọi là nhân Nhiếp thọ. Tức các chủng tử đổi chiếu với tự quả ban đầu, gọi là nhân Sinh khởi. Tức chỗ sinh khởi quả của chủng tử ban đầu đổi chiếu với chỗ dẫn dắt quả của chủng tử sau, gọi là nhân Dẫn phát. Vô số loại khác nhau đều có nhân duyên riêng, gọi là nhân Định biệt. Hoặc nhân Quán đãi, hoặc nhân Khiên dẫn, hoặc nhân Nhiếp thọ, hoặc nhân Sinh khởi, hoặc nhân Dẫn phát, hoặc nhân Định biệt, các nhân như thế thu tóm chung làm một, gọi là nhân Đồng sự. Đối với pháp được sinh ra, là nhân có thể làm chướng ngại, gọi là nhân Tương vi. Nhân chướng ngại này hoặc thiếu, hoặc lìa, gọi là nhân Bất tương vi.

Nên biết Tương vi lược có sáu thứ:

(1) Tương vi về ngữ ngôn: Nghĩa là có một loại hữu tình hoặc các Sa-môn hoặc các Bà-la-môn tạo ra các luận trước sau mâu thuẫn.

(2) Tương vi về đạo lý: Tức chỗ thành lập các nghĩa của đối tượng được nhận thức, kiến lập tỷ lượng không cùng tương ưng với đạo lý chứng thành.

(3) Tương vi về sinh khởi: Tức chủ thể sinh của pháp được sinh duyên thiếu, chướng ngại sinh duyên hợp.

(4) Tương vi về đồng xứ: Nghĩa là các pháp như sáng tối, tham sân, khổ vui v.v...

(5) Tương vi về oán địch: Tức các loài như rắn độc, chuột, chó sói, mèo, chồn, chuột nhắt cùng làm bạn xấu với oán địch.

(6) Tương vi về chướng trí: Nghĩa là tu bất tịnh đối trị các tham dục, tu Từ đối trị sân, tu Bi đối trị hại, tu Bảy giác chi, Tám Thánh đạo chi đối trị tất cả phiền não thuộc ba cõi.

Ở trong nghĩa này, ý chính chỉ giữ lấy tương vi về sinh khởi.

Hết thủy nhân này được gồm thâu vào hai nhân:

(1) Nhân Năng sinh.

(2) Nhân Phương tiện.

Nên biết ở đây, chủng tử dẫn dắt, chủng tử sinh khởi gọi là nhân Năng sinh, các nhân còn lại gọi là nhân Phương tiện.

Lại có bốn duyên:

(1) Nhân duyên.

(2) Đăng vô gián duyên.

(3) Sở duyên duyên.

(4) Tăng thượng duyên.

Trong ấy nên biết, nếu là nhân Năng sinh thì đó gọi là Nhân duyên. Nếu là nhân Phương tiện tức là Tăng thượng duyên. Đăng vô gián duyên cùng Sở duyên duyên chỉ đối chiếu với tất cả tâm, tâm pháp mà nói. Do tất cả tâm kia cùng với tâm pháp sinh trước mở bày dẫn đường thâu nhận, nên cảnh giới của đối tượng duyên được thâu nhận mới sinh mới chuyển. Vì thế nên biết Đăng vô gián duyên cùng Sở duyên duyên thuộc về nhân Nhiếp thọ.

Mười nhân như vậy, làm thế nào có thể khiến cho vô số sự của tất cả thế gian chuyển? Làm thế nào có thể khiến cho sự tạp nhiễm chuyển? Làm thế nào có thể khiến cho sự thanh tịnh chuyển?

Nghĩa là đối với vô số sự gieo trồng gặt hái của thế gian, gắn liền với số lượng các thứ lúa hoa màu, các vật cần cho sự sống, với vô số danh, tướng ngôn thuyết hiện có. Đó là các thứ đại mạch, tiểu mạch, lúa, nếp, hạt mè, các loại đậu v.v... Tức những thứ ấy đối chiếu với vô số sự gieo trồng gặt hái kia là nhân Tùy thuyết.

Như nói về đại mạch mang đi, mang đến, hoặc xay xát hoặc vát bỏ. Các loại như vậy với vô số tùy chuyển. Như nói về đại mạch, thì các thứ còn lại như tiểu mạch v.v... nên biết cũng thế.

Quán đối về đói khát, suy kém, thân trụ nơi quán đối, yêu thích vị hiện có của đoạn thực, đối với việc ấy tìm cầu, nắm giữ, thọ dụng, tức nói các pháp kia là nhân Quán đãi. Do chúng đều riêng có chủng tử của chính mình, nên vô số sai biệt của sự gieo trồng gặt hái sinh ra, tức nói chủng tử kia là nhân Khiên dẫn này. Các duyên như đất, mưa v.v... có thể giúp cho hạt giống nảy mầm, gọi là nhân Nhiếp thọ. Tức chủng tử kia đối chiếu với mầm được sinh, gọi là nhân Sinh khởi. Mầm, cành, lá v.v... lần lượt nối tiếp nhau, đối chiếu với việc gieo trồng gặt hái kia hoặc thành hoặc chín, là nhân Dẫn phát. Từ hạt giống đại mạch sinh mầm đại mạch, lúa non đại mạch, không sinh ra loại khác. Như vậy, các thứ còn lại nên biết cũng thế. Tức nói các thứ kia là nhân Định biệt của thứ này. Tức hết thảy các thứ kia từ nhân Quán đãi đến nhân Định biệt cùng được gieo trồng gặt hái mà thành thực, gọi là nhân Đồng sự. Không phải sự gieo trồng gặt hái kia theo đây thiếu một nhân mà được thành thực. Vì vậy, tất cả hòa hợp gọi đây là nhân Đồng sự. Các pháp chướng ngại như sương muối, mưa đá v.v... đối với các thứ lúa cây gieo tươi tốt kia, là nhân Tương vi. Chúng thiếu, không gây chướng ngại là nhân Bất tương vi của các thứ lúa gieo cấy tươi tốt kia.

Mười nhân như vậy, đối với vô số sự vật khác của thế gian, theo chỗ ứng hợp, nên biết, nói rộng như nơi Luận Nhiếp cốc.

Lại, đối với tất cả tạp nhiễm, vô số danh, tướng, ngôn thuyết hiện có của duyên khởi, tức là vô minh, hành, thức, danh sắc, nói rộng cho đến lão tử sâu bi ưu khổ nhiều loạn, tức các thứ này đối chiếu với các pháp tạp nhiễm kia, là nhân Tùy thuyết. Như nói vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử, vô số các loại như vậy theo đây mà nói.

Yêu thích vị hiện có nơi cảnh giới quán đãi, đối với các chi hữu lưu chuyển tương tục. Tức các sự việc kia đối chiếu với các pháp tạp nhiễm này là nhân Quán đãi.

Các pháp như vô minh v.v... ở trong hiện pháp, hiện có đã sinh đã nuôi lớn chủng tử, nay chủng tử này đối chiếu với sinh, lão tử v.v... của đời khác, là nhân Khiên dẫn.

Gần gũi với tri thức bất thiện, nghe không phải chánh pháp, tác ý phi lý, cùng trước đã thường xuyên hành tập dẫn khởi sức mạnh sinh vô minh v.v..., gọi là nhân Nhiếp thọ. Các pháp như vô minh v.v... đều có chủng tử riêng, gọi là nhân Sinh khởi. Chi vô minh kia cho đến chi hữu, lần lượt dẫn phát sự nối tiếp về sau, đối chiếu với sinh lão tử v.v... của đời khác là nhân Dẫn phát. Chi vô minh khác cùng với tự chủng tử, cho đến chi hữu, có thể sinh nơi Na-lạc-ca. Chi vô minh khác cùng với tự chủng tử, cho đến chi hữu, có thể sinh nơi các nẻo bàng sinh, ngạ quỷ, người, trời, nên biết cũng thế. Tức các thứ ấy đối chiếu với các pháp tạp nhiễm kia, gọi là nhân Định biệt. Tức hết thảy các thứ kia, từ nhân Quán đãi đến nhân Định biệt, gọi là nhân Đồng sự.

Nhân Tương vi của pháp tạp nhiễm này, tức là chủng tánh xuất thế gian đầy đủ, gặp Phật xuất hiện ở đời giảng nói chánh pháp, gần gũi bậc thiện tri thức, được nghe chánh pháp, tác ý như lý, pháp tùy pháp hành, cùng với tất cả pháp Bồ-đề phần. Tức vô số pháp thiện như đã giảng nói, hoặc thiếu hoặc lìa, là nhân Bất tương vi của pháp

tạp nhiễm. Mười nhân như vậy nên biết là có thể dứt khởi tất cả tạp nhiễm của hết thầy hữu tình.

Lại, đối với tất cả pháp phẩm thanh tịnh cùng Niết-bàn vắng lặng, với vô số danh tướng ngôn thuyết hiện có, tức những thứ ấy đối chiếu với các pháp thanh tịnh kia, là nhân Tùy thuyết. Như nói niệm trụ, chánh đoạn, cho đến tám Thánh đạo chi, vô minh diệt nên hành diệt, nói rộng cho đến sinh diệt nên lão tử diệt, vô số các loại như vậy theo đây mà nói. Quán đối các hành có nhiều lỗi lầm nên vui cầu thanh tịnh, thâm nhận thanh tịnh, thành tựu đầy đủ thanh tịnh. Các thứ kia đối chiếu với đây, là nhân Quán đãi.

Bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, chủng tánh đầy đủ, có thể làm thượng thủ, chứng hai cảnh giới Niết-bàn Hữu dư, Vô dư, các thứ kia đối chiếu với thanh tịnh, là nhân Khiên dẫn.

Thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, cùng với chỗ tạo các căn ở trước đã thành thực, gọi là nhân Nhiếp thọ. Chủng tử hiện có của tất cả pháp phần Bồ-đề vô lậu thuộc về chủng tánh, đối chiếu với hết thầy pháp Bồ-đề phần kia, là nhân Sinh khởi. Tức tất cả pháp Bồ-đề phần từ chủng tử sinh, thứ lớp có thể chứng hai cảnh giới Niết-bàn hữu dư và vô dư, gọi là nhân Dẫn phát.

Chủng tánh Thanh văn, do thừa Thanh văn, có thể Bát Niết-bàn.

Chủng tánh Độc giác, do thừa Độc giác, có thể Bát Niết-bàn.

Chủng tánh Đại thừa, do thừa Vô thượng, có thể Bát Niết-bàn.

Các thứ kia đối chiếu với thanh tịnh, là nhân Định biệt. Nếu phẩm thanh tịnh nơi nhân Quán đãi cho đến nhân Định biệt, các thứ kia đối chiếu với thanh tịnh là nhân Đồng sự.

Chủng tánh không đầy đủ, không gặp Phật xuất hiện ở đời, sinh các nơi chốn bị ràng buộc, không gần gũi bậc thiện tri thức, không lắng nghe chánh pháp, không tác ý như lý, thường hành tạp

các hạnh tà, các thứ ấy đối chiếu với thanh tịnh, là nhân Tương vi. Nhân Tương vi này hoặc thiếu hoặc lìa, đó gọi là nhân Bất tương vi của thanh tịnh. Nếu là các nhân Tương vi của phẩm tạp nhiễm, nên biết tức là nhân của pháp thanh tịnh. Nếu là các nhân Tương vi của phẩm thanh tịnh, nên biết tức là nhân của pháp tạp nhiễm.

Như vậy là hiện có mười nhân tạp nhiễm, mười nhân thanh tịnh. Quá khứ, vị lai từng có, sẽ có nhiễm, tịnh đều cũng như thế. Tất cả chỉ có mười nhân như vậy, trừ chúng ra thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Ở trong tướng ấy, thế nào là quả? Nghĩa là lược có năm:

- (1) Quả Dị thực.
- (2) Quả Đẳng lưu.
- (3) Quả Ly hệ.
- (4) Quả Sĩ dụng.
- (5) Quả Tăng thượng.

Các pháp bất thiện, nơi các nẻo ác thọ nhận quả Dị thực. Pháp hữu lậu thiện, đối nơi các nẻo thiện thọ nhận quả Dị thực. Đó gọi là quả Dị thực. Hành tập bất thiện, vui thích trụ nơi bất thiện, pháp bất thiện tăng. Tu tập thiện nên vui thích trụ nơi pháp thiện, pháp thiện tăng trưởng. Hoặc giống với nghiệp trước, quả sau theo đấy chuyển. Đó gọi là quả Đẳng lưu. Tám chi Thánh đạo diệt trừ các phiền não, gọi là quả Ly hệ. Nếu các phàm phu dùng đạo thế tục dứt trừ các phiền não không rốt ráo, nên không phải là quả Ly hệ. Các hữu tình một loại, ở trong hiện pháp, nương dựa tùy theo xứ công xảo nghiệp, khởi quả sĩ dụng đó là làm nông, các sự việc mua bán, phụng sự vua, thư họa, toán số, bói đoán v.v... Do các công việc gieo trồng gặt hái này thành tựu đầy đủ với quả như của cải lợi lộc, đó gọi là quả Sĩ dụng. Hoặc nhãn thức là quả Tăng thượng của nhãn căn, cho đến ý thức là quả Tăng thượng của ý căn, thân phần của chúng sinh không

tan hoại là quả Tăng thượng của mạng căn. Hai mươi hai căn mỗi mỗi căn đều có thể khởi quả Tăng thượng của chính mình, nên biết tất cả gọi là quả Tăng thượng.

Tác dụng tăng thượng của hai mươi hai căn, như nơi phần Nhiếp sự, nên biết về tướng. Bồ-tát ở nơi nội minh ấy hiển bày về tướng nhân quả đúng đắn, nhận biết đúng như thật rồi, siêng năng tinh tấn tu tập, khiến chủng tánh của trí lực xứ phi xứ dần được thanh tịnh, dần được tăng trưởng.

Thế nào là luận Nội minh đã được hiển bày rồi, tướng tạo tác không mất, chưa tạo tác thì không được? Nghĩa là các hữu tình tự tạo tác nghiệp, tuy đã tạo tác, nhưng trải qua nhiều trăm kiếp, cùng với công năng của quả trọn không hoại mất. Cũng không phải là không tạo tác, hoặc lại tạo tác khác mà có dị thực, hoặc quả dị thực. Bồ-tát đối với nội minh ấy đã được hiển bày chỉ rõ rồi, tạo tác không mất, chưa tạo tác thì chưa được tướng, nhận biết đúng như thật thì siêng năng tinh tấn tu tập, khiến cho chủng tánh của trí lực nơi tự nghiệp dần được thanh tịnh, dần được tăng trưởng.

Bồ-tát cầu nghe chánh pháp như thế nào? Nghĩa là các Bồ-tát đối với trường hợp “khéo thuyết pháp” phải nên an trụ nơi sự yêu thích mãnh liệt để cầu nghe chánh pháp. Như vậy là lược nói về tướng an trụ nơi sự yêu kính mãnh liệt. Tức các Bồ-tát vì muốn được nghe một lần “khéo thuyết pháp”, giả sử nơi đường đi tới có lửa dữ đang cháy rực, đất là sắt nung nóng, không có phương tiện nào khác để có thể được nghe, tức liền phát khởi sự yêu kính mãnh liệt, hoan hỷ đi vào, hướng chỉ là muốn được nghe nhiều về nghĩa giảng nói thiện.

Lại, các Bồ-tát đối với tự thân phần, cùng đối với tất cả các vật dụng nuôi thân như các sự việc ăn uống v.v... luôn hiện có yêu kính. Đối với việc muốn được nghe các pháp khéo giảng nói với sự yêu kính hiện có, đem sự yêu kính trước so với sự yêu kính sau thì trong

trăm phần không đạt được một, trong ngàn phần cũng không đạt được một. Trong số phần, trong toán phần, cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng không đạt được một. Bờ-tát đối với pháp khéo giảng nói sinh khởi sự kính trọng sâu xa như thế, luôn vui thích lắng nghe các pháp khéo giảng nói, không có mệt mỏi, cũng không chán đủ. Sự tin tưởng thanh tịnh thuần hậu, tánh hòa nhã, tâm chánh trực, nhận thức chánh trực. Yêu kính đức, yêu kính pháp, nên đi đến chỗ Pháp sư, không có tâm vấn nạn, có tâm kính trọng, không có tâm kiêu mạn. Chuyên vì cầu thiện nên không hiển bày đức của mình. Vì muốn an lập căn thiện cho mình và người, nên không tạo nhân duyên cung kính của lợi dưỡng. Bờ-tát có đủ công đức như thế, nên đi đến trụ xứ của Pháp sư, tâm không có tạp nhiễm, tâm không có tán loạn để lắng nghe chánh pháp.

Thế nào là Bờ-tát tâm không có tạp nhiễm khi lắng nghe chánh pháp? Nghĩa là khi nghe pháp, tâm của Bờ-tát xa lìa tạp nhiễm về cao ngạo, tâm của Bờ-tát xa lìa tạp nhiễm về khinh mạn, tâm của Bờ-tát xa lìa tạp nhiễm về khiếp nhục. Do sáu thứ tướng nơi tâm nên xa lìa tạp nhiễm về cao ngạo. Do bốn thứ tướng nơi tâm nên xa lìa tạp nhiễm về khinh mạn. Do một thứ tướng nơi tâm nên xa lìa tạp nhiễm về khiếp nhục. Đó là lúc nghe pháp, đúng lúc mà nghe, ân cần mà nghe, cung kính mà nghe, không vì tổn hại, không vì thuận theo, không tìm lỗi lầm. Do sáu tướng này nên tâm xa lìa tạp nhiễm của cao ngạo.

Lại nữa, lúc nghe pháp, cung kính chánh pháp, cung kính người nói pháp, không khinh thường chánh pháp, không khinh thường người giảng nói pháp. Do bốn tướng ấy nên tâm xa lìa tạp nhiễm của khinh mạn.

Lại nữa, khi nghe pháp không tự khinh miệt. Do một tướng này nên tâm của Bờ-tát xa lìa tạp nhiễm khiếp nhục.

Như thế là Bờ-tát lắng nghe chánh pháp tâm không có tạp nhiễm.

Thế nào là Bồ-tát lắng nghe Chánh pháp tâm không tán loạn? Nghĩa là do năm tướng:

- (1) Lắng nghe chánh pháp với tâm cầu hiểu, ngộ.
- (2) Lắng nghe chánh pháp với tâm chuyên nhất hướng đến.
- (3) Lắng nghe chánh pháp với các âm thanh luôn gắn liền nơi tai.
- (4) Lắng nghe chánh pháp với tâm đã được tẩy rửa sạch.
- (5) Lắng nghe chánh pháp với tâm thấu tóm tất cả.

Như thế là Bồ-tát cầu nghe chánh pháp. Bồ-tát do đâu cầu nghe chánh pháp? Nghĩa là các Bồ-tát, lúc cầu đạt Nội minh, là vì nhằm tu tập đúng về pháp tùy pháp hành, vì nhằm mở bày chỉ rõ rộng về sự tỏ ngộ mau chóng nơi kẻ khác.

Nếu Bồ-tát lúc cầu đạt Nhân minh, là vì muốn nhận biết rõ đúng như thật về chỗ tạo nhân luận của ngoại đạo là ngôn thuyết xấu ác. Vì muốn hàng phục các dị luận của kẻ khác. Vì muốn đối với Thánh giáo chân thật này, người chưa tin tưởng thanh tịnh thì khiến có được tin tưởng thanh tịnh. Người đã có tin tưởng thanh tịnh thì khiến tăng trưởng bội phần.

Hoặc các Bồ-tát lúc cầu đạt Thanh minh, là vì khiến cho chúng sinh tin vui nơi điển ngữ, đối với thân Bồ-tát sinh tin kính sâu xa. Vì muốn ngộ nhập nơi ngôn âm giải thích ý nghĩa với những câu văn sai biệt, ở trong một nghĩa có vô số phẩm loại âm thanh khác nhau theo đây mà nêu bày.

Hoặc các Bồ-tát khi cầu đạt Y phương minh, là vì nhằm dứt trừ vô số bệnh tật của chúng sinh, vì muốn tạo lợi ích cho hết thảy đại chúng.

Hoặc các Bồ-tát lúc cầu đạt các xứ trí công nghiệp của thế gian, vì thiếu công sức để tích tập nhiều của cải châu báu, vì muốn đem lại lợi ích cho các chúng sinh, vì nhằm phát khởi tưởng hy hữu kỳ lạ nơi các chúng sinh.

Bồ-tát cầu đạt tất cả năm minh này, vì khiến cho đại trí là tư lương của đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng chóng được viên mãn, nên đối với tất cả minh xứ ấy thứ lớp tu học, có thể đạt được trí nhất thiết trí không chướng ngại.

Như vậy là đã nói về chỗ nên cầu đạt chân chánh của tất cả Bồ-tát, như thế mà cầu đạt, vì ý nghĩa ấy mà cầu đạt.

Bồ-tát lúc vì người khác thuyết giảng chánh pháp, nên thuyết giảng như thế nào? Vì sao mà thuyết giảng? Theo nghĩa gì nên thuyết giảng?

Đó là các Bồ-tát chính ở chỗ nên cầu đạt tức là chỗ thuyết giảng. Vì cầu đạt nghĩa ấy, tức vì nghĩa này nên thuyết giảng cho kẻ khác. Dựa nơi hai thứ tướng nên vì kẻ khác nêu giảng:

(1) Dựa vào sự tùy thuận thuyết giảng, nên vì người khác thuyết giảng.

(2) Dựa vào sự thuyết giảng thanh tịnh, nên vì người khác thuyết giảng.

Thế nào là dựa vào sự tùy thuận thuyết giảng, nên vì người khác thuyết giảng? Nghĩa là các Bồ-tát phải nên an trụ nơi uy nghi như pháp mà vì người khác thuyết giảng. Không phải là không an trụ nơi uy nghi như pháp. Không vì người ở nơi tòa cao, không bệnh mà thuyết giảng chánh pháp. Không vì người ngồi, mình đứng mà thuyết giảng chánh pháp. Không nên ở sau, vì người đi trước mà thuyết giảng chánh pháp. Không vì người che trùm đầu mặt mà thuyết giảng chánh pháp. Như nơi kinh Biệt Giải Thoát đã nói rộng, nên biết. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-tát luôn kính trọng pháp.

Lại, khi đối với chánh pháp sinh tôn trọng, tức khiến cho kẻ khác đối với pháp khởi tôn quý tột bậc, cung kính lắng nghe, không dám khinh chê.

Lại vì tất cả, thuyết giảng tất cả pháp không gián đoạn.

Lại, đối với chánh pháp không sinh tâm keo kiệt, tiếc lẩn, không tạo sự nắm giữ pháp của vị sư.

Lại, đối với chánh pháp, theo như câu văn, thứ lớp mà nêu dẫn, như nơi câu văn, thứ lớp mà giải thích, như nơi câu văn, thứ lớp mà phân biệt về nghĩa.

Lại, nếu thâm dẫn nghĩa lợi nơi nghĩa pháp, nên nêu bày, nên giải thích, nên phân biệt rộng, chẳng phải là không thâm dẫn nghĩa lợi nơi nghĩa pháp.

Lại, nên thị hiện chỗ nên thị hiện. Lại, nên chỉ dạy, nên dẫn dắt chỗ cần chỉ dạy, dẫn dắt. Lại, nên khen ngợi, khuyến khích chỗ đáng khen ngợi, khuyến khích. Lại, nên vui mừng, an ủi nơi cần vui mừng, an ủi.

Lại, dựa nơi đạo lý của ba lượng là Hiện lượng, Tỷ lượng, Chí giáo lượng mà thuyết giảng chánh pháp, không phải là không dựa nơi đạo lý của ba lượng ấy.

Lại, chỗ tuyên thuyết chánh pháp thuận với việc đi đến nẻo thiện.

Lại, chỗ tuyên thuyết chánh pháp không loạn động, dễ đi vào mà không ần kín.

Lại, chỗ tuyên thuyết chánh pháp ứng hợp với bốn Thánh đế.

Lại, ở nơi tất cả chúng, lúc thuyết giảng chánh pháp, theo chỗ ứng hợp của tất cả chúng vì họ giảng nói.

Bồ-tát dựa vào mười lăm thứ tướng ấy, các chỗ tùy thuận thuyết giảng, vì lợi tha khắp nên thuyết giảng như thế.

* Thế nào là dựa vào sự thuyết giảng thanh tịnh, nên vì người khác thuyết giảng? Nghĩa là các Bồ-tát, đối với các loài hữu tình, bản thân có oán đối, nên trụ nơi tâm từ, vì họ thuyết giảng chánh pháp.

Đối với các loài hữu tình hành theo hạnh ác, thì trụ nơi tâm tạo lợi ích, vì họ thuyết giảng chánh pháp. Đối với các hữu tình có vui có khổ, buồn lung thấp kém, Bồ-tát phải nên an trụ nơi tâm thương xót, tạo lợi ích an lạc, vì họ giảng nói chánh pháp. Không do ganh ghét trối buộc với sức tăng thượng để tự khen ngợi mình, chê bai kẻ khác. Do tâm không nhiễm nên không mong cầu lợi ích được tán dương, cung kính để vì người khác thuyết pháp.

Bồ-tát dựa vào năm thứ tướng ấy, nên các sự thuyết giảng thanh tịnh đều vì lợi tha khắp, nên thuyết giảng như thế.

Như vậy, Bồ-tát thuyết giảng chánh pháp, về tướng lược có hai mươi thứ: (1) Do thời. (2) Trọng pháp. (3) Thứ lớp. (4) Tương tục. (5) Tùy thuận. (6) Hoan hỷ. (7) Yêu thích. (8) Vui thú. (9) Dững mãnh. (10) Không xua đuổi. (11) Hợp lý. (12) Xứng thuận. (13) Không loạn. (14) Như pháp. (15) Thuận chúng. (16) Tâm Từ. (17) Tâm lợi ích. (18) Tâm thương xót. (19) Không tự khen, chê bai kẻ khác. (20) Không dựa vào lợi dưỡng, cung kính tán dương.

Như vậy là Bồ-tát nên luôn vì người khác tuyên thuyết chánh pháp.

Thế nào là pháp tùy pháp hành của Bồ-tát? Nên biết hành này lược có năm thứ: Nghĩa là như chỗ cầu, như chỗ thọ nhận pháp, ba nghiệp thân ngữ ý tùy chuyển thuận hợp, tư duy đúng, tu tập đúng. Nếu Đức Phật Thế Tôn đối với các pháp kia đã chế định thân ngữ ý khiến không tạo tác, thì đối với các pháp ấy mở bày nơi thân ngữ ý khiến được tạo tác. Tức ở trong hai thứ pháp như thế, ba nghiệp thân ngữ ý xa lìa thuận hợp, tu chứng không điên đảo. Đó gọi là Bồ-tát ở trong các pháp, ba nghiệp thân ngữ ý tùy chuyển thuận hợp nơi pháp tùy pháp hành.

Thế nào là Bồ-tát đối với pháp tư duy? Nghĩa là các Bồ-tát ở riêng nơi chốn tĩnh lặng, tùy theo pháp đã được nghe, vui muốn tư duy,

vui muốn nêu xét, vui muốn quan sát. Trước hết nên xa lìa xứ không nghĩ bàn, tư duy về pháp kia, thường xuyên tư duy, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân cần, không chậm trễ. Các Bồ-tát này, lúc tinh tấn dũng mãnh tư duy về pháp, thì nơi phần ít này, dùng lý quán xét, theo đấy mà ngộ nhập. Còn phần ít kia thì chỉ tin hiểu sâu xa. Phàm chỗ tư duy, chỉ nên dựa nơi nghĩa, không dựa vào văn. Nhận biết rõ đúng như thật về “Mặc thuyết, Đại thuyết”, chính thức có thể ngộ nhập nơi tư duy đầu tiên. Đã ngộ nhập rồi thì thường xuyên tác ý khiến được kiên cố. Các Bồ-tát này, do có thể xa lìa điều không nên tư duy mà tư duy, nên tâm không rơi vào mê muội, lẫn lộn. Do có thể thường xuyên gia hạnh ân cần không gián đoạn, không trì hoãn mà tư duy, nên nghĩa trước chưa biết thì được nhận biết rõ đúng đắn, được quyết định đúng đắn. Trước đã nhận biết về nghĩa đạt được không hoại mất, đạt được không quên mất. Do nơi phần ít dùng lý để quán xét, theo đấy mà ngộ nhập. Ở trong chỗ tùy theo chánh lý quán xét pháp, không do duyên khác. Vì đối với phần ít chỉ tin hiểu, nên ở chỗ hết sức thâm diệu, tự thiếu tuệ giác tức không thể thấu đạt pháp. Ngưỡng mong Đức Như Lai nói rõ pháp như vậy là nẻo hành hóa của Phật, không phải là cảnh giới của mình. Như thế là đối pháp không sinh phi báng, không tự tổn hại, xa lìa suy lo, không có các tội lỗi. Do các Bồ-tát khi tư duy về pháp, chỉ được nơi nghĩa, không dựa vào văn, nên đối với tất cả ngôn ngữ mật ý được nêu giảng của Đức Thế Tôn, có thể theo đấy mà ngộ nhập. Do các Bồ-tát đối khắp tất cả “Mặc thuyết, Đại thuyết” đều được thiện xảo nên đối với nghĩa chân thật không vật không pháp có thể làm khuynh động. Các Bồ-tát ấy, chính thức có thể ngộ nhập tư duy đầu tiên, nên có thể đạt được pháp nhẫn mà trước nay chưa đạt được.

Các Bồ-tát này, do ở đây đã đạt được nhẫn nên thường xuyên tác ý khiến được bền chắc, nên có thể đối với nhẫn tu tập tùy thuận, hướng nhập. Bồ-tát do tám thứ tướng ấy nên có thể tu tập đúng đắn, tư duy đúng đắn, gồm thâm pháp tùy pháp hành.

Thế nào là Bồ-tát đối với pháp tu tập đúng đắn? Nên biết sự tu tập ấy lược có bốn tướng:

- (1) Xa-ma-tha (Chi).
- (2) Tỳ-bát-xá-na (Quán).
- (3) Tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.
- (4) Vui thích tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là Xa-ma-tha? Tức là các Bồ-tát do tám thứ tư duy khéo nương giữ, nên ở trong cảnh giới của đối tượng duyên lìa ngôn thuyết chỉ là sự chỉ là nghĩa, buộc tâm khiến trụ, lìa các hý luận, lìa tác ý của tướng nhiễu loạn tâm, nên ở nơi các đối tượng duyên tạo được thẳng giải, nơi tướng của các định khiến tâm trụ vào bên trong, an trụ. Nói rộng cho đến toàn bộ hướng tới Đẳng trì. Đó gọi là Xa-ma-tha.

Thế nào là Tỳ-bát-xá-na? Nghĩa là các Bồ-tát, do Xa-ma-tha huân tập tác ý, tức đối với pháp, như đã tư duy ở trước, tư duy về tướng, xét chọn như lý, xét chọn tốt cùng, xét chọn pháp hết mực, nói rộng cho đến nhận biết rõ hành của minh tuệ. Đó gọi là Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Đó là các Bồ-tát đối với Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân cần, thường luôn tu tập. Đó gọi là tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là vui thích tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Nghĩa là các Bồ-tát, tức ở trong tướng của Chi, Quán như thế, tâm không động, ở chỗ không dụng công, lìa các gia hạnh, tự nhiên theo xứ chuyển, thâm nhận không lẫn lộn. Đó gọi là vui thích tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Nên biết trong ấy, các Bồ-tát này, như như tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, như vậy như vậy vui trụ nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Như như vui trụ nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, như vậy như vậy Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh. Như như Xa-ma-tha thanh tịnh,

như vậy như vậy thân an tâm an tăng trưởng rộng lớn. Như như Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh, như vậy như vậy hoặc trí hoặc kiến tăng trưởng rộng lớn. Ngang bằng với đây gọi là tu tập chỗ nên tạo tác. Nghĩa là ở trong chỗ dựa, nên trừ bỏ mọi thô trọng, cùng đối với tất cả chỗ nhận biết, nên tu trí kiến thanh tịnh. Như vậy, hết thảy chỗ tạo nghiệp của tu tập, Bồ-tát do bốn thứ tướng tu trước, đều có thể thành tựu đầy đủ.

Thế nào là chỉ dạy, trao truyền? Nên biết, sự chỉ dạy, trao truyền lược có tám thứ. Nghĩa là các Bồ-tát hoặc dùng Tam-ma-địa làm chỗ nương dựa. Hoặc nơi thời gian dài cùng với pháp ấy an trụ. Đối nơi trường hợp kia, từ bi nhằm để chỉ dạy, trao truyền. Hoặc do các chúng Bồ-tát còn lại. Hoặc do Đức Như Lai tạo việc chỉ dạy, trao truyền. Nơi lúc chỉ dạy, trao truyền, trước nên xét kỹ về tâm tư nơi tâm. Nhận biết rõ đúng như thật về tâm tư. Nhận biết rõ đúng như thật về tâm rồi, tâm tư về căn. Nhận biết rõ đúng như thật về tâm tư. Nhận biết rõ đúng như thật về căn rồi, tâm tư về ý lạc. Nhận biết rõ đúng như thật về tâm tư. Nhận biết rõ đúng như thật về ý lạc rồi, tâm tư về tùy miên. Nhận biết rõ đúng như thật về tâm tư. Nhận biết rõ đúng như thật về tùy miên rồi, theo chỗ ứng hợp, thích nghi, thị hiện vô số môn hướng nhập, khiến tất cả đều hướng nhập. Nghĩa là hoặc tu quán bất tịnh, hoặc lại tu từ, hoặc tu vô số duyên tánh duyên khởi, hoặc tu giới sai biệt, hoặc tu quán sở tức. Theo như chỗ ứng hợp, thích nghi, thị hiện vô số môn hướng nhập khiến đều được hướng nhập rồi, vì họ nêu giảng về hành có thể đối trị trong xứ tà chấp thường biên, vì họ nêu giảng về hành có thể đối trị trong xứ tà chấp đoạn biên. Khiến họ trừ bỏ các tăng thượng mạn như việc chưa tạo tác cho là tạo tác, chưa đạt được cho là đã được, chưa tiếp xúc cho là đã tiếp xúc, chưa chứng đắc cho là đã chứng đắc.

Tám thứ chỉ dạy, trao truyền của Bồ-tát như vậy nên biết là lược nói về chỗ gồm thâu của ba xứ. Thế nào là ba xứ? Đó là:

(1) Người tâm chưa trụ: Thì khiến họ trụ, khiến họ ở nơi đối tượng duyên giữ lấy niệm không điên đảo.

(2) Người tâm đã trụ: Thì khiến họ đạt được nghĩa lợi của chính mình. Vì họ tuyên thuyết nẻo phương tiện chân chánh.

(3) Đối với người tự tạo tác chưa rốt ráo: Khiến họ lia bỏ trở ngại hiện có nơi trung gian. Nếu nhận biết về tâm, căn, ý lạc, tùy miên của người ấy rồi, theo như chỗ ứng hợp, thích nghi, thì hiện vô số môn hướng nhập khiến họ hướng nhập.

Nên biết đó gọi là đối với người tâm chưa trụ khiến họ trụ, khiến họ ở nơi đối tượng duyên giữ lấy niệm không điên đảo. Hoặc vì họ tuyên thuyết hành có thể đối trị trong xứ tà chấp hai biên đoạn, thường. Nên biết đó gọi là đối với kẻ tâm đã trụ, khiến họ đạt được nghĩa lợi của chính mình, vì họ nêu bày nẻo phương tiện chân chánh. Hoặc khiến họ trừ bỏ các tầng thượng mạn, chưa tạo tác cho là đã tạo tác, nói rộng cho đến chưa chứng đắc cho là đã chứng đắc. Nên biết đó gọi là đối với người đã tự tạo tác nhưng chưa rốt ráo, thì khiến họ lia bỏ những trở ngại hiện có nơi trung gian.

Ba xứ như vậy nên biết là có thể thâm tóm tám thứ chỉ dạy, trao truyền. Như thế là Bồ-tát hoặc do từ nơi người khác mà được sự chỉ dạy, trao truyền chân chánh. Hoặc do ban cho kẻ khác sự chỉ dạy, trao truyền thuận hợp, nên có thể khiến cho chủng tánh của tám lực còn lại dần được thanh tịnh, dần được tăng trưởng. Đó là: Chủng tánh của trí lực nơi đẳng trì đẳng chí tĩnh lực giải thoát. Chủng tánh của trí lực nơi các căn hơn kém.

Chủng tánh của trí lực nơi vô số thắng giải. Chủng tánh của trí lực nơi vô số cảnh giới.

Chủng tánh của trí lực nơi hành hướng đến khắp. Chủng tánh của trí lực nơi túc trụ tùy niệm.

Chủng tánh của trí lực nơi sinh tử. Chủng tánh của trí lực nơi lậu tận.

Thế nào là dạy khuyên? Nên biết việc dạy khuyên lược có năm thứ:

(1) Ngăn chặn có tội hiện hành.

(2) Mở thuận vô tội hiện hành.

(3) Nếu có trường hợp ở trong pháp ngăn chặn, mở thuận vừa hành phạm, thì như pháp can gián, chỉ dạy.

(4) Hoặc có trường hợp ở trong pháp kia luôn khinh mạn mà hủy phạm, thì dùng ý lạc thân thiện, không nhiễm dục, không đòi khác, đúng như pháp quả trách, đuổi đi, cùng tạo sự nhớ nghĩ.

(5) Hoặc có trường hợp ở trong pháp được ngăn chặn, mở thuận có thể hành trì đúng đắn, thì dùng tâm từ ái khen ngợi công đức chân thật, khiến họ hoan hỷ.

Nên biết đó gọi là lược nói về năm thứ dạy khuyên của Bồ-tát. Đó là: Ngăn chặn, Mở bày chấp thuận, Can gián dẫn dạy, Quả trách đuổi đi, Vui mừng an ủi.

Thế nào là Bồ-tát dùng phương tiện để thâm tóm ba nghiệp thân ngữ ý? Nên biết là lược nói Bồ-tát hiện có bốn thứ nhiếp sự, đó gọi là phương tiện. Như Đức Thế Tôn nói: Bồ-tát thành tựu bốn thứ nhiếp sự thâm tóm phương tiện mới gọi là Bồ-tát.

Lại do nhân duyên gì, chỉ bốn nhiếp sự này được gọi là phương tiện? Nghĩa là các Bồ-tát lược do nhiếp sự như thế gồm thâm bốn thứ phương tiện, nên đối với các hữu tình có thể thâm nhận, điều phục, thành thực khắp. Ngoại trừ chúng thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Những gì gọi là bốn thứ phương tiện? Đó là:

(1) Phương tiện tùy thâm.

(2) Phương tiện có thể thâm tóm.

(3) Phương tiện khiến nhập.

(4) Phương tiện tùy chuyển.

Nếu các Bồ-tát trước hành bố thí, nên biết đó gọi là phương tiện tùy thân. Vì sao? Vì trước dùng các thứ của cải vật dụng bố thí tạo lợi ích cho chúng sinh, vì nhằm khiến họ nghe nhận phụng hành giáo pháp được nêu giảng.

Nếu các Bồ-tát tiếp theo hành ái ngữ, nơi xứ xứ kia có kẻ ngu si, vì nhằm trừ bỏ chỗ ngu tối hiện có của kẻ ấy khiến dứt sạch hoàn toàn, cùng khiến kẻ ấy thân nhận chánh lý để xem xét. Ái ngữ như vậy, nên biết gọi là phương tiện có thể thân tóm.

Hoặc các Bồ-tát nhận biết hữu tình kia thân nhận xem xét đạo lý chân chánh rồi, tiếp đến là hành lợi hành để đưa hữu tình ấy ra khỏi xứ bất thiện, đối với xứ thiện kia khuyên dẫn, điều phục, kiến lập là chốn an ổn. Lợi hành như vậy nên biết gọi là phương tiện khiến nhập.

Hoặc các Bồ-tát với phương tiện như thế khiến các hữu tình được hướng nhập rồi, sau rốt cùng với sự nghiệp chính đáng kia đồng cùng tu tập khiến họ tùy chuyển. Do nhân duyên ấy khiến cho người được hóa độ kia không thể nói lời này:

“Ông tự mình không có tin tưởng thanh tịnh viên mãn, không có Thi la viên mãn, không có thí xả viên mãn, không có trí tuệ viên mãn, thì dựa vào điều thiện nào để khuyến khích, dẫn dắt kẻ khác, can gián, chỉ dạy, quở trách, đuổi đi cùng tạo nhớ nghĩ? Vì thế, Bồ-tát hành trì nhiếp sự thứ tư là đồng sự, nên biết đó gọi là phương tiện tùy chuyển.

Bốn thứ phương tiện của Bồ-tát như vậy hoặc chung hoặc riêng đã thân tóm ba nghiệp thân ngữ ý. Đó gọi là phương tiện thân tóm ba nghiệp nơi các hữu tình, có thể thân nhận, điều phục, thành thực đúng đắn.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 39

Địa thứ 15: ĐỊA BỒ TÁT (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 9: THÍ

Lại nữa, Bồ-tát thứ lớp viên mãn sáu Ba-la-mật-đa rồi, có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Đó là: Thí Ba-la-mật-đa. Giới Ba-la-mật-đa. Nhẫn Ba-la-mật-đa. Tinh tấn Ba-la-mật-đa. Tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Tuệ Ba-la-mật-đa.

Thế nào là Thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Tụng nêu:

*Tự tánh, tất cả, nan
Tất cả môn, thiện sĩ
Nhất thiết chủng, toại cầu
Hai đời vui, thanh tịnh
Chín thứ tướng như thế
Đó lược gọi là Thí.*

Nghĩa là chín thứ tướng thí, gọi là Thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát:

1. Thí tự tánh.
2. Thí tất cả.
3. Thí nan hành.
4. Thí tất cả môn.
5. Thí thiện sĩ.

6. Thí nhất thiết chung.
7. Thí toại cầu.
8. Thí đời này đời khác vui.
9. Thí thanh tịnh.

Thế nào là Thí tự tánh của Bồ-tát? Nghĩa là các Bồ-tát đối với tài sản của tự thân không hề luyến tiếc, có thể thí hết thấy những vật cần bố thí, không tham cùng sinh suy nghĩ, và nhân chỗ phát khởi ấy, có thể thí hết thấy vật vô tội. Hai nghiệp thân, ngữ an trụ nơi luật nghi, A-cấp-ma chỉ rõ, quyết định là có quả theo chỗ mong cầu, tức dùng các vật ấy để hành bố thí. Nên biết đó gọi là Thí tự tánh của Bồ-tát.

Thế nào là Thí tất cả của Bồ-tát? Nghĩa là tất cả này lược có hai loại:

- (1) Vật được thí bên trong.
- (2) Vật được thí bên ngoài.

Nếu các Bồ-tát chỉ xả bỏ tự thân, đó gọi là chỉ thí vật được thí bên trong. Nếu các Bồ-tát vì thương xót các chúng sinh cần ăn thức ăn được nôn ra để sống, nên luôn luôn ăn xong thì nôn ra các thức đã ăn uống để thí cho chúng, đó gọi là cùng thí các vật thí trong ngoài. Nếu các Bồ-tát, ngoại trừ việc bố thí như đã nói ở trên, tất cả vật còn lại nên thí, đây gọi là chỉ thí vật được thí bên ngoài.

Lại, các Bồ-tát lược do hai tướng, dùng nội thân của mình thí cho kẻ đến cầu xin:

(1) Cầu xin toàn bộ thân: thì đem thân thí cho kẻ ấy, theo chỗ mong muốn là thuộc về kẻ ấy, thuận theo kẻ đó. Như vậy là Bồ-tát tâm không ái nhiễm, chỉ vì để mau chứng đắc quả vị Bồ-đề tối thắng, chỉ vì nhằm tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh, chỉ vì hành Bố thí Ba-la-mật-đa chóng viên mãn, nên đem thân thí cho kẻ kia, theo chỗ mong muốn, là thuộc về kẻ đó, thuận theo kẻ đó.

(2) Cầu xin riêng các chi phần nơi thân như tay chân đầu mắt v.v... thì tùy chỗ mong muốn, tất cả đều thí cho.

Lại, các Bồ-tát cũng do hai tướng, nên dùng các vật thí bên ngoài để bố thí cho các chúng sinh:

(1) Cầu thọ dụng: theo chỗ cần dùng của kẻ kia, như chỗ vui thích tùy ý thọ dụng.

(2) Cầu tự tại: Tâm đoạn dứt tất cả, đều cùng thí cho.

Lại, các Bồ-tát không phải là không có sai biệt, khi đem tất cả chủng loại, tất cả vật thí hiện có trong ngoài thí cho các chúng sinh. Các Bồ-tát ấy dùng vô số các vật thí trong ngoài kia, đối với các chúng sinh, hoặc có trường hợp thí cho, hoặc có trường hợp không thí cho.

Vì sao thí cho? Vì sao không thí cho? Nghĩa là các Bồ-tát hoặc nhận biết vô số các vật thí trong ngoài, đối với các chúng sinh kia chỉ khiến an lạc, không tạo lợi ích. Hoặc lại đối với các chúng sinh kia không tạo an lạc, không tạo lợi ích, nên không thí cho. Hoặc nhận biết vô số các vật thí trong ngoài, đối với những chúng sinh kia, nhất định tạo lợi ích, không nhất định tạo an lạc, hoặc lại đối với những chúng sinh kia nhất định tạo lợi ích, nhất định tạo an lạc, tức nên thí cho.

Như vậy là lược nói về Bồ-tát nên thí, không nên thí xong, thứ đến sẽ biện giải rộng.

Nghĩa là các Bồ-tát, nếu có người đến cầu xin cùng làm bạn bè, muốn tạo sự bức bách tổn hại, dối gạt phi lý đối với kẻ khác, thì Bồ-tát không nên dùng thân thí cho người ấy, tùy chỗ mong muốn của họ nên thuộc về họ, tùy thuận nơi họ. Do các Bồ-tát thà trong hàng trăm lần, ngàn lần, hoặc trăm ngàn lần xả bỏ thân mạng mình thí cho các chúng sinh, chứ trọn không tùy theo sự xúi giục của người khác,

chỉ để thỏa tình, mà đối với các chúng sinh tạo mọi sự bức bách, tổn hại, đối gạt phi lý.

Hoặc các Bồ-tát, nơi chỗ hành thí ý lạc thanh tịnh, thấy có vô lượng sự việc lợi ích cho chúng sinh đang hiện tiền, nếu có người đến cầu xin các chi phần của tự thân, thì không nên thí cho. Vì sao? Vì không phải Bồ-tát kia, ở chỗ hành thí ý lạc không tịnh, tâm sinh thoái chuyển, yếu kém, khởi suy nghĩ: Đây là nên đáng thí cho hay không đáng thí cho? Đây nên thí cho, đây không nên thí cho? Bồ-tát kia vì khiến cho ý lạc được thanh tịnh, nên cần xả bỏ sự việc tạo lợi ích cho chúng sinh đang hiện tiền để bố thí thân phần. Do ý lạc ấy đã thanh tịnh, tức không nên xả bỏ sự việc tạo lợi ích cho chúng sinh đang hiện tiền để bố thí thân phần.

Lại, các Bồ-tát, hoặc Ma chúng thiên mang tâm não loạn, hiện tiền đến cầu xin các chi tiết nơi thân phần, thì không nên theo đây thí cho. Vì sao? Vì chớ khiến cho kẻ kia sẽ chịu lấy tội lỗi nặng nhất cùng sự tổn hại. Như Ma chúng thiên, thì đối với trường hợp chúng sinh bị sai khiến, nên biết cũng vậy.

Hoặc có chúng sinh tâm si cuồng loạn, tới cầu xin các chi tiết nơi thân phần của Bồ-tát, thì cũng không nên theo đây thí cho. Vì sao? Vì do kẻ kia tâm không trụ nơi tự tánh, không vì nghĩa lợi mà cầu xin, vì tâm của kẻ ấy cuồng loạn, không tự tại, chỉ hoàn toàn là vô số ngôn thuyết sai lạc vô ích, vì thế không nên thí cho.

Trái với trường hợp nêu trên, người đến cầu xin các chi tiết nơi thân Bồ-tát, thì theo chỗ mong muốn của họ, nên thí cho. Nên biết đó gọi là Bồ-tát đối với vật bên trong có thể thí cho, hoặc nên thí hoặc không nên thí.

Lại, các Bồ-tát đối với vật thí bên ngoài, nếu có chúng sinh đến cầu xin các vật như chất độc, lửa, đao, rựa v.v..., hoặc để tự hại, hoặc để hại kẻ khác, tức không nên thí cho. Nếu có chúng sinh đến

cầu xin các vật như trên, hoặc tự tạo lợi ích cho mình, hoặc tạo lợi ích cho kẻ khác, thì nên thí cho.

Lại, các Bồ-tát không dùng vật thuộc về kẻ khác không được sự đồng ý của họ mà hành tuệ thí.

Lại, các Bồ-tát không làm việc mai mối, dùng thê thiếp của kẻ khác mà hành bố thí.

Lại, các Bồ-tát không đem các vật như thức ăn uống có trùng mà hành tuệ thí.

Lại, các Bồ-tát, nếu có chúng sinh đến cầu xin vô số các vật có thể dẫn phát việc vui đùa hoặc vô nghĩa lý, thì không nên thí cho. Vì sao? Vì nếu khi thí cho họ, tuy tạm thời khiến họ ở chỗ Bồ-tát tâm sinh hoan hỷ, nhưng lại khiến họ rộng tạo vô số sự việc không lợi ích, như hành phóng dật, làm ác, sau khi thân hoại bị đọa vào nẻo ác. Nếu có vô số các vật dụng tạo nên vui đùa, tuy lại thí cho nhưng không khiến chúng sinh bị đọa vào các nẻo ác, cũng không làm tăng trưởng các căn bất thiện. Bồ-tát vì muốn khiến cho các chúng sinh kia, nhân sự bố thí ấy thân nhận lợi ích, tâm sinh tin tưởng thanh tịnh, dễ có thể hóa độ, dẫn dắt, dễ có thể thành thực, nên theo chỗ cầu xin của họ thấy đều thí cho.

Các Bồ-tát này, nếu có người đến cầu xin các sự việc vui đùa, thì những người nào nên cho, những người nào không nên cho? Tức các Bồ-tát trọn không thí cho người làm nghề săn bắt.

Lại, nơi các sự việc cúng tế ứ tạp, tạo ra phương tiện lớn tập hợp các chúng sinh, tổn hoại mạng sống của chúng, mắc vô lượng tội. Bồ-tát đối với sự việc cúng tế ấy hoàn toàn không nên tự làm, cũng không sai bảo kẻ khác làm, cũng không ở trong các đền thờ kia giết dê để cúng tế.

Hoặc có trường hợp đến cầu xin, hoặc vùng nước hoặc vùng đất liền là nơi chốn nương dựa của vô lượng chúng sinh, vì muốn sát hại sinh mạng của chúng, Bồ-tát biết rõ nên trọn không thí cho.

Hoặc có trường hợp đến cầu xin các thứ lưới giăng bắt chim, thú, cá, để hại chúng sinh cùng học làm theo, thì Bồ-tát đều không thí cho.

Hoặc có kẻ vì oán thù đến cầu xin cách thức báo thù, vì muốn mắng nhiếc, trói cột, sát hại, cướp đoạt của cải v.v..., Bồ-tát trọn không thí cho. Nói tóm lại, tất cả các thứ vật dụng tạo bức bách tổn hại các hữu tình khác, hoặc tạo sự vui đùa vô nghĩa, nếu có kẻ đến cầu xin các thứ ấy Bồ-tát đều không thí cho.

Hoặc là vô số voi ngựa, xe cộ, y phục, các vật báu để trang sức, các thức ăn uống, các thứ ca múa, cùng những nhạc khí, các loại hương xoa, ngọc quý, vườn rừng, lầu gác, nhà cửa, kẻ hầu, vô số xú nghiệp công xảo, hết thảy các vật dụng tạo nên vui thích như vậy, vì muốn khiến cho các chúng sinh kia, ở chỗ Bồ-tát, nhân đây phát khởi tâm tin tưởng thanh tịnh, nên có người tới cầu xin, thầy đều thí cho.

Lại, các Bồ-tát, hoặc có người bị bệnh đến cầu xin các thức ăn uống không đúng lượng, không thích hợp, cũng không thí cho.

Nếu có chúng sinh ăn uống no say, tánh nhiều tham thích, luôn lui tới cầu xin các thức ăn uống thượng diệu, cũng không thí cho.

Hoặc các chúng sinh sầu lo bức bách, cầu muốn được sát hại, đánh đập nơi tự thân, ăn chất độc, rơi từ núi cao, lao xuống vực sâu, nhảy vào lửa, Bồ-tát thầy đều không nên thí cho theo chỗ mong muốn của họ.

Lại, các Bồ-tát, hoặc có kẻ tới cầu xin cha mẹ, sư trưởng thì nhất định không nên thí cho. Vì sao? Vì do các Bồ-tát luôn tôn trọng các bậc sư trưởng, đối với cha mẹ, công đức chăm sóc bú mớm, dưỡng nuôi, ân sâu như thế, ở trong đê mê dài sinh tử, luôn nhớ nghĩ, cung kính mang đội không sinh chán mệt, luôn đem tự thân hầu hạ, tùy thuận, dù phải chịu mọi sự đánh đập, trói buộc, đỏi bán v.v...,

hãy còn tự mình không dám khởi tâm bất hiếu, huống hồ là hiền nhiên thí cho kẻ tới cầu xin.

Lại, các Bồ-tát, hoặc làm quốc vương “quán đảnh”, tự tại thống lãnh cõi nước, đối với quốc giới của mình với muôn dân, quan thuộc hiện có, trọn không ép buộc đoạt lấy vợ con của kẻ khác, đem thí cho người khác. Chỉ nên giữ vững thôn ấp, xóm làng, sông núi, hoặc toàn phần, hoặc một phần dùng để bố thí, bảo với kẻ kia: Như ân giáo hóa của ta, người cũng nên như thế!

Lại, các Bồ-tát, đối với vợ con, nô tỳ, kẻ hầu, thân thích, quyền thuộc của mình, nếu trước không dùng lời nói chính đáng hiểu dụ khiến họ hoan hỷ, thì trọn không cưỡng bức khiến họ sầu não, đem thí cho kẻ tới cầu xin. Tuy trước đã dùng lời nói chính đáng bảo ban, khiến họ hoan hỷ sinh tâm vui muốn, nhưng không đem thí cho kẻ oán hại, bạn ác, cho hàng Dục-xoa, La-sát, kẻ hành động hung bạo...

Lại, các Bồ-tát, nếu có các chúng sinh bức bách não hại bậc nhất, ưa hành vô số các nghiệp bạo ác, đến cầu xin vương vị, thì trọn không nên thí cho. Nếu Bồ-đặc-già-la bạo ác kia, trước ở nơi vương vị, Bồ-tát có uy lực hãy còn nên phế bỏ, huống hồ là thí cho.

Lại, các Bồ-tát hoàn toàn không chiếm đoạt các thứ của cải vật dụng hiện có của cha mẹ, vợ con, nô tỳ, kẻ hầu, thân thích, quyền thuộc để đem bố thí, cũng không bức bách những người trên đem các vật có thể bố thí, thí cho kẻ tới cầu xin.

Lại, các Bồ-tát dùng chánh pháp, dùng các vật dụng, của cải được chứa nhóm không bằng bạo lực, để hành tuệ thí. Không dùng phi pháp, không dùng bạo ác, cũng không bức bách, tổn hại kẻ khác để hành tuệ thí.

Lại, các Bồ-tát, nếu ở nơi Thánh giáo của chư Phật xuất gia, thì trọn không trái vượt các học xứ hiện có, để hành tuệ thí.

Lại các Bồ-tát khi hành bố thí, đối khắp hết thảy các loài hữu tình, khởi tâm bình đẳng, trụ nơi tưởng phước điền để hành tuệ thí, hoàn toàn không phân biệt oán thân, hạng giữa, các phẩm loại sai khác như có được, có mất, kém, bằng, hơn, có khổ có vui.

Lại, các Bồ-tát, như trước đã nói, như trước đã hứa, trọn không giảm thiểu việc thí cho kẻ tới cầu xin, chỉ có thí cho họ hoặc bằng hoặc tăng thêm.

Lại, các Bồ-tát hoàn toàn không có việc trước hứa thí cho các thứ vật dụng, của cải tốt đẹp, sau lại thí cho các thứ xấu kém, chỉ có trường hợp trước hứa cho các vật dụng, tài sản xấu kém, nếu có vật dụng, của cải tốt đẹp thì sau sẽ thí cho các thứ tốt đẹp ấy.

Lại, các Bồ-tát không đem ý khác, không đem tâm phần nộ, đục loạn để hành tuệ thí.

Lại, các Bồ-tát rốt cuộc không nên thí rồi mà tự khen ngợi, bảo: “Ta đối với người từng hành tuệ thí như vậy như vậy, đã thâm nhận, nuôi lớn, cứu giúp đối với người!”.

Lại, các Bồ-tát, lúc hành tuệ thí đối với kẻ hèn kém, hãy còn không bắt kính, trích thượng khi thí cho, huống là đối với bậc có đức.

Lại, các Bồ-tát, nếu có người đến cầu xin, trụ nơi vô số hạnh tà, hủy phạm, trạo cử, loạn động, không tự ngăn giữ, chuyên làm việc mạ ly, sân hận, chê trách, thì Bồ-tát trọn không đối với họ tạm khởi hạnh tà, mang tâm chán mệt mà hành tuệ thí. Người nào tức đối với kẻ kia, nhận biết rõ do các phiền não thân gần khiến thay đổi bản tánh, nên Bồ-tát lại an trụ sâu nơi tâm thương xót để hành tuệ thí.

Lại, các Bồ-tát không do ác kiến, vọng hữu chấp giữ để hành tuệ thí. Nghĩa là như việc cúng tế bạo ác rộng lớn, không xét tính sát sinh hay bố thí là pháp, cũng không vọng chấp giữ các hình tướng tương ưng với điềm lành, tương ưng với việc an lành để hành tuệ thí.

Lại, các Bồ-tát trọn không vọng chấp chỉ có nhất thiết chung, hết sức thiện, hết sức thanh tịnh mà hành tuệ thí. Tức sự thanh tịnh lià dục của thế gian và xuất thế gian chính là nhận biết rõ, xét kỹ về việc hành bố thí, chỉ là tư lương của thanh tịnh lià dục.

Lại, các Bồ-tát không quán về quả để hành bố thí. Hết thấy bố thí đều được hồi hướng mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

Lại, các Bồ-tát nhận biết rõ đúng như thật về tất cả phẩm loại nơi hành bố thí, tất cả phẩm loại dị thực của quả thí, sinh tin hiểu sâu xa. Không do duyên khác, không phải từ chỗ dẫn nêu của kẻ khác để hành bố thí. Nghĩa là thí các thức ăn uống có thể chiêu cảm sức mạnh lớn. Thí các thứ y phục có thể chiêu cảm hình sắc tươi đẹp. Thí các loại xe cộ có thể chiêu cảm sự an lạc, sung sướng. Thí các thứ đèn sáng có thể chiêu cảm mắt tịnh. Các loại như vậy nói rộng nên biết.

Lại, các Bồ-tát không vì sợ hãi tự thân bị nghèo cùng nên hành bố thí, chỉ do ý lạc của tâm bi thương xót chúng sinh nên hành bố thí.

Lại, các Bồ-tát đối với kẻ đến cầu xin trọn không thí cho các vật dụng không thích hợp. Tức như thí cho người xuất gia các thức ăn uống dư thừa, hoặc các thứ bất tịnh, tạp nhiễm... Hoặc lại sắp đặt, bày biện không hợp nghi thức theo sự nghiệp hiện có để hành bố thí. Các loại không hợp với nghi thức bố thí như thế, Bồ-tát không làm.

Lại, các Bồ-tát không khiến cho người cầu xin phải nhiều lượt tới lui, đi về, tùy thuận, cầu cạnh, lệ thuộc, ngăn cản, mệt nhọc, sau đấy mới bố thí. Chỉ vừa tới cầu xin tức nên thí cho.

Lại, các Bồ-tát không dựa vào danh tiếng, sự tán dương của thế gian nên hành bố thí. Không dựa vào chỗ báo đáp ân đức của kẻ khác để hành bố thí. Không dựa vào quả báo của các ngôi vị Đế thích, Phạm thiên, Luân vương tự tại để hành bố thí. Cũng lại không vì để đối gạt, dẫn dụ kẻ khác mà hành bố thí. Lại cũng không theo chỗ hẹp,

kém mà hành tuệ thí. Nghĩa là của cải tuy ít hãy còn bố thí với tâm rộng lớn, hưởng chi là của cải nhiều.

Lại không dối lừa kẻ khác để hành tuệ thí. Lại không tạo sự trái lìa nơi kẻ khác để hành tuệ thí.

Lại, các Bồ-tát luôn dốc sức siêng năng không biếng trễ, đầy khởi sự thúc giục đầy đủ, dũng mãnh tự trang nghiêm thân tâm, trước tự hành thí, sau khuyên kẻ khác hành thí, không phải tự mình thì biếng nhác mà thúc giục kẻ khác siêng năng hành thí.

Lại có vô lượng chúng cùng nhóm họp đến cầu xin, Bồ-tát nhận biết rõ đúng như thật về người giữ giới, kẻ phạm giới, theo tuổi tác lớn nhỏ thứ lớp an tọa, từ trên đến dưới xem xét đủ khắp, đem hết các vật thí phân phát thí cho.

Lại, các Bồ-tát hiện có vô lượng của cải, vật dụng rộng, nhiều, thì trọn không hành thí theo hướng hữu lượng.

Lại, các Bồ-tát không tôn hại, náo loạn kẻ khác để hành tuệ thí. Nghĩa là không mắng nhiếc, đánh đập, khủng bố, nhục mạ, trói cột, ngăn cấm, xua đuổi kẻ này để thí cho kẻ kia.

Lại, các Bồ-tát trước khi thí thì ý vui, lúc bố thí thì tâm tịnh, sau khi thí thì không hối.

Lại, các Bồ-tát không đem tâm dục nịnh, dối trá để hành tuệ thí. Nghĩa là trọn không dùng các vật báu như Mạt ni, chân châu, kha bối, lưu ly v.v... không thật để bố thí, trông mong có được vật báu chân thật.

Lại, các Bồ-tát hiện có những tài sản, vật dụng, hoặc ít hoặc nhiều, đều nên vận dụng tâm, trước thí cho hết thấy, sau có người đến cầu xin, xem như là giữ lấy tài sản của chính mình, Bồ-tát lúc thí cho, như vật kia có trở lại.

Lại, các Bồ-tát, đúng lúc hành thí, không hành thí phi thời. Tịnh thí tự, tha, thấy đều thanh tịnh. Hợp nghi thức nên thí, không hành thí

trái với nghi thức. Tâm không loạn động khi hành thí, không hành thí với tâm tán loạn.

Lại, các Bồ-tát thấy người đến cầu xin, hoàn toàn không cười cợt, cũng không xem thường, cũng không khiến cho họ sinh xấu hổ, cũng không cau có, dáng dấp luôn thư thái, vui vẻ, nhìn xem bình đẳng, trọn không cản ngăn, mau chóng bố thí.

Lại, các Bồ-tát, người khác tuy không cầu xin, nhưng tự mình khiến cho họ cầu xin, tất theo chỗ cầu xin xứng hợp thí cho, luôn mở bày đối với người cầu xin khiến họ vui lòng chọn lấy.

Lại nữa, các Bồ-tát không dùng tuệ ác để hành bố thí, luôn dùng tuệ thiện xảo để hành bố thí.

Thế nào là Bồ-tát dùng tuệ thiện xảo hành bố thí? Nghĩa là các Bồ-tát hiện có vô số vật dụng, của cải có thể bố thí, người cầu xin chưa đến, nên trước phát khởi tâm này: Nếu như có hai người cầu xin cùng tới chỗ ta, thì một là an lạc, không nghèo không hèn, có nương có dựa, hai là nguy khổ, là nghèo là hèn, không nương không dựa. Bây giờ ta nên lường tính về các thứ vật dụng của cải hiện có, nếu có thể bố thí cho cả hai đều được đầy đủ, tức nên cùng thí cho. Còn như số vật dụng, của cải không thể bố thí đầy đủ cho cả hai, thì nên theo phương tiện đem hết những thứ mình có bố thí cho kẻ nguy khổ, là kẻ nghèo hèn, không nương không dựa. Phát khởi tâm ấy rồi, như chỗ suy nghĩ, theo đây thực hiện trọn vẹn. Đối với những người đến cầu xin có được an lạc v.v..., đã không có năng lực để bố thí trọn đủ thì nên tạo phương tiện dùng ngôn ngữ thuận hợp để từ tạ: “Các vật thí này tôi đã thí cho người nguy khổ như trước đã hứa, chẳng phải là tôi đối với ông không có tâm vui thích bố thí, chỉ vì không đủ khả năng, mong ông hiểu cho, chớ có giận hờn”.

Lại, các Bồ-tát hiện có vô số các vật dụng, của cải có thể bố thí, nhận biết có gia đình keo kiệt, bòn sẻn tội cùng, luôn giữ chặt

các thứ tài sản vật báu, nhà ấy chưa từng tuệ thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn. Bồ-tát liền đi tới nhà kia, thăm hỏi theo phép, không tạo phương tiện cung kính tùy thuận, nói với người kia: “Tôi không khiến ông nơi kho lẫm cất chứa bị giảm, hết, mà ngay hiện tại tạo lợi ích lớn. Nhà tôi hiện có rất nhiều vật dụng, của cải để bố thí, vì nhằm viên mãn pháp Thí Ba-la-mật của tôi. Nếu có người cầu xin đi tới nhà ông, ông chớ khiến họ ra về tay không, ông có thể tới nhà tôi lấy các vật báu, của cải, tùy ý thí cho. Hoặc có kẻ cầu xin, đi tới nhà tôi, thì lúc tôi hành thí, ông đối với việc bố thí ấy, nên sinh tùy hỷ”. Người kia nghe như vậy rồi liền sinh vui mừng, vì đối với kho lẫm của mình đã không bị giảm bớt, lại được xưng gọi là tâm của hàng thiện nam, do vậy nên tùy thuận theo việc làm được thành tựu. Bồ-tát như vậy là khiến cho người kia dần dần gieo trồng hạt giống điều phục tâm keo kiệt của vị lai. Do tuệ làm đầu nơi phương tiện thiện xảo, nên khiến người kia dần dần tu tập bỏ một ít tài sản, dựa nơi vô tham phẩm hạ tiến được phẩm trung. Dựa vào vô tham phẩm trung tiến được phẩm thượng.

Lại, các Bồ-tát, nếu các bậc Thân giáo sư (Hòa thượng) và Quý phạm sư (A-xà-lê) có đệ tử cùng trụ là đồng phạm hạnh, tánh là tham lam keo kiệt, là loại tham lam keo kiệt. Hoặc tánh tuy không thuộc chủng loại tham lam keo kiệt, nhưng do thiếu các vật dụng, của cải cần cho đời sống, mọi chỗ mong muốn cũng thiếu thốn. Bồ-tát muốn phó thác việc trông coi ruộng đất, cây cối của Tam bảo, lúc tu phước nghiệp bố thí, xả bỏ vật dụng được thí cho vị ấy khiến làm còn tự mình không làm.

Bồ-tát với tuệ nơi phương tiện thiện xảo như thế, từ chỗ sinh phước lại càng rộng lớn. Lại khiến một loại đồng phạm hạnh điều phục phiền não tham lam keo kiệt hiện có. Cũng khiến một loại vui thích pháp thiện, ý nguyện được trọn đủ, như thế là đã thâm nhận hữu tình, thành thực hữu tình.

Lại, các Bồ-tát hiện có rất nhiều vật dụng, của cải có thể bố thí, thấy những người tìm đến, biết rõ về tâm, nên đã tùy theo chỗ vui thích của họ, thấy đều thí cho.

Lại có khách buôn vì tánh giả trá, muốn làm việc lừa dối, Bồ-tát nhận biết rồi, hãy còn che giấu lỗi kia không khiến cho người khác biết, huống là nói thẳng với kẻ ấy. Ý nguyện được đầy đủ khiến kẻ ấy không xấu hổ, vô cùng vui mừng, không còn sợ hãi, hoan hỷ mà đi.

Lại có kẻ giả trá lừa dối, Bồ-tát lúc đầu không nhận biết, thời gian sau mới rõ. Tuy đã biết rõ nhưng không đem việc ấy nói với kẻ kia, cũng không quở trách. Vì tạo sự nhớ nghĩ, nên chỉ sinh tâm thương xót: “Kẻ kia ở nơi chỗ ta, nhầm lẫn làm việc không cho mà lấy như thế, ta nay nên tùy hỷ khiến kẻ ấy không mắc tội”.

Các loại như vậy, nên biết gọi là Bồ-tát hiện có vật dụng, của cải có thể bố thí, do tuệ theo phương tiện khéo léo để thí cho.

Lại, các Bồ-tát hiện không có các vật dụng, của cải có thể bố thí. Trước hết thường xuyên hành tập các thứ nơi xứ nghiệp công xảo của thế gian, tác ý hiện tiền, ít dùng công sức để chứa nhóm nhiều các vật báu, tài sản, nhằm bố thí cho các chúng sinh. Các Bồ-tát này dùng vô số ngôn từ khéo léo thuận hợp để nêu giảng chánh pháp, khiến cho người nghèo khổ hãy còn vui thích hành thí, huống chi là những người giàu sang. Khiến cho kẻ tham lam keo kiệt cũng có thể tuệ thí, huống chi là người tu tập bố thí. Hoặc có người tịnh tín, có nhiều vật báu, của cải, luôn vui thích làm nơi chốn bố thí, Bồ-tát thường chỉ dạy kẻ cầu xin đi tới nhà kia để được bố thí. Hoặc kẻ kia thí xả lúc tu phước nghiệp, Bồ-tát đích thân đến nơi, hết sức siêng năng không biếng trễ, phát khởi thúc đẩy đầy đủ, tâm hoan hỷ sâu xa. Tùy theo năng lực, thân hỗ trợ, ngữ hỗ trợ, khiến việc bố thí cho kẻ cầu xin được đầy đủ, tốt đẹp. Vì người kia khi hành bố thí, hoặc sức khỏe thiếu, kém, hoặc sắp đặt xem xét không tốt, hoặc bị bè nhóm

xúi giục, hoặc không cung kính, hoặc nhớ nghĩ bị quên mất, do Bồ-tát khéo hỗ trợ, nên những lỗi lầm ấy đều không xảy ra.

Như vậy là Bồ-tát hiện không có các vật dụng, của cải có thể bỏ thí, do tuệ tạo phương tiện khéo léo để hành bố thí.

Ở đây là nói cho đến chưa chứng đắc Ý lạc thanh tịnh tăng thượng. Nếu các Bồ-tát đã chứng Ý lạc thanh tịnh tăng thượng, tức như đã đạt được vượt khỏi các nẻo ác, như vậy đời đời tất có được của cải, vật báu vô tận.

Lại, các Bồ-tát trọn không dùng miệng để truyền trao nhằm cầu tìm lỗi lầm nơi ngoại đạo, chánh pháp hiện có cũng không thí cho. Việc biên chép kinh điển, nhận biết kẻ kia tánh nhiều tham cầu, muốn khoe khoang để mua bán kinh quyền v.v... cũng không thí cho. Nhận biết kẻ kia muốn có được chỗ sâu kín cũng không thí cho. Không cầu trí thù thắng, cũng không thí cho, tất cầu trí thù thắng. Nếu tự nhận biết rõ, đối với kinh quyền, về nghĩa đã biện giải, tức theo chỗ vui thích nên thí cho. Nếu tự nhận biết rõ đối với kinh quyền, nơi nghĩa chưa biện giải, vì để biện giải về nghĩa nên luôn tự mở bày, chuyển đổi. Như vậy là Bồ-tát nếu thấy những kẻ khác có kinh quyền, tức nên tạo phương tiện chuyên cầu để thí cho. Hoặc lại biên chép để thí cho. Nếu không thấy có kinh quyền khác, cũng không có đủ khả năng để lại biên chép, tức nên quan sát xét kỹ nơi tự tâm: Ta đối với pháp chớ nên có tâm keo kiệt, cấu uế trói buộc không thể thí cho chăng? Ta đối với pháp, ý riêng có chỗ bị trở ngại nên không muốn bố thí chăng? Vì ta đối với pháp có chỗ cần hơn hẳn nên không thí cho chăng? Quan sát xét kỹ nơi tâm như vậy rồi, nếu tự nhận biết rõ mình đối với pháp này ít có keo kiệt trói buộc, chỉ do ý riêng có chỗ trở ngại nên không thí cho, liền khởi suy nghĩ: Ta nay quyết định nên hành pháp thí. Nếu như ta do hành pháp thí này, tức ở trong hiện pháp thành kẻ si ám. Không nhẫn chịu phiền não hãy còn nên pháp thí, huống chi là khiến cho kẻ thiếu thốn có được tư lương của diệu trí.

Lại quán xét rồi, nếu tự nhận biết rõ mình đối với pháp này không có chút ít keo kiệt trói buộc, cũng không có ý riêng bị trở ngại, chỉ vì nhằm thành tựu đầy đủ nghĩa thù thắng cần có nên không thí cho. Bồ-tát bấy giờ lại suy xét kỹ: Ta đem pháp này thí cho kẻ kia, là nhằm loại trừ phiền não của mình chăng? Là nhằm làm viên mãn tư lương của trí tuệ chăng? Là vì thương nghĩ đến các chúng sinh chăng? Đã suy xét kỹ rồi, liền nhận biết rõ đúng mình đều không thấy tự có phiền não, kiến chấp, không thí cho kẻ kia kinh quyền này, thì hiện pháp cùng nơi vị lai, tư lương nơi trí của ta lần lượt tăng hơn, chẳng phải do thí cho kẻ kia mà tạo được công đức ấy. Chỉ ở nơi vị lai chỗ tạo lợi ích của pháp mỏng, giảm, không phải là làm phong phú giác tuệ. Nếu không thí cho kẻ kia liền có thể tu tập trí phương tiện thiện xảo, tạo lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh, tức là thương xót nhớ nghĩ về một chúng sinh này cùng hết thảy các chúng sinh khác. Nếu thí cho kẻ kia, tức chỉ thành tựu việc thương xót, nhớ nghĩ về một chúng sinh ấy, không phải là tất cả chúng sinh khác. Bồ-tát nhận biết đúng như thật như thế rồi, không thí cho kẻ kia, không tội, không hối hận, cũng không trái vượt tịnh giới của Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát theo phương tiện không thí cho? Nghĩa là các Bồ-tát không chấp nhận việc nói thẳng, từ chối đối với kẻ tới cầu xin: Bảo là tôi không thể tuệ thí cho ông, nhưng cần phải nêu bày phương tiện khéo léo bảo ban để từ chối việc thí cho.

Thế nào là tạo ra phương tiện khéo léo? Đó là các Bồ-tát, trước ở chỗ chứa nhóm tất cả vật dụng nuôi sống, tất cả vật bố thí, vì “tác tịnh” nên dùng ý lạc thanh tịnh xả thí cho chư Phật, Bồ-tát trong mười phương. Ví như Bí-sô đối với y vật của mình, vì tác tịnh, nên xả thí cho các bậc Thân giáo sư, Quý phạm sự v.v... Bồ-tát do nhân duyên tịnh thí như vậy, tuy lại tích chứa vô số các vật dụng nuôi sống thượng diệu, tất cả các vật bố thí, cũng được gọi là an trụ nơi Thánh chủng, sinh vô lượng phước, thường đối với phước này luôn tư duy,

nên ở nơi tất cả thời gấn bó, tăng trưởng, luôn đối với tất cả vật bố thí tác tịnh, như Phật, Bồ-tát đã phó thác, hộ trì.

Thấy người đến cầu xin, tức nên quan sát, hoặc khi tùy chỗ mong muốn, tác tịnh các vật bố thí để thí cho kẻ ấy, xứng hợp với chánh lý, nên suy niệm: Chư Phật, Bồ-tát không có vật nhỏ ít nào, đối với các chúng sinh mà không thí cho. Nhận biết như vậy rồi, thì dùng vật tịnh thí để thí cho kẻ tới cầu xin khiến chỗ mong muốn được đầy đủ. Nếu lúc quán xét để thí, thấy không xứng hợp với chánh lý, tức nên nghĩ, trước khi hành pháp tác tịnh để thí, nói với kẻ kia: Hiền thủ! Các vật như vậy là người khác hiện có không hứa thí cho ông. Tạo phương tiện để bảo ban, dùng lời nói dịu dàng để từ chối. Hoặc đem vật khác, nhiều gấp hai gấp ba lần, cung kính thí cho, sau đây mới từ chối việc bố thí kia, khiến kẻ ấy nhận biết rõ về tâm ý của Bồ-tát ở đây không phải là tham lam, keo kiệt nên không thí cho mình, nhất định là trong trường hợp này, Bồ-tát không được tự tại nên không thí cho mình. Nên biết đó gọi là Bồ-tát dùng tuệ thiện xảo để hành pháp thí.

Lại, các Bồ-tát đối với tất cả thí, nghĩa là pháp thí, tài thí và vô úy thí. Hoặc môn khác, hoặc theo thể tướng, hoặc giải thích tên gọi, hoặc nhân quả sai biệt, nhận biết rõ đúng như thật mà hành tuệ thí. Nên biết cũng gọi là Bồ-tát dùng tuệ thiện xảo để hành bố thí.

Lại, các Bồ-tát đối với những kẻ có oán, nên dùng ý lạc Từ để hành tuệ thí. Đối với những kẻ có khổ, nên dùng ý lạc Bi để hành tuệ thí. Đối với những vị có đức, thì dùng ý lạc Hỷ để hành tuệ thí. Đối với những ai có ân, thân thiện cùng ý, thì dùng ý lạc Xả để hành tuệ thí. Nên biết cũng gọi là Bồ-tát dùng tuệ thiện xảo để hành bố thí.

Lại, các Bồ-tát đối với chương ngại của bố thí cùng pháp đối trị chương ngại ấy đều nhận biết rõ đúng như thật. Ở đây, chương ngại của thí lược có bốn thứ:

- (1) Trước chưa tập quen.
- (2) Vật thí thiếu, ít.
- (3) Tham đắm các vật dụng, của cải thượng diệu, vừa ý.
- (4) Quán thấy quả về của cải đầy đủ ở vị lai nên vui thích sâu xa.

Nếu các Bồ-tát hiện có vô số vật dụng, của cải có thể bố thí, tuy thấy người cầu xin đang hiện tiền, nhưng đối với việc tuệ thí, tâm không hướng nhập. Bấy giờ Bồ-tát liền dùng chánh tuệ mau chóng thông tỏ là mình đối với bố thí trước chưa thường xuyên hành tập, nên tạo ra lỗi lầm.

Lại dùng diệu tuệ thông tỏ, như vậy là mình từ nơi đời trước, nhất định đối với việc bố thí chưa từng tập quen, dẫn đến hiện tại, nơi đời này hiện có vô số vật dụng, của cải có thể bố thí, tuy thấy người cầu xin đang hiện tiền, nhưng đối với tuệ thí tâm không hướng nhập.

Nếu nơi đời này không quyết định xét chọn mà hành bố thí, thì nhất định nơi đời sau sẽ ghét bỏ chỗ nên hành thí. Bồ-tát thông tỏ đúng như vậy rồi, dùng pháp đối trị chướng ngại của thí ấy làm chỗ dựa, cố sức xét chọn mà hành tuệ thí, có thể không còn gắn bó với lỗi lầm được tạo ra do không tập quen từ trước, tự tại hành thí.

Lại, các Bồ-tát nếu thấy người cầu xin đang hiện tiền, do các thứ vật dụng, của cải có ít, thiếu, nên đối với việc tuệ thí tâm không hướng nhập. Bồ-tát bấy giờ liền dùng chánh tuệ mau chóng thông tỏ, do thiếu thốn như vậy là nhân duyên của bố thí bị chướng ngại, nhịn, nhận các thiếu thốn, tạo ra các khổ, nên gắng sức xét chọn khởi tâm thương xót để hành tuệ thí, khởi suy niệm: Hoặc do nghiệp đời trước có lỗi lầm, hoặc do hiện tại lệ thuộc vào kẻ khác, khiến ta thọ nhận đủ các thứ khổ như đói khát dữ dội, không thể tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nếu ta hôm nay, do nhân hành tuệ thí tạo lợi ích cho kẻ khác, nên ở trong hiện pháp thọ nhận vô số khổ cho đến mạng chung, hành thí như vậy vẫn là hơn hết. Chẳng phải là do hoàn toàn từ chối

bồ thí cho các kẻ đến cầu xin, hướng chi là vẫn có các thứ rau cỏ dùng để sinh sống.

Bồ-tát như thế là nhịn, nhận sự thiếu thốn tạo ra các khổ để hành tuệ thí.

Lại, các Bồ-tát nếu thấy người cầu xin đang hiện tiền, do vật dụng có thể bồ thí, là vô cùng vừa ý, là thượng diệu hết mực, nên đối với việc hành tuệ thí tâm không hướng nhập. Lúc này, Bồ-tát liền dùng chánh tuệ mau chóng thông tỏ là do tham đắm tạo ra lỗi lầm, ta nay đối với khổ phát khởi tưởng lạc là hư vọng điên đảo. Do đấy nên có thể sinh ra các khổ của vị lai, đối với điên đảo ấy nhận biết rõ khắp. Vì muốn đoạn trừ nên gắng sức xét chọn, dùng vật dụng, của cải này để hành tuệ thí.

Lại, các Bồ-tát, nếu hành thí rồi, đối với quả nên thí, với của cải, lợi lạc rộng lớn, thấy công đức thù thắng nên sinh vui thích sâu xa, không cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát khi ấy, tức dùng chánh tuệ, mau chóng thông tỏ là thấy quả tà vạy, tạo ra lỗi lầm. Quán sát đúng như thật về tất cả các hành đều không bền chắc, tất cả các hành đều niệm niệm diệt dứt, nên chỗ thọ dụng quả mau chóng diệt mất, mau chóng ly tán. Lúc quán như vậy tức có thể đoạn dứt khả năng sinh ra kiến chấp vui thích quả tà vạy. Tất cả các chỗ hành thí đều hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Như vậy là Bồ-tát đối với bốn thứ chướng ngại của bồ thí, nên biết về bốn thứ trí có thể đối trị để đối trị chúng:

- (1) Giác ngộ.
- (2) Nhận nhận các khổ.
- (3) Nhận biết khắp về điên đảo.
- (4) Thấy rõ tất cả hành tánh không bền chắc.

Các Bồ-tát này, do ba thứ trí trước có thể đối trị, nên quyết định có thể chính thức hành tuệ thí.

Do một thứ trí sau có thể đối trị, nên có thể thâm nhận đúng quả thù thắng của phước thí. Nên biết cũng gọi là Bồ-tát dùng tuệ thiện xảo để hành bố thí.

Lại, các Bồ-tát, bên trong ở nơi chốn tĩnh lặng, do ý lạc thanh tịnh, tin tưởng thanh tịnh thuần hậu, nên phân biệt thắng giải, thường xuyên chuyên niệm nơi vô số vô lượng của cải, vật báu. Do sức của thắng giải, nên đối với các chúng sinh vui thích hành tuệ thí. Do nhân duyên này, nên các Bồ-tát ấy, dùng ít công dụng mà sinh ra vô lượng phước. Nên biết cũng gọi là Bồ-tát dùng tuệ thiện xảo để hành tuệ thí.

Diệu tuệ, đại tuệ như vậy, Bồ-tát dùng tuệ thiện xảo hành bố thí, tóm lược chung về nghĩa: Do có của cải, không có của cải là thuộc về tài thí. Như thế là do pháp thí, do vô ngại giải thí, do ý lạc thù thắng thí. Do trí đối trị chướng ngại của thí mà thí. Do thắng giải của ý lạc tăng thượng thí. Nên biết đó gọi là hành thí không chung của các Bồ-tát.

Như thế là đã nói rộng về các sự việc trong ngoài, với tướng sai biệt nơi tất cả thí của Bồ-tát hành trì, từ đây về sau, tức ở trong tướng sai biệt của tất cả thí, phân ra tất cả sai biệt còn lại như Nan hành thí v.v..., phải nên nhận biết rõ.

Thế nào là Thí nan hành (Thí khó hành) của Bồ-tát? Nên biết thí này lược có ba loại: Nghĩa là, nếu các Bồ-tát, với các vật dụng, của cải ít ỏi, tự nhận nghèo khổ tuệ thí cho kẻ khác. Đó gọi là thí nan hành thứ nhất của Bồ-tát.

Nếu các Bồ-tát đối với vật dụng đáng yêu thích, hoặc tánh ái chấp sâu nặng, hoặc nơi thời gian dài tập quen, hoặc có ân nghĩa tột bậc, hoặc là vật dụng thượng diệu, sinh tham đắm hết mực, có thể tự mình mở ra lấy ra để tuệ thí cho kẻ khác. Đó gọi là thí nan hành thứ hai của Bồ-tát.

Nếu các Bồ-tát hết sức gian nan mới có được của cải, vật dụng, đều đem tuệ thí cho kẻ khác. Đó gọi là thí nan hành thứ ba của Bồ-tát.

Thế nào là Thí tất cả môn của Bồ-tát? Nên biết thí này lược có bốn tướng: Nghĩa là các Bồ-tát, hoặc nơi vật dụng, của cải của chính mình. Hoặc do khuyến hóa kẻ khác, có được của cải, vật dụng. Hoặc thí cho hàng thân thuộc, cha mẹ, vợ con, nô tỳ, kẻ hầu, bạn thân, thân thích quyến thuộc của các quan triều đình. Hoặc lại thí cho kẻ khác đến cầu xin. Bốn tướng như thế gọi là Thí tất cả môn của Bồ-tát.

Thế nào là nẻo hành hóa của Thiện sĩ Bồ-tát, gọi là Thí thiện sĩ? Nên biết thí này lược có năm tướng: Nghĩa là các Bồ-tát tin tưởng thanh tịnh để thí, cung kính thí, tự tay thí, hợp thời thí, không tổn não kẻ khác để hành tuệ thí. Năm tướng như vậy gọi là Thí thiện sĩ.

Thế nào là Thí nhất thiết chủng của Bồ-tát? Nên biết thí này có mười ba tướng:

- (1) Thí không nương dựa.
- (2) Thí rộng lớn.
- (3) Thí hoan hỷ.
- (4) Luôn luôn thí.
- (5) Thí điền thí.
- (6) Thí phi điền thí.
- (7) Thí tất cả vật.
- (8) Thí tất cả xứ.
- (9) Thí tất cả thời.
- (10) Thí không tội.
- (11) Thí vật của hữu tình.
- (12) Thí vật của phương độ.
- (13) Thí vật thuộc của cải lúa gạo.

Mười ba thứ tướng như vậy, nên biết gọi là Thí nhất thiết chủng của Bồ-tát.

Thế nào là Thí toại cầu của Bồ-tát? Nên biết thí này có tám thứ tướng. Đó là các Bồ-tát đối với người thiếu thốn về thức ăn uống nên cầu xin, thì thí cho thức ăn uống. Thiếu thốn về xe cộ nên cầu xin, thì thí cho xe cộ. Thiếu thốn về y phục nên cầu xin, thì thí cho y phục. Thiếu thốn về các vật dụng trang sức nên cầu xin, thì thí cho các vật dụng ấy. Thiếu thốn về vô số các thứ vật để sinh sống nên cầu xin, thì thí cho các vật như thế. Thiếu thốn về các vật như hương xoa, trang sức, vòng hoa nên cầu xin, thì thí cho các thứ đó. Thiếu thốn về nhà cửa nên cầu xin, thì thí cho nhà cửa. Thiếu thốn về ánh sáng nên cầu xin, thì thí cho ánh sáng. Tám tướng như thế gọi là Thí toại cầu của Bồ-tát.

Thế nào là Thí đời này đời khác vui của Bồ-tát? Nên biết thí này lược có chín tướng. Nghĩa là tài thí, vô úy thí, pháp thí, nói chung gọi là có thể khiến cho chúng sinh đời này đời khác vui thí.

Tài thí: Nghĩa là dùng các vật dụng, của cải đúng như pháp, thanh tịnh thượng diệu để hành tuệ thí. Điều phục cấu uế của tâm keo kiệt tiếc lẫn để hành tuệ thí. Điều phục cấu uế của việc tích chứa cất giấu để hành tuệ thí.

Điều phục cấu uế của tâm keo kiệt tiếc lẫn: Tức xả bỏ mọi chấp trước về vật dụng, của cải.

Điều phục cấu uế của tích chứa cất giấu: Tức xả bỏ mọi chấp trước về thọ dụng.

Vô úy thí: Nghĩa là cứu giúp ra khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, các loại yêu quái v.v..., cứu vớt ra khỏi các sự sợ hãi về giặc giã, vua quan, cứu vớt ra khỏi các sự sợ hãi về nước, lửa, gió.

Pháp thí: Nghĩa là thuyết giảng pháp không điên đảo, thuyết giảng pháp xứng hợp lý, chuyên tu học xứ.

Tất cả chín tướng nói chung như thế gọi là Bồ-tát có thể khiến cho chúng sinh đời này đời khác vui thích bố thí.

Trong ấy, tài thí, vô úy thí cùng với đây có sai biệt: Tức có thể khiến chúng sinh nơi đời này được an lạc. Pháp thí so với đây có sai biệt: Tức có thể khiến chúng sinh đời sau được an lạc.

Thế nào là Thí thanh tịnh của Bồ-tát? Nên biết thí này có mười thứ tướng. Đó là:

- (1) Thí không trở ngại.
- (2) Thí không chấp giữ.
- (3) Thí không tích tụ.
- (4) Thí không đề cao.
- (5) Thí không chỗ dựa.
- (6) Thí không thoái chuyển.
- (7) Thí không thấp kém.
- (8) Thí không hướng bội.
- (9) Thí không mong báo ân.
- (10) Thí không mong dị thực.

Thế nào là Thí không trở ngại? Nghĩa là các Bồ-tát thấy kẻ đến cầu xin đang hiện tiền thì mau chóng tuệ thí không tạo trở ngại. Người không đến cầu xin, thì mong muốn mau chóng có được của cải, như các Bồ-tát mong muốn mau chóng tuệ thí.

Thế nào là Thí không chấp giữ? Tức là các Bồ-tát không do vọng kiến chấp giữ nơi thí. Hoặc chấp thí này hoàn toàn không có quả. Hoặc chấp sát hại nên hành tuệ thí, cho là chánh pháp. Hoặc chấp chỉ có thí hết sức tịnh viên mãn là thanh tịnh rốt ráo của thế gian xuất thế gian.

Thế nào là Thí không tích tụ? Nghĩa là các Bồ-tát không ở trong thời gian dài dần dần chứa nhóm nhiều thứ vật dụng, của cải, sau đấy mới đem ra bố thí tức thì. Vì sao? Vì không phải các Bồ-tát hiện có vật bố thí, thấy người đến cầu xin đang hiện tiền lại có thể không thí.

Không thấy không thí là hợp với chánh lý: Vì sao tích chứa của cải nhưng không mau chóng bố thí?

Lại, các Bồ-tát không thấy tích chứa của cải, sau mới thí tức thì, là có thể sinh trưởng nhiều môn phước.

Lại, chánh quán thấy người cầu xin hoặc riêng hoặc chung, tương tự thí dần dần, thí tức thì, vật dụng, của cải đều bình đẳng, thì do dâu mà chấp phước có sai biệt?

Lại, các Bồ-tát thấy thí tích tụ, thí ấy có tội. Thấy thí tùy đắc, thí ấy không tội. Vì sao? Vì nếu tích tụ rồi, sau đây mới thí tức thì, đó là lúc trước có người đến cầu xin, số lượng hoặc là trăm nhưng không thí cho, khiến sinh giận trách, không nhận không tin. Sau có một loại, hoặc không mong cầu, tích chứa của cải, châu báu, gượng ép để bố thí tức thì. Vì thế Bồ-tát không tích tụ thí.

Thế nào là Thí không đề cao? Nghĩa là các Bồ-tát đối với người đến cầu xin, tâm khiêm tốn mà thí. Cũng không thí xong mà sinh kiêu mạn, cho ta có thể thí, ta là thí chủ, kẻ khác thì không được như thế.

Thế nào là Thí không chỗ dựa? Tức các Bồ-tát không dựa vào tiếng khen, lời ca tụng mà hành thí. Thấu đạt mọi lời ca tụng, khen ngợi của thế gian là phân biệt hư vọng, vẫn tự đầy khởi chỉ là âm thanh hư giả, hệ thuộc nơi tiếng vang sai lạc. Ví như những đồng lá, rơm rạ, trâu ở thế gian.

Thế nào là Thí không thoái chuyển? Nghĩa là các Bồ-tát, trước khi thí thì ý vui vẻ, lúc thí thì tâm tịnh, thí xong thì không hối tiếc. Nghe các Bồ-tát khi bố thí là rộng lớn, tối thắng bậc nhất, không tự khinh thường, sợ hãi, thoái chuyển.

Thế nào là Thí không thấp kém? Tức là các Bồ-tát, đối với các vật bố thí luôn siêng năng lựa chọn các vật thuộc về thức ăn uống, y phục, xe cộ v.v... vào loại tốt đẹp hơn hết để đem ra bố thí.

Thế nào là Thí không hướng bội? Nghĩa là các Bồ-tát tâm luôn bình đẳng, không tùy theo bè nhóm, đối với oán thân, tâm bi bình đẳng hành thí.

Thế nào là Thí không mong báo ân? Nghĩa là các Bồ-tát với tâm bi, tâm thương xót mà hành tuệ thí, hoàn toàn đối với kẻ khác không mong cầu báo đáp, chỉ quán cầu cho lửa yên vui tỏa sáng khắp. Đối với các chúng sinh không có uy thế, tánh khổ, thâm tâm luôn thương xót để hành tuệ thí.

Thế nào là Thí không mong dị thực? Tức là các Bồ-tát tu hành tuệ thí, trọn không mong cầu dị thực của quả thí viên mãn, tự thân viên mãn, đạt được của cải, vật báu ở đời vị lai. Quán tất cả hành tánh là hư giả, quán Đại Bồ-đề là công đức tối thắng.

Do mười tướng này nên Bồ-tát hành trì Bồ thí thanh tịnh đạt thanh tịnh tột cùng.

Như vậy, Bồ-tát nương dựa nơi chín tướng để hành tuệ thí, viên mãn Thí Ba-la-mật-đa rồi có thể chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng.

HẾT - QUYỂN 39

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 40

Địa thứ 15: ĐỊA BỒ TÁT (Phần Bản Địa)

Đoạn 1: TRÌ XỨ DU GIÀ. Phẩm 10, phần 1: GIỚI

Thế nào là Giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Tụng nêu:

*Tự tánh, tất cả, nan
Tất cả môn, thiện sĩ
Nhất thiết chủng, toại cầu
Hai đời vui, thanh tịnh
Chín thứ tướng như thế
Là lược nói về giới.*

Nghĩa là chín thứ tướng về giới gọi là Giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát. Đó là:

1. Giới tự tánh.
2. Giới tất cả.
3. Giới nan hành.
4. Giới tất cả môn.
5. Giới thiện sĩ.
6. Giới nhất thiết chủng.
7. Giới toại cầu.

8. Giới đời này đời khác vui thích.

9. Giới thanh tịnh.

Thế nào là Giới tự tánh của Bồ-tát? Nghĩa là nếu lược nói đầy đủ về bốn công đức, nên biết đó gọi là Giới tự tánh của Bồ-tát. Những gì là bốn? (1) Chánh thọ từ kẻ khác. (2) Ý lạc thiện tịnh. (3) Phạm rồi trở lại tịnh. (4) Cung kính sâu xa, chuyên niệm không trái phạm.

Do các Bồ-tát từ nơi kẻ khác chánh thọ, nên đối với giới đã học, nếu có trái phạm tức ngoại quán nơi kẻ khác, sinh xấu hổ sâu xa.

Do các Bồ-tát ý lạc thiện tịnh, nên đối với giới đã học, nếu có trái phạm, tức bên trong tự quán xét, khởi hổ thẹn sâu xa.

Do các Bồ-tát, đối với các học xứ, phạm rồi trở lại tịnh, nên tôn kính sâu xa, chuyên niệm đầu tiên không trái phạm, là hai nhân duyên, nên lia các thứ tạo ác.

Như vậy là Bồ-tát, từ nơi kẻ khác chánh thọ, ý lạc thiện tịnh làm chỗ nương dựa nên sinh khởi hổ thẹn. Do hổ thẹn nên có thể khéo ngăn giữ Thi la đã thọ nhận. Vì khéo ngăn giữ giới đã thọ nhận nên lia các thứ tạo ác.

Lại, ở trong ấy, từ kẻ khác chánh thọ, ý lạc thiện tịnh, hai thứ này là pháp, phạm rồi trở lại tịnh. Tôn kính sâu xa, chuyên niệm không có trái phạm, hai thứ này là do hai pháp trước dẫn khởi.

Lại, ở đây, từ kẻ khác chánh thọ, ý lạc thiện tịnh, tôn kính sâu xa, chuyên niệm không có trái phạm, do ba pháp này nên biết có thể khiến cho Bồ-tát không hủy phạm tịnh giới đã thọ nhận.

Phạm rồi trở lại tịnh, do một pháp này nên biết có thể khiến phạm rồi trở lại ra khỏi. Như vậy là Bồ-tát gồm đủ bốn công đức, là tự tánh Thi la, nên biết tức là tịnh giới diệu thiện, chánh thọ thuận học, có thể tạo lợi lạc cho mình, người, tạo lợi ích an lạc cho vô

lượng chúng sinh, thương xót hàng trời, người nơi thế gian, khiến được nghĩa lợi, lợi ích an lạc. Nên biết tức là vô lượng tịnh giới, thâm nhận chỗ học của vô lượng Bồ-tát. Nên biết tức là tịnh giới tạo lợi ích cho tất cả hữu tình, hiện tiền có thể tạo lợi ích an lạc cho hết thầy chúng sinh. Nên biết tức là tịnh giới có thể đạt được thắng lợi của quả lớn, thâm nhận, thuận với quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là Giới tự tánh của Bồ-tát.

Thế nào là Giới tất cả của Bồ-tát? Nghĩa là giới Bồ-tát lược có hai thứ: (1) Giới phần tại gia. (2) Giới phần xuất gia. Đó gọi là Giới tất cả.

Lại, tức dựa vào hai phần tịnh giới của tại gia, xuất gia này lược nói về ba thứ: (1) Giới luật nghi. (2) Giới gồm thâm pháp thiện. (3) Giới tạo lợi ích cho hữu tình.

Giới luật nghi: Nghĩa là các Bồ-tát thọ nhận luật nghi biệt giải thoát của bảy chúng, tức là giới Bí-sô, giới Bí-sô ni, giới Chánh học, giới Cần sách nam, giới Cần sách nữ, giới Cận sự nam, giới Cận sự nữ. Bảy thứ như vậy, dựa nơi hai phần xuất gia tại gia, theo chỗ ứng hợp nên biết. Đó gọi là Giới luật nghi của Bồ-tát.

Giới gồm thâm pháp thiện: Nghĩa là các Bồ-tát sau khi thọ giới luật nghi, hiện có tất cả là Đại Bồ-đề, do thân ngữ ý tích tập các thiện, nói chung gọi là Giới gồm thâm pháp thiện. Ở đây lại như thế nào?

Tức là các Bồ-tát dựa nơi giới, trụ nơi giới, đối với nghe, suy xét, tu tập, hành Chỉ Quán. Đối với việc vui thích ở chốn riêng, siêng năng tinh tấn tu học. Như vậy, thường xuyên đối với các bậc tôn trưởng chấp tay nghênh đón, cung kính hồi han, lễ bái, tức đối với bậc tôn trưởng siêng hành các sự việc cung kính. Đối với người bệnh tật, thì thương xót, ân cần chăm sóc, cung cấp các vật dụng. Đối với các lời nói tốt đẹp thì bày tỏ sự tán đồng: Lành thay! Nơi các Bồ-đặc-già-la có công đức thì luôn chân thành khen ngợi. Đối

với hết thầy phước nghiệp của tất cả hữu tình trong mười phương thì dùng ý lạc thù thắng, khởi tâm tịnh tín, nói lời tùy hỷ. Nơi tất cả sự việc trái phạm do kẻ khác tạo ra đều xét chọn, an nhẫn. Do thân ngữ ý đã tạo chưa tạo tất cả căn thiện, đều hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, thời thời phát khởi vô số chánh nguyện, đem tất cả các thứ vật dụng cúng dường thượng diệu cúng dường Phật Pháp Tăng. Đối với các phẩm thiện, thì luôn tinh tấn dũng mãnh tu tập. Nơi thân ngữ ý an trụ không phóng dật. Đối với các học xứ, luôn chánh niệm, chánh tri, chánh hành. Ngăn giữ, ngầm bảo vệ các căn môn, nơi việc ăn uống luôn biết lượng, đầu đêm cuối đêm thường tu tỉnh giác, gần gũi bậc thiện tri thức, nương dựa bạn lành. Đối với những lỗi lầm đã phạm của mình, luôn xét kỹ, nhận biết, thấy rõ tội lỗi một cách sâu xa. Đã xét biết, thấy rõ rồi, đối với điều chưa phạm thì chuyên ý giữ gìn. Với điều đã phạm thì ở nơi bậc đồng pháp của Phật, Bồ-tát, chí tâm phát lồ sám hối đúng như pháp để trừ diệt. Các loại hiện có như vậy đều thâm dẫn, hộ trì, làm tăng trưởng giới của các pháp thiện. Đó gọi là Giới gồm thâm pháp thiện của Bồ-tát.

Thế nào là Giới tạo lợi ích cho hữu tình của Bồ-tát? Nên biết giới này lược có mười một tướng. Những gì là mười một tướng? Tức là các Bồ-tát đối với các hữu tình có thể dẫn khởi nghĩa lợi. Nơi các sự nghiệp của họ, Bồ-tát cùng tạo bạn trợ giúp. Nơi các hữu tình bị khổ do bệnh tật v.v..., Bồ-tát cũng luôn chăm sóc hỗ trợ.

Lại, các Bồ-tát dựa vào vô số những nghĩa lợi thế gian, xuất thế gian, có thể vì hữu tình giảng nói pháp yếu, trước theo phương tiện giảng nói, theo như lý nêu bày, sau khiến họ đạt được các thứ nghĩa lợi.

Lại, các Bồ-tát, trước đối với những chúng sinh có ân, luôn khéo thể hiện sự biết ân, theo chỗ ứng hợp, hiện tiền đền đáp.

Lại, các Bồ-tát đối với những loại hữu tình rơi vào bao nỗi sợ hãi: sợ hãi về thú dữ, sợ hãi về các loại quỷ quái, sợ hãi về giặc cướp, sợ hãi về vua quan tham bạo, sợ hãi về nước, lửa v.v..., Bồ-tát đều có thể cứu giúp khiến lìa khỏi các nơi chốn sợ hãi như thế.

Lại, các Bồ-tát đối với những loại hữu tình bị mất mát tài sản, vật báu, thân thuộc, Bồ-tát khéo vì họ mở bày, giải thích, khiến họ lìa mọi sầu khổ.

Lại, các Bồ-tát đối với những loại hữu tình thiếu thốn các vật dụng nuôi sống thì Bồ-tát theo chỗ thuận hợp đều thí cho đầy đủ.

Lại, các Bồ-tát tùy thuận nơi đạo lý, chính mình cùng với chỗ nương dựa, đúng như pháp để dẫn dắt, điều phục chúng.

Lại, các Bồ-tát thuận theo thế gian với các thứ hành tác, ngôn thuyết, mời gọi, đi đến, luận bàn, an ủi, theo lúc mà tới lui, từ nơi kẻ khác thọ nhận, giữ lấy các thức ăn uống. Nói tóm lại, Bồ-tát nên xa lìa mọi thứ có thể dẫn đến vô nghĩa, trái ý hiện hành. Đối với những sự việc khác, tâm đều tùy chuyển.

Lại, các Bồ-tát, hoặc ẩn, hoặc hiển bày, luôn thể hiện các công đức chân thật hiện có, khiến các chúng sinh hoan hỷ, tiến học.

Lại, các Bồ-tát đối với người có lỗi lầm, tâm luôn thân thiện, ý lạc tăng thượng nhằm tạo lợi ích an lạc. Bồ-tát điều phục, quở trách, trừng trị, đuổi đi, vì muốn khiến họ ra khỏi nơi chốn bất thiện, an lập nơi chốn thiện.

Lại, các Bồ-tát, dùng diệu lực thần thông, theo phương tiện thị hiện hình tướng của các cõi như địa ngục v.v... khiến các hữu tình chán lìa nẻo bất thiện, theo phương tiện dẫn dắt khiến họ đi vào Thánh giáo của Phật, hoan hỷ tin thích, sinh tâm hy hữu, siêng tu chánh hạnh.

Thế nào là Bồ-tát trụ nơi Giới luật nghi? Trụ nơi Giới gồm thâu pháp thiện? Trụ nơi Giới tạo lợi ích cho các hữu tình? Khéo gìn giữ

Giới luật nghi, khéo tu tập Giới gồm thâm pháp thiện, khéo hành trì Giới tạo ích cho hữu tình? Nghĩa là các Bồ-tát, lúc trụ nơi giới luật nghi biệt giải thoát, xả bỏ ngôi vị Chuyển luân vương để xuất gia rồi, không còn lưu luyến vương vị, như dứt bỏ cỏ tạp. Như có người thường, nghèo khổ, vì để nuôi sống thân mạng nên từ bỏ những tham dục thấp kém mà xuất gia, xuất gia rồi, không còn lưu luyến đối với các dục thấp kém kia, không như Bồ-tát với ý lạc thanh tịnh xả bỏ ngôi vị Chuyển luân vương để xuất gia, không còn luyến tiếc ngôi vị Chuyển luân vương, là tối thắng trong cõi người.

Lại, các Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, đối với đời vị lai, nơi vương cung của Thiên ma hiện có diệu dục, Bồ-tát không sinh vui mừng, cũng không tu hành phạm hạnh để nguyện cầu đạt các diệu dục kia. Đối với diệu dục ấy, hãy còn quán xét đúng như thật, cũng như đi vào khu rừng rậm rộng lớn có vô số sự sợ hãi, huông chi là đối với các dục khác.

Lại, các Bồ-tát đã xuất gia rồi, nơi đời hiện tại, đạt được lợi dưỡng thượng diệu, như được các hữu tình cung kính, tôn quý, Bồ-tát dùng chánh tuệ quán xét kỹ, hãy còn xem như “biến thổ”, từng không tham vương nơi vị, huông chi là đối với những thứ cung kính lợi dưỡng thấp kém hiện có của các hữu tình hèn kém khác.

Lại, các Bồ-tát thường vui thích xa lìa. Hoặc ở nơi chốn vắng lặng, hoặc ở trong chúng, đối với hết thảy thời, tâm chuyên xa lìa, trụ nơi tịch tĩnh, không những đối với luật nghi Thi la luôn sinh biết đủ. Còn dựa nơi giới, trụ nơi giới, siêng tu vô lượng pháp đẳng trì của Bồ-tát, vì muốn dẫn phát chứng đắc tự tại.

Lại, các Bồ-tát tuy ở nơi đông đảo, xen tạp nhưng không vui làm, cho dù một phần ít, ngôn luận không chính đáng cũng không tham dự. Bồ-tát ở nơi chốn xa lìa không hề khởi một phần ít các tâm tứ xấu ác. Hoặc lúc mất chánh niệm, tạm có hiện hành như thế, tức

thì phát khởi sự hồi hận, hổ thẹn mãnh liệt. Thấy rõ lỗi lầm kia nên thường xuyên hồi hận, hổ thẹn. Thấy rõ lỗi lầm, nên tuy lại vừa khởi các tâm tư xấu ác của ngôn luận không đúng đắn, liền có thể mau chóng an trụ nơi chánh niệm, và đối với các thứ sai lạc đã có kia, tâm không khởi tác. Do nhân duyên ấy nên có thể điều phục, chế ngự. Do hành tập chế ngự nên dần dần có thể trở lại như trước. Nơi chỗ hiện hành ấy sinh khởi hỷ lạc sâu xa, hiện tại an trụ, các thứ tâm tư kia không còn hiện hành nữa, cả hỷ lạc cũng vậy.

Lại, các Bồ-tát đối với tất cả học xứ của chúng Bồ-tát đã được lãnh hội, đã nhập nơi đại địa, nơi học xứ rộng lớn vô lượng không thể nghĩ bàn của Bồ-tát khó hành trì trong thời gian dài, tâm không kinh sợ, cũng không khiếm nhược, chỉ khởi suy niệm: Các vị kia đã là người, lần lượt tu học tất cả học xứ của các Bồ-tát, là những giới luật nghi rộng lớn vô lượng không thể nghĩ bàn, làm thanh tịnh thân ngữ, đã thành tựu viên mãn. Ta cũng là người, lần lượt tu học, quyết định không nghi, sẽ được thân ngữ thanh tịnh, các giới luật nghi thành tựu viên mãn như các vị kia.

Lại, các Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi luôn xem xét lỗi lầm của chính mình, không soi mói về lỗi lầm của kẻ khác, đối khắp trụ xứ của các hữu tình hung bạo, phạm giới, thể hiện tâm không tổn hại, tâm không giận dữ. Bồ-tát đối với họ do mang sẵn pháp đại bi bậc thượng, nên hiện tiền phát khởi tâm thương xót sâu xa, tâm muốn tạo lợi ích.

Lại, các Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, tuy gặp phải đồng nhóm của kẻ khác dùng đất đá, đao gậy v.v... xúc hại, Bồ-tát đối với họ hãy còn không có chút tâm giận dữ, hướng chi là phát ra lời nói ác, muốn hành gia hại, hướng chi lại phát ra những lời nói hủy nhục, chê trách, do một chút khổ xúc mà khởi tâm không tạo lợi ích.

Lại, các Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, thành tựu đầy đủ năm chi thân tóm hành không phóng dật:

- (1) Hành không phóng dật cùng hành của giai đoạn trước.
- (2) Hành không phóng dật cùng hành của giai đoạn sau.
- (3) Hành không phóng dật cùng hành của giai đoạn giữa.
- (4) Hành không phóng dật đã tạo của thời trước.
- (5) Hành không phóng dật tùy hành cùng thời.

Nghĩa là các Bồ-tát đối với các học xứ của Bồ-tát lúc tu học chính đáng, nếu đối với quá khứ đã có vi phạm thì đúng như pháp sám hối dứt trừ. Đó gọi là hành không phóng dật cùng hành nơi giai đoạn trước của Bồ-tát. Nếu đối với vị lai sẽ vi phạm, thì đúng như pháp sám hối dứt trừ. Đó gọi là hành không phóng dật cùng hành nơi giai đoạn sau của Bồ-tát.

Nếu ở nơi hiện tại đang vi phạm, thì đúng như pháp sám hối dứt trừ. Đó gọi là hành không phóng dật cùng hành nơi giai đoạn giữa của Bồ-tát. Nếu các Bồ-tát đối với thời gian sau sẽ có vi phạm, liền phát khởi tự nguyện mong muốn mãnh liệt: Ta nhất định như như nên hành, như như nên trụ, như vậy như vậy mà hành, như vậy như vậy mà trụ, khiến không phạm nữa. Đó gọi là hành không phóng dật đã tạo nơi thời trước của Bồ-tát.

Nếu các Bồ-tát tức dùng hành không phóng dật đã tạo của thời trước như thế làm chỗ nương dựa, như như nên hành, như như nên trụ, như vậy như vậy mà hành, như vậy như vậy mà trụ, không khởi hủy phạm. Đó gọi là hành không phóng dật tùy hành cùng thời của Bồ-tát.

Lại, các Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, ẩn giấu phần thiện của mình, phát lộ phần xấu ác, thiếu dục tri túc có thể nhận chịu các khổ, tánh không buồn sầu, không trạo cử, loạn động, oai nghi tịch tĩnh, lìa tất cả pháp có thể dấy khởi tà mạng như dối trá, lừa gạt v.v...

Bồ-tát thành tựu mười chi như thế, gọi là trụ nơi giới luật nghi, khéo giữ gìn giới luật nghi. Tức là không luyến tiếc các dục của quá

khứ, không mong cầu các dục của vị lai, không tham đắm các dục của hiện tại. Lại vui thích xa lìa, không sinh biết đủ, có thể tẩy sạch các tâm tư xấu ác của ngôn luận không đúng đắn, có thể đối với chính mình không tự khinh miệt, tánh hòa nhã, có thể hành nhẫn, không phóng dật, có thể thực hiện đầy đủ các phép tắc nơi tịnh mạng.

Lại, các Bồ-tát đã có thể an trụ nơi giới gồm thâm pháp thiện, đối với tài sản nơi thân ít sinh luyến tiếc, hãy còn không chịu thọ nhận, huống chi là nhiều. Lại, đối với tất cả nhân duyên phạm giới sinh khởi do phiền não căn bản, do phần hận của phiền não thiếu phần, cũng không thọ nhận. Lại, đối với chỗ phát khởi tâm oán hận, giận hờn của kẻ khác, Bồ-tát cũng không thọ nhận. Lại, đối với việc phát khởi biếng nhác trễ nãi, cũng không thọ nhận. Lại, đối với chỗ dấy khởi phiền não của đẳng chí (định) tham chấp vị nơi đẳng chí, Bồ-tát cũng không tiếp nhận.

Lại, đối với năm xứ, Bồ-tát nhận biết rõ đúng như thật: Nhận biết đúng như thật về thắng lợi của quả thiện. Có thể nhận biết rõ như thật về nhân thiện. Có thể nhận biết rõ như thật về nhân quả thiện, thuận hợp (không điên đảo), không thuận hợp (điên đảo). Nhận biết đúng như thật về chướng ngại của việc gồm thâm pháp thiện.

Các Bồ-tát này có thể ở nơi quả thiện thấy rõ thắng lợi lớn nên tìm cầu thâm nhận. Vì gồm thâm thiện nên nhận biết rõ đúng như thật về điên đảo không điên đảo, do đấy, Bồ-tát đạt được quả thiện. Không ở nơi vô thường vọng chấp là thường. Không ở nơi khổ vọng chấp là vui. Không ở nơi bất tịnh vọng chấp là tịnh. Không ở nơi vô ngã vọng chấp là ngã. Nhận biết rõ đúng như thật về chướng ngại của việc gồm thâm pháp thiện, vì gồm thâm thiện nên mau chóng xa lìa. Bồ-tát do mười thứ tướng ấy nên gọi là trụ nơi giới gồm thâm pháp thiện. Có thể mau chóng gồm thâm pháp thiện nơi tất cả chủng loại tướng. Nghĩa là thứ lớp của Thí, hoặc thứ lớp của Giới, hoặc thứ lớp của Nhẫn, hoặc thứ lớp của Tinh tấn, hoặc thứ lớp của Tĩnh lự cùng năm thứ tuệ.

Lại, các Bồ-tát do mười một tướng, gọi là trụ nơi tất cả chúng loại giới tạo lợi ích cho hữu tình.

Ở trong mỗi mỗi tướng, thành trụ tất cả chúng loại.

Nghĩa là các Bồ-tát đối với vô số sự nghiệp của các hữu tình đều làm bạn trợ giúp. Tức nơi các sự nghiệp do suy lường tạo tác, cùng các sự nghiệp do công dụng tạo tác, đều có thể làm bạn trợ giúp. Hoặc ở nơi đường sá, hoặc ở nơi chốn tới lui, qua lại, hoặc ở chỗ gia hạnh của sự nghiệp không điên đảo, hoặc ở chỗ giữ gìn các tài sản hiện có, hoặc ở chỗ hòa hợp dần dần bị trái lìa, hoặc ở chốn nghĩa hội, hoặc ở nơi tu phước, Bồ-tát đều làm bạn trợ giúp. Đối với các sự việc cứu khổ cũng làm bạn trợ giúp.

Lại, các Bồ-tát vì các hữu tình nêu giảng đúng như lý. Nghĩa là đối với các hữu tình thích hành theo hạnh ác, vì muốn khiến họ dứt bỏ các hành ác, nên dùng những câu văn tương ưng, tùy thuận làm bạn hỗ trợ, những câu văn trong sáng, có tác dụng tương xứng ứng hợp, thường gắng theo phân pháp tư lương, vì họ mà nêu giảng. Hoặc lại tạo phương tiện thiện xảo để giảng nói. Như đối với các hữu tình thích hành theo hạnh ác, vì nhằm khiến họ đoạn trừ các hành ác nên giáo hóa như thế, thì đối với các hữu tình hành hạnh keo kiệt, vì nhằm khiến họ dứt bỏ hành keo kiệt, cũng hành hóa như vậy. Đối với kẻ ở trong hiện pháp cầu được của cải vật báu, Bồ-tát vì muốn khiến họ dùng ít công sức nhưng chân chánh, tích tập được nhiều của cải, vật báu, giữ gìn không mất. Người đối với Thánh giáo của Phật mang tâm đố kỵ, ghét bỏ, vì muốn khiến cho họ đạt được sự tin tưởng thanh tịnh, chứng được kiến giải thanh tịnh, vượt khỏi các nẻo ác, dứt hết tất cả biết, thoát khỏi hết thảy khổ, nên biết cũng hành hóa như thế.

Lại, các Bồ-tát đối với nơi chốn của những hữu tình có ân, tức nhận biết về ân huệ một cách sâu xa, luôn dốc báo đáp, tiếp đón ân cần, sắc diện vui tươi, hoặc đồng hoặc hơn, đem các thứ vật dụng cúng dường, hiện tiền đền đáp, không phải là các thứ thấp kém. Đối

với sự nghiệp của họ, tuy không cầu thỉnh, Bồ-tát hãy còn nên làm bạn trợ giúp, hưởng chi là có lời nhờ gọi. Như vậy, đối với sự nghiệp, thì đối với các sự việc cứu khổ, việc nêu giảng đúng như lý, việc tạo phương tiện để giảng nói, việc giúp đỡ thoát khỏi sợ hãi, việc ở nơi chốn suy não, tìm cách mở giải mọi sầu lo, việc tuệ thí các vật dụng nuôi sống, việc làm nơi nương dựa, theo tâm chuyên, việc hiển bày đức thật khiến sinh hoan hỷ sâu xa, việc mang tâm thân ái tạo phương tiện để điều phục, việc hiện thần thông khác lạ để dẫn dắt, thân phục, như chỗ ứng hợp nói rộng, nên biết cũng thế.

Lại, các Bồ-tát đối với những loại hữu tình gặp phải sợ hãi, có thể vì họ cứu giúp. Nghĩa là nơi vô số sự sợ hãi về chim, thú, về nước, lửa, về giặc cướp, về vua quan bạo ác, về kẻ oán địch, về gia chủ là quan quyền, những sợ hãi vì không thể sống, về tiếng tăm xấu ác, về uy đức của đại chúng, về hàng phi nhân đội lột tử thi, về các loài quỷ quái v.v..., Bồ-tát đều có thể cứu giúp khiến họ được an ổn.

Lại, các Bồ-tát đối với những loài hữu tình gặp việc suy não, đều có thể khéo mở, giải, khiến lìa sầu lo. Hoặc dựa nơi thân thuộc có chỗ suy vong như cha mẹ, anh em, vợ con, nô tỳ, kẻ hầu, tộc trưởng, bạn bè, Thân giáo sư, Quý phạm sư cùng những vị đáng tôn kính khác, trong số ấy có người qua đời, Bồ-tát luôn khéo vì họ mà mở, giải, khiến lìa mọi khổ não. Hoặc do nơi tài sản, vật báu bị mất mát vì nhiều nguyên nhân như giặc cướp đoạt, lửa thiêu đốt, nước nhận chìm, kẻ dối trá lừa gạt v.v..., Bồ-tát luôn khéo vì họ mở, giải, khiến lìa sầu khổ.

Lại, các Bồ-tát có đủ các vật dụng nuôi sống, theo chỗ có người đến cầu xin, tức đều thí cho.

Lại, các Bồ-tát tánh ưa thích thân nhận các loài hữu tình, như pháp dẫn dắt họ, theo phương tiện tạo lợi ích, dùng tâm không nhiễm, trước đem lại chỗ nương dựa, dùng tâm thương xót hiện tạo lợi lạc, sau đấy mới cấp cho họ đúng như pháp các thứ thức ăn

uống, y phục, đồ nằm, thuốc men trị bệnh. Nếu tự mình không có thì nên tìm đến các vị Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ tịnh tín để cầu xin, để thực hiện việc cấp thí kia. Nơi mọi thời gian, do chỗ tùy thuận ấy, dùng tám thứ dạy trao để chính thức dạy trao, dùng năm loại khuyên bảo để chính thức khuyên bảo. Trong đây, nói về dạy trao, khuyên bảo, nên biết như phẩm “Lực chủng tánh” ở trước đã phân biệt rộng.

Lại, các Bồ-tát đối với hữu tình tâm tánh ưa thích tùy duyên, thì khi tùy tâm duyên, trước là nhận biết về hữu tình, hoặc thể hoặc tánh, nhận biết về thể tánh rồi thì tùy theo các hữu tình, nơi chỗ nên cùng trụ, tức nên đồng với họ cùng trụ như thế. Tùy theo các hữu tình ở chỗ nên đồng hành, tức nên cùng với họ đồng hành như vậy. Nếu các Bồ-tát muốn tùy theo đầy giáo hóa hữu tình tâm duyên, thì nên quán xét kỹ. Nếu ở nơi tương sự, hiện hành thân ngữ như thế như thế, sinh sầu khổ cho kẻ khác. Sầu khổ như vậy nếu không khiến họ ra khỏi xứ bất thiện, đứng yên nơi xứ thiện, bấy giờ Bồ-tát, nơi sự việc hiện hành thân ngữ như thế giúp cho tâm họ, theo phương tiện xét chọn, gắng sức ngăn chặn khiến không hiện hành sầu khổ như vậy. Nếu có thể khiến cho kẻ kia ra khỏi xứ bất thiện, đứng yên nơi xứ thiện, Bồ-tát bấy giờ, đối với sự việc hiện hành thân ngữ như thế, trụ nơi tâm thương xót, không tùy theo tâm duyên của hữu tình như vậy, theo phương tiện xét chọn, gắng sức thúc đẩy phát khởi, khiến hiện hành.

Lại quán xét kỹ. Nếu đối với sự việc thân ngữ hiện hành của hữu tình khác như thế, khiến cho các hữu tình khác phát sinh sầu khổ. Sầu khổ như vậy, nếu không khiến cho kẻ kia hoặc hữu tình khác, hoặc không khiến cho cả hải ra khỏi xứ bất thiện, đứng yên nơi xứ thiện, lúc này Bồ-tát, đối với sự việc thân ngữ hiện hành như thế, giúp đỡ tâm còn lại kia, theo phương tiện xét chọn, gắng sức ngăn chặn khiến không hiện hành sầu khổ như vậy. Nếu có thể khiến cho

kẻ kia, hoặc hữu tình khác, hoặc có thể khiến cho cả hai, ra khỏi xứ bất thiện, đứng yên nơi xứ thiện, khi ấy Bồ-tát, đối với sự việc thân ngữ hiện hành như thế, trụ nơi tâm thương xót, không tùy theo tâm chuyển của hữu tình như vậy, tạo phương tiện xét chọn, thúc đẩy phát khởi khiến hiện hành.

Lại quán xét kỹ. Nếu Bồ-tát đối với sự việc của chính mình hiện hành thân ngữ như vậy sinh sầu khổ cho kẻ khác. Hiện hành hai nghiệp thân ngữ như thế, không phải thuộc về học xứ của các Bồ-tát, không thuận với tư lương phước đức, trí tuệ. Sầu khổ như vậy không thể khiến kẻ khác ra khỏi xứ bất thiện, đứng vững nơi xứ thiện. Bồ-tát bấy giờ, đối với sự việc hiện hành thân ngữ như thế, giúp đỡ tâm kẻ khác kia, nên theo phương tiện xét chọn, gắng sức ngăn chặn khiến không hiện hành. Trái ngược với trường hợp này, về sự việc hiện hành thân ngữ, như trước nên biết.

Như sinh sầu khổ, như vậy nói rộng sinh nơi hỷ lạc, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng như thế.

Lại, tùy theo tâm kẻ khác mà chuyển, Bồ-tát nhận biết hữu tình khác với phần, triền trói buộc, phần triền hiện tiền khó có thể lìa bỏ, hãy còn không khen ngợi, huống chi là chê trách, lúc ấy tức cũng không can ngăn, dẫn dạy.

Lại, Bồ-tát tùy theo tâm kẻ khác mà chuyển, kẻ khác tuy không tới luận bàn an ủi, hãy còn nên tự mình tìm đến để đàm luận, vui mừng an ủi, huống hồ là người kia đến mà không đáp lại.

Lại, Bồ-tát tùy theo tâm kẻ khác mà chuyển, trọn không cố ý xúc não kẻ khác, chỉ trừ việc trách cứ những kẻ phạm tội, thì khởi tâm từ bi, các căn tịch tĩnh, như chỗ ứng hợp để quở trách, khiến họ được điều phục.

Lại, Bồ-tát tùy theo tâm kẻ khác mà chuyển, trọn không cười cợt khinh chê kẻ khác khiến họ xấu hổ, trụ nơi không an ổn, cũng

không khiến họ tâm sinh lo, hối. Tuy có thể hàng phục đắc thắng đối với kẻ kia, nhưng không làm rõ chỗ thua kém của họ. Kẻ kia tuy tịnh tín, sinh khởi khiêm tốn, trọn không hiện tướng mà khởi tự cao.

Lại, Bồ-tát tùy theo tâm kẻ khác mà chuyển, đối với các hữu tình không phải là không thân cận, không quá gần gũi, cũng không phi thời mà cùng gần gũi.

Lại, Bồ-tát tùy theo tâm kẻ khác mà chuyển, trọn không hiện tiền chê bai chỗ yêu thích của kẻ khác, cũng không hiện tiền tán thán chỗ không yêu thích của kẻ khác. Giao tiếp với kẻ không thân tình, không thổ lộ sự thành thật, không luôn trông mong, nên biết lượng mà thọ nhận. Nếu trước đã hứa cho kẻ khác các thức ăn uống v.v..., trọn không giả trá, không đi đến trước nơi cầu cúng, vì tánh khiêm cung, theo như pháp bảo ban, chỉ rõ.

Lại, các Bồ-tát tánh ưa thích tán dương các công đức chân thật khiến người khác hoan hỷ, thì đối trước người đầy đủ công đức Tín, tán dương đức Tín khiến họ hoan hỷ. Đối trước người đầy đủ công đức Giới, tức tán dương đức Giới khiến người ấy hoan hỷ. Đối trước người đầy đủ công đức Nghe, thì tán dương đức Nghe, khiến họ hoan hỷ. Đối trước người đầy đủ công đức Xả, thì tán dương đức Xả khiến người ấy hoan hỷ. Đối trước người đầy đủ công đức Tuệ, thì tán dương đức Tuệ khiến người ấy hoan hỷ.

Lại, các Bồ-tát tánh ưa thương xót dùng pháp điều phục để giáo hóa hữu tình. Nếu các hữu tình có lỗi lầm phạm hạ, vi phạm phạm hạ, thì Bồ-tát khởi tâm thân ái, tâm không tổn nã, dùng sự quả trách nhẹ để quả trách.

Nếu các hữu tình có lỗi lầm, vi phạm thuộc phạm trung, thì Bồ-tát khởi tâm thân ái, tâm không tổn hại, dùng sự quả trách bậc trung để quả trách.

Nếu các hữu tình có lỗi lầm, vi phạm thuộc phạm thượng, thì Bồ-tát khởi tâm thân ái, tâm không tổn hại, dùng sự quả trách nặng để quả trách.

Như pháp quả trách, pháp trị phạt cũng thế.

Nếu các hữu tình có lỗi lầm, vi phạm thuộc phạm hạ trung, có thể nên đũa hăn, Bồ-tát bấy giờ vì nhằm dạy khuyên kẻ ấy cùng các hữu tình khác, nên đem tâm thương xót, tâm tạo lợi ích, tạm thời đũa hăn rồi sau thân nhận trở lại.

Nếu các hữu tình có lỗi lầm, vi phạm nặng đáng nên đũa hăn, Bồ-tát lúc này đũa hăn vĩnh viễn, không cho cùng trụ, không đồng thọ dụng, vì thương xót kẻ ấy nên không thân nhận trở lại, chớ khiến kẻ kia đối với Thánh giáo của Phật nhiều lần nhận lấy phi phước, lại vì để dạy khuyên tạo lợi ích cho các hữu tình khác.

Lại, các Bồ-tát vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình, nên hiện bày diệu lực thần thông, hoặc để khiến cho sợ sệt, hoặc nhằm thân dẫn. Nghĩa là vì những kẻ thích hành các hạnh ác, Bồ-tát tạo ra phương tiện thị hiện vô số dị thực của các quả nơi hành ác, như hiện các địa ngục nhỏ, lớn, lạnh, nóng. Đã thị hiện rồi, bảo họ: Người nên xem ở đây, do trước ở trong nẻo người tạo tác, làm tăng trưởng các hành ác, nên nay phải thọ nhận dị thực của quả khổ hết sức dữ dội như thế. Người kia thấy sự việc ấy rồi, thì sợ hãi, chán bỏ, lia các hành ác. Lại có một loại hữu tình không tín, trong chúng Bồ-tát tùy sự việc nên hỏi, kẻ ấy tạo ra tư duy khác, nên chống lại không đáp. Bồ-tát bấy giờ hoặc nên hóa làm thần Chấp Kim Cang, hoặc lại hóa làm Dược xoa thân lớn, sức lực, sắc diện mạnh mẽ, khiến kẻ kia sợ hãi. Do nhân duyên ấy nên bỏ kiêu mạn, sinh tin tưởng, cung kính thưa đáp đúng đắn. Đại chúng còn lại nghe kẻ kia chính thức thưa đáp cũng đều được điều phục.

Hoặc hiện vô số thần thông biến hóa. Hoặc hiện một làm nhiều, hoặc hiện nhiều làm một. Hoặc dùng thân mình xuyên qua các

chương ngại như vách đá, sườn núi, đi qua, trở lại đều vô ngại. Như thế nói rộng cho đến cõi Phạm Thế, thân tự tại chuyển, hiện ra vô lượng chủng loại thần biến sai biệt. Hoặc lại hiện nhập vào định hỏa giới v.v... Hoặc lại thị hiện vô số thần thông chung với hàng Thanh văn, tạo phương tiện thâm dẫn, khiến các hữu tình vô cùng hoan hỷ. Đối với những người chưa tin, thì tạo phương tiện ở yên trong chỗ đầy đủ tin tưởng. Những kẻ phạm giới, thì tạo phương tiện ở yên trong chốn đầy đủ giới. Những người ít hiểu biết, thì tạo phương tiện ở yên trong chốn đầy đủ hiểu biết. Những kẻ nhiều bòn sẻn, thì tạo phương tiện ở yên trong nơi đầy đủ xả thí. Những người tuệ ác, thì tạo phương tiện ở yên trong chốn đầy đủ trí tuệ.

Như vậy là Bồ-tát đã thành tựu tất cả chủng loại nơi giới tạo lợi ích cho hữu tình. Đó gọi là ba thứ tạng giới của Bồ-tát, cũng gọi là tạng đại công đức vô lượng. Nghĩa là tạng giới thuộc về giới luật nghi. Tạng giới thuộc về giới gồm thâm pháp thiện. Tạng giới thuộc về giới tạo lợi ích cho hữu tình.

Nếu các Bồ-tát muốn ở trụ xứ của Bồ-tát như vậy học về ba thứ tạng giới, thì người siêng năng tu học hoặc là tại gia, hoặc là xuất gia, trước là đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng phát nguyện rộng lớn xong, nên xét hỏi kỹ, cầu Bồ-tát đồng pháp đã phát đại nguyện, có trí có lực. Đối với nghĩa của ngôn ngữ biểu hiện có thể trao truyền, có thể mở bày. Đối với các Bồ-tát có đầy đủ công đức thù thắng như thế, trước là lễ bái nơi hai chân, thưa thỉnh như vậy: Con nay muốn ở trụ xứ của thiện nam, hoặc trụ xứ của trưởng giả, hoặc trụ xứ của đại đức xin thọ tất cả tịnh giới của Bồ-tát. Kính mong trong chốc lát, không từ mệt nhọc, thương xót thuận trao. Đã thưa thỉnh thuận hợp như thế rồi, trích áo bày vai bên phải, cung kính cúng dường ba đời chư Phật Thế Tôn trong mười phương, chúng Bồ-tát đã nhập đại địa, đạt trí tuệ lớn, đắc lực thần thông, hiện tiền chuyên niệm các công đức kia, theo chỗ hiện

có sức nhân của công đức, sinh nhiều tâm tịnh hoặc ít tâm tịnh. Nơi trụ xứ của Bồ-tát có trí có lực thù thắng, khiêm tốn, cung kính, quý gồi sát đất, hoặc ngồi xếp bằng đối trước tượng Phật, thưa thỉnh như vậy: Kính mong Đại đức thương xót trao cho con tịnh giới Bồ-tát.

Thưa thỉnh như vậy rồi, chuyên niệm nơi một cảnh, nuôi lớn tâm tịnh. Con nay không lâu sẽ đạt được tạng công đức lớn vô thượng, vô lượng, vô tận. Tức tùy theo đây tư duy về sự nghĩa như thế, im lặng mà trụ. Bây giờ Bồ-tát có trí có lực, đối với Bồ-tát có thể hành chánh hạnh kia, dùng tâm không loạn, hoặc ngồi hoặc đứng, nói: Ông là thiện nam, tên như vậy, lắng nghe! Hoặc nói: Pháp đệ lắng nghe! Ông là Bồ-tát chăng? Vị kia nên đáp: Thưa phải.

Phát nguyện Bồ-đề chưa?

Đã phát nguyện.

Từ đây trở về sau nên nói: Ông tên như vậy là thiện nam, hoặc là pháp đệ, muốn ở nơi chỗ ta thọ nhận tất cả học xứ của các Bồ-tát, thọ nhận tất cả tịnh giới của các Bồ-tát. Nghĩa là Giới luật nghi, Giới thân tóm pháp thiện, Giới tạo lợi ích cho hữu tình. Học xứ như vậy, tịnh giới như vậy, tất cả Bồ-tát quá khứ đã có đủ, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ có đủ, tất cả Bồ-tát hiện tại khắp trong mười phương hiện có đủ. Đối với học xứ ấy, tịnh giới ấy, tất cả Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ-tát hiện tại đang học, ông có thể thọ nhận chăng?

Thưa: Có thể thọ nhận.

Bồ-tát có thể trao truyền, lần thứ hai thứ ba cũng nói như thế. Bồ-tát có thể trao truyền hỏi như vậy cho đến lần thứ ba trao truyền tịnh giới xong. Bồ-tát có thể thọ nhận thưa đáp như vậy, cho đến lần thứ ba thọ nhận tịnh giới xong. Bồ-tát có thể thọ nhận không rời khỏi chỗ ngồi. Bồ-tát có thể trao truyền ở trước tượng Phật, đối với khắp

chư Phật và chư Bồ-tát hiện tại trong mười phương, cung kính cúng dường đánh lễ nơi hai chân, tác bạch như vậy:

Con là Bồ-tát tên..... nay đã có Bồ-tát ở trụ xứ của con tên..... cho đến nói ba lần thọ giới Bồ-tát. Con là Bồ-tát tên..... đã vì Bồ-tát tên..... tác chứng. Kính nguyện chư Phật, Bồ-tát trong vô biên vô tế các thế giới khắp mười phương, là bậc chân Thánh đệ nhất, nơi hết thảy thời xứ hiện, không hiện, nơi tất cả hữu tình đều hiện bậc Giác ngộ, đối với Bồ-tát tên là..... thọ giới, cũng là tác chứng. Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Như thế là yết ma thọ giới xong xuôi. Từ đây, không gián đoạn đối khắp trước chư Bồ-tát đã nhập đại địa, chư Phật hiện trụ trong vô biên vô tế các thế giới nơi mười phương, theo pháp như thế, cùng hiện. Do sự biểu thị này, nên Bồ-tát đã thọ tịnh giới được thọ nhận của Bồ-tát. Bây giờ, chư Phật, Bồ-tát trong mười phương, đối với Bồ-tát này, theo tướng của pháp như vậy, sinh khởi nhớ nghĩ. Do nhớ nghĩ nên trí kiến chân chánh chuyển khởi. Do trí kiến chân chánh nhận biết đúng như thật, trong thế giới tên..., có Bồ-tát tên, nơi trú xứ của Bồ-tát tên, chính thức thọ nhận tịnh giới được thọ nhận của Bồ-tát.

Hết thảy Bồ-tát đối với việc thọ giới này, như con như em sinh ý thân thiện, lưu luyến nhớ nghĩ thương xót. Do Phật, Bồ-tát thân niệm thương xót khiến Bồ-tát này mong cầu pháp thiện lại càng tăng trưởng không có thối giảm. Nên biết đó gọi là Thọ giới Bồ-tát tác bạch thỉnh chứng.

Như vậy là đã nêu các sự việc yết ma thọ giới Bồ-tát. Bồ-tát trao truyền thọ nhận cùng khởi cúng dường, vì khắp chư Phật, Bồ-tát trong vô biên vô tế các thế giới nơi mười phương, đánh lễ hai chân, cung kính lui ra. Như thế là Bồ-tát đã thọ giới luật nghi, đối với tất cả chỗ thọ giới luật nghi còn lại, là tối thắng, vô thượng, là chỗ gắn liền của vô lượng vô biên tạng công đức lớn, là nơi chốn phát khởi của ý

lạc tâm thiện tối thượng bậc nhất, có thể đối trị khắp hết thảy chủng loại hành ác của tất cả hữu tình. Hết thảy luật nghi biệt giải thoát, đối với giới luật nghi của Bồ-tát này, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, số phần, kể phần, toán phần, dụ phần, cho đến Ô ba ni sát đàm phần cũng không bằng một, vì đã thâm nhận hết thảy công đức lớn.

Lại, Bồ-tát này an trụ nơi tịnh giới của Bồ-tát như vậy, trước hết tự mình thường xuyên tư duy rõ, kỹ: Đây là chỗ chính đáng nên làm của Bồ-tát. Đây không phải là chỗ chính đáng nên làm của Bồ-tát. Đã tư duy rồi, sau đây là thành chỗ tạo nghiệp đúng đắn, nên siêng năng tu học. Lại nên chuyên tâm gắng sức lắng nghe lãnh hội tạng Kinh của Bồ-tát cùng sự giải thích, tức Bồ-tát này đối với tạng Tố-đất-lãm, Ma-đát-ly-ca, theo chỗ đã lãnh hội nên siêng năng tu học.

Lại, các Bồ-tát không từ nơi tất cả, chỉ từ nơi bậc thông tuệ cầu thọ tịnh giới được thọ nhận của Bồ-tát. Người không tịnh tín thì không theo thọ nhận. Nghĩa là đối với việc thọ nhận tịnh giới như thế, đầu tiên không tin hiểu thì không thể hưởng nhập, không khéo tư duy.

Người có tham lam keo kiệt, bị tham lam keo kiệt ngăn che, kẻ có tham dục lớn, người không biết đủ thì không nên theo họ để thọ nhận.

Kẻ hủy phạm tịnh giới, người đối với các học xứ không cung kính, người đối với luật nghi giới có chậm trễ, thì không nên theo họ để thọ nhận.

Người nhiều phần hận, kẻ không biết nhẫn nhục, kẻ đối với sự vi phạm của người khác không thể chịu đựng, thì không nên theo họ để thọ nhận. Kẻ có trễ lười, kẻ nhiều biếng nhác, kẻ phần nhiều tham đắm, ngày đêm ham ngủ nghỉ, sa đà với các thú vui, ưa thích nhóm họp bạn bè đàm luận v.v..., không nên theo họ để thọ nhận.

Người tâm tán loạn, kẻ khó có thể tạo tâm thiện dù chỉ trong chốc lát trụ nơi một duyên để tu tập, không nên theo họ để thọ nhận.

Kẻ tối tăm, kẻ thuộc loại ngu si, kẻ tâm rất thấp kém, người phỉ báng tạng Kinh, tạng Luận của Bồ-tát v.v... thì không nên theo họ để thọ nhận.

Lại, các Bồ-tát đối với việc thọ nhận pháp luật nghi của giới Bồ-tát, tuy đã thọ trì đầy đủ, rất ráo, nhưng đối kẻ hủy báng tạng Bồ-tát, các hữu tình không tin thì trọn không đột nhiên vì họ mở bày chỉ rõ về giáo pháp. Vì sao? Vì những kẻ ấy nghe rồi không thể tin hiểu, do bị sự ngăn che của chướng ngại lớn là không hiểu biết, nên sinh phỉ báng. Do phỉ báng, nên như Bồ-tát trụ nơi luật nghi tịnh giới thành tựu vô lượng tạng công đức lớn, thì kẻ phỉ báng kia cũng bị gắn chặt với vô lượng tạng nghiệp tội lớn. Cho đến tất cả những lời nói xấu ác, kiến giải xấu ác, tư duy xấu ác, chưa vĩnh viễn dứt bỏ thì trọn không lìa khỏi nghiệp tội lớn kia.

Lại, các Bồ-tát lúc muốn trao truyền giới Bồ-tát cho Bồ-tát, trước hết nên vì họ nêu giảng về học xứ của Bồ-tát, Ma-đát-lý-ca nơi pháp tạng của Bồ-tát cùng tướng của xứ hủy phạm, khiến các Bồ-tát kia lắng nghe, thọ nhận. Dùng tuệ quan sát từ chỗ ý lạc có thể xét chọn, thọ nhận giới Bồ-tát, không phải chỉ do kẻ khác khuyến khích, không phải bị “tha thắng”. Nên biết đó gọi là Bồ-tát kiên cố, có thể thọ nhận luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, nên đem giáo pháp được thọ, như chỗ ứng hợp chính thức trao truyền.

Như vậy là Bồ-tát trụ nơi luật nghi giới, có bốn thứ pháp xứ “tha thắng”. Những gì là bốn?

Tức, nếu các Bồ-tát vì dục tham nên cầu lợi dưỡng, cung kính, tự tán mình, chê bai kẻ khác. Đó gọi là pháp xứ tha thắng thứ nhất.

Hoặc các Bồ-tát hiện có của cải, vật dụng, nhưng tánh bản sèn đối với của cải ấy. Những kẻ nghèo khổ không nơi nương dựa nhờ

cậy, đang mong cầu của cải, tìm đến cầu xin, nhưng Bồ-tát không khởi tâm thương xót mà tu tuệ xả. Những người chính thức cầu pháp, tìm tới cầu xin, nhưng tánh keo kiệt về pháp, nên tuy hiện có pháp mà không cấp thí. Đó gọi là pháp xứ tha thắng thứ hai.

Hoặc các Bồ-tát nuôi lớn chủng loại phần triển như thế, do nhân duyên ấy nên không chỉ nói lời thô ác vừa dứt. Do phần hận ngăn che nên lại dùng tay chân, đất đá, đao gậy đánh đập, tổn hại các hữu tình. Tâm mang ý lạc giận dữ mãnh liệt. Có chỗ vi phạm, kẻ khác đến can ngăn thì từ chối không nhận, không chịu, không bỏ kết oán. Đó gọi là pháp xứ tha thắng thứ ba.

Hoặc các Bồ-tát hủy báng Tạng pháp Bồ-tát, lại ưa thích nêu giảng, mở bày chỉ rõ, kiến lập hình tượng giống với chánh pháp. Đối với các hình tượng giống với chánh pháp, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc tùy chuyên theo kẻ khác. Đó gọi là pháp xứ tha thắng thứ tư.

Như thế gọi là bốn thứ pháp xứ tha thắng của Bồ-tát.

Bồ-tát đối với bốn pháp xứ tha thắng, theo đầy phạm một thứ, huống chi là phạm tất cả, thì không còn có thể ở trong hiện pháp, thâm nhận làm tăng trưởng tư lương Bồ-đề rộng lớn của Bồ-tát, không còn có thể ở trong hiện pháp đạt ý lạc thanh tịnh. Đây tức gọi là Bồ-tát tương tợ, không phải là Bồ-tát chân thật.

Nếu Bồ-tát dùng triền phẩm hạ, trung hủy phạm bốn thứ pháp xứ tha thắng, thì không bỏ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát. Nếu là triền phẩm thượng hủy phạm, tức gọi là bỏ luật nghi tịnh giới.

Hoặc các Bồ-tát hủy phạm bốn thứ pháp xứ tha thắng, thường xuyên hiện hành đều không hổ thẹn, sinh khởi ưa thích sâu xa, thấy là công đức, nên biết đó gọi là sự hủy phạm của triền phẩm thượng. Không phải là Bồ-tát vừa hiện hành một pháp xứ tha thắng tức liền xả bỏ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, như các Bí-sô phạm pháp tha thắng tức là dứt bỏ giới biệt giải thoát.

Nếu các Bồ-tát do sự hủy phạm ấy nên dứt bỏ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, thì ở trong hiện pháp có thể thọ nhận trở lại, không phải là không thể thọ nhận. Như Bí-sô trụ nơi giới biệt giải thoát, phạm pháp tha thắng, thì ở trong hiện pháp không thể thọ nhận trở lại.

Lược do hai duyên nên xả bỏ luật nghi tịnh giới của các Bồ-tát:

(1) Từ bỏ đại nguyện đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng.

(2) Hiện hành triền phẩm thượng hủy phạm pháp xứ tha thắng.

Nếu các Bồ-tát tuy lại chuyển thân khắp các cõi trong mười phương, tại mỗi mỗi xứ sinh, không bỏ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, do Bồ-tát này không bỏ đại nguyện đối với đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cũng không hiện hành triền phẩm thượng hủy phạm pháp xứ tha thắng.

Nếu các Bồ-tát chuyển thọ đời khác, quên mất bản niệm, nhưng được gặp bạn lành, vì nhằm giác ngộ khiến nhớ nghĩ về giới Bồ-tát, tuy luôn thọ lần nữa, nhưng không phải là mới thọ, cũng không phải mới đạt được.

HẾT - QUYỂN 40

MỤC LỤC

SỐ 1575/1: LUẬN LỤC THẬP TỤNG NHƯ LÝ.....	5
SỐ 1576/1: LUẬN ĐẠI THỪA NHỊ THẬP TỤNG.....	15
SỐ 1577/2; LUẬN ĐẠI TRƯỢNG PHU	19
Quyển Thượng.....	19
Phẩm Thứ 1: Thí Thắng	19
Phẩm Thứ 2: Thí Thắng Vị	23
Phẩm Thứ 3: Thễ Thí Chủ	24
Phẩm Thứ 4: Thí Chủ, Người Xin Tăng Trưởng	26
Phẩm Thứ 5: Giải Thoát Thù Thắng	32
Phẩm Thứ 6: Thí Chủ Tăng Trưởng.....	33
Phẩm Thứ 7: Cung Kính Người Cầu Xin	34
Phẩm Thứ 8: Thí Cho Kê Bôn Sên	35
Phẩm Thứ 9: Tài Vật Thí	37
Phẩm Thứ 10: Xả Nhất Thiết.....	39
Phẩm Thứ 11: Xả Âm Thọ Âm.....	42
Phẩm Thứ 12: Xả Thân Mạng.....	43
Phẩm Thứ 13: Hiện Bi	43
Phẩm Thứ 14: Pháp Thí	44
Quyển Hạ.....	47
Phẩm Thứ 15: Phát Tâm Bồ Đề.....	47
Phẩm Thứ 16: Công Đức Thù Thắng.....	49
Phẩm Thứ 17: Giải Thoát Thù Thắng.....	50
Phẩm Thứ 18: Tạo Lợi Ích Cho Người Khác	52
Phẩm Thứ 19: Thí Thù Thắng Đối Với Khổ Của Kẻ Khác	54
Phẩm Thứ 20: Ái Bi.....	56
Phẩm Thứ 21: Hàng Trượng Phu Giác Ngộ.....	58
Phẩm Thứ 22: Đại Trượng Phu.....	59
Phẩm Thứ 23: Nói Về Bi	59
Phẩm Thứ 24: Thí Bi Tĩnh.....	60
Phẩm Thứ 25: Ái Bi Thắng.....	61
Phẩm Thứ 26: Trí Bi Giải Thoát.....	62
Phẩm Thứ 27: Phát Nguyện.....	63

Phẩm Thứ 28: Cùng Đồng Phát Nguyên	66
Phẩm Thứ 29: Phát Nguyên Thủ Thắng	69
SỐ 1578/2: LUẬN ĐẠI THỪA CHUỖNG TRẦN	72
Quyển Thượng	72
Quyển Hạ	94
SỐ 1579/100: LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA	115
Phân Bản Địa	115
Quyển 1	115
Địa Thứ 1: Địa Năm Thức Thân Tương Ứng	116
Địa Thứ 2: Địa Ý, Phần 1 (Phần Bản Địa)	123
Quyển 2	137
Địa Thứ 2: Địa Ý, Phần 2 (Phần Bản Địa)	137
Quyển 3	162
Địa Thứ 2: Địa Ý, Phần 3 (Phần Bản Địa)	162
Quyển 4	186
Địa Thứ 3, 4, 5: Địa Có Tâm Có Tứ, Phần 1 (Phần Bản Địa)	186
Quyển 5	208
Địa Thứ 3, 4, 5: Địa Có Tâm Có Tứ, Phần 2 (Phần Bản Địa)	208
Quyển 6	230
Địa Thứ 3, 4, 5: Địa Có Tâm Có Tứ, Phần 3 (Phần Bản Địa)	230
Quyển 7	251
Địa Thứ 3, 4, 5: Địa Có Tâm Có Tứ, Phần 4 (Phần Bản Địa)	251
Quyển 8	269
Địa Thứ 3, 4, 5: Địa Có Tâm Có Tứ, Phần 5 (Phần Bản Địa)	269
Quyển 9	294
Địa Thứ 3, 4, 5: Địa Có Tâm Có Tứ, Phần 6 (Phần Bản Địa)	294
Quyển 10	321
Địa Thứ 3, 4, 5: Địa Có Tâm Có Tứ, Phần 7 (Phần Bản Địa)	321
Quyển 11	347
Địa Thứ 6: Địa Tam Ma Hý Đa, Phần 1 (Phần Bản Địa)	347
Quyển 12	377
Địa Thứ 6: Địa Tam Ma Hý Đa, Phần 2 (Phần Bản Địa)	377
Quyển 13	403
Địa Thứ 6: Địa Tam Ma Hý Đa, Phần 3 (Phần Bản Địa)	403
Địa Thứ 7: Địa Phi Tam Ma Hý Đa (Phần Bản Địa)	417
Địa Thứ 8, 9: Địa Có Tâm – Không Tâm (Phần Bản Địa)	418
Địa Thứ 10: Địa Do Văn Tạo Thành, Phần 1 (Phần Bản Địa)	420
Quyển 14	435
Địa Thứ 10: Địa Do Văn Tạo Thành, Phần 2 (Phần Bản Địa)	435
Quyển 15	473
Địa Thứ 10: Địa Do Văn Tạo Thành, Phần 3 (Phần Bản Địa)	473

Quyển 16.....	506
Địa Thứ 11: Địa Do Tư Tạo Thành, Phần 1 (Phần Bản Địa).....	506
Quyển 17.....	544
Địa Thứ 11: Địa Do Tư Tạo Thành, Phần 2 (Phần Bản Địa).....	544
Quyển 18.....	571
Địa Thứ 11: Địa Do Tư Tạo Thành, Phần 3 (Phần Bản Địa).....	571
Quyển 19.....	602
Địa Thứ 11: Địa Do Tư Tạo Thành, Phần 4 (Phần Bản Địa).....	602
Quyển 20.....	633
Địa Thứ 12: Địa Do Tư Tạo Thành (Phần Bản Địa).....	633
Quyển 21:	668
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	668
Xứ Du Già Thứ Nhất, Phần 1: Địa Chủng Tánh	668
Xứ Du Già Thứ Nhất, Phần 2: Địa Hướng Nhập	684
Quyển 22.....	694
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	694
Xứ Du Già Thứ Nhất, Phần Ba: Địa Xuất Ly (1).....	694
Quyển 23.....	712
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	712
Xứ Du Già Thứ Nhất, Phần Ba: Địa Xuất Ly (2).....	712
Quyển 24.....	731
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	731
Xứ Du Già Thứ Nhất, Phần Ba: Địa Xuất Ly (3).....	731
Quyển 25.....	753
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	753
Xứ Du Già Thứ Nhất, Phần Ba: Địa Xuất Ly (4).....	753
Quyển 26.....	778
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	778
Xứ Du Già Thứ Hai: Đoạn 1	778
Quyển 27.....	805
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	805
Xứ Du Già Thứ Hai: Đoạn 2	805
Quyển 28.....	832
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	832
Xứ Du Già Thứ Hai: Đoạn 3	832
Quyển 29.....	862
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	862
Xứ Du Già Thứ Hai: Đoạn 4	862
Quyển 30.....	890
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	890
Xứ Du Già Thứ Ba: Đoạn 1	890

Quyển 31.....	912
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	912
Xứ Du Già Thứ Ba: Đoạn 2	912
Quyển 32.....	935
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	935
Xứ Du Già Thứ Ba: Đoạn 3	935
Quyển 33.....	957
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	957
Xứ Du Già Thứ Tư: Đoạn 1	957
Quyển 34.....	980
Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn (Phần Bản Địa).....	980
Xứ Du Già Thứ Tư: Đoạn 2	980
Địa Thứ 14: Địa Độc Giác (Phần Bản Địa)	1009
Quyển 35.....	1013
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1013
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 1: Chung Tánh.....	1013
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1022
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 2: Phát Tâm	1022
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1032
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 3, Phần 1: Tự Tha Lợi	1032
Quyển 36.....	1040
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1040
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 3, Phần 2: Tự Tha Lợi	1040
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1049
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 4: Nghĩa Chân Thật	1049
Quyển 37.....	1069
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1069
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 5: Uy Lực	1069
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1091
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 6: Thành Thục	1091
Quyển 38.....	1102
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1102
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 7: Bồ Đề	1102
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1109
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 8: Lực Chung Tánh	1109
Quyển 39.....	1131
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1131
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 9: Thí	1131
Quyển 40.....	1155
Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát (Phần Bản Địa).....	1155
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 10, Phần 1: Giới	1155